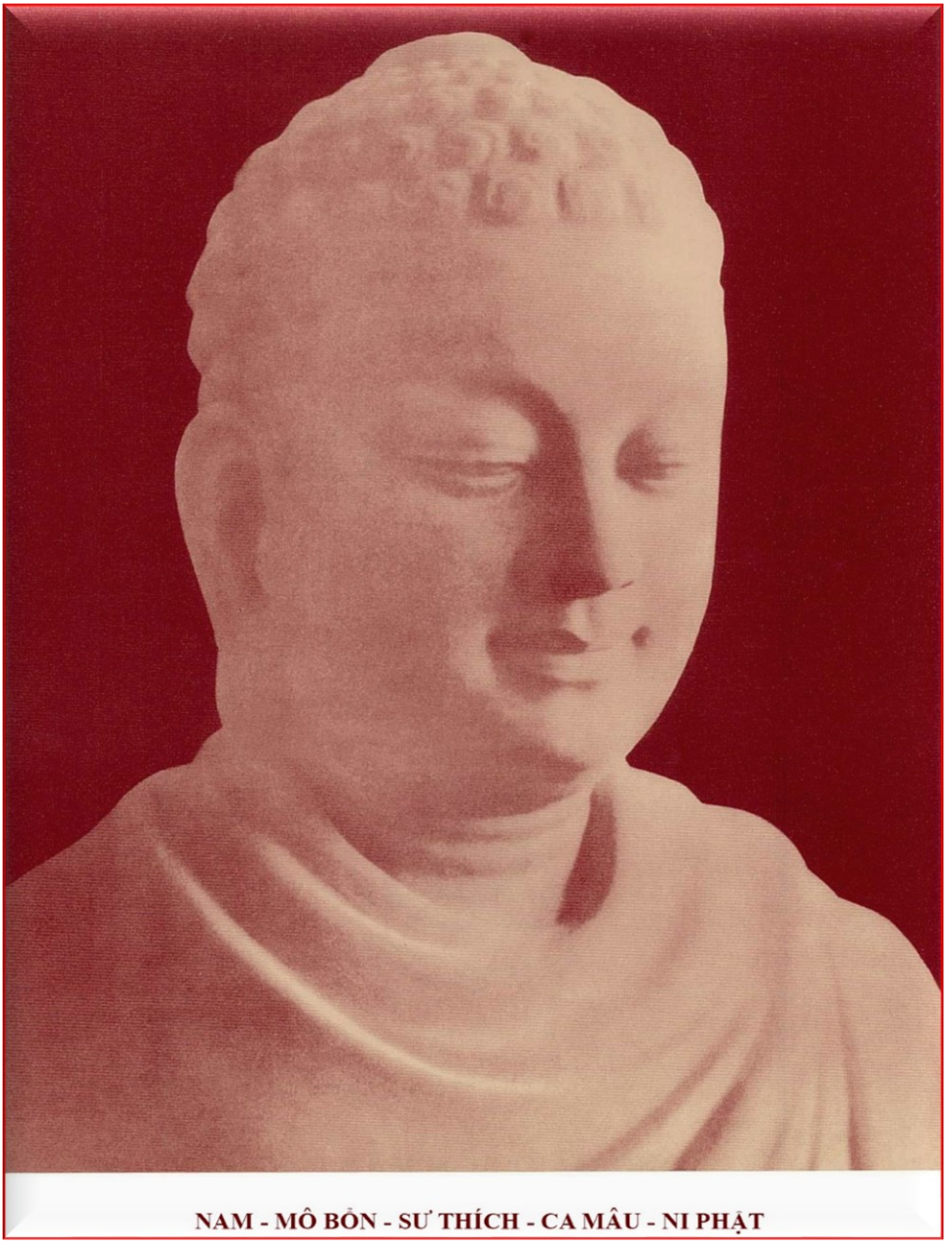

BỘ LUẬT 6 – T076

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 76

BỘ LUẬT

VI

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 76

BỘ LUẬT
VI

SỐ 1435 → 1441

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- <u>Viết hoa toàn bộ</u>:

1. Tên người: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...

2. Tên nước: Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...

3. Tôn xưng danh hiệu Phật: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...

4. Tác phẩm, kinh sách: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- <u>Viết hoa chữ đầu</u>:

1. Địa danh: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...

2. Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...

3. Phẩm bậc, quả vị tôn kính: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...

4. Chủng loại: chư Thiên

5. Phương hướng: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- <u>Viết hoa chữ đầu + gạch nối</u>: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. Nhân danh: Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...

2. Địa danh: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...

3. Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh: A-lại-da, Tam-phật-đà, Ba-la-đề-mục-xoa...

4. Phẩm bậc, quả vị: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...

5. Chủng loại: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- <u>Gạch nối</u>: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

<u>ví dụ</u>: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- <u>Số:</u>

1. Viết thành chữ: (những số quá lớn nên chú thích thêm số) <u>ví dụ</u>: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...

2. Viết thành số: số hiệu kinh, số trang dẫn
<u>ví dụ</u>: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- <u>Đặc biệt:</u>

Âm "y" và "i": dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.

ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...

梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).

慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

MỤC LỤC
BỘ LUẬT 6 - T076

SỐ 1435 3
LUẬT THẬP TỤNG 3
QUYỂN 41 TẠP TỤNG (Tiếp Theo) 3
4. Pháp Tạp Liên Quan Tới Tỳ Kheo Ni (Tiếp Theo): 3
QUYỂN 42 35
TỤNG THỨ 7 LUẬT NI 35
I. TÁM PHÁP BA LA DI: (BỐN PHÁP BẤT CỘNG) 35
II. MƯỜI BẢY PHÁP TĂNG TÀN (Mười Pháp Bất Cọng) 57
QUYỂN 43 72
LUẬT NI (Tiếp Theo) 72
II - MƯỜI BẢY PHÁP TĂNG TÀN (Tiếp Theo) 72
III. BA MƯƠI PHÁP XẢ ĐỌA (Những pháp bất cọng) 90
QUYỂN 44 104
LUẬT NI (Tiếp Theo) 104
III. BA MƯƠI PHÁP XẢ ĐỌA (Tiếp Theo) 104
IV. MỘT TRĂM BẢY MƯƠI TÁM PHÁP BA DẬT ĐỀ (Những Pháp Bất Cọng) 108
QUYỂN 45 139
LUẬT NI (Tiếp Theo) 139
IV. MỘT TRĂM BẢY MƯƠI TÁM PHÁP BA DẬT ĐỀ (Tiếp Theo) 139
QUYỂN 46 174
LUẬT NI (Tiếp Theo) 174
IV. MỘT TRĂM BẢY MƯƠI TÁM PHÁP BA DẬT ĐỀ (Tiếp Theo) 174
QUYỂN 47 221
LUẬT NI (Tiếp Theo) 221
IV. MỘT TRĂM BẢY MƯƠI TÁM PHÁP BA DẬT ĐỀ (Tiếp theo) 221
V. TÁM PHÁP BA LA ĐỀ ĐỀ XÁ NI 247
VI. BÁT KỈNH PHÁP 249
QUYỂN 48 252
TỤNG THỨ 8 PHÁP TĂNG NHẤT 252
QUYỂN 49 296
TỲ NI TĂNG NHẤT 296
QUYỂN 50 330
PHÁP TĂNG NHẤT 330
THÊM MƯỜI PHÁP TĂNG NHẤT 365

QUYỂN 51 374
THÊM MƯỜI PHÁP TĂNG NHẤT (Tiếp Theo) 374
TƯỚNG TĂNG NHẤT 388
QUYỂN 52 416
TỤNG THỨ CHÍN ƯU BA LY VẤN PHÁP 416
QUYỂN 53 456
ƯU BA LY VẤN PHÁP (Tiếp Theo) 456
QUYỂN 54 516
ƯU BA LY VẤN PHÁP (Tiếp Theo) 516
QUYỂN 55 552
ƯU BA LY VẤN PHÁP (Tiếp Theo) 552
QUYỂN 56 589
TỤNG THỨ MƯỜI TỲ KHEO TỤNG 589
QUYỂN 57 633
TỲ KHEO TỤNG (Tiếp Theo) 633
TỲ NI TỤNG 662
PHÁP BA LA DI 662
QUYỂN 58 679
TỲ NI TỤNG (Tiếp Theo) 679
QUYỂN 59 731
TỲ NI TỤNG (Tiếp Theo) 731
QUYỂN 60 769
THIỆN TỤNG TỲ NI PHẨM PHÁP 769
QUYỂN 61 804
THIỆN TỤNG TỲ NI 804
PHẨM PHÁP (Tiếp Theo) 804
PHẨM TẠP TRONG TỲ NI 821
PHẨM NHÂN DUYÊN 847
SỐ 1436 892
THẬP TỤNG TỲ KHEO BA LA ĐỀ MỘC XOA GIỚI BỔN 892
TỲ KHEO GIỚI BỔN 892
SỐ 1437 937
THẬP TỤNG TỲ KHEO NI BA LA ĐỀ MỘC XOA GIỚI BỔN 937
TỲ KHEO NI GIỚI BỔN 937
SỐ 1438 990
ĐẠI SA MÔN BÁCH NHẤT YẾT MA PHÁP 990
SỐ 1439 1028
THẬP TỤNG YẾT MA TỲ KHEO 1028

YẾU DỤNG 1028
SỐ 1440 1076
TÁT BÀ ĐA TỲ NI TỲ BÀ SA 1076
QUYỂN 1 1076
QUYỂN 2 1113
TỤNG THỨ NHẤT 1127
QUYỂN 3 1154
QUYỂN 4 1198
QUYỂN 5 1237
TỤNG THỨ HAI 1246
QUYỂN 6 1276
QUYỂN 7 1313
QUYỂN 8 1349
QUYỂN 9 1383
SỐ 1441 1419
TÁT BÀ ĐA BỘ TỲ NI MA ĐẮC LẶC GIÀ 1419
QUYỂN 1 1419
CÁC VIỆC VỀ TỲ NI 1419
QUYỂN 2 1456
QUYỂN 3 1492
QUYỂN 4 1529
QUYỂN 5 1560
QUYỂN 6 1594
QUYỂN 7 1632
QUYỂN 8 1669
QUYỂN 9 1700
QUYỂN 10 1722

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 76

LUẬT THẬP TỤNG

SỐ 1435

(QUYỂN 41→ 61)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1435
LUẬT THẬP TỤNG
QUYỂN 41 TẠP TỤNG (Tiếp Theo)

4. Pháp Tạp Liên Quan Tới Tỳ Kheo Ni (Tiếp Theo):

b. Hai Mươi Pháp Tạp Kế:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có Tỳ-kheo không mất nam can lại hiện thêm nữ căn, các Tỳ-kheo không biết làm sao, đem việc này bạch Phật, Phật bảo nên diệt tẫn. Lại có trường hợp Tỳ-kheo-ni không mất nữ căn lại hiện thêm nam căn, Phật bảo cũng nên diệt tẫn.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ở nước Ca thi có một người con gái của một Bà-la-môn, nhan sắc tuyệt trần, được mệnh danh là Bán-ca-thi (đáng giá nữa nước Ca thi). Cô được gả cho một Bà-la-môn, không bao lâu sau người chồng qua đời, lúc đó có nhiều người bao gồm đại thần, quan viên, cư sĩ, thương chủ đến cầu hôn nhưng cô lại muốn xuất gia làm Tỳ-kheo-ni, không thích đời sống thế tục. Khi cô đến trong Vương viên cầu xuất gia, những người xấu nghe tin này liền nói với nhau: "Chúng

ta sẽ đón đường bắt cóc cô gái này, nhưng các Tỳ-kheo-ni được vua bảo hộ, nếu ai cưỡng đoạt sẽ phạm tội nặng, chi bằng đợi lúc cô ấy đi thọ giới chúng ta đón đường bắt cóc", các Tỳ-kheo-ni nghe được tin này, không biết làm sao, đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Cho Bán-ca-thi được sai sứ đến thọ giới cụ túc, nếu có người nào đoan chánh như thế cũng cho sai sứ đến thọ giới cụ túc". Pháp sứ giả thọ giới như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, sứ giả từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Tăng:

Đại đức tăng nhớ nghĩ, ni Bán-ca-thi tên ____, Hòa thượng ni____, ni Bán-ca-thi nhờ con đến trong Tăng cầu thọ giới cụ túc, xin Tăng thương xót tế độ cho ni Bán-ca-thi được thọ giới cụ túc, Hòa thượng ni ____, (3 lần) một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, ni Bán-ca-thi tên ____, Hòa thượng ni ____, ni Bán-ca-thi nay nhờ sứ giả đến trong Tăng cầu thọ giới cụ túc, Hòa thượng ni ____. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, tôi nay ở trong Tăng hỏi sứ giả của ni Bán-ca-thi về sáu pháp. Bạch như vậy. Này sứ giả của ni Bán-ca-thi lắng nghe, nay chính là lúc nói thật, tôi ở trong Tăng hỏi cô về sáu pháp, nếu thật thì cô nói thật, nếu không thật thì nói không thật. Này sứ giả, từ trước đến nay ni Bán-ca-thi có thanh tịnh không, đã đủ hai năm học sáu pháp chưa, Tỳ-kheo-

ni tăng đã tác yết ma bổn pháp chưa, Tỳ-kheo-ni Tăng nhất tâm hòa hợp tác pháp cho yết ma thuộc Hòa thượng ni chưa, ni Bán-ca-thi có đủ năm y và bát chưa, ni Bán-ca-thi tên gì, Hòa thượng ni hiệu là gì?

Đại đức tăng lắng nghe, ni Bán-ca-thi tên ____ , Hòa thượng ni ____ , ni Bán-ca-thi này nhờ sứ giả đến trong Tăng cầu thọ giới cụ túc, Hòa thượng ni ____. Sứ giả đã nói rằng ni Bán-ca-thi này từ trước đến nay thanh tịnh, đã đủ hai năm học sáu pháp, Tỳ-kheo-ni tăng đã tác bổn pháp yết ma xong rồi, Tỳ-kheo-ni Tăng nhất tâm hòa hợp tác pháp cho yết ma thuộc Hòa thượng ni, ni Bán-ca-thi đã đủ năm y và bát, ni Bán-ca-thi tên là ____, Hòa thượng ni hiệu là ____. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho ni Bán-ca-thi được thọ giới cụ túc, Hòa thượng ni hiệu . Bạch như vậy.

Đại đức tăng lắng nghe, ni Bán-ca-thi tên ____, Hòa thượng ni ____, ni Bán-ca-thi nhờ sứ giả đến trong Tăng cầu thọ giới cụ túc, Hòa thượng ni . Sứ giả đã nói rằng ni Bán-ca-thi này từ trước đến nay thanh tịnh, đã đủ hai năm học sáu pháp, Tỳ-kheo-ni tăng đã tác bổn pháp yết ma rồi, Tỳ-kheo-ni Tăng nhất tâm hòa hợp tác pháp cho yết ma thuộc Hòa thượng ni, ni Bán-ca-thi đã đủ năm y và bát, ni Bán-ca-thi tên là ____, Hòa thượng ni hiệu là ____. Các trưởng lão nào chấp thuận cho ni Bán-

ca-thi được thọ giới cụ túc thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất.

Như thế bạch tứ yết ma cho đến câu Tăng đã chấp thuận cho ni Bán-ca-thi được thọ giới cụ túc, Hòa thượng ni _____ xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có một Tỳ-kheo-ni làm việc có lỗi với trưởng lão Ca-lưu-đà-di, Ca-lưu-đà-di ngăn không cho ni này vào chùa, các Tỳ-kheo-ni nói với ni này: "Sao cô không đến sám hối trưởng lão Ca-lưu-đà-di?", đáp: "Thầy ấy ngăn không cho tôi vào chùa thì làm sao sám hối được". Các Tỳ-kheo-ni đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Tỳ-kheo không nên ngăn Tỳ-kheo-ni vào chùa, chỉ ngăn không cho vào phòng của mình mà thôi".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo-ni phạm lỗi với Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo không vui đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Nếu Tỳ-kheo-ni phạm lỗi với Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo nên ngăn Tỳ-kheo-ni thuyết giới, tự tứ và thọ pháp giáo giới". Lúc đó Tỳ-kheo này ngăn Tỳ-kheo-ni thuyết giới…, còn các Tỳ-kheo khác lại cho thuyết giới… nên xảy ra tranh cải, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Tỳ-kheo nào ngăn thì Tỳ-kheo đó cho phép lại, các Tỳ-kheo khác không được cho phép".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo phạm

lỗi với Tỳ-kheo-ni, các Tỳ-kheo-ni không vui nghĩ rằng: "Tỳ-kheo-ni phạm lỗi thì Tỳ-kheo ngăn không cho thuyết giới…; còn Tỳ-kheo phạm lỗi với Tỳ-kheo-ni thì như thế nào đây", nghĩ rồi đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Tỳ-kheo nên đến chỗ Tỳ-kheo-ni sám hối". Khi Tỳ-kheo đến chỗ Tỳ-kheo-ni sám hối thì Tỳ-kheo-ni không thọ, Phật bảo: "Tỳ-kheo đến sám hối thì Tỳ-kheo-ni nên thọ".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có một Tỳ-kheo-ni phạm lỗi với trưởng lão Ca-lưu-đà-di, Ca-lưu-đà-di ngăn không cho thọ pháp giáo giới rồi xuất giới đi. Các Tỳ-kheo-ni bảo ni này đến sám hối, ni này đáp: "Thầy ấy ngăn không cho tôi thọ pháp giáo giới rồi xuất giới đi, làm sao tôi đến sám hối được", các Tỳ-kheo-ni đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay Tỳ-kheo nào ngăn Tỳ-kheo-ni thì không được xuất giới đi, nếu xuất giới đi thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Tỳ-kheo-ni trong Vương viên có thợ cạo tóc đến cạo tóc liền dụ gạt một Thức-xoa-ma-na khiến cho thối tâm xuất gia, như thế đến hai, ba người khiến cho số ni giảm bớt. Các Tỳ-kheo-ni đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Khi thợ đang cạo tóc cho ni, ni tăng nên cử một thiện Tỳ-kheo-ni đứng một bên xem xét".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó một Tỳ-kheo-ni trợ giúp Đề-bà-đạt-đa thuê phòng ở, sau vì trả

tiền thuê phòng nên khổ não, các cư sĩ trách: "Cô là người xuất gia sao lại thuê phòng ở", các Tỳ-kheo-ni đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay Tỳ-kheo-ni không được thuê phòng ở, nếu thuê phòng thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Đề-bà-đạt-đa dùng các vật dụng kỳ cọ thân để kỳ cọ, các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích nữ tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại dùng các vật dùng kỳ cọ thân để kỳ cọ, giống như phu nhân của vua, vợ của đại thần", Phật bảo: "Từ nay Tỳ-kheo-ni không được dùng vật dụng kỳ cọ thân để tự kỳ cọ, nếu dùng thì phạm Đột-kiết-la". Sau đó Tỳ-kheo-ni lại dùng ngói đá, nắm tay để tự kỳ cọ thân, Phật bảo: "Không được dùng ngói đá, nắm tay để tự kỳ cọ thân, nếu làm thế thì phạm Đột-kiết-la. Nói tóm lại, Tỳ-kheo-ni không được tất cả vật dụng kỳ cọ thân để kỳ cọ, nếu làm thế thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó hai bộ Tăng tập họp tác pháp Tự tứ nên đuổi Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni ra ngoài. Các vị này bị đuổi ra nói với nhau rằng: "Có biết tại sao chúng ta bị đuổi ra ngoài không, đó là vì tối nay họ tập trung một chỗ, mỗi người tùy theo sở thích cùng hòa hợp", các Tỳ-kheo nghe biết liền đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay Tỳ-kheo-ni không được ban đêm đến cầu tự tứ, Tỳ-kheo-ni nên sáng sớm đến trong Tỳ-

kheo tăng tác pháp tự tứ". Lúc đó do ni tăng quá đông, từng người tự tứ nên kéo dài qua giờ ngọ, Phật bảo: "Từ nay Tỳ-kheo-ni không nên từng người tự tứ, Tỳ-kheo-ni nên cử một người đại diện cho ni tăng đến trong Tăng tự tứ".

Pháp đại diện cho ni tăng đến trong Tăng tự tứ như sau: Ni đại diện từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Tăng: "Tỳ-kheo-ni tăng hòa hợp đảnh lễ Đại đức tăng, thăm hỏi các vị có được ít bịnh, ít não, sở hành có khinh an không?", thăm hỏi rồi bạch Tăng:

Đại đức tăng nhớ nghĩ, Ni tăng đã an cư ba tháng xong, nay đến trong Tăng ba việc tự tứ thấy nghe nghi, xin Đại đức tăng nói ba việc thấy nghe nghi để chúng con được tăng trưởng thiện pháp (3 lần).

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có cư sĩ thỉnh Phật và hai bộ Tăng vào ngày mai thọ thực, Phật im lặng nhận lời, cư sĩ biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Về đến nhà ngay trong đêm đó lo sửa soạn đủ các món ăn ngon, sáng sớm trải tòa rồi sai sứ đến bạch Phật: "Đã đến giờ thọ thực, xin Phật tự biết thời". Phật và hai bộ Tăng đi đến nhà cư sĩ theo thứ lớp ngồi xong, cư sĩ tự tay rót nước rồi dâng thức ăn lên cúng dường, lúc đó có một Tỳ-kheo-ni nói với cư sĩ: "Tỳ-kheo-ni này là đệ nhất Thượng tòa, vị này là đệ nhị Thượng tòa, vị kia là người trì luật, vị kia là người trì luận…",

cư sĩ nói: "Chúng tôi không biết ai là đệ nhất Thượng tòa, ai là đệ nhị Thượng tòa…. Hôm nay có rất nhiều thức ăn, bình đẳng dâng cúng cho tất cả đều được no đủ, cô đừng nói gì cả, nếu cô nói nữa thì tôi để cho cô dọn đưa thức ăn, còn tôi ngồi không". Phật nghe thấy việc này rồi nên sau khi thọ thực xong trở về, vì việc này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi bảo các Tỳ-kheo ni: "Từ nay cho các Tỳ-kheo-ni ngồi theo thứ lớp từ bậc Thượng tòa".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có cư sĩ thỉnh Phật và hai bộ Tăng vào ngày mai thọ thực, Phật im lặng nhận lời, cư sĩ biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Về đến nhà ngay trong đêm đó lo sửa soạn đủ các món ăn ngon, sáng sớm trải tòa rồi sai sứ đến bạch Phật: "Đã đến giờ thọ thực, xin Phật tự biết thời". Phật và hai bộ Tăng đi đến nhà cư sĩ, lúc đó có một Tỳ-kheo-ni hỏi một ni khác được mấy tuổi hạ, ni này đáp: "Hãy đợi một chút để tôi hỏi Hòa thượng ni, A-xà-lê ni và các ni sống chung", nói rồi liền đến hỏi, Hòa thượng ni nói là nghi quên không nhớ rõ, các Tỳ-kheo-ni đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Bậc Thượng tòa nên hỏi để ngồi theo thứ lớp, còn các ni khác không nhớ thì cứ nhường nhau ngồi là được".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có một Tỳ-kheo-ni lên núi đến chỗ A-lan-nhã để thọ giáo giới, giữa đường gặp giặc cướp lột hết quần áo, các Tỳ-kheo-ni đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Các Tỳ-kheo

nên ở trong tụ lạc đợi Tỳ-kheo". Khi các Tỳ-kheo-ni đứng ở tụ lạc đợi thì Tỳ-kheo sau khi vào tụ lạc khất thực rồi lại đi theo đường khác trở về A-lan-nhã ở trên núi, khiến cho các Tỳ-kheo-ni hôm đó suýt bị đoạn thực vì chờ đến sắp qua ngọ. Phật bảo: "Muốn lên núi đến chỗ A-lan-nhã thì nên hai người cùng đi", hai người đi cầu thọ giáo giới lại không biết pháp, Phật bảo nên sai hai người biết pháp đi, khi sai hai người biết pháp, hai ni này lại muốn tất cả tăng hòa hợp mới cầu giáo giới, Phật bảo: "Không cần tất cả tăng hòa hợp, tùy gặp Tỳ-kheo nào thì cầu giáo giới nơi vị ấy". Vào một thời khác khi các Tỳ-kheo-ni đến chỗ Tỳ-kheo cầu giáo giới, có vị muốn giáo giới, có vị không muốn giáo giới; vị không muốn giáo giới liền đứng dậy bỏ đi, các cư sĩ trong Tăng phường thấy liền nói: "Các Tỳ-kheo-ni muốn cùng hành dâm, Tỳ-kheo không muốn nên đứng dậy bỏ đi", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Tỳ-kheo không nên đứng dậy bỏ đi, nếu không muốn giáo giới thì nói là tôi không thể giáo giới cho Tỳ-kheo-ni".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo-ni thọ giáo giới xong trở về thuyết giới, sáng hôm sau đến trong Tăng phường không biết nên báo với ai, Phật bảo: "Từ Tỳ-kheo nào cầu thọ giáo giới thì nên trở lại báo cho người ấy". Khi Tỳ-kheo-ni đến trong Tăng phường hỏi về Tỳ-kheo giáo giới nhưng không biết tên nên việc không thành, Phật bảo:

"Nên hỏi Tỳ-kheo giáo giới tên gì, là Hòa thượng hay Thượng tòa…"

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có một Tỳ-kheo-ni khất thực xong, trên tay cầm bát thức ăn khi đi ngàng nhà người, trên nóc nhà có con rắn độc, phân độc của nó rớt xuống rơi vào trong bát thức ăn, Tỳ-kheo-ni sau khi thọ thực xong trúng độc suýt chết, các Tỳ-kheo-ni bạch Phật, Phật bảo: "Nên làm nắp đậy đậy trên bát thức ăn".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó một Tỳ-kheo trợ giúp Đề-bà-đạt-đa mang vác nặng trên lưng bị chê trách, Phật bảo: "Từ nay Tỳ-kheo-ni không được mang vác nặng trên lưng, nếu làm thế thì phạm Đột-kiết-la". Lại có Tỳ-kheo-ni thuê người làm tràng hoa, khi trả tiền khổ não, các cư sĩ trách: "Cô là người xuất gia sao lại thuê người làm tràng hoa", Phật bảo: "Từ nay Tỳ-kheo-ni không được thuê người làm tràng hoa, nếu làm thế thì phạm Đột-kiết-la". Tỳ-kheo-ni trợ giúp Đề-bà-đạt-đa lại chứa bô đại tiện bằng đồng, mâm đồng, chậu tắm đồng, thìa đồng…, các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích nữ tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại chứa bô đại tiện bằng đồng… giống như phu nhân của vua, vợ của đại thần", Phật bảo: "Từ nay không cho Tỳ-kheo-ni chứa những vật dụng bằng đồng như bô đại tiện, chậu tắm…, nếu chứa thì phạm Đột-kiết-la; không phạm là chứa bình đựng nước, gàu tắm, nắp bằng đồng".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có một Tỳ-kheo-ni làm rượu, các cư sĩ trách: "Cô là người xuất gia sao lại làm rượu", có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc nghe biết liền bạch Phật, Phật do việc này nhòm Tỳ-kheo tăng rồi bảo: "Từ nay Tỳ-kheo-ni không được làm rượu, nếu làm thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có một phụ nữ lấy chồng chưa bao lâu thì chồng chết, người vợ bỏ nhà cửa xuất gia làm Tỳ-kheo-ni, làm Tỳ-kheo-ni rồi lại đem nhà ở trước kia cho người thuê mướn, khi đòi tiền thuê chịu khổ não, các cư sĩ trách: "Cô là người xuất gia sao lại cho thuê nhà", Phật bảo: "Từ nay không cho Tỳ-kheo-ni cho người khác thuê nhà, nếu làm thế thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ni Thâu-la-nan-đà mặc y mới thưa mỏng khiến trong thân lộ ra rồi đi vào trong chợ, nơi chỗ đông người. Các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích nữ tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại mặc y thưa mỏng như phu nhân của vua, vợ của đại thần", Phật bảo: "Từ nay không cho Tỳ-kheo-ni mặc y thưa mỏng, nếu mặc thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Đề-bà-đạt-đa tắm nơi các người nữ tắm (chỗ tắm công cộng), các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích nữ tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại tắm nơi các người nữ tắm như phu nhân của vua, vợ của đại thần", Phật bảo: "Từ nay không cho Tỳ-

kheo-ni tắm nơi các người nữ tắm, nếu tắm thì phạm Đột-kiết-la". Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ni Thâu-la-nan-đà dùng tháo đậu (xà bông) tắm, nước tháo đậu chảy vào nữ căn, các Tỳ-kheo-ni bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay không cho Tỳ-kheo-ni dùng tháo đậu tắm, nếu dùng thì phạm Đột-kiết-la ". Lúc đó ni Thâu-la-nan-đà lại lội ngược dòng nước tắm, các Tỳ-kheo-ni hỏi nguyên do, đáp là vì muốn thọ xúc lạc, các Tỳ-kheo-ni bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay không cho Tỳ-kheo-ni lội ngược dòng nước tắm, nếu làm thế thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Đề-bà-đạt-đa chứa Bát chi tạp sắc trang nghiêm, các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích nữ tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại chứa Bát chi tạp sắc giống như phu nhân của vua, vợ của đại thần", Phật bảo: "Từ nay không cho Tỳ-kheo-ni chứa Bát chi tạp sắc, nếu chứa thì phạm Đột-kiết-la ".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Ni tăng được người bố thí đồ dùng bằng thủy tinh, không chịu nhận vì không biết dùng để làm gì, Phật bảo nên thọ để làm bình đựng nước cho Tăng.

c. Hai Mươi Pháp Tạp Sau:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có Tỳ-kheo trước ngọ đắp y mang bát vào thành khất thực, đến trước một nhà vào cửa ngoài, cửa trong khi trở ra lại đi

vào một cửa phòng khác mà cho là cửa ra. Khi vừa bước vào liền thấy một người nữ đang nằm ngủ, do nằm mộng nên chất bất tịnh chảy ra; Tỳ-kheo thấy rồi hổ thẹn vội trở ra, liền gặp người chồng vừa trở về nhà; người chồng thấy vợ nằm ngửa lộ thân và chảy ra chất bất tịnh liền cho là Tỳ-kheo đã cùng vợ mình làm việc phi phạm hạnh, bèn nắm cổ Tỳ-kheo nói: "Vì sao thầy lại cùng vợ tôi làm hạnh bất tịnh?", Tỳ-kheo nói là không có làm, người chồng lại hỏi vì sao lại vào trong phòng, Tỳ-kheo giải thích: "Tôi cho cửa phòng này là cửa ra nên…", người chồng mắng: "Tại sao vào cửa phòng tôi lại nói cho cửa phòng này là cửa ra nên…", nói rồi liền dùng tay chân đánh đá Tỳ-kheo, nghe tiếng đánh đá này người vợ liền thức giấc, thấy người chồng đang đánh Tỳ-kheo liền hỏi vì sao đánh, người chồng nói: "Vì cô nên tôi mới đánh", người vợ nói: "Tỳ-kheo này không có làm gì cả", người chồng mắng: "Cô đã cùng nó làm việc bất tịnh tại sao không chịu nhận", vừa đánh vừa mắng đến khi mệt lã mới bỏ đi, Tỳ-kheo lê thân trở về tinh xá, đem việc trên kể lại cho các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Khất thực có hai: Một là thọ thỉnh, hai là không thọ thỉnh. Nếu thọ thỉnh rồi mà muốn thọ phần Tăng vật thì nên xả pháp khất thực mới được thọ phần Tăng vật; nếu không xả pháp khất thực mà thọ phần Tăng vật thì phạm Đột-kiết-la; nếu thọ phần Tăng vật rồi mới

nói là khất thực thì phạm tội vọng ngữ Ba-dật-đề. Nếu không thọ thỉnh hoặc muốn thọ thỉnh hoặc muốn thọ phần Tăng vật thì nên xả pháp khất thực đã thọ thỉnh mới được thọ phần Tăng vật; nếu không xả pháp khất thực mà thọ thỉnh hay thọ phần Tăng vật thì phạm Đột-kiết-la; nếu thọ thỉnh và thọ phần Tăng vật rồi mới nói là khất thực thì phạm tội vọng ngữ Ba-dật-đề. Từ nay các thầy nên thọ hành pháp khất thực như sau: Khi sắp bước xuống giường nên từ từ bỏ một chân xuống trước, kế bỏ chân thứ hai rồi mới đứng dậy; từ từ đến chỗ giá y lấy y An-đà-hội rồi mặc từ từ, mặc xong nhìn ngó trước sau xem có ngay ngắn chưa, nếu chưa ngay ngắn thì nên mặc lại, nếu ngay ngắn rồi thì thôi. Kế lấy Nê-hoàn-tăng mặc từ từ, mặc xong nhìn ngó hai bên xem có ngay ngắn chưa, nếu chưa thì nên mặc lại, nếu ngay ngắn rồi thì thôi. Kế lấy y Uất-đa-la-tăng mặc từ từ, mặc xong nhìn ngó hai bên xem có ngay ngắn chưa, nếu chưa thì nên mặc lại, nếu ngay ngắn rồi thì thôi. Kế lấy y Tăng-già-lê đặt lên vai trái, nhẹ nhàng cầm lấy bát và tích trượng, không được kéo lê trên đất. Ra đến cửa, kéo then mở ra khoan thai bước ra, chớ để chéo y vướng vào hai bên, Nếu cánh cửa ở bên tay trái thì tay trái kéo cánh cửa, tay phải cài then lại; nếu cánh cửa ở bên tay phải thì tay phải kéo cánh cửa, tay trái cài then lại. Cài xong nên xem lại đã cài kỹ chưa, nếu chưa thì nên cài kỹ lại, nếu đã cài kỹ rồi thì thôi. Nếu đi

cùng Phật thì nên đi sau, nên bạch Hòa thượng, hữu nhiễu tháp Phật, tháp Thanh văn rồi rót nước tráng bát, chớ để bình và bát chạm vào nhau ra tiếng. Ra đến cửa cổng của Tăng phường, nếu cửa đóng thì từ từ mở cửa đi ra, chớ để chéo y vướng vào hai bên. Kế để bát và tích trượng xuống để mang giày da một lớp rồi cầm bát và tích trượng lên từ từ đi khất thực, khi đi không được kéo lê giày. Khi đến gần tụ lạc nên để bát và tích trượng xuống, lấy y Tăng-già-lê ra mặc, mặc xong nhìn ngó hai bên xem có ngay ngắn chưa, nếu chưa thì nên mặc lại, nếu ngay ngắn rồi thì thôi. Kế cầm bát và trượng lên để vào trong tụ lạc, khi vào không được nhìn ngó hai bên, nên nhìn thẳng phía trước. Nếu từ xa thấy có voi điên, chó điên, người lõa hình… thì nên tránh qua một bên. Khi đến trước nhà người nên biết rõ cửa ngoài, cửa giữa, cửa trong; khi vào trong sân nên khảy móng tay, nếu thấy không có ai thì nên khảy lại lần thứ hai, lần thứ ba, nếu có ai bước ra thì hai tay cầm bát khom người xuống để thọ thức ăn cúng. Khi đi đến nhà khác khất thực nên ngó xem giờ, nếu sắp qua ngọ thì nên dừng lại; nếu còn sớm thì nên tiếp tục khất thực. Khất thực xong ra khỏi tụ lạc nên bỏ bát và trượng xuống, cởi y Tăng-già-lê xuống đập giũ rồi xếp lại, đặt lên vai trái, cầm bát và trượng lên trở về trú xứ thọ thực. Đến nơi nên trải giường tòa, lấy bàn chải chà chân và khăn lau chân, kế lấy nước tưới rưới quét dọn

chỗ thọ thực cho sạch sẽ. Nếu nơi đây có Hòa thượng, A-xà-lê thì nên lấy thức ăn ngon dâng cho Hòa thượng trước, khi dâng nước không được để ngón tay chạm vào trong nước. Nếu đi sau nên thâu cất giường tòa, cất bàn chải chà chân, khăn lau chân rồi mới vào phòng, vào rồi từ từ cài then đóng cửa lại, ngồi lên giường xếp một chân lên trước rồi mới xếp chân thứ hai để ngồi kiết già tư duy hành pháp".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có một trưởng giả có nhiều củ Lư-bặc nên đến thỉnh Phật và Tăng vào ngày mai đến nhà thọ thực, Phật im lặng nhận lời. Trưởng giả biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về, về đến nhà ngay trong đêm đó lo sửa soạn đủ các món ăn ngon, sáng sớm trải tòa rồi sai sứ đến bạch Phật: "Đã đến giờ thọ thực, xin Phật tự biết thời". Phật và Tăng đi đến nhà trưởng giả theo thứ lớp ngồi xong, trưởng giả liền rót nước và dâng củ Lư-bặc để dùng trước. Các Tỳ-kheo nhai ra tiếng, lúc đó có một Tỳ-kheo trước kia là kép hát, nghe tiếng nhai này liền đứng dậy múa khiến các Tỳ-kheo bật cười ra tiếng, thức ăn trong miệng liền văng ra ngoài, các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại chọc cho người khác cười giống như kép hề". Phật nghe thấy việc này rồi nên sau khi thọ thực xong trở về, liền do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Tỳ-kheo múa hồi nãy rằng: "Thầy dùng tâm

gì đứng dậy múa?", đáp: "Thế tôn, con vì nhìn thấy người khác và muốn chọc cho họ cười", Phật nói: "Nếu vì nhìn thấy người khác thì không có tội, còn muốn chọc cho người khác cười thì phạm Đột-kiết-la. Từ nay trước khi chưa ăn món ăn chánh thì không được ăn rau trái trước, nếu ăn trước thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Kỳ-hoàn vừa mới xây xong, các cư sĩ sắm sửa rất nhiều đồ cúng dường vì có đến một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo tụ hội. Các Tỳ-kheo này khi vào, ngồi, ăn, đứng, đi không theo thứ lớp nên bị các cư sĩ quở trách: "Sa-môn, Bà-la-môn khác còn biết

vào, ngồi, ăn, đứng, đi theo thứ lớp; Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại vào, ngồi, ăn, đứng, đi không theo thứ lớp gì cả. Chúng ta không biết ai đã được, ai chưa được", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay nên theo thứ lớp đi vào, ngồi, ăn, đứng, đi…". Lúc đó các Tỳ-kheo im lặng theo thứ lớp đi vào, ngồi, ăn, đứng dậy ra về; các cư sĩ quở trách: "Sa-môn, Bà-la-môn khác ăn xong còn biết chú nguyện tán thán; Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại theo thứ lớp im lặng đi vào, ngồi, ăn, đứng dậy ra về. Chúng ta không biết các vị ăn có ngon hay không", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay khi ăn xong nên chú

nguyện tán thán", các Tỳ-kheo không biết cử ai làm, Phật bảo nên cử Thượng tòa làm. Lúc đó phía Tỳ-kheo-ni, ni Thâu-la-nan-đà là bậc Thượng tòa lại ít học ít nghe nên không biết chú nguyện, Phật bảo: "Nếu Thượng tòa thứ nhất không làm được thì Thượng tòa thứ hai nên làm, theo thứ lớp như thế nếu ai làm được thì nên làm".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có nhiều người nữ thỉnh Phật và Tăng cúng dường thức ăn thức uống, các Tỳ-kheo ăn xong không chú nguyện tán tụng liền bỏ đi. Các người nữ nói: "Chúng ta bạc phước, cúng dường mà không được chú nguyện", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay cũng nên chú nguyện tán tụng cho người nữ; nếu người không thanh tịnh thì nên cử bốn Thượng tòa ở lại", lúc đó các Thượng tòa ở lại trong lòng buồn bực, Phật bảo nên nói cáo từ rồi đi.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có một Tỳ-kheo thuộc dòng Bà-la-môn xuất gia làm Tỳ-kheo tên là Mạn-nhan-la, mắc bịnh tiêu chảy nghĩ rằng: "Tại sao phải thường dùng nước rửa", bạch Phật, Phật nói: "Nên dùng vật lau chùi như lá cây, nếu một chiếc lá chùi không sạch thì nên dùng hai lớp lá, nếu lá rách làm cho đường đại tiện bị thương thì nên dùng lá sạch nguyên", lúc đó lau chùi xong bỏ đầy lá trong nhà xí, Phật bảo nên bỏ một chỗ; lúc đó lá sạch và lá dơ để cùng một chỗ khi lấy bị dơ tay, Phật bảo nên để lá sạch bên phải, bỏ lá dơ bên

trái; lúc đó bỏ lá dơ thành đống lớn, Phật bảo nên đem đổ bỏ, khi đem đổ bỏ ói mửa, Phật bảo nên bỏ lá dơ trong thùng rác, khi thùng rác đầy mới mang đi đổ bỏ chỗ khác.

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo đứng xỉa răng (nhăn nhành dương) ở chỗ rửa chân, Tỳ-kheo khác đến rửa chân thấy bất tịnh nên ói mửa, đem việc này bạch Phật, Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Các thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở

trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại đừng xỉa răng nơi chỗ rửa chân của Tăng", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay không được xỉa răng ở trước Phật; trước Hòa thượng, A-xà-lê, các Thượng tòa; không được xỉa răng trước tháp Phật, tháp Thanh văn, nơi giảng đường… của Tăng và ở trước đông người; nếu xỉa như thế thì phạm Đột-kiết-la, không phạm là ở trước Tỳ-kheo đồng tuổi hạ".

Phật tại thành Vương xá, có ngoại đạo lõa hình mắc bịnh ghẻ lở đến xin thầy thuốc Kỳ-bà chữa bịnh, Kỳ-bà nói: "Chỉ cần vào nhà tắm tắm rửa thì sẽ lành bịnh", ngoại đạo nói: "Tôi là ngoại đạo lõa hình, làm sao có nhà tắm để tắm", Kỳ-bà nói: "Thầy có quen biết với Tỳ-kheo nào không?", đáp là không, Kỳ-bà nói: "Bịnh của thầy chỉ có thể vào

nhà tắm tắm rửa mới hết". Ngoại đạo này đến hỏi các tân Tỳ-kheo và Sa-di: "Khi nào các vị vào nhà tắm để tắm?", đáp là vào ngày , ngoại đạo liền co tay đếm ngày, đến ngày đó đi vào trong Trúc viên đứng một chỗ nhìn xem các Tỳ-kheo vào nhà tắm tắm rửa như thế nào. Có Tỳ-kheo mặc y đi vào, có người lấy bùn bôi lên mình rồi vào, ngoại đạo thấy rồi liền lấy bùn bôi trên người rồi vào. Các Tỳ-kheo cho là Thượng tòa nên đưa cho giường ngồi và bưng nước nóng đến cho tắm, khi ra mồ hôi, các Tỳ-kheo chà giúp chân tay khắp thân, khi thân sạch thì ghẻ lở cũng hết. Lúc đó các Tỳ-kheo gọi người mang y đến, ngoại đạo không chịu mặc, các Tỳ-kheo mới biết là ngoại đạo lõa hình, đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Từ nay người lộ thân không được chà, người khác không được chà giúp, hai thân lộ không được chà cho nhau. Tỳ-kheo trong tối không được làm lễ, cũng không được làm lễ người che mặt; không được làm lễ người đang ngủ, người đang nhập định, người đang xỉa răng; mình đang xỉa răng, đang rửa mặt cũng không được làm lễ, cũng không được làm lễ người đang rửa mặt; mình đang ăn không được làm lễ, cũng không được làm lễ người đang ăn; mình đang cạo tóc không được làm lễ, cũng không được làm lễ người đang cạo tóc. Ở trước Phật, trước tháp Phật, tháp Thanh văn không được làm lễ người khác. Ở chỗ đại tiểu tiện, chỗ lấy nước, nhà tắm cho đến chỗ không an

ổn đều không được làm lễ người khác. Đang đi trên đường cũng không được làm lễ, nếu gặp Thượng tòa trên đường muốn làm lễ nên nói với Thượng tòa: "Xin hãy dừng bước, con muốn làm lễ", nếu Thượng tòa dừng lại thì nên làm lễ, nếu không dừng lại thì không nên làm lễ".

Phật tại nước Xá-vệ, có một Tỳ-kheo khách chiều tối đến trong Tăng phường được chia cho một phòng trống, trong phòng có một con rắn độc nằm khoanh tròn trên giường, Tỳ-kheo không nhìn kỹ liền ngồi lên mình nó, bị nó cắn và cả hai cùng chết. Trải qua năm, sáu ngày sau, các Tỳ-kheo thấy ruồi xanh từ trong phòng bay ra nên vào phòng xem thử, mới phát hiện Tỳ-kheo và con rắn cùng chết trên giường, liền đem việc này bạch Phật. Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay Tỳ-kheo khách nên học nghi pháp như sau: Nếu Tỳ-kheo khách đến trong Tăng phường nên đắp y trịch bày vai hữu, mặc Nê-hoàn-tăng trên dưới tương xứng nhau, túi đựng y bên vai phải nên chuyển qua bên vai trái; tích trượng, túi dầu, túi giày da, ống kim ở trong tay phải nên chuyển qua trong tay trái. Nếu muốn đại tiểu tiện thì nên đi ở ngoài trước rồi mới vào trong Tăng phường, nếu không có nước rửa chân thì dùng cỏ lá lau chân, nếu cửa đóng thì kêu gọi, nếu cửa mở thì cứ vào. Nếu thấy cựu Tỳ-kheo thì nên hỏi: "Trong Tăng phường có phòng dành cho khách

Tỳ-kheo tuổi hạ hay không?", nếu nói có thì nên xin phép cho vào; Lại hỏi trong Tăng phường có người không, nếu nói không thì nên hỏi dùng nước gì, nếu nói là nước giếng thì nên xin dây gàu để múc lấy nước; khi mở cửa phòng nên khảy móng tay, nếu có rắn rít nên gây ra tiếng để nó bò đi chỗ khác, sau đó đập giũ mền chiếu, quét dọn sạch sẽ trong phòng. Chậu nước rửa chân và bình nước dùng để sẵn, nếu chậu nước bên tay trái thì tay trái múc nước, tay phải rửa chân; nếu chậu nước bên tay phải thì tay phải múc nước, tay trái rửa chân. Rửa chân xong mang giày da vào phòng, đóng cửa rồi lên giường ngồi kiết già tư duy quán chiếu các pháp. Sáng hôm sau hỏi cựu Tỳ-kheo: "Trong Tăng có ăn sáng, ăn trưa hay không, trong thôn chỗ nào có chó dữ, nhà nào có đồng nữ, quả phụ, nhà nào Tăng đã yết ma Học gia, nhà nào Tăng đã yết ma phú bát, chỗ nào nên đi, chỗ nào không nên đi", hỏi xong rồi mới đi khất thực. Khi đi Tỳ-kheo khách nên đưa trả lại dây gàu, chổi, thu xếp cất ngọa cụ, đóng cửa phòng rồi mới đi". Phật tại nước A-la-tỳ, lúc đó đang xây cất Tăng-già-lam nên có

Tỳ-kheo khi khiêng đá, cỏ, bùn, dùng tay lấy bùn trét tô vách… đều mặc y Tăng-già-lê nên làm dơ y; đến giờ vào thôn khất thực vẫn mặc y dơ này nên bị các cư sĩ quở trách: "Sa-môn, Bà-la-môn khác khi vào thôn khất thực còn mặc y sạch, Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà

lại mặc y dơ như thế giống như kẻ ép dầu", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay không được mặc y Tăng-già-lê khiêng đá cỏ bùn, dùng tay lấy bùn tô trét vách…; không được giẫm chân trên Tăng-già-lê, không được trải Tăng-già-lê ngồi, nằm; không được lấy Tăng-già-lê mặc làm áo trong. Tỳ-kheo nên mặc y Tăng-già-lê như pháp, mặc y Uất-đa-la-tăng như pháp, mặc y An-đà-hội như pháp; nên dùng ba màu làm cho hoại sắc để tác tịnh, không được mặc y có năm màu thuần sắc, trừ nạp y. Nếu Tỳ-kheo nghèo thiếu vải may y thì trên y nên điệp điều lá hoặc năm điều, bảy điều, chín điều…; nếu đủ vải thì nên cắt rọc may thành y Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội gọi là y như pháp".

Phật tại thành Vương xá, có Tăng phường rộng lớn vào đầu đêm, giữa đêm và cuối đêm đều có khách Tỳ-kheo đến xin ngủ đêm, sáng ra liền bỏ đi. Lúc đó Thượng tòa hỏi Hạ tòa là có khách Tỳ-kheo đến không, đáp là có, liền nói: "Vì sao không đến chào hỏi Thượng tòa, chúng tôi không biết họ đến lúc nào và đi lúc nào", các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật bảo: "Nếu khách Tỳ-kheo đến nên chào hỏi Thượng tòa trước". Lúc đó trong Tăng phường có đến một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo Thượng tòa, khách Tỳ-kheo phải đi chào hỏi từng người, do đi đường xa mỏi mệt, không thể đi chào hỏi hết

nên đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Chỉ nên chào hỏi bốn Thượng tòa thôi". Lúc đó khách Tỳ-kheo hỏi đệ nhất Thượng tòa ở đâu, đáp là ở trong tăng phường trên núi Kỳ-xà-quật; lại hỏi đệ nhị Thượng tòa ở đâu, đáp là ở trong Tăng phường tại Tỳ già la; lại hỏi đệ tam Thượng tòa ở đâu, đáp là ở trong Tăng phường tại Quý thủ-đà-la; lại hỏi đệ tứ Thượng tòa ở đâu, đáp là ở trong Tăng phường tại Tát-đa-ha-cầu. Trên đường đi đến chào hỏi gặp phải Sư tử, cọp, sói khủng bố nên bạch Phật, Phật bảo: "Vào trong Tăng phường nào thì chào hỏi bốn Thượng tòa ở trong Tăng phường đó". Lúc đó khách Tỳ-kheo đứng ngoài cửa chờ đợi lâu nên ngất xỉu, Phật bảo: "Nếu đúng thời gặp thì nên chào hỏi, nếu phi thời không gặp được thì thôi".

Phật tại nước Xá-vệ, ở nước Kiều-tát-la nơi A-lan-nhã có một Tỳ-kheo ở, lúc đó có đám giặc cướp đến chỗ A-lan-nhã hỏi Tỳ-kheo có lửa, có đồ dùi lửa, có thức ăn, có đồ nấu thức ăn, có nước, có đồ lấy nước, đồ đựng nước… Tỳ-kheo đều đáp là không có. Lại hỏi: "Chúng tôi muốn đến trong tụ lạc kia, thầy có thể chỉ đường giùm không", đáp là không biết đường; lại hỏi bây giờ là giờ nào, cũng đáp là không biết; lại hỏi là ngày gì, cũng đáp là không biết; lại hỏi: "Thầy có thể tán tụng chú nguyện không?", đáp là không thể. Bọn giặc cướp nói với nhau: "Tỳ-kheo này không có được một pháp nào nào cả, chắc là ở đời vì không thể tự nuôi

sống nên mới xuất gia", nói rồi liền dùng tay chân đánh đá Tỳ-kheo một trận rồi bỏ đi, Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay Tỳ-kheo A-lan-nhã nên học nghi pháp như sau:

Khi thấy có người đến chỗ A-lan-nhã, Tỳ-kheo ở đó nên cùng thăm hỏi, nhớ nghĩ chơn chánh, sắc mặt vui vẻ, không được cúi đầu, nên chào hỏi thiện lai. Nơi A-lan-nhã nên chứa củi lửa, đồ dùi lửa, thức ăn, đồ đựng thức ăn, nước, đồ lấy nước, đồ đựng nước; chậu nước rửa chân và bình nước thường dùng nên thường đầy nước. Tỳ-kheo nên biết rõ ngày giờ, thời tiết, xem sao; nên biết tụng Tu-đa-la, Tỳ-ni, A-tỳ-đàm; nên biết Sơ thiền… Tứ thiền; Sơ quả cho đến Tứ quả, nếu chưa biết thì nên học cho biết. Không được chứa nhật châu, nguyệt châu, được chứa thiền trượng… như trong Tu-đa-la Cù-sa-ni có nói rõ".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Bà-la-môn A-kỳ-Đạt-mang bánh Thích câu lê đến dâng cúng Phật, Phật bảo nên chia cho Tăng. A-kỳ-đạt chia bánh cho Tăng xong ở trước Phật nghe thuyết pháp, lúc đó các Tỳ-kheo ăn bánh cắn nhai ra tiếng, A-kỳ-đạt bạch Phật: " Sa-môn Cù-đàm giáo hóa, tất cả đệ tử đều lãnh thọ hết hay không?", Phật nói: "Có người thọ, có người không thọ", A-kỳ-đạt nói: "Thưa Cù-đàm, quả thật như vậy, có người vì pháp, có người vì ăn uống". Phật thuyết pháp cho A-kỳ-đạt được lợi hỉ rồi im lặng, A-kỳ-đạt đảnh lễ hữu

nhiễu Phật rồi ra về. Không bao lâu sau, Phật vì việc này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay khi thuyết pháp, khi chú nguyện, tán pháp không được ăn, nếu ăn thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Ba-la-nại, lúc đó trước ngọ Phật đắp y mang bát vào thành khất thực gặp một Tỳ-kheo cũng đắp y mang bát vào thành khất thực, từ xa Phật thấy Tỳ-kheo này đứng trước cửa nhà người, Tỳ-kheo này cũng trông thấy Phật, hổ thẹn cúi đầu. Khất thực xong trở về, Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi bảo các Tỳ-kheo: "Sáng nay ta đắp y vào thành khất thực… Tỳ-kheo này cũng trông thấy ta, hổ thẹn cúi đầu. Vậy sáng nay ai đã đắp y vào thành khất thực thấy ta?", Tỳ-kheo này bước ra quỳ gối chắp tay bạch Phật: "Người hồi sáng gặp Phật chính là con", Phật nói: "Lành thay, thấy ta nên sanh tâm hổ thẹn. Nếu thấy Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, các ngoại đạo, Bà-la-môn cũng nên nhiếp ý cúi đầu thì được an lạc lâu dài".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó trưởng lão Uất-đề có đệ tử cọng hành (xuất gia ở chung) không có tâm cung kính, vào trong Tăng phường cũng không có tâm cung kính. Trưởng lão đến đảnh lễ Phật rồi đứng một bên bạch Phật: "Thế tôn, con có đệ tử cọng hành (xuất gia ở chung) không có tâm cung kính, vào trong Tăng phường cũng không có tâm cung kính. Đệ tử đối với Hòa thượng nên có tâm

cung kính như thế nào?", Phật bảo: "Hãy đợi một lát sẽ hỏi việc này". Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi hỏi trưởng lão Uất-đề: "Thầy muốn hỏi việc gì?", Uất-đề bạch Phật: "Thế tôn, con có đệ tử cọng hành (xuất gia ở chung) không có tâm cung kính, vào trong Tăng phường cũng không có tâm cung kính. Đệ tử đối với Hòa thượng nên có tâm cung kính như thế nào?", Phật bảo: "Này Uất-đề, đệ tử đối với Hòa thượng nên sanh tâm cung kính, vào trong Tăng phường cũng nên sanh tâm cung kính như sau: Nên cung cấp cho Hòa thượng y bát, bốn loại dược: Thời dược, thời phần dược, thất nhật dược và tận hình dược. Khi Hòa thượng làm y, giặt y, nhuộm y, cắt may y, căng y đệ tử đều nên làm thay; nếu tự không làm được thì nên nhờ người khác làm giúp, nếu cũng không làm hết được thì nên thuê người làm; nếu tự làm được thì nên làm thay, không được nhàn rỗi ở không.

Này Uất-đề, khi Hòa thượng muốn vào nhà tắm tắm, đệ tử nên lo liệu đầy đủ các vật dụng để tắm, nên bỏ củi vào bếp lò; khi Hòa thượng vào nhà tắm, đệ tử nên đưa y tắm cho Hòa thượng, lấy y đã mặc xếp để trên giường; nếu Hòa thượng sức yếu nên dìu đỡ, nếu quá yếu thì nên cõng vào nhà tắm đặt ngồi trên giường, để y một bên, để chậu nước phía trước mặt. Nếu đệ tử muốn tắm thì bạch Hòa thượng rồi xoay vào vách tắm, khởi tưởng như bịnh, như uống thuốc. Khi Hòa thượng ra mồ hôi,

đệ tử nên lau chân, bắp chân…, tắm xong nên đưa y; nếu Hòa thượng sức yếu nên dìu đỡ, nếu quá yếu thì cõng trở về phòng, lấy y tắm cất, đưa y ngủ, kế để bô đại tiểu tiện và ống nhổ bên giường cho Hòa thượng. Nếu đệ tử muốn tắm nên bạch Hòa thượng rồi đi tắm, người tắm sau nên dọn cất các vật dụng tắm, lấy tro lấp lửa trong bếp lò, đóng cửa cài then nhà tắm rồi mới đi. Nếu muốn đọc tụng kinh nên tùy sức mình theo Hòa thượng thọ trì, thọ rồi nên ở một chỗ tư duy, nếu đọc tụng được thì đọc tụng, nếu không được thì nên hỏi lại. Sáng hôm sau đến phòng Hòa thượng đem bô đại tiểu tiện và ống nhổ đi đổ, kế hỏi Hòa thượng muốn ăn gì, nếu muốn ăn cháo thì nấu cháo, nếu muốn ăn cơm thì nấu cơm. Khi Hòa thượng bịnh nên thường thăm nom xem Hòa thượng sống hay chết, nên tìm thức ăn và thuốc ứng theo bịnh; nên lấy vật của Hòa thượng đi cúng dường, nếu Hòa thượng không có thì lấy của mình, nếu tự mình không có thì nên đi xin người khác, nếu không có ai quen biết không thể xin được thì khi khất thực được thức ăn ngon nên dâng cho Hòa thượng. Nếu Tăng tác pháp yết ma Ức niệm, yết ma Bất si cho Hòa thượng thì đệ tử nên đi thay, bạch rằng: "Tăng cho Hòa thượng của con yết ma Ức niệm, yết ma Bất si". Khi Tăng tác pháp yết ma Khổ thiết, yết ma Y chỉ, yết ma Khu xuất, yết ma Hạ ý cho Hòa thượng thì đệ tử nên dùng pháp trợ giúp Hòa thượng, bạch Tăng rằng:

"Xin Tăng chớ cho Hòa thượng của con yết ma Khổ thiết, yết ma Y chỉ, yết ma Khu xuất, yết ma Hạ ý". Nếu Tăng đã cho Hòa thượng yết ma Khổ thiết, yết ma Y chỉ, yết ma Khu xuất, yết ma Hạ ý xong rồi; đệ tử nên bạch Tăng rằng: "Xin Tăng cho Hòa thượng của con yết ma trị phạt nhẹ đừng nặng quá".

Này Uất-đề, nếu Tăng cho Hòa thượng yết ma Mích tội tướng, đệ tử nên đến trong Tăng bạch: "Xin Tăng như pháp chớ cho Hòa thượng của con yết ma Mích tội tướng". Nếu Tăng đã cho Hòa thượng yết ma Mích tội tướng xong rồi, đệ tử nên bạch Tăng: "Xin Tăng trị phạt nhẹ chớ nặng quá". Nếu Tăng cho Hòa thượng yết ma Bất kiến tẫn, yết ma Bất tác tẫn, yết ma Bất xả ác tà kiến tẫn; đệ tử nên bạch Tăng: "Không thấy tội nên dạy cho thấy tội, không sám tội nên dạy sám tội, không xả ác tà kiến nên dạy xả ác tà kiến".

Này Uất-đề, nếu Hòa thượng phạm tội Tăng tàn đáng cho yết ma Biệt trụ, Ma-na-đỏa, yết ma Bổn nhật trị, yết ma Xuất tội; đệ tử nên bạch Tăng: "Xin tăng như pháp cho Hòa thượng của con yết ma Biệt trụ, Ma-na-đỏa, yết ma Bổn nhật trị, yết ma Xuất tội".

Này Uất-đề, đệ tử không bạch Hòa thượng thì không được dạy người khác đọc tụng kinh, không được tán tụng kinh, không được khiến người khác nhớ nghĩ, không được cùng tụng. Không bạch Hòa

thượng thì không được theo người khác thọ học pháp, không được dạy pháp cho người khác, không được đến người khác thọ nhớ nghĩ, không được cùng tụng. Không được cho người khác y bát, bốn loại dược: Thời dược, thời phần dược, thất nhật dược và tận hình dược. Không được cùng người khác làm y, không được sai người khác làm y; không được cạo tóc cho người khác, không được sai người khác cạo tóc. Không bạch Hòa thượng thì không được làm những việc trên, trừ đại tiểu tiện, xỉa răng và lễ Phật.

Này Uất-đề, nếu Hòa thượng muốn vào tụ lạc, đệ tử nên đi theo cầm y bát và trượng cho Hòa thượng, không được đi trước, hoặc đi gần quá, không được đi ngang hàng. Nếu Hòa thượng nói phi pháp thì nên can ngăn, nếu thuyết pháp thì nên tùy hỷ. Khi Hòa thượng thuyết pháp được bố thì thì nên lấy cất; khi vào tụ lạc, đệ tử nên trao y bát và trượng cho Hòa thượng. Khi ra khỏi tụ lạc thì đệ tử đi trước, không được đi quá xa và nên cầm y bát và trượng cho Hòa thượng. Đệ tử nên mỗi ngày ba thời đến bên Hòa thượng: Sáng sớm, sau giờ thọ thực và lúc mặt trời lặn. Sáng sớm đến nên đem bô đại tiểu tiện và ống nhổ đi đổ, sau giờ thọ thực nên đến quét dọn, mặt trời lặn nên đến để bô đại tiểu tiện và ống nhổ bên giường cho Hòa thượng". Trưởng lão Uất dề bạch Phật: "Thế tôn, đệ tử đối với Hòa thượng phải hành những pháp như thế, còn

Hòa thượng đối với đệ tử phải như thế nào?", Phật nói: "Này Uất-đề, Hòa thượng nên dạy cho đệ tử đọc tụng Tu-đa-la, Tỳ-ni và A-tỳ-đàm; nên cung cấp cho đệ tử y bát, bốn loại dược: Thời dược, thời phần dược, thất nhật dược và tận hình dược. Nếu đệ tử làm y, giặt y, nhuộm y, cắt may y, căng y thì Hòa thượng đều nên trợ giúp; nếu tự không làm được thì nên nhờ người khác làm giúp, tùy sức mình giúp đỡ cho đệ tử không được nhàn rỗi ở không. Khi đệ tử bịnh, Hòa thượng nên thường thăm nom xem đệ tử sống hay chết, nên tìm thức ăn và thuốc ứng theo bịnh; nên lấy vật của đệ tử đi cúng dường, nếu đệ tử không có thì lấy của mình, nếu tự mình không có thì nên đi xin người khác, nếu không có ai quen biết không thể xin được thì khi khất thực được thức ăn ngon nên cho đệ tử.

Nếu Tăng tác pháp yết ma Ức niệm, yết ma Bất si cho đệ tử, Hòa thượng nên bạch Tăng rằng: "Xin Tăng như pháp cho đệ tử của tôi yết ma Ức niệm, yết ma Bất si". Khi Tăng tác pháp yết ma Khổ thiết, yết ma Y chỉ, yết ma Khu xuất, yết ma Hạ ý cho đệ tử, Hòa thượng nên dùng pháp trợ giúp, bạch Tăng rằng: "Xin Tăng chớ cho đệ tử của tôi yết ma Khổ thiết, yết ma Y chỉ, yết ma Khu xuất, yết ma Hạ ý". Nếu Tăng đã cho Hòa thượng yết ma Khổ thiết, yết ma Y chỉ, yết ma Khu xuất, yết ma Hạ ý xong rồi; Hòa thượng nên bạch Tăng rằng: "Xin Tăng cho đệ tử của tôi yết ma trị phạt nhẹ đừng nặng quá".

Này Uất-đề, nếu Tăng cho đệ tử yết ma Mích tội tướng, Hòa thượng nên đến trong Tăng bạch: "Xin Tăng như pháp chớ cho đệ tử của tôi yết ma Mích tội tướng". Nếu Tăng đã cho đệ tử yết ma Mích tội tướng xong rồi, Hòa thượng nên bạch Tăng: "Xin Tăng trị phạt nhẹ chớ nặng quá". Nếu Tăng cho đệ tử yết ma Bất kiến tẫn, yết ma Bất tác tẫn, yết ma Bất xả ác tà kiến tẫn; Hòa thượng nên bạch Tăng: "Không thấy tội nên dạy cho thấy tội, không sám tội nên dạy sám tội, không xả ác tà kiến nên dạy xả ác tà kiến".

Này Uất-đề, nếu đệ tử phạm tội Tăng tàn đáng cho yết ma Biệt trụ, Ma-na-đỏa, yết ma Bổn nhật trị, yết ma Xuất tội; Hòa thượng nên bạch Tăng: "Xin tăng như pháp cho đệ tử của tôi yết ma Biệt trụ, Ma-na-đỏa, yết ma Bổn nhật trị, yết ma Xuất tội". Hòa thượng nên mỗi ngày ba thời: Sáng sớm, sau giờ thọ thực và lúc mặt trời lặn dạy bảo đệ tử rằng: "Không được gần gũi tri thức ác, bạn ác và người ác. Nếu đệ tử nói lời phi pháp nên quở trách can ngăn ba cách như sau: Một là không bảo làm việc, hai là không cùng nói chuyện, ba là đệ tử muốn làm việc gì cũng không cho làm".

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 42

TỤNG THỨ 7 LUẬT NI

I. TÁM PHÁP BA LA DI: (BỐN PHÁP BẤT CỘNG)

1. Pháp Thứ Năm: Xúc chạm

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó trong tinh xá Tỳ-kheo-ni Vương viên có một Tỳ-kheo-ni tên là Châu-na-nan-đà trẻ tuổi đoan chánh, lại có con trai của cư sĩ tên Lộc tử cũng trẻ tuổi đoan chánh, cả hai người trẻ tuổi này sanh tâm ái trước nhau. Lộc tử suy nghĩ: "Nếu ta nói với Tỳ-kheo-ni này là muốn làm việc đó thì bản thân ta phạm tội, vua sẽ trừng trị ta và tiếng xấu lan truyền khắp nơi, sau khi chết sẽ đọa vào địa ngục"; Châu-na-nan-đà cũng suy nghĩ: "Nếu ta nói với người nam này là muốn làm việc đó thì bản thân ta phạm tội, cũng làm cho người kia phạm tội, tiếng xấu sẽ lan truyền khắp nơi. Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni sẽ dùng pháp trị ta; các thiện thần cũng sẽ không thủ hộ ta nữa, sau khi chết sẽ đọa vào địa ngục". Do Châu-na-nan-đà thường nhớ thương Lộc tử, không được toại

ý nên sanh bịnh, ốm gầy nằm trên giường không thể đi lại được. Lộc tử hay tin này rồi liền suy nghĩ: "Tỳ-kheo-ni vốn không có bịnh, vì nhớ thương ta nên sanh bịnh, khổ não nằm trên giường không thể đi lại được. Sao ta không đến thăm, không chừng nói rõ việc này có thể trừ được bịnh cho cô ấy", nghĩ rồi liền đến trong Vương viên hỏi thăm các Tỳ-kheo-ni: "Tỳ-kheo-ni Châu-na-nan-đà hiện đang ở đâu?", đáp là đang nằm trong phòng. Lộc tử vào phòng đến bên giường Châu-na-nan-đà vuốt ve thăm hỏi: "Bịnh của cô có đỡ được chút nào không, có nhẫn chịu được không, khổ não có giảm bớt không?", đáp: "Bịnh không lành, không thể nhẫn chịu được, khổ não ngày càng tăng", kế buông lời trách móc Lộc tử rằng: "Đây là phần số của tôi, người ta không nhớ thương tội, chỉ có tôi thương nhớ người ta". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Châu-na-nan-đà: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại có lậu tâm (tâm dục) thuận cho người nam cũng có lậu tâm xúc chạm vuốt ve", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni:

- Một là, vì nhiếp Tăng,
- Hai là, vì nhiếp thủ thật tốt,

- Ba là, vì Tăng được an lạc trụ,

- Bốn là, vì nhiếp phục người có tâm cao ngạo,

- Năm là, khiến cho người có lòng hổ thẹn được an lạc,

- Sáu là, khiến cho người chưa tin được tịnh tín,

- Bảy là, khiến cho người đã tin được tăng trưởng lòng tin,

- Tám là, ngăn được phiền não lậu hoặc trong đời này,

- Chín là dứt hẳn ác đạo ở đời sau,

- Mười là, khiến cho phạm hạnh được trụ lâu. Từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni có lậu tâm thuận cho người nam có lậu tâm xúc chạm vuốt ve thuận hay nghịch từ đầu tóc trở xuống, từ đầu gối trở lên, từ cổ tay trở ra, bỏ y, hoặc kéo hoặc đẩy hoặc đè hoặc bóp, hoặc nâng lên hoặc để xuống, thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-la-di, không được ở chung.

Lậu tâm là đối với người này sanh ái kết sâu nặng, người nam có lậu tâm cũng như vậy. Người nam là người có thể làm việc dâm. Ba-la-di là tội xấu xa cực trọng, thối đọa không như ý. Tỳ-kheo-ni phạm tội này không còn gọi là Sa-môn ni, không phải là Thích chủng nữ, mất pháp Tỳ-kheo-ni. Không cùng ở chung là các Tỳ-kheo-ni không cùng Tỳ-kheo-ni chung làm pháp sự như Đơn bạch yết ma, bạch nhị yết ma, bạch tứ yết ma, bố tát, tự

tứ, yết ma cử mười ba hạng người…

Tướng phạm trong giới này: Có tám trường hợp

Một là nếu Tỳ-kheo-ni có lậu tâm thuận cho người nam có lậu tâm, bỏ y, thuận xúc chạm vuốt ve từ trên mặt, cổ, ngực… xuống cho đến đầu gối; hoặc theo chiều ngược lại, hoặc kéo lôi, đè bóp đều phạm Ba-la-di. Nếu vuốt ve từ đầu tóc trở lên hoặc từ đầu gối trở xuống, bỏ y, thì phạm Thâu-lan-giá .

Hai là Nếu Tỳ-kheo-ni có lậu tâm thuận cho người nam có lậu tâm, bỏ y, ôm nâng từ dưới đất đặt lên ghế, hoặc từ ghế đặt xuống giường độc tọa, hoặc từ giường độc tọa đặt lên giường lớn, hoặc từ giường lớn đặt lên kiệu, hoặc từ kiệu lên xe, hoặc từ xe đặt lên mình ngựa… đều phạm Ba-la-di .

Ba là Nếu Tỳ-kheo-ni có lậu tâm thuận cho người nam có lậu tâm, bỏ y, ôm nâng từ lưng voi đặt lên mình ngựa, hoặc từ mình ngựa đặt lên xe, hoặc từ trên xe đặt lên kiệu, hoặc từ trên kiệu đặt trên giường lớn, hoặc tự giường lớn đặt trên giường độc tọa, hoặc từ giường độc tọa đặt trên ghế, hoặc từ trên ghế ôm để xuống đất đều phạm Ba-la-di. Nếu xúc chạm vuốt ve từ đầu tóc trở lên, từ đầu gối trở xuống, từ cổ tay trở ra, bỏ y thì phạm Thâu-lan-giá.

Bốn là nếu Tỳ-kheo-ni có lậu tâm thuận cho người nam có lậu tâm, với y, thuận xúc chạm vuốt

ve từ trên mặt, cổ, ngực… xuống cho đến đầu gối; hoặc theo chiều ngược lại, hoặc kéo lôi, đè bóp đều phạm Thâu-lan-giá. Nếu vuốt ve từ đầu tóc trở lên hoặc từ đầu gối trở xuống, với y, thì phạm Đột-kiết-la .

Năm là Nếu Tỳ-kheo-ni có lậu tâm thuận cho người nam có lậu tâm, với y, ôm nâng từ dưới đất đặt lên ghế, hoặc từ ghế đặt xuống giường độc tọa, hoặc từ giường độc tọa đặt lên giường lớn, hoặc từ giường lớn đặt lên kiệu, hoặc từ kiệu lên xe, hoặc từ xe đặt lên mình ngựa… đều phạm Thâu-lan-giá .

Sáu là Nếu Tỳ-kheo-ni có lậu tâm thuận cho người nam có lậu tâm, với y, ôm nâng từ lưng voi đặt lên mình ngựa, hoặc từ mình ngựa đặt lên xe, hoặc từ trên xe đặt lên kiệu, hoặc từ trên kiệu đặt trên giường lớn, hoặc tự giường lớn đặt trên giường độc tọa, hoặc từ giường độc tọa đặt trên ghế, hoặc từ trên ghế ôm để xuống đất đều phạm Thâu-lan-giá. Nếu xúc chạm vuốt ve từ đầu tóc trở lên, từ đầu gối trở xuống, từ cổ tay trở ra, với y thì phạm Đột-kiết-la.

Không phạm là tưởng cha, tưởng anh em, tưởng trẻ con, hoặc bị nước cuốn trôi, lửa cháy, nạn dao kiếm giáo cung, hoặc sắp rơi xuống hầm hố, hoặc nạn thú dữ, quỷ dữ. Tất cả không có tâm tham nhiễm thì không phạm.

2. Pháp Thứ Sáu: Phạm Tám Việc

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt thuận cho Lục quần Tỳ-kheo nắm tay, nắm y, cùng đứng, cùng nói chuyện, cùng hẹn hò, vào chỗ khuất, đợi người nam đến, tất cả giống như người nữ bạch y. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt: "Các cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại có lậu tâm thuận cho người nam có lậu tâm nắm tay, nắm y, cùng đứng, cùng nói chuyện, cùng hẹn hò, vào chỗ khuất, đợi người nam đến, tất cả giống như người nữ bạch y", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni có lậu tâm thuận cho người nam có lậu tâm nắm tay, nắm y, cùng đứng, cùng nói chuyện, cùng hẹn hò, vào chỗ khuất, đợi người nam đến, tất cả giống như người nữ bạch y. Do đủ tám việc này hiển lộ tướng tham nhiễm nên Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-la-di, không được ở chung.

Lậu tâm là đối với người này sanh ái kết sâu nặng, người nam có lậu tâm cũng như vậy. Người nam-là người có thể làm việc dâm. Nắm tay là nắm từ cổ tay trở ra. Nắm y là nắm y đang mặc trên

người. Cùng đứng là đứng ở chỗ có thể nói lời bất tịnh. Cùng nói chuyện là nói những lời bất tịnh. Cùng hẹn hò là hẹn ở chỗ có thể làm việc xấu. Vào chỗ khuất là chỗ có che ngăn như vải màn ngăn. Đợi người nam đến là đến chỗ có thể cùng làm việc xấu. Tất cả giống như người nữ bạch y là những việc như nắm tay… đều thuận theo ý của người nam. Ba-la-di là tội xấu xa cực trọng, thối đọa không như ý. Tỳ-kheo-ni phạm tội này không còn gọi là Sa-môn ni, không phải là Thích chủng nữ, mất pháp Tỳ-kheo-ni. Không cùng ở chung là các Tỳ-kheo-ni không cùng Tỳ-kheo-ni chung làm pháp sự như Đơn bạch yết ma, bạch nhị yết ma, bạch tứ yết ma, bố tát, tự tứ, yết ma cử mười ba hạng người…

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni có lậu tâm thuận cho người nam có lậu tâm nắm tay thì phạm Thâu-lan-giá, nắm y cũng phạm Thâu-lan-giá, cùng đứng cũng phạm Thâu-lan-giá, cùng nói chuyện cũng phạm Thâu-lan-giá, cùng hẹn hò cũng phạm Thâu-lan-giá, vào chỗ khuất cũng phạm Thâu-lan-giá, đợi người nam đến cũng phạm Thâu-lan-giá, đủ tám việc trên thì phạm Ba-la-di.

3. Pháp Thứ Bảy: Che Giấu Tội Thô

Phật tại thành Vương xá, lúc đó có hai Tỳ-kheo-ni vốn là chị em, người chị tên là Di-đa-la,

người em tên là Di-đế-lệ. Di-đa-la làm hạnh bất tịnh phạm dâm dục, còn Di-đế-lệ thì trong sạch không phạm. Thời gian sau Di-đa-la phản giới hoàn tục làm bạch y, các Tỳ-kheo-ni đến nói với Di-đế-lệ: "Chị cô phản giới hoàn tục làm bạch y, điều này có tốt không?", đáp: "Trước đây tôi cũng biết Tỳ-kheo-ni này phạm hạnh bất tịnh như thế như thế, nhưng tôi không muốn nêu ra, cũng không muốn bạch cho Tăng biết. Vì sợ có người nói rằng em bêu xấu chị". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni Di-đế-lệ: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo-ni khác phạm tội Thô lại che giấu", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo khác phạm tội Thô mà che giấu cho đến một đêm. Tỳ-kheo-ni này biết Tỳ-kheo-ni kia hoặc đã thối thất, hoặc đang trụ, hoặc bị tẫn, hoặc bỏ đi; sau đó mới nói rằng: "Trước đây tôi cũng biết Tỳ-kheo-ni này phạm hạnh bất tịnh như thế như thế, nhưng tôi không muốn nêu ra, cũng không muốn bạch cho Tăng biết. Vì sợ có người nói rằng em bêu xấu chị", thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-la-di, không được ở

chung.

Biết là tự biết hay nghe từ người khác, hoặc Tỳ-kheo-ni phạm tội tự nói. Tội Thô là tôi Ba-la-di hoặc Tăng-già-bà-thi-sa. Tất cả tội gọi chung là tội Thô nhưng chỉ có hai loại tội trên mới gọi là tội Thô. Một đêm là từ lúc mặt trời lặn cho đến sáng hôm sau. Thối thất là thối thất pháp Tỳ-kheo-ni. Đang trụ là đang trụ trong pháp bạch y. Bị tẫn là Tăng như pháp như luật, như lời Phật dạy cho yết ma Khu xuất. Bỏ đi là đi vào ngoại đạo. Sau đó nói rằng: "Trước đây tôi cũng biết Tỳ-kheo-ni này phạm hạnh bất tịnh như thế như thế, nhưng tôi không muốn nêu ra, cũng không muốn bạch cho Tăng biết. Vì sợ có người nói rằng em bêu xấu chị", thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-la-di, không được ở chung. Ba-la-di là tội xấu xa cực trọng, thối đọa không như ý. Tỳ-kheo-ni phạm tội này không còn gọi là Sa-môn ni, không phải là Thích chủng nữ, mất pháp Tỳ-kheo-ni. Không cùng ở chung là các Tỳ-kheo-ni không cùng Tỳ-kheo-ni chung làm pháp sự như Đơn bạch yết ma, bạch nhị yết ma, bạch tứ yết ma, bố tát, tự tứ, yết ma cử mười ba hạng người…

Tướng phạm trong giới này là

Nếu Tỳ-kheo-ni thấy Tỳ-kheo-ni khác vào sáng sớm phạm Ba-la-di, ở trong pháp Ba-la-di tưởng là Ba-la-di, che giấu đến sáng hôm sau thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo-ni này Tăng

đã cho yết ma Bất kiến tẫn, yết ma Bất tác tẫn, yết ma Bất xả ác tà kiến tẫn, điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại, lúc đó che giấu thì không phạm.

Nhưng khi Tăng đã giải các yết ma trên, bịnh thống khổ đã dứt, trở lại được bổn tâm mà che giấu tội cho Tỳ-kheo-ni kia đến sáng hôm sau thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni thấy Tỳ-kheo-ni khác vào sáng sớm, mặt trời đã mọc, trong buổi sáng, vào giờ ngọ, xế trưa, trong buổi chiều, mặt trời lặn, phần đầu của đầu đêm, phần giữa của đầu đêm, phần sau của đầu đêm, phần đầu của giữa đêm, phần giữa của giữa đêm, phần sau của giữa đêm, phần đầu của cuối đêm, phần giữa của cuối đêm, phần sau của cuối đêm, mặt trời vừa mọc phạm Ba-la-di, ở trong pháp Ba-la-di tưởng là Ba-la-di, che giấu đến sáng hôm sau thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo-ni này Tăng đã cho yết ma Bất kiến tẫn, yết ma Bất tác tẫn, yết ma Bất xả ác tà kiến tẫn, điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại, lúc đó che giấu thì không phạm. Nhưng khi Tăng đã giải các yết ma trên, bịnh thống khổ đã dứt, trở lại được bổn tâm mà che giấu tội cho Tỳ-kheo-ni kia đến sáng hôm sau thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni thấy Tỳ-kheo-ni khác vào sáng sớm phạm Ba-la-di, ở trong pháp Ba-la-di tưởng là Ba-la-di, hoặc tưởng là Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc tưởng là Ba-dật-đề, hoặc tưởng là Ba-la-đề-đề-xá-

ni, hoặc tưởng là Đột-kiết-la. Trong tội Ba-la-di này tưởng là tội Tăng-già-bà-thi-sa che giấu đến sáng hôm sau thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo-ni thấy Tỳ-kheo-ni khác vào sáng sớm, mặt trời đã mọc, trong buổi sáng, vào giờ ngọ, xế trưa, trong buổi chiều, mặt trời lặn, phần đầu của đầu đêm, phần giữa của đầu đêm, phần sau của đầu đêm, phần đầu của giữa đêm, phần giữa của giữa đêm, phần sau của giữa đêm, phần đầu của cuối đêm, phần giữa của cuối đêm, phần sau của cuối đêm, mặt trời vừa mọc phạm Ba-la-di, ở trong pháp Ba-la-di tưởng là Ba-la-di, hoặc tưởng là Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc tưởng là Ba-dật-đề, hoặc tưởng là Ba-la-đề-đề-xá-ni, hoặc tưởng là Đột-kiết-la. Trong tội Ba-la-di tưởng là tội Tăng-già-bà-thi-sa mà che giấu đến sáng hôm sau thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-la-di. Tưởng là tội Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la cũng như vậy. Nếu Tỳ-kheo-ni này Tăng đã cho yết ma Bất kiến tẫn, yết ma Bất tác tẫn, yết ma Bất xả ác tà kiến tẫn, điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại, lúc đó che giấu thì không phạm. Nhưng khi Tăng đã giải các yết ma trên, bịnh thống khổ đã dứt, trở lại được bổn tâm mà che giấu tội cho Tỳ-kheo-ni kia đến sáng hôm sau thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni thấy Tỳ-kheo-ni khác vào sáng sớm phạm Ba-la-di, ở trong pháp Ba-la-di nghi không biết là Ba-la-di hay không phải Ba-la-di, sau

đó dứt nghi, ở trong pháp Ba-la-di khởi tưởng là Ba-la-di, che giấu đến sáng hôm sau thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo-ni thấy Tỳ-kheo-ni vào sáng sớm, mặt trời đã mọc, trong buổi sáng, vào giờ ngọ, xế trưa, trong buổi chiều, mặt trời lặn, phần đầu của đầu đêm, phần giữa của đầu đêm, phần sau của đầu đêm, phần đầu của giữa đêm, phần giữa của giữa đêm, phần sau của giữa đêm, phần đầu của cuối đêm, phần giữa của cuối đêm, phần sau của cuối đêm, mặt trời vừa mọc phạm Ba-la-di, ở trong pháp Ba-la-di nghi không biết là Ba-la-di hay không phải Ba-la-di, sau đó dứt nghi, ở trong pháp Ba-la-di tưởng là Ba-la-di, che giấu đến sáng hôm sau thì phạm Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo-ni này Tăng đã cho yết ma Bất kiến tẫn, yết ma Bất tác tẫn, yết ma Bất xả ác tà kiến tẫn, điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại, lúc đó che giấu thì không phạm. Nhưng khi Tăng đã giải các yết ma trên, bịnh thống khổ đã dứt, trở lại được bổn tâm mà che giấu tội cho Tỳ-kheo-ni kia đến sáng hôm sau thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni thấy Tỳ-kheo-ni khác vào sáng sớm phạm Ba-la-di, ở trong pháp Ba-la-di nghi không biết là Ba-la-di hay là Tăng-già-bà-thi-sa, là Ba-la-di hay là Ba-dật-đề, là Ba-la-di hay là Ba-la-đề-đề-xá-ni, là Ba-la-di hay là Đột-kiết-la, sau đó dứt nghi, ở trong pháp Ba-la-di tưởng là Ba-la-di, che giấu đến sáng hôm sau thì Tỳ-kheo-ni này

phạm Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo-ni thấy Tỳ-kheo-ni vào sáng sớm, mặt trời đã mọc, trong buổi sáng, vào giờ ngọ, xế trưa, trong buổi chiều, mặt trời lặn, phần đầu của đầu đêm, phần giữa của đầu đêm, phần sau của đầu đêm, phần đầu của giữa đêm, phần giữa của giữa đêm, phần sau của giữa đêm, phần đầu của cuối đêm, phần giữa của cuối đêm, phần sau của cuối đêm, mặt trời vừa mọc phạm Ba-la-di, ở trong pháp Ba-la-di nghi không biết là Ba-la-di hay là Tăng-già-bà-thi-sa, là Ba-la-di hay là Ba-dật-đề, là Ba-la-di hay là Ba-la-đề-đề-xá-ni, là Ba-la-di hay là Đột-kiết-la, sau đó dứt nghi, ở trong pháp Ba-la-di tưởng là Ba-la-di, che giấu cho đến sáng hôm sau thì phạm Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo-ni này Tăng đã cho yết ma Bất kiến tẫn, yết ma Bất tác tẫn, yết ma Bất xả ác tà kiến tẫn, điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại, lúc đó che giấu thì không phạm. Nhưng khi Tăng đã giải các yết ma trên, bịnh thống khổ đã dứt, trở lại được bổn tâm mà che giấu tội cho Tỳ-kheo-ni kia đến sáng hôm sau thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni thấy Tỳ-kheo-ni khác vào sáng sớm phạm Ba-la-di, ở trong pháp Ba-la-di nghi không biết là Ba-la-di hay là Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la, sau đó dứt nghi, ở trong Ba-la-di khởi tưởng là Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu cho đến sáng hôm sau thì phạm Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo-ni thấy Tỳ-kheo-ni vào

sáng sớm, mặt trời đã mọc, trong buổi sáng, vào giờ ngọ, xế trưa, trong buổi chiều, mặt trời lặn, phần đầu của đầu đêm, phần giữa của đầu đêm, phần sau của đầu đêm, phần đầu của giữa đêm, phần giữa của giữa đêm, phần sau của giữa đêm, phần đầu của cuối đêm, phần giữa của cuối đêm, phần sau của cuối đêm, mặt trời vừa mọc phạm Ba-la-di, ở trong pháp Ba-la-di nghi không biết là Ba-la-di hay là Tăng-già-bà-thi-sa, là Ba-la-di hay là Ba-dật-đề, là Ba-la-di hay là Ba-la-đề-đề-xá-ni, là Ba-la-di hay là Đột-kiết-la, sau đó dứt nghi, ở trong pháp Ba-la-di tưởng là Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu đến sáng hôm sau thì phạm Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo-ni này Tăng đã cho yết ma Bất kiến tẫn, yết ma Bất tác tẫn, yết ma Bất xả ác tà kiến tẫn, điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại, lúc đó che giấu thì không phạm. Nhưng khi Tăng đã giải các yết ma trên, bịnh thống khổ đã dứt, trở lại được bổn tâm mà che giấu tội cho Tỳ-kheo-ni kia đến sáng hôm sau thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-la-di .

Nếu Tỳ-kheo-ni thấy Tỳ-kheo-ni khác vào sáng sớm phạm Ba-la-di, ở trong pháp Ba-la-di nghi không biết là Ba-la-di hay là Tăng-già-bà-thi-sa, là Ba-la-di hay là Ba-dật-đề, là Ba-la-di hay là Ba-la-đề-đề-xá-ni, là Ba-la-di hay là Đột-kiết-la, sau đó dứt nghi, ở trong pháp Ba-la-di tưởng là Ba-dật-đề, che giấu đến sáng hôm sau thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo-ni thấy Tỳ-kheo-ni

vào sáng sớm, mặt trời đã mọc, trong buổi sáng, vào giờ ngọ, xế trưa, trong buổi chiều, mặt trời lặn, phần đầu của đầu đêm, phần giữa của đầu đêm, phần sau của đầu đêm, phần đầu của giữa đêm, phần giữa của giữa đêm, phần sau của giữa đêm, phần đầu của cuối đêm, phần giữa của cuối đêm, phần sau của cuối đêm, mặt trời vừa mọc phạm Ba-la-di, ở trong pháp Ba-la-di nghi không biết là Ba-la-di hay là Tăng-già-bà-thi-sa, là Ba-la-di hay là Ba-dật-đề, là Ba-la-di hay là Ba-la-đề-đề-xá-ni, là Ba-la-di hay là Đột-kiết-la, sau đó dứt nghi, ở trong pháp Ba-la-di tưởng là Ba-dật-đề, che giấu đến sáng hôm sau thì phạm Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo-ni này Tăng đã cho yết ma Bất kiến tẫn, yết ma Bất tác tẫn, yết ma Bất xả ác tà kiến tẫn, điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại, lúc đó che giấu thì không phạm. Nhưng khi Tăng đã giải các yết ma trên, bịnh thống khổ đã dứt, trở lại được bổn tâm mà che giấu tội cho Tỳ-kheo-ni kia đến sáng hôm sau thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni thấy Tỳ-kheo-ni khác vào sáng sớm phạm Ba-la-di, ở trong pháp Ba-la-di nghi không biết là Ba-la-di hay là Tăng-già-bà-thi-sa, là Ba-la-di hay là Ba-dật-đề, là Ba-la-di hay là Ba-la-đề-đề-xá-ni, là Ba-la-di hay là Đột-kiết-la, sau đó dứt nghi, ở trong pháp Ba-la-di tưởng là Ba-la-đề-đề-xá-ni, che giấu đến sáng hôm sau thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo-ni thấy Tỳ-

kheo-ni vào sáng sớm, mặt trời đã mọc, trong buổi sáng, vào giờ ngọ, xế trưa, trong buổi chiều, mặt trời lặn, phần đầu của đầu đêm, phần giữa của đầu đêm, phần sau của đầu đêm, phần đầu của giữa đêm, phần giữa của giữa đêm, phần sau của giữa đêm, phần đầu của cuối đêm, phần giữa của cuối đêm, phần sau của cuối đêm, mặt trời vừa mọc phạm Ba-la-di, ở trong pháp Ba-la-di nghi không biết là Ba-la-di hay là Tăng-già-bà-thi-sa, là Ba-la-di hay là Ba-dật-đề, là Ba-la-di hay là Ba-la-đề-đề-xá-ni, là Ba-la-di hay là Đột-kiết-la, sau đó dứt nghi, ở trong pháp Ba-la-di tưởng là Ba-la-đề-đề-xá-ni, che giấu đến sáng hôm sau thì phạm Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo-ni này Tăng đã cho yết ma Bất kiến tẫn, yết ma Bất tác tẫn, yết ma Bất xả ác tà kiến tẫn, điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại, lúc đó che giấu thì không phạm. Nhưng khi Tăng đã giải các yết ma trên, bịnh thống khổ đã dứt, trở lại được bổn tâm mà che giấu tội cho Tỳ-kheo-ni kia đến sáng hôm sau thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni thấy Tỳ-kheo-ni khác vào sáng sớm phạm Ba-la-di, ở trong pháp Ba-la-di nghi không biết là Ba-la-di hay là Tăng-già-bà-thi-sa, là Ba-la-di hay là Ba-dật-đề, là Ba-la-di hay là Ba-la-đề-đề-xá-ni, là Ba-la-di hay là Đột-kiết-la, sau đó dứt nghi, ở trong pháp Ba-la-di tưởng là Đột-kiết-la, che giấu đến sáng hôm sau thì Tỳ-kheo-ni này

phạm Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo-ni thấy Tỳ-kheo-ni vào sáng sớm, mặt trời đã mọc, trong buổi sáng, vào giờ ngọ, xế trưa, trong buổi chiều, mặt trời lặn, phần đầu của đầu đêm, phần giữa của đầu đêm, phần sau của đầu đêm, phần đầu của giữa đêm, phần giữa của giữa đêm, phần sau của giữa đêm, phần đầu của cuối đêm, phần giữa của cuối đêm, phần sau của cuối đêm, mặt trời vừa mọc phạm Ba-la-di, ở trong pháp Ba-la-di nghi không biết là Ba-la-di hay là Tăng-già-bà-thi-sa, là Ba-la-di hay là Ba-dật-đề, là Ba-la-di hay là Ba-la-đề-đề-xá-ni, là Ba-la-di hay là Đột-kiết-la, sau đó dứt nghi, ở trong pháp Ba-la-di tưởng là Đột-kiết-la, che giấu đến sáng hôm sau thì phạm Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo-ni này Tăng đã cho yết ma Bất kiến tẫn, yết ma Bất tác tẫn, yết ma Bất xả ác tà kiến tẫn, điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại, lúc đó che giấu thì không phạm. Nhưng khi Tăng đã giải các yết ma trên, bịnh thống khổ đã dứt, trở lại được bổn tâm mà che giấu tội cho Tỳ-kheo-ni kia đến sáng hôm sau thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-la-di .

4. Pháp Thứ Tám: Tùy Cử

Phật tại nước Câu-xá-di, lúc đó Tăng nhất tâm hòa hợp như pháp cho Tỳ-kheo Ca-lưu-la-đề-xá yết ma Bất kiến tẫn, Tỳ-kheo này có bảy chị em là Tỳ-kheo-ni là Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà, Châu-na-nan-đà, Đề xá, Ưu-ba-đề-xá, Thành-đa-đề-xá. Ba-la-na-đề-xá và Lặc-xoa-đa đề-xá. Các Tỳ-

kheo-ni này nghe tin liền đến chỗ Ca-lưu-la-đề-xá hỏi rằng: "Tăng thật đã cho thầy yết ma Bất kiến tẫn phải không?", đáp là đã cho, các Tỳ-kheo-ni này nói: "Thầy chớ hạ ý nhún nhường chiết phục, chúng tôi sẽ cúng dường cho thầy tài vật, y bát, bốn loại dược: Thời dược, thời phần dược, thất nhật dược và tận hình dược. Nếu muốn đọc tụng kinh hay hỏi nghi, chúng tôi sẽ chỉ dạy cho thầy, thầy cần gì phải chiết phục". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo-ni này: "Các cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo này, Tăng nhất tâm hòa hợp đã như pháp tác yết ma Bất kiến tẫn, một mình không có hai, không bè bạn, không thôi dứt mà còn làm hạnh tùy thuận", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo này, Tăng nhất tâm hòa hợp đã như pháp tác yết ma Bất kiến tẫn, một mình không có hai, không bè bạn, không thôi dứt mà còn làm hạnh tùy thuận. Các Tỳ-kheo-ni nên can ngăn Tỳ-kheo-ni này rằng: "Tỳ-kheo này, Tăng nhất tâm hòa hợp đã như pháp tác yết ma Bất kiến tẫn, một mình không có hai, không bè bạn,

không thôi dứt. Cô không được làm hạnh tùy thuận". Khi các Tỳ-kheo-ni can ngăn như vậy mà Tỳ-kheo-ni này vẫn chấp chặt không chịu bỏ việc làm này thì các Tỳ-kheo-ni nên can ngăn đến lần thứ ba, nếu chịu bỏ thì tốt; nếu không chịu bỏ thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-la-di, không được ở chung.

Biết là tự biết hay nghe từ người khác, hoặc Tỳ-kheo-ni phạm tội tự nói. Như pháp là như pháp như luật, như lời Phật dạy tẫn xuất. một mình không có hai, không bè bạn là bị tẫn, tất cả chúng tăng đều đuổi. Không thôi dứt là không hạ ý chiết phục, không bỏ ác tà kiến. Tùy thuận có hai là cho tài và cho pháp. Các Tỳ-kheo-ni kia nên nói với Tỳ-kheo này rằng: "Thầy nên đến trong Tăng hạ ý chiết phục, nếu thầy không hạ ý chiết phục thì Ni tăng sẽ tác pháp yết ma không lễ bái, không cùng nói chuyện, không cúng dường". Nếu Tỳ-kheo này nghe rồi chịu hạ ý chiết phục thì tốt, nếu không chịu thì Ni tăng nên nhất tâm hòa hợp tác pháp yết ma không lễ bái, không cùng nói chuyện, không cúng dường cho Tỳ-kheo này.

Tác pháp yết ma như sau: Ni tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo-ni trong Tăng xướng rằng:

Đại đức Ni tăng lắng nghe, Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo tên ____, Tăng nhất tâm hòa hợp đã tác yết ma Bất kiến tẫn, một mình không có hai, không bè bạn, không thôi dứt. Nếu tăng đúng thời đến nghe,

Tăng nên chấp thuận, Ni tăng nay tác pháp yết ma không lễ bái, không cùng nói chuyện, không cúng dường cho Tỳ-kheo tên . Bạch như vậy. Như thế bạch tứ yết ma cho đến câu Ni tăng đã tác pháp yết ma không lễ bái, không cùng nói chuyện, không cúng dường cho Tỳ-kheo tên xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Tỳ-kheo-ni tăng cũng nên nói với các Tỳ-kheo-ni tùy thuận trợ giúp này rằng: "Các cô nên biết Tỳ-kheo này, Tăng nhất tâm hòa hợp đã tác yết ma Bất kiến tẫn, một mình không có hai, không bè bạn, không thôi dứt. Các cô không được làm hạnh tùy thuận". Khi các Tỳ-kheo-ni can ngăn như vậy mà Tỳ-kheo-ni này vẫn chấp chặt không chịu bỏ việc làm này thì các Tỳ-kheo-ni nên can ngăn đến lần thứ ba, nếu chịu bỏ thì tốt; nếu không chịu bỏ thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-la-di, không được ở chung. Ba-la-di là tội xấu xa cực trọng, thối đọa không như ý. Tỳ-kheo-ni phạm tội này không còn gọi là Sa-môn ni, không phải là Thích chủng nữ, mất pháp Tỳ-kheo-ni. Không cùng ở chung là các Tỳ-kheo-ni không cùng Tỳ-kheo-ni chung làm pháp sự như Đơn bạch yết ma, bạch nhị yết ma, bạch tứ yết ma, bố tát, tự tứ, yết ma cử mười ba hạng người…

Tướng phạm trong giới này là nếu Ni tăng chưa tác pháp yết ma không lễ bái, không cùng nói chuyện, không cúng dường; các Tỳ-kheo-ni tùy

thuận dạy kinh cho Tỳ-kheo bị tẫn này thì khi nói mỗi câu kệ đều phạm Đột-kiết-la, khi nói mỗi chương cú đều phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo bị tẫn dạy cho các Tỳ-kheo-ni tùy thuận đọc tụng kinh, nếu Tỳ-kheo-ni lãnh thọ thì mỗi câu kệ đều phạm Đột-kiết-la, mỗi chương cú đều phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo-ni cúng dường tài vật như y bát, bốn loại dược thì mỗi mỗi đều phạm Đột-kiết-la; nếu Tỳ-kheo bị tẫn cung cấp tài vật cho các Tỳ-kheo-ni tùy thuận mà thọ nhận thì mỗi mỗi đều phạm Đột-kiết-la.

Nếu Ni tăng đã tác pháp yết ma không lễ bái, không cùng nói chuyện, không cúng dường; các Tỳ-kheo-ni tùy thuận dạy kinh cho Tỳ-kheo bị tẫn này thì khi nói mỗi câu kệ đều phạm Thâu-lan-giá, khi nói mỗi chương cú đều phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo bị tẫn dạy cho các Tỳ-kheo-ni tùy thuận đọc tụng kinh, nếu Tỳ-kheo-ni lãnh thọ thì mỗi câu kệ đều phạm Thâu-lan-giá, mỗi chương cú đều phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo-ni cúng dường tài vật như y bát, bốn loại dược thì mỗi mỗi đều phạm Thâu-lan-giá; nếu Tỳ-kheo bị tẫn cung cấp tài vật cho các Tỳ-kheo-ni tùy thuận mà thọ nhận thì mỗi mỗi đều phạm Thâu-lan-giá.

Các Tỳ-kheo-ni trước nên dùng lời dịu dàng can ngăn các ni tùy thuận trợ giúp này rằng: "Các cô chớ tùy thuận trợ giúp Tỳ-kheo bị tẫn này, chớ làm hạnh tùy thuận", nếu lúc này chịu bỏ thì Ni

tăng nên bảo sám hối các tội Đột-kiết-la và các tội Thâu-lan-giá. Nếu dịu dàng can ngăn mà không chịu bỏ, Ni tăng nên bạch tứ yết ma can ngăn như sau: Ni tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo-ni trong Tăng xướng rằng:

Đại đức Ni tăng lắng nghe, Tỳ-kheo tên ____, Tăng nhất tâm hòa hợp đã tác yết ma Bất kiến tẫn, một mình không có hai, không bè

bạn, không thôi dứt. Các Tỳ-kheo-ni tên làm hạnh tùy thuận

trợ giúp Tỳ-kheo bị tẫn này. Ni tăng đã dùng lời dịu dàng can ngăn mà không chịu bỏ. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay yết ma can ngăn các Tỳ-kheo-ni tên rằng: "Tỳ-kheo tên ____ , Tăng nhất tâm hòa hợp đã tác yết ma Bất kiến tẫn, một mình không có hai, không bè bạn, không thôi dứt. Các cô không được làm hạnh tùy thuận". Bạch như vậy.

Như thế bạch tứ yết ma cho đến câu Tăng nay đã yết ma can ngăn các Tỳ-kheo-ni làm hạnh tùy thuận này rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Như trước Phật đã dạy các Tỳ-kheo-ni nên dịu dàng can ngăn cho đến ba lần, đây gọi là ước sắc, cũng gọi là giáo, cũng gọi là ước sắc giáo. Khi dịu dàng can ngăn mà không chịu bỏ cũng chưa phạm, yết ma can lần thứ nhất chưa xong hoặc xong, can

lần thứ hai chưa xong hoặc xong, can lần thứ ba chưa xong mà phi pháp biệt chúng, phi pháp hòa hợp chúng, tợ pháp biệt chúng, tợ pháp hòa hợp chúng, như pháp biệt chúng, khác pháp khác luật, khác lời Phật dạy thì vẫn chưa phạm. Nếu như pháp như luật, như lời Phật dạy tác yết ma can ngăn ba lần rồi mà không chịu bỏ thì Tỳ-kheo-ni này mới phạm Ba-la-di .

II. MƯỜI BẢY PHÁP TĂNG TÀN (Mười Pháp Bất Cọng)

1. Pháp Thứ Tư: Tự Tay Thọ Thức Ăn.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có một Tỳ-kheo-ni tên là Thi-việt trẻ tuổi đoan chánh, một thương nhân vừa nhìn thấy liền sanh lậu tâm (tâm ái nhiễm) nên suy nghĩ: "Tỳ-kheo-ni được vua bảo hộ, không thể cưỡng bức làm việc bất tịnh, ta nên thỉnh cúng dường những vật cô ấy cần dùng", nghĩ rồi liền đến nói với ni Thi-việt: "Nếu cô có cần gì những thứ cần dùng như y thực, thuốc thang, ngọa cụ… tôi đều sẽ cung cấp cho cô", Thi-việt nói: "Tôi sẽ thọ ông thỉnh". Sau đó ni Thi-việt theo lời thỉnh đến lấy dùng những vật cần dùng kể trên, khi thương nhân biết ni này tâm chuyển (xiêu lòng) liền nói với ni: "Hãy đến làm việc dâm dục", ni nói: "Chớ nói lời này vì tôi là người trì giới đoạn dục", thương nhân tức giận nói: "Này cô, nếu cô là người trì giới đoạn dục, tại sao lại thọ y thực của tôi cúng

dường", nói rồi liền muốn cưỡng bức Thi-việt, Thi-việt lớn tiếng kêu la. Lúc đó nhiều người tụ đến hỏi nguyên do, thương nhân nói: "Cô ấy thọ y thực của tôi lại không chìu theo ý tôi", các cư sĩ hỏi ni: "Cô đã thọ y thực của người, vì sao lại không chìu theo ý người", Thi-việt nói: "Tôi không vì việc dâm mà thọ y thực của người ấy, ông đến nói với tôi: "Nếu cô có cần gì những vật cần dùng như y thực, thuốc thang, ngọa cụ, tôi đều sẽ cung cấp cho cô". Vì thế tôi thọ mà không biết ông ấy cho với dụng ý này", các cư sĩ hỏi: "Thương nhân này có phải là bà con bên cha hay bên mẹ của cô không?", đáp là không phải, các cư sĩ nói: "Nếu không phải là bà con bên cha bên mẹ của cô, lại không phải là bậc hiền thiện cầu phước đức thì tại sao cô nói là không biết ông cho y thực là với dụng ý này. Cho cô như thế tức là muốn làm việc dâm rồi", các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích nữ tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại thọ tài vật của người khác như pháp của dâm nữ". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni Thi-việt: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại có lậu tâm đến thọ y thực của người có lậu tâm", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay

giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni có lậu tâm đến người nam có lậu tâm tự tay thọ thức ăn thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Pháp này vừa làm liền phạm và được sám hối.

Lậu tâm là đối với người này sanh ái kết sâu nặng, người nam có lậu tâm cũng như vậy. Người nam-là người có thể làm việc dâm. Thức ăn bao gồm năm loại thức ăn Khư-đà-ni (củ, thân, hoa, lá, quả), năm loại thức ăn Bồ-xà-ni (cơm, bún, miến, cá và thịt) và năm loại thức ăn tương tợ (lúa tẻ, lúa nếp, lúa mạch, bo bo và thức ăn Ca sư). Tăng-già-bà-thi-Sa-là tội này thuộc Tăng, ở trong Tăng có dư tàn nên phải sám hối trước Tăng thì tội mới dứt trừ.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni có lậu tâm đến người nam có lậu tâm tự tay thọ các loại thức ăn kể trên thì đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu có cư sĩ vì Tỳ-kheo-ni nên cúng dường thức ăn cho các Tỳ-kheo-ni, nhưng riêng tư cúng nhiều cho cô ni mà mình yêu mến, nếu cô ni này thọ thì phạm Thâu-lan-giá.

2. Pháp Thứ Năm: Khuyên Đến Thọ Thức Ăn

Phật tại thành Vương xá, lúc đó có một ni đến nói với ni Thi-việt: "Nếu cô không có lậu tâm, chỉ riêng người nam có lậu tâm thì đến tự tay thọ thức

ăn hoặc tùy ý lấy dùng thì đâu có việc gì". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni kia: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại đến khuyên ni khác rằng: "Nếu cô không có lậu tâm, chỉ riêng người nam có lậu tâm thì đến tự tay thọ thức ăn hoặc tùy ý lấy dùng thì đâu có việc gì", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni nói với Tỳ-kheo-ni khác rằng: "Nếu cô không có lậu tâm, chỉ riêng người nam có lậu tâm thì đến tự tay thọ thức ăn hoặc tùy ý lấy dùng thì đâu có việc gì", thì Tỳ-kheo-ni này phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Pháp này vừa làm liền phạm và được sám hối.

Tăng-già-bà-thi-Sa-là tội này thuộc Tăng, ở trong Tăng có dư tàn nên phải sám hối trước Tăng thì tội mới dứt trừ.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni nói với ni khác rằng: "Nếu cô không có lậu tâm, chỉ riêng người nam có lậu tâm thì đến tự tay thọ thức ăn hoặc tùy ý lấy dùng thì đâu có việc gì" thì Tỳ-kheo-ni này phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu Tỳ-kheo-ni nói với ni khác rằng: "Nếu cô không có lậu

tâm, chỉ riêng người nam có lậu tâm cho cô thức ăn, cô chỉ lấy ăn và tùy ý thọ dụng thì đâu có việc gì", thì Tỳ-kheo-ni này phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu Tỳ-kheo-ni nói với ni khác rằng: "Cô không có lậu tâm, dù người nam có lậu tâm cũng đâu có việc gì, cô chớ đến tự tay thọ thức ăn và chớ tùy ý thọ dụng", thì Tỳ-kheo-ni này phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo-ni nói với ni khác rằng: "Cô không có lậu tâm, dù người nam có lậu tâm cũng đâu có việc gì, chỉ cần cô không tự tay thọ thức ăn và không tùy ý thọ dụng", thì Tỳ-kheo-ni này phạm Thâu-lan-giá.

3. Pháp Thứ Sáu: Một Mình Ngủ Lại Đêm

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có Tỳ-kheo-ni tên là Bạt-đà là con gái của Bà-la-môn Ca-tỳ-la, chị của cô chết nên cô đến nhà chị, nhân đó thuyết pháp cho người chồng của chị nghe đến lúc mặt trời lặn. Lúc đó cô nghĩ: "Nếu giờ này trở về tinh xá thì sợ trên đường đi gặp giặc cướp", nghĩ rồi bèn ở lại nhà, người anh rể này suy nghĩ: "Tỳ-kheo-ni này không trở về tinh xá chắc là muốn phản giới hoàn tục. Ta nên cầu hôn để cô ấy thay vào chỗ chị", nghĩ rồi liền nói với ni rằng: "Tôi có rất nhiều tài bảo, những đồ nữ trang mà chị cô đã trang sức đều vẫn còn đây. Nếu tôi lấy người khác làm vợ thì sợ người đó sẽ không chăm sóc con tôi tốt, con của tôi cũng không thích người lạ. Nếu cô muốn phản

giới hoàn tục thì hãy làm mẹ của con tôi, cô xem nó như con ruột, nó cũng xem cô như mẹ ruột", ni Bạt-đà liền suy nghĩ: "Nếu ta trái lời thì sợ người này cưỡng bức, ta nên im lặng cho yên", nghĩ rồi liền im lặng. Người anh rể này cho là cô đồng ý nhưng vì người chị vừa mới chết nên im lặng, vì thế đến nữa đêm nói lời cầu hôn lại lần thứ hai, cuối đêm nói lại lần thứ ba. Đến trời sáng Bạt-đà vội thoát khỏi chỗ xúc não này trở về tinh xá và kể lại cho các Tỳ-kheo-ni nghe. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo-ni Bạt-đà: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại một mình ngủ qua đêm ở chỗ khác", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni một mình ngủ lại đêm ở chỗ khác, cho đến một đêm thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Pháp này vừa làm liền phạm và được sám hối.

Đêm là từ khi mặt trời lặn cho đến hôm sau lúc trời chưa sáng, trong khoảng giữa này gọi là đêm. Tăng-già-bà-thi-Sa-là tội này thuộc Tăng, ở trong Tăng có dư tàn nên phải sám hối trước Tăng thì tội mới dứt trừ.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni

từ lúc mặt trời lặn một mình ngủ lại đêm ở chỗ khác thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Mặt trời đã lặn, phần đầu của đầu đêm, phần giữa của đầu đêm, phần sau của đầu đêm, phần đầu của giữa đêm, phần giữa của giữa đêm, phần sau của giữa đêm, phần đầu của cuối đêm, phần giữa của cuối đêm, phần sau của cuối đêm cũng như vậy. Lại nữa Tỳ-kheo-ni từ lúc mặt trời vừa mọc một mình ở lại chỗ khác ngủ qua đêm cho đến sáng hôm sau thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu có Tỳ-kheo-ni đi cùng hoặc phản giới hoàn tục, hoặc chết hoặc vào ngoại đạo hoặc có một trong tám nạn xảy ra thì không phạm.

4. Pháp Thứ Bảy: Đi Một Mình Đến Nhà Cư Sĩ

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà quen biết nhiều nên thường ra vào các nhà ấy. Sáng hôm đó, cô đắp y mang bát đi đến một nhà, ra khỏi nhà này lại đi đến nhà khác… cứ như vậy cho đến xế trưa mới trở về, bơ phờ mệt mỏi nằm trong phòng tự nói: "Bàn chân, gót chân, đầu gối, lưng đều đau nhức", nói rồi bảo các ni: "Các cô hãy đấm bóp cho tôi", các ni hỏi: "Cô đi đâu giờ này mới trở về?", đáp: "Tôi đến một nhà, sau đó lại đến nhà khác… cứ như vậy đến giờ này mới trở về", lại hỏi: "Cô đi như vậy là vì Phật sự hay Tăng sự?", đáp là không vì việc gì cả, các ni nói: "Nếu cô không vì Phật sự cũng không vì Tăng

sự thì đi như vậy làm chi, đến nỗi bơ phờ mệt mỏi". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại vào ban ngày một mình đi đến các nhà bạch y", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni vào ban đêm hay ban ngày một mình đi đến các nhà bạch y thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Pháp này vừa làm liền phạm và được sám hối.

Ban ngày là từ trời sáng cho đến lúa mặt trời chưa lặn, trong khoảng thời gian này gọi là ban ngày.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni một mình đi đến nhà bạch y từ lúc trời vừa sáng cho đến khi mặt trời vừa lặn mới trở về thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Vào sáng sớm, mặt trời đã mọc, trong buổi sáng, vào giờ ngọ, xế trưa, trong buổi chiều, mặt trời lặn mới trở về đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu có Tỳ-kheo-ni đi cùng hoặc phản giới hoàn tục, hoặc chết hoặc vào ngoại đạo hoặc có một trong tám nạn xảy ra thì không phạm.

5. Pháp Thứ Tám: Một Mình Đến Các Tụ Lạc

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ni Thâu-la-nan-đà thích nhìn người nam nên mới sáng sớm ra đứng ở cửa thành nhìn ngắm nam tử ra vào ai đẹp ai xấu, bỗng thấy có một người nam từ trong thành đi ra dung mạo đoan chánh liền sanh tâm ái nhiễm, đến hỏi người nam-là muốn đi đâu, đáp là muốn đến tụ lạc , liền nói: "Ông cho tôi đi cùng", đáp là tùy ý. Trên đường đi, Thâu-la-nan-đà nói cười với người nam rất vui vẻ, người này có việc nên đi vào trong tụ lạc , Thâu-la-nan-đà không có việc nên đứng bên ngoài chờ, người nam-lại đi vào tụ lạc khác, Thâu-la-nan-đà lại đứng bên ngoài chờ… cứ như thế cho đến xế trưa mới trở về, bơ phờ mệt mỏi nằm trong phòng tự nói: "Bàn chân, gót chân, đầu gối, lưng đều đau nhức", nói rồi bảo các ni: "Các cô hãy đấm bóp cho tôi", các ni hỏi: "Cô đi đâu giờ này mới trở về?", đáp: "Tôi đến một tụ lạc, sau đó lại đến một tụ lạc khác… cứ như vậy đến giờ này mới trở về", lại hỏi: "Cô đi như vậy là vì Phật sự hay Tăng sự?", đáp là không vì việc gì cả, các ni nói: "Nếu cô không vì Phật sự cũng không vì Tăng sự thì đi như vậy làm chi, đến nỗi bơ phờ mệt mỏi". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà: "Cô thật

đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại một mình đi đến các tụ lạc", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni vào ban ngày hay ban đêm một mình đi đến các tụ lạc thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Pháp này vừa làm liền phạm và được sám hối.

Đi có hai: Đi đường bộ và đi đường thủy.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni một mình đi đường bộ đến các tụ lạc thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa, giữa đường trở về thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu không có tụ lạc, đi đến chỗ đồng trống cho đến một Câu-lô-xá thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa, giữa đường trở về thì phạm Thâu-lan-giá. Đi đường thủy cũng như vậy. Nếu có Tỳ-kheo-ni đi cùng hoặc phản giới hoàn tục, hoặc chết hoặc vào ngoại đạo hoặc có một trong tám nạn xảy ra thì không phạm.

6. Pháp Thứ Chín: Một Mình Lội Qua Bờ Kia Ngủ Đêm

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có các Tỳ-kheo-ni từ nước Kiều-tát-la du hành đến nước Xá-vệ, khi đi đến bên bờ sông đứng nói với nhau:

"Ai có thể lội vào nước trước, xem thử sâu cạn thế nào". Trong số ni có ni tên Tu-mục-khư, người

khỏe mạnh thuộc dòng Bà-la-môn nói: "Để tôi lội vào nước trước", nói rồi xuống nước, lội qua bờ kia nhưng lúc đó nước thủy triều dâng cao nên không thể lội trở qua được, phải một mình ở bên bờ kia ngủ lại đêm, ban đêm gặp giặc cướp lột hết y phục. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni Tu-mục-khư: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại một mình ngủ đêm bên bờ kia", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni vào ban đêm hay ban ngày ở tụ lạc khác, giới khác mà lội qua bờ kia, một mình ngủ lại đêm thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Pháp này vừa làm liền phạm và được sám hối.

Sông có hai: Một là cởi y lội qua được, hai là không cởi y lội qua được. Có hai bên bờ, ở giữa hai bên bờ có nước chảy tới lui theo dòng, gọi là sông.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni một mình cởi y lội qua sông thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa, giữa đường trở lại thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu hai Tỳ-kheo-ni cùng lội qua sông, một người lội qua bờ kia, một người quay trở lại bờ này thì người lội qua phạm Tăng-già-bà-thi-sa, người

quay lại phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo-ni một mình cởi y lội qua ao nước thì phạm Thâu-lan-giá, giữa đường quay trở lại thì phạm Đột-kiết-la. Nếu hai Tỳ-kheo-ni cùng lội qua ao nước, người lội qua bờ ao kia thì phạm Thâu-lan-giá, người quay trở lại thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo-ni một mình vén y lội qua sông thì phạm Thâu-lan-giá, giữa đường trở lại thì phạm Đột-kiết-la. Nếu hai Tỳ-kheo-ni cùng lội qua sông, một người lội qua bờ kia, một người quay trở lại bờ này thì người lội qua phạm Thâu-lan-giá, người quay lại phạm Đột-kiết-la . Nếu Tỳ-kheo-ni một mình vén y lội qua ao nước thì phạm Đột-kiết-la, giữa đường quay trở lại thì cũng phạm Đột-kiết-la. Nếu hai Tỳ-kheo-ni cùng lội qua ao nước, người lội qua bờ ao kia thì phạm Đột-kiết-la, người quay trở lại thì cũng phạm Đột-kiết-la. Nếu đi qua cầu hoặc đi thuyền qua thì không phạm. Nếu có Tỳ-kheo-ni cùng lội qua hoặc phản giới hoàn tục, hoặc chết hoặc vào ngoại đạo hoặc có một trong tám nạn xảy ra thì không phạm.

7. Pháp Thứ Mười:

Thưa Kiện Cư Sĩ Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo cất Tăng phường ở gần thành Bà Kỳ-đà, thành dần dần đông đúc với nhiều nhà cư sĩ xung quanh, các Tỳ-kheo bị tiếng voi ngựa, tiếng nói cười của nam nữ làm trở ngại việc tụng kinh ngồi thiền. Trong thành có một cư sĩ tên là An-xà-

na có oai đức, nhiều của báu, đầy đủ tướng giàu sang thành tựu nên các Tỳ-kheo bảo ông xây cất Tăng phường ở chỗ khác. Cư sĩ này bèn cất Tăng phường khác ở trong rừng An-xà-na cho các Tỳ-kheo rời bỏ Tăng phường gần thành đến ở. Lúc đó có các Tỳ-kheo-ni từ nước Kiều-tát-la du hành đến nước Xá-vệ, khi đến thành Bà Kỳ-đà ghé lại Tăng phường gần thành ngủ qua đêm, thấy trong Tăng phường này có đầy đủ vật dụng cần dùng như giường chõng, ngọa cụ… nên muốn dừng lại đây ở, liền đến nói với các Tỳ-kheo: "Các đại đức bỏ Tăng phường đó, chúng tôi muốn dừng lại ở trong đó, có được không?", đáp tùy ý. Thời gian sau người chủ của Tăng phường này qua đời, các con của ông phân chia tài sản, trong đó có Tăng phường. Người con được chia phần Tăng phường liền đến bảo các Tỳ-kheo-ni ra đi, các ni hỏi vì sao, đáp: "Tăng phường này là phần tài sản được chia của tôi", các ni nói: "Tăng phường này chúng tôi không phải nhận được từ ông mà là nhận được từ các Tỳ-kheo, nếu các Tỳ-kheo bảo chúng tôi đi thì chúng tôi sẽ đi, ông bảo thì chúng tôi không đi đâu". Trong số ni có ni Tu mục khư thuộc dòng Bà-la-môn là người khỏe mạnh liền cùng người con của cư sĩ này tranh cải, người này tức giận đánh ni, ni này liền đến quan xử đoán kiện người con của cư sĩ đã đánh mình, quan xử đoán hỏi nguyên do, Tu mục khư kể lại sự việc trên, quan xử đoán nói:

"Sa-môn Thích nữ không nên để mất Tăng phường này, vì sao, vì cha cho mà con đoạt, con cho mà cha đoạt thì không thể được". Nói rồi liền cho gọi người con đó đến hỏi là có đánh Tỳ-kheo không, đáp là có đánh, quan xử đoán liền hỏi quan pháp chế: "Người đánh Tỳ-kheo-ni phạm tội gì?", đáp: "Pháp quy định nếu dùng chi phần nào đánh thì chặt bỏ chi phần đó", quan xử đoán hỏi người con đó đã dùng chi phần nào đánh, đáp là dùng tay phải, quan xử đoán liền chặt bỏ tay phải của người con cư sĩ. Lúc đó dân chúng trong thành đều nghe biết việc Sa-môn Thích nữ thưa kiện khiến người con của cư sĩ bị chặt tay, tiếng xấu lan ra khắp thành Xá-vệ. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni Tu-mục-khư: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại đi kiện thưa khiến người khác bị chặt tay", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni đến chỗ vua, quan, Bà-la-môn và cư sĩ, dựa vào thế lực để thưa kiện người khác thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Pháp này vừa làm liền phạm và được sám hối.

Vua dòng Sát-đế-lỵ thọ vương vị làm pháp

quán đảnh rưới nước trên đảnh đầu được gọi là vua; Bà-la-môn, cư sĩ hay người nữ nếu thọ vương vị được làm lễ quán đảnh cũng được gọi là vua. Quan là người hưởng lộc quan. Bà-la-môn là người thuộc dòng Bà-la-môn. Cư sĩ là trừ vua, Bà-la-môn và những người xuất gia khác. Dựa vào thế lực là dựa vào thế lực người khác thích đấu tranh để thưa kiện. Tăng-già-bà-thi-Sa-là tội này thuộc Tăng, ở trong Tăng có dư tàn nên phải sám hối trước Tăng thì tội mới dứt trừ.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni đến chỗ vua quan, Bà-la-môn, cư sĩ, dựa vào thế lực của người xử đoán để thưa kiện thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu sự việc đã được xử đoán xong, ở trước người xử đoán tức giận chửi mắng người đã đánh mình thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu đến người khác tức giận chửi mắng người đã đánh mình thì phạm Thâu-lan-giá; ở chỗ khuất chửi mắng hoặc không thưa kiện thì không phạm.

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 43

LUẬT NI (Tiếp Theo)

II - MƯỜI BẢY PHÁP TĂNG TÀN (Tiếp Theo)

8. Pháp Mười Một: Độ Tặc Nữ Xuất Gia

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó vua Ba-tư-nặc có ngàn tướng quân chiến đấu, một nữa là dòng Sát-đế-lỵ, một nữa là dòng Bà-la-môn; một bộ tên là Y-xá-la, một bộ tên là Đạt-đa-ma-na. Do ở biên cương có một nước nhỏ phản loạn nên vua sai ngàn tướng quân này đem binh đi đánh dẹp, dẹp loạn xong trở về bạch vua: "Chúng thần đã thắng lợi, nguyện cho vua thường thắng lợi", vua vui mừng nói: "Các tướng quân có nguyện gì, ta sẽ cho được như nguyện", một tướng quân nói: "Đại vương, vợ thần có tội tư thông, không theo ý thần, xin cho thần trị tội cô ta sáu ngày tử ẩm, đến ngày thứ bảy dùng dao lưỡi bò xẻ thân", vua nói: "Cho khanh được như nguyện". Lúc đó người vợ của vị tướng quân này tuy có nhiều người thân có thế lực đến ngăn cản pháp trị sáu ngày tử ẩm, nhưng pháp của

các tướng quân là một người gặp việc thì tất cả đều ủng hộ trợ giúp nên người vợ phạm tội tư thông này phải chịu trị phạt đủ sáu ngày tử ẩm, ngày mai là ngày thứ bảy sẽ bị xẻ thân bằng dao lưỡi bò. Sáng sớm hôm đó Tỳ-kheo-ni tên là Tư-na là con gái của cư sĩ Ma-na thường ra vào nhà tướng quân này, khi vào nhà thấy những người vợ khác đều mặc y phục đẹp, trên thân trang sức chuỗi anh lạc trang nghiêm; còn người vợ này thì ngồi rầu rĩ liền đến hỏi nguyên do, người vợ này kể rõ nguyên do rồi nói: "Ngày mai là ngày thứ bảy tôi sẽ bị xẻ thân bằng dao lưỡi bò, cô có thể dẫn tôi đi được không?", đáp là được, liền lấy ca sa khoát lên người của người vợ này rồi đưa đến trong Tăng phường cho xuất gia. Sáng hôm sau các tướng quân dòng Sát-đế-lỵ đến định dùng dao lưỡi bò xẻ thân người vợ tư thông này thì tìm không thấy đâu, liền hỏi gia nhân: "Ai đã ra vào nhà này", đáp là Tỳ-kheo-ni Tư-na, các tướng dòng Sát-đế-lỵ đến bao vây Tăng phường của tỳ-kheo-ni, có một vị tướng tuổi trẻ không biết tội phước liền nói: "Tất cả Tỳ-kheo-ni này đều nên dùng dao lưỡi bò xẻ thân ra làm hai", vị trưởng lão dòng Sát-đế-lỵ nói: "Tỳ-kheo-ni được vua thủ hộ, không nên tự tiện làm nghiệp ác. Hãy đợi một lát, ta vào tâu vua, vua bảo thế nào chúng ta sẽ hành theo như thế ấy". Lúc đó các Tỳ-kheo-ni đến chỗ phu nhân Mạt-lợi kể rõ sự việc, phu nhân tâu lại nhà vua, khi các tướng

dòng Sát-đế-lỵ đến trước vua tâu rõ sự việc, vua liền nói: "Trước đây ta đã cho các tướng được nguyện, nay các tướng hãy cho ta được nguyện", các tướng tâu: "Chúng thần sẽ làm theo nguyện của vua", vua nói: "Người vợ tư thông kia nay đã xuất gia giống như được sống lại, không còn là vợ của tướng quân dòng Sát-đế-lỵ nữa", các tướng nói: "Chúng thần sẽ thả cho cô ấy đi". Sau đó vua sai sứ giả đến nói với các Tỳ-kheo-ni rằng: "Việc các cô làm là không đúng, tội tặc nữ này đáng chết, các cô biết vua không cho, các tướng dòng Sát-đế-lỵ không cho thì không nên cho xuất gia, nếu các tướng dòng Sát-đế-lỵ dùng dao lưỡi bò xẻ thân các cô ra làm hai thì làm sao. Phật nghe biết việc này sẽ kết giới, nếu Tỳ-kheo-ni biết tội của tặc nữ đáng phải chết, mọi người đều biết, vua và các tướng dòng Sát-đế-lỵ không cho thì không nên cho xuất gia". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni Tư-na: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni biết tặc nữ tội đáng chết mà lại độ cho xuất gia", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni biết tặc nữ tội đáng chết, mọi

người đều biết, vua và các tướng dòng Sát-đế-lỵ không cho mà độ cho xuất gia thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Pháp này vừa làm liền phạm và được sám hối.

Biết là tự biết hay nghe từ người khác, hoặc Tặc nữ có tội tự nói. Tặc có hai loại: Một là trộm cướp tài vật, hai là trộm thân tức là tư thông vụng trộm. Đọa tử là phạm tội đáng xử chém. Mọi người đều biết là nhiều người thấy, biết, nghe. Không cho là không tha cho được sống. Tăng-già-bà-thi-Sa-là tội này thuộc Tăng, ở trong Tăng có dư tàn nên phải sám hối trước Tăng thì tội mới dứt trừ.

Tướng phạm trong giới này là nếu Hòa thượng ni biết, A-xà-lê ni biết, Tỳ-kheo-ni tăng biết thì Hòa thượng ni phạm Tăng-già-bà-thi-sa, A-xà-lê ni phạm Thâu-lan-giá, Ni tăng phạm Đột-kiết-la. Nếu Hòa thượng ni biết, A-xà-lê ni biết, Ni tăng không biết thì Hòa thượng ni phạm Tăng-già-bà-thi-sa, A-xà-lê ni phạm Thâu-lan-giá, Ni tăng không phạm. Nếu Hòa thượng ni biết, A-xà-lê ni không biết, Ni tăng không biết thì Hòa thượng ni phạm Tăng-già-bà-thi-sa, A-xà-lê ni và Ni tăng không phạm. Nếu tất cả đều không biết thì đều không phạm.

9. Pháp Mười Hai: Xuất Giới Giải Yết Ma Tẫn

Phật tại nước Câu-xá-di, lúc đó mẹ của trưởng

lão Xa-nặc tên Ưu-bà-hòa có người em tên Xiển-đề đều xuất gia làm Tỳ-kheo-ni. Xiển-đề là người có tánh xấu thường làm hạnh bất thiện, xúc não các Tỳ-kheo-ni nên Ni tăng muốn tác pháp yết ma tẫn, nhưng Ưu-bà-hòa là người đoán sự trong Tăng đã ngăn không cho làm yết ma này. Thời gian sau nhân lúc Ưu-bà-hòa đi đến nơi khác, các Tỳ-kheo-ni liền đánh kiền chùy tác pháp yết ma tẫn ni Xiển-đề, khi Ưu-bà-hòa trở về đến viếng thăm thì Xiển-đề nói: "Chớ nói chuyện với tôi", hỏi vì sao, đáp là đã bị Ni tăng làm yết ma tẫn, Ưu-bà-hòa suy nghĩ: "Ta là người đoán sự trong Tăng đi vắng nên họ mới gượng ép làm yết ma tẫn cho em ta. Nay ta không hỏi các Tỳ-kheo-ni, không lấy dục, xuất giới làm yết ma giải tẫn", nghĩ rồi liền không hỏi các Tỳ-kheo-ni, không lấy dục, xuất giới làm yết ma giải tẫn cho Xiển-đề. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni Ưu-bà-hòa: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni biết Ni tăng đã như pháp làm yết ma tẫn, không hỏi Ni tăng, không lấy dục, xuất giới làm yết ma giải tẫn cho Tỳ-kheo-ni kia", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni biết Ni tăng đã như pháp làm yết ma Bất kiến tẫn cho Tỳ-kheo-ni kia, không hỏi Ni tăng, không lấy dục mà xuất giới làm yết ma giải tẫn cho Tỳ-kheo-ni kia, thì Tỳ-kheo-ni này phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Pháp này vừa làm liền phạm và được sám hối.

Biết là tự biết hay nghe từ người khác, hoặc Tỳ-kheo-ni phạm tội tự nói. Như pháp là như pháp như luật, như lời Phật dạy làm yết ma tẫn. Không hỏi Ni tăng là không đem việc này bạch với Ni tăng. Không lấy dục là cho đến không lấy dục của bốn người. Xuất giới là ra ngoài hàng rào hay tường vách ngăn của Tăng phường. Giải yết ma tẫn là tự làm hay bảo người làm. Tăng-già-bà-thi-Sa-là tội này thuộc Tăng, ở trong Tăng có dư tàn nên phải sám hối trước Tăng thì tội mới dứt trừ.

Tướng phạm trong giới này là nếu Hòa thượng ni biết, người tác yết ma biết, Tỳ-kheo-ni tăng biết thì Hòa thượng ni phạm Tăng-già-bà-thi-sa, người tác yết ma phạm Thâu-lan-giá, Ni tăng phạm Đột-kiết-la. Nếu Hòa thượng ni biết, người tác yết ma biết, Ni tăng không biết thì Hòa thượng ni phạm Tăng-già-bà-thi-sa, người tác yết ma phạm Thâu-lan-giá, Ni tăng không phạm. Nếu Hòa thượng ni biết, người tác yết ma không biết, Ni tăng không biết thì Hòa thượng ni phạm Tăng-già-bà-thi-sa, người tác yết ma và Ni tăng không phạm. Nếu tất cả đều không biết thì đều không phạm.

10. Pháp Mười Bốn: Tự Nói Xả Phật Pháp…

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Tỳ-kheo-ni tên Ca-la vốn là ngoại đạo xuất gia, tánh ưa thích tranh cải, khi cùng các Tỳ-kheo-ni khác tranh cải liền nói rằng: "Tôi xả Phật, xả pháp, xả Tăng và xả giới. Không phải chỉ có một mình Sa-môn Thích tử mới tu phạm hạnh, các Sa-môn, Bà-la-môn khác cũng có hổ thẹn, lành tốt, ưa thích trì giới. Tôi sẽ theo họ tu phạm hạnh". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni Ca-la: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni khi cùng các Tỳ-kheo-ni khác tranh cải lại nói rằng: "Tôi xả Phật, xả pháp, xả Tăng và xả giới. Không phải chỉ có một mình Sa-môn Thích tử mới tu phạm hạnh, các Sa-môn, Bà-la-môn khác cũng có hổ thẹn, lành tốt, ưa thích trì giới. Tôi sẽ theo họ tu phạm hạnh", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau: Nếu Tỳ-kheo-ni khi cùng các Tỳ-kheo-ni khác tranh cải mà nói rằng: "Tôi xả Phật, xả pháp, xả Tăng và xả giới. Không phải chỉ có một mình Sa-môn Thích tử mới tu phạm hạnh, các Sa-môn, Bà-la-môn khác cũng có hổ thẹn, lành tốt, ưa thích

trì giới. Tôi sẽ theo họ tu phạm hạnh". Các Tỳ-kheo-ni nên can ngăn Tỳ-kheo-ni này rằng: "Cô không được khi cùng với các Tỳ-kheo-ni tranh cải lại nói rằng: Tôi xả Phật, xả pháp, xả Tăng và xả giới. Không phải chỉ có một mình Sa-môn Thích tử mới tu phạm hạnh, các Sa-môn, Bà-la-môn khác cũng có hổ thẹn, lành tốt, ưa thích trì giới. Tôi sẽ theo họ tu phạm hạnh. Cô nên ở trong Phật pháp ưa thích tu phạm hạnh, hãy xả bỏ tâm không vui này đi". Khi các Tỳ-kheo-ni khuyên can như vậy mà Tỳ-kheo-ni này vẫn chấp chặt không bỏ thì nên khuyên can đến lần thứ ba cho bỏ việc này. Nếu Tỳ-kheo-ni này chịu bỏ thì tốt, nếu khuyên can đến lần thứ ba mà không chịu bỏ thì Tỳ-kheo-ni này phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Pháp này can ba lần mới phạm và được sám hối.

Tăng-già-bà-thi-Sa-là tội này thuộc Tăng, ở trong Tăng có dư tàn nên phải sám hối trước Tăng thì tội mới dứt trừ.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni nói tôi xả Phật thì phạm Thâu-lan-giá, nói tôi xả pháp cũng phạm Thâu-lan-giá, nói tôi xả Tăng cũng phạm Thâu-lan-giá, nói tôi xả giới cũng phạm Thâu-lan-giá. Nếu nói không phải chỉ có một mình Sa-môn Thích tử mới tu phạm hạnh, các Sa-môn, Bà-la-môn khác cũng có hổ thẹn, lành tốt, ưa thích trì giới. Tôi sẽ theo họ tu phạm hạnh thì phạm Ba-dật-đề vì quở trách Tăng. Các Tỳ-kheo-ni trước

nên dịu dàng khuyên can cho bỏ việc này, nếu chịu bỏ thì nên bảo sám hối bốn tội Thâu-lan-giá và một tội Ba-dật-đề. Nếu dịu dàng khuyên can mà không chịu bỏ thì Ni tăng nên bạch tứ yết ma can ngăn như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo-ni trong Tăng nên xướng như sau:

Đại đức Ni tăng lắng nghe, Tỳ-kheo-ni Ca-la này là ngoại đạo xuất gia, khi cùng các Tỳ-kheo-ni tranh cải nói rằng: "Tôi xả Phật, xả pháp, xả Tăng và xả giới. Không phải chỉ có một mình Sa-môn Thích tử mới tu phạm hạnh, các Sa-môn, Bà-la-môn khác cũng có hổ thẹn, lành tốt, ưa thích trì giới. Tôi sẽ theo họ tu phạm hạnh". Các Tỳ-kheo-ni đã dịu dàng can ngăn nhưng không chịu bỏ ác tà kiến. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay yết ma can ngăn Tỳ-kheo-ni Ca-la: "Khi cùng các Tỳ-kheo-ni tranh cải, cô chớ nói rằng: Tôi xả Phật, xả pháp, xả Tăng và xả giới. Không phải chỉ có một mình Sa-môn Thích tử mới tu phạm hạnh, các Sa-môn, Bà-la-môn khác cũng có hổ thẹn, lành tốt, ưa thích trì giới. Tôi sẽ theo họ tu phạm hạnh". Bạch như vậy.

Như thế bạch tứ yết ma cho đến câu Tăng đã chấp thuận yết ma can ngăn Tỳ-kheo-ni Ca-la xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Như trước Phật đã dạy các Tỳ-kheo-ni nên dịu dàng can ngăn cho đến ba lần, đây gọi là ước sắc,

cũng gọi là giáo, cũng gọi là ước sắc giáo. Khi dịu dàng can ngăn mà không chịu bỏ cũng chưa phạm, yết ma can lần thứ nhất chưa xong hoặc xong, can lần thứ hai chưa xong hoặc xong, can lần thứ ba chưa xong mà phi pháp biệt chúng, phi pháp hòa hợp chúng, tợ pháp biệt chúng, tợ pháp hòa hợp chúng, như pháp biệt chúng, khác pháp khác luật, khác lời Phật dạy thì vẫn chưa phạm. Nếu như pháp như luật, như lời Phật dạy tác yết ma can ngăn ba lần rồi mà không chịu bỏ thì Tỳ-kheo-ni này mới phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

11. Pháp Mười Lăm: Quở Trách Tăng

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ni Ca-la ưa thích tranh cải, sau khi tranh cải bị Ni tăng yết ma can ngăn liền nói rằng: "Ni tăng tùy ái hành, tùy sân hành, tùy bố hành, tùy si hành". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni Ca-la: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại ưa thích tranh cải, sau khi tranh cải bị Ni tăng yết ma can ngăn liền nói rằng: "Ni tăng tùy ái hành, tùy sân hành, tùy bố hành, tùy si hành". quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni ưa thích tranh cải, sau khi tranh cải bị Ni tăng yết ma can ngăn liền nói rằng: "Ni tăng tùy ái hành, tùy sân hành, tùy bố hành, tùy si hành". Các Tỳ-kheo-ni nên can ngăn Tỳ-kheo-ni này rằng: "Cô chớ nói: Ni tăng tùy ái hành, tùy sân hành, tùy bố hành, tùy si hành. Vì sao, vì Ni tăng không tùy ái hành, không tùy sân hành, không tùy bố hành, không tùy si hành". Khi các Tỳ-kheo-ni khuyên can như vậy mà Tỳ-kheo-ni này vẫn chấp chặt không bỏ thì nên khuyên can đến lần thứ ba cho bỏ việc này. Nếu Tỳ-kheo-ni này chịu bỏ thì tốt, nếu khuyên can đến lần thứ ba mà không chịu bỏ thì Tỳ-kheo-ni này phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Pháp này can ba lần mới phạm và được sám hối.

Tăng-già-bà-thi-Sa-là tội này thuộc Tăng, ở trong Tăng có dư tàn nên phải sám hối trước Tăng thì tội mới dứt trừ.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni nói Ni tăng tùy ái hành thì phạm Thâu-lan-giá, nói tùy sân hành thì phạm Thâu-lan-giá, nói tùy bố hành thì phạm Thâu-lan-giá, nói tùy si hành thì phạm Thâu-lan-giá. Các Tỳ-kheo-ni trước nên dịu dàng khuyên can cho bỏ việc này, nếu chịu bỏ thì nên bảo sám hối bốn tội Thâu-lan-giá. Nếu dịu dàng khuyên can mà không chịu bỏ thì Ni tăng nên bạch tứ yết ma can ngăn như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo-ni trong Tăng nên xướng như sau:

Đại đức Ni tăng lắng nghe, Tỳ-kheo-ni Ca-la là ngoại đạo xuất gia, ưa thích tranh cải, sau khi tranh cải bị Ni tăng yết ma can ngăn liền nói rằng: "Ni tăng tùy ái hành, tùy sân hành, tùy bố hành, tùy si hành".

Ni tăng đã dịu dàng can ngăn nhưng không chịu bỏ. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay yết ma can ngăn Tỳ-kheo-ni Ca-la rằng: "Cô chớ ưa thích tranh cải, sau khi tranh cải bị Ni tăng yết ma can ngăn liền nói rằng: Ni tăng tùy ái hành, tùy sân hành, tùy bố hành, tùy si hành.". Bạch như vậy.

Như thế bạch tứ yết ma cho đến câu Tăng đã chấp thuận yết ma can ngăn Tỳ-kheo-ni Ca-la xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Như trước Phật đã dạy các Tỳ-kheo-ni nên dịu dàng can ngăn cho đến ba lần, đây gọi là ước sắc, cũng gọi là giáo, cũng gọi là ước sắc giáo. Khi dịu dàng can ngăn mà không chịu bỏ cũng chưa phạm, yết ma can lần thứ nhất chưa xong hoặc xong, can lần thứ hai chưa xong hoặc xong, can lần thứ ba chưa xong mà phi pháp biệt chúng, phi pháp hòa hợp chúng, tợ pháp biệt chúng, tợ pháp hòa hợp chúng, như pháp biệt chúng, khác pháp khác luật, khác lời Phật dạy thì vẫn chưa phạm. Nếu như pháp như luật, như lời Phật dạy tác yết ma can ngăn ba lần rồi mà không chịu bỏ thì Tỳ-kheo-ni này mới

phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

12. Pháp Mười Sáu: Làm Ác Hạnh Che Giấu Cho Nhau

Phật tại nước Xá-vệ, có hai Tỳ-kheo-ni tên là Đạt-ma và Đàm-di đồng tâm cùng làm ác hạnh, mang tiếng xấu, làm xúc não Ni tăng và che giấu tội cho nhau. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi hai Tỳ-kheo-ni này: "Các cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại đồng tâm cùng làm ác hạnh, mang tiếng xấu, làm xúc não Ni tăng và che giấu tội cho nhau", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau: Nếu có hai Tỳ-kheo-ni đồng tâm cùng làm ác hạnh, mang tiếng xấu, làm xúc não Ni tăng và che giấu tội cho nhau. Ni tăng nên can ngăn hai Tỳ-kheo-ni này rằng: "Các cô chớ đồng tâm cùng làm ác hạnh, mang tiếng xấu, làm xúc não Ni tăng và che giấu tội cho nhau. Các cô hãy bỏ việc làm này, nếu các cô bỏ việc làm này thì ở trong Phật pháp được tăng trưởng". Khi các Tỳ-kheo-ni khuyên can như vậy mà Tỳ-kheo-ni này vẫn chấp chặt không bỏ thì nên khuyên can đến lần thứ ba cho bỏ việc này. Nếu

Tỳ-kheo-ni này chịu bỏ thì tốt, nếu khuyên can đến lần thứ ba mà không chịu bỏ thì Tỳ-kheo-ni này phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Pháp này can ba lần mới phạm và được sám hối.

Hai Tỳ-kheo-ni cùng làm ác hạnh là thân khẩu ý cúng làm ác hạnh. Mang tiếng xấu là khắp nơi đều biết. Xúc não Ni tăng là cho đến xúc não bốn Tỳ-kheo-ni. Che giấu tội cho nhau là cùng làm việc xấu che giấu cho nhau, không cho người khác biết. Tăng-già-bà-thi-Sa-là tội này thuộc Tăng, ở trong Tăng có dư tàn nên phải sám hối trước Tăng thì tội mới dứt trừ.

Tướng phạm trong giới này là nếu hai Tỳ-kheo-ni cùng làm nhân duyên bất thiện thì phạm Thâu-lan-giá, mang tiếng xấu thì phạm Thâu-lan-giá, xúc não Ni tăng thì phạm Thâu-lan-giá, che giấu tội cho nhau thì phạm Thâu-lan-giá. Các Tỳ-kheo-ni trước nên dịu dàng khuyên can cho bỏ việc này, nếu chịu bỏ thì nên bảo sám hối bốn tội Thâu-lan-giá. Nếu dịu dàng khuyên can mà không chịu bỏ thì Ni tăng nên bạch tứ yết ma can ngăn như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo-ni trong Tăng nên xướng như sau:

Đại đức Ni tăng lắng nghe, hai Tỳ-kheo-ni tên Đạt-ma và Đàm-di này đồng tâm cùng làm ác hạnh, mang tiếng xấu, làm xúc não Ni tăng và che giấu tội cho nhau. Ni tăng đã dịu dàng can ngăn mà không chịu bỏ việc làm này. Nếu tăng đúng thời

đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay yết ma can ngăn hai Tỳ-kheo-ni này rằng: "Các cô chớ đồng tâm cùng làm ác hạnh, mang tiếng xấu, làm xúc não Ni tăng và che giấu tội cho nhau". Bạch như vậy.

Như thế bạch tứ yết ma cho đến câu Tăng nay đã chấp thuận yết ma can ngăn hai Tỳ-kheo-ni này xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Như trước Phật đã dạy các Tỳ-kheo-ni nên dịu dàng can ngăn cho đến ba lần, đây gọi là ước sắc, cũng gọi là giáo, cũng gọi là ước sắc giáo. Khi dịu dàng can ngăn mà không chịu bỏ cũng chưa phạm, yết ma can lần thứ nhất chưa xong hoặc xong, can lần thứ hai chưa xong hoặc xong, can lần thứ ba chưa xong mà phi pháp biệt chúng, phi pháp hòa hợp chúng, tợ pháp biệt chúng, tợ pháp hòa hợp chúng, như pháp biệt chúng, khác pháp khác luật, khác lời Phật dạy thì vẫn chưa phạm. Nếu như pháp như luật, như lời Phật dạy tác yết ma can ngăn ba lần rồi mà không chịu bỏ thì Tỳ-kheo-ni này mới phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

13. Pháp Mười Bảy: Khuyên Cùng Đồng Tâm

Phật tại thành Vương xá, lúc đó các Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt đến nói với hai Tỳ-kheo-ni Đạt-ma và Đàm-di rằng: "Các cô chớ làm hạnh biệt

ly, hãy làm hạnh đồng tâm. Các cô bỏ làm hạnh biệt ly thì không được tăng trưởng, làm hạnh đồng tâm thì được tăng trưởng. Trong Ni tăng cũng có những người như các cô, chỉ vì Ni tăng tức giận nên mới bảo các cô chớ đồng tâm làm ác hạnh". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt: "Các cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại đến nói với hai Tỳ-kheo-ni Đạt-ma và Đàm-di rằng: "Các cô chớ làm hạnh biệt ly, hãy làm hạnh đồng tâm. Các cô bỏ làm hạnh biệt ly thì không được tăng trưởng, làm hạnh đồng tâm thì được tăng trưởng. Trong Ni tăng cũng có những người như các cô, chỉ vì Ni tăng tức giận nên mới bảo các cô chớ đồng tâm làm ác hạnh", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni đến khuyên bảo hai Tỳ-kheo-ni: "Các cô chớ làm hạnh biệt ly, hãy làm hạnh đồng tâm. Các cô bỏ làm hạnh biệt ly thì không được tăng trưởng, làm hạnh đồng tâm thì được tăng trưởng. Trong Ni tăng cũng có những người như các cô, chỉ vì Ni tăng tức giận nên mới bảo các cô chớ đồng tâm làm ác hạnh". Các Tỳ-kheo-ni nên

can ngăn Tỳ-kheo-ni này rằng: "Cô không được khuyên can hai Tỳ-kheo-ni này rằng: Các cô chớ làm hạnh biệt ly, hãy làm hạnh đồng tâm. Các cô bỏ làm hạnh biệt ly thì không được tăng trưởng, làm hạnh đồng tâm thì được tăng trưởng. Trong Ni tăng cũng có những người như các cô, chỉ vì Ni tăng tức giận nên mới bảo các cô chớ đồng tâm làm ác hạnh. Cô hãy bỏ việc khuyên người khác cùng làm ác hạnh này đi". Khi các Tỳ-kheo-ni khuyên can như vậy mà Tỳ-kheo-ni này vẫn chấp chặt không bỏ thì nên khuyên can đến lần thứ ba cho bỏ việc này. Nếu Tỳ-kheo-ni này chịu bỏ thì tốt, nếu khuyên can đến lần thứ ba mà không chịu bỏ thì Tỳ-kheo-ni này phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Pháp này can ba lần mới phạm và được sám hối.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni khuyên can hai Tỳ-kheo-ni rằng: Các cô chớ làm hạnh biệt ly thì phạm Thâu-lan-giá, hãy làm hạnh đồng tâm cũng phạm Thâu-lan-giá. Các cô bỏ làm hạnh biệt ly thì không được tăng trưởng cũng phạm Thâu-lan-giá, làm hạnh đồng tâm thì được tăng trưởng cũng phạm Thâu-lan-giá. Trong Ni tăng cũng có những người như các cô, chỉ vì Ni tăng tức giận nên mới bảo các cô chớ đồng tâm làm ác hạnh thì phạm Ba-dật-đề vì quở trách Ni tăng. Các Tỳ-kheo-ni trước nên dịu dàng khuyên can cho bỏ việc này, nếu chịu bỏ thì nên bảo sám hối bốn tội Thâu-lan-giá và một tội Ba-dật-đề. Nếu dịu dàng khuyên

can mà không chịu bỏ thì Ni tăng nên bạch tứ yết ma can ngăn như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo-ni trong Tăng nên xướng như sau:

Đại đức Ni tăng lắng nghe, Tỳ-kheo-ni tên đến khuyên bảo hai Tỳ-kheo-ni rằng: "Các cô chớ làm hạnh biệt ly, hãy làm hạnh đồng tâm. Các cô bỏ làm hạnh biệt ly thì không được tăng trưởng, làm hạnh đồng tâm thì được tăng trưởng. Trong Ni tăng cũng có những người như các cô, chỉ vì Ni tăng tức giận nên mới bảo các cô chớ đồng tâm làm ác hạnh". Các Tỳ-kheo-ni đã dịu dàng can ngăn mà không chịu bỏ việc làm này. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay yết ma can ngăn Tỳ-kheo-ni này rằng: "Cô đừng đến khuyên can hai Tỳ-kheo-ni: Các cô chớ làm hạnh biệt ly, hãy làm hạnh đồng tâm. Các cô bỏ làm hạnh biệt ly thì không được tăng trưởng, làm hạnh đồng tâm thì được tăng trưởng. Trong Ni tăng cũng có những người như các cô, chỉ vì Ni tăng tức giận nên mới bảo các cô chớ đồng tâm làm ác hạnh.". Bạch như vậy.

Như thế bạch tứ yết ma cho đến câu Tăng nay đã chấp thuận yết ma can ngăn Tỳ-kheo-ni này xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Như trước Phật đã dạy các Tỳ-kheo-ni nên dịu dàng can ngăn cho đến ba lần, đây gọi là ước sắc, cũng gọi là giáo, cũng gọi là ước sắc giáo. Khi dịu

dàng can ngăn mà không chịu bỏ cũng chưa phạm, yết ma can lần thứ nhất chưa xong hoặc xong, can lần thứ hai chưa xong hoặc xong, can lần thứ ba chưa xong mà phi pháp biệt chúng, phi pháp hòa hợp chúng, tợ pháp biệt chúng, tợ pháp hòa hợp chúng, như pháp biệt chúng, khác pháp khác luật, khác lời Phật dạy thì vẫn chưa phạm. Nếu như pháp như luật, như lời Phật dạy tác yết ma can ngăn ba lần rồi mà không chịu bỏ thì Tỳ-kheo-ni này mới phạm Tăng-già-bà-thi-sa .

III. BA MƯƠI PHÁP XẢ ĐỌA (Những pháp bất cọng)

1. Pháp Mười Chín: Chứa bát dư

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt chứa nhiều bát dư để hư hoại không dùng. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại chứa nhiều bát dư để hư hoại không dùng", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni chứa bát dư cho đến một đêm, chứa quá thời hạn này thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-

đề.

Một đêm là từ khi mặt trời lặn cho đến hôm sau khi trời chưa sáng, trong khoảng thời gian này gọi là một đêm. Bát có ba loại là thượng trung và hạ. Bát thượng là bát thọ được ba bát cơm và một bát canh của người khác cúng, ngoài ra có thể thọ thêm vật thực và nữa bát canh. Bát hạ là bát thọ được một bát cơm và một bát canh của người khác cúng, ngoài ra có thể thọ thêm vật thực à nữa bát canh. Ở giữa hai loại bát trên gọi là bát trung, nếu lớn hơn bát thượng và nhỏ hơn bát hạ thì không gọi là bát. Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề là bát này nên xả, tội này nên sám.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni chứa bát dư quá một đêm thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

2. Pháp Hai Mươi: Lấy Thời Y Làm Phi Thời Y

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó cựu Tỳ-kheo-ni là thiện, khách Tỳ-kheo-ni thì trợ giúp Điều đạt, khi trú xứ này được y thí, Tăng an cư nên chia, cựu Tỳ-kheo-ni nói rằng: "Váo tháng cuối hạ, trong trú xứ này thọ y Ca-hi-na, đây là thời y, Tăng an cư nên chia", Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt nói: "Các cô không biết rõ, tuy là vào tháng cuối hạ, trong trú xứ này thọ y Ca-hi-na, nhưng đây là phi thời y, Hiện tiền tăng nên chia", nói rồi liền lấy Thời y này

làm Phi thời y để chia. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi các khách Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại lấy Thời y làm Phi thời y để chia", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni lấy Thời y làm Phi thời y để chia thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề là y này nên xả, tội Ba-dật-đề nên sám hối. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni lấy Thời y làm Phi thời y để chia thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, tùy khi chia được bao nhiêu thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề bấy nhiêu.

3. Pháp Hai Mươi Mốt: Lấy Phi Thời Y Làm Thời Y

Phật tại thành Vương xá, lúc đó cựu Tỳ-kheo-ni thì trợ giúp Điều đạt đón khách Tỳ-kheo-ni là thiện, trú xứ này được y thí, Hiện tiền tăng nên chia, khách Tỳ-kheo-ni nói: "Đây không phải là tháng cuối hạ, trong trú xứ này không có thọ y Ca-hi-na, y này Hiện tiền tăng nên chia", cựu Tỳ-kheo-ni nói: "Tuy không phải là tháng cuối hạ, trong trú xứ này không có thọ y Ca-hi-na, nhưng đây là Thời

y, Tăng an cư nên chia", nói rồi liền lấy Phi thời y làm Thời y để chia. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi các cựu Tỳ-kheo-ni này: "Các cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại lấy Phi thời y làm Thời y để chia", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni lấy Phi thời y làm Thời y để chia thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề .

Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề là y này nên xả, tội Ba-dật-đề nên sám hối. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni lấy Phi thời y làm Thời y để chia thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, tùy khi chia được bao nhiêu thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề bấy nhiêu.

4. Pháp Hai Mươi Hai: Đổi Y Rồi Đòi Lại

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ni Thâu-la-nan-đà có đệ tử tên là Thi-việt sa, tốt lành có công đức. Thâu-la-nan-đà may cho đệ tử này một y cắt rọc quý giá, cô này liền mặc đi đến trong Kỳ-hoàn. Ni này với Bạt-nan-đà đã quen biết lâu, khi Bạt-nan-đà thấy cô mặc chiếc y này liền sanh tâm ưa thích nên khi ni này đến đảnh lễ, liền khen là y rất đẹp rồi hỏi: "Cô có thể thí cho tôi được không?", đáp

là không thể được, lại nói: "Tôi đem y khác đổi cho cô", cũng đáp là không được. Bạt-nan-đà là đại pháp sư có biện tài, thuyết pháp lại hay nên sau khi nghe thuyết các pháp vi diệu, ni này sanh tâm hoan hỉ liền đem y cắt rọc quý giá này đổi cho Bạt-nan-đà để lấy y khác ít quý giá hơn rồi mặc trở về tinh xá. Thâu-la-nan-đà thấy liền hỏi y đâu, đáp là đã đổi, lại hỏi đổi cho ai, đáp là đổi cho Bạt-nan-đà, Thâu-la-nan-đà nói: "Bạt-nan-đà dối gạt cô rồi", đáp: "Dù có dối gạt thì cũng đã đổi rồi", Thâu-la-nan-đà nói: "Y kia rất quý giá, còn y này ít quý giá hơn", đáp: "Dù quý giá hay ít quý giá hơn thì cũng đã đổi rồi", Thâu-la-nan-đà nói: "Hãy đến đòi lại, nếu không đòi lại được thì suốt đời ta đuổi cô đi". Đệ tử này sợ bị đuổi đi nên đến chỗ Bạt-nan-đà đòi lại y, Bạt-nan-đà nói: "Ta đã đổi rồi", ni nói: "Thầy đã dối gạt tôi", đáp: "Dù có dối gạt thì cũng đã đổi rồi, không thể đưa trả lại", ni nói: "Nếu thầy không đưa trả lại thì Hòa thượng ni của tôi sẽ đuổi tôi đi", đáp: "Dù có đuổi cô hay không đuổi thì y cũng đã đổi rồi". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni Thi-việt-sa: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni đã đổi y cho Tỳ-kheo rồi, sau hối đến nói rằng: "Tôi trả lại y cho thầy, thầy trả lại y

cho tôi", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni đã đổi y cho Tỳ-kheo, sau đến nói rằng: "Tôi trả y lại cho thầy, thầy trả lại y cho tôi", thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề .

Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề là y này nên xả, tội Ba-dật-đề nên sám hối. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni đã đổi y cho Tỳ-kheo, sau đó đến nói rằng: "Tôi trả y lại cho thầy, thầy trả y lại cho tôi", thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; nếu đến nói rằng: "Y của thầy trả lại cho thầy, y của tôi tuy thầy chẳng chịu đổi, nhưng hãy cho tôi được lấy lại", thì phạm Đột-kiết-la.

5. Pháp Hai Mươi Ba: Khuyên Cư Sĩ Hùn Mua Y Tốt Cúng

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có nhiều cư sĩ và vợ cư sĩ vì ni Thâu-la-nan-đà nên mỗi người lo liệu giá tiền y và nói rằng: "Chúng tôi sẽ đem số tiền này mua y như thế như thế cúng cho ni Thâu-la-nan-đà", ni Thâu-la-nan-đà nghe tin này liền đến hỏi là có thật như vậy không, đáp là có thật như vậy, ni nói: "Tỳ-kheo-ni chúng tôi nghèo khổ, các vị lại không thể có tâm thường thí, các vị chớ từng người cúng riêng, hãy hùn chung lại mua y tốt như thế như thế cúng cho tôi". Các cư sĩ này liền làm

theo lời, không ngờ số tiền mà họ đã lo liệu trước đó để mua y, phải bỏ ra thêm gấp ba lần mới đủ mua y quý giá theo ý của Thâu-la-nan-đà. Sau khi mua y cúng xong, họ liền chê trách: "Các Tỳ-kheo-ni không biết thời, không biết lượng, nếu người thí không biết lượng thì người thọ nên biết lượng. Số tiền mà chúng tôi lo liệu trước đấy nay phải bỏ ra thêm gấp ba lần mới đủ, thật là mất lợi khi cúng cho người không biết đủ, khó nuôi này". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại khuyên số đông cư sĩ, vợ cư sĩ không phải là bà con, đồng tâm hùn chung mua y tốt cúng cho mình", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu vì Tỳ-kheo-ni nên số đông cư sĩ, vợ cư sĩ không phải là bà con, mỗi người lo liệu giá tiền y và nói rằng: "Mỗi người chúng tôi sẽ đem số tiền này mua y như thế như thế cúng cho Tỳ-kheo-ni tên ". Tỳ-kheo-ni này trước chưa được thỉnh liền đến chỗ họ nói rằng: "Các vị hãy đem số tiền này hùn chung lại mua y quý giá như thế như thế cúng cho tôi", thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ni-tát-kỳ Ba-

dật-đề .

Tỳ-kheo-ni là chỉ cho Thâu-la-nan-đà. Không phải bà con là ngoại trừ cha mẹ, anh em cho đến nhân duyên trong bảy đời. Cư sĩ là bạch y nam, vợ cư sĩ là bạch y nữ. Y bao gồm các loại vải gai trắng, vải gai đỏ, Sô-ma, Súy-di-la, Khâm-bà-la, Kiếp-bối, Kiều-thi-da. Giá tiền y là vàng, bạc, tiền… cho đến gạo thóc. Y như vậy, như vậy là giá như vậy, sắc như vậy, lượng như vậy. Cho Tỳ-kheo-ni tên là cho Thâu-la-nan-đà. Trước chưa được thỉnh là các cư sĩ, vợ cư sĩ chưa nói với ni là cô cần gì thì cứ đến nhà tôi lấy dùng. Đồng tâm là tin các cư sĩ này chiều theo yêu cầu của mình mà không tức giận. Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề là y này nên xả, tội Ba-dật-đề nên sám.

Tướng phạm trong giới này là y có ba loại: Giá tiền, sắc, lượng. Giá tiền là nếu Tỳ-kheo-ni đến chỗ các cư sĩ nói: "Các vị hãy hùn chung lại mua y giá một tiền (hoặc hai tiền, ba tiền cho đến một trăm tiền) cúng cho tôi", nếu được y do đủ ba điều kể trên nên phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, ba điều tức là nói cúng cho tôi y giá một tiền (hoặc hai tiền, ba tiền cho đến một trăm tiền), hãy hùn chung lại, hùn chung lại mua một y; nếu không được y thì phạm Đột-kiết-la. Sắc y là nếu Tỳ-kheo-ni nói với các cư sĩ rằng: "Hãy cúng y màu xanh (hoặc vàng, đỏ, trắng đen…; hoặc là loại vải gai trắng, vải gai đỏ, Sô-ma, Súy-di-la, Khâm-bà-la, Kiếp-bối, Kiều-thi-

da)", nếu được y và đủ ba điều: Hãy cúng y màu xanh (hoặc vàng đỏ… như trên), hãy cùng hùn chung lại, hãy hùn chung mua một y như thế, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; nếu không được y thì phạm Đột-kiết-la. Lượng y là nếu Tỳ-kheo-ni nói với các cư sĩ rằng: "Hãy cúng y dài bốn khuỷu tay (hoặc năm, sáu cho đến mười tám khuỷu tay)", nếu được y và đủ ba điều: Hãy cúng y dài bốn khuỷu tay (hoặc năm, sáu cho đến mười tám khuỷu tay), hãy hùn chung lại, hãy hùn chung mua một y như thế, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; nếu không được y thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo-ni xin loại y này mà được loại y khác, xin y màu xanh lại được y màu vàng…, xin y vải gai mà được Kiếp bối… thì phạm Đột-kiết-la. Nếu xin từ người thân, bà con hoặc không xin mà tự cho, hoặc được thỉnh tùy ý thì không phạm.

6. Pháp Hai Mươi Bốn: Tự Xin Vàng Bạc

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt tự xin vàng bạc cho mình, các cư sĩ hỏi: "Cô là người xuất gia xin vàng bạc làm gì, pháp Tỳ-kheo-ni là xin cơm canh… ", ni nói: "Các vị không biết, nếu xin cơm canh… thì trên danh nghĩa tuy nhiều nhưng lại được lợi ít; nếu xin vàng bạc thì trên danh nghĩa tuy ít nhưng lại được lợi nhiều", các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích nữ tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại tự xin vàng

bạc, giống như phu nhân của vua, vợ của đại thần". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại tự xin vàng bạc cho mình", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni tự xin vàng bạc cho mình thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề .

Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề là vàng bạc này nên xả, tội Ba-dật-đề nên sám. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni tự xin vàng bạc cho mình thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, tùy xin được bao nhiêu thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề bấy nhiêu; nếu vì làm tượng Phật hay vì Tăng mà xin thì không phạm.

7. Pháp Hai Mươi Lăm: Xin Được Thứ Này Lại Đòi Thứ Khác

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Tỳ-kheo-ni tên Thi-việt có quen biết nhiều nên được cúng nhiều tô, dầu, mật, đường phèn. Có một thương nhân thỉnh ni Thi-việt: "Nếu cô cần tô, dầu, mật, đường phèn thì cứ đến nhà tôi lấy dùng", ni liền thọ thỉnh. Sau đó Thi-việt đến nhà thương nhân nói là cần tô, cho tô rồi lại nói là cần dầu, cho dầu rồi lại nói là cần

mật… khiến thương nhân này bực mình nói rằng: "Này cô, cô muốn tìm lỗi gì ở tôi, cô xin thứ này, tôi vừa cho thì cô lại đòi thứ khác. Cô cho là tôi chỉ thí một mình cô hay sao, nhiều người đang đợi tôi, vì cô mà làm trở ngại những người đang đợi đó", các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích nữ tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà vừa xin được thứ này lại đòi thứ khác, giống như phu nhân của vua, vợ của đại thần". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni Thi-việt: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni vừa xin được thứ này lại đòi thứ khác", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni vừa xin được thứ này lại đòi thứ khác thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề .

Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề là vật này nên xả, tội Ba-dật-đề nên sám. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni xin tô được tô, lại nói là không cần tô mà cần dầu (hoặc mật, đường phèn) thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Hoặc xin mật được mật lại nói là không cần mật mà cần đường phèn (hoặc tô, dầu) thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Dù xin rồi chưa thọ lại đòi thứ khác cũng phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề .

8. Pháp Hai Mươi Sáu: Xin Để Làm Tăng Phường Lại Làm Việc Khác.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có các Tỳ-kheo-ni xin tài vật muốn làm Tăng phường, các cư sĩ hỏi là muốn làm gì, đáp là muốn làm Tăng phường. Các cư sĩ, Bà-la-môn tín tâm cúng rất nhiều tài vật, các Tỳ-kheo-ni này nhận tài vật rồi, do lúc đó thời thế mất mùa đói kém nên tự nghĩ: "Nay thời buổi khó khăn, ai cũng lo cho mạng sống của mình, ta cũng phải lo mạng sống của mình trước rồi sau hãy làm Tăng phường", nghĩ rồi liền ăn dùng hết số tài vật này. Thời gian sau được mùa, thời thế thịnh vượng, các Tỳ-kheo-ni này lại xin tài vật làm Tăng phường, các cư sĩ hỏi; "Những tài vật mà chúng tôi cúng trước đây đâu rồi", các Tỳ-kheo-ni liền nói rõ nguyên do kể trên, các cư sĩ nghe rồi liền quở trách: "Sa-môn Thích nữ tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà xin được tài vật để làm việc này lại đem dùng vào việc khác, giống như phu nhân của vua, vợ của đại thần". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo-ni này: "Các cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni xin tài vật để làm việc này lại dùng làm việc khác", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-

kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau: Nếu Tỳ-kheo-ni xin tài vật để làm việc Tăng lại đem dùng làm việc khác thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề là tài vật này nên xả, tội Ba-dật-đề nên sám. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni xin tài vật để làm việc Tăng lại dùng vào việc khác; tùy xin được bao nhiêu, tùy dùng bao nhiêu thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề bấy nhiêu.

9. Pháp Hai Mươi Bảy: Xin Để Làm Phòng Cho Mình Lại Dùng Làm Việc Khác

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có các Tỳ-kheo-ni xin tài vật muốn làm phòng cho mình, các cư sĩ hỏi là muốn làm gì, đáp là muốn làm phòng cho mình. Các cư sĩ, Bà-la-môn tín tâm cúng rất nhiều tài vật, các Tỳ-kheo-ni này nhận tài vật rồi, do lúc đó thời thế mất mùa đói kém nên tự nghĩ: "Nay thời buổi khó khăn, ai cũng lo cho mạng sống của mình, ta cũng phải lo mạng sống của mình trước rồi sau hãy làm phòng cho mình", nghĩ rồi liền ăn dùng hết số tài vật này. Thời gian sau được mùa, thời thế thịnh vượng, các Tỳ-kheo-ni này lại xin tài vật làm phòng cho mình, các cư sĩ hỏi; "Những tài vật mà chúng tôi cúng trước đây đâu rồi", các Tỳ-kheo-ni liền nói rõ nguyên do kể trên, các cư sĩ nghe rồi liền quở trách: "Sa-môn Thích nữ tự xưng là bậc

hiền thiện có đức mà xin được tài vật để làm việc này lại đem dùng vào việc khác, giống như phu nhân của vua, vợ của đại thần". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo-ni này: "Các cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni xin tài vật để làm phòng cho mình lại đem dùng vào việc khác", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni xin tài vật để làm việc này lại đem dùng làm việc khác thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề là tài vật này nên xả, tội Ba-dật-đề nên sám. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni xin tài vật để làm việc này lại đem dùng vào việc khác; tùy xin được bao nhiêu, tùy dùng bao nhiêu thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề bấy nhiêu.

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 44

LUẬT NI (Tiếp Theo)

III. BA MƯƠI PHÁP XẢ ĐỌA (Tiếp Theo)

10. Pháp Hai Mươi Tám: Xin Làm Phòng Xá Cho Nhiều Người Lại Dùng Làm Việc Khác.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có các Tỳ-kheo-ni xin tài vật muốn làm phòng xá cho nhiều người, các cư sĩ hỏi là muốn làm gì, đáp là muốn làm phòng xá cho nhiều người. Các cư sĩ, Bà-la-môn tín tâm cúng rất nhiều tài vật, các Tỳ-kheo-ni này nhận tài vật rồi, do lúc đó thời thế mất mùa đói kém nên tự nghĩ: "Nay thời buổi khó khăn, ai cũng lo cho mạng sống của mình, ta cũng phải lo mạng sống của mình trước rồi sau hãy làm phòng xá cho nhiều người", nghĩ rồi liền ăn dùng hết số tài vật này. Thời gian sau được mùa, thời thế thịnh vượng, các Tỳ-kheo-ni này lại xin tài vật làm phòng xá cho nhiều người, các cư sĩ hỏi; "Những tài vật mà chúng tôi cúng trước đây đâu rồi", các Tỳ-kheo-ni liền nói rõ nguyên do kể trên, các cư sĩ nghe rồi

liền quở trách: "Sa-môn Thích nữ tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà xin được tài vật để làm việc này lại đem dùng vào việc khác, giống như phu nhân của vua, vợ của đại thần". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo-ni này: "Các cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni xin tài vật để làm việc này lại dùng làm việc khác", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau: Nếu Tỳ-kheo-ni xin tài vật để làm việc này lại đem dùng làm việc khác thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề là tài vật này nên xả, tội Ba-dật-đề nên sám. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni xin tài vật để làm việc

Tăng lại dùng vào việc khác; tùy xin được bao nhiêu, tùy dùng bao nhiêu thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề bấy nhiêu.

11. Pháp Hai Mươi Chín: Xin Y Giầy Quý Giá

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có Tỳ-kheo-ni tên Đạt-ma đề na vào những đêm mùa đông giá lạnh chỉ mặc chiếc đơn y để đi khất thực. một thương

nhân thấy vậy liền đến nói với các tướng quân: "Các ông giàu có được ấm no là nhờ nhân duyên của ni Đạt-ma-đề-na, mỗi người các ông không thể mua cho cô ấy y dày hay sao, lúc này là mùa đông giá lạnh mà cô ấy chỉ mặc đơn y để đi khất thực, nếu các ông không thể mỗi người mua y dày cho thì nên hùn chung lại mua", thương nhân này vì muốn họ khởi tâm kiêu mạn nên nói như thế. Các tương quân liền nói: "Chúng tôi sẽ hùn chung mua y dày cho cô ấy", nói rồi liền kêu ni tới nói rằng: "Cô cần loại y gì, chúng tôi sẽ mua cúng theo ý cô", đáp: "Tôi cần loại y dày giá năm trăm tiền", các tướng quân này liền mua loại y dày quý giá này cúng cho ni. Tỳ-kheo-ni này mặc y quý giá này đi khất thực, các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích nữ tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại mặc y dày quý giá đi khất thực, giống như phu nhân của vua, vợ của đại thần". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại mặc y dày quý giá đi khất thực", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni muốn xin y dày quý giá thì

được xin y trị giá cho đến bốn tiền, nếu xin quá giá tiền này thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề .

Tiền là chỉ cho đại tiền, một đại tiền là mười sáu tiểu tiền. Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề là y này nên xả, tội Ba-dật-đề nên sám.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni xin y dày quý giá quá bốn tiền, tùy xin được bao nhiêu thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề bấy nhiêu.

12. Pháp Ba Mươi: Xin Y Mỏng Quý Giá

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó mùa đông đã qua, mùa nóng lại đến, Tỳ-kheo-ni Đạt-ma-đề-na mặc y dày quý giá đi khất thực nên đầu mặt đều ra mồ hôi, mắt lòa vì nóng. Một thương nhân thấy vậy liền đến nói với các tướng quân: "Các ông giàu có được no ấm đều là nhờ nhân duyên của ni Đạt-ma-đề-na, mỗi người các ông không thể mua cúng cho cô ấy y mỏng hay sao. Nay trời nóng bức mà cô ấy mặc y dày nên đầu mặt đều chảy mồ hôi, mắt lòa vì nóng. Nếu mỗi người các ông không thể mua y mỏng cho thì nên hùn chung lại mua", thương nhân này vì muốn khiến cho các tướng quân sanh kiêu mạn nên nói như thế. Các tướng quân liền nói: "Chúng tôi sẽ hùn mua y mỏng cho cô ấy", nói rồi kêu ni đến nói rằng: "Cô cần loại y mỏng như thế nào, chúng tôi sẽ cúng theo y cô", ni nói: "Tôi cần loại y mỏng trị giá hai trăm năm mươi tiền", các tướng quân liền mua loại y mỏng quý giá này cúng

cho ni. Tỳ-kheo-ni này mặc y mỏng quý giá này đi khất thực, các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích nữ tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại mặc y mỏng quý gia đi khất thực, giống như phu nhân của vua, vợ của đại thần". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại mặc y mỏng quý giá đi khất thực", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni muốn xin y mỏng quý giá thì được xin y trị giá cho đến hai tiền rưỡi, nếu xin quá giá tiền này thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề .

Tiền là chỉ cho đại tiền, một đại tiền là mười sáu tiểu tiền. Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề là y này nên xả, tội Ba-dật-đề nên sám.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni xin y mỏng quý giá trị giá quá hai tiền rưỡi thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, tùy xin được bao nhiêu thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề bấy nhiêu.

IV. MỘT TRĂM BẢY MƯƠI TÁM PHÁP

BA DẬT ĐỀ (Những Pháp Bất Cọng)

1. Pháp Bảy Hai: Ăn Tỏi

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có người giữ vườn tỏi tên là A-kỳ-đạt đa, tỏi của ông trồng rất tươi ngon nên đến thỉnh các Tỳ-kheo-ni: "Nếu các cô cần tỏi thì đến lấy dùng". Thức-xoa-ma-na và Sa-di-ni suốt năm cứ đến nhổ tỏi khiến cho vườn tỏi chỉ trong hai, ba năm trở nên tiêu điều, chủ vườn tỏi liền bỏ vườn tỏi ra đi, không trồng lại nữa. Thời gian sau, có một cư sĩ khác lại đến trong vườn này trồng tỏi, các Thức-xoa-ma-na và Sa-di-ni cho là giống như trước kia liền đến nhổ tỏi, chủ vườn suy nghĩ: "Ai đã ăn trộm tỏi, ta phải rình bắt", nghĩ rồi liền rình xem thì thấy các Thức-xoa-ma-na và Sa-di-ni đến nhổ tỏi. Ông bước ra nói: "Không được nhổ tỏi của tôi", đáp: "Chủ vườn tỏi là A-kỳ-đạt-đa đã thỉnh chúng tôi, can dự gì đến ông", chủ vườn nói: "Chủ vườn tỏi trước kia vì nhân duyên các cô mà phải bỏ vườn tỏi ra đi, nay chủ vườn tỏi là tôi thì các cô không được lấy", các ni nghe rồi xấu hổ nói: "Chúng tôi không biết, từ nay về sau sẽ không đến nhổ tỏi nữa". Các cư sĩ nghe biết việc này liền quở trách: "Sa-môn Thích nữ tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại ăn tỏi giống như nữ bạch y". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai

bộ Tăng rồi hỏi các ni: "Các cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại ăn tỏi giống như nữ bạch y", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni ăn tỏi sống hay tỏi chín đều phạm Ba-dật-đề.

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni ăn tỏi sống phạm Ba-dật-đề, ăn tỏi chín cũng phạm Ba-dật-đề, cho đến ăn hạt tỏi, cọng lá tỏi đều phạm Ba-dật-đề; nếu ăn vỏ và râu tỏi thì phạm Đột-kiết-la. Nếu trị bịnh và dùng bôi trên vết thương thì không phạm.

2. Pháp Bảy Ba: Cạo Lông Hai Chỗ

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà sai người cạo lông nơi chỗ đại tiểu tiện, các ni hỏi là muốn làm gì, đáp là muốn cho đẹp. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại sai người cạo lông nơi chỗ đại tiểu tiện", quở

trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau: Nếu Tỳ-kheo-ni cạo lông nơi chỗ đại tiểu tiện thì phạm Ba-dật-đề.

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni cạo lông nơi chỗ đại tiểu tiện thì phạm Ba-dật-đề, cạo lông nơi chỗ đại tiện cũng phạm Ba-dật-đề, cạo lông nơi chỗ tiểu tiện cũng phạm Ba-dật-đề, cạo lông các chỗ khác thì phạm Đột-kiết-la.

3. Pháp Bảy Bốn: Vệ Sinh Chỗ Kín

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ni Thâu-la-nan-đà dùng ngón tay đưa vào trong nữ căn, các ni hỏi muốn làm gì, đáp là muốn thọ lạc. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại dùng ngón tay đưa vào trong nữ căn để thọ lạc", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni dùng ngón tay đưa vào trong nữ căn thì phạm Ba-dật-đề.

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni dùng ngón tay đưa vào trong nữ căn thì phạm Ba-dật-đề, tùy đưa vào bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

Sau đó do các Tỳ-kheo-ni không dám vệ sinh tẩy rửa, để lâu ngày nên thân hôi thối, bạch Phật, Phật khen ngợi giới và người trì giới rồi bảo: "Từ nay giới này nên nói lại như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni dùng ngón tay đưa vào trong nữ căn thì phạm Ba-dật-đề, trừ khi vệ sinh tẩy rửa.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni không có vệ sinh tẩy rửa mà dùng ngón tay đưa vào trong nữ căn thì phạm Ba-dật-đề, tùy đưa vào bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

Sau đó lại có ni khi vệ sinh tẩy rửa dùng ngón tay đưa sâu vào trong nữ căn, các ni bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay giới này nên nói lại như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni dùng ngón tay đưa vào trong nữ căn quá hai lóng tay thì phạm Ba-dật-đề .

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni khi tẩy rửa đưa ngón tay vào trong nữ căn quá hai lóng tay thì phạm Ba-dật-đề, tùy đưa vào bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

4. Pháp Bảy Mươi Lăm: Vỗ Chỗ Kín

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ni Thâu-la-nan-đà

dùng bàn tay vỗ vào nữ căn, các ni hỏi muốn làm gì, đáp là muốn cho mập đẹp. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại dùng bàn tay vỗ vào nữ căn muốn cho mập đẹp", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni dùng bàn tay vỗ vào nữ căn thì phạm Ba-dật-đề.

Chưởng là lòng bàn tay, lòng bàn chân. Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni dùng lòng bàn tay hay dùng bàn chân vỗ vào nữ căn đều phạm Ba-dật-đề, nếu dùng vật khác để vỗ thì phạm Đột-kiết-la.

5. Pháp Bảy Mươi Sáu: Làm Thức Ăn

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có hai Tỳ-kheo-ni tên là La-trá và Ba-la-tra vốn là con nhà giàu có xuất gia. hai ni này vào sáng sớm đến các nhà đàn việt quen biết thọ được thức ăn ngon, ăn rồi liền nói là không ngon và hỏi là ai đã nấu, chủ nhà đáp

là người đầu bếp đã nấu, liền nói: "Người ấy vì sao lại làm thức ăn không có mùi vị gì cả", chủ nhà hỏi: "Vậy cô có thể làm thức ăn được không?", đáp: "Được, nếu gặp ngày tốt mở tiệc, thiết hội thì hãy đến nói cho tôi biết". Sau đó đến ngày tốt mở tiệc, chủ nhà liền mời hai Tỳ-kheo-ni đến trong vườn để làm thức ăn, người thợ nấu ăn thuê cho nhà này đứng bên cửa thấy các món ăn này liền hỏi là ai đã nấu, đáp: "Có hai Tỳ-kheo-ni tên là La-trá và Ba-la-tra đã nấu các món ăn này", người thợ nấu ăn này tức giận quở trách: "Họ làm mất pháp Tỳ-kheo-ni, thiêu đốt pháp Tỳ-kheo-ni, đã cướp đoạt nghề kiếm sống của tôi". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi hai Tỳ-kheo-ni này: "Các cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại nấu vật sống làm thức ăn", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni nấu vật sống làm thức ăn thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni nấu vật sống làm thức ăn thì phạm Ba-dật-đề, tùy

nấu bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu; nếu dùng hỏa tịnh rồi nấu thì không phạm.

6. Pháp Bảy Mươi Bảy: Đứng Hầu Tỳ-Kheo Ăn

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có một cư sĩ do vô thường nên bị phá sản, người trong nhà mất hết, chỉ còn lại hai vợ chồng, liền suy nghĩ: "Trong số những người có phước lạc, không bị suy não thì không ai bằng Sa-môn Thích tử, tại sao ta không đến đó cầu xuất gia", nghĩ rồi người chồng đến trong Kỳ-hoàn cầu xuất gia làm Tỳ-kheo, người vợ đến trong Vương viên cầu xuất gia làm Tỳ-kheo-ni. Tỳ-kheo này hễ khất thực được thức ăn thì mang đến trong tinh xá để ăn cùng Tỳ-kheo-ni này, Tỳ-kheo-ni này trước cũng đã chuẩn bị tương và rau quả đợi. Khi cả hai ngồi ăn, Tỳ-kheo-ni này đứng dậy dâng tương rau cho Tỳ-kheo rồi cùng nói chuyện giống như lúc còn tại gia. Tỳ-kheo tức giận cầm cơm trên tay hất vào mặt Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo-ni cũng tức giận đổ canh nóng lên đầu Tỳ-kheo, cả hai cùng làm việc bất tịnh đáng hổ thẹn. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-

ni khi Tỳ-kheo đang thọ thực lại đứng hầu phía trước", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni khi Tỳ-kheo đang thọ thực mà đứng hầu ở phía trước thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni khi Tỳ-kheo đang thọ thực lại đứng hầu ở phía trước thì phạm Ba-dật-đề, tùy đứng hầu bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu; nếu đưa thức ăn rồi trở về chỗ ngồi hay đi chỗ khác thì không phạm.

7. Pháp Bảy Mươi Tám: Đổ Đồ Đại Tiểu Tiện Ra Ngoài Tường

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ni Thâu-la-nan-đà đổ đồ đại tiểu tiện ra ngoài tường, do Tăng phường này gần sát ngõ hẻm lớn nên khi vị đại thần của vua Ba-tư-nặc tên là ma-ni với y phục sạch sẽ vừa đi ngang qua đó liền bị đồ phẫn tiểu này rơi trúng trên đầu làm dơ. Một Bà-la-môn là thầy tướng đi phía sau đại thần này liền đoán rằng: "Đại quan mau trở về tắm gội sạch sẽ rồi đến chỗ vua, đây là điềm tốt ắt sẽ được lợi lớn", do trước đó đại thần này bị vua trách và truất chức, nghe được lời này liền tắm gội sạch sẽ rồi đến chỗ vua, quả là được vua cho phục hồi lại chức vị. Lúc đó các ni nghe

biết việc làm của ni Thâu-la-nan-đà rồi liền suy nghĩ: "Đại thần ma-ni này tánh vốn hung ác, không có lòng từ, không biết chừng ông ta sẽ làm việc khổ não gì cho chúng ta ", nghĩ rồi nên sợ hãi đều bỏ đi hết, chỉ còn lại Tỳ-kheo-ni già bịnh. Sau đó đại thần ma-ni suy nghĩ: "Ta sở dĩ được vua cho phục chức là nhờ nhân duyên từ Tăng phường Tỳ-kheo-ni, ta nên đến an úy họ", nghĩ rồi liền đến trong Tăng phường, thấy ít Tỳ-kheo-ni liền hỏi Tỳ-kheo-ni già bịnh nguyên do, liền kể rõ nguyên do sự việc cho đại thần nghe, đại thần nghe rồi liền nói: "Đại thần Ma-ni chính là tôi đây, nhưng các cô chớ sợ hãi, tôi sẽ cung cấp thức ăn vật thực và ban cho vô úy thí". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại đổ đồ đại tiểu tiện ra ngoài tường", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni đổ đồ đại tiểu tiện ra ngoài tường thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni

đổ đồ đại tiểu tiện ra ngoài tường thì phạm Ba-dật-đề, tùy đổ bao nhiêu phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu. Nếu hai Tỳ-kheo-ni cùng đại tiểu tiện trong cái bô, người này đưa cho người kia đổ ra ngoài tường, người đưa thì phạm Đột-kiết-la, người đổ ra ngoài thì phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo dùng tay đổ ra thì phạm Ba-dật-đề, nếu dùng cỏ đất bao bọc lại rồi quăng bỏ ra ngoài tường thì phạm Đột-kiết-la.

8. Pháp Bảy Mươi Chín: Đổ Đại Tiểu Tiện Trên Cỏ Tươi

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó trước cửa Tăng phường của tỳ-kheo-ni có cỏ xanh tươi tốt nên nhiều người thường đến tụ tập ngồi trên đó để ngắm nhìn các Tỳ-kheo-ni ra vào trong tinh xá Vương viên, có người đùa cợt nói rằng: "Hãy nhìn xem Tỳ-kheo-ni này mắt lé, người này mũi tẹt, người này da trắng, người này đẹp… ". Các Tỳ-kheo-ni nghe những lời phê bình này trong lòng không vui liền suy nghĩ: "Họ tụ tập đến đây cười nói là vì có cỏ xanh tươi, nếu không có cỏ xanh tươi này thì họ sẽ không đến nữa", nghĩ rồi liền đem phân và nước tiểu rãi lên cỏ khiến cho cỏ úng thúi và chết khô. Các cư sĩ trách: "Các Tỳ-kheo-ni này không tốt, không có nhà xí ở chỗ khuất khác hay sao mà lại đổ đại tiểu tiện trên cỏ xanh tươi như thế". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền

đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo-ni: "Các cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại đổ phân và nước tiểu trên cỏ xanh tươi", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni đổ phân và nước tiểu trên cỏ xanh tươi thì phạm Ba-dật-đề.

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni đổ phân và nước tiểu trên cỏ xanh tươi thì phạm Ba-dật-đề, tùy đổ bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

9. Pháp Tám Mươi: Cùng Tỳ-Kheo Đứng Ở Chỗ Khuất

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều-đạt một mình cùng Lục quần Tỳ-kheo đứng ở chỗ khuất cùng nói chuyện. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại một

mình cùng Tỳ-kheo đứng ở chỗ khuất cùng nói chuyện", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni một mình cùng với Tỳ-kheo đứng ở chỗ khuất cùng nói chuyện thì phạm Ba-dật-đề.

Một mình là một Tỳ-kheo-ni với một Tỳ-kheo không có người thứ ba. Chỗ khuất là chỗ có che ngăn như vách màn, hàng rào. Cùng đứng cùng nói chuyện là ở chỗ đáng nghi. Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni một mình cùng Tỳ-kheo đứng ở chỗ khuất cùng nói chuyện thì phạm Ba-dật-đề, tùy cùng đứng cùng nói chuyện bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

10. Pháp Tám Mươi Mốt: Cùng Tỳ-Kheo Đứng Nơi Đồng Trống

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều-đạt một mình cùng Lục quần Tỳ-kheo đứng nơi đồng trống cùng nói chuyện.

Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã

làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại một mình cùng Tỳ-kheo đứng nơi đồng trống cùng nói chuyện", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni một mình cùng với Tỳ-kheo đứng nơi đồng trống cùng nói chuyện thì phạm Ba-dật-đề .

Một mình là một Tỳ-kheo-ni với một Tỳ-kheo không có người thứ ba. Đồng trống vắng vẻ là chỗ không có che ngăn như vách màn, hàng rào. Cùng đứng cùng nói chuyện là ở chỗ đáng nghi. Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni một mình cùng

Tỳ-kheo đứng nơi đồng trống vắng vẻ, cùng nói chuyện thì phạm Ba-dật-đề; tùy cùng đứng cùng nói chuyện bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

11. Pháp Tám Mươi Hai: Cùng Bạch Y Đứng Ở Chỗ Khuất

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều-đạt một mình cùng nam bạch y đứng ở chỗ khuất cùng nói chuyện. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do

nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại một mình cùng nam bạch y đứng ở chỗ khuất cùng nói chuyện", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni một mình cùng với nam bạch y đứng ở chỗ khuất cùng nói chuyện thì phạm Ba-dật-đề .

Một mình là một Tỳ-kheo-ni với một nam bạch y không có người thứ ba. Chỗ khuất là chỗ có che ngăn như vách màn, hàng rào. Cùng đứng cùng nói chuyện là ở chỗ đáng nghi. Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni một mình cùng nam bạch y đứng ở chỗ khuất cùng nói chuyện thì phạm Ba-dật-đề, tùy cùng đứng cùng nói chuyện bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

12. Pháp Tám Mươi Ba: Cùng Nam Bạch Y Đứng Nơi Đồng Trống

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt một mình cùng nam bạch y đứng nơi đồng trống vắng vẻ cùng nói chuyện, các cư sĩ chê trách:

"Hãy nhìn xem, Tỳ-kheo-ni kia là vợ hay là người cùng tư thông". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại một mình cùng nam bạch y đứng nơi đồng trống cùng nói chuyện", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni một mình cùng với nam bạch y đứng nơi đồng trống, cùng nói chuyện thì phạm Ba-dật-đề.

Một mình là một Tỳ-kheo-ni với một nam bạch y không có người thứ ba. Đồng trống vắng vẻ là chỗ không có che ngăn như vách màn, hàng rào. Cùng đứng cùng nói chuyện là ở chỗ đáng nghi. Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni một mình cùng nam bạch y đứng nơi đồng trống vắng vẻ, cùng nói chuyện thì phạm Ba-dật-đề; tùy cùng đứng cùng nói chuyện bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

13. Pháp Tám Mươi Bốn: Cùng Người Nam Ngồi Trong Chỗ Tối

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó trong tinh xá Vương viên của tỳ-kheo-ni có một người làm thuê, vì trời tối có mưa nên ông vào trong phòng của tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều-đạt. Trong phòng có một Thức-xoa-ma-na, người làm thuê này trong tối chạm phải Thức-xoa-ma-na này nên Thức-xoa-ma-na này la lớn lên, các Tỳ-kheo-ni nghe tiếng la nên cùng tụ tập đến hỏi có việc gì, Thức-xoa-ma-na bảo đốt đèn lên, các Tỳ-kheo-ni đốt đèn lên liền thấy Thâu-la-nan-đà cùng người nam ngồi trong chỗ tối. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại một mình cùng người nam ngồi trong chỗ tối không có đèn", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni một mình cùng người nam đứng hay ngồi trong chỗ tối, không có đèn thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni một mình cùng người nam đứng hay ngồi trong chỗ tối, không có đèn thì phạm Ba-dật-đề; tùy cùng

đứng cùng ngồi bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

14. Pháp Tám Mươi Lăm: Lấy Nhựa Cây Làm Nam Căn

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ni Thâu-la-nan-đà lấy nhựa cây làm nam căn buộc nơi gót chân rồi đưa vào trong nữ căn, phòng bỗng nhiên phát hỏa, Thâu-la-nan-đà quên cởi bỏ vật này mà vội chạy ra ngoài kêu cứu lửa. Có cư sĩ thấy bộ dạng của Thâu-la-nan-đà liền nói rằng: "Hãy nhìn xem Tỳ-kheo-ni này có vật trang nghiêm như thế". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại làm nam căn đưa vào trong nữ căn", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni làm nam căn đưa vào trong nữ căn thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni dùng nhựa cây làm nam căn đưa vào trong nữ căn thì phạm Ba-dật-đề; nếu dùng túi da hoặc ngón

chân, ngó sen, củ La-bặc, củ Vu thanh, hoặc dưa, bầu lê đưa vào trong nữ căn đều phạm Ba-dật-đề; khi làm nam căn thì phạm Đột-kiết-la; đưa vào nữ căn của tỳ-kheo-ni khác thì phạm Đột-kiết-la.

15. Pháp Tám Mươi Sáu: Giận Kéo Ni Khác Ra Khỏi Phòng

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ni Thâu-la-nan-đà do có tánh xấu hay giận nên các thiện Tỳ-kheo-ni khác không thích cùng ở chung. Thâu-la-nan-đà nói gạt một Tỳ-kheo-ni vô trí: "Cô hãy đến ở chung với tôi, tôi sẽ cung cấp cho cô những vật cần dùng", ni này nghe rồi liền đến cùng ở chung. Thâu-la-nan-đà ưa thích ra vào nhà người, lại quen biết nhiều nên sáng hôm đó trời mưa, cô đi đến nhà người này lại đến nhà người kia, cứ như thế đến mặt trời lặn mới trở về với y phục ướt trên người, giống như chim A-la. Vào trong phòng than thở là chân cẳng lưng đều đau nhức, Tỳ-kheo-ni vô trí liền hỏi là đi đâu, đáp là đi đến nhà người này lại đến nhà người khác…, lại hỏi: "Cô đi như vậy là vì Phật sự, Pháp sự hay Tăng sự?", đáp là không phải vì việc gì hết, Tỳ-kheo-ni vô trí nói: "Nếu cô không phải vì việc gì hết thì tại sao lại dầm mưa đi như thế. Bạch y nhiều việc còn không dầm mưa đi, cô tại sao lại dầm mưa đi", Thâu-la-nan-đà nổi giận nói: "Cô là Hòa thượng, A-xà-lê của tôi hả, sao cô lại dạy bảo tôi, trước đây tôi kêu cô đến ở chung là

để cô dạy bảo tôi sao, cô hãy đi cho mau", nói rồi liền cưỡng bức kéo ra ngoài, Tỳ-kheo-ni này già bịnh không có sức bị kéo như vậy nên suýt chết. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni tự gọi Tỳ-kheo-ni khác đến cùng ở chung, sau đó vì tức giận lại lôi kéo đuổi ra ngoài", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau: Nếu Tỳ-kheo-ni nói với Tỳ-kheo-ni khác rằng: "Cô hãy đến đây cùng ở chung trong phòng tôi", sau đó vì tức giận không vui lại tự lôi kéo ra hoặc bảo người khác lôi kéo ra, nói rằng: "Hãy cút đi, không được ở trong đây nữa". Chỉ vì nhân duyên này, không vì nhân duyên nào khác thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni tức giận không vui, tự tay lôi kéo ra hay bảo người khác lôi kéo ra đều phạm Ba-dật-đề; kéo ra không được thì phạm Đột-kiết-la; tùy lôi kéo ra bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

16. Pháp Tám Mươi Bảy: Cùng Nằm Chung Giường

Phật tại thành Vương xá, lúc đó hai Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt cùng nằm chung một giường và làm việc bất tịnh. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi hai Tỳ-kheo-ni này: "Các cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại hai người cùng nằm chung một giường", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni hai người nằm chung một giường thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu hai Tỳ-kheo-ni cùng nằm chung một giường thì phạm Ba-dật-đề, tùy nằm chung bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu; nếu một người nằm, một người ngồi thì không phạm.

17. Pháp Tám Mươi Tám: Cùng Nằm Chung Một Phu Cụ

Phật tại thành Vương xá, lúc đó hai Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt cùng nằm chung một phu cụ và

làm việc bất tịnh. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi hai Tỳ-kheo-ni này: "Các cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại hai người cùng nằm chung một phu cụ", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni hai người nằm chung một phu cụ thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu hai Tỳ-kheo-ni cùng nằm chung một phu cụ thì phạm Ba-dật-đề, tùy nằm chung bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu; nếu mỗi người nằm riêng phu cụ thì không phạm.

18. Pháp Tám Mươi Chín: Cùng Đắp Chung Một Y

Phật tại thành Vương xá, lúc đó hai Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt cùng đắp chung một y và làm việc bất tịnh. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi hai Tỳ-kheo-ni này:

"Các cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại hai người cùng đắp chung một y", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni hai người đắp chung một y thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu hai Tỳ-kheo-ni cùng đắp chung một y thì phạm Ba-dật-đề, tùy cùng năm cùng đắp chung bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu; nếu mỗi người có mặc áo trong thì không phạm.

19. Pháp Chín Mươi: Cùng Tỳ-Kheo Đứng Nói Chuyện Riêng Trong Nhà Bạch Y

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt vào nhà đàn việt cùng Lục quần Tỳ-kheo đứng nói chuyện riêng, bảo Tỳ-kheo-ni cùng đi đi chỗ khác để được thuận tiện. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật

liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni vào nhà bạch y lại một mình cùng Tỳ-kheo đứng nói chuyện riêng", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni vào nhà bạch y một mình cùng Tỳ-kheo đứng nói chuyện riêng, bảo Tỳ-kheo-ni cùng đi đi chỗ khác để được thuận tiện thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni vào nhà bạch y một mình cùng Tỳ-kheo đứng thì phạm Đột-kiết-la, cùng nói chuyện riêng cũng phạm Đột-kiết-la, vì muốn được thuận tiện nên bảo Tỳ-kheo-ni cùng đi đi chỗ khác thì phạm Ba-dật-đề, đi đến chỗ không lìa nghe thì phạm Đột-kiết-la.

20. Pháp Chín Mươi Mốt: Cùng Nam Bạch Y Nói Chuyện Riêng Trong Nhà Bạch Y

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt vào nhà bạch y cùng nam bạch y đứng nói chuyện riêng, bảo Tỳ-kheo-ni cùng đi đi chỗ khác để được thuận tiện. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do

nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni vào nhà bạch y lại một mình cùng nam bạch y đứng nói chuyện riêng", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni vào nhà bạch y một mình cùng nam bạch y đứng nói chuyện riêng, bảo Tỳ-kheo-ni cùng đi đi chỗ khác để được thuận tiện thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni vào nhà bạch y một mình cùng nam bạch y đứng thì phạm Đột-kiết-la, cùng nói chuyện riêng cũng phạm Đột-kiết-la, vì muốn được thuận tiện nên bảo Tỳ-kheo-ni cùng đi đi chỗ khác thì phạm Ba-dật-đề, đi đến chỗ không lìa nghe thì phạm Đột-kiết-la.

21. Pháp Chín Mươi Hai: Giận Tự Đấm Kêu Khóc

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Tỳ-kheo-ni Ca-la vốn là ngoại đạo xuất gia, khi cùng các Tỳ-kheo-ni tranh cải liền nổi giận tự đấm vào thân rồi kêu khóc. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh

đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni khi cùng Tỳ-kheo-ni tranh cải lại nổi giận tự đấm vào thân rồi kêu khóc", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni khi cùng các Tỳ-kheo-ni tranh cải liền nổi giận tự đấm vào thân rồi kêu khóc thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni cùng các Tỳ-kheo-ni tranh cải, nổi giận tự đấm vào thân thì phạm Đột-kiết-la; kêu khóc thì phạm Ba-dật-đề; tùy kêu khóc bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

22. Pháp Chín Mươi Ba: Trù Rủa

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Tỳ-kheo-ni Ca-la vốn là ngoại đạo xuất gia, khi cùng các Tỳ-kheo-ni tranh cải tự trù rủa và trù rủa đọa địa ngục, nói rằng: "Nếu cô vu báng tôi làm việc đó thì khiến cho cô không được Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất bồ đề phần, Bát chánh đạo; khiến cho cô đời đời đọa trong địa

ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Nếu tôi có làm việc này thì cũng khiến cho tôi không được Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất bồ đề phần, Bát chánh đạo; khiến cho tôi cũng đời đời đọa trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni khi cùng các Tỳ-kheo-ni tranh cải lại trù rủa", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni khi cùng Tỳ-kheo-ni tranh cải liền trù rủa thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni cùng Tỳ-kheo-ni tranh cải trù rủa rằng: Nếu cô vu báng tôi làm việc đó thì khiến cho cô không được Tứ niệm xứ thì phạm Ba-dật-đề, cho đến nói không được Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất bồ đề phần, Bát chánh đạo; khiến cho cô đời đời đọa trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh đều phạm Ba-dật-đề. Nếu nói: Nếu tôi có làm việc này thì cũng khiến cho tôi không được Tứ niệm xứ, Tứ

chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất bồ đề phần, Bát chánh đạo đều phạm Ba-dật-đề; nếu nói: Khiến cho tôi đời đời cũng đọa trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh cũng phạm Ba-dật-đề; tùy trù rủa bao nhiêu phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

23. Pháp Chín Mươi Tư: Hay Quên Mà Còn Giận

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ni Thâu-la-nan-đà có đệ tử cọng hành tên là Thi-việt sa tuy lành tốt, ưa thích trì giới nhưng hay quên lời thầy dạy, khi thầy sai cất đồ vật, đem cất chỗ này lại quên, tìm ở chỗ khác, khi thầy cần lấy thì tìm không ra. Một hôm Thâu-la-nan-đà từ tụ lạc trở về, Thi-việt sa ra đón muốn cầm y bát giúp thì thầy không cho cầm, Thi-việt sa tức giận nói với các ni: "Tôi đâu phải kẻ trộm cướp, sao thầy không tin tôi", các ni hỏi rõ nguyên nhân rồi đến nói với Thâu-la-nan-đà: "Đệ tử của cô lành tốt, ưa thích trì giới vì sao cô lại không tin".

Thâu-la-nan-đà hỏi: "Vì sao nói là tôi không tin?", đáp: "Cô ấy muốn cầm giúp y bát sao cô không cho cầm?", Thâu-la-nan-đà nói: "Không phải là tôi không tin, chỉ là cô ấy hay quên, cất đồ vật ở chỗ này lại đi tìm ở chỗ khác, lúc tôi cần lấy thì lại tìm không ra, cho nên tôi không cho cầm giúp". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem

việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại không xem xét nhớ kỹ mà còn tức giận", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni không xem xét nhớ kỹ mà còn tức giận thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni không xem xét nhớ kỹ mà còn tức giận thì phạm Ba-dật-đề, tùy tức giận bao nhiêu phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

24. Pháp Chín Mươi Lăm: Trong Hạ Du Hành

Phật tại thành Vương xá an cư cùng các Tỳ-kheo, các đại đệ tử như trưởng lão Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, A-na-luật… đều cùng an cư với Phật. Lúc đó các Tỳ-kheo-ni lại ở trong hạ du hành các nước, dẫm đạp côn trùng và cỏ xanh tươi nên bị các cư sĩ quở trách: "Phật và các đại đệ tử như trưởng lão Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên … còn an cư; Sa-môn Thích nữ tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại trong hạ du hành các nước dẫm đạp

côn trùng và cỏ xanh tươi". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo-ni này: "Các cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại trong hạ du hành", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni trong hạ an cư, không có nhân duyên mà du hành các nước thì phạm Ba-dật-đề.

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni trong hạ không có nhân duyên mà du hành các nước thì phạm Ba-dật-đề, tùy du hành bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

25. Pháp Chín Mươi Sáu: Tự Tứ Xong Không Du Hành

Phật tại thành Vương xá, tự tứ xong Phật cùng các đệ tử du hành các nước trong hai tháng, các đại đệ tử như trưởng lão Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, A-na-luật… đều đi theo, nhưng các Tỳ-kheo-ni lại không đi nên bị các cư sĩ quở trách: "Tự tứ xong, Phật cùng các đệ tử đều du hành, Sa-môn Thích nữ tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại

không chịu du hành". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo-ni này: "Các cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni sau khi tự tứ xong lại không du hành", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni sau khi tự tứ xong lại không du hành đến chỗ khác một đêm thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni tự tứ xong không du hành đến chỗ khác một đêm thì phạm Ba-dật-đề, tùy không đi bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 45

LUẬT NI (Tiếp Theo)

IV. MỘT TRĂM BẢY MƯƠI TÁM PHÁP BA DẬT ĐỀ (Tiếp Theo)

26. Pháp Chín Mươi Bảy: Trong Nước Du Hành Đến Chỗ Có Nghi Sợ

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó tại nước Kiều-tát-la vua Ba-tư-nặc có nước nhỏ phản loạn nên vua ra lịnh tập họp bốn binh là tượng binh, mã binh, xa binh và bộ binh rồi thân chinh đi đánh dẹp. Lúc đó các Tỳ-kheo-ni đang du hành từ nước Kiều-tát-la đến nước Xá-vệ, giữa đường gặp đoàn quân, trưởng lão Tỳ-kheo-ni nói: "Chúng ta hãy tránh và đi theo đường nhỏ", các ni trẻ tuổi liền nói: "Tại sao phải tránh, vua Ba-tư-nặc tín kính Phật pháp, vương tử Kỳ-đà, cư sĩ Cấp-cô-độc… đều tin Phật. Ai ngăn được chúng ta, cứ đi thẳng", nói rồi liền đi thẳng và bị đoàn quân đi trước lột hết y phục. Các ni liền tâu vua, vua nói: "Quân binh này ta đã phải cung cấp tụ lạc, vàng bạc, kho lẫm, lương bổng, họ mới đi chiến đấu; nếu họ đoạt hết y phục của các

vị thì ta không thể trả lại được. Hôm nay trong nước động binh tại sao các cô lại du hành đến chỗ có nghi sợ. Nếu Phật nghe biết việc này sẽ kết giới không cho các cô du hành đến chỗ có nghi sợ trong nước". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo-ni này: "Các cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni, ở trong nước ở chỗ có nghi sợ lại du hành", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni, ở trong nước nơi chỗ có nghi sợ mà du hành thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni ở trong nước, nơi chỗ có nghi sợ mà du hành thì phạm Ba-dật-đề; tùy du hành bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

27. Pháp Chín Mươi Tám: Ngoài Nước Du Hành Đến Chỗ Có Nghi Sợ

Phật tại thành Vương xá, lúc đó có một nước nhỏ ở ngoài biên cương nước Ma-kiệt-đà của vua A-xà-thế làm phản, vua liền ra lịnh tập họp bốn

bịnh là tượng binh, mã binh, xa binh và bộ binh rồi thân chinh đi đánh dẹp. Lúc đó các Tỳ-kheo-ni đang du hành từ nước Bạt-kỳ đến thành Vương xá, giữa đường gặp đoàn quân, trưởng lão Tỳ-kheo-ni nói: "Chúng ta nên tránh đi đường khác", các ni trẻ tuổi liền nói: "Tại sao phải tránh, vua A-xà-thế tín kính Phật pháp, đồng tử Kỳ-bà… cũng đều tin Phật, cứ đi thẳng", nói rồi liền đi thẳng và bị đoàn quân đi trước lột hết y phục. Các ni liền tâu vua, vua nói: "Quân binh này ta đã phải cung cấp tụ lạc, vàng bạc, kho lẫm, lương bổng, họ mới đi chiến đấu; nếu họ đoạt hết y phục của các vị thì ta không thể trả lại được. Hôm nay ngoài biên nước động binh, tại sao các cô lại du hành đến chỗ có nghi sợ. Nếu Phật nghe biết việc này sẽ kết giới không cho các cô du hành đến chỗ có nghi sợ ở ngoài biên nước". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo-ni này: "Các cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại ở ngoài biên nước nơi chỗ có nghi sợ lại du hành", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni, ở ngoài biên cương nước nơi chỗ có nghi sợ mà du hành thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni ở ngoài biên cương nước, nơi chỗ có nghi sợ mà du hành thì phạm Ba-dật-đề; tùy du hành bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

28. Pháp Chín Mươi Chín: Tham Quan Nhà Vẽ Tranh

Phật tại nước Xá-vệ, Tỳ-kheo-ni Ca-la vốn là ngoại đạo xuất gia thích đi tham quan, sáng sớm cô đi đến các miếu thờ trời, nhà ca nhạc, nhà luận pháp, nhà xuất gia và nhà vẽ tranh nên bị các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích nữ tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại đến tham quan nhà vẽ tranh, giống như nữ ngoại đạo". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại đến tham quan nhà vẽ tranh", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni cố ý đến tham quan nhà vẽ tranh thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám

hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni cố ý đến tham quan nhà vẽ tranh, nhìn thấy thì phạm Ba-dật-đề; không nhìn thấy thì phạm Đột-kiết-la. Từ dưới thấp nhìn lên cao thấy được thì phạm Ba-dật-đề, không thấy được thì phạm Đột-kiết-la; từ trên cao nhìn xuống dưới nếu thấy được thì phạm Ba-dật-đề, không thấy được thì phạm Đột-kiết-la; nếu không cố ý đến hoặc trên đường đi ngang qua thì không phạm.

29. Pháp Một Trăm: Xúc Não Khách Tỳ-Kheo-Ni

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt là cựu trụ, còn các thiện Tỳ-kheo-ni là khách. Khi khách Tỳ-kheo-ni đến cựu Tỳ-kheo-ni ra đón tiếp, cầm giúp y bát, thăm hỏi rồi đưa nước rửa chân, dầu bôi chân, giường tốt cho khách Tỳ-kheo-ni. Lúc đó khách ni yêu cầu đốt đèn, cựu ni hỏi đốt để làm gì, đáp là để đầu đêm tụng kinh, ngồi thiền và chú nguyện, cựu ni nói: "Các cô đi đường mệt mỏi nên nằm ngủ", nói rồi liền đi ngủ. Khách ni nghĩ: "Tại sao đầu đêm không tụng kinh, ngồi thiền mà lại đi ngủ", nghĩ rồi liền đốt đèn để tụng kinh… rồi mới đi ngủ, cựu ni nghe tiếng liền thức dậy hỏi muốn làm gì, đáp là tụng kinh chú nguyện xong muốn ngủ, cựu ni nói: "Ngủ không có quả báo, Phật khen ngợi không ngủ, chê trách

ngủ nghỉ. Chúng tôi thức không nằm ngủ", nói rồi liền tréo chân ngồi, khách ni nghĩ: "Làm sao chúng ta ngủ được trong chỗ có đèn sáng". Như vậy khách ni vào đầu đêm tụng kinh đến nữa đêm muốn ngủ lại không ngủ được, đến cuối đêm lại không thể ngủ, suốt đêm không ngủ và mệt mỏi vì đi đường nên thân không an. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi các cựu Tỳ-kheo-ni: "Các cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là cựu Tỳ-kheo-ni lại xúc não khách Tỳ-kheo-ni", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni cựu trụ xúc não khách Tỳ-kheo-ni đến ở thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni cựu trụ xúc não khách Tỳ-kheo-ni thì phạm Ba-dật-đề, tùy xúc não bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

30. Pháp Một Trăm Lẻ Một: Xúc Não Cựu Tỳ-Kheo-Ni

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các thiện Tỳ-kheo-

ni là cựu trụ, các Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt là khách. Khi khách Tỳ-kheo-ni đến các cựu ni ra đón tiếp, cầm giúp y bát rồi đưa nước rửa chân, dầu bôi chân và giường tốt cho các khách ni rồi nói: "Đốt đèn lên nhé", khách ni nói: "Đừng đốt đèn, chúng tôi đi đường mỏi mệt không thể tụng kinh, ngồi thiền chú nguyện, chúng tôi muốn nằm nghỉ". Cựu ni vào đầu đêm đốt đèn tụng kinh… rồi đi ngủ thì khách ni thức dậy nói rằng: "Ngủ không có quả báo, Phật khen ngợi pháp không ngủ, chê trách ngủ, nay chúng tôi thức không ngủ", nói rồi thức dậy đốt đèn ngồi thiền… khiến các cựu ni không ngủ được, khách ni tọa thiền đến cuối đêm lại đi ngủ, cựu ni vào cuối đêm không thể ngủ nên suốt đêm không ngủ, thân không được an. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi các khách Tỳ-kheo-ni: "Các cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là khách Tỳ-kheo-ni lại xúc não cựu trụ Tỳ-kheo-ni", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu khách Tỳ-kheo-ni xúc não cựu trụ Tỳ-kheo-ni thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu khách ni xúc não cựu ni thì phạm Ba-dật-đề, tùy xúc não bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

31. Pháp Một Trăm Lẻ Hai: Không Chăm Sóc Người Bịnh

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ni Thâu-la-nan-đà có Tỳ-kheo-ni ở chung bị bịnh, Thâu-la-nan-đà liền bỏ đi đến tụ lạc khác vì sợ phải cung cấp và chăm sóc người bịnh. Các ni khác đến thăm người bịnh liền hỏi: "Thâu-la-nan-đà có việc gì, cô đều trợ giúp, nay cô bị bịnh sao cô ấy không chăm sóc?", đáp: "Cô ấy có thể chăm sóc cho tôi sao, vì sợ phải chăm sóc tôi nên cô ấy mới bỏ đi". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Thâu-la-nan-đà: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại không chăm sóc Tỳ-kheo-ni ở chung với mình", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni có Tỳ-kheo-ni ở chung bị bịnh mà không cung cấp chăm sóc thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni có Tỳ-kheo-ni ở chung bị bịnh mà không cung cấp chăm sóc thì phạm Ba-dật-đề, tùy không chăm sóc bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

32. Pháp Một Trăm Lẻ Ba: Thấy Trưởng Lão Tỳ-Kheo Đến Mà Không Đứng Dậy

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó trưởng lão Đại Ca-diếp trước ngọ đắp y mang bát đến một nhà cư sĩ khất thực, vợ cư sĩ trông thấy trưởng lão liền đứng dậy bước ra nghinh đón, ni Thâu-la-nan-đà có mặt trong nhà này từ trước tuy thấy trưởng lão Đại Ca-diếp nhưng không đứng dậy ra nghinh đón. Vợ cư sĩ đảnh lễ trưởng lão Đại Ca-diếp rồi tiếp lấy bát đựng đầy cơm và thức ăn rồi dâng cho trưởng lão, sau đó nói với Thâu-la-nan-đà: "Cô biết trưởng lão Đại Ca-diếp là đại đệ tử của Phật, là ruộng phước tốt đáng được trời người cung kính, cô đứng dậy ra nghinh đón thì có việc gì là xấu", Thâu-la-nan-đà nói: "Đại Ca-diếp vốn là ngoại đạo xuất gia, được cô cung kính chứ không được tôi cung kính", vợ cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích nữ tự xưng là bậc hiền thiện có đức tuy thấy trưởng lão Tỳ-kheo đến mà lại không đứng dậy ra nghinh đón, giống như nữ ngoại đạo". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Thâu-la-nan-đà:

"Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni tuy thấy trưởng lão Tỳ-kheo đến lại không đứng dậy ra nghinh đón", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni thấy trưởng lão Tỳ-kheo đến mà không đứng dậy thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni thấy trưởng lão Tỳ-kheo đến mà không đứng dậy thì phạm Ba-dật-đề, tùy không đứng dậy bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

33. Pháp Một Trăm Lẻ Bốn: Không Chào Hỏi Tỳ-Kheo Mà Liền Ngồi

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó trưởng lão Ca-lưu-đà-di thường ra vào một nhà, vào trước ngọ đắp y mang bát đến nhà đó, trong nhà đã có ni tên Sấu Cù-Đàm-di đến trước, thấy Ca-lưu-đà-di đến liền đứng dậy ra nghinh đón, mời ngồi. Ni đứng nghe Ca-lưu-đà-di thuyết pháp quá lâu nên ngã xỉu xuống đất, vợ cư sĩ rưới nước cho tỉnh lại rồi hỏi: "Cô có bịnh gì, có lo buồn gì?", đáp: "Tôi không bịnh, cũng không có lo buồn, chỉ là đứng quá lâu nên ngất xỉu". Các ni đem việc này bạch Phật, Phật do việc này nhóm hai bộ Tăng đủ lời khen ngợi

giới và người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni không chào hỏi Tỳ-kheo mà liền ngồi thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni không chào hỏi Tỳ-kheo mà liền ngồi thì phạm Ba-dật-đề, tùy không chào hỏi và ngồi bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

34. Pháp Một Trăm Lẻ Năm: Không Hỏi Chủ Nhà Liền Trải Ngọa Cụ Nằm Ngồi

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo-ni muốn du hành các nước nên tâu vua rằng: "Chúng tôi muốn du hành, xin vua ra lịnh cho dân chúng các nơi không được trên đường đi xúc não chúng tôi", vua liền ra lịnh dân chúng các nơi không được xúc não và nên cung cấp nhưng vật cần dùng như thức ăn uống và đèn đuốc cho các ni. Các ni này du hành đến một nơi không có Tăng phường, đến nhà một cư sĩ muốn ngủ lại đêm nên bảo chủ nhà ra ngoài, chủ nhà nói: "Đây là nhà tôi, các cô bảo tôi đi đâu", các ni nói: "Ông nên ra ngoài, ông muốn xúc não chúng tôi hay sao. Nếu ông không ra ngoài, chúng tôi có thế lực của quan sẽ khiến cho ông phiền não", cư sĩ suy nghĩ: "Các Tỳ-kheo-

ni được vua thủ hộ, thế lực của quan sẽ khiến cho ta phiền não", nghĩ rồi nên sợ hãi bỏ ra ngoài. Cư sĩ này vì già bịnh không sức lực nên ra ngoài giữa đêm đông giá lạnh suýt bị chết, các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích nữ tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại không hỏi chủ nhà, tự tiện trải ngọa cụ nằm ngồi, giống như phu nhân của vua, vợ của đại thần". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo-ni này: "Các cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại không hỏi chủ nhà mà liền trải ngọa cụ nằm ngồi", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni không hỏi chủ nhà liền tự tiện trải ngọa cụ hoặc bảo người trải thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni không hỏi chủ nhà lại tự trải ngọa cụ thì phạm Ba-dật-đề, bảo người trải cũng phạm Ba-dật-đề; tùy không hỏi mà tự trải hay bảo người trải bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

36. Pháp Một Trăm Lẻ Sáu: Không Đủ Mười Hai Hạ Mà Nuôi Chúng

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo-ni muốn bằng Tỳ-kheo nên nói: "Các thầy năm tuổi hạ thì không cần y chỉ, chúng tôi cũng vậy; các thầy mười tuổi hạ được nuôi chúng, chúng tôi cũng vậy, không có khác biệt". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo-ni: "Các cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại khinh thường đại chúng", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cho các Tỳ-kheo-ni thọ đại giới đủ sáu tuổi hạ thì không cần y chỉ, chưa đủ sáu tuổi hạ phải cầu y chỉ; mười hai tuổi hạ mới được nuôi chúng. Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni không đủ mười hai tuổi hạ mà nuôi chúng thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni không đủ mười hai tuổi hạ mà nuôi chúng thì phạm Ba-dật-đề, tùy nuôi bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

37. Pháp Một Trăm Lẻ Bảy: Chưa Được Tác Yết Ma Nuôi Chúng Mà Nuôi Chúng

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ni Thâu-la-nan-đà đủ mười hai tuổi hạ muốn nuôi chúng nên nói với các ni: "Tôi thọ đại giới đã đủ mười hai hạ, nay muốn nuôi chúng phải làm thế nào?", các Tỳ-kheo-ni bạch Phật, Phật bảo: "Các cô nên tác yết ma nuôi chúng cho Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà, nếu có Tỳ-kheo-ni nào giống như thế cũng nên tác yết ma cho".

Tác pháp yết ma như sau: Ni tăng nhất tâm hòa hợp, ni Thâu-la-nan-đà nên từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Tăng:

Đại đức Ni tăng nhớ nghĩ, con Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà thọ đại giới đã đủ mười hai tuổi hạ, nay muốn nuôi chúng. Con theo Tăng xin yết ma nuôi chúng, Tăng cho con Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà yết ma nuôi chúng, xin thương xót (3 lần). Một Tỳ-kheo-ni trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại đức Ni tăng lắng nghe, Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà này thọ đại giới đã đủ mười hai tuổi hạ nay muốn nuôi chúng nên theo Tăng xin yết ma nuôi chúng. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà yết ma nuôi chúng. Bạch như vậy.

Như thế bạch tứ yết ma cho đến câu Tăng đã chấp thuận cho Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà yết ma nuôi chúng xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Phật bảo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni tuy đủ mười hai tuổi hạ nhưng chưa tác pháp yết ma nuôi chúng cho nuôi, mà nuôi chúng thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni chưa đủ mười hai hạ, chưa tác yết ma cho nuôi chúng mà nuôi thì phạm Ba-dật-đề, tùy nuôi bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

38. Pháp Một Trăm Lẻ Tám: Nuôi Người Nữ Đã Gả Chưa Đủ Mười Hai Tuổi

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Thâu-la-nan-đà nuôi chúng là người nữ đã gả chưa đủ mười hai tuổi. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại nuôi chúng là người nữ đã gả chưa đủ mười hai tuổi", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo:

"Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni nuôi chúng là người nữ đã gả chưa đủ mười hai tuổi thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni nuôi chúng là người nữ đã gả chưa đủ mười hai tuổi thì phạm Ba-dật-đề, tùy nuôi bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

39. Pháp Một Trăm Lẻ Chín: Tuy Đủ Mười Hai Tuổi Nhưng Chưa Làm Yết Ma Thuộc Hòa Thượng Ni

Phật tại nước Xá-vệ, ni Thâu-la-nan-đà nuôi chúng là người nữ đã gả đủ mười hai tuổi nhưng chưa làm yết ma thuộc Hòa thượng ni. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni nuôi chúng là người nữ đã gả đủ mười hai tuổi mà không làm yết ma thuộc Hòa thượng ni", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni nuôi chúng là người nữ đã gả đủ mười hai tuổi nhưng chưa làm yết ma thuộc Hòa thượng ni thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni nuôi chúng là người nữ đã gả đủ mười hai tuổi nhưng chưa xin yết ma nuôi chúng làm Hòa thượng ni thì phạm Ba-dật-đề; tù nuôi bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

40. Pháp Một Trăm Mười: Nuôi Chúng Mà Không Dạy Bảo

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ni Thâu-la-nan-đà nuôi chúng mà không giáo giới, không thuyết pháp cho nghe. Đệ tử hỏi: "Vì sao thầy không giáo giới, không thuyết pháp cho con nghe", đáp: "Ta không giáo giới, không thuyết pháp cho nghe", đệ tử đem việc này bạch các Tỳ-kheo-ni, các ni bạch Phật, Phật do việc này nhóm hai bộ Tăng rồi hỏi Thâu-la-nan-đà: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại nuôi chúng mà không giáo giới, không thuyết pháp cho nghe", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo-ni: "Các cô nên tác pháp yết ma dừng nuôi chúng cho Thâu-la-nan-đà".

Tác yết ma dừng nuôi chúng như sau: Ni tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo-ni trong Tăng

xướng rằng:

Đại đức Ni tăng lắng nghe, Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà nuôi chúng mà không giáo giới, không thuyết pháp cho nghe. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay tác yết ma dừng nuôi chúng cho Thâu-la-nan-đà, từ nay không được nuôi chúng nữa. Bạch như vậy.

Như thế bạch nhị yết ma cho đến câu Tăng nay đã chấp thuận tác yết ma dừng nuôi chúng cho Thâu-la-nan-đà, từ nay không được nuôi chúng nữa xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Phật bảo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni, Tăng đã cho yết ma dừng nuôi chúng mà còn nuôi chúng nữa thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni, Tăng đã cho yết ma dừng nuôi chúng mà còn nuôi chúng nữa thì phạm Ba-dật-đề, tùy nuôi bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

41. Pháp Một Trăm Mười Một: Không Cho Hai Năm Học Sáu Pháp

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó trong thành có vợ một cư sĩ tên là Hòa

la ha, nhà giàu có với nhiều tài sản, ruộng vườn… đầy đủ các tướng giàu sang. Người này vì vô thường nên bị phá sản, người nhà đều phân tán, chỉ còn một mình lại có thai, vì đau buồn trước sự mất mát này nên thân ốm gầy, thai nhi không lớn. Cô suy nghĩ: "Những người có phước đức không ai hơn Sa-môn Thích tử, ta nên đến cầu xuất gia làm Tỳ-kheo-ni", nghĩ rồi liền đến trong tinh xá Vương viên cầu xuất gia, sau khi xuất gia được hoan lạc nên thân mập mạp, thai nhi cũng lớn nên bụng dần dần to ra. Các Tỳ-kheo-ni đuổi ra khỏi Tăng phường, nói rằng: "Cô là người phạm dâm dục, không được ở trong đây", liền đáp: "Từ khi xuất gia đến nay tôi không làm việc dâm dục, trước khi xuất gia tôi đã mang thai", các ni đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Các cô chớ nói cô này như vậy, Tỳ-kheo-ni này không phá phạm hạnh vì khi còn là bạch y đã mang thai rồi. Từ nay cho Sa-di-ni trong hai năm học sáu pháp để nghiệm biết là có thai hay không".

Văn đăng đàn thọ sáu pháp

Sa-di-ni mới đến, giới sư nên bảo theo thứ lớp đảnh lễ Ni tăng, kế dạy cầu Hòa thượng ni như sau:

Con là Sa-di-ni tên nay cầu đại đức ni làm Hòa thượng ni. Xin đại đức ni làm Hòa thượng ni để con theo Tăng xin hai năm học giới (3 lần).

Một Tỳ-kheo-ni trong Tăng nên hỏi vị này có

thể làm Hòa thượng ni cho Sa-di-ni này không, nếu nói là được thì giới sư nên dẫn Sa-di-ni đến chỗ mắt thấy tai không nghe ở ngoài giới tràng, rồi trở vào trong Tăng hỏi: "Tăng hòa hợp không?", đáp là hòa hợp, liền bạch:

Tăng nhất tâm hòa hợp nên làm Tăng sự, Sa-di-ni tên _____ , Hòa thượng ni là _____ , Tăng nên cho hai năm học giới (3 lần).

Kế gọi Sa-di-ni đến, giới sư bảo đảnh lễ Ni tăng rồi dạy theo Tăng xin hai năm học giới như sau:

Con Sa-di-ni tên _____ , Hòa thượng ni là _____ , nay theo Tăng xin hai năm học giới. Xin Tăng cho con Sa-di-ni _____ , Hòa thượng ni là được hai năm học giới. Xin thương xót (3 lần). Giới sư ở trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại đức Ni tăng lắng nghe, Sa-di-ni tên _____ , Hòa thượng ni là _____ nay theo Tăng xin hai năm học giới. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho Sa-di-ni _____ , Hòa thượng ni là được hai năm học giới. Bạch như vậy.

Đại đức Ni tăng lắng nghe, Sa-di-ni tên _____ , Hòa thượng ni là

theo Tăng xin hai năm học giới. Tăng nay cho Sa-di-ni _____ , Hòa thượng ni là _____ được hai năm học giới, trưởng lão ni nào chấp thuận cho Sa-di-ni _____ , Hòa thượng ni là _____ được hai năm học giới thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói.

Đây là yết ma lần thứ nhất.

Như thế bạch tứ yết ma cho đến câu Tăng đã chấp thuận cho Sa-di-ni _____ , Hòa thượng ni là _____ được hai năm học giới xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Kế nên nói sáu pháp như sau:

Này Thức-xoa-ma-na, hãy lắng nghe, Phật Thế tôn Đa-đà-a-già-độ A-la-ha-tam-miệu-tam Phật đà là bậc Tri giả, bậc kiến giả đã nói sáu pháp của Thức-xoa-ma-na, suốt đời nên thọ trì.

Một là Phật Thế tôn đủ nhân duyên quở trách Dục, dục tưởng, dục dục, dục giác, dục nhiệt; Phật dạy nên đoạn dục, trừ dục tưởng và diệt dục nhiệt. Nếu Thức-xoa-ma-na đã vào trong pháp Thức-xoa-ma-na, không xả giới, giới suy kém, không nói ra, mà theo tâm tưởng thọ việc dâm dục cho đến cùng với súc sanh thì chẳng phải là Thức-xoa-ma-na, chẳng phải là Thích nữ, mất pháp Thức-xoa-ma-na. Việc này suốt đời không được làm, nếu cô thọ trì được thì nên nói là được.

Hai là Phật Thế tôn đủ nhân duyên quở trách trộm cắp, khen ngợi không trộm cắp cho đến một sợi chỉ, một tấc vải, một giọt dầu, nếu không cho thì không được lấy. Trong giới này Phật chế ít nhất là cho đến năm tiền hoặc vật trị giá năm tiền, tùy theo vật mà Thức-xoa-ma-na trộm cắp nếu bị vua bắt hoặc đánh, hoặc trói hoặc đuổi đi, mắng là kẻ

giặc, kẻ ngu si… thì chẳng phải là Thức-xoa-ma-na, chẳng phải là Thích nữ, mất pháp Thức-xoa-ma-na. Việc này suốt đời không được làm, nếu cô thọ trì được thì nên nói là được.

Ba là Phật Thế tôn đủ nhân duyên quở trách sát sanh, khen ngợi không sát sanh, không giết hại cho đến một con kiến huống chi là giết người. Nếu Thức-xoa-ma-na tự tay giết người hoặc cầm dao đưa cho người, chỉ bảo chết, khen ngợi chết, nói rằng: "Sống nếp sống xấu xa như thế làm gì, thà chết còn hơn". Thuận theo tâm ý người này mà dùng đủ cách khuyên dạy chết, khen ngợi chết hoặc làm Ưu đa, Đầu đa hoặc giăng lưới bẫy… để giết; hoặc làm Tỳ-đà-la, tợ Tỳ-đà-la, hoặc làm cho đứt hơi, hoặc làm cho đọa thai, hoặc đè bụng cho chết; hoặc xô vào lửa, đẩy xuống nước, xô từ trên cao xuống, hoặc sai người đón đường giết chết, hoặc thai nhi mới thọ hai căn là thân căn và mạng căn, trong Ca-la la lại sanh tâm ác phương tiên giết chết… thì chẳng phải là Thức-xoa-ma-na, chẳng phải là Thích nữ, mất pháp Thức-xoa-ma-na. Việc này suốt đời không được làm, nếu cô thọ trì được thì nên nói là được.

Bốn là Phật Thế tôn đủ nhân duyên chê trách vọng ngữ, khen ngợi không vọng ngữ, cho đến đùa giỡn còn không nói dối huống chi là cố ý. Nếu Thức-xoa-ma-na không biết, không thấy pháp hơn người mà tự nói: "Tôi biết như vậy, tôi thấy như

vậy, tôi là A-la-hán, A-la-hán hướng; tôi là A-na-hàm, A-na-hàm hướng; Tư-đà-hàm, Tư-đà-hàm hướng; Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hoàn hướng; hoặc tôi được sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền; hoặc tôi được vô lương tâm từ bi, hỷ xả; hoặc tôi được Không vô sắc xứ định, thức xứ định, Vô sở hữu xứ định, Phi tưởng phi phi tưởng xứ định; hoặc tôi được pháp quán bất tịnh, A-na-bát-na; các trời, rồng, Dạ-xoa… đến chỗ tôi, họ hỏi, tôi trả lời; tôi hỏi, họ trả lời… thì chẳng phải là Thức-xoa-ma-na, chẳng phải là Thích nữ, mất pháp Thức-xoa-ma-na. Việc này suốt đời không được làm, nếu cô thọ trì được thì nên nói là được.

Năm là Phật Thế tôn đủ nhân duyên quở trách Dục, dục tưởng, dục dục, dục giác, dục nhiệt; Phật dạy nên đoạn dục, trừ dục tưởng và diệt dục nhiệt. Nếu Thức-xoa-ma-na có lậu tâm thuận cho người nam có lậu tâm xúc chạm vuốt ve thuận hay nghịch từ đầu tóc trở xuống, từ đầu gối trở lên, từ cổ tay trở ra, bỏ y, hoặc kéo hoặc đẩy hoặc đè hoặc bóp, hoặc nâng lên hoặc để xuống… thì chẳng phải là Thức-xoa-ma-na, chẳng phải là Thích nữ, mất pháp Thức-xoa-ma-na. Việc này suốt đời không được làm, nếu cô thọ trì được thì nên nói là được.

Sáu là Phật Thế tôn đủ nhân duyên quở trách Dục, dục tưởng, dục dục, dục giác, dục nhiệt; Phật dạy nên đoạn dục, trừ dục tưởng và diệt dục nhiệt. Nếu Thức-xoa-ma-na có lậu tâm thuận cho người

nam có lậu tâm nắm tay, nắm y, cùng đứng, cùng nói chuyện, cùng hẹn hò, vào chỗ khuất, đợi người nam đến, tất cả giống như người nữ bạch y, tự thân làm tám việc này thì chẳng phải là Thức-xoa-ma-na, chẳng phải là Thích nữ, mất pháp Thức-xoa-ma-na. Việc này suốt đời không được làm, nếu cô thọ trì được thì nên nói là được.

Này Thức-xoa-ma-na hãy lắng nghe, Tăng đã trao cho cô sáu học pháp, người thọ trì sáu pháp này mới gọi là Thức-xoa-ma-na. Cô có đủ Hòa thượng ni, A-xà-lê ni, đầy đủ Ni tăng, đủ hành xứ, quốc độ, đủ nguyện của Chuyển luân thánh vương…, từ nay nên cung kính Tam bảo Phật pháp tăng; nên cung kính Hòa thượng, A-xà-lê và các bậc thượng trung hạ tòa. Nên siêng học ba môn học là thiện giới học, thiện định học và thiện huệ học. Nên tu ba môn giải thoát là không vô tướng, vô tác. Nên siêng tu ba nghiệp, tọa thiền, tụng kinh và khuyến hóa làm phước hạnh. Đây là pháp mở cửa Niết-bàn để được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán; giống như hoa sen trong nước ngày càng tươi tốt được nở hoa, cô cũng sẽ tăng trưởng đạo pháp giống như vậy, sau sẽ được thọ giới cụ túc .

Trong pháp Thích sư tử, Đã được giới khó được, Thời không khó, khó được, Được rồi chớ để mất.

Cúi đầu đảnh lễ Tăng, Hữu nhiễu vui vẻ đi.

Phật bảo: Do mười lợi nên kết giới cho Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni nuôi chúng mà không cho hai năm học sáu pháp thì phạm Ba-dật-đề.

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni nuôi chúng không cho hai năm học sáu pháp thì phạm Ba-dật-đề, tùy nuôi bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

42. Pháp Một Trăm Mười Hai: Tuy Đủ Hai Năm Học Sáu Pháp Nhưng Chưa Tác Yết Ma Thuộc Hòa Thượng Ni

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ni Thâu-la-nan-đà nuôi chúng là đệ tử đủ hai năm học sáu pháp, nhưng chưa làm yết ma thuộc Hòa thượng ni. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại nuôi chúng là đệ tử đã đủ hai năm học sáu pháp mà không làm yết ma thuộc Hòa thượng ni", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni nuôi chúng là đệ tử đủ hai năm

học sáu pháp, nhưng chưa làm yết ma thuộc Hòa thượng ni thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni nuôi chúng là đệ tử đủ hai năm học sáu pháp, nhưng chưa làm yết ma thuộc Hòa thượng ni thì phạm Ba-dật-đề; tùy nuôi bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

43. Pháp Một Trăm Mười Ba: Không Hai Năm Theo Hòa Thượng Ni

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo-ni vì nuôi chúng nên chịu cực khổ giặt nhuộm cắt may y cho đệ tử, không ngờ đệ tử thọ đại giới xong liền bỏ Hòa thượng ni đi, liền quở trách rằng: "Người nữ xấu xa này, ta chịu cực khổ giặt nhuộm cắt may y cho, không ngờ thọ đại giới xong lại bỏ ta mà đi", quở trách rồi đem việc này bạch Phật, Phật do việc này nhóm hai bộ Tăng bảo rằng: "Từ nay cho Tỳ-kheo-ni hai năm theo Hòa thượng ni. Do lo lợi nên kết giới cho Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni thọ đại giới rồi mà không hai năm theo Hòa thượng ni thì phạm Ba-dật-đề.

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni

thọ đại giới rồi mà không hai năm theo Hòa thượng ni thì phạm Ba-dật-đề, tùy không theo Hòa thượng ni bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

44. Pháp Một Trăm Mười Bốn: Nuôi Chúng Mà Không Cho Tài Pháp

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ni Thâu-la-nan-đà nuôi chúng mà không cho tài pháp, các đệ tử hỏi: "Vì sao thầy không cho tài pháp?", đáp: "Ta không muốn cho tài pháp", các đệ tử nói: "Nếu thầy không cho tài pháp thì chúng con sẽ đi chỗ khác", Thâu-la-nan-đà nói: "Phật kết giới nếu các cô không theo ta hai năm mà đi chỗ khác thì phạm Ba-dật-đề". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni nuôi đệ tử mà không cho tài pháp", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni nuôi đệ tử mà không cho tài pháp thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni

nuôi đệ tử mà không cho tài pháp thì phạm Ba-dật-đề, tùy không cho bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

45. Pháp Một Trăm Mười Lăm: Nuôi Chúng Là Dâm Nữ

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ni Thâu-la-nan-đà nuôi chúng là dâm nữ, ni dâm nữ này sáng sớm đắp y mang bát vào thành khất thực, có cư sĩ gặp nói rằng: "Tôi đã từng cùng Tỳ-kheo-ni này làm việc như vậy như vậy", ni này nghe rồi trong lòng không vui, bạch các ni, các ni bạch Phật, Phật do việc này nhóm hai bộ Tăng rồi hỏi Thâu-la-nan-đà: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại nuôi chúng là dâm nữ. Từ nay không cho nuôi chúng là dâm nữ, nếu có nhân duyên nuôi thì nên đưa đi đến chỗ cách xa chỗ cũ năm, sáu do tuần", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni nuôi chúng là dâm nữ mà không dẫn đi đến chỗ cách xa chỗ cũ năm, sáu do tuần thì phạm Ba-dật-đề.

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni nuôi chúng là dâm nữ mà không dẫn đi đến chỗ

cách xa chỗ cũ năm, sáu do tuần thì phạm Ba-dật-đề; tùy không đưa đi xa bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

46. Pháp Một Trăm Mười Sáu: Nuôi Chúng Là Đồng Nữ Chưa Đủ Hai Mươi Tuổi

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ni Thâu-la-nan-đà nuôi chúng là đồng nữ chưa đủ hai mươi tuổi. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại nuôi chúng là đồng nữ chưa đủ hai mươi tuổi", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni nuôi chúng là đồng nữ chưa đủ hai mươi tuổi thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni nuôi chúng là đồng nữ chưa đủ hai mươi tuổi thì phạm Ba-dật-đề, tùy nuôi bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

47. Pháp Một Trăm Mười Bảy: Tuy Đủ

Hai Mươi Tuổi Nhưng Chưa Làm Yết Ma Thuộc Hòa Thượng Ni

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ni Thâu-la-nan-đà nuôi chúng là đồng nữ đủ hai mươi tuổi, nhưng chưa làm yết ma thuộc Hòa thượng ni. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni nuôi chúng là đồng nữ đủ hai mươi tuổi mà không làm yết ma thuộc Hòa thượng ni", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni nuôi chúng là đồng nữ đủ hai mươi tuổi mà không làm yết ma thuộc Hòa thượng ni thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni nuôi chúng là đồng nữ đủ hai mươi tuổi mà không làm yết ma thuộc Hòa thượng ni thì phạm Ba-dật-đề, tùy nuôi bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

48. Pháp Một Trăm Mười Tám: Nuôi Chúng Là Hiếu Nữ

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ni Thâu-la-nan-đà nuôi chúng là hiếu nữ; người này không tụng kinh, không hỏi đáp cũng không tọa thiền nên các ni hỏi: "Vì sao cô không tụng kinh, ngồi thiền?", đáp: "Cha mẹ anh em… của tôi chết, tôi đau buồn làm sao có thể đọc kinh, hỏi đáp, ngồi thiền". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại nuôi chúng là hiếu nữ", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni nuôi chúng là hiếu nữ thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni nuôi chúng là hiếu nữ thì phạm Ba-dật-đề, tùy nuôi bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

49. Pháp Một Trăm Mười Chín: Nuôi Chúng Là Người Có Con Cái Tự Theo

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ni Thâu-la-nan-đà nuôi chúng là người nữ có con trai, con gái tự theo. Người nữ sáng sớm đắp y mang bát vào thành khất

thực thì có con trai con gái trước sau vây quanh, các cư sĩ nói với nhau: "Các vị biết không, Sa-môn Thích tử là người dâm dục cùng với Tỳ-kheo-ni nên ở trong Tăng phường sanh con đẻ cái". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại nuôi chúng là người nữ có con trai, con gái tự theo", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni nuôi chúng là người nữ có con trai, con gái tự theo thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni nuôi chúng là người nữ có con trai, con gái tự theo thì phạm Ba-dật-đề; tùy nuôi bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

50. Pháp Một Trăm Hai Mươi: Nuôi Chúng Là Người Nữ Tánh Ác

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ni Thâu-la-nan-đà nuôi chúng là người nữ tánh ác. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc

này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại nuôi chúng là người nữ tánh ác", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni nuôi chúng là người nữ tánh ác thì phạm Ba-dật-đề.

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni nuôi chúng là người nữ tánh ác thì phạm Ba-dật-đề; tùy nuôi bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

51. Pháp Một Trăm Hai Mươi Mốt: Nuôi Đồng Nữ Hai Mươi Tuổi Không Cho Hai Năm Học Sáu Pháp

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ni Thâu-la-nan-đà nuôi chúng là đồng nữ hai mươi tuổi mà không cho hai năm học sáu pháp. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách:

"Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni nuôi chúng là đồng nữ hai mươi tuổi mà không cho hai năm học sáu pháp", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni nuôi chúng là đồng nữ hai mươi tuổi mà không cho hai năm học sáu pháp thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni nuôi chúng là đồng nữ hai mươi tuổi mà không cho hai năm học sáu pháp thì phạm Ba-dật-đề, tùy nuôi bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu. Lúc đó các Tỳ-kheo-ni không biết sáu pháp là gì, Phật nói: "Đó là bốn pháp Ba-la-di và hai pháp bất cọng Ba-la-di là lậu tâm xúc chạm và lậu tâm làm đủ tám việc".

52. Pháp Một Trăm Hai Mươi Hai: Tuy Cho Hai Năm Học Sáu Pháp Nhưng Không Làm Yết Ma Thuộc Hòa Thượng Ni

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ni Thâu-la-nan-đà nuôi chúng là đồng nữ hai mươi tuổi tuy cho hai năm học sáu pháp, nhưng không làm yết ma thuộc Hòa thượng ni. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui

liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni nuôi chúng là đồng nữ hai mươi tuổi tuy cho hai năm học sáu pháp, lại không làm yết ma thuộc Hòa thượng ni", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni nuôi chúng là đồng nữ hai mươi tuổi tuy cho hai năm học sáu pháp, nhưng không làm yết ma thuộc Hòa thượng ni thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni nuôi chúng là đồng nữ hai mươi tuổi tuy cho hai năm học sáu pháp, nhưng không làm yết ma thuộc Hòa thượng ni thì phạm Ba-dật-đề; tùy nuôi bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 46

LUẬT NI (Tiếp Theo)

IV. MỘT TRĂM BẢY MƯƠI TÁM PHÁP BA DẬT ĐỀ (Tiếp Theo)

53. Pháp Một Trăm Hai Mươi Ba: Trả Công Mới Độ Cho Xuất Gia

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt thường ra vào nhà người, vợ của một cư sĩ nói: "Cô hãy độ cho tôi xuất gia", đáp: "Nếu bà cúng dường y bát, bốn loại dược: Thời dược, thời phần dược, thất nhật dược và tận hình dược thì tôi sẽ độ cho bà xuất gia", vợ cư sĩ nói: "Phải trả công, cô mới độ cho xuất gia hay sao", đáp là đúng vậy. Sau đó có một thiện Tỳ-kheo-ni đến nhà này, vợ cư sĩ hỏi: "Phải trả công, các cô mới độ cho xuất gia phải không?", liền hỏi là ai nói lời này, đáp: "Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt nói với tôi rằng: "Nếu bà cúng dường y bát, bốn loại dược: Thời dược, thời phần dược, thất nhật dược và tận hình dược thì tôi sẽ độ cho bà xuất gia". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc

này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại nói với vợ cư sĩ rằng: "Bà cúng dường y bát, bốn loại dược: Thời dược, thời phần dược, thất nhật dược và tận hình dược thì tôi sẽ độ cho bà xuất gia", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni nói rằng: "Nếu bà cúng dường y bát, bốn loại dược: Thời dược, thời phần dược, thất nhật dược và tận hình dược thì tôi sẽ độ cho bà xuất gia" thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni nói rằng: "Nếu bà cúng dường y bát… thì tôi sẽ đô bà" thì phạm Ba-dật-đề, tùy nói và được vật thực bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

54. Pháp Một Trăm Hai Mươi Bốn: Phu Chủ Không Cho Mà Độ

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có vợ của một cư sĩ vì không nghe lời chồng nên bị đánh đuổi ra khỏi nhà, bà liền đến chỗ Tỳ-kheo-ni quen biết thường lui tới nhà bà, người chồng cũng có việc phải đi

đến tụ lạc khác, nghĩ là vợ mình sẽ không bỏ đi luôn, không ngờ về nhà tìm không thấy. Người biết vợ mình sẽ tìm đến chỗ Tỳ-kheo-ni quen biết, nghĩ là chỉ ở đó một thời gian rồi sẽ trở về nhà, nên không tìm kiếm nữa. Người vợ ở được năm, sáu ngày liền nói với Tỳ-kheo-ni: "Cô hãy độ cho tôi xuất gia", ni đáp: "Chồng bà còn đó, làm sao độ được", người vợ nói: "Chồng tôi không cần tôi nữa, nếu cần tôi, ông đã đến đây tìm hoặc sai người đến tìm", Tỳ-kheo-ni nghe rồi liền độ cho xuất gia. Người chồng nghe tin vợ mình đã xuất gia liền nổi giận đến nói với Tỳ-kheo-ni: "Cô là người xấu, đã phá gia đình tôi", ni hỏi: "Vì sao ông nói tôi đã phá gia đình ông", đáp: "Vì cô đã độ vợ tôi làm Tỳ-kheo-ni", ni nói: "Nếu đây là vợ ông thì ông hãy dẫn về đi", các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích nữ tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại độ vợ người, khi người chồng chưa cho, giống như phu nhân của vua, vợ của đại thần". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại độ vợ người, khi người chồng chưa thuận cho", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni nuôi chúng là người nữ mà chủ không thuận cho, thì phạm Ba-dật-đề .

Chủ không thuận cho có ba: Một là nếu người nữ chưa gả thì chủ là cha mẹ không cho; hai là người nữ tuy được gả nhưng chưa về nhà chồng, thì chủ là hai bên không cho; ba là người nữ đã gả về nhà chồng, thì chủ là người chồng không cho. Trường hợp này phu chủ không cho mà độ cho xuất gia thì phạm Ba-dật-đề.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni nuôi chúng là người nữ mà phu chủ không cho thì phạm Ba-dật-đề, tùy nuôi bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

55. Pháp Một Trăm Hai Mươi Lăm: Hứa Thu Nhận Làm Chúng Mà Không Thu Nhận

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt có nuôi một Thức-xoa-ma-na đáng được thọ đại giới, ni Thi-việt-sa gặp Thức-xoa-ma-na này liền hỏi: "Vì sao cô không thọ đại giới?", đáp: "Thầy con tánh ác, ưa thích tranh cải, con không muốn theo cầu thọ đại giới; nhưng nếu cô làm Hòa thượng ni thì con sẽ cầu thọ đại giới", Thi-việt sa nói: "Nếu cô đủ hai năm học sáu pháp thì tôi sẽ thu nhận làm chúng", liền đáp: "Như lời cô đã nói, nay con đã đủ hai năm học sáu pháp rồi, cô nên thu nhận con", Thi-việt-sa nói: "Tôi không thể

thu nhận cô, vì sao, vì thầy cô tánh ác, ưa thích tranh cải, có thể tự làm hại người khác hoặc bảo người khác làm hại", Thức-xoa-ma-na nói: "Nếu cô không thể thu nhận con sao lại nói với con rằng: "Nếu cô đủ hai năm học sáu pháp thì tôi sẽ thu nhận làm chúng". Nếu cô không hứa thì con đã không nói là con đã đủ hai năm học sáu pháp". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni hứa với ni khác: "Nếu cô đủ hai năm học sáu pháp thì tôi sẽ thu nhận làm chúng", mà lại không thu nhận", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni đã hứa với ni khác: "Nếu cô đủ hai năm học sáu pháp thì tôi sẽ thu nhận làm chúng", mà lại không thu nhận thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni hứa với ni khác: "Nếu cô đủ hai năm học sáu pháp thì tôi sẽ thu nhận làm chúng", mà lại không thu nhận thì phạm Ba-dật-đề; tùy hứa mà không thu

nhận làm chúng bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

56. Pháp Một Trăm Hai Mươi Sáu: Mỗi Năm Đều Độ Đệ Tử

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ni Thâu-la-nan-đà mỗi năm đều độ đệ tử rồi nói với các đệ tử rằng: "Hễ ta vào nhà nào thì các cô đều cứ theo ta mà vào nhà đó; ta được gì thì các cô cũng được cái đó". Sau đó Thâu-la-nan-đà đắp y mang bát vào một nhà khất thực, được đầy bát mang ra; các đệ tử liền lần lượt hết người này đến người khác mang bát vào nhà đó và được đầy bát mang ra. Chủ nhà đóng cửa không cho nữa và nói rằng: "Ai có thể cho các Tỳ-kheo-ni không tốt này thức ăn nữa chứ". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại mỗi năm đều độ đệ tử", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni mỗi năm đều độ đệ tử thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni mỗi năm đều độ đệ tử thì phạm Ba-dật-đề, tùy mỗi năm độ bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu. Không phạm là cách năm độ 1 hay hai người .

57. Pháp Một Trăm Hai Mươi Bảy: Cách Đêm Tác Yết Ma Thuộc Hòa Thượng Ni

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có nữ Ca-tỳ-la tên là Bạt-đà xuất gia làm Tỳ-kheo-ni, nuôi một Thức-xoa-ma-na đáng được thọ đại giới. Trước nay trưởng lão A-nan thường giúp các Tỳ-kheo-ni thỉnh Thập sư truyền thọ đại giới, hôm đó A-nan trước ngọ đắp y mang bát vào thành khất thực, ni Bạt-đà vừa nhìn thấy liền đến trước đảnh lễ rồi bạch rằng: "Trưởng lão A-nan, con có nuôi một Thức-xoa-ma-na đáng được thọ đại giới, xin trưởng lão giúp con thỉnh Thập sư", A-nan hỏi: "Ni tăng đã tác yết ma thuộc Hòa thượng ni chưa?", đáp là đã tác yết ma rồi, liền hỏi là tác lúc nào, đáp là hôm qua. A-nan im lặng nhận lời, ni Bạt-đà biết A-Nan-đã nhận lời liền đảnh lễ rồi đi. A-nan khất thực xong trở về, ăn xong liền cầm khóa cửa đi đến các phòng để thỉnh Thập sư. Phật từ xa nhìn thấy liền hỏi A-nan: "Thầy cầm khóa cửa đi đến các phòng làm gì?", đáp: "Ni Bạt-đà có nuôi một Thức-xoa-ma-na đáng được thọ đại giới nên đã nhờ con thỉnh giúp Thập sư, vì vậy con mới cầm khóa cửa đi đến các phòng", Phật hỏi: "Ni tăng đã tác yết ma

thuộc Hòa thượng ni chưa?", đáp là đã tác hôm qua, Phật hỏi: "Ni tăng đã cách đêm tác yết ma thuộc Hòa thượng ni hay sao?", đáp là phải. Phật vì việc này nhóm hai bộ Tăng rồi hỏi ni Bạt-đà: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp; "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại cách đêm tác pháp yết ma thuộc Hòa thượng ni", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni cách đêm tác pháp yết ma thuộc Hòa thượng ni thì phạm Ba-dật-đề.

Tướng phạm trong giới này là tùy cách đêm tác pháp cho bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

Văn đăng đàn thọ đại giới

Lúc đó các Tỳ-kheo-ni không biết pháp đang đàn thọ đại giới như thế nào, Phật bảo: "Pháp đang đàn thọ đại giới như sau :

Tỳ-kheo-ni dẫn Thức-xoa-ma-na vào trong Tăng bảo theo thứ lớp đảnh lễ Tăng, kế dạy pháp thọ y, nên hỏi: "Y này có phải là của con có hay không?", đáp là của con có, nên nói: "Con hãy theo theo ta":

Con tên là y Tăng-già-lê này có chín điều là y cắt rọc (chưa cắt rọc), y này nay con xin thọ trì. (3 lần)

Kế hỏi: "Y này có phải là của con có hay

không?", đáp là của con có, nên nói: "con hãy nói theo ta":

Con tên là y Uất-đa-la-tăng này có bảy điều là y cắt rọc (chưa cắt rọc), y này nay con xin thọ trì.(3 lần)

Kế hỏi giống như trên và bảo: "con hãy nói theo ta":

Con tên là y An-đà-hội này có năm điều là y cắt rọc (chưa cắt rọc), y này nay con xin thọ trì. (3 lần)

Nếu là mạn y Tăng-già-lê thì nên nói: "Mạn y Tăng-già-lê này, con xin thọ trì"; nếu là mạn y Uất-đa-la-tăng thì nên nói: "Mạn y Uất-đa-la-tăng này, con xin thọ trì"; nếu là mạn y An-đà-hội thì nên nói: "Mạn y An-đà-hội này, con xin thọ trì". Kế hỏi: "Y phú kiên này có phải là của con có hay không?", đáp là của con có, nên bảo: "Hãy nói theo ta":

Con tên là y phú kiên này dài bốn khuỷu tay, rộng hai khuỷu tay rưỡi, con xin thọ trì (3 lần).

Kế hỏi: "Y Quyết tu la này có phải là của con có hay không?", đáp là của con có, nên bảo: "Hãy nói theo ta";

Con tên là y Quyết tu la này dài bốn khuỷu tay, rộng hai khuỷu tay rưỡi, con xin thọ trì (3 lần)

Kế hỏi: "Bát-đa-la này có phải là của con có hay không?", đáp là của con có, nên bảo: "con hãy nói theo ta":

Con tên là Bát-đa-la ứng lượng khí này nay con xin thọ để dùng lâu dài. (3 lần).

Dạy thọ y bát xong, kế dạy thỉnh Hòa thượng ni:

Con Thức-xoa-ma-na tên cầu đại đức ni làm Hòa thượng ni, xin đại đức ni làm Hòa thượng ni cho con, con nương theo Hòa thượng ni để theo Tăng xin tác pháp yết ma thuộc Hòa thượng ni. Xin thương xót (3 lần).

Giới sư nên hỏi Hòa thượng ni: "Đại đức ni có thể làm Hòa thượng cho giới tử này không?", đáp là có thể, giới sư nên dẫn người thọ giới đến chỗ chỉ thấy mà không nghe ở trong giới tràng, rồi trở lại trong Tăng xướng: "Chúng tăng hòa hợp nhóm, ai có thể là giáo thọ sư cho giới tử này?", nếu trong Tăng có người đáp là có thể thì Tăng nên xét người này nếu có đủ năm pháp thì không nên cử làm giáo thọ sư, đó là vì yêu mà dạy, vì sân mà dạy, vì sợ mà dạy, vì si mà dạy và không biết dạy hay không dạy. Ngược lại nếu có năm pháp thành tựu thì nên cử làm giáo thọ sư, đó là không vì yêu mà dạy, không vì sân mà dạy, không vì sợ mà dạy, không vì si mà dạy và biết dạy hay không dạy. Kế xướng rằng:

Đại đức Ni tăng lắng nghe, Thức-xoa-ma-na này tên theo Hòa thượng ni cầu thọ giới cụ túc, Tỳ-kheo-ni làm giáo thọ sư. Nếu tăng đúng thời đến

nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cử Tỳ-kheo-ni làm giáo thọ sư để dạy giới tử tên . Bạch như thế.

Như thế bạch nhị yết ma cho đến câu Tăng đã chấp thuận cử Tỳ-kheo-ni làm giáo thọ sư để dạy cho giới tử xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Lúc đó Giáo thọ sư đến chỗ giới tử bảo quỳ gối chắp tay rồi nói: "Giới tử tên lắng nghe, nay là giờ phút chí thành, là giờ phút nói thật, lát nữa ở trong Tăng cũng sẽ hỏi như thế, nếu thật thì con nên nói là thật, nếu không thật thì nên nói là không thật. Ta nay hỏi con:

1. Con có phải là người nữ không, có phải là người không, không phải là phi nhân phải không, không phải là súc sanh biến hình phải không?

2. Nếu là người nữ thì trên nữ căn có lông không, có khô hoại không, không có mắc bịnh lậu phải không, không có hai đường hợp một phải không, không phải là người nữ không thể sinh sản được phải không, không phải là không có vú phải không, thủy nguyệt có thường ra hay không, không phải là không có nguyệt kỵ phải không?

3. Con không phải là nô tỳ phải không?

4. Con không phải là người làm thuê cho người phải không?

5. Con không phải do mua mà được phải

không?

6. Con không phải do quân binh đánh phá mà bắt được phải không?

7. Con không phải là vợ của quan nhân phải không?

8. Con không phạm tội quan phải không?

9. Con không có mắc nợ người phải không?

10. Người nữ có những bịnh như bịnh lại, bịnh lậu, ung thư, càn tiêu, điên cuồng…, gần đây con có mắc những bịnh như thế không?

11. Cha mẹ, phu chủ của con còn không, họ có cho phép con xuất gia không?

12. Năm y và bát có đủ không?

13. Tên của con là gì?

14. Hòa thượng ni của con hiệu là gì?

Giáo thọ sư hỏi xong nên trở vào trong Tăng bạch rằng: "Thức-xoa-ma-na tên . Tôi đã hỏi xong các giá nạn", yết ma sư nói: "Nên thanh tịnh thì dẫn vào", Giáo thọ sư dẫn vào rồi bảo đảnh lễ Ni tăng, kế dạy theo Tăng xin tác pháp yết ma thuộc Hòa thượng ni như sau:

Con Thức-xoa-ma-na tên theo Hòa thượng ni muốn cầu thọ giới cụ túc, nay con theo Tăng xin tác pháp yết ma thuộc Hòa thượng ni. Xin Tăng thương xót tác pháp yết ma thuộc Hòa thượng ni cho con, con tên nương Hòa thượng ni cầu thọ giới cụ túc. Xin thương xót (3 lần). Yết ma sư ở trong

Tăng tác bạch như sau:

Đại đức Ni tăng lắng nghe, Thức-xoa-ma-na tên theo Hòa thượng ni muốn cầu thọ giới cụ túc, theo Tăng xin tác pháp yết ma thuộc Hòa thượng ni. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tôi nay ở trong Tăng hỏi Thức-xoa-ma-na tên các pháp chướng đạo. Bạch như vậy. Tác bạch rồi hỏi: "Giới tử tên lắng nghe, nay là giờ phút chí thành, là giờ phút nói thật, nay ta ở trong Tăng hỏi con các pháp chướng đạo, nếu thật thì con nên nói là thật, nếu không thật thì nên nói là không thật. Ta nay hỏi con:

1. Con có phải là người nữ không, có phải là người không, không phải là phi nhân phải không, không phải là súc sanh biến hình phải không?

2. Nếu là người nữ thì trên nữ căn có lông không, có khô hoại không, không có mắc bịnh lậu phải không, không có hai đường hợp một phải không, không phải là người nữ không thể sinh sản được phải không, không phải là không có vú phải không, thủy nguyệt có thường ra hay không, không phải là không có nguyệt kỵ phải không?

3. Con không phải là nô tỳ phải không?

4. Con không phải là người làm thuê cho người phải không?

5. Con không phải do mua mà được phải không?

6. Con không phải do quân binh đánh phá mà bắt được phải không?

7. Con không phải là vợ của quan nhân phải không?

8. Con không phạm tội quan phải không?

9. Con không có mắc nợ người phải không?

10. Người nữ có những bịnh như bịnh lại, bịnh lậu, ung thư, càn tiêu, điên cuồng…, gần đây con có mắc những bịnh như thế không?

11. Cha mẹ, phu chủ của con còn không, họ có cho phép con xuất gia không?

12. năm y và bát có đủ không?

13. Tên của con là gì?

14. Hòa thượng ni của con hiệu là gì?", đợi đáp đầy đủ rồi bảo giới tử im lặng, yết ma sư tác bạch yết ma:

Đại đức Ni tăng lắng nghe, Thức-xoa-ma-na này tên ____ theo Hòa thượng ni ____ muốn cầu thọ giới cụ túc, đã theo Tăng xin tác pháp yết ma thuộc Hòa thượng ni, Hòa thượng ni là ____. Thức-xoa-ma-na này tự nói thanh tịnh, không có các pháp chướng đạo, năm y và bát đầy đủ. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay tác pháp yết ma thuộc Hòa thượng ni cho Thức-xoa-ma-na tên ____ , Hòa thượng ni là ____. Bạch như vậy.

Đại đức Ni tăng lắng nghe, Thức-xoa-ma-na

này tên ___ theo Hòa thượng ni ____muốn cầu thọ giới cụ túc, đã theo Tăng xin tác pháp yết ma thuộc Hòa thượng ni, Hòa thượng ni là ____. Thức-xoa-ma-na này tự nói thanh tịnh, không có các pháp chướng đạo, năm y và bát đầy đủ. Trưởng lão ni nào chấp thuận tác pháp yết ma thuộc Hòa thượng ni cho Thức-xoa-ma-na tên ____ , Hòa thượng ni là ____ thì im lặng; ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất.

Như thế bạch tứ yết ma cho đến câu Tăng đã chấp thuận tác pháp yết ma thuộc Hòa thượng ni cho Thức-xoa-ma-na tên ____ , Hòa thượng ni là ___ xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Yết ma sư bảo giới tử:

Này giới tử, nếu có ai hỏi cô được mấy tuổi hạ, nên đáp là chưa có tuổi hạ; nếu hỏi thọ giới vào lúc nào, nên đáp là mùa đông hoặc mùa xuân, mùa hạ, có nhuần hay không nhuần. Đây là thời tiết, giới tử nên trọn đời ghi nhớ.

Kế nói về ba pháp y:

Giới tử tên lắng nghe, đây là tri kiến của Phật Bà-già-bà, Thích-ca-mâu-ni Đa-đà-a-già-độ A-la-ha-tam-miệu-tam Phật đà nói ra ba pháp y cho người thọ giới cụ túc. Tỳ-kheo-ni nương theo ba pháp y này được xuất gia thọ giới cụ túc thành pháp Tỳ-kheo-ni:

Một là nương y phấn tảo, Tỳ-kheo-ni được xuất gia thọ giới cụ túc thành pháp Tỳ-kheo-ni. Nếu thọ thêm y bằng vải gai trắng, hoặc gai đỏ hoặc y Kiều-thi-na, Súy-di-la, Khâm-bạt-la, Kiếp-bối… các loại y thanh tịnh khác thì con có thể nương y phấn tảo thọ dụng trọn đời hay không?. Nếu được thì đáp là được.

Hai là nương pháp khất thực, Tỳ-kheo-ni được xuất gia thọ giới cụ túc thành pháp Tỳ-kheo-ni. Nếu thọ thêm thức ăn đã nấu chín hoặc thức ăn ngon vào những ngày trai như mồng tám, hai mươi ba, mười bốn, mười lăm, hai mươi chín, ba mươi, mồng một, hoặc thức ăn của tăng, hoặc ăn trong phòng riêng hoặc thọ người thỉnh thực… những thức ăn thanh tịnh như thế thì con có thể nương pháp khất thực thọ dụng trọn đời hay không?. Nếu được thì đáp là được.

Ba là nương loại dược cũ bỏ (Trần khí dược), Tỳ-kheo-ni được xuất gia thọ giới cụ túc thành pháp Tỳ-kheo-ni. Nếu thọ thêm bốn loại dược hàm tiêu là tô, dầu, mật, thạch mật; bốn loại mỡ tịnh là mỡ gấu, mỡ lừa, mỡ heo, mỡ cá; năm loại dược từ củ như củ gừng, xích phu tử, ba-đề, bệ-sa, xương-bồ; năm loại dược từ quả như Ha-lê-lặc, Tỳ-diêm-lặc, A-ma-lặc, hồ-tiêu, Tất-bạt-la; năm loại muối là muối đen, muối trắng, muối tía, muối đỏ, muối đất; năm loại thuốc thang nấu từ củ, cọng, lá, hoa, quả; năm loại thuốc từ nhựa cây là hưng cừ, tát-xà-

la-tát-đế, dịch-đế, dịch-đề-đế, dịch-bà-na… các loại dược thanh tịnh như thế thì con có thể nương loại dược cũ bỏ thọ dụng trọn đời hay không?. Nếu được thì đáp là được.

Giới tử tên lắng nghe, đây là tri kiến của Phật Bà-già-bà, Thích-ca-mâu-ni Đa-đà-a-già-độ A-la-ha-tam-miệu-tam Phật đà nói ra tám pháp Đọa cho Tỳ-kheo-ni thọ giới cụ túc. Tỳ-kheo-ni đối với tám pháp Đọa này nếu phạm một pháp nào thì không phải là Tỳ-kheo-ni, không phải là Sa-môn ni, không phải là Thích nữ mất pháp Tỳ-kheo-ni. Như cây Đa-la bị chặt ngọn thì không thể sanh trưởng, không tươi tốt, không cao lớn, không rộng mát. Tỳ-kheo-ni cũng như thế, đối với tám pháp Đọa này nếu phạm một pháp nào thì không phải là Tỳ-kheo-ni… mất pháp Tỳ-kheo-ni. tám pháp đọa là:

1. Phật Thế tôn đủ nhân duyên quở trách Dục, dục tưởng, dục dục, dục giác, dục nhiệt; Phật dạy nên đoạn dục, trừ dục tưởng và diệt dục nhiệt. Nếu Tỳ-kheo-ni đã thọ giới pháp rồi, không xả giới, giới suy kém, không phát lồ mà làm pháp dâm dục cho đến cùng với súc sanh thì người này không phải là Tỳ-kheo-ni… mất pháp Tỳ-kheo-ni. Đối với pháp Đọa thứ nhất này trọn đời không được làm, con có thể giữ được không?. Nếu được thì đáp là được.

2. Phật dùng đủ cách quở trách không cho mà lấy, khen ngợi không trộm cắp từ một sợi chỉ, một

cây kim… cho đến năm tiền hoặc vật trị giá năm tiền. Tỳ-kheo-ni nếu không cho mà lấy, vì việc này hoặc bị bắt, bị trói hoặc bị đuổi ra khỏi nước và bị mắng là kẻ giặc thì người này không phải là Tỳ-kheo-ni… mất pháp Tỳ-kheo-ni. Đối với pháp Đọa thứ hai này trọn đời không được làm, con có thể giữ được không?. Nếu được thì đáp là được.

3. Phật dùng đủ cách quở trách đoạn mạng người, khen ngợi không đoạn mạng cho đến một con kiến cũng không cố ý đoạn mạng huống chi là người. Nếu Tỳ-kheo-ni tự tay cố ý đoạn mạng người, hoặc sai người cầm dao giết, hoặc khuyên chết, khen chết nói rằng: "chao ôi trượng phu, sống tồi tệ như thế thì sống làm gì, thà chết còn hơn", tùy tâm suy nghĩ mà dùng đủ cách khuyến khích xúi giục hoặc khen ngợi cái chết hoặc đào hầm, đặt bẫy… làm cho chết; hoặc dùng cách Tỳ-đà-la, bán Tỳ-đà-la để giết; hoặc làm đọa thai, hoặc đẩy vào lửa, hoặc xô xuống nước hoặc đẩy từ trên cao xuống cho chết… cho đến thai trong bụng mẹ mới được hai căn là thân căn và mạng căn cũng muốn làm cho chết thì người này không phải là Tỳ-kheo-ni… mất pháp Tỳ-kheo-ni. Đối với pháp Đọa thứ ba này trọn đời không được làm, con có thể giữ được không?. Nếu được thì đáp là được.

4. Phật đủ cách quở trách vọng ngữ, khen ngợi không vọng ngữ, cho đến đùa giỡn cũng không được vọng ngữ huống chi là cố ý vọng ngữ. Nếu

Tỳ-kheo-ni tự biết mình không có pháp hơn người mà tự khen mình là được quả A-la-hán, A-la-hán hướng… Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hoàn hướng; hoặc tự khen mình chứng được Sơ thiền… tứ thiền; hoặc tự khen mình đã được pháp Từ bi hỷ xả, được định Không vô biên xứ…; được pháp quán bất tịnh, A-na-ban-na niệm; chư thiên đến chỗ tôi, trời rồng… đến chỗ tôi, tôi nói chuyện với họ… những việc như thế vốn không có mà cố ý vọng ngữ thì người này không phải là Tỳ-kheo-ni… mất pháp Tỳ-kheo-ni. Đối với pháp Đọa thứ tư này trọn đời không được làm, con có thể giữ được không? Nếu được thì đáp là được.

5. Phật Thế tôn đủ nhân duyên quở trách Dục, dục tưởng, dục dục, dục giác, dục nhiệt; Phật dạy nên đoạn dục, trừ dục tưởng và diệt dục nhiệt. Nếu Tỳ-kheo-ni có lậu tâm thuận cho người nam có lậu tâm xúc chạm vuốt ve thuận hay nghịch từ đầu tóc trở xuống, từ đầu gối trở lên, từ cổ tay trở ra, bỏ y, hoặc kéo hoặc đẩy hoặc đè hoặc bóp, hoặc nâng lên hoặc để xuống thì Tỳ-kheo-ni phạm tội này không còn gọi là Tỳ-kheo-ni, chẳng phải là Sa-môn ni, không phải là Thích chủng nữ, mất pháp Tỳ-kheo-ni. Đối với pháp đọa thứ năm này trọn đời không được làm, con có thể giữ được không?. Nếu được thì đáp là được.

6. Phật Thế tôn đủ nhân duyên quở trách Dục, dục tưởng, dục dục, dục giác, dục nhiệt; Phật dạy

nên đoạn dục, trừ dục tưởng và diệt dục nhiệt. Nếu Tỳ-kheo-ni có lậu tâm thuận cho người nam có lậu tâm nắm tay, nắm y, cùng đứng, cùng nói chuyện, cùng hẹn hò, vào chỗ khuất, đời người nam đến, tất cả giống như người nữ bạch y, đủ tám việc này biểu hiện tướng tham ái thì Tỳ-kheo-ni phạm tội này không còn gọi là Tỳ-kheo-ni, chẳng phải là Sa-môn ni, không phải là Thích chủng nữ, mất pháp Tỳ-kheo-ni. Đối với pháp Đọa thứ sáu này trọn đời không được làm, con có thể giữ được không?. Nếu được thì đáp là được.

7. Phật Thế tôn đủ nhân duyên quở trách tri thức ác, bạn đảng ác; khen ngợi thiện tri thức, thiện hữu. Nếu Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo khác phạm tội Thô mà che giấu cho đến một đêm. Tỳ-kheo-ni này biết Tỳ-kheo-ni kia hoặc đã thối thất, hoặc đang trụ, hoặc bị tẫn, hoặc bỏ đi; sau đó mới nói rằng: "Trước đây tôi cũng biết Tỳ-kheo-ni này phạm hạnh bất tịnh như thế như thế, nhưng tôi không muốn nêu ra, cũng không muốn bạch cho Tăng biết. Vì sợ có người nói rằng em bêu xấu chị" thì Tỳ-kheo-ni phạm tội này không còn gọi là Tỳ-kheo-ni, chẳng phải là Sa-môn ni, không phải là Thích chủng nữ, mất pháp Tỳ-kheo-ni. Đối với pháp Đọa thứ bảy này trọn đời không được làm, con có thể giữ được không?. Nếu được thì nói là được.

8. Phật Thế tôn đủ nhân duyên quở trách ác tri

thức, bạn đảng ác; khen ngợi thiện hữu tri thức. Nếu Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo này, Tăng nhất tâm hòa hợp đã như pháp tác yết ma Bất kiến tẫn, một mình không có hai, không bè bạn, không thôi dứt mà còn làm hạnh tùy thuận. Các Tỳ-kheo-ni nên can ngăn Tỳ-kheo-ni này rằng: "Tỳ-kheo này, Tăng nhất tâm hòa hợp đã như pháp tác yết ma Bất kiến tẫn, một mình không có hai, không bè bạn, không thôi dứt. Cô không được làm hạnh tùy thuận". Khi các Tỳ-kheo-ni can ngăn như vậy mà Tỳ-kheo-ni này vẫn chấp chặt không chịu bỏ việc làm này thì các Tỳ-kheo-ni nên can ngăn đến lần thứ ba, nếu chịu bỏ thì tốt; nếu không chịu bỏ thì Tỳ-kheo-ni phạm tội này không còn gọi là Tỳ-kheo-ni, chẳng phải là Sa-môn ni, không phải là Thích chủng nữ, mất pháp Tỳ-kheo-ni. Đối với pháp Đọa thứ tám này trọn đời không được làm, con có thể giữ được không?. Nếu được thì nói là được.

Giới tử lắng nghe, từ nay trở đi con nên dùng tâm nhu hòa dễ dạy, tùy thuận lợi dạy bảo của Giáo thọ sư. Nay con đã thọ giới xong, Con đã có đủ Hòa thượng ni, A-xà-lê ni, đầy đủ Ni tăng, đủ hành xứ, quốc độ, đủ nguyện của Chuyển luân thánh vương…, từ nay con nên cung kính Tam bảo Phật pháp tăng; nên cung kính Hòa thượng, A-xà-lê và các bậc thượng trung hạ tòa. Nên siêng học ba môn học là thiện giới học, thiện định học và thiện huệ

học. Nên tu ba môn giải thoát là không vô tướng, vô tác. Nên siêng tu ba nghiệp, tọa thiền, tụng kinh và khuyến hóa làm phước hạnh. Đây là pháp mở cửa Niết-bàn để được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán; giống như hoa sen trong nước ngày càng tươi tốt được nở hoa, con cũng sẽ tăng trưởng đạo pháp giống như vậy. Những giới pháp còn lại Hòa thượng ni, A-xà-lê ni sẽ từ từ giảng rộng cho con. Yết ma sư nói kệ:

"Thọ đắc giới cụ túc, Hiểu sâu pháp Phật dạy, Đống châu báu to lớn, Đều thiện, chân, vi diệu.

Như nguyện của Thiên vương, Như nguyện của Luân vương, Như nguyện của Diêm vương, Con nay đều đầy đủ,

Hãy luôn luôn tinh tấn, Tu tập các pháp lành, Siêng tu hành ba nghiệp, Sẽ mở cửa Cam lồ,

Ở trong tất cả pháp, Được trí huệ vô ngại,

Như sen ngày tăng trưởng, Thiện căn con cũng vậy.

Còn các giới pháp khác, Phật Thế tôn đã chế, Hòa thượng, A-xà-lê,

Sẽ rộng nói cho con. Đầu mặt đảnh lễ Tăng, Hữu nhiễu vui vẻ đi".

58. Pháp Một Trăm Hai Mươi Tám: May Áo Tắm Quá Lượng

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó vợ của các cư sĩ trong thành Xá-vệ đến trong sông A-kỳ-la để tắm,

thấy có một Tỳ-kheo-ni lõa thân đã tắm trong đó từ trước liền quở trách: "Người nữ không tốt này thân thô xấu, bụng lớn, vú xệ, cần gì làm Tỳ-kheo-ni, sao không phản giới hoàn tục để làm vợ người". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại lõa hình tắm trong sông, chỗ đông người tắm. Từ nay cho Tỳ-kheo-ni mặc áo tắm để tắm trong sông". Lúc đó các Tỳ-kheo-ni liền may sắm áo tắm rộng dài, Phật bảo: "Do mười lợi nên kết giới cho Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau: Nếu Tỳ-kheo-ni muốn may áo tắm thì nên may đúng kích lượng: Chiều dài năm gang tay của Phật, chiều rộng hai gang rưỡi của Phật. Nếu may quá kích lượng này thì phạm Ba-dật-đề.

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni may áo tắm chiều dài quá kích lượng thì phạm Ba-dật-đề; chiều rộng quá kích lượng cũng phạm Ba-dật-đề; tùy chiều dài hay chiều rộng qua kích lượng bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

59. Pháp Một Trăm Hai Mươi Chín:

Thường Trao Đổi Y Phục

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt thường trao đổi y phục. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại thường trao đổi y phục", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni thường trao đổi y phục thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là tùy trao đổi bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

60. Pháp Một Trăm Ba Mươi: May Y Quá Năm Đêm

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ni Thâu-la-nan-đà có đệ tử tên Thi-việt Sa-lành tốt, ưa thích trì giới nhưng hay quên. Cô chọn được một tấm vải cắt rồi không tự may cũng không nhờ người may, lại bỏ rải rác ở chỗ khác. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên

này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni chọn được vải cắt rồi lại không may cũng không nhờ người may mà bỏ rải rác ở chỗ khác", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni may y lâu nhất cho đến năm đêm, quá năm đêm mới may xong thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là tùy quá năm đêm bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

61. Pháp Một Trăm Ba Mươi Mốt: Không Xem Lại Năm Y

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt cất chứa nhiều y nên không phân biệt được y nào là y Tăng-già-lê đã thọ trì, y Uất-đa-la-tăng nào đã thọ trì, y An-đà-hội nào đã thọ trì, y phú kiên nào đã thọ trì, y Quyết tu la nào đã thọ trì. Khi có ni hỏi: "Y Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng… nào của cô đã thọ trì?", liền đáp: "Chờ một chút để tôi hỏi Hòa thượng ni, A-xà-lê ni và các ni cùng ở chung", nói rồi liền đến hỏi thì các vị ấy đáp: "Chúng tôi không biết, không nhớ, nghi y nào là

của cô đã thọ trì, y nào không phải của cô đã thọ trì". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại chứa nhiều y, không phân biệt được y Tăng-già-lê… nào đã thọ trì", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni chừng năm đêm không xem lại năm y thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là tùy không xem lại bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

62. Pháp Một Trăm Ba Mươi Hai: Đem Y Cho Bạch Y

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt thường lui tới nhà các cư sĩ, vợ của họ nói với ni rằng: "Hãy cho tôi một đoạn y để thủ hộ cho con tôi", ni này nghe rồi liền cởi y đưa cho. Thời gian sau có thiện Tỳ-kheo-ni đến nhà, họ cũng xin một đoạn y như lần trước, ni này nói: "Bạch y đáng lẽ phải cho chúng tôi, sao lại bảo chúng tôi cho. Chúng tôi thọ y từ người khác, nếu

đem cho lại bạch y là hoại sự cúng dường", vợ các cư sĩ nói: "Cô thật xẻn tiếc, Tỳ-kheo-ni trước, tôi chỉ xin một đoạn y mà cởi y đưa cho". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại đem y của mình đưa cho bạch y", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau: Nếu Tỳ-kheo-ni đem y cho bạch y thì phạm Ba-dật-đề.

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là tùy cho bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

63. Pháp Một Trăm Ba Mươi Ba: Nguyệt Bịnh Dứt Mà Không Bỏ Bịnh Y

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Thâu-la-nan-đà nguyệt bịnh đã dứt, giặt bịnh y sạch rồi lại không muốn bỏ cho người khác. Tỳ-kheo-ni khác có nguyệt bịnh, không có bịnh y nên khổ não. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc

này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni nguyệt bịnh đã dứt, giặt bịnh y sạch rồi lại không muốn bỏ cho người khác", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni nguyệt bịnh đã dứt, giặt bịnh y sạch rồi lại không muốn bỏ cho người khác thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là tùy không bỏ cho người khác bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

64. Pháp Một Trăm Ba Mươi Bốn: Ngăn Cúng Dường Y Cho Tăng

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có một cư sĩ muốn cúng dường y cho Ni tăng, ni Thâu-la-nan-đà thường lui tới nhà này nghe biết được, liền đến hỏi cư sĩ: "Ông thật muốn cúng dường y cho Ni tăng phải không?", đáp là thật vậy, liền nói: "Ni tăng đã có nhiều y, cất để mục nát mà không thọ dụng". Cư sĩ này có việc tạm ra ngoài thành, khi trở về tự nghĩ lại rồi không cúng dường y cho Ni tăng nữa. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ

Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại ngăn cư sĩ cúng dường y cho Ni tăng", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau: Nếu Tỳ-kheo-ni ngăn cư sĩ cúng dường y cho Ni tăng thì phạm Ba-dật-đề.

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là tùy ngăn bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

65. Pháp Một Trăm Ba Mươi Lăm: Hy Vọng Được Y Mong Manh Mà Thọ Y Ca-Hi-Na

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ni Thâu-la-nan-đà hy vọng được y mong manh mà lại thọ y Ca-hi-na. Thời gian sau, chúng đánh kiền chùy tập họp để xả y Ca-hi-na thì Thâu-la-nan-đà không đến, Ni tăng sai người đến kêu, liền đáp là không đi, hỏi vì sao không đi, liền đáp: "Y mà tôi mong được lại chưa được". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là

Tỳ-kheo-ni, hy vọng được y mong manh mà lại thọ y Ca-hi-na", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni hy vọng được y mong manh mà lại thọ y Ca-hi-na thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là tùy hy vọng mong manh bao nhiêu mà thọ y Ca-hi-na thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

66. Pháp Một Trăm Ba Mươi Sáu: Tăng Xả Y Ca-Hi-Na Mà Không Tùy Thuận

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Ni tăng đánh kiền chùy để xả y Ca-hi-na, ni Ưu-bà-hòa là người đoán sự của tăng lại không đến. Ni tăng sai người đến kêu, bà nói: "Tôi là người đoán sự của Tăng, tại sao không hỏi tôi trước mà liền đánh kiền chùy, vì vậy tôi không đi", do nhân duyên này nên việc xả y không thành. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni khi Tăng muốn xả y Ca-hi-na lại không tùy thuận", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo:

Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni khi Tăng muốn xả y Ca-hi-na mà không tùy thuận thì phạm Ba-dật-đề.

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là tùy không tùy thuận bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

67. Pháp Một Trăm Ba Mươi Bảy: Tăng Chia Y Mà Không Tùy Thuận

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Ni tăng đánh kiền chùy để chia y, ni Ưu-bà-hòa là người đoán sự của tăng lại không đến, Ni tăng sai người đến kêu, bà liền nói: "Tôi không đến, cô hãy đi mau, việc làm này là phi pháp, bất chánh, là là, là tùy dục, tùy sân, tùy sợ, tùy si. Tôi là người đoán sự của Tăng, tại sao không có tôi mà lại chia y, vì vậy tôi không đi", do nhân duyên này việc chia y không thành. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni khi Tăng chia y lại không tùy thuận", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau: Nếu Tỳ-

kheo-ni khi Tăng chia y mà không tùy thuận thì phạm Ba-dật-đề.

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là tùy không tùy thuận bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

68. Pháp Một Trăm Ba Mươi Tám: Tăng Đoán Sự Mà Không Tùy Thuận

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Ni tăng đánh kiền chùy để đoán sự, ni Ưu-bà-hòa là người đoán sự của tăng lại không đến, Ni tăng sai người đến kêu, bà liền nói: "Tôi không đến, cô hãy đi mau, việc làm này là phi pháp, bất chánh, là là, là tùy dục, tùy sân, tùy sợ, tùy si. Tôi là người đoán sự của Tăng, tại sao không có tôi mà lại xử đoán, vì vậy tôi không đi", do nhân duyên này việc xử đoán không thành. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni khi Tăng đoán sự lại không tùy thuận", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni khi Tăng đoán sự mà không

tùy thuận thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là tùy không tùy thuận bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

69. Pháp Một Trăm Ba Mươi Chín: Không Dặn Gởi Mà Vào Tụ Lạc

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ni Thâu-la-nan-đà không dặn gởi người ở phòng khác mà đi vào tụ lạc, sau đó Tăng phường bỗng phát hỏa, các ni ai nấy đều mang y bát của mình ra, có người nói: "Hay mang y bát của Thâu-la-nan-đà ra", lại có người nói: "Cô ấy tánh xấu, ưa nổi sân, mất thì nói là không mất, cháy thì nói là không cháy", vì vậy không ai mang ra giúp khiến y bát đều bị cháy hết. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni khi đi vào tụ lạc lại không nhắn gởi người khác", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni khi đi vào tụ lạc mà không nhắn gởi người khác thì phạm Ba-dật-đề.

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là tùy không nhắn gởi bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

70. Pháp Một Trăm Bốn Mươi: Tụng Đọc Chú Thuật

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ni Ca-la vốn là ngoại đạo xuất gia nên bỏ việc đọc tụng kinh, luật, luận mà đọc tụng các chú thuật. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại bỏ việc đọc tụng kinh, luật, luận mà đọc tụng các chú thuật", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni bỏ việc đọc tụng kinh, luật, luận mà đọc tụng các chú thuật thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni đọc tụng chú thuật cho đến một câu kệ thì phạm Ba-dật-đề, một chương cũng phạm Ba-dật-đề, một

câu cũng phạm Ba-dật-đề. Không phạm là đọc chú để chữa răng, chú trị đau bụng, chú trị độc hoặc chú để thủ hộ cho được an ổn.

71. Pháp Một Trăm Bốn Mươi Mốt: Dạy Bạch Y Đọc Tụng Chú Thuật

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ni Ca-la vốn là ngoại đạo xuất gia bỏ việc đọc tụng kinh, luật, luận mà dạy cho trẻ con bạch y đọc tụng các chú thuật. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại bỏ việc đọc tụng kinh, luật, luận mà dạy cho trẻ con bạch y đọc tụng các chú thuật", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni bỏ việc đọc tụng kinh, luật, luận mà dạy cho trẻ con bạch y đọc tụng các chú thuật thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni đọc tụng chú thuật cho đến một câu kệ thì phạm Ba-dật-đề, một chương cũng phạm Ba-dật-đề, một câu cũng phạm Ba-dật-đề. Không phạm là đọc chú

để chữa răng, chú trị đau bụng, chú trị độc hoặc chú để thủ hộ cho được an ổn.

72. Pháp Một Trăm Bốn Mươi Hai: Làm Việc Nhà Cho Bạch Y

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt thường lui tới nhà người, khi đến, vợ của cư sĩ nhờ cô quét nhà, tưới nước, trải giường tòa, nấu ăn… các việc, ni này đều làm theo lời. Thời gian sau có một thiện Tỳ-kheo-ni đến, vợ cư sĩ cũng nhờ làm giúp các việc như thế, ni này nói: "Tôi đâu phải là nô tỳ mà phục dịch cho cô", vợ cư sĩ nói: "Cô là người xấu, kiêu mạn, vị ni đến trước đây đều làm giúp cho tôi". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại làm việc nhà cho bạch y", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni làm các việc nhà cho bạch y thì phạm Ba-dật-đề.

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni

quét nhà cho bạch y thì phạm Ba-dật-đề, tưới rưới… nấu ăn đều phạm Ba-dật-đề, tùy làm bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu; nếu nghe theo lời đóng cửa thì phạm Đột-kiết-la.

73. Pháp Một Trăm Bốn Mươi Ba: Không Nhắn Gởi Chủ Nhà Mà Bỏ Đi

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó trong nước nhằm ngày lễ hội, các cư sĩ làm đủ các món ăn ngon thức uống mang đến trong vườn ở ngoài thành để vui chơi ăn uống, chỉ có những người vợ mới cưới ở lại nhà. Những người vợ mới cưới này sợ chồng về hoặc cha mẹ chồng đến nên ở trong ngoài nhà ngoài cửa đều trải giường tòa đẹp chờ đợi họ. Lúc đó ni Thâu-la-nan-đà sáng sớm đắp y mang bát đến trong nhà này, những người vợ mới cưới này thấy ni đến liền đảnh lễ mời ngồi rồi ngồi phía trước nghe thuyết pháp, Thâu-la-nan-đà nói pháp xong rồi nhắm mắt chú nguyện thật lâu, những người này đều đứng dậy bỏ đi, khi ni mở mắt ra thì thấy không còn ai nên hổ thẹn đứng dậy bỏ đi. Gần nhà này có một ngõ hẻm, kẻ xấu rình rập thấy cửa mở liền vào nhà lấy cắp giường tòa đã trải mang đi nên khi những người vợ mới cưới này trở ra thì không thấy giường tòa, cho là Tỳ-kheo-ni đã mang về tinh xá nên sai người đến đòi lại, Tỳ-kheo-ni giận dữ và xấu hổ nên không lui tới nhà này nữa. Sau đó cư sĩ đi chợ thấy người bán giường tòa kia liền đoạt lấy

lại rồi sai người đến nói với Tỳ-kheo-ni: "Chúng tôi đã tìm được giường tòa đã mất trước đó, mong cô hãy lui tới nhà". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni vào nhà bạch y ngồi trên giường, không nhắn gởi chủ nhà mà liền bỏ đi", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni váo nhà bạch y ngồi trên giường, không nói chủ nhà mà liền bỏ đi thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là tùy không nói chủ nhà bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

74. Pháp Một Trăm Bốn Mươi Bốn: Không Hỏi Chủ Nhà Liền Ngồi Trên Giường

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có một đại thần tánh ưa sạch sẽ, thích chỉ trích lỗi của người, khi đi ông dặn vợ: "Các Tỳ-kheo-ni không sạch, mặc y cũ rách nếu vào nhà, chớ cho họ ngồi trên giường của tôi". Vì thế khi thấy ni Thâu-la-nan-đà đến,

người vợ liền nói y lại lời của người chồng cho Thâu-la-nan-đà nghe, ni này nghe rồi liền nổi giận nói: "Dòng họ các ngươi có hơn ta không, nhà các ngươi có hơn ta không, nếu ta không làm Tỳ-kheo-ni thì các ngươi sẽ phải cung cấp hầu hạ ta", nói rồi liền vén y ngồi lên giường, các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích nữ tự xưng là bậc hiền thiện có đức, khi vào nhà không hỏi chủ mà liền ngồi lên giường, giống như phu nhân của vua, vợ của đại thần". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni, khi vào nhà bạch y không hỏi chủ nhà mà liền ngồi lên giường", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni, khi vào nhà bạch y không hỏi chủ nhà mà liền ngồi lên giường thì phạm Ba-dật-đề.

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là tùy ngồi bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

75. Pháp Một Trăm Bốn Mươi Lăm:

Không Bịnh Mà Đi Xe

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó trong nước nhằm ngày lễ hội, các cư sĩ làm đủ các món ăn ngon thức uống mang đến trong vườn ở ngoài thành để vui chơi ăn uống. Vợ của các cư sĩ này tắm rửa sạch sẽ, hương thơm thoa thân, trang điểm đẹp đẽ, mặc y phục mới đẹp, trong ngoài đều trang nghiêm. Khi Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt đến nhà này thấy vậy liền là muốn đi đâu, đáp: "Chúng tôi muốn đến trong vườn thưởng ngoạn, cô muốn đi theo không?", đáp là muốn đi, lại hỏi: "Cô muốn đi xe hay đi bộ ?", đáp: "Tôi là nô tỳ của các bà hay sao mà đi bộ", vợ cư sĩ nói: "Cô có thể đi xe không?", đáp: "Các bà đi được, sao tôi lại không đi được", nói rồi liền cùng đi xe. Trong số các người nữ này, người có chồng vì sợ chồng và cha mẹ chồng nên khi lên xe đều đóng cửa trước cửa sau, còn người chưa có chồng thì để cửa mở; Tỳ-kheo-ni này không có sợ gì nên cũng để cửa mở và nói cười lớn tiếng. Các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích nữ tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại đi xe, giống như phu nhân của vua, vợ của đại thần". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại

đi xe", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni không bịnh mà đi xe thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là tùy không bịnh mà đi xe bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

76. Pháp Một Trăm Bốn Mươi Sáu: Se Kéo Tơ Sợi

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo-ni trong tinh xá Vương viên hoặc ở giữa sân, trong giảng đường, trên gò đất đều có người làm việc, hoặc se kéo tơ, hoặc tháo tơ ra để cuộn lại, hoặc đập giũ, hoặc đang quấn cuốn lại thành cuộn tơ. Lúc đó nhiều tướng quân đến trong tinh xá Vương viên thấy rồi liền nói: "Nếu nhà vua nghe thấy việc này thì những y Khâm-bà-la bằng lông thô, lông mịn, lông tạp sắc… cùng một lúc làm được nhiều". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo-ni này: "Các cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại se kéo tơ", quở trách rồi bảo các Tỳ-

kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni se kéo tơ sợi thì phạm Ba-dật-đề

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni se kéo tơ hay quấn cuộn lại đều phạm Ba-dật-đề, tùy se kéo tơ bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu; phương tiện muốn làm thì phạm Đột-kiết-la.

77. Pháp Một Trăm Bốn Mươi Bảy: Cột Dây Thắt Lưng

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ni Thâu-la-nan-đà được chất tiền của người khác, nhét vào trong thắt lưng rồi đi vào trong chợ, các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích nữ tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại nhét tiền vào trong thắt lưng, đi vào trong chợ như phu nhân của vua, vợ của đại thần". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại cột dây thắt lưng", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ

nay giới này nên nói như sau: Nếu Tỳ-kheo-ni cột dây thắt lưng thì phạm Ba-dật-đề.

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni cột dây thắt lưng thì phạm Ba-dật-đề, nếu làm dây thắt lưng thì phạm Đột-kiết-la, làm cho người khác cột cũng Đột-kiết-la.

78. Pháp Một Trăm Bốn Mươi Tám: Cầm Dù Vào Nhà Bạch Y

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt cầm dù đi vào nhà người, các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích nữ tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại cầm dù đi vào nhà người, như phu nhân của vua, vợ của đại thần". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại cầm dù vào nhà bạch y", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni cầm dù vào nhà bạch y thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám

hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là tùy cầm dù vào nhà ạch y bao nhiêu thi phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

79. Pháp Một Trăm Bốn Mươi Chín: Rời Trú Xứ Tỳ-Kheo Đi An Cư

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ni Tu-xà-đa trẻ tuổi đoan chánh, ai cũng muốn nhìn, quen biết lâu với con trai của một trưởng giả tên là Uất đa la, cả hai thường cùng nói chuyện và cùng làm việc. Uất đa la đang ở tụ lạc Bát-đa-la thuộc nước Kiều-tát-la nên Tu-xà-đa rời khỏi trú xứ có Tỳ-kheo để đến nước đó an cư. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại rời khỏi trú xứ có Tỳ-kheo mà an cư", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni rời khỏi trú xứ có Tỳ-kheo mà an cư thì phạm Ba-dật-đề.

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là tùy rời khỏi bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

80. Pháp Một Trăm Năm Mươi: Không Cầu Ba Việc Tự Tứ

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt an cư xong, không đến trong hai bộ đại tăng cầu ba việc tự tứ nói thấy nghe nghi.

Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni an cư xong, không đến trong hai bộ đại tăng cầu ba việc tự tứ nói thấy nghe nghi", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni an cư xong, không đến trong hai bộ đại tăng cầu ba việc tự tứ nói thấy nghe nghi thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là tùy không đến cầu tự tứ bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

81. Pháp Một Trăm Năm Mươi Mốt: Không Cầu Giáo Giới

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt mỗi nữa tháng không đến trong Tăng

cầu giáo giới. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại mỗi nữa tháng không đến trong Tăng cầu giáo giới", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni mỗi nữa tháng không đến trong Tăng cầu giáo giới thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là tùy không cầu bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

82. Pháp Một Trăm Năm Mươi Hai: Không Đến Thọ Giáo Giới

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt không bịnh mà không đến thọ giáo giới. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni không bịnh mà không đến thọ giáo giới",

quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni không bịnh mà không đến thọ giáo giới thì phạm Ba-dật-đề.

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là tùy không đến bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu. Nếu bịnh thì không phạm.

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 47

LUẬT NI (Tiếp Theo)

IV. MỘT TRĂM BẢY MƯƠI TÁM PHÁP BA DẬT ĐỀ (Tiếp theo)

83. Pháp Một Trăm Năm Mươi Ba: Không Hỏi Mà Liền Vào Trong Trú Xứ Tỳ-Kheo

Phật tại nước Câu-xá-di, lúc đó Tỳ-kheo Ca-lưu-la-đề-xá qua đời, bảy chị em của thầy đều là Tỳ-kheo-ni tên Thâu-la-nan-đà, Châu-na-nan-đà, Đề xá, Ưu-ba-đề-xá, Thành-đa-đề-xá. Hòa-lê-đề-xá và Lặc-xoa-đa-đề-xá cùng nhau gom củi gỗ hỏa thiêu thân Tỳ-kheo này rồi thu lấy xương cốt xây tháp thờ. Sau đó có Tỳ-kheo tên Ca-đà từ nước Hòa kỳ du hành đến nước Duy-da-ly, giữa đường gặp tháp này liền hỏi là tháp của ai, đáp là tháp của tỳ-kheo Ca-lưu-la-đề-xá, Tỳ-kheo này liền nói: "Kẻ phàm phu này cần gì xây tháp", nói rồi liền phá hoại tháp, phá xong trải giường dây ngồi trên đó. Thâu-la-nan-đà nghe Tỳ-kheo Ca đà phá tháp rồi trải giường ngồi trên đó liền nổi giận bảo các em:

"Hãy mang dây sắt đến cột Tỳ-kheo dính vào giường". Tăng phường này gần đường đi, lúc đó trưởng lão Ưu-ba-ly đi ngang qua nghe được lời này liền đến nói với Ca-đà: "Thầy ngồi ở đây, các Tỳ-kheo-ni sẽ đến cột thầy dính vào giường đấy", đáp: "Nếu họ cột tôi dính vào giường thì từ thân hôi thối này tôi được giải thoát", Ưu-ba-ly nói: "Thầy tuy được giải thoát nhưng các Tỳ-kheo-ni này sẽ phạm đại tội", Ca-đà nghe rồi liền nhập định ẩn thân ngay nơi chỗ ngồi, Ưu-ba-ly liền bỏ đi. Khi các Tỳ-kheo-ni này vào đến thì không thấy Tỳ-kheo Ca-đà đâu, sờ vào giường thì cảm thấy còn hơi ấm liền nói với nhau: "Chắc là thợ hớt tóc Ưu-ba-ly thông báo nên thầy ấy bỏ đi rồi". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo-ni này: "Các cô thật đã làm việc này phải không?", đáp:

"Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni nơi trú xứ có Tỳ-kheo, ở ngoài cửa không hỏi mà liền vào", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni nơi trú xứ có Tỳ-kheo, ở ngoài cửa không hỏi mà liền vào thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là tùy không hỏi mà liền vào bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

84. Pháp Một Trăm Năm Mươi Bốn: Ấm ớ trả lời Tỳ-kheo

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Phật không ở trước Tỳ-kheo-ni kết đồng giới mà ở trước Tỳ-kheo tăng kết đồng giới rồi bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy hãy đến nói lại cho Ni tăng", nói rồi vào trong thất tọa thiền. Các Tỳ-kheo nói với nhau: "Phật kết đồng giới rồi bảo chúng ta đến nói lại cho Ni tăng, vậy ai có thể đến nói lại cho ni tăng", lại nói: "Trưởng lão Bạt-đề có phước đức, có oai lực, danh tiếng vang khắp có thể đến nói lại cho Ni tăng", nói rồi liền cùng nhau đến chỗ trưởng lão Bạt-đề nói rằng: "Phật kết đồng giới rồi bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy hãy đến nói lại cho Ni tăng", nói rồi vào trong thất tọa thiền. Các Tỳ-kheo nói với nhau: "Phật kết đồng giới rồi bảo chúng ta đến nói lại cho Ni tăng, vậy ai có thể đến nói lại cho ni tăng", lại nói: "Trưởng lão Bạt-đề có phước đức, có oai lực, danh tiếng vang khắp có thể đến nói lại cho Ni tăng". Vậy nay trưởng lão nên đến trong tinh xá Vương viên nói lại cho các Tỳ-kheo-ni biết", trưởng lão Bạt-đề im lặng nhận lời, các Tỳ-kheo đảnh lễ hữu nhiễu rồi đi. Sáng hôm sau trưởng lão đắp y mang bát vào thành khất thực, thọ thực xong đến trong

tinh xá Vương viên, các Tỳ-kheo-ni thấy trưởng lão từ xa liền đứng dậy nghinh đón mời ngồi. Trưởng lão ngồi rồi bảo tập họp Ni tăng đến nói rằng: "Phật kết đồng giới, nay tôi và các cô cùng thọ trì", các trưởng lão Tỳ-kheo-ni đều tùy thuận thọ trì, chỉ có Thâu-la-nan-đà ấm ớ không tùy thuận thọ trì. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại ấm ớ trả lời Tỳ-kheo", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau: Nếu Tỳ-kheo-ni ấm ớ trả lời Tỳ-kheo thì phạm Ba-dật-đề.

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là tùy ấm ớ trả lời bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

85. Pháp Một Trăm Năm Mươi Năm: Nói Lời Thô Khủng Bố Người Khác

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ni Ca-la vốn là ngoại đạo xuất gia hay sân, thích tranh cải. Khi cùng các Tỳ-kheo-ni khác tranh cải, miệng nói ra lời thô để khủng bố người khác như sau: "Vua là

người tôi quen biết, là đàn việt của tôi; đại thần , cư sĩ đều là người tôi quen biết, đều là đàn việt của tôi. Tôi dựa vào thế lực của họ để trị cô", các ni nghe rồi liền sợ hãi. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni khi cùng các Tỳ-kheo-ni khác tranh cải, miệng nói ra lời thô để khủng bố người khác như sau: "Vua là người tôi quen biết, là đàn việt của tôi; đại thần , cư sĩ đều là người tôi quen biết, đều là đàn việt của tôi. Tôi dựa vào thế lực của họ để trị cô", khiến các ni nghe rồi liền sợ hãi", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni khi cùng các Tỳ-kheo-ni khác tranh cải nói lời thô để khủng bố người khác thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là tùy nói lời thô khủng bố người khác bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

86. Pháp Một Trăm Năm Mươi Sáu: Hộ

Tiếc Cho Nhà Bạch Y

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Thâu-la-nan-đà ưa thích lui tới nhà người, sáng sớm cô đã đến trước nhà họ hoặc đứng trong sân, hoặc đứng nơi cửa lớn, nếu thấy có Sa-môn, Bà-la-môn nào đến khất thực đều nói với họ rằng: "Thức ăn chưa làm xong" hoặc nói "Không có chủ ở nhà", nói như vậy để ngăn họ khất thực. Những người này do không khất thực được nên quở trách: "Người nữ xấu xa không tốt này hộ tiếc cho nhà người, khiến chúng ta không khất thực được". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại hộ tiếc cho nhà bạch y", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni hộ tiếc cho nhà bạch y thì phạm Ba-dật-đề.

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là tùy hộ tiếc cho nhà bạch y bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

87. Pháp Một Trăm Năm Mươi Bảy: Thọ Thỉnh Mà Không Ăn

Phật tại nước Ca-tỳ-la vệ, lúc đó có Thích Ma-ha-nam thỉnh Phật và hai bộ Tăng vào ngày mai thọ thực, Phật im lặng nhận lời, Thích Ma-ha-nam biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Về đến nhà ngay trong đêm đó lo sửa soạn đủ các món ăn ngon, sáng sớm trải tòa rồi sai sứ đến bạch Phật: "Đã đến giờ thọ thực, xin Phật tự biết thời". Phật cùng hai bộ Tăng đến nhà ngồi vào chỗ ngồi, Thích Ma-ha-nam tự tay dâng các món ăn ngon ra cúng dường khiến cho tất cả đều được no đủ. Lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt thọ cơm đầy bát rồi chan canh lên nhưng lại không ăn mà ngồi nhìn ngó bốn phía. Thích Ma-ha-nam đi tới lui xem ai ăn, ai không ăn thì thấy Tỳ-kheo-ni này ngồi nhìn bốn phía mà không ăn liền hỏi vì sao không ăn, đáp là đã ăn trước rồi, lại hỏi: "Sao lại còn thọ thức ăn", liền nói: "Vậy ông hãy mang đi". Thích Ma-ha-nam-là người tốt nên không quở trách, nhưng các cư sĩ khác nghe thấy rồi liền quở trách: "Thích Ma-ha-nam cúng dường chúng Tăng như phụng sự Đại gia, Tỳ-kheo-ni sao lại hiện tiền hủy nhục". Phật từ xa nghe thấy việc này rồi nên sau khi thọ thực xong trở về liền vì việc này nhóm hai bộ Tăng quở trách Tỳ-kheo-ni này: "Thích Ma-ha-nam cúng dường chúng Tăng như phụng sự Đại gia, Tỳ-kheo-ni sao lại hiện tiền hủy nhục", quở

trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cho các Tỳ-kheo-ni được thường thường ăn, vì sao, vì người nữ thích được ăn thường thường. Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni đã thọ thỉnh mà không ăn thì phạm Ba-dật-đề Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là tùy đã thọ thỉnh mà không ăn bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

88. Pháp Một Trăm Năm Mươi Tám: Chưa Cho Hỏi Mà Hỏi

Phật tại nước Thích thị, lúc đó có Tỳ-kheo-ni tên Kiết phát làm pháp sư thuyết pháp hay, khi gặp một Tỳ-kheo nhỏ tuổi không có trí huệ sâu, liền hỏi những việc trong tạng luận. Tỳ-kheo này không thể tùy thuận hỏi đáp, Tỳ-kheo-ni này bỏ đi và tự cao nói với các Tỳ-kheo-ni rằng: "Hôm nay tôi đem những việc trong tạng luận ra hỏi một Tỳ-kheo khiến vị ấy không đáp được". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật

liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo chưa cho hỏi mà liền hỏi những việc trong kinh luật luận", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau: Nếu Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo chưa cho hỏi những việc trong Kinh luật luận mà liền hỏi thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là tùy hỏi bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

89. Pháp Một Trăm Năm Mươi Chín: Tắm Nơi Chỗ Đất Trống

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt lõa hình tắm nơi đất trống, các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích nữ tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại lõa hình tắm nơi đất trống, giống như dâm nữ". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại lõa hình tắm nơi đất trống", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni lõa hình tắm nơi đất trống thì phạm Ba-dật-đề .

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là tùy lõa hình tắm bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

90. Pháp Một Trăm Sáu Mươi: Đeo Đồ Trang Sức Của Bạch Y

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt đeo đồ trang sức của bạch y, các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích nữ tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại đeo đồ trang sức của bạch y như phu nhân của vua, vợ của đại thần". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại đeo đồ trang sức của bạch y", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni đeo đồ trang sức của bạch y thì phạm Ba-dật-đề.

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là tùy đeo bao

nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

91. Pháp Một Trăm Sáu Mươi Mốt: Xem Nghe Kỹ Nhạc

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt cố ý đến xem ca múa, nghe kỹ nhạc, xem đào hát trang điểm, các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích nữ tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại cố ý đến xem ca múa, nghe kỹ nhạc, xem đào hát trang điểm, như phu nhân của vua, vợ của đại thần". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại cố ý đến xem ca múa, nghe kỹ nhạc, xem đào hát trang điểm", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni cố ý đến xem ca múa, nghe kỹ nhạc, xem đào hát trang điểm thì phạm Ba-dật-đề.

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni cố ý đến xem ca múa, nghe kỹ nhạc, xem đào hát trang điểm, nhìn thấy thì phạm Ba-dật-đề; không nhìn thấy thì phạm Đột-kiết-la. Từ dưới thấp nhìn

lên cao thấy được thì phạm Ba-dật-đề, không thấy được thì phạm Đột-kiết-la; từ trên cao nhìn xuống dưới nếu thấy được thì phạm Ba-dật-đề, không thấy được thì phạm Đột-kiết-la; nếu không cố ý đến hoặc trên đường đi ngang qua thì không phạm.

92. Pháp Một Trăm Sáu Mươi Hai: Nhờ Bạch Y Mổ Băng

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ni Thâu-la-nan-đà trong hai đường đại tiểu tiện sanh ung nhọt, liền nhờ bạch y mổ rồi băng... Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni có ung nhọt nơi chỗ kín lại nhờ bạch y mổ rồi băng", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni có ung nhọt nơi chỗ kín lại nhờ bạch y mổ rồi băng thì phạm Ba-dật-đề .

Ung nhọt có ba: Một là ung nhọt tự sanh, hai là do vật làm bị thương thành ung nhọt, ba là do bị gió thành ung nhọt cứng. Lại có ba loại: ung lạnh (lành), ung nóng (độc), ung cứng (khối u). Nếu Tỳ-kheo-ni tự băng được mà không mổ được thì nhờ

người khác mổ; nếu tự mổ được mà không băng lại được thì nhờ người khác băng.

Tướng phạm trong giới này là tùy nhờ bạch y mổ và băng lại bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

93. Pháp Một Trăm Sáu Mươi Ba: Cùng Đi Cùng Đứng Cùng Nói Chuyện Với Người Nam

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ni Tu-xà-đa trẻ tuổi đoan chánh, ai cũng muốn nhìn, quen biết lâu với con trai của một trưởng giả tên là Uất đa la, cả hai thường cùng đi, cùng đứng, cùng ngồi, cùng nói chuyện thế gian. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại cùng đi, cùng đứng, cùng ngồi, cùng nói chuyện thế gian với người nam", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni cùng đi, cùng đứng, cùng ngồi, cùng nói chuyện thế gian với người nam thì phạm Ba-dật-đề .

Tướng phạm trong giới này là tùy cùng đi, cùng

đứng, cùng ngồi, cùng nói chuyện thế gian với người nam bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

94. Pháp Một Trăm Sáu Mươi Bốn: Tự Thoa Chà Thân

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt tự dùng hương thơm, hương bột, vụn hồ ma, cặn hồ ma để thoa chà thân. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại tự dùng hương thơm, hương bột, vụn hồ ma, cặn hồ ma để thoa chà thân", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni tự dùng hương thơm, hương bột, vụn hồ ma, cặn hồ ma để thoa chà thân thì phạm Ba-dật-đề.

Tướng phạm trong giới này là tùy tự dùng hương thơm, hương bột, vụn hồ ma, cặn hồ ma để thoa chà thân bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

95. Pháp Một Trăm Sáu Mươi Lăm: Nhờ Người Khác Thoa Chà Thân

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt

không tự dùng hương thơm, hương bột, vụn hồ ma, cặn hồ ma để thoa chà thân; mà sai Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni, nữ bạch y thoa chà thân. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại sai Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni, nữ bạch y dùng hương thơm, hương bột, vụn hồ ma, cặn hồ ma để thoa chà thân ", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni sai người khác dùng hương thơm, hương bột, vụn hồ ma, cặn hồ ma để thoa chà thân thì phạm Ba-dật-đề .

Tướng phạm trong giới này là tùy sai người khác thoa chà cho mình bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

96. Pháp Một Trăm Sáu Mươi Sáu: Đội Tóc Giả

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ni Thâu-la-nan-đà đội tóc giả đứng nơi của nhà của dâm nữ; khi thấy các cư sĩ, Bà-la-môn đến gần liền giẫm lên chân

họ, nói rằng: "Ông muốn cùng tôi làm việc dâm dục phải không?", các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích nữ tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại đứng nơi cửa nhà dâm nữ, thấy mọi người đến liền giẫm lên chân họ và nói lời này". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại đội tóc giả đứng nơi cửa nhà dâm nữ", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni đội tóc giả thì phạm Ba-dật-đề .

Tướng phạm trong giới này là tùy đội tóc giả bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu. Phương tiện làm thì phạm Đột-kiết-la, làm cho người khác đội cũng Đột-kiết-la .

97. Pháp Một Trăm Sáu Mươi Bảy: Đi Xa Mà Không Nói Với Tỳ-kheo-Ni Khác

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt có nuôi một Thức-xoa-ma-na trẻ tuổi, đoan chánh sắp thọ đại giới; nhưng có người nam xấu xa thấy cô sanh tâm tham dục, nghĩ rằng: "Tỳ-kheo-ni được vua thủ hộ, không thể cưỡng

đoạt được. Pháp của tỳ-kheo-ni là phải đến trong Tỳ-kheo thọ đại giới, Ta đợi khi nào Thức-xoa-ma-na này đi thọ đại giới, ta sẽ bắt cóc mang đi". Vì thế khi Thức-xoa-ma-na này vừa ra khỏi trú xứ đến trong Tỳ-kheo tăng thọ đại giới, liền bị người nam xấu xa này bắt cóc mang đi. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni đi xa mà không nói với Tỳ-kheo-ni trong Tăng phường", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni ra khỏi cửa đi xa mà không nói với Tỳ-kheo-ni khác thì phạm Ba-dật-đề .

Tướng phạm trong giới này là tùy đi xa mà không nói với Tỳ-kheo-ni khác bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

98. Pháp Một Trăm Sáu Mươi Tám: Dùng Bàn Chải Chải Đầu

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt dùng bàn chải chải đầu, các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích nữ tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại dùng bàn chải chải đầu, giống như

nữ bạch y". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại dùng bàn chải chải đầu", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni dùng bàn chải chải đầu thì phạm Ba-dật-đề .

Tướng phạm trong giới này là tùy dùng bàn chải chải đầu bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

99. Pháp Một Trăm Sáu Mươi Chín: Nhờ Người Khác Chải Đầu

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt nhờ người khác chải đầu, các cư sĩ trách: "Cô là người xuất gia, chải đầu làm chi". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại nhờ người khác chải đầu", quở trách rồi bảo các

Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni nhờ người khác chải đầu thì phạm Ba-dật-đề .

Tướng phạm trong giới này là tùy nhờ người khác chải đầu bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

100. Pháp Một Trăm Bảy Mươi: Dùng Lược Chải Đầu

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt tự dùng lược chải đầu. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại tự dùng lược chải đầu", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni tự dùng lược chải đầu thì phạm Ba-dật-đề Tướng phạm trong giới này là tùy dùng lược chải đầu bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

101. Pháp Một Trăm Bảy Mươi Mốt: Nhờ Người Khác Chải Đầu

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ

giúp Điều đạt nhờ người khác chải đầu. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn".

Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại nhờ người khác chải đầu", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni nhờ người khác chải đầu thì phạm Ba-dật-đề .

Tướng phạm trong giới này là tùy nhờ người khác chải đầu bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

102. Pháp Một Trăm Bảy Mươi Hai: Búi Đầu Tóc

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt búi đầu tóc, các cư sĩ trách: "Cô là người xuất gia sao lại búi đầu tóc". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại búi đầu tóc", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười

lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni búi đầu tóc thì phạm Ba-dật-đề

Tướng phạm trong giới này là tùy búi đầu tóc bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

103. Pháp Một Trăm Bảy Mươi Ba: Nhờ Người Búi Đầu Tóc

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt nhờ người khác búi đầu tóc. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại nhờ người khác búi đầu tóc", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni nhờ người khác búi đầu tóc thì phạm Ba-dật-đề.

Tướng phạm trong giới này là tùy nhờ người khác búi đầu tóc bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

104. Pháp Một Trăm Bảy Mươi Bốn: Đại Tiểu Tiện Trên Cỏ Tươi

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó trước cửa Tăng

phường của tỳ-kheo-ni có cỏ xanh tươi tốt nên nhiều người thường đến tụ tập ngồi trên đó để ngắm nhìn các Tỳ-kheo-ni ra vào trong tinh xá Vương viên, có người đùa cợt nói rằng: "Hãy nhìn xem Tỳ-kheo-ni này mắt lé, người này mũi tẹt, người này da trắng, người này đẹp, người này có oai nghi, người

này không có oai nghi…". Các Tỳ-kheo-ni nghe những lời phê bình này trong lòng không vui liền suy nghĩ: "Họ tụ tập đến đây cười nói là vì có cỏ xanh tươi, nếu không có cỏ xanh tươi này thì họ sẽ không đến nữa", nghĩ rồi liền đại tiểu tiện lên cỏ xanh tươi khiến cho cỏ úng thúi và chết khô. Các cư sĩ trách: "Các Tỳ-kheo-ni này không tốt, không có nhà xí ở chỗ khuất khác hay sao mà lại đi đại tiểu tiện trên cỏ xanh tươi như thế". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi các Tỳ-kheo-ni: "Các cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại đại tiểu tiện trên cỏ xanh tươi", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni đại tiểu tiện trên cỏ xanh tươi thì phạm Ba-dật-đề.

Ba-dật-đề là thiêu đốt che ngăn, nếu không sám

hối tội này có thể chướng ngại thấy đạo.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo-ni đại tiểu tiện trên cỏ xanh tươi thì phạm Ba-dật-đề, tùy đại tiểu tiện trên cỏ tươi bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

105. Pháp Một Trăm Bảy Mươi Lăm: Cố ý làm xuất tinh

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó ni Thâu-la-nan-đà cố ý làm xuất tinh. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại cố ý làm xuất tinh", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni cố ý làm xuất tinh thì phạm Ba-dật-đề.

Tướng phạm trong giới này là tùy cố ý làm xuất tinh bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo-ni ở trong mộng xuất tinh, khi tỉnh dậy suy nghĩ: "Phật kết giới không được cố ý làm xuất tinh, nay ở trong mộng xuất tinh, chúng ta phải làm sao", liền đem việc này bạch Phật, Phật do việc này nhóm hai bộ Tăng đủ lời khen ngợi giới và người trì giới rồi bảo

các Tỳ-kheo: "Từ nay giới này nên nói lại như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni cố ý làm xuất tinh thì phạm Ba-dật-đề, trừ trong mộng.

106. Pháp Một Trăm Bảy Mươi Sáu: Nuốt Tinh Của Người Nam

Phật tại nước Xá-vệ, trưởng lão Ca-lưu-đà-di vốn có quen biết với Tỳ-kheo-ni Quật-đa từ trước nên thường qua lại chuyện trò. Lúc đó Tỳ-kheo-ni Quật-đa nghe Ca-lưu-đà-di du hành hai tháng vừa trở về liền tắm rửa sạch sẽ, thoa dầu thơm, mặc y mỏng đến chỗ Ca-lưu-đà-di, đảnh lễ rồi ngồi đối diện. Ca-lưu-đà-di sanh tâm đắm trước nên nhìn chăm chăm Quật-đa, Quật-đa cũng sanh tâm đắm trước nên nhìn chăm chăm Ca-lưu-đà-di, Quật-đa suy nghĩ: "Thầy ấy nhìn ta chăm chăm như vậy ắt cũng sanh đắm trước, sao ta không ở trước mặt đứng đi". Lúc đó Ca-lưu-đà-di chỉ mặc có Nê-hoàn-tăng, cùng đi qua lại nên dục tâm phát động, sợ phạm giới nên không dám xúc chạm nhau, vì cứ nhìn chăm chăm nhau nên chảy ra chất bất tịnh, do chất bất tịnh chảy ra nên lửa dục liền tắt, vội trở về chỗ ngồi. Quật-đa suy nghĩ: "Thầy ấy trở về chỗ ngồi ắt là đã chảy ra chất bất tịnh", nghĩ rồi liền đến gần Ca-lưu-đà-di nói rằng: "Hãy đưa y này cho tôi đem về giặt", Ca-lưu-đà-di liền đổi mặc y khác rồi đưa y này cho Quật-đa mang về giặt. Tỳ-kheo-ni nay mang về mở y ra lấy chất bất tịnh dính trên

y để vào trong nữ căn, phần còn lại để vào trong miệng, liền thọ thai có con phước đức, bụng càng ngày càng lớn. Các Tỳ-kheo-ni đuổi ra khỏi chùa và mắng: "Cô là Tỳ-kheo-ni xấu xa, vì sao xuất gia lại làm việc dâm dục", Quật-đa nói: "Tôi không có làm việc dâm", liền đem sự việc trên kể lại. Các Tỳ-kheo-ni không biết làm sao nên đem việc này bạch Phật, Phật do việc này nhóm hai bộ Tăng rồi hỏi Quật-đa: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại nuốt tinh của người nam", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo-ni: "Các cô chớ nên quở trách Tỳ-kheo-ni này, đây không phải là phá phạm hạnh vì không có phạm dâm, do nhân duyên như thế mới có thai. Do mười lợi nên kết giới cho Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni nuốt tinh của người nam thì phạm Ba-dật-đề. Tướng phạm trong giới này là tùy nuốt bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

107. Pháp một trăm bảy mươi bảy: Tắm nơi chỗ người nam tắm

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt đến tắm nơi chỗ người nam tắm, các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích nữ tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại đến tắm nơi chỗ người nam tắm, giống như dâm nữ". Có Tỳ-kheo-ni thiểu

dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại đến tắm nơi chỗ người nam tắm", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau: Nếu Tỳ-kheo-ni đến tắm nơi chỗ người nam tắm thì phạm Ba-dật-đề .

Tướng phạm trong giới này là tùy đến tắm chỗ người nam tắm bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

108. Pháp Một Trăm Bảy Mươi Tám: Đứng Ngay Cửa

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt ưa đứng ngay cửa, các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích nữ tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại đứng ngay nơi cửa, giống như dâm nữ". Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại đứng ngay nơi cửa", quở trách rồi bảo

các Tỳ-kheo: "Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo-ni, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni đứng ngay nơi cửa thì phạm Ba-dật-đề.

Tướng phạm trong giới này là tùy đứng ngay cửa bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

V. TÁM PHÁP BA LA ĐỀ ĐỀ XÁ NI

1. Không Bịnh Mà Tự Đòi Sữa

Phật tại nước Ca-tỳ-la vệ, lúc đó có Thích Ma-ha-nam thỉnh Phật và hai bộ Tăng vào ngày mai thọ thực, Phật im lặng nhận lời, Thích Ma-ha-nam biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Về đến nhà ngay trong đêm đó lo sửa soạn đủ các món ăn ngon, sáng sớm trải tòa rồi sai sứ đến bạch Phật: "Đã đến giờ thọ thực, xin Phật tự biết thời". Phật cùng hai bộ Tăng đến nhà ngồi vào chỗ ngồi, Thích Ma-ha-nam tự tay dâng các món ăn ngon với nước sữa dược thảo ra cúng dường, khiến cho tất cả đều được no đủ. Lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt thọ cơm đầy bát rồi chan nước sữa thảo dược lên, nhưng lại không ăn mà ngồi nhìn ngó bốn phía. Thích Ma-ha-nam đi tới lui xem ai ăn, ai không ăn thì thấy Tỳ-kheo-ni này ngồi nhìn bốn phía mà không ăn liền hỏi vì sao không ăn, đáp: "Ông có sữa chưa nấu với thảo dược không, nếu có tôi sẽ ăn", liền nói: "Nước sữa thảo dược này rất bổ dưỡng, cô nên ăn; nếu có sữa

chưa nấu với thảo dược tôi sẽ mang ra dâng cúng", lại hỏi: "Vậy ông có tô, sanh tô, thục tô, dầu, cá, thịt, nem không, nếu có tôi sẽ ăn", liền nói: "Nước sữa thảo dược này rất bổ dưỡng, cô nên ăn; nếu có tô, sanh tô… tôi sẽ mang ra cúng dường", liền nói: "Ông nếu không đủ sức và có thể tùy ý cúng dường thì sao lại thỉnh Phật và Tăng. Nếu người khác thỉnh thì họ đã tùy ý cúng dường rồi, loại sữa chín này ở đâu mà không có". Thích Ma-ha-nam-là người tốt nên không quở trách, nhưng các tùy tùng của Thích Ma-ha-nam nghe thấy rồi liền quở trách: "Thích Ma-ha-nam cúng dường chúng Tăng như phụng sự Đại gia, Tỳ-kheo-ni sao lại hiện tiền hủy nhục". Phật từ xa nghe thấy việc này rồi nên sau khi thọ thực xong trở về liền vì việc này nhóm hai bộ Tăng quở trách Tỳ-kheo-ni này: "Thích Ma-ha-nam cúng dường chúng Tăng như phụng sự Đại gia, Tỳ-kheo-ni sao lại hiện tiền hủy nhục", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười lợi nên kết giới cho các Tỳ-kheo, từ nay giới này nên nói như sau:

Nếu Tỳ-kheo-ni không bịnh mà tự đòi sữa cho mình, Tỳ-kheo-ni này nên đối trước các Tỳ-kheo-ni nói việc này, nói rằng: "Tôi đã phạm pháp đáng quở trách, không phải đạo tùy thuận, đáng hối lỗi, tôi nay xin hối lỗi". Đây là pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni thứ nhất.

Tướng phạm trong giới này là nếu không bịnh mà đòi xin sữa, được thì phạm Ba-dật-đề, không

được thì phạm Đột-kiết-la. Nếu xin cho người bịnh thì không phạm, hoặc bên bà con đòi xin, hoặc trước đã được thỉnh hoặc không đòi hỏi mà tự được thì không phạm.

- Bảy pháp sau là đòi lạc, sanh tô, thục tô, dầu, cá, thịt và nem cũng giống như pháp thứ nhất.

VI. BÁT KỈNH PHÁP

Vào ngày bố tát, Tỳ-kheo-ni nên đến trong Tăng tùy ý thỉnh một Tỳ-kheo để thọ pháp giáo giới, Tỳ-kheo-ni tăng phải hòa hợp, Ni tăng sai một Tỳ-kheo-ni cùng một bạn ni đến chỗ Tỳ-kheo giáo giới, đảnh lễ rồi bạch: "Tỳ-kheo-ni tăng hòa hợp xin đảnh lễ Tỳ-kheo tăng hòa hợp cầu giáo giới mỗi nữa tháng, nếu có giáo giới gì, chúng con sẽ thọ trì", Tỳ-kheo nói: "Phật Bà-già-bà, Thích-ca-mâu-ni Đa-đà-a-già-độ A-la-ha-tam-miệu-tam Phật đà là bậc tri giả, kiến giả đã nói bát kỉnh pháp cho Tỳ-kheo-ni. tám pháp này là:

1. Tỳ-kheo-ni dù một trăm tuổi hạ, gặp Tỳ-kheo mới thọ giới cụ túc phải kính nhường đảnh lễ.

2. Tỳ-kheo-ni nên đến Tỳ-kheo tăng cầu thọ giới cụ túc .

3. Nếu Tỳ-kheo-ni phạm Tăng tàn phải ở trong hai bộ Tăng xin pháp nữa tháng Ma-na-đỏa.

4. nơi trú xứ không có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni không được an cư.

5. Tỳ-kheo-ni an cư xong nên đến trong Tỳ-

kheo tăng cầu ba việc tự tứ nói tội thấy nghe nghi.

6. Tỳ-kheo-ni mỗi nữa tháng nên đến Tỳ-kheo tăng thọ bát kỉnh pháp.

7. Nếu Tỳ-kheo-ni muốn hỏi Tỳ-kheo nên hỏi trước: Xin phép

được hỏi về Tu-đa-la, Tỳ-ni, A-tỳ-đàm", nếu Tỳ-kheo cho hỏi mới được hỏi, nếu không cho thì không được hỏi.

8. Tỳ-kheo-ni không được nói tội thấy nghe nghi của tỳ-kheo.

Tỳ-kheo-ni sau khi thọ tám pháp này, vào lúc bố tát nên ở trong Ni tăng nói lại tám pháp này. Bố tát xong, hôm sau Tỳ-kheo-ni thọ tám pháp này hôm trước nên trở lại chỗ Tỳ-kheo giáo giới, đảnh lễ rồi bạch rằng: "Tỳ-kheo-ni tăng hòa hợp đảnh lễ Tỳ-kheo tăng hòa hợp, Tỳ-kheo-ni tăng đã bố tát xong".

Tỳ-kheo giáo giới này vào lúc Tăng hòa hợp thuyết giới khi nghe Tỳ-kheo thuyết giới hỏi: "Tăng nay hòa hợp để làm gì?", nên ở trong Tăng bạch: "Tỳ-kheo-ni tăng hòa hợp đảnh lễ Tỳ-kheo tăng hòa hợp cầu giáo giới mỗi nữa tháng, nếu có giáo giới gì đều sẽ thọ trì", Thượng tòa nên nói: "Nếu Tỳ-kheo-ni tăng đã hòa hợp thì không cần tác pháp yết ma giáo giới", Tỳ-kheo này nên trở ra nói với Tỳ-kheo-ni: "Tăng bảo Tỳ-kheo-ni tăng đã hòa hợp thì không cần tác pháp yết ma giáo giới". Tỳ-

kheo giáo giới Tỳ-kheo-ni không được xuất giới, nếu xuất giới thì phạm Đột-kiết-la.

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 48

TỤNG THỨ 8 PHÁP TĂNG NHẤT

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Nếu có người nam giả hình dạng người nữ như tướng người nữ, mặc y phục người nữ lại theo pháp nam tử cầu thọ giới thì có đắc giới không?", Phật nói: "Đắc giới nhưng chúng tăng mắc tội", lại hỏi: "Nếu có người nữ giả hình dạng người nam như tướng người nam, mặc y phục người nam-lại theo pháp người nữ cầu thọ giới thì có đắc giới không?", Phật nói: "Đắc giới nhưng chúng tăng mắc tội", lại hỏi: "Nếu chưa cho xuất gia mà liền cho thọ giới cụ túc thì có đắc giới không?", Phật nói: "Đắc giới nhưng chúng tăng mắc tội".

Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo dụ đệ tử của người khác rồi cho pháp và y thực, các Thượng tòa quở trách: "Làm sao giáo hóa được đệ tử như pháp khi mà Lục quần Tỳ-kheo dụ dẫn đi rồi cho pháp và y thực", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay không được dụ đệ tử của người khác rồi cho pháp và y thực, nếu dụ thì phạm

Đột-kiết-la "

Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Nếu Tỳ-kheo không muốn phản giới hoàn tục liền nói với người: "Thầy hãy vì tôi làm Hòa thượng", nếu kia vì làm Hòa thượng thì có phản giới không?", Phật nói: "Không phản giới vì là lời nói đùa".

Lúc đó Phật hỏi A-nan: "Những đứa trẻ này trên bữa ăn có thể đuổi được chim quạ hay không?", đáp là được, Phật nói: "Từ nay cho những đứa trẻ cho đến bảy tuổi đuổi được chim qua, được làm Sa-di gọi là Khu ô Sa-di".

Lúc đó vua Bình sa dùng pháp sáu năm nhuần một lần, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Nên theo pháp của vua". Vua Bình-Sa-lại dùng pháp một năm có sáu tháng thiếu, các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật bảo: "Nên theo pháp của vua, tháng đầu của mùa Xuân đủ thì tháng thứ hai thiếu, tháng thứ ba đủ thì tháng thứ bốn thiếu; tháng đầu của mùa Hạ đủ thì tháng thứ hai thiếu, tháng thứ ba đủ thì tháng thứ bốn thiếu; tháng đầu của mùa Đông đủ thì tháng thứ hai thiếu, tháng thứ ba đủ thì tháng thứ bốn thiếu".

Trưởng lão Ưu-ba-ly lại hỏi: "Nơi không phải là trú xứ của tỳ-kheo mà thuyết giới thì có gọi là thuyết giới không?", Phật nói: "Nếu Tỳ-kheo-ni thuyết giới thì gọi là thuyết giới", lại hỏi: "Sa-di thuyết giới có gọi là thuyết giới không?", Phật nói:

"Không gọi là thuyết giới, chỉ được nghe thuyết giới và thọ tuế (tự tứ), không được xếp vào túc số để thuyết giới, thọ tuế và làm các yết ma khác". Lại hỏi: "Tỳ-kheo trên mặt đất có được gởi thanh tịnh cho Tỳ-kheo ở trên không trung không?", Phật bảo không được, lại hỏi: "Tỳ-kheo ở trên không trung có được gởi thanh tịnh cho Tỳ-kheo ở trên mặt đất không?", Phật bảo không được, lại hỏi: "Cả hai đều ở trên không trung có được gởi thanh tịnh không?", Phật bảo không được, lại hỏi: "Tỳ-kheo ở trong giới có được gởi thanh tịnh cho Tỳ-kheo ở ngoài giới không?", Phật bảo: "Không được, nếu hiệp giới hay cùng trong giới thì được". Lại hỏi: "Tỳ-kheo trên mặt đất có được gởi dục thanh tịnh cho Tỳ-kheo ở trên không trung không?", Phật bảo không được, lại hỏi: "Tỳ-kheo ở trên không trung có được gởi dục thanh tịnh cho Tỳ-kheo ở trên mặt đất không?", Phật bảo không được, lại hỏi: "Cả hai đều ở trên không trung có được gởi dục thanh tịnh không?", Phật bảo không được, lại hỏi: "Tỳ-kheo ở trong giới có được gởi dục thanh tịnh cho Tỳ-kheo ở ngoài giới không?", Phật bảo: "Không được, nếu hiệp giới hay cùng trong giới thì được". Lại hỏi: "Tỳ-kheo trên mặt đất có được gởi dục cho Tỳ-kheo ở trên không trung không?", Phật bảo không được, lại hỏi: "Tỳ-kheo ở trên không trung có được gởi dục cho Tỳ-kheo ở trên mặt đất không?", Phật bảo không được, lại hỏi: "Cả hai đều

ở trên không trung có được gởi dục không?", Phật bảo không được, lại hỏi: "Tỳ-kheo ở trong giới có được gởi dục cho Tỳ-kheo ở ngoài giới không?", Phật bảo: "Không được, nếu hiệp giới hay cùng trong giới thì được". Lại hỏi: "Tỳ-kheo trên mặt đất có được gởi dục yết ma cho Tỳ-kheo ở trên không trung không?", Phật bảo không được, lại hỏi: "Tỳ-kheo ở trên không trung có được gởi dục yết ma cho Tỳ-kheo ở trên mặt đất không?", Phật bảo không được, lại hỏi: "Cả hai đều ở trên không trung có được gởi dục yết ma không?", Phật bảo không được, lại hỏi: "Tỳ-kheo ở trong giới có được gởi dục yết ma cho Tỳ-kheo ở ngoài giới không?", Phật bảo: "Không được, nếu hiệp giới hay cùng trong giới thì được". Lại hỏi: "Tỳ-kheo trên mặt đất có được gởi dục kiết giới cho Tỳ-kheo ở trên không trung không?", Phật bảo không được, lại hỏi: "Tỳ-kheo ở trên không trung có được gởi dục kiết giới cho Tỳ-kheo ở trên mặt đất không?", Phật bảo không được, lại hỏi: "Cả hai đều ở trên không trung có được gởi dục kiết giới không?", Phật bảo không được, lại hỏi: "Tỳ-kheo ở trong giới có được gởi dục kiết giới cho Tỳ-kheo ở ngoài giới không?", Phật bảo: "Không được, nếu hiệp giới hay cùng trong giới thì được". Lại hỏi: "Nếu không xả giới trước thì có được kết giới mới rộng hay hẹp hơn hay không?", Phật bảo không được, lại hỏi: "Có được đều cùng kết giới hay không?", Phật bảo:

"Nếu nói chu vi tướng ngoài và tướng trong thì được", lại hỏi: "Có khi nào kiết giới rồi không theo yết ma mà xả hay không?", Phật bảo: "Có, nếu ở bên trong tường, hào". Lại hỏi: "Tỳ-kheo ở trên cây có được kết giới không?", Phật bảo: "Nếu khi yết ma, số chúng đủ thì được", lại hỏi: "Nếu Tăng bị phá có được kết giới không?", Phật bảo: "Nếu như pháp kết giới thì được".

Lại hỏi: "Phật pháp thời quá khứ trụ ở đời bao lâu?", Phật bảo: "Tùy thuộc Tỳ-kheo thanh tịnh, không hoại pháp thuyết giới thì gọi là chánh pháp trụ ở đời", lại hỏi: "Phật pháp đời vị lại trụ ở đời bao lâu", Phật bảo: "Tùy thuộc Tỳ-kheo thanh tịnh, không hoại pháp thuyết giới thì gọi là chánh pháp trụ ở đời", lại hỏi: "Chánh pháp hiện tại của Thế tôn trụ ở đời bao lâu?", Phật bảo: "Cũng tùy thuộc Tỳ-kheo thanh tịnh, không hoại pháp thuyết giới thì gọi là chánh pháp trụ ở đời".

Lại hỏi: "Tỳ-kheo ở trong tụ lạc ban đầu xây cất Tăng phường được kiết giới phạm vi là bao nhiêu?", Phật bảo: "Tùy thuộc vào tụ lạc và giới tụ lạc, phạm vi bao nhiêu là chỗ quay lại của họ", lại hỏi: "Tỳ-kheo ở A-lan-nhã ban đầu xây cất Tăng phường được kết giới phạm vi là bao nhiêu?", Phật bảo: "Phạm vi các phía là một Câu-lô-xá, các Tỳ-kheo chỉ được trong phạm vi một Câu-lô-xá này cùng ở một chỗ làm yết ma bố tát, không được biệt chúng làm yết ma thuyết giới, nếu biệt chúng làm

thì mắc tội". Lại hỏi: "Khi pháp diệt thì kết giới có gọi là kết giới không?", Phật bảo: "Không gọi là kết giới, vì khi pháp diệt thì tất cả kết giới, tất cả thọ giới, tất cả giới pháp, tất cả yết ma đều diệt". Lại hỏi: "Nếu Tỳ-kheo làm yết ma mạng chung, các Tỳ-kheo khác không biết giới tướng thì có được xả giới không?", Phật bảo: "Được xả", lại hỏi: "Tỳ-kheo cất Tăng phường trên núi, có được an cư dưới núi cách khoảng mười Câu-lô-xá hay không?", Phật bảo được, lại hỏi: "Ở nơi nào cho vật an cư?", Phật bảo: "Nên cho ở chỗ an cư"; lại hỏi: "Tỳ-kheo cất Tăng phường dưới núi, có được an cư trên núi cách khoảng mười Câu-lô-xá hay không?", Phật bảo được, lại hỏi: "Ở nơi nào cho vật an cư?", Phật bảo: "Nên cho ở chỗ an cư". Lại hỏi: "Nếu Tăng bị phá làm hai bộ, trong một bộ có Tỳ-kheo xuất giới cho đến trời sáng thì có gọi là phá an cư không, có mất y và có mắc tội trái lời không?", Phật bảo: "Không phá an cư, không mất y, chỉ mắc tội trái lời". Lại hỏi: "Nên ở đâu thọ pháp xuất giới bảy ngày?", Phật bảo: "Nên ở trong giới thọ", lại hỏi: "Theo ai thọ?", Phật bảo: "Nên theo năm chúng là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni mà thọ", lại hỏi: "Có được tâm niệm thọ pháp xuất giới bảy ngày không?", Phật bảo: "Không được, trừ năm hạng người: Người ở A-lan-nhã, người ở một mình, người đi xa, người bịnh lâu dài, người ở bên bà con

vào thời thế mất mùa đói kém".

Lại hỏi: "Nếu Tỳ-kheo có bà con là ngoại đạo thỉnh mời đến dự lễ tế trời Ma hê thủ la, trời Kiền đà, trời ma ni Bạt-đà; Tỳ-kheo có được phá an cư để đi hay không?", Phật bảo: "Được đi, vì việc làm kia thanh tịnh", lại hỏi: "Nếu Tỳ-kheo tụng A-hàm không thông lợi muốn được thông lợi hoặc muốn hỏi nghi nên muốn theo người khác thọ học thì có được phá an cư để đi hay không?", Phật bảo được, lại hỏi: "Nếu Tỳ-kheo chưa được muốn cầu cho được, chưa hiểu muốn cầu cho hiểu, chưa chứng muốn cầu cho chứng thì có được phá an cư để đi hay không?", Phật bảo được.

Có Tỳ-kheo bạch Phật: "Nên dùng loại da nào để làm giày da?", Phật đáp như trong pháp Tạp đã nói. Lại hỏi: "Sao gọi là ngồi trên da?", Phật bảo: "Mặc trên thân gọi là ngồi trên da", lại hỏi: "Sao gọi là nằm trên da?", Phật bảo: "Hông chạm dính gọi là nằm", lại hỏi: "Sao gọi là mặc?", Phật bảo: "Từ dưới chân lên đến rốn thì gọi là mặc". Lại hỏi: "Da, thịt, máu, gân của Sư tử có được ăn không?", Phật bảo: "Tất cả không được ăn", lại hỏi: "Da, thịt, máu, gân của Nai đen có được ăn không?", Phật bảo: "Trừ da, tất cả thứ khác được ăn", lại hỏi: "Trước đây Phật có dạy là không được ăn thịt sống, máu tươi; nhưng nếu bị bịnh mà không có thuốc khác chữa trị thì được dùng phải không?", Phật bảo: "Nếu không có thuốc khác chữa trị thì được

dùng, nếu có thuốc khác thì không được dùng, nếu dùng thì phạm Thâu-lan-giá". Lại có Tỳ-kheo mắc bịnh trĩ, thầy thuốc Kỳ vực bảo nên dùng dao cắt, Tỳ-kheo nói: "Phật không cho dùng dao cắt", liền bạch Phật, Phật bảo nên dùng móng tay bấm, bấm không đứt, Phật bảo nên dùng tre lau cắt, cũng không đứt, Phật bảo: "Nên đến chỗ khuất dùng dao cắt".

Khi vua Bình sa mạng chung, các Tỳ-kheo nói với nhau: "Vua Bình sa mất, chúng ta không phạm nội túc phải không?", Phật bảo: "Không phạm nội túc vì vua A-xà-thế đã thay chỗ". Có Tỳ-kheo cùng đi đường, gánh giùm thức ăn cho Sa-di, tịnh nhơn. Đến giờ ăn, tịnh nhơn trao thức ăn cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo không thọ vì sợ phạm tàn túc thực, Phật bảo: "Nếu gánh giùm thức ăn cho người khác thì ăn không phạm".

Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Y không cắt rọc có được thọ trì không?", Phật bảo được, lại hỏi: "Có được mặc vào tụ lạc không?", Phật bảo không được, lại hỏi: "Nên cắt rọc như thế nào?", Phật bảo: "Nên dài năm khuỷu tay, rộng ba khuỷu tay. Nếu vải không đủ thì được cất chứa ba loại y cắt rọc là thượng, trung và hạ. Y bậc thượng chiều dài năm khuỷu tay, chiều rộng ba khuỷu tay; y bậc hạ chiều dài bốn khuỷu tay, chiều rộng hai khuỷu tay rưỡi; y bậc trung ở khoảng giữa hai loại y trên". Có Tỳ-kheo dùng dây cột Nê-hoàn-tăng nên bị rách, Phật

bảo: "Nên làm y Câu-tu-la để mặc", lại hỏi: "Tỳ-kheo có được thọ y Câu-tu-la không?", Phật bảo: "Không nên thọ, khi nào Nê-hoàn-tăng bị rách mới được làm y Câu-tu-la để mặc".

Nước Kiều-tát-la có người cúng dường y cho Tăng, các Tỳ-kheo không biết chia y như thế nào, đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Nên chia làm bốn phần, ba phần cho Tỳ-kheo, một phần cho Sa-di". Nước Kiều-tát-la có một Tỳ-kheo chết, các Tỳ-kheo không biết chia y bát như thế nào, đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Nên chia làm bốn phần, ba phần cho Tỳ-kheo, một phần cho Sa-di".

Lúc đó tinh xá Kỳ-hoàn mới làm xong, một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo đều nhóm họp lại, các cư sĩ thấy đại chúng tụ họp nên cúng y cho Tỳ-kheo tăng, các Tỳ-kheo không thọ, nói là Phật chưa cho thọ y cúng cho Tăng, liền bạch Phật, Phật bảo cho thọ. Lại có người cúng y cho Tỳ-kheo-ni tăng, các Tỳ-kheo-ni không thọ, nói là Phật chưa cho thọ y cúng cho ni tăng, liền bạch Phật, Phật bảo cho thọ. Lại có người cúng y cho hai bộ Tăng, hai bộ Tăng không thọ, nói là Phật chưa cho thọ y cúng cho hai bộ Tăng, liền bạch Phật, Phật bảo cho thọ. Sau khi thọ y xong, hai bộ Tăng không biết chia y như thế nào, đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Nên chia làm bốn phần, ba phần cho Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni, một phần cho Thức-xoa-ma-na, Sa-di và Sa-di-ni". Lại có cư sĩ thấy đại chúng nhóm

họp nên cúng y cho Tỳ-kheo tăng, tâm mong muốn một Tỳ-kheo nói là tốt lắm, các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật bảo:

"Cho nói tốt lắm, người nói phải ở trên mặt đất, không được ở chỗ xa nghe; cho ở trên gò đất nhưng cũng không được ở chỗ xa nghe". Lại có cư sĩ thấy đại chúng nhóm họp nên cúng y cho Tỳ-kheo tăng, tâm mong muốn để y trên giá y rồi mang vào trong Tăng thì tốt, các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật bảo cho. Lại có cư sĩ thấy đại chúng nhóm họp nên cúng y cho Tỳ-kheo tăng, tâm mong muốn cho một người khen ngợi Tăng thì tốt, các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật bảo: "Cho khen ngợi, người khen ngợi Tăng nên nói: "Tăng trì giới đầy đủ, niệm đầy đủ, tam muội đầy đủ, trí huệ đầy đủ, giải thoát đầy đủ, độ tri kiến đầy đủ, Học, Vô học, Câu giải thoát, hướng quả, đắc quả". Trong Tăng có vị chưa đắc đạo, nghi không dám thọ phần y, nói rằng: "Tôi không phải là bậc Học, Vô học, Câu giải thoát, cũng không phải là bậc hướng quả, đắc quả nên không dám thọ phần", các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật bảo: "Nên thọ, nếu bản thân trì giới cùng Tăng hòa hợp, cầu thoát ly sanh tử, hướng đến Niết-bàn, không cầu thọ thân sau, tu hành ba nghiệp, tọa thiền, tụng kinh, trợ giúp việc tăng. Hành giả như thế thì được thanh tịnh thọ phần".

Lúc đó Phật cùng năm trăm A-la-hán vào thành Thủ ba, đến nhà trưởng giả Thư-tỳ-kiền-noa thọ

phần thức ăn rồi đến bên ao A-nậu-đạt thọ thực. Lộc tử mẫu nghe tin này rồi sanh tâm tín kính bèn đến chỗ Phật đảnh lễ rồi bạch Phật rằng: "Thế tôn, con nay đến chỗ Phật xin biệt thỉnh năm trăm vị A-la-hán ngày mai đến nhà con thọ thực", Phật im lặng nhận lời. Lộc tử mẫu biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ, hữu nhiều rồi đi. Về nhà, ngay trong đêm đó lo sửa soạn các món ăn ngon, sáng hôm sau trải tòa rồi đến bạch Phật biết thời, trưởng lão A-nan đến nhận lấy phần thức ăn của Phật mang về. Lúc đó năm trăm vị A-la-hán mỗi người tự dùng thần túc đi đến nhà của Lộc tử mẫu, có người vào từ cửa sổ, có người từ trên hư không hiện xuống, có người từ dưới mặt đất hiện lên, có người hiện ra ngay trên chỗ ngồi… Lộc tử mẫu thấy chúng tăng ngồi xong liền tự tay dâng thức ăn cúng dường. Lúc đó A-nan mang thức ăn về, rót nước rồi trao thức ăn cho Phật, Phật thọ thực xong, A-nan thu bát rồi bạch Phật: "Thế tôn, hôm nay Lộc tử mẫu biệt thỉnh năm trăm A-la-hán thọ thực", Phật hỏi: "Trong Tăng có thỉnh một Tỳ-kheo nào không?", đáp là không có, Phật nói: "Nếu Lộc tử mẫu ở trong Tăng có thỉnh một Tỳ-kheo nào thì thân sau sẽ được đại công đức, đại quả báo và được đại lợi ích". Lúc đó tất cả khắp nơi xa gần đều nghe biết Phật nói là nếu ở trong Tăng có thỉnh một người nào thì sẽ được đại phước đức hơn là biệt thỉnh năm trăm vị A-la-hán.

Có cư sĩ Bà-la-môn tín tâm cúng dường cho

Tăng bữa tiểu thực, bữa ngọ thực và thức ăn Đát-bát-na, tâm mong muốn Phật cho một người khen ngợi Tăng thì tốt, các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật bảo: "Cho khen ngợi, người khen ngợi Tăng nên nói: "Tăng trì giới đầy đủ, niệm đầy đủ, tam muội đầy đủ, trí huệ đầy đủ, giải thoát đầy đủ, độ tri kiến đầy đủ, Học, Vô học, Câu giải thoát, hướng quả, đắc quả". Trong Tăng có vị chưa đắc đạo, nghi không dám thọ thực, nói rằng: "Tôi không phải là bậc Học, Vô học, Câu giải thoát, cũng không phải là bậc hướng quả, đắc quả nên không dám thọ thực", các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật bảo: "Nên thọ, nếu bản thân trì giới cùng Tăng hòa hợp, cầu thoát ly sanh tử, hướng đến Niết-bàn, không cầu thọ thân sau, tu hành ba nghiệp, tọa thiền, tụng kinh, trợ giúp việc tăng. Hành giả như thế thì được thanh tịnh thọ thực".

Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Khi Tăng thọ y Ca-hi-na, có Tỳ-kheo ở trong đó mà không gọi là thọ không?", lại hỏi: "Khi Tăng thọ y Ca-hi-na, một Tỳ-kheo không có ở trong đó mà được gọi là thọ không?", lại hỏi: "Khi Tăng xả y Ca-hi-na, có Tỳ-kheo ở trong đó mà không gọi là xả không?", lại hỏi: "Lại có Tỳ-kheo không có ở trong đó mà được gọi là xả không?", Phật đáp như trong pháp Tạp đã nói. Lại hỏi: "Sa-di đắc giới có được ngăn người khác không?", Phật bảo không được, lại hỏi: "Có được thọ lời người khác bảo mà ngăn không?",

Phật bảo không được, lại hỏi: "Có được ngăn yết ma không?", Phật bảo không được, lại hỏi: "Bạch y có được ngăn không?", Phật bảo không được, lại hỏi: "Sa-di, dị đạo, không phải Tỳ-kheo; người bị tẫn về không thấy tội, không sám tội, không bỏ ác tà kiến và tội bất cọng trụ; người phạm các tội bất cọng trụ, phạm biên tội, người vốn là bạch y, bất năng nam, người ô nhục Tỳ-kheo-ni, người việt tế (tặc trụ); người giết cha mẹ, A-la-hán, người phá tăng, người ác tâm làm cho Phật bị thương, những người như thế có được ngăn không?", Phật bảo không được, lại hỏi: "Người ở trên mặt đất có được ngăn người ở trên hư không, người ở trên hư không có được ngăn người ở trên mặt đất, người ở trong giới có được ngăn người ở ngoài giới, người ở ngoài giới có được ngăn người ở trong giới, người không đến trong Tăng, người không bạch chúng tăng, người phá giới và tâm niệm muốn ngăn thì có được ngăn không?", Phật bảo đều không được ngăn, lại hỏi: "Sa-di đắc giới có được làm yết ma không?", Phật bảo không được, lại hỏi: "Người mà trước kia đã phạm trọng tội, giặc giả làm Tỳ-kheo, người mà khi còn bạch y đã phá giới; hoặc người trước nói là tôi phá giới, sau đó mới làm yết ma thì có được gọi là yết ma không?", Phật bảo đều không được, lại hỏi: "Nếu người làm yết ma trước rồi mới nói là tôi phá giới thì có được gọi là yết ma không?", Phật bảo được, lại hỏi: "Nếu lúc thọ giới,

kết giới để làm yết ma thọ giới, làm xong có xả yết ma không?", Phật bảo có, lại hỏi: "Nên xả loại yết ma nào?", Phật bảo: "Nên xả yết ma kết giới", lại hỏi: "Nếu có người thọ giới, người làm yết ma chưa thọ đại giới thì có xả yết ma không?", Phật bảo có, hỏi là vì sao, Phật bảo: "Vì người làm yết ma là bạch y thì xả tất cả các yết ma", lại hỏi: "Nếu có người bị tẫn, tâm hối, hạ ý mà ở ngoài giới làm yết ma xả tẫn cho thì có gọi là được xả không?", Phật bảo: "Được xả nhưng các Tỳ-kheo mắc tội", lại hỏi: "Phạm tội gì nên cho yết ma Khổ thiết?", Phật bảo là đấu tranh, lại hỏi: "Phạm tội gì nên cho yết ma y chỉ?", Phật bảo là thường thường phạm giới, lại hỏi: "Phạm tội gì nên cho yết ma Khu xuất?", Phật bảo là làm nhơ nhà người (Ô-tha-gia), lại hỏi: "Phạm tội gì nên cho yết ma Hạ ý?", Phật bảo là mắng bạch y, lại hỏi: "Nếu Tỳ-kheo mắng Tỳ-kheo có nên cho yết ma Hạ ý không?", Phật bảo nên cho, lại hỏi: "Nếu Tỳ-kheo mắng Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni có nên cho yết ma Hạ ý không?", Phật bảo nên cho, lại hỏi: "Nếu Tỳ-kheo-ni mắng Tỳ-kheo-ni có nên cho yết ma Hạ ý không?", Phật bảo nên cho, lại hỏi: "Nếu Tỳ-kheo-ni mắng Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Tỳ-kheo có nên cho yết ma Hạ ý không?", Phật bảo nên cho, lại hỏi: "Nếu Thức-xoa-ma-na mắng Thức-xoa-ma-na có nên cho yết ma Hạ ý không?", Phật bảo nên cho, lại hỏi: "Nếu Thức-xoa-ma-na mắng Sa-

di, Sa-di-ni, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni có nên cho yết ma Hạ ý không?", Phật bảo nên cho, lại hỏi: "Nếu Sa-di mắng Sa-di cho đến Sa-di-ni, Thức-xoa-ma-na, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni có nên cho yết ma Hạ ý không?", Phật bảo nên cho, lại hỏi: "Nếu Sa-di-ni mắng Sa-di-ni cho đến Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di có nên cho yết ma Hạ ý không?", Phật bảo nên cho, lại hỏi: "Sa-di tự nói là đã làm việc dâm thì có nên diệt tẫn không?", Phật bảo nên diệt tẫn, lại hỏi: "Tỳ-kheo dưới năm tuổi hạ, suốt đời không y chỉ người khác thì có mắc tội không?", Phật bảo: "Có, nếu Tỳ-kheo dưới năm tuổi hạ chết hoặc suốt đời ở bên Hòa thượng thì không tội", lại hỏi: "Nếu Tỳ-kheo phạm các tội Tăng-già-bà-thi-sa, không phạm tội tương tợ như tội cố y xuất tinh, che giấu một đêm; tội xúc chạm thân người nữ, che dấu hai đêm; tội nói lời thô tục với người nữ, che giấu ba đêm; tội khen ngợi bản thân để được người nữ cúng dường, che dấu bốn đêm; tội mai mối, che giấu năm đêm. Người này hành biệt trú năm đêm, kế hành sáu đêm Ma-na-đỏa thì có được cho yết ma Xuất tội không?", Phật bảo được, lại hỏi: "Như Phật đã dạy có phạm tội tương tợ và tội không tương tợ. Sao gọi là tội tương tợ?", Phật bảo: "Như phạm Ba-la-di thì tương tợ Ba-la-di, phạm Tăng-già-bà-thi-sa thì tương tợ Tăng-già-bà-thi-sa, phạm Ba-dật-đề thì tương tợ Ba-dật-đề, phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni thì tương tợ

Ba-la-đề-đề-xá-ni, phạm Đột-kiết-la thì tương tợ Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm tội tương tợ", lại hỏi: "Sao gọi là phạm tội không tương tợ?", Phật bảo: "Như phạm Ba-la-di thì không tương tợ với Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni hay Đột-kiết-la; như Tăng-già-bà-thi-sa thì không tương tợ với Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la hay Ba-la-di; như Ba-dật-đề thì không tương tợ với Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la, Ba-la-di hay Tăng-già-bà-thi-sa; như Ba-la-đề-đề-xá-ni thì không tương tợ với Đột-kiết-la, Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa hay Ba-dật-đề; như Đột-kiết-la thì không tương tợ với Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề hay Ba-la-đề-đề-xá-ni. Đó gọi là phạm tội không tương tợ", lại hỏi: "Như Phật đã dạy có hai loại phạm là hữu lượng và bất khả lượng. Sao gọi là phạm hữu lượng?", Phật bảo: "Loại phạm này nói được số", lại hỏi: "Sao gọi là phạm bất khả lượng?", Phật bảo: "Loại phạm này không thể nói được số", lại hỏi: "Như Phật đã dạy có hai loại phạm là che giấu và không che giấu. Sao gọi là phạm che giấu?", Phật bảo: "Loại phạm này là không phát lồ dù chỉ trong chốc lát", lại hỏi: "Sao gọi là phạm không che giấu?", Phật bảo: "Loại phạm này là không che giấu dù chỉ trong chốc lát. Này Ưu-ba-ly, có một loại phạm, tánh của mỗi mỗi tội khác nhau. Như tánh Ba-la-di, mỗi mỗi tội khác nhau; tánh Tăng-già-bà-thi-sa, mỗi mỗi tội khác

nhau; tánh Ba-dật-đề, mỗi mỗi tội khác nhau; tánh Ba-la-đề-đề-xá-ni, mỗi mỗi tội khác nhau; tánh Đột-kiết-la, mỗi mỗi tội khác nhau".

Các Tỳ-kheo sau khi tác pháp Biệt trú cho người phạm rồi, liền sai họ quét dọn phòng xá nơi khác, khắp nơi ra vào nên nhiều người gặp. Phật bảo: "Cho người phạm pháp Biệt trú rồi, nên sai họ quét dọn phòng xá trong trú xứ, không được sai quét dọn phòng xá nơi khác". Lúc đó người hành Biệt trú ở chỗ khuất nên Tỳ-kheo khách đến không thấy, Phật bảo: "Không nên cho người hành Biệt trú ở chỗ khuất, nên cho ở chỗ mà khách Tỳ-kheo đến gặp được". Lúc đó người hành Biệt trú tự kêu khách Tỳ-kheo nên làm náo loạn, Phật bảo: "Không được kêu người khác, chỉ nói cho họ biết là mình đang hành Biệt trú". Lúc đó khách Tỳ-kheo đi, người hành Biệt trú liền chạy theo, Phật bảo: "Không nên chạy theo, nên đi như thường". Lúc đó người hành Biệt trú chạy theo ra khỏi giới, Phật bảo: "Không được ra khỏi giới. Từ nay hành pháp của người hành Biệt trú là nên tưới quét bụi đất nơi tháp Phật, nơi bố tát, nơi Tăng ăn, nên trải tòa ngồi theo thứ lớp, đổ đầy chậu nước rửa chân, bình nước sạch, bình nước thường dùng; khi có khác Tỳ-kheo đến nên nói cho họ biết mình là người hành Biệt trú; nên lau giày phú la, lau chân… nên hành tất cả hành pháp. Phải ở chỗ khuất, không nên xuất hiện ở chỗ đông người". Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật:

"Người hành Biệt trú có được làm yết ma Biệt trụ, Ma-na-đỏa, Bổn nhật trị và Xuất tội cho người khác không?", Phật bảo không được, lại hỏi: "Sa-di đắc giới có được làm yết ma Biệt trụ, Ma-na-đỏa, Bổn nhật trị và Xuất tội cho người khác không?", Phật bảo không được, lại hỏi: "Có được đến bên người hành Biệt trú để hành Biệt trú không?", Phật bảo không được, lại hỏi: "Có được đến bên Sa-di đắc giới để hành Biệt trụ và Ma-na-đỏa không?", Phật bảo không được, lại hỏi: "Có được gởi dục thanh tịnh, thọ tuế và xuất tội cho người hành Biệt trú không?", Phật bảo không được, lại hỏi: "Có được gởi dục thanh tịnh, thọ tuế và xuất tội cho Sa-di đắc giới không?", Phật bảo không được, lại hỏi: "Có được nhận dục thanh tịnh, thọ tuế và xuất tội của người hành Biệt trú không?", Phật bảo không được, lại hỏi: "Có được nhận dục thanh tịnh, thọ tuế và xuất tội của Sa-di đắc giới không?", Phật bảo: "Chỉ được thọ dục của vị đại Tỳ-kheo". Lại hỏi: "Dùng vật gì để làm quai nắm của cửa?", Phật bảo: "Nên dùng đồng, sắc, gỗ, hoặc dùng lông chiên, cỏ Sô ma, Kiếp bối, cỏ Văn xà, cỏ Bà sa để làm", lại hỏi: "Nên dùng vật gì làm dây đan?", Phật bảo: "Dùng lông chiên, cỏ Sô ma, Kiếp bối, cỏ Văn xà, cỏ Bà sa để làm", lại hỏi: "Nên dùng vật gì làm dây thiền?", Phật bảo: "Dùng lông chiên, cỏ Sô ma, Kiếp bối, cỏ Văn xà, cỏ Bà sa để làm".

Lúc đó vua Bình sa thỉnh Phật và Tăng cúng dường để cầu sống lâu trăm tuổi, những người được cung cấp cho Tăng ít lòng tin nên làm thức ăn cho Tăng không như pháp, làm não loạn các Tỳ-kheo, nhiều người nhìn thấy. Vua vốn có lòng tin nên hỏi các Tỳ-kheo: "Các thầy bị não loạn phải không?", đáp là phải, vua nói: "Tôi cũng biết các thầy bị não loạn, tôi sẽ cung cấp ruộng nhà đầy đủ", các Tỳ-kheo nói: "Phật chưa cho chúng tôi thọ ruộng nhà", liền bạch Phật, Phật bảo được thọ. Lại có cư sĩ làm phòng xá trong tinh xá Kỳ-hoàn xong liền cúng dường cho Tăng y thực, ngọc cụ và thuốc men. Tỳ-kheo chủ tăng phường sáng hôm sau đến nhà cư sĩ đòi hỏi những vật cần dùng, vợ cư sĩ mời ngồi rồi ngồi phía trước muốn nghe pháp, Tỳ-kheo này liền uyển chuyển nói pháp vi diệu, nhờ biện tài thuyết pháp khiến cho vợ cư sĩ được tín tâm thanh tịnh, bạch rằng: "Chúng tôi là vợ cư sĩ cùng con trai con gái vì đại đức nên cúng dường số y này cho Tăng trong Tăng phường", Tỳ-kheo suy nghĩ: "Ta chỉ cần một y mà số vải này lại nhiều", liền đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Nếu cư sĩ làm Tăng phường vì một Tỳ-kheo mà cúng dường cho Tăng trong Tăng phường thì Tăng nên cùng chia".

Lúc đó Tăng phường ở nước A-la-tỳ bị hư hoại, Phật hỏi A-nan nguyên do, A-nan bạch: "Do Lục quần Tỳ-kheo thủ hộ nên không ai chịu tu sửa", Phật bảo: "Nếu Lục quần Tỳ-kheo không tu sửa thì

nên giao lại cho người khác tu sửa". Khi giao cho người khác tu sửa thì người này chỉ làm ít việc như trộn ít bùn với ít cỏ để tô trét một vài chỗ trên đất hoặc trên vách tường. Phật bảo: "Không nên giao cho người làm chút ít việc, nên giao cho người làm nhiều việc". Tăng lại giao việc này làm trọn đời, Phật bảo: "Không nên giao việc này làm trọn đời, cũng không nên giao việc này làm trong một thời gian ngắn. Nếu phòng xá hư hoại thì nên giao việc trong vòng sáu năm; nếu phòng xá còn mới thì nên giao việc trong vòng mười hai năm".

Có Tỳ-kheo nước A-la-tỳ vốn là thợ khéo, ngày nào cũng theo người khác mượn đồ nghề, các cư sĩ nói: "Vì sao thầy không tự cất chứa đồ nghề", Tỳ-kheo nói: "Phật chưa cho cất chứa đồ nghề", bạch Phật, Phật bảo cho cất chứa. Lúc đó ở nước A-la-tỳ làm Tăng phường mới, có thợ làm công nữa tháng, có thợ làm công một tháng, có thợ làm công một năm. Gặp lúc trời mưa, họ đòi thức ăn, củi đốt và đèn; Tỳ-kheo khi cho tâm nghi, sợ tội nên không muốn cho, nhưng nếu không cho thì họ không chịu làm, liền bạch Phật, Phật bảo: "Nếu biết được sớm tối, kêu họ đến làm thì nên cho".

Có Tỳ-kheo mặc y mới nhuộm, lúc trời đang mưa đứng nơi đất trống rửa chân, y bị ướt mất màu, loang lỗ như bịnh bạch lại, Phật bảo nên làm phòng nhà, làm nhà xong chưa lợp lại gặp mưa liền bị dột, Phật bảo nên lợp, lợp rồi trên nóc vẫn bị dột, Phật

bảo nên lợp dày trên nóc.

Tăng phường ở thành Vương xá rộng lớn nên thường có khách tăng lui tới hoặc đầu đêm, hoặc giữa đêm, cuối đêm. Khi đến các thượng tòa liền đánh thức vị hạ tòa đuổi ra khiến sanh não loạn, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Nếu khi đánh kiền chùy báo giờ rồi, đã thắp đèn, chia ngọa cụ, trải ngọa cụ xong, sao mọc, thiền trấn đã đặt trên đầu. Lúc đó Thượng tòa đến không được đánh thức hạ tòa đuổi ra, nếu đánh thức đuổi ra thì phạm Đột-kiết-la".

Có Hạ tòa ngồi trên chỗ Thượng tòa, Thượng tòa quở trách: "Tại sao hạ tòa lại ngồi trên chỗ Thượng tòa", bạch Phật, Phật bảo: "Hạ tòa không được ngồi trên chỗ Thượng tòa, nếu ngồi thì phạm Đột-kiết-la. Hạ tòa nên xem chỗ ngồi, xét tuổi hạ rồi ngồi vào chỗ ngồi của mình". Lúc đó Thượng tòa nước A-la-tỳ đầu đêm ngồi thiền, giữa đêm trở về phòng, đệ tử tiễn Thượng tòa đi. Hạ tòa và Sa-di liền từ chỗ ngồi đứng dậy lên giường nằm, không ngờ Thượng tòa quay trở lại, theo thứ lớp đánh thức họ đuổi ra, họ không chịu đi nên sanh náo loạn, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Nếu giữa đêm họ đã trải ngọa cụ rồi thì không được theo thứ lớp đánh thức họ dậy đuổi ra, nếu đánh thức đuổi ra thì phạm Đột-kiết-la".

Lúc đó ở những chỗ như chỗ đại tiểu tiện, chỗ lấy nước, chỗ rửa chân… Lục quần Tỳ-kheo đều

theo thứ lớp Thượng tòa mà bảo họ đứng dậy đuổi đi để giành chỗ khiến sanh náo loạn, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay ở những chỗ như chỗ đại tiểu tiện… không được theo thứ lớp bảo đứng dậy đuổi đi, nếu làm thế thì phạm Đột-kiết-la". Những vật của Tăng như giẻ lau chân, nồi, muỗng, chậu, bồn, bình cho đến dao cạo tóc, nhíp, dao cắt móng tay, vải trải giường, kim khâu, lư hương, ống kim… Lục quần Tỳ-kheo đều theo thứ lớp bậc Thượng tòa mà đoạt lấy để dùng trước khiến sanh tranh cải náo loạn, các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật bảo: "Vật của Tăng nếu có người lấy dùng trước rồi thì người đến sau phải đợi họ dùng xong mới được lấy, không được đoạt lấy từ người khác, nếu đoạt lấy thì phạm Đột-kiết-la".

Lúc đó trưởng lão Tất-lân-già-bà-ta bịnh đau mũi, thầy thuốc bảo dùng thuốc nhỏ vào mũi, trưởng lão dùng ngón tay hoặc dùng cọng lông chấm thuốc để nhỏ, không vào trong được nên bịnh nặng thêm, bạch Phật, Phật bảo nên dùng ống tre, ống tre lớn nên làm nhỏ lại, khi nhỏ thuốc đều đổ ra ngoài, không vào trong mũi được, Phật bảo: "Không nên lớn quá, cũng không nên nhỏ quá, nên làm khoảng chừng một ba la hoặc nữa Ba-la".

Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo vào nhà tắm nói với nhau: "Người này lau cho người kia…", các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật bảo: "Vào trong nhà tắm không được nói người này lau cho người kia…,

nếu nói như thế thì phạm Đột-kiết-la". Lúc đó có Tỳ-kheo cùng bạch y rửa trong nhà tắm, thấy Tỳ-kheo hạ tòa và Sa-di đang lau cho Thượng tòa, bạch y liền nói: "Chỉ lau chỗ đó thôi ư, nên lau thêm những chỗ như vậy, như vậy", các Tỳ-kheo nghe rồi trong lòng không vui, đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay không được cùng bạch y rửa trong nhà tắm, ai như thế thì phạm Đột-kiết-la". Lúc đó có một Ưu-bà-tắc bịnh, muốn vào nhà tắm rửa, Phật bảo nên bạch Tỳ-kheo, đến bạch thì Tỳ-kheo không cho, Phật bảo: "Nếu Tỳ-kheo biết Ưu-bà-tắc này tốt, miệng không nói lỗi thì cho vào". Lúc đó có Tỳ-kheo lau cho bạch y trong nhà tắm, Phật bảo: "Không được làm thế, nếu làm thì phạm Đột-kiết-la".

Ở nước A-la-tỳ khi chia ngọa cụ, có nhiều khách Tỳ-kheo đến trễ, vì ngọa cụ ít nên không được chia, Phật bảo: "Nên theo thứ lớp từ bậc Thượng tòa mà cho, ai không được thì cho lá cỏ để tự trải, mỗi người nên mặc áo lót thân". Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo dùng đá bọt kỳ cọ làm rụng lông, Phật bảo: "Không được dùng, nếu dùng thì phạm Đột-kiết-la".

Lúc đó ở nước Tỳ-da-ly trong vườn cây trái Am-la, trái chín vàng rụng đầy trên đất, Phật hỏi A-nan: "Vì sao các Tỳ-kheo không ăn trái này", A-nan bạch Phật: "Trước đây Phật có chế, bốn loại vật Tăng cho đến ba, hai, một người đều không

được chia, đó là đất của Tăng, nhà của Tăng, vườn cây của Tăng và ngọa cụ của Tăng", Phật bảo: "Nhưng trái cây thì được chia". Khi chia trái cây, có người lấy phần của hai, ba người nên có người được nhiều, có người không được nên sanh tranh cãi, Phật bảo: "Từ nay trái cây không được chia, nên bảo tịnh nhơn làm năm loại tịnh rồi thọ lấy ăn".

Có Tỳ-kheo tranh cãi với một Tỳ-kheo, sau đó lại tranh cãi với Tỳ-kheo khác rồi nắm lỗ tai của người này để đối chứng, người này la lên, các Tỳ-kheo đến hỏi nguyên do, đáp là Tỳ-kheo này đánh tôi, liền hỏi có đánh không, đáp: "Tôi không có đánh, chỉ là nắm lấy lỗ tai để đối chứng mà thôi, Tỳ-kheo này muốn vu báng nên mới la lên như vậy", đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay không được nắm lỗ tai của người để đối chứng, nếu làm thế thì phạm Đột-kiết-la. Nếu có việc gì thì nên nói với người bên cạnh là Tỳ-kheo này mắng tôi, đánh tôi".

Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo dụ đệ tử của người khác, các Thượng tòa quở trách: "Làm sao giáo hóa được đệ tử như pháp khi mà Lục quần Tỳ-kheo dụ dẫn đi", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay không được dụ đệ tử của người khác, nếu dụ thì phạm Đột-kiết-la ".

Lúc đó có Tỳ-kheo bỏ Tăng phường đi và nói là không trở lại nữa, trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Như vậy có gọi là xả cương giới không?", Phật

bảo có, lại hỏi: "Dùng vật gì làm dùi, dao?", Phật bảo dùng đồng sắt làm, lại hỏi: "Dùng vật gì làm cái đấu, cái hũ, cái nồi?", Phật bảo dùng đồng sắt bùn đất để làm, lại hỏi: "Dùng vật gì làm tháo đậu?", Phật đáp như trong pháp Tạp đã nói.

Tại nước Kiều-tát-la có hai cha con cùng xuất gia, người cha đòi con cho y thực, người con nói: "Đầu cùng xuất gia nên không có y thực để cho", Phật bảo: "Nếu có thì nên cho, không có thì không nên cưỡng đòi".

Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo có nuôi một Sa-di ở chỗ kín mọc lông, vì hơi trái nghịch với thầy nên bị lột truồng sanh hổ thẹn, các Tỳ-kheo nghe rồi trong lòng không vui, đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Không nên vì một việc nhỏ mà chiết phục Sa-di, nếu muốn chiết phục nên giữ lại y, không được lột truồng". Lúc đó các Tỳ-kheo không có vật sàng thuốc, Phật bảo nên làm. Lúc đó cư sĩ Cấp-cô-độc cúng nệm cho Tăng, các Tỳ-kheo nói: "Phật chưa cho chúng tôi thọ", bạch Phật, Phật bảo: "Nên thọ, Tăng được thọ, một người cũng được thọ".

Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Trước đây Phật có chế dưới chân giường cao tám ngón tay, sao gọi là dưới chân giường cao tám ngón tay?", Phật bảo: "Nếu chân giường cao chưa tới tám ngón tay thì nên kê bục cây". Lúc đó có Tỳ-kheo đòi giá rồi mới sắc thuốc cho người uống, người này uống xong ói

mửa mà chết, các Tỳ-kheo nói: "Thầy đã phạm Ba-la-di, vì sao, vì thầy đòi giá rồi mới sắc thuốc cho người uống", Tỳ-kheo này sanh nghi không biết mình có phạm Ba-la-di không, đem việc này bạch Phật, Phật hỏi: "Thầy dùng tâm gì sắc thuốc cho uống?", đáp: "Vì thương xót mà sắc thuốc cho uống", Phật bảo: "Không phạm, nhưng từ nay không được đòi giá trước rồi mới sắc thuốc cho người khác uống, nếu làm thế thì phạm Đột-kiết-la". Lại có Tỳ-kheo tháp tùng với đoàn thương nhân du hành từ nước Kiều-tát-la đến nước Xá-vệ, giữa đường gặp giặc cướp đánh cướp nhưng không giết người, Tỳ-kheo lấy y phục của họ bỏ lại, sanh nghi không biết mình có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật bảo không phạm.

Tại nước Kiều-tát-la có cái gò mã cao, bên cạnh có miếu thờ trời mỗi khi cúng tế, người ta thường dùng máu rưới lên gò mã này. Lúc đó các Tỳ-kheo du hành từ nước Kiều-tát-la đến nước Xá-vệ ngang qua đây liền hữu nhiễu gò mã và tả nhiễu miếu thờ trời, người chủ đền thờ liền hỏi nguyên do, đáp: "Tôi cho là tháp Phật hay tháp Thanh văn", đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Không cần hữu nhiễu và tả nhiễu, chỉ nên theo đường mà đi". Lại có Tỳ-kheo vào lúc thời thế mất mùa đói kém đến nhà bà con ở lại bốn, năm ngày rồi muốn trở về … như trong pháp Tạp đã nói.

Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo cho người không bát

thọ giới cụ túc, trước đó Lục quần Tỳ-kheo cùng Thập thất quần Tỳ-kheo đã tranh cải nhau, Lục quần Tỳ-kheo tới phiên giữ Tăng phường, còn Thập thất quần Tỳ-kheo tới phiên đưa thức ăn tới nên đến chỗ họ đòi lấy bát, Tỳ-kheo không bát này liền hỏi: "Lấy bát để làm gì?", đáp là để lấy thức ăn của thí chủ cúng đưa đến, Tỳ-kheo này đáp là không có bát, liền hỏi: "Thầy không có bát mà được xuất gia sao?", đáp là đúng vậy, Thập thất quần Tỳ-kheo nói: "Thầy quả là người đại trí đức, không có bát mà được xuất gia", Tỳ-kheo này nghe rồi trong lòng không vui, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay người không có bát không được cho xuất gia thọ giới cụ túc, nếu cho thì phạm Đột-kiết-la".

Lúc đó có hai Tỳ-kheo tranh cãi nhau, người này viết tên của người kia trên bát rồi đem để trước cửa nhà dâm nữ, cư sĩ ra vào nhà này nhìn thấy bát này liền nói: "Tỳ-kheo cũng ra vào nhà này", các Tỳ-kheo nghe rồi trong lòng không vui, đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay không được viết tên trên bát, nếu viết thì phạm Đột-kiết-la; tất cả các vật khác cũng vậy, làm dấu thì không phạm".

Lúc đó có ngoại đạo tín tâm đến chỗ Tỳ-kheo cầu xuất gia, Tỳ-kheo hỏi có bát không, đáp là không có, Tỳ-kheo nói: "Phật không cho độ người không có bát xuất gia", người này nghe rồi liền bỏ đi, do duyên này nên không xuất gia nữa, các Tỳ-

kheo bạch Phật, Phật bảo: "Không nên hỏi bát trước, nên độ xuất gia rồi mới hỏi bát". Lúc đó cư sĩ Cấp-cô-độc cúng mền cho Tăng, các Tỳ-kheo nói: "Phật chưa cho chúng tôi thọ", bạch Phật, Phật bảo: "Nên thọ, Tăng được thọ, một người cũng được thọ".

Lúc đó có con trai của một cư sĩ xuất gia, cư sĩ này bịnh trước khi mất có nói với bà con rằng: "Sau khi tôi mất, tài sản đã có sẽ cho con trai tôi". Khi người con trai là Tỳ-kheo trở về thăm nhà, bà con tới nói rõ nguyên do, Tỳ-kheo nói: "Phật chưa cho tôi thọ vật bố thí của người sau khi chết", liền đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Nếu vì bạch y thì được tùy ý thọ". Lúc đó các Tỳ-kheo du hành trong vòng hai tháng, một Tỳ-kheo quen biết với Lục quần Tỳ-kheo liền đem y gởi cho Lục quần Tỳ-kheo để đi du hành… như trong pháp Tạp đã nói.

Lúc đó Tỳ-kheo-ni trợ giúp Điều đạt nói với bạch y: Tôi cùng ông tác hợp hôn nhân, các cư sĩ trách: "Cô là người xuất gia sao lại nói cùng tôi tác hợp hôn nhân", bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay Tỳ-kheo-ni không được nói với bạch y là cùng tác hợp hôn nhân, nếu nói thế thì phạm Đột-kiết-la".

Lúc đó có một Tỳ-kheo trước có hứa đưa cho cư sĩ tiền y, chưa kịp đưa thì qua đời, cư sĩ này đến đòi, Phật bảo: "Nếu đòi thì lấy của tăng đưa cho họ". Lại có Tỳ-kheo lấy vải của người mà chưa đưa tiền thì qua đời, cư sĩ này đến đòi, các Tỳ-kheo nói:

"Sao lúc còn sống không đến đòi", Phật bảo: "Nếu vải còn thì đưa trả vải lại, nếu không còn thì bán y bát của người chết mà trả lại tiền vải".

Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo cắt tóc, lấy hoa làm lễ kết bái với bạch y bị các cư sĩ chê trách, Phật bảo: "Từ nay không được cắt tóc, lấy hoa làm lễ kết bái với bạch y, nếu làm thế thì phạm Đột-kiết-la". Lúc đó có một Tỳ-kheo quen biết với Lục quần Tỳ-kheo, đem bát của một Tỳ-kheo khác gởi cho Lục quần Tỳ-kheo, giữa đường làm bể bát này. Tỳ-kheo chủ của bát đó gặp Lục quần Tỳ-kheo suy nghĩ: "Ta không nên tự nói hay là nên đòi đền tiền nhiều", nghĩ rồi nó rằng: "Tỳ-kheo tên đã gởi bát của tôi cho thầy, giữa đường thầy đã làm bể bát", Lục quần Tỳ-kheo liền nói: "Bát của thầy không bể mà là bể bát của tôi, giờ thầy phải đền lại cho tôi", Tỳ-kheo này không biết làm sao liền bạch Phật, Phật bảo: "Nếu vì lòng tốt mang giúp, lỡ bị bể thì không nên đòi bồi thường". Lúc đó có Tỳ-kheo dùng bát chưa nung thọ thực, khi bát rớt xuống nhơ nhớp phát sanh, Phật bảo nên nung bát. Có Tỳ-kheo để bát trên đất, chung quanh để phân bò đốt để nung, bát liền bể, Phật bảo nên làm lò nung bát, làm lò xong, khi nung bát liền bể nát, Phật bảo nên để bát trong tro, bát bị phủ tro nên dơ, Phật bảo nên dùng đá chêm ở dưới, khi chêm đá không che ngăn chung quanh nên gió luồn vào, trên bát hiện những lằn nhăn, Phật bảo nên che kín chung quanh.

Lúc đó Cấp-cô-độc đến chỗ Phật đảnh lễ rồi bạch Phật: "Thế tôn, trong thời gian Phật du hành giáo hóa, con muốn thấy Phật hiện tiền nên xin Phật lưu lại ít vật để con được cúng dường", Phật liền đưa cho ít tóc và móng tay, Cấp-cô-độc lại bạch: "Xin cho con xây tháp thờ tóc và móng tay", Phật cho xây, lại bạch: "Xin cho con được họa vẽ lên tháp", Phật bảo: "Trừ vẽ hình tượng nam nữ giao hợp, các hình tượng đều được vẽ". Lúc đó có người làm lọng cúng dường tháp nhưng không có chỗ để, Phật bảo nên đóng cọc trụ. Lúc đó cửa tháp không có cánh cửa nên bò nai, khỉ… vào trong tháp, Phật bảo nên làm cánh cửa. Lại xin Phật cho làm lan can trước cửa tháp, Phật cho làm; lại xin Phật cho làm chỗ để hoa, Phật cho làm, lại cho làm dây treo hoa chung quanh tháp. Lại có cư sĩ xin Phật cho làm vòng châu ma ni hay tràng hoa cúng dường tháp, Phật cho làm; lại xin Phật cho làm hầm trong tháp, Phật cho làm; lại xin Phật cho làm cột trụ, cho đến dùng đất đỏ với vôi trắng và họa vẽ để trang nghiêm trên cột trụ, Phật đều cho làm.

Lúc đó Cấp-cô-độc bạch Phật: "Thế tôn, nếu hình tượng thân Phật không cho làm thì xin cho con làm hình tượng Bồ tát", Phật cho làm; lại xin cho làm cờ phướn dẫn đi trước, Phật cho làm; lại xin Phật cho xây ụ đất để tượng sư tử trước tháp và làm lan can chung quanh tượng, Phật đều cho làm; lại xin Phật cho đúc tượng sư tử bằng đồng và cột

cờ phướn trên tượng, Phật đều cho làm. Lại xin Phật cho dùng hương hoa kỹ nhác cúng dường, Phật cũng cho làm. Lại xin Phật cho dùng nước thơm dầu thơm rưới lên đất tháp, Phật cho dùng. Lại xin Phật cho làm chỗ để đèn, để hoa… Phật đều cho làm.

Lúc đó bà con của Cấp-cô-độc sai người mang mâm hương hoa, anh lạc đến, cư sĩ suy nghĩ: "Nếu Phật cho mang hương hoa anh lạc này dẫn đi trước thì tốt", bạch Phật, Phật cho, như thế cho đến xin Phật cho bưng lư hương, tấu kỹ nhạc dẫn đi trước Phật đều cho làm. Lại xin Phật cho tập họp đại chúng để cúng dường y thực, như thế cho đến xin Phật cho mở hội Ban xà vu sắt, mở hội sáu năm, mở hội từ ngày sáu tháng giêng cho đến ngày mười lăm tháng hai và mở hội trong chùa để cúng dường, Phật đều cho làm.

Lúc đó các Tỳ-kheo không theo thứ lớp vào, ngồi, ăn, đứng dậy và đi ra, có vị vào trước, có vị đang lúc dọn đưa thức ăn mới vào, có vị vào lúc đang ăn, lại có vị vào lúc đã ăn xong, Phật bảo nên báo giờ. Khi báo giờ, ở xa không nghe được, Phật bảo nên đánh kiền chùy; ở xa cũng không nghe được, Phật bảo nên đánh trống; trống để dưới đất đánh, ở xa cũng không nghe được, Phật bảo nên để trống trên giá đánh; vẫn không nghe xa được, Phật bảo nên để trên chỗ cao. Khi để trên chỗ cao đánh, khắp nơi đều được nghe nên khi đại chúng nhóm

họp, mọi người đều tụ đến cúng dường rất nhiều tài vật cho tháp, cho Tăng tứ phương, vật thực và y vật nên chia. Lúc đó các Tỳ-kheo không phân biệt được vật nào là của tháp, vật nào là của tăng bốn phương, vật nào để ăn, vật nào nên chia. Phật bảo nên sai một Tỳ-kheo đứng nơi đó xem xét để phân biệt được, không có lẫn lộn. Lúc đó trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Thế tôn, bốn loại vật của tháp, vật của Tăng bốn phương, vật để ăn, vật nên chia có được dùng lẫn lộn nhau hay không?", Phật bảo: "Không được, vật của tháp không được dùng cho tăng bốn phương, dùng để ăn và chia; vật của Tăng bốn phương cũng không được dùng để ăn, chia và dùng cho tháp; vật để ăn cũng không được chia, dùng cho tháp và cho Tăng bốn phương; vật nên chia thì tùy Tăng thọ dụng".

1. Một Pháp:

Khi nói một lời xong liền gọi là xả giới. Sao gọi là nói một lời xong liền gọi là xả giới?: Như nói xả Phật, hoặc nói xả Pháp, xả tăng cho đến nói xả Hòa thượng, A-xà-lê, đồng Hòa thượng, đồng A-xà-lê, xả Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni cũng như vậy.

Khi nói tôi là bạch y, là Sa-di, không phải Tỳ-kheo…, khi nói một lời này liền gọi là xả giới.

Nếu Tỳ-kheo quen biết nhiều, có thế lực lớn, nói ra lời gì mọi người đều tín thọ, được nhiều

người biết đến, có thể cung cấp cho Tăng. Nếu người này phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp; phi luật nói là luật, luật nói là phi luật; không phạm nói là phạm, phạm nói là không phạm; khinh nói là trọng, trọng nói là khinh; hữu tàn nói là vô tàn, vô tàn nói là hữu tàn; pháp thường làm nói là không phải pháp thường làm; phi thuyết nói là thuyết, thuyết nói là phi thuyết thì người này mắc tội lớn.

Nếu Tỳ-kheo quen biết nhiều, có thế lực lớn, nói ra lời gì mọi người đều tín thọ, được nhiều người biết đến, có thể cung cấp cho Tăng. Tỳ-kheo này phi pháp nói là phi pháp, pháp nói là pháp, phi luật nói là phi luật, luật nói là luật, phạm nói là phạm, không phạm nói là không phạm, tội khinh nói là khinh, tội trọng nói là trọng, tội vô tàn nói là vô tàn, tội hữu tàn nói là hữu tàn, pháp thường sở hành nói là pháp thường sở hành, pháp không phải thường sở hành nói không phải là pháp thường sở hành, thuyết nói là thuyết, phi thuyết nói là phi thuyết thì sẽ được công đức lớn.

Nếu Tỳ-kheo quen biết nhiều, có thế lực lớn, nói ra lời gì mọi người đều tín thọ, được nhiều người biết đến, có thể cung cấp cho Tăng. Nếu người này phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp… cho đến thuyết nói là phi thuyết, thì người này không thể tự lợi lợi tha, không thể làm lợi ích cho nhiều người, không thể thương xót chúng

sanh, không thể làm lợi ích an lạc cho trời người.

Nếu Tỳ-kheo quen biết nhiều, có thế lực lớn, nói ra lời gì mọi người đều tín thọ, được nhiều người biết đến, có thể cung cấp cho Tăng. Nếu người này phi pháp nói là phi pháp, pháp nói là pháp… cho đến thuyết nói là thuyết, thì người này có thể tự lợi lợi tha, có thể làm lợi ích cho nhiều người, có thể thương xót chúng sanh, có thể làm lợi ích an lạc cho trời người.

Nếu Tỳ-kheo quen biết nhiều, có thế lực lớn, nói ra lời gì mọi người đều tín thọ, được nhiều người biết đến, có thể cung cấp cho Tăng. Nếu người này phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp… cho đến thuyết nói là phi thuyết, thì người này có tội, có phạm, có hối, những việc đã làm do tâm phiền não nên sanh tâm hối là không thanh tịnh, không giải thoát, làm tổn giảm không có tăng trưởng, tự hổ thẹn, thối thất, bị mọi người khinh chê vì người này tạo các tội nghiệp.

Nếu Tỳ-kheo quen biết nhiều, có thế lực lớn, nói ra lời gì mọi người đều tín thọ, được nhiều người biết đến, có thể cung cấp cho Tăng. Nếu người này phi pháp nói là phi pháp, pháp nói là pháp… cho đến thuyết nói là thuyết, thì người này không có tội, không có phạm, không có hối, những việc đã làm không do tâm phiền não nên không sanh tâm hối là thanh tịnh, giải thoát, không làm tổn giảm, được tăng trưởng, được mọi người khen

ngợi vì người này tạo các thiện nghiệp.

Như lai ra đời, hiện pháp Tỳ-ni không phải nói giới một lần, mà là nói dần dần. Như lai ra đời, hiện pháp Tỳ-ni không phải phá một lần, mà là phá dần dần.

Nếu Tỳ-kheo quen biết nhiều, có thế lực lớn, nói ra lời gì mọi người đều tín thọ, được nhiều người biết đến, có thể cung cấp cho Tăng. Nếu ở trong hiện pháp Tỳ-ni của Như lai, khởi tưởng khác; ở trong văn tự lại làm câu văn tương tợ, ngăn che pháp, không tùy thuận pháp, lời họ nói ra không rõ ràng, thì đây là hạng người biên địa thấp hèn, không có ích cho đời, không có hạnh nam tử.

Nếu Tỳ-kheo quen biết nhiều, có thế lực lớn, nói ra lời gì mọi người đều tín thọ, được nhiều người biết đến, có thể cung cấp cho Tăng. Nếu ở trong hiện pháp Tỳ-ni của Như lai, không khởi tưởng khác; ở trong văn tự lại không làm câu văn tương tợ, không ngăn che pháp, tùy thuận pháp, lời họ nói ra rõ ràng, thì đây không phải là hạng người biên địa thấp hèn, có ích cho đời, có hạnh nam tử.

Phật tại nước Thích-ca, Bà-đại ái đạo đến chỗ Phật bạch rằng: "Thế tôn, xin trụ ở đời một kiếp", Phật nói: "Bà không nên tán thán Như lai như vậy, lời tán thán này không phải là lời tốt lành. Bà không nên dùng lời này tán thán Như lai, vì đây không phải là pháp tán thán Như lai".

Có một pháp khiến chánh pháp diệt vong, mai một; đó là phá Tăng. Có một pháp khiến chánh pháp không bị diệt vong, mai một; đó là hòa hợp Tăng.

Có một pháp khiến chánh pháp diệt vong, mai một; đó là đấu tranh. Như thế tranh cải, mắng chửi nhau, nói xấu lẫn nhau đều khiến cho chánh pháp diệt vong, mai một. Có một pháp khiến chánh pháp không bị diệt vong, mai một; đó là không đấu tranh. Như thế không tranh cải, không mắng chửi nhau, không nói xấu lẫn nhau đều khiến cho chánh pháp không bị diệt vong, mai một.

Có một pháp khiến chánh pháp diệt vong, mai một; đó là tham. Như thế đa dục, không biết đủ, ác dục, ác kiến đều khiến cho chánh pháp bị diệt vong, mai một. Có một pháp khiến chánh pháp không bị diệt vong, mai một; đó là không tham. Như thế thiểu dục, tri túc, không ác dục, không ác kiến đều khiến cho chánh pháp không bị diệt vong, mai một.

Tùy địa phương nào có Tỳ-kheo đấu tranh, tranh cãi, mắng chửi nhau, nói xấu lẫn nhau thì địa phương đó không nên nghe nói đến huống chi là nhớ nghĩ. Tùy địa phương nào có Tỳ-kheo đấu tranh, tranh cãi, mắng chửi nhau, nói xấu lẫn nhau thì địa phương đó không nên nhớ nghĩ huống chi là đi đến. Tùy địa phương nào có Tỳ-kheo không đấu tranh, không tranh cãi, không mắng chửi nhau,

không nói xấu lẫn nhau thì địa phương đó nên nghe nói đến; không những nên nghe nói đến mà còn nhớ nghĩ đến; không những nhớ nghĩ đến mà còn đi đến đó.

Tùy địa phương nào có Tỳ-kheo đấu tranh, tranh cãi, mắng chửi nhau, nói xấu lẫn nhau thì thật biết địa phương đó đã xả ba pháp và thọ ba pháp. Xả ba pháp là xả ngăn dục giác, xả ngăn sân giác, xả ngăn tật đố giác. Thọ ba pháp là thọ dục giác, thọ sân giác, thọ tật đố giác. Tùy địa phương nào có Tỳ-kheo không đấu tranh, không tranh cãi, không mắng chửi nhau, không nói xấu lẫn nhau thì thật biết địa phương đó đã xả ba pháp và thọ ba pháp. Xả ba pháp là xả dục giác, xả sân giác, xả tật đố giác. Thọ ba pháp là thọ ngăn dục giác, thọ ngăn sân giác, thọ ngăn tật đố giác.

Tùy địa phương nào có Tỳ-kheo đấu tranh, tranh cãi, mắng chửi nhau, nói xấu lẫn nhau thì thật biết địa phương đó đã xả ba pháp và thọ ba pháp. Xả ba pháp là xả ngăn dục tưởng, xả ngăn sân tưởng, xả ngăn tật đố tưởng. Thọ ba pháp là thọ dục tưởng, thọ sân tưởng, thọ tật đố tưởng. Tùy địa phương nào có Tỳ-kheo không đấu tranh, không tranh cãi, không mắng chửi nhau, không nói xấu lẫn nhau thì thật biết địa phương đó đã xả ba pháp và thọ ba pháp. Xả ba pháp là xả dục tưởng, xả sân tưởng, xả tật đố tưởng. Thọ ba pháp là thọ ngăn dục tưởng, thọ ngăn sân tưởng, thọ ngăn tật đố

tưởng.

Tùy địa phương nào có Tỳ-kheo đấu tranh, tranh cãi, mắng chửi nhau, nói xấu lẫn nhau thì thật biết địa phương đó đã xả ba pháp và thọ ba pháp. Xả ba pháp là xả ngăn dục giới (cõi), xả ngăn sân giới, xả ngăn tật đố giới. Thọ ba pháp là thọ dục giới, thọ sân giới, thọ tật đố giới. Tùy địa phương nào có Tỳ-kheo không đấu tranh, không tranh cãi, không mắng chửi nhau, không nói xấu lẫn nhau thì thật biết địa phương đó đã xả ba pháp và thọ ba pháp. Xả ba pháp là xả dục giới, xả sân giới, xả tật đố giới. Thọ ba pháp là thọ ngăn dục giới, thọ ngăn sân giới, thọ ngăn tật đố giới.

2. Hai Pháp:

Có hai pháp mà kẻ vô trí phạm tội, đó là không tự thấy lỗi mình và không sám hối tội này. Có hai pháp mà người có trí phạm tội, đó là tự thấy tội và có thể như pháp sám hối tội này.

Có hai loại phạm là phạm khinh và phạm trọng.

Có hai loại phạm là phạm tội Hữu tàn và phạm tội Vô tàn. Có hai loại phạm là phạm tội có thể đối trước người khác sám hối và phạm tội có thể tâm niệm sám hối.

Có hai loại chúng là chúng như pháp và chúng phi pháp. Lại có hai loại chúng là chúng trược (đục, dơ không thanh tịnh) và chúng thanh tịnh.

Có hai loại Tăng là Tăng khổ trụ, không phải

lạc trụ, thường phạm tội, không tùy thuận giáo mà tùy thuận ác pháp; và Tăng lạc trụ, không phải khổ trụ, không thường phạm tội, tùy thuận giáo, không tùy thuận ác pháp.

Có hai hạng người vô trí là nên hối lỗi mà không hối lỗi và không nên hối lỗi lại hối lỗi. Có hai hạng người có trí là nên hối lỗi liền hối lỗi và không nên hối lỗi thì không hối.

Có hai hạng người vô trí là có phạm và có che giấu. Có hai hạng người có trí là không phạm và không che giấu. Người vô trí che giấu thì có hai quả báo là địa ngục và ngạ quỷ; người có trí không che giấu thì có hai quả báo là cõi trời, người. Phật bảo; "Lời ta nói ra vì không tín thọ nên che giấu; nếu che giấu thì không lìa sanh, già, bịnh, chết, ưu bi khổ não. Ngược lại, lời ta nói ra nếu tín thọ thì không che giấu; nếu không che giấu thì sẽ lìa sanh, già, bịnh, chết, ưu bi khổ não".

Có hai loại thiện là biết phạm và biết sám hối.

Có hai loại thanh tịnh là giới thanh tịnh và kiến thanh tịnh.

Có hai loại thấy phi pháp: Phi pháp thấy là pháp và pháp thấy là phi pháp. Có hai loại thấy như pháp: Phi pháp thấy là phi pháp và pháp thấy là pháp.

Có hai loại Tỳ-ni là Tỳ-ni tham dục và Tỳ-ni sân nhuế; lại có hai loại Tỳ-ni là Tỳ-ni Tỳ-kheo và

Tỳ-ni Tỳ-kheo-ni; lại có hai loại Tỳ-ni là Tỳ-ni phổ biến và Tỳ-ni không phổ biến.

Có hai pháp mà người quen biết nhiều có lỗi, đó là phi pháp cho là pháp và pháp cho là phi pháp. Có hai pháp mà người quen biết nhiều không có lỗi, đó là phi pháp cho là pháp và pháp cho là pháp.

Có hai pháp mà người đoán sự (xử đoán sự việc) có lỗi, đó là phi pháp xử đoán là pháp, pháp xử đoán là phi pháp. Có hai pháp mà người đoán sự không có lỗi, đó là phi pháp xử đoán là phi pháp và pháp xử đoán là pháp.

Có hai loại nói có lỗi, đó là phi pháp nói là pháp và pháp nói là phi pháp. Có hai loại nói không có lỗi, đó là phi pháp nói là phi pháp và pháp nói là pháp.

Có hai loại người giáo hóa có lỗi, đó là phi pháp dạy là pháp và pháp dạy là phi pháp. Có hai loại người giáo hóa không có lỗi, đó là phi pháp dạy là phi pháp và pháp dạy là pháp.

Có hai pháp khiến chánh pháp diệt vong, mai một; đó là Tỳ-kheo nghi pháp và nghi Tỳ-ni. Có hai pháp khiến chánh pháp không bị diệt vong, mai một; đó là Tỳ-kheo không nghi pháp và không nghi Tỳ-ni. Lại có hai pháp khiến chánh pháp diệt vong, mai một; đó là Tỳ-kheo dạy phi pháp cho người khác và dạy phi Tỳ-ni cho người khác. Lại có hai pháp khiến chánh pháp không bị diệt vong, mai

một; đó là Tỳ-kheo dạy người khác như pháp và dạy người khác như Tỳ-ni.

Có hai việc mà Phật ngăn dứt việc ăn biệt chúng, đó là làm lợi ích cho đàn việt, không để cho các ác Tỳ-kheo được thế lực và chúng tăng được thanh tịnh an lạc.

Có hai việc mà Phật cho làm yết ma Khổ thiết, đó là khiến kẻ ác không được thế lực và người thanh tịnh được thế lực. Như thế cho làm các loại yết ma như yết ma Y chỉ, yết ma Khu xuất, yết ma Hạ ý, yết ma Bất kiến tẫn, yết ma Bất tác tẫn, yết ma Bất xả ác tà kiến tẫn, yết ma Biệt trụ, Ma-na-đỏa, Bổn nhật trị, yết ma Xuất tội đều là khiến cho kẻ ác không được thế lực và người thanh tịnh được thế lực.

Có hai pháp đấu tranh: Phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp. Như thế tranh cãi, mắng chửi, nói xấu nhau; nếu không dùng pháp và Tỳ-ni để trừ diệt thì Tăng sẽ bị phá, Tăng phiền não, Tăng chia rẽ, Tăng khác biệt.

Có hai pháp không đấu tranh: Phi pháp nói là phi pháp, pháp nói là pháp. Như thế không tranh cãi, không mắng chửi, không nói xấu nhau; nếu dùng pháp và Tỳ-ni thì Tăng sẽ không bị phá, Tăng không phiền não, Tăng không chia rẽ, Tăng khác biệt.

Có hai việc nên Phật dạy làm Hòa thượng, đó

là hiện tại được thanh tịnh giới và vị lai được phạm hạnh lâu dài. Cũng như vậy A-xà-lê giáo giới Tỳ-ni, nói hoặc ngăn Ba-la-đề-mộc-xoa, Tự tứ hoặc ngăn Tự tứ, làm chứng tội của người, khiến người nhớ tội… làm các loại yết ma cho đệ tử cọng hành, đệ tử cận hành và Sa-di, trong hiện tại được thanh tịnh giới và vị lai được phạm hạnh lâu dài.

Có hai việc nên Phật nói Hiện tiền Tỳ-ni, đó là hiện tại được thanh tịnh giới và vị lai được phạm hạnh lâu dài. Cũng như vậy nói Ức niệm Tỳ-ni, Bất si Tỳ-ni, Tự ngôn Tỳ-ni, Thật mích Tỳ-ni, Đa mích Tỳ-ni, Bố thảo Tỳ-ni, trong hiện tại được thanh tịnh giới và vị lai được phạm hạnh lâu dài.

Có hai loại hủy báng Phật, đó là phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp. Có hai loại không hủy báng Phật, đó là phi pháp nói là phi pháp, pháp nói là pháp.

Có hai loại nêu ra lỗi Phật, đó là phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp. Có hai loại không nêu ra lỗi Phật, đó là phi pháp nói là phi pháp, pháp nói là pháp.

Có hai loại không theo lời Phật dạy, đó là phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp. Có hai loại thuận theo lời Phật dạy, đó là phi pháp nói là phi pháp, pháp nói là pháp.

Có hai loại không theo Tỳ-ni, đó là phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp. Có hai loại thuận

theo Tỳ-ni: Phi pháp nói là phi pháp, pháp nói là pháp.

Có hai loại tội: Phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp. Có hai loại không tội: Phi pháp nói là phi pháp, pháp nói là pháp.

Có hai loại vứt bỏ (khí): Tự mình bỏ những vật cần dùng và chúng Tăng như pháp hòa hợp tác pháp bảo vứt bỏ. Có hai loại không vứt bỏ: Tự mình không vứt bỏ và Tăng như pháp hòa hợp tác pháp bảo vứt bỏ mà không vứt bỏ.

Có hai loại không ở chung: Tự mình phạm tội Bất cọng trụ và Tăng như pháp hòa hợp tác pháp không cho ở chung. Có hai loại ở chung: Tự mình làm hạnh ở chung và Tăng như pháp hòa hợp tác pháp cho ở chung.

Có hai loại ở chung có lỗi: Tự mình phạm tội Bất cọng trụ mà ở chung và Tăng như pháp hòa hợp tác pháp không cho ở chung mà ở chung. Có hai loại ở chung không có lỗi: Tự mình làm hạnh ở chung và Tăng như pháp hòa hợp tác pháp cho ở chung.

Có hai loại tổn: Tự mình làm tổn và Tăng như pháp hòa hợp tác pháp làm cho tổn. Có hai loại không tổn: Tự không làm tổn mình và Tăng như pháp hòa hợp tác pháp làm cho không tổn .

Có hai loại người cuồng nên cho yết ma si, đó là người có nhớ nghĩ và người lúc nhớ nghĩ, lúc

không nhớ nghĩ. Có hai loại cuồng từ căn bản, có hai loại cuồng do chú thuật, có hai loại cuồng do uống thuốc, có hai loại cuồng do tâm, có hai loại cuồng do thống khổ.

Có hai loại bạch pháp hộ trì thế gian là có hổ và thẹn. Nếu hai bạch pháp này không hộ trì thế gian thì không phân biệt cha mẹ, anh em, chị em…, tức là phá pháp làm người giống như bò dê gà chó…. Nếu hai bạch pháp này hộ trì thế gian thì phân biệt được cha mẹ, anh em, chị em…, tức là không phá pháp làm người, không phải là bò dê gà chó…. Người không có hổ thẹn mà có bạch pháp nơi tâm thì không có lý đó; tâm không có bạch pháp thì chỉ có sanh tử, không có giải thoát. Người có hổ thẹn thì có bạch pháp nơi tâm; tâm có bạch pháp thì tâm thanh tịnh, không có sanh tử, được giải thoát, không thọ thân sau (hậu hữu).

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 49

TỲ NI TĂNG NHẤT

3. Ba Pháp

Có ba loại yết ma nhiếp hết các yết ma: Đơn bạch yết ma, bạch nhị yết ma, bạch tứ yết ma.

Có ba hạng người nhất định đọa vào địa ngục:

Một là người dùng pháp Ba-la-di không căn cứ vu bàng Tỳ-kheo phạm hạnh thanh tịnh .

Hai là người sanh ác tà kiến nói rằng: "Ở trong các dục không tội", nên người này dấn sâu vào phóng dật, buông lung theo ba dục.

Ba là người xuất gia làm Tỳ-kheo lại phạm giới phá giới, bên trong thối nát hiển hiện ra bên ngoài; không phải Sa-môn mà tự nói là Sa-môn, không phải phạm hạnh mà nói là phạm hạnh. Lúc đó Phật muốn làm rõ nghĩa này nên nói kệ:

"Nói dối đọa địa ngục, Và phạm tội trọng khác,

Người này ác, không thiện, Đời sau thọ tội báo.

Luận về người thế gian, Búa sanh từ trong miệng, Trở lại tự chém thân, Đều do lời nói ác.

Đáng chê lại khen ngợi, Đáng khen ngợi lại

chê, Lỗi từ miệng nên suy, Bị suy, không thọ lạc.

Như bị mất tài vật, Suy này vẫn còn ít, Ác khẩu nói người thiện, Suy này lại nặng hơn. Địa ngục Ni-phù-la, Kiếp số có mười vạn, Địa ngục A-phù-đà, Ba mươi sáu và năm. Tâm ác nói lời ác,

Khinh chê bậc Thánh nhân, Mạng chung ắt phải đọa, Trong địa ngục như vậy".

Có ba loại làm chứng tội, đó là thấy, nghe và nghi làm chứng tội.

Có ba pháp: Một là ca hát trong Tỳ-ni như pháp khóc, hai là cười hở răng trong Tỳ-ni như pháp cuồng, ba là lắc cánh tay múa trong Tỳ-ni như pháp con nít.

Như lai có ba loại không cần thủ hộ, không thể biết, không thể thấy, đó là thân hành, khẩu hành và ý hành của Như lai thanh tịnh.

Thế gian có ba loại giặc lớn (đại tặc) không ai bằng được, sống lâu càng tạo tội lớn, người không thể bắt được:

- Một là loại giặc trụ nơi hoang dã, nơi rừng cây rậm rạp.

- Hai là loại giặc trụ nơi hiểm trở có sông nước quanh co.

- Ba là loại giặc dựa vào sức mạnh.

Tỳ-kheo xấu ác cũng có ba loại như vậy, sống lâu tuổi cao càng tạo tội lớn mà Tăng không thể diệt tẫn được:

-một là loại giặc trụ nơi hoang dã, tức là người xuất gia làm Tỳ-kheo lại phạm giới phá giới, bên trong thối nát hiển hiện ra bên ngoài; không phải Sa-môn mà tự nói là Sa-môn, không phải phạm hạnh mà nói là phạm hạnh.

- Hai là loại giặc trụ nơi hiểm trở, tức là người sanh tà kiến, nói không thật, thấy và nói rằng: "Không có bố thí, không tin nhân quả, không tin thiện ác, không có cha mẹ ở thế gian, không có A-la-hán, không có Tu-đà-hoàn, không có Tư-đà-hàm, không có A-na-hàm, không có đời này, không có đời sau, không có pháp chứng đắc".

- Ba là loại giặc dựa vào sức mạnh, tức là người dựa vào thế lực và sự hiểu biết mà nói.

Thế gian lại có ba loại giặc lớn (đại tặc) không ai bằng được, sống lâu càng tạo tội lớn, người không thể bắt được: hai loại giặc đầu giống như trên, loại giặc thứ ba là loại giặc dựa vào tài vật, tức là người có nhiều tài vật, ruộng vườn, nhà cửa, tôi tớ… . Người này nghĩ rằng: "Nếu ai thuận theo ta thì ta sẽ cho tài vật". Tỳ-kheo xấu ác cũng có ba loại như vậy, sống lâu tuổi cao càng tạo tội lớn mà Tăng không thể diệt tẫn được: Hai loại Tỳ-kheo xấu ác thứ nhất và thứ hai giống như trên, loại thứ ba dựa vào tài vật, tức là Tỳ-kheo có được nhiều bố thí về y thực, ngọa cụ và các vật cần dùng khác. Người này nghĩ rằng: "Nếu ai thuận theo ta thì ta sẽ cho tài vật".

Thế gian có lại ba loại giặc lớn (đại tặc) không ai bằng được, sống lâu càng tạo tội lớn, người không thể bắt được: Hai loại giặc đầu giống như trên, loại giặc thứ ba là loại giặc dựa vào thế lực, tức là dựa vào thế lực của vua quan. Người này nghĩ rằng: "Nếu ai thuận theo ta thì ta sẽ trợ giúp".

Tỳ-kheo xấu ác cũng có ba loại như vậy, sống lâu tuổi cao càng tạo tội lớn mà Tăng không thể diệt tẫn được: Hai loại Tỳ-kheo xấu ác thứ nhất và thứ hai giống như trên, loại thứ ba là loại Tỳ-kheo xấu ác dựa vào thế lực, tức là Tỳ-kheo sống dựa vào việc tụng kinh, luật, luận. Người này nghĩ rằng: "Nếu ai thuận theo ta thì ta sẽ trợ giúp".

Thế gian lại có ba loại đại tặc:

- Một là loại đại tặc làm chủ một trăm người, ở trước một trăm người, được một trăm người cung kính vây quanh… cho đến được năm trăm người cung kính vây quanh, mà còn vào trong thành ấp tụ lạc leo tường khoét vách, chặn đường cướp của giết người.

- Hai là loại đại tặc trong Tăng như Tỳ-kheo lấy thức ăn uống, tài vật cho đến hoa quả trong vườn rừng của Tứ phương Tăng đem bán để tự sống hoặc đem cho bạch y quen biết.

- Ba là loại đại tặc trong Tăng như Tỳ-kheo vì chút ăn uống, lợi dưỡng cúng dường, tự thân không chứng được Thánh pháp hơn người mà cố ý vọng

ngữ, tự nói là đã chứng.

Trong ba loại đại tặc này thì hai loại trên chỉ gọi là tiểu giặc, loại thứ ba mới là đại tặc nguy hiểm nhất đối với trời người, ma Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn trong thế gian. Vì sao, vì chút ăn uống, tự thân không có chứng Thánh pháp hơn người mà cố ý vọng ngữ tự nói là đã chứng. Nếu đem so với hai loại giặc trên thì gọi là đại giặc nguy hiểm nhất. Phật liền nói kệ:

"Tỳ-kheo chưa đắc đạo, Tự nói là đắc đạo,

Đại tặc trong trời người Người phá giới cực ác, Người si này thân hoại, Sẽ đọa vào địa ngục".

4. Bốn Pháp

Có Bốn hạng Hòa thượng:

- Một là Hòa thượng cho pháp mà không cho y thực: Đệ tử nên ở bên cạnh hạng Hòa thượng này.

- Hai là Hòa thượng cho y thực mà không cho pháp: Đệ tử không nên nương ở chung với hạng Hòa thượng này.

- Ba là Hòa thượng vừa cho pháp, vừa cho y thực: Đệ tử nên suốt đời nương ở.

- Bốn là Hòa thượng không cho pháp cũng không cho y thực: Đệ tử không nên nương ở, ngay trong đêm tối cũng nên bỏ đi. Đối với A-xà-lê cũng giống như vậy.

Có bốn hạng người thường thường phạm tội và thường thường sám hối, đó là người không hổ thẹn,

người khinh giới, người không có tâm sợ hãi và người ngu si.

Thế gian có bốn hạng người thấy phạm tội sanh tâm sợ hãi:

- Một là hạng người mặc áo đen chạy vội đến chỗ mọi người nói rằng: "Tôi đã phạm tội ác, không tốt, đáng hổ thẹn, tùy mọi người thích gì, tôi sẽ làm theo điều đó", mọi người liền quở trách đuổi ra, một người có trí thấy vậy liền nói rằng: "Người này đã phạm tội ác, không tốt. Ta nên răn lấy mình và dạy bảo người khác chớ làm nghiệp ác như vậy nữa". Như thế nếu Tỳ-kheo ở trong Ba-la-đề-đề-xá-ni sanh lòng sợ hãi thì nên biết rằng: "Điều chưa phạm thì không nên phạm, nếu đã phạm thì nên mau như pháp sám hối tội". Đây là hạng người thứ nhất thấy tội sanh sợ hãi.

- Hai là hạng người mặc áo đen cầm gậy để trên vai, chạy vội đến chỗ mọi người nói rằng: "Tôi đã phạm tội ác, không tốt, đáng hổ thẹn, tùy mọi người thích gì, tôi sẽ làm theo điều đó", mọi người liền lấy cây gậy đó đánh đuổi ra, một người có trí thấy vậy liền nói rằng: "Người này đã phạm tội ác, không tốt. Ta nên răn lấy mình và dạy bảo người khác chớ làm nghiệp ác như vậy nữa". Như thế nếu Tỳ-kheo ở trong Ba-dật-đề sanh lòng sợ hãi thì nên biết rằng: "Điều chưa phạm thì không nên phạm, nếu đã phạm thì nên mau như pháp sám hối tội". Đây là hạng người thứ hai thấy tội sanh sợ hãi .

- Ba là hạng người mặc áo đen cầm cái chày sắt để trên vai, chạy vội đến chỗ mọi người nói rằng: "Tôi đã phạm tội ác, không tốt, đáng hổ thẹn, tùy mọi người thích gì, tôi sẽ làm theo điều đó", mọi người liền cầm cái chày đó đánh và cầm dao đe dọa đuổi ra ngoài cửa thành phía Tây, một người có trí thấy vậy liền nói rằng: "Người này đã phạm tội ác, không tốt. Ta nên răn lấy mình và dạy bảo người khác chớ làm nghiệp ác như vậy nữa". Như thế nếu Tỳ-kheo ở trong Tăng-già-bà-thi-sa sanh lòng sợ hãi thì nên biết rằng: "Điều chưa phạm thì không nên phạm, nếu đã phạm thì nên mau như pháp sám hối tội". Đây là hạng người thứ ba thấy tội sanh sợ hãi .

- Bốn là cũng như người chuyên bắt giặc, bắt được tên giặc thật, trói ngược hai tay lại rồi đánh trống dẫn đi tuần hành ra cửa thành phía Nam, cho ngồi dưới cây nêu rồi chặt đầu người này. Một người có trí thấy vậy liền nói rằng: "Người này đã phạm đại tội vì làm nghiệp ác, không tốt. Ta nên răn lấy mình và dạy bảo người khác chớ làm nghiệp ác như vậy nữa". Như thế nếu Tỳ-kheo ở trong Ba-la-di sanh lòng sợ hãi thì nên biết rằng: "Điều chưa phạm thì không nên phạm, nếu đã phạm thì nên mau như pháp sám hối tội". Đây là hạng người thứ tư thấy tội sanh sợ hãi .

Có bốn loại yết ma:

- Một là phi pháp biệt chúng yết ma: Loại này

không gọi là tác yết ma, chớ làm, nếu làm cũng không gọi là làm, nên ngăn, nên bỏ.

- Hai là phi pháp hòa hợp chúng yết ma: Loại này cũng không gọi là tác yết ma, chớ làm, nếu làm cũng không gọi là làm, nên ngăn, nên bỏ.

- Ba là như pháp biệt chúng yết ma: Loại này tuy như pháp nhưng biệt chúng làm nên cũng không gọi là làm, nên ngăn, nên bỏ.

- Bốn là như pháp hòa hợp chúng yết ma: Loại này mới gọi là tác yết ma, nên làm, không nên ngăn, không nên bỏ.

Có bốn hạng người là người thô, người dơ bẩn (trược), người ở giữa (trung gian) và người thượng thượng.

Trong Tăng cũng có bốn hạng người xử đoán việc:

- Một là người xử đoán việc không có hổ thẹn, không giỏi luận nghị, không khéo dùng câu văn. Đây là hạng người thô thứ nhất, hạng người này không có người thân cận, không nên cùng nói chuyện. Đối với người xử đoán việc như vậy nên chê trách, nên diệt tẫn, vì đây là hạng người không tốt, có thể làm cho người khác mê loạn ưu sầu, sanh tâm hối. Vì sao, vì người xử đoán này ở trong Tăng xử đoán việc thì sẽ khiến cho trong Tăng chưa khởi việc tranh cải liền sanh khởi; việc tranh cải đã khởi sẽ không thể dứt diệt được.

- Hai là người xử đoán việc không có hổ thẹn nhưng giỏi nghị luận và khéo dùng câu văn. Đây là hạng người dơ bẩn (trược) thứ hai, hạng người này có người thân cận, có thể cùng nói chuyện. Nhưng đối với người xử đoán việc như vậy nên chê trách, nên diệt tẫn, vì đây cũng là hạng người không tốt, có thể làm cho người khác mê loạn ưu sầu, sanh tâm hối. Vì sao, vì người xử đoán này ở trong Tăng xử đoán việc thì sẽ khiến cho trong Tăng chưa khởi việc tranh cải liền sanh khởi; việc tranh cải đã khởi sẽ không thể dứt diệt được.

- Ba là người xử đoán việc có hổ thẹn nhưng không giỏi nghị luận, không khéo dùng câu văn. Đây là hạng người ở giữa (trung gian), hạng người này không có người thân cận, khó thể cùng nói chuyện. Đối với người xử đoán việc như vậy nên dạy họ về nghị luận và văn chương.

- Bốn là người xử đoán việc có hổ thẹn, giỏi nghị luận và khéo dùng câu văn. Đây là hạng người thượng thượng thứ tư, hạng người này có người thân cận, nên cùng nói chuyện. Đối với người xử đoán việc như vậy nên khen ngợi ca tụng, vì sao, vì người này ở trong Tăng xử đoán việc thì sẽ khiến cho trong Tăng chưa khởi việc tranh cãi sẽ không khởi lên, nếu đã khởi lên thì sẽ được dứt diệt.

Có bốn loại nghĩa:

- Một là loại nghĩa phi pháp, phân biệt người

khác, không có tra cứu, khi tra cứu thì không thọ nhận. Loại nghĩa này có ba lỗi, trong đây phi pháp là có lỗi; phân biệt người khác là có lỗi; không có tra cứu, khi tra cứu thì không thọ nhận là có lỗi.

- Hai là loại nghĩa phi pháp, không phân biệt người khác, có tra cứu, khi tra cứu thì thọ nhận. Loại nghĩa này chỉ có một lỗi, trong đây phi pháp là có lỗi, không phân biệt… khi tra cứu thì thọ nhận là không lỗi.

- Ba là loại nghĩa như pháp, phân biệt người khác, không có tra cứu, khi tra cứu không thọ nhận. Loại nghĩa này có hai lỗi, trong đây như pháp là không lỗi; phân biệt người khác… khi tra cứu không thọ nhân có hai lỗi như trên.

- Bốn là loại nghĩa như pháp, không phân biệt người khác, có tra cứu, khi tra cứu thì thọ nhận. Loại nghĩa này đều không có lỗi, giải thích như trên.

Có bốn hạnh mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể diệt tránh, đó là ái, sân, sợ và si. Có bốn hạnh mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra có thể diệt tránh, đó là không ái, không sân, không sợ, không si.

Có bốn hạnh mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể diệt tránh:

- Một là không khéo quán nghĩa, không khéo thọ lấy nghĩa. Hai là không nên khen ngợi mà lại khen ngợi; nên khen ngợi mà lại không khen ngợi.

- Ba là không nên làm cho thanh tịnh mà lại làm cho thanh tịnh; nên làm cho thanh tịnh mà lại không làm cho thanh tịnh.

- Bốn là không nên cung kính mà lại cung kính; nên cung kính mà lại không cung kính.

Có bốn hạnh mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra có thể diệt tránh:

- Một là khéo quán nghĩa, khéo thọ lấy nghĩa.

- Hai là không nên khen ngợi thì không khen ngợi; nên khen ngợi thì khen ngợi.

- Ba là không nên làm cho thanh tịnh thì không làm cho thanh tịnh; nên làm cho thanh tịnh thì làm cho thanh tịnh.

- Bốn là không nên cung kính thì không cung kính; nên cung kính thì cung kính.

Có bốn hạnh mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể diệt tránh:

- Một là không khéo quán nghĩa, không khéo thọ lấy nghĩa.

- Hai là dựa vào thế lực mà nói.

- Ba là không xin phép người mà liền nêu ra tội của người.

- Bốn là trước đã có tâm hiềm trách, tâm hối hận, có thấy hiềm trách, có thấy hối hận.

Có bốn hạnh mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra có thể diệt tránh:

- Một là khéo quán nghĩa, khéo thọ lấy nghĩa.

- Hai sai là dựa vào thế lực mà nói.

- Ba là xin phép người cho rồi mới nêu ra tội của người.

- Bốn là trước không có tâm hiềm trách, tâm hối hận, không có thấy hiềm trách, không có thấy hối hận.

Có bốn hạnh Tỳ-kheo làm Thác lại tra có tội, đó là ái, sân, sợ và si. Có bốn hạnh Tỳ-kheo làm Thác lại tra không có tội, đó là không ái, không sân, không sợ và không si.

Có bốn hạnh Tỳ-kheo làm Thác lại tra có tội:

- Một là không khéo quán nghĩa.

- Hai là không khéo thọ lấy nghĩa.

- Ba là không nên khen ngợi mà lại khen ngợi; nên khen ngợi mà lại không khen ngợi.

- Bốn là không nên làm cho thanh tịnh mà lại làm cho thanh tịnh; nên làm cho thanh tịnh mà lại không làm cho thanh tịnh.

Có bốn hạnh Tỳ-kheo làm Thác lại tra không có tội:

- Một là khéo quán nghĩa.

- Hai là khéo thọ lấy nghĩa.

- Ba là không nên khen ngợi thì không khen ngợi; nên khen ngợi thì khen ngợi.

- Bốn là không nên làm cho thanh tịnh thì không làm cho thanh tịnh; nên làm cho thanh tịnh thì làm cho thanh tịnh.

Có bốn hạnh Tỳ-kheo làm Thác lại tra có tội:

- Một là không khéo quán nghĩa, không khéo thọ lấy nghĩa.

- Hai là dựa vào thế lực mà nói.

- Ba là không xin phép người mà liền nêu ra tội của người.

- Bốn là trước đã có tâm hiềm trách, tâm hối hận, có thấy hiềm trách, có thấy hối hận.

Có bốn hạnh Tỳ-kheo làm Thác lại tra không có tội:

- Một là khéo quán nghĩa, khéo thọ lấy nghĩa.

- Hai là không dựa vào thế lực mà nói.

- Ba là xin phép người cho rồi mới nêu ra tội của người.

- Bốn là trước không có tâm hiềm trách, không có tâm hối hận, không có thấy hiềm trách, không có thấy hối hận.

5. Năm Pháp

Phật Bà-già-bà tại nước Thích ca, Tỳ-kheo-ni Đại ái đạo đến chỗ Phật đảnh lễ rồi bạch Phật: "Thế tôn, xin nói sơ lược về pháp, phi pháp; Tỳ-ni, phi Tỳ-ni để tôi biết được là pháp, là Tỳ-ni, là Phật pháp", Phật bảo: "Cù-Đàm-di, nếu biết pháp này tùy thuận dục, không tùy thuận vô dục; tùy thuận lỗi, không tùy thuận không lỗi; tùy thuận tăng trưởng, không tùy thuận không tăng trưởng, một mực không chuyển; tùy thuận phiền não không lìa

thì bà nhất định phải biết đây là phi pháp, phi Tỳ-ni, phi Phật pháp. Cù-Đàm-di, nếu biết pháp này không tùy thuận dục mà tùy thuận vô dục; không tùy thuận lỗi mà tùy thuận không lỗi; không tùy thuận tăng trưởng mà tùy thuận không tăng trưởng; không tùy thuận phiền não thì bà nhất định phải biết đây là pháp, là Tỳ-ni, là Phật pháp. Lại nữa Cù-Đàm-di, nếu biết pháp này tùy thuận tham, không tùy thuận không tham; tùy thuận không nhàm lìa, không tùy thuận nhàm lìa; tùy thuận đa dục, không tùy thuận thiểu dục; tùy thuận không biết đủ, không tùy thuận biết đủ; tùy thuận khó nuôi dưỡng, không tùy thuận dễ nuôi dưỡng thì bà nhất định biết đây là phi pháp, phi Tỳ-ni, phi Phật pháp. Cù-Đàm-di, nếu biết pháp này không tùy thuận tham mà tùy thuận không tham; không tùy thuận không nhàm lìa mà tùy thuận nhàm lìa; không tùy thuận đa dục mà tùy thuận thiểu dục; không tùy thuận không biết đủ mà tùy thuận biết đủ; không tùy thuận khó nuôi dưỡng mà tùy thuận dễ nuôi dưỡng thì bà nhất định biết đây là pháp, là Tỳ-ni, là Phật pháp ".

Lúc đó trưởng lão Ưu-ba-ly đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi bạch Phật: "Thế tôn, có mấy pháp khiến chánh pháp diệt vong, mai một?", Phật bảo: Có năm pháp khiến chánh pháp diệt vong, mai một:

- Một là Tỳ-kheo không mong muốn.
- Hai là độn căn, dù có đọc tụng nghĩa câu cũng

không thể thọ trì, cũng không thể giải cho người hiểu.

- Ba là không thể khiến cho người thọ học có oai nghi cung kính.

- Bốn là dù có nói pháp cũng không thể dạy như pháp.

- Năm là cãi cọ với nhau, không ở nơi A-lan-nhã cũng không yêu thích nơi này.

Này Ưu-ba-ly, lại có năm pháp khiến chánh pháp không bị diệt vong, mai một:

- Một là Tỳ-kheo có mong muốn.

- Hai là lợi căn, có thể đọc tụng nghĩa câu, có thể thọ trì, có thể giải cho người hiểu.

- Ba là có thể khiến cho người thọ học có oai nghi cung kính.

- Bốn là nói pháp và có thể dạy như pháp.

- Năm là không cãi cọ với nhau, ở nơi A-lan-nhã và yêu thích nơi này".

Lại có năm pháp khiến chánh pháp diệt vong, mai một:

- Một là Tỳ-kheo không dạy theo pháp mà dạy theo phi pháp.

- Hai là không theo pháp nhẫn mà theo pháp không nhẫn.

- Ba là không kính Thượng tòa, không có oai nghi.

- Bốn là Thượng tòa không dùng pháp để dạy

bảo.

- Năm là khi Thượng tòa nói pháp lại sầu não khiến cho người học sau không được thọ học kinh, luật, luận. Sau khi Thượng tòa qua đời, Tỳ-kheo buông lung tập nhiễm phi pháp, mất pháp lành.

Lại có năm pháp khiến chánh pháp không bị diệt vong, mai một:

- Một là Tỳ-kheo dạy theo pháp, không dạy theo phi pháp.

- Hai là theo pháp nhẫn, không theo pháp không nhẫn.

- Ba là tôn kính Thượng tòa và có oai nghi.

- Bốn là Thượng tòa dùng pháp để dạy bảo.

- Năm là khi Thượng tòa nói pháp không có sầu não khiến cho người học sau được thọ học kinh, luật, luận. Sau khi Thượng tòa qua đời, Tỳ-kheo không buông lung, tu tập pháp lành.

Lúc đó trưởng lão Nan-đề đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi bạch Phật: "Thế tôn, khi chánh pháp diệt vào thời Tượng pháp có mấy phi pháp hiện hữu ở đời?", Phật bảo: Có năm phi pháp hiện hữu ở đời:

- Một là có Tỳ-kheo được chút pháp Chỉ nơi tâm liền cho là đã được Thánh pháp.

- Hai là có bạch y sanh lên cõi trời còn người xuất gia lại đọa vào ác đạo.

- Ba là có người bỏ gia nghiệp thế gian xuất gia lại phá giới.

- Bốn là có kẻ phá giới lại được nhiều người trợ giúp, còn người trì giới lại không có người trợ giúp.

- Năm là chúng xuất gia không ai là không bị mắng, cho đến A-la-hán cũng bị mắng.

Đây là năm phi pháp hiện hữu ở đời vào thời Tượng pháp, khi chánh pháp diệt.

Sau đó có Tỳ-kheo hỏi lại việc này, Phật bảo Ưu-ba-ly: "Vị lai sẽ có năm hạng người đáng sợ hãi mà hiện tại chưa có, nên biết rõ để tìm cách trừ diệt:

- Một là sẽ có Tỳ-kheo không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu trí lại độ cho người khác xuất gia thọ giới; nên không thể dạy họ tu thân, tu giới, tu tâm, tu trí. Bản thân chưa điều phục lại độ người khác cho xuất gia thọ giới, nên không thể dạy cho họ tu thân, tu giới, tu tâm, tu trí. Người này ở trong Phật pháp có lỗi, ở trong Tỳ-ni có lỗi.

- Hai và Ba là sẽ có Tỳ-kheo không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu trí lại cho người khác y chỉ và nuôi Sa-di; nên không thể dạy họ tu thân, tu giới, tu tâm, tu trí. Bản thân chưa điều phục lại cho người khác y chỉ và nuôi Sa-di, nên không thể dạy cho họ tu thân, tu giới, tu tâm, tu trí. Người này ở trong Phật pháp có lỗi, ở trong Tỳ-ni có lỗi.

- Bốn là sẽ có Tỳ-kheo không tu thân, không tu

giới, không tu tâm, không tu trí lại cho Sa-di và tịnh nhơn ở gần. Không biết ba tướng: Đào đất, chặt cây và dùng nước tưới; người này ở trong Phật pháp là có lỗi, ở trong Tỳ-ni là có lỗi.

- Năm là sẽ có Tỳ-kheo không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu trí lại cùng đọc tụng kinh, luật, luận; đem phần trước, phần sau để vào giữa, đem phần giữa để ở trước hoặc ở sau; hiện tiền không thấy được bạch pháp, không biết phạm hay không phạm. Người này ở trong Phật pháp có lỗi, ở trong Tỳ-ni có lỗi".

Lại nữa, vị lai sẽ có năm hạng người đáng sợ hãi mà hiện tại chưa có, nên biết rõ để tìm cách trừ diệt:

- Một là sẽ có Tỳ-kheo không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu trí lại không mong muốn, độn căn, dù có đọc tụng nghĩa câu cũng không thể chánh thọ (trọ trì đúng).

- Hai là sẽ có Tỳ-kheo không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu trí lại gần gũi Tỳ-kheo-ni, phạm vào tội trọng, xả giới hoàn tục.

- Ba là sẽ có Tỳ-kheo không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu trí lại không tín thọ những lời Phật dạy trong kinh như ba môn giải thoát là không vô tướng, vô nguyện; cho đến các pháp thâm yếu như mười hai nhân duyên…; dù có tín thọ cũng không thông suốt. Cho nên khi nói về

Phật pháp thì họ không có tâm yêu thích, mà lại thích pháp thế tục, thích làm văn thơ trau chuốt, tin theo điều mà thế gian ưa thích. Vì vậy những lời Phật dạy trong kinh như ba môn giải thoát là không vô tướng, vô nguyện; cho đến các pháp thâm yếu như mười hai nhân duyên… sẽ bị diệt.

- Bốn và năm là sẽ có Tỳ-kheo không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu trí lại vì y thực mà bỏ nơi A-lan-nhã, đi tìm cầu khắp nơi, do tìm cầu nên bị nhiễu loạn.

Lúc đó Tỳ-kheo Ca-la ưa đến những nơi không nên đến, cùng nói chuyện với đồng nữ lớn tuổi, quả phụ, người nữ có chồng, dâm nữ và Tỳ-kheo-ni. Phật bảo: "Tỳ-kheo có năm chỗ không nên đến, đó là chỗ đồng nữ lớn tuổi, chỗ quả phụ, chỗ người nữ có chồng, chỗ dâm nữ và chỗ Tỳ-kheo-ni. Nếu Tỳ-kheo nên năm chỗ này sẽ khiến mọi người nghi là làm việc phi phạm hạnh. Lại có năm chỗ không nên đến, đó là nhà của giặc, nhà của Chiên-đà-la, nhà đồ tể, nhà dâm nữ và nhà bán rượu. Nếu Tỳ-kheo đến năm chỗ này sẽ khiến mọi người nghi là làm việc ác".

Tỳ-kheo có năm pháp nên biết là Tỳ-kheo xấu ác, như đứa trẻ không thể nói lời hay, không có hạnh nam tử; đó là dục, sân, sợ, si và không tiêu hóa sự cúng dường. Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni xấu ác cũng có năm pháp như thế.

Tỳ-kheo có năm pháp nên biết là Tỳ-kheo có tội, có lỗi; đó là dục, sân, sợ, si và không tiêu hóa sự cúng dường. Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni cũng có năm pháp như trên nên biết là có tội, có lỗi.

Có năm loại phi Tỳ-ni, đó là phạm Ba-la-di, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, phạm Ba-dật-đề, phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni, phạm Đột-kiết-la. Ngược với trên thì gọi là năm loại Tỳ-ni.

Có năm loại trần không thọ mà được ăn, đó là thực trần (thức ăn), cốc trần (ngũ cốc), thủy trần (nước), y trần (y phục) và nhất thiết trần (các loại vật thực khác).

Có năm cách thọ nhận, đó là thọ nhận từ tay đưa trao, thọ nhận từ trên y, thọ nhận từ rương tráp, thọ nhận từ vật đựng, thọ nhận từ trên đất.

Có năm cách tự ngôn (tự thú) phi pháp:

- Một là, do vua khủng bố mà tự nói (tự thú).
- Hai là, do giặc khủng bố mà tự nói.
- Ba là, do người xử đoán khủng bố mà tự nói .
- Bốn là, do ác thú khủng bố mà tự nói.
- Năm là, tự dối mình mà nói.

Có năm cách thấy lỗi hối lỗi phi pháp:

- Một là, đối trước người hành Biệt trụ mà hối lỗi.
- Hai là, đối trước người phạm Bất cọng trụ mà hối lỗi.

- Ba là, đối trước người chưa thọ đại giới mà hối lỗi.

- Bốn là, phạm tội Vô tàn mà hối lỗi.

- Năm là, thấy tội Vô tàn này mà hối lỗi.

Ngược với năm cách trên là năm cách thấy lỗi hối lỗi như pháp. Có năm hạng A-xà-lê, đó là A-xà-lê xuất gia, A-xà-lê giáo thọ,

A-xà-lê yết ma, A-xà-lê y chỉ và A-xà-lê thọ pháp.

Có năm hạng đệ tử, đó là đệ tử xuất gia, đệ tử giáo thọ, đệ tử yết ma, đệ tử y chỉ, đệ tử thọ pháp.

Năm hạng đệ tử này nên khéo cung kính năm hạng A-xà-lê trên, nếu không cung kính thì phạm lỗi.

Có năm cách bố tát, đó là nói Giới kinh bố tát, tâm niệm bố tát, một mình tại trú xứ bố tát, thanh tịnh bố tát và tự tứ bố tát.

Lúc đó có Tỳ-kheo không xin phép người cho mà liền cử tội người khiến nhớ nghĩ, Tỳ-kheo bị cử hiềm trách, đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay không xin phép người trước thì không được cử tội người khiến nhớ nghĩ. Nếu cử tội khiến nhớ nghĩ thì phạm Đột-kiết-la".

Lúc đó người có tội ở trong Tăng không có cung kính, không nói lời cung kính, Phật bảo: "Các Tỳ-kheo nên bảo người này trụ trong năm pháp là từ chỗ đứng dậy, trịch bày vai hữu, cởi giày dép,

quỳ gối, chắp tay trước Tăng". Nếu người cử tội không cung kính cũng nên trụ trong năm pháp kể trên.

Lúc đó các Tỳ-kheo không biết xin phép người cho cử tội như thế nào, bạch Phật, Phật bảo: "Có năm cách, nên nói với người kia rằng: Nay tôi nói tội của thầy, hoặc tôi chỉ tội của thầy, hoặc tôi cử tội thầy, hoặc tôi khiến cho thầy nhớ nghĩ, xin thầy cho phép tôi". Các Tỳ-kheo lại không biết cho phép cử tội như thế nào, Phật bảo: "Có năm cách, nên trả lời rằng: Thầy hãy nói tội tôi, hoặc thầy hãy chỉ tội tôi, hoặc thầy hãy cử tội tôi, hoặc hãy khiến cho tôi nhớ nghĩ, tôi cho phép thầy". Các Tỳ-kheo lại không biết hiện tiền cho phép cử tội như thế nào, Phật bảo: "Có năm cách, nên hỏi lại rằng: Tại sao thầy cử tội tôi, dựa trên thấy hay nghe hay nghi, hoặc là thân phạm hay khẩu phạm?. Lại có năm cách: Thầy cử tội tôi về tội Ba-la-di hay Tăng-già-bà-thi-sa hay Ba-dật-đề hay Ba-la-đề-đề-xá-ni hay Đột-kiết-la?. Lại có năm cách: Thầy cử tội tôi về tội ác khẩu Đột-kiết-la hay Thâu-lan-giá Đột-kiết-la hay Tỳ-ni Đột-kiết-la hay thuộc về Chúng học pháp hay thuộc về oai nghi?. Lại có năm cách: Thầy cử tội tôi về việc gì, thuộc Hữu tàn hay Vô tàn, hay Hữu tàn Vô tàn, phạm trong tụ lạc hay phạm nơi A-lan-nhã".

Lúc đó người bị cử tội hiện tiền sanh sợ hãi, Tăng nên hiện tiền an ủi có năm cách: Hoặc nói

chớ sợ, hoặc nói chớ kinh hãi, hoặc nói chớ che giấu, hoặc nói chớ tránh né, hoặc nói chớ theo phe đảng mà không phạm nói là phạm, hoặc nói chớ theo phe đảng mà phạm nói là không phạm. Lại có năm cách an ủi: Hoặc nói tôi không nói hung dữ, hoặc nói nếu tôi không nghe thọ việc không đầy đủ thì cũng không trực tiếp cử tội, hoặc nói tôi không nghe thọ lời bất định, hoặc nói tôi sẽ hỏi thầy ba lần. Khi an ủi như vậy mà người bị cử tội trả lời khác thì như Phật dạy nên dùng năm cách gạn hỏi:

- Một là nếu trả lời khác hay im lặng đều nên ghi nhớ.

- Hai là nói tôi có phạm tội gì để xúc não người khác

- Ba là nếu không thấy tội thì nên cho yết ma Bất kiến tẫn.

- Bốn là nếu thấy tội mà không chịu sám tội thì nên cho yết ma Bất tác tẫn .

- Năm là nếu không xả ác tà kiến thì nên cho yết ma Bất xả ác tà kiến tẫn.

Lại có năm pháp nên cứu xét:

- Một là đáng cho khổ thiết thì nên cho yết ma Khổ thiết .

- Hai là đáng cho y chỉ thì nên cho yết ma Y chỉ .

- Ba là đáng đuổi ra thì nên cho yết ma Khu xuất .

- Bốn là đáng cho hạ ý thì nên cho yết ma Hạ ý .

- Năm là đáng cho tìm tướng tội thì nên cho yết ma Mích tội tướng. Phật bảo Ưu-ba-ly: "Trên là cách xin phép cử tội và an ủi người có hổ thẹn; nếu là người không hổ thẹn cũng nên biết cách xin phép cử tội và nên biết cách cho phép người cử tội mình. Lại nữa, không nên trợ giúp cho người phi pháp mà nên trợ giúp cho người như pháp ".

Tỳ-kheo cử tội người khác phi pháp có năm:

- Một là dựa vào việc không thật, không dựa vào sự thật.

- Hai là phi thời cử tội, không phải đúng thời.

- Ba là dùng lời thô ác, không dùng lời mềm mỏng.

- Bốn là có tâm sân hận, không phải tâm từ.

- Năm là vì không lợi ích, không vì làm lợi ích.

Nếu phi pháp cử tội với năm việc trên thì sẽ sanh tâm hối, nên đoạn trừ; ngược lại nếu như pháp cử tội thì không sanh tâm hối, cũng có năm:

- Một là dựa vào sự thật, không dựa vào việc không thật.

- Hai là đúng thời cử tội, không phải phi thời.

- Ba là dùng lời thiện, không dùng lời bất thiện.

- Bốn là với tâm từ, không phải tâm sân hận.

- Năm là vì làm lợi ích, không phải không lợi ích.

Có năm cách quở trách, đó là trách, không trách, hỏi, răn nhắc (ước sắc) và dạy bảo (giáo). Trách là như nói chớ dâm, chớ trộm, chớ sát sanh…; không trách là như nói không dâm, không trộm, không sát sanh…; hỏi là như hỏi có làm việc dâm không, có trộm cắp không…; răn nhắc là như nói nếu dâm dục (trộm cắp, sát sanh…) sẽ bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh; dạy bảo là như nói không nên dâm dục, không nên trộm cắp…

Lại có năm cách quở trách, đó là trách, không trách, hỏi, hiển lỗi của người khác và kích lệ người khác. Ba cách quở trách đầu giống như trên, hiển lỗi của người khác là như người phạm tội nói tôi không làm việc dâm (trộm cắp, sát sanh…) mà là người khác, tùy nói bao nhiêu thì phạm Đột-kiết-la bấy nhiêu. Khích lệ người khác là như nói tôi không có làm việc dâm, không có trộm cắp, không có sát sanh…

Có năm cách điều phục, đó là cho khổ thiết, cho y chỉ, cho khu xuất, cho hạ ý và cho bất kiến tẫn.

Có năm việc cử tội, đó là kiến cử (dựa trên thấy), văn cử (dựa trên nghe), nghi cử (dựa trên nghi), dựa trên thân phạm cử, dựa trên khẩu phạm cử tội.

Lại có năm việc cử tội: Thuộc tội Ba-la-di, thuộc tội Tăng-già-bà-thi-sa, thuộc tội Ba-dật-đề, thuộc tội Ba-la-đề-đề-xá-ni và thuộc tội Đột-kiết-

la.

Lại có năm việc cử tội: Thuộc tội ác khẩu Đột-kiết-la, thuộc tội Thâu-lan-giá Đột-kiết-la, thuộc tội Tỳ-ni Đột-kiết-la, thuộc tội Chúng học pháp Đột-kiết-la và thuộc tội oai nghi Đột-kiết-la.

Người trì luật có năm lợi ích:

- Một là giới thân kiên cố.
- Hai là người khác không thể dạy bảo mình.
- Ba là lúc nói Giới kinh không có nạn sợ gì.
- Bốn là có thể trừ nghi cho người khác.
- Năm là có thể kiến lập chánh pháp.

Người trì luật lại có năm lợi ích, đó là biết phạm, biết không phạm, biết tội khinh, biết tội trọng và giỏi tụng giới.

Người trì luật lại có năm lợi ích, đó là biết pháp xuất gia, biết yết ma, biết oai nghi, biết y chỉ, biết pháp chướng đạo và pháp không chướng đạo.

Có năm việc mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể diệt tránh, đó là phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp, phi Tỳ-ni nói là Tỳ-ni, Tỳ-ni nói là phi Tỳ-ni và phạm nói là không phạm. Ngược với năm việc trên thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra có thể diệt tránh. Lại có năm việc mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể diệt tránh, đó là không phạm nói là phạm, phạm nói là không phạm, phạm khinh nói là trọng, phạm trọng nói là khinh và phạm Hữu tàn nói là Vô tàn. Ngược với năm việc

trên thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra có thể diệt tránh.

Lại có năm việc mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể diệt tránh, đó là phạm Hữu tàn nói là Vô tàn, phạm Vô tàn nói la Hữu tàn, Thượng sở hành nói là không phải Thường sở hành, không phải Thường sở hành nói là thường sở hành và năm là đấu tranh nói xấu lẫn nhau. Ngược với năm việc trên thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra có thể diệt tránh.

Lại có năm việc mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể diệt tránh, đó là không thông suốt Tỳ-ni, không phân biệt được nghĩa câu tương tợ, không khéo nói giới, không thể làm cho người có nghi gần gũi và năm là không thể kiến lập chánh pháp. Ngược với năm việc trên thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra có thể diệt tránh.

Lại có năm việc mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể diệt tránh, đó là phá giới, phá kiến, không thể như pháp cầu diệt việc tranh cãi, không thể thông đạt kinh và luận tương ưng, và năm là không phân biệt được nghĩa câu tương ưng. Ngược với năm việc trên thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra có thể diệt tránh.

Lại có năm việc mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể diệt tránh:

- Một là không thể hòa hợp chúng.
- Hai là không thể thọ lấy ý của hai chúng.
- Ba là không thể ngăn dứt việc tranh cãi của

hai bên.

- Bốn là không thể quyết đoán tội.

- Năm là pháp đã thọ không thể nói theo thứ lớp.

Ngược với năm việc trên thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra có thể diệt tránh.

Lại có năm việc mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể diệt tránh:

- Một là không khéo thọ lấy việc tranh cãi.

- Hai là không biết rõ được nhân duyên phát sanh tranh cãi.

- Ba là không khéo hòa giải việc tranh cãi.

- Bốn là không khéo diệt trừ việc tranh cãi.

- Năm là việc tranh cãi đã dứt diệt lại không thể khiến chúng không phát khởi trở lại.

Ngược với năm việc trên thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra có thể diệt tránh.

Lại có năm việc mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể diệt tránh, đó là ái, sân, sợ, si và năm là không khéo diệt tránh. Ngược với năm việc trên thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra có thể diệt tránh.

Lại có năm việc mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể diệt tránh:

- Một là không phân biệt được nghĩa câu tương tợ.

- Hai là không nên khen ngợi mà lại khen ngợi

.

- Ba là nên khen ngợi mà lại không khen ngợi.

- Bốn là không nên làm cho thanh tịnh mà lại làm cho thanh tịnh; nên làm cho thanh tịnh mà lại không làm cho thanh tịnh.

- Năm là không nên cung kính mà lại cung kính; nên cung kính mà lại không cung kính.

Ngược với năm việc trên thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra có thể diệt tránh.

Lại có năm việc mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể diệt tránh:

- Một là không khéo phân biệt nghĩa câu.

- Hai là ở trong Tăng dựa vào thế lực mà nói.

- Ba là không xin phép người mà liền cử tội người.

- Bốn là đối với người khác có chê trách, dù sám hối rồi vẫn chê trách.

- Năm là do có chê trách mà nói tội của người nên không thể ngăn dứt việc tranh cãi.

Ngược với năm việc trên thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra có thể diệt tránh.

Người trông coi việc phân chia thức ăn (tri thực) có năm việc, nếu trước chưa sai thì không nên sai, nếu đã sai rồi thì nên để đó. Năm việc đó là ái, sân, sợ, si và không biết là được hay không được. Ngược với năm việc trên thì người Tri thực này, nếu Tăng chưa sai thì nên sai, nếu đã sai rồi thì không nên để đó.

Người trông coi việc phân chia thức ăn (tri thực) lại có năm việc, nếu trước chưa sai thì không nên sai, nếu đã sai rồi thì không nên răn nhắc. Năm việc đó là ái, sân, sợ, si và không biết là được hay không được. Ngược với năm việc trên thì người Tri thực này, nếu Tăng chưa sai thì nên sai, nếu đã sai rồi thì nên răn nhắc.

Người trông coi việc phân chia thức ăn (tri thực) lại có năm việc, nếu trước chưa sai thì không nên sai, nếu đã sai rồi thì nên bỏ. Năm việc đó là ái, sân, sợ, si và không biết là được hay không được. Ngược với năm việc trên thì người Tri thực này, nếu Tăng chưa sai thì nên sai, nếu đã sai rồi thì không nên bỏ.

Như thế nên bỏ hay không nên bỏ, nên quở trách hay không nên quở trách, nên cử tội hay không nên cử tội, nên hủy hay không nên hủy, sanh nghi hối hay không sanh nghi hối, có phạm hay không phạm, có việc hay không có việc, có phiền não hay không phiền não, xúc não người hay không xúc não người, đổi khác hay không đổi khác, nóng hay không nóng, ái ngữ hay không ái ngữ, có tổn hay không tổn, thẹn với Hiền thánh hay được Hiền thánh khen, hướng đến ác đạo hay không hướng đến ác đạo, xuống địa ngục hay lên cõi trời, sanh tử lâu xa hay không lâu xa, trụ sanh tử hay vào Niết-bàn đều giống như Tăng sai người tri thực, Tăng sai mười ba hạng người cũng như

vậy.

Có năm việc khó diệt tránh:

- Một là không cầu Tăng xử đoán.
- Hai là không thuận theo lời Phật dạy.
- Ba là không bạch như pháp .
- Bốn là tâm tranh cãi của hai bên không dứt.
- Năm là đã phạm lại không cầu thanh tịnh.

Ngược với năm việc trên thì việc tranh cãi dễ dứt diệt. Có năm việc không nên thọ lấy việc tranh cãi:

- Một là tâm tranh cãi không dứt.
- Hai là dựa vào thế lực của quan.
- Ba là dựa vào thế lực của bạch y.
- Bốn là không nương theo Tăng.
- Năm là không nương theo Tỳ-kheo làm Thác lại tra .

Ngược với năm việc trên thì nên thọ lấy việc tranh cãi để xử đoán.

Tỳ-kheo làm Thác lại tra thọ lấy việc tranh cãi để xử đoán có năm việc nên tự quán sát mình và người rồi mới thọ lấy việc tranh cãi này để xử đoán:

- Một là giới thanh tịnh.
- Hai là nghe nhiều biết rộng kinh pháp.
- Ba là quán sát trong Tăng có nhiều người trì kinh, luật, luận; hoặc trong Tăng có nhiều Thượng

tòa, Tỳ-kheo làm Thác lại tra, trung hạ tòa, hai chúng như pháp hòa hợp; hoặc trong Tăng có nhiều người trì giới cho đến không phá giới nhỏ.

- Bốn là nương vào kinh để tìm cách dứt trừ việc tranh cãi.

- Năm là vì làm lợi ích cho chúng sanh được an lạc, thương xót thế gian làm nhân duyên sanh cõi trời người.

Có năm việc mà Tỳ-kheo cùng tranh cãi khó dứt tranh cãi:

- Một là dựa vào quan.

- Hai là dựa vào bạch y.

- Ba là cố ý xúc não Thượng tòa .

- Bốn là cho bạch y y thực chứ không cho pháp.

- Năm là không cầu như pháp dứt tranh cãi. Ngược với năm việc trên thì dễ dứt tranh cãi. Lại có năm pháp khó dứt tranh cãi:

- Một là hai bên đều dùng sức mạnh thọ lấy việc tranh cãi.

- Hai là không khéo thọ lấy việc tranh cãi.

- Ba là không khéo thọ lấy việc dứt tranh cãi.

- Bốn là không khéo thọ lấy nghĩa của việc tranh cãi.

- Năm là Tỳ-kheo tranh cãi không kính Tỳ-kheo làm Thác lại tra và Tỳ-kheo thượng, trung hạ tòa.

Ngược với năm pháp trên thì dễ dứt tranh cãi.

Lại có năm pháp không nên thọ lấy việc tranh cãi:

- Một là dựa vào quan.
- Hai là dựa vào bạch y.
- Ba là cố ý xúc não Thượng tòa .
- Bốn là cho bạch y y thực chứ không cho pháp.
- Năm là không cầu như pháp dứt tranh cãi.

Ngược với năm pháp trên thì nên thọ lấy việc tranh cãi.

Lại có năm pháp không nên thọ lấy việc tranh cãi:

Một là hai bên đều dùng sức mạnh thọ lấy việc tranh cãi. Hai là không khéo thọ lấy việc tranh cãi.

Ba là không khéo thọ lấy việc dứt tranh cãi.

Bốn là không khéo thọ lấy nghĩa của việc tranh cãi.

Năm là Tỳ-kheo tranh cãi không kính Tỳ-kheo làm Thác lại tra và Tỳ-kheo thượng, trung hạ tòa.

- Lại có năm pháp mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể diệt tránh:

Một là không giỏi tụng luật.

Hai là không nói được nghĩa câu tương tợ.

Ba là Tỳ-kheo tranh cãi chấp chặt việc đã phạm, giống như vòng móc xích.

Bốn là chưa đủ năm tuổi hạ cần y chỉ người khác. Năm là không hiểu rõ mười trực.

Ngược với năm pháp trên thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra có thể diệt tránh.

Tỳ-kheo làm Thác lại tra khi thọ lấy việc tranh cãi để xử đoán, nên quán năm việc:

Một là trong đây ai thanh tịnh trì giới đến trước. Hai là ai có trí huệ nghe nhiều, giỏi tụng A-hàm. Ba là ai đối với thầy như pháp.

Bốn là ai tin Phật Pháp Tăng.

Năm là ai không khinh giới Phật đã chế.

Lại nữa khi Tỳ-kheo tranh cãi đến chỗ Tỳ-kheo làm Thác lại tra cầu xử đoán việc tranh cãi, Tỳ-kheo làm Thác lại tra nên quán năm việc rồi mới thọ lấy việc tranh cãi này để xử đoán. Năm việc đó là: Một và hai giống như trên.

Ba là ai có việc nên quở trách.

Bốn là người tranh cãi đối với Tỳ-kheo làm Thác lại tra trước đó có chê trách gì không.

Năm là có thể thọ lấy việc tranh cãi này rồi như pháp như Tỳ-ni diệt tránh không.

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 50

PHÁP TĂNG NHẤT

5. Năm Pháp (Tiếp Theo)

Có năm pháp mà phe đảng có thể phát khởi việc tranh cãi trong Tăng, khi phát khởi việc tranh cãi sẽ gây nhiều não loạn, làm giảm tổn trời người:

- Một là Tỳ-kheo tranh cãi dùng phi pháp răn dạy.
- Hai là có học thuyết của phe đảng.
- Ba là khinh thường Tỳ-kheo đọc tụng kinh.
- Bốn là ngăn người thuyết giới.
- Năm là trợ giúp tranh cãi, nói xấu lẫn nhau.

Ngược với năm pháp trên thì phe đảng không thể phát khởi việc tranh cãi trong Tăng, do không thể phát khởi việc tranh cãi nên không gây não loạn và làm lợi ích cho trời người.

Có năm pháp của người cử tội có hổ thẹn, không thể trả lời theo thứ lớp:

- Một là có hổ thẹn, không thể trả lời theo thứ lớp.
- Hai là khi Thượng tòa hỏi, không thể trả lời

theo thứ lớp.

- Ba là khi bị hỏi sanh sợ nên nghe hỏi việc này lại đáp việc khác.

- Bốn là dựa vào phe đảng mà khinh thường Thượng tòa .

- Năm là phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp.

Lại có năm pháp của người cử tội dù bị nạn vấn vẫn có thể trả lời theo thứ lớp:

- Một là bị nạn vấn, có thể trả lời theo thứ lớp.

- Hai là khi Thượng tòa hỏi có thể trả lời theo thứ lớp.

- Ba là lúc bị hỏi không sợ, hỏi và đáp không khác nhau.

- Bốn là không dựa vào phe đảng mà khinh Thượng tòa .

- Năm là phi pháp nói là phi pháp, pháp nói là pháp.

Lại có năm pháp của người cử tội, không thể đáp thứ lớp:

- Một là không biết rõ nghĩa câu.

- Hai là trước đã có chê trách người thọ nhận xử đoán nguồn gốc tranh cãi của hai bên, hoặc nguồn gốc tranh cãi của Sa-di và bạch y.

- Ba là nhờ người khác cử tội mà không biết nghĩa câu.

- Bốn là nói không nhất định.

- Năm là không biết chỗ trụ của ba việc thấy nghe nghi .

Ngược với năm điều trên thì người cử tội dù bị nạn vấn, vẫn có thể trả lời theo thứ lớp.

Có năm pháp thành tựu yết ma, đó là hiện tiền thành, gởi dục thành, đồng kiến thành, từ Ưu-bà-tắc tín tâm nghe thành và năm là tác yết ma xong, im lặng thành.

Có năm pháp cọng yếu:

- Một là xin phép cho cử tội rồi mà không cử.

- Hai là việc này nên từ chỗ này mà nói cọng yêu.

- Ba là việc này nên từ chỗ kia mà nói cọng yêu.

- Bốn là việc này nên tùy theo chỗ mà nói cọng yếu.

- Năm là tùy việc đã phạm mà vui vẻ chỉ tội cho người, nói tội rồi như ngựa dữ khó điều phục, nhổ cọc mang theo dây cương chạy đi.

Có năm pháp mà Tỳ-kheo muốn cầu nghĩa, khi nghe nghĩa từ người khác nên khéo phân biệt nghĩa:

- Một là thật hay không phải là thật.

- Hai là đúng thời hay không đúng thời.

- Ba là tợ nghĩa hay không tợ nghĩa.

- Bốn là ở trong nghĩa này có phát khởi đấu tranh, nói xấu nhau khiến Tăng bị phá, Tăng bị xúc não, Tăng chia rẽ, Tăng biến khác không.

- Năm là ở trong nghĩa này không có phát khởi đấu tranh, nói xấu nhau, Tăng không bị phá, Tăng không bị xúc não, Tăng không chia rẽ, Tăng không biến khác.

Tỳ-kheo có năm pháp khiến Tăng không thanh tịnh, đó là nói lỗi của Phật, Pháp, Tăng và giới; năm là không theo oai nghi.

Ngược với năm pháp trên thì Tỳ-kheo khiến Tăng thanh tịnh. Có năm pháp mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể diệt tránh:

- Một là không nói đúng như nguồn gốc của sự việc.
- Hai là nói theo hứng thú.
- Ba là nói theo người khác.
- Bốn là lời nói ra không tương ưng nghĩa câu.
- Năm là dùng nghĩa câu không tương ưng mà nói.

Ngược với năm pháp trên thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra có thể diệt tránh.

Lại có năm pháp mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể diệt tránh:

- Một là không cân nhắc mà nghe thọ lời người nói.
- Hai là nghe thọ lời người khác nói không đầy đủ.
- Ba là nghe thọ lời người khác nói theo hứng

thú.

- Bốn là nghe thọ lời người khác nói bất định.
- Năm là không hỏi lại ba lần.

Ngược với năm pháp trên thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra có thể diệt tránh.

Lại có năm pháp mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể diệt tránh:

- Một là lời mình nói mà không hiểu nghĩa.
- Hai là lời người khác nói cũng không hiểu nghĩa.
- Ba là không thể khiến người khác hiểu điều mình đã nói.
- Bốn là nói lặp lại làm nhiễu loạn và quên mất nghĩa câu.
- Năm là không biết nghĩa câu của kinh.

Ngược với năm pháp trên thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra có thể diệt tránh.

Lại có năm pháp mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể diệt tránh:

- Một là không được sai mà tự nói.
- Hai là việc chưa thành mà nói trước.
- Ba là không biết được điều mà chúng hò hợp đã nói.
- Bốn là xúc não người khác.
- Năm là nói lặp lại làm nhiễu loạn người nghe.

Ngược với năm pháp trên thì Tỳ-kheo làm Thác

lại tra có thể diệt tránh.

Có năm pháp thành tựu mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra trì luật không được sai mà được tự nói:

- Một là bậc Thượng tòa hay đồng bậc Thượng tòa.
- Hai là người thuyết giới hay đồng bậc người thuyết giới.
- Ba là quán thấy phe đảng có thế lực.
- Bốn là bạch Tăng.
- Năm là muốn quở trách Thượng tòa.

Lại có năm pháp mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra trì luật không được sai mà được tự nói:

- Một là Tỳ-kheo tranh cãi phá giới, khinh giới.
- Hai là Tỳ-kheo tranh cãi không có oai nghi như trẻ con vô trí.
- Ba là Tỳ-kheo tranh cãi không biết rộng về luật.
- Bốn là Tỳ-kheo tranh cãi thích làm việc phi pháp, không có hổ thẹn.
- Năm là Tỳ-kheo tranh cãi kết phe đảng không có hổ thẹn. Tỳ-kheo Thượng tòa có năm pháp nên quở trách:
- Một là phá giới, khinh giới.
- Hai là không có oai nghi như trẻ con vô trí.
- Ba là không biết rộng về luật.
- Bốn là thích làm việc phi pháp.

- Năm là kết phe đảng phi pháp.

Tỳ-kheo Thượng tòa lại có năm pháp nên quở trách:

- Một là sanh ác tà kiến.

- Hai là do sanh ác kiến nên sanh tà kiến điên đảo.

- Ba là thích nói phi pháp, phi thời và không thật.

- Bốn là ở trong chánh pháp tùy hứng mà nói.

- Năm là không có hổ thẹn, kết phe đảng không có hổ thẹn.

Tỳ-kheo xử đoán việc trong Tăng, khi đến trong Tăng xử đoán, trước phải trụ năm pháp mới đến trong Tăng:

- Một là cung kính, cởi giày dép đi vào.

- Hai là trịch bày vai hữu, không che đầu, cung kính, cởi giày dép đi vào.

- Ba là trịch bày vai hữu, không hở ngực, cung kính, cởi giày dép đi vào.

- Bốn là trịch bày vai hữu, không lật ngược y sang hai bên, cung kính, cởi giày dép đi vào.

- Năm là trịch bày vai hữu, không được quấn y phủ hai bên, cung kính đi vào, biết hổ thẹn, khen chê không biến sắc, khởi tâm từ, tâm thiện, không nói chuyện thế gian. Khi tới tòa ngồi nên sanh tâm thiện, tâm cung kính.

Có năm loại đại tặc, đó là giặc cướp lấy, giặc

trộm lấy, giặc gạt lấy, giặc vu khống lấy và giặc nhận của người gởi rồi lấy luôn.

Có năm cách lấy vật của người, đó là cướp lấy, trộm lấy, gạt lấy, vu khống lấy, dựa vào pháp mà lấy.

Có năm hạng người không nên cho phép cử tội:

- Một là người không biết hổ thẹn.
- Hai là người không biết sợ.
- Ba là người trước đã có chê trách.
- Bốn là người ít trí.
- Năm là người muốn bỏ pháp Tỳ-kheo .

Có năm loại thí không có phước, đó là cho người nữ, cho đồ chơi (hí cụ), cho hình tượng nam nữ giao hội và năm là cho lời phi pháp.

Lại có năm loại thí không có phước, đó là cho binh khí, cho dao, cho thuốc độc, cho bò dữ và năm là cho bằng cách bảo người làm việc gì đó.

Có năm trường hợp tự nói là A-la-hán thì mắc tội:

- Một là tâm không cuồng mà nói.
- Hai là tâm không loạn mà nói.
- Ba là không bị đau đớn mà nói.
- Bốn là không thật chứng mà nói với người chưa thọ đại giới.
- Năm là không phải là kẻ Tăng thương mạn mà nói.

Ngược với năm trường hợp trên thì tự nói là A-la-hán không có mắc tội.

Lại có năm trường hợp tự nói là A-la-hán thì mắc tội: Bốn trường hợp đầu giống như trên, năm là không sợ mà nói. Ngược với năm trường hợp này thì tự nói là A-la-hán không có mắc tội.

Lại có năm trường hợp không tự nói là A-la-hán mà mắc tội: một là làm hình tướng, hai là làm tướng khác lạ, ba là oai nghi khác lạ, bốn là trước đã bảo người khác nói và năm là lấy tên người khác nói. Ngược với năm trường hợp này thì không mắc tội không tự nói là A-la-hán .

Lại có năm trường hợp không tự nói là A-la-hán mà mắc tội: Bốn trường hợp đầu giống như trên, năm là trước đã bảo người ở chỗ khuất nói. Ngược với năm trường hợp này thì không mắc tội không tự nói là A-la-hán .

Tỳ-kheo Hỷ vọng đến nhà bạch y thường thường phạm năm việc:

- Một là phạm phi thời vào nhà.

- Hai là phạm một mình cùng người nữ ở chỗ khuất.

- Ba là phạm ngồi cùng người nữ nơi nhà ăn (tức là nhà mà người nữ này có chồng yêu thương)

- Bốn là phạm ăn nhiều lần (thường thường ăn)

- Năm là phạm nói pháp cho người nữ, không có tịnh nhơn bên cạnh.

Có năm cách chiết phục, đó là không sai làm, không nói chuyện, không ngó ngàng đến, không dạy bảo và năm là không cho có việc gì để làm.

Có năm loại tương tợ, đó là tương tợ Thế tôn, tương tợ Pháp, tương tợ Tăng, tương tợ Giới và năm là tương tợ Tỳ-kheo làm Thác lại tra.

Ngược với năm loại trên là năm loại không tương tợ.

Có năm việc phạm Tăng-già-bà-thi-sa:

- Một là người nữ có mạng căn.
- Hai là thọ lấy tướng người nữ.
- Ba là sanh tâm dục.
- Bốn là muốn làm việc phi phạm hạnh.
- Năm là xúc chạm chỗ kín.

Lại có năm việc phạm Tăng-già-bà-thi-sa:

- Một là người nữ khởi tưởng người nữ.
- Hai là khởi tưởng sanh tâm dục.
- Ba là muốn làm việc phi phạm hạnh.
- Bốn là xúc chạm chỗ kín.
- Năm là hai thân xúc chạm nhau.

Có năm loại đại tặc hiếm có trên thế gian: Ba loại đại tặc đầu giống như trong ba pháp đã nói.

Bốn là người xuất gia làm Tỳ-kheo lại phạm giới phá giới, bên trong thối nát hiển hiện ra bên ngoài; không phải Sa-môn mà tự nói là Sa-môn, không phải phạm hạnh mà nói là phạm hạnh. Đây

là loại đại tặc thứ tư.

Năm là hạng người đối với những lời Phật đã nói hoặc Thanh văn nói, hoặc tiên nhơn nói, hoặc chư thiên nói, hoặc hóa nhơn nói, sau khi nghe được từ người khác liền nói là tôi nói. Nếu có ai hỏi người trì giới này đắc quả Tu-đà-hoàn phải không, thì đáp là đúng như vậy, hoặc im lặng chấp nhận. Đây là loại đại tặc thứ năm.

Có năm loại do ăn mà sanh tội: Như ăn, nuốt, đòi, lấy và mang ra khỏi giới.

Lại có năm loại do oai nghi mà sanh tội: Như đến, đi, đứng, ngồi, đại tiểu tiện.

Lại có năm loại do người mà sanh tội: Như người nữ, bất năng nam, người có hai căn, người thuộc ngoại đạo, người chưa thọ đại giới. Lại có năm loại do người mà sanh tội: Như người bị khổ thiết (trị phạt), người đang hành y chỉ, người bị tẫn, người đang hành Hạ ý, người bị tẫn tướng tội .

Lại có năm loại do người mà sanh tội: Như người bị Bất kiến tẫn, người bị Bất tác tẫn, người bị Ác tà bất trừ tẫn, người bị Biệt trụ và năm là người phạm Bất cọng trụ.

Lại có năm loại do người mà sanh tội: Như người bị Biệt trụ, người hành Biệt trụ xong, người bị tẫn, người là Tặc trụ xen lẫn trong Tăng và năm là người làm ô nhục Tỳ-kheo-ni.

Có năm hạng người không nên cho phép cử tội:

- Một là người đang hành Biệt trụ.
- Hai là người đã hành Biệt trụ xong.
- Ba là người đang hành Ma-na-đỏa .
- Bốn là người đã hành Ma-na-đỏa xong.
- Năm là người bị tẫn.

Lại có năm hạng người không nên cho phép cử tội, đó là người bị khổ thiết (trị phạt), người đang hành y chỉ, người bị tẫn, người đang hành Hạ ý và năm là người bị tìm tướng tội.

Lại có năm hạng người không nên cho phép cử tội, đó là như người bị Bất kiến tẫn, người bị Bất tác tẫn, người bị Ác tà bất trừ tẫn, người bị Biệt trụ và năm là người phạm Bất cọng trụ.

Lại có năm hạng người không nên cho phép cử tội, đó là người không có hổ thẹn, người không biết sợ, người trước đó có chê trách, người ít trí, người khủng bố.

Năm hạng người không nên cho phép cử tội kể trên cũng không nên cọng yếu, không nên cho phép ngăn thuyết giới, không nên cho phép ngăn Tự tứ, không nên cho phép ngăn giáo giới. Nếu cho phép cử tội, cọng yếu, cho phép ngăn thuyết giới, tự tứ và giáo giới thì mắc tội.

Tỳ-kheo muốn cử tội người khác phải tự trụ trong năm pháp mới được cử tội người khác:

- Một là thân thanh tịnh.
- Hai là khẩu thanh tịnh.

- Ba là từ trước đến nay thanh tịnh.

- Bốn là nghe nhiều biết rộng, thông suốt A-hàm.

- Năm là không đến trong tụ lạc xấu ác.

Phật bảo Ưu-ba-ly: "Vì sao Tỳ-kheo phải tự trụ trong năm pháp này trước rồi mới cử tội người khác, vì nếu sau này có Tỳ-kheo nói rằng: "Thân thầy không thanh tịnh sao lại cử tội người khác", vì thế thân phải thanh tịnh trước mới được cử tội người khác. Bốn pháp sau cũng giống như vậy".

Tỳ-kheo có năm pháp không nên sai giữ vật: Một là không biết chỗ, hai là không biết giá, ba là không biết thọ nhận, bốn là không biết số, năm là hay quên. Ngược với năm pháp trên thì nên sai giữ vật.

Tỳ-kheo có năm pháp không nên sai giữ y: Một là không biết chỗ, hai là không biết giá, ba là không biết thọ nhận, bốn là không biết số, năm là hay quên. Ngược với năm pháp trên thì nên sai giữ y.

Tỳ-kheo có năm pháp không nên sai chia y: Một là không biết y, hai là không biết màu sắc y, ba là không biết giá y, bốn là không biết số, năm là không biết là cho hay không cho. Ngược với năm pháp trên thì nên sai chia y.

Lại có năm pháp không nên sai chia y, đó là ái, sân, sợ, si và không biết đã chia hay chưa chia. Ngược với năm pháp này thì nên sai chia y.

Có năm nạn bố tát, đó là nạn vua, nạn giặc, nạn đồng bậc vua, nạn người, nạn thú dữ.

Có năm trường hợp dời ngày bố tát:

- Một là chuyển dời từ A-lan-nhã đến Tăng phường.

- Hai là chuyển dời từ Tăng phường đến A-lan-nhã.

- Ba là vua ra lịnh.

- Bốn là giặc ra lịnh.

- Năm là Tăng bị phá vì làm hòa hợp.

Tỳ-kheo phá giới thường đến nhà người có năm lỗi đó là dạy người khác phi pháp, phi Tỳ-ni, dạy người có oai nghi xấu, sanh tà kiến và dạy người khác nghe điều phi pháp.

Ngược lại Tỳ-kheo không phá giới khi đến nhà người có năm lợi ích đó là dạy người khác như pháp, như Tỳ-ni, dạy người có oai nghi tốt, sanh chánh kiến và dạy người khác nghe chánh pháp.

Tỳ-kheo phá giới đến nhà người lại có năm lỗi:

- Một là dạy người thân nghiệp bất thiện.

- Hai là dạy người khẩu nghiệp bất thiện.

- Ba là dạy người gần ác tri thức.

- Bốn là dạy người sanh tà kiến.

- Năm là dạy nghe điều phi pháp.

Tỳ-kheo không phá giới đến nhà người có năm lợi ích ngược với năm lỗi kể trên.

Tỳ-kheo có năm chỗ không nên đi đến, đó là chỗ đồng nữ, chỗ quả phụ, chỗ người nữ có chồng, chỗ dâm nữ và chỗ Tỳ-kheo-ni. Nếu đi đến năm chỗ này thì Tăng có thể cho yết ma Khổ thiết, yết ma Y chỉ, yết ma Khu xuất, yết ma Hạ ý, yết ma Mích tội tướng; hoặc Tăng không cho xả yết ma Khổ thiết… cho đến không cho xả yết ma Mích tội tướng .

Lại có năm chỗ Tỳ-kheo không nên đi đến, đó là chỗ đồng nữ, chỗ quả phụ, chỗ dâm nữ, chỗ ngoại đạo, chỗ huỳnh môn. Nếu đi đến năm chỗ này Tăng có thể cho yết ma Khổ thiết… cho đến yết ma Mích tội tướng; hoặc Tăng không cho xả yết ma Khổ thiết… cho đến không cho xả yết ma Mích tội tướng cũng giống như vậy.

Đệ tử cọng hành có năm pháp, Hòa thượng nên chiết phục, đó là đối với Hòa thượng không thương, không kính, không biết hổ, không biết thẹn và thích đến chỗ không nên đến. Nếu đệ tử cọng hành có năm pháp ngược với năm pháp trên thì Hòa thượng không nên chiết phục, nếu chiết phục thì mắc tội.

Đệ tử cọng hành có năm pháp, Hòa thượng không nên thọ đệ tử hối lỗi, đó là đối với Hòa thượng không thương, không kính, không biết hổ, không biết thẹn và năm là không cho Hòa thượng pháp và y thực. Nếu đệ tử cọng hành có năm pháp ngược với năm pháp trên thì Hòa thượng nên thọ

đệ tử cọng hành hối lỗi, nếu không thọ thì mắc tội.

Có năm hạng người không nên vì nói Tỳ-ni: Một là hỏi để thử, hai là không nghi mà hỏi, ba là không phải vì hối lỗi đã phạm mà hỏi, bốn là gạn hỏi, năm là không lãnh thọ mà hỏi. Ngược với năm pháp trên thì nên vì nói Tỳ-ni.

Có năm pháp mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể diệt tránh: Một là dựa vào thế lực mà nói, hai là không sợ khó nói, ba là sợ mà nói, bốn là kinh hãi mà nói, năm là không lợi căn mà nói. Ngược với năm pháp trên thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra có thể diệt tránh.

Lại có năm pháp mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể diệt tránh, đó là nói lớn, nói không thân thiện, nói hay thay đổi, nói không tương ưng với pháp. Ngược với năm pháp trên thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra có thể diệt tránh.

Lại có năm pháp mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể diệt tránh, đó là nói hay quên, không xét kỹ mà nói, tánh ác mà nói, nói lúc sân, nói để thử. Ngược với năm pháp trên thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra có thể diệt tránh.

Lại có năm pháp mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể diệt tránh, đó là nói lời chê bai, nói lời cấm tiệt, nói lời châm chích, không nói ra lời thiện, nói ra lời lầm lỗi. Ngược với năm pháp trên thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra có thể diệt tránh.

Lại có năm pháp mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể diệt tránh, đó là nói lời không đầy đủ, nói lời che giấu, nói lén, nói lời xen tạp, bị mắng nói lời chiết phục. Ngược với năm pháp trên thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra có thể diệt tránh.

Lại có năm pháp mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể diệt tránh, đó là nói lời không chân thật, nói lời hư dối, nói lời hay thay đổi, nói không đúng lúc, nói mà không giữ lời. Ngược với năm pháp trên thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra có thể diệt tránh.

Lại có năm pháp mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể diệt tránh:

- Một là nói lời muốn cử tội người khác.
- Hai là nói lời cử tội người khác.
- Ba là nói lời khinh chê người khác.
- Bốn là nói lời quở trách.
- Năm là nói lời hiềm trách. Ngược với năm pháp trên thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra có thể diệt tránh.

Lại có năm pháp mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể diệt tránh: Một là nói lời phá chúng, hai là nói lời muốn phá chúng, ba là nói lời phá nghĩa, bốn là nói lời ưa thích phá, năm là nói lời cầu danh. Ngược với năm pháp trên thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra có thể diệt tránh.

Lại có năm pháp mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể diệt tránh, đó là nói lời ái, nói lời sân,

nói lời sợ, nói lời si và năm là nói lời mà người nghe không tín thọ. Ngược với năm pháp trên thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra có thể diệt tránh.

Lại có năm pháp mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể diệt tránh:

- Một là nói lời không cung kính.
- Hai là đi vào không cung kính mà nói.
- Ba là mang giày dép không cung kính mà nói.
- Bốn là phủ vai hữu không cung kính mà nói.
- Năm là che phủ đầu không cung kính mà nói. Ngược với năm pháp trên thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra có thể diệt tránh.

Lại có năm pháp mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể diệt tránh:

- Một là không thông suốt kinh mà nói.
- Hai là không thông suốt luật mà nói.
- Ba là không khéo biết nghĩa tranh cãi mà nói.
- Bốn là không khéo biết nhân duyên phát khởi tranh cải mà nói.
- Năm là không khéo biết nghĩa của diệt tránh mà nói. Ngược với năm pháp trên thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra có thể diệt tránh.

Lại có năm pháp mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể diệt tránh:

- Một là dựa vào sức của thân mà nói.
- Hai là dựa vào sức của miệng mà nói.

- Ba là nói lới không phải là Kinh.

- Bốn là nó lời phi pháp.

- Năm là nói lời phi luật. Ngược với năm pháp trên thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra có thể diệt tránh.

Lại có năm pháp mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể diệt tránh:

- Một là không được khuyên mà nói.

- Hai là không được sai mà nói.

- Ba là không bạch chúng mà nói.

- Bốn là không quán sát mà nói.

- Năm là không sợ khó nói mà nói. Ngược với năm pháp trên thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra có thể diệt tránh.

Lại có năm pháp mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể diệt tránh:

- Một là nói lời an ủi thương xót.

- Hai là thọ sự an ủi thương xót mà nói.

- Ba là có tính toán mà nói.

- Bốn là vì lợi mà nói.

- Năm là nói dựa theo ý người. Ngược với năm pháp trên thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra có thể diệt tránh.

Lại có năm pháp mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể diệt tránh:

- Một là dùng nghĩa bất thiện mà nói.

- Hai là dùng câu bất thiện mà nói.

- Ba là nên nói trước mà lại nói sau.

- Bốn là nên nói sau mà lại nói trước.

- Năm là nên nói lời này lại nói lời kia. Ngược với năm pháp trên thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra có thể diệt tránh.

Lại có năm pháp mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể diệt tránh, đó là ít trí huệ, ít tụng A-hàm. Không thông suốt A-hàm, không thọ học A-hàm và năm là không biết nghĩa câu của A-hàm. Ngược với năm pháp trên thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra có thể diệt tránh.

Lại có năm pháp mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể diệt tránh, đó là vì tranh chấp mà nói, vì phá hoại mà nói, vì chấp thủ mà nói, vì nói xấu nhau mà nói và vì tranh cãi mà nói. Ngược với năm pháp trên thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra có thể diệt tránh.

Lại có năm pháp mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể diệt tránh:

- Một là nói lời trái với thề nguyền.

- Hai là không hỏi mà nói.

- Ba là không hỏi ba lần mà nói.

- Bốn là người không biết nói mà nói.

- Năm là người không biết tranh luận mà nói. Ngược với năm pháp trên thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra có thể diệt tránh.

Lại có năm pháp mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra

không thể diệt tránh:

- Một là quên A-hàm mà nói.
- Hai là nói không đúng câu văn.
- Ba là bỏ sót mất A-hàm mà nói.
- Bốn là không thông suốt A-hàm mà nói.
- Năm là không cung kính lãnh thọ A-hàm mà nói. Ngược với năm pháp trên thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra có thể diệt tránh.

Lại có năm pháp mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể diệt tránh:

- Một là nói lặp lại lời của chúng.
- Hai là đem lời của chúng ra nói.
- Ba là nói khác lạ
- Bốn là vì lợi mà nói.
- Năm là cầu người khác nói. Ngược với năm pháp trên thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra có thể diệt tránh.

Lại có năm pháp mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể diệt tránh:

- Một là chúng nói hối lỗi liền nói tội của họ ra.
- Hai là khiến người không sân liền nổi sân.
- Ba là khiến người đã sân không dừng lại sân.
- Bốn là lời nói ra như gió thoảng khiến người không tín thọ.
- Năm là ý nghĩa của lời nói ra không hợp với kinh Tỳ-sa-da. Ngược với năm pháp trên thì Tỳ-

kheo làm Thác lại tra có thể diệt tránh.

Phật bảo Ưu-ba-ly: "Tỳ-kheo hạ tòa muốn đến trước Thượng tòa hối lỗi thì nên trụ trong năm pháp rồi mới hối lỗi, đó là từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu, cởi giày dép, quỳ gối, chắp tay bạch Thượng tòa ba lần: "Xin như pháp sám hối". Như thế gởi dục thanh tịnh, thọ Tự tứ hay xuất tội cũng giống như vậy".

Có năm pháp mà người cử tội không được cử tội người khác:

- Một là thân không thanh tịnh
- Hai là khẩu không thanh tịnh.
- Ba là ít trí huệ.
- Bốn là không thông suốt A-hàm.
- Năm là thích đến chỗ không nên đến. Ngược với năm pháp trên thì người cử tội được cử tội người khác.

Có năm pháp mà Tỳ-kheo đủ mười tuổi hạ được nuôi đệ tử và cho thọ đại giới:

- Một là đã thọ đại giới đủ mười hạ.
- Hai là hoặc hơn mười tuổi hạ.
- Ba là trì giới có trí huệ.
- Bốn là có thể dứt nghi cho đệ tử.
- Năm là có thể phá ác tà kiến cho đệ tử.

Lại có năm pháp mà Tỳ-kheo đủ mười tuổi hạ được nuôi đệ tử và cho thọ đại giới:

- Một là có thể dạy trì giới.

- Hai là có thể dạy Tỳ-ni.

- Ba là có thể dạy A-tỳ-đàm.

- Bốn là nếu đệ tử ở phương khác không thích, có thể tự dẫn về hay nhờ người khác dẫn về.

- Năm là đệ tử bị bịnh có thể chăm sóc hay nhờ người khác chăm sóc.

Lại có năm pháp mà Tỳ-kheo đủ mười tuổi hạ được nuôi đệ tử và cho thọ đại giới là tự mình có đủ tín, giới, thí, huệ và đa văn; lại có thể khiến đệ tử tùy nhập trụ trong tín, giới, thí, huệ và đa văn.

Lại có năm pháp mà Tỳ-kheo đủ mười tuổi hạ được nuôi đệ tử và cho thọ đại giới là tự mình có thể trụ trong giới vô học, định vô học, huệ vô học, giải thoát và giải thoát tri kiến vô học; lại có thể khiến cho đệ tử cũng trụ trong giới, định, huệ, giải thoát và giải thoát tri kiến vô học.

Nếu Tỳ-kheo đủ mười tuổi hạ không có đủ năm pháp kể trên mà nuôi đệ tử và cho thọ đại giới thì mắc tội; nếu đủ năm pháp kể trên cũng được cho người y chỉ và chứa nuôi Sa-di; nếu không đủ năm pháp kể trên mà cho người y chỉ và chứa nuôi Sa-di thì mắc tội.

6. Sáu Pháp

Có sáu nguồn gốc tranh cãi, đó là sân hận không nói, tánh ác muốn hại, tham-lam ganh ghét, dua nịnh quanh co, không biết hổ thẹn và sáu là ác

dục tà kiến.

Có sáu hạng người dạy bảo nên tùy thuận, không nên trái nghịch, đó là Hòa thượng, A-xà-lê, chúng Tăng, vua, đồng bậc vua và sáu là Tỳ-kheo làm Thác lại tra.

Có sáu loại yết ma, đó là đơn bạch yết ma, bạch nhị yết ma, bạch tứ yết ma, Tăng yết ma, Tỳ-kheo làm Thác lại tra yết ma và sáu là thuyết giới yết ma.

Có sáu pháp học, đó là Tăng thượng giới, tăng thượng ý, tăng thượng trí, tăng thượng oai nghi, tăng thượng Tỳ-ni và sáu là tăng thượng Ba-la-đề-mộc-xoa.

Có sáu loại thỉnh, đó là thỉnh Tăng, thỉnh chúng nhơn, thỉnh người, thỉnh bát, thỉnh y và sáu là thỉnh thực.

Có sáu pháp không đầy đủ, đó là giới, kiến, mạng, oai nghi không đầy đủ, tự mình không đầy đủ và sáu là người khác không đầy đủ. Ngược với trên thì gọi là sáu pháp đầy đủ.

Lúc đó trưởng lão Ưu-ba-ly đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi bạch Phật: "Thế tôn, xin nói sơ lược pháp yếu cho con biết thế nào là pháp, là luật là lời Phật dạy", Phật bảo: "Này Ưu-ba-ly, nếu biết pháp này tùy thuận dục, không tùy thuận vô dục; tùy thuận không hòa hợp, không tùy thuận hòa hợp, tùy thuận lỗi, không tùy thuận không lỗi; tùy thuận

tăng trưởng, không tùy thuận không tăng trưởng, một mực không chuyển; tùy thuận phiền não không lìa thì thầy nhất định phải biết đây là phi pháp, phi Tỳ-ni, phi Phật pháp. Nếu biết pháp này không tùy thuận dục mà tùy thuận vô dục; tùy thuận hòa hợp, không tùy thuận lỗi mà tùy thuận không lỗi; không tùy thuận tăng trưởng mà tùy thuận không tăng trưởng; không tùy thuận phiền não thì thầy nhất định phải biết đây là pháp, là Tỳ-ni, là Phật pháp. Lại nữa, nếu biết pháp này tùy thuận tham, không tùy thuận không tham; tùy thuận không nhàm lìa, không tùy thuận nhàm lìa; tùy thuận đa dục, không tùy thuận thiểu dục; tùy thuận không biết đủ, không tùy thuận biết đủ; tùy thuận ác tà kiến, không tùy thuận ác tà kiến thì thầy nhất định biết đây là phi pháp, phi Tỳ-ni, phi Phật pháp. Nếu biết pháp này không tùy thuận tham mà tùy thuận không tham; không tùy thuận không nhàm lìa mà tùy thuận nhàm lìa; không tùy thuận đa dục mà tùy thuận thiểu dục; không tùy thuận không biết đủ mà tùy thuận biết đủ; không tùy thuận ác tà kiến mà tùy thuận không ác tà kiến thì thầy nhất định biết đây là pháp, là Tỳ-ni, là Phật pháp ". Giống như trưởng lão Ưu-ba-ly, trưởng lão A-na-luật, Tỳ-kheo-ni Đại ái đạo, Kế xá Cù-Đàm-di… cũng đã hỏi Phật như vậy.

Có sáu pháp hiện tiền, đó là Tăng, chúng nhơn, nhơn, Hòa thượng, A-xà-lê và giới hiện tiền.

Có sáu cách lấy, đó là cướp lấy, trộm lấy, gạt lấy, vu khống lấy, nhận của người gởi rồi lấy luôn, như pháp mà lấy.

Có sáu pháp hòa nhiếp:

- Một là dựa trên tu thân từ để khuyên các vị phạm hạnh với lòng tôn trọng, kính yêu, tư duy, nhiếp thủ, phát khởi tinh tấn và hướng đến Niết-bàn.

- Hai là dựa trên tu khẩu từ… như trên.

- Ba là dựa trên tu ý từ… như trên.

- Bốn là như pháp được bố thí y bát và các vật khác, đem bố thí cho các vị phạm hạnh với lòng tôn trọng, kính yêu… như trên.

- Năm là hộ giới không cho thiếu sót, không phạm, không thối thất, thanh tịnh đầy đủ được Phật khen ngợi, có thể thọ trì hết và khuyên các vị phạm hạnh… như trên.

sáu là với chánh kiến đã được có thể hiển bày pháp yếu để khuyên các vị phạm hạnh… như trên.

7. Bảy Pháp

Có bảy tài, đó là tín, giới, văn, thí, huệ, tàm và quý.

Có bảy lực, đó là tín, tinh tấn, tàm, quý, niệm, định và huệ lực. Có bảy pháp chỉ tránh, đó là hiện tiền, tự ngôn, ức niệm, bất si,

mích tội tướng, đa mích và bố thảo chỉ tránh.

Có bảy loại y, đó là y gai, y Sô ma, y Sa noa, y

Kiều thi da, y Súy di la, y Khâm bà la và y kiếp bối.

Có bảy nội chúng, đó là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di.

Có bảy pháp khiến chánh pháp diệt vong, mai một, đó là không có lòng tin, lười biếng, không biết hổ, không biết thẹn, hay quên, không có định và ít trí huệ.

Có bảy pháp không phải là chánh pháp, đó là không kính pháp, không kính nghĩa, không kính thời, không biết đủ, không tự kính mình, không kính chúng, không phân biệt người. Ngược với bảy pháp này thì gọi là bảy chánh pháp.

Trì luật có bảy đức:

- Một là có thể trì nội Tạng của Phật.
- Hai là có thể đoạn trừ tranh cãi (diệt tránh).
- Ba là do trì giới nên ở vị trí trên các ngoại đạo.
- Bốn là do trì luật nên không ai có thể gạn hỏi.
- Năm là do trì luật nên không gạn hỏi người khác.
- Sáu là ở trong chúng nói giới không có sợ gì.
- Bảy là có thể đoạn nghi khiến chánh pháp trụ lâu.

Có bảy Phật đại trì luật: Một là Phật Tỳ-bà-thi, hai là Phật Thi-khí, ba là Phật Tùy-diếp, bốn là Phật Câu-lưu-tôn, năm là Phật Câu-na-hàm-Mâu-

ni, sáu là Phật Ca-diếp, bảy là Phật Thích-ca-mâu-ni .

8. Tám Pháp

Có tám chúng đó là Sát-đế-lỵ, Bà-la-môn, cư sĩ, Sa-môn, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc và chúng Ưu-bà-di.

Có tám pháp có thể chứng quả Niết-bàn, đó là chánh kiến, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm và chánh định.

Có tám pháp được thí, đó là giới (cõi) được thí, y chỉ được thí, chế hạn được thí, nhân duyên được thí, Tăng được thí, Hiện tiền được thí, an cư được thí và tám là chỉ thị (chỉ định) được thí.

Do tám việc nên xả y Ca-hi-na, đó là khi ba y đã đủ, khi y may thành, khi đi, khi nghe, khi mất y, khi khởi tâm không trở về, khi quá thời hạn, khi cùng Tăng xả.

Có tám loại guốc không nên cất chứa, đó là guốc gỗ, guốc Đa-la, guốc Ba-la-xá, guốc tre, guốc lá cây, guốc Văn-nhã, guốc ba-ba, guốc Khâm-bà-la.

Có tám loại theo thế pháp, đó là lợi, suy, hủy, dự, xưng, cơ, khổ và lạc.

Có tám nạn, đó là nạn vua, nạn giặc, nạn lửa, nạn nước, nạn thú dữ, nạn rồng, nạn người, nạn phi nhơn.

Có Tỳ-kheo khi đang hành Biệt trụ thì xả giới,

sau đó xin thọ giới lại, thọ giới rồi bạch các Tỳ-kheo: "Trong khi con đang hành Biệt trụ, xả giới rồi xin thọ giới lại, nay con phải làm sao", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Vốn đang hành Biệt trụ thì nên cho hành Biệt trụ, không nên tác pháp cho lại nữa. Giống như trường hợp xả giới, các trường hợp khác như nói tôi là Sa-di … cho đến người bị Bất kiến tẫn, người bị Bất tác tẫn, người bị Ác tà bất trừ tẫn cũng như vậy".

Có Tỳ-kheo hành Biệt trụ xong liền xả giới, sau đó xin thọ giới lại, thọ giới rồi bạch các Tỳ-kheo: "Con hành Biệt trụ xong liền xả giới, nay xin thọ giới lại, con phải làm thế nào", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Nếu đã hành Biệt trụ xong thì nên bảo theo tăng xin cho pháp hành Ma-na-đỏa. Giống như trường hợp xả giới, các trường hợp khác như nói tôi là Sa-di… cho đến người bị Bất kiến tẫn, người bị Bất tác tẫn, người bị Ác tà bất trừ tẫn cũng như vậy".

Có Tỳ-kheo đang hành Ma-na-đỏa thì xả giới, sau đó xin thọ giới lại, thọ giới rồi bách các Tỳ-kheo: "Trong khi con đang hành Ma-na-đỏa thì xả giới, nay xin thọ giới lại, con phải làm sao", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Vốn đang hành Ma-na-đỏa thì nên hành Ma-na-đỏa, không nên tác pháp cho lại nữa. Giống như trường hợp xả giới, các trường hợp khác như

nói tôi là Sa-di… cho đến người bị Bất kiến tẫn, người bị Bất tác tẫn, người bị Ác tà bất trừ tẫn cũng như vậy".

Có Tỳ-kheo hành Ma-na-đỏa xong liền xả giới, sau đó xin thọ giới lại, thọ giới rồi bạch các Tỳ-kheo: "Con hành Ma-na-đỏa xong liền xả giới, nay xin thọ giới lại, con phải làm thế nào", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Nếu đã hành Ma-na-đỏa cong thì nên bảo theo Tăng xin cho xuất tội. Giống như trường hợp xả giới, các trường hợp khác như nói tôi là Sa-di … cho đến người bị Bất kiến tẫn, người bị Bất tác tẫn, người bị Ác tà bất trừ tẫn cũng như vậy".

9. Chín Pháp

Có chín loại não hại:

- Một là người này đã xâm hại, tổn hại tôi.
- Hai là người này sẽ xâm hại, tổn hại tôi.
- Ba là người này đang xâm hại, tổn hại tôi.
- Bốn là người này đã làm lợi ích cho oan gia của tôi.
- Năm là người này sẽ làm lợi ích cho oan gia của tôi.
- Sáu là người này đang làm lợi ích cho oan gia của tôi.
- Bảy là người này đã xâm hại, tổn hại đến bà con tôi.
- Tám là người này sẽ xâm hại, tổn hại đến bà

con tôi.

- Chín là người này đang xâm hại, tổn hại đến bà con tôi.

Chín pháp này khiến họ sanh não nên gọi là cửu não. Ngược lại, nếu nghĩ rằng: "Tại sao không khiến cho người này không xâm hại, tổn hại đến tôi mà làm lợi ích cho tôi", nghĩ như thế thì xả được phiền não; hoặc nghĩ rằng: "Tại sao không khiến cho người này làm lợi ích cho oan gia của tôi", nghĩ như thế thì xả được phiền não; hoặc nghĩ rằng: "Tại sao không khiến cho người này không xâm hại, tổn hại đến bà con tôi", nghĩ như thế thì xả được phiền não. Đó gọi là chín pháp xả não.

10. Mười Pháp

Có mười pháp khiến chánh pháp diệt vong mai một, đó là phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp, phi Tỳ-ni nói là Tỳ-ni, Tỳ-ni nói là phi Tỳ-ni, không phạm nói là phạm, phạm nói là không phạm, khinh mà nói là trọng, trọng mà nói là khinh, Vô tàn mà nói là Hữu tàn, Hữu tàn mà nói là Vô tàn.

Ngược với mười pháp trên thì gọi là mười pháp không khiến cho chánh pháp diệt vong, mai một.

Có mười pháp gọi là Thượng tòa:

- Một là người có chỗ ở, không sợ, không ai có thể ngăn.

- Hai là người đã dứt phiền não, quen biết

nhiều, có tiếng tăm, có thể khiến người khác sanh tâm tịnh.

- Ba là người có biện tài đầy đủ, không ai thắng được.

- Bốn là người có thể nói pháp không trệ ngại, nghĩa thú rõ ràng khiến người nghe tín thọ.

- Năm là người khéo hay thư thả khi đi vào nhà người.

- Sáu là người có thể nói pháp thâm diệu cho bạch y.

- Bảy là người khéo phân biệt các đạo.

- Tám là người khéo khuyên người khác hành bố thí, trai giới.

- Chín là người có thể khuyên người khác bỏ ác theo thiện.

- Mười là người tự có đủ bốn đế, được hiện pháp an lạc, không có gì thiếu sót.

Tỳ-kheo làm Ô-hồi-cưu-la có mười pháp này thì Tăng không nên sai:

- Một là không biết nguồn gốc việc tranh cãi và chỗ qua lại ban đầu.

- Hai là không biết tranh cãi.

- Ba là không khéo phân biệt việc tranh cãi.

- Bốn là không biết được nhân duyên phát sanh tranh cãi.

- Năm là không biết nghĩa của việc tranh cãi.

- Sáu là không khéo diệt tránh.

- Bảy là không thể làm cho việc tranh cãi đã dứt diệt không phát khởi trở lại.

- Tám là giới không thanh tịnh.

- Chín là không có đa văn.

- Mười là ít trí huệ.

Ngược với mười pháp trên thì Tăng nên sai làm Ô-hồi-cưu-la.

Phật tại nước Bà-già, trong tụ lạc Na-lệ-bàn có một Ưu-bà-tắc với tâm tin ưa thanh tịnh xây cất một phòng xá cúng riêng cho trưởng lão La-vân. La-vân thọ rồi liền đi du hành hai tháng, Ưu-bà-tắc này thấy vậy liền đem phòng xá này cúng cho Tăng bốn phương. Du hành hai tháng xong trở về, La-vân mới biết Ưu-bà-tắc đã đem phòng xá này cúng cho Tăng bốn phương, liền đến chỗ Phật đảnh lễ rồi đem việc trên bạch Phật rồi nói: "Thế tôn, nay con phải làm sao", Phật bảo: "Thầy nên đến hỏi Ưu-bà-tắc đó rằng: "Tôi không có điều gì xúc phạm ông chứ, hay là ông thấy tôi làm điều không phải hạnh Sa-môn, hay là thân khẩu tôi đã tạo tội lỗi gì?". La-vân vâng lời Phật dạy đến hỏi Ưu-bà-tắc y như vậy, Ưu-bà-tắc nói: "Đại đức không có điều gì xúc phạm tôi, tôi cũng không thấy đại đức làm điều gì không phải hạnh Sa-môn, thân khẩu cũng không tạo tội lỗi gì", lúc đó La-vân nói pháp chỉ dạy cho Ưu-bà-tắc được lợi hỉ rồi ra về, đến

chỗ Phật bạch lại đầy đủ việc trên. Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng rồi bảo các Tỳ-kheo: Có mười cách thí phi pháp, mười cách thọ phi pháp và mười cách dùng phi pháp, đó là:

- Một là đã cúng thí cho Tăng này rồi lại chuyển qua cúng thí cho Tăng khác, đây gọi là cúng thí phi pháp, thọ phi pháp và dùng phi pháp.

- Hai là đã cúng thí cho Ni tăng này rồi lại chuyển qua cúng thí cho Ni tăng khác, đây gọi là cúng thí phi pháp, thọ phi pháp và dùng phi pháp.

- Ba là đã cúng thí cho ba hoặc hai, một Tỳ-kheo này lại chuyển qua cúng thí cho ba hoặc hai, một Tỳ-kheo khác; hoặc chuyển qua cúng thí cho Tăng. Đây gọi là cúng thí phi pháp, thọ phi pháp và dùng phi pháp.

- Bốn là đã cúng thí cho ba hoặc hai, một Sa-di này lại chuyển qua cúng thí cho ba hoặc hai, một Sa-di khác; hoặc chuyển qua cúng thí cho Tăng. Đây gọi là cúng thí phi pháp, thọ phi pháp và dùng phi pháp.

- Năm là đã cúng thí cho ba hoặc hai, một Tỳ-kheo-ni này lại chuyển qua cúng thí cho ba hoặc hai, một Tỳ-kheo-ni khác; hoặc chuyển qua cúng thí cho Tăng. Đây gọi là cúng thí phi pháp, thọ phi pháp và dùng phi pháp.

- Sáu là đã cúng thí cho ba hoặc hai, một Thức-xoa-ma-na này lại chuyển qua cúng thí cho ba hoặc

hai, một Thức-xoa-ma-na khác; hoặc chuyển qua cúng thí cho Tăng. Đây gọi là cúng thí phi pháp, thọ phi pháp và dùng phi pháp.

- Bảy là đã cúng thí cho ba hoặc hai, một Sa-di-ni này lại chuyển qua cúng thí cho ba hoặc hai, một Sa-di-ni khác; hoặc chuyển qua cúng thí cho Tăng. Đây gọi là cúng thí phi pháp, thọ phi pháp và dùng phi pháp.

- Tám là đã thí cho ba hoặc hai, một súc sanh này lại chuyển qua thí cho ba hoặc hai, một súc sanh khác; đây gọi là thí phi pháp, thọ phi pháp và dùng phi pháp.

- Chín là đã cúng thí cho Tỳ-kheo tăng lại chuyển qua cúng thí cho Tỳ-kheo-ni tăng; hoặc đã cúng thí cho Tỳ-kheo-ni tăng lại chuyển qua cúng thí cho Tỳ-kheo tăng. Đây gọi là cúng thí phi pháp, thọ phi pháp và dùng phi pháp.

- Mười là nếu Tăng bị phá làm hai bộ, đã cúng thí cho bộ tăng này lại chuyển qua cúng thí cho bộ Tăng khác; đây gọi là cúng thí phi pháp, thọ phi pháp và dùng phi pháp.

Cúng thí trước thì gọi là cúng thí như pháp, cúng thí sau là cúng thí phi pháp. Như vua là đàn việt chủ đất, chủ phòng xá chỉ được trông coi gìn giữ, không được đoạt của nơi này đem thí cho một nơi khác".

THÊM MƯỜI PHÁP TĂNG NHẤT

1. Một Pháp:

Có một pháp Phá sẽ đọa trong ác đạo, đó là Phá tăng.

Có một pháp Phạm sẽ đọa trong ác đạo do thân nghiệp làm, đó là làm thân Phật bị thương chảy máu.

Có một pháp Phạm sẽ đọa trong ác đạo do khẩu nghiệp làm, đó là hủy báng Phật.

Có một pháp Phạm sẽ đọa trong ác đạo, đó là ý niệm làm biệt chúng.

Có một pháp Phạm sẽ đọa trong ác đạo, đó là nói hai lưỡi xúi giục người khác phá Tăng.

Có một pháp Phạm sẽ đọa trong ác đạo, đó là gạn hỏi Tăng. Phi pháp khởi tưởng là phi pháp, do thấy phi pháp nên phá Tăng; phi pháp khởi tưởng là pháp, do thấy phi pháp nên phá Tăng; phi pháp khởi tưởng là pháp và nghi nên phá Tăng.

Có một pháp Phạm sẽ đọa trong ác đạo do sát sanh khởi, đó là giết A-la-hán.

Có một pháp Phạm sẽ đọa trong ác đạo do trộm cắp khởi, đó là trộm vật của Phật và Tăng.

Có một pháp Phạm sẽ đọa trong ác đạo do dâm dục khởi, đó là phạm bất tịnh đối với Tỳ-kheo-ni và A-la-hán.

Có một pháp Phạm sẽ đọa trong ác đạo từ vọng

ngữ khởi, đó là tự nói mình được pháp hơn người.

2. Hai Pháp

Có hai loại phạm là bất thiện và vô ký. Lại có hai loại phạm là thân và khẩu.

Lại có hai loại phạm là phương tiện và phi phương tiện. Lại có hai loại phạm là đùa cợt và không đùa cợt.

Lại có hai loại phạm là đồng và không đồng. Có hai pháp đồng phạm là khinh và trọng.

Có hai pháp đồng phạm là Hữu tàn và Vô tàn. Có hai pháp không đồng phạm là khinh và trọng.

Có hai pháp không đồng phạm là Hữu tàn và Vô tàn.

Có hai pháp sám không đồng là đối thú sám và tâm niệm sám. Có hai loại phạm là hữu hạn và vô hạn.

Có hai loại phạm là xứ và phương hướng.

Có hai loại phạm là có thể đếm số và không thể đếm số. Có hai loại phạm là lúc ra và lúc sắp ra.

Có hai loại phạm là lúc vào và lúc sắp vào. Có hai loại phạm là lúc khởi và lúc sắp khởi. Có hai loại phạm là đúng thời và phi thời.

Có hai loại phạm là đọa và không đọa.

Có hai loại phạm là Thâu-lan-giá và tương ưng với bạch y. Có hai loại phạm là trọng phá và trọng không phá.

Có hai loại phạm là Hữu tàn và Vô tàn. Có hai

loại phạm là khinh và trọng.

Có hai loại phạm là người bị cử tội có phạm và người cử tội có phạm.

Có hai loại phạm là phạm thuộc về đối thú sám và phạm thuộc về tâm niệm sám.

Có hai loại phạm là phạm thuộc về trọng giới và phạm không thuộc về trọng giới.

Có hai loại phạm là phạm về bạch và phạm về không bạch. Có hai loại phạm là tạm thời và trọn đời.

Có hai loại phạm là phạm về có tội và phạm về không có tội. Tỳ-kheo-ni có hai loại đồng phạm là trọng và khinh.

Lại có hai loại đồng phạm là Hữu tàn và Vô tàn. Lại có hai loại không đồng phạm là khinh và trọng.

Lại có hai loại không đồng phạm là Hữu tàn và Vô tàn.

Lại có hai loại sám không đồng là đối thú sám và tâm niệm sám. Lại có hai loại phạm là ra khỏi giới và sắp ra khỏi giới.

Lại có hai loại phạm là tự khen ngợi và không tự khen ngợi. Lại có hai loại phạm là lúc đứng dạy và lúc ngồi.

Lại có hai loại phạm là lúc ngủ và lúc không ngủ.

Lại có hai loại phạm là phạm về nói và phạm về im lặng. Lại có hai loại phạm là cố ý và không

cố ý.

Có hai loại si là si vô tri và si phóng dật.

Có hai loại che giấu là che giấu vô tri và che giấu phóng dật.

Có hai hạng người nên cho Biệt trú, có hai hạng người nên cho Ma-na-đỏa, có hai hạng người nên cho Bổn nhật trị, có hai hạng người nên cho xuất tội. Đó là Tỳ-kheo và không phải Tỳ-kheo .

Có hai hạng người đoán sự trong Tăng là được Tăng sai và không được Tăng sai.

Có hai loại đoán sự là được yết ma và không được yết ma.

Người đoán sự có hai công đức là được ý chúng và có thể không sợ xử đoán việc.

Có hai hạng người đoán sự là có hổ thẹn và không hổ thẹn.

Có hai hạng người đoán sự là có riêng tư và không riêng tư, nếu xử phi pháp thì có riêng tư, nếu xử như pháp thì không có riêng tư.

Có hai hạng người đoán sự là tự trực tiếp nghe được hay nghe qua từ người khác.

Có hai hạng người đoán sự là tự đuổi hay bảo người đuổi. Có hai hạng người đoán sự là tranh cãi hay không tranh cãi.

Có hai hạng người đoán sự là thông suốt A-hàm hay không thông suốt A-hàm.

Có hai hạng người đoán sự là khéo phân biệt

A-hàm hay không khéo phân biệt A-hàm.

Có hai hạng người đoán sự là nói lời rõ ràng và nói lời không rõ ràng.

Có hai hạng người đoán sự là khéo nói và không khéo nói. Có hai hạng người đoán sự là gạn hỏi và không gạn hỏi.

Có hai hạng người đoán sự là tanh nóng vội và tánh không nóng vội.

Có hai hạng người đoán sự là tự biết và không tự biết.

Có hai hạng người đoán sự là biết cân nhắc và không biết cân nhắc.

Có hai hạng người đoán sự là theo chúng và không theo chúng.

Có hai hạng người đoán sự là tự khen và không tự khen.

Có hai hạng người đoán sự là có thể diệt tránh và không thể diệt tránh.

Có hai hạng người đoán sự là người nói lời mềm mỏng và người nói lời thô sẵn.

Có hai hạng người đoán sự là người trì giới và người không trì giới, cho đến nên quở trách và không nên quở trách, nên cử và không nên cử, nên cung kính và không nên cung kính cũng như vậy.

Có hai hạng người vô trí là phá giới và phá kiến; ngược lại thì gọi là hai hạng người có trí.

Có hai loại phạm là phạm về giới và phạm về

kiến. Nếu giới và kiến đầy đủ thì gọi là không phạm.

Có hai loại Khổ thiết là bị yết ma phạt hành khổ thiết hay Tăng hòa hợp cho yết ma Khổ thiết. hai loại Y chỉ, hai loại Khu xuất, hai loại Hạ ý cũng giống như vậy.

Có hai hạng người thanh tịnh là có bạch và không bạch sám hối hay phát lồ.

Nếu Tăng tranh cãi thì việc tranh cãi nên giao lại cho Tăng xử đoán hoặc giao lại cho ba, hai, một người xử đoán; Tăng nên nhận để xử đoán và diệt tránh, cho đến ba, hai, một người cũng nên nhận để xử đoán và diệt tránh.

Có hai cách tra xét phi pháp là phi pháp cho là pháp, pháp cho là phi pháp. Ngược lại thì gọi là tra xét như pháp.

Có hai cách phạt là không sai làm và không dạy bảo.

3. Ba Pháp

Có ba loại yết ma nhiếp hết tất cả yết ma, đó là đơn bạch yết ma, bạch nhị yết ma, bạch tứ yết ma.

Có ba loại Tỳ-ni là tham dục, sân hận và ngu si. Ngược lại thì gọi là không phải Tỳ-ni.

Có ba việc nên làm ở chỗ khuất là đại, tiểu tiện và xỉa răng.

Có ba loại phạm là tham dục, sân hận và ngu si.

Có ba hạng người ở riêng là người phạm, người không phạm và người tự nói.

Có ba bậc được thế gian cúng dường và tôn kính là Như lai chí chơn đẳng chánh giác, Lậu tận A-la-hán và Chuyển luân thánh vương. Có ba loại hoa, ba loại hương, ba loại kỹ nhạc, ba loại phướn lọng, ba loại lụa để cúng dường.

Có ba loại đồng ý của bậc thượng, trung và hạ:

Một là bậc thượng đồng ý thì đáng được cả ba bậc thượng trung hạ đồng ý; nếu được cả ba sự đồng ý này thì tốt và nên lấy cả ba sự đồng ý này.

Hai là bậc trung đồng ý thì đáng được hai bậc trung hạ đồng ý, nếu được hai sự đồng ý này thì tốt và nên lấy hai sự đồng ý này; không nên đòi hỏi sự đồng ý của bậc thượng, nếu đòi hỏi là không tốt.

Ba là bậc hạ đồng ý thì đáng được sự đồng ý của bậc hạ, nếu được sự đồng ý này thì tốt và nên lấy sự đồng ý này; không nên đói hỏi sự đồng ý của hai bậc trên, nếu đòi hỏi là không tốt.

Có ba pháp biết là biết phạm, biết không phạm và biết giới đã chế.

4. Bốn Pháp

Có bốn loại tránh là đấu tránh, vô căn tránh, phạm tránh và thường sở hành tránh.

Có bốn loại dược: Thời dược, thời phần dược, thất nhật dược và tận hình dược

Có bốn chúng là Sát-đế-lỵ, Bà-la-môn, Ưu-bà-

tắc và Ưu-bà-di. Có bốn chúng trời là Tứ thiên vương, chúng Ma, Đao lợi thiên và Phạm thiên vương.

Có bốn loại chúng là chúng được dạy bảo, chúng không được dạy bảo, chúng ô trược và chúng thanh tịnh.

Có bốn loại bi là thương xót làm lợi ích, không não hại và trụ trong chánh pháp.

Có bốn pháp nên dứt là tham dục, sân hận, ngu si và tà kiến. Có bốn việc nên Như lai thiết lập giáo pháp là vì lợi ích, vì nơi chốn, vì thời đại và vì người.

Có bốn việc nên Như lai chế giới là phạm, không phạm, trọng và khinh.

Có bốn loại điều phục là cho khổ thiết, cho y chỉ, cho khu xuất và cho hạ ý.

Có bốn loại dược nên quan sát là loại dược tịnh lẫn với loại dược bất tịnh, loại dược bất tịnh lẫn với loại dược tịnh, loại dược tịnh lẫn với loại dược tịnh và loại dược bất tịnh lẫn với loại dược bất tịnh.

Có bốn việc tranh cãi là việc đấu tranh, việc tranh cãi do không căn cứ, việc tranh cãi về phạm tội và việc tranh cãi về việc nên làm thường ngày.

Có bốn việc hoặc quở trách hoặc mắng hoặc nói khác lạ hoặc im lặng.

Như lại dựa trên bốn cảnh giới mà chế giới, đó là cảnh giới thần túc, cảnh giới trí, cảnh giới pháp

và cảnh giới người.

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 51

THÊM MƯỜI PHÁP TĂNG NHẤT (Tiếp Theo)

5. Năm Pháp

Có năm việc Tăng nên cho yết ma Hạ ý, đó là nói lỗi của Phật, Pháp, Tăng, giới và làm việc không đúng oai nghi.

Lại có năm việc Tăng nên cho yết ma Hạ ý, đó là mắng Tỳ-kheo, nói xấu Tỳ-kheo, nêu ra lỗi của tỳ-kheo, khắp nơi nói lỗi của tỳ-kheo và năm là khiến cho Tỳ-kheo không được cúng thí và mất chỗ ở.

Lại có năm việc Tăng nên cho yết ma Hạ ý, đó là mắng bạch y, nói xấu bạch y, nếu ra lỗi của bạch y, khắp nơi nói lỗi của bạch y và năm là khiến cho bạch y không được lợi và mất chỗ ở.

Lại có năm việc Tăng nên cho yết ma Hạ ý:

Một là Tỳ-kheo dùng lời nói hai lưỡi để tranh cãi, đem việc của tỳ-kheo này đến nói với Tỳ-kheo khác.

Hai là Tỳ-kheo dùng lời nói hai lưỡi, đem việc

của bạch y này đến nói với bạch y khác.

Ba là Tỳ-kheo dùng lời nói hai lưỡi đem việc của tỳ-kheo đến nói với bạch y.

Bốn là Tỳ-kheo dùng lời nói hai lưỡi đem việc của bạch y đến nói với Tỳ-kheo .

Năm là dùng lời thế tục để mắng.

Có năm việc, đó là hình tướng, sanh chủng, làm, phạm và năm là bịnh.

Lại có năm việc, đó là hình tướng, sanh tướng, tạo nhiều phiền não, làm pháp thế gian và năm là mắng.

Có năm loại da không nên chứa, đó là da Sư tử, da hổ, da báo, da rái cá và năm là da chồn.

Lại có năm loại da không nên chứa, đó là da voi, da ngựa, da chó, da dã can và năm là da nai đen.

Có năm loại y phấn tảo không nên chứa cất, đó là y hỏa thiêu, y bò nhai, y chuột gặm, y của người nữ mới lấy chồng và năm là y của sản phụ.

Có năm việc Tỳ-kheo không nên thọ, đó là nói lời vô nghĩa, nói lời phi pháp, nói lời phi luật, nói lời không thương xót và năm là nói lời không phải răn dạy.

Có năm loại xử phân, đó là xử phân giới (cõi), xử phân thí, xử phân đạo kính hành, xử phân giới (cõi), xử phân kiến.

Có năm loại thần sắc không được cất chứa, đó

là thuần đỏ, thuần xanh, thuần sắc uất kim, thuần vàng lam, thuần sắc Mạn đề tra.

Có năm loại đại sắc không nên cất chứa, đó là sắc Khung già, sắc Kiềm-xà, sắc-lô-da-na, sắc Tha-lệ-đa, sắc Ha-lê-đà-la.

Có năm pháp mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể diệt tránh: Một là không thấy nói thấy, hai là không nghe nói nghe, ba là không nhớ nói nhớ, bốn là không biết nói biết, năm là phi pháp nói là pháp. Ngược với năm pháp trên thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra có thể diệt tránh.

Lại có năm pháp mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể diệt tránh, đó là tùy ái, tùy sân, tùy si, tùy sợ và phi pháp nói là pháp. Ngược với năm pháp trên thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra có thể diệt tránh.

Lại có năm pháp mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra có phạm: Một là không thấy nói thấy, hai là không nghe nói nghe, ba là không nhớ nói nhớ, bốn là không biết nói biết, năm là phi pháp nói là pháp. Ngược với năm pháp trên thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra không có phạm.

Lại có năm pháp Tỳ-kheo làm Thác lại tra có phạm, đó là tùy ái, tùy sân, tùy si, tùy sợ và phi pháp nói là pháp. Ngược với năm pháp trên thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra không phạm.

Lại có năm pháp mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra

không thể diệt tránh:

- Một là không khéo biết tranh cãi.
- Hai là không khéo biết trú xứ của tranh cãi.
- Ba là không khéo phân biệt việc tranh cãi.
- Bốn là không biết nhân duyên để diệt tránh.
- Năm là không biết phát khởi trở lại sau khi diệt tránh xong. Ngược với năm pháp trên thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra có thể diệt tránh.

Lại có năm pháp mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra không thể diệt tránh:

- Một là không khéo biết kinh.
- Hai là không khéo biết luật.
- Ba là không khéo biết tranh cãi.
- Bốn là không khéo biết trú xứ của tranh cãi.
- Năm là không khéo phân biệt việc tranh cãi. Ngược với năm pháp trên thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra có thể diệt tránh.

Có năm pháp mà Tỳ-kheo đủ năm tuổi hạ không y chỉ người khác, đó là biết phạm, biết không phạm, biết khinh, biết trọng và thông suốt giới luật.

Có năm pháp cho là đồng ý mà lấy: Một là thân thiết, hai là còn sống, ba là hiện tiền, bốn là lấy rồi sau sẽ nói cho biết, năm là lấy rồi nghĩ họ sẽ hoan hỉ.

Có năm nhân duyên nên Phật đi xem xét phòng xá:

- Một là vì muốn đoạn dứt Tỳ-kheo nói việc thế tục.

- Hai là vì muốn liệu lý ngọa cụ mà không có người liệu lý.

- Ba là liệu lý xong xuôi thì được an ổn.

- Bốn là vì thăm bịnh Tỳ-kheo bịnh.

- Năm là vì muốn chế giới.

Có năm việc nên Như lai tuy biết mà vẫn hỏi:

- Một là vì muốn làm duyên khởi.

- Hai là vì muốn chế giới.

- Ba là vì phân biệt nghĩa và câu.

- Bốn là vì tương tợ với câu văn trong kinh

- Năm là vì muốn chúng sanh đời sau tự hiểu.

Kinh hành có năm điều lợi ích, đó là mạnh khỏe, có sức, không bịnh, tiêu hóa thức ăn và ý được kiên cố.

Kinh hành lại có năm điều lợi, đó là đi được (luyện bắp chân), giải lao, trừ gió, trừ nóng lạnh và ý được kiên cố.

Có năm việc phát lồ phi pháp:

- Một là đối trước người Biệt trụ.

- Hai là đối trước người phạm bất cọng trụ.

- Ba là đối trước chúng chưa thọ đại giới.

- Bốn là phạm tội Vô tàn.

- Năm là không thấy tội này mà phát lồ.

Ngược với năm pháp trên gọi là phát lồ như

pháp. Có năm việc làm yết ma Khổ thiết phi pháp:

- Một là phi pháp phi luật.

- Hai là nên ngăn, nên bỏ đó.

- Ba là không có việc, không hiện tiền mà làm.

- Bốn là không có người cử tội, không khiến người kia nhớ nghĩ.

- Năm là không hỏi ba lần mà làm.

Ngược với năm việc trên thì gọi là làm yết ma Khổ thiết như pháp.

Có năm pháp gọi là Tỳ-kheo làm Thác lại tra tốt, đó là thấy nói thấy, nghe nói nghe, nhớ nói nhớ, biết nói biết và năm là pháp nói là pháp.

Lại có năm pháp gọi là Tỳ-kheo làm Thác lại tra tốt, đó là không tùy ái, không tùy sân, không tùy si, không tùy sợ và năm là pháp nói là pháp.

Lại có năm pháp gọi là Tỳ-kheo làm Thác lại tra tốt:

- Một là khéo phân biệt thọ lấy sự việc.

- Hai là người không lỗi thì không nói là có lỗi.

- Ba là người có lỗi thì nói là có lỗi.

- Bốn là bên người không thanh tịnh thì sanh không thanh tịnh, bên người thanh tịnh thì sanh thanh tịnh.

- Năm là pháp nói là pháp.

Lại có năm pháp gọi là Tỳ-kheo làm Thác lại tra tốt:

- Một là khéo phân biệt sự việc, không dựa vào thế lực.

- Hai là khi đoán sự trong Tăng, xin phép cho rồi mới cử tội người khác.

- Ba là không có riêng tư thọ sự hối lỗi.

- Bốn là không có riêng tư thấy lỗi của người, cũng không riêng tư nói lỗi của người.

- Năm là pháp nói là pháp.

Lại có năm pháp gọi là Tỳ-kheo làm Thác lại tra tốt:

- Một là khéo thọ lấy việc tranh cãi.

- Hai là khéo biết trú xứ của tranh cãi.

- Ba là khéo phân biệt việc tranh cãi.

- Bốn là khéo biết diệt tránh rồi sẽ không phát khởi trở lại.

- Năm là pháp nói là pháp.

Lại có năm pháp gọi là Tỳ-kheo làm Thác lại tra tốt:

- Một là khéo biết kinh.

- Hai là khéo biết luật.

- Ba là khéo biết tranh cãi.

- Bốn là khéo biết trú xứ của tranh cãi.

- Năm là pháp nói là pháp.

Lại có năm pháp gọi là Tỳ-kheo làm Thác lại tra tốt:

- Một là thọ đại giới đủ mười hạ hay hơn mười

hạ.

- Hai là trì giới.

- Ba là đa văn.

- Bốn là như pháp đoạn nghi cho chính mình và cho người khác.

- Năm là khéo đoạn trừ tà kiến cho mình và cho người khác. Lại có năm pháp gọi là Tỳ-kheo làm Thác lại tra tốt:

- Một là có thể dạy trì giới.

- Hai là có thể dạy Tỳ-ni.

- Ba là có thể dạy A-tỳ-đàm.

- Bốn là nếu đệ tử ở phương khác không thích, có thể tự dẫn về hay nhờ người khác dẫn về.

- Năm là đệ tử bị bịnh có thể chăm sóc hay nhờ người khác chăm sóc.

Lại có năm pháp gọi là Tỳ-kheo làm Thác lại tra tốt, đó là tự mình có đủ tín, giới, thí, huệ và đa văn; lại có thể khiến người khác tùy nhập trụ trong tín, giới, thí, huệ và đa văn.

Lại có năm pháp gọi là Tỳ-kheo làm Thác lại tra tốt, đó là tự mình có thể trụ trong giới vô học, định vô học, huệ vô học, giải thoát và giải thoát tri kiến vô học; lại có thể khiến cho người khác cũng trụ trong giới, định, huệ, giải thoát và giải thoát tri kiến vô học.

Lại có năm pháp gọi là Tỳ-kheo làm Thác lại tra tốt, đó là biết phạm, biết không phạm, biết

khinh, biết trọng và thông suốt giới luật.

Lại có năm pháp gọi là Tỳ-kheo làm Thác lại tra tốt, đó là biết xuất gia, biết yết ma, biết giáo thọ, biết y chỉ và biết chướng đạo hay không chướng đạo.

Sáu pháp và bảy pháp giống như trên đã nói.

8. Tám Pháp

Có tám loại bát không được cất chứa, đó là bát vàng, bát bạc, bát lưu ly, bát pha lê, bát đồng, bát bạch lạp, bát gỗ và bát đá.

9. Chín Pháp

Phật bảo Ưu-ba-ly: "Một Tỳ-kheo không thể phá Tăng, hai, ba, bốn cho đến chín Tỳ-kheo thanh tịnh đồng kiến mới có thể phá Tăng. Một Tỳ-kheo-ni, một Thức-xoa-ma-na, một Sa-di, một Sa-di-ni, một Xuất gia, một Xuất gia ni cho đến chín đều không thể phá Tăng. Phải có chín Tỳ-kheo thanh tịnh đồng kiến mới có thể phá Tăng".

Có chín loại phạm, đó là phạm tội Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la, ác khẩu Đột-kiết-la, Thâu-lan-giá Đột-kiết-la, Tỳ-ni Đột-kiết-la và phạm oai nghi Đột-kiết-la .

Có chín pháp thối thất, đó là giới, kiến, mạng, oai nghi, tự mình, người khác, tri thức (bạn quen biết), vật tư sanh thối thất và sanh tử thối thất. Ngược với chín pháp trên thì gọi là chín pháp

không thối thất.

Có chín pháp mà Tỳ-kheo làm Thác lại tra nên quán sát khi xử đoán, đó là người nói, người tranh cãi, oai nghi, chỗ qua lại, bà con, bạn quen biết, thân khẩu hành, quán sát từ trước đến nay và chín là quán sát nói xấu nhau như thế nào, nên nghe họ nói và nghe từ người khác nói.

Có chín pháp quán sát lời của người kia nói:

- Một là xét xem có đấu tranh hay không đấu tranh.
- Hai là xét xem có tranh cãi hay không tranh cãi.
- Ba là xét xem có giữ cho nhau hay không.
- Bốn là xét xem có nói xấu nhau hay không.
- Năm là xét xem có phạm giới hay không.
- Sáu là xét xem có phạm kiến hay không.
- Bảy là xét xem có phạm mạng hay không.
- Tám là xét về lời nói
- Chín là xét lại những lời người khác nói.

Lúc đó trưởng lão Ưu-ba-ly, trưởng lão A-na-luật đến hỏi Phật về pháp yếu để biết thế nào là Pháp, là luật, là lời Phật dạy. Phật trả lời như trước đã nói.

Có chín pháp y chỉ: Nếu thiện nam tử y chỉ vào lòng tin, bỏ pháp bất thiện, chọn lấy pháp thiện. Đó gọi là bỏ bất thiện lấy thiện; giới, văn, thí và trí cũng giống như vậy. Khi đã trụ trong năm pháp này

thì sẽ chứng được bốn pháp là pháp nhẫn, tùy nhẫn, lạc nhẫn và khí xả nhẫn.

Có ngoại đạo tên là Bà-ha-thọ-hòa đến chỗ Phật thăm hỏi rồi bạch Phật: "Sa-môn Cù-đàm, trước kia Ngài ở dưới gốc cây Ca-hòa-la bên sông Ni-liên thiền tại nước Ưu-lâu-tần-loa, chứng được quả A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Sau đó không lâu, tôi nghe Ngài nói rằng: Bậc Lậu tận A-la-hán không trở lại sanh tử và không làm năm việc là không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục, không cố ý nói dối và không uống rượu. Tôi nghe rồi liền tín thọ", Phật bảo: "Trước đây ta đã nói và nay cũng nói như vậy, bậc Lậu tận A-la-hán không trở lại sanh tử và không làm chín việc là không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục, không cố ý nói dối, không uống rượu, không tùy ái, không tùy sân, không tùy si, và không tùy sợ". Lại có ngoại đạo tên là Sa-đà đến chỗ Phật thăm hỏi rồi cũng nói giống như ngoại đạo Bà-ha-thọ-hòa và Phật cũng đáp giống như trên.

10. Mười Pháp

Có mười loại ngữ, đó là Kinh ngữ, Luật ngữ, Luận ngữ, Hòa thượng ngữ, A-xà-lê ngữ, Giới ngữ, Y ngữ, Bát ngữ, Thực ngữ và Dược ngữ.

Có mười nguyện, đó là Kinh nguyện, Luật nguyện, Luận nguyện, Hòa thượng nguyện, A-xà-lê nguyện, Giới nguyện, Y nguyện, Bát nguyện,

Thực nguyện và Dược nguyện.

Có mười pháp yết ma, đó là đó là đơn bạch yết ma, bạch nhị yết ma, bạch tứ yết ma, Tăng yết ma, Tỳ-kheo làm Thác lại tra yết ma, thuyết giới yết ma, yết ma phi pháp, yết ma như pháp, biệt chúng yết ma và mười là hòa hợp chúng yết ma.

Có mười pháp trị, đó là cho khổ thiết, cho y chỉ, cho khu xuất và cho hạ ý, cho Bất kiến tẫn, cho Bất tác tẫn, cho Ác tà bất trừ tẫn, cho Biệt trụ, cho Ma-na-đỏa và mười là cho Bổn nhật trị.

Lại có mười pháp quở mắng, đó là cho khổ thiết, cho y chỉ, cho khu xuất và cho hạ ý, cho Bất kiến tẫn, cho Bất tác tẫn, cho Ác tà bất trừ tẫn, cho Biệt trụ, cho Ma-na-đỏa và mười là cho Bổn nhật trị.

Có mười pháp ngăn thọ giới, đó là phạm biên tội, vốn là bạch y, bất năng nam, ô nhục Tỳ-kheo-ni, người việt tế, tặc trụ, người giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, người ác tâm làm cho Phật bị thương.

Có mười nạn, đó là nạn vua, nạn giặc, nạn lửa, nạn nước, nạn thú dữ, nạn rồng, nạn người, nạn phi nhơn, nạn liên quan tới mạng sống và nạn phạm hạnh.

Có mười loại phi Tỳ-ni, đó là mười bất thiện nghiệp. Có mười loại Tỳ-ni, đó là mười thiện nghiệp.

Lại Có mười phi Tỳ-ni, đó là mười tà.

Lại Có mười Tỳ-ni, đó là mười trực của bậc Vô học.

Có mười hạng người không có chí, đó là người hành Biệt trụ, người hành Biệt trụ xong, người hành Ma-na-đỏa, người hành Ma-na-đỏa xong, người bị khổ thiết (trị phạt), người đang hành y chỉ, người bị tẫn xuất, người đang hành Hạ ý, người bị Bất kiến tẫn, người bị Bất tác tẫn.

Có mười loại ngăn thuyết giới phi pháp:

- Một là không phạm Ba-la-di, không nêu ra việc Ba-la-di .

- Hai là không khinh trách Tăng, không nêu ra việc khinh trách Tăng.

- Ba là không xả giới, không nêu ra việc xả giới.

- Bốn là tùy thuận việc Tăng như pháp.

- Năm là không phá giới.

- Sáu là không phá kiến.

- Bảy là không thấy.

- Tám là không nghe.

- Mười là không nghi.

Ngược với mười việc trên thì gọi là ngăn thuyết giới như pháp.

Có mười lợi nên Như lai kết giới:

- Một là nhiếp thủ Tăng,

- Hai là khéo nhiếp phục,

- Ba là khiến Tăng được an lạc trụ,
- Bốn là chiết phục người có tâm cống cao,
- Năm là khiến người tàm quý được an lạc,
- Sáu là khiến người không tin được tịnh tín,
- Bảy là khiến người đã tin được tăng trưởng,
- Tám là ngăn phiền não lậu hoặc đời này,
- Chín là đoạn nghiệp ác đời sau,
- Mười là khiến phạm hạnh trụ lâu

Do mười lợi này nên Như lai chế giới, nói kinh, nói luận; nói tụng kinh, luật, luận; nói trì kinh, luật, luận; nói nhiếp kinh, luật, luận; bảo Hòa thượng và A-xà-lê nên dạy oai nghi cho đệ tử cọng hành và đệ tử cận hành; nói Tỳ-ni, nói Ba-la-đề-mộc-xoa, nói thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa, nói ngăn thuyết giới, nói thọ tứ tứ, nói ngăn tự tứ, nói gởi dục, nói thọ dục, nói trì dục, nói thuyết dục, nói lấy dục; nói gởi thanh tịnh, nói thọ thanh tịnh, nói trì thanh tịnh, nói thuyết thanh tịnh, nói lấy thanh tịnh; nói gởi dục thanh tịnh, nói thọ dục thanh tịnh, nói nói trì dục thanh tịnh, nói thuyết dục thanh tịnh, nói lấy dục thanh tịnh; nói y chỉ, nói cho y chỉ, nói thọ y chỉ, nói xả y chỉ; nói chiết phục, nói khu xuất, nói hối lỗi, nói thọ hối lỗi; nói các pháp yết ma như đơn bạch yết ma, bạch nhị yết ma, bạch tứ yết ma, yết ma Khổ thiết, yết ma Y chỉ, yết ma Khu xuất, yết ma Hạ ý, yết ma Bất kiến tẫn, yết ma Bất tác tẫn, yết ma Bất xả ác tà kiến, yết ma Biệt trụ, yết ma

Ma-na-đỏa, yết ma Bổn nhật trị, yết ma Xuất tội, yết ma Mích tội tướng… khiến cho người chưa điều phục được điều phục đều là vì mười lợi ích kể trên.

TƯỚNG TĂNG NHẤT

Hỏi: Việc đã phạm nên nói bạch hay không nên nói bạch?

Đáp: Phạm thì nên nói bạch.

Hỏi: Phạm nên nói là Sắc hay là Phi sắc?

Đáp: Phạm thì nên nói là Sắc.

Hỏi: Phạm nên nói là Khả kiến hay là Bất khả kiến?

Đáp: Phạm thì nên nói là Khả kiến.

Hỏi: Phạm nên nói là Căn số hay là Phi căn số?

Đáp: Phạm nên nói là Căn số.

Hỏi: Phạm nên nói là Hữu lậu hay là Vô lậu?

Đáp: Phạm nên nói là Hữu lậu.

Hỏi: Phạm nên nói là Hữu vi hay là Vô vi?

Đáp: Phạm nên nói là Hữu vi.

Hỏi: Phạm nên nói là thế gian hay là xuất thế gian?

Đáp: Phạm nên nói là thế gian.

Hỏi: Phạm nên nói là nhiếp thuộc Ấm hay không nhiếp thuộc Ấm?

Đáp: Phạm nên nói là nhiếp thuộc Ấm.

Hỏi: Phạm nên nói là nhiếp thuộc Giới hay không nhiếp thuộc Giới?

Đáp là nhiếp thuộc Giới.

Hỏi: Phạm nên nói là thọ hay không thọ? Đáp: Nên nói là thọ.

Hỏi: Phạm nên nói là bốn đại tạo hay không phải bốn đại tạo?,

Đáp là bốn đại tạo.

Hỏi: Phạm nên nói là Tương hay Phi tưởng?

Đáp: Nên nói là Tưởng.

Hỏi: Phạm nên nói là tâm loạn hay không phải tâm loạn?

Đáp là tâm loạn.

Hỏi: Phạm nên nói là nhiễm hay không nhiễm.

Đáp: Có cả nhiễm và không nhiễm.

Nhiễm là cố ý phạm giới Phật đã chế;

Không nhiễm là không cố ý phạm giới.

Hỏi: Phạm nên nói là Tạp hay là Phi tạp?

Đáp: Nên nói là Tạp.

Hỏi: Phạm nên nói là Hữu dục hay là Vô dục?

Đáp: Nên nói là Hữu dục.

Hỏi: Phạm nên nói là có dính mắc hay không có dính mắc?

Đáp là có dính mắc.

Hỏi: Phạm nên nói là Hữu đối hay là Vô đối?

Đáp: Nên nói là Hữu đối.

Hỏi: Phạm nên nói là Hữu tâm hay là Vô tâm?

Đáp: Nên nói là Hữu tâm.

Hỏi: Phạm nên nói là Hữu báo hay là Vô báo?

Đáp: Nên nó là Hữu báo.

Hỏi: Phạm nên nói là nghiệp hay không phải nghiệp?

Đáp: Nên nói là nghiệp.

Hỏi: Phạm nên nói là từ ngoài vào hay là từ trong vào?

Đáp là từ trong vào.

Hỏi: Phạm nên nói là quá khứ, vị lai hay hiện tại?

Đáp: Có cả ba, quá khứ là việc đã phạm rồi nên đối trước người khác phát lồ sám hối; vị lai là việc chưa phạm, ắt sẽ phạm; hiện tại là hiện tiền phạm.

Hỏi: Phạm nên nói là thiện, bất thiện hay vô ký?

Đáp: Nên nói là bất thiện và vô ký, bất thiện là cố ý phạm giới Phật đã chế; vô ký là không cố ý phạm giới.

Hỏi: Phạm nên nói là Dục giới, Sắc giới hay Vô sắc giới?

Đáp là Dục giới.

Hỏi: Phạm nên nó là Học hay là Vô học?

Đáp: Không phải Học, cũng không phải Vô

học.

Hỏi: Phạm nên nói là Kiến đế đoạn hay là Tư duy đoạn?

Đáp là tư duy đoạn.

Hỏi: Có trường hợp làm việc này thì phạm và làm việc này mà không phạm không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo không thọ y Ca-hi-na mà chứa y dư, thường thường ăn, ăn biệt chúng, không bạch mà vào tụ lạc, không mặc Tăng-già-lê mà vào tụ lạc, thì gọi là phạm. Ngược lại nếu Tỳ-kheo thọ y Ca-hi-na thì được chứa y dư, thường thường ăn, ăn biệt chúng, không bạch mà vào tụ lạc, không mặc Tăng-già-lê mà vào tụ lạc, đều không phạm.

Hỏi: Có trường hợp người làm yết ma có phạm và có người làm mà không phạm không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo cho một Tỳ-kheo yết ma Bất kiến tẫn, yết ma Bất tác tẫn hoặc yết ma Bất xả ác tà kiến tẫn. Tỳ-kheo này tự thấy tội, đến xin xả yết ma liền ở ngoài giới cho xả yết ma; sau đó cùng Tỳ-kheo này cọng sự, cùng ở chung và giáo thọ. Tỳ-kheo khác thấy nói rằng: "Tăng đã cho Tỳ-kheo này yết ma Bất kiến tẫn…, thầy chớ nên cùng cọng sự…", đáp là người này đã thấy tội và đã cho xả yết ma, liền hỏi là xả yết ma ở đâu, đáp là ở ngoài giới. Trường hợp cho xả yết ma này là bất thiện xả, là phi pháp xả nên người làm yết ma có phạm. Ngược lại nếu ở trong giới cho xả yết ma tẫn thì

gọi là thiện xả, là như pháp xả và người làm yết ma không phạm.

Hỏi: Có trường hợp phạm mà biết phạm và phạm mà không biết phạm không?

Đáp: Có, biết phạm là biết thể của năm loại phạm; không biết phạm là không biết thể của năm loại phạm, tuy không biết vẫn gọi là phạm.

Hỏi: Có trường hợp tự biết phạm có tội và người khác biết phạm có tội không?

Đáp: Có, tự biết phạm có tội là biết thể của năm loại phạm; người khác biết phạm có tội là Ưu-bà-tắc đáng tin chứng biết .

Hỏi: Có trường hợp phạm mà nhớ phạm và phạm mà không nhớ phạm không?

Đáp: Có, nhớ phạm là nhớ được thể của năm loại phạm; không nhớ phạm là không nhớ được thể của năm loại phạm.

Hỏi: Có trường hợp phạm mà hiện tiền phạm và không hiện tiền phạm không?

Đáp: Có, hiện tiền phạm là hiện có tội đã phạm; không hiện tiền phạm là hiện chưa phạm nhưng ắt sẽ phạm.

Có loại phạm Bất cọng trụ, phạm đủ loại Bất cọng trụ, phạm đủ loại Bất cọng trụ và không phải Bất cọng trụ; đó là trường hợp bị bất kiến tẫn, bất tác tẫn, ác tà bất trừ tẫn, tâm cuồng, tâm loạn, tâm thống khổ.

Có loại tác yết ma cho không được ở chung, đủ loại tác yết ma cho không được ở chung, đủ loại tác yết ma cho không được ở chung và không phải không được ở chung; đó là trường hợp tác yết ma cho bất kiến tẫn, bất tác tẫn, ác tà bất trừ tẫn, tâm cuồng, tâm loạn, tâm thống khổ.

Có loại biết phạm không được ở chung, đủ loại biết phạm không được ở chung, đủ loại biết phạm không được ở chung và không phải không được ở chung; đó là trường hợp bị bất kiến tẫn, bất tác tẫn, ác tà bất trừ tẫn, tâm cuồng, tâm loạn, tâm thống khổ.

Có loại không biết phạm không được ở chung, đủ loại không biết phạm không được ở chung, đủ loại không biết phạm không được ở chung và không phải không được ở chung; đó là trường hợp bị bất kiến tẫn, bất tác tẫn, ác tà bất trừ tẫn, tâm cuồng, tâm loạn, tâm thống khổ.

Có loại tự nói phạm không được ở chung, đủ loại tự nói phạm không được ở chung, đủ loại tự nói phạm không được ở chung và không phải không được ở chung; đó là trường hợp bị bất kiến tẫn, bất tác tẫn, ác tà bất trừ tẫn, tâm cuồng, tâm loạn, tâm thống khổ.

Có loại người khác nói phạm không được ở chung, đủ loại người khác nói phạm không được ở chung, đủ loại người khác nói phạm không được ở

chung và không phải không được ở chung; đó là trường hợp bị bất kiến tẫn, bất tác tẫn, ác tà bất trừ tẫn, tâm cuồng, tâm loạn, tâm thống khổ.

Có loại nhớ phạm không được ở chung, đủ loại nhớ phạm không được ở chung, đủ loại nhớ phạm không được ở chung và không phải không được ở chung; đó là trường hợp bị bất kiến tẫn, bất tác tẫn, ác tà bất trừ tẫn, tâm cuồng, tâm loạn, tâm thống khổ.

Có loại không nhớ phạm không được ở chung, đủ loại không nhớ phạm không được ở chung, đủ loại không nhớ phạm không được ở chung và không phải không được ở chung; đó là trường hợp bị bất kiến tẫn, bất tác tẫn, ác tà bất trừ tẫn, tâm cuồng, tâm loạn, tâm thống khổ.

Có loại hiện tiền phạm không được ở chung, đủ loại hiện tiền phạm không được ở chung, đủ loại hiện tiền phạm không được ở chung và không phải không được ở chung; đó là trường hợp bị bất kiến tẫn, bất tác tẫn, ác tà bất trừ tẫn, tâm cuồng, tâm loạn, tâm thống khổ.

Có loại không hiện tiền phạm không được ở chung, đủ loại không hiện tiền phạm không được ở chung, đủ loại không hiện tiền phạm không được ở chung và không phải không được ở chung; đó là trường hợp bị bất kiến tẫn, bất tác tẫn, ác tà bất trừ tẫn, tâm cuồng, tâm loạn, tâm thống khổ.

Có loại phạm thuộc Tăng làm yết ma chỉ có ba, hai, một người; đó là trường hợp Tăng làm yết ma cho bất kiến tẫn, bất tác tẫn, ác tà bất trừ tẫn, tâm cuồng, tâm loạn, tâm thống khổ.

Có trường hợp người biết Tăng làm yết ma chỉ có ba, hai, một người; đó là trường hợp Tăng làm yết ma cho bất kiến tẫn, bất tác tẫn, ác tà bất trừ tẫn, tâm cuồng, tâm loạn, tâm thống khổ.

Có trường hợp người không biết Tăng làm yết ma chỉ có ba, hai, một người; đó là trường hợp Tăng làm yết ma cho bất kiến tẫn, bất tác tẫn, ác tà bất trừ tẫn, tâm cuồng, tâm loạn, tâm thống khổ.

Có trường hợp tự nói Tăng làm yết ma chỉ có ba, hai, một người; đó là trường hợp Tăng làm yết ma cho bất kiến tẫn, bất tác tẫn, ác tà bất trừ tẫn, tâm cuồng, tâm loạn, tâm thống khổ.

Có trường hợp không tự nói Tăng làm yết ma chỉ có ba, hai, một người; đó là trường hợp Tăng làm yết ma cho bất kiến tẫn, bất tác tẫn, ác tà bất trừ tẫn, tâm cuồng, tâm loạn, tâm thống khổ.

Có trường hợp người nhớ Tăng làm yết ma chỉ có ba, hai, một người; đó là trường hợp Tăng làm yết ma cho bất kiến tẫn, bất tác tẫn, ác tà bất trừ tẫn, tâm cuồng, tâm loạn, tâm thống khổ.

Có trường hợp người không nhớ Tăng làm yết ma chỉ có ba, hai, một người; đó là trường hợp Tăng làm yết ma cho bất kiến tẫn, bất tác tẫn, ác tà

bất trừ tẫn, tâm cuồng, tâm loạn, tâm thống khổ.

Có trường hợp hiện tiền Tăng làm yết ma chỉ có ba, hai, một người; đó là trường hợp Tăng làm yết ma cho bất kiến tẫn, bất tác tẫn, ác tà bất trừ tẫn, tâm cuồng, tâm loạn, tâm thống khổ.

Có trường hợp không hiện tiền Tăng làm yết ma chỉ có ba, hai, một người; đó là trường hợp Tăng làm yết ma cho bất kiến tẫn, bất tác tẫn, ác tà bất trừ tẫn, tâm cuồng, tâm loạn, tâm thống khổ.

Có bốn loại yết ma điều phục là cho khổ thiết, cho y chỉ, cho khu xuất và cho hạ ý.

Hỏi: Có trường hợp từ việc này tự nói phá Tăng thì người chưa thọ giới không được thọ giới, nếu đã thọ rồi thì nên diệt tẫn; và tự nói phá Tăng mà người chưa thọ giới vẫn được thọ giới; người đã thọ rồi vẫn không diệt tẫn hay không?

Đáp: Có, nếu phi pháp khởi tưởng là phi pháp khi tác pháp thấy phá Tăng, thì người chưa thọ giới không được thọ; người đã thọ rồi nên diệt tẫn. Ngược lại nếu khởi tưởng là pháp thì người thọ giới vẫn được thọ, người đã thọ rồi vẫn không diệt tẫn.

Hỏi: Có trường hợp từ việc này tự nói là Tặc trụ thì người chưa thọ giới không được thọ giới, nếu đã thọ rồi thì nên diệt tẫn và tự nói là Tặc trụ mà người chưa thọ giới vẫn được thọ giới, nếu đã thọ rồi vẫn không diệt tẫn hay không?

Đáp: Có, nếu đã hai, ba lần nghe bố tát thì người này, nếu chưa thọ giới thì không được thọ giới, nếu đã thọ rồi thì nên diệt tẫn; nếu một lần bố tát có nghe hay không nghe thì người này, nếu chưa thọ giới vẫn được thọ giới, nếu đã thọ rồi vẫn không diệt tẫn.

Hỏi: Có trường hợp từ việc này tự nói là làm ô nhục Tỳ-kheo-ni thì người chưa thọ giới không được thọ giới, nếu đã thọ rồi thì nên diệt tẫn và tự nói là làm ô nhục Tỳ-kheo-ni mà người chưa thọ giới vẫn được thọ giới, nếu đã thọ rồi vẫn không diệt tẫn hay không?

Đáp: Có, nếu vì dâm dục mà làm ô nhục Tỳ-kheo-ni thì người này, nếu chưa thọ giới không được thọ giới, nếu đã thọ rồi thì nên diệt tẫn. Nếu là dùng thân xúc chạm làm ô nhục Tỳ-kheo-ni thì người này, nếu chưa thọ giới vẫn được thọ giới, nếu đã thọ rồi vẫn không diệt tẫn.

Hỏi: Có trường hợp từ việc này tự nói là tôi giết cha mẹ thì người chưa thọ giới không được thọ giới, nếu đã thọ rồi thì nên diệt tẫn và tự nói là tôi giết cha mẹ mà người chưa thọ giới vẫn được thọ giới, nếu đã thọ rồi vẫn không diệt tẫn hay không?

Đáp: Có, nếu biết đây là cha mẹ, không có tưởng người khác, không phải ngộ sát thì người này, nếu chưa thọ giới thì không được thọ giới, nếu đã thọ rồi thì nên diệt tẫn. Ngược lại nếu không

biết, tưởng là người khác mà ngộ sát thì người này, nếu chưa thọ giới vẫn được thọ giới, nếu đã thọ rồi vẫn không diệt tẫn.

Hỏi: Có phải tâm thiện, tâm bất thiện và tâm vô ký giết cha mẹ đều phạm Ba-la-di và tội nghịch hay không?

Đáp: Phải, nếu cha mẹ bị bịnh chịu khổ não nên khởi tâm giết để được lìa khổ não, đây gọi là tâm thiện giết cha mẹ mà phạm Ba-la-di và tội nghịch. Nếu vì tài lợi mà khởi tâm giết cha mẹ thì đây là tâm bất thiện giết cha mẹ phạm Ba-la-di và tội nghịch. Nếu làm phương tiện để giết rồi đi ngủ, khi ngủ cha mẹ chết thì đây là tâm vô ký giết cha mẹ phạm Ba-la-di và tội nghịch.

Hỏi: Có trường hợp dùng tâm thiện, tâm bất thiện và tâm vô ký giết cha mẹ mà không phạm Ba-la-di và tội nghịch hay không?

Đáp: Có, nếu cha mẹ bị bịnh nặng, cung dưỡng cơm cháo… các món ăn ngon, cha mẹ ăn xong liền mạng chung. Đây là tâm thiện giết cha mẹ mà không phạm Ba-la-di, cũng không phạm tội nghịch. Trường hợp đặt bẫy để giết súc vật nhưng cha mẹ lại sa bẫy, nhân đây mà chết; đây là tâm bất thiện giết cha mẹ mà không phạm Ba-la-di cũng không phạm tội nghịch. Trường hợp bắn vào cây, vào vách, vào bia mà lại trúng nhằm cha mẹ, nhân đây mà chết; đây là tâm vô ký giết cha mẹ không

phạm Ba-la-di cũng không phạm tội nghịch.

Giống như trường hợp giết cha mẹ, giết A-la-hán cũng như vậy.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo cọng sự không vào trong Tăng cũng không gởi dục mà ở trong giới làm tất cả các yết ma mà không phạm hay không?

Đáp: Có, Như lai chí chơn đẳng chánh giác trước đây có nói với Mục-liên rằng: "Từ nay các thầy tự nói Ba-la-đề-mộc-xoa, ta sẽ không đến nói Ba-la-đề-mộc-xoa nữa".

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo không nghe năm loại thuyết giới mà được bố tát hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo ở một mình thì được

Hỏi: Như lời Phật dạy là ở trước người chưa thọ đại giới thì không được thuyết giới, có trường hợp ở trước người chưa thọ đại giới mà được thuyết giới hay không?

Đáp: Có, như trước đây ta có nói trừ các quyến thuộc của vua Ba-tư-nặc, được ở trước vua thuyết giới để khiến cho tâm vua thanh tịnh.

Hỏi: đối với phàm phu, trong ba tâm là tâm thiện phạm hay tâm bất thiện phạm hay tâm vô ký phạm?

Đáp: Cả ba tâm, tâm thiện phạm là như Tỳ-kheo mới thọ giới chưa biết giới tướng nên tự tay nhổ cỏ trước tháp, tự làm sạch cỏ chỗ kinh hành, tự hái hoa…; tâm bất thiện phạm là như Tỳ-kheo

cố ý phạm giới mà Phật đã kết; tâm vô ký phạm là nếu không cố ý phạm giới.

Hỏi: Đối với A-la-hán, trong ba tâm là tâm thiện phạm, hay tâm bất thiện phạm hay tâm vô ký phạm?

Đáp: Bậc A-la-hán nếu có phạm lỗi gì đều là do tâm vô ký. Hỏi: Vì sao?

Đáp: Vì bậc A-la-hán lúc không nhớ có chứa y dư, thường thường ăn, ăn biệt chúng, không bạch mà vào tụ lạc, không mặc Tăng-già-lê mà vào tụ lạc; hoặc lúc ngủ bị người khác khiêng để trên giường cao rộng lớn, hoặc khiêng để trên giường có người nữ; hoặc lúc chưa ngủ thì người chưa thọ đại giới ra khỏi phòng, nhưng khi đang ngủ thì trở lại vào trong phòng nên khi thức dậy liền hối lỗi. Vì thế nên nói bậc A-la-hán phạm lỗi gì đều là do tâm vô ký.

Hỏi: Có trường hợp Tăng bị phá vì Tăng phiền não và Tăng phiền não vì Tăng bị phá không?

Đáp: Có bốn trường hợp, Tăng bị phá không phải vì Tăng phiền não là nếu Tăng bị phá mà không thủ (thọ lấy), không quán mười bốn việc phá Tăng; Tăng phiền não không phải vì tăng bị phá là Tăng tuy thủ và quán mười bốn việc phá Tăng mà Tăng không bị phá; Tăng bị phá vì Tăng phiền não là Tăng bị phá do thủ và quán mười bốn việc phá Tăng; không phải vì Tăng bị phá cũng không phải

vì Tăng phiền não là trừ ba trường hợp trên.

Hỏi: Có trường hợp Tăng bị phá vì Tăng tranh cãi và Tăng tranh cãi vì Tăng bị phá không?

Đáp: Có bốn trường hợp, Tăng bị phá không phải vì Tăng tranh cãi là nếu Tăng bị phá mà việc Tăng không khác, được cúng thí không khác, giới không khác; Tăng tranh cãi không phải vì Tăng bị phá là tuy việc Tăng khác, được cúng thí khác, giới khác nhưng Tăng không bị phá; Tăng bị phá vì Tăng tranh cãi là nếu tăng bị phá mà việc Tăng khác, được cúng thí khác và giới cũng khác; không phải vì Tăng bị phá cũng không phải vì Tăng tranh cãi là trừ ba trường hợp trên.

Hỏi: Có trường hợp Tăng bị phá vì Tăng chia rẽ và Tăng chia rẽ vì Tăng bị phá không?

Đáp: Có bốn trường hợp, Tăng bị phá không phải vì Tăng chia rẽ là nếu Tăng bị phá mà việc Tăng không khác, được cúng thí không khác, giới không khác; Tăng chia rẽ không phải vì Tăng bị phá là tuy việc Tăng khác, được cúng thí khác, giới khác nhưng Tăng không bị phá; Tăng bị phá vì Tăng chia rẽ là nếu Tăng bị phá mà việc Tăng khác, được cúng thí khác, giới cũng khác; không phải vì Tăng bị phá cũng không phải vì Tăng chia rẽ là trừ ba trường hợp trên.

Hỏi: Có trường hợp Phá tăng thì thọ mạng một kiếp và thọ mạng một kiếp là do phá Tăng không?

Đáp: Có bốn trường hợp, không phải Phá tăng thì thọ mạng một kiếp là nếu khởi tưởng là pháp mà Phá tăng; Thọ mạng một kiếp không phải do Phá tăng là như các long vương Y-la, Ma-na-tư, Ca-lưu-già-la, Nan-đà, Bạt-nan-đà, Ca-tỳ-la, A-nhiếp-ba-la, Diêm-la-vương tuy thọ mạng một kiếp nhưng không phải do Phá tăng; Phá tăng thì thọ mạng một kiếp là như Điều đạt phá Tăng; không phải do phá Tăng cũng không phải thọ mạng một kiếp là trừ ba trường hợp trên.

Hỏi: Có trường hợp Phá tăng thì thọ báo một kiếp và thọ báo một kiếp là do Phá tăng không?

Đáp: Có bốn trường hợp, không phải Phá tăng thì thọ báo một kiếp là nếu khởi tưởng là pháp mà Phá tăng; Thọ báo một kiếp không phải do Phá tăng là như các long vương Y-la, Ma-na-tư, Ca-lưu-già-la, Nan-đà, Bạt-nan-đà, Ca-tỳ-la, A-nhiếp-ba-la, Diêm-la-vương tuy thọ báo một kiếp nhưng không phải do Phá tăng; Phá tăng thì thọ báo một kiếp là như Điều đạt phá Tăng; không phải do phá Tăng cũng không phải thọ báo một kiếp là trừ ba trường hợp trên.

Hỏi: Có trường hợp Phá tăng là vì tà kiến và hễ tà kiến là Phá tăng không?

Đáp: Có bốn trường hợp, Phá tăng không phải vì tà kiến như khởi tưởng là pháp mà Phá tăng; không phải hễ tà kiến là Phá tăng như Lục sư ngoại

đạo tuy tà kiến nhưng không Phá tăng; Phá tăng là vì tà kiến như Điều đạt khởi tà kiến mà Phá tăng; không phải Phá tăng vì tà kiến cũng không phải hễ tà kiến là Phá tăng là trừ ba trường hợp trên.

Hỏi: Có trường hợp Phá tăng là vì vô minh và hễ vô minh là Phá tăng không?

Đáp: Có bốn trường hợp, Phá tăng không phải vì vô minh như khởi tưởng là pháp mà Phá tăng; không phải hễ vô minh là Phá tăng như người giết cha me, giết A-la-hán, làm thân Phật bị thương chảy máu tuy vô minh nhưng không Phá tăng; Phá tăng là vì vô minh như Điều đạt; không phải Phá tăng là vì vô minh cũng không phải hễ vô minh là Phá tăng là trừ ba trường hợp trên.

Hỏi: Tỳ-kheo có thể khởi việc phá Tăng hay Tỳ-kheo-ni… có thể khởi việc phá Tăng?

Đáp: Tỳ-kheo có thể khởi việc phá Tăng, không phải Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na… có thể khởi việc phá Tăng.

Hỏi: Phá tăng phạm tội gì? Đáp: Phạm tội Thâu-lan-giá .

Hỏi: Tội Phá tăng nên sám như thế nào?

Đáp: Nên sám tội Thâu-lan-giá

Hỏi: Có trường hợp người thọ việc (như tri sự) là người phạm Bất cọng trụ và người phạm Bất cọng trụ là người thọ việc không?

Đáp: Có bốn trường hợp, người thọ việc không

phải là người phạm Bất cọng trụ là nếu thọ việc và có năm pháp thì không phạm Bất cọng trụ; người phạm Bất cọng trụ không phải là người thọ việc là trong bốn Ba-la-di có tùy phạm một việc, nhưng không thọ việc, không có năm pháp; người thọ việc là người phạm Bất cọng trụ là người thọ việc và có năm pháp mà tùy phạm một việc trong bốn Ba-la-di; không phải người thọ việc là người phạm Bất cọng trụ cũng không phải người phạm Bất cọng trụ là người thọ việc là trừ ba trường hợp trên.

Trường hợp người bị Bất cọng trụ là người phạm đủ loại Bất cọng trụ và người phạm đủ loại Bất cọng trụ không phải là người bị Bất cọng trụ, đó là trường hợp người bị bất kiến tẫn, bất tác tẫn, ác tà bất trừ tẫn, tâm cuồng, tâm loạn, tâm thống khổ; hoặc quở trách chính là chiết phục, chiết phục cũng là quở trách.

Hỏi: Sao gọi là yết ma, sao gọi là việc yết ma?

Đáp: Phạm là nhân của yết ma, chỗ phát khởi sự việc cũng là yết ma; hối lỗi là việc yết ma.

Hỏi: Sao gọi là y Ca-hi-na, sao gọi là thọ y Ca-hi-na, sao gọi là xả y Ca-hi-na?

Đáp: Tên gọi là y Ca-hi-na, có thể khởi chín tâm gọi là thọ y Ca-hi-na, có tám việc nên gọi là xả y Ca-hi-na .

Hỏi: Có trường hợp phi Tỳ-kheo (Tỳ-kheo-ni) phạm mà Tỳ-kheo được thoát và Tỳ-kheo phạm mà

phi Tỳ-kheo được thoát không?

Đáp: Trường hợp phi Tỳ-kheo phạm mà Tỳ-kheo được thoát là nếu Tỳ-kheo-ni phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa không đồng (bất cọng) mà chuyển căn làm Tỳ-kheo thì tội này được diệt. Trường hợp Tỳ-kheo phạm mà phi Tỳ-kheo được thoát là nếu Tỳ-kheo phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa không đồng (bất cọng) mà chuyển căn làm Tỳ-kheo-ni thì tội này được diệt.

Hỏi: Có trường hợp không biết phạm mà hối lỗi và biết phạm mà không hối lỗi không?

Đáp: Trường hợp không biết phạm mà hối lỗi là như Tỳ-kheo lúc ngủ bị người khác khiêng để trên giường cao rộng lớn, hoặc khiêng để trên giường có người nữ; hoặc lúc chưa ngủ thì người chưa thọ đại giới ra khỏi phòng, nhưng khi đang ngủ thì trở lại vào trong phòng nên khi thức dậy liền hối lỗi. Trường hợp biết phạm mà không hối lỗi là như Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa, lúc đáng tác pháp yết ma cho xuất tội, vừa nghe bạch liền ngủ cho đến khi yết ma xong.

Hỏi: Có trường hợp khi ngủ phạm, khi thức dậy hối và khi thức phạm, khi ngủ hối không.

Đáp: Trường hợp khi ngủ phạm, khi thức dậy hối giống như trường hợp không biết phạm mà hối lỗi; trường hợp khi thức phạm, khi ngủ hối cũng giống như trên.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo nói một phương tiện mà phạm ba tội Ba-la-di không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo cọng yếu rằng: "Thầy thấy tôi trộm vật quý trọng , giết người và biết tôi đã nói đắc quả A-la-hán", đây gọi là nói một phương tiện mà phạm ba tội Ba-la-di.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo-ni nói một phương tiện mà phạm bốn tội Ba-la-di không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo-ni nói với Tỳ-kheo-ni cọng yếu rằng: "Cô thấy tôi trộm vật quý trọng , giết người , biết tôi đã nói đắc quả A-la-hán và biết tôi tùy thuận trợ giúp Tỳ-kheo bị tẫn", đây gọi là nói một phương tiện mà phạm bốn tội Ba-la-di.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo ngồi một chỗ mà phạm năm loại giới thể không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo đọa vào việc ăn uống thì phạm Đột-kiết-la, trong nhà học gia tự tay thọ lấy thức ăn thì phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni, không có tịnh nhơn bên cạnh mà thuyết pháp cho người nữ quá năm, sáu lời thì phạm Ba-dật-đề; nói lời thô với người nữ thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa, nói được pháp hơn người thì phạm Ba-la-di.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo dùng một phương tiện mà phạm trăm ngàn tội hoặc hơn nữa hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo ngồi trong đại chúng, dùng một nắm đậu hay một nắm cát rãi lên đại

chúng, tùy cát này rơi trúng người khác bao nhiêu thì theo đó phạm tội bấy nhiêu.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo dùng tâm trộm lấy cắp vật quý trọng của người mà không phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, nếu y bát ở trên đất kéo đi chưa rời khỏi chỗ cũ thì phạm Thâu-lan-giá.

Hỏi: Có trường hợp trộm lấy ba tiền vàng mà phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, đó là lúc tiền vàng đắc giá (lên giá cao)

Hỏi: Có trường hợp trộm lấy năm tiền vàng mà không phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, đó là lúc tiền vàng mất giá (hạ giá)

Hỏi: Có trường hợp lấy ít liền phạm và lấy ít mà không phạm không?

Đáp: Có, nếu lấy ít lông dê đen thì phạm còn lấy ít lông dê xấu thì không phạm.

Hỏi: Có trường hợp lấy nhiều liền phạm và lấy nhiều mà không phạm không?

Đáp: Có, nếu lấy nhiều lông dê đen quá lượng liền phạm, còn lấy nhiều lông dê xấu lại không phạm.

Hỏi: Có trường hợp may y đúng lượng lại phạm và may y đúng lượng thì không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu may y theo kích lượng của Phật thì phạm, còn may y theo kích lượng của mình thì

không phạm.

Hỏi: Có trường hợp nhuộm y thì phạm và nhuộm y không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo được vải mới, khi nhuộm không dùng ba màu làm cho hoại sắc thì phạm, nếu dùng ba màu làm cho hoại sắc thì không phạm.

Hỏi: Có trường hợp từ việc này mà người chưa nhập Sơ thiền (cho đến nhị, tam, tứ thiền) liền phạm Tăng-già-bà-thi-sa và nhập Sơ thiền (cho đến nhị, tam, tứ thiền) lại phạm Tăng-già-bà-thi-sa?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo sai Tỳ-kheo làm phòng xá, sau đó nhập Sơ thiền (cho đến nhị, tam, tứ thiền), trong thời gian nhập thiền, người kia làm xong phòng xá thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa .

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo-ni không phạm tội gì cho đến Đột-kiết-la mà không phải là Tỳ-kheo-ni hay không?

Đáp: Có, đó là người chuyển căn.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo không phạm tội gì cho đến Đột-kiết-la mà không phải là Tỳ-kheo hay không?

Đáp: Có, đó là người chuyển căn

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo ở bên y ngay trong phòng mà lại phá an cư, mất y và tự trái lời hay không?

Đáp: Có, như trước đã nói.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo giết Tỳ-kheo không phải là cha, cũng không phải A-la-hán mà lại phạm Ba-la-di thuộc tội nghịch hay không?

Đáp: Có, đó là người mẹ xuất gia thọ giới chuyển căn.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo-ni giết Tỳ-kheo-ni không phải là mẹ, cũng không phải A-la-hán mà lại phạm Ba-la-di thuộc tội nghịch hay không?

Đáp: Có, đó là người cha xuất gia thọ giới chuyển căn.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo-ni do người khác nói mà phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo-ni tùy thuận Tỳ-kheo bị tẫn, ni Tăng can ba lần mà không chịu bỏ.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo do người khác nói mà phạm Tăng-già-bà-thi-sa hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo muốn phá Tăng, tùy thuận việc phá Tăng, Ô-tha-gia và nói lời chống trái, Tăng can ba lần mà không chịu bỏ.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo do người khác nói mà phạm Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo ác tà kiến, Tăng can ba lần mà không chịu bỏ.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo do người khác nói mà phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo-ni ở trong nhà bạch y

chỉ vẻ cho Tỳ-kheo được thức ăn, Tỳ-kheo không quở mà ăn.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo do người khác nói mà phạm Đột-kiết-la hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo trong lúc nghe thuyết giới, nghe hỏi thanh tịnh ba lần mà không phát lồ với người khác.

Hỏi: Như Phật đã dạy là Tỳ-kheo-ni nếu xả giới thì không được thọ giới trở lại, có trường hợp Tỳ-kheo-ni xả giới rồi cho thọ giới trở lại mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo-ni xả giới rồi chuyển căn làm người nam, cho thọ giới trở lại thì không phạm.

Hỏi: Có trường hợp thân khẩu không phạm mà không phải là Tỳ-kheo-ni hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo-ni thấy Tỳ-kheo-ni khác phạm tội trọng, che giấu cho đến sáng hôm sau thì phạm Ba-la-di.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo phạm bốn loại tội, không phát lồ sám hối mà lại không phạm hay không?

Đáp: Có, đó là người chuyển căn.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo giết người mà không phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, đó là ngộ sát.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo-ni không hành

dâm mà lại phạm tội hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo-ni thấy Tỳ-kheo-ni khác phạm việc dâm, che giấu cho đến sáng hôm sau thì phạm Ba-la-di.

Hỏi: Có trường hợp từ việc này mà phạm Ba-la-di và cũng từ việc này lại phạm Tăng-già-bà-thi-sa hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo-ni phạm thân xúc chạm nhau là Ba-la-di, Tỳ-kheo phạm thân xúc chạm nhau lại là Tăng-già-bà-thi-sa .

Hỏi: Có trường hợp từ việc này mà phạm Ba-la-di và cũng từ việc này lại phạm Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo-ni thấy Tỳ-kheo-ni khác phạm tội trọng, che giấu cho đến sáng hôm sau thì phạm Ba-la-di; Tỳ-kheo che giấu lại phạm Ba-dật-đề.

Hỏi: Có trường hợp từ việc này mà phạm Ba-la-di và cũng từ việc này lại phạm Đột-kiết-la hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo-ni tùy thuận Tỳ-kheo bị tẫn, ni Tăng can ba lần mà không chịu bỏ thì phạm Ba-la-di; Tỳ-kheo tùy thuận lại phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp từ việc này mà phạm Tăng-già-bà-thi-sa và cũng từ việc này lại phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo phạm thân xúc chạm

nhau là Tăng-già-bà-thi-sa; Tỳ-kheo-ni thân xúc chạm nhau lại là Ba-la-di.

Hỏi: Có trường hợp từ việc này mà phạm Tăng-già-bà-thi-sa và cũng từ việc này lại phạm Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo cố ý làm xuất tịnh thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa; Tỳ-kheo-ni cố ý xuất tinh lại phạm Ba-dật-đề.

Hỏi: Có trường hợp từ việc này mà phạm Ba-dật-đề và cũng từ việc này lại phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo đòi thức ăn ngon thì phạm Ba-dật-đề; Tỳ-kheo-ni đòi thức ăn ngon lại phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni.

Hỏi: Có trường hợp từ việc này mà phạm Ba-dật-đề và cũng từ việc này lại phạm Đột-kiết-la hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo-ni đại tiểu tiện trên cỏ tươi thì phạm Ba-dật-đề; Tỳ-kheo lại phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp từ việc này mà phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni và cũng từ việc này lại phạm Đột-kiết-la hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo ở trong nhà học gia tự tay thọ lấy thức ăn thì phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni; Tỳ-kheo-ni lại phạm Đột-kiết-la .

Hỏi: Có trường hợp từ việc này mà phạm Vô

tàn và cũng từ việc này lại phạm Hữu tàn hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo-ni phạm bốn Ba-la-di không đồng (bất cọng) là Vô tàn, Tỳ-kheo lại là Hữu tàn.

Hỏi: Có trường hợp từ việc này mà phạm Ba-la-di và cũng từ việc này lại không phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo-ni thân xúc chạm nam tử thì phạm Ba-la-di, Tỳ-kheo thân xúc chạm người nữ lại không phạm Ba-la-di; Tỳ-kheo-ni che giấu tội trọng của tỳ-kheo-ni khác thì phạm Ba-la-di, Tỳ-kheo che giấu tội trọng của tỳ-kheo khác lại không phạm Ba-la-di; Tỳ-kheo-ni tùy thuận Tỳ-kheo bị tẫn thì phạm Ba-la-di, Tỳ-kheo tùy thuận lại không phạm Ba-la-di.

Hỏi: Có trường hợp từ việc này mà phạm Tăng-già-bà-thi-sa và cũng từ việc này lại không phạm Tăng-già-bà-thi-sa hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo thân xúc chạm thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa, Tỳ-kheo-ni lại không phạm Tăng-già-bà-thi-sa; Tỳ-kheo cố ý làm xuất tinh thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa, Tỳ-kheo-ni lại không phạm Tăng-già-bà-thi-sa; Tỳ-kheo-ni dựa vào thế lực mà nói người thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa, Tỳ-kheo lại không phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Hỏi: Có trường hợp từ việc này mà phạm Ba-

dật-đề và cũng từ việc này lại không phạm Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, Tỳ-kheo-ni cố ý làm xuất tinh thì phạm Ba-dật-đề, Tỳ-kheo lại không phạm Ba-dật-đề; Tỳ-kheo đòi thức ăn ngon thì phạm Ba-dật-đề, Tỳ-kheo-ni lại không phạm Ba-dật-đề; Tỳ-kheo-ni đại tiểu tiện trên cỏ tươi thì phạm Ba-dật-đề, Tỳ-kheo lại không phạm Ba-dật-đề.

Hỏi: Có trường hợp khi được thoát tội lại phạm và khi phạm tội lại được thoát tội hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa, khi được cho yết ma Xuất tội là được thoát tội lại phạm tội mang giày da, phủ hai vai, bịt đầu, chặt cỏ cây… Nếu Tỳ-kheo khi phạm tội Ô-tha-gia mà chuyển căn thì được thoát tội.

Hỏi: Có trường hợp vừa có xả vừa có kết hay không? Đáp: Có, nếu xả giới để kết giới tụ lạc.

Lại hỏi: Nếu đi thì đi đâu?, đáp là đi trong giới.

Hỏi: Nếu muốn luận bàn Tỳ-ni thì nên cầu từ chỗ nào?

Đáp: Nên cầu từ trong giới pháp của tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni; hoặc cầu từ trong bảy pháp, tám pháp tăng nhất; hoặc cầu từ trong đồng và không đồng.

Hỏi: Trường hợp vô căn có thể chuyển, không vào Phật pháp, không thủ diệt, rốt cuộc không thủ diệt là ai?

Đáp: Đó là hóa nhơn. Lại hỏi giết hóa nhơn

phạm tội gì, đáp là Thâu-lan-giá, lại hỏi sám tội gì, đáp là sám tội Thâu-lan-giá.

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 52

TỤNG THỨ CHÍN ƯU BA LY VẤN PHÁP

1. Hỏi Việc Dâm Trong Bốn Ba-La-Di:

Phật tại nước Tỳ-da-ly, trưởng lão Ưu-ba-ly đến chỗ Phật đảnh lễ rồi bạch Phật: "Thế tôn, nếu Tỳ-kheo dùng chú thuật tự tạo ra hình súc sanh để hành dâm thì có phạm Ba-la-di hay không?", Phật bảo: "Nếu tự nhớ nghĩ mình là Tỳ-kheo thì phạm Ba-la-di, nếu không nhớ thì phạm Thâu-lan-giá". Lại hỏi: "Thế tôn, nếu hai Tỳ-kheo dùng chú thuật tự tạo ra hình súc sanh để cùng hành dâm thì có phạm Ba-la-di hay không?", Phật bảo: "Nếu tự nhớ nghĩ mình là Tỳ-kheo thì phạm Ba-la-di, nếu không nhớ thì phạm Thâu-lan-giá".

Lại hỏi: Như Phật đã dạy hành dâm với nữ phi nhơn thì phạm Ba-la-di, sao gọi là nữ phi nhơn?

Đáp: Nếu có thể nắm bắt được thì gọi là phi nhơn.

Lại hỏi: Hành dâm trong miệng tới mức độ nào thì phạm Ba-la-di?

Đáp: Vào quá răng thì phạm Ba-la-di.

Lại hỏi: Nếu thân người nữ bị chặt làm hai, Tỳ-kheo nối lại rồi cùng hành dâm thì có phạm Ba-la-di không?

Đáp: Phạm Ba-la-di.

Lại hỏi: Nếu người nữ bị chặt đầu, Tỳ-kheo hành dâm trong miệng, có phạm Ba-la-di không?

Đáp: là phạm.

Lại hỏi: Nếu người nữ bị chặt đầu, Tỳ-kheo hành dâm ở đường tiểu tiện, có phạm Ba-la-di không?

Đáp: là phạm.

Lại hỏi: Nếu hành dâm ở nơi thân phần khác, có phạm Ba-la-di không?

Đáp: Không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Thâu-lan-giá; nếu xuất tinh thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Lại hỏi: Nếu hành dâm ở nơi môi ngoài răng thì phạm tội gì?.

Đáp: Không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Thâu-lan-giá; nếu xuất tinh thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Lại hỏi: Như Phật đã dạy, người nữ mới chết thân chưa hoại mà cùng hành dâm thì phạm Ba-la-di, sao gọi là thân đã bị hoại?

Đáp: Nếu nữ căn thối rửa hoặc khô hoặc bị côn trùng đục khoét, Tỳ-kheo hành dâm thì không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Thâu-lan-giá; nếu xuất tinh thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Ngược với trên thì gọi là chưa hoại, Tỳ-kheo hành dâm thì phạm

Ba-la-di.

Lại hỏi: Tỳ-kheo hành dâm trong thịt chín, có phạm Ba-la-di không?

Đáp: Không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Thâu-lan-giá; nếu xuất tinh thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo một mình vào trong nhà trống mà phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, như Tỳ-kheo Lam bà na và Tỳ-kheo Nhược tích.

Lại hỏi: Nếu người nữ thân bị tét nút, Tỳ-kheo làm cho dính lại rồi cùng hành dâm, có phạm Ba-la-di không?

Đáp: Không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Thâu-lan-giá; nếu xuất tinh thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa
.

Lại hỏi: Như Phật đã dạy, Tỳ-kheo bọc nam căn rồi hành dâm vào trong ba đường cũng phạm Ba-la-di, có trường hợp bọc nam căn khi vào mà không phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, nếu dùng vải dày, da dày, bao cao su bọc nam căn, khi vào không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Thâu-lan-giá; nếu xuất tinh thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo hành dâm mà không phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, nếu người này trước kia đã phá giới hoặc là Tặc trụ hoặc trước nay vốn là bạch y.

Lại hỏi: Có trường hợp người không thọ giới cụ túc hành dâm mà lại phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, đó là Dữ học Sa-di (tức là Sa-di học hối)

2. Hỏi Việc Trộm Cắp Trong Bốn Ba-La-Di

Phật tại thành Vương xá, trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Thế tôn, nếu Tỳ-kheo đối với hai bộ chúng tám mươi người, thân ở trong số chúng nói hay lấy thẻ thì phạm tội gì?", Phật bảo: "Lấy thẻ thì phạm Thâu-lan-giá, nếu nói tôi ở trong số chúng thì phạm Ba-dật-đề cố ý vọng ngữ".

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo đối với vật không phải tiền cũng không phải là y vật, dùng tâm trộm cắp đem dời chỗ khác, có phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, như trường hợp đánh xu bồ chơi quay số mà dùng tâm trộm quay chuyển răng.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo đến nói với giặc cướp: "Hãy đến lấy, tôi biết chỗ cất vật", nhưng Tỳ-kheo thật không biết chỗ cất vật thì phạm tội gì?

Đáp: Phạm Ba-dật-đề cố ý vọng ngữ, nếu biết giặc không thể lấy được vật mà nói như thế thì phạm Đột-kiết-la. Nếu chỉ cho giặc lấy được năm tiền hay vật trị giá năm tiền vào tay thì phạm Ba-la-di .

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo qua cửa ải có vật đáng đóng thuế mà không đóng thì phạm tội gì?

Đáp: Phạm Ba-la-di, nếu thương nhân nói với

Tỳ-kheo: "Cho tôi gởi vật này qua", nếu Tỳ-kheo cho gởi, qua được cửa ải, vật này phải đóng thuế năm tiền hay vật trị giá năm tiền thì phạm Ba-la-di. Nếu thương nhân nói với Tỳ-kheo: "Cho tôi gởi vật này qua, tiền phải đóng thuế sẽ cho Tỳ-kheo một nữa", Tỳ-kheo cho gởi vật qua, vật này phải đóng thuế năm tiền hay vật trị giá năm tiền thì phạm Ba-la-di. Nếu thương nhân nói với Tỳ-kheo: "Cho tôi gởi vật này qua, tiền phải đóng thuế sẽ cho thầy hết", Tỳ-kheo cho gởi vật qua, vật này phải đóng thuế năm tiền hay vật trị giá năm tiền thì phạm Ba-la-di. Nếu thương nhân đến cửa ải phải đóng thuế, Tỳ-kheo lại chỉ đường khác cho đi qua mà không phải đóng thuế, vật này phải đóng thuế năm tiền hay vật trị giá năm tiền thì phạm Ba-la-di; nếu chưa đến của ải mà chỉ đường khác cho đi thì Tỳ-kheo phạm Thâu-lan-giá, vì đã đoạn mất tiền thu thuế của quan.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo qua cửa ải có vật phải đóng thuế cho đến năm tiền mà không phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, nếu người khác lén bỏ vào trong túi y, Tỳ-kheo không biết thì không phạm; nếu biết mà vẫn mang qua, vật này khó đếm được thì phạm Thâu-lan-giá, nếu không thể đếm được thì phạm Ba-la-di, nếu qua chỗ không phải là chỗ quan thuế thì phạm Thâu-lan-giá, nếu là chỗ quan thuế thì phạm Ba-la-di.

Lại hỏi: Có sáu cách lấy vật của người khác, đó là khổ thiết lấy, khinh mạn lấy, dùng tên người khác để lấy, xúc phạm mà lấy, nhận người gởi rồi lấy luôn và lấy lợi tức. Trong sáu cách lấy này, cách nào phạm Ba-la-di?

Đáp: Trừ lợi tức, năm cách lấy kia đều phạm Ba-la-di, nếu lấy đủ năm tiền thì phạm Ba-la-di, không đủ thì Thâu-lan-giá.

Lại hỏi: Lấy trộm xá lợi Phật thì phạm tội gì?

Đáp: Phạm Thâu-lan-giá, nếu với tâm cung kính nghĩ rằng: "Xá lợi Phật cũng là thầy ta", do tâm thanh tịnh lấy nên không phạm.

Lại hỏi: Lấy trộm kinh thì phạm tội gì?

Đáp: Tùy trị giá bao nhiêu mà kết phạm, nếu trị giá chưa tới năm tiền thì phạm Thâu-lan-giá.

Lại hỏi: Nếu trộm lấy vật cúng dường trong chùa, tháp thì phạm tội gì?

Đáp: Nếu vật cúng dường này có người giữ thì tùy trị giá bao nhiêu mà kết phạm, nếu trị giá chưa tới năm tiền thì phạm Thâu-lan-giá.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo thường ra vào nhà đàn việt, nói với vợ cư sĩ rằng: "Chồng cô đã hứa cho tôi vật như vậy, như vậy" thì phạm tội gì?

Đáp: Nếu dối nói là người chồng nói thì phạm Ba-dật-đề cố ý vọng ngữ, nếu được vật trị giá năm tiền vào tay thì phạm Ba-la-di; chưa tới năm tiền thì phạm Thâu-lan-giá.

Lại hỏi: Nếu bốn Tỳ-kheo dùng tâm trộm cắp đến chỗ tối có y cùng lấy trộm, có phạm Ba-la-di không?

Đáp: Chỉ phạm Thâu-lan-giá, nếu cùng chia thì tùy trị giá bao nhiêu mà kết phạm, nếu trị giá chưa tới năm tiền thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu trên cây cọc có y vật, dùng tâm trộm cắp lấy rời khỏi chỗ ban đầu thì phạm Ba-la-di, lúc đang chọn lựa để lấy thì phạm Thâu-lan-giá, chọn lựa xong lấy được năm tiền hay vật trị giá năm tiền vào tay thì phạm Ba-la-di. Nếu mang cả cây cọc đi thì phạm Thâu-lan-giá, khi lấy y vật rời khỏi cây cọc thì phạm Ba-la-di. Trên giá y có y vật cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác rằng: "Thầy có biết cư sĩ có vật quý trọng như vậy như vậy không?", đáp là biết, Tỳ-kheo này bảo đến lấy trộm mang về, Tỳ-kheo kia nghe lời đến lấy trộm vật rời khỏi chỗ ban đầu thì phạm Ba-la-di.

Lại hỏi: Có trường hợp lấy những vật không quý trọng mà phạm Ba-la-di không?

Đáp: Có, nếu những vật không quý trọng này họp lại trị giá năm tiền thì phạm Ba-la-di.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo với tâm trộm cắp mang vật quý trọng di chuyển nhiều nơi mà lại không phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo với tâm trộm cắp mang vật quý trọng của Hòa thượng, A-xà-lê mà sanh

tâm nghi không biết vật này là của kia có hay không phải là của kia có; nếu vật này là thật của kia có thì Tỳ-kheo lấy trộm phạm Ba-la-di, nếu không phải là của kia có thì Tỳ-kheo lấy trộm phạm Thâu-lan-giá.

Lại hỏi: Như Phật đã dạy dùng tâm trộm cắp lấy năm tiền hay vật trị giá năm tiền vào tay thì phạm Ba-la-di, sao gọi là năm tiền?. Đáp: năm tiền tức là năm đại tiền, một đại tiền trị giá mười sáu tiểu tiền. Nếu là người chưa thọ giới cụ túc khởi tâm trộm cắp mà lấy năm tiền, lấy rời khỏi chỗ cũ thì phạm Đột-kiết-la; khi thọ giới cụ túc chưa xong mà lấy rời khỏi chỗ cũ cũng phạm Đột-kiết-la; khi thọ giới cụ túc xong mà lấy rời khỏi chỗ cũ thì phạm Ba-la-di; nếu người thọ giới cụ túc khởi tâm trộm cắp lấy nhưng lấy rời khỏi chỗ cũ không đủ năm tiền thì phạm Thâu-lan-giá.

Hỏi: Như Phật đã dạy có hai trường hợp trộm lấy đất: Một là nói với nhau mà lấy, hai là nêu tướng mà lấy. Nếu nói với nhau được thắng mà lấy thì có phạm Ba-la-di không?

Đáp: Không được thắng mà lấy thì phạm Thâu-lan-giá, nếu không được thắng mà lại làm tướng để được đất, đất này trị giá năm tiền thì phạm Ba-la-di; phòng nhà cũng như vậy. Nếu Tỳ-kheo lay cây cho rụng quả, trái cây rụng tùy trị giá bao nhiêu mà kết phạm.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo lấy vật của người ở cõi Câu-da-ni chừng bao nhiêu thì phạm Ba-la-di?

Đáp: Nếu vật trị giá năm tiền trở lên thì phạm Ba-la-di, ở cõi Phất vu đãi cũng như vậy.

Lại hỏi: Nếu lấy vật ở cõi Uất đơn việt chừng bao nhiêu thì phạm Ba-la-di?

Đáp: Vì người ở cõi kia vô ngã, không có sở thuộc nên không phạm.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo lấy đồ sắt đồ đồng tùy tính giá mà kết phạm, có trường hợp lấy trộm ba tiền đồng mà phạm Ba-la-di không?

Đáp: Có, nếu lúc đó tiền đồng đắc giá

Lại hỏi: Có trường hợp trộm năm tiền đồng mà không phạm Ba-la-di không?

Đáp: Có, nếu lúc đó tiền đồng mất giá.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo phá kho thóc để lấy thóc thì phạm tội gì? Đáp: Tùy tính theo thời giá mà kết phạm.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo lấy nhiều vật mà không phạm Ba-la-di không?

Đáp: Có, nếu lấy vật của chúng chưa chia, nếu trộm đồ gỗ thì tùy tính giá mà kết phạm. Tỳ-kheo trộm lấy nước cũng vậy, nếu khơi nguồn nước để lấy trộm nước cũng tính theo giá mà kết phạm.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo trì giới thanh tịnh sợ tội, không cho mà lấy ngàn tiền mà không phạm Ba-la-di không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo khởi tưởng là vật của mình, hoặc cho là đồng ý mà lấy, hoặc lấy dùng tạm, hoặc biết vật không có sở thuộc, hoặc điên cuồng tâm loạn và mắc bịnh hoang tưởng sai lầm thì không phạm. Nếu cư sĩ để ngàn tiền ở một chỗ, Tỳ-kheo có tâm trộm phương tiện muốn lấy, cư sĩ nói: "Tiền này con mang đến cúng cho thầy", Tỳ-kheo nghe lời này rồi nhận lấy thì phạm Thâu-lan-giá.

Lại hỏi: Có trường hợp lấy năm tiền rời khỏi chỗ cũ mà không phạm Ba-la-di không?

Đáp: Có, nếu một lần lấy một tiền rời khỏi chỗ cũ, không phải một lần lấy đủ năm tiền thì không phạm Ba-la-di.

Lại hỏi: Nếu số đông người có năm loại vật báu hoặc tợ vật báu chôn giấu trong đất, Tỳ-kheo dùng sức chú thuật hoặc dùng cỏ thuốc để phá hoại hoặc làm cho biến sắc, phá hoại lợi ích của người khác như vậy thì phạm tội gì?

Đáp: Phạm Thâu-lan-giá

Nếu đàn việt thỉnh Tăng thọ thực, Tỳ-kheo theo thứ lớp chưa tới mình mà nói là tới phiên tôi nên đi, thì phạm Ba-dật-đề cố ý vọng ngữ, nếu sai sứ hay đưa tin, đưa thư thì phạm Đột-kiết-la, được thức ăn tùy tính theo giá mà kết phạm.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo dời vật quý trọng của người khác rời khỏi chỗ cũ mà không

phạm Ba-la-di không?

Đáp: Có, nếu y vật của người khác để trên đất, kéo dời đi chưa ra khỏi giới thì không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Thâu-lan-giá. Áo của cư sĩ ở chỗ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo có tâm trộm phương tiện làm tướng nói là y của tôi thì phạm Ba-dật-đề cố ý vọng ngữ. Nếu cư sĩ nói: "Y này của tôi, nếu thấy muốn thì tôi sẽ cho", Tỳ-kheo nhận lấy thì phạm Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo xi đồng thành sắc vàng để qua cửa ải thì phạm Thâu-lan-giá, nếu quan thuế hỏi có vật gì không, tuy có vật mà nói là không thì phạm Ba-dật-đề cố ý vọng ngữ. Nếu Tỳ-kheo vay mượn vật của người khác, sau đó lại nói là không có thì phạm Ba-dật-đề cố ý vọng ngữ. Nếu Tỳ-kheo nhận vật của người gởi, sau đó lại nói là không có nhận thì phạm Ba-dật-đề cố ý vọng ngữ, tùy theo tiền đã lấy hay vật đã lấy đều tính theo thời giá mà kết phạm.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo lấy nhiều vật mà không phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, nếu vật tuy nhiều nhưng trị giá chưa tới năm tiền thì không phạm Ba-la-di.

Lại hỏi: Nếu số đông người nuôi voi ngựa trâu dê…, những con vật này đem lại lợi ích cho họ, nếu Tỳ-kheo thả cho chúng đi thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo có tâm trộm cắp biến hình làm

Tỳ-kheo-ni lấy rời khỏi chỗ cũ thì phạm Ba-la-di; nếu Tỳ-kheo-ni có tâm trộm cắp biến hình làm Tỳ-kheo lấy rời khỏi chỗ cũ cũng phạm Ba-la-di.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo trộm lấy vật quý trọng của người khác mà không phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, nếu người này trước kia đã phá giới hoặc là Tặc trụ hoặc trước nay vốn là bạch y.

Lại hỏi: Có trường hợp người không thọ giới cụ túc trộm vật quý trọng của người mà lại phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, đó là Dữ học Sa-di (tức là Sa-di học hối)

3. Hỏi Việc Giết Hại Trong Bốn Ba-La-Di

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo dùng chú thuật biến hình làm súc sanh để giết người, có phạm Ba-la-di không?

Đáp: Nếu tự nhớ nghĩ mình là Tỳ-kheo thì phạm Ba-la-di, nếu không nhớ nghĩ thì phạm Thâu-lan-giá .

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo giết mẹ mà được đại phước, không phạm tội hay không?

Đáp: Có, Ái gọi là mẹ, nếu Tỳ-kheo giết thì được đại phước, không phạm tội.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo giết cha mà được đại phước, không phạm tội hay không?

Đáp: Có, Hữu lậu gọi là cha, nếu Tỳ-kheo giết

thì được đại phước, không phạm tội

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo làm phương tiện để giết mẹ nhưng lại giết chết người không phải là mẹ, Tỳ-kheo này có phạm Ba-la-di và tội nghịch không?

Đáp: Không phạm, chỉ phạm Thâu-lan-giá.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo làm phương tiện để giết người nhưng lại giết chết người mẹ mình, Tỳ-kheo này có phạm Ba-la-di và tội nghịch không?

Đáp: Không phạm, chỉ phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo làm phương tiện để giết người nhưng lại giết chết phi nhân thì phạm Thâu-lan-giá; nếu làm phương tiện giết phi nhân mà lại giết chết người thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo làm phương tiện để giết A-la-hán nhưng lại giết chết người không phải là A-la-hán, Tỳ-kheo này có phạm Ba-la-di và tội nghịch không?

Đáp: Không phạm, chỉ phạm Thâu-lan-giá.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo làm phương tiện để giết người thường nhưng lại giết chết vị A-la-hán, Tỳ-kheo này có phạm Ba-la-di và tội nghịch không?

Đáp: Không phạm, chỉ phạm Thâu-lan-giá.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo đối với vị thật là A-la-hán khởi tưởng không phải là A-la-hán mà sanh tâm giết, Tỳ-kheo này có phạm Ba-la-di và tội nghịch không?

Đáp: Có, phạm Ba-la-di và tội nghịch.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo đối với vị không phải thật là A-la-hán khởi tưởng là A-la-hán mà sanh tâm giết, Tỳ-kheo này có phạm Ba-la-di và tội nghịch không?

Đáp: Chỉ phạm Ba-la-di, không phạm tội nghịch.

Lại hỏi: Có người nữ bỏ Gia-la lạ, người nữ khác lấy lại để dùng, sau đó sanh con thì người nào là mẹ?

Đáp: Người nữ trước là mẹ.

Lại hỏi: Nếu người con này sau muốn xuất gia nên xin phép người mẹ nào?

Đáp: Nên xin phép người mẹ sau.

Lại hỏi: Nếu người con Tỳ-kheo này giết mẹ, giết người mẹ nào thì phạm Ba-la-di và tội nghịch?

Đáp: Giết người mẹ trước thì phạm Ba-la-di và tội nghịch.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo làm cho người sảy thai mà không phạm Ba-la-di không?

Đáp: Có, nếu người đó mang thai súc sanh.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo làm cho súc sanh sảy thai mà lại phạm Ba-la-di không?

Đáp: Có, nếu súc sanh đó mang thai người.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo muốn giết cha me, làm phương tiện để giết rồi tự gieo mình xuống hầm sâu, Tỳ-kheo này có phạm Ba-la-di và tội nghịch hay không?

Đáp: Nếu cha mẹ chết trước, Tỳ-kheo chết sau thì Tỳ-kheo phạm Ba-la-di và tội nghịch; nếu Tỳ-kheo chết trước, cha mẹ chết sau thì Tỳ-kheo phạm Thâu-lan-giá. Trường hợp làm phương tiện để giết rồi cầm dao tự sát cũng như vậy.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo làm cho cha mẹ chết mà không phạm Ba-la-di và tội nghịch không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo bịnh, cha mẹ đến thăm, Tỳ-kheo đi kinh hành té ngã trên mình cha mẹ làm cho cha mẹ chết, trường hợp này thì không phạm. Nếu Tỳ-kheo bịnh, cha mẹ đến dìu đỡ về nhà, Tỳ-kheo đi khập khểnh nên té ngã trên mình cha mẹ làm cho cha mẹ chết, trường hợp này cũng không phạm. Nếu Tỳ-kheo muốn giết cha mẹ, sanh tâm nghi không biết có phải là cha mẹ hay không, khi tâm định biết rõ là cha mẹ mà giết thì phạm Ba-la-di và tội nghịch. Nếu Tỳ-kheo muốn giết người, sanh tâm nghi không biết là người hay phi nhân, khi tâm định biết rõ là người mà giết thì phạm Ba-la-di.

Có người bắt được giặc, dẫn đi giết, giặc bỏ chạy. Người này dùng thế lực của quan hay của tụ lạc truy tìm đuổi bắt, lúc đó Tỳ-kheo ngược đường đi đến, người đuổi bắt hỏi Tỳ-kheo có thấy giặc không, nếu Tỳ-kheo đối với tên giặc này trước đây có oán hận mà chỉ chỗ giặc trốn, do nguyên nhân này giặc bị bắt và bị giết chết thì Tỳ-kheo phạm

Ba-la-di. Nếu là một đám giặc chạy trốn, Tỳ-kheo chỉ chỗ, tên giặc bị bắt và bị giết không phải là người mà Tỳ-kheo oán hận thì Tỳ-kheo phạm Thâu-lan-giá.

Lại hỏi: Nếu thật là mẹ, Tỳ-kheo khởi tưởng không phải là mẹ để giết thì có phạm Ba-la-di và tội nghịch không?

Đáp: Phạm Ba-la-di và tội nghịch.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo giết người mà không phạm Ba-la-di không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo tự sát thì không phạm. Nếu Tỳ-kheo vì đùa giỡn mà làm cho người khác chết thì phạm Đột-kiết-la. Nếu là người chưa thọ giới cụ túc khởi phương tiện muốn giết người mà giết người thì phạm Đột-kiết-la; khi thọ giới cụ túc chưa xong mà giết người cũng phạm Đột-kiết-la; khi thọ giới cụ túc xong mà giết người thì phạm Ba-la-di; nếu người thọ giới cụ túc khởi tâm muốn giết người thì phạm Thâu-lan-giá.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo giết người mà không phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, nếu người này trước kia đã phá giới hoặc là Tặc trụ hoặc trước nay vốn là bạch y.

Lại hỏi: Có trường hợp người không thọ giới cụ túc giết người mà lại phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, đó là Dữ học Sa-di (tức là Sa-di học hối)

4. Hỏi Việc Vọng Ngữ Trong Bốn Ba-La-Di

Lại hỏi: Bên đại vọng ngữ, phạm khinh trọng như thế nào? Đáp: Nếu Tỳ-kheo nói: "Tôi thối thất quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán", do chưa được mà nói là thối thất nên phạm Thâu-lan-giá, nếu nói là tôi đắc quả thì phạm Ba-la-di.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo nói: "Tôi đắc quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán", có người gạn hỏi, liến nói là tôi không đắc thì Tỳ-kheo phạm tội gì?

Đáp: Phạm Thâu-lan-giá

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo nói là tôi thối thất quả A-la-hán hay quả A-na-hàm thì phạm tội gì?

Đáp: Nếu không đắc quả mà nói thối thất thì phạm Thâu-lan-giá, nếu nói là tôi đắc quả dưới, thối thất quả trên thì phạm Ba-la-di .

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo nói: "Tôi là Học nhân (bậc Hữu học)", có người gạn hỏi: "Học nhân như thế nào?", đáp rằng: "Tôi đa văn, lợi căn, đọc tụng thông suốt, ngồi thiền không ai hơn. Pháp của tỳ-kheo là nên học tất cả thiện pháp nên gọi là Học nhân", thì Tỳ-kheo này phạm tội gì?

Đáp: Phạm Thâu-lan-giá, nếu nói tôi đắc pháp Vô lâu học nên gọi là Học nhân thì phạm Ba-la-di .

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo nói: "Tôi là Vô học nhân (bậc vô học)", có người hỏi: "Vô học như thế

nào?", đáp rằng: "Tôi không còn học nữa, tôi đa văn lợi căn, đọc tụng thông suốt và ngồi thiền nên gọi là Vô học nhân", Tỳ-kheo này phạm tội gì?

Đáp: Phạm Thâu-lan-giá, nếu nói tôi không học pháp Vô lậu học nữa nên gọi là Vô học nhân thì phạm Ba-la-di .

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo nói: "Tôi không sở hữu", nếu có người hỏi: "Vô sở hữu như thế nào?", đáp: "Tôi không có y bát, thời dược, thời phần dược, thất nhật dược và tận hình dược… nên gọi là vô sở hữu", Tỳ-kheo này phạm tội gì?

Đáp: Phạm Thâu-lan-giá, nếu nói tôi không tham dục, sân hận và ngu si nên gọi là vô sở hữu thì phạm Ba-la-di .

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo nói: "Thân của tôi là thân sau cùng", có người hỏi: "Sao gọi là thân sau cùng", đáp: "Thân của tôi trong quá khứ đã trải qua vô số sanh tử, đây là thân sau cùng nên nói là thân sau cùng", Tỳ-kheo này phạm tội gì?

Đáp: Phạm Thâu-lan-giá, nếu nói thân phần này hết thì không còn thọ thân sau nữa nên gọi là thân sau cùng thì phạm Ba-la-di .

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo: "Thầy nên gọi tôi là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán", bị gạn hỏi liền nói là tôi không phải thì Tỳ-kheo này phạm tội gì?

Đáp: Phạm Thâu-lan-giá .

Lại hỏi: Nếu có người nói với Tỳ-kheo: "Có người nói thầy là Tu-đà-hoàn… A-la-hán", đáp: "Ai nói lời đó, tôi không phải Tu-đà-hoàn… A-la-hán", thì Tỳ-kheo này phạm tội gì?

Đáp: Phạm Thâu-lan-giá.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo nói: "Tôi chứng quả Tu-đà-hoàn trong núi Kỳ-xà-quật, chứng quả Tư-đà-hàm ở núi Tỳ bà La-bà, chứng quả A-na-hàm ở núi Tát-bà-Sa-la và chứng quả A-la-hán ở núi Tát-bát-na-cầu-ha", có người gạn hỏi: "Vì nhân duyên gì thầy nói chứng quả Tu-đà-hoàn trong núi Kỳ-xà-quật…?", đáp: "Do tôi ở trong núi đọc tụng tư duy, tinh tấn tu tập cầu quả Tu-đà-hoàn… nên nói như vậy", Tỳ-kheo này phạm tội gì?

Đáp: Phạm Thâu-lan-giá, nếu nói tôi ở trong núi Kỳ-xà-quật tu tập chứng được quả Tu-đà-hoàn… nên nói như vậy, thì phạm Ba-la-di.

Lại hỏi: Có người hỏi Tỳ-kheo: "Thầy có đắc quả không?", lúc đó Tỳ-kheo trong tay đang cầm quả Am-bà, Chiêm-bà, Bà-la-đầu… nên nói là tôi được quả, thì Tỳ-kheo này phạm tội gì?

Đáp: Phạm Thâu-lan-giá

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo nói: "Nhà đàn việt thỉnh Tỳ-kheo tùy ý thọ thực phải là bậc Tu-đà-hoàn… A-la-hán", có người hỏi Tỳ-kheo đó là ai, đáp: "Là tôi, nhưng tôi không phải Tu-đà-hoàn… A-la-hán", thì Tỳ-kheo này phạm tội gì?

Đáp: Phạm Thâu-lan-giá.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo nói: "Nhà đàn việt trải tòa ngồi trang nghiêm chỉ dành cho bậc Tu-đà-hoàn… A-la-hán đến ngồi, tôi theo thứ lớp cũng đã ngồi trên tòa ấy, nhưng tôi không phải là Tu-đà-hoàn… A-la-hán", thì Tỳ-kheo này phạm tội gì?, đáp là phạm Thâu-lan-giá.

Lại hỏi: Có người hỏi Tỳ-kheo: "Những vật cần dùng hằng ngày như y phục, ẩm thực, thuốc thang, ngọa cụ… thầy có được từ đâu?, đáp: "Tôi thọ từ nhà đàn việt , vì đàn việt này nói rằng ai đắc quả Tu-đà-hoàn… A-la-hán thì đến thọ lấy, tôi tuy đến lấy nhưng tôi không phải là Tu-đà-hoàn… A-la-hán", thì Tỳ-kheo này phạm tội gì?

Đáp: Phạm Thâu-lan-giá.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo nói: "Tôi không sợ không sống, không sợ tiếng xấu, không sợ chết, không sợ cõi ác, không sợ đại chúng năm loại sợ này", thì Tỳ-kheo này phạm tội gì?

Đáp: Phạm Thâu-lan-giá, nếu nói tôi đã đoạn dứt năm loại sợ này thì phạm Ba-la-di.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo nói: "Tôi đã đoạn hết kiết sử, dục phược và cái triền", có người hỏi: "Đoạn dứt như thế nào?", đáp: "Trong quá khứ, tôi đã làm cho kiết sử, dục phược và cái triền bại hoại hết rồi", thì Tỳ-kheo này phạm tội gì?

Đáp: Phạm Thâu-lan-giá, nếu nói tôi đã đoạn

dứt hết kiết sử, dục phược và cái triền không còn nữa, thì phạm Ba-la-di.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo nói: "Điều mà vị Thánh đệ tử đạt được, tôi cũng đạt được", có người hỏi: "Thầy đạt được gì?", đáp: "Tôi đọc tụng thông suốt, vấn nạn, ngồi thiền tư duy không lười biếng, đây là điều mà tôi đạt được", thì Tỳ-kheo này phạm tội gì?

Đáp: Phạm Thâu-lan-giá, nếu nói tôi đã đắc pháp mà vị Thánh đệ tử đã đắc thì phạm Ba-la-di.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo nói: "Tôi tu tập năm căn, năm lực và bảy giác ý", có người hỏi tu tập như thế nào, đáp: "Tôi đọc tụng thông suốt, vấn nạn, ngồi thiền tư duy không lười biếng, đây là điều mà tôi tu tập", thì Tỳ-kheo này phạm tội gì?

Đáp: Phạm Thâu-lan-giá, nếu nói tôi đã được năm căn, năm lực và bảy giác ý thì phạm Ba-la-di.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo hư dối nói đã được Thánh pháp mà không phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo muốn nói quả Tu-đà-hoàn mà nói lộn quả Tư-đà-hàm… muốn nói quả A-na-hàm mà nói lộn quả A-la-hán thì không phạm Ba-la-di.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo nói: "Hôm nay tôi không nhập định thế gian", có người hỏi hôm qua thì thế nào, đáp là hôm qua cũng không nhập, thì Tỳ-kheo

này phạm tội gì?

Đáp: Phạm Thâu-lan-giá

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo nói tôi là đại sư, có người hỏi đại sư như thế nào, đáp: "Tôi vì người thuyết pháp giáo hóa, làm việc của bậc đại sư nên gọi là đại sư", thì Tỳ-kheo này phạm tội gì?

Đáp: Phạm Thâu-lan-giá, nếu nói vì tôi nói pháp của đại sư nên gọi là đại sư thì phạm Ba-la-di

Lại hỏi: Có Tỳ-kheo nói tôi là Phật, có người hỏi Phật như thế nào, đáp: "Vì tôi biết ba bất thiện căn, mười bất thiện đạo là không nên làm, nên gọi là Phật", thì Tỳ-kheo này phạm tội gì?

Đáp: Phạm Thâu-lan-giá, nếu nói là vì biết Phật pháp nên gọi là Phật thì phạm Ba-la-di.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo nói tôi là đệ tử của Phật Tỳ bà thi, có người hỏi như thế nào là đệ tử của Phật Tỳ-bà-thi, đáp: "Nếu ai quy y Phật Thích-ca-mâu-ni tức là quy y Phật Tỳ-bà-thi, Phật Thi khi, Phật Tùy diếp, Phật Câu-lưu-tôn, Phật Câu-na-hàm Mâu ni, và Phật Ca-diếp", thì Tỳ-kheo này phạm tội gì?

Đáp: Phạm Thâu-lan-giá, nếu nói do có túc mạng thần thông biết được thì phạm Ba-la-di.

Lại hỏi: Có người hỏi Tỳ-kheo: "Thầy đắc được quả gì?", lúc đó trong tay Tỳ-kheo đang cầm quả Am-la, Ba-na-tát, Diêm phù… liền nói là được quả, thì Tỳ-kheo này phạm tội gì? Đáp: Phạm

Thâu-lan-giá, nếu nói rõ việc của quả chứng thì phạm Ba-la-di.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo viết thư nói tôi là Tu-đà-hoàn… A-la-hán rồi đến nói với Tỳ-kheo: "Tuy trong thư tôi nói đã đắc quả, nhưng tôi thật chưa chứng quả", thì Tỳ-kheo này phạm tội gì?, đáp là phạm Thâu-lan-giá.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo hư dối nói là được Thánh pháp mà không phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, nếu người này trước kia đã phá giới hoặc là Tặc trụ hoặc trước nay vốn là bạch y.

Lại hỏi: Có trường hợp người không thọ giới cụ túc hư dối nói là được Thánh pháp, lại phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, đó là Dữ học Sa-di (tức là Sa-di học hối)

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo một mình vào trong nhà trống mà phạm bốn tội Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, như Tỳ-kheo Lam-bà-na và Tỳ-kheo Nhược-tích làm việc dâm dục phạm dâm, ăn trộm thì trước đã làm phương tiện rồi mới vào nhà lấy trộm, giết người thì trước cũng đã làm nhân duyên rồi mới vào phòng giết và nói dối thì tự nói mình là A-la-hán, phạm tất cả bốn tội đều ở trong phòng này.

5. Hỏi Mười Ba Việc Của Tăng-Già-Bà-Thi-Sa

Phật tại nước Xá-vệ, trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật

Hỏi: Như Phật đã dạy cố ý xuất tinh thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa, nếu Tỳ-kheo trong khi ngủ, tay vọc nam căn, tỉnh dậy xuất tinh thì phạm tội gì?

Đáp: Nếu tỉnh dậy không động tay vọc nữa thì không phạm, nếu còn động tay thì phạm Thâu-lan-giá; nếu lúc thức động tay vọc nam căn, khi ngủ mới xuất tinh thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo động tay nắm bóp nam căn cố ý làm xuất tinh thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa; nếu giữa chừng sanh tâm hối ngừng lại thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu là người chưa thọ giới cụ túc động tay vọc nam căn, xuất tinh thì phạm Đột-kiết-la; khi thọ giới cụ túc chưa xong mà xuất tinh cũng phạm Đột-kiết-la; khi thọ giới cụ túc xong mà xuất tinh thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Lại hỏi: Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa không nhớ ngày tháng thì nên tính từ ngày nào để trị tội?

Đáp: Nên tính từ ngày thọ giới cụ túc để trị.

Hỏi: Có trường hợp phi Tỳ-kheo (Tỳ-kheo-ni) phạm mà Tỳ-kheo được thoát, Tỳ-kheo phạm mà phi Tỳ-kheo được thoát không và người nào phạm tội thì người đó được thoát tội hay không?

Đáp: Có, trường hợp phi Tỳ-kheo phạm mà Tỳ-

kheo được thoát là nếu Tỳ-kheo-ni phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa không đồng (bất cọng) mà chuyển căn làm Tỳ-kheo thì tội này được diệt. Trường hợp Tỳ-kheo phạm mà phi Tỳ-kheo được thoát là nếu Tỳ-kheo phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa không đồng (bất cọng) mà chuyển căn làm Tỳ-kheo-ni thì tội này được diệt. Trường hợp người nào phạm tội thì người đó được thoát tội là nếu Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa mà như pháp trị thì được diệt tội, Tỳ-kheo-ni phạm Tăng-già-bà-thi-sa mà như pháp trị thì được diệt tội.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo cố ý xuất tinh mà không phạm Tăng-già-bà-thi-sa hay không?

Đáp: Có, nếu chưa kết giới mà làm việc này.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo cố ý xuất tinh mà không phạm Tăng-già-bà-thi-sa hay không?

Đáp: Có, nếu người này trước kia đã phá giới hoặc là Tặc trụ hoặc trước nay vốn là bạch y.

Lại hỏi: Có trường hợp người không thọ giới cụ túc cố ý xuất tinh mà lại phạm Tăng-già-bà-thi-sa hay không?

Đáp: Có, đó là Dữ học Sa-di (tức là Sa-di học hối)

Lại hỏi: Như Phật đã dạy xúc phạm hân nữ thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa, có trường hợp Tỳ-kheo xúc chạm thân nữ mà không phạm Tăng-già-bà-thi-sa hay không?

Đáp: Có, nếu người nữ đó thân căn hư hoại, Tỳ-kheo xúc chạm thì phạm Thâu-lan-giá, hoặc Tỳ-kheo thân căn hư hoại mà xúc chạm thân nữ thì phạm Thâu-lan-giá. Tỳ-kheo hẹn với người nữ, nghi không biết có phải là người nữ không, nếu thật là nữ mà xúc chạm thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa; hoặc nghi không biết là người hay phi nhơn, nếu thật là người nữ mà xúc chạm thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu Tỳ-kheo dùng móng tay, răng, lông, chỗ không có thịt để xúc chạm thân nữ thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo yêu thương người nữ này mà xúc chạm người nữ khác thì phạm Thâu-lan-giá, nếu xúc chạm thân người nữ có hai căn thì phạm Thâu-lan-giá, nếu xúc chạm người nữ bất năng cũng phạm Thâu-lan-giá. Tỳ-kheo xúc chạm thân người nam thì phạm Thâu-lan-giá, nếu Tỳ-kheo vừa xúc chạm người nữ mà người nữ chuyển căn thành người nam thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo vừa xúc chạm người nữ liền chuyển căn thành Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo-ni xúc chạm thân nữ thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo vừa xúc chạm người nam mà người nam chuyển căn thành nữ, Tỳ-kheo xúc chạm thân nữ thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu Tỳ-kheo vừa xúc chạm người nam liền chuyển căn thành Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo-ni xúc chạm thân người nam thì phạm Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo-ni vừa xúc chạm người nam mà người nam chuyển căn thành người nữ, Tỳ-kheo-ni xúc chạm

người nữ thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo-ni vừa xúc chạm người nam liền chuyển căn thành Tỳ-kheo, Tỳ-kheo xúc chạm thân nam thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo-ni xúc chạm thân nữ mà người nữ lại chuyển căn thành nam, Tỳ-kheo-ni xúc chạm thân nam thì phạm Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo-ni xúc chạm thân người nữ liền chuyển căn thành Tỳ-kheo, Tỳ-kheo xúc chạm thân nữ thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa .

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo xúc chạm thân người nữ mà không phạm Tăng-già-bà-thi-sa hay không?

Đáp: Có, nếu vì lạnh, vì nóng, vì ấm, không có tâm nhiễm thì không phạm. Nếu xúc chạm người nữ bất năng thì phạm Thâu-lan-giá, xúc chạm người nữ nhập diệt tận định thì phạm Thâu-lan-giá. Lại nữ, nếu vì cứu nạn như cứu lửa, cứu nước, cứu đao binh, cứu ác thú… thì không phạm.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo nói lời thô với người nữ mà không phạm Tăng-già-bà-thi-sa hay không?

Đáp: Có, nếu vì người khác mà nói lời thô, hoặc sai người, hoặc bản tánh nói thô hoặc viết thư hoặc hiện tướng thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu nói lời thô với người nữ bất năng, người nữ có hai đường hợp một, người nữ nhập diệt tận định thì phạm Thâu-lan-giá .

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo đối trước người nữ tự khen ngợi để được cúng dường thân mà không phạm Tăng-già-bà-thi-sa hay không?

Đáp: Có, nếu vì người khác mà tự khen mình, hoặc sai người, hoặc viết thư hoặc hiện tướng thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu tự khen ngợi mình với người nữ bất năng, người nữ có hai đường hợp một, người nữ nhập diệt tận định để mong được cúng dường thân thì phạm Thâu-lan-giá.

Lại hỏi: Nếu mai mối việc nam nữ phối hợp rồi, khi thành Tỳ-kheo lại đến trợ giúp thì phạm tội gì?

Đáp: Phạm Thâu-lan-giá. Nếu cư sĩ muốn hẹn với người nữ nên nhờ Tỳ-kheo nói giúp, Tỳ-kheo đến nói với người nữ, người nữ không nhân lời, Tỳ-kheo trở lại nói cho cư sĩ biết thì Tỳ-kheo phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo nhận lời của người giàu sang đến nói với người nghèo hèn, hoặc nhận lời của người nghèo hèn đến nói với người giàu sang thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu nhận lời của người giàu sang đến nói với người giàu sang, hoặc nhận lời của người nghèo hèn đến nói với người nghèo hèn thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Lại hỏi: Chừng mức độ nào thì gọi là người giàu sang?

Đáp: Cho đến nói ba lần khiến quan thọ dụng thì gọi là giàu sang. Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác: "Thầy mua người nữ, hoặc nói hãy mua

người này" thì phạm Thâu-lan-giá, nếu mua rồi, việc hợp ngẫu thành thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu người nữ này mang thai nam, người nữ kia mang thai nữ, Tỳ-kheo mai mối cho họ đính ước nhau thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo đem lời của chủ nhân chuyển nói cho người khác, cho đến ba người thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo từ bên sứ giả nhận lời rồi chuyển nói cho người khác, sau đó trở lại nói cho chủ nhân biết thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu Tỳ-kheo mai mối cho người nam bất năng, người nữ bất năng, người nữ có hai đường hợp một và thạch nữ thì phạm Thâu-lan-giá.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo làm mai mối mà không phạm Tăng-già-bà-thi-sa hay không?

Đáp: Có, nếu nữ là người, nam-là phi nhân hoặc nam-là người, nữ là phi nhân, hoặc cả hai đều là phi nhân, Tỳ-kheo làm mai mối cho họ thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu cư sĩ hẹn với người nữ rồi hỏi Tỳ-kheo là người nữ đang ở đâu, đáp là ở bên ngoài tường thì Tỳ-kheo phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo với tâm tỉnh táo nhận lời, khi đến người kia nói với tâm cuồng loạn thì phạm Thâu-lan-giá; nếu tâm cuồng loạn nhận lời, đến người kia nói với tâm tỉnh táo thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Có

cư sĩ đến trong chúng tăng nói rằng: "Các thầy nói với cư sĩ để

họ gả con gái hoặc chị em gái cho con tôi", một

Tỳ-kheo nhận lời đến nói với cư sĩ kia thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa; nếu chúng tăng sai một Tỳ-kheo đến nói giúp cho cư sĩ thì chúng tăng phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Có hai cư sĩ là bạn thâm giao, vợ của hai người đều mang thai, người này nói với người kia: "Nếu vợ tôi sanh trai, vợ anh sanh gái thì anh gả con gái cho con trai tôi; ngược lại nếu vợ tôi sanh gái, vợ anh sanh trai thì tôi sẽ gả con gái cho con trai của anh". Vợ người này sanh con trai, người con trai này lớn lên cha mẹ đều qua đời, gia đình trở nên nghèo khó; vợ của người bạn sanh con gái, gia đình giàu có thấy vậy liền bội ước không chịu gả con gái cho. Người con trai này đến nói với Tỳ-kheo thường lui tới nhà rằng: "Xin thầy đến nói với người con gái kia rằng: Khi cô chưa sanh ra, hai bên cha mẹ đã đính ước, nay thấy tôi gia cảnh sa sút nghèo khó nên bội ước không chịu gả cô cho tôi, nhưng cô không nên như vậy, cô hãy đến với tôi", nếu Tỳ-kheo nhận lời đến nói, người nữ này nghe rồi liền đến hòa hợp với người nam này. Lúc đó Tỳ-kheo sanh nghi không biết mình có phạm Tăng-già-bà-thi-sa hay không, đem việc này bạch Phật, Phật bảo không phạm, chỉ phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo nhận lời người nam đến nói với người nữ mà người nam-lại chuyển căn thành nữ, Tỳ-kheo mai mối cho hai người nữ thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo nhận lời người nữ đến nói với người nam mà người nữ lại chuyển căn

thành nam, Tỳ-kheo mai mối cho hai người nam thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo nhận lời mai mối rồi lại chuyển căn thành Tỳ-kheo-ni cũng phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu Tỳ-kheo-ni nhận lời người nam đến nói với người nữ mà người nam-lại chuyển căn thành nữ, Tỳ-kheo-ni mai mối cho hai người nữ thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo-ni nhận lời người nữ đến nói với người nam mà người nữ lại chuyển căn thành nam, Tỳ-kheo-ni mai mối cho hai người nam thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo-ni nhận lời mai mối rồi lại chuyển căn thành Tỳ-kheo cũng phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu là người chưa thọ giới cụ túc nhận lời mai mối, rồi đến nói với người kia thì phạm Đột-kiết-la; khi thọ giới cụ túc chưa xong mà đến nói với người kia cũng phạm Đột-kiết-la; khi thọ giới cụ túc xong mà đến nói với người kia thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa; nếu Tỳ-kheo làm cho cha mẹ hòa hợp lại thì phạm Thâu-lan-giá.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo làm mai mối mà không phạm Tăng-già-bà-thi-sa hay không?

Đáp: Có, nếu người này trước kia đã phá giới hoặc là Tặc trụ hoặc trước nay vốn là bạch y.

Lại hỏi: Có trường hợp người không thọ giới cụ túc làm mai mối mà lại phạm Tăng-già-bà-thi-sa hay không?

Đáp: Có, đó là Dữ học Sa-di (tức là Sa-di học

hối)

Lại hỏi: Như Phật đã dạy, nếu Tỳ-kheo xin làm phòng xá cho mình thì nên làm đúng lượng, có trường hợp Tỳ-kheo xin làm phòng xá cho mình mà không phạm Tăng-già-bà-thi-sa hay không?

Đáp: Có, nếu theo chúng tăng xin đất, không xin làm phòng mà lại làm phòng trên đất đó thì phạm Thâu-lan-giá; nếu xin làm phòng mà không xin đất thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo tự xin làm phòng mà không phạm Tăng-già-bà-thi-sa hay không?

Đáp: Có, nếu người khác làm chưa xong, sau đó Tỳ-kheo làm tiếp cho xong thì phạm Thâu-lan-giá, hoặc Tỳ-kheo làm phòng chưa xong mà xả giới thì phạm Thâu-lan-giá .

Lại hỏi: Khoảng chừng bao nhiêu thì gọi là phòng?

Đáp: Trong phòng chứa đủ bốn oai nghi đi đứng nằm ngồi của một người thì gọi là phòng, giới nhà lớn cũng vậy.

Lại hỏi: Như Phật đã dạy, Tỳ-kheo dùng pháp Ba-la-di không căn cứ vu báng Tỳ-kheo thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa, có trường hợp Tỳ-kheo dùng pháp Ba-la-di không căn cứ vu báng mà không phạm Tăng-già-bà-thi-sa hay không?

Đáp: Có, nếu viết thư hay sai sứ hay hiện

tướng, hoặc vu báng người trước đã phá giới, tặc trụ, người trước nay vốn là bạch y, người bị tẫn, người phạm Bất cọng trụ hay đủ loại Bất cọng trụ, người điên cuồng, tâm loạn, người tâm bịnh hoại. Vì sao, vì những người này tâm không an ổn. Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo là tôi phạm dâm, Tỳ-kheo này nghe rồi liền đem việc không căn cứ vu báng là phạm sát, trộm cắp, nói dối thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo là tôi phạm trộm, Tỳ-kheo này nghe rồi liền đem việc không căn cứ vu báng là phạm dâm, sát, vọng thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo là tôi phạm tội giết người, Tỳ-kheo này nghe rồi liền đem việc không căn cứ vu báng là phạm dâm, trộm, vọng thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo là tôi phạm đại vọng ngữ, Tỳ-kheo này nghe rồi liền đem việc không căn cứ vu báng là phạm dâm, sát, trộm thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu Tỳ-kheo đem pháp Ba-la-di không căn cứ vu báng Tỳ-kheo-ni cũng phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo-ni đem pháp Ba-la-di không căn cứ vu báng cho Tỳ-kheo-ni mà không phạm Tăng-già-bà-thi-sa hay không?

Đáp: Có, giống như trường hợp của tỳ-kheo ở trên, cho đến câu nếu Tỳ-kheo-ni đem pháp Ba-la-di không căn cứ vu báng cho Tỳ-kheo cũng phạm Tăng-già-bà-thi-sa; Tỳ-kheo (Tỳ-kheo-ni) đem

pháp Ba-la-di không căn cứ vu báng cho Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni đều phạm Đột-kiết-la; Thức-xoa-ma-na đem pháp Ba-la-di không căn cứ vu báng Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đều phạm Đột-kiết-la; Sa-di đem pháp Ba-la-di không căn cứ vu báng cho Sa-di, Sa-di-ni, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na đều phạm Đột-kiết-la; Sa-di-ni đem pháp Ba-la-di không căn cứ vu báng cho Sa-di-ni, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di đều phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo đem tội ngũ nghịch không căn cứ vu báng cho Tỳ-kheo như pháp thì phạm tội; nếu vu báng tội giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa; nếu vu báng tội ác tâm làm Phật bị thương chảy máu thì phạm Thâu-lan-giá.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo đem tội ngũ nghịch không căn cứ vu báng Tỳ-kheo không như pháp thì có phạm tội không?

Đáp: Có, nếu vu báng người trước đã phá giới, hoặc tặc trụ hoặc trước nay vốn là bạch y hoặc viết thư hay sai sứ hay hiện tướng, hoặc vu báng người bị tẫn, người phạm Bất cọng trụ hay đủ loại Bất cọng trụ, người điên cuồng, tâm loạn, người tâm bịnh hoại. Vì sao, vì những người này tâm không an ổn. Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo là tôi giết mẹ, Tỳ-kheo này nghe rồi liền đem tội ngũ nghịch không căn cứ vu báng là giết cha, giết A-la-hán thì

phạm Tăng-già-bà-thi-sa; nếu vu báng tội ác tâm làm Phật bị thương chảy máu, phá Tăng thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo là tôi giết cha, Tỳ-kheo này nghe rồi liền đem tội ngũ nghịch không căn cứ vu báng là giết mẹ, giết A-la-hán thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa; nếu vu báng tội ác tâm làm Phật bị thương chảy máu, phá Tăng thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo là tôi giết A-la-hán, Tỳ-kheo này nghe rồi liền đem tội ngũ nghịch không căn cứ vu báng là giết cha, giết mẹ thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa; nếu vu báng tội ác tâm làm Phật bị thương chảy máu, phá Tăng thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo là tôi phá Tăng, Tỳ-kheo này nghe rồi liền đem tội ngũ nghịch không căn cứ vu báng là giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa; nếu vu báng tội ác tâm làm Phật bị thương chảy máu thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo là tôi với ác tâm làm Phật bị thương chảy máu, Tỳ-kheo này nghe rồi liền đem tội ngũ nghịch không căn cứ vu báng là giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa; nếu vu báng tội phá Tăng thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo-ni đem tội ngũ nghịch không căn cứ vu báng Tỳ-kheo-ni như pháp thì phạm tội; nếu vu báng tội giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa; nếu vu báng tội ác tâm làm Phật bị thương chảy máu, phá Tăng thì phạm Thâu-lan-

giá.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo-ni đem tôi ngũ nghịch không căn cứ vu báng cho Tỳ-kheo-ni không như pháp thì có phạm tội không?

Đáp: Có, giống như trường hợp của tỳ-kheo ở trên cho đến câu nếu Tỳ-kheo đem tôi ngũ nghịch không căn cứ vu báng cho Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo-ni đem tội ngũ nghịch không căn cứ vu báng cho Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni đều phạm Đột-kiết-la; Thức-xoa-ma-na đem tội ngũ nghịch không căn cứ vu báng Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đều phạm Đột-kiết-la; Sa-di đem tội ngũ nghịch không căn cứ vu báng cho Sa-di, Sa-di-ni, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na đều phạm Đột-kiết-la; Sa-di-ni đem tội ngũ nghịch không căn cứ vu báng cho Sa-di-ni, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di đều phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo đem việc không căn cứ vu báng lá phá hết giới thì phạm Thâu-lan-giá; nếu vu báng là phá bốn giới trọng thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Lấy chút tội thuộc trong Ba-la-di không căn cứ vu báng cũng giống như vậy.

Lại hỏi: Như Phật đã dạy các Tỳ-kheo nên dịu dàng khuyên can trước, nếu các Tỳ-kheo không dịu dàng khuyên can trước mà liền bạch tứ yết ma can ngăn thì có như pháp hay không?

Đáp: Nếu liền tác pháp can ngăn như vậy thì người tác pháp yết ma phạm Đột-kiết-la .

Lại hỏi: Nếu chưa bạch tứ yết ma mà đuổi đi ra thì có được gọi là đuổi hay không?

Đáp: Được gọi là đuổi nhưng người tác pháp yết ma phạm Đột-kiết-la .

Lại hỏi: Nếu chưa dịu dàng khuyên can ba lần, liền ở trong giới biệt thỉnh người làm yết ma thì có đắc yết ma không?

Đáp: Đắc yết ma nhưng người tác pháp yết ma phạm Thâu-lan-giá vì làm nhân duyên phá Tăng; nếu chúng tăng biết thì chúng tăng phạm tội. Nếu chưa làm yết ma Xuất tội mà Tỳ-kheo phạm tội lại nêu tội của các Tỳ-kheo, nói là tùy ái, tùy sân, tùy sợ, tùy si thì Tỳ-kheo này phạm Đột-kiết-la .

Lại hỏi: Người này có nên can ngăn không? Đáp: Không nên can.

Lại hỏi: Nếu can thì có như pháp không? Đáp: Không như pháp.

Nếu được làm yết ma Xuất tội rồi, Tỳ-kheo này nêu tội của các Tỳ-kheo, nói là tùy ái, tùy sân, tùy sợ, tùy si thì Tỳ-kheo này phạm Thâu-lan-giá .

Lại hỏi: Người này có nên can ngăn không? Đáp: nên can.

Lại hỏi: Nếu can thì có như pháp không? Đáp: như pháp.

Lại hỏi: Như Phật đã dạy, nếu các Tỳ-kheo

không cử tội, không khiến nhớ nghĩ mà Tỳ-kheo phạm tội tự thân làm việc không cùng nói chuyện thì phạm Đột-kiết-la, Tỳ-kheo này có nên khuyên can không?

Đáp: Không nên can.

Lại hỏi: Nếu can thì có thành khuyên can không? Đáp: Không thành.

Lại hỏi: Nếu các Tỳ-kheo cử tội, khiến nhớ nghĩ, Tỳ-kheo phạm tội tự thân làm việc không cùng nói chuyện thì phạm Thâu-lan-giá, Tỳ-kheo này có nên khuyên can không?

Đáp: nên can.

Lại hỏi: Nếu can thì có thành khuyên can không? Đáp: Thành.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo phạm tội ở dưới đất, người tác pháp yết ma ở trên cao thì có được yết ma can ngăn không?

Đáp: Không được

Lại hỏi: Tỳ-kheo phạm tội ở trên cao, người tác pháp yết ma ở dưới đất thì có được yết ma can ngăn không?

Đáp: Không được

Lại hỏi: Tỳ-kheo phạm tội ở trong giới, người tác pháp yết ma ở ngoài giới thì có được yết ma can ngăn không?

Đáp: Không được.

Lại hỏi: Tỳ-kheo phạm tội ở ngoài giới, người

tác pháp yết ma ở trong giới thì có được yết ma can ngăn không?

Đáp: Không được.

Lại hỏi: Nếu cả hai đều ở trong giới thì có được yết ma can ngăn không?

Đáp: là được.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo ở trong bốn trú xứ can ngăn, được can ngăn mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu có cây gỗ hay giường chõng nối liền bốn giới lại, Tỳ-kheo ngồi trên đó yết ma can ngăn thì được can ngăn cả bốn nơi.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo ở một nơi mà can ngăn đủ bốn nơi thì có được như pháp không?

Đáp: Nếu có cây gỗ hay giường chõng nối liền bốn giới lại, Tỳ-kheo ngồi trên đó yết ma can ngăn đủ bốn nơi được như pháp.

Lại hỏi: Có trường hợp một người ở một nơi yết ma can ngăn bốn người ở bốn nơi, mỗi mỗi người đều được can ngăn mà lại không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu có cây gỗ hay giường chõng nối liền bốn giới lại, Tỳ-kheo ngồi trên đó một lúc có thể dùng một yết ma như pháp can ngăn bốn người ở bốn nơi, khiến cho mỗi mỗi người đều được can ngăn.

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 53

ƯU BA LY VẤN PHÁP (Tiếp Theo)

6. Hỏi Về Hai Pháp Bất Định

Hỏi: Nếu Ưu-bà-di nói lời đáng tin (tín ngữ) thấy Tỳ-kheo phạm việc dâm, tùy giới đã phá liền đến bạch các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo có nên theo lời Ưu-bà-di đáng tin này mà trị tội Tỳ-kheo đó hay không?

Đáp: Nên theo lời Ưu-bà-di đáng tin này mà trị Lại hỏi: Có nên cho yết ma Thật tội tướng không? Đáp: Nên cho

Lại hỏi: Nếu có hai Ưu-bà-di nói lời đáng tin (tín ngữ), một người thấy Tỳ-kheo phạm việc dâm, một người thấy Tỳ-kheo trộm cắp, tùy giới đã phá liền đến bạch các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo có nên theo lời hai Ưu-bà-di đáng tin này mà trị tội Tỳ-kheo đó hay không?

Đáp: Nên theo lời hai Ưu-bà-di đáng tin này mà trị Lại hỏi: Có nên cho yết ma Thật tội tướng không? Đáp: Nên cho

Lại hỏi: Nếu Ưu-bà-di nói lời đáng tin (tín ngữ) thấy Tỳ-kheo khi đi đường cùng người nữ làm việc dâm, liền đến bạch các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo có nên theo lời Ưu-bà-di đáng tin này mà trị tội Tỳ-kheo đó hay không?

Đáp: Không nên theo lời Ưu-bà-di đáng tin này mà trị Lại hỏi: Có nên cho yết ma Thật tội tướng không?

Đáp: Không nên cho, nên hỏi Ưu-bà-di đáng tin này: "Lúc đó còn có Ưu-bà-di đáng tin nào cùng thấy hay không?", nếu đáp có thì nên hỏi người kia, nếu người kia cũng nói giống như lời Ưu-bà-di đáng tin thứ nhất thì nên theo như lời hai Ưu-bà-di này mà trị tội và cho Tỳ-kheo đó yết ma Thật tội tướng. Nếu người thứ hai nói không giống như lời của người thứ nhất, như nói: "Tôi chỉ thấy đứng ngồi làm việc dâm chứ không thấy đi", lúc đó các Tỳ-kheo nên gạn hỏi lại Tỳ-kheo đó rồi như lời Tỳ-kheo đó nói mà trị tội.

Lại hỏi: Nếu Ưu-bà-di nói lời đáng tin (tín ngữ) thấy Tỳ-kheo cùng người nữ Sát-đế-lỵ làm việc dâm, liền đến bạch các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo có nên theo lời Ưu-bà-di đáng tin này mà trị tội Tỳ-kheo đó hay không?

Đáp: Không nên theo lời Ưu-bà-di đáng tin này mà trị Lại hỏi: Có nên cho yết ma Thật tội tướng không?

Đáp: Không nên cho, nên hỏi Ưu-bà-di đáng tin này: "Lúc đó còn có Ưu-bà-di đáng tin nào cùng thấy hay không?", nếu đáp có thì nên hỏi người kia, nếu người kia cũng nói giống như lời Ưu-bà-di đáng tin thứ nhất thì nên theo như lời hai Ưu-bà-di này mà trị tội và cho Tỳ-kheo đó yết ma Thật tội tướng. Nếu người thứ hai nói không giống như lời của người thứ nhất, như nói: "Tôi chỉ thấy Tỳ-kheo làm việc dâm với người nữ Bà-la-môn, người nữ Tỳ xá, Thủ-đà-la; chứ không thấy với người nữ Sát-đế-lỵ", lúc đó các Tỳ-kheo nên gạn hỏi lại Tỳ-kheo đó rồi như lời Tỳ-kheo đó nói mà trị tội.

Lại hỏi: Nếu Ưu-bà-di nói lời đáng tin (tín ngữ) thấy Tỳ-kheo cùng người nữ sắc da trắng làm việc dâm, liền đến bạch các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo có nên theo lời Ưu-bà-di đáng tin này mà trị tội Tỳ-kheo đó hay không?

Đáp: Không nên theo lời Ưu-bà-di đáng tin này mà trị Lại hỏi: Có nên cho yết ma Thật tội tướng không?

Đáp: Không nên cho, nên hỏi Ưu-bà-di đáng tin này: "Lúc đó còn có Ưu-bà-di đáng tin nào cùng thấy hay không?", nếu đáp có thì nên hỏi người kia, nếu người kia cũng nói giống như lời Ưu-bà-di đáng tin thứ nhất thì nên theo như lời hai Ưu-bà-di này mà trị tội và cho Tỳ-kheo đó yết ma Thật tội tướng. Nếu người thứ hai nói không giống như lời của người thứ nhất, như nói: "Tôi chỉ thấy Tỳ-kheo

cùng người nữ sắc da đen, sắc da vàng làm việc dâm, chứ không thấy cùng người nữ sắc da trắng", lúc đó các Tỳ-kheo nên gạn hỏi lại Tỳ-kheo đó rồi như lời Tỳ-kheo đó nói mà trị tội.

Lại hỏi: Nếu Ưu-bà-di nói lời đáng tin (tín ngữ) thấy Tỳ-kheo cùng người nữ cao lớn làm việc dâm, liền đến bạch các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo có nên theo lời Ưu-bà-di đáng tin này mà trị tội Tỳ-kheo đó hay không?

Đáp: Không nên theo lời Ưu-bà-di đáng tin này mà trị Lại hỏi: Có nên cho yết ma Thật tội tướng không?

Đáp: Không nên cho, nên hỏi Ưu-bà-di đáng tin này: "Lúc đó còn có Ưu-bà-di đáng tin nào cùng thấy hay không?", nếu đáp có thì nên hỏi người kia, nếu người kia cũng nói giống như lời Ưu-bà-di đáng tin thứ nhất thì nên theo như lời hai Ưu-bà-di này mà trị tội và cho Tỳ-kheo đó yết ma Thật tội tướng. Nếu người thứ hai nói không giống như lời của người thứ nhất, như nói: "Tôi chỉ thấy Tỳ-kheo cùng người nữ lùn thấp, trung bình làm việc dâm, chứ không thấy cùng người nữ cao lớn", lúc đó các Tỳ-kheo nên gạn hỏi lại Tỳ-kheo đó rồi như lời Tỳ-kheo đó nói mà trị tội.

Lại hỏi: Nếu Ưu-bà-di nói lời đáng tin (tín ngữ) thấy Tỳ-kheo cùng người nữ hành dâm nơi đường tiểu tiện, liền đến bạch các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo

có nên theo lời Ưu-bà-di đáng tin này mà trị tội Tỳ-kheo đó hay không?

Đáp: Không nên theo lời Ưu-bà-di đáng tin này mà trị Lại hỏi: Có nên cho yết ma Thật tội tướng không?

Đáp: Không nên cho, nên hỏi Ưu-bà-di đáng tin này: "Lúc đó còn có Ưu-bà-di đáng tin nào cùng thấy hay không?", nếu đáp có thì nên hỏi người kia, nếu người kia cũng nói giống như lời Ưu-bà-di đáng tin thứ nhất thì nên theo như lời hai Ưu-bà-di này mà trị tội và cho Tỳ-kheo đó yết ma Thật tội tướng. Nếu người thứ hai nói không giống như lời của người thứ nhất, như nói: "Tôi chỉ thấy Tỳ-kheo cùng người nữ hành dâm nơi đường đại tiện và trong miệng, chứ không thấy cùng hành dâm nơi đường tiểu tiện", lúc đó các Tỳ-kheo nên gạn hỏi lại Tỳ-kheo đó rồi như lời Tỳ-kheo đó nói mà trị tội.

Lại hỏi: Nếu Ưu-bà-di nói lời đáng tin (tín ngữ) thấy Tỳ-kheo cùng người nữ hành dâm nơi miệng, liền đến bạch các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo có nên theo lời Ưu-bà-di đáng tin này mà trị tội Tỳ-kheo đó hay không?

Đáp: Không nên theo lời Ưu-bà-di đáng tin này mà trị Lại hỏi: Có nên cho yết ma Thật tội tướng không?

Đáp: Không nên cho, nên hỏi Ưu-bà-di đáng

tin này: "Lúc đó còn có Ưu-bà-di đáng tin nào cùng thấy hay không?", nếu đáp có thì nên hỏi người kia, nếu người kia cũng nói giống như lời Ưu-bà-di đáng tin thứ nhất thì nên theo như lời hai Ưu-bà-di này mà trị tội và cho Tỳ-kheo đó yết ma Thật tội tướng. Nếu người thứ hai nói không giống như lời của người thứ nhất, như nói: "Tôi chỉ thấy Tỳ-kheo cùng người nữ hành dâm nơi đường đại tiểu tiện, chứ không thấy cùng người nữ hành dâm nơi miệng", lúc đó các Tỳ-kheo nên gạn hỏi lại Tỳ-kheo đó rồi như lời Tỳ-kheo đó nói mà trị tội.

Lại hỏi: Nếu Ưu-bà-di đáng tin thấy Tỳ-kheo phi thời ăn thạch mật, cho là ăn thịt, liền đến bạch các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo có nên theo lời của Ưu-bà-di đáng tin này mà trị tội Tỳ-kheo đó không?

Đáp: Không nên

Lại hỏi: Có nên cho yết ma Thật tội tướng không?

Đáp: Nên gạn hỏi lại Tỳ-kheo này, nếu Tỳ-kheo nói là tôi không ăn thịt, mà là ăn thạch mật, thì nên nghe theo lời Tỳ-kheo này nói.

Lại hỏi: Nếu Ưu-bà-di đáng tin thấy Tỳ-kheo phi thời ăn tô, cho là ăn cháo lúa mạch, liền đến bạch các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo có nên theo lời của Ưu-bà-di đáng tin này mà trị tội Tỳ-kheo đó không?

Đáp: Không nên

Lại hỏi: Có nên cho yết ma Thật tội tướng không?

Đáp: Nên gạn hỏi lại Tỳ-kheo này, nếu Tỳ-kheo nói là tôi không ăn cháo lúa mạch, mà là ăn tô, thì nên nghe theo lời Tỳ-kheo này nói. Lại hỏi: Nếu Ưu-bà-di đáng tin thấy Tỳ-kheo phi thời uống nước thạch mật, cho là ăn cháo, liền đến bạch các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo có

nên theo lời của Ưu-bà-di đáng tin này mà trị tội Tỳ-kheo đó không?

Đáp: Không nên

Lại hỏi: Có nên cho yết ma Thật tội tướng không?

Đáp: Nên gạn hỏi lại Tỳ-kheo này, nếu Tỳ-kheo nói là tôi không ăn cháo, mà là uống nước thạch mật, thì nên nghe theo lời Tỳ-kheo này nói.

Lại hỏi: Nếu Ưu-bà-di đáng tin thấy Tỳ-kheo xuất tinh ở giữa đùi với người nữ, cho là đang hành dâm dục, liền đến bạch các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo có nên theo lời của Ưu-bà-di đáng tin này mà trị tội Tỳ-kheo đó không?

Đáp: Không nên

Lại hỏi: Có nên cho yết ma Thật tội tướng không?

Đáp: Nên gạn hỏi lại Tỳ-kheo này, nếu Tỳ-kheo nói là tôi không phạm chánh dâm, mà là xuất tinh ở giữa đùi, thì nên nghe theo lời Tỳ-kheo này

nói.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo cùng người nữ đi đường, có hai Ưu-bà-di đáng tin đi phía sau, một người thấy Tỳ-kheo xúc chạm thân người nữ, cho là hành dâm, liền đến bạch các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo có nên theo lời của Ưu-bà-di đáng tin này mà trị tội Tỳ-kheo đó không?

Đáp: Không nên, nên hỏi lại người thứ hai, nếu nói trái ngược nhau thì không nên tin theo lời kia nói

Lại hỏi: Có nên cho yết ma Thật tội tướng không?

Đáp: Nên gạn hỏi lại Tỳ-kheo này và nghe theo lời Tỳ-kheo này tự thú.

Lại hỏi: Nếu Ưu-bà-di nói lời đáng tin (tín ngữ) thấy Tỳ-kheo phạm giới nào trong bốn phẩm giới sau, liền đến bạch các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo có nên theo lời Ưu-bà-di đáng tin này mà trị tội Tỳ-kheo đó hay không?

Đáp: Nên theo lời Ưu-bà-di đáng tin này mà trị Lại hỏi: Có nên cho yết ma Thật tội tướng không? Đáp: Nên cho.

Lại hỏi: Nếu hai Ưu-bà-di nói lời đáng tin (tín ngữ), một người thấy Tỳ-kheo xuất tinh, một người thấy Tỳ-kheo xúc chạm thân người nữ, liền đến bạch các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo có nên theo lời Ưu-bà-di đáng tin này mà trị tội Tỳ-kheo đó hay

không?

Đáp: Nên theo lời Ưu-bà-di đáng tin này mà trị Lại hỏi: Có nên cho yết ma Thật tội tướng không? Đáp: Nên cho.

Lại hỏi: Nếu Ưu-bà-di nói lời đáng tin (tín ngữ) thấy Tỳ-kheo khi đi cố ý xuất tinh, liền đến bạch các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo có nên theo lời Ưu-bà-di đáng tin này mà trị tội Tỳ-kheo đó hay không?

Đáp: Không nên theo lời Ưu-bà-di đáng tin này mà trị Lại hỏi: Có nên cho yết ma Thật tội tướng không?

Đáp: Không nên cho, nên hỏi Ưu-bà-di đáng tin này: "Lúc đó còn có Ưu-bà-di đáng tin nào cùng thấy hay không?", nếu đáp có thì nên hỏi người kia, nếu người kia cũng nói giống như lời Ưu-bà-di đáng tin thứ nhất thì nên theo như lời hai Ưu-bà-di này mà trị tội và cho Tỳ-kheo đó yết ma Thật tội tướng. Nếu người thứ hai nói không giống như lời của người thứ nhất, như nói: "Tôi chỉ thấy khi đứng ngồi xuất tinh, chứ không thấy khi đi", lúc đó các Tỳ-kheo nên gạn hỏi lại Tỳ-kheo đó rồi như lời Tỳ-kheo đó nói mà trị tội.

Lại hỏi: Nếu Ưu-bà-di nói lời đáng tin (tín ngữ) thấy Tỳ-kheo xúc chạm thân người nữ Sát-đế-lỵ, liền đến bạch các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo có nên theo lời Ưu-bà-di đáng tin này mà trị tội Tỳ-kheo đó hay không?

Đáp: Không nên theo lời Ưu-bà-di đáng tin này mà trị Lại hỏi: Có nên cho yết ma Thật tội tướng không?

Đáp: Không nên cho, nên hỏi Ưu-bà-di đáng tin này: "Lúc đó còn có Ưu-bà-di đáng tin nào cùng thấy hay không?", nếu đáp có thì nên hỏi người kia, nếu người kia cũng nói giống như lời Ưu-bà-di đáng tin thứ nhất thì nên theo như lời hai Ưu-bà-di này mà trị tội và cho Tỳ-kheo đó yết ma Thật tội tướng. Nếu người thứ hai nói không giống như lời của người thứ nhất, như nói: "Tôi chỉ thấy Tỳ-kheo xúc chạm người nữ Bà-la-môn, Tỳ xá, Thủ-đà-la, chứ không thấy xúc chạm người nữ Sát-đế-lỵ", lúc đó các Tỳ-kheo nên gạn hỏi lại Tỳ-kheo đó rồi như lời Tỳ-kheo đó nói mà trị tội.

Lại hỏi: Nếu Ưu-bà-di nói lời đáng tin (tín ngữ) thấy Tỳ-kheo xúc chạm người nữ da trắng, liền đến bạch các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo có nên theo lời Ưu-bà-di đáng tin này mà trị tội Tỳ-kheo đó hay không?

Đáp: Không nên theo lời Ưu-bà-di đáng tin này mà trị. Lại hỏi: Có nên cho yết ma Thật tội tướng không?

Đáp: Không nên cho, nên hỏi Ưu-bà-di đáng tin này: "Lúc đó còn có Ưu-bà-di đáng tin nào cùng thấy hay không?", nếu đáp có thì nên hỏi người kia, nếu người kia cũng nói giống như lời Ưu-bà-di

đáng tin thứ nhất thì nên theo như lời hai Ưu-bà-di này mà trị tội và cho Tỳ-kheo đó yết ma Thật tội tướng. Nếu người thứ hai nói không giống như lời của người thứ nhất, như nói: "Tôi chỉ thấy Tỳ-kheo xúc chạm người nữ da đen, da vàng; chứ không thấy xúc chạm người nữ da trắng", lúc đó các Tỳ-kheo nên gạn hỏi lại Tỳ-kheo đó rồi như lời Tỳ-kheo đó nói mà trị tội.

Lại hỏi: Nếu Ưu-bà-di nói lời đáng tin (tín ngữ) thấy Tỳ-kheo xúc chạm thân người nữ cao lớn, liền đến bạch các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo có nên theo lời Ưu-bà-di đáng tin này mà trị tội Tỳ-kheo đó hay không?

Đáp: Không nên theo lời Ưu-bà-di đáng tin này mà trị Lại hỏi: Có nên cho yết ma Thật tội tướng không?

Đáp: Không nên cho, nên hỏi Ưu-bà-di đáng tin này: "Lúc đó còn có Ưu-bà-di đáng tin nào cùng thấy hay không?", nếu đáp có thì nên hỏi người kia, nếu người kia cũng nói giống như lời Ưu-bà-di đáng tin thứ nhất thì nên theo như lời hai Ưu-bà-di này mà trị tội và cho Tỳ-kheo đó yết ma Thật tội tướng. Nếu người thứ hai nói không giống như lời của người thứ nhất, như nói: "Tôi chỉ thấy Tỳ-kheo xúc chạm người nữ lùn thấp, trung bình; chứ không thấy xúc chạm người nữ cao lớn", lúc đó các Tỳ-kheo nên gạn hỏi lại Tỳ-kheo đó rồi như lời Tỳ-kheo đó nói mà trị tội.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo cùng người nữ đi trên đường, có hai Ưu-bà-di đi phía sau, một người thấy Tỳ-kheo khi đi xúc chạm thân người nữ, liền đến bạch các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo có nên theo lời Ưu-bà-di đáng tin này mà trị tội Tỳ-kheo đó hay không?

Đáp: Không nên tin theo lời người này, nên hỏi lại người thứ hai, nếu nói trái ngược nhau thì không nên nghe theo

Lại hỏi: Có nên cho yết ma Thật tội tướng không?

Đáp: Không nên cho, nên gạn hỏi Tỳ-kheo rồi theo lời Tỳ-kheo đó tự nói mà trị.

7. Hỏi Về Ba Mươi Pháp Xả Đọa

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo có nhiều y phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề hoặc bị cháy, bị mục nát, hư hoại hoặc bị trùng cắn, thì nên xả hay không?

Đáp: Không nên xả, Tỳ-kheo này chỉ nên như pháp diệt tội. Lại hỏi: Nếu có đoạn vải dư rách thì nên xả hay không?

Đáp: Không nên xả, chỉ nên như pháp diệt tội.

Lại hỏi: Nếu y có chiều dọc tịnh, chiều ngang bất tịnh hoặc chiều ngang tịnh, chiều dọc bất tịnh hoặc cả hai đều bất tịnh. Bất tịnh là dệt bằng lông lạc đà, lông bò, lông dê đực và dệt tạp; y như vậy có nên xả hay không?

Đáp: Không nên xả.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo được y dư năm ngày thì bị điên cuồng, tâm loạn, tâm bịnh hoại thì nên tính số mười ngày như thế nào?, đáp là tính từ ngày được tự tâm (hết bịnh)

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo chứa y dư trọn đời mà không phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu được y dư chưa đủ mười ngày liền qua đời.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo chứa y dư quá mười ngày một đêm hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo vẫn còn hy vọng được y, ngày thứ mười được y mà không đem cho người, không tác tịnh và không thọ trì, qua đến ngày thứ mười một, khi trời sáng là quá mười ngày một đêm.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo thọ y của chúng tăng mà lìa y ngủ đêm thì nên xả hay không?

Đáp: Không nên xả, chỉ nên như pháp diệt tội.

Lại hỏi: Nếu y ở trong giới, Tỳ-kheo ở ngoài giới đến sáng hôm sau thì Tỳ-kheo này có phạm lìa y ngủ đêm hay không?, đáp là phạm lìa y ngủ đêm.

Lại hỏi: Nếu y ở dưới đất, Tỳ-kheo ở trên cao đến sáng hôm sau thì Tỳ-kheo này có phạm lìa y ngủ đêm hay không?

Đáp là phạm lìa y ngủ đêm.

Lại hỏi: Nếu y ở trên cao, Tỳ-kheo ở dưới đất đến sáng hôm sau thì Tỳ-kheo này có phạm lìa y

ngủ đêm hay không?, đáp là phạm lìa y ngủ đêm.

Lại hỏi: Nếu chưa tác pháp yết ma không lìa y thì cách gần xa khoảng bao nhiêu thì gọi là không lìa y?

Đáp: Từ tường vách, hàng rào trở lại là Tỳ-kheo không lìa ba y, dữ học Sa-di (học hối Sa-di) không lìa ba y; Tỳ-kheo-ni không lìa năm y và dữ học Sa-di-ni (học hối Sa-di-ni) không lìa năm y.

Lại hỏi: Được một tháng để cắt may y, sao gọi là được một tháng để cắt may y cho đến một tháng được chứa?

Đáp: Tác tịnh y

Lại hỏi: Lượng y lớn nhỏ là bao nhiêu?

Đáp: Cho đến che được ba phần thân. Nếu y có chiều dọc tịnh, chiều ngang bất tịnh hoặc chiều ngang tịnh, chiều dọc bất tịnh hoặc cả hai đều bất tịnh thì gọi là y bất tịnh. Bất tịnh là dệt bằng lông lạc đà, lông bò, lông dê đực và dệt tạp. Y như vậy không được chứa cho đến một tháng.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo nhờ Tỳ-kheo-ni không phải bà con giặt nhuộm đập y cũ mà không phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo tự có giặt trước một ít rồi nhờ giặt lại, tự có nhuộm trước một ít rồi nhờ nhuộm lại, tự có đập trước một ít rồi nhờ đập lại. Nếu giặt không gọi là giặt thì bằng với không giặt, phạm Đột-kiết-la; nếu nhuộm không gọi là nhuộm

thì bằng với không nhuộm, phạm Đột-kiết-la; nếu đập không gọi là đập thì bằng với không đập, phạm Đột-kiết-la. Nếu lần lượt nhờ giặt, hoặc sai sứ, viết thư, hiện tướng hoặc vì người khác, hoặc y của chúng tăng hoặc y phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, hoặc y tác tịnh thì đều phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo mặc y sạch vào nhà bạch y mà lại phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo mặc y sạch vào nhà bạch y mà dính phải phân bò hay bùn rồi nhờ Tỳ-kheo-ni không phải bà con giặt giùm thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu y có chiều dọc tịnh, chiều ngang bất tịnh hoặc chiều ngang tịnh, chiều dọc bất tịnh hoặc cả hai đều bất tịnh. Bất tịnh là dệt bằng lông lạc đà, lông bò, lông dê đực và dệt tạp, thì Tỳ-kheo này phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo nhờ Tỳ-kheo-ni không phải bà con giặt y cũ mà Tỳ-kheo-ni lại chuyển căn thành Tỳ-kheo thì phạm Đột-kiết-la; nếu Tỳ-kheo nhờ Tỳ-kheo-ni không phải bà con giặt y cũ mà Tỳ-kheo chuyển căn thành Tỳ-kheo-ni thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo nhờ Tỳ-kheo-ni không phải bà con giặt nhuộm đập y cũ mà không phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu người này trước kia đã phá giới hoặc là Tặc trụ hoặc trước nay vốn là bạch y.

Lại hỏi: Có trường hợp người không thọ giới cụ túc nhờ Tỳ-kheo-ni không phải bà con giặt nhuộm đập y cũ mà lại phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, đó là Dữ học Sa-di (tức là Sa-di học hối)

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo đến cư sĩ, vợ cư sĩ không phải bà con xin y mà không phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề không? Đáp: Có, nếu cư sĩ là bất năng nam, vợ cư sĩ là bất năng nữ hoặc cư sĩ là người có hai căn, vợ cư sĩ là người có hai đường hợp một; Tỳ-kheo đến những người này xin y thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp người không thọ giới cụ túc đến cư sĩ, vợ cư sĩ không phải bà con xin y mà lại phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, đó là dữ học Sa-di (học hối Sa-di). Nếu y có chiều dọc tịnh, chiều ngang bất tịnh hoặc chiều ngang tịnh, chiều dọc bất tịnh hoặc cả hai đều bất tịnh. Bất tịnh là dệt bằng lông lạc đà, lông bò, lông dê đực và dệt tạp; Tỳ-kheo xin những y này thì phạm Đột-kiết-la, xin lông mịn cũng Đột-kiết-la, xin tơ sợi cũng Đột-kiết-la. Nếu là người chưa thọ giới cụ túc đến cư sĩ không phải bà con xin, được y thì phạm Đột-kiết-la; khi thọ giới cụ túc chưa xong xin mà được y cũng phạm Đột-kiết-la; khi thọ giới cụ túc xong xin mà được y thì phạm

Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo đến cư sĩ, vợ cư sĩ không phải bà con xin y mà chuyển căn thành Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo-ni được y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo-ni đến cư sĩ, vợ cư sĩ không phải bà con xin y mà chuyển căn thành Tỳ-kheo, Tỳ-kheo được y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo đối với người không phải bà con mà khởi tưởng là bà con để xin mà không phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo vì lo liệu giá tiền y, Tỳ-kheo khởi tưởng là bà con để xin, được y thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni vì lo liệu giá tiền y; Tỳ-kheo khởi tưởng là bà con để xin, được y thì phạm Đột-kiết-la. Nếu nhiều cư sĩ vì lo liệu giá tiền y, Tỳ-kheo khởi tưởng là bà con để xin, được y thì phạm Đột-kiết-la. Nếu là người chưa thọ giới cụ túc đến cư sĩ không phải bà con để xin, được y thì phạm Đột-kiết-la; khi thọ giới cụ túc chưa xong mà được y cũng phạm Đột-kiết-la; khi thọ giới cụ túc xong đến cư sĩ không phải bà con để xin, được y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; nếu khởi tưởng là bà con để xin, được y thì phạm Đột-kiết-la. Nếu giá tiền y thuộc về phi nhân như trời rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la…; hoặc thuộc người trước đã phá giới, tặc trụ, người trước nay vốn là bạch y, người bị tẫn, người phạm Bất cọng

trụ, người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại và các ngoại đạo khởi tưởng là bà con để xin thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo xin y hoài cho đến quá sáu lần mà không phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu giá tiền y thuộc về người mà gởi ở bên các phi nhân như trời, rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la…, đến xin hoài cho đến quá sáu lần thì phạm Đột-kiết-la. Nếu giá tiền y thuộc về phi nhân như trời rồng, Dạ-xoa… mà gởi ở bên người, đến xin hoài cho đến quá sáu lần thì phạm Đột-kiết-la. Nếu giá tiền y thuộc ngoại đạo mà gởi ở bên người, đến xin hoài quá sáu lần cũng phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo dùng Kiều thi da làm phu cụ mới mà không phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu Kiều thi da mục hoặc là Kiếp bối, hoặc là Bát thạch lộ mộ, hoặc là Đột đột lộ, hoặc chiều dọc tịnh, chiều ngang bất tịnh hoặc chiều ngang tịnh, chiều dọc bất tịnh hoặc cả hai đều bất tịnh. Bất tịnh là dệt bằng lông lạc đà, lông bò, lông dê đực và dệt tạp, thì phạm Đột-kiết-la. Nếu phu cụ làm giảm bớt kích lượng thì phạm Đột-kiết-la; nếu làm bằng lượng y của Phật thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo dùng lông dê thuần đen làm phu cụ mới mà không phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu lông dê mục hoặc chiều dọc tịnh, chiều ngang bất tịnh hoặc chiều ngang tịnh, chiều dọc bất tịnh hoặc cả hai đều bất tịnh. Bất tịnh là dệt bằng lông lạc đà, lông bò, lông dê đực và dệt tạp, thì phạm Đột-kiết-la. Nếu phu cụ làm giảm bớt kích lượng thì phạm Đột-kiết-la; nếu làm bằng lượng y của Phật thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo dùng hai phần lông dê thuần đen, ba phần lông dê trắng và bốn phần lông dê xấu để làm phu cụ mới mà không phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu chiều dọc tịnh, chiều ngang bất tịnh hoặc chiều ngang tịnh, chiều dọc bất tịnh hoặc cả hai đều bất tịnh. Bất tịnh là dệt bằng lông lạc đà, lông bò, lông dê đực và dệt tạp thì phạm Đột-kiết-la. Nếu phu cụ làm giảm bớt kích lượng thì phạm Đột-kiết-la; nếu làm bằng lượng y của Phật thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo trong sáu năm xả phu cụ cũ hoặc không xả mà làm phu cụ mới, lại không phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu có người làm trước nhưng chưa thành, Tỳ-kheo làm tiếp cho thành thì phạm Đột-kiết-la; nếu làm chưa xong liền phản giới hoàn tục

thì phạm Đột-kiết-la. Nếu chiều dọc tịnh, chiều ngang bất tịnh hoặc chiều ngang tịnh, chiều dọc bất tịnh hoặc cả hai đều bất tịnh. Bất tịnh là dệt bằng lông lạc đà, lông bò, lông dê đực và dệt tạp thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo mang lông dê đen đi quá ba do tuần mà không phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu mang bay qua thì không phạm, hoặc cho hóa nhân mang qua thì phạm Đột-kiết-la, nếu Tỳ-kheo biết là hóa nhân thì không phạm.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo nhờ Tỳ-kheo-ni không phải bà con giặt nhuộm và đập lông dê mà không phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo tự có giặt trước một ít rồi nhờ giặt lại, tự có nhuộm trước một ít rồi nhờ nhuộm lại, tự có đập trước một ít rồi nhờ đập lại. Nếu giặt không gọi là giặt thì bằng với không giặt, phạm Đột-kiết-la; nếu nhuộm không gọi là nhuộm thì bằng với không nhuộm, phạm Đột-kiết-la; nếu đập không gọi là đập thì bằng với không đập, phạm Đột-kiết-la. Nếu lần lượt nhờ giặt, hoặc sai sứ, viết thư, hiện tướng hoặc vì người khác, hoặc là lông dê của chúng tăng hoặc là lông dê phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, hoặc là lông dê đã tác tịnh thì đều phạm Đột-kiết-la. Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo tự tay lấy tiền mà không phạm

Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu lấy tợ tiền thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo tự tay lấy tiền mua bán đủ thứ mà không phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu lấy tợ tiền mua bán thì phạm Đột-kiết-la; cùng các phi nhân như trời rồng, Dạ-xoa… mua bán thì phạm Đột-kiết-la; cùng người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại hoặc bà con mua bán thì phạm Đột-kiết-la. Nếu là người chưa thọ giới cụ túc mua bán và được thì phạm Đột-kiết-la; khi thọ giới cụ túc chưa xong mà được cũng phạm Đột-kiết-la; khi thọ giới cụ túc xong mà được thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; nếu người thọ giới cụ túc mua bán và được thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, tất cả trường hợp mua bán khác cũng như vậy.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo chứa bát dư trọn đời mà không phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu được bát dư chưa đủ mười ngày liền qua đời.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo được bát dư năm ngày thì bị điên cuồng, tâm loạn, tâm bịnh hoại thì nên tính số mười ngày như thế nào?

Đáp là tính từ ngày được tự tâm (hết bịnh).

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo chứa lâu bát dư mà không phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu người khác mang bát đến cho, nhưng đã rất lâu mới đến được.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo chứa bát dư quá một đêm mà phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo ngay ngày được bát dư liền chuyển căn thành Tỳ-kheo-ni.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo-ni chứa bát dư mười đêm mà không phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo-ni ngay ngày được bát dư liền chuyển căn thành Tỳ-kheo.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo có nhiều bát phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, tất cả bát này nên ở trong Tăng hành bát phải không?

Đáp: Không nên, chỉ một bát ở trong Tăng hành bát mà thôi, những bát còn lại tùy ý cho người quen biết.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo có bát chưa tới năm lần răng nứt, cầu xin bát mới mà không phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu xin bát mới là bát sành, bát sắt trắng hoặc sai sứ, viết thư, hiện tướng, hoặc xin bát cho người khác thì phạm Đột-kiết-la. Nếu theo ngoại đạo xin bát cũng phạm Đột-kiết-la; nếu bát chưa tới năm lần răng nứt mà dùng vật của mình để mua đổi bát khác thì phạm Đột-kiết-la .

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo xin tơ mịn, lông mịn thì

phạm tội gì?, đáp là Đột-kiết-la .

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo xin tơ rồi bảo thợ dệt không phải bà con dệt thành y mà không phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu y có chiều dọc tịnh, chiều ngang bất tịnh hoặc chiều ngang tịnh, chiều dọc bất tịnh hoặc cả hai đều bất tịnh. Bất tịnh là dệt bằng lông lạc đà, lông bò, lông dê đực và dệt tạp, thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo nơi người không phải bà con khởi tưởng là đồng ý mà khuyên hùn tiền mua y, lại không phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu cư sĩ là bất năng nam hoặc người có hai căn và vợ cư sĩ là bất năng nữ hoặc là người có hai đường hợp một, khởi tưởng là đồng ý mà khuyên hùn tiền mua y thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo cho Tỳ-kheo khác y rồi, sau vì tức giận đoạt lấy lại mà không phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo thọ pháp đem y cho Tỳ-kheo không thọ pháp hoặc Tỳ-kheo không thọ pháp đem y cho Tỳ-kheo thọ pháp, sau đó vì tức giận đoạt lấy lại thì phạm Đột-kiết-la. Nếu y có chiều dọc tịnh, chiều ngang bất tịnh hoặc chiều ngang tịnh, chiều dọc bất tịnh hoặc cả hai đều bất tịnh. Bất tịnh là dệt bằng lông lạc đà, lông bò, lông

dê đực và dệt tạp, đoạt lấy lại thì phạm Đột-kiết-la. Nếu đem y cho người trước đã phá giới hoặc tặc trụ hoặc người trước nay vốn là bạch y, sau tức giận đoạt lấy lại thì phạm Đột-kiết-la. Nếu y này làm giảm bớt kích lượng, tức giận đoạt lấy lại thì phạm Đột-kiết-la; nếu làm bằng lượng y của Phật, tức giận đoạt lấy lại thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo đem y cho Tỳ-kheo mà Tỳ-kheo này chuyển căn thành Tỳ-kheo-ni, đoạt lấy y lại thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo đem y cho Tỳ-kheo rồi chuyển căn thành Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo-ni này đoạt lấy y lại từ Tỳ-kheo thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Thọ y Ca-hi-na xong, nhằm vào tháng thuần thì người thọ y Ca-hi-na nên làm gì?

Đáp: Nên theo số an cư.

Lại hỏi: Thọ y Ca-hi-na có nên như bố tát mà làm yết ma không?

Đáp là nên làm.

Lại hỏi: Thọ y Ca-hi-na xong có nên làm yết ma xả không? Đáp là nên làm.

Lại hỏi: Khi nào thọ y Ca-hi-na?

Đáp: Vào cuối tháng của tháng cuối hạ. Lại hỏi: Khi nào nên xả?

Đáp: Từ cuối tháng của tháng cuối hạ cho đến hết bốn tháng đông nên xả.

Lại hỏi: Y cấp thí có được làm thời y hay không?

Đáp: Được, nếu y có chiều dọc tịnh, chiều ngang bất tịnh hoặc chiều ngang tịnh, chiều dọc bất tịnh hoặc cả hai đều bất tịnh. Bất tịnh là dệt bằng lông lạc đà, lông bò, lông dê đực và dệt tạp, thì không nên đình lại để làm thời y.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo trong ba y lìa một y ngủ đêm mà không phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu hậu an cư chưa đủ (ba tháng hậu an cư) hoặc Tỳ-kheo A-lan-nhã, trong ba y nếu để lại một y trong phòng thuộc nội giới, có chút nhân duyên ra ngoài giới nói rằng sẽ trở về đây ngủ; nhưng lại có nhân duyên khác không thể trở về kịp, nên ngủ lại đêm ở ngoài giới cho đến sáng hôm sau thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: qua hết mùa xuân một tháng, có trường hợp Tỳ-kheo xin áo tắm mưa chứa quá nữa tháng mà không phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu y có chiều dọc tịnh, chiều ngang bất tịnh hoặc chiều ngang tịnh, chiều dọc bất tịnh hoặc cả hai đều bất tịnh. Bất tịnh là dệt bằng lông lạc đà, lông bò, lông dê đực và dệt tạp, thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo xin y hoặc vật từ mẹ mà phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu mẹ làm y hoặc vật cúng cho chúng Tăng, Tỳ-kheo hồi chuyển đem về cho mình

thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; nếu lấy vật này từ ngoài giới thì phạm Đột-kiết-la; nếu hai, ba, bốn lần lấy với tâm trộm cắp thì theo như pháp mà kết phạm.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo phi thời thọ mía, phi thời ép, phi thời lượt, phi thời thọ thì phi thời được dùng không?

Đáp: Không được.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo trong thời thọ mía, phi thời ép, phi thời lượt, phi thời thọ thì phi thời được dùng không?

Đáp: Không được.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo trong thời thọ mía, trong thời ép, phi thời lượt, phi thời thọ thì phi thời được dùng không?

Đáp: Không được.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo trong thời thọ mía, trong thời ép, trong thời lượt, phi thời thọ thì phi thời được dùng không?

Đáp: Không được.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo trong thời thọ mía, trong thời ép, trong thời lượt, trong thời thọ thì phi thời được dùng không?

Đáp: Được, nếu tất cả thời đều tịnh thì được dùng. Lạc và hồ ma cũng như vậy.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo phi thời thọ thịt, phi thời nấu, phi thời ép, phi thời lượt, phi thời thọ thì phi

thời được dùng không?

Đáp: Không được, nếu tất cả thời đều tịnh thì được dùng.

Lại hỏi: Ngay ngày thọ thời dược, thời phần dược, thất nhật dược và tận hình dược, để hòa hợp cùng một chỗ thì có được dùng không?

Đáp: Vì hiệu lực của thời dược là chỉ được dùng trong thời, phi thời không được dùng.

Lại hỏi: Ngay ngày thọ thời phần dược, thất nhật dược và tận hình dược, để hòa hợp cùng một chỗ thì có được dùng không?

Đáp: Vì hiệu lực của thời phần dược là chỉ được dùng trong thời phần, qua thời phần thì không được dùng.

Lại hỏi: Ngay ngày thọ thất nhật dược và tận hình dược, để hòa hợp cùng một chỗ thì có được dùng không?

Đáp: Vì hiệu lực của thất nhật dược là chỉ được dùng trong vòng bảy ngày, qua bảy ngày thì không được dùng. Tận hình dược thì trọn đời được tùy ý dùng.

Lại hỏi: Hôm qua thọ thời dược, thời phần dược, thất nhật dược và tận hình dược, để hòa hợp cùng một chỗ có được lấy dùng không?, đáp là không được.

Lại hỏi: Hôm qua thọ thời phần dược, thất nhật dược và tận hình dược, để hòa hợp cùng một chỗ

có được lấy dùng không?

Đáp là không được.

Lại hỏi: Hôm qua thọ thất nhật dược và tận hình dược, để hòa hợp cùng một chỗ có được lấy dùng không?, đáp là không được.

Lại hỏi: Bốn loại dược: Thời dược, thời phần dược, thất nhật dược và tận hình dược để cách đêm có được lấy dùng không?, đáp là không được.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo tự lấy trước rồi mới thọ từ tịnh nhân thì có được dùng không?

Đáp là không được.

Lại hỏi: Bốn loại dược trên từ tay thọ, miệng thọ, Tỳ-kheo không bịnh có được dùng không?

Đáp: Không được, nếu là Tỳ-kheo bịnh thì được dùng.

8. Hỏi Về Việc Trong Ba-Dật-Đề

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo mặc hình phục của Phạm chí đi trên đường thì phạm tội gì?

Đáp: Phạm Thâu-lan-giá.

Lại hỏi: Nếu mặc hình phục của đại Tần, An tức bạc, đại hình phục của Khư lợi ba la thì phạm tội gì?

Đáp: Phạm Đột-kiết-la, mặc những hình phục như thế đều phạm Đột-kiết-la .

Lại hỏi: Có người hỏi Tỳ-kheo có thấy người cầm dù di không, Tỳ-kheo đáp là không thấy, vì duyên nhìn nơi chân nên nói không thấy, thì phạm

tội gì?

Đáp: Phạm Đột-kiết-la, cho đến cầm quạt, đi giày da, đeo xuyến ngọc, đeo anh lạc, đi xe, đi kiệu… cũng đều như vậy.

Lại hỏi: Có người hỏi Tỳ-kheo: "Thầy là ai", đáp là Tỳ-kheo-ni thì có phản giới không?

Đáp; không có phản giới nhưng phạm Ba-dật-đề cố ý vọng ngữ. Nếu nói tôi là Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, bạch y, ngoại đạo… cho đến nói là trời, rồng, Dạ-xoa… cũng không phản giới, nhưng phạm Ba-dật-đề .

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo dùng thiên nhãn thấy, dùng thiên nhĩ nghe biết tội của tỳ-kheo khác, không xin phép cử tội mà liền nói tội ra thì phạm tội gì?

Đáp: Phạm Đột-kiết-la

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo ở trước chúng tăng phá giới thì có nên cử tội không?

Đáp: Tùy cử tội được thì cử.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo chê bai chỉ trích Tỳ-kheo khác mà không phạm Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu người này trước kia đã phá giới hoặc là Tặc trụ hoặc trước nay vốn là bạch y.

Lại hỏi: Có trường hợp người không thọ giới cụ túc chê bai chỉ trích Tỳ-kheo khác mà lại phạm Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, đó là Dữ học Sa-di (tức là Sa-di học hối). Nếu viết thư, sai sứ hay hiện tướng hay lần lượt chê bai chỉ trích thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo chê bai chỉ trích Tỳ-kheo thì phạm Ba-dật-đề; chê bai chỉ trích Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo-ni chê bai chỉ trích Tỳ-kheo-ni thì phạm Ba-dật-đề; chê bai chỉ trích Tỳ-kheo, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Thức-xoa-ma-na chê bai chỉ trích Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đều phạm Đột-kiết-la. Nếu Sa-di chê bai chỉ trích Sa-di, Sa-di-ni, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na đều phạm Đột-kiết-la. Nếu Sa-di-ni chê bai chỉ trích Sa-di-ni, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di đều phạm Đột-kiết-la.

Lại nữa, nếu Tỳ-kheo nói lưỡi hai chiều gièm pha Tỳ-kheo thì phạm Ba-dật-đề; nói lưỡi hai chiều gièm pha Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo-ni nói lưỡi hai chiều gièm pha Tỳ-kheo-ni thì phạm Ba-dật-đề; nói lưỡi hai chiều gièm pha Tỳ-kheo, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Thức-xoa-ma-na nói lưỡi hai chiều gièm pha Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đều phạm Đột-kiết-la. Nếu Sa-di nói lưỡi hai chiều gièm pha Sa-di, Sa-di-ni, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na đều phạm Đột-kiết-la.

Nếu Sa-di-ni nói lưỡi hai chiều gièm pha Sa-di-ni, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di đều phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo ở trong giới nói hai lưỡi gièm pha Tỳ-kheo ở ngoài giới thì phạm Đột-kiết-la; Tỳ-kheo ở ngoài giới nói hai lưỡi gièm pha Tỳ-kheo ở trong giới, hoặc ở dưới đất nói hai lưỡi gièm pha Tỳ-kheo ở trên, hoặc ở trên nói hai lưỡi gièm pha Tỳ-kheo ở dưới đều phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo ở trong giới hoặc đứng, ngồi, nằm nói hai lưỡi gièm pha Tỳ-kheo ở trong giới thì phạm Ba-dật-đề. Nếu viết thư, sai sứ hay hiện tướng hay lần lượt nói hai lưỡi gièm pha thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Nếu sự việc đã được như pháp diệt tránh rồi, có trường hợp Tỳ-kheo phát khởi trở lại mà không phạm Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu việc của tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni, hoặc việc của tỳ-kheo và Thức-xoa-ma-na, hoặc việc của tỳ-kheo và Sa-di, hoặc việc của tỳ-kheo và Sa-di-ni đã được như pháp diệt tránh rồi, Tỳ-kheo phát khởi trở lại thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp việc đã như pháp diệt tránh rồi, Tỳ-kheo phát khởi trở lại mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu người này trước kia đã phá giới hoặc là Tặc trụ hoặc trước nay vốn là bạch y.

Lại hỏi: Có trường hợp việc đã như pháp diệt

tránh rồi, người không thọ giới cụ túc phát khởi trở lại mà phạm Ba-dật-đề hay không? Đáp: Có, đó là Dữ học Sa-di (tức là Sa-di học hối). Nếu viết thư,

sai sứ hay hiện tướng hay lần lượt phát khởi trở lại sự việc đã như pháp diệt tránh rồi, thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Như Phật đã dạy, Tỳ-kheo ở trước tịnh nhân bất năng nam nói pháp cho người nữ quá năm, sáu lời thì phạm Đột-kiết-la. Sao gọi là tịnh nhân bất năng nam?

Đáp: Đó là người bất động, nếu ở trước tịnh nhân vô tri hay đang ngủ, nói pháp cho người nữ quá năm, sáu lời thì phạm Đột-kiết-la. Nếu viết thư, sai sứ hay hiện tướng hay lần lượt nói pháp cho người nữ quá năm, sáu lời thì phạm Đột-kiết-la. Nếu người nữ tịnh, người nam bất tịnh hoặc người nam tịnh, người nữ bất tịnh, hoặc cả hai đều bất tịnh; nếu không có người làm tịnh (tịnh nhân)mà Tỳ-kheo nói pháp cho người nữ nghe quá năm, sáu lời thì phạm Đột-kiết-la; nếu có bất năng nam-làm tịnh, Tỳ-kheo nói pháp cho người nữ nghe quá năm, sáu lời thì phạm Đột-kiết-la; nếu có bất năng nữ làm tịnh, Tỳ-kheo nói pháp cho người nữ nghe quá năm, sáu lời thì phạm Đột-kiết-la; nếu không có người làm tịnh (tịnh nhân)mà Tỳ-kheo nói pháp cho người nữ có hai căn, hoặc có hai đường hợp một, nghe quá năm, sáu lời thì phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo ở trước tịnh nhân câm hoặc

điếc hoặc câm ngọng; hoặc là trời, rồng, Dạ-xoa… nói pháp cho người nữ quá năm, sáu lời thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo dạy cho người chưa thọ giới cụ túc tán tụng mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu dạy cho trời rồng, Dạ-xoa… các phi nhân tán tụng thì phạm Đột-kiết-la; nếu dạy cho người nói cà lăm thì phạm Đột-kiết-la; ở chỗ một mình tụng thì phạm Đột-kiết-la. một mình tưởng không phải là một mình, không phải một mình tưởng là một mình, hoặc dùng ngôn ngữ ở trong nước dạy cho người ở nơi biên địa tán tụng mà người ở biên địa không hiểu được; hoặc dùng ngôn ngữ của người ở biên địa dạy cho người ở trong nước tán tụng mà người ở trong nước không hiểu được; hoặc dạy cho người câm, người điếc, hoặc người câm điếc; hoặc viết thư, sai sứ, hiện tướng, hoặc dạy cho người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại tán tụng thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp người không thọ giới cụ túc dạy cho người chưa thọ cụ túc tán tụng mà phạm Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, đó là dữ học Sa-di (Sa-di học hối), nếu Sa-di học hối dạy cho người câm, người điếc, hoặc người câm điếc tán tụng thì phạm Đột-kiết-la; hoặc dạy cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni tán tụng thì

phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo ở trước người chưa thọ giới cụ túc nói được pháp hơn người, nói là tôi biết như vậy, thấy như vậy, mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu ở trước trời, rồng, Dạ-xoa… các phi nhân nói được pháp hơn người thì phạm Đột-kiết-la. Nếu ở chỗ một mình nói thật được pháp hơn người thì phạm Đột-kiết-la. một mình tưởng không phải là một mình, không phải một mình tưởng là một mình, hoặc dùng ngôn ngữ ở trong nước nói cho người ở nơi biên địa mà người ở biên địa không hiểu được; hoặc dùng ngôn ngữ của người ở biên địa nói cho người ở trong nước mà người ở trong nước không hiểu được; hoặc ở trước người câm, người điếc, hoặc người câm điếc; hoặc viết thư, sai sứ, hiện tướng, hoặc ở trước người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại, nói thật được pháp hơn người thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo đem tội thô của tỳ-kheo khác nói cho người chưa thọ giới cụ túc nghe mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo đem tội thô của tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, nói cho người chưa thọ giới cụ túc nghe thì phạm Đột-kiết-la. Nếu đem tội thô của tỳ-kheo nói cho các phi nhân như trời, rồng, Dạ-xoa… nghe thì phạm Đột-kiết-

la .

Lại hỏi: Có trường hợp người không thọ giới cụ túc đem tội thô của tỳ-kheo nói cho người chưa thọ giới cụ túc mà phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, đó là dữ học Sa-di (Sa-di học hối). Nếu ở trong giới nói cho người ở ngoài giới thì phạm Đột-kiết-la; hoặc ở ngoài giới nói cho người ở trong giới, hoặc ở dưới đất nói cho người ở trên, hoặc ở trên nói cho người ở dưới đều phạm Đột-kiết-la. Nếu ở trong giới hoặc đứng, ngồi, nằm nói cho người ở trong giới thì phạm Ba-dật-đề .

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo trước đã đồng tâm cho, sau lại nói rằng: "Các thầy tùy người quen biết, hồi chuyển vật Tăng đem cho", mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu vật thí này thuộc Tỳ-kheo-ni tăng, mà nói lời này thì phạm Đột-kiết-la. Nếu viết thư, sai sứ hay hiện tướng hay lần lượt nói lời này thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo khi nghe thuyết giới nói rằng: "Cần gì nói những giới vụn vặt này, khiến cho các Tỳ-kheo sanh tâm nghi hối, phiền não ưu sầu không vui rồi phản giới", nói lời khinh chê giới như vậy mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu ở chỗ một mình khinh chê giới thì phạm Đột-kiết-la. một mình tưởng không phải

là một mình, không phải một mình tưởng là một mình, hoặc dùng ngôn ngữ ở trong nước ở trước người ở nơi biên địa khinh chê giới mà người ở biên địa không hiểu được; hoặc dùng ngôn ngữ của người ở biên địa ở trước người ở trong nước khinh chê giới mà người ở trong nước không hiểu được; hoặc ở người câm, người điếc, hoặc người câm điếc; hoặc viết thư, sai sứ, hiện tướng, hoặc ở người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại khinh chê giới thì phạm Đột-kiết-la. Nếu viết thư, sai sứ hay hiện tướng hay lần lượt khinh chê giới thì phạm Đột-kiết-la .

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo lấy đất phủ lên rau cỏ tươi làm cho cỏ chết thì phạm tội gì?

Đáp: Phạm Ba-dật-đề, nếu ăn quả nuốt hột thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo nói với người khác rằng: "Hãy lay cây cho rụng trái xuống", thì phạm tội gì?

Đáp: Phạm Ba-dật-đề

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo nói với người khác rằng: "Hãy lay cây cho rụng trái xuống", mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu viết thư, sai sứ hay hiện tướng hay lần lượt nói thì phạm Đột-kiết-la; nếu hái nấm trên đất thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp người không thọ giới cụ túc nói với người khác rằng: "Hãy lay cây cho

rụng trái xuống", mà phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, đó là dữ học Sa-di (Sa-di học hối)

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo làm chết cỏ cây mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu hiện tướng thì phạm Đột-kiết-la, nếu khi bay qua làm chúng chết thì không phạm.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo nói: "Hãy chặt phá cây này", thì phạm tội gì?, đáp là phạm Ba-dật-đề

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo đem bỏ hạt giống trong nước sôi hay dưới ánh mặt trời hay trong lửa thì phạm tội gì?

Đáp: Phạm Đột-kiết-la

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo làm chết cỏ cây mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu người này trước kia đã phá giới hoặc là Tặc trụ hoặc trước nay vốn là bạch y.

Lại hỏi: Có trường hợp người không thọ giới cụ túc làm chết cỏ cây mà phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, đó là dữ học Sa-di (Sa-di học hối), nếu vớt lấy bèo nổi trên mặt nước thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo tức giận khinh trách mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu tức giận khinh trách các phi nhân như trời, rồng, Dạ-xoa… thì phạm Đột-kiết-la; hoặc người này trước kia đã phá giới hoặc là Tặc trụ hoặc trước nay vốn là bạch y thì phạm Đột-kiết-

la. Nếu ở chỗ một mình tức giận khinh trách thì phạm Đột-kiết-la. một mình tưởng không phải là một mình, không phải một mình tưởng là một mình, hoặc dùng ngôn ngữ ở trong nước khinh trách người ở nơi biên địa mà người ở biên địa không hiểu được; hoặc dùng ngôn ngữ của người ở biên địa khinh trách người ở trong nước mà người ở trong nước không hiểu được; hoặc khinh trách người câm, người điếc, hoặc người câm điếc; hoặc viết thư, sai sứ, hiện tướng, hoặc khinh trách người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại thì phạm Đột-kiết-la; hoặc tức giận khinh trách người tánh thiện thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo không theo lời hỏi mà đáp, làm xúc não người khác mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu không theo lời hỏi mà đáp, làm xúc não người câm, người điếc, hoặc người câm điếc thì phạm Đột-kiết-la. Trừ trường hợp trong duyên khởi của giới, những trường hợp khác không theo lời hỏi mà đáp, làm xúc não người khác thì phạm Đột-kiết-la. Nếu ở chỗ một mình, một mình tưởng không phải là một mình, không phải một mình tưởng là một mình, hoặc dùng ngôn ngữ ở trong nước không theo lời hỏi mà đáp, làm xúc não người ở nơi biên địa, mà người ở biên địa không hiểu được; hoặc dùng ngôn ngữ của người ở biên địa không theo lời hỏi mà đáp, làm xúc não người

ở trong nước, mà người ở trong nước không hiểu được; hoặc viết thư, sai sứ, hiện tướng, hoặc làm xúc não người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại, hoặc các phi nhân như trời, rồng…; hoặc làm xúc não người mà trước kia đã phá giới hoặc là Tặc trụ hoặc trước nay vốn là bạch y. thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo lấy ngọa cụ của tăng hoặc giường dây có lỗ bệ to, hoặc lỗ bệ nhỏ hoặc mền nệm, ở trên đất trống tự trải hay bảo người trải để ngồi nằm; khi đi không tự cất, không bảo người cất mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu ngọa cụ này có chiều dọc tịnh, chiều ngang bất tịnh hoặc chiều ngang tịnh, chiều dọc bất tịnh hoặc cả hai đều bất tịnh. Bất tịnh là dệt bằng lông lạc đà, lông bò, lông dê đực và dệt tạp; hoặc giường dây này có chân giường cao quá tám ngón tay của Phật, trải ở đất trống; khi đi không tự cất, không bảo người cất thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo lấy ngọa cụ trong phòng Tỳ-kheo tự trải hay bảo người trải để ngồi nằm; khi đi không tự cất, không bảo người cất mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu phòng này của các phi nhân như trời, rồng…; hoặc của người mà trước kia đã phá giới hoặc là Tặc trụ hoặc trước nay vốn là bạch y; hoặc của tỳ-kheo-ni; hoặc của ngoại đạo xuất gia.

Tỳ-kheo lấy ngọa cụ trong phòng tự trải hay bảo người trải để ngồi nằm; khi đi không tự cất, không bảo người cất thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo vì tức giận không vui ở trong phòng Tăng, tự kéo lôi ra hay bảo người khác kéo lôi ra và nói: "Hãy đi ra", vì nhân duyên này chứ không vì duyên gì khác mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu người bị kéo lôi ra là các phi nhân như trời, rồng…; hoặc là Tỳ-kheo xấu ác; hoặc là ngoại đạo xuất gia thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo khác đã trải ngọa cụ trước ở trong phòng Tăng, mình đến sau lại gượng giành trải, nghĩ rằng: "Nếu người kia không vui sẽ tự bỏ đi", vì nhân duyên này chứ không vì duyên gì khác mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu phòng này của các phi nhân như trời, rồng…; hoặc của người mà trước kia đã phá giới hoặc là Tặc trụ hoặc trước nay vốn là bạch y; hoặc của tỳ-kheo-ni; hoặc của ngoại đạo xuất gia. Tỳ-kheo ở trong đó gượng giành trải ngọa cụ thì phạm Đột-kiết-la .

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo lợp nhà quá hai, ba lớp mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu dùng ván lợp, hoặc dùng cỏ Ưu thi la, lông cánh chim lợp thì không phạm.

Lại hỏi: Có trường hợp Tăng không sai, Tỳ-kheo liền đi giáo giới Tỳ-kheo-ni mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu người này trước kia đã phá giới hoặc là Tặc trụ hoặc trước nay vốn là bạch y, hoặc người phạm Bất cọng trụ, hoặc người phạm đủ loại Bất cọng trụ. Tăng không sai, liền đi giáo giới Tỳ-kheo-ni thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp được Tăng sai, Tỳ-kheo đi giáo giới Tỳ-kheo-ni cho đến mặt trời lặn mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo-ni này là người này trước kia đã phá giới hoặc là Tặc trụ hoặc trước nay vốn là bạch y, hoặc người phạm Bất cọng trụ thì chỉ phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo: "Thầy vì nhân duyên cúng dường tài lợi nên đi giáo giới Tỳ-kheo-ni", mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu là Tỳ-kheo thọ pháp nói với Tỳ-kheo không thọ pháp, hoặc Tỳ-kheo không thọ pháp nói với Tỳ-kheo thọ pháp thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo đi cùng đường với Tỳ-kheo-ni cho đến một tụ lạc mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo-ni này là người này

trước kia đã phá giới hoặc là Tặc trụ hoặc trước nay vốn là bạch y, hoặc là bất năng nữ, hoặc là người bị tẫn, người phạm Bất cọng trụ, cùng đi với người như thế thì phạm Đột-kiết-la .

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo hẹn với Tỳ-kheo-ni đi cùng thuyền xuôi dòng hay ngược dòng mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, trường hợp giống như trên.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo đem y cho Tỳ-kheo-ni không phải bà con mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo thọ pháp đem y cho Tỳ-kheo-ni không thọ pháp, hoặc Tỳ-kheo không thọ pháp đem y cho Tỳ-kheo-ni thọ pháp, Hoặc đem y cho người mà trước kia đã phá giới hoặc là Tặc trụ hoặc trước nay vốn là bạch y, hoặc người phạm Bất cọng trụ, người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại thì phạm Đột-kiết-la .

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo một mình ngồi ở chỗ khuất với Tỳ-kheo-ni mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo-ni này trước kia đã phá giới hoặc là Tặc trụ hoặc trước nay vốn là bạch y, hoặc người bị tẫn, người phạm Bất cọng trụ, người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại. Ngồi ở chỗ khuất với người như thế thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo một mình ngồi

ở chỗ đất trống với người nữ mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu người nữ này là phi nhân như trời, rồng…, hoặc là bất năng nữ … thì phạm Đột-kiết-la .

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo biết do nhân duyên Tỳ-kheo-ni khen ngợi mà được thức ăn, lại không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo-ni là người mà trước kia đã phá giới hoặc là Tặc trụ hoặc trước nay vốn là bạch y, hoặc là người bị tẫn, người phạm Bất cọng trụ; hoặc Nếu viết thư, sai sứ hay hiện tướng hay lần lượt khen ngợi để Tỳ-kheo được thức ăn, Tỳ-kheo nếu ăn thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo thọ pháp biết do nhân duyên Tỳ-kheo-ni không thọ pháp, hoặc Tỳ-kheo không thọ pháp biết do nhân duyên Tỳ-kheo-ni thọ pháp khen ngợi mà được thức ăn, Tỳ-kheo ăn thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo thường thường ăn mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu đàn việt thỉnh ngày mai thọ thực, khi Tỳ-kheo đến, đàn việt nói hãy chờ một chút đợi thức ăn đến; hoặc thường được thỉnh tùy ý ăn. Trừ năm loại thức ăn, thỉnh cho thức ăn khác là tịnh hay bất tịnh hay tinh bất tịnh lẫn lộn thì không phạm.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo không bịnh ở

trong nhà phước đức, ăn quá một bữa ăn mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu nhà phước đức này thuộc của phi nhân như trời, rồng…; hoặc của tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni; hoặc của bà con quen biết; hoặc Tỳ-kheo tự làm nhà phước đức thì ở trong đó ăn quá một bữa ăn không phạm.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo được nhà khác thỉnh tùy ý cho thức ăn, thọ lấy quá hai, ba bát mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu ở trong miếu thờ trời, hoặc là nhà của phi nhân như trời, rồng…; hoặc ở nhà đàn việt của tỳ-kheo thọ pháp, Tỳ-kheo không thọ pháp đến thọ lấy thức ăn; hoặc ở nhà đàn việt của tỳ-kheo không thọ pháp, Tỳ-kheo thọ pháp đến thọ lấy thức ăn, quá hai, ba bát thì phạm Đột-kiết-la; nếu vào trong ngồi tùy ý ăn thì không phạm.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo-ni đến nhà đàn việt thọ lấy thức ăn, quá hai, ba bát mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, trường hợp giống như trên.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo khác đã ăn xong, không thọ pháp tàn thực, từ chỗ ngồi đứng dậy mà nói rằng: "Thầy tùy ý ăn", mục đích khuyên ăn là muốn làm xúc não khiến cho nghi hối, mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, trừ năm loại thức ăn, khuyên ăn thức

ăn khác là tịnh hay bất tịnh hay tinh bất tịnh lẫn lộn thì không phạm.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo ăn biệt chúng mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu thọ tất cả thời thì không phạm. Lại hỏi: Ở cõi Câu-da-ni nên ăn theo thời nào?

Đáp: Nếu ở trong cõi này ngủ đêm thì nên ăn theo thời của cõi này; nếu ở cõi kia ngủ đêm thì nên ăn theo thời của cõi kia; ở các phương khác cũng như vậy.

Lại hỏi: Thức ăn cách đêm ở cõi Câu-da-ni có được ăn không? Đáp: Không được ăn, ở cõi Phất đề bà cũng vậy.

Lại hỏi: Thức ăn cách đêm ở cõi Uất đơn việt có được ăn không?

Đáp: Ở cõi đó không có ngã sở và sở thuộc thì được tùy ý ăn, không tội.

Lại hỏi: Tay và bát rửa hai, ba lần tháo đậu (xà bông) mà vẫn không hết mùi, thì có gọi là rửa hay không?

Đáp: Nếu dụng tâm rửa hai, ba lần thì gọi là rửa.

Có ba hạng Tỳ-kheo nếu cùng thức ăn nội túc (ở chỗ ngủ, bên trong có cất chứa thức ăn), đó là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo tăng và dữ học Sa-di (Sa-di học hối); và bốn hạng Tỳ-kheo-ni: Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo-ni tăng, dữ học Sa-di-ni (Sa-di-ni học hối) và

Thức-xoa-ma-na, nếu cùng thức ăn nội túc thì không nên ăn, nếu ăn thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo xin bình nước lấy nhầm bình tô hoặc dầu thì có nên phá bỏ hay không?

Đáp: Không nên, có hai loại xúc thực, nếu ăn thì không tội, đó là Tỳ-kheo thanh tịnh trì giới lở xúc chạm và Tỳ-kheo phá giới không biết hổ thẹn đã xúc chạm, vì hai loại xúc chạm này đều tịnh. Nếu Tỳ-kheo đi trên đường gánh mang giúp thức ăn cho Sa-di và bạch y rồi đưa lại, Sa-di và bạch y lại mang thức ăn trao cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo cho là đã cùng thức ăn ngủ đêm nên không thọ ăn. Phật bảo: "Nếu Tỳ-kheo trước không có tâm vì mình thì được ăn".

Lại hỏi: Nếu nước đục có nên uống không?

Đáp: Nếu trước có nghi thì không nên uống, nếu trước không nghi thì được uống.

Lại hỏi: Tỳ-kheo thọ pháp thọ lấy thức ăn từ Tỳ-kheo không thọ pháp thì có được ăn không?

Đáp: Được ăn, Tỳ-kheo không thọ pháp thọ lấy thức ăn từ Tỳ-kheo thọ pháp cũng được ăn.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo xin thức ăn ngon mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu xin từ bà con quen biết thì không phạm.

Lại hỏi: Trừ nước, nếu dùng các loại nước ép khác có trùng thì có phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, tùy trùng bị chết bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu.

Lại hỏi: Tỳ-kheo ăn thức ăn nào thì phạm vào đại tội?

Đáp: Người nữ gọi người nam-là thức ăn, nếu Tỳ-kheo ăn thức ăn này thì phạm vào đại tội.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo ngồi trong nhà có thức ăn (nữ lấy nam làm thức ăn), mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu đồng nữ là chủ nhân của nhà này.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo gượng ngồi trong nhà có thức ăn (nữ lấy nam làm thức ăn), mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, giống như trường hợp trên.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo tự tay đưa thức ăn cho Phạm chí lõa hình mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu cho thức ăn tịnh hay bất tịnh hay tịnh bất tịnh lẫn lộn thì không phạm.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo xem quân trận xuất hành mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu trong quân trận có tù nhân đáng chết bị giết, vì quán vô thường nên đến xem thì không phạm.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo một lúc tạo trăm ngàn tội hoặc hơn nữa hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo tâm tức giận, tay nắm

cát hay các loại đâu rải lên đại chúng, tùy cát đính bao nhiêu người thì phạm bấy nhiêu tội

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo phạm tội thô, che giấu đến sáng hôm sau mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu che giấu tội của người mà trước kia đã phá giới hoặc là Tặc trụ hoặc trước nay vốn là bạch y, hoặc người bị tẫn, người phạm Bất cọng trụ thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác rằng: "Hãy cùng đi đến các nhà, tôi sẽ bảo họ cúng dường thức ăn ngon", nhưng khi đến nơi lại nói rằng: "Thầy hãy về đi, tôi cùng thầy ngồi nói chuyện không vui, tôi ngồi một mình, nói chuyện một mình vui hơn". Mục đích đuổi về là muốn làm cho phiền não cho đến trong chốc lát, vì nhân duyên này không vì gì khác, lại không phạm Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo bị đuổi về là phi nhân như trời, rồng… biến hình xuất gia làm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đuổi về thì phạm Đột-kiết-la; nếu đuổi người xuất gia phái khác cũng phạm Đột-kiết-la

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo ở nơi đất trống đốt vật trong lửa mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu để tô, dầu, hồ ma, các loại đậu vào trong lửa thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo việc Tăng như pháp gởi dục rồi, sau đó nói lỗi mà không phạm Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo thọ pháp gởi dục cho Tỳ-kheo không thọ pháp, hoặc Tỳ-kheo không thọ pháp gởi dục cho Tỳ-kheo thọ pháp, sau đó nói lỗi thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo cùng người chưa thọ giới cụ túc ngủ hai đêm, đêm thứ ba cùng ngủ với người nữ thì có được gọi là chuyển đêm hay không?

Đáp: Không được, ngủ bên người nữ thì phạm Ba-dật-đề.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo cùng người chưa thọ giới cụ túc ngủ hai đêm, đêm thứ ba cùng ngủ với người bất năng nam thì có được gọi là chuyển đêm hay không?

Đáp: Không được, ngủ bên người bất năng nam thì phạm Đột-kiết-la. Như thế ngủ bên người huỳnh môn, người có hai căn, người bị tẫn đều phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo cùng người chưa thọ giới cụ túc ngủ hai đêm, đêm thứ ba cùng ngủ với Sa-di bị tẫn thì có được gọi là chuyển đêm hay không?

Đáp: Không được, ngủ bên Sa-di bị tẫn thì phạm Ba-dật-đề.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo cùng người chưa thọ giới cụ túc ngủ hai đêm, đêm thứ ba cùng ngủ với người

nam biến hóa thì có được gọi là chuyển đêm hay không?

Đáp: Được, nếu không biết là hóa nhân thì phạm Đột-kiết-la, nếu biết là hóa nhân thì không phạm.

Lại hỏi: Tỳ-kheo có được ngồi trên tòa ngồi bằng vàng, bạc của người và thọ dụng đồ đựng thức ăn bằng vàng, bạc, lưu ly của người hay không?

Đáp: Không nên ngồi, không nên thọ dụng.

Lại hỏi: Tỳ-kheo có được ngồi trên tòa ngồi bằng vàng, bạc của trời và thọ dụng đồ đựng thức ăn bằng vàng, bạc, lưu ly của trời hay không?

Đáp là được.

Lại hỏi: Trời rải vàng, bạc, lưu ly… trên đất, Tỳ-kheo có được đi trên đó không?

Đáp là được.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo cầm của báu mà lại phạm Tăng-già-bà-thi-sa hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo cầm nữ báu thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa; cầm luân báu, châu ngọc báu thì phạm Ba-dật-đề; cầm biến hóa báu thì phạm Đột-kiết-la, nếu biết là biến hóa báu thi không phạm.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo mặc y nhuộm không tác tịnh mà không phạm Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu y này có chiều dọc tịnh, chiều ngang bất tịnh hoặc chiều ngang tịnh, chiều dọc bất tịnh hoặc cả hai đều bất tịnh. Bất tịnh là dệt bằng lông lạc đà, lông bò, lông dê đực và dệt tạp. Tỳ-kheo mặc y bất tịnh này, nhuộm mà không tác tịnh thì phạm Đột-kiết-la .

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo thường tắm rửa mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu khi trời mưa, Tỳ-kheo đứng nơi đất trống tắm thì không phạm.

Lại hỏi: Tỳ-kheo nếu giết thú dữ, rắn độc có phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Phạm Ba-dật-đề, giết các loại thú hiền cũng phạm Ba-dật-đề.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo cố ý làm cho người khác nghi hối, phiền não cho đến trong chốc lát mà không phạm Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu người này trước kia đã phá giới hoặc là Tặc trụ hoặc trước nay vốn là bạch y. Trừ việc khi sanh, khi thọ giới cụ túc; nếu đem việc khác ra hỏi làm cho người sanh nghi hối thì phạm Đột-kiết-la .

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo dùng ngón tay chọc lét người khác mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu người bị chọc lét đó là phi nhân như trời, rồng… thì phạm Đột-kiết-la; nếu chọc lét

người có thân căn hư hoại thì phạm Đột-kiết-la .

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo cùng ngủ đêm với người nữ mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu cùng người nữ ngủ đêm dưới cây hoặc trong rừng trúc thì phạm Đột-kiết-la; nếu ngủ cùng nữ phi nhân như trời, rồng… thì phạm Đột-kiết-la; nếu cùng ngủ với súc sanh cái to lớn thì phạm Ba-dật-đề; nếu ngủ cùng súc sanh cái nhỏ thì phạm Đột-kiết-la .

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo tự khủng bố hay bảo người khác khủng bố Tỳ-kheo khác mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu người bị khủng bố này trước kia đã phá giới hoặc là Tặc trụ hoặc trước nay vốn là bạch y. Trừ sáu việc trong duyên khởi của giới, dùng việc khác để khủng bố Tỳ-kheo khác thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo thọ pháp khủng bố Tỳ-kheo không thọ pháp, hoặc Tỳ-kheo không thọ pháp khủng bố Tỳ-kheo thọ pháp thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo tự giấu hay bảo người khác giấu y bát, giày da, ống kim… của tỳ-kheo khác mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu giấu y bát bị cấm thì phạm Đột-kiết-la; hoặc giấu y bát của người mà trước kia đã phá giới hoặc là Tặc trụ hoặc trước nay vốn là bạch y thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo cho Tỳ-kheo khác y rồi, sau đó không hỏi chủ mà lấy dùng lại không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu người này trước kia đã phá giới hoặc là Tặc trụ hoặc trước nay vốn là bạch y. Tỳ-kheo cho rồi, sau không hỏi chủ mà lấy dùng thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Tỳ-kheo nên đưa y cho ai để làm tịnh?

Đáp: Nên đưa cho năm chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni.

Lại hỏi: Nên đến bên ai thọ y?

Đáp: Nên đến bên năm chúng thọ y.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo đem tội Tăng-già-bà-thi-sa không căn cứ vu báng cho Tỳ-kheo khác mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu người này trước kia đã phá giới hoặc là Tặc trụ hoặc trước nay vốn là bạch y.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo hẹn với người nữ đi chung đường mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu hẹn đi chung đường với nữ phi nhân như trời, rồng…; hoặc hẹn với bất năng nữ thì phạm Đột-kiết-la; nếu hẹn với người nữ biến hóa thì phạm Đột-kiết-la, nếu biết là nữ biến hóa thì không phạm.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo hẹn với giặc đi chung đường mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu giặc là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo hẹn cùng đi chung đường thì phạm Đột-kiết-la; nếu hẹn với phi nhân như trời, rồng… đi chung đường thì không phạm.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo cho người chưa đủ hai mươi tuổi thọ giới cụ túc mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu cho Thức-xoa-ma-na đã từng gả. Lại hỏi: Sao gọi là đào đất?

Đáp: Là đào đất sống chưa từng bị hủy hoại.

Lại nữa, nếu bốn tháng hạ đã trôi qua, Tỳ-kheo không bịnh đến đàn việt xin tô, được thì phạm Ba-dật-đề, không được thì phạm Đột-kiết-la. Nếu xin dầu, mật, đường phèn, gừng, muối đen mà được thì phạm Ba-dật-đề; không được thì phạm Đột-kiết-la. Nếu xin Ha lê lặc, A ma lặc, Tỳ ê lặc … mà được thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo khi nghe thuyết giới nói rằng: "Tôi chưa học giới này, tôi sẽ hỏi các Tỳ-kheo trì luật, trì luận", mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu dạy pháp bất tịnh, liền nói: "Tôi không học giới này…" thì không phạm. Nếu Tỳ-kheo thọ pháp sai sứ nói với Tỳ-kheo không thọ pháp rằng: "Thầy hãy đến thọ năm pháp", Tỳ-kheo không thọ pháp nói: "Tôi không thể học pháp này" thì không phạm. Nếu Tỳ-kheo không thọ pháp sai

sứ nói với Tỳ-kheo thọ pháp: "Thầy hãy đến học với tôi để xa lìa năm pháp", Tỳ-kheo thọ pháp nói: "Tôi không thể học pháp này" thì không phạm.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo nghe trộm các Tỳ-kheo đấu tranh tránh tụng, nghĩ rằng: "Các Tỳ-kheo này nói điều gì, tôi sẽ ghi nhớ", mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu việc này là việc của tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni, hoặc việc của tỳ-kheo và Thức-xoa-ma-na, hoặc việc của tỳ-kheo và Sa-di, hoặc việc của tỳ-kheo và Sa-di-ni mà trộm nghe thì phạm Đột-kiết-la; nếu sai Tỳ-kheo khác đến nghe thì phạm Đột-kiết-la; nếu sai Tỳ-kheo khác đến nghe rồi về báo lại thì phạm Ba-dật-đề.

Lại hỏi: Có trường hợp việc tăng vừa mới phát, Tỳ-kheo im lặng đứng dậy bỏ đi mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu việc Tăng vừa phát thì đứng dậy đi; ngay khi phát liền quay trở lại thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo không kính sợ người khác mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu Thượng tòa nói phi pháp, phi thiện, không như lời Phật dạy; Hạ tòa nói: "Đây là phi pháp, phi thiện, không như lời Phật dạy", thì không phạm. Nếu Hạ tòa nói là pháp, là thiện, như lời Phật dạy; Thượng tòa nói: "Đây là phi pháp, phi

thiện, không như lời Phật dạy", thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Tỳ-kheo quá ngọ có được uống rượu đắng không?

Đáp: Nếu rượu không có mùi, không men, thanh tịnh thì được uống.

Lại hỏi: Các loại nước ép từ củ, cánh, thân, lá, hoa, quả, Tỳ-kheo lúc nào được uống dùng?

Đáp: Tùy thế lực của loại nước ép mà uống dùng.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo quá ngọ không bạch Tỳ-kheo khác mà vào tụ lạc, lại không phạm Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo cùng ở chung với Tỳ-kheo bị tẫn, hoặc Tỳ-kheo không thọ pháp ở chung với Tỳ-kheo thọ pháp, hoặc Tỳ-kheo thọ pháp ở chung với Tỳ-kheo không thọ pháp, hoặc ở chung với người câm, người điếc, hoặc người câm điếc. Tỳ-kheo ở chung với những người như vậy, không bạch mà vào tụ lạc thì phạm Đột-kiết-la. Nếu bịnh hoặc bay đi thì không phạm. Nếu Tỳ-kheo ở trong giới không bạch Tỳ-kheo ở ngoài giới mà vào tụ lạc thì phạm Đột-kiết-la; Tỳ-kheo ở ngoài giới không bạch Tỳ-kheo ở trong giới, hoặc ở dưới đất không bạch Tỳ-kheo ở trên, hoặc ở trên không bạch Tỳ-kheo ở dưới mà vào tụ lạc thì đều phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo ở trong giới hoặc đứng,

ngồi, nằm không bạch Tỳ-kheo ở trong giới mà vào tụ lạc thì phạm Ba-dật-đề.

Lại hỏi: Vào chỗ nào không bạch Tỳ-kheo khác thì không phạm Ba-dật-đề?

Đáp: Nếu vào ba chỗ, đó là trú xứ Tăng, A-lan-nhã và Tăng phường ở gần tụ lạc thì không cần bạch.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo thọ người thỉnh thực rồi, sau bữa ăn trước đi đến nhà khác mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, Trừ năm loại thức ăn, thọ thỉnh thức ăn khác là tịnh hay bất tịnh hay tinh bất tịnh lẫn lộn thì không phạm. Hoặc chỗ thỉnh thực không đủ thức ăn, đi đến nhà khác thì không phạm.

Lại hỏi: Có trường hợp vua dòng Sát-đế-lỵ quán đảnh, trời chưa sáng, chưa cất của bàu; Tỳ-kheo vào quá ngạch cửa cung mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo vào quá ngạch cửa cung của vua phi nhân như vua trời, vua rồng… thì không phạm.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo khi nghe thuyết giới nói rằng: "Nay tôi mới biết pháp này mỗi nữa tháng từ trong Giới kinh rút ra", mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu khi Tỳ-kheo-ni tăng thuyết giới, Tỳ-kheo nói lời này thì phạm Đột-kiết-la; ngược

lại khi Tỳ-kheo tăng thuyết giới, Tỳ-kheo-ni nói lời này thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo dùng xương, ngà, sừng làm ống kim mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu nhờ người làm cho người khác thì phạm Đột-kiết-la, nếu nhờ làm cho người khác mà cố ý lấy tự dùng thì phạm Đột-kiết-la. Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo dồn Đâu la miên làm nệm, tự chứa hay bảo người chứa mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu nệm được dồn Đâu la miên này có chiều dọc tịnh, chiều ngang bất tịnh hoặc chiều ngang tịnh, chiều dọc bất tịnh hoặc cả hai đều bất tịnh. Bất tịnh là dệt bằng lông lạc đà, lông bò, lông dê đực và dệt tạp thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo làm y tắm mưa quá lượng mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu y tắm mưa này có chiều dọc tịnh, chiều ngang bất tịnh hoặc chiều ngang tịnh, chiều dọc bất tịnh hoặc cả hai đều bất tịnh. Bất tịnh là dệt bằng lông lạc đà, lông bò, lông dê đực và dệt tạp mà quá lượng thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo làm y che phủ ghẻ quá lượng mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu y che phủ ghẻ này có chiều dọc tịnh, chiều ngang bất tịnh hoặc chiều ngang tịnh,

chiều dọc bất tịnh hoặc cả hai đều bất tịnh. Bất tịnh là dệt bằng lông lạc đà, lông bò, lông dê đực và dệt tạp mà quá lượng thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo làm Ni-sư-đàn quá lượng mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Nếu Ni-sư-đàn này có chiều dọc tịnh, chiều ngang bất tịnh hoặc chiều ngang tịnh, chiều dọc bất tịnh hoặc cả hai đều bất tịnh. Bất tịnh là dệt bằng lông lạc đà, lông bò, lông dê đực và dệt tạp mà quá lượng thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo làm y bằng lượng y của Phật mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu y này có chiều dọc tịnh, chiều ngang bất tịnh hoặc chiều ngang tịnh, chiều dọc bất tịnh hoặc cả hai đều bất tịnh. Bất tịnh là dệt bằng lông lạc đà, lông bò, lông dê đực và dệt tạp thì phạm Đột-kiết-la.

9. Hỏi Về Pháp Diệt Tránh

Lại hỏi: Nếu có tranh cãi xảy ra, Tỳ-kheo không tù dùng một trong bảy pháp diệt tránh để diệt tránh thì có được gọi là diệt tránh không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo muốn đến diệt tránh, việc chưa được quyết đoán liền qua đời thì việc này được gọi là diệt. Hoặc tự nói: "Tôi là Sa-di, dị đạo, không phải Tỳ-kheo; người bị tẫn về không thấy tội, không sám tội, không bỏ ác tà kiến và tội bất

cọng trụ; người phạm các tội bất cọng trụ, phạm biên tội, người vốn là bạch y, bất năng nam, người ô nhục Tỳ-kheo-ni, người việt tế (người phá nội ngoại đạo), tặc trụ; người giết cha mẹ, A-la-hán, người phá tăng, người ác tâm làm cho Phật bị thương" thì việc này được gọi là diệt. Hoặc Tỳ-kheo này siêng đọc tụng kinh, siêng làm việc phước, hoặc siêng xử đoán việc khác, hoặc đi xa, hoặc bịnh triền miên, hoặc đến nước khác không trở về thì việc này được gọi là diệt. Hoặc Tỳ-kheo khi mới bắt đầu diệt tránh liền qua đời, hoặc tự nói tôi là bạch y… cho đến câu đến nước khác không trở về thì việc này đều được gọi là diệt.

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 54

ƯU BA LY VẤN PHÁP (Tiếp Theo)

10. Hỏi Về Pháp Thọ Giới

Lại hỏi: Khi Bạch tứ yết ma thọ giới, Tỳ-kheo không nói tên mấy việc thì không được gọi là thọ giới cụ túc?

Đáp: Nếu không nói tên của bốn việc, đó là Hòa thượng, chúng tăng, người cầu thọ giới và yết ma thì không gọi là thọ giới cụ túc. Lại nữa, nếu không nói tên của ba việc, đó là chúng tăng, người cầu thọ giới và yết ma thì không gọi là thọ giới cụ túc. Lại nữa, nếu không nói tên của hai việc, đó là người cầu thọ giới và yết ma thì không gọi là thọ giới cụ túc.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo cho bốn người ở trong giới, cùng một lúc thọ giới cụ túc mà được gọi là thọ giới không?

Đáp: Có, nếu ở bốn chỗ lần lượt gởi dục thì được

Lại hỏi: Tỳ-kheo cho người ở cõi Câu-da-ni thọ

giới, người này có được gọi là thọ giới không?

Đáp: Được gọi là thọ giới, nhưng người cho thọ giới cụ túc thì phạm tội; cho người ở cõi Phất Bà-đề cũng vậy.

Lại hỏi: Tỳ-kheo cho người ở cõi Uất đơn việt thọ giới, người này có được gọi là thọ giới không?

Đáp: Không được, vì người ở cõi đó không có sở thuộc.

Lại hỏi: Tỳ-kheo cho người trước đã phá giới thọ giới thì người này có đắc giới không?

Đáp: Không đắc giới. Cho người Tặc trụ thọ giới cũng không đắc giới.

Lại hỏi: Tỳ-kheo cho người câm, người điếc, hoặc người câm điếc thọ giới thì người này có được gọi là thọ giới không?

Đáp là không được.

Lại hỏi: Nếu xếp đặt cho người câm, người điếc, hoặc người câm điếc vào trong túc số thọ giới thì có được gọi là thọ giới không?, đáp là không được.

Lại hỏi: Nếu nuôi trẻ muốn cho xuất gia thì nên hỏi người mẹ nào?

Đáp: Nên hỏi người mẹ nuôi dưỡng.

Lại hỏi: Như Phật đã dạy, nếu cha mẹ không cho phép thì không được độ cho xuất gia thọ giới, có trường hợp cha mẹ không cho phép mà vẫn được độ cho xuất gia thọ giới hay không?

Đáp; có, nếu cha mẹ là súc sanh.

Lại hỏi: Như Phật đã dạy, người giết cha mẹ không được cho xuất gia thọ giới, nếu đã cho xuất gia thọ giới thì nên diệt tẫn. Nếu người giết cha mẹ, Tỳ-kheo cho xuất gia thọ giới, người này có được gọi là thọ giới hay không? Đáp: Có, nếu cha mẹ là súc sanh. Lại nữa, nếu tưởng khác, nhân duyên khác mà giết cha mẹ thì người này được gọi là thọ giới, không nên tẫn.

Lại hỏi: Như Phật đã dạy, nếu cho người xuất gia phải hai lần bạch Tăng, đó là khi cạo tóc và khi xuất gia. Có trường hợp không có hai lần bạch Tăng mà vẫn cho xuất gia không?

Đáp: Có, nếu người này có cha mẹ là súc sanh.

Lại hỏi: Như Phật đã dạy, người làm ô nhục Tỳ-kheo-ni thì không được cho xuất gia thọ giới, nếu đã cho xuất gia thọ giới thì nên diệt tẫn. Nếu Tỳ-kheo cho người làm ô nhục Tỳ-kheo-ni xuất gia thọ giới thì người này có được thọ giới không?

Đáp: Có, nếu tám người dùng tám việc làm ô nhục Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo gọi là bị làm ô nhục, nhưng tám người này không gọi là làm ô nhục Tỳ-kheo-ni. Lại nữa một người dùng tám việc làm ô nhục Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo-ni gọi là bị làm ô nhục, nhưng người này không gọi là làm ô nhục Tỳ-kheo-ni.

Lại hỏi: Như Phật đã dạy, người Tặc trụ không

được cho xuất gia thọ giới, nếu đã cho xuất gia thọ giới thì nên diệt tẫn. Sao gọi là Tặc trụ?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo ở trong bốn pháp Ba-la-di tùy phá một pháp nào, sau đó vào trong Tăng nghe Đơn bạch yết ma, bạch nhị yết ma, bạch tứ yết ma, bố tát, tự tứ, yết ma cử mười bốn hạng người… thì gọi là Tặc trụ.

Lại hỏi: Như Phật đã dạy, người việt tế (người phá nội ngoại đạo) không được cho xuất gia thọ giới, nếu đã cho xuất gia thọ giới thì nên diệt tẫn. Sao gọi là người việt tế?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo không xả giới của ngoại đạo, mang hình tướng ngoại đạo, nói pháp của ngoại đạo và thọ nghiệp của ngoại đạo.

Lại hỏi: Như Phật đã dạy, người giết A-la-hán không được cho xuất gia thọ giới, nếu đã cho xuất gia thọ giới thì nên diệt tẫn. Nếu Tỳ-kheo cho người giết A-la-hán xuất gia thọ giới thì người này có được thọ giới không?

Đáp: Có nếu người giết A-la-hán mà không phạm tội nghịch.

Lại hỏi: Nếu người cầu thọ giới ở trong giới, người cho thọ giới ở ngoài giới; hoặc người cầu thọ giới ở ngoài giới, người cho thọ giới ở trong giới, hoặc người cầu thọ giới ở dưới đất, người cho thọ giới ở trên, hoặc người cầu thọ giới ở trên, người cho thọ giới ở dưới thì có được gọi là thọ giới

không?, đáp là không được.

Lại hỏi: Nếu người cầu thọ giới và người cho thọ giới đều ở trong giới thì có được gọi là thọ giới không?

Đáp: Cả hai đều ở trong giới đứng hay ngồi đều được gọi là thọ giới.

Lại hỏi: Các Tỳ-kheo ở dưới đất, một người trong túc số ở trên cao; hoặc các Tỳ-kheo ở trên cao, một người trong túc số ở dưới đất; hoặc các Tỳ-kheo ở trong giới, một người trong túc số ở ngoài giới; hoặc các Tỳ-kheo ở ngoài giới, một người trong túc số ở trong giới thì có được gọi là cho thọ giới hay không?

Đáp: Không được, nếu các Tỳ-kheo và người trong túc số đều ở trong giới đứng hay ngồi cho thọ giới đều được gọi là cho thọ giới.

Lại hỏi: Có một người ở trong bốn trú xứ, các Tỳ-kheo cho thọ giới có được gọi là thọ giới không?

Đáp: Nếu để giường hoặc ván cây nối liền bốn giới lại, các Tỳ-kheo ở trong đó cho thọ giới thì được gọi là thọ giới.

Lại hỏi: Có một người trong túc số ở trong bốn trú xứ cho thọ giới thì được gọi là cho thọ giới không?

Đáp: Nếu để giường hay ván cây nối liền bốn giới lại, người trong túc số ở trong đó cho thọ giới

thì được gọi là cho thọ giới.

11. Hỏi Về Pháp Bố Tát

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo ở trước chúng tăng gởi dục, ai nên cho nói?

Đáp: Các Tỳ-kheo tùy ý cho nói.

Lại hỏi: Nếu Tăng phường ở gần tụ lạc thì phạm vi bao nhiêu gọi là không mất y?

Đáp: Phạm vi bằng bên ngoài giới tụ lạc.

Lại hỏi: Các Tỳ-kheo ở trong tụ lạc, trước không có Tăng phường, cất Tăng phường chưa kết giới thì phạm vi bao nhiêu gọi là giới?

Đáp: Phạm vi bằng chỗ thông hành của giới tụ lạc.

Lại hỏi: Ở nơi A-lan-nhã không có tụ lạc, Tỳ-kheo cất Tăng phường chưa có kết giới thì phạm vi bao nhiêu gọi là giới?

Đáp: Phạm vi chừng một Câu-lô-xá, ở trong phạm vi này, các Tỳ-kheo nên ở một chỗ hòa hợp thuyết giới và tác pháp yết ma, không được bố tát riêng, yết ma riêng; nếu bố tát riêng, yết ma riêng thì tất cả Tỳ-kheo đều phạm tội.

Lại hỏi: Người thuyết giới ở dưới đất, các Tỳ-kheo ở trên cao; hoặc người thuyết giới ở trên cao, các Tỳ-kheo ở dưới đất; hoặc người thuyết giới ở trong giới, các Tỳ-kheo ở ngoài giới; hoặc người thuyết giới ở ngoài giới, các Tỳ-kheo ở trong giới thì có được gọi là bố tát không?

Đáp: Không được, nếu người thuyết giới và các Tỳ-kheo đều ở trong giới, đứng hay ngồi đều được gọi là bố tát.

Lại hỏi: nếu đêm sắp qua hết, các Tỳ-kheo mới nhớ hôm nay là ngày bố tát thì các Tỳ-kheo có nên thuyết giới không?

Đáp: Không nên, vì nếu có thuyết giới xong cũng không thành bố tát.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo thọ thanh tịnh của người khác rồi xuất giới thì phạm tội gì?

Đáp: Phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: ai nên giáo thọ Tỳ-kheo-ni? Đáp: Cựu Tỳ-kheo.

Lại hỏi: Nếu tăng bị phá làm hai bộ, Tỳ-kheo-ni nên đến bộ nào thỉnh giáo thọ?

Đáp: Nên theo bộ nào nói như pháp, nếu không có người nói như pháp thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra nên ra ngoài giới giáo thọ Tỳ-kheo-ni.

Lại hỏi: Khi các Tỳ-kheo xả giới thì giới không lìa y cũng xả hay không?

Đáp là cũng xả.

Lại hỏi: Nếu xả giới không lìa y thì đại giới cũng xả hay không?, đáp là không xả.

Lại hỏi: Nếu giới trước không xả thì có được kết lại giới lớn hay nhỏ không?

Đáp là không được.

Lại hỏi: Các Tỳ-kheo khi bố tát, nói Tựa giới,

bốn pháp Ba-la-di cho đến bảy pháp diệt tránh thì tất cả Tăng có được gọi là thuyết giới bố tát không?, đáp là được.

Lại hỏi: Như Phật dạy, có một trú xứ khi thuyết giới bố tát, các Tỳ-kheo, phi pháp biệt chúng, phi pháp hòa hợp chúng, như pháp biệt chúng, như pháp hòa hợp chúng. Sao gọi là phi pháp biệt chúng thuyết giới?

Đáp: Các Tỳ-kheo chia làm hai bộ, không như pháp thuyết giới, việc nên nói thì không nói, người nên nói lại không nói. Đây gọi là phi pháp biệt chúng thuyết giới.

Lại hỏi: Sao gọi là như pháp biệt chúng thuyết giới?

Đáp: Các Tỳ-kheo chia làm hai bộ, như pháp thuyết giới, việc nên nói thì nói, người nên nói thì nói. Đây gọi là như pháp biệt chúng thuyết giới.

Lại hỏi: Sao gọi là phi pháp hòa hợp chúng thuyết giới?

Đáp: Các Tỳ-kheo nhất tâm hòa hợp nhưng không như pháp thuyết giới, việc nên nói thì không nói, người nên nói lại không nói. Đây gọi là phi pháp hòa hợp chúng thuyết giới.

Lại hỏi: Sao gọi là như pháp hòa hợp chúng thuyết giới? Đáp: Các Tỳ-kheo nhất tâm hòa hợp ở một chỗ như pháp thuyết giới, việc nên nói thì nói. Người nên nói thì nói. Đây gọi là như pháp hòa hợp

chúng thuyết giới.

Lại hỏi: Như Phật đã dạy, có một trú xứ các Tỳ-kheo không hiểu biết chút gì, giống như dê câm (nhu dương). Sao gọi là không hiểu biết chút gì giống như dê câm?

Đáp: Các Tỳ-kheo không biết bố tát, không biết yết ma bố tát, không biết thuyết giới, không biết yết ma thuyết giới và không biết nhóm họp.

Lại hỏi: Có trường hợp Tăng sự chưa xong, Tỳ-kheo đứng dậy bỏ đi mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu bỏ đi đại tiểu tiện hoặc không rời chỗ nghe.

Lại hỏi: Như Phật đã dạy, người thọ dục qua đêm không nên cùng thuyết giới bố tát, trừ tăng chưa đứng dậy. Sao gọi là Tăng chưa đứng dậy?

Đáp: Cho đến bốn người còn ngồi, chưa đứng dậy; ngược lại thì gọi là đứng dậy.

Lại hỏi: Người điên cuồng, tâm loạn, tâm bịnh hoại ở trong túc số thuyết giới có được gọi là thuyết giới không?

Đáp: Không được, nếu tăng chưa cho Tỳ-kheo yết ma cuồng si thì không nên lìa Tỳ-kheo này mà thuyết giới; nếu đã cho yết ma cuồng si rồi thì Tỳ-kheo này có mặt hay không có mặt, các Tỳ-kheo được tùy ý thuyết giới bố tát và tác pháp yết ma .

Lại hỏi: Các Tỳ-kheo ngồi dưới đất, người ở

trong túc số ngồi trên cao thuyết giới; hoặc các Tỳ-kheo ngồi trên cao, người trong túc số thuyết giới ở dưới đất; hoặc các Tỳ-kheo ở trong giới, người trong túc số thuyết giới ở ngoài giới; hoặc các Tỳ-kheo ở ngoài giới, người trong túc số thuyết giới ở trong giới thì có được gọi là thuyết giới không?

Đáp: không được, nếu các Tỳ-kheo và người trong túc số thuyết giới đều ở trong giới, đứng hay ngồi đều được gọi là thuyết giới.

Lại hỏi: Người câm, người điếc, hoặc người câm điếc ở trong túc số thuyết giới có được gọi là thuyết giới không?

Đáp: Không được.

Lại hỏi: Tỳ-kheo thọ pháp thuyết giới cho Tỳ-kheo không thọ pháp, hoặc Tỳ-kheo không thọ pháp thuyết giới cho Tỳ-kheo thọ pháp; hoặc Tỳ-kheo thọ pháp lấy túc số Tỳ-kheo không thọ pháp để thuyết giới, hoặc Tỳ-kheo không thọ pháp lấy túc số Tỳ-kheo thọ pháp để thuyết giới thì có được gọi là thuyết giới không?, đáp là không được.

Lại hỏi: Có trường hợp một Tỳ-kheo thuyết giới cho bốn chỗ, được gọi là thuyết giới mà không phạm tội không?

Đáp: Nếu để giường hoặc ván cây nối liền bốn giới lại, Tỳ-kheo ở trong đó đứng hay ngồi thuyết giới đều được.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo trong túc số ở

bốn trú xứ thuyết giới, được gọi là thuyết giới mà không phạm tội không?

Đáp: Nếu để giường hoặc ván cây nối liền bốn giới lại, Tỳ-kheo trong túc số ở trong đó đứng hay ngồi thuyết giới đều được gọi là thuyết giới mà không phạm.

12. Hỏi Về Pháp Tự Tứ

Hỏi: Có trường hợp còn mười ngày nữa mới đến tự tứ, Tỳ-kheo tự tứ được gọi là tự tứ mà không phạm tội không?

Đáp: Có, nếu còn hai, ba, bốn ngày thúc ngày làm bố tát, Tỳ-kheo xuất giới đi, trong thời gian đó tự tứ thì không phạm.

Lại hỏi: Có trường hợp chưa đến hậu tự tứ, Tỳ-kheo tự tứ mà không phạm tội không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo hậu an cư thọ pháp bảy ngày xuất giới, trong thời gian đó tự tứ; hoặc trong thời gian đó cựu Tỳ-kheo ít nên theo khách Tỳ-kheo tự tứ thì không phạm.

Lại hỏi: Người tự tứ ở dưới đất, các Tỳ-kheo ở trên cao; hoặc người tự tứ ở trên cao, các Tỳ-kheo ở dưới đất; hoặc người tự tứ ở trong giới, các Tỳ-kheo ở ngoài giới; hoặc người tự tứ ở ngoài giới, các Tỳ-kheo ở trong giới thì có được gọi là tự tứ không?

Đáp: Không được, nếu người tự tứ và các Tỳ-kheo đều ở trong giới, đứng hay ngồi đều được gọi

là tự tứ.

Lại hỏi: Các Tỳ-kheo ngồi dưới đất, người ở trong túc số ngồi trên cao tự tứ; hoặc các Tỳ-kheo ngồi trên cao, người trong túc số tự tứ ở dưới đất; hoặc các Tỳ-kheo ở trong giới, người trong túc số tự tứ ở ngoài giới; hoặc các Tỳ-kheo ở ngoài giới, người trong túc số tự tứ ở trong giới thì có được gọi là tự tứ không?

Đáp: không được, nếu các Tỳ-kheo và người trong túc số tự tứ đều ở trong giới, đứng hay ngồi đều được gọi là tự tứ.

Lại hỏi: Các Tỳ-kheo ngăn Tỳ-kheo câm, người điếc, hoặc người câm điếc tự tứ thì có được ngăn không?

Đáp: Không được ngăn.

Lại hỏi: Người câm, người điếc, hoặc người câm điếc ngăn các Tỳ-kheo tự tứ thì có được ngăn không?

Đáp: Không được ngăn.

Lại hỏi: Như Phật đã dạy, khi tự tứ không nên đi, có Tỳ-kheo có trú xứ, có Tỳ-kheo không có trú xứ, có Tỳ-kheo có trú xứ và không có trú xứ. Có trường hợp Tỳ-kheo khi tự tứ đi đến 3 chỗ này mà không phạm tội không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo an cư nghe tin Tỳ-kheo kia sắp đến đấu tranh tránh loạn Tỳ-kheo nơi này tự tứ, liền nghĩ: "Ta không muốn nghe biết đến việc

đấu tranh tránh loạn này", nghĩ rồi liền đi đến chỗ có Tỳ-kheo có trú xứ, có Tỳ-kheo không có trú xứ, có Tỳ-kheo có trú xứ và không có trú xứ thì không phạm.

Nếu có Tỳ-kheo bịnh ngăn Tỳ-kheo không bịnh tứ tứ, Tăng nên nói với Tỳ-kheo bịnh: "Trưởng lão bịnh chớ ngăn Tỳ-kheo không bịnh tự tứ, vì sao, vì người bịnh ít an ổn". Nếu có Tỳ-kheo không bịnh ngăn Tỳ-kheo bịnh tự tứ thì Tăng nên nói với Tỳ-kheo không bịnh: "Trưởng lão chớ ngăn Tỳ-kheo bịnh tự tứ, vì sao, vì người bịnh ít an ổn". Nếu có Tỳ-kheo bịnh sai sứ ngăn Tỳ-kheo không bịnh tự tứ, Tăng nên nói với sứ rằng: "Trưởng lão chớ nghe lời của tỳ-kheo bịnh ngăn Tỳ-kheo không bịnh tự tứ, vì sao, vì người bịnh ít an ổn", sứ giả này nên đến bên người bịnh nói: "Trưởng lão, Tăng dạy bảo thầy bịnh chớ ngăn Tỳ-kheo không bịnh tự tứ, vì sao, vì người bịnh ít an ổn", nếu người bịnh nói hãy ngăn giùm thì Tỳ-kheo bịnh này phạm Đột-kiết-la, nếu sứ giả nghe lời người bịnh ngăn Tỳ-kheo không bịnh tự tứ thì sứ giả này phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo không bịnh sai sứ ngăn Tỳ-kheo bịnh tự tứ cũng giống như vậy.

Lại hỏi: Như Phật đã dạy, có một trú xứ khi tự tứ biết việc mà không biết người. Sao gọi là việc, sao gọi là người?

Đáp: Việc là chỉ cho tội, tội nhân nơi duyên mà khởi; người là chỉ cho người phạm tội.

Lại hỏi: Như Phật đã dạy, Tỳ-kheo thanh tịnh được ở chung với Tỳ-kheo đồng kiến. Sao gọi là đồng kiến?

Đáp: Các Tỳ-kheo thấy tội Ba-la-di rồi, như điều đã thấy mà nói; cho đến thấy tội Tăng-già-bà-thi-sa, tội Ba-dật-đề, tội Ba-la-đề-đề-xá-ni, tội Đột-kiết-la đều như điều đã thấy mà nói. Đó gọi là đồng kiến.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo ngăn Tỳ-kheo khác tự tứ hoặc Tỳ-kheo-ni ngăn Tỳ-kheo-ni khác tự tứ mà không thành ngăn không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo ngăn Tỳ-kheo khác tự tứ, Tỳ-kheo kia chuyển căn thì ngăn Tỳ-kheo-ni tự tứ không thành ngăn; Tỳ-kheo ngăn Tỳ-kheo khác tự tứ mà tự mình chuyển căn, thì Tỳ-kheo-ni ngăn Tỳ-kheo tự tứ không thành ngăn. Nếu Tỳ-kheo-ni ngăn Tỳ-kheo-ni khác tự tứ, Tỳ-kheo-ni kia chuyển căn thì ngăn Tỳ-kheo tự tứ không thành ngăn; Tỳ-kheo-ni ngăn Tỳ-kheo-ni khác tự tứ mà tự mình chuyển căn, thì Tỳ-kheo ngăn Tỳ-kheo-ni tự tứ không thành ngăn.

Lại hỏi: Tỳ-kheo thọ pháp cùng tự tứ với Tỳ-kheo không thọ pháp, hoặc Tỳ-kheo không thọ pháp cùng tự tứ với Tỳ-kheo thọ pháp thì được gọi là tự tứ không?

Đáp: Không được.

Lại hỏi: Tỳ-kheo thọ pháp lấy túc số Tỳ-kheo

không thọ pháp để tự tứ, hoặc Tỳ-kheo không thọ pháp lấy túc số Tỳ-kheo thọ pháp để tự tứ, thì có được tự tứ không?

Đáp: Không được.

Lại hỏi: Tỳ-kheo lấy túc số người câm, người điếc, hoặc người câm điếc để tự tứ thì có được tự tứ không?

Đáp: Không được.

Lại hỏi: Có bốn trú xứ ở trong giới cùng một lúc tự tứ thì được gọi là tự tứ không?

Đáp: Nếu lần lượt gởi dục thì được.

Lại hỏi: Một Tỳ-kheo ở bốn trú xứ tự tứ, được gọi là tự tứ mà không phạm tội không?

Đáp: Nếu để giường hoặc ván cây nối liền bốn giới lại thì được .

13. Hỏi Về Pháp An Cư

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo an cư, sanh tâm nghi hối không biết có đắc an cư không thì người này có được gọi là an cư không?

Đáp là được.

Lại hỏi: Người này được chia y an cư không? Đáp: Được chia.

Lại hỏi: Nếu Ưu-bà-di muốn xuất gia, sai sứ đến bạch Tỳ-kheo: "Đại đức hãy đến, tôi muốn xuất gia", Tỳ-kheo này có nên phá an cư đi đến không?, đáp là nên đi

Lại hỏi: Có Tỳ-kheo-ni trong hạ an cư nên cho

Ức niệm Tỳ-ni, Bất si Tỳ-ni, sai sứ đến bạch Tỳ-kheo: "Đại đức hãy đến để Tăng cho con Ức niệm Tỳ-ni, Bất si Tỳ-ni", Tỳ-kheo này có nên phá an cư đi đến không?

Đáp là nên đi.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo ở giữa đường nghe tin Tỳ-kheo-ni này qua đời hoặc phản giới hoàn tục, hoặc vào ngoại đạo, hoặc một trong tám nạn xảy ra thì có nên đi đến đó không?

Đáp: Không nên đi.

Lại hỏi: Nếu đi đến đó thì phạm tội gì? Đáp: Phạm Đột-kiết-la

Lại hỏi: Ba tháng hạ chưa hết, các Tỳ-kheo tẫn Tỳ-kheo thì người này có nên tẫn không?

Đáp là nên tẫn.

Lại hỏi: Có nên chia cho y an cư không?

Đáp: Không nên chia. Lại nữa, nếu Tỳ-kheo còn bảy ngày nữa tự tứ, thọ pháp đêm xuất giới đi thì không tội; hoặc còn sáu, năm, bốn, ba, hai, một ngày nữa tự tứ, thọ pháp đêm xuất giới đi thì không tội.

Lại hỏi: Tỳ-kheo an cư có mấy tự thệ?

Đáp: Có năm, đó là bất tự thệ, y tự thệ, thời tự thệ, an cư tự thệ và ngữ tự thệ.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo ở trong phòng kia, y cũng ở trong phòng kia mà gọi là phá an cư, cũng gọi là lìa y ngủ đêm và cũng gọi là hoại tự thệ

hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo hậu an cư, một mình vào phòng để ba y trên giường hoặc trên giá y, không thọ pháp bảy ngày mà bay lên ở trên cao cho đến sáng. Đó gọi là phá an cư, cũng gọi là lìa y ngủ đêm, cũng gọi là trái tự thệ,

Lại hỏi: Các Tỳ-kheo của nhiều trú xứ cùng an cư trong một giới, tự tứ xong liền xả đại giới này, mỗi nơi kết lại lấy vách chùa mình làm giới. Đàn việt thí y vật an cư, Hiện tiền tăng nên chia thì y vật thí này nên thuộc về ai?

Đáp: Tuy xả đại giới nhưng y vật vẫn thuộc về Tăng an cư trong đại giới cũ.

Lại hỏi: Nên chia như thế nào?

Đáp: Nên theo thứ lớp chia đều, phần thứ tư nên chia cho Sa-di .

Lại hỏi: Có trường hợp một Tỳ-kheo an cư trong bốn trú xứ cũng được gọi là an cư không?

Đáp: Nếu để giường hoặc ván cây nối liền bốn giới lại, Tỳ-kheo ở trong đó an cư thì được gọi là an cư

Lại hỏi: Chỗ nào nên cho Tỳ-kheo này y vật thí an cư ? Đáp: Cả bốn chỗ họp lại chia cho một phần.

Lại hỏi: Tỳ-kheo ở giữa hư không an cư, có được gọi là an cư không?

Đáp: Không được, vì hư không không có giới nên tất cả Tăng sự và các pháp yết ma làm đều

không thành.

Lại hỏi: Tỳ-kheo an cư trên thuyền bè có được gọi là an cư không?

Đáp: Nếu thuyền bè ở trên nước hay dưới nước thì không được, phải neo thuyền lại một chỗ mới được an cư.

Lại hỏi: Tỳ-kheo này nên ở chỗ nào chia cho phần y vật an cư? Đáp: Tùy an cư ở trên thuyền bè nào thì chỗ đó nên chia y vật an cư.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo không tiền an cư, không hậu an cư thì gọi là người thế nào?

Đáp: Là người phá an cư, không có sở đắc gì.

14. Hỏi Về Pháp Dược

Lại hỏi: Tỳ-kheo để tô, dầu trong rượu thì có được uống dùng không?

Đáp: Nếu bịnh thì được uống, không bịnh thì không được uống. Lại nữa, ngay ngày nay thọ bốn loại dược: Thời dược, thời phần dược, thất nhật dược và tận hình dược hòa hợp lại một chỗ thì trước giờ ngọ nên dùng, vì hiệu lực của thời dược là quá ngọ không được dùng. Nếu ngay ngày nay thọ thời phần dược, thất nhật dược và tận hình dược hòa hợp lại một chỗ thì trong thời phần nên dùng, vì hiệu lực của thời phần dược là quá thời phần thì không được dùng. Nếu ngay ngày nay thọ thất nhật dược và tận hình dược hòa hợp lại một chỗ thì trong vòng bảy ngày nên dùng, vì hiệu lực

của thất nhật dược là quá bảy ngày thì không được dùng. Nếu là tận hình dược thì trọn đời được tùy ý lấy dùng.

Lại hỏi: Bốn loại dược: Thời dược, thời phần dược, thất nhật dược và tận hình dược để cách đêm có được thọ dùng không?, đáp là không được.

Lại hỏi: Tỳ-kheo nếu tự lấy trước rồi mới theo tịnh nhân thọ thì có được dùng không?, đáp là không được.

Lại hỏi: Bốn loại dược này nếu tay thọ, miệng thọ, Tỳ-kheo không bịnh có được dùng không?

Đáp: Không được dùng, nếu bịnh thì được dùng.

Lại hỏi: Nếu lửa ở tịnh địa, người tác tịnh ở bất tịnh địa; hoặc lửa ở bất tịnh địa, người tác tịnh ở bất tịnh địa; hoặc lửa ở bất tịnh địa, người tác tịnh ở tịnh địa lấy lửa hay ngọn lửa hay than hay tro than tác tịnh thì có được tịnh không và được ăn không?

Đáp: Được tịnh nhưng không được ăn.

Lại hỏi: Nếu lửa ở bất tịnh địa, người tác tịnh ở trên cao lấy lửa hay ngọn lửa hay tro than tác tịnh thì có được tịnh và được ăn không?

Đáp: Được tịnh nhưng không được ăn; nếu lấy tro nóng rưới lên hoặc lấy ngọn lửa ném để làm tịnh thì được tịnh và được ăn.

Lại hỏi: Nếu lửa ở tịnh địa, người tác tịnh ở tịnh

địa lấy ngọn lửa hay than hay tro than làm tịnh thì có được tịnh và được ăn không?

Đáp: Được tịnh nhưng không được ăn, nếu lấy tắt lửa làm tịnh thì được tịnh và được ăn.

Lại hỏi: Nếu lửa ở tịnh địa, người tác tịnh ở trên cao lấy lửa hay tro than làm tịnh thì có được tịnh và được ăn không? Đáp: Được tịnh nhưng không được ăn, nếu lấy ngọn lửa ném hay tắt ngọn lửa hay rưới tro nóng lên để làm tịnh thì được tịnh và được ăn.

Lại hỏi: Nếu lửa ở tịnh địa, ba hòn đá ở bất tịnh địa; hoặc một hòn đá ở tịnh địa, hai hòn đá kia ở bất tịnh địa; hoặc hai hòn đá ở tịnh địa, một hòn đá kia ở bất tịnh địa thì ở trong đó nấu thức ăn, có được ăn không?

Đáp: Không được ăn, nếu lửa ở bất tịnh địa, ba hòn đá ở tịnh địa, ở trong đó nấu và lấy tắt lửa làm tịnh thì được ăn.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo tự lấy lửa hay dao hay móng tay làm tịnh thì có được tịnh và được ăn không?

Đáp: Được tịnh, trừ lấy lửa làm tịnh, các cách làm tịnh khác đều được ăn. Nếu Tỳ-kheo lấy lửa làm tịnh thì người này không được ăn, các Tỳ-kheo khác cũng không được ăn.

Lại hỏi: Trái cây ở bất tịnh địa, người tác tịnh ở tịnh địa; hoặc trái cây ở tịnh địa, người tác tịnh ở

bất tịnh địa; nếu dùng dao, lửa hay móng tay làm tịnh thì có được tịnh và được ăn không?

Đáp: Được tịnh nhưng không được ăn .

Lại hỏi: Nếu để tô, dầu vào trong rượu nấu thì có được thọ dùng không?

Đáp: Nếu lìa mùi rượu thì được thọ dùng.

Lại hỏi: Sữa voi, lạc, tô có được uống không? Đáp: Được uống.

Lại hỏi: Tám loại nước uống phi thời có được uống không?

Đáp: Nếu không có mùi vị rượu, không có thức ăn, thanh tịnh thì được uống.

Lại hỏi: Thức ăn của trời quá ngọ có được ăn và có được thọ pháp bảy ngày không?

Đáp: Được ăn và được thọ pháp bảy ngày.

15. Hỏi Về Pháp Y

Lại hỏi: Người bị tẫn có được yết ma chia y không? Đáp: Người không bị tẫn được chia.

Lại hỏi: Nên chia y như thế nào?

Đáp: Nên chia làm ba, đó là phần tự thọ, phần triển chuyển chia và phần bỏ thẻ để rút thăm.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo đến cư sĩ, vợ cư sĩ không phải bà con xin y mà không phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề không?

Đáp: Trừ y ở phòng riêng, y thí trong nhà bạch y và y an cư; nếu đến người xuất gia không phải bà con xin y thì phạm Đột-kiết-la .

Lại hỏi: Đưa y cho một người mà bốn người đồng ý lấy thì có được lấy không?

Đáp: Không được lấy; nhưng nếu đưa y cho bốn người, một người đồng ý lấy thì được lấy.

Lại hỏi: Giá tiền y có được lấy không? Đáp: Không được lấy.

Lại hỏi: Nếu chuyển tiền này để làm y bát và những tịnh vật khác thì có được thọ không? Đáp: Được thọ.

Lại hỏi: Có trường hợp y thí cho Tăng, Tỳ-kheo tự lấy đem về cho mình lại được phước mà không tội không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo ở một mình một chỗ, trong đó được y thí Tăng, Tỳ-kheo khác không đến, mình tự lấy dùng thì được phước mà không tội.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác là thí y vật cho Tăng, nói xong liền qua đời thì vật thí cho tăng này có nên dùng yết ma để chia không?, đáp là không nên.

Lại hỏi: Nên chia y như thế nào?

Đáp: Nên chia làm ba, đó là phần tự thọ, phần triển chuyển chia và phần bỏ thẻ để rút thăm, vì sao, vì y vật thí này không thuộc Hiện tiền tăng.

Lại hỏi: Tỳ-kheo an cư bị tẫn có được chia y không? Đáp: Không được.

Lại hỏi: Tỳ-kheo bị điếc như thế nào gọi là

được y? Đáp: Nếu khi thấy cho y mà tôi cũng được phần.

Lại hỏi: Tỳ-kheo mù như thế nào gọi là được y?

Đáp: Để y vào tay hay để trên đầu gối, tâm nghĩ là tôi được y. Lại hỏi: Nên chia y cho Sa-di như thế nào?

Đáp: Cho một phần trong các phần của tỳ-kheo .

16. Hỏi Về Pháp Y Ca-Hi-Na

Lại hỏi: Tỳ-kheo không tuổi hạ cho đến dữ học Sa-di (Sa-di học hối), người bị tẫn, người hành Biệt trụ làm y thọ làm y Ca-hi-na có được gọi là thọ không?

Đáp: Không được.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo như pháp làm y hoặc nạp y đúng lượng thì có được thọ làm y Ca-hi-na không?

Đáp: Được.

Lại hỏi: Thọ y Ca-hi-na có mấy lợi ích?

Đáp: Có chín lợi ích, đó là được đến mười đêm, sáu đêm, một đêm không có nhân duyên được cất giữ y Tăng-già-lê, không Có năm nhân duyên được cất giữ y tắm mưa, được thường thường ăn, được ăn biệt chúng và hai thời không bạch được vào tụ lạc.

Lại hỏi: Các Tỳ-kheo thuộc nhiều Tăng

phường cùng kết chung một giới để an cư, thì đều được an cư không?

Đáp: Được an cư.

Lại hỏi: Các Tỳ-kheo nên ở chỗ nào? Đáp: Tùy ý ở

Lại hỏi: Nên ở đâu tự tứ? Đáp: Tùy ý tự tứ.

Lại hỏi: Ở chỗ nào gọi là an cư xong? Đáp: Tùy ý ở chỗ nào cho đến sáng. Lại hỏi: Ở chỗ nào nên cho y vật an cư?

Đáp: Tùy ở chỗ nào tự tứ thì ở chỗ đó cho y vật an cư. Lại nữa, tùy chỗ nào an cư nhiều ngày thì ở chỗ đó nên cho.

Lại hỏi: Các Tỳ-kheo thuộc nhiều Tăng phường cùng an cư trong một giới, sau khi tự tứ xong liền thọ y Ca-hi-na, thì các Tỳ-kheo này đều được thọ y Ca-hi-na không?

Đáp; đều được thọ.

Lại hỏi: Các Tỳ-kheo thuộc nhiều Tăng phường cùng an cư trong một giới, sau khi tự tứ xong liền thọ y Ca-hi-na, thọ rồi liền xả đại giới này, thì các Tỳ-kheo này đều được thọ y Ca-hi-na không?, đáp là đều được thọ.

Lại hỏi: Các Tỳ-kheo thuộc nhiều Tăng phường cùng an cư trong một giới, sau khi tự tứ xong liền thọ y Ca-hi-na, thọ rồi liền xả đại giới, xả đại giới rồi sau đó xả y Ca-hi-na, thì các Tỳ-kheo này đều được xả y Ca-hi-na không?

Đáp: Tùy người nào xả thì xả, người nào không xả thì không xả.

Lại hỏi: Các Tỳ-kheo an cư xong, cùng nhiều Tăng phường kết chung một giới để thọ y Ca-hi-na, thì các Tỳ-kheo này đều được thọ y Ca-hi-na không?

Đáp: Đều được thọ.

Lại hỏi: Các Tỳ-kheo an cư xong, cùng nhiều Tăng phường kết chung một giới để thọ y Ca-hi-na, thọ rồi sau đó xả đại giới này, thì các Tỳ-kheo này đều được thọ y Ca-hi-na không?, đáp là đều được thọ.

Lại hỏi: Các Tỳ-kheo an cư xong, cùng nhiều Tăng phường kết chung một giới để thọ y Ca-hi-na, thọ rồi sau đó xả đại giới, xả giới rồi sau đó xả y Ca-hi-na, thì các Tỳ-kheo này đều được xả y Ca-hi-na không?

Đáp: Tùy người nào xả thì xả, người nào không xả thì không xả.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo thọ đàn việt thỉnh thực, sau bữa ăn trước đi đến nhà khác mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu chỗ thỉnh thực này ở bên ngõ hẻm, chợ búa.

Lại hỏi: Các Tỳ-kheo thuộc bến bên Tăng phường, hoặc tám, chín, mười hoặc nhiều hơn cùng kết chung một giới để an cư, thì các Tỳ-kheo

này đều được an cư không?

Đáp: Được an cư.

Lại hỏi: Các Tỳ-kheo nên ở chỗ nào? Đáp: Tùy ý ở

Lại hỏi: Nên ở đâu tự tứ? Đáp: Tùy ý tự tứ.

Lại hỏi: Ở chỗ nào gọi là an cư xong? Đáp: Tùy ý ở chỗ nào cho đến sáng. Lại hỏi: Ở chỗ nào nên cho y vật an cư?

Đáp: Tùy ở chỗ nào tự tứ thì ở chỗ đó cho y vật an cư. Lại nữa, tùy chỗ nào an cư nhiều ngày thì ở chỗ đó nên cho.

Lại hỏi: Các Tỳ-kheo thuộc bến bên Tăng phường, hoặc tám, chín, mười hoặc nhiều hơn, cùng kết chung một giới an cư, sau khi tự tứ xong liền thọ y Ca-hi-na, thì các Tỳ-kheo này đều được thọ y Ca-hi-na không?, đáp là được thọ.

Lại hỏi: Các Tỳ-kheo thuộc bến bên Tăng phường, hoặc tám, chín, mười hoặc nhiều hơn, cùng kết chung một giới an cư, sau khi tự tứ xong liền thọ y Ca-hi-na, thọ xong liền xả đại giới này, sau đó lại xả y Ca-hi-na, thì các Tỳ-kheo này đều được xả không?

Đáp: Tùy người nào xả thì xả, người nào không xả thì không xả.

Lại hỏi: Các Tỳ-kheo an cư xong, cùng bến bên Tăng phường hoặc tám, chín, mười hoặc nhiều hơn, kết chung một giới để thọ y Ca-hi-na, thì các

Tỳ-kheo này đều được thọ y Ca-hi-na không?

Đáp là đều được thọ.

Lại hỏi: Các Tỳ-kheo an cư xong, cùng bến bên Tăng phường hoặc tám, chín, mười hoặc nhiều hơn, kết chung một giới để thọ y Ca-hi-na, thọ rồi liền xả đại giới này, thì các Tỳ-kheo này đều được thọ y Ca-hi-na không?, đáp là đều được thọ.

Lại hỏi: Các Tỳ-kheo an cư xong, cùng bến bên Tăng phường hoặc tám, chín, mười hoặc nhiều hơn, kết chung một giới để thọ y Ca-hi-na, thọ rồi liền xả đại giới này, sau đó xả y Ca-hi-na, thì các Tỳ-kheo này đều được thọ y Ca-hi-na không?

Đáp: Tùy người nào xả thì xả, người nào không xả thì không xả.

Lại hỏi: Các Tỳ-kheo thọ y Ca-hi-na nhằm tháng nhuần, khi nào xả y Ca-hi-na?

Đáp: Tính theo số ngày an cư.

Lại hỏi: Các Tỳ-kheo thọ y Ca-hi-na đã làm vào ngày mười bốn, các khách Tỳ-kheo đến làm ngày mười năm. Nếu cựu Tỳ-kheo thao khách Tỳ-kheo lấy ngày này làm bố tát, ngày đó được y vật thí thì nên thuộc về ai?

Đáp: Thuộc về tất cả.

Lại hỏi: Nên chia như thế nào?

Đáp: Nên chia đồng đều, phần thứ tư cho Sa-di.

Lại hỏi: Cựu Tỳ-kheo thọ y Ca-hi-na rồi xuất

giới, Tỳ-kheo khách đến xả y Ca-hi-na, nếu ngày nay được vật thì thì nên thuộc về ai?

Đáp: Thuộc về Tỳ-kheo an cư hoặc thuộc về Tỳ-kheo hiện tiền. Lại hỏi: Người nào thuộc về Tỳ-kheo an cư, người nào thuộc về Tỳ-kheo hiện tiền?

Đáp: Nếu vào tháng cuối mùa hạ được vật thí thì thuộc về Tỳ-kheo an cư, nếu vào thời khác thì thuộc về Tỳ-kheo hiện tiền.

Lại hỏi: Sau khi thọ y Ca-hi-na, Tăng chia làm hai bộ thì tất cả chúng tăng này có được gọi là thọ y Ca-hi-na không?

Đáp: Tất cả được thọ.

Lại hỏi: Sau khi thọ y Ca-hi-na, Tăng chia làm hai bộ, một bộ xả y Ca-hi-na thì y Ca-hi-na này có được gọi là xả không?

Đáp: Nếu xả như pháp thì gọi là xả, xả không như pháp thì không gọi là xả.

Lại hỏi: Y bất tịnh thọ làm y Ca-hi-na có được gọi là thọ không?, đáp là không được.

Lại hỏi: Người hậu an cư có được thọ y Ca-hi-na không? Đáp là không được.

Lại hỏi: Trú xứ thọ y Ca-hi-na được vật thì, có trường hợp Tỳ-kheo ở một chỗ này tự tứ được chia không?

Đáp: Có, nếu vào tháng cuối mùa hạ thọ y Ca-hi-na, ngay tháng cuối hạ này xả, Tỳ-kheo ở trong đó được vật thí thì được chia.

Lại hỏi: Như Phật đã dạy, cho đến ở chỗ nghe được cũng gọi là xả y Ca-hi-na, sao gọi là chỗ nghe được?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo thọ y Ca-hi-na ở ngoài giới, nghe tiếng Tăng xả y Ca-hi-na thì củng gọi là xả y Ca-hi-na.

17. Hỏi Về Pháp Câu-Xá-Di

Lại hỏi: Nếu tăng bị phá làm hai bộ, Tỳ-kheo-ni nên đến bộ nào thỉnh giáo thọ?

Đáp: Nên theo bộ nào nói như pháp, nếu không có người nói như pháp thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra nên ra ngoài giới giáo thọ Tỳ-kheo-ni.

Lại hỏi: Tỳ-kheo Câu-xá-di và Tỳ-kheo Tỳ-da-ly xả giới, có được gọi là xả không?

Đáp: Không được.

Lại hỏi: Tỳ-kheo Tỳ-da-ly và Tỳ-kheo Câu-xá-di xả giới, có được gọi là xả không?, đáp là không được.

Lại hỏi: Chỗ Tỳ-kheo Câu-xá-di bố tát, hai bộ họp chung một chỗ, Tỳ-kheo làm Thác lại tra làm sao bố tát?

Đáp: Nên xuất giới làm bố tát.

Lại hỏi: Nếu đàn việt nắm tay Thượng tòa nói là thí vật cho Tăng, thì vật thì này nên thuộc về ai?

Đáp: Bộ nào làm Thượng tòa thì bộ đó được vật thí.

Lại hỏi: Nếu đàn việt nắm tay đệ nhất Thượng

tòa, đệ nhị Thượng tòa nói là thí vật cho Tăng, thì vật thì này nên thuộc về ai?

Đáp: Nếu hai Thượng tòa này ở chung trong một bộ thì vật thí thuộc về một bộ; nếu hai Thượng tòa ở trong hai bộ thì vật thí thuộc về cả hai bộ.

Lại hỏi: Nên chia như thế nào?

Đáp: Nên chia đồng đều, phần thứ tư cho Sa-di.

Lại hỏi: Nếu Tăng sắp bị phá, người biết pháp theo thứ lớp trải giường độc tọa, ở giữa chừa một chỗ ngồi, Tỳ-kheo ngồi trong đó nên tác tăng pháp yết ma, cũng nên giáo thọ Tỳ-kheo-ni, trong đây như thế nào gọi là thành pháp?

Đáp: Nếu hai bộ tùy thuận, Tỳ-kheo làm Thác lại tra cùng hòa hợp.

18. Hỏi Về Pháp Chiêm-Ba

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo ngủ, Tăng làm pháp tẫn, có được gọi là tẫn không?

Đáp: Nếu nghe bạch rồi ngủ thì được gọi là tẫn.

Lại hỏi: Nếu chúng tăng ngủ khi tác pháp tẫn một Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo này có được gọi là tẫn không?

Đáp: Nếu nghe bạch rồi ngủ thì được gọi là tẫn.

Lại hỏi: Nếu khi nói lộn xộn ồn ào mà tác pháp tẫn, thì Tỳ-kheo này có được gọi là tẫn không?

Đáp: Cho đến có bốn Tỳ-kheo nghe tiếng bạch, thì được gọi là tẫn.

Lại hỏi: Tỳ-kheo tặc trụ tác pháp tẫn Tỳ-kheo, người phạm Bất cọng trụ, người hành Biệt trú, người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại xếp vào trong Túc số để tác pháp tẫn Tỳ-kheo thì có được gọi là tẫn không?

Đáp: Không được, nếu tăng chưa cho Tỳ-kheo yết ma cuồng si thì không nên lìa Tỳ-kheo này mà làm bố tát và các pháp yết ma; nếu đã cho yết ma cuồng si rồi thì Tỳ-kheo này có mặt hay không có mặt, các Tỳ-kheo được tùy ý làm bố tát và tác pháp yết ma.

Lại hỏi: Có trường hợp Tăng sự chưa xong, Tỳ-kheo đứng dậy bỏ đi mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu bỏ đi đại tiểu tiện hoặc không rời chỗ nghe.

Lại hỏi: Như Phật đã dạy, Tỳ-kheo không hiện tiền thì không nên tác pháp yết ma, nếu tác pháp yết ma thì các Tỳ-kheo phạm tội. Có trường hợp Tỳ-kheo không hiện tiền tác pháp yết ma mà không phạm không?

Đáp: Có, nếu Ni tăng vì Tỳ-kheo không hiện tiền tác pháp yết ma không lễ bái, không cùng nói chuyện, không cúng dường.

Lại hỏi: Như Phật đã dạy, không tự thú thì không nên tác pháp yết ma, có trường hợp Tỳ-kheo không tự thú, tác pháp yết ma mà không phạm

không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo không tự thú, Ni tăng sẽ tác pháp yết ma không lễ bái, không cùng nói chuyện, không cúng dường.

Lại hỏi: Người tác pháp ở dưới đất, các Tỳ-kheo ở trên cao; hoặc người tác pháp ở trên cao, các Tỳ-kheo ở dưới đất; hoặc người tác pháp ở trong giới, các Tỳ-kheo ở ngoài giới; hoặc người tác pháp ở ngoài giới, các Tỳ-kheo ở trong giới thì có được gọi là tác pháp yết ma không?

Đáp: Không được, nếu người tác pháp và các Tỳ-kheo đều ở trong giới, đứng hay ngồi đều được gọi là tác pháp yết ma.

Lại hỏi: Tỳ-kheo thọ pháp tác pháp cho Tỳ-kheo không thọ pháp, hoặc Tỳ-kheo không thọ pháp tác pháp cho Tỳ-kheo thọ pháp thì có được gọi là tác pháp yết ma không?

Đáp: Không được.

Lại hỏi: Tỳ-kheo thọ pháp lấy túc số Tỳ-kheo không thọ pháp, hoặc Tỳ-kheo không thọ pháp lấy túc số Tỳ-kheo thọ pháp để tác pháp yết ma thì có được gọi là tác pháp yết ma không?, đáp là không được.

Lại hỏi: Có trường hợp ở trong giới của bốn trú xứ cùng một lúc tác pháp yết ma mà không phạm không?

Đáp: Có, nếu ở bốn chỗ lần lượt gởi dục thì

được.

Lại hỏi: Có trường hợp một Tỳ-kheo ở trong bốn trú xứ tác pháp yết ma mà không phạm không?

Đáp: Có, nếu để giường hoặc ván cây nối liền bốn giới lại.

Lại hỏi: Có trường hợp một Tỳ-kheo xếp trong Túc số ở trong bốn trú xứ tác pháp yết ma mà không phạm không?

Đáp: Có, nếu để giường hoặc ván cây nối liền bốn giới lại.

19. Hỏi Về Các Pháp Yết Ma Trị Phạt

Lại hỏi: Các Tỳ-kheo tác pháp yết ma tẫn một Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo lại xả yết ma này, thì có được gọi là xả không?

Đáp: Được xả, nhưng các Tỳ-kheo phạm tội.

Lại hỏi: Các Tỳ-kheo ở dưới đất, Tỳ-kheo bị tẫn ở trên cao; hoặc các Tỳ-kheo ở trên cao, Tỳ-kheo bị tẫn ở dưới đất; hoặc các Tỳ-kheo ở trong giới, Tỳ-kheo bị tẫn ở ngoài giới; hoặc các Tỳ-kheo ở ngoài giới, Tỳ-kheo bị tẫn ở trong giới thì có được gọi là giải yết ma bị tẫn không?

Đáp: Không được, nếu các Tỳ-kheo và Tỳ-kheo bị tẫn đều ở trong giới, đứng hay ngồi đều được gọi là giải yết ma bị tẫn, nhưng các Tỳ-kheo phạm tội.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo ở trong trú xứ không có Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa, không được

phát lồ thì có gọi là che giấu tội không?

Đáp: Không gọi là che giấu.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa, trải qua một ngày không phát lồ với Tỳ-kheo cùng ở chung, xuất giới đi cho đến sáng hôm sau thì có phạm tội phú tàng không?

Đáp: Không gọi là che giấu.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa, không đến nói với Tỳ-kheo tặc trụ, Tỳ-kheo bị tẫn, người hành Biệt trú, người phạm Bất cọng trụ, người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại thì có gọi là che giấu không?

Đáp: Không gọi là che giấu.

Lại hỏi: Nếu không đến nói với người cùng ở chung là người câm, người điếc, hoặc người câm điếc hoặc người biên địa thì có gọi là che giấu không?

Đáp: Không gọi là che giấu vì người câm không nói được, người điếc không nghe được, người câm điếc thì không hiểu được, người biên địa không hiểu ngôn ngữ trong nước.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo đến nói với Tỳ-kheo-ni, cho đến Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di thì có được gọi là phát lồ không?

Đáp: Không gọi là phát lồ.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo đến hỏi Tỳ-kheo khác: "Nếu làm tội như vậy như vậy thì phạm tội gì, trị

như thế nào", không tự nói tội đã làm thì có gọi là phát lồ không?

Đáp: Không gọi là phát lồ

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo tùy che giấu tội, không hành biệt trụ, không hành Ma-na-đỏa; các Tỳ-kheo lại cho yết ma Xuất tội thì Tỳ-kheo này có được gọi là xuất tội hay không?

Đáp: Được gọi là xuất tội, nhưng các Tỳ-kheo phạm tội.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo tùy che giấu tội, hành biệt trụ, không hành Ma-na-đỏa; các Tỳ-kheo lại cho yết ma Xuất tội thì Tỳ-kheo này có được gọi là xuất tội hay không?

Đáp: Được gọi là xuất tội, nhưng các Tỳ-kheo phạm tội.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo tùy che giấu tội, hành biệt trụ, hành Ma-na-đỏa; các Tỳ-kheo liền cho yết ma Xuất tội thì Tỳ-kheo này có được gọi là xuất tội hay không?

Đáp: Được gọi là xuất tội, các Tỳ-kheo không phạm.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo tùy che giấu tội, hành sáu đêm Ma-na-đỏa; các Tỳ-kheo lại cho yết ma Xuất tội thì Tỳ-kheo này có được gọi là xuất tội hay không?

Đáp: Được gọi là xuất tội, nhưng các Tỳ-kheo phạm tội.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo không che giấu tội, hành sáu đêm Ma-na-đỏa; các Tỳ-kheo liền cho yết ma Xuất tội thì Tỳ-kheo này có được gọi là xuất tội hay không?

Đáp: Được gọi là xuất tội, các Tỳ-kheo không phạm.

Lại hỏi: Các Tỳ-kheo ở dưới đất, Tỳ-kheo phạm tội ở trên cao; hoặc các Tỳ-kheo ở trên cao, Tỳ-kheo phạm tội ở dưới đất; hoặc các Tỳ-kheo ở trong giới, Tỳ-kheo phạm tội ở ngoài giới; hoặc các Tỳ-kheo ở ngoài giới, Tỳ-kheo phạm tội ở trong giới thì có được gọi là xuất tội không?

Đáp: Không được, nếu các Tỳ-kheo và Tỳ-kheo phạm tội đều ở trong giới, đứng hay ngồi đều được gọi là xuất tội.

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 55

ƯU BA LY VẤN PHÁP (Tiếp Theo)

20. Hỏi Về Pháp Thuận Hành

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo là người hành Biệt trú, cũng là người hành Biệt trú xong, cũng là người hành Ma-na-đỏa, cũng là người hành Ma-na-đỏa xong hay không?

Đáp: Có, như Tỳ-kheo xuất tinh phạm Tăng-già-bà-thi-sa không che giấu, theo Tăng xin hành sáu đêm Ma-na-đỏa, Tăng cho hành sáu đêm Ma-na-đỏa. Sau khi hành sáu đêm Ma-na-đỏa xong, lại xuất tinh và không che giấu nên theo Tăng xin hành sáu đêm Ma-na-đỏa, Tăng cho hành sáu đêm Ma-na-đỏa. Sau khi hành sáu đêm Ma-na-đỏa xong lại xuất tinh và che giấu, tùy số ngày che giấu đến trong Tăng xin Biệt trụ; hành Biệt trụ xong lại xuất tinh và cũng che giấu, tội trước che giấu một đêm, tội sau che giấu hai đêm, tội trước đã hành biệt trụ nên gọi là người hành Biệt trú xong, tội sau đang hành nên gọi là người hành Biệt trú; vì một tội nên gọi là hành Ma-na-đỏa, vì một tội nên gọi là hành Ma-na-đỏa xong.

Lại hỏi: Như Phật đã dạy, người hành Biệt trú không được cùng người hành Biệt trú; có trú xứ không cùng một mái che, không có trú xứ không cùng một mái che, chỗ có Tăng phường, chỗ không có Tăng phường. Có trường hợp người hành Biệt trú cùng người hành Biệt trú có trú xứ không cùng một mái che, không có trú xứ không cùng một mái che, chỗ có Tăng phường, chỗ không có Tăng phường mà không phạm không?

Đáp: Có, nếu người này vốn là ngoại đạo.

Lại hỏi: Có người không tội cũng gọi là biệt trụ không? Đáp: Nếu người này vốn là ngoại đạo.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa, không theo số ngày che giấu để theo Tăng xin biệt trụ, Tăng cũng không cho người này hành biệt trụ tùy số ngày che giấu; người này cũng không theo Tăng xin hành sáu đêm Ma-na-đỏa, cũng không theo Tăng xin xuất tội, Tăng cũng không cho người này xuất tội, mà người này vẫn được gọi là thanh tịnh hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo này chuyển căn thành Tỳ-kheo-ni.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo-ni phạm Tăng-già-bà-thi-sa, không theo hai bộ Tăng xin nữa tháng hành Ma-na-đỏa, hai bộ Tăng cũng không cho hành nữa tháng Ma-na-đỏa, cũng không theo hai bộ Tăng xin xuất tội, hai bộ Tăng cũng không

cho yết ma Xuất tội, mà người này vẫn được gọi là thanh tịnh hay không?

Đáp: Có nếu Tỳ-kheo-ni này chuyển căn thành Tỳ-kheo . Lại hỏi: Người xin xuất tội ở dưới đất, các Tỳ-kheo ở trên cao; hoặc người xin xuất tội ở trên cao, các Tỳ-kheo ở dưới đất; hoặc người xin xuất tội ở trong giới, các Tỳ-kheo ở ngoài giới; hoặc người xin xuất tội ở ngoài giới, các Tỳ-kheo ở trong giới thì có được gọi là xuất tội không?

Đáp: Không được, nếu người xin xuất tội và các Tỳ-kheo đều ở trong giới, đứng hay ngồi đều được gọi là xuất tội.

Lại hỏi: Có trường hợp người hành Biệt trú cùng người hành Biệt trú, người hành Biệt trú cùng người hành Biệt trú xong, người hành Biệt trú cùng người hành Ma-na-đỏa, người hành Biệt trú cùng người hành Ma-na-đỏa xong, người hành Biệt trú cùng người phạm Bất cọng trụ có trú xứ không cùng một mái che, không có trú xứ không cùng một mái che, nếu người hành Biệt trú xuất giới mà không có Tỳ-kheo trú xứ cùng đi thì sẽ mất một đêm hành Biệt trụ; hoặc nói: "Tôi không thể hành Biệt trụ, cũng không thể hành Ma-na-đỏa", liền đến bạch Tăng xin ngưng hành, chúng tăng cho ngưng hành để lại đó chừng bao nhiêu ngày?

Đáp: Nên cho ngưng hành khoảng hai mươi lăm ngày.

Lại hỏi: Có Tỳ-kheo không phạm lại theo Tăng xin biệt trụ, Tăng cho biệt trụ thì có gọi là khéo cho không?

Đáp: Nếu người này vốn là ngoại đạo.

Lại hỏi: Có trường hợp người không thọ giới cụ túc phạm Tăng-già-bà-thi-sa, tùy số ngày che giấu theo Tăng xin biệt trụ, Tăng cho biệt trụ thì có gọi là khéo cho không. Sau đó theo Tăng xin hành sáu đêm Ma-na-đỏa, Tăng cho hành Ma-na-đỏa thì có được gọi là khéo cho không. Sau đó theo Tăng xin xuất tội, Tăng cho xuất tội thì có gọi là khéo cho hay không?

Đáp: Đó là dữ học Sa-di (Sa-di học hối)

21. Hỏi Về Pháp Ngăn

Lại hỏi: Tỳ-kheo có được cách đêm cho phép người khác cử tội không?, đáp là không được.

Lại hỏi: Có được cách đêm ngăn thuyết giới, ngăn tự tứ và ngăn giáo giới Tỳ-kheo-ni không?, đáp là không được.

Lại hỏi: Người ở dưới đất có được làm yết ma phú bát cho người ở trên cao; hoặc người ở trên cao có được làm yết ma phú bát cho người ở dưới đất; hoặc người ở trong giới có được làm yết ma phú bát cho người ở ngoài giới; hoặc người ở ngoài giới làm yết ma phú bát cho người ở trong giới không?

Đáp: Không được, nếu người làm yết ma phú

bát và người được cho đều ở trong giới, đứng hay ngồi đều được làm yết ma phú bát.

Lại hỏi: Các Tỳ-kheo ngồi dưới đất, người ở trong túc số ngồi trên cao; hoặc các Tỳ-kheo ngồi trên cao, người trong túc số ở dưới đất; hoặc các Tỳ-kheo ở trong giới, người trong túc số ở ngoài giới; hoặc các Tỳ-kheo ở ngoài giới, người trong túc số ở trong giới thì có được làm yết ma phú bát hay không?

Đáp; không được, nếu các Tỳ-kheo và người trong túc số đều ở trong giới, đứng hay ngồi đều được làm yết ma phú bát.

Lại hỏi: Người ở dưới đất có được làm yết ma ngưỡng bát cho người ở trên cao; hoặc người ở trên cao có được làm yết ma ngưỡng bát cho người ở dưới đất; hoặc người ở trong giới có được làm yết ma ngưỡng bát cho người ở ngoài giới; hoặc người ở ngoài giới làm yết ma ngưỡng bát cho người ở trong giới không?

Đáp: Không được, nếu người làm yết ma ngưỡng bát và người được cho đều ở trong giới, đứng hay ngồi đều được làm yết ma ngưỡng bát.

Lại hỏi: Các Tỳ-kheo ngồi dưới đất, người ở trong túc số ngồi trên cao; hoặc các Tỳ-kheo ngồi trên cao, người trong túc số ở dưới đất; hoặc các Tỳ-kheo ở trong giới, người trong túc số ở ngoài giới; hoặc các Tỳ-kheo ở ngoài giới, người trong

túc số ở trong giới thì có được làm yết ma ngưỡng bát hay không?

Đáp; không được, nếu các Tỳ-kheo và người trong túc số đều ở trong giới, đứng hay ngồi đều được làm yết ma ngưỡng bát.

Lại hỏi: Như Phật đã dạy, không được cách đêm cho phép xuất tội người khác, có Tỳ-kheo cách đêm cho phép xuất tội người khác mà không phạm không?

Đáp: Có, nếu khi thọ tự tứ thì được, còn các thời khác thì không được.

Lại hỏi: Nên từ chỗ nào cầu thính (xin cho phép xuất tội)? Đáp là ở trong Tăng.

Lại hỏi: Nên từ chỗ nào cho phép? Đáp: Ở trong chúng tăng.

Lại hỏi: Nên từ chỗ nào ngăn thuyết giới? Đáp: Ở trong chúng tăng.

Lại hỏi: Nên từ chỗ nào ngăn tự tứ? Đáp: Ở trong chúng tăng.

Lại hỏi: Nên từ chỗ nào nói như pháp? Đáp: Ở trong chúng tăng

Lại hỏi: Nên từ chỗ nào như pháp đoán sự? Đáp: Ở trong chúng tăng.

Lại hỏi: Các Tỳ-kheo ngăn người câm, người điếc, hoặc người câm điếc; người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại thuyết giới, thì có được gọi là ngăn không?

Đáp: Không được.

Lại hỏi: Nếu các Tỳ-kheo lấy túc số người câm, người điếc, hoặc người câm điếc; người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại để ngăn thuyết giới thì có được gọi là ngăn không?

Đáp: Không được.

Lại hỏi: Tỳ-kheo thọ pháp ngăn Tỳ-kheo không thọ pháp, hoặc Tỳ-kheo không thọ pháp ngăn Tỳ-kheo thọ pháp thuyết giới thì có được gọi là ngăn không?

Đáp: Không được.

Lại hỏi: Tỳ-kheo thọ pháp lấy túc số Tỳ-kheo không thọ pháp, hoặc Tỳ-kheo không thọ pháp lấy túc số Tỳ-kheo thọ pháp để ngăn thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa thì có được gọi là ngăn không?

Đáp: là không được.

Lại hỏi: Có Tỳ-kheo ngăn bốn trú xứ thuyết giới, có được gọi là ngăn không?

Đáp: Nếu để giường hoặc ván cây nối liền bốn giới lại thì được gọi là ngăn.

Lại hỏi: Có một người trong túc số ngăn bốn trú xứ thuyết giới, có được gọi là ngăn không?

Đáp: Nếu để giường hoặc ván cây nối liền bốn giới lại thì được gọi là ngăn.

22. Hỏi Về Pháp Ngọa Cụ

Lại hỏi: Như Phật đã dạy, người thọ pháp dù là trưởng lão cũng không được gọi là tôn trưởng,

người nói phi pháp dù là Thượng tòa cũng không được gọi là tôn trưởng. Sao gọi là tôn trưởng và không phải tôn trưởng?

Đáp: Tỳ-kheo thọ pháp nên kính lễ Tỳ-kheo không thọ pháp; Tỳ-kheo không thọ pháp không nên kính lễ Tỳ-kheo thọ pháp, đó gọi là tôn trưởng và không phải tôn trưởng.

Lại hỏi: Như Phật đã dạy, Tỳ-kheo an cư nơi này không nên lấy ngọa cụ ở chỗ kia. Có trường hợp Tỳ-kheo an cư nơi này lại lấy ngọa cụ chỗ kia mà không phạm không?

Đáp: Có, Tỳ-kheo hậu an cư hay A-lan-nhã, an cư nơi này nhưng lấy ngọa cụ ở chỗ kia, vì muốn đến thọ tuổi an cư thì không phạm.

Lại hỏi: Như Phật dã bảo trưởng lão Xá-lợi-phất: "Các thầy trước nên trù lượng người, sau đó mới phân chia cho lấy ngọa cụ", sao gọi là trù lượng người?

Đáp: Thượng tòa ở mỗi bộ thanh tịnh hòa hợp, đó gọi là trù lượng người.

Lại hỏi: Sa-di ở trong Tăng phường có được lấy ngọa cụ không?, đáp là được lấy.

Lại hỏi: Tỳ-kheo một mình ở trong Tăng phường có được lấy ngọa cụ không?

Đáp là được lấy.

Lại hỏi: Hai Tỳ-kheo ở trong Tăng phường có được lấy ngọa cụ không?

Đáp là được lấy.

Lại hỏi: ba Tỳ-kheo ở trong Tăng phường có được lấy ngọa cụ không? Đáp là được lấy.

Lại hỏi: Nếu bốn Tỳ-kheo ở trong Tăng phường có nên xướng để chia ngọa cụ không?, đáp là nên xướng

Lại hỏi: Một Tỳ-kheo ở bốn trú xứ có được lấy ngọa cụ không?

Đáp: Nếu để giường hoặc ván cây nối liền bốn giới lại thì được lấy ngọa cụ.

Lại hỏi: Tỳ-kheo không hiện tiền có được cho ngọa cụ không? Đáp: Hoặc cho hoặc không cho, vị nào nên cho thì biết sẽ đến,

vị nào không nên cho thì biết sẽ không đến; lại nữa không dặn dò thì không nên cho, nếu dặn dò thì nên cho, cho rồi nên bảo làm thay các công việc.

23. Hỏi Về Pháp Diệt Tránh

Lại hỏi: Có trường hợp lấy một việc dùng pháp đa mích để diệt tránh, được gọi là diệt mà không phạm không?

Đáp: Có, khi xướng chia ngọa cụ thì sự việc xảy ra.

Lại hỏi: Như Phật đã dạy, có hai nguyên nhân nên phá Tăng: Một là xướng nói, hai là lấy thẻ. Trong đây nếu Tỳ-kheo tặc trụ, người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại xướng nói và phát thẻ thì có gọi là phá Tăng không?

Đáp: Không gọi là phá Tăng.

24. Hỏi Về Pháp Tạp

Lại hỏi: Như Phật đã dạy, ở biên địa người trì luật thứ năm được truyền thọ giới cụ túc. Có trường hợp mười người chỉ lấy năm người thì được gọi là thọ giới cụ túc không?

Đáp: Được thọ giới cụ túc, nhưng người cho thọ giới cụ túc phạm tội.

Lại hỏi: Người điếc được vật thí như thế nào?

Đáp: nếu người mắt thấy hay bị mù thì nên để trong tay hay để trên đầu gối, tâm nghĩ là ta được vật thí.

Lại hỏi: Nếu trên ngọa cụ có thêu hay vẽ hình tượng người nữ, hoặc nữa có nữa không thì có được ngồi nằm không?

Đáp: Không được, không phạm là trừ khi bị hư hoại nhiều hoặc trải Ni-sư-đàn ngồi.

Lại hỏi: Có được nắm đuôi trâu cái để lội qua sông không? Đáp là không được.

Lại hỏi: Trừ trâu cái, có được nắm đuôi các súc sanh khác để lội qua sông không?

Đáp: Nếu nắm đuôi sư tử, cọp, lang, voi, trâu đực, lừa, ngựa thì

được.

Lại hỏi: Nếu thọ nước thạch mật để cách đêm qua bảy ngày, xen tạp thứ khác thì có được dùng không?

Đáp: Nếu xen tạp thứ khác thì không được dùng.

Lại hỏi: Có thuốc bất tịnh để trong dầu nấu thì có được dùng không?

Đáp: Không được, nếu người bịnh thoa trên thân hay trên tay, trên chân hay nhỏ vào mũi thì không phạm.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo dùng lửa, dao, móng tay để làm tịnh trái cây thì có được ăn không?, đáp là không được.

Lại hỏi: Nếu cây ở trên đất tịnh, cành nhánh ở bên đất bất tịnh, quả rơi trong đó có được ăn không?

Đáp: Không được ăn

Lại hỏi: Nếu cây ở trên đất tịnh, cánh nhánh cũng ở bên đất tịnh, quả rơi trong đây có được ăn không?

Đáp: Được ăn. Từ nay các Tỳ-kheo không nên làm yết ma kết tịnh địa, nếu làm thì phạm Đột-kiết-la .

Lại hỏi: Sữa người có được uống không?

Đáp: Không được, nếu người bịnh dùng để rửa vết thương hay bôi trên mắt thì được.

Lại hỏi: Thịt người có được ăn không?

Đáp: Không được ăn, nếu ăn thì phạm Thâu-lan-giá.

Lại hỏi: Nếu cố giết lấy thịt súc sanh thì có

được ăn không? Đáp: Không được ăn, nếu ăn thì phạm Đột-kiết-la. Thịt chim chóc bất tịnh cũng không được ăn, nếu ăn thì phạm Đột-kiết-la. Thịt chim ưng cũng không được ăn, nếu ăn thì phạm Đột-kiết-la. Thịt chim cú mèo, thịt ễnh ương cho đến đỉa nước đều không được ăn, nếu ăn thì phạm Đột-kiết-la.

Ngay ngày nay thọ bốn loại dược: Thời dược, thời phần dược, thất nhật dược và tận hình dược hòa hợp lại một chỗ thì trước giờ ngọ nên dùng, vì hiệu lực của thời dược là quá ngọ không được dùng. Nếu ngay ngày nay thọ thời phần dược, thất nhật dược và tận hình dược hòa hợp lại một chỗ thì trong thời phần nên dùng, vì hiệu lực của thời phần dược là quá thời phần thì không được dùng. Nếu ngay ngày nay thọ thất nhật dược và tận hình dược hòa hợp lại một chỗ thì trong vòng bảy ngày nên dùng, vì hiệu lực của thất nhật dược là quá bảy ngày thì không được dùng. Nếu là tận hình dược thì trọn đời được tùy ý lấy dùng.

Lại hỏi: Có loại từ bên một vật làm bốn loại dược: Thời dược, thời phần dược, thất nhật dược và tận hình dược không?

Đáp: Có, Cam giá, là thời dược, nước ép trong là thời phần dược, làm thạch mật là thất nhật dược, đốt thành tro là tận hình dược. Lạc là thời dược, nước ép trong là thời phần dược, làm tô là thất nhật dược, đốt thành tro là tận hình dược. Hồ ma là thời

dược, ép làm dầu là thất nhật dược, đốt thành tro là tận hình dược. Thịt là thời dược, chiên lấy mở là thất nhật dược, đốt thành tro là tận hình dược.

Lại hỏi: Bốn loại dược: Thời dược, thời phần dược, thất nhật dược và tận hình dược nếu để cách đêm thì có dược dùng không?,

Đáp là không được.

Lại hỏi: Tỳ-kheo nếu tự lấy trước rồi mới theo tịnh nhân thọ thì có được dùng không?

Đáp là không được.

Lại hỏi: Bốn loại dược này nếu tay thọ, miệng thọ, Tỳ-kheo không bịnh có được dùng không?

Đáp: Không được dùng, nếu bịnh thì được dùng.

Lại hỏi: tám loại nước uống phi thời có được uống không?

Đáp: nếu không có mùi vị rượu, thanh tịnh thì được uống.

Lại hỏi: Có được thọ y từ người điên cuồng không?

Đáp: Nên thọ hoặc không nên thọ. Nếu biết người này có cha mẹ, anh em, gia đình cho thì nên thọ; nếu biết người này không có cha mẹ, anh em, gia đình cho thì không nên thọ.

Lại hỏi: Đối với người điên cuồng khi nào được thọ y?

Đáp: Khi trở lại được bổn tâm.

Nếu Tỳ-kheo một mình ở một trú xứ, trong đây đàn việt bố thí y vật, Hiện tiền tăng nên chia. Tỳ-kheo này nên tâm niệm miệng nói: "Y vật này Hiện tiền tăng nên chia, nay y vật này thuộc về tôi, tôi được tự thọ dùng", nếu nói như vậy rồi thì gọi là làm yết ma, sau đó có Tỳ-kheo khác đến muốn lấy thì không nên cho. Nếu không nói như vậy thì không nên lấy vật này, lấy thì phạm Đột-kiết-la, nên chia cho Tỳ-kheo khác, nếu không làm như thế thì ra khỏi giới liền phạm Đột-kiết-la .

Lại hỏi: Nếu hiền giả trách phạt trẻ, đứa trẻ này mang vật đến cho Tỳ-kheo thì có được thọ không?

Đáp: Không được thọ.

Lại hỏi: Đàn việt trước đó khi thí y vật cho Tăng nói rằng: "Y vật này thí cho Tăng an cư trong đây", lúc này không phải là tháng cuối hạ, các Tỳ-kheo cũng không thọ y Ca-hi-na thì y vật này nên thuộc về ai?

Đáp: Lúc đó không phải tháng cuối hạ, các Tỳ-kheo không thọ y Ca-hi-na thì y vật này thuộc về Tăng an cư trong đây nên chia.

Lại hỏi: Khi đàn việt thí y nói rằng: "Y này thí cho Hiện tiền tăng trong đây", lúc này là tháng cuối hạ, các Tỳ-kheo thọ y Ca-hi-na thì y này nên thuộc về ai?

Đáp: Tuy là tháng cuối hạ, các Tỳ-kheo thọ y Ca-hi-na nhưng y này vẫn thuộc về Hiện tiền tăng

trong đây nên chia.

Lại hỏi: Khi đàn việt thí y nói rằng: "Y này thí cho Tăng an cư trong đây từ năm ngoái cho đến mười năm", lúc này không phải là tháng cuối hạ, các Tỳ-kheo cũng không thọ y Ca-hi-na thì y này nên thuộc về ai?

Đáp: Lúc đó không phải tháng cuối hạ, các Tỳ-kheo không thọ y Ca-hi-na thì y vật này thuộc về Tăng an cư trong đây từ năm ngoái cho đến mười năm nên chia.

Lại hỏi: Khi đàn việt mang y vào trong Tăng phường nói rằng: "Y này thí cho Tăng an cư trong đây, tương lai một năm, hai năm cho đến mười năm", lúc này là tháng cuối hạ, các Tỳ-kheo thọ y Ca-hi-na thì y này nên thuộc về ai?

Đáp: Tuy là tháng cuối hạ, các Tỳ-kheo thọ y Ca-hi-na nhưng y này vẫn thuộc về Tăng an cư trong đây, tương lai một năm cho đến mười năm.

Lại hỏi: Chủ khuyến hóa vì Tăng sự xuất giới đi thì ai sẽ cho phần an cư?

Đáp: Xuất giới ở chỗ nào thì chỗ đó nên cho phần an cư.

Lại nữa, tùy chỗ nào an cư nhiều ngày nhất thì nên cho phần an cư.

Lại hỏi: Tỳ-kheo phá an cư có nên cho phần y không?

Đáp: Hoặc cho hoặc không nên cho.

Nên cho là nếu biết tiền an cư hay hậu an cư hoặc ở nhiều ngày hoặc ở nữa hạ thì nên cho; ngược lại thì không nên cho.

Lại hỏi: Người khán bịnh xuất giới đi vì người bịnh, khi người bịnh qua đời có nên chia y vật cho người khán bịnh không?

Đáp: Nên cho hoặc không nên cho.

Nếu người khán bịnh thật vì người bịnh mà xuất giới đi thì nên cho, nếu vì việc khác mà xuất giới đi thì không nên cho.

Lại hỏi: Như thế nào gọi là người khán bịnh?

Đáp: Nếu người có thể chăm sóc cho người bịnh đến khi lành bịnh hay qua đời, cho uống thuốc và ăn thức ăn tùy theo bịnh, cung cấp đầy đủ cho người bịnh, thân gần giúp cho người bịnh được lợi ích, có thể lìa đau đớn, suy tổn, thì người này gọi là người khán bịnh.

Lại hỏi: Nếu bạch y làm người khán bịnh thì có nên chia vật cho người khán bịnh không?, đáp là không nên.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo-ni làm người khán bịnh thì có nên chia vật cho người khán bịnh không?

Đáp: Không nên chia.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo khán bịnh an cư ở chỗ khác thì có nên chia vật cho người khán bịnh không?, đáp là nên cho.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo khán bịnh hậu an cư, Tỳ-

kheo bịnh tiền an cư thì có nên chia vật cho người khán bịnh không?

Đáp: Nên cho.

Lại hỏi: Nếu Sa-di làm người khán bịnh thì có nên chia vật cho người khán bịnh không?, đáp là nên cho.

Lại hỏi: Nên chia cho như thế nào?

Đáp: Cho bằng phần của đại Tỳ-kheo

Lại hỏi: dữ học Sa-di (Sa-di học hối) lúc nào thì làm tịnh thí?

Đáp: Tùy lúc nào được thì làm tịnh thí lúc đó.

Lại hỏi: Tiền nên tịnh thí như thế nào?

Đáp: Nên nói: "Đây là vật bất tịnh, nếu tịnh sẽ thọ".

Lại hỏi: Một Tỳ-kheo ở bốn trú xứ cùng một lúc an cư, được gọi là an cư mà không phạm không?

Đáp: Nếu để giường hoặc ván cây nối liền bốn giới lại thì được gọi là an cư.

Lại hỏi: Chỗ nào nên chia phần an cư?

Đáp: Cả bốn chỗ, mỗi chỗ cho một phần trong bốn phần, nếu Tỳ-kheo được ít y tắm mưa, y che phủ ghẻ thì phạm Đột-kiết-la, nếu chia y dư thừa cho Tỳ-kheo cũng phạm Đột-kiết-la .

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo làm ba tướng: Một là xích lõa, hai là mặc y giác chí súy, ba là búi tóc Khâm bà la thì phạm tội gì?

Đáp: Phạm Thâu-lan-giá .

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo trừ ba tướng này, làm các tướng khác thì phạm tội gì?.

Đáp là Đột-kiết-la .

Lại hỏi: Như Phật đã dạy, y cũ không được thọ làm y Ca-hi-na, nếu thọ thì không gọi là thọ, sao gọi là y cũ?

Đáp: Đã từng thọ làm y Ca-hi-na thì gọi là y cũ.

Lại hỏi: Như Phật đã dạy, y mới nên thọ làm y Ca-hi-na, sao gọi là y mới?

Đáp: Chưa từng thọ làm y Ca-hi-na thì gọi là y mới. Tỳ-kheo được Tăng sai làm y Ca-hi-na nên theo thứ lớp giặt nhuộm cắt may. Tỳ-kheo này khi giặt vải nên khởi niệm: "Ta dùng vải này may y Ca-hi-na để thọ trì", khi nhuộm, đo, tính toán kích lượng, cắt may cũng khởi niệm giống như trên, tổng cộng là sáu niệm, khởi đủ sáu niệm này mới gọi là khéo may y Ca-hi-na; nếu không khởi đủ sáu niệm này thì không gọi là khéo may y Ca-hi-na. Lại nữa người làm y Ca-hi-na nên khởi ba tâm:

Một là ta dùng vải này sẽ may thành y Ca-hi-na để thọ. Hai là ta dùng vải này nay may thành y Ca-hi-na để thọ.

Ba là ta dùng vải này may thành y Ca-hi-na để thọ xong rồi.

Nếu khởi đủ ba tâm này mới gọi là khéo may y Ca-hi-na, nếu không khởi đủ ba tâm này thì không

gọi là khéo may y Ca-hi-na.

Lại nữa nên khởi hai tâm:

Một là ta dùng vải này nay may thành y Ca-hi-na để thọ.

Hai là ta dùng vải này may thành y Ca-hi-na để thọ xong rồi. Nếu khởi hai tâm này mới gọi là khéo may y Ca-hi-na, nếu không khởi hai tâm này thì người may y Ca-hi-na phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Nếu thọ y cất cách đêm rồi mới thọ y Ca-hi-na thì không được gọi là thọ y Ca-hi-na. Sao gọi là y cất cách đêm? Đáp: Y dư chứa quá mười đêm, hoặc thọ y bất tịnh thì không gọi là thọ y Ca-hi-na .

Lại hỏi: Sao gọi là y bất tịnh? Đáp: Là y có được do mong cầu.

Lại hỏi: Như Phật đã dạy, y Khứ lai không được thọ làm y Ca-hi-na. Sao gọi là y khứ lai?

Đáp: Y phủ trên mình người chết, sau khi để người chết trong gò mã liền lấy lại y này mang về, nên gọi là y khư lai.

Lại hỏi: Như Phật đã dạy, dùng tịnh y thọ làm y Ca-hi-na, sao gọi là tịnh y?

Đáp: Là y được Phật cho thọ và khen ngợi thì gọi là tịnh y.

Lại hỏi: Nếu khi chưa thọ y Ca-hi-na, Tăng chia làm hai bộ thì bộ nào nên thọ y Ca-hi-na?

Đáp: Bộ nào như pháp thì nên thọ.

Lại hỏi: Nếu các Tỳ-kheo thọ y Ca-hi-na xong, Tăng chia làm hai bộ thì các Tỳ-kheo có được gọi là thọ y Ca-hi-na không?

Đáp: Đều được gọi là thọ.

Lại hỏi: Nếu trú xứ thọ y Ca-hi-na xong, Tăng chia làm hai bộ, trong hai bộ này có các Tỳ-kheo xả y Ca-hi-na thì có được gọi là xả không?

Đáp: Nếu như pháp xả thì gọi là xả. Người làm y Ca-hi-na nên khởi ba tâm:

Một là ta dùng vải này sẽ may thành y Ca-hi-na để thọ. Hai là ta dùng vải này nay may thành y Ca-hi-na để thọ.

Ba là ta dùng vải này may thành y Ca-hi-na để thọ xong rồi. Nếu khởi đủ ba tâm này mới gọi là khéo may y Ca-hi-na, nếu không khởi đủ ba tâm này thì không gọi là khéo may y Ca-hi-na. Lại nữa nên khởi hai tâm:

Một là ta dùng vải này nay may thành y Ca-hi-na để thọ.

Hai là ta dùng vải này may thành y Ca-hi-na để thọ xong rồi. Nếu khởi hai tâm này mới gọi là khéo may y Ca-hi-na, nếu không khởi hai tâm này thì người may y Ca-hi-na phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Y này có nghĩa gì nên được gọi là y Ca-hi-na?

Đáp: Nghĩa của y gọi là Ca-hi-na, sanh khởi chín tâm nên gọi là thọ y Ca-hi-na, do tám nhân

duyên nên gọi là xả y Ca-hi-na.

Lại hỏi: Như Phật đã dạy, trú xứ của y Ca-hi-na gọi là che phủ.

Che phủ có nghĩa như thế nào?

Đáp: Trú xứ của y Ca-hi-na che phủ Tăng để được thọ các y vật bố thí.

Lại hỏi: Như Phật đã dạy, được dùng y cấp thí thọ làm y Ca-hi-na, sao gọi là y cấp thí?

Đáp: Còn mười ngày nữa mới đến tự tứ liền được y vật, thì y này gọi là y cấp thí.

Lại hỏi: Như Phật đã dạy, được dùng thời y thọ làm y Ca-hi-na, sao gọi là thời y?

Đáp: Vào tháng cuối hạ được y vật thì, thì y này gọi là thời y. Lại hỏi: Có năm hạng Tỳ-kheo không được làm người làm y Ca-

hi-na: Một là người không có tuổi hạ, hai là người phá an cư, ba là người hậu an cư, bốn là người bị tẫn, năm là người hành Biệt trú. Nếu túc số chưa tới năm người thọ y Ca-hi-na thì không được gọi là thọ y Ca-hi-na; nếu bốn Tỳ-kheo và người thứ năm là bạch y cũng không được gọi là thọ y Ca-hi-na. Nếu Sa-di, dị đạo, không phải Tỳ-kheo; người bị tẫn về không thấy tội, không sám tội, không bỏ ác tà kiến và tội bất cọng trụ; người phạm các tội bất cọng trụ, phạm biên tội, người vốn là bạch y, bất năng nam, người ô nhục Tỳ-kheo-ni, người việt tế (phá nội, ngoại đạo), tặc trụ; người

giết cha mẹ, A-la-hán, người phá tăng, người ác tâm làm cho Phật bị thương chảy máu, những người này làm người thứ năm trong túc số năm người thì không được gọi là thọ y Ca-hi-na .

Lại hỏi: Tùy ngày nào thọ y Ca-hi-na, ngày đó xả mà không làm yết ma lại không phạm không?

Đáp: Có, các Tỳ-kheo thọ y Ca-hi-na vào ngày mười bốn, khách Tỳ-kheo đến vào ngày mười năm, nếu cựu Tỳ-kheo vì khách Tỳ-kheo ngay ngày đó làm bố tát rồi xả y Ca-hi-na thì không phạm.

Lại hỏi: Sao gọi là phạm tội phá Tăng?

Đáp: Nếu phi pháp biết là phi pháp, vì tà kiến nên phá tăng thì gọi là phạm tội phá Tăng. Lại nữa phi pháp cho là pháp, tà kiến phá Tăng thì gọi là phá Tăng; hoặc trong phi pháp khởi nghi, tà kiến nên phá Tăng thì phạm tội phá Tăng.

Lại hỏi: Việc phá tăng đã có đều là tiếng tranh cãi của Tăng hay tiếng tranh cãi của Tăng đã có đều là phá Tăng?

Đáp: Có bốn trường hợp

Một là có phá Tăng nhưng không có tiếng tranh cãi của Tăng, tức là nếu Tăng chia làm hai bộ, chưa thọ mười bốn việc phá Tăng.

Hai là có tiếng tranh cãi của Tăng nhưng không phải phá Tăng, tức là các Tỳ-kheo đã chấp trì mười bốn việc phá Tăng, nhưng Tăng chưa chia làm hai bộ.

Ba là có Phá Tăng cũng có tiếng tranh cãi của Tăng, tức là nếu Tăng chia làm hai bộ và thọ mười bốn việc phá Tăng.

Bốn là không có phá Tăng cũng không có tiếng tranh cãi của tăng, tức là trừ ba trường hợp trên.

Lại hỏi: Việc phá Tăng đã có đều là do Tăng biệt ly hay Tăng biệt ly đều là phá Tăng?

Đáp: Có bốn trường hợp:

Một là có phá Tăng nhưng không phải do biệt ly, tức là phá Tăng trong cùng một trú xứ.

Hai là có biệt ly nhưng không phải là phá Tăng, tức là hai chúng chia rẽ ở riêng, đất riêng, giới riêng, thí riêng và y riêng, tuy riêng nhưng chưa phải là phá Tăng.

Ba là có phá Tăng cũng có biệt ly, tức là Tăng chia làm hai bộ chia rẽ ở riêng, đất riêng, giới riêng, thí riêng và y riêng.

Bốn là không có phá Tăng cũng không có biệt ly, tức là trừ ba trường hợp trên.

Lại hỏi: Có việc phá Tăng là do Tăng khác biệt hay Tăng khác biệt đều là phá tăng?

Đáp: Có bốn trường hợp:

Một là có phá Tăng nhưng không phải do Tăng khác biệt, tức là Tăng bị phá nhưng chưa khác biệt về nếp sinh hoạt, đất, giới, thí và y.

Hai là có tăng khác biệt nhưng không phải là phá tăng, tức là tuy tăng có khác biệt về nếp sống

sinh hoạt, đất, giới, thí và y nhưng Tăng chưa bị phá làm hai bộ.

Ba là có phá Tăng cũng có Tăng khác biệt, tức là Tăng bị phá làm hai bộ và sống khác biệt về mọi phương diện như trên.

Bốn là không có phá Tăng cũng không có Tăng khác biệt, tức là trừ ba trường hợp trên.

Lại hỏi: Tăng chia làm hai bộ, nếu một bộ xả giới thì có được gọi là xả không?

Đáp: Nếu như pháp xả thì được gọi là xả.

Lại hỏi: Nếu tăng bị phá, Tỳ-kheo-ni có nên làm bố tát không? Đáp: Nên làm bố tát, vì Tỳ-kheo-ni không đồng sự việc.

Lại hỏi: Nếu Tăng bị phá, Tỳ-kheo làm Thác lại tra làm sao bố tát?

Đáp: Nên xuất giới làm bố tát.

Lại hỏi: Nếu tăng bị phá làm hai bộ, Tỳ-kheo-ni nên đến bộ nào thỉnh giáo thọ?

Đáp: Nên theo bộ nào nói như pháp, nếu không có người nói như pháp thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra nên ra ngoài giới giáo thọ Tỳ-kheo-ni.

Lại hỏi: BA-tỳ-kheo bị tẫn, một Tỳ-kheo tùy thuận cung cấp thì phạm tội gì?

Đáp: Phạm hai tội Đột-kiết-la và một tội Ba-dật-đề .

Lại hỏi: Tỳ-kheo bị tẫn gọi là một mình, có bạn đảng hay không?, đáp là một mình không có bạn

đảng.

Lại hỏi: Tỳ-kheo bị tẫn nhưng chưa quyết định thì có được ở chung và cùng làm việc chung hay không?

Đáp: Cùng ở chung và cùng làm việc chung không phạm. Lại hỏi: Tỳ-kheo thọ pháp có được cùng Tỳ-kheo không thọ pháp tác pháp yết ma không?, đáp là không được.

Lại hỏi: Tỳ-kheo không thọ pháp có được cùng Tỳ-kheo thọ pháp tác pháp yết ma không?

Đáp là không được.

Lại hỏi: Nếu một Tỳ-kheo bị tẫn, bốn Tỳ-kheo tùy thuận thì có gọi là phá tăng không?

Đáp: Phá tăng, vì sao, vì bốn Tỳ-kheo tùy thuận là đủ túc số tăng lại tùy thuận người mà Tăng đã tẫn.

Lại hỏi: Như Phật đã dạy, người như vậy không nên làm yết ma Bất kiến tẫn, nếu làm thì phạm Thâu-lan-giá, vì sao, vì nhân duyên gần phá Tăng.

Lại hỏi: Sao gọi là người như vậy?

Đáp: Tức là người có oai đức lớn, quen biết nhiều, đa văn, nhiều trí huệ, hiểu nghĩa kinh, luật và luận nên gọi là người như vậy. Đối với người như vậy thì không nên cho yết ma Bất kiến tẫn, nếu cho yết ma Bất kiến tẫn thì phạm Thâu-lan-giá, vì làm nhân duyên gần phá Tăng.

Lại hỏi: Như Phật đã dạy, dựa theo lời của tỳ-

kheo đáng tin nên thấy tội. Sao gọi là Tỳ-kheo đáng tin?

Đáp: Nghe từ bên Tỳ-kheo nói lời đáng tin và cũng tự tin có tội này.

Lại hỏi: Nếu Tăng sắp bị phá, người biết pháp theo thứ lớp trải giường độc tọa, ở giữa chừa một chỗ ngồi, Tỳ-kheo ngồi trong đó nên tác tăng pháp yết ma, cũng nên giáo thọ Tỳ-kheo-ni, trong đây như thế nào gọi là thành pháp?

Đáp: Nếu các Tỳ-kheo cùng có tâm hối biết tội, cung kính lễ bái chào hỏi nhau.

Lại hỏi: Như Phật đã day, nên tha thiết cầu nhân duyên chúng tăng hòa hợp, chớ cầu nhân duyên phá Tăng. Sao gọi là tha thiết cầu?

Đáp: Nếu cầu lời nói, cầu nghĩa thú, phân biệt trù lượng, tha thiết cầu nhân duyên chúng tăng hòa hợp, chớ cầu nhân duyên phá Tăng.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo bị tẫn, tâm hối hận biết tội, cung kính đảnh lễ tăng, các Tỳ-kheo dẫn ra ngoài giới cho giải tẫn thì có được gọi là giải không?

Đáp: Được giải, nhưng các Tỳ-kheo phạm tội. Lại hỏi: Khi nào ở Câu-xá-di gọi là Phá tăng?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo Câu-xá-di cùng một trú xứ ở trong giới riêng làm bố tát và các pháp yết ma thì lúc đó gọi là Phá tăng. Lại hỏi: Người nào ở Câu-xá-di gọi là phá Tăng?

Đáp: Là Tỳ-kheo biết pháp cùng một trú xứ ở trong giới riêng làm bố tát và các pháp yết ma.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo-ni tăng bị phá làm hai bộ, Tỳ-kheo-ni đến các Tỳ-kheo cầu giáo pháp, các Tỳ-kheo có nên cho giáo pháp không?

Đáp: Nên nói rằng: "Các vị hãy cùng nhau hòa hợp".

Lại hỏi: Có hai nhân duyên gọi là phá hòa hợp Tăng: Một là xướng nói, hai là lấy thẻ. Ngoài hai nhân duyên này còn có nhân duyên khác gọi là phá tăng không?

Đáp: Không có

Lại hỏi: Nếu tăng bị phá làm hai bộ, Tỳ-kheo-ni đến cầu giáo hóa thì có nên giáo hóa không?

Đáp: Nên giáo hóa, vì sao, vì không muốn để cho Tỳ-kheo-ni tăng bị phá.

Lại hỏi: Tỳ-kheo Tỳ-da-ly thọ Tỳ-kheo-ni thỉnh giáo hóa, nếu lúc đó Tỳ-kheo Câu-xá-di ở trong giới của tỳ-kheo Tỳ-da-ly thì làm sao giáo hóa?

Đáp: Nên xuất giới để giáo hóa.

Lại hỏi: Hai bộ bạn đảng ở Câu-xá-di tập họp một chỗ để bố tát, Tỳ-kheo làm Thác lại tra làm sao bố tát?

Đáp: Nên xuất giới làm bố tát.

Lại hỏi: Nếu đàn việt nắm tay Thượng tòa nói là thí vật cho Tăng, thì vật thì này nên thuộc về ai?

Đáp: Bộ nào làm Thượng tòa thì bộ đó được vật thí.

Lại hỏi: Nếu đàn việt nắm tay đệ nhất Thượng tòa, đệ nhị Thượng tòa nói là thí vật cho Tăng, thì vật thì này nên thuộc về ai?

Đáp: Nếu hai Thượng tòa này ở chung trong một bộ thì vật thí thuộc về một bộ; nếu hai Thượng tòa ở trong hai bộ thì vật thí thuộc về cả hai bộ.

Lại hỏi: Nên chia như thế nào?

Đáp: Nên chia đồng đều, phần thứ tư cho Sa-di.

Lại hỏi: Tỳ-kheo Tỳ-da-ly đến chỗ Tỳ-kheo làm Thác lại tra để cùng làm thuyết giới bố tát thì có được gọi là thuyết giới bố tát không?

Đáp: Được, nên hiển tướng của Thác lại tra.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo làm Thác lại tra đến chỗ Tỳ-kheo Tỳ-da-ly làm thuyết giới bố tát thì có được gọi là thuyết giới bố tát không?

Đáp: Được nhưng mất tướng của Thác lại tra.

Lại hỏi: Tỳ-kheo Câu-xá-di đến chỗ Tỳ-kheo làm Thác lại tra để cùng làm thuyết giới bố tát thì có được gọi là thuyết giới bố tát không?

Đáp: Được, nên hiển tướng của Thác lại tra.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo làm Thác lại tra đến chỗ Tỳ-kheo Câu-xá-di làm thuyết giới bố tát thì có được gọi là thuyết giới bố tát không?

Đáp: Được nhưng mất tướng của Thác lại tra.

Lại hỏi: Như Phật đã dạy, có một trú xứ các Tỳ-kheo làm yết ma phi pháp biệt chúng, phi pháp hòa hợp chúng, tợ pháp biệt chúng, tợ pháp hòa hợp chúng, như pháp biệt chúng, như pháp hòa hợp chúng. Ý nghĩa của các yết ma này như thế nào?

Đáp: Phi pháp biệt chúng yết ma là như đáng cho yết ma Khổ thiết lại cho làm yết ma Khu xuất, Tăng lại không hòa hợp. Phi pháp hòa hợp chúng là như đáng cho yết ma Khổ thiết lại cho làm yết ma Khu xuất, nhưng Tăng hòa hợp làm. Tợ pháp biệt chúng là như khi cho làm yết ma Bất kiến tẫn lại xướng trước bạch sau, Tăng cũng không hòa hợp. Tợ pháp hòa hợp chúng là như khi cho làm yết ma Bất kiến tẫn lại xướng trước bạch sau, nhưng Tăng hòa hợp làm. Như pháp biệt chúng là như đáng cho yết ma Khu xuất thì cho làm yết ma Khu xuất nhưng Tăng lại không hòa hợp làm. Như pháp hòa hợp chúng là như đáng cho yết ma Khu xuất thì cho làm yết ma Khu xuất và Tăng hòa hợp làm. Nếu một Tỳ-kheo tẫn một người thì phạm một tội Đột-kiết-la, một người tẫn hai người thì phạm hai Đột-kiết-la, một người tẫn ba người thì phạm ba Đột-kiết-la, một người tẫn bốn người thì phạm bốn Đột-kiết-la; hai người tẫn hai người thì phạm hai Đột-kiết-la… hai người tẫn bốn người thì phạm bốn Đột-kiết-la, hai người tẫn một người thì phạm một Đột-kiết-la; ba người tẫn ba người thì phạm ba Đột-kiết-la… ba người tẫn một người thì phạm

một Đột-kiết-la .

Lại hỏi: Nếu bốn Tỳ-kheo tẫn bốn Tỳ-kheo thì phạm tội gì? Đáp: Phạm Thâu-lan-giá, vì nhân duyên phá Tăng.

Lại hỏi: Nếu chúng tăng ngủ khi tác pháp tẫn một Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo này có được gọi là tẫn không?

Đáp: Nếu nghe bạch rồi ngủ thì được gọi là tẫn.

Lại hỏi: Nếu tăng dùng nhân duyên khác hòa hợp để tẫn một Tỳ-kheo thì có được gọi là tẫn không?

Đáp: Được gọi là tẫn, nhưng người nói yết ma phạm tội.

Lại hỏi: Nếu chưa tới túc số bốn Tỳ-kheo mà tác pháp tẫn người thì có được gọi là tẫn không?, đáp là không được.

Lại hỏi: Nếu ba Tỳ-kheo và người thứ bốn là bạch y, Sa-di, dị đạo, không phải Tỳ-kheo; người bị tẫn về không thấy tội, không sám tội, không bỏ ác tà kiến và tội bất cọng trụ; người phạm các tội bất cọng trụ, phạm biên tội, người vốn là bạch y, bất năng nam, người ô nhục Tỳ-kheo-ni, người việt tế (tặc trụ); người giết cha mẹ, A-la-hán, người phá tăng, người ác tâm làm cho Phật bị thương, thì có được tác pháp tẫn người khác không?, đáp là không được.

Lại hỏi: Như Phật đã dạy, có một trú xứ, khi tác

pháp yết ma các Tỳ-kheo không tập họp một chỗ, người nên gởi dục lại không gởi, Tỳ-kheo hiện hiền có thể ngăn, nếu ngăn thì thành ngăn. Lúc đó Tỳ-kheo tác pháp yết ma nên làm thế nào?

Đáp: Loại yết ma nên làm với túc số bốn người thì bốn Tỳ-kheo nên làm, loại yết ma nên làm với túc số năm người thì năm Tỳ-kheo nên làm, loại yết ma nên làm với túc số mười người thì mười Tỳ-kheo nên làm, loại yết ma nên làm với túc số hai mươi người thì hai mươi Tỳ-kheo nên làm, phải là Tỳ-kheo thanh tịnh đồng kiến cùng ở chung. Đây là điều mà Tỳ-kheo tác pháp yết ma nên làm.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo ngủ, Tăng làm pháp tẫn, có được gọi là tẫn không?

Đáp: Nếu nghe bạch rồi ngủ thì được gọi là tẫn.

Lại hỏi: Nếu Tỳ-kheo nhập định, các Tỳ-kheo tác pháp tẫn thì có được gọi là tẫn không?

Đáp: Nếu nghe bạch rồi nhập định thì được gọi là tẫn.

Lại hỏi: Nếu Tăng bị phá làm hai bộ, tác pháp tẫn lẫn nhau thì có được gọi là tẫn không?

Đáp: Nếu tẫn như pháp thì được gọi là tẫn.

Lại hỏi: Nếu lấy túc số Tỳ-kheo làm Thác lại tra để tác pháp tẫn một Tỳ-kheo, thì có được gọi là tẫn không?

Đáp: Được nhưng mất tướng của Thác lại tra .

Lại hỏi: Yết ma phi pháp đã có đều là yết ma

biệt chúng hay yết ma biệt chúng đều là yết ma phi pháp?

Đáp: Có bốn trường hợp:

1. Là yết ma phi pháp không phải là yết ma biệt chúng tức là các Tỳ-kheo khi tác pháp yết ma hòa hợp một chỗ, người nên gởi dục thì gởi, Tỳ-kheo hiện hiền nếu ngăn thì thành ngăn mà không ngăn. Nếu người không hiện tiền, không nói trước việc đó mà cho làm yết ma.

2. Là yết ma biệt chúng không phải là yết ma phi pháp, tức là các Tỳ-kheo khi tác pháp yết ma không tập họp một chỗ, người nên gởi dục lại không gởi, Tỳ-kheo hiện hiền có thể ngăn, nếu ngăn thì thành ngăn. Nếu người hiện tiền, nói trước việc đó rồi mới cho làm yết ma.

3. Là yết ma phi pháp cũng là yết ma biệt chúng, tức là các Tỳ-kheo khi tác pháp yết ma không tập họp một chỗ, người nên gởi dục lại không gởi, Tỳ-kheo hiện tiền có thể ngăn, nếu ngăn thì thành ngăn. Nếu người không hiện tiền, không nói trước việc đó mà cho làm yết ma.

4. Không phải yết ma phi pháp cũng không phải yết ma biệt chúng, tức là các Tỳ-kheo khi tác pháp yết ma hòa hợp một chỗ, người nên gởi dục thì gởi, Tỳ-kheo hiện hiền nếu ngăn thì thành ngăn mà không ngăn. Nếu người hiện tiền, nói trước việc đó rồi mới cho làm yết ma.

Lại hỏi: Yết ma như pháp đã có đều là yết ma hòa hợp hay yết ma hòa hợp đều là yết ma như pháp?

Đáp: Có bốn trường hợp :

1. Là yết ma như pháp không phải là yết ma hòa hợp tức là các Tỳ-kheo khi tác pháp yết ma không hòa họp một chỗ, người nên gởi dục thì không gởi dục đến, Tỳ-kheo hiện hiền có thể ngăn, nếu ngăn thì thành ngăn. Nếu người hiện tiền, nói trước việc đó rồi mới cho làm yết ma.

2. Là yết ma hòa hợp không phải là yết ma như pháp, tức là các Tỳ-kheo khi tác pháp yết ma hòa họp một chỗ, người nên gởi dục thì gởi dục đến, Tỳ-kheo hiện hiền nếu ngăn thì thành ngăn mà không ngăn. Nếu người không hiện tiền, không nói trước việc đó mà cho làm yết ma.

3. Là yết ma như pháp cũng là yết ma hòa hợp, tức là các Tỳ-kheo khi tác pháp yết ma hòa họp một chỗ, người nên gởi dục thì gởi dục đến, Tỳ-kheo hiện tiền nếu ngăn thì thành ngăn mà không ngăn. Nếu người hiện tiền, nói trước việc đó rồi mới cho làm yết ma.

4. Không phải yết ma như pháp cũng không phải yết ma hòa hợp, tức là các Tỳ-kheo khi tác pháp yết ma không hòa họp một chỗ, người nên gởi dục thì không gởi, Tỳ-kheo hiện hiền có thể ngăn, nếu ngăn thì thành ngăn. Nếu người không hiện

tiền, không nói trước việc đó mà cho làm yết ma.

Lại hỏi: Như Phật đã dạy, người đã có tội, Tăng nên can ngăn cho đến ba lần; nếu Tỳ-kheo không có tội thì Tăng có nên can cho đến ba lần hay không?

Đáp: Trừ các tội, những việc khác đều là khuyên nhắc.

Lại hỏi: Bạch cách đêm trong Tăng, có được tác yết ma không?

Đáp: Trừ yết ma thuộc về Hòa thượng ni, nếu tăng chưa đứng dậy thì được làm tất cả các yết ma.

Lại hỏi: Các Tỳ-kheo xướng nói rồi mới nói cho Tỳ-kheo bị tẫn biết thì có được gọi là tẫn không?

Đáp: Được gọi là tẫn nhưng người làm yết ma phạm Đột-kiết-la .

Lại hỏi: Các Tỳ-kheo nhân nơi cách đêm gởi dục để làm các yết ma thì có được gọi là làm không?

Đáp: Trừ yết ma thuộc về Hòa thượng ni, nếu tăng chưa đứng dậy thì được làm tất cả các yết ma.

Lại hỏi: Tỳ-kheo tự làm yết ma, có được không?

Đáp: Không được, nếu người này làm thì tăng nên nói rằng: "Thầy nên tự thuận theo và tự thọ trì".

Lại hỏi: Nếu người này trước kia đã phá giới

hoặc là Tặc trụ hoặc trước nay vốn là bạch y… thì người này làm sao tự nói như pháp?

Đáp: Người này nên ở trong Tăng tự nói cho đến ba lần.

Lại hỏi: Một lúc có thể được xướng nói bốn người khiến cho đắc giới không?

Đáp là không được.

Lại hỏi: Một lúc có thể được xướng nói khiến cho bốn người được thọ giới cụ túc không?, đáp là không được.

Lại hỏi: Túc số bốn Tỳ-kheo, người thứ bốn là bị tẫn hoặc là người hành Biệt trú tác pháp tẫn người khác thì có được gọi là tẫn không?, đáp là không được.

Lại hỏi: Các Tỳ-kheo chiết phục tẫn xuất thì có được gọi là tẫn không?

Đáp: Được gọi là tẫn, nhưng yết ma chiết phục trước đã được bỏ rồi.

Lại hỏi: Các Tỳ-kheo bị tẫn nên y chỉ Tỳ-kheo, có thể tỏ bày sám

hối nơi Tỳ-kheo không?

Đáp: Yết ma Y chỉ này trước đã được bỏ rồi.

Lại hỏi: Các Tỳ-kheo làm yết ma chiết phục cho Trưởng lão đã bị tẫn thì có được gọi là làm không?

Đáp: Không được, vì ở trong đây không đồng sự.

Lại hỏi: Các Tỳ-kheo làm yết ma Y chỉ cho Tỳ-kheo đã bị tẫn khiến tỏ bày sám hối, có được gọi là làm không?

Đáp: Không được.

Lại hỏi: Trừ Tỳ-kheo, nói gièm siểm người khác thì phạm tội gì?, đáp là Đột-kiết-la .

Lại hỏi: Yết ma Chiết phục có ý nghĩa gì?

Đáp: Đây là tên của một pháp yết ma, xuất phát từ ngôn tránh, Tăng nên nói với người này: "Tăng sẽ trù lượng việc của thầy sau".

Lại hỏi: Yết ma Y chỉ có ý nghĩa gì?

Đáp: Đấy là tên của một pháp yết ma, xuất phát từ làm các tội, Tăng nên nói với người này: "Thầy nên y chỉ Tỳ-kheo kia".

Lại hỏi: Yết ma Khu xuất có ý nghĩa gì?

Đáp: Đấy là tên của một pháp yết ma, xuất phát từ Ô-tha-gia, Tăng nên nói với người này: "Thầy nên rời khỏi đây, chớ ở trong đây nữa".

Lại hỏi: Yết ma Hạ ý có ý nghĩa gì?

Đáp: Đấy là tên của một pháp yết ma, xuất phát từ khinh mắng bạch y, Tăng nên nói với người này: "Thầy nên đến cư sĩ đó tạ lỗi"

Lại hỏi: Như Phật đã dạy là thầy nên y chỉ Tỳ-kheo kia mà ở, câu này có nghĩa gì?

Đáp: Tùy Tỳ-kheo phạm tội gì đều thâm tâm ái niệm, nên bảo y chỉ Tỳ-kheo kia mà ở.

Lại hỏi: Như Phật đã dạy là Tăng sẽ trù lượng,

lời này có nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa là thấy có tội phải ở trong Tăng tự thú ba lần để Tăng tùy tội mà xử trị, đó gọi là trù lượng.

Lại hỏi: Nếu đối với người có hai mắt, Tỳ-kheo nói là có một mắt thì phạm tội gì?, đáp là Ba-dật-đề cố vọng ngữ.

Lại hỏi: Đối với người một mắt, Tỳ-kheo nói là một mắt thì phạm tội gì?, đáp là Ba-dật-đề khinh hủy xúc não.

Lại hỏi: Như Phật đã dạy, Tỳ-kheo ở trong hay ngoài khinh hủy xúc não người khác, thế nào là trong, thế nào là ngoài?, đáp: Trong là trong giới, ngoài là ngoài giới; lại nữa, trong nhà gọi là trong, ngoài đất trống gọi là ngoài.

Lại hỏi: Như Phật đã dạy, Tỳ-kheo A lợi tra, dòng Bà-la-môn Yết đà, vốn là đệ tử mà nói pháp ngăn đạo là không có ngăn đạo, thế nào là ngăn đạo?

Đáp: Dục chính là ngăn đạo.

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 56

TỤNG THỨ MƯỜI TỲ KHEO TỤNG

1. Giới Cụ Túc

Phật tại thành Vương xá, bảo các Tỳ-kheo: "Có mười trường hợp đắc giới cụ túc:

- Một là Phật Thế tôn không thầy, tự nhiên đắc giới cụ túc.

- Hai là năm Tỳ-kheo đắc đạo liền đắc giới cụ túc.

- Ba là trưởng lão Đại Ca-diếp tự thệ liền đắc giới cụ túc.

- Bốn là Tô-đà tùy thuận luận đáp lời Phật mà đắc giới cụ túc.

- Năm là Biên địa trì luật thứ năm được đắc giới cụ túc.

- Sáu là Tỳ-kheo-ni Ma-ha-ba-xà-ba-đề thọ tám trọng pháp liền đắc giới cụ túc.

- Bảy là ni Bán-ca-thi sai sứ thọ giới cụ túc.

- Tám là Phật bảo thiện lai Tỳ-kheo liền đắc giới cụ túc.

- Chín là Quy mạng Tam bảo nói ba lần: Tôi

theo Phật xuất gia, liền đắc giới cụ túc.

- Mười là Bạch tứ yết ma đắc giới cụ túc".

Trong đây, ba trường hợp thiện lai đắc giới, quy mạng nói ba lần đắc giới và Bạch tứ yết ma đắc giới thì lúc Phật chưa kết Bạch tứ yết ma đắc giới thì người quy mạng Tam bảo, nói ba lần tôi theo Phật xuất gia, được gọi là khéo thọ giới cụ túc; nhưng sau khi Phật đã kết Bạch tứ yết ma thọ giới thì trường hợp quy mạng này không còn gọi là đắc giới cụ túc nữa. Trường hợp thiện lai đắc giới thì dù trước hay sau khi kết Bạch tứ yết ma vẫn gọi là đắc giới cụ túc, vì sao, vì Phật là Pháp vương đã tự cho thọ giới thì không có tại Học địa mà mạng chung.

Tỳ-kheo-ni có ba trường hợp đắc giới cụ túc: Thọ tám trọng pháp, sai sứ thọ giới và Bạch tứ yết ma. Trong đây trường hợp thọ tám trọng pháp duy nhất chỉ có người thọ đầu tiên là đắc giới, người sau thì không có đắc giới. Trường hợp sai sứ thọ giới như ni Bán-ca-thi, nếu người nữ muốn xuất gia gặp chướng ngại tương tự cũng được đắc giới. Người sứ được sai đến trong Tăng thọ giùm không nhiều, không ít rồi mới trở về nói lại cho ni Bán-ca-thi ba pháp y chỉ, thời tiết năm tháng thọ giới và tám pháp Ba-la-di. Nếu được như thế thì gọi là đắc giới cụ túc, nếu không như thế thì không gọi là đắc giới cụ túc.

Người được thọ giới cụ túc dù nam hay nữ, nếu không có các pháp ngăn (giá nạn) thì mới được thọ, nếu có các pháp ngăn thì không được thọ. Pháp ngăn đó là không có Hòa thượng, A-xà-lê, không có y bát, có phạm biên tội, vốn là bạch y, bất năng nam, ô nhục Tỳ-kheo-ni, người việt tế, tặc trụ, người giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, người ác tâm làm cho Phật bị thương. Nếu cho thọ sẽ làm hoen ố chúng tăng, người cho thọ thì phạm Đột-kiết-la.

Nếu người có các căn đầy đủ và không có các pháp ngăn, chủng tánh, tên họ, sự nghiệp… Tăng nhất tâm hòa hợp nên như pháp hỏi xong rồi, đều không có pháp ngăn thọ giới mới được cho thọ giới. Đây gọi là khéo thọ giới cụ túc. Có mười ba hạng người không được thọ giới cụ túc, đó là Có mười pháp ngăn thọ giới, đó là phạm biên tội, vốn là bạch y, bất năng nam, ô nhục Tỳ-kheo-ni, người việt tế, tặc trụ, người giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, người ác tâm làm cho Phật bị thương, người phá Tăng, người bị yết ma tẫn và phi nhân.

Có hai loại yết ma, đó là yết ma trị tội và yết ma thành thiện. Yết ma trị tội gồm có yết ma Khổ thiết, yết ma Y chỉ, yết ma Khu xuất, yết ma Hạ ý và yết ma diệt tẫn. Yết ma thành thiện gồm có yết ma thọ giới, yết ma bố tát, yết ma tự tứ, yết ma Xuất tội và yết ma Bố thảo, do có công năng thành tựu pháp thiện nên gọi là yết ma thành thiện.

Việc yết ma là tùy chỗ, thuận theo nhân duyên mà làm yết ma. Ngăn yết ma là khi yết ma nếu tác bạch không như pháp hay xướng nói không như pháp hoặc phi pháp biệt chúng, nên hoại bỏ. Không ngăn yết ma là khi yết ma nếu tác bạch như pháp, xướng nói như pháp, như pháp hòa hợp chúng, không nên hoại bỏ.

Yết ma diệt tẫn là các Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo bị tẫn rằng: "Thầy đã bị cử tội, hãy đi đi, Tăng không cùng thầy làm việc chung nữa, vì sao, vì Tăng đã làm yết ma, thầy hay đi đi".

Yết ma xả tẫn là Tăng cho giải yết ma tẫn, Tỳ-kheo bị tẫn được trở lại cùng tăng làm yết ma, cùng ở chung và cùng làm việc. Việc khổ thiết là nếu Tỳ-kheo ưa thích đấu tranh, Tăng nhân việc này cho yết ma Khổ thiết.

Việc xuất tội tức là cử tội có ba là thấy nghe và nghi. Nếu muốn đem ba việc này cử tội người khác thì phải đúng thời không vì phi thời, việc cử tội là thật không vì hư dối, cử tội vì muốn làm lợi ích không vì vô ích, dùng lời dịu dàng cử tội không dùng lời thô xẵng, cử tội với tâm từ bi không vì sân giận. Việc nhân duyên là tùy nhân duyên của sự việc mà làm yết ma, như trong kinh Bạt-đà bà la có nói rộng về năm Nhiếp. Việc trị tội bao gồm bốn loại yết ma trị là yết ma Khổ thiết, yết ma Y chỉ, yết ma Khu xuất và yết ma Hạ ý. Việc trừ diệt là tùy nhân duyên của sự việc mà diệt tránh, khiến

cho người tranh cãi tâm hối hận chiết phục, cung kính, nói lời dịu dàng thăm hỏi và từ bỏ việc tranh cãi.

Học có ba là thiện học Giới, thiện học Tâm, thiện học Huệ. Hoàn giới là nếu Tỳ-kheo nói tôi bỏ Phật tức là xả giới; hoặc nói tôi bỏ Pháp, bỏ Tăng, bỏ Giới, bỏ Hòa thượng, A-xà-lê, bỏ đồng Hòa thượng, đồng A-xà-lê, bỏ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, bỏ Thức-xoa-ma-na, bỏ Sa-di, bỏ Sa-di-ni. Hoặc nói các vị nên biết, tôi là bạch y, là Sa-di, không phải Tỳ-kheo, không phải Sa-môn Thích tử… cho đến nói không vui khi cùng học chung với các vị.

Không xả giới là nếu Tỳ-kheo khi điên cuồng hay khi tâm loạn, tâm bịnh hoại mà nói xả giới thì không gọi là xả giới; hay nói với người điên cuồng, tâm loạn, tâm bịnh hoại; hoặc một mình xả giới; hoặc một mình tưởng không phải một mình, không phải một mình tưởng là một mình; hoặc người ở trong nước nói với người ở biên địa không hiểu nhau; hoặc người ở biên địa nói với người ở trong nước không hiểu nhau; hoặc nói với người câm, người điếc, người câm điếc, người không biết gì; hoặc nói với phi nhơn, người ngủ mê, người nhập định; hoặc cách vách hoặc mình đang sân hoặc nói với người đang sân; hoặc nói trong mộng hoặc nói lúc tâm mình không an định; hoặc nói với người tâm không an định… các trường hợp trên đều không gọi là xả giới.

Giới suy kém nếu Tỳ-kheo ưu sầu không vui muốn bỏ giới, nhàm pháp Tỳ-kheo muốn bỏ pháp phục của bậc thánh để mặc y phục của bạch y; cần pháp bạch y không cần pháp Tỳ-kheo, cầu việc tại gia; lại nói: Tôi nhớ cha mẹ, anh chị em, họ sẽ dạy tôi nghề nghiệp sinh sống, sắp xếp cho tôi có chỗ ở tốt, xem tôi là thiện tri thức. Tỳ-kheo này ưu sầu không vui, không thích pháp Tỳ-kheo nữa, nhưng nếu nói ra lời thì cảm thấy hổ thẹn nên không nói rõ với ai là tôi phản giới hoàn tục, cho nên gọi là giới suy kém.

Việc tranh cãi Có bốn, đó là ngôn tránh, vô sự tránh, phạm tránh và thường sở hành tránh.

Nắm rõ sự việc là tùy nhân duyên của việc tranh cãi mà nắm rõ sự thật để diệt tránh.

Diệt tránh có bảy pháp là Hiện tiền diệt sự pháp, Ức niệm diệt sự pháp, Bất si diệt sự pháp, Tự ngôn diệt sự pháp, Thật mích diệt sự pháp, Đa mích diệt sự pháp và Như thảo bố địa diệt sự pháp.

Trừ diệt việc: Có năm nguyên nhân khiến sự việc dễ trừ diệt, đó là việc này bạch tăng, như lời Phật dạy diệt hai bộ bạn đảng, nói lời hòa nhã, dứt tâm sân hận của tỳ-kheo tranh cãi, Tỳ-kheo có tội có thể nói tội ra.

Nói là khi thuyết giới bố tát hoặc nói bốn việc hoặc nói mười ba việc. Không nói là khi thuyết giới bố tát, Thượng tòa thứ một ở trong trú xứ không

biết, không tụng được thì Thượng tòa thứ hai nên nói; nếu cũng không tụng được thì thứ lớp đến Thượng tòa thứ ba… cho đến hạ tòa, nếu tất cả đều không tụng được thì gọi là không nói.

Pháp ở riêng một mình: Nếu Tỳ-kheo một mình ở nơi A-lan-nhã vào ngày bố tát, Tỳ-kheo này nên quét dọn chỗ bố tát, trải tòa ngồi… đầy đủ mọi thứ, nghĩ rằng: "Nếu có các Tỳ-kheo đến mà chưa làm bố tát thì sẽ cùng làm bố tát thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa". Nếu không có ai đến thì nên lên trên tòa cao ngóng trông, khi thấy có Tỳ-kheo nào đến thì nên kêu đến để cùng làm bố tát; nếu đợi mãi không có ai đến thì nên trở về chỗ của mình, tâm niệm nghĩ rằng: "Hôm nay là ngày thứ mười bốn hoặc thứ mười lăm Tăng bố tát, con cũng ngày nay bố tát". Như thế là một Tỳ-kheo đã làm bố tát xong.

Yết ma si: Nếu Tỳ-kheo điên cuồng, tâm loạn lúc đến bố tát, lúc không đến; hoặc khi Tăng nhóm họp, Tăng yết ma… lúc đến lúc không đến. Đối với Tỳ-kheo này, Tăng nên dùng pháp bạch nhị tác pháp Yết ma si, như trường hợp của tỳ-kheo Thi-việt. Yết ma Bất si là trừ yết ma si, các pháp yết ma khác đều gọi là bất si.

Không tiêu tín thí cúng dường: Nếu đàn việt bố thí cho người trì giới, người trì giới lại chuyển cho người phá giới; hoặc bố thí cho người chánh kiến, người chánh kiến lại chuyển cho người tà kiến nên gọi là không tiêu; nếu dùng quá lượng cũng gọi là

không tiêu.

Mười trường hợp yết ma không hiện tiền, đó là yết ma phú bát, yết ma ngưỡng bát, yết ma Học gia, xả yết ma Học gia, yết ma tu sửa Tăng-già-lam, yết ma giám sát dân trong Tăng-già-lam, yết ma sai Sa-di; Ni tăng tác pháp yết ma không lễ bái, không cùng nói chuyện, không cúng dường.

Phi yết ma: Loại yết ma cần túc số bốn người, nếu dưới bốn người thì không gọi là làm yết ma. Nếu bạch y làm người thứ tư hoặc Sa-di, dị đạo, không phải Tỳ-kheo; người bị tẫn về không thấy tội, không sám tội, không bỏ ác tà kiến và tội bất cọng trụ; người phạm các tội bất cọng trụ, phạm biên tội, người vốn là bạch y, bất năng nam, người ô nhục Tỳ-kheo-ni, người việt tế (tặc trụ); người giết cha mẹ, A-la-hán, người phá tăng, người ác tâm làm cho Phật bị thương làm người thứ tư trong túc số bốn người, đều không gọi là làm yết ma. Loại yết ma cần túc số năm người nếu dưới năm người thì không gọi là làm yết ma. Nếu bạch y làm người thứ năm hoặc Sa-di, dị đạo, không phải Tỳ-kheo; người bị tẫn về không thấy tội, không sám tội, không bỏ ác tà kiến và tội bất cọng trụ; người phạm các tội bất cọng trụ, phạm biên tội, người vốn là bạch y, bất năng nam, người ô nhục Tỳ-kheo-ni, người việt tế (tặc trụ); người giết cha mẹ, A-la-hán, người phá tăng, người ác tâm làm cho Phật bị thương, làm người thứ năm trong túc số năm người

đều không gọi là làm yết ma. Loại yết ma cần túc số mười người, nếu dưới mười thì không gọi là làm yết ma. Nếu bạch y làm người thứ mười hoặc Sa-di, dị đạo, không phải Tỳ-kheo; người bị tẫn về không thấy tội, không sám tội, không bỏ ác tà kiến và tội bất cọng trụ; người phạm các tội bất cọng trụ, phạm biên tội, người vốn là bạch y, bất năng nam, người ô nhục Tỳ-kheo-ni, người việt tế (tặc trụ); người giết cha mẹ, A-la-hán, người phá tăng, người ác tâm làm cho Phật bị thương, làm người thứ mười trong túc số mười người đều không gọi là làm yết ma. Loại yết ma cần túc số hai mươi người, nếu dưới hai mươi người thì không gọi là làm yết ma. Nếu bạch y làm người thứ hai mươi, hoặc Sa-di, dị đạo, không phải Tỳ-kheo; người bị tẫn về không thấy tội, không sám tội, không bỏ ác tà kiến và tội bất cọng trụ; người phạm các tội bất cọng trụ, phạm biên tội, người vốn là bạch y, bất năng nam, người ô nhục Tỳ-kheo-ni, người việt tế (tặc trụ); người giết cha mẹ, A-la-hán, người phá tăng, người ác tâm làm cho Phật bị thương, làm người thứ hai mươi trong túc số hai mươi người, đều không gọi là làm yết ma.

Thiện là thiện pháp như trong Tỳ-ni đã nói rõ.

Xuất tội: Có năm trường hợp xuất tội như pháp, đó là không đối trước người phạm Bất cọng trụ, người hành Biệt trú và người chưa thọ giới cụ túc để xuất tội; xuất tội Tàn và xuất tội thấy. Bạch là

bạch tăng việc này, nếu có việc Tăng thì phải bạch trong tăng trước.

Đơn bạch yết ma là nếu lìa tác bạch thì có thể hoại, nếu có tác bạch thì không thể hoại; Bạch nhị yết ma là nếu lìa tác bạch cũng không thành, hoặc xướng nói mà không bạch, hoặc bạch mà không xướng nói thì có thể hoại, tức là yết ma không thành. Nếu bạch trước rồi xướng yết ma sau thì không thể hoại. Bạch tứ yết ma là nếu lìa tác bạch hoặc bạch mà không xướng ba lần yết ma, hoặc xướng ba lần yết ma mà không bạch thì có thể hoại; nếu bạch trước rồi xướng ba lần yết ma sau thì không thể hoại. Tất cả các pháp yết ma đều căn cứ vào nghe biết này, nếu nói lại yết ma thì không có tội, nhưng nếu nói bớt không đủ số bạch nhị hay bạch tứ thì không gói là làm yết ma. Khi Tăng nhất tâm hòa hợp, nếu bạch mà chưa xướng yết ma hoặc xướng yết ma mà không bạch, Tăng liền đứng dậy đi thì người tác yết ma nên nói: "Các trưởng lão, xin các vị hòa hợp trở lại để tác bạch yết ma lại". Nếu làm yết ma đầy đủ và như pháp thì yết ma thuộc loại không thể hoại.

Yết ma Khổ thiết là do Tỳ-kheo tranh cãi về ngôn thuyết, Tăng nên dùng pháp bạch tứ cho yết ma Khổ thiết.

Yết ma Y chỉ là do Tỳ-kheo ưa tạo tội, Tăng nên dùng pháp bạch tứ cho yết ma Y chỉ.

Yết ma Khu xuất là do Tỳ-kheo làm hạnh xấu, Ô-tha-gia, Tăng nên dùng pháp bạch tứ cho yết ma Khu xuất.

Yết ma Hạ ý là do Tỳ-kheo quở mắng bạch y, Tăng nên dùng pháp bạch tứ cho yết ma Hạ ý.

Yết ma Bất kiến tẫn là do Tỳ-kheo tạo tội mà không như pháp thấy tội, Tăng nên dùng pháp bạch tứ cho yết ma Bất kiến tẫn.

Yết ma Bất tác tẫn là do Tỳ-kheo tuy thấy tội nhưng không chịu như pháp trừ tội, Tăng nên dùng pháp bạch tứ cho yết ma Bất tác tẫn . Yết ma Bất xả ác tà kiến tẫn là do Tỳ-kheo tham chấp ác tá kiến, không chịu bỏ, Tăng nên dùng pháp bạch tứ cho yết ma Bất xả ác tà

kiến tẫn.

Yết ma Biệt trụ là ở trong mười ba việc, Tỳ-kheo tùy phạm một việc nào mà che giấu, tùy theo số ngày che giấu, Tăng dùng pháp bạch tứ cho yết ma Biệt trụ.

Yết ma Ma-na-đỏa là ở trong mười ba việc, Tỳ-kheo tùy phạm một việc nào mà không có che giấu, Tăng nên dùng pháp bạch tứ cho yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa.

Yết ma Bổn nhật trị là nếu Tỳ-kheo trong khi hành Ma-na-đỏa mà phạm lại tội Tăng-già-bà-thi-sa, Tăng nên dùng pháp bạch tứ cho yết ma Bổn nhật trị, để hành lại từ đầu.

Yết ma Xuất tội là nếu Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa, hành Ma-na-đỏa xong, chúng tăng tâm vui, nên dùng pháp bạch tứ cho yết ma Xuất tội, để đưa Tỳ-kheo phạm tội ra khỏi pháp bất thiện.

Hỏi: Vì sao phải trụ trong pháp thiện? Đáp: Vì hành Ma-na-đỏa

Hỏi: Vì sao phải hành Bổn nhật trị? Đáp: Vì để điều phục tâm

Hỏi: Vì sao phải hành Ma-na-đỏa? Đáp: Để được xuất tội.

Hỏi: Vì sao phải xuất tội? Đáp: Để giới được thanh tịnh.

Hỏi: Vì sao biệt trú phải làm Ma-na-đỏa?

Đáp: Khi Tỳ-kheo hành biệt trú khiến cho các Tỳ-kheo tâm vui, nên các Tỳ-kheo phát tâm muốn cho Ma-na-đỏa.

Hỏi: Vì sao Bổn nhật trị là để chiết phục tâm?

Đáp: Vì khi hành việc này trở lại từ đầu sẽ khiến tâm được chiết phục, các Tỳ-kheo nghĩ: "Người này kiết sử sâu nặng, cho hành Bổn nhật trị để sanh hổ thẹn không tái phạm nữa", lúc đó các Tỳ-kheo phát tâm cho Ma-na-đỏa.

Hỏi: Vì sao hành Ma-na-đỏa để xuất tội?

Đáp: Khi Tỳ-kheo hành Ma-na-đỏa khiến các Tỳ-kheo tâm vui, nghĩ rằng: Người này nhất tâm khéo làm pháp thiện, muốn được xuất tội, không

muốn trái nghịch, chúng ta nên cho xuất tội.

Hỏi; vì sao xuất tội khiến cho giới thanh tịnh?

Đáp: Tỳ-kheo nếu được xuất tội tức là lìa tội lỗi, nên giới thanh tịnh. Như trong luật nói có hai hạng người thanh tịnh, đó là người trước nay không tạo tội và người tạo tội rồi như pháp trừ diệt. Tỳ-kheo này nếu được xuất tội thì giới thanh tịnh trở lại.

Yết ma Mích tội tướng là nếu Tỳ-kheo tự nói có phạm tội này, sau lại nói là không có. Tăng dùng pháp bạch tứ cho yết ma Mích tội tướng, như trường hợp Tỳ-kheo Tượng thủ.

A-Bạt-đề: năm loại tội gọi là A-Bạt-đề, đó là Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni và Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo làm năm loại tội này thì bị che ngăn không xa lìa nên gọi là A Bạt-đề.

Không A-Bạt-đề: Tỳ-kheo đối với năm loại tội trên nếu không làm, không che giấu, xa lìa, tịnh hai nghiệp thân khẩu, tịnh thọ mạng; cho đến người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại tạo tội hoặc không phải trước đó có làm thì gọi là không A-Bạt-đề. Tội A-Bạt-đề khinh: Là tội có thể sám hối trừ diệt. Tội A-Bạt-đề trọng: Là tội có thể dùng yết ma cho xuất tội. Tội Tàn A-Bạt-đề: Trong năm loại tội thì bốn loại tội sau gọi là Tàn, có thể được trừ diệt. Tội Vô tàn A Bạt-đề: Loại tội thứ nhất gọi là Vô

tàn. Tội ác: Chỉ cho tội Ba-la-di và Tăng-già-bà-thi-sa; tuy tất cả tội đều gọi là ác, nhưng hai tội này là ác trong ác nên gọi là tội ác. Tội không phải ác: Chỉ cho ba loại tội sau, so với hai loại tội đầu nên gọi là không phải ác. Tội có thể trị: Là tội có thể xuất, có thể diệt. Tội không thể trị: Là tội không thể xuất, không thể trừ diệt. Nhiếp tội: Là dùng một nhân duyên nhiếp hết tất cả tội đã phạm, cũng do một nhân duyên nên nói tất cả tội, tức là nhiếp ác luật nghi. Nhiếp không tội: Là dùng một nhân duyên nhiếp hết tất cả không phạm, cũng do một nhân duyên nên nói tất cả không tội, tức là nhiếp thiện luật nghi. Nói: Là Tỳ-kheo nên nói: "Trưởng lão đã phạm tội này, nên phát lồ chớ có che giấu, nên như pháp trừ diệt". Nhớ nghĩ: Là Tỳ-kheo nên nói: "Trưởng lão hãy nhớ lại vào lúc nào, tại đâu đã phạm tội này". Nói việc yết ma: Là Tỳ-kheo nên nói: "Trưởng lão ở trong đây không bạch với chúng tôi thì không được đi đến chỗ khác". Yết ma Tát-da-la: Có năm loại, Tỳ-kheo nên nói với Tỳ-kheo khác: "Trưởng lão cho phép tôi nói việc này, nên ở chỗ này làm Tát-da-la, việc khác nên nên ở chỗ khác làm Tát-da-la, việc sẽ tùy chỗ mà làm Tát-da-la". Tỳ-kheo nói việc phạm tội để chỉ lỗi của người khác, cũng như ngựa dữ bứt dây dàm cột ở trên đầu bỏ chạy đi. Vu báng: Là việc vu báng, phương tiện vu báng. Vu báng phát khởi: Là phát khởi việc vu báng. Vu báng chấm dứt: Là không tạo việc này

nữa.

Có năm cách cầu thính (xin cho phép cử tội), Tỳ-kheo đến nói với người khác: "Trưởng lão cho phép tôi nói việc của thầy, nói để thầy nhớ nghĩ, cho phép tôi nói ra việc này, xin cho phép tôi nói". Có năm cách cho phép cử tội: Hoặc nói cứ nói, hãy nói, hãy nói ra, hãy làm cho tôi nhớ nghĩ, tôi cho phép thầy nói. Dụng thính: do được cho phép nói ra việc phạm tội của người khác nên nói, gọi là dụng thính.

Ngăn Ba-la-đề-mộc-xoa: Có mười loại ngăn như pháp, đó là khi nói Ba-la-đề-mộc-xoa, nếu có Tỳ-kheo phạm Ba-la-di hoặc muốn nói ra việc Ba-la-di; hoặc có Tỳ-kheo khinh hủy Tăng, muốn nói ra việc khinh hủy Tăng; hoặc có người xả giới, muốn nói ra việc xả giới; hoặc Tỳ-kheo không tùy thuận việc Tăng như pháp; hoặc thấy, nghe, nghi người khác phá giới, phá kiến, phá oai nghi. Do việc này nên ngăn.

Ngăn tự tứ: Có bốn loại như pháp ngăn tự tứ, đó là dùng phá giới có căn cứ, phá chánh kiến có căn cứ, phá chánh mạng có căn cứ và phá oai nghi có căn cứ để ngăn tự tứ.

Nội túc (bên trong cùng ngủ đêm): Nếu tác pháp yết ma kết tịnh địa rồi, ở bên trong Tăng phường cùng với thức ăn ngủ chung một chỗ thì đại Tỳ-kheo không nên ăn. Nội chữ (ở bên trong

nấu): Nếu ở bên trong Tăng phường nấu thức ăn thì đại Tỳ-kheo không nên ăn. Tự chữ (tự nấu): Đại Tỳ-kheo tự làm thức ăn, tự nấu thức ăn thì không nên ăn. Như Phật tại Tỳ-da-ly, lúc đó thời thế mất mùa đói kém, các đàn việt muốn làm thức ăn cúng Tăng nghĩ rằng: "Nếu ta làm thức ăn ở nhà, bạn bè và người thân đến đều phải chia cho; nếu Phật cho chúng ta ở trong Tăng phường nấu thì tốt", Phật do nhân duyên này cho ở bên ngoài gần Tăng phường nấu thức ăn, do thấy có khói lửa bay lên nên nhiều người tụ đến xin, nếu cho thì không còn thức ăn cúng cho Tăng, nếu không cho thì sợ họ tới làm hại nên bạch Phật, Phật cho ở bên trong Tăng phường nấu. Khi nấu ở bên trong Tăng phường, Sa-di và người giữ vườn tự lấy trước ăn no đủ, còn dư mới đem cho Tăng, Tăng ăn không no nên ốm gầy, đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay, gặp lúc thời thế đói kém như vậy, dù kết tịnh địa hay chưa kết, cho các Tỳ-kheo được tự nấu thức ăn ăn. Từ nay, nếu không phải vào lúc mất mùa đói kém thì kết tịnh địa rồi có hai việc không nên dùng, đó là nội túc và nội chữ, Tỳ-kheo không nên ăn. Dù kết tịnh địa hay không kết, đại Tỳ-kheo tự làm thức ăn thì không nên ăn, nếu ăn thì phạm Đột-kiết-la".

Ác tróc: Nếu Tỳ-kheo thọ trì tịnh giới mà cố ý tự lấy thức ăn thì không được ăn, vì là ác tróc. Không thọ: Nếu không được nam nữ, huỳnh môn hay người hai căn trao đưa thức ăn thì Tỳ-kheo

không được ăn, vì không thọ. Ác tróc thọ: Nếu Tỳ-kheo tự lấy thức ăn trước, sau đó mới thọ từ tịnh nhân thì không được ăn, vì là ác tróc thọ. Đầu giờ trong ngày thọ: Như Phật tại Tỳ-da-ly, lúc thời thế đói kém, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay gặp lúc đói kém như thế, cho các thầy ăn xong, không thọ pháp tàn thực được ăn thức ăn đã thọ vào đầu giờ trong ngày". Thức ăn thọ vào đầu giờ trong ngày: Tức là Tỳ-kheo vào sáng sớm đến nhà người được cúng thức ăn mà chưa ăn, để đó cho đến giờ ăn trưa. Từ đây mang ra: Như Phật tại Tỳ-da-ly, lúc thời thế đói kém, Phật cho các Tỳ-kheo đến nhà đàn việt thọ thực rồi, được mang thức ăn từ nhà này ra, không thọ pháp tàn thực mà được ăn nữa.

Ăn trái cây: Như Phạm chí kết tóc Kê-ni-da mang nhiều trái cây đến dâng cúng Phật, Phật bảo đem chia cho chúng tăng, Phạm chí vâng lời Phật đem chia nhưng các Tỳ-kheo không thọ, nói rằng: "Chúng tôi ăn xong không thọ pháp dư thực nên không được thọ trái cây để ăn nữa". Các Tỳ-kheo không biết làm sao liền bạch Phật, Phật nói: "Từ nay gặp lúc mất mùa đói kém, cho các Tỳ-kheo ăn xong không thọ pháp dư thực, được thọ các loại trái cây để ăn nữa".

Lúc đó trưởng lão Xá-lợi-phất mắc bịnh máu nóng, thầy thuốc bảo nên ăn loại thực vật mọc ở trong ao, Xá-lợi-phất nói: "Phật chưa cho ăn các loại thực vật mọc trong ao", liền bạch Phật, Phật

nói: "Từ nay cho thọ các loại thực vật mọc trong ao để ăn". Trưởng lão Đại Mục-kiền-liên dùng thần thông lực, đi đến trong ao Mạn-đà-kỳ-ni để hái củ sen, củ sen to như bắp vế của người và trắng trong như đường phèn, nhựa chảy ra giống như sữa. Hái xong liền mang về cho Xá-lợi-phất, Xá-lợi-phất hỏi từ đâu mà có, đáp: "Tôi hái từ trong ao Mạn đà kỳ ni", lại hỏi: "Ao ấy là chỗ của phi nhơn, vậy ai đã trao nó cho thầy?", đáp: "Phi nhơn trao", Xá-lợi-phất nói: "Phật chưa cho ăn thức ăn do phi nhơn trao", liền đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Từ nay cho thọ thức ăn do phi nhơn trao để ăn".

Lúc đó có người đem rất nhiều loại thực vật mọc ở trong ao đến cho các Trưởng lão, các Tỳ-kheo không thọ và nói: "Chúng tôi ăn rồi không thọ pháp dư thực nên không được thọ ăn nữa". Các Tỳ-kheo không biết làm sao liền bạch Phật, Phật nói: "Từ nay gặp lúc mất mùa đói kém, cho các Tỳ-kheo ăn rồi không thọ pháp dư thực được thọ các loại thực vật mọc trong ao để ăn nữa". Loại thực vật mọc trong ao như củ sen, ngó sen, củ ấu, củ súng và Kê đầu tử.

Thọ y Ca-hi-na được bảy lợi ích: Tùy ý chứa y dư, được lìa y ngủ đêm mà không mất y, thường thường ăn, ăn biệt chúng, quá ngọ không bạch thiện Tỳ-kheo mà vào tụ lạc; đàn việt thỉnh thọ thực, bữa ăn trước, bữa ăn sau tùy ý đến nhà khác, không mặc Tăng-già-lê mà vào tụ lạc. Có trú xứ

hay không có trú xứ được vật thí y Ca-hi-na, nên thuộc về Tỳ-kheo an cư, không nên chia cho Tỳ-kheo khác. Ngược với trên gọi là không thọ. Xả y Ca-hi-na có tám: Lúc y đủ, lúc y thành, khi đi, khi nghe, khi mất, phát tâm, ra khỏi giới và khi xả. Ngược với trên gọi là không xả. Vật nên chia: Là vật thuộc Hiện tiền tăng nên chia. Trừ vật quý trọng của tỳ-kheo chết, các vật thường khác đều gọi là vật nên chia. Vật không nên chia: Là vật mà Hiện tiền tăng không nên chia. Trừ y bát … thuộc khinh vật của tỳ-kheo chết, các vật quý trọng khác bao gồm năm loại là đất của Tăng-già-lam, đất phòng xá, phòng xá của Tăng-già-lam, giường và ngọa cụ thì không nên chia, dù là Tăng hay ba, hai, một người đều không nên chia. Khinh vật: Là vật nên chia. Trọng vật: Là vật không nên chia. Vật thuộc về: Là vật thuộc về người khác ở trong tụ lạc, hay ở ngoài đất trống của nam, nữ hay huỳnh môn hay của người hai căn. Ngược với trên gọi là vật không thuộc về. Từ tay thọ vật: Thọ từ người khác đưa trao, bao gồm tất cả thức ăn từ miệng, trừ nước và tăm xỉa răng. Không phải từ tay thọ vật: Là vật không phải thọ từ người khác đưa trao, bao gồm những vật cần dùng như y bát… Vật là người: Như Phật cho Tăng phường, Phật điện sai bảo người (tịnh nhơn), những người này thuộc về Tăng trong tăng phường. Vật không phải người: Như Phật cho chứa nuôi voi, ngựa, lạc đà, bò, dê…, những vật

này thuộc của Tăng trong Tăng phường.

Y nhân duyên: Là y thọ được từ trong các đại hội như Ban-già-vu-sắt… Y chết: Nếu trong năm chúng có người chết, y vật để lại năm chúng nên chia. Y phấn tảo: Có năm loại y phấn tảo không nên chứa cất, đó là y hỏa thiêu, y bò nhai, y chuột gặm, y của người nữ mới lấy chồng và năm là y của sản phụ. Bốn loại y phấn tảo được chứa là y nơi gò mả, y lấy trở về, y không có chủ và nạp y cũ rách. Quán tỷ: Như Phật cho Tỳ-kheo Tất-lân-già-bà-ta bịnh mũi dùng ống nhỏ thuốc vào mũi. Đao trị: Có những căn bịnh dùng cách trị khác không được, phải dùng dao trị nên Phật cho dùng dao trị. Nếu có thể dùng cách trị khác trị được mà dùng dao trị thì phạm Thâu-lan-giá. Trị bằng hoạt đế: Giống như trường hợp dao trị, nếu có cách trị khác mà dùng cách hoạt đế trị thì phạm Thâu-lan-giá. Cạo lông: Trừ râu tóc ra, cạo lông trên thân phần khác thì phạm Đột-kiết-la. Cạo tóc: Khi cạo tóc không được dời chỗ, nên ngồi một chỗ mà cạo tóc. Nên dùng: Như Tỳ-kheo có năm loại hạt, năm loại tịnh nên dùng; tám loại nước ép nên dùng nước sạch, ba loại y hoại sắc trong mười loại y nên dùng. Quả trái: Các Tỳ-kheo ở Tỳ-da-ly được nhiều trái cây mặc sức ăn, Phật bảo nên chia, khi chia có người lấy hai, ba phần khiến cho có người được nhiều, có người lại không được nên sanh tranh cãi. Phật bảo từ nay trái cây không nên chia, nên giao

lại cho tịnh nhơn rồi dùng năm pháp tịnh của tỳ-kheo như lửa tịnh, dao tịnh, móng tay, chim anh vũ và nếu hạt không nẩy mầm thì được ăn.

Vật của người dùng ở trong nhân gian như giường bằng vàng bạc, lưu ly, pha lê thì Tỳ-kheo không nên ngồi nằm thọ dụng. Ngược lại nếu là của phi nhân như trời rồng thì được thọ dụng. Ngũ bách kiết tập Tỳ-ni: Sau khi Phật vừa diệt độ, năm trăm Tỳ-kheo tập họp lại một chỗ để kết tập tất cả kinh, luật, luận. Thất bách kiết tập Tỳ-ni: Sau khi Phật diệt độ khoảng một trăm mười năm, ở Tỳ-da-ly xảy ra mười việc phi pháp, phi luật trái lời Phật dạy. mười việc này không đưa vào trong kinh luật vì trái với pháp và oai nghi, nên bảy trăm Tỳ-kheo tập họp lại một chỗ để trừ diệt việc này. Nhiếp Tỳ-ni: Hai bộ Ba-la-đề-mộc-xoa và nghĩa giải Tỳ-ni, tăng nhất, dư tàn tạp thuyết hoặc chung hoặc không chung đều gọi là Nhiếp Tỳ-ni. Mặc ấn: Có bốn mặc ấn và bốn đại ấn như trong kinh đã nói.

Hỏi: Thế tôn vì sao nói bốn mặc ấn này?

Đáp: Vì muốn nói tướng Phật pháp chân thật để các Tỳ-kheo đời sau hiểu rõ là Phật thuyết hay không phải là Phật thuyết, nên nói bốn mặc ấn.

Hỏi: Thế tôn vì sao nói bốn đại ấn?

Đáp: Vì thành tựu đại sự, không khiến cho các Tỳ-kheo lầm lộn nên nói bốn đại ấn.

Hợp dược: Loại dược thuộc củ, thân, cành, lá

hoa và quả, mỗi mỗi loại hòa hợp sai khác nhau. Ngay ngày nay thọ bốn loại dược: Thời dược, thời phần dược, thất nhật dược và tận hình dược hòa hợp lại một chỗ thì trước giờ ngọ nên dùng, vì hiệu lực của thời dược là quá ngọ không được dùng. Nếu ngay ngày nay thọ thời phần dược, thất nhật dược và tận hình dược hòa hợp lại một chỗ thì trong thời phần nên dùng, vì hiệu lực của thời phần dược là quá thời phần thì không được dùng. Nếu ngay ngày nay thọ thất nhật dược và tận hình dược hòa hợp lại một chỗ thì trong vòng bảy ngày nên dùng, vì hiệu lực của thất nhật dược là quá bảy ngày thì không được dùng. Nếu là tận hình dược thì trọn đời được tùy ý lấy dùng.

Lại hỏi: Bốn loại dược: Thời dược, thời phần dược, thất nhật dược và tận hình dược để cách đêm có được thọ dùng không?

Đáp là không được.

Lại hỏi: Tỳ-kheo nếu tự lấy trước rồi mới theo tịnh nhân thọ thì có được dùng không?

Đáp là không được.

Lại hỏi: Bốn loại dược này nếu tay thọ, miệng thọ, Tỳ-kheo không bịnh có được dùng không?

Đáp: Không được dùng, nếu bịnh thì được dùng.

Pháp tịnh trong Tăng phường: Có năm loại vật báu hay tợ báu ở trong Tăng phường, Tỳ-kheo khi

lấy cất nên suy nghĩ: "Đây là vật của ai, nếu người nào đến nhận thì sẽ trao trả lại cho họ". Pháp tịnh trong rừng: Nhiều cây mọc tại một chỗ gọi là rừng, trong đây nên theo thứ lớp từ bậc Thượng tòa mà thọ gốc cây dừng nghỉ. Pháp tịnh về phòng xá: Trong Tăng phường có nhiều phòng xá riêng biệt, cũng nên theo thứ lớp từ bậc Thượng tòa mà thọ lấy phòng để ở. Trong đây tùy đàn việt phân xử cúng dường mà thọ. Pháp tịnh theo thời: Như lúc thời thế đói kém, lúc già bịnh, lúc có nhân duyên và lúc Phật khai cho. Pháp tịnh theo phương xứ: Như Tỳ-kheo ở cõi Diêm phù đề đến cõi Câu-da-ni thì nên theo thời ở cõi này mà thọ thực, ba phương kia cũng giống như vậy. Pháp tịnh theo quốc độ: Như các Tỳ-kheo đắc thần thông đến cõi nước xấu ác khất thực, họ để thức ăn trên đất trước mặt Tỳ-kheo rồi bỏ đi, các Tỳ-kheo không biết phải làm sao, đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay khi đến quốc độ xấu ác, họ để thức ăn trên đất thì được thọ lấy ăn", đó gọi là pháp tịnh theo quốc độ. Tùy pháp của quốc độ, như ở Biên địa năm người trì luật được truyền thọ giới cụ túc; ở quốc độ A-diệp-ba-già-a-bàn-đề được mang giày da một lớp, thường được tắm và trải nệm bằng da; ở quốc độ có tuyết lạnh được chứa mang giày ủng của thế tục. Pháp tịnh về y: Phật cho mặc mười loại y, đó là loại vải gai trắng, vải gai đỏ, Sô-ma, Súy-di-la, Khâm-bà-la, Kiếp-bối, Kiều-thi-da, y Bát-

đầu-lộ, y Đầu-đầu-la, y Câu-già-la.

2. Pháp Tự Tứ

Tỳ-kheo an cư nên hòa hợp nhóm lại một chỗ, Tăng nên dùng ba việc tự tứ thấy, nghe và nghi để hỏi. Vì sao Phật cho tự tứ, vì để nhiếp tăng tốt hay xấu để giáo hóa, lúc đó như pháp xuất tội để được thanh tịnh.

Gởi tự tứ: Nếu Tỳ-kheo bịnh không đến được thì nên gởi tự tứ, nếu không bịnh mà khi tự tứ không đến thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo sợ gặp mạng nạn hay phá giới hoặc một trong tám nạn xảy ra không ngừng được thì nên gởi tự tứ.

Pháp thọ tự tứ: Nếu Tỳ-kheo thọ tự tứ của tỳ-kheo khác thì nên thọ ở trong giới, nếu sợ gặp mạng nạn, phá giới hay một trong tám nạn sẽ xảy ra thì nên xuất giới đi.

Pháp nói tự tứ: Tỳ-kheo thọ tự tứ của người khác rồi nên đến trong Tăng nói, nếu không nói thì phạm Đột-kiết-la. Nếu người thọ tự tứ ngủ quên hay nhập định hay một trong tám nạn xảy ra không kịp nói thì không phạm.

Pháp bố tát: Mỗi nữa tháng các Tỳ-kheo nên hòa hợp nhóm lại một chỗ, tự xét lại mình ban ngày đã phạm tội gì, ban đêm đã phạm tội gì, từ ngày thuyết giới của nữa tháng trước đến nay có phạm tội không, nếu có phạm tội thì nên đến trước Tỳ-kheo tịnh giới đồng tâm như pháp sám hối, nếu

không có Tỳ-kheo tịnh giới đồng tâm thì nghĩ là sau này nếu gặp được, tôi sẽ như pháp sám hối.

Hỏi: Vì sao Phật cho làm bố tát?

Đáp: Vì muốn cho các Tỳ-kheo an trú trong thiện pháp, bỏ pháp bất thiện; nếu bỏ pháp bất thiện thì được thanh tịnh. Pháp gởi thanh tịnh: Nếu Tỳ-kheo bịnh không đến được thì nên gởi thanh tịnh, nếu không bịnh mà khi bố tát không đến thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo sợ gặp mạng nạn hay phá giới hoặc một trong tám nạn xảy ra không ngừng được thì nên gởi thanh tịnh.

Pháp thọ thanh tịnh: Nếu Tỳ-kheo thọ thanh tịnh của tỳ-kheo khác thì nên thọ ở trong giới, nếu sợ gặp mạng nạn, phá giới hay một trong tám nạn sẽ xảy ra thì nên xuất giới đi.

Pháp nói thanh tịnh: Tỳ-kheo thọ thanh tịnh của người khác rồi nên đến trong Tăng nói, nếu không nói thì phạm Đột-kiết-la. Nếu người thọ thanh tịnh ngủ quên hay nhập định hay một trong tám nạn xảy ra không kịp nói thì không phạm.

Pháp dục: dục tức là phát tâm, trong Tăng sự như pháp, tùy tăng pháp mà gởi dục.

Pháp gởi dục: Nếu Tỳ-kheo bịnh không đến được thì nên gởi dục, nếu không bịnh mà khi có Tăng sự như pháp, không đến thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo sợ gặp mạng nạn hay phá giới hoặc một trong tám nạn xảy ra không ngừng được

thì nên gởi dục. Người gởi dục nên nói: "Gởi dục đến, hoặc nói gởi dục", thì gọi là được dục; nếu gởi bằng thân nghiệp cũng gọi là được dục; nếu thân và khẩu nghiệp đều không gởi thì không gọi là được dục. Lúc đó nên dẫn Tỳ-kheo này đến trong Tăng, nếu Tỳ-kheo này không đến được thì tất cả Tăng nên đến chỗ Tỳ-kheo này. Các Tỳ-kheo không được riêng làm yết ma, nếu riêng làm yết ma thì các Tỳ-kheo phạm tội. Pháp thọ dục: Nếu Tỳ-kheo thọ dục của tỳ-kheo khác thì nên thọ ở trong giới, nếu sợ gặp mạng nạn, phá giới hay một trong tám nạn sẽ xảy ra thì nên xuất giới đi.

Pháp nói dục: Tỳ-kheo thọ dục của người khác rồi nên đến trong Tăng nói, nếu không nói thì phạm Đột-kiết-la. Nếu người thọ dục ngủ quên hay nhập định hay một trong tám nạn xảy ra không kịp nói thì không phạm .

Pháp thanh tịnh: Là Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác: "Tôi thanh tịnh không có tội".

Pháp gởi thanh tịnh: Nếu Tỳ-kheo bịnh không đến được thì nên gởi thanh tịnh, nếu không bịnh có thể đến được mà không đến thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo sợ gặp mạng nạn hay phá giới hoặc một trong tám nạn xảy ra không ngừng được thì nên gởi thanh tịnh. Người gởi thanh tịnh nên nói: "Gởi thanh tịnh đến", thì gọi là được thanh tịnh; nếu gởi bằng thân nghiệp cũng gọi là được thanh tịnh; nếu thân và khẩu nghiệp đều không gởi thì

không gọi là được thanh tịnh. Lúc đó nên dẫn Tỳ-kheo này đến trong Tăng, nếu Tỳ-kheo này không đến được thì tất cả Tăng nên đến chỗ Tỳ-kheo này. Các Tỳ-kheo không được riêng làm bố tát, nếu riêng làm bố tát thì các Tỳ-kheo phạm tội.

Pháp dục thanh tịnh: Nếu khi bố tát, Tăng muốn làm các loại yết ma, lúc đó nên cùng gởi dục và thanh tịnh.

Pháp gởi dục thanh tịnh: Nếu Tỳ-kheo bịnh không thể đến được thì nên gởi dục thanh tịnh, nếu không bịnh có thể đến được mà không đến thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo sợ gặp mạng nạn hay phá giới hay một trong tám nạn xảy ra thì nên gởi dục thanh tịnh. Người gởi dục nên nói: "Gởi dục thanh tịnh đến", thì gọi là được dục thanh tịnh; nếu gởi bằng thân nghiệp cũng gọi là được dục thanh tịnh; nếu thân và khẩu nghiệp đều không gởi thì không gọi là được dục thanh tịnh. Lúc đó nên dẫn Tỳ-kheo này đến trong Tăng, nếu Tỳ-kheo này không đến được thì tất cả Tăng nên đến chỗ Tỳ-kheo này. Các Tỳ-kheo không được riêng làm bố tát, riêng làm yết ma; nếu riêng làm bố tát, yết ma thì các Tỳ-kheo phạm tội

Pháp thọ dục thanh tịnh: Nếu Tỳ-kheo thọ dục thanh tịnh của tỳ-kheo khác thì nên thọ ở trong giới, nếu sợ gặp mạng nạn, phá giới hay một trong tám nạn sẽ xảy ra thì nên xuất giới đi.

Pháp nói dục thanh tịnh: Tỳ-kheo thọ dục thanh tịnh của người khác rồi nên đến trong Tăng nói, nếu không nói thì phạm Đột-kiết-la. Nếu người thọ dục thanh tịnh ngủ quên hay nhập định hay một trong tám nạn xảy ra không kịp nói thì không phạm. Pháp xây tháp: Cư sĩ Cấp-cô-độc tín kính Phật pháp nên đến chỗ Phật đảnh lễ và bạch rằng: "Khi Thế tôn đi du hành các nước, con không được diện kiến, cúi xin Thế tôn lưu lại vật gì để con cúng dường", Phật đưa ít tóc và móng tay cho cư sĩ và bảo nên cúng dường, cư sĩ bạch Phật: "Thế tôn cho con được xây tháp cúng dường móng tay và tóc này", Phật chấp thuận cho cư sĩ xây tháp. Đất tháp: Là đất thuộc về tháp, đất ban đầu là đất vườn hay đất ruộng, nhưng khi xây tháp trên đó thì gọi là đất tháp. Pháp làm khám tháp: Phật cho làm khám tháp hay trụ tháp, cũng rộng cho làm tất cả pháp làm tháp. Vật tháp vô tận: Các thương nhơn ở Tỳ-da-ly đem vật tháp chuyển đổi sanh lợi, được lợi để cúng dường tháp, sau đó muốn đến xứ xa cầu lợi nên đem vật tháp này đến cho Tỳ-kheo và nói: "Trưởng lão, đây là vật tháp, thầy nên chuyển đổi sanh lợi, để được lợi cúng dường tháp", Tỳ-kheo nói: "Phật chưa cho chúng tôi xuất vật tháp để sanh lợi, được lợi cúng dường tháp", liền bạch Phật, Phật bảo:

"Cho tịnh nhân hay Ưu-bà-tắc trong Tăng phường chuyển đổi vật tháp sanh lợi, để được lợi cúng dường tháp". Pháp cúng dường tháp vô tận:

Phật cho dùng các màu sắc như trắng, đỏ, xanh, vàng… và các món trang nghiêm để cúng dường tháp. Pháp trang nghiêm tháp: Bao gồm các tòa kim cang, lầu gác cao, linh báu, tràng phan, lọng cho đến dùng các vật báu để trang nghiêm tháp như vàng, bạc, trân châu, xa cừ… Pháp dùng hoa hương, chuỗi anh lạc: Phật cho dùng các loại hương thơm, hương bột, hương thoa, các loại hoa, chuỗi anh lạc cho đến trỗi âm nhạc để cúng dường tháp. Pháp kiên: Tỳ-kheo tùy ở trong phòng nào, trong đó tùy đàn việt phân xử được thọ cúng dường. Pháp kiên kiên: Nếu đàn việt cho Tỳ-kheo thức ăn uống và y mền, vì nhân duyên này, Tỳ-kheo nên xa lìa hai việc, đó là thường thường ăn và ăn biệt chúng. Pháp cháo: Phật cho dùng tám món cháo như cháo tô, cháo hồ ma, cháo dầu, cháo sữa, cháo đậu nhỏ, cháo đầu ma sa, cháo lỏng… khi ăn không phát ra tiếng.

Pháp ăn nhai: Phật cho ăn nhai chín loại thức ăn từ củ, thân, cành, lá, hoa, quả, thức ăn giã, mè, đường phèn và mật trắng, khi ăn không phát ra tiếng lớn. Pháp hàm tiêu: Phật cho dùng bốn loại dược hàm tiêu là tô, dầu, mật và thạch mật; Tỳ-kheo khi ăn nên suy nghĩ: "Tôi vì nhân duyên trị bịnh nên ăn, không vì ngon bổ". Pháp ăn: Phật cho ăn năm loại thức ăn như cơm, bún, xôi nếp, thịt và cá; Tỳ-kheo khi ăn nên khởi tâm nhàm lìa vì để gìn thân mạng, nghĩ chớ nên thường thường ăn và ăn

biệt chúng, lại tưởng như là thọ thức ăn dư.

Pháp bát: Phật cho chứa hai loại bát gốm sứ và bát sắt; không cho chứa tám loại bát bằng vàng, bạc, lưu ly, ma ni, bát đồng, bát bạch lạp, bát cây và bát đá.

Pháp y: Có bảy loại y không cần tác tịnh được tự ý cất dùng, đó là y Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội, y tắm mưa, y che phủ ghẻ, Ni-sư-đàn và các y vật cần dùng như pháp khác.

Pháp Ni-sư-đàn: Phật cho cất chứa Ni-sư-đàn vì ái hộ ngọa cụ của tăng, nếu không có Ni-sư-đàn thì không được ngồi trên ngọa cụ của Tăng.

Pháp kim: Phật cho cất chứa hai loại kim may là kim bằng đồng và sắt với mũi kim như hạt lúa, mũi như đậu nhỏ và mũi kim tròn. Pháp ống đựng kim: Phật cho cất chứa ống đựng kim vì ái hộ kim, không để kim rơi mất, nếu lo tìm kiếm thì trở ngại việc hành đạo.

Pháp bình nước: Phật cho cất chứa bình đựng nước để giữ nước được sạch. Pháp bình nước thường dùng: Phật cũng cho cất chứa bình đựng nước thường dùng để giữ nước được sạch, nắp đậy cũng như vậy.

Pháp Hòa thượng: Nếu các Tỳ-kheo không có Hòa thượng thì sẽ làm việc xấu hoặc có bịnh không ai chăm sóc, nên Phật cho được làm Hòa thượng. Hòa thượng nên dạy bảo, chăm sóc và thuyết pháp

cho đệ tử, tuy Phật cho được làm Hòa thượng nhưng các Tỳ-kheo vẫn không muốn làm Hòa thượng, Phật bảo họ nên làm Hòa thượng.

Pháp đệ tử cọng hành: Đệ tử muốn đi đâu nên bạch Hòa thượng, khi đi nên đi theo sau Hòa thượng để cung cấp những vật cần dùng, thường đi theo sau không xa lìa, như pháp phụng sự không có ý trái nghịch. Làm việc gì cũng phải bạch Hòa thượng, trừ đại tiểu tiện, xỉa răng và đảnh lễ Phật, pháp, tăng.

Pháp A-xà-lê: Nếu các Tỳ-kheo không có A-xà-lê thì sẽ làm việc xấu hoặc có bịnh không ai chăm sóc, nên Phật cho được làm A-xà-lê. A-xà-lê nên dạy bảo, chăm sóc và thuyết pháp cho đệ tử, tuy Phật cho được làm A-xà-lê nhưng các Tỳ-kheo vẫn không muốn làm A-xà-lê, Phật bảo họ nên làm A-xà-lê.

Pháp đệ tử cận hành: Đệ tử muốn đi đâu nên bạch A-xà-lê, khi đi nên đi theo sau A-xà-lê để cung cấp những vật cần dùng, thường đi theo sau không xa lìa, như pháp phụng sự không có ý trái nghịch. Làm việc gì cũng phải bạch A-xà-lê, trừ đại tiểu tiện, xỉa răng và đảnh lễ Phật, pháp, tăng. Hòa thượng và A-xà-lê đối với đệ tử cọng hành và đệ tử cận hành nên khởi tưởng như con; đệ tử cọng hành và đệ tử cận hành đối với Hòa thượng và A-xà-lê nên khởi tưởng như cha. Nếu các vị làm được như vậy thì ở trong Phật pháp mới tăng trưởng

thiện pháp.

Pháp Sa-di: Phật cho chứa nuôi Sa-di nhỏ nhất là bảy tuổi có thể đuổi được chim quạ trên các bữa ăn.

Pháp y chỉ: Lúc đó có khách Tỳ-kheo chưa đủ năm tuổi hạ, trời sắp tối đến trong Tăng phường cầu y chỉ, đứng chờ lâu nên ngất xỉu xuống đất mà chết. Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay, ngay ngay đó đến không nên gấp cầu y chỉ, nên ngủ qua đêm rồi mới cầu y chỉ". Lúc đó các Tỳ-kheo không hỏi tốt xấu, chỉ cốt được cầu y chỉ nên không thể tăng trưởng thiện pháp, Phật bảo: "Chớ chỉ cốt cầu y chỉ, nên xem xét Tỳ-kheo này có thể giáo hóa đệ tử được tốt hay không, nếu xét thấy người này có đủ công đức thì cho cầu y chỉ; nếu người không có đủ công đức thì nên cầu y chỉ lại".

Pháp cho y chỉ: Nếu Tỳ-kheo đủ mười tuổi hạ thì được cho người khác y chỉ, nếu đủ mười tuổi hạ nhưng căn độn không có trí huệ thì không nên cho người y chỉ.

Pháp thọ y chỉ: Tỳ-kheo cầu y chỉ nên từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu, cởi bỏ giày dép, quỳ gối chắp tay trước Thượng tòa nói ba lần cầu y chỉ.

Pháp xả y chỉ: Có năm nguyên nhân xả y chỉ: Một là sư Ba-na-di, hai là tự bỏ trú xứ đi, ba là phản

giới hoàn tục, bốn là bỏ bộ này đến trong bộ khác, năm là gặp lại Hòa thượng trước kia.

Pháp đất: Tùy ở chỗ đất nào muốn xây tháp hay Tăng phường, trước hết phải xét xem chỗ đất này rồi mới được xây cất. Nếu chỗ đất này xây cất không có cản trở chỗ đi lại, nơi đây có đủ rừng cây và nước sạch, ngày đêm yên tĩnh, ít muỗi mòng, ít gió, ít nóng, ít các loại trùng độc… Nếu không xem xét như thế mà liền xây cất tháp hay Tăng phường thì Tỳ-kheo xây cất phạm tội Đột-kiết-la.

Pháp Tăng phường: Phật cho ở trong Tăng phường được xây phòng xá, giảng đường, nhà ăn, nhà sưởi ấm… cho đến lầu gác, nhà một tầng, nhà nóc nhọn… Phật cho chúng tăng coi giữ cũng cho một người coi giữ.

Pháp ngọa cụ: Phật cho các Tỳ-kheo được cất chứa ngọa cụ như giường dây có lỗ bệ to, giường dây có lỗ bệ nhỏ, gối, mền, nệm… Phật cho chúng tăng coi giữ, cũng cho một người coi giữ. Pháp tu sửa tháp và tăng phường: Lúc đó tháp và Tăng phường ở nước A-la-tỳ hư hoại, Phật hỏi A-nan vì sao không ai tu sửa, A-nan bạch Phật: "Vì Lục quần Tỳ-kheo coi giữ nên không ai chịu tu sửa", Phật bảo: "Nếu tháp và Tăng phường hư hoại, Lục quần Tỳ-kheo không tu sửa thì chúng tăng nên làm yết ma sai người khác tu sửa". Lúc đó người được yết ma sai tu sửa chỉ làm chút ít việc như lợp ngói, nhổ cỏ, lấp lỗ hổng trên nền, trên vách rồi không

muốn làm nữa, Phật bảo: "Người làm chút ít như vậy, Tăng không nên làm yết ma sai, nên sai người có khả năng tu sửa nhiều, mới làm yết ma sai tu sửa tháp và tăng phường".

Pháp của người tu sửa tháp và tăng phường: nếu Tỳ-kheo muốn xây tháp và Tăng phường mới, làm ngọa cụ mới thì Tăng nên làm yết ma sai trong thời gian mười hai năm, bỏ hết các việc khác để làm; nếu tu sửa lại tháp và tăng phường cũ hư hoại thì Tăng nên làm yết ma sai tu sửa trong gian gian là sáu năm, bỏ hết các việc khác để tu sửa.

Pháp cung kính: Nên theo thứ lớp từ bậc Thượng tòa mà đảnh lễ, đón tiếp, đưa tiễn, chắp tay, cung kính.

Pháp dùng tháo đậu: Phật cho dùng đậu nhỏ, đậu lớn, đậu ma-sa, Nhất-lê-tần-đà, càn thảo tiết, không được dùng ác loại hương tạp trừ người bịnh. Nếu không xin mà đàn việt tự cho thì được tùy ý dùng.

Pháp nước ép trái cây: Phật cho Tỳ-kheo dùng tám loại nước ép trái cây, đó là nước trái Chiêu-lê, nước trái Mạc-lê, nước trái Câu-la, nước trái xá-lê, nước trái Xá-đa, nước trái Bồ-đào, nước trái phả-lâu-sa và nước trái lê. Tám loại nước ép trái cây này lấy nước làm tịnh nên uống.

Pháp cỏ thuốc: Phật cho cất chứa các loại cỏ thuốc từ rễ, thân, cành, lá, hoa, quả. Tăng được cất

chứa, một người cũng được cất chứa. Pháp nước uống Tô-tỳ-la: Như trường hợp Tỳ-kheo Xá-lợi-phất bị bịnh lạnh, Phật cho dùng nước uống Tô-tỳ-la.

Pháp da thuộc: Các loại da thuộc Tỳ-kheo không nên cất chứa mặc, không nên dùng ngồi, trừ giày da, giày phú la.

Pháp giày da: Phật cho hai loại giày da là giày da một lớp và giày da phá mạn tịnh. Không được dùng giày da có trang hoàng tạp sắc.

Pháp chống chân: Phật cho dùng hai vật để chống chân, đó là chống chân nghiêng và chống chân giường, tám vật chống chân khác không nên dùng.

Pháp ghế: Loại ghế khi ngồi dao động ra tiếng thì không nên dùng.

Pháp trượng: Phật cho làm trượng, trên đầu trượng làm nhiều

vòng khoan bằng sắt hay bằng đồng. Khi Phật ở trong Hàn viên lâm, có nhiều loại bò sát, côn trùng độc cắn Tỳ-kheo nên Phật bảo khua tích trượng ra tiếng để xua đuổi chúng đi.

Pháp túi bọc tích trượng: Vì ái hộ tích trượng, không để cho mất, tìm cầu sẽ trở ngại cho việc hành đạo, Phật cho chứa túi bọc cất tích trượng.

Pháp ăn tỏi: Như trường hợp trưởng lão Xá-lợi-phất bị bịnh lạnh, Phật cho dùng thuốc hòa với tỏi

dùng để trị bịnh.

Pháp dao cạo: Phật cho Tăng cất chứa dao cạo, một người cũng được cất chứa để cạo râu tóc.

Pháp túi đựng dao cạo: Vì ái hộ dao cạo không để cho mất, tìm cầu sẽ trở ngại cho việc hành đạo nên Phật cho chứa túi đựng dao cạo.

Pháp khóa cửa: Phật cho dùng móc khóa để giữ gìn phòng xá, giữ gìn phòng xá tức là giữ gìn tự thân, giữ gìn tự thân tức là giữ gìn ngọa cụ. Giống như móc khóa, ống khóa, chìa khóa cũng đều như vậy.

Pháp đi xe: Phật cho Tỳ-kheo bịnh được đi xe như trường hợp trưởng lão Tất-lân-già-bà-ta.

Pháp dù: Phật không cho cầm dù đi vào nhà bạch y, trừ khi xếp dù cầm đi vào.

Pháp quạt: Phật cho chúng tăng cất chứa quạt, một người cũng được cất chứa.

Pháp phất trần: Phật cho Tăng cất chứa cây phất, một người cũng được cất chứa.

Pháp gương: Phật không cho các Tỳ-kheo soi gương, soi mặt trong bát nước, trừ trên mặt có mụn nhọt.

Pháp trị mắt: Có năm vật dùng tô vẽ mắt, đó là vật đen, vật xanh trắng, mạt vụn của cỏ, mạt vụn của hoa, quả và nhựa cây. Phật bảo: "Không vì làm đẹp mà tô vẽ mắt, mà vì trị bịnh".

Pháp làm thẻ trị mắt: Thẻ này làm bằng sắt,

đồng, vỏ ốc, ngà voi, sừng. Phật cho dùng vật đựng vì ái hộ, không để cho mất, tìm cầu sẽ trở ngại cho việc hành đạo.

Pháp dùng hương hoa anh lạc: Tỳ-kheo không được đeo tràng hoa chuỗi anh lạc, nếu không xin mà được cho thì tùy ý nhận, sau đó mang đến cúng dường tháp Phật và tháp A-la-hán.

Pháp ca múa âm nhạc: Phật không cho Tỳ-kheo đi xem nghe, cũng không được bảo người khác đi xem nghe.

Pháp nằm: Tỳ-kheo không bịnh thì ban ngày không nên nằm, nếu trong đêm có đốt đuốc sáng cũng không nên nằm. Nếu ngủ thích ngáy thì nên thức dậy đi kinh hành, nếu không thể đi được thì nên đến chỗ khuất, không nên vì nhân duyên này làm não loạn người khác.

Pháp ngồi: Tỳ-kheo ban ngày nên ngồi hoặc kinh hành để ngăn pháp phiền não che đậy, đầu đêm cũng nên ngồi hoặc kinh hành, đến giữa đếm mới vào phòng ngủ nghỉ. Nên trải bốn lớp Uất-đa-la-tăng, Tăng-già-lê gối dưới đầu, nằm nghiêng bên hông phải, chồng gót chân, tướng sáng hiện tiền, nhớ nghĩ thức dậy. Cuối đêm thức dậy ngồi hay kinh hành cũng để ngăn pháp phiền não che đậy.

Pháp thiền trượng: Phật cho dùng pháp trượng và chỗ để pháp trượng, vì ái hộ không để cho mất,

tìm cầu sẽ trở ngại cho việc hành đạo.

Pháp thiền đới: Phật cho Tỳ-kheo bịnh đau lưng được cột dây thiền, như trường hợp trưởng lão Xá-lợi-phất. Phật cho dùng ba loại dây thiền, đó là dây dệt thành, dây bện đan thành và dây bện bằng lông thú.

Pháp dây cột móc y: Phật cho dùng dây cột móc y để giữ y không rớt xuống, vì ái hộ không để cho mất, tìm cầu sẽ trở ngại cho việc hành đạo.

Pháp vén cột y: Trừ khi làm ở trên cao mới vén cột y, những lúc khác thì không nên vén cột.

Pháp quăng ném: Phật cho quăng ném để gây ra tiếng động vì sợ có giặc, những lúc khác không nên làm.

Pháp đất: Phật cho thọ nhận đất để xây cất Tăng-già-lam và phòng xá. Sự việc là tranh cãi qua lại, vu báng nhau, xuất tội nhau, ghét nhau… Ngay nơi tự thân có làm ác như thế thì cũng khiến người khác làm ác, cả hai đều ác. Những việc làm suy não như vậy đều không nên làm, tất cả việc phá Tăng đều không nên làm. Có hai trường hợp phá Tăng là phá yết ma tăng và phá luân tăng. Phá yết ma tăng là nếu các Tỳ-kheo ở trong cùng một giới mà riêng làm bố tát, riêng làm yết ma. Phá pháp luân tăng là chỉ cho bát chánh đạo, khiến người khác bỏ đạo bát chánh vào trong tà đạo thì gọi là phá luân tăng.

3. Hành Pháp Của Tỳ-Kheo

Hành pháp của tỳ-kheo bị tẫn:

- Tỳ-kheo bị tẫn không được truyền đại giới cho người.

- Không được thọ người khác y chỉ.

- Không được nuôi Sa-di.

- Không được thọ Tăng sai giáo giới Tỳ-kheo-ni.

- Nếu đã được Tăng sai cũng không được đến giáo giới Tỳ-kheo-ni.

- Không được tái phạm tội đã phạm.

- Không được phạm tội tương tợ.

- Không được phạm tội nặng hơn tội này.

- Không được quở trách các yết ma.

- Không được quở trách người làm yết ma.

- Không được xuất tội Tỳ-kheo thanh tịnh.

- Không được thọ Tỳ-kheo thanh tịnh làm lễ, nghinh đón; cúng dường y bát, ngọa cụ… cho đến xoa bóp chân tay. Nếu không bịnh thì không được thọ người khác xoa bóp, tâm phải hối cải chiết phục.

- Không được cùng nói chuyện, cùng làm việc với Tỳ-kheo thanh tịnh, thường làm một mình để chiết phục tâm. Phải tùy thuận các Tỳ-kheo, nên đảnh lễ, đón tiếp và cúng dường các thứ. Những hành pháp trên nếu không tuân giữ thì suốt đời không được giải tẫn.

Hành pháp của tỳ-kheo bị Bất cọng trụ: Có hai

trường hợp bị Bất cọng trụ: Một là tự làm việc Bất cọng trụ; Hai là Tăng cho yết ma không cùng ở chung. Tỳ-kheo bị Bất cọng trụ:

-Không được truyền đại giới cho người.

- Không được thọ người khác y chỉ.

- Không được nuôi Sa-di.

- Không được thọ Tăng sai giáo giới Tỳ-kheo-ni.

- Nếu đã được Tăng sai cũng không được đến giáo giới Tỳ-kheo-ni.

- Không được tái phạm tội đã phạm.

- Không được phạm tội tương tợ.

- Không được phạm tội nặng hơn tội này.

- Không được quở trách các yết ma.

- Không được quở trách người làm yết ma.

- Không được xuất tội Tỳ-kheo thanh tịnh.

- Không được thọ Tỳ-kheo thanh tịnh làm lễ, nghinh đón; cúng dường y bát, ngọa cụ… cho đến xoa bóp chân tay. Nếu không bịnh thì không được thọ người khác xoa bóp, tâm phải hối cải chiết phục.

- Không được cùng nói chuyện, cùng làm việc với Tỳ-kheo thanh

tịnh.

- Không được thọ Tăng sai làm người trải tọa cụ, làm người sai

Sa-di, làm người sai người giữ vườn, làm người xử phân thọ thỉnh, cho đến sai làm người thọ sự việc Tăng cũng đều không được thọ.

- Chớ phạm các Tỳ-kheo, nếu phạm các Tỳ-kheo thì tăng thêm các loại Bất cọng trụ.

Các Tỳ-kheo nên nói với Tỳ-kheo này: "Trưởng lão nên điều phục tâm ác, hạ mình trừ bỏ sân hận, kiêu mạn, đừng để Tăng họp các tội Bất cọng trụ. Nếu Tăng tẫn xuất thầy thì không có chỗ nào dung chứa thầy, thầy nên ở trong Tăng sám hối tội này, Tăng sẽ giải tội tẫn cho thầy, Tăng trú xứ khác không thể giải tẫn cho thầy được". Nếu người này nghe rồi mà tâm không chiết phục thì nên tẫn xuất, cũng như ngựa dữ bứt dây dàm cột ở trên đầu mà bỏ chạy đi.

Hành pháp của tỳ-kheo làm Thác lại tra: Có hai mươi hai pháp từ lợi căn đa văn:

- Một là khéo biết nguồn gốc phát khởi của sự việc.

- Hai là khéo phân biệt sự tướng.

- Ba là khéo biết việc sai khác.

- Bốn là khéo biết đầu đuôi ngọn ngành của sự việc.

- Năm là khéo biết trọng khinh của sự việc.

- Sáu là khéo biết trừ diệt việc tranh cãi.

- Bảy là khéo biết diệt tránh rồi sẽ không phát khởi lại nữa.

- Tám là khéo biết người làm việc, người có việc.

- Chín là có thể chỉ dạy và có năng lực làm cho người khác tiếp nhận.

- Mười là có thể phương tiện nói lời dịu dàng và có năng lực làm cho người khác tiếp nhận.

- Mười một và mười hai là có năng lực tự chiết phục và khiến người khác tiếp nhận.

- Mười ba là biết hổ thẹn

- Mười bốn là tâm không kiêu mạn

- Mười lăm là không nói những lời cao ngạo

- Mười sáu, mười bảy và mười tám là ba nghiệp thân khẩu ý không dính mắc một bên.

- Mười chín và hai mươi là không tùy ái hành, sân hành.

- Hai mươi và hai mươi hai là không tùy bố hành, si hành.

Tỳ-kheo làm Thác lại tra thành tựu hai mươi hai pháp này thì có thể diệt tránh, không dựa vào hai bên bạn đảng để cầu pháp, cầu tài.

Hành pháp của người bị Thật mích tội tướng:

Nếu Tỳ-kheo trước tự nói là tôi có tội này, sau đó lại nói là không có, Tăng nên dùng pháp bạch tứ cho Thật mích tội tướng, như trường hợp Tỳ-kheo Tượng-thủ. Tỳ-kheo được cho yết ma Thật mích tội tướng là:

- Không được truyền đại giới cho người.

- Không được thọ người khác y chỉ.

- Không được nuôi Sa-di.

- Không được thọ Tăng sai giáo giới Tỳ-kheo-ni.

- Nếu đã được Tăng sai cũng không được đến giáo giới Tỳ-kheo-ni.

- Không được tái phạm tội đã phạm.

- Không được phạm tội tương tợ.

- Không được phạm tội nặng hơn tội này.

- Không được quở trách các yết ma.

- Không được quở trách người làm yết ma.

- Không được xuất tội Tỳ-kheo thanh tịnh.

- Không được thọ Tỳ-kheo thanh tịnh làm lễ, nghinh đón; cúng dường y bát, ngọa cụ… cho đến xoa bóp chân tay. Nếu không bịnh thì không được thọ người khác xoa bóp, tâm phải hối cải chiết phục.

- Không được cùng nói chuyện với Tỳ-kheo thanh tịnh, phải tùy thuận các Tỳ-kheo, nên đảnh lễ đón đưa và cúng dường các thứ. Nếu không tuân theo những hành pháp trên thì suốt đời không được giải yết ma này.

Hành pháp của Dữ học Sa-di (Sa-di học hối):

Nếu Tỳ-kheo phạm dâm dục rồi, cho đến trong khoảnh khắc khảy móng tay mà không sanh tâm cho giấu, Tăng nên Bạch tứ yết ma cho học pháp Tỳ-kheo trở lại, như trường hợp của tỳ-kheo Nan-

đề, đó gọi là Dữ học Sa-di. Hành pháp của Sa-di dữ học là tất cả giới của Đại Tỳ-kheo đều phải giữ, nên đi sau, ngồi sau các đại Tỳ-kheo, nên dâng thức ăn uống cho các đại Tỳ-kheo, còn mình tự đến người chưa thọ đại giới thọ lấy thức ăn; được cùng đại Tỳ-kheo ngủ chung một phòng hai đêm, còn mình không được cùng người chưa thọ đại giới ngủ quá hai đêm. Được cùng các đại Tỳ-kheo làm hai loại yết ma là yết ma bố tát và yết ma tự tứ, nhưng không được xếp vào trong túc số Tăng để làm bố tát và các yết ma.

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 57

TỲ KHEO TỤNG (Tiếp Theo)

3. Hành Pháp Của Tỳ-Kheo (Tiếp Theo):

Pháp Thượng tòa của Tăng: Khi Tăng xướng thời đáo hoặc đánh kiền chùy nên mau đến chỗ ngồi, nên nhìn ngó thượng, trung, hạ tòa có ai ngồi không như pháp không, chớ để mất thứ lớp. Nếu có ai ngồi không như pháp thì Thượng tòa nên chỉ bảo ngồi như pháp và theo thứ lớp, nên hiện tướng cho biết, nếu không biết thì khảy móng tay, nếu khảy móng tay mà cũng không biết thì nên nói với người ngồi gần bên, nên nói lời dịu dàng. Khi Tăng thọ thực, Thượng tòa nên bảo sớt thức ăn bình đẳng, phải đợi xướng Tăng bạt và tất cả Tăng phải thuận theo Thượng tòa.

Pháp Thượng tòa trong Tăng phường: Nếu Tăng phường bị hư hoại, Thượng tòa nên tự tu sửa hay bảo người tu sửa. Nếu không thấy Tỳ-kheo thì nên tìm, có Tỳ-kheo binh nên thăm hỏi, nếu không có người khán bịnh thì nên cho người khán bịnh. Nếu Tăng sai khán bịnh mà không chịu làm thì nên

theo thứ lớp trong Tăng cắt đặt người khán bịnh. Tăng ở trong Tăng phường này được lợi thí, Thượng tòa nên làm phương tiện chớ để cho mất; nếu được lợi thí nên cắt đặt Tỳ-kheo có khả năng để xử phân. Nếu trong Tăng phường có làm việc gì thì Thượng tòa nên tự thân làm trước.

Pháp Thượng tòa ở trong phòng riêng: Nếu trong phòng riêng bị hư hoại, Thượng tòa nên tự tu sửa hay bảo người tu sửa. Nếu không thấy Tỳ-kheo thì nên tìm, có Tỳ-kheo binh nên thăm hỏi, nếu không có người khán bịnh thì nên cho người khán bịnh. Nếu Tăng sai khán bịnh mà không chịu làm thì nên theo thứ lớp trong Tăng cắt đặt người khán bịnh. Tăng ở trong Tăng phường này được lợi thí, Thượng tòa nên làm phương tiện chớ để cho mất; nếu được lợi thí nên cắt đặt Tỳ-kheo có khả năng để xử phân. Nếu trong Tăng phường có làm việc gì thì Thượng tòa nên tự thân làm trước.

A-lam: Là Tăng-già-lam, trong Tăng-già-lam có quy định hay chế hạn gì, nếu tùy pháp không làm cho mình và người khác phiền não thì nên tiếp nhận chế hạn này. Ngược lại nếu chế hạn này mất lợi, làm cho mình và người phiền não thì không nên tiếp nhận, nên bỏ đi nơi khác. Nếu Tỳ-kheo tự biết có thế lực đồng kiến, có thể như pháp diệt trừ được chế hạn này thì nên bạch Tăng để diệt trừ.

Pháp rừng cây: rừng có nhiều cây cành lá nối tiếp nhau, trong phạm vi một Câu-lô-xá được tùy

ý không mất y.

Pháp phòng riêng trong Tăng-già-lam: Trong Tăng-già-lam có nhiều phòng riêng biệt, trong đây có những quy định hay chế hạn gì, nếu tùy pháp không làm cho mình và người khác phiền não thì nên tiếp nhận chế hạn này. Ngược lại nếu chế hạn này mất lợi, làm cho mình và người phiền não thì không nên tiếp nhận, nên bỏ đi nơi khác. Nếu Tỳ-kheo tự biết có thế lực đồng kiến, có thể như pháp diệt trừ được chế hạn này thì nên bạch Tăng để diệt trừ.

Pháp phòng xá: Trong phòng xá của mình ở, Tỳ-kheo nên tưới quét, tô trét cho bằng phẳng, sắp xếp lại ngọa cụ, nếu dơ thì đem giặt. Khi muốn đi ra ngoài thì nên giao trả ngọa cụ lại cho Tăng, đóng cửa phòng khóa lại rồi mới đi.

Pháp ngọa cụ: Nếu dùng ngọa cụ của Tăng thì được mang ra ngoài cửa Tăng phường trong khoảng bốn mươi chín tầm, không được quá, nếu quá cho đến sáng hôm sau thì phạm Đột-kiết-la.

Pháp cửa: Cửa là chỗ ra vào, khi đóng cửa không được đóng mạnh quá, khi mở cửa cũng không được đẩy mạnh quá. Lúc đóng cửa phải nhẹ nhàng, lúc ra vào cửa cũng phải thư thả, không được để y vướng vào hai bên cửa.

Pháp cài đóng cửa: Khi đi ra nên cài đóng cửa lại để giữ gìn Tăng phường và cũng để giữ tự thân.

Pháp Tăng phường trống: Khi Tỳ-kheo vào trong Tăng phường trống không, nên tưới quét cho sạch, nếu trong đó có khí cụ cần dùng thì nên rửa sạch đem cất. Nếu có tịnh nhân thì nên bảo họ nhổ sạch cỏ trong Tăng phường, nếu không có tịnh nhân thì Tỳ-kheo như pháp thấy có việc gì nên làm thì làm, không nên chỉ ra vào ở trong Tăng phường trống.

Pháp bát: Tỳ-kheo nên xem bát như mắt của mình, không nên để trên đất, trên đá, ở chỗ cao, chỗ bị mưa dột hay ở đầu tường, cũng không được để ở chỗ đại tiểu tiện và chỗ rửa và trong nhà tắm. Nếu rửa bát, chưa khô thì không nên đem cất, cũng không được phơi quá khô, không được cố ý làm cho bể, nên khéo ái hộ chớ làm cho bể hay mất, vì nhân duyên tìm cầu sẽ trở ngại việc hành đạo.

Pháp y: Phải ái hộ y như da của mình, khi mặc y Tăng-già-lê không được khiêng đá cỏ bùn, không được tưới quét và dùng tay lấy bùn tô trét vách…; không được giẫm chân trên Tăng-già-lê, không được trải Tăng-già-lê ngồi, nằm; không được lấy Tăng-già-lê mặc làm áo trong. Tỳ-kheo nên mặc y Tăng-già-lê như pháp, mặc y Uất-đa-la-tăng như pháp, mặc y An-đà-hội như pháp; nên dùng ba màu làm cho hoại sắc để tác tịnh, không được mặc y có năm màu thuần sắc, trừ nạp y. Nếu Tỳ-kheo nghèo, thiếu vải may y thì trên y nên điệp điều lá hoặc năm điều, bảy điều, chín điều…; nếu đủ vải thì nên cắt

rọc may thành y Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội gọi là y như pháp.

Pháp Ni-sư-đàn: Tỳ-kheo không nên thọ Ni-sư-đàn đơn, Ni-sư-đàn đã thọ trước thì không nên xa lìa, nếu xả thì phạm Đột-kiết-la.

Pháp cháo: Phật cho dùng cháo vì có năm lợi ích, đó là trừ đói, trừ khát, hạ khí, trừ lạnh dưới rốn và tiêu hóa thức ăn.

Pháp ăn: Tỳ-kheo khi ăn năm loại thức ăn thuộc Thời nên quán là thức ăn này khó được, khó làm thành, khi ăn vào miệng thì nằm trong ruột già, ruột non; khi đi ra cũng quán như vậy. Do nhân duyên ăn nên khởi các phiền não, tội nghiệp phải chịu quả báo khổ.

Pháp chỗ ăn: Tỳ-kheo khi đến chỗ ăn nên im lặng nhất tâm, nhiếp giữ oai nghi để người khác thấy sanh tâm thanh tịnh; khi vào ngồi đều phải thư thả từ tốn.

Pháp cho thức ăn: Tỳ-kheo chưa thọ thực không nên đem cho người khác, trước thọ cho mình sau mới cho tới người. Những người nào nên cho, đó là cha, mẹ, người bị giam cầm, người cần ăn gấp và phụ nữ mang thai; nên xem xét thức ăn mà cho nhiều hay ít; nếu có nuôi súc sanh thì nên cho nó phần ăn.

Pháp xin thức ăn: Tỳ-kheo khi đến chỗ đàn việt thọ lấy thức ăn nên nhất tâm, không để cho tâm tán

loạn, không nghĩ đến thức ăn ngon hay dở, phải xem thời giờ sớm hay muộn để mang thức ăn đi.

Pháp A-lan-nhã: Tỳ-kheo ở A-lan-nhã khi thấy có người đến chỗ A-lan-nhã, nên cùng thăm hỏi, nhớ nghĩ chơn chánh, sắc mặt vui vẻ, không được cúi đầu, nên chào hỏi thiện lai. Nơi A-lan-nhã nên chứa củi lửa, đồ dùi lửa, thức ăn, đồ đựng thức ăn, nước, đồ lấy nước, đồ đựng nước; chậu nước rửa chân và bình nước thường dùng nên thường đầy nước. Tỳ-kheo nên biết rõ ngày giờ, thời tiết, xem sao; nên biết tụng Tu-đa-la, Tỳ-ni, A-tỳ-đàm; nên biết Sơ thiền… Tứ thiền; Sơ quả cho đến Tứ quả, nếu chưa biết thì nên học cho biết. Không được chứa nhật châu, nguyệt châu, được chứa thiền trượng… như trong Tu-đa-la Cù-sa ni có nói rõ.

Pháp Thượng tòa nơi A-lan-nhã: Khi các Tỳ-kheo ra ngoài giới, Thượng tòa nơi A-lan-nhã nên chỉ bảo Tỳ-kheo hạ tòa, nên nói nghi pháp ở A-lan-nhã, chỉ dạy cho được lợi hỉ. Tỳ-kheo hạ tòa nên vâng theo lời Thượng tòa đã dạy bảo mà làm theo. Nếu có cư sĩ đến A-lan-nhã, Thượng tòa nên thuyết pháp sâu xa, chỉ dạy cho họ phân biệt chánh đạo và tà đạo, nên nói về tri kiến. Nếu cư sĩ ra về thì tốt, nếu không ra về thì nên cho họ thức ăn và nói rằng: Nơi đây chỉ có thức ăn này.

Pháp ở gần tụ lạc: Tỳ-kheo ở gần tụ lạc nên nhất tâm, khi thấy có người đến, nên cùng nói chuyện thăm hỏi, nhớ nghĩ chơn chánh, sắc mặt vui

vẻ, không được cúi đầu, nên chào hỏi thiện lai. Nơi A-lan-nhã nên chứa củi lửa, đồ dùi lửa, thức ăn, đồ đựng thức ăn, nước, đồ lấy nước, đồ đựng nước; chậu nước rửa chân và bình nước thường dùng nên thường đầy nước. Tỳ-kheo nên biết rõ ngày giờ, thời tiết, xem sao; nên biết tụng Tu-đa-la, Tỳ-ni, A-tỳ-đàm; nên biết Sơ thiền… Tứ thiền; Sơ quả cho đến Tứ quả, nếu chưa biết thì nên học cho biết. Không được chứa nhật châu, nguyệt châu, được chứa thiền trượng… như trong Tu-đa-la Cù sa ni có nói rõ.

Pháp Thượng tòa ở gần tụ lạc: Khi các Tỳ-kheo ra ngoài giới, Thượng tòa ở gần tụ lạc nên chỉ bảo Tỳ-kheo hạ tòa, nên nói nghi pháp ở gần tụ lạc, chỉ dạy cho được lợi hỉ. Tỳ-kheo hạ tòa nên vâng theo lời Thượng tòa đã dạy bảo mà làm theo. Nếu có cư sĩ đến A-lan-nhã, Thượng tòa nên thuyết pháp sâu xa, chỉ dạy cho họ phân biệt chánh đạo và tà đạo, nên nói về tri kiến và dạy họ hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, khéo cho họ thọ tám giới.

Pháp bồn nước rửa chân: Tỳ-kheo khi thấy nước trong bồn rửa chân hết, nên tự lấy nước đổ cho đầy hay bảo người đổ đầy. Pháp Thượng tòa rửa chân: Nếu Thượng tòa thấy hạ tòa rửa chân rồi thì không nên sai bảo, nếu sai bảo thì phạm Đột-kiết-la. Pháp khách: Nếu Tỳ-kheo khách đến trong Tăng phường nên đắp y trịch bày vai hữu, mặc Nê-hoàn-tăng trên dưới tương xứng nhau, túi đựng y

bên vai phải nên chuyển qua bên vai trái; tích trượng, túi dầu, túi giày da, ống kim ở trong tay phải nên chuyển qua trong tay trái. Nếu muốn đại tiểu tiện thì nên đi ở ngoài trước rồi mới vào trong Tăng phường, nếu không có nước rửa chân thì dùng cỏ lá lau chân, nếu cửa đóng thì kêu gọi, nếu cửa mở thì cứ vào. Nếu thấy cựu Tỳ-kheo thì nên hỏi: "Trong Tăng phường có phòng dành cho khách Tỳ-kheo tuổi hạ hay không?", nếu nói có thì nên xin phép cho vào; Lại hỏi trong Tăng phường có người không, nếu nói không thì nên hỏi dùng nước gì, nếu nói là nước giếng thì nên xin dây gàu để múc lấy nước; khi mở cửa phòng nên khảy móng tay, nếu có rắn rít nên gây ra tiếng để nó bò đi chỗ khác, sau đó đập giũ mền chiếu, quét dọn sạch sẽ trong phòng. Chậu nước rửa chân và bình nước dùng để sẵn, nếu chậu nước bên tay trái thì tay trái múc nước, tay phải rửa chân; nếu chậu nước bên tay phải thì tay phải múc nước, tay trái rửa chân. Rửa chân xong mang giày da vào phòng, đóng cửa rồi lên giường ngồi kiết già tư duy quán chiếu các pháp. Sáng hôm sau hỏi cựu Tỳ-kheo: "Trong Tăng có ăn sáng, ăn trưa hay không, trong thôn chỗ nào có chó dữ, nhà nào có đồng nữ, quả phụ, nhà nào Tăng đã yết ma Học gia, nhà nào Tăng đã yết ma phú bát, chỗ nào nên đi, chỗ nào không nên đi", hỏi xong rồi mới đi khất thực. Khi đi Tỳ-kheo khách nên đưa trả lại dây gàu, chổi, thu

xếp cất ngọa cụ, đóng cửa phòng rồi mới đi.

Pháp Thượng tòa Tỳ-kheo khách: Thượng tòa Tỳ-kheo khách nên ước tính có bao nhiêu khách Tỳ-kheo để báo cho cựu Tỳ-kheo biết, cựu Tỳ-kheo tùy số khách Tỳ-kheo đến mà cung cấp ngọa cụ. Pháp Tỳ-kheo sắp đi: Nếu Tỳ-kheo muốn vào sáng ngày mai đi thì ngày nay nên đến từ biệt Hòa thượng, A-xà-lê. Hòa thượng, A-xà-lê cho đi thì mới được đi, nếu không cho đi thì đừng miễn cưỡng đi. Nếu Tỳ-kheo biết ở trong đây không thể tăng trưởng thiện pháp thì nên rời khỏi Tăng phường này. Khi đi nên xem xét các phương tìm bạn lành, nên xét người này có chân thật không, có đồng tâm không, trên đường đi nếu có bịnh đau thì sẽ không bỏ rơi mà đi trước. Xét lường như thế rồi mới nên đi, nếu không xét lường như thế mà đi thì phạm Đột-kiết-la.

Pháp Thượng tòa Tỳ-kheo sắp đi: Khi sắp đi, Thượng tòa nên đi sau cùng để giao trả lại ngọa cụ cho Tăng. Khi ra khỏi Tăng phường nên nhắc nhở các bạn đồng hành là có quên vật gì không, nếu có quên thì nên đứng ở chỗ không xa trên đường để đợi; nên khuyên nhắc các bạn không được làm việc phi pháp, đùa giỡn mất chánh niệm.

Pháp đi phi thời: Nếu Tỳ-kheo muốn đi phi thời, nên bạch Hòa thượng, A-xà-lê là con muốn đến nhà của tại tụ lạc thuộc thành ấp . Nếu Hòa thượng, A-xà-lê cho đi thì mới được đi, nếu không

cho đi thì đừng miễn cưỡng đi.

Pháp nhóm họp phi thời: Trừ sáu ngày trai, những ngày khác đều là phi thời nhóm họp, việc phi thời và ngồi phi thời. Nếu nghe xướng báo giờ hay đánh kiền chùy thì hãy mau đi đến và ngồi theo thứ lớp, như pháp, như luật, như lời Phật dạy mà làm, không được khinh mạn Thượng trung hạ tòa.

Pháp Thượng tòa ngồi họp trong Tăng: sáu ngày trai trong tháng là ngày mồng tám, mười bốn, mười lăm, hai mươi ba, hai mươi chín và ba mươi; nếu Tỳ-kheo không bịnh nên hòa hợp một chỗ thuyết pháp. Nếu có luận sư ngoại đạo đến với tâm ghen tị để phá thuyết pháp thì Tỳ-kheo nên như pháp cật vấn để chiết phục họ, không được tức giận ác khẩu. Khi Thượng tòa đến chỗ ngồi họp thấy hạ tòa đã ngồi trước rồi thì không nên bảo đứng dậy, nếu bảo đứng dậy thì phạm Đột-kiết-la.

Pháp của người thuyết pháp: Người thuyết pháp nên nhất tâm thuyết pháp, sanh tâm từ bi tạo lợi ích cho người nghe pháp. Nên nói lời rõ ràng trang nghiêm tao nhã, như pháp thuyết pháp theo thứ lớp, biện tài vô tận, thuyết pháp như thế mới tùy thuận thật tướng của các pháp, vì pháp mà nói, không vì lợi dưỡng.

Pháp của Thượng tòa thuyết pháp: Nếu hạ tòa là pháp sư thuyết pháp, pháp sư Thượng tòa nên xem xét điều mà Hạ tòa nói là nói theo thứ lớp hay

không theo thứ lớp, là nói như pháp hay nói phi pháp. Nếu thấy vị đó nói như pháp và nói theo thứ lớp thì nên khen ngợi ủng hộ; nếu nói phi pháp và không theo thứ lớp thì nên ngăn lại.

Có các Phạm chí ngoại đạo vào sáu ngày trai hòa hợp một chỗ thuyết pháp, được nhiều lợi dưỡng và tăng thêm đồ chúng. Vua Bình sa vốn tín kính Phật pháp, lúc đó suy nghĩ: "Mong các Tỳ-kheo vào sáu ngày trai hòa hợp một chỗ thuyết pháp, ta sẽ dẫn đại chúng đến nghe pháp để các Tỳ-kheo nhờ nhân duyên này được nhiều lợi dưỡng và tăng thêm đồ chúng", nghĩ rồi liền bạch Phật, Phật chấp thuận cho các Tỳ-kheo vào sáu ngày trai hòa hợp một chỗ thuyết pháp. Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy thuyết pháp, quốc vương và quần thần đều đến nghe pháp, vì ngồi trên đất thuyết pháp nên tiếng không vang xa, liền suy nghĩ: "Nếu Phật cho đứng thuyết pháp thì tốt", bạch Phật, Phật cho đứng thuyết pháp. Lúc đó các Tỳ-kheo rộng thuyết về đại kinh nên người nói mệt nhọc mà người nghe cũng mệt nhọc, Phật bảo: "Đến lúc nên nghỉ thì nên nghỉ". Lúc đó các Tỳ-kheo lấy nghĩa của kinh Phật, tự dùng tâm phân biệt rộng nói rồi liền sanh nghi không biết là có hoại pháp không, liền bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay cho được lấy nghĩa của kinh Phật, dùng ngôn từ trang nghiêm để giải nói theo thứ lớp". Kinh Phật vốn để trực tiếp đọc tụng, không nên bàn luận tạp, lúc đó các Tỳ-kheo ở khắp

nơi loạn tụng, Phật bảo không nên; lúc đó có hai Tỳ-kheo ở một chỗ cùng hợp tán, Phật bảo không nên hợp tán, nếu hợp tán thì phạm Đột-kiết-la. Lúc đó các Tỳ-kheo thuyết pháp và tán tụng để được tài lợi, Phật bảo: "Không nên thuyết pháp vì tài lợi, nếu vì tài lợi thì phạm Đột-kiết-la". Lúc đó người thuyết pháp tán tụng ẩn đại chúng đến chỗ khác để thuyết pháp và tán tụng, tự bỏ đồ chúng, Phật bảo không nên. Lúc đó các Tỳ-kheo lại sai người một mắt, không mắt, không tay, kiễng chân, lưng gù lên thuyết pháp tán tụng. Ngoại đạo thấy người thuyết pháp như vậy liền chê cười và trêu chọc các Hiền giả rằng: "Đây là thầy thuyết pháp của các ông sao, là tháp của các ông, được các ông tôn kính thọ cúng dường trước, ăn trước và đi trước đây sao", các Hiền giả nghe rồi sanh hổ thẹn, đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ này không nên thỉnh những người như người một mắt, không mắt, không tay, kiễng chân, lưng gù lên thuyết pháp tán tụng; nếu thỉnh thì phạm Đột-kiết-la". Các Tỳ-kheo lại sai những người phá giới, phá chánh kiến thuyết pháp, những người này do nhân duyên thuyết pháp nên được nhiều lợi dưỡng và thế lực đồ chúng ngày càng lớn mạnh, làm những việc phi pháp không thể ngăn cản được. Phật bảo: "Từ nay không nên thỉnh người phá giới, phá chánh kiến thuyết pháp, nếu thỉnh thì phạm Đột-kiết-la". Lúc đó các Tỳ-kheo không biết thỉnh ai thuyết pháp, Phật bảo: "Người

được thỉnh phải tập thuyết pháp và tán tụng trước", nếu không có người đã tập thuyết pháp trước thì nên theo thứ lớp trong Tăng lên thuyết pháp và tán tụng. Nếu trong Tăng không có người tập thuyết pháp trước, cũng không theo thứ lớp lên thuyết pháp thì các Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la.

Pháp an cư: Tỳ-kheo muốn an cư, trước phải xem xét trú xứ, nếu chỗ ra vào an ổn, nơi đây có đủ rừng cây và nước sạch, ngày đêm yên tĩnh, ít muỗi mòng, ít gió, ít nóng, ít các loại trùng độc… Trong đó có Tỳ-kheo chân thật và Tỳ-kheo đồng ý để cùng ngồi thiền, thuyết pháp và nghe pháp; nếu có bịnh sẽ có được thuốc uống đúng bịnh, thức ăn uống đúng bịnh và có người khán bịnh. Xét lường như thế rồi mới nên an cư, nếu không xét lường như thế mà an cư thì phạm Đột-kiết-la. Pháp trong an cư: Tỳ-kheo trong an cư, nếu không có nhân duyên mà Phật khai cho thì không được xuất giới ngủ đêm bên ngoài cho đến một đêm. Như vương tử Ca-thi xuất gia làm Tỳ-kheo, vua cha muốn cất chùa nên sai sứ gọi Tỳ-kheo về lo việc xây cất, Tỳ-kheo nói: "Phật chưa cho vì việc xây cất chùa mà phá an cư", đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay, nếu vì việc xây cất chùa thì được đi".

Pháp Thượng tòa an cư: Thượng tòa an cư nên xem xét các phòng xá, phòng nào đã tu sửa, phòng nào chưa tu sửa; nếu đã tu sửa tốt thì nên khen ngợi, nếu chưa thì nên đốc thúc tu sửa.

Pháp an cư xong: Tỳ-kheo an cư xong nên làm ba việc: Xướng lại phần giới, nếu có thọ y Ca-hi-na thì tùy vật được thí đều nhiếp thuộc về y Ca-hi-na; tùy ở phòng nào nên tưới quét cho sạch, đập giũ ngọa cụ, nếu dơ thì nên giặt sạch rồi xếp để lại chỗ cũ, ra khỏi phòng khoả cửa lại rồi tùy ý đi.

Pháp thọ chúng: Tỳ-kheo nên tìm hiểu chúng thích thuyết pháp hay im lặng, nếu thích thuyết pháp thì nên thuyết pháp, nếu thích im lặng thì thôi.

Pháp đến chúng hội: Tỳ-kheo nên phân biệt rõ nếu đến trong chúng Sát-đế-lỵ thì nên như thế, như thế; nếu đến trong chúng Bà-la-môn thì nên như thế như thế; đến trong chúng cư sĩ thì nên như thế như thế; đến trong chúng Tỳ-kheo thì nên như thế như thế… ra vào ngồi đứng nên như thế như thế, hoặc nên thăm hỏi hoặc nên im lặng.

Pháp thọ chúng: Tỳ-kheo thọ chúng nên xem xét chúng này là thiện hạnh hay là bất thiện hạnh. Nếu là thiện hạnh thì nên khéo xem xét rồi như pháp cung cấp cho họ y bát thuốc thang và những vật cần dùng, nếu họ có phạm tội nên giúp đỡ để họ được xuất tội. Nếu là bất thiện hạnh thì nên như pháp quở trách để tâm họ được chiết phục. Pháp Thượng tòa thọ chúng: Thượng tòa thọ chúng nên như pháp chỉ dạy chúng, không để cho chúng làm việc phi pháp, đùa cợt làm cho tán loạn.

Pháp nói Ba-la-đề-mộc-xoa: Có năm cách

- Một là nói tựa giới, phần còn lại như Tăng thường nghe cho đến câu Tăng đã thuyết giới bố tát xong.

- Hai là nói tựa giới, bốn pháp Ba-la-di, phần còn lại như Tăng thường nghe cho đến câu Tăng đã thuyết giới bố tát xong.

- Ba là nói tựa giới, bốn pháp Ba-la-di, mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa, phần còn lại như Tăng thường nghe cho đến câu Tăng đã thuyết giới bố tát xong.

- Bốn là nói tựa giới, bốn pháp Ba-la-di, mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa, hai pháp bất định, phần còn lại như Tăng thường nghe cho đến câu Tăng đã thuyết giới bố tát xong.

- Năm là nói đầy đủ.

Pháp của người nói Ba-la-đề-mộc-xoa: Tỳ-kheo nói Ba-la-đề-mộc-xoa nên tụng trước cho thông suốt, đừng để khi vào trong Tăng nói có sai sót.

Pháp tăng hội họp: Trừ sáu ngày trai trong tháng, những lúc khác Tăng hội họp, Tăng hành sự, Tăng tọa xứ, Nếu nghe xướng báo giờ hay đánh kiền chùy thì Tỳ-kheo hãy mau đi đến và ngồi theo thứ lớp, như pháp, như luật, như lời Phật dạy, không được khinh mạn Thượng, trung, hạ tòa.

Pháp Thượng tòa hội họp giống như pháp Thượng tòa phi thời hội họp.

Pháp trung tòa: Tỳ-kheo trung hạ tòa khi vào nhà bạch y nên đi sau Thượng tòa và cung kính Thượng tòa; nếu Thượng tòa đi tiện lợi nên chờ đợi, không được bỏ đi xa. Nếu bạch y mời vào trước thì nên nói: "Hãy đợi một lát, Thượng tòa sẽ đến"; nếu bạch y đốc thúc vào trước thì nên chừa chỗ cho Thượng tòa rồi mới ngồi; nếu bạch y mời nước nên nói: "Chờ một chút, Thượng tòa sẽ vào ".

Pháp hạ tòa: Tỳ-kheo hạ tòa nên tưới quét điện Phật, giảng đường, chỗ bố tát, tháp Phật, chỗ chúng tăng hội họp, nên theo thứ lớp trải tọa cụ, lo liệu đèn lửa, đổ đầy nước trong bồn nước rửa chân và trong bồn nước của nhà vệ sinh. Hạ tòa nên nên nhưng việc của tăng như thế.

Pháp Thượng trung hạ tòa: Tỳ-kheo thượng trung hạ tòa nên thọ trì đầy đủ lời Phật dạy, như pháp hành trì.

Pháp nhà tắm: Tỳ-kheo vào nhà tắm phải nhất tâm nói nhỏ, khéo giữ oai nghi và thu nhiếp các căn.

Pháp rửa trong nhà tắm: rửa trong nhà tắm có năm lợi ích: Sạch sẽ, da trên thân được cùng một màu, phá trừ lạnh nóng, trừ khí gió và ít bịnh đau.

Pháp Thượng tòa nơi nhà tắm: Khi Thượng tòa đến trong nhà tắm, thấy hạ tòa đã vào tắm trước rồi thì không nên bảo đứng dậy đi ra, nếu bảo đứng

dậy đi ra thì phạm Đột-kiết-la.

Pháp Hòa thượng: Hòa thượng nên dạy bảo đệ tử cọng hành xa lìa ác tri thức, thân gần thiện tri thức; nên cung cấp cho đệ tử y bát, thuốc thang và vật cần dùng; nếu đệ tử có phạm tội nên giúp đỡ để được xuất tội.

Pháp đệ tử cọng hành: Đệ tử không nên khinh mạn Hòa thượng, muốn đi đâu nên bạch Hòa thượng; khi đi nên đi theo sau Hòa thượng để cung cấp những vật cần dùng, thường đi theo sau không xa lìa, như pháp phụng sự không có ý trái nghịch. Làm việc gì cũng phải bạch Hòa thượng, trừ đại tiểu tiện, xỉa răng và đảnh lễ Phật, pháp, tăng. Nếu đệ tử cọng hành ở bên Hòa thượng biết không thể tăng trưởng thiện pháp thì nên bạch Hòa thượng: "Xin gởi con cho Tỳ-kheo ", Hòa thượng nên suy xét Tỳ-kheo giáo hóa pháp gì, chúng đệ tử như thế nào; nếu thấy Tỳ-kheo đó có đầy đủ pháp thiện thì nên gởi đệ tử, nếu không đầy đủ pháp thiện thì nên gởi cho Tỳ-kheo khác. Nếu đệ tử cọng hành thấy Hòa thượng hạnh không tốt thì nên bỏ đi.

Pháp A-xà-lê: A-xà-lê nên dạy bảo đệ tử cận hành xa lìa ác tri thức, thân gần thiện tri thức; nên cung cấp cho đệ tử y bát, thuốc thang và vật cần dùng; nếu đệ tử có phạm tội nên giúp đỡ để được xuất tội .

Pháp đệ tử cận hành: Đệ tử cận hành không nên

khinh mạn A-xà-lê, muốn đi đâu nên bạch A-xà-lê; khi đi nên đi theo sau A-xà-lê để cung cấp những vật cần dùng, thường đi theo sau không xa lìa, như pháp phụng sự không có ý trái nghịch. Làm việc gì cũng phải bạch A-xà-lê, trừ đại tiểu tiện, xỉa răng và đảnh lễ Phật, pháp, tăng. Nếu đệ tử cận hành ở bên A-xà-lê biết không thể tăng trưởng thiện pháp thì nên bạch rằng: "Xin gởi con cho Tỳ-kheo ", A-xà-lê nên suy xét Tỳ-kheo

giáo hóa pháp gì, chúng đệ tử như thế nào; nếu thấy Tỳ-kheo đó có đầy đủ pháp thiện thì nên gởi đệ tử, nếu không đầy đủ pháp thiện thì nên gởi cho Tỳ-kheo khác. Nếu đệ tử cận hành thấy A-xà-lê hạnh không tốt thì nên bỏ đi.

Pháp Sa-di: Sa-di không nên khinh mạn Hòa thượng, muốn đi đâu nên bạch Hòa thượng, khi đi nên đi theo sau Hòa thượng để cung cấp những vật cần dùng, thường đi theo sau không xa lìa, như pháp phụng sự không có ý trái nghịch. Làm việc gì cũng phải bạch Hòa thượng, trừ đại tiểu tiện, xỉa răng và đảnh lễ Phật, pháp, tăng. Nếu Sa-di ở bên Hòa thượng biết không thể tăng trưởng thiện pháp thì nên bạch Hòa thượng: "Xin gởi con cho Tỳ-kheo ", Hòa thượng nên suy xét Tỳ-kheo giáo hóa pháp gì, chúng đệ tử như thế nào; nếu thấy Tỳ-kheo đó có đầy đủ pháp thiện thì nên gởi Sa-di, nếu không đầy đủ pháp thiện thì nên gởi cho Tỳ-kheo khác. Nếu Sa-di thấy Hòa thượng hạnh không tốt

thì nên bỏ đi. Hòa thượng nên bảo Sa-di lấy đưa thức ăn, trái cây, thuốc thang và tăm xỉa răng, nên bảo Sa-di nhổ cỏ trong Tăng phường, quét dọn sạch sẽ.

Pháp xuất lực (hiện oai lực): Nếu bạch y ở trong chùa muốn làm việc ác xâm não Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo nên dùng lời cứng rắn để chiết phục họ, nếu không chiết phục được thì không nên bạch vua, nên nói trước cho tri thức của người ác này biết, sau đó mới nói cho phu nhân của vua, vương tử hay đại thần; nếu người ác này chịu dừng lại thì thôi.

Pháp Tỳ-kheo theo sau: Tỳ-kheo theo sau là không được đi trước, không được đi quá xa ở phía sau, không được đi ngang hàng, không nói trước cũng không nói nhiều, không hỏi thì không nói; nếu hỏi thì nên trả lới ngay. Nếu Tỳ-kheo đi trước nói phi pháp, Tỳ-kheo đi sau nên ngăn lại, nếu nói như pháp thì nên tùy hỉ, nếu như pháp được vật thí thì nên thọ lấy.

Pháp Tỳ-kheo thường ra vào nhà: Tỳ-kheo khi ra vào nhà nên thu nhiếp các căn, không nên đùa cợt, nên giữ oai nghi thanh tịnh như pháp để đàn việt thấy sanh tâm thiện.

Pháp đến nhà: Nếu Tỳ-kheo với tâm tán loạn, tâm không biết nhàm chán mà đến nhà đàn việt thì thường phạm năm lỗi: Một là không mời mà tự vào, hai là ngồi ở chỗ khuất, ba là gượng ngồi, bốn

là thường thường ăn, năm là khi không có người nam bên cạnh lại nói chuyện với người nữ quá năm, sáu lời.

Pháp ở nhà bạch y: Tỳ-kheo ở nhà bạch y nên khéo biết chỗ ngồi và pháp ngồi sai khác, nên nói pháp sâu xa, chỉ dạy cho bạch y biết chánh đạo và tà đạo, nên nói về tri kiến và dạy họ hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, khéo cho họ thọ tám giới.

Pháp Thượng tòa ở nhà: Thượng tòa ở nhà bạch y nên xem xét đồ chúng của mình đừng làm việc phi pháp, các căn tán loạn, đùa giỡn buông lung, nên giữ oai nghi thanh tịnh để đàn việt thấy sanh tâm thiện.

Pháp nói năng: Tỳ-kheo khách khi mới đến trong Tăng phường, cựu Tỳ-kheo không nên vội trao cho ngọa cụ, trước phải nói chuyện hỏi thăm, sau đó mới tùy khách Tỳ-kheo là thượng trung hay hạ tòa mà trao cho ngọa cụ.

Pháp nghỉ ngơi: Tỳ-kheo khách khi mới đến, không nên vội tới chỗ cựu Tỳ-kheo hỏi xin ngọa cụ, trước nên đứng một chỗ nhiếp giữ oai nghi và các căn, sau đó mới đến cựu Tỳ-kheo hỏi xin phòng xá và ngọa cụ.

Pháp đãy lượt nước: Tỳ-kheo không có đãy lượt nước thì không nên đi xa, nếu đi đến chỗ có nước sạch, hay nước sông nước suối hoặc cách khoảng hai mươi dặm có trú xứ thì không cần phải

có đãy lượt nước.

Pháp kinh hành: Tỳ-kheo khi kinh hành nên đi thẳng, không chậm không mau, nếu không đi thẳng được thì nên kẻ đường trên đất làm tướng để đi noi theo.

Pháp ở trên hư không: Hư không không có ranh giới, người ở dưới đất hướng tới người ở trên hư không, hay người ở trên hư không hướng tới người ở dưới đất thì không được ngăn yết ma hay làm yết ma.

Pháp tiện lợi: Tỳ-kheo sắp vào nhà xí nên khảy móng tay trước, nếu có người vào trước thì nên đợi họ ra; khi người kia ra rồi, mình nên cởi y phục để một bên rồi mới vào, nên ngôi chòm hõm từ từ tiện lợi, không nên cố rặn cho mau ra.

Pháp gần nhà xí: Tỳ-kheo không nên ở gần nhà xí đọc tụng kinh, nghị luận và thuyết pháp; cũng không nên ở gần nhà xí cắt may, giặt nhuộm y. Tất cả mọi việc đều không nên làm, trừ tiện lợi. Pháp ván bệ cầu: Tỳ-kheo ở trên ván bệ cầu tiện lợi không nên làm dơ ván.

Pháp Thượng tòa nơi nhà xí: Nếu thấy hạ tòa vào nhà xí trước rồi thì Thượng tòa không nên đuổi đi ra, nếu đuổi đi ra thì phạm Đột-kiết-la.

Pháp lau: Không nên dùng vật bén để lau chùi.

Pháp chỗ rửa: Tỳ-kheo đại tiểu tiện xong, nếu không rửa chỗ đại tiểu tiện thì không được ngồi

nằm trên ngọa cụ của tăng, nếu ngồi nằm thì phạm Đột-kiết-la. Nếu không có nước hay bạch y thờ nước hay bỏ thuốc vào nước thì không được rửa. Những trường hợp như vậy không rửa thì không phạm.

Pháp gần chỗ rửa: Tỳ-kheo không nên ở gần chỗ rửa đọc tụng kinh, nghị luận và thuyết pháp; cũng không nên ở gần chỗ rửa cắt may, giặt nhuộm y. Tất cả mọi việc đều không nên làm.

Pháp ván chỗ rửa: Tỳ-kheo ở trên tấm ván chỗ rửa khi rửa chớ làm ướt ván.

Pháp Thượng tòa ở chỗ rửa: Nếu thấy hạ tòa đến ngồi ở chỗ rửa trước rồi thì Thượng tòa không nên đuổi đi ra, nếu đuổi đi ra thì phạm Đột-kiết-la.

Pháp chỗ tiểu tiện: Tỳ-kheo không được tiểu tiện lung tung, nên đi ở chỗ thường đi.

Pháp gần chỗ tiểu tiện: Tỳ-kheo không nên ở gần chỗ tiểu tiện đọc tụng kinh, nghị luận và thuyết pháp; cũng không nên ở gần chỗ tiểu tiện cắt may, giặt nhuộm y. Tất cả mọi việc đều không nên làm, trừ tiểu tiện.

Pháp ván chỗ tiểu tiện: Tỳ-kheo ở trên tấm ván chỗ tiểu tiện, khi tiểu tiện không nên làm ướt ván.

Pháp Thượng tòa ở chỗ tiểu tiện: Nếu thấy hạ tòa vào tiểu tiện trước rồi thì Thượng tòa không nên đuổi đi ra, nếu đuổi đi ra thì phạm Đột-kiết-la.

Pháp khạc nhổ: Tỳ-kheo không được khạc nhổ

lớn tiếng, không được nhổ nơi đất sạch.

Pháp dùng ống nhổ: Phật cho dùng hai loại ống nhổ bằng gốm sành hay đồng, nên khéo ái hộ chớ làm cho bể hay mất, vì nhân duyên tìm cầu sẽ trở ngại việc hành đạo.

Pháp bát chi: Phật cho dùng du thạch, đồng, sắt, chì, thiếc… để kê đỡ bát, nên khéo ái hộ chớ làm cho bể hay mất, vì nhân duyên tìm cầu sẽ trở ngại việc hành đạo.

Pháp tăm xỉa răng: Phật cho dùng ba loại tăm xỉa răng là thượng trung và hạ. Tăm thượng dài một thước hai, tăm hạ dài sáu tấc, ở giữa là tăm trung.

Pháp nạo lưỡi: Không nên dùng vật bén để nạo lưỡi sẽ làm cho lưỡi bị thương.

Pháp ngoái tai: Không nên dùng vật bén nhọn ngoái tai, không được ngoái mạnh sẽ làm trầy xước lỗ tai. Các hành pháp của tỳ-kheo như thế, Tỳ-kheo nên thọ trì, ngược với các hành pháp trên thì gọi là phi pháp.

4. Hai Loại Tỳ-Ni Và Tạp Tụng

Ba việc quyết định biết tướng Tỳ-ni, đó là bổn khởi, kết giới và tùy kết. Lại có hai loại Tỳ-ni, đó là Tránh Tỳ-ni và Phạm Tỳ-ni. Lại có hai loại Tỳ-ni, đó là Tỳ-ni thanh tịnh và Tỳ-ni phiền não. Lại có hai loại Tỳ-ni, đó là Tỳ-kheo Tỳ-ni và Tỳ-kheo-ni Tỳ-ni. Lại có hai loại Tỳ-ni, đó là Tỳ-ni phổ biến

khắp và Tỳ-ni không phổ biến khắp. Tránh Tỳ-ni là tranh cãi chỉ trích nhau, đấu tranh chia rẽ nhau; các Tỳ-kheo nên xem xét việc tranh cãi này do nhân duyên gì sanh khởi và làm sao diệt được. Nhân duyên sanh khởi việc đấu tranh là do mười bốn việc phá Tăng, sáu nguồn gốc đấu tranh cũng là nhân duyên sanh khởi đấu tranh, nên dùng hai Tỳ-ni là Hiện tiền Tỳ-ni và Đa mích Tỳ-ni để diệt tránh. Phạm Tỳ-ni là năm chúng phạm, định phạm nhiếp thuộc về Phạm Tỳ-ni, tức là phạm Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni và Đột-kiết-la. Nên tìm cầu bổn khởi và nguồn gốc sanh khởi của năm loại tội này để trừ diệt.

Bổn khởi là nhân duyên khởi ra các tội, hoặc do thân phạm, không phải do khẩu và ý; hoặc do khẩu phạm, không phải do thân và ý; hoặc do thân và ý phạm, không phải do khẩu; hoặc do khẩu và ý phạm, không phải do thân; hoặc do cả thân, khẩu, ý cùng phạm; hoặc không phải do thân, khẩu, chỉ do nơi ý. Nếu phạm tội nhẹ chỉ cần tâm niệm sám liền có thể trừ diệt; nếu phạm tội vừa thì phải đối thú sám mới được trừ diệt; nếu phạm tội trọng thì cần phải tác yết ma cho xuất tội, nhưng cũng có loại phạm tội không thể trừ diệt được. Loại phạm tội cần cho yết ma xuất tội có hai: Che giấu và không che giấu, nếu che giấu thì tùy che giấu bao nhiêu ngày thì cho hành biệt trụ bấy nhiêu ngày; nếu không che giấu thì cho hành sáu ngày sáu đêm

Ma-na-đỏa. Nếu phạm tội không thể trừ diệt thì không thể sám hối trừ diệt.

Tỳ-ni phiền não: Nên tìm nhân duyên sanh khởi và nhân duyên diệt. Nhân duyên sanh khởi là bị hệ phược ở trong pháp, sanh tâm tham đắm, thấy vị lợi nên sanh phiền não. Nhân duyên diệt là khi bị hệ phược ở trong pháp nên quán vô thường sanh diệt, nhàm lìa xả diệt, tâm khéo trụ trong các thiền định tam muội địa, hòa hợp các hạnh, hệ tâm trong duyên, thể nhập ba môn giải thoát, có thể đoạn trừ các kiết sử do kiến đế và tư duy (kiến hoặc và tư hoặc). Đoạn được hai kiết sử này thì chứng được quả Sa-môn, tùy theo quả đã chứng đắc nên có Thánh nhân sai khác.

Tỳ-kheo Tỳ-ni có thanh tịnh hay không thanh tịnh, Tỳ-kheo-ni Tỳ-ni có thanh tịnh hay không thanh tịnh; phổ biến cùng khắp hay không phổ biến cùng khắp.

Thời thanh tịnh là đầu đêm thọ nước ép trái cây uống.

Hai sai thời thanh tịnh là phần đầu đêm và cuối đêm nên ngồi thiền tụng kinh.

Một đêm thanh tịnh là Tỳ-kheo-ni được chứa bát dư một đêm.

Hai đêm thanh tịnh là được cùng ngủ hai đêm với người chưa thọ giới cụ túc .

Ba đêm thanh tịnh là đến đêm thứ ba thì người

chưa thọ giới cụ túc nên chuyển qua chỗ khác ngủ đêm.

Năm đêm thanh tịnh là Phật cho lâu nhất đến năm đêm không thọ

y chỉ.

Sáu đêm thanh tịnh là nơi A-lan-nhã chỗ có sợ hãi thì Tỳ-kheo

được sáu đêm lìa y ngủ.

Bảy đêm thanh tịnh là Phật cho Tỳ-kheo bịnh được chứa loại tàn dược lâu nhất đến bảy đêm để dùng.

Mười đêm thanh tịnh là Tỳ-kheo được chứa bát dư lâu nhất đến mười ngày.

Nữa tháng thanh tịnh là mỗi nữa tháng nên hòa hợp lại một chỗ để thuyết giới bố tát .

Một tháng thanh tịnh là Tỳ-kheo được chứa y phi thời lâu nhất là một tháng.

Hai tháng thanh tịnh là Phật cho Tỳ-kheo được hai tháng không y chỉ.

Ba tháng thanh tịnh là Tỳ-kheo nên an cư ba tháng.

Bốn tháng thanh tịnh là Tỳ-kheo tu hành đầu đà ngồi nơi đất trống ở đất nước có nhiều mưa, được bốn tháng ngồi nơi đất trống và tám tháng ở chỗ có che ngăn.

Năm tháng thanh tịnh là Tỳ-kheo được năm tháng thọ y Ca-hi-na.

Tám tháng thanh tịnh là Tỳ-kheo tu hạnh đầu đà ở quốc độ ít mưa thì nên tám tháng ở ngoài đất trống, bốn tháng ở trong chỗ có che ngăn.

Chín tháng thanh tịnh: Tỳ-kheo có công việc chưa xử lý xong được lâu nhất là chín tháng.

Một năm thanh tịnh là Tỳ-kheo được thọ y Ca-hi-na trong một năm.

Hai năm thanh tịnh là Tỳ-kheo-ni nên hai năm thường theo Hòa thượng ni.

Ba tuổi hạ thanh tịnh: Tỳ-kheo cách nhau ba tuổi hạ được cùng ngồi trên giường dây lớn, hai người được ngồi trên giường dây nhỏ, giường độc tọa thì chỉ được một người ngồi.

Năm tuổi hạ thanh tịnh: Tỳ-kheo chưa đủ năm tuổi hạ nên y chỉ người khác, nếu đủ năm tuổi hạ thì được lìa y chỉ ngủ.

Sáu tuổi hạ thanh tịnh: Tỳ-kheo-ni chưa đủ sáu tuổi hạ nên y chỉ người khác, nếu đủ sáu tuổi hạ thì được lìa y chỉ ngủ.

Bảy tuổi thanh tịnh: Phật cho Sa-di nhỏ nhất là bảy tuổi.

Chín tuổi hạ thanh tịnh: Tỳ-kheo chín tuổi hạ nên theo Tăng làm việc.

Mười tuổi hạ thanh tịnh: Tỳ-kheo đủ mười tuổi hạ được nuôi đệ tử.

Lại nữa Sa-di-ni đã từng gả ít nhất là mười tuổi được thọ sáu pháp.

Mười hai tuổi thanh tịnh: Thức-xoa-ma-na đã từng gả đủ mười hai tuổi được thọ giới cụ túc. Lại nữa Tỳ-kheo-ni đủ mười hai tuổi hạ được nuôi đệ tử.

Mười tám tuổi thanh tịnh: Sa-di đồng nữ mười tám tuổi được thọ sáu pháp. hai mươi tuổi thanh tịnh: Sa-di hai mươi tuổi được thọ giới cụ túc; đồng nữa Thức-xoa-ma-na đủ hai mươi tuổi được thọ giới cụ túc. Lại nữa Tỳ-kheo đủ hai mươi tuổi hạ nên sai giáo giới Tỳ-kheo-ni.

Một người thanh tịnh: Một Tỳ-kheo làm A-địa-đàn để bố tát.

Hai người thanh tịnh: Hai Tỳ-kheo nên cùng nhau chia vật, lần lượt chia.

Ba người thanh tịnh: Nên nói ba lần bố tát.

Bốn người thanh tịnh: Nên nói Ba-la-đề-mộc-xoa. Năm người thanh tịnh: Nên sai người tự tứ.

Tám người thanh tịnh: Nên thọ pháp đại chúng nhóm họp. Mười người thanh tịnh: Được truyền thọ giới cụ túc.

Hai mươi người thanh tịnh: Được làm yết ma Xuất tội.

Bát thanh tịnh: Phật cho dùng hai loại bát bằng gốm sứ và bằng sắt, tám loại bát khác không nên dùng.

Y thanh tịnh: Có bảy loại y không cần tác tịnh được dùng, đó là Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-

đà-hội, y tắm mưa, y che phủ ghẻ, Ni- sư-đàn và các vật cần dùng khác.

Dao thanh tịnh: Phật cho chứa loại dao nhỏ để cắt rọc y trong một tháng. Kim thanh tịnh: Phật cho chứa hai loại kim bằng đồng và bằng sắt, có mũi nhọn, tròn và như hạt đậu nhỏ.

Nhuộm thanh tịnh: Có Tỳ-kheo bạch Phật nên dùng vật gì nhuộm y, Phật bảo nên dùng nhựa của rễ cây, thân cây, lá cây, hoa, quả và nước phân của con trâu đực mới sanh để nhuộm y.

Hoại sắc thanh tịnh: Tỳ-kheo được vải mới nên dùng ba loại màu nhuộm cho hoại sắc, đó là màu xanh, bùn và cỏ thiến.

Lượng thanh tịnh: May y không được bằng kích lương y của Phật, nên may theo kích lượng của thân mình.

Những việc thanh tịnh trên, Tỳ-kheo nên hết sức suy tư quán sát, cho đến hai bộ Ba-la-đề-mộc-xoa, nghĩa giải Tỳ-ni, Tăng nhất, không có nhân duyên bổn khởi, Tỳ-ni chung và không chung. Việc này thanh tịnh thì không nên ngăn, việc không thanh tịnh thì nên ngăn, như các màu thuần sắc xanh, vàng, đỏ trắng là bất tịnh thì nên ngăn; không phải thuần sắc là thanh tịnh thì không nên ngăn. Như rượu nếu sắc rượu, hương rượu và vị rượu, lực rượu là bất tịnh thì nên ngăn; ngược lại không có sắc, hương vị và lực rượu là thanh tịnh

thì không nên ngăn. Lại nữa, nếu Tỳ-kheo đã tác tịnh rồi thì được dùng, năm loại hạt giống sống nếu Tỳ-kheo dùng năm loại tác tịnh thì được ăn. Như tám loại nước ép trái cây, nếu dùng nước tác tịnh thì được uống; như mười loại y nếu dùng ba màu làm cho hoại sắc thì được mặc. Việc này tịnh thì Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni được dùng; nếu việc này bất tịnh thì Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni không nên dùng. Lại nữa việc này vào thời , nơi là thanh tịnh thì Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nên dùng; nếu vào lúc , nơi là bất tịnh thì Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni không nên dùng. Nếu việc này vào thời như thời đói kém hay già bịnh thì Tỳ-kheo nên dùng; nếu vào thời sung túc được mùa hay trẻ tuổi không bịnh thì Tỳ-kheo không nên dùng. Những việc như thế, Tỳ-kheo nên suy xét khinh trọng, ngọn ngành rồi mới dùng.

TỲ NI TỤNG

PHÁP BA LA DI

1. Giới Dâm Thứ Nhất:

Phật tại Tỳ-da-ly, lúc đó Tu-đề-na Ca-lan-đà tử suy nghĩ: "Phật kết giới đoạn dâm dục, nhưng nếu làm trước thì không tội. Ta đã làm nhiều việc dâm, không biết chỗ nào là trước hay không phải trước", nghĩ rồi liền sanh nghi, bạch Phật, Phật bảo: "Tỳ-

kheo Tu-đề-na này trước khi chưa kết giới, tất cả việc dâm đã làm đều không phạm". Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Như Phật đã nói người điên cuồng không phạm, như thế nào gọi là điên cuồng?", Phật bảo: "Có năm tướng gọi là người điên cuồng: Một là người thân chết hết nên điên cuồng, hai là tài sản mất hết nên điên cuồng, ba là ruộng vườn và nhân dân mất hết nên điên cuồng, bốn là bốn đại rối loạn nên điên cuồng, năm là đo nghiệp báo đời trước nên điên cuồng. Tỳ-kheo Có năm tướng điên cuồng này, nếu tự biết mình là Tỳ-kheo mà làm việc dâm thì phạm Ba-la-di; nếu không tự biết thì không phạm".

Lại hỏi: Như Phật đã nói người tâm tán loạn thì không phạm, như thế nào gọi là tâm tán loạn?

Đáp: Có năm nguyên nhân làm cho tâm tán loạn: Một là bị phi nhân đánh nên tâm tán loạn, hai là phi nhân làm cho tâm tán loạn, ba là phi nhân ăn tinh khí nơi tâm nên tâm tán loạn, bốn là bốn đại rối loạn nên điên cuồng, năm là đo nghiệp báo đời trước nên điên cuồng. Tỳ-kheo Có năm tướng điên cuồng này, nếu tự biết mình là Tỳ-kheo mà làm việc dâm thì phạm Ba-la-di; nếu không tự biết thì không phạm.

Lại hỏi: Như Phật đã nói người tâm bịnh hoại thì không phạm, như thế nào gọi là tâm bịnh hoại?

Đáp: Có năm loại tâm bịnh hoại: Một là bị

trúng gió nên tâm bịnh hoại, hai là bị nóng sốt nên tâm bịnh hoại, ba là bị cảm lạnh nên tâm bịnh hoại, bốn là ba trường hợp trên cùng phát nên tâm bịnh hoại, năm là khí trời, thời tiết phát khởi nên tâm bịnh hoại. Tỳ-kheo có năm loại tâm bịnh hoại này nếu tự biết mình là Tỳ-kheo thì phạm Ba-la-di, nếu không tự biết thì không phạm.

Phật ở nước Xá-vệ, có một Tỳ-kheo tên là Bạt-kỳ tử không xả giới, giới suy kém, không nói ra mà về nhà hành pháp dâm, sau đó muốn xuất gia lại, tự nghĩ: "Ta nên đến hỏi các Tỳ-kheo trước, nếu được xuất gia thọ giới trở lại thì ta sẽ xuất gia làm Tỳ-kheo, nếu không được thì thôi", nghĩ rồi đến hỏi các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Nếu có người không xả giới, giới suy kém, không nói ra mà trở về nhà làm việc dâm thì không được cho xuất gia lại. Từ nay giới này nên nói lại như sau:

Nếu Tỳ-kheo đã đồng vào pháp học của tỳ-kheo, không xả giới, giới suy kém, không nói ra mà về nhà làm việc dâm thì Tỳ-kheo này phạm Ba-la-di không được ở chung."

Lại có Tỳ-kheo hành dâm dục trong đường hành dâm mà tưởng là không phải đường hành dâm, sanh tâm nghi không biết có phạm Ba-la-di hay không, liền bạch Phật, Phật bảo: "Trong đường hành dâm tưởng là đường hành dâm mà làm việc dâm thì phạm Ba-la-di; trong đường hành dâm

tưởng không phải là đường hành dâm cũng phạm Ba-la-di; trong đường hành dâm mà sanh nghi cũng phạm Ba-la-di. Trong đường không phải đường hành dâm tưởng không phải đường hành dâm thì phạm Thâu-lan-giá; không phải đường hành dâm tưởng là đường hành dâm cũng phạm Thâu-lan-giá; không phải đường hành dâm mà sanh nghi cũng phạm Thâu-lan-giá. Đạo là chỉ cho đường hành dâm có ba là đường tiểu tiện, đường đại tiện và trong miệng. Nếu Tỳ-kheo hành dâm với súc sanh như voi ngựa, bò dê… xúc chạm vào trong thịt thì phạm Ba-la-di; nếu không xúc chạm vào trong thịt thì phạm Thâu-lan-giá; nếu không xúc chạm mà xuất tịnh thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa".

Có một Tỳ-kheo thường khởi tâm dâm, nói với thiện tri thức rằng: "Tôi thường khởi dâm nên rất phiền não, không thể tự chế, nếu cùng người nữ làm việc dâm mới hết được", Tỳ-kheo tri thức nói: "Hãy làm đi", Tỳ-kheo kia nghe theo lời của tri thức liền làm việc dâm, Tỳ-kheo tri thức sanh tâm nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch phật, Phật nói chỉ phạm Thâu-lan-giá. Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Tội Thâu-lan-giá nên sám hối như thế nào để được trừ diệt?", Phật bảo: "Có bốn loại Thâu-lan-giá: Một là tội Thâu-lan-giá từ Ba-la-di sanh là trọng, hai là tội Thâu-lan-giá từ Ba-la-di sanh là khinh, ba là tội Thâu-lan-giá từ Tăng-

già-bà-thi-sa sanh là trọng, bốn là tội Thâu-lan-giá từ Tăng-già-bà-thi-sa sanh là khinh. Trọng Thâu-lan-giá sanh từ Ba-la-di nên sám hối trước tất cả Tăng, tội mới được trừ diệt; khinh Thâu-lan-giá từ Ba-la-di sanh nên ra ngoài giới đối trước bốn Tỳ-kheo sám, tội mới được trừ diệt. Trọng Thâu-lan-giá từ Tăng-già-bà-thi-sa sanh cũng phải ra ngoài giới đối trước bốn Tỳ-kheo sám, tội mới được trừ diệt; Khinh Thâu-lan-giá từ Tăng-già-bà-thi-sa sanh thì đối trước một Tỳ-kheo sám, tội liền được trừ diệt".

Phật ở nước Xá-vệ, có một Tỳ-kheo khất thực tên là Nan-đề sáng sớm đắp y mang bát vào thành khất thực, thọ thực xong vắt Ni-sư-đàn lên vai trái rồi đi vào rừng An-đà, ở dưới một gốc cây trải Ni-sư-đàn chánh thân đoan tọa. Lúc đó có thiên ma muốn phá Tam muội của tỳ-kheo này nên hóa làm người nữ đoan chánh đứng trước mặt Tỳ-kheo. Tỳ-kheo vừa xuất định, nhìn thấy người nữ liền sanh tâm đắm nhiễm, do thiền định của thế tục không thể kiên cố nên trong giây phút đó thối thất, muốn xúc chạm thân người nữ đó. Người nữ lùi dần ra xa, Tỳ-kheo liền đứng dậy đi theo muốn nắm lấy người nữ. Lúc đó trong rừng có một con ngựa chết, người nữ đi đến chỗ xác con ngựa liền biến mất, Tỳ-kheo do lửa dục hừng thạnh nên cùng xác con ngựa hành dâm. Hành dâm rồi lửa dục liền tắt, Tỳ-kheo sanh tâm hối hận nghĩ rằng: "Ta đã thối đọa,

chẳng phải là Tỳ-kheo, chẳng phải là Thích tử, các Tỳ-kheo ắt sẽ xa lánh ta, không ở chung với ta nữa, ta không nên đem thân bất tịnh mà mặc pháp y này", nghĩ rồi liền cởi ca sa xếp cất vào trong túi vải, vác lên vai đi đến chỗ Phật. Lúc đó Phật đang thuyết pháp cho trăm ngàn vạn chúng vây quanh, từ xa trông thấy Nan-đề đi đến liền suy nghĩ: "Nếu ta không dùng lời dịu dàng han hỏi, thầy ấy sẽ vỡ tim và hộc máu ra". Khi Nan-đề vừa đến, Phật liền hỏi: "Lành thay Nan-đề, thầy có muốn học lại pháp Tỳ-kheo đã học hay không?", Nan-đề nghe rồi liền sanh tâm hoan hỉ suy nghĩ: "Ta sẽ được cùng ở chung, các Tỳ-kheo sẽ không đuổi ta", nghĩ rồi liền đáp: "Thế tôn, con muốn học lại pháp học Tỳ-kheo". Phật liền bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy hãy tác pháp cho Nan-đề học lại pháp học Tỳ-kheo, nếu có ai khác giống như Nan-đề cũng nên tác pháp cho học lại như sau: Tăng nên nhất tâm hòa hợp, Tỳ-kheo Nan-đề trịch bày vai hữu quỳ gối chắp tay bạch rằng:

Đại đức tăng lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo Nan-đề không xả giới, giới không suy kém, không nói ra mà hành pháp dâm, tôi nay theo Tăng xin học lại pháp học Tỳ-kheo, xin thương xót. (3 lần)

Một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng:

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Nan-đề không xả giới, giới không suy kém, không nói ra mà hành pháp dâm, nay theo Tăng xin học lại pháp học Tỳ-

kheo, Tăng thương xót cho Tỳ-kheo Nan-đề học lại pháp học. Nếu Tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận cho Tỳ-kheo Nan-đề học lại pháp học Tỳ-kheo. Bạch như vậy.

Như thế bạch tứ yết ma cho đến câu Tăng đã cho Tỳ-kheo Nan-đề học lại pháp học Tỳ-kheo xong, Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Hành pháp của Sa-di cho học lại pháp học Tỳ-kheo là đối với tất cả giới Tỳ-kheo mà Phật đã kết đều phải thọ hành lại hết, người này ngồi ở dưới các Tỳ-kheo, nên trao thức ăn uống và thuốc thang cho các Tỳ-kheo, tự theo Sa-di và bạch y thọ thức ăn uống; không được cùng đại Tỳ-kheo ở chung phòng quá hai đêm, cũng không được cùng Sa-di và bạch y ở chung quá hai đêm; được cùng Tỳ-kheo thọ cụ túc giới làm hai pháp bố tát và tự tứ, nhưng không được xếp vào trong Túc số tăng làm yết ma bố tát và tự tứ, tất cả yết ma đều không được làm.

Lúc đó ở nước Kiều-tát-la, có một Tỳ-kheo ở một mình trong rừng núi sâu, một phi nhân nữ đến nói với Tỳ-kheo: "Hãy cùng làm việc dâm dục", Tỳ-kheo nói: "Chớ nói lời này, tôi là người đoạn dâm dục", nữ phi nhân nói: "Nếu không cùng làm, ta sẽ quấy nhiễu làm cho thầy suy não", Tỳ-kheo nói: "Tùy ý cô, tôi sẽ không không cùng cô làm việc dâm". Trong đêm đó, Tỳ-kheo đang ngủ, nữ

phi nhân bọc Tỳ-kheo trong nội y mang đến trong cung vua để nằm bên cạnh phu nhân của vua, khi vua thức dậy thấy liền hỏi là ai, đáp là Sa-môn, lại hỏi là Sa-môn nào, đáp là Sa-môn Thích tử, vua hỏi vì sao đến trong đây, Tỳ-kheo liền đem việc trên kể lại cho vua nghe, vua nói: "Thầy hãy đi đi, ta biết Phật pháp nên không trách tội". Tỳ-kheo được thoát tội liền đem việc trên kể lại cho các Tỳ-kheo nghe, các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay, trong rừng núi sâu, chỗ không người đáng sợ như thế thì không nên ở".

Ở nước Kiều-tát-la, có một Tỳ-kheo ở nơi A-lan-nhã, một quỷ nữ Tỳ-xá-già đến nói với Tỳ-kheo: "Hãy cùng làm việc dâm dục", Tỳ-kheo nói: "Chớ nói lời này, tôi là người đoạn dâm dục", nữ quỷ nói: "Nếu không cùng làm, ta sẽ quấy nhiễu làm cho thầy suy não", Tỳ-kheo nói: "Tùy ý cô, tôi nhất định không không cùng cô làm việc dâm". Trong đêm đó, Tỳ-kheo đang ngủ, nữ quỷ bọc Tỳ-kheo trong nội y mang đến trong quán rượu bỏ trong một chum rượu, sáng hôm sau người trong quán rượu thấy liền hỏi là ai, đáp là Sa-môn, lại hỏi là Sa-môn nào, đáp là Sa-môn Thích tử, lại hỏi vì sao đến trong đây, Tỳ-kheo liền đem việc trên kể lại cho chủ quán nghe, chủ quán nói: "Thầy hãy đi đi". Tỳ-kheo được thoát liền đem việc trên kể lại cho các Tỳ-kheo nghe, các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay, trong rừng núi sâu, chỗ không

người đáng sợ như thế thì không nên ở".

Có một Tỳ-kheo đi giữa bầy bò dữ, bò dữ chạy tới muốn húc Tỳ-kheo, kế chạy đến chỗ người nữ, người nữ ôm chầm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo dùng tay đẩy ra rồi sanh tâm nghi không biết có phạm Ba-la-di hay không, liền bạch Phật, Phật bảo: "Không phạm, từ nay ở giữa bầy bò thì nên đi thong thả".

Có một Tỳ-kheo nhìn xuống giếng, không may rớt xuống giếng, trong giếng đã có một người rớt xuống trước rồi, thấy Tỳ-kheo rớt xuống liền ôm chầm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo lấy tay đẩy ra. Sau đó có một cư sĩ trong Tăng phường nhìn xuống giếng thấy Tỳ-kheo liền kéo lên, người nữ cũng theo lên. Cư sĩ hỏi: "Tỳ-kheo và người nữ làm gì ở trong giếng?", Tỳ-kheo nói: "Người nữ này rớt xuống trước, tội rớt xuống sau", nói rồi không biết có phạm Ba-la-di hay không, liền bạch Phật, Phật bảo: "Không phạm, từ nay khi nhìn xuống giếng nên nhất tâm đừng để cho rớt xuống".

Có một Tỳ-kheo khất thực, trước ngọ đắp y mang bát vào thành khất thực, đến trước một cửa nhỏ muốn vào, vừa lúc đó có một người nữ muốn ra, vai của hai người chạm nhau, Tỳ-kheo sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di hay không, liền bạch Phật, Phật bảo: "Nếu vô tâm thì không phạm, từ nay khi khất thực nên đi thong thả".

Có một Tỳ-kheo đi chung thuyền với một

người nữ qua sông, thuyền bị chìm, người nữ ôm chầm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đưa tay đẩy ra rồi sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di hay không, liền bạch Phật, Phật bảo: "Không phạm, từ nay ngồi trên thuyền nên thư thả".

Có một người nam tên là Ca-tỳ-la khẩn độ, dáng vẻ như người nữ, thích việc người nữ nên đến chỗ Tỳ-kheo-ni cầu xin xuất gia. Các Tỳ-kheo-ni không suy xét liền cho xuất gia, người này sờ mó Tỳ-kheo-ni bị Tỳ-kheo-ni đuổi ra, lại đến sờ mó Thức-xoa-ma-na bị Thức-xoa-ma-na đuổi ra, lại đến sờ mó Sa-di-ni bị Sa-di-ni đuổi ra. Lúc đó Tỳ-kheo-ni không biết có phạm Ba-la-di không nên bạch Phật, Phật bảo: "Không phạm, từ nay nên suy xét kỹ rồi mới độ cho xuất gia".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó trong thành có vợ của một thương nhân, người chồng đi xa buôn bán, người vợ ở nhà tư thông với người nam khác có thai, bụng càng ngày càng lớn, người vợ sợ chồng biết nên tự trục thai rồi suy nghĩ: "Không có ai đồng tình mang thai nhi này vứt bỏ giùm ta". Lúc người vợ này đang lo buồn về thai nhi chết này thì có một Tỳ-kheo-ni đến nhà, ni này vốn thường qua lại nhà này và quen biết người vợ này nên khi thấy bà ta buồn rầu liền hỏi nguyên do, đáp: "Chồng tôi đi xa, tôi ở nhà tư thông với… nên tự trục thai ra, nhưng không tìm được ai đồng tình đem vứt bỏ thai nhi chết này giùm tôi. Cô có thể đem vứt nó giùm

tôi không?", ni đáp: "Được, nếu tôi đem vứt thì đâu ai biết", nói rồi bỏ thai nhi chết vào trong cái chậu, đậy lên rồi đem đến chỗ khuất bỏ. Lúc đó có một đám trẻ đang chơi đùa ở gần đó, thấy Tỳ-kheo-ni bỏ cái chậu, muốn biết là vật gì trong đó nên đến giở xem, liền thấy một thai nhi đã chết, cùng nói kháo lên rằng: "Sa-môn Thích tử dâm dục, làm cho Tỳ-kheo-ni sanh con rồi giết bỏ", một người nói cho hai người dần dần tiếng đồn vang khắp trong thành Xá-vệ. Có Tỳ-kheo-ni thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp hai bộ Tăng rồi hỏi Tỳ-kheo-ni này: "Cô thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni lại đi bỏ giùm thai chết cho người khác, từ nay Tỳ-kheo-ni nếu làm thế thì phạm tội".

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nghe tin Bạt-đà Ca-tỳ-la xuất gia liền thỉnh vào vương cung, trong bốn tháng ở cùng một chỗ. Sau đó vua có việc muốn đi nên bảo người giữ cửa cung chớ để Tỳ-kheo-ni ra ngoài, người giữ cửa vâng lời vua dặn, nhưng vì có việc nên để cho Tỳ-kheo-ni mặc đồ phu nhân đi ra ngoài, đến tinh xá Kỳ-hoàn. Lúc đó Phật đang thuyết pháp cho đại chúng, từ xa trông thấy Tỳ-kheo-ni này, Phật liền bảo: "Thiện lai Bạt-đà Ca-tỳ-la", Phật vừa nói dứt, y phục phu nhân

trên người liền biến mất, tóc trên đầu tự rụng, ca sa hiện trên thân liền trở thành Tỳ-kheo-ni. Tỳ-kheo-ni này liền đến đảnh lễ Phật, Phật vì nói đạo thần thông như ý túc, vừa nghe xong Tỳ-kheo-ni này liền chứng được thần thông lực. Lúc đó vua hay tin Bạt-đà Ca-tỳ-la bỏ đi liền dẫn bốn binh đến bao vây tinh xá Vương viên, Tỳ-kheo-ni này liền bay lên hư không, vua nhìn lên trông thấy liền sanh tâm hối hận: "Tại sao ta lại làm ô nhục Tỳ-kheo-ni A-la-hán này", nghĩ rồi liền ngất xỉu ngã xuống đất, quần thần tưới nước cho tỉnh lại, vua liền đến trước Tỳ-kheo-ni sám hối. Lúc đó các Tỳ-kheo biết chuyện liền đuổi Tỳ-kheo-ni này và nói: "Cô đã làm việc dâm dục, cô hãy đi đi", Tỳ-kheo-ni này nói: "Tôi không có thọ dâm dục", các Tỳ-kheo-ni nói: "Cô đã ở cùng vua suốt trong bốn tháng, sao nói là không thọ dâm dục", Tỳ-kheo-ni này không biết làm sao, đem việc này bạch Phật, Phật hỏi: "Cô thật có thọ xúc lạc dục hay không?, đáp: "Thế tôn, con không có thọ xúc lạc dục, con cảm thấy như sắt nóng vào thân", Phật bảo: "Nếu không có tâm thọ xúc lạc dục thì không phạm", lúc đó Phật bảo các Tỳ-kheo-ni: "Các cô chớ nói Tỳ-kheo-ni làm việc dâm dục, người nữ này do nhân duyên nghiệp báo nên có nữ căn và bị người khác cưỡng bức làm việc dâm. Nếu có Tỳ-kheo-ni khác giống như vậy bị người khác cưỡng bức hành dâm mà tâm không thọ xúc lạc dục thì không phạm"

Có một Tỳ-kheo-ni tên Thiện sanh, dung mạo đoan chánh đáng yêu, Ca-tỳ-la khẩn độ vừa thấy liền sanh tâm ái nhiễm sờ mó Tỳ-kheo-ni và bị đuổi ra, Tỳ-kheo-ni sanh tâm nghi không biết có phạm Ba-la-di không liền bạch Phật, Phật bảo: "Nếu không có tâm thọ dục thì không phạm".

Có Tỳ-kheo-ni tên là Đà-ni dung mạo đoan chánh đáng yêu, trước giờ ngọ đắp y mang bát vào thành khất thực, giữa đường gặp kẻ xấu bắt dẫn vào trong rừng cưỡng bức hành dâm rồi thả về. Các Tỳ-kheo-ni biết chuyện liền đuổi ra và nói: "Cô đã làm việc dâm dục, hãy đi đi", Tỳ-kheo-ni này nói: "Tôi không có thọ xúc lạc dục", các Tỳ-kheo-ni nói: "Cô bị kẻ xấu bắt vào trong rừng cưỡng bức hành dâm, sao nói là không có thọ xúc lạc dục", Tỳ-kheo-ni này không biết làm sao, đem việc này bạch Phật, Phật hỏi: "Cô thật có thọ xúc lạc dục hay không?, đáp: "Thế tôn, con không có thọ xúc lạc dục, con đã dùng tay chân xô đạp nhưng không thoát được", Phật bảo: "Nếu không có tâm thọ xúc lạc dục thì không phạm", lúc đó Phật bảo các Tỳ-kheo-ni: "Các cô chớ nói Tỳ-kheo-ni làm việc dâm dục, người nữ này do nhân duyên nghiệp báo nên có nữ căn và bị người khác cưỡng bức làm việc dâm. Nếu có Tỳ-kheo-ni khác giống như vậy bị người khác cưỡng bức hành dâm mà tâm không thọ xúc lạc dục thì không phạm".

Có Tỳ-kheo-ni tên là Thủ viên trước giờ ngọ

đắp y mang bát vào thành khất thực, bị kẻ xấu bắt dẫn vào trong rừng cưỡng bức hành dâm rồi thả về. Các Tỳ-kheo-ni biết chuyện liền đuổi đi, Tỳ-kheo-ni này nói: "Tôi không có thọ xúc lạc dục", các Tỳ-kheo-ni nói: "Cô bị kẻ xấu bắt dẫn vào trong rừng cưỡng bức hành dâm, sao nói là không thọ xúc lạc dục". Vừa lúc đó có trưởng lão A-nan đến, các Tỳ-kheo-ni nói: "Nay có trưởng lão A-nan ở đây", A-nan liền hỏi nguyên do sự việc, Tỳ-kheo-ni này vì kính sợ A-nan nên không trả lời, A-nan bực tức vì cô không chịu trả lời. Tỳ-kheo-ni suy nghĩ: "Các Tỳ-kheo-ni đuổi ta, trưởng lão A-nan giận ta, ta sống làm chi nữa", nghĩ rồi liền đến trong sông A-kỳ-La-bà tự vẫn, khi thân nổi trên nước, những người đùa giỡn trên bờ nhìn thấy liền vớt lên, xốc nước cho tỉnh lại rồi dẫn vào trong rừng cưỡng bức hành dâm rồi thả về. Tỳ-kheo-ni này trở về chùa lại bị các Tỳ-kheo-ni đuổi ra và nói: "Trước cô nói là không thọ xúc lạc dục, sao nay lại cùng họ vào trong rừng hành dâm", Tỳ-kheo-ni này không biết làm sao, đem việc này bạch Phật, Phật hỏi: "Cô thật có thọ xúc lạc dục hay không?, đáp: "Thế tôn, con không có thọ xúc lạc dục, con đã kêu gào thảm thiết nhưng không thoát được", Phật bảo: "Nếu không có tâm thọ xúc lạc dục thì không phạm", lúc đó Phật bảo các Tỳ-kheo-ni:

"Các cô chớ nói Tỳ-kheo-ni làm việc dâm dục, người nữ này do nhân duyên nghiệp báo nên có nữ

căn và bị người khác cưỡng bức làm việc dâm. Nếu có Tỳ-kheo-ni khác giống như vậy bị người khác cưỡng bức hành dâm mà tâm không thọ xúc lạc dục thì không phạm".

2. Giới Trộm Thứ Hai:

Phật tại thành Vương xá, do nhân duyên Tỳ-kheo Đạt-ni-ca con của người thợ gốm nên Phật kết giới trộm, nói là làm trước khi kết giới thì không phạm. Tỳ-kheo này sanh tâm nghi: "Ta nhiều lần trộm lấy cây gỗ, không biết lần nào là trước hay không phải là trước", bạch Phật, Phật nói: "Trước khi kết giới thì tất cả thời lấy cây gỗ đều không phạm, đó gọi là làm trước thì không phạm".

Có một Tỳ-kheo ở chỗ trống lấy vật vô chủ mang đi, sau đó sanh tâm nghi không biết có phạm Ba-la-di không, liền bạch Phật, Phật nói: "Nếu biết vật này là có chủ khởi tưởng là có chủ mà lấy thì phạm Ba-la-di; nếu vật có chủ khởi tưởng là không chủ mà lấy cũng phạm Ba-la-di; nếu vật có chủ sanh nghi mà lấy cũng phạm Ba-la-di. Nếu vật vô chủ khởi tưởng là có chủ mà lấy thì phạm Thâu-lan-giá; nếu vật không chủ sanh nghi mà lấy cũng phạm Thâu-lan-giá; nếu vật vô chủ khởi tưởng là vô chủ mà lấy thì không phạm".

Người khác không cho cơm ăn mà Tỳ-kheo tự lấy mang đi, sau đó sanh tâm nghi không biết có

phạm Ba-la-di không, liền bạch Phật, Phật nói: "Nên tính theo giá tiền cơm đã ăn mà kết phạm. Các loại thức ăn khác như bún, mì, cá, thịt… cũng như vậy, tính theo giá mà kết phạm".

Có một Tỳ-kheo không được thỉnh mà đến thọ thực, sau đó sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm, từ nay nếu không được thỉnh thì không nên đến thọ thực, nếu đến thọ thực thì phạm Đột-kiết-la".

Có Tỳ-kheo cựu trụ đến tụ lạc, Tỳ-kheo tri thức lấy giùm phần ăn, khi trở về, Tỳ-kheo tri thức đưa phần thức ăn này và nói: "Tôi lấy giùm phần thức ăn cho thầy", Tỳ-kheo này nói: "Tôi không bảo thầy lấy giùm, cớ sao thầy lại lấy", Tỳ-kheo tri thức sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, liền bạch Phật, Phật nói: "Không phạm, từ nay nếu người khác không nhờ lấy giùm thì không nên lấy giùm phần thức ăn, nếu lấy giùm thì phạm Đột-kiết-la".

Có một Tỳ-kheo đến tụ lạc, Tỳ-kheo này có hai đệ tử cọng hành khi Tăng chia cơm, cả hai đệ tử đều cùng lấy phần cơm cho thầy, sau đó mới biết nên nói với nhau: "Thầy đã lấy một phần, tôi lại lấy thêm một phần, không biết chúng ta có phạm Ba-la-di không", liền bạch Phật, Phật nói: "Không phạm, từ nay nên nói với nhau để một người lấy, khi lấy nên nói là tôi lấy phần ăn này cho Tỳ-kheo tên ".

Có một Tỳ-kheo bịnh, khi Tăng chia cơm, Tỳ-kheo khán bịnh lấy phần cơm cho Tỳ-kheo bịnh, Tỳ-kheo binh chết, Tỳ-kheo khán bịnh không biết làm sao liền bạch Phật, Phật nói: "Nếu người bịnh chết trước, lấy phần cơm sau thì nên trả lại phần cơm; nếu lấy phần cơm rồi Tỳ-kheo bịnh mới chết thì phần cơm này giống như phần vật khác của tỳ-kheo chết để lại".

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 58

TỲ NI TỤNG (Tiếp Theo)

2. Giới Trộm (Tiếp Theo):

Các Tỳ-kheo nói với nhau: "Chúng ta hãy cùng đi làm giặc", đáp là tùy ý rồi cùng nhau đi, đi đến giữa đường liền sanh tâm hối hận, nghĩ rằng: "Chúng ta do lòng tin xuất gia trong Phật pháp thiện mà lại đi làm giặc hay sao", nghĩ rồi không đi nữa, sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Thâu-lan-giá".

Các Tỳ-kheo nói với nhau: "Chúng ta hãy cùng đi làm giặc", đáp là tùy ý rồi cùng nhau đi, đi đến giữa đường, một người trong số đó suy nghĩ: "Ta do lòng tin xuất gia trong Phật pháp, sao lại đi làm giặc. Nhưng nếu ta không đi, họ sẽ giết ta, ta tuy cùng đi nhưng không đoạt lấy vật cũng không lấy phần", nghĩ rồi cùng đi, không đoạt lấy vật cũng không nhận lấy phần, sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Thâu-lan-giá".

Các Tỳ-kheo nói với nhau: "Chúng ta hãy cùng

đi làm giặc", đáp là tùy ý rồi cùng nhau đi, khi đi đến nơi không lấy được gì cả, sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Thâu-lan-giá".

Các Tỳ-kheo nói với nhau: "Chúng ta hãy cùng đi làm giặc", đáp là tùy ý rồi cùng nhau đi, đi đến nơi, phân nữa-tỳ-kheo canh chừng, phân nữa-tỳ-kheo lấy vật. Số Tỳ-kheo canh chừng nói với nhau: "Chúng ta không lấy vật nên không có tội", sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Thâu-lan-giá".

Các Tỳ-kheo nói với nhau: "Chúng ta hãy cùng đi làm giặc", đáp là tùy ý rồi cùng nhau đi, khi đến nơi lấy thì phân nữa-tỳ-kheo lấy được vật, phân nữa-tỳ-kheo không lấy được vật. Số người không lấy được vật nói với nhau: "Chúng ta không lấy vật cũng không lấy phần thì không có tội", sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Thâu-lan-giá".

Các Tỳ-kheo nói với nhau: "Chúng ta hãy cùng đi làm giặc", đáp là tùy ý rồi cùng nhau đi, đến nơi nói với nhau là lấy ít chớ có lấy đủ năm tiền. Khi lấy xong gom lại để cùng chia thì thấy là đủ số năm tiền, sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Tùy người lấy vật rời khỏi chỗ cũ trị giá bao nhiêu mà kết phạm". Lúc đó

người canh giữ cho Tỳ-kheo y, Tỳ-kheo không lấy nghĩ rằng: "Trong đây ai là đàn việt, ai là chủ", liền bạch Phật, Phật nói: "Tùy người nào thí thì nhận".

Có giặc bắt đệ tử mang đi, Hòa thượng đoạt lại dẫn về, sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không nên bạch Phật, Phật nói: "Nếu quyết định là thuộc về giặc thì phạm Ba-la-di, nếu không quyết định thì không phạm". A-xà-lê có đệ tử cận hành bị giặc bắt cũng như vậy.

Có giặc bắt Tỳ-kheo dẫn đi, sau đó bỏ trốn chạy thoát trở về, sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không nên bạch Phật, Phật nói: "Tự thoát thân thì không phạm".

Có Tỳ-kheo mang vật đáng đóng thuế đi qua ải thuế quan, nghĩ rằng: "Nếu ta mang vật này qua thì phạm Ba-la-di, nhưng tiền đóng thuế vật này thà mang cho Phật pháp tăng hay cho Hòa thượng, A-xà-lê hay cho cha mẹ", nghĩ rồi liền dùng lời dịu dàng nói với người thuế quan: "Tôi mang vật này là để cúng dường cho Phật pháp tăng hoặc cho Hòa thượng, A-xà-lê hoặc cho cha mẹ", do lực của lời nói này mà được đi qua không phải đóng thuế thì không lỗi, hoặc bay qua thì không phạm. Có Tỳ-kheo đến mượn của tỳ-kheo khác chiếc giường độc tọa, nghĩ là không trả lại, chủ đến đòi, nói là không trả, sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Thâu-lan-giá".

Lại có Tỳ-kheo đến mượn Tỳ-kheo khác quyển kinh, nghĩ là không trả lại, chủ đến đòi, nói là không trả, sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Thâu-lan-giá"

Có Tỳ-kheo trộm lấy đãy y xấu rách nhưng trong đó lại có chiếc y quý giá, thấy y này rồi không biết có phạm Ba-la-di không nên bạch Phật, Phật nói: "Tính giá đãy y này nếu đủ năm tiền thì phạm Ba-la-di, nếu không tới năm tiền thì phạm Thâu-lan-giá".

Có đám giặc mang rượu đến chỗ A-lan-nhã, uống một nữa còn một nữa đem cất, lúc đó các Tỳ-kheo du hành đến thấy rượu này liền nói với đệ tử: "Hãy mang rượu này về trú xứ dùng làm rượu đắng", đệ tử vâng lời thầy lấy mang về. Đám giặc trở về, tìm không thấy rượu liền đến hỏi các Tỳ-kheo: "Rượu để chỗ kia, các thầy có lấy mang đi không?", đáp là có mang đi, đám giặc tức giận nói: "Các thầy là giặc của giặc", Tỳ-kheo hỏi: "Sao lại nói là giặc của giặc?", giặc nói: "Chúng tôi là giặc, các thầy trộm lấy của tôi nên là giặc của giặc". Tỳ-kheo sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không nên bạch Phật, Phật hỏi Tỳ-kheo: "Thầy khi lấy rượu với tâm gì", đáp: "Con cho là rượu không có chủ nên lấy", Phật nói: "Không phạm, từ nay nếu thấy vật nên suy xét kỹ rồi mới lấy".

Lại có đám giặc mang thịt đến chỗ A-lan-nhã,

ăn một nữa còn một nữa đem cất, lúc đó các Tỳ-kheo du hành đến thấy thịt này liền nói với đệ tử: "Hãy mang thịt này về trú xứ để ngày mai cúng dường", đệ tử vâng lời thầy lấy mang về. Đám giặc trở về, tìm không thấy thịt liền đến hỏi các Tỳ-kheo: "Thịt để chỗ kia, các thầy có lấy mang đi không?", đáp là có mang đi, đám giặc tức giận nói: "Các thầy là giặc của giặc", Tỳ-kheo hỏi: "Sao lại nói là giặc của giặc?", giặc nói: "Chúng tôi là giặc, các thầy trộm lấy của tôi nên là giặc của giặc". Tỳ-kheo sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không nên bạch Phật, Phật hỏi Tỳ-kheo: "Thầy khi lấy thịt với tâm gì", đáp: "Con cho là thịt không có chủ nên lấy", Phật nói: "Không phạm, từ nay nếu thấy vật nên suy xét kỹ rồi mới lấy".

Có đám giặc cướp phá thành ấp cướp lấy được tài vật rồi mang đến chỗ A-lan-nhã định chia, quan binh đến bao vây, đám giặc hoảng sợ nên đem tài vật này bố thí hết cho các Tỳ-kheo rồi bỏ chạy. Khi các bạch y đến nhìn thấy tài vật này ở chỗ Tỳ-kheo liền hỏi: "Tài vật này vì sao ở chỗ các thầy?", đáp là bọn giặc cho chúng tôi, bạch y nói: "Ai tin lời của các thầy, hoặc là các thầy làm giặc hoặc là đồng đảng của giặc nên mới có được tài vật này". Các Tỳ-kheo không biết làm sao, đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Từ nay không được lấy vật từ bọn giặc, nếu chủ giặc cho thì được thọ, thọ rồi nên nhuộm cho hoại sắc rồi mặc, nếu đã nhuộm

hoại sắc mà chủ vẫn đòi thì nên trả lại".

Có cư sĩ cởi áo để bên đường rồi đi tiện lợi, một Tỳ-kheo nạp y đi đến thấy y này, nhìn chung quanh thấy không có ai liền lấy y này mang đi, cư sĩ chạy theo đòi y nói rằng: "Tỳ-kheo không được mang áo của tôi đi", Tỳ-kheo không nghe thấy nên vẫn mang đi không dừng lại, cư sĩ nói: "Pháp của tỳ-kheo là người khác không cho mà vẫn miễn cưỡng lấy đi hay sao?", Tỳ-kheo nói: "Tôi cho là y này vô chủ", cư sĩ nói: "Đây là áo của tôi, nó là vật có chủ", Tỳ-kheo nói: "Nếu là vật của ông thì ông cứ lấy", Tỳ-kheo sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không nên bạch Phật, Phật hỏi Tỳ-kheo: "Thầy khi lấy y với tâm gì", đáp: "Con cho là y không có chủ nên lấy", Phật nói: "Không phạm, từ nay nếu thấy vật nên suy xét kỹ vật này là có chủ hay không chủ rồi mới lấy".

Khi có người thân chết, người nhà liền mang người chết đến bỏ nơi rừng thây chết, pháp của người dân trong nước này là cởi lấy y sạch đẹp trên người của người chết rồi mới hỏa thiêu. Người nhà cởi lấy y sạch đẹp trên người chết để ở bìa rừng rồi làm lễ hỏa thiêu người chết, lúc đó Tỳ-kheo nạp y đi đến thấy y này, nhìn chung quanh thấy không có ai liền lấy y này mang đi, cư sĩ chạy theo đòi y nói rằng: "Tỳ-kheo không được mang áo của tôi đi", Tỳ-kheo không nghe thấy nên vẫn mang đi không dừng lại, cư sĩ nói: "Pháp của tỳ-kheo là người

khác không cho mà vẫn miễn cưỡng lấy đi hay sao?", Tỳ-kheo nói: "Tôi cho là y này vô chủ", cư sĩ nói: "Đây là áo của tôi, nó là vật có chủ", Tỳ-kheo nói: "Nếu là vật của ông thì ông cứ lấy", Tỳ-kheo sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không nên bạch Phật, Phật hỏi Tỳ-kheo: "Thầy khi lấy y với tâm gì", đáp: "Con cho là y không có chủ nên lấy", Phật nói: "Không phạm, từ nay nếu thấy vật nên suy xét kỹ là vật có chủ hay không có chủ rồi mới lấy".

Có người giặt y đem y ngâm trong nước rồi quên bỏ đi đến tụ lạc khác, sau mới nhớ lại không biết có mất số y này không liền trở về. Lúc đó có Tỳ-kheo nạp y tìm cầu nạp y cũ rách đi đến chỗ này thấy y, nhìn chung quanh thấy không có ai liền lấy y này mang đi, người giặt y thấy Tỳ-kheo lấy y liền chạy theo đòi y nói rằng: "Tỳ-kheo không được mang áo của tôi đi", Tỳ-kheo không nghe thấy nên vẫn mang đi không dừng lại, người giặt y nói: "Pháp của tỳ-kheo là người khác không cho mà vẫn miễn cưỡng lấy đi hay sao?", Tỳ-kheo nói: "Tôi cho là y này vô chủ", cư sĩ nói: "Đây là áo của tôi, nó là vật có chủ", Tỳ-kheo nói: "Nếu là vật của ông thì ông cứ lấy", Tỳ-kheo sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không nên bạch Phật, Phật hỏi Tỳ-kheo: "Thầy khi lấy y với tâm gì", đáp: "Con cho là y không có chủ nên lấy", Phật nói: "Không phạm, từ nay nếu thấy vật nên suy xét kỹ vật là có

chủ hay không có chủ rồi mới lấy".

Lại có người giặt y mang y đến bên bờ nước giặt, giặt xong vắt rồi đem phơi, ngồi một chỗ để canh chừng, lúc đó có một Tỳ-kheo nạp y tìm cầu y nạp cũ rách đi đến chỗ này thấy y, nhìn chung quanh thấy không có ai liền lấy y này mang đi, người giặt y thấy Tỳ-kheo lấy y mang đi liền chạy theo đòi y nói rằng: "Tỳ-kheo không được mang áo của tôi đi", Tỳ-kheo không nghe thấy nên vẫn mang đi không dừng lại, người giặt y nói: "Pháp của tỳ-kheo là người khác không cho mà vẫn miễn cưỡng lấy đi hay sao?", Tỳ-kheo nói: "Tôi cho là y này vô chủ", cư sĩ nói: "Đây là áo của tôi, nó là vật có chủ", Tỳ-kheo nói: "Nếu là vật của ông thì ông cứ lấy", Tỳ-kheo sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không nên bạch Phật, Phật hỏi Tỳ-kheo: "Thầy khi lấy y với tâm gì", đáp: "Con cho là y không có chủ nên lấy", Phật nói: "Không phạm, từ nay nếu thấy vật nên suy xét kỹ là vật có chủ hay không có chủ rồi mới lấy".

Có một đứa trẻ mang xá lặc, rong chơi trên đường bỏ quên lại xá lặc mà trở về nhà, lúc đó có một Tỳ-kheo nạp y đi đến thấy Xá-lặc này, nhìn quanh thấy không có ai liền lấy mang đi. Người nhà của đứa bé từ xa nhìn thấy liền nói với Tỳ-kheo: "Không được lấy Xá-lặc đi", Tỳ-kheo nói: "Tôi nhặt ở trên đường", người nữ nói: "Con tôi mang xá lặc đi rong chơi bỏ quên trên đường, thầy

không nên lấy", Tỳ-kheo nói: "Nếu là của con cô thì cô cứ lấy lại", Tỳ-kheo sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không nên bạch Phật, Phật hỏi Tỳ-kheo: "Thầy khi lấy vật đó với tâm gì", đáp: "Con cho là vật không có chủ nên lấy", Phật nói: "Không phạm, từ nay nếu thấy vật nên suy xét kỹ rồi mới lấy".

Lúc đó các Tỳ-kheo nạp y mặc nạp y dơ bẩn khiến các thần kim cang và thiên thần không vui, cũng tự mất oai đức, bạch Phật, Phật nói: "Nạp y bất tịnh thì không nên mặc, nếu mặc thì phạm Đột-kiết-la".

Có một cư sĩ nghe nói Sa-môn Thích tử có người mặc nạp y liền đem điệp y quý giá gói tám văn tiền rồi bỏ trong đống phân, cố ý cho điệp y ló ra rồi đứng ở chỗ xa xem chừng. Lúc đó có một Tỳ-kheo nạp y tìm cầu nạp y cũ rách đi đến, thấy điệp y ló ra liền lấy, lấy rồi mới phát hiện ra là điệp y quý giá nên mang đi. Cư sĩ từ xa nhìn thấy liền kêu lên: "Trưởng lão chớ lấy điệp y của tôi", Tỳ-kheo nói: "Tôi nhặt trong đống phân, đâu can gì đến ông", cư sĩ nói: "Tôi nghe nói Sa-môn Thích tử có người mặc nạp y liền đem điệp y quý giá gói tám văn tiền rồi bỏ trong đống phân, cố ý cho điệp y ló ra rồi đứng ở chỗ xa xem chừng. Nếu thầy không tin thì hãy mở ra xem thử", Tỳ-kheo mở ra xem thì thấy có tám văn tiền liền nói: "Nếu là của ông thì cứ lấy lại", Tỳ-kheo sanh nghi không biết

có phạm Ba-la-di không nên bạch Phật, Phật hỏi Tỳ-kheo: "Thầy khi lấy vật đó với tâm gì", đáp: "Con cho là vật không có chủ nên lấy", Phật nói: "Không phạm, từ nay nếu thấy vật nên suy xét kỹ rồi mới lấy".

Có Tỳ-kheo nạp y cất giấu nạp y một chỗ rồi vào thành Xá-vệ khất thực, lúc đó có một Tỳ-kheo nạp y khác đi đến chỗ này phát hiện nạp y, nhìn quanh thấy không có ai liền lấy mang đi, sau đó đem giặt sạch rồi phơi bên cửa tinh xá Kỳ-hoàn. Tỳ-kheo chủ y khất thực trở về tìm không thấy nạp y, khi đến tinh xá Kỳ-hoàn thấy y đang phơi bên cửa liền nói với Tỳ-kheo phơi y: "Trưởng lão đã phạm Ba-la-di", Tỳ-kheo hỏi tại sao, liền nói: "Nạp y của tôi thầy đã lấy mang đi", Tỳ-kheo sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không nên bạch Phật, Phật hỏi Tỳ-kheo: "Thầy khi lấy nạp y đó với tâm gì", đáp: "Con cho là nạp y không có chủ nên lấy", Phật nói: "Không phạm, từ nay nếu thấy vật nên suy xét kỹ là vật cất giấu hay là vật vô chủ rồi mới lấy".

Nước Kiều-tát-la gần chỗ rừng thây chết có miếu thờ trời, người giữ miếu giặt y vắt rồi phơi quên không cất, gió thổi y bay đến chỗ người chết, lúc đó có một Tỳ-kheo đang ở bên người chết quán tử thi, nhìn thấy y rơi xuống liền lấy mang đi. Người giữ miếu đi đến thấy liền nói: "Trưởng lão chớ lấy y của tôi", Tỳ-kheo nói: "Tôi lấy y này ở

bên người chết đâu can gì đến ông", người giữ miếu nói: "Tôi phơi y quên cất, gió thổi bay đến chỗ người chết", Tỳ-kheo nói: "Nếu là của ông thì ông cứ lấy lại", Tỳ-kheo sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không nên bạch Phật, Phật hỏi Tỳ-kheo: "Thầy khi lấy y đó với tâm gì", đáp: "Con cho là y không có chủ nên lấy", Phật nói: "Không phạm, từ nay nếu thấy vật nên suy xét kỹ rồi mới lấy".

Các Tỳ-kheo lấy y ở trong chỗ bỏ người chết, các Chiên-đà-la thấy nói: "Trưởng lão không được lấy, đó là vật đóng thuế của chúng tôi", các Tỳ-kheo không biết làm sao liền bạch Phật, Phật nói: "Từ nay Tỳ-kheo không nên lấy y ở chỗ người chết, nếu lấy thì phạm tội". Lại có các Tỳ-kheo lượm những đoạn nạp y ở bên ngoài chỗ bỏ người chết, các Chiên-đà-la cũng ngăn không cho lấy, Tỳ-kheo bạch Phật, Phật nói: "Nếu ngăn không cho lấy thì đừng lấy, nếu lấy thì phạm Đột-kiết-la".

Lúc đó có cư sĩ thỉnh Phật và Tăng vào ngày mai thọ thực, Phật im lặng nhận lời, cư sĩ biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Về đến nhà ngay trong đêm đó lo sửa soạn đủ các món ăn ngon, sáng sớm trải tòa rồi sai sứ đến bạch Phật: "Đã đến giờ thọ thực, xin Phật tự biết thời". Khi Phật và Tăng đi đến nhà cư sĩ, trưởng lão Da-xá ở lại giữ Tăng phường nên nhận lấy phần thức ăn, lúc đó có hai đứa con nhỏ của cư sĩ Cấp-cô-độc

đến chơi đùa trong sân của Tăng phường, giặc muốn đến xâm não và cướp đoạt của hai đứa bé. Trưởng lão Da-xá thấy rồi liền suy nghĩ: "Hai đứa trẻ này đáng thương, không biết giặc sắp làm hại", nghĩ rồi liền nhập định dùng thần thông lực khởi bốn binh, giặc thấy bốn binh cho là bị quan binh bao vây hoảng sợ bỏ chạy. Sau đó các Tỳ-kheo biết chuyện nói với trưởng lão Da-xá: "Thầy đã phạm Ba-la-di", hỏi tại sao, liền nói: "Giặc xâm não cướp đoạt dật của hai đứa trẻ, thầy đã đoạt lấy lại", Da-xá sanh nghi nên bạch Phật, Phật hỏi: "Thầy dùng tâm gì đoạt lấy lại", đáp: "Con dùng thần thông lực", Phật nói: "Nếu dùng thần thông lực lấy lại thì không phạm".

Lúc đó có cư sĩ thỉnh Phật và Tăng vào ngày mai thọ thực, Phật im lặng nhận lời, cư sĩ biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Về đến nhà ngay trong đêm đó lo sửa soạn đủ các món ăn ngon, sáng sớm trải tòa rồi sai sứ đến bạch Phật: "Đã đến giờ thọ thực, xin Phật tự biết thời". Khi Phật và Tăng đến nhà cư sĩ, một Tỳ-kheo ở lại giữ Tăng phường nên nhận lấy phần thức ăn. Tỳ-kheo đang tụng chú thuật, lúc đó có hai đứa con nhỏ của cư sĩ Cấp-cô-độc đến chơi đùa trong sân của Tăng phường, giặc muốn đến xâm não và cướp đoạt của hai đứa bé. Tỳ-kheo thấy rồi liền suy nghĩ: "Hai đứa trẻ này đáng thương, không biết giặc sắp làm hại. Ta đang tụng chú thuật nên dùng thử xem

có linh nghiệm không", nghĩ rồi liền tụng chú thuật khởi bốn binh, giặc thấy bốn binh cho là bị quan binh bao vây hoảng sợ bỏ chạy. Sau đó các Tỳ-kheo biết chuyện nói với Tỳ-kheo này: "Thầy đã phạm Ba-la-di", hỏi tại sao, liền nói: "Giặc xâm não cướp đoạt vật của hai đứa trẻ, thầy đã đoạt lấy lại", Tỳ-kheo này sanh nghi nên bạch Phật, Phật hỏi: "Thầy dùng tâm gì đoạt lấy lại", đáp: "Con dùng thử chú thuật", Phật nói: "Nếu dùng lực của chú thuật lấy lại thì không phạm".

Có một cư sĩ thường dùng ruộng của Tăng mà không đưa cho Tăng tiền thuế, sau đó lại muốn gieo trồng, cựu Tỳ-kheo đến nói với cư sĩ: "Ông thường dùng ruộng của Tăng mà không đưa cho Tăng tiền thuế, nay ông không được gieo trồng nữa, nếu muốn gieo trồng thì phải đưa cho Tăng tiền thuế", cư sĩ nghe rồi nhưng vẫn cố gượng gieo trồng trên ruộng. Cựu Tỳ-kheo liền nằm trên ruộng ngăn không cho gieo trồng, cư sĩ hổ thẹn nên không gieo trồng nữa, Tỳ-kheo sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không liền bạch Phật, Phật nói: "Không phạm, nhưng từ nay không được đem thân mình ra làm việc đáng xấu hổ như thế".

Có một Tỳ-kheo trộm vật trong Phật điện, sau đó sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không liền bạch Phật, Phật nói: "Nếu có người coi giữ thì tính theo giá của vật đã lấy, nếu đủ năm tiền thì phạm Ba-la-di".

Cựu Tỳ-kheo sai người gieo trồng trên ruộng của Tăng, ruộng của Tăng gần sát ruộng của một cư sĩ, Tỳ-kheo cũng bảo người gieo trồng trên ruộng của cư sĩ, cư sĩ thấy liền nói: "Không được gieo trồng trên ruộng của tôi", Tỳ-kheo nói: "Tôi gieo trồng trên ruộng của Tăng, đâu can gì đến ông", cư sĩ nói: "Ruộng này là của tôi có phi nhân làm chứng". Theo pháp nước thì các thửa ruộng phân ranh giới lấy cọc có cột xương chân hay xương đầu của người chết cắm trong đất để biết ranh giới, sau khi cư sĩ chỉ rõ tướng của ruộng mình, Tỳ-kheo xấu hổ bỏ bò cày mà đi, nhưng sau đó lại sai người vượt qua tướng ranh gieo trồng giống như trước. Cư liền nói với Tỳ-kheo: "Trước đây tôi có chỉ cho thầy thấy tướng ranh của thửa ruộng, sao nay thầy lại cho gieo trồng trên ruộng của tôi nữa", Tỳ-kheo nghe nói rồi liền bỏ bò cày mà đi, sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Nên tính theo giá, đủ thì phạm Ba-la-di, không đủ thì phạm Thâu-lan-giá".

Có một Tỳ-kheo người khác không cho mà lấy cây hoa, sau đó sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Nên tính theo giá của cây hoa, đủ thì phạm Ba-la-di, không đủ thì phạm Thâu-lan-giá; cây quả cũng như vậy".

Có một Tỳ-kheo phá tổ của chim diều hâu nên

chim diều hâu thường đến bay lượn trên tinh xá kêu thảm thiết, Phật hỏi A-nan nguyên do, A-nan đem việc trên bạch Phật, Phật nói: "Từ nay không được phá tổ của chim diều hâu, nếu phá thì phạm Đột-kiết-la". Lại có một Tỳ-kheo lấy tổ của chim diều hâu nấu để nhuộm nên chim diều hâu thường đến bay lượn trên tinh xá kêu thảm thiết, Phật hỏi A-nan nguyên do, A-nan đem việc trên bạch Phật, Phật nói: "Từ nay không được lấy tổ của chim diều hâu nấu để nhuộm, nếu lấy thì phạm Đột-kiết-la".

Có một cư sĩ trồng La-bặc trong vườn rất tươi ngon, một Tỳ-kheo đến xin La bặc, cư sĩ hỏi: "Thầy có tiền không?", đáp là không có, cư sĩ nói: "Nếu thầy cần La bặc thì hãy mang tiền đến, nếu cho không thì tôi làm sao sinh sống", Tỳ-kheo nói: "Ông nhất định không cho phải không?", đáp là không cho. Tỳ-kheo liền dùng năng lực của chú thuật chú nguyện cho cây khô héo, làm rồi sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Nên tính theo giá của cây La bặc, đủ thì phạm Ba-la-di, không đủ thì phạm Thâu-lan-giá. Vườn cây, vườn hoa, vườn rau, vườn quả cũng như vậy".

Lúc đó có một con ngựa đang ăn, Tỳ-kheo dùng một bó cỏ dụ ngựa, con ngựa đi theo Tỳ-kheo, Tỳ-kheo lại chỉ cỏ khác, tâm nghĩ muốn nó ăn cỏ của người khác, sau đó sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm

Ba-la-di, chỉ phạm Thâu-lan-giá"

Các Tỳ-kheo từ nước Kiều-tát-la du hành đến nước Xá-vệ, tháp tùng theo đoàn thương buôn, khi đi ngang qua đường hiểm, các thương nhơn cởi ngựa tốt nói với các Tỳ-kheo: "Các thầy nên cởi ngựa tốt để đi mau qua con đường hiểm này". Tỳ-kheo liền cởi ngựa tốt liền khởi phương tiện: "Ngựa này đáng được", nghĩ rồi thân cũng hơi động liền sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Thâu-lan-giá"

Có thương buôn chở vật báu đầy thuyền, khi Tỳ-kheo đi nhờ qua sông thấy vật báu này liền khởi phương tiện: "Vật báu này đáng được", nghĩ rồi thân cũng hơi động liên sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Thâu-lan-giá"

Có thương buôn chở vật báu qua sông, thuyền bị chìm nên vật báu cũng chìm theo, chỉ có rương quần áo là trôi theo dòng nước. Thương nhân vì hoảng sợ nên không thể vớt lấy rương quần áo, lúc đó một Tỳ-kheo đang tắm ở dưới nguồn của sông, thấy rương quần áo trôi đến liền vớt lấy mang đi. Thương nhân thấy rồi liền nói với Tỳ-kheo: "Chớ lấy rương quần áo của tôi", Tỳ-kheo nói: "Tôi vớt được trên sông đâu can gì đến ông", thương nhân nói: "Thuyền của tôi bị chìm, vật báu của tôi cũng chìm theo, chỉ có rương quần áo nổi trôi theo dòng,

vì tôi hoảng sợ nên không thể vớt được", Tỳ-kheo nói: "Nếu đúng như lời ông nói thì hãy lấy đi đi", sau đó sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không liền bạch Phật, Phật nói không phạm.

Có một Tỳ-kheo mang vật của Tăng bốn phương dời để một chỗ khác, sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Đột-kiết-la".

Có đám giặc dẫn bò cột vào một gốc cây nơi A-lan-nhã rồi đi, các Tỳ-kheo sau giờ ăn đi kinh hành thấy bò bị cột ở gốc cây, cảm thấy thương xót nên mở dây thả cho bò đi, sau đó sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Đột-kiết-la".

Ở nước Xá-vệ có một tượng thiên thần có thể cho người ước nguyện một cư sĩ đến đó cầu nguyện và như như nguyện nên rất vui mừng, liền đem tấm bạch điệp khoác lên tượng thiên thần. Lúc đó có Tỳ-kheo tên là Hắc-a-nan có sức mạnh, không sợ gì hết liền lấy tấm bạch điệp này của tượng thiên thần mang đi, sau đó sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Thâu-lan-giá". Lại có một tượng thiên thần có thể bảo hộ người, một cư sĩ đến đó cầu nguyện và được như nguyện nên đem búi tóc bằng vàng kết trên đầu của tượng thiên thần. Tỳ-kheo Hắc-a-nan muốn đến lấy búi tóc bằng vàng này, khi sắp đến lấy, tượng thiên thần hiện

tướng khủng bố khiến Tỳ-kheo dựng lông tóc, vậy mà vẫn không sợ lấy búi tóc bằng vàng mang đi. Sau đó sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Thâu-lan-giá".

Tại nước Xá-vệ, có vợ của các cư sĩ đến tắm trong sông A-kỳ-La-bà, trước khi xuống sông tắm đã cởi bỏ y phục và đồ trang sức để trên bờ, bên bờ sông có một cây, trên cây có một con khỉ ở, thấy rồi liền leo xuống mang lấy chuỗi anh lạc và đồ trang sức lên cây. Vợ cư sĩ tắm xong lên bờ mặc lại y phục rồi tìm khắp nơi không thấy chuỗi anh lạc và đồ trang sức đâu nên bỏ về. Lúc đó con khỉ lại mang chuỗi anh lạc và đồ trang sức trả lại chỗ cũ, một Tỳ-kheo sau giờ ăn đi kinh hành đến đó thấy chuỗi anh lạc và đồ trang sức này liền lấy đem đến đưa cho vợ cư sĩ. Vợ cư sĩ nói: "Thầy là kẻ giặc đã trộm lấy đồ trang sức của tôi, nay tâm hối nên đem trả lại phải không?", Tỳ-kheo đáp là tôi không lấy, vợ cư sĩ nói: "Nếu thầy không lấy tại sao thầy có được", Tỳ-kheo đem việc trên kể lại rồi sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm".

Ở trên hang phía đầu đường kinh hành có chim Khang lang làm tổ nên nó thường tha xương và nạp y cũ rách về bỏ dưới đất, Tỳ-kheo kinh hành liền phá tổ của chim nên chim thường đến bay lượn trên tinh xá kêu thảm thiết, Phật hỏi A-nan nguyên do,

A-nan đem việc trên bạch Phật, Phật nói: "Từ nay không được phá tổ của chim Khang lang, nếu phá thì phạm Đột-kiết-la".

Ở một chỗ có kho chứa, các Tỳ-kheo thường đem thức ăn thức uống, tiền và vật dụng để trong đó. Có một hang chuột trong đó, mỗi khi ra khỏi hang chuột này liền tha thức ăn, tiền và vật dụng của các Tỳ-kheo mang vào trong hang, các Tỳ-kheo thấy mất nhưng không biết là ai lấy trộm. Lúc đó có một Tỳ-kheo khất thực về để thức ăn một bên, đợi đến giờ ngọ mới ăn, không ngờ chuột từ trong hang bò ra tha lấy thức ăn, Tỳ-kheo thấy rồi biết chính là chuột trộm liền phá hang chuột, không những lấy lại vật của mình mà còn lấy lại tất cả những gì chuột đã tha vào trước đó. Các Tỳ-kheo liền nói: "Thầy đã phạm Ba-la-di", hỏi vì sao, đáp là vì đã lấy vật của chuột, Tỳ-kheo sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm Ba-la-di, từ nay chỉ nên lấy lại vật của mình, không nên lấy vật của chuột".

Có một Tỳ-kheo nằm ngủ trên giường ở trong phòng, ban đêm thấy có chuột mang thức ăn đến bỏ dưới giường. Tỳ-kheo này sáng sớm thức dậy rửa tay rồi từ tịnh nhân thọ lấy thức ăn này ăn. Các Tỳ-kheo không thấy Tỳ-kheo này đi khất thực mà vẫn có thức ăn ăn nên hỏi nguyên do, sau khi biết rõ nguyên do liền nói: "Thầy đã phạm Ba-la-di", hỏi vì sao, các Tỳ-kheo nói: "Chuột không cho mà

thầy tự lấy ăn", Tỳ-kheo nghe rồi sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Tỳ-kheo này không phạm, vì sao, vì con chuột kia đời trước là cha của tỳ-kheo này, vì thương con nên mang thức ăn bỏ ở dưới giường cho Tỳ-kheo".

Có một người thợ săn đuổi theo một con nai chạy vào trong Tăng phường, muốn tìm nai nhưng các Tỳ-kheo không cho nên phải quay về, lúc đó các Tỳ-kheo sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm".

Có một người thợ săn dùng mũi tên độc bắn một con nai, nai chạy vào trong Tăng phường, thợ săn muốn tìm nai nhưng các Tỳ-kheo không cho nên phải quay về, lúc đó các Tỳ-kheo sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm".

Có một người thợ săn dùng mũi tên độc bắn một con nai, nai chạy vào trong Tăng phường, thợ săn muốn tìm nai nhưng các Tỳ-kheo không cho, thợ săn nói: "Nai này đã trúng độc ắt sẽ chết", Tỳ-kheo nói: "Dù có chết cũng không cho", thợ săn năn nỉ không được nên phải quay về, không bao lâu sau nai chết, lúc đó các Tỳ-kheo không biết làm sao liền bạch Phật, Phật nói: "Nên trả lại cho người thợ săn".

Có thợ săn làm dụng cụ bắt nai, nếu Tỳ-kheo với tâm vui thích phá bỏ dụng cụ này thì phạm

Thâu-lan-giá, nếu phá vì tâm thương xót thì phạm Đột-kiết-la. Có người giăng bẫy lưới bắt chim, nếu Tỳ-kheo với tâm vui thích phá bỏ dụng cụ này thì phạm Thâu-lan-giá, nếu phá vì tâm thương xót thì phạm Đột-kiết-la.

Có người bán y, Tỳ-kheo thấy rồi liền lấy mang đi, người bán y nói: "Không được lấy y của tôi", Tỳ-kheo nói: "Tôi cầm y để chỉ cho người kia thấy rồi sẽ lại lại cho ông", nhưng sau đó lại sanh tâm muốn không trả lại, nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Thâu-lan-giá".

Có Tỳ-kheo sai thợ mộc làm mà không chịu trả tiền công, thợ mộc đòi tiền, Tỳ-kheo không đưa cho, sau đó sanh nghi hối, nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Thâu-lan-giá". Lại có Tỳ-kheo lấy đồ gốm của người thợ gốm mà không trả tiền, thợ gốm đòi tiền, Tỳ-kheo không đưa, sau đó sanh nghi hối, nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Thâu-lan-giá". Lại có Tỳ-kheo đến một cửa hiệu mua đồ mà không trả tiền, chủ cửa hiệu đòi tiền, Tỳ-kheo không đưa, sau đó sanh nghi hối, nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Thâu-lan-giá".

Có một Tỳ-kheo bịnh muốn ăn bánh nên đưa

tiền cho Tỳ-kheo khán bịnh nói rằng: "Thầy cầm tiền này làm bánh cho tôi, tôi ăn một ít và cúng cho Tăng", các Tỳ-kheo khán bịnh nói với nhau: "Vì sao chúng ta lại đem tiền này làm bánh cho Tăng được, chúng ta chỉ nên làm một ít bánh cho người bịnh ăn thôi, tiền còn dư chúng ta sẽ cùng chia", bàn xong liền làm một ít bánh cho người bịnh rồi cùng nhau chia tiền còn lại, sau đó sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Đột-kiết-la "

Có một Tỳ-kheo bịnh đưa tiền cho Tỳ-kheo khán bịnh nói rằng: "Thầy cầm tiền này nấu cho tôi ba thời cháo mới, tôi ăn một ít và cúng cho Tăng", các Tỳ-kheo khán bịnh nói với nhau: "Vì sao chúng ta lại đem tiền này nấu cháo cho Tăng được, chúng ta chỉ nên nấu một ít cháo cho người bịnh ăn thôi, tiền còn dư chúng ta sẽ cùng chia", bàn xong liền nấu một ít cháo cho người bịnh rồi cùng nhau chia tiền còn lại, sau đó sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Đột-kiết-la ".

Có một Tỳ-kheo bịnh có nhiều tiền nghĩ rằng: "Sau khi ta chết chắc chắn Tăng chia tiền của ta, nay ta sẽ làm cho Tăng không thể chia được", nghĩ rồi liền nói với người khán bịnh: "Hãy nấu cho tôi canh đậu ma sa". Người khán bịnh nấu canh này mang đến, vì có việc nên ra ngoài, người bịnh bỏ tiền vào trong canh và húp hết, do thức ăn này khó

tiêu nên Tỳ-kheo bịnh chết, Tỳ-kheo khán bịnh đem thây bỏ trong rừng thây chết, chim đến rỉa bụng ăn nên tiền rớt ra ngoài đất. Lúc đó tăng đánh kiền chùy gọi người khán bịnh đến nói: "Tỳ-kheo qua đời để lại nhiều tiền, thầy hãy mang đến cho Tăng chia", Tỳ-kheo khán bịnh tìm tiền không thấy. Có một Tỳ-kheo sống ở trong gò mả, đến chỗ người chết để quán vô thường, thấy tiền này nên mang đến cho Tăng, sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm".

Có một Tỳ-kheo bịnh có nhiều ruộng đất, nói với Tỳ-kheo khán bịnh: "Hãy gọi các Tỳ-kheo đến, tôi muốn chia ruộng đất này cho Phật và Tăng hoặc cho người", Tỳ-kheo khán bịnh suy nghĩ: "Nếu Tỳ-kheo bịnh đem ruộng đất chia cho Phật, Tăng hay cho người thì ta sẽ không được gì", nghĩ rồi liền không gọi các Tỳ-kheo đến, sau khi Tỳ-kheo bịnh chết, Tỳ-kheo khán bịnh đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Không nên vì một việc nhỏ mà làm trái ý người bịnh, nên làm theo ý muốn của người sắp qua đời".

Có một Tỳ-kheo bịnh có nhiều y bát và các vật cần dùng trong sinh hoạt, nói với Tỳ-kheo khán bịnh: "Hãy gọi các Tỳ-kheo đến, tôi muốn chia các vật này cho Phật và Tăng hoặc cho người", Tỳ-kheo khán bịnh suy nghĩ: "Nếu Tỳ-kheo bịnh đem các vật này chia cho Phật, Tăng hay cho người thì

ta sẽ không được gì", nghĩ rồi liền không gọi các Tỳ-kheo đến, sau khi Tỳ-kheo bịnh chết, Tỳ-kheo khán bịnh đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Không nên vì một việc nhỏ mà làm trái ý người bịnh, nên làm theo ý muốn của người sắp qua đời".

Có một Tỳ-kheo-ni ở Đông phương đi chung đường với Tỳ-kheo-ni tên Ba-lợi, Ba-lợi đi trước đánh rơi y, Đông phương đi sau nhặt lấy, về đến trú xứ liền hỏi là ai đã đánh rơi y, Ba-lợi nghe rồi liền hỏi: "Cô đã lấy y sao?", đáp là đã nhặt lấy, Ba-lợi liền nói: "Cô đã phạm Ba-la-di", Đông phương hỏi tại sao, Ba-lợi nói: "Vì cô dùng tâm trộm để lấy", Đông phương nghe rồi sanh nghi không biết mình có phạm Ba-la-di hay không, liền đem việc này bạch Phật, Phật nói không phạm.

Có Tỳ-kheo-ni tên Thi-việt quen biết rộng, là người có phước đức, thích được cúng dường tô, dầu, mật, thạch mật. Lúc đó có một thương buôn thấy vị ni này sanh tâm tín kính nói rằng: "Khi nào cô cần tô, dầu, mật, thạch mật cứ đến nhà con lấy về dùng", ni liền nhận lời. Một Tỳ-kheo-ni khác nghe được, qua mấy ngày sau đến nhà thương buôn đó nói rằng: "Ni Thi-việt cần năm thăng dầu mè", thương buôn liền cúng cho, vị ni này mang về tự dùng. Vài ngày sau, thương buôn này gặp ni Thi-việt liền nói: "Sao cô chỉ cần lấy dầu mè mà không lấy thứ khác", ni liền hỏi nguyên do rồi nói: "Nếu có xin thứ khác, ông cũng nên cho", nói rồi trở về

quở trách vị ni kia: "Cô là Tỳ-kheo-ni xấu xa, hạ tiện, cô đã phạm Ba-la-di", ni kia hỏi rõ nguyên do rồi nói: "Không phải chủ không cho mà tôi nhận lấy, mà là tôi mượn tên cô để nhận lấy", nói rồi sanh nghi không biết mình có phạm Ba-la-di hay không liền đem việc này bạch Phật, Phật hỏi: "Cô dùng tâm gì để nhận lấy?", đáp là mượn tên của Thi-việt để nhận lấy, Phật nói: "Không phạm Ba-la-di nhưng phạm tội vọng ngữ Ba-dật-đề, từ nay không được dối mượn tên người khác để lấy, nếu lấy thì phạm tội".

Ở thành Xá-vệ, có một thương buôn trang bị thuyền bè để vào biển cả, khi vào trong biển có rồng đến nắm lấy thuyền, mọi người trên thuyền đều cầu khẩn thiên thần mong được thoát nạn. Trong số này có một thương buôn là đệ tử của trưởng lão Đại Mục-kiền-liên, trưởng lão thường lui tới nhà này, lúc đó người này suy nghĩ: "Nếu ta niệm thánh hiệu của thánh giả Đại Mục-kiền-liên ắt sẽ được cứu thoát", nghĩ rồi liền nhất tâm niệm danh hiệu thánh giả Mục-liên. Lúc đó trưởng lão Mục-liên dùng thiên nhãn thấy liền nhập định, dùng thần thông lực hóa thành chim chúa Kim súy đậu trên đầu thuyền, rồng thấy chim chúa Kim súy hoảng sợ buông thuyền rồi lặn mất. Các thương nhơn được an ổn trở về, hết lời ca ngợi trưởng lão Đại Mục-kiền-liên: "Chúng ta được thoát chết từ biển trở về đều nhờ ân lực của trưởng lão Mục-

liên". Các Tỳ-kheo biết chuyện liền đến nói với trưởng lão Mục-liên: "Thầy đã phạm Ba-la-di", hỏi vì sao, đáp: "Thuyền đã thuộc về rồng, thầy đã lấy lại từ nó", Mục-liên nghe rồi sanh nghi nên bạch Phật, Phật hỏi: "Thầy cứu họ như thế nào?", đáp là dùng thần thông lực, Phật nói: "Nếu dùng thần thông lực cứu thì không phạm".

Ở nước Xá-vệ, các thương nhơn đi vào tụ lạc thành ấp buôn bán, khi đi qua đường hiểm gặp giặc cướp bao vây đánh cướp, mọi người đều cầu khẩn thiên thần mong được thoát nạn. Trong số này có một thương buôn là đệ tử của trưởng lão Đại Mục-kiền-liên, trưởng lão thường lui tới nhà này, lúc đó người này suy nghĩ: "Nếu ta niệm thánh hiệu của thánh giả Đại Mục-kiền-liên ắt sẽ được cứu thoát", nghĩ rồi liền nhất tâm niệm danh hiệu thánh giả Mục-liên. Lúc đó trưởng lão Mục-liên dùng thiên nhãn thấy liền nhập định, dùng thần thông lực hóa hiện bốn binh. Giặc cướp thấy bốn binh không biết là của vua quan hay của người trong tụ lạc nên hoảng sợ bỏ chạy. Các thương nhơn được an ổn trở về, hết lời ca ngợi trưởng lão Đại Mục-kiền-liên: "Chúng ta được thoát chết từ biển trở về đều nhờ ân lực của trưởng lão Mục-liên". Các Tỳ-kheo biết chuyện liền đến nói với trưởng lão Mục-liên: "Thầy đã phạm Ba-la-di", hỏi vì sao, đáp: "Các thương nhơn đã thuộc về giặc cướp, thầy đã đoạt lại từ họ", Mục-liên nghe rồi sanh nghi nên bạch

Phật, Phật hỏi: "Thầy cứu họ như thế nào?", đáp là dùng thần thông lực, Phật nói: "Nếu dùng thần thông lực cứu thì không phạm".

Trưởng lão Tất-lân-già-bà-ta thường ra vào nhà đàn việt, có đứa trẻ mỗi khi thấy Tỳ-kheo đến nhà liền đến đảnh lễ, hai tay chạm vào chân của tỳ-kheo rồi mới đứng dậy. Một hôm đứa trẻ đang đứng chơi trên bờ sông, có thuyền của giặc cướp đến dụ nó lên thuyền. Trưởng lão dùng thiên nhãn thấy rồi liền nhập định, dùng thần thông lực hiện đứng trên đầu thuyền, đứa trẻ này thấy trưởng lão liền đến đảnh lễ, hai tay chạm vào chân trưởng lão, trưởng lão liền bay đi, đứa trẻ cũng bay theo, trưởng lão đưa đứa trẻ trở về nhà. Các Tỳ-kheo biết chuyện liền đến nói với trưởng lão Tất-lân-già-bà-ta: "Thầy đã phạm Ba-la-di", hỏi vì sao, đáp: "Đứa trẻ đã thuộc về giặc cướp, thầy đã đoạt lại từ họ", Tất-lân-già-bà-ta nghe rồi sanh nghi nên bạch Phật, Phật hỏi: "Thầy cứu họ như thế nào?", đáp là dùng thần thông lực, Phật nói: "Nếu dùng thần thông lực cứu thì không phạm".

Lúc đó vua Bình-sa cho Tăng trong Trúc viên năm trăm người giữ vườn để làm việc cho Tăng, năm trăm người này ở trong một thôn cách Trúc viên không xa, giặc cướp thường đến cướp đoạt tài vật của họ. Trưởng lão Tất-lân-già-bà-ta thấy việc này rồi suy nghĩ: "Không nên để cho những người này bị giặc cướp hại", nghĩ rồi liền dùng thần thông

lực hóa thành tường vách cao, khi giặc cướp đến đánh cướp phải làm thang cao để leo qua nhưng chưa làm xong thang thì trời sáng, giặc cướp hoảng sợ bỏ chạy. Các Tỳ-kheo biết chuyện liền đến nói với trưởng lão Tất-lân-già-bà-ta: "Thầy đã phạm Ba-la-di", hỏi vì sao, đáp: "Tài vật đã thuộc về giặc cướp, thầy đã đoạt lại từ họ", Mục-liên nghe rồi sanh nghi nên bạch Phật, Phật hỏi: "Thầy cứu họ như thế nào?", đáp là dùng thần thông lực, Phật nói: "Nếu dùng thần thông lực cứu thì không phạm".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó vào tháng cuối hạ, Bạt-nan-đà đi đến các tinh xá để dò xét xem chỗ nào được cúng dường nhiều y vật. Từ xa các Tỳ-kheo thấy Bạt-nan-đà đi đến liền đứng dậy nghinh đón, mời ngồi rồi thăm hỏi có an lạc hay không. Im lặng một lát, Bạt-nan-đà liền hỏi các Tỳ-kheo: "Trú xứ này an cư có được cúng dường y vật không?", đáp là được, lại hỏi chia chưa, đáp là chưa chia, liền bảo mang đến để chia, các Tỳ-kheo liền mang đến cho Bạt-nan-đà chia. Sau khi chia xong, vị thượng tòa nhận phần của mình rồi đi, Bạt-nan-đà bảo chờ một chút, thượng tòa hỏi có việc gì, đáp là cứ đợi. Do Bạt-nan-đà có biện tài thuyết pháp với đủ ngôn từ khiến cho vị thượng tòa này nghe pháp xong rất hoan hỉ, vì ái pháp nên nói với Bạt-nan-đà: "Phần y này của tôi xin cúng cho thầy", cứ như thế các Tỳ-kheo trong trú xứ này đều đem phần y

của mình cúng dường hết cho Bạt-nan-đà, không phải chỉ một trú xứ này mà các trú xứ khác cũng vậy nên Bạt-nan-đà được rất nhiều y vật gánh về Kỳ lâm. Lúc đó các Tỳ-kheo đang kinh hành ở chỗ đất trống bên ngoài cửa Kỳ-hoàn, từ xa thấy Bạt-nan-đà gánh y vật đi đến liền nói với nhau: "Bạt-nan-đà này là người không biết xấu hổ, có làm điều xấu thấy nghe nghi nên mới thọ được nhiều y vật như thế mang về". Khi Bạt-nan-đà đến gần, các Tỳ-kheo hỏi: "Y vật này từ đâu có được?", đáp: "Do tôi thuyết pháp cho các Tỳ-kheo hay nên được". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Bạt-nan-đà: " thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo an cư ở chỗ này lại đi đến các chỗ khác thọ phần y", nhưng lúc đó Phật chỉ quở trách chứ chưa kết giới.

Phật tại nước Kiều-tát-la cùng đại chúng an cư tại một trú xứ, lúc đó các cư sĩ trong nước này cúng dường rất nhiều y cho Tăng hoặc cúng ở trong phòng riêng, hoặc cúng sau hạ an cư. Năm sau Phật an cư trong Kỳ lâm, trong trú xứ này có hai Tỳ-kheo an cư, các cư sĩ suy nghĩ: "Chúng ta nên cúng hạ an cư như xưa, không nên bỏ phế, các Tỳ-kheo được cúng dường còn chúng ta được phước", nghĩ

rồi liền mang nhiều y vật đến cúng cho Tăng an cư. hai Tỳ-kheo này suy nghĩ: "Y vật cúng dường quá nhiều, chúng ta chỉ có hai, nếu đem chia không biết sẽ mắc tội gì", do tâm nghi nên không chia y vật. Lúc đó vào tháng sau hạ, Bạt-nan-đà đi đến các tinh xá để dò xét xem chỗ nào được cúng dường nhiều y vật. Bạt-nan-đà suy nghĩ: "Năm trước Phật an cư nơi đây, nhất định nơi đó được cúng nhiều y vật", nghĩ rồi liền đi đến trú xứ này. Từ xa hai Tỳ-kheo thấy Bạt-nan-đà đi đến liền đứng dậy nghinh đón, mời ngồi rồi thăm hỏi có an lạc hay không. Im lăng một lát, Bạt-nan-đà liền hỏi hai Tỳ-kheo: "Trú xứ này an cư có được cúng dường y vật không?", đáp là được, lại hỏi chia chưa, đáp là chưa chia, lại hỏi vì sao không chia, đáp: "Y vật quá nhiều, chúng tôi chỉ có hai, sợ chia không biết sẽ phạm tội gì, do tâm nghi nên không chia", Bạt-nan-đà nói: "Hai thầy không chia là đúng, nếu chia rồi không biết sẽ phạm tội gì", hai Tỳ-kheo hỏi: "Thầy có thể chia giúp được không?", đáp: "Tất nhiên là được, chỉ cần làm yết ma". Hai Tỳ-kheo này liền mang tất cả y vật đến cho Bạt-nan-đà chia, Bạt-nan-đà chia làm ba phần, một phần đưa cho hai Tỳ-kheo, còn hai phần cho mình và nói rằng: "Hai thầy hãy lắng nghe tác pháp yết ma", liền nói kệ:

"Hai thầy được một phần, Tổng cọng là ba phần.

Hai phần này với tôi, Tôi cũng có ba phần".

Hai Tỳ-kheo hỏi: "Yết ma chia như vậy có ổn không?", đáp là rất ổn, nói rồi liền gánh y đi. hai Tỳ-kheo nói: "Nhưng hai chúng tôi chưa được chia y", Bạt-nan-đà nói: "Nếu tôi chia cho hai thầy thì người biết pháp phải được một cái y tốt", đáp là được, Bạt-nan-đà liền chọn lấy một cái y quý giá để riêng ra rồi chia số y còn lại làm hai phần cho hai Tỳ-kheo, chia xong liền gánh y trở về Kỳ-hoàn. Lúc đó các Tỳ-kheo đang kinh hành ở chỗ đất trống bên ngoài cửa Kỳ-hoàn, từ xa thấy Bạt-nan-đà gánh y vật đi đến liền nói với nhau: "Bạt-nan-đà này là người không biết xấu hổ, có làm điều xấu thấy nghe nghi nên mới thọ được nhiều y vật như thế mang về". Khi Bạt-nan-đà đến gần, các Tỳ-kheo hỏi: "Y vật này từ đâu có được?", Bạt-nan-đà liền đem việc trên kể lại cho các Tỳ-kheo nghe. Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi hỏi Bạt-nan-đà: "Thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Thật đã làm thưa Thế tôn", Phật liền quở trách: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại cố tình đoạt lấy y vật của tỳ-kheo khác", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Bạt-nan-đà này không phải chỉ đời này mà trong quá khứ cũng đã đoạt lấy vật thực của hai người này. Các thầy hãy lắng nghe:

Thuở xưa trong một khúc sông có hai con rái cá bắt được một con cá chép lớn trong sông, do

không biết nên chia như thế nào nên cả hai đứng đó để giữ con cá. Lúc đó có một con dã can muốn đến bờ sông để uống nước, thấy vậy liền hỏi nguyên do, rái cá nói: "chúng con bắt được một con cá chép lớn trong sông nhưng không biết nên chia như thế nào, cậu có thể chia giúp chúng con được không?", dã can nói: "Tất nhiên là được, chỉ cần nói kệ", dã can liền chia con cá ra làm ba phần rồi hỏi rái cá: "Ai thích sống ở chỗ cạn", một con đáp là con, lại hỏi: "Ai thích sống ở chỗ sâu", con còn lại đáp là con, dã can nói: Hãy nghe ta nói kệ:

"Vào cạn được phần đuôi, Vào sâu được phần đầu, Phần thịt ở giữa thân, Chia cho người biết pháp".

Nói rồi liền ngậm phần thịt cá đi, một con dã can cái thấy liền nói kệ hỏi:

"Anh từ chỗ nào về,

Trong miệng lại ngậm đầy, Không đầu đuôi như thế, Thịt cá chép ăn ngon"

Dã can nói kệ đáp:

"Người biết cách ăn nói, Nhưng không biết phân chia, Người biết cách phân chia, Như quan được kho báu, Phần thịt cá chép này, Thuộc về tôi được ăn".

Phật bảo các Tỳ-kheo: "Hai con rái cá thuở xưa chính là hai Tỳ-kheo kia ngày nay, dã can ngày xưa chính là Bạt-nan-đà ngày nay. Thuở xưa Bạt-nan-

đà đã chiếm đoạt vật thực, nay lại chiếm đoạt y", Phật quở trách Bạt-nan-đà rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay nếu an cư trong trú xứ này thì không được đến các trú xứ khác thọ phần y, nếu thọ thì phạm Đột-kiết-la".

Trưởng lão A-nan có đệ tử cọng hành tên là Trực tín là người nho nhã hiền lành, thường lui tới nhà một cư sĩ. Cư sĩ này bịnh nặng, Tỳ-kheo Trực tín đến thăm, sau khi thăm hỏi rồi, cư sĩ nói với Tỳ-kheo Trực tín: "Tôi có hai đứa con, sau khi tôi chết, thầy quán xem đứa trẻ nào tốt thì giao chìa khóa nhà cho nó", nói xong liền qua đời. Tỳ-kheo nhớ lời cư sĩ, quán sát thấy một trong hai đứa trẻ là người tốt hiền lành liền giao chìa khóa nhà cho nó, đứa kia liền đòi chia phần, đứa được chìa khóa nhà không chia. Đứa trẻ không được chia phần liền đến chỗ trưởng lão A-nan kể lại việc trên, trưởng lão A-nan nghe rồi liền đuổi Tỳ-kheo Trực tín. Trực tín vốn thuộc dòng họ Thích nên đến nói với năm trăm Thích tử: "Xin thỉnh cầu Hòa thượng giúp tôi cho tôi sám hối", liền hỏi giúp như thế nào, Trực tín nói: "Các vị dẫn hai đứa trẻ này đến chỗ Hòa thượng đảnh lễ rồi ngồi một bên, Hòa thượng ắt sẽ thuyết pháp cho các vị, các vị nghe pháp xong khi ra về nên để lại hai đứa trẻ, Hòa thượng ắt sẽ bảo các vị dẫn chúng đi, các vị nói: Hãy cho Tỳ-kheo Trực tín sám hối thì sẽ dẫn hai đứa trẻ đi", các Thích tử nhận lời làm y theo lời Trực tín nói, lúc

đó trưởng lão A-nan suy nghĩ rồi nói với các Thích tử: "Ta cho Trực tín sám hối", sau đó bảo Trực tín rằng: "Thầy phạm tội Đột-kiết-la".

Có hai Tỳ-kheo quen thân nhau, một người tên là Chiên-đà-la, một người tên là Tô-đà-di. Chiên-đà-la có y Tăng-già-lê muốn đổi, Tô-đà-di lại cần y Tăng-già-lê; lúc đó Chiên-đà-la để y trong phòng, Tô-đà-di suy nghĩ: "Chiên-đà-la muốn đổi y, ta cũng cần có y, ta nên đắp thử xem nếu vừa thì ta sẽ đổi", nghĩ rồi liền đắp y thử, Chiên-đà-la bước vào thấy rồi liền nói: "Thầy đã phạm Ba-la-di", hỏi vì sao, đáp: "Thầy có tâm trộm lấy y của tôi đắp", Tô-đà-di nghe rồi sanh tâm nghi hối liền bạch Phật, Phật hỏi: "Thầy dùng tâm gì khi lấy y?", đáp: "Con cho là đồng ý nên lấy đắp thử", Phật nói: "Nếu cho là đồng ý mà lấy đắp thử thì không phạm, từ nay vật của người không được đồng ý thì không nên lấy, nếu lấy thì phạm tội. Có năm trường hợp được đồng ý lấy: Một là thiện tri thức đáng tin cậy, hai là người hiện tiền, ba là vật hiện tiền, bốn là khi lấy nói trước với người chủ, năm là nếu lấy mà người kia hoan hỉ".

Có hai Tỳ-kheo quen thân nhau, một người tên là Tu-thi-ma, một người tên là Hòa-tu-đạt. Tu-thi-ma có thể cắt rọc may y nên Hòa-tu-đạt-mang vải đến chỗ Tu-thi-ma nói rằng: "Nếu thầy cắt rọc may y này thì tôi sẽ cho thầy bát", Tu-thi-ma nhận lời nói rằng: "Nếu như lời thầy nói cho tôi bát thì hãy

để vải lại đây", Hòa-tu-đạt để vải lại rồi đi. Sau khi cắt rọc may thành y xong, Tu-thi-ma giao cho Hòa-tu-đạt rồi nói: "Tôi đã may thành y, thầy hãy mang bát đến cho tôi", Hòa-tu-đạt rửa sạch bát rồi để trước mặt Tu-thi-ma không nói cho mà liền bỏ đi, Tu-thi-ma khởi tưởng là vật của mình nên lấy mang đi, Hòa-tu-đạt nói với Tu-thi-ma: "Thầy đã phạm Ba-la-di", hỏi vì sao, đáp: "Thầy có tâm trộm lấy bát của tôi", Tu-thi-ma sanh nghi hối liền bạch Phật, Phật hỏi: "Thầy dùng tâm gì khi lấy bát?", đáp: "Con khởi tưởng là của mình nên lấy", Phật nói: "Không phạm, từ nay không được vì lấy vật mà làm việc cho người khác, nếu vì lấy vật mà làm thì phạm Đột-kiết-la. Không phạm là nếu người kia nói: Khi thầy có việc tôi sẽ làm thay cho thầy, như khi tôi giữ Tăng phường thì thấy nhận lấy phần thức ăn giùm tôi".

Có hai Tỳ-kheo khách trời tối đến trong Tăng phường, một người tên là A-dật-đa, một người tên là Xá-ma-đạt-đa. Xá-ma-đạt-đa có y mới nhuộm rất đẹp, A-dật-đa vừa nhìn thấy liền sanh tâm tham. Hai người ngủ chung một phòng, mỗi người tự xếp y cất vào một chỗ, trời chưa sáng A-dật-đa đã thức dậy, cho gói y của mình là của Xá-ma-đạt-đa nên trộm lấy mang đi, đến khi trời sáng mở ra xem mới biết là gói y của mình, sanh tâm nghi hối liền bạch Phật, Phật hỏi: "Thầy dùng tâm gì khi lấy gói y đi?", đáp là dùng tâm trộm lấy, Phật nói: "Làm

trước khi kết giới thì không phạm, từ nay không nên dùng tâm trộm tự lấy y của mình, nếu dùng tâm trộm mà lấy y của mình thì phạm Thâu-lan-giá".

Có người chăn heo làm mất heo, tên trộm bắt heo này đem đến bên bờ hào của tinh xá Kỳ-hoàn giết heo rồi mang phần thịt đi, để lại phần ruột heo ở đó. Lúc đó các Tỳ-kheo vào trước ngọ đắp y mang bát vào thành khất thực, thấy ruột heo này ở trên đất liền nói với nhau: "Thầy mang ruột heo này về nấu còn tôi vào thành khất thực". Khi người mất heo vào thành kiếm heo, đến gần Kỳ-hoàn thấy có khói bay lên nên đến hỏi Tỳ-kheo làm gì, đáp là nấu ruột heo, người này nói: "Tôi bị mất heo, thầy nấu ruột heo như vậy là đã giết heo của tôi", Tỳ-kheo nói là không có giết heo, người này nói: "Không giết thì làm sao có ruột heo nấu", đáp là lượm ở bên bờ hào, hai bên cùng nhau tranh cải và đưa đến chỗ quan xử đoán, quan hỏi Tỳ-kheo: "Thầy thật có giết heo không?", Tỳ-kheo đáp: "Tôi thật không có giết, mà là lượm ở bên bờ hào của tinh xá Kỳ-hoàn". Quan xử đoán này tín kính Phật pháp nên tin lời Tỳ-kheo, thả cho ra về và nói với Tỳ-kheo rằng: "Từ nay không nên lượm lấy ruột heo ở chỗ đất trống nữa". Tỳ-kheo này trở về kể lại cho các Tỳ-kheo khác nghe, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Từ nay không được lượm lấy vật bất tịnh đã bỏ, nếu lấy thì phạm Đột-

kiết-la".

Có người có bà con chết, dùng tấm bạch điệp liệm cho người chết rồi đem bỏ trong rừng thây chết, trưởng lão A-nan trên đường đi thấy tấm bạch điệp này rồi muốn đến lấy, người chết bỗng động đậy nói rằng: "Xin đừng lấy tấm bạch điệp của tôi", A-nan liền để lại rồi bỏ đi, về đến tinh xá kể lại việc trên cho các Tỳ-kheo nghe. Có một Tỳ-kheo tên là Hắc A-nan nghe rồi liền hỏi người chết hiện giờ ở đâu, đáp là ở tại , Tỳ-kheo này liền đến đó lấy tấm bạch điệp của người chết, người chết động đậy nói: "Xin đừng lấy tấm bạch điệp của tôi", Hắc A-nan liền nói: "Ngạ quỷ từ đâu đến mà tham muốn y này, đời trước ngươi keo kiệt nên mới đọa làm ngạ quỷ", nói rồi liền lấy tấm bạch điệp đi, ngạ quỷ theo sau đòi, Hắc A-nan về đến tinh xá, thiện thần giữ cửa không cho ngạ quỷ vào, xô xuống hào trước tinh xá. Hắc A-nan cầm bạch điệp khoe và kể lại việc trên cho các Tỳ-kheo nghe, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay thi thể của người chết chưa hoại thì không được lấy vật của họ, nếu lấy thì phạm Đột-kiết-la". Phật bảo Hắc A-nan đem thi thể của người chết trở về chỗ cũ và trả lại tấm bạch điệp cho người chết. Hắc A-nan phải đi sau, không được đi phía trước; nên đứng bên trái, không được đứng bên phải; nên đứng gần đầu, không được đứng gần chân và chớ để cho ngạ quỷ này đánh.

Có Tỳ-kheo là người có phước đức, thích được cúng dường tô, dầu, mật, thạch mật. Lúc đó có một thương buôn thấy Tỳ-kheo này sanh tâm tín kính nói rằng: "Khi nào thầy cần tô, dầu, mật, thạch mật cứ đến nhà con lấy về dùng", Tỳ-kheo liền nhận lời. Tỳ-kheo này có một đệ tử cọng hành nghe rồi liền suy nghĩ: "Thương buôn này thỉnh thầy ta tùy ý đến lấy tô, ta nên đến lấy thử xem có thật như lời đã thỉnh hay không", nghĩ rồi qua mấy ngày sau đến nhà thương buôn đó nói rằng: "Hòa thượng tôi cần năm thăng tô", thương buôn liền cúng cho, đệ tử mang về để dần trong thức ăn cho thầy. Thời gian sau, thương buôn này gặp Tỳ-kheo liền nói: "Sao thầy chỉ cần lấy tô mà không lấy thứ khác", Tỳ-kheo liền hỏi nguyên do rồi nói: "Nếu có xin thứ khác, ông cũng nên cho", nói rồi trở về quở trách đệ tử: "Thầy đã phạm Ba-la-di", đệ tử hỏi rõ nguyên do rồi nói: "Không phải chủ không cho mà con đến lấy, vì người ấy thỉnh thầy tùy ý đến lấy tô… nên con mới đến lấy xem thử có thật như lời đã thỉnh hay không, nhưng tô lấy về con không tự dùng mà để dần trong thức ăn của thầy", nói rồi sanh nghi không biết mình có phạm Ba-la-di hay không liền đem việc này bạch Phật,, Phật nói: "Không phạm Ba-la-di nhưng phạm tội vọng ngữ Ba-dật-đề".

Có một trú xứ, cọp giết nai rồi chọn lấy thịt ngon ăn trước rồi để lại thịt dư, các Tỳ-kheo qua

giờ ngọ đi ngang qua chỗ này thấy thịt nai của cọp ăn dư này liền nói với nhau: "Chúng ta mang về để ngày mai ăn", liền mang về trong Kỳ-hoàn. Lúc đó cọp đói tìm thịt nai dư để ăn nữa nên đi quanh quẩn bên Kỳ-hoàn cất tiếng rống lên, Phật nghe tiếng cọp rống liền hỏi A-nan nguyên do, A-Nan-đáp: "Vì các Tỳ-kheo mang thịt nai dư của cọp mang về", Phật bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay không được lấy thịt dư của cọp mang về, nếu lấy thì phạm Đột-kiết-la, vì sao, vì cọp không có dứt mong cầu. Nếu lấy thịt dư của Sư tử thì không phạm, vì sao, vì Sư tử dứt mong cầu".

3. Giới Sát Thứ Ba:

Lúc đó Phật vì các Tỳ-kheo ở bên bờ sông Bà-cầu-mạt kết giới bất sát và nói là làm trước khi kết giới thì không phạm, các Tỳ-kheo này khởi tâm nghi: "Ta đã vì nhiều Tỳ-kheo khen ngợi cái chết khiến họ phát tâm muốn chết, không biết lúc đó là trước hay không phải trước", liền bạch Phật, Phật nói: "Trước là trước khi kết giới, tất cả thời đã làm đều không phạm nên nói là làm trước thì không phạm".

Có một Tỳ-kheo tưởng người là phi nhân nên giết, sau đó sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không liền bạch Phật, Phật nói: "Nếu người tưởng là người mà giết thì phạm Ba-la-di; người tưởng là phi nhân mà giết cũng phạm Ba-la-di; người sanh nghi mà giết cũng phạm Ba-la-di. Nếu phi nhân

tưởng là phi nhân mà giết thì phạm Thâu-lan-giá; phi nhân tưởng là người mà giết cũng phạm Thâu-lan-giá; phi nhân sanh nghi mà giết cũng phạm Thâu-lan-giá".

Có một Tỳ-kheo mắc bịnh lâu ngày, một Tỳ-kheo quen biết đến thăm, người bịnh nói: Hãy mang dao đến cho tôi", hỏi là muốn làm gì, đáp là cứ mang đến, Tỳ-kheo liền mang dao đến, Tỳ-kheo bịnh liền cầm dao vào phòng cắt cổ tự sát mà chết. Tỳ-kheo kia đưa dao cho rồi sanh nghi vào phòng xem thì thấy Tỳ-kheo đã chết liền suy nghĩ: "Người bịnh này chết là do mình, nếu mình không đưa dao thì người bịnh không chết", nghĩ rồi sanh nghi hối không biết có phạm Ba-la-di không, liền bạch Phật, Phật nói: "Không phạm, từ nay không được đưa dao cho người bịnh, nếu đưa dao tạo điều kiện cho họ chết thì phạm Đột-kiết-la".

Có một Tỳ-kheo thường lui tới nhà một cư sĩ, Tỳ-kheo này sáng sớm hôm đó đắp y mang bát đến nhà cư sĩ, cư sĩ đi vắng chỉ có vợ ở nhà, sau khi thăm hỏi, vợ cư sĩ im lặng một lát rồi nói với Tỳ-kheo: "Hãy cùng tôi hành dâm", Tỳ-kheo nói: "Đừng nói lời này, chồng cô rất hung dữ", vợ cư sĩ nói: "Tôi sẽ khéo xử sự". Sau đó vợ cư sĩ cho chồng uống thuốc độc mà chết, Tỳ-kheo này lại đến nhà cư sĩ, vợ cư sĩ yêu cầu cùng hành dâm, Tỳ-kheo nói: "Chớ nói lời này, tôi là người đã đoạn dục", vợ cư sĩ nói: "Sao trước đây thầy không nói là

người đã đoạn dục, tôi vì thầy mà giết chết chồng", Tỳ-kheo nói: "Tôi không bảo cô giết chết chồng cô", nói rồi sanh nghi hối không biết có phạm Ba-la-di không liền bạch Phật, Phật nói không phạm.

Có một Tỳ-kheo thường lui tới nhà một cư sĩ, Tỳ-kheo này sáng sớm hôm đó đắp y mang bát đến nhà cư sĩ, cư sĩ bịnh, vợ cư sĩ sau khi thăm hỏi, rồi nói với Tỳ-kheo: "Hãy cùng tôi hành dâm", Tỳ-kheo nói: "Đừng nói lời này, chồng cô đang bịnh", vợ cư sĩ nói: "Tôi sẽ khéo xử sự". Sau đó vợ cư sĩ cho chồng uống thuốc độc mà chết, Tỳ-kheo này lại đến nhà cư sĩ, vợ cư sĩ yêu cầu cùng hành dâm, Tỳ-kheo nói: "Chớ nói lời này, tôi là người đã đoạn dục", vợ cư sĩ nói: "Sao trước đây thầy không nói là người đã đoạn dục, tôi vì thầy mà giết chết chồng", Tỳ-kheo nói: "Tôi không bảo cô giết chết chồng cô", nói rồi sanh nghi hối không biết có phạm Ba-la-di không liền bạch Phật, Phật nói không phạm.

Nếu Tỳ-kheo có tâm sát đánh người, người này chết thì Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, người này không chết thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo có tâm sát đánh người, trong khoảng thời gian người này chưa chết mà Tỳ-kheo điên hay phản giới hoàn tục thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo tức giận người mẹ mà làm cho người mẹ hư thai, người mẹ chết thì Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, thai nhi chết thì phạm Thâu-lan-giá, cả hai mẹ con đều chết thì

phạm Ba-la-di, cả hai không chết thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo tức giận thai nhi mà làm cho người mẹ hư thai, thai nhi chết thì Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, người mẹ chết thì phạm Thâu-lan-giá, cả hai mẹ con đều chết thì phạm Ba-la-di, cả hai không chết thì phạm Thâu-lan-giá.

Có một Tỳ-kheo bịnh nói với người khán bịnh: "Tôi muốn uống nước Tô-tỳ-la", người khán bịnh cho uống, người bịnh uống xong liền chết, Tỳ-kheo khán bịnh sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm". Có một Phạm chí mắc bịnh ghẻ lở đến nói với Tỳ-kheo: "Nếu tôi uống nước Tô-tỳ-la thì sẽ hết bịnh", Tỳ-kheo nói: "Vì sao lại đòi uống nước này?", Phạm chí nói: "Tôi đã từng mắc bịnh này, trước đây khi bịnh phát, tôi uống nước này liền khỏi bịnh", Tỳ-kheo liền đưa cho uống, Phạm chí cuồng xong liền chết, Tỳ-kheo sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm".

Có một người bị xuyên qua ngọn cây đau đớn vô cùng, liền nói với một Tỳ-kheo ở trong gò mả bên người chết quán vô thường rằng: "Hãy cho tôi uống nước Tô-tỳ-la", Tỳ-kheo liền cho uống, người này uống xong liền chết, Tỳ-kheo sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm". Lại có một người bị chặt tay chân nằm trong hào của tinh xá Kỳ-hoàn, các

Tỳ-kheo-ni đến trong đây nghe pháp thì nghe tiếng người này kêu khóc liền cùng đến xem, thấy người này rồi liền nói với nhau: "Nếu có thể cho người này uống thuốc mà chết thì sẽ không phải chịu đau khổ như thế nữa", một Tỳ-kheo-ni ngu si nghe được lời này liền đưa nước Tô-tỳ-la cho người này uống, người này uống xong liền chết. Các Tỳ-kheo-ni nói: "Cô đã phạm Ba-la-di", hỏi vì sao, đáp: "Nếu cô không đưa nước Tô-tỳ-la cho uống thì người này không chết", Tỳ-kheo-ni sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không nên bạch Phật, Phật hỏi Tỳ-kheo-ni: "Cô dùng tâm gì khi đưa nước cho người đó uống?", đáp: "Con muốn người đó không phải chịu đau khổ nữa nên đưa cho uống", Phật nói: "Ngay khi người đó chết thì cô phạm Ba-la-di".

Ở nước A-la-tỳ đang xây Tăng phường mới, Tỳ-kheo làm ở trên cao, trong tay cầm cái đục (cái búa) làm rơi xuống trúng vào đầu của người thợ mộc, người này liền chết. Tỳ-kheo sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm, từ nay nên nhất tâm nhìn xuống phía dưới". Lại có trường hợp khi kéo cây gỗ lên phía trên, Tỳ-kheo ít người mà cây gỗ lại nặng nên kéo không nổi, làm cây gỗ rơi xuống đè chết người thợ mộc. Tỳ-kheo sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm, từ nay nên nhất tâm khi nhìn xuống

phía dưới".

Ở nước A-la-tỳ đang làm nhà tắm, khi kéo cây đà lên phía trên, Tỳ-kheo ít người mà cây đà lại nặng nên kéo không nổi, làm cây đà rơi xuống đè chết người thợ mộc. Tỳ-kheo sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm, từ nay nên nhất tâm khi nhìn xuống phía dưới, đừng để hại người. Nếu người ít thì không nên kéo cây đà nặng". Lại có trường hợp khiêng bùn lên để lợp mái của nhà tắm, làm đứt dây bùn rớt xuống làm chết người thợ mộc, các Tỳ-kheo sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm, từ nay khi làm việc nên cẩn thận, đừng để hại người ".

Có một Tỳ-kheo ngồi thiền trên núi, lại có một Tỳ-kheo đang đẩy đá đi tới, đá rơi xuống trúng đầu Tỳ-kheo ngồi thiền liền chết, Tỳ-kheo đẩy đá sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm, từ nay khi đẩy đá nên kêu to là đẩy đá đến".

Có một Tỳ-kheo đi giữa bầy bò, có con bò đực hung dữ muốn húc Tỳ-kheo, Tỳ-kheo bỏ chạy té đè trên mình một đứa bé làm cho đứa bé chết. Tỳ-kheo sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm, từ nay nên cẩn thận khi đi giữa bầy bò".

Có một Tỳ-kheo bịnh lâu ngày gầy ốm lưng

còng, không muốn sống nữa nên tự gieo mình xuống hầm để tự sát. Trong hầm này có một con dã can đang ăn thít người chết, Tỳ-kheo rơi trên mình của con dã can này và đè nó chết, Tỳ-kheo lưng còng bỗng được thẳng, sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm, từ nay không được vì chút nhân duyên mà tự sát".

Có một Tỳ-kheo ở chỗ nóng lấy y trùm lên người, một Tỳ-kheo khác gọi đứng dậy, liền đáp: "Chớ gọi tôi đứng dậy, nếu tôi đúng dậy sẽ chết", một Tỳ-kheo khác lại gọi đứng dậy, Tỳ-kheo này liền chết, Tỳ-kheo kia sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Thâu-lan-giá".

Tỳ-kheo điên cuồng với tâm sát đánh người khiến người chết thì phạm Ba-la-di, người không chết thì phạm Thâu-lan-giá. Có một Tỳ-kheo bịnh lâu ngày, Tỳ-kheo khán bịnh suy nghĩ: "Ta nuôi bịnh đã lâu, người bịnh này không chết cũng không lành, nay ta không nuôi bịnh nữa, bỏ mặc cho chết", nghĩ rồi liền không nuôi bịnh nữa nên người bịnh qua đời. Tỳ-kheo nuôi bịnh sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Thâu-lan-giá".

Có một Tỳ-kheo bịnh có nhiều y bát và tài vật, Tỳ-kheo khán bịnh suy nghĩ: "Ta nuôi bịnh đã lâu, nếu chết tài vật cũng nhập vào Tăng, nay ta không

nuôi bịnh nữa, để mặc cho cho chết", nghĩ rồi liền không nuôi bịnh nữa nên người bịnh qua đời. Tỳ-kheo này sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Thâu-lan-giá".

Có một Tỳ-kheo có mụt nhọt chưa muồi, Tỳ-kheo khác giúp làm cho mụt nhọt vỡ ra khiến cho Tỳ-kheo này chết. Tỳ-kheo sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không liền bạch Phật, Phật nói: "Mụt nhọt chưa muồi lại phá vỡ khiến cho người chết thì phạm Thâu-lan-giá, nếu mụt nhọt đã muồi phá vỡ mà chết thì không phạm".

Có một Tỳ-kheo bịnh, người khán bịnh tìm thức ăn uống ứng với bịnh đã lâu mà không được, nay mới có được liền bảo người bịnh ăn, người bịnh ăn thức ăn này liền chết. Người khán bịnh sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Thâu-lan-giá". Lại có một Tỳ-kheo bịnh, người khán bịnh tìm thuốc thang ứng bịnh đã lâu được, nay mới tìm được thuốc liền bảo người bịnh uống thuốc, người bịnh uống thuốc này xong liền chết. Người khán bịnh sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Thâu-lan-giá".

Có một Tỳ-kheo bịnh nói với Tỳ-kheo khán bịnh: "Thầy dìu tôi đứng dậy, dìu tôi ngồi, mặc y giúp cho tôi rồi dìu tôi ra ngoài, để tôi ngồi ở chỗ

mát, sau đó dìu tôi trở vào phòng, dìu tôi ngồi nằm", Tỳ-kheo khán bịnh làm theo lời, khi Tỳ-kheo bịnh nằm xuống thì chết, Tỳ-kheo khán bịnh sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm".

Có một Tỳ-kheo ngồi thiền ngủ gật, Tỳ-kheo kinh hành đi tuần thấy vậy liền dùng pháp trượng đánh để Tỳ-kheo kia tỉnh dậy, không ngờ Tỳ-kheo kia lại chết, Tỳ-kheo này sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Tỳ-kheo kia bị gió đao phát khởi, dù chạm hay không chạm cũng chết, thầy không phạm". Lại có một Tỳ-kheo ngồi thiền ngủ gật, Tỳ-kheo kinh hành đi tuần thấy liền dùng gối bông ném để Tỳ-kheo kia tỉnh dậy, không ngờ Tỳ-kheo kia lại chết, Tỳ-kheo này sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Tỳ-kheo kia bị gió đao phát khởi, dù ném gối bông hay không ném cũng chết, thầy không phạm". Lại có Tỳ-kheo ngồi thiền ngủ gật, Tỳ-kheo khác lấy nước tưới lên đầu để Tỳ-kheo kia tỉnh dậy, không ngờ Tỳ-kheo kia lại chết, Tỳ-kheo này sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Tỳ-kheo kia bị gió đao phát khởi, dù tưới nước hay không tưới cũng chết, thầy không phạm".

Trong nhóm Thập thất quần Tỳ-kheo có một Tỳ-kheo thích cười, các Tỳ-kheo kia liền chọc lét khiến cho cười, Tỳ-kheo này cười nhiều nên đứt

hơi mà chết, các Tỳ-kheo kia sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không nên bạch Phật, Phật hỏi Tỳ-kheo: "Các thầy khi chọc lét với tâm gì", đáp: "Chúng con đùa giỡn muốn chọc cho cười nên chọc lét", Phật nói: "Không phạm, từ nay không nên chọc lét người khác, nếu làm thế thì phạm Ba-dật-đề".

Có một cư sĩ vừa thu hoạch được lúa mới và rau cải tươi, thường lệ đem cúng cho Tăng trước rồi sau mới dùng để ăn. Có một Tỳ-kheo A-lan-nhã thường lui tới nhà này, hôm đó trước giờ ngọ đắp y mang bát đến nhà cư sĩ, cư sĩ sau khi cùng nhau thăm hỏi rồi suy nghĩ: "Lúa mới và rai cải này nay cúng cho Tỳ-kheo A-lan-nhã này, khỏi phải đem cúng cho Tăng", nghĩ rồi liền đem cúng cho Tỳ-kheo A-lan-nhã. Lúc đó Tỳ-kheo tăng không thấy cư sĩ đem lúa và rau cải tới cúng như thường lệ liền nói với nhau: "Vì sao cư sĩ không cúng lúa và rau cải như thường lệ, không biết có Tỳ-kheo nào ra vào nhà đó?", một Tỳ-kheo nói: "Có Tỳ-kheo A-lan-nhã thường lui tới nhà đó", các Tỳ-kheo liền cho gọi Tỳ-kheo A-lan-nhã đến hỏi: "Cư sĩ tên thường cúng lúa mới và rau cải tươi cho Tăng trước rồi sau mới dùng để ăn, lần này không cúng có phải thầy đã ngăn hay không?", đáp là không có, các Tỳ-kheo liền dùng hai cây gỗ kẹp để hỏi cho ra sự thật không ngờ lại làm cho Tỳ-kheo kia chết, các Tỳ-kheo sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di

không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Thâu-lan-giá".

Có một cư sĩ thường cúng y an cư cho Tăng, có một Tỳ-kheo A-lan-nhã thường lui tới nhà này, hôm đó trước giờ ngọ đắp y mang bát đến nhà cư sĩ, cư sĩ sau khi cùng nhau thăm hỏi rồi suy nghĩ: "Y này nay cúng cho Tỳ-kheo A-lan-nhã này, khỏi phải đem cúng cho Tăng", nghĩ rồi liền đem cúng cho Tỳ-kheo A-lan-nhã. Lúc đó Tỳ-kheo tăng không thấy cư sĩ đem y an cư tới cúng như mọi năm liền nói với nhau: "Vì sao cư sĩ không cúng y an cư như mọi năm, không biết có Tỳ-kheo nào ra vào nhà đó?", một Tỳ-kheo nói: "Có Tỳ-kheo A-lan-nhã thường lui tới nhà đó", các Tỳ-kheo liền cho gọi Tỳ-kheo A-lan-nhã đến hỏi: "Cư sĩ tên thường cúng y an cư cho Tăng, hạ an cư năm nay không cúng có phải thầy đã ngăn hay không?", đáp là không có, các Tỳ-kheo muốn Tỳ-kheo này nói ra sự thật nên ném Tỳ-kheo này xuống ao không ngờ làm cho Tỳ-kheo này chết. Các Tỳ-kheo sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Thâu-lan-giá"

Có một Tỳ-kheo khất thực, trước giờ ngọ đắp y mang bát vào thành khất thực, đi đến một cửa nhà có nhiều người tụ họp, khi vắt y lên, chéo y chạm vào cái chày gỗ, chày gỗ rớt xuống trúng một đứa bé làm cho nó chết. Tỳ-kheo sanh nghi không biết

có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm, từ nay khất thực nên nhất tâm xem ngó trước sau".

Có một Tỳ-kheo khất thực, trước giờ ngọ đắp y mang bát vào thành khất thực, đến nhà của một Bà-la-môn. Chủ nhà này sáng sớm tắm gội sạch sẽ mặc y trắng ngồi bên trong cửa, nhìn ra thấy Tỳ-kheo đang đứng bên cửa khảy móng tay liền sanh tâm ác suy nghĩ: "Ta chưa cúng trời, chưa cúng cho cha mẹ người thân mà Sa-môn trọc đầu mặc y hoại sắc này lại đến nhà ta khất thực", với tâm tức giận người này liền dùng tay đẩy vào ngực Tỳ-kheo để xua đuổi, Tỳ-kheo ngã lăn ra đất đè trên mình một đứa bé làm cho nó chết. Tỳ-kheo sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm, từ nay khi khất thực nên nhất tâm nhìn ngó trước sau".

Có một Tỳ-kheo dùng chú thuật chữa bịnh bằng cách vỗ vào má của người bịnh, không ngờ người bịnh này lại chết, Tỳ-kheo sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm, từ nay muốn vỗ nên vỗ nhè nhẹ không nên vỗ mạnh làm cho người chết".

Có một Tỳ-kheo khi ăn bị mắc nghẹn, một Tỳ-kheo khác vỗ vào cổ cho thức ăn văng ra, không ngờ làm cho Tỳ-kheo ói máu mà chết. Tỳ-kheo sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm, từ nay nên vỗ

nhè nhẹ để cho thức ăn văng ra, không nên vỗ mạnh làm cho người chết".

Trưởng lão Ca-lưu-đà-di thường lui tới một nhà cư sĩ, vợ cư sĩ vừa mới sanh con nhỏ, sáng sớm bồng con để trên giường, đắp chăn cho con rồi đi. Vừa lúc đó Ca-lưu-đà-di đến, đứng ngoài cửa khảy móng tay, vợ cư sĩ mới vào nhà và mời ngồi, Ca-lưu-đà-di không xem kỹ liền ngồi lên mình đứa bé đang nằm trên giường, đứa bé kêu lớn, do thân của Ca-lưu-đà-di to lớn và nặng nên làm cho đứa bé lòi ruột ra mà chết. Ca-lưu-đà-di trở về chùa kể lại việc trên cho các Tỳ-kheo nghe, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật hỏi Ca-lưu-đà-di: "Thầy dùng tâm gì khi ngồi trên giường đó?", đáp là do không xem xét kỹ mà ngồi lên, Phật nói: "Không phạm, từ nay khi ngồi nên xem kỹ rồi mới ngồi, nếu không xem xét kỹ mà ngồi thì phạm Đột-kiết-la". Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà cũng như vậy.

Lại có hai cha con Tỳ-kheo cùng du hành từ nước Kiều-tát-la muốn đến nước Xá-vệ, khi đi ngang qua con đường hiểm thì trời sắp tối, người con nói: "Đây là đường hiểm nên đi mau qua", người cha vội đi nhanh, vì đi nhanh nên mệt lã mà chết. Tỳ-kheo sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không nên bạch Phật, Phật hỏi Tỳ-kheo: "Thầy khi nói người cha đi nhanh với tâm gì", đáp: "Con vì thấy trời sắp tôi nên nói đi nhanh để qua khỏi đường hiểm", Phật nói: "Không phạm, từ nay

nếu khi đi qua đường hiểm mà trời sắp tối thì Tỳ-kheo nhỏ nên mang giúp y vật cho Tỳ-kheo lớn tuổi và nói tôi đi trước, thầy đi sau". Lúc đó các Tỳ-kheo sanh nghi không biết tại sao Tỳ-kheo này giết cha lại không phạm Ba-la-di và tội nghịch, Phật liền nói nhân duyên bổn sanh:

Quá khứ, có một người cạo đầu mặc áo nhuộm dắt con đến bên bò nước giặt y, giặt xong vắt phơi, phơi khô rồi xếp bỏ vào trong túi mang về nhà. Trên đường đi trời nóng mắt mờ nên dừng lại nghỉ dưới một gốc cây, người cha lấy túi y gối đầu nằm ngủ. Lúc đó có một con muỗi bay tới căn người cha, người con tức giận cầm cây đập muỗi, muỗi bay đi, cây đập xuống làm bể đầu người cha, người cha liền chết. Thần cây thấy rồi liền nói kệ:

"Thà thù với người trí, Không gần với người ngu, Ngu đập muỗi giúp cha, Muỗi bay, bể đầu cha".

Phật bảo các Tỳ-kheo: "Người cha ngày xưa chính là Tỳ-kheo người cha ngày nay, đứa con ngày xưa chính là Tỳ-kheo người con ngày nay. Ngày xưa giết cha không phạm tội nghịch, ngày nay giết cha cũng không phạm Ba-la-di và tội nghịch".

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 59

TỲ NI TỤNG (Tiếp Theo)

3. Giới Sát Thứ Ba (Tiếp Theo):

Có hai Tỳ-kheo là cha con du hành từ nước Kiều-tát-la đến nước Xá-vệ, khi đi đến một tụ lạc không có già lam thì trời tối, người con hỏi người cha nên ngủ đêm ở đâu, người cha đáp là ngủ đêm trong tụ lạc, người con nói: "Trong tụ lạc không có Tăng-già-lam, nếu ngủ đêm trong đó thì khác gì bạch y", người cha nói: "Vậy chúng ta ngủ đêm ở đâu?", người con nói là ngủ ngoài đất trống, người cha nói: "Sợ có cọp đến, nếu ta ngủ thì con không được ngủ". Do người cha ngủ ngáy to tiếng nên cọp tìm đến và cắn vào đầu người cha, người cha la lớn rồi chết. Người con sanh nghi hối: "Cha ta vì ta mà chết, cha ta muốn ngủ đêm trong tụ lạc, nếu ta nghe lời cha thì cha ta không chết", liền đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Không phạm, từ nay nên đốt lửa và la to làm cho cọp sợ mà bỏ đi".

Nếu Tỳ-kheo có tâm sát sai bảo giết người, người kia chết thì Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, nếu không chết thì phạm Thâu-lan-giá. Có một Tỳ-

kheo giết chết khỉ, các Tỳ-kheo nói là phạm Ba-la-di, hỏi vì sao, đáp: "Khỉ giống như người", Tỳ-kheo sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Ba-dật-đề ".

Có các Tỳ-kheo du hành từ nước Kiều-tát-la đến nước Xá-vệ, giữa đường thấy có một ngôi chùa trống không, vào bên trong xem xét thì thấy có đầy đủ những vật cần dùng của tỳ-kheo liền nói với nhau: "Vì sao chúng ta không ở trong đây an cư", đáp là tùy ý. Các Tỳ-kheo này khi an cư lập chế: "Chúng ta an cư ba tháng xong không tự tứ, để đến tháng tám mới tự tứ, vào tháng cuối hạ chúng ta sẽ được vật bố thí". Vào tháng tám có giặc cướp xuất hiện, chúa giặc suy nghĩ: "Đánh cướp chỗ nào không cần dùng binh khí chiến đấu mà vẫn đánh cướp được nhiều tài vật", nghĩ rồi liền kéo nhau tới đánh cướp trong chùa. Trong chùa này có Tỳ-kheo đã được thần thông, cũng có người trước kia vốn là đại lực sĩ hoặc vốn là người có tài thiện xạ nhưng họ nghĩ: "Chúng ta do tâm tốt xuất gia, không nên cùng giặc cướp đánh nhau", do nghĩ như vậy nên để yên cho giặc cướp lấy hết tài vật đến nỗi tất cả đều lõa hình. Pháp thường của chư Phật là một năm có hai kỳ đại hội vào tháng sau của cuối mùa xuân và vào tháng sau của cuối mùa hạ. Vào tháng cuối của mùa xuân, Tỳ-kheo các nơi suy nghĩ: "Phật đã dạy chúng ta nên an cư, trong ba tháng an cư tu tập

sẽ được an lạc trụ", đây là đại hội thứ nhất. Vào tháng cuối của mùa hạ, các Tỳ-kheo an cư ba tháng đã xong nghĩ rằng: "Đã lâu chúng ta không gặp Phật", nghĩ rồi liền đắp y mang bát đi đến chỗ Thế tôn, đây là đại hội thứ hai. Lúc đó các Tỳ-kheo bị giặc cướp này sau khi làm lễ tự tứ xong, đi đến nước Xá-vệ yết kiến Phật, đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên, pháp thường của Phật là khi có khách Tỳ-kheo đến đều hỏi thăm có nhẫn đủ không, khất thực có dễ không, đi đường có nhọc mệt không. Lúc đó các Tỳ-kheo đều đáp là nhẫn đủ, khất thực không khó, đi đường không nhọc mệt, rồi đem việc trên bạch Phật. Phật do việc này nhóm Tỳ-kheo tăng đủ lời khen ngợi giới và người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay khi có giặc kéo đến, các thầy nên tạo ra âm thanh lớn, đánh chuông, đánh trống… để khủng bố chúng". Nghe Phật nói rồi các Tỳ-kheo thấy được lỗi của mình, năn sau cũng trở lại chỗ cũ an cư và cũng quy định giống như năm trước đến tháng tám mới tự tứ vì tháng cuối hạ sẽ được vật thí an cư. Giặc cướp cũng như trước kéo đến chùa đánh cướp, nhưng lần này các Tỳ-kheo đã chuẩn bị trước phương pháp chống giặc. Các cửa phòng đều được đóng kín và các Tỳ-kheo ở trên lầu tạo ra các âm thanh như đánh chuông trống để khủng bố giặc. Lúc đó có hai Tỳ-kheo ở trong tối ném đá ra ngoài để khủng bố, không ngờ làm cho giặc cướp chết, hai Tỳ-kheo nói với nhau: "Tôi và thầy cùng ném

đá, không biết ai đã ném trúng giặc", nói rồi sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm, nhưng khi ném đá nên là là đá rớt".

4. Giới Đại Vọng Ngữ:

Phật vì các Tỳ-kheo bên bờ sông Bà-cầu-ma nước Tỳ-da-ly kết giới đại vọng ngữ và nói là làm trước thì không phạm. Các Tỳ-kheo này suy nghĩ: "Chúng ta đã nhiều lần nói dối là được pháp hơn người, không biết lần nào là trước và không phải trước", liền bạch Phật, Phật nói: "Trước là trước khi kết giới, tất cả thời nói đều không phạm nên nó là làm trước thì không phạm".

Có Tỳ-kheo ở trước người tưởng là phi nhân, tự nói mình được pháp hơn người, sau đó sanh nghi bạch Phật, Phật nói: "Người tưởng là người mà nói được pháp hơn người thì phạm Ba-la-di; người tưởng là phi nhân mà nói cũng phạm Ba-la-di; người mà sanh tâm nghi cũng phạm Ba-la-di. Phi nhân tưởng là phi nhân mà nói được pháp hơn người thì phạm Thâu-lan-giá; phi nhân tưởng là người mà nói cũng phạm Thâu-lan-giá; phi nhân mà sanh tâm nghi cũng phạm Thâu-lan-giá".

Có một Tỳ-kheo ở trước cư sĩ nói mình được pháp hơn người, cư sĩ không hiểu nên hỏi: "Đại đức nói gì?", Tỳ-kheo nói: "Không có nói gì", nói rồi sanh nghi không biết có phạm Ba-la-di không,

bạch Phật, Phật nói: "Không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Thâu-lan-giá". Có người hỏi Tỳ-kheo: "Thầy là A-la-hán phải không, thầy nên thọ sự cúng dường trước các vị Thượng tòa phải không?", nếu im lặng thọ thì phạm Thâu-lan-giá. Lại có người hỏi Tỳ-kheo: "Thầy là Bà-la-môn đã diệt trừ được pháp ác phải không?", nếu im lặng chấp nhận thì phạm Thâu-lan-giá. Lại có người hỏi Tỳ-kheo: "Nếu thầy là A-la-hán thì đến thọ y phục, cho đến các thức ăn thức uống, thuốc thang", nếu Tỳ-kheo im lặng chấp nhận thì phạm Thâu-lan-giá.

Có một Tỳ-kheo thường lui tới nhà một cư sĩ, Tỳ-kheo này sáng sớm hôm đó đắp y mang bát đến nhà cư sĩ, cư sĩ đứng ở cửa nói: "Nếu đại đức là A-la-hán thì vào nhà tôi ngồi, thọ nước và thức ăn uống rồi chú nguyện cho tôi", nếu Tỳ-kheo im lặng vào nhà ngồi thọ thức ăn uống, chú nguyện rồi đi thì phạm Thâu-lan-giá. Lại có một Tỳ-kheo thường lui tới nhà một cư sĩ, Tỳ-kheo này sáng sớm hôm đó đắp y mang bát đến nhà cư sĩ, cư sĩ đứng ở cửa nói: "Nếu thầy là A-la-hán thì vào", Tỳ-kheo nói: "Tôi không phải là A-la-hán, nếu cho thì tôi vào", cư sĩ cho vào thì không phạm, cho đến vào chỗ ngồi ngồi thọ thức ăn uống xong rồi chú nguyện cũng như vậy không phạm.

Có một lần trưởng lão Đại Mục-kiền-liên nói với các Tỳ-kheo: "Từ địa ngục A-tỳ cho đến cõi trời A-ca-ni-trá, tôi có thể tự tại đi khắp nơi trong

đó", các Tỳ-kheo nói: "Đệ tử Thanh văn hiện thần thông lực đi cực xa cũng chỉ đến cõi trời Phạm thế. Thầy không được pháp hơn người mà đại vọng ngữ, thầy đáng bị tẫn xuất", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy chớ nói Mục-liên phạm tội này, vì sao, vì người nào nương nơi Sơ thiền khéo tu tập Tứ như ý túc được thần thông lực, người ấy có thể tự tại đi khắp nơi từ địa ngục A-tỳ cho đến cõi trời A-ca-ni-trá. Tỳ-kheo nương vào Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền cũng đều như vậy. Mục-liên nương vào bốn thiền khéo tu tập Tứ như ý túc được thần thông lực, nên có thể tự tại đi khắp nơi từ địa ngục A-tỳ cho đến cõi trời A-ca-ni-trá. Mục-liên nói thật, không phải đại vọng ngữ nên không phạm".

Có một lần trưởng lão Đại Mục-kiền-liên nói với các Tỳ-kheo: "Tiếng nói của tất cả chúng sanh từ địa ngục A-tỳ cho đến cõi trời A-ca-ni-trá, tôi có thể dùng thiên nhĩ nghe được hết", các Tỳ-kheo nói: "Đệ tử Thanh văn dùng thiên nhĩ thông, nghe cực xa cũng chỉ đến cõi trời Phạm thế. Thầy không được pháp hơn người mà đại vọng ngữ, thầy đáng bị tẫn xuất", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy chớ nói Mục-liên phạm tội này, vì sao, vì người nào nương nơi Sơ thiền khéo tu tập Tứ như ý túc được thiên nhĩ thông, người ấy có thể nghe được âm thanh của tất cả chúng sanh từ địa ngục A-tỳ cho đến cõi trời A-

ca-ni-trá. Tỳ-kheo nương vào Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền cũng đều như vậy. Mục-liên nương vào bốn thiền khéo tu tập Tứ như ý túc được thiên nhĩ thông, có thể nghe được tất cả âm thanh của các chúng sanh từ địa ngục A-tỳ cho đến cõi trời A-ca-ni-trá. Mục-liên nói thật, không phải đại vọng ngữ nên không phạm".

Có một lần trưởng lão Đại Mục-kiền-liên nói với các Tỳ-kheo: "Những ý nghĩ của tất cả từ địa ngục A-tỳ cho đến cõi trời A-ca-ni-trá, tôi có thể biết được hết", các Tỳ-kheo nói: "Đệ tử Thanh văn được Tha tâm thông, biết cực xa cũng chỉ đến cõi trời Phạm thế. Thầy không được pháp hơn người mà đại vọng ngữ, thầy đáng bị tẫn xuất", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy chớ nói Mục-liên phạm tội này, vì sao, vì người nào nương nơi Sơ thiền khéo tu tập Tứ như ý túc được tha tâm thông, người ấy có thể biết được ý nghĩ của tất cả chúng sanh từ địa ngục A-tỳ cho đến cõi trời A-ca-ni-trá. Tỳ-kheo nương vào Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền cũng đều như vậy. Mục-liên nương vào bốn thiền khéo tu tập Tứ như ý túc được tha tâm thông, có thể tự tại biết được ý nghĩ của tất cả chúng sanh từ địa ngục A-tỳ cho đến cõi trời A-ca-ni-trá. Mục-liên nói thật, không phải đại vọng ngữ nên không phạm".

Có một lần trưởng lão Đại Mục-kiền-liên nói với các Tỳ-kheo: "Túc mạng của tất cả chúng sanh

từ địa ngục A-tỳ cho đến cõi trời A-ca-ni-trá, tôi có thể biết được hết", các Tỳ-kheo nói: "Đệ tử Thanh văn được Túc mạng thông, biết cực xa cũng chỉ đến cõi trời Phạm thế. Thầy không được pháp hơn người mà đại vọng ngữ, thầy đáng bị tẫn xuất", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy chớ nói Mục-liên phạm tội này, vì sao, vì người nào nương nơi Sơ thiền khéo tu tập Tứ như ý túc được Túc mạng thông, người ấy có thể biết được túc mạng của tất cả chúng sanh từ địa ngục A-tỳ cho đến cõi trời A-ca-ni-trá. Tỳ-kheo nương vào Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền cũng đều như vậy. Mục-liên nương vào bốn thiền khéo tu tập Tứ như ý túc được túc mạng thông, có thể biết được túc mạng của tất cả chúng sanh từ địa ngục A-tỳ cho đến cõi trời A-ca-ni-trá. Mục-liên nói thật, không phải đại vọng ngữ nên không phạm".

Có một lần trưởng lão Đại Mục-kiền-liên nói với các Tỳ-kheo: "Tất cả chúng sanh chết ở cõi này sanh ở cõi khác, từ địa ngục A-tỳ cho đến cõi trời A-ca-ni-trá, tôi có thể dùng thiên nhãn biết được hết", các Tỳ-kheo nói: "Đệ tử Thanh văn được thiên nhãn thông, thấy cực xa cũng chỉ đến cõi trời Phạm thế. Thầy không được pháp hơn người mà đại vọng ngữ, thầy đáng bị tẫn xuất", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy chớ nói Mục-liên phạm tội này, vì sao, vì người nào nương nơi Sơ thiền khéo tu tập Tứ

như ý túc được thiên nhãn thông, người ấy có thể tất cả chúng sanh chết ở đây sanh ở chỗ kia, từ địa ngục A-tỳ cho đến cõi trời A-ca-ni-trá. Tỳ-kheo nương vào Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền cũng đều như vậy. Mục-liên nương vào bốn thiền khéo tu tập Tứ như ý túc được thiên nhãn thông, có thể tự tại biết được tất cả chúng sanh chết ở đây sanh ở chỗ kia, từ địa ngục A-tỳ cho đến cõi trời A-ca-ni-trá. Mục-liên nói thật, không phải đại vọng ngữ nên không phạm".

Có một lần trưởng lão Đại Mục-kiền-liên nói với các Tỳ-kheo: "Nếu nói người nào cầu được Lậu tận A-la-hán, sanh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, trút bỏ gánh nặng, đoạn hết các hữu kiết sử, được Chánh trí giải thoát thì người đó chính là tôi. Vì sao, vì tôi là Lậu tận A-la-hán… cho đến được Chánh trí giải thoát", các Tỳ-kheo nói: "Thầy thật sự đã được Lậu tận A-la-hán… cho đến được Chánh trí giải thoát hay sao, thầy còn đa sự đa dục, thầy không được pháp hơn người mà lại đại vọng ngữ, thầy đáng bị tẫn xuất". Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy chớ nói Mục-liên phạm tội này, vì sao, vì người nào cầu được Lậu tận A-la-hán, sanh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, trút bỏ gánh nặng, đoạn hết các hữu kiết sử, được Chánh trí giải thoát thì người đó chính là Đại Mục-kiền-liên. Mục-liên thật đã được lậu tận A-la-hán…

được Chánh trí giải thoát, Mục-liên nói thật, không phải đại vọng ngữ nên không phạm".

Có một lần trưởng lão Đại Mục-kiền-liên nói với các Tỳ-kheo:

"Tôi thấy có một chúng sanh cao lớn đến năm trăm do tuần với ngọn lửa lớn đốt thân, ở trong không trung bay đến kêu khóc đau khổ vô cùng", các Tỳ-kheo nói: "Làm gì có chúng sanh này, thầy không được pháp hơn người mà đại vọng ngữ, thầy đáng bị tẫn xuất", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy chớ nói Mục-liên phạm tội này, vì sao, vì ta cũng thấy có một chúng sanh cao lớn đến năm trăm do tuần với ngọn lửa lớn đốt thân, ở trong không trung bay đến kêu khóc đau khổ vô cùng, nhưng ta không nói với người khác vì sợ họ không tin. Nếu người nào không tin lời Như lai nói sẽ chịu khổ não trong đêm dài sanh tử. Mục-liên nói thật, không phải đại vọng ngữ nên không phạm".

Có một lần trưởng lão Đại Mục-kiền-liên nói với các Tỳ-kheo: "Tôi thấy có một chúng sanh bị năm trăm quỷ Dạ-xoa cầm năm trăm chiếc búa, trải qua năm trăm ngày đêm mới chặt gãy một chiếc xương sườn, xương sườn này rơi trong biển làm cho nước biển đục ngầu", các Tỳ-kheo nói: "Làm gì có chúng sanh này, thầy không được pháp hơn người mà đại vọng ngữ, thầy đáng bị tẫn xuất", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-

kheo: "Các thầy chớ nói Mục-liên phạm tội này, vì sao, vì ta cũng thấy có một chúng sanh bị năm trăm quỷ Dạ-xoa cầm năm trăm chiếc búa, trải qua năm trăm ngày đêm mới chặt gãy một chiếc xương sườn, xương sườn này rơi trong biển làm cho nước biển đục ngầu, nhưng ta không nói với người khác vì sợ họ không tin. Nếu người nào không tin lời Như lai nói sẽ chịu khổ não trong đêm dài sanh tử. Mục-liên nói thật, không phải đại vọng ngữ nên không phạm".

Có một lần trưởng lão Đại Mục-kiền-liên nói với các Tỳ-kheo: "Tôi thấy có một chúng sanh cao lớn như chiếc thuyền lớn, đầu như chum rượu, hơi thở như tiếng sấm, mắt to như chén đồng ở nước Kiều-tát-la, trong miệng lè lưỡi ra như mây đen phát ra tia chớp ", các Tỳ-kheo nói: "Làm gì có chúng sanh này, thầy không được pháp hơn người mà đại vọng ngữ, thầy đáng bị tẫn xuất", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy chớ nói Mục-liên phạm tội này, vì sao, vì ta cũng thấy có một chúng sanh cao lớn như chiếc thuyền lớn, đầu như chum rượu, hơi thở như tiếng sấm, mắt to như chén đồng ở nước Kiều-tát-la, trong miệng lè lưỡi ra như mây đen phát ra tia chớp, nhưng ta không nói với người khác vì sợ họ không tin. Nếu người nào không tin lời Như lai nói sẽ chịu khổ não trong đêm dài sanh tử. Mục-liên nói thật, không phải đại vọng ngữ nên không

phạm".

Có một lần trưởng lão Đại Mục-kiền-liên nói với các Tỳ-kheo: "Ở phương Bắc có một cái ao tên là Mạn-đà-khẩn-ni, dài rộng năm mươi do tuần, chu vi hai trăm do tuần, dưới đáy có cát vàng, nước có đủ tám công đức thường đầy ắp trong ao, vị ngon ngọt như mật nguyên chất, các loại hoa sen đủ màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng xen lẫn nhau che kín cả mặt ao. Lại có các loài chim cất tiếng hót hòa lẫn nhau rất hay, xung quanh bờ ao có vô số cây hoa và cây trái", các Tỳ-kheo nói: "Làm gì có ao như thế, thầy không được pháp hơn người mà đại vọng ngữ, thầy đáng bị tẫn xuất", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy chớ nói Mục-liên phạm tội này, vì sao, vì ở phương Bắc có một cái ao tên là Mạn-đà-khẩn-ni, dài rộng năm mươi do tuần, chu vi hai trăm do tuần, dưới đáy có cát vàng, nước có đủ tám công đức thường đầy ắp trong ao, vị ngon ngọt như mật nguyên chất, các loại hoa sen đủ màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng xen lẫn nhau che kín cả mặt ao. Lại có các loài chim cất tiếng hót hòa lẫn nhau rất hay, xung quanh bờ ao có vô số cây hoa và cây trái. Mục-liên nói thật, không phải đại vọng ngữ nên không phạm".

Có một lần trưởng lão Đại Mục-kiền-liên ở trong núi Kỳ-xà-quật nhập định Không xứ vô sắc, khéo giữ lấy tướng nhập định nhưng lại không

khéo giữ tướng xuất định, từ tam muội dậy liền nghe tiếng voi rất lớn ở bên bờ ao Tát-Tỳ-ni, nghe rồi liền nhập tam muội, nghĩ rằng: "Ta nhập tam muội nghe được tiếng voi ấy", sau khi xuất tam muội liền nói với Tỳ-kheo: "Tôi nhập định Không xứ vô sắc nghe được tiếng voi rất lớn ở bên bờ ao Tát-tỳ-ni", các Tỳ-kheo nói: "Nhập định Không xứ vô sắc mà còn thấy nghe được là không có lý đó, vì sao, vì người nhập định Không xứ vô sắc là phá tướng sắc, lìa tướng âm thanh. Thầy không được pháp hơn người mà đại vọng ngữ, thầy đáng bị tẫn xuất", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy chớ nói Mục-liên phạm tội này, vì sao, vì Mục-liên thấy được việc trước mà không thấy được việc sau; Như lai thì trước sau đều thấy được. Mục-liên ở trong núi Kỳ-xà-quật nhập định Không xứ vô sắc, khéo giữ lấy tướng nhập định nhưng lại không khéo giữ tướng xuất định, từ tam muội dậy liền nghe tiếng voi rất lớn ở bên bờ ao Tát-tỳ-ni, nghe rồi liền nhập tam muội, nghĩ rằng: "Ta nhập tam muội nghe được tiếng voi ấy". Người nhập định Không xứ vô sắc mà còn thấy nghe được là không có lý đó, vì sao, vì người nhập định vô sắc là phá tướng sắc, lìa tướng âm thanh. Nếu Mục-liên không được pháp hơn người mà lại đại vọng ngữ thì cũng không có lý đó, Mục-liên nói theo tâm tưởng nên không phạm".

Có một lần trưởng lão Đại Mục-kiền-liên ở trong núi Kỳ-xà-quật nhập định Thức xứ vô sắc, khéo giữ tướng nhập định nhưng không khéo giữ tướng xuất định, từ tam muội dậy liền nghe được âm thanh ca hát của các vị trời trong thành Trời, nghe rồi liền nhập định trở lại, nghĩ rằng: "Ta ở trong tam muội nghe được tiếng ca hát của các vị trời", sau khi xuất định liền nói với các Tỳ-kheo: "Tôi nhập định Thức xứ vô sắc nghe được tiếng ca hát của các vị trời", các Tỳ-kheo nói: "Người nhập định Thức xứ vô sắc mà còn thấy nghe được là không có lý đó, vì sao, vì người nhập định vô sắc là phá tướng sắc, lìa tướng âm thanh. Thầy không được pháp hơn người mà đại vọng ngữ, thầy đáng bị tẫn xuất", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy chớ nói Mục-liên phạm tội này, vì sao, vì Mục-liên thấy được việc trước mà không thấy được việc sau; Như lai thì trước sau đều thấy được. Mục-liên ở trong núi Kỳ-xà-quật nhập định Thức xứ vô sắc, khéo giữ tướng nhập định nhưng không khéo giữ tướng xuất định, từ tam muội dậy liền nghe được âm thanh ca hát của các vị trời trong thành Trời, nghe rồi liền nhập định trở lại, nghĩ rằng: "Ta ở trong tam muội nghe được tiếng ca hát của các vị trời". Nếu người nhập định Thức xứ vô sắc mà còn thấy nghe được là không có lý đó, vì sao, vì người nhập định vô sắc là phá tướng sắc, lìa tướng âm thanh. Nếu Mục-

liên không được pháp hơn người mà lại đại vọng ngữ thì cũng không có lý đó, Mục-liên nói theo tâm tưởng nên không phạm".

Có một lần trưởng lão Đại Mục-kiền-liên ở trong núi Kỳ-xà-quật nhập định Vô sở hữu xứ vô sắc, khéo giữ tướng nhập định nhưng khéo giữ tướng xuất định, từ tam muội dậy liền nghe được tiếng kỹ nhạc của các A-tu-la trong thành A-tu-la, nghe rồi liền nhập định trở lại, nghĩ rằng: "Ta ở trong tam muội nghe được tiếng kỹ nhạc của các A-tu-la trong thành A-tu-la". Sau khi xuất định liền nói với các Tỳ-kheo: "Tôi nhập định Vô sở hữu xứ nghe được tiếng kỹ nhạc của các A-tu-la trong thành A-tu-la", các Tỳ-kheo nói: "Người nhập định Vô sở hữu xứ vô sắc mà còn thấy nghe được là không có lý đó, vì sao, vì người nhập định vô sắc là phá tướng sắc, lìa tướng âm thanh. Thầy không được pháp hơn người mà đại vọng ngữ, thầy đáng bị tẫn xuất", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy chớ nói Mục-liên phạm tội này, vì sao, vì Mục-liên thấy được việc trước mà không thấy được việc sau; Như lai thì trước sau đều thấy được. Mục-liên ở trong núi Kỳ-xà-quật nhập định Vô sở hữu xứ vô sắc, khéo giữ tướng nhập định nhưng khéo giữ tướng xuất định, từ tam muội dậy liền nghe được tiếng kỹ nhạc của các A-tu-la trong thành A-tu-la, nghe rồi liền nhập định trở lại, nghĩ rằng: "Ta ở trong tam muội nghe

được tiếng kỹ nhạc của các A-tu-la trong thành A-tu-la". Nếu người nhập định Vô sở hữu xứ vô sắc mà còn thấy nghe được là không có lý đó, vì sao, vì người nhập định vô sắc là phá tướng sắc, lìa tướng âm thanh. Nếu Mục-liên không được pháp hơn người mà lại đại vọng ngữ thì cũng không có lý đó, Mục-liên nói theo tâm tưởng nên không phạm".

Có một lần trưởng lão Đại Mục-kiền-liên nói với các Tỳ-kheo: "Ở phương Bắc có một cái ao A-nậu-đạt, dài rộng năm mươi do tuần, chu vi một trăm năm mươi do tuần, dưới đáy có cát vàng, nước có đủ tám công đức thường đầy ắp trong ao, vị ngon ngọt như mật nguyên chất, các loại hoa sen đủ màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng xen lẫn nhau che kín cả mặt ao. Lại có các loài chim cất tiếng hót hòa lẫn nhau rất hay, xung quanh bờ ao có vô số cây hoa và cây trái. Cung điện nơi đây là chỗ ở của voi chúa Thiên trụ với tám ngàn voi làm quyến thuộc. Khi Chuyển luân thánh vương ra đời thì con voi nhỏ nhất trong tám ngàn voi kia sẽ làm voi báu cho Chuyển luân thánh vương cõi", các Tỳ-kheo nói: "Làm gì có ao đó và voi đó, thầy không được pháp hơn người mà đại vọng ngữ, thầy đáng bị tẫn xuất", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy chớ nói Mục-liên phạm tội này, vì sao, vì ở phương Bắc có một cái ao A-nậu-đạt, dài rộng năm

mươi do tuần, chu vi một trăm năm mươi mươi do tuần, dưới đáy có cát vàng, nước có đủ tám công đức thường đầy ắp trong ao, vị ngon ngọt như mật nguyên chất, các loại hoa sen đủ màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng xen lẫn nhau che kín cả mặt ao. Lại có các loài chim cất tiếng hót hòa lẫn nhau rất hay, xung quanh bờ ao có vô số cây hoa và cây trái. Cung điện nơi đây là chỗ ở của voi chúa Thiên trụ với tám ngàn voi làm quyến thuộc. Khi Chuyển luân thánh vương ra đời thì con voi nhỏ nhất trong tám ngàn voi kia sẽ làm voi báu cho Chuyển luân thánh vương cõi. Mục-liên nói thật, không phải đại vọng ngữ nên không phạm".

Có một lần trưởng lão Đại Mục-kiền-liên nói với các Tỳ-kheo: "Ở ngoài biển cả có cái đảo với núi tên là Minh nguyệt, cung điện nơi đây là chỗ ở của Ngựa chúa Bà-la-ê với tám ngàn con ngựa làm quyến thuộc. Khi Chuyển luân thánh vương ra đời thì con ngựa nhỏ nhất trong tám ngàn con ngựa đó sẽ làm ngựa báu cho Chuyển luân thánh vương cõi", các Tỳ-kheo nói: "Làm gì có đảo đó và có ngựa đó, thầy không được pháp hơn người mà đại vọng ngữ, thầy đáng bị tẫn xuất", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy chớ nói Mục-liên phạm tội này, vì sao, vì ở ngoài biển cả có cái đảo với núi tên là Minh nguyệt, cung điện nơi đây là chỗ ở của Ngựa chúa Bà-la-ê với tám ngàn con ngựa làm quyến thuộc. Khi

Chuyển luân thánh vương ra đời thì con ngựa nhỏ nhất trong tám ngàn con ngựa đó sẽ làm ngựa báu cho Chuyển luân thánh vương cỡi. Mục-liên nói thật, không phải đại vọng ngữ nên không phạm".

Có một lần các Tỳ-kheo hỏi trưởng lão Đại Mục-kiền-liên: "Nước của sông Đa phù từ đâu chảy đến?", đáp là từ ao A-nậu-đạt chảy đến, các Tỳ-kheo nói: "Nước trong ao A-nậu-đạt có vị ngon ngọt, có đủ tám công đức còn nước của sông này nóng sôi và mặn đắng. Thầy không được pháp hơn người mà đại vọng ngữ, thầy đáng bị tẫn xuất", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy chớ nói Mục-liên phạm tội này, vì sao, vì ao A-nậu-đạt ở cách đây rất xa, tuy có đủ tám công đức với vị ngon ngọt nhưng nó đã chảy qua năm trăm địa ngục nhỏ rồi mới chảy đến nơi đây, nên nước sông này nóng sôi và mặn đắng. Nếu các thầy hỏi vì sao nước sông này nóng và mặn thì Mục-liên sẽ giải thích như thế, Mục-liên nói thật, không phải đại vọng ngữ nên không phạm".

Có một lần trưởng lão Đại Mục-kiền-liên nói với các Tỳ-kheo: "Dưới đáy núi Kỳ-xà-quật có cái ao dài rộng năm mươi do tuần, dưới đáy có cát vàng, nước có đủ tám công đức thường đầy ắp trong ao, vị ngon ngọt như mật nguyên chất, các loại hoa sen đủ màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng xen lẫn nhau che kín cả mặt ao. Lại có các loài chim cất tiếng hót hòa lẫn nhau rất hay, xung quanh

bờ ao có vô số cây hoa và cây trái. Cung điện nơi đây là chỗ ở của vua rồng Ma-na-tư", các Tỳ-kheo nói: "Làm gì có ao đó và vua rồng đó, thầy không được pháp hơn người mà đại vọng ngữ, thầy đáng bị tẫn xuất", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy chớ nói Mục-liên phạm tội này, vì sao, vì ở dưới dáy núi Kỳ-xà-quật có cái ao dài rộng năm mươi do tuần, dưới đáy có cát vàng, nước có đủ tám công đức thường đầy ắp trong ao, vị ngon ngọt như mật nguyên chất, các loại hoa sen đủ màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng xen lẫn nhau che kín cả mặt ao. Lại có các loài chim cất tiếng hót hòa lẫn nhau rất hay, xung quanh bờ ao có vô số cây hoa và cây trái. Cung điện nơi đây là chỗ ở của vua rồng Ma-na-tư, Mục-liên nói thật, không phải đại vọng ngữ nên không phạm". Có một lần trưởng lão Đại Mục-kiền-liên nói với các Tỳ-kheo: "Ở cõi trời Tam thập tam có Thiện pháp đường, trong Thiện pháp đường có năm trăm cây cột trụ, trong số cây cột trụ này có một cây cột trụ báu nhỏ như sợi lông, trên đầu cột trụ có tòa báu là chỗ ngồi của Thích đề hoàn nhơn với các loại hoa trang nghiêm; hai bên tòa này là tòa ngồi của chư thiên cũng có các loại hoa trang nghiêm", các Tỳ-kheo nói: "Làm gì có tòa báu đó, thầy không được pháp hơn người mà đại vọng ngữ, thầy đáng bị tẫn xuất", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy chớ nói

Mục-liên phạm tội này, vì sao, vì ở cõi trời Tam thập tam có Thiện pháp đường, trong Thiện pháp đường có năm trăm cây cột trụ, trong số cây cột trụ này có một cây cột trụ báu nhỏ như sợi lông, trên đầu cột trụ có tòa báu là chỗ ngồi của Thích đề hoàn nhơn với các loại hoa trang nghiêm; hai bên tòa này là tòa ngồi của chư thiên cũng có các loại hoa trang nghiêm. Mục-liên nói thật, không phải đại vọng ngữ nên không phạm".

Có một lần trưởng lão Đại Mục-kiền-liên nhập định thấy Dạ-xoa Bạt-kỳ cùng Dạ-xoa Ma-kiệt-đà đánh nhau và Dạ-xoa Bạt-kỳ đánh bại Dạ-xoa Ma-kiệt-đà. Sau khi xuất định liền nói với các Tỳ-kheo: "Người nước Bạt-kỳ sẽ đánh bại người nước Ma-kiệt-đà". Sau đó vua A-xà-thế khéo dẫn binh chúng đến đánh bại người nước Bạt-kỳ, các Tỳ-kheo nói: "Trước đây thầy nói người nước Bạt-kỳ sẽ đánh bại người nước Ma-kiệt-đà; nhưng nay người nước Ma-kiệt-đà lại đánh bại người nước Bạt-kỳ. Thầy không được pháp hơn người mà đại vọng ngữ, thầy đáng bị tẫn xuất", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy chớ nói Mục-liên phạm tội này, vì sao, vì Mục-liên thấy được việc trước mà không thấy được việc sau; Như lai thì trước sau đều thấy được. Dạ-xoa Bạt-kỳ cùng Dạ-xoa Ma-kiệt-đà đánh nhau và Dạ-xoa Bạt-kỳ đánh bại Dạ-xoa Ma-kiệt-đà thì khi ấy, người nước Bạt-kỳ cũng đánh bại người nước Ma-

kiệt-đà. Sau đó do vua A-xà-thế khéo tập họp binh lại nên được thắng, Nếu Mục-liên không được pháp hơn người mà lại đại vọng ngữ thì cũng không có lý đó, Mục-liên nói theo tâm tưởng nên không phạm".

Trưởng lão Đại Mục-kiền-liên lại nhập định thấy Dạ-xoa Ma-kiệt-đà đánh nhau với Dạ-xoa Bạt-kỳ và đánh bại được Dạ-xoa Bạt-kỳ. Sau khi xuất định nói với các Tỳ-kheo: "Người nước Ma-kiệt-đà sẽ đánh bại người nước Bạt-kỳ", sau đó người nước Bạt-kỳ lại đánh bại người nước Ma-kiệt-đà, các Tỳ-kheo nói: "Trước đây thầy nói người nước Ma-kiệt-đà sẽ đánh bại người nước Bạt-kỳ, nhưng nay người nước Bạt-kỳ lại đánh bại người nước Ma-kiệt-đà. Thầy không được pháp hơn người mà đại vọng ngữ, thầy đáng bị tẫn xuất", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy chớ nói Mục-liên phạm tội này, vì sao, vì Mục-liên thấy được việc trước mà không thấy được việc sau; Như lai thì trước sau đều thấy được. Dạ-xoa Ma-kiệt-đà đánh nhau với dạ xọa Bạt-kỳ được thắng thì lúc đó người nước Ma-kiệt-đà đánh bại người nước Bạt-kỳ; nhưng sau đó người nước Bạt-kỳ tập họp binh chúng đánh bại được người nước Ma-kiệt-đà. Mục-liên nói theo tâm tưởng nên không phạm".

Trưởng lão Đại Mục-kiền-liên thường lui tới nhà một cư sĩ, sáng sớm hôm đó đắp y mang bát

đến nhà, cư sĩ mời ngồi rồi cùng nhau thăm hỏi. Lúc đó vợ cư sĩ đang mang thai, cư sĩ hỏi Mục-liên: "Vợ tôi sanh trai hay gái?", đáp là sanh trai, nói rồi ra về. Sau đó lại có 1 Phạm chí đến, cư sĩ cũng hỏi: "Vợ tôi sanh trai hay gái?", Phạm chí đáp là sanh gái. Thời gian sau quả thật vợ cư sĩ sanh con gái, các Tỳ-kheo nói với Mục-liên: "Trước đây thầy nói vợ cư sĩ sanh con trai nhưng nay lại sanh con gái, thầy không được pháp hơn người mà đại vọng ngữ, thầy đáng bị tẫn xuất", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy chớ nói Mục-liên phạm tội này, vì sao, vì Mục-liên thấy được việc trước mà không thấy được việc sau; Như lai thì trước sau đều thấy được. Khi Mục-liên nói thì thai nhi quả là con trai, sau đó chuyển căn thành nữ, Mục-liên nói theo tâm tưởng nên không phạm".

Lúc đó trời hạn hán không mưa, Mục-liên nhập định thấy sau bảy ngày nữa trời sẽ mưa to, nước ngập cả hào thành. Dân chúng trong thành nghe rồi ai nấy đều vui mừng, vội bỏ việc làm lo che chắn nhà cửa, nhưng đến ngày thứ bảy lại không có một giọt mưa nào. Các Tỳ-kheo nói với Mục-liên: "Thầy nói bảy ngày sau trời sẽ mưa to ngập cả hào thành nhưng ngày nay một giọt mưa cũng không có. Thầy không được pháp hơn người mà đại vọng ngữ, thầy đáng bị tẫn xuất", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy

chớ nói Mục-liên phạm tội này, vì sao, vì Mục-liên thấy được việc trước mà không thấy được việc sau; Như lai thì trước sau đều thấy được. Ngày thứ bảy quả thật có mưa rất lớn, vì vua A-tu-la là La-hầu dùng tay hứng lấy nước đổ vào biển cả, Mục-liên nói theo tâm tưởng nên không phạm".

Trưởng lão Sa-già-đà nói với các Tỳ-kheo: "Từ địa ngục A-tỳ cho đến cõi trời A-ca-ni-trá, tôi có thể làm cho đầy lửa ở trong đó", các Tỳ-kheo nói: "Đệ tử Thanh văn hiện thần thông lực có thể tạo lửa cực xa cũng chỉ đến cõi trời Phạm thế. Thầy không được pháp hơn người mà đại vọng ngữ, thấy đáng bị tẫn xuất", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy chớ nói Sa-già-đà phạm tội này, vì sao, vì người nào nương nơi Sơ thiền khéo tu tập Tứ như ý túc được thần thông lực, người ấy có thể tự tại làm cho lửa đầy khắp từ địa ngục A-tỳ cho đến cõi trời A-ca-ni-trá. Tỳ-kheo nương vào Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền cũng đều như vậy. Sa-già-đà nương vào bốn thiền khéo tu tập Tứ như ý túc được thần thông lực, nên có thể tự tại làm cho lửa đầy khắp từ địa ngục A-tỳ cho đến cõi trời A-ca-ni-trá. Sa-già-đà nói thật, không phải đại vọng ngữ nên không phạm".

Trưởng lão Thâu tỳ đà nói với các Tỳ-kheo: "Tôi có thể trong một niệm biết được việc trong năm trăm kiếp trước", các Tỳ-kheo nói: "Đệ tử Thanh văn được Túc mạng thông, trong một niệm

cũng chỉ biết được một đời. Thầy không được pháp hơn người mà đại vọng ngữ, thầy đáng bị tẫn xuất", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy chớ nói Mục-liên phạm tội này, vì sao, vì Thâu-tỳ-đà này tiền thân từ cõi trời Vô tưởng mạng chung sanh vào cõi này. Cõi trời Vô tưởng thọ mạng đến năm trăm kiếp nên mới nói là trong một niệm có thể biết được việc trong năm trăm kiếp. Thâu tỳ la nói theo tâm tưởng nên không phạm".

5. Nói Sơ Lược Về Bốn Pháp Còn Lại Là Tăng-Già-Bà-Thi-Sa

Phật tại nước Xá-vệ, do trưởng lão Ca-lưu-đà-di nên Phật kết giới cố ý xuất tinh và nói là làm trước thì không phạm. Ca-lưu-đà-di suy nghĩ: "Ta đã nhiều lần cố ý làm xuất tinh, không biết lúc nào là trước và không phải là trước", bạch Phật, Phật nói: "Trước là trước khi kết giới, tất cả thời cố ý làm xuất tinh đều gọi là trước nên nói là làm trước thì không phạm".

Có một Tỳ-kheo không động thân mà lại xuất tinh, nghi không biết có phạm Tăng-già-bà-thi-sa không liền bạch Phật, Phật nói không phạm.

Tỳ-xá-khư lộc tử mẫu vì kính tín Tăng nên khi đảnh lễ hai tay chạm chân, khi đảnh lễ hai tay chạm vào chân của Ca-lưu-đà-di, Ca-lưu-đà-di liền xuất tinh rơi trên đầu bà. Ưu-bà-di này đưa tay sờ trên

đầu nói: "Ta được đại lợi, các vị đồng học của ta có người nhiều dâm dục như vậy mà cũng có thể đoạn dục tu phạm hạnh", Ca-lưu-đà-di sanh nghi không biết có phạm Tăng-già-bà-thi-sa không liền bạch Phật, Phật nói: "Không phạm, nhưng nếu Tỳ-kheo có nhiều dục như vậy thì nên bọc buộc lại".

Có một Tỳ-kheo khi tắm rửa liền xuất tinh, nghi không biết có phạm Tăng-già-bà-thi-sa không liền bạch Phật, Phật nói không phạm. Lại có một Tỳ-kheo tắm nhờ Tỳ-kheo khác chà thân, lúc chà liền xuất tinh, nghi không biết có phạm Tăng-già-bà-thi-sa không liền bạch Phật, Phật nói: "Nếu xúc chạm ngược mà xuất tinh thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa, nếu xúc chạm xuôi có che phủ mà xuất tinh thì không phạm".

Có một Tỳ-kheo tà niệm nên xuất tinh, nghi không biết có phạm Tăng-già-bà-thi-sa không liền bạch Phật, Phật nói không phạm.

Lại có một Tỳ-kheo vừa thấy người nữ xinh đẹp liền xuất tinh, nghi không biết có phạm Tăng-già-bà-thi-sa không liền bạch Phật, Phật nói không phạm.

Có Tỳ-kheo khi bị người nữ nắm tay, nắm chân hoặc đầu gối, bắp vế liền xuất tinh, nghi không biết có phạm Tăng-già-bà-thi-sa không liền bạch Phật, Phật nói không phạm.

Có Tỳ-kheo được mẹ ôm nói lời thương yêu

liền xuất tinh, nghi không biết có phạm Tăng-già-bà-thi-sa không liền bạch Phật, Phật nói: "Không phạm Tăng-già-bà-thi-sa, chỉ phạm Thâu-lan-giá. Đối với chị em, vợ cũ, hay người trước kia cùng tư thông cũng giống như vậy".

Có Tỳ-kheo ở trước người nữ mới chết hay người nữ chết đã sình trướng cho đến thối rửa, bị chim thú ăn dư, khi khô teo hay chỉ còn là bộ xương mà xuất tinh thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Cũng do Ca-lưu-đà-di nên Phật kết giới xúc chạm người nữ và nói là làm trước thì không phạm, Ca-lưu-đà-di suy nghĩ: "Ta đã nhiều lần xúc chạm thân người nữ, không biết lúc nào là trước, lúc nào không phải là trước", bạch Phật, Phật nói: "Trước là trước khi kết giới, tất cả thời xúc chạm thân người nữ đều gọi là trước nên nói là làm trước thì không phạm".

Có một Tỳ-kheo đối trước người nữ khởi tưởng không phải nữ mà xúc chạm, sau đó sanh nghi không biết có phạm Tăng-già-bà-thi-sa không liền bạch Phật, Phật nói: "Nếu là người nữ khởi tưởng là người nữ mà xúc chạm thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa; nếu là người nữ khởi tưởng là nữ phi nhơn cũng phạm Tăng-già-bà-thi-sa; nếu là người nữ mà sanh nghi cũng phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Là nữ phi nhơn khởi tưởng là người nữ mà xúc chạm thì phạm Thâu-lan-giá; là nữ phi nhơn khởi tưởng là nữ phi nhơn cũng phạm Thâu-lan-giá; là nữ phi

nhơn mà sanh nghi cũng phạm Thâu-lan-giá".

Nếu Tỳ-kheo dùng chân chạm vào thân người nữ thì phạm Đột-kiết-la, nếu người nữ dùng chân chạm vào thân Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo không phạm. Nếu Tỳ-kheo nắm tay người nữ thì phạm Đột-kiết-la, nếu người nữ nắm tay Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo không phạm. Tỳ-kheo sờ tóc cho đến các đồ trang sức trên thân người nữ như tràng hoa, chuỗi anh lạc vòng xuyến, bông tai… đều phạm Thâu-lan-giá.

Có người nữ nhờ Tỳ-kheo xối nước, Tỳ-kheo sanh tâm tà đối với người nữ, sanh nghi không biết có phạm Tăng-già-bà-thi-sa không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm Tăng-già-bà-thi-sa, chỉ phạm Thâu-lan-giá".

Do Tỳ-kheo Ca-la nên Phật kết giới mai mối và nói là làm trước thì không phạm, Tỳ-kheo này suy nghĩ: "Ta đã nhiều lần làm mai mối, không biết lúc nào là trước, lúc nào không phải là trước", liền bạch Phật, Phật nói: "Trước là trước khi kết giới, tất cả thời làm mai mối đều gọi là trước nên nói là làm trước thì không phạm".

Có một Tỳ-kheo thường lui tới nhà một cư sĩ, Tỳ-kheo này sáng sớm hôm đó đắp y mang bát đến nhà, cư sĩ mời ngồi cùng nhau thăm hỏi rồi nói với Tỳ-kheo: "Thầy có thể nói với người nữ đến chỗ tôi được không?, đáp: "Tôi có thể đến nói nhưng

không thể trở lại trả lời cho ông", cư sĩ hỏi: "Làm sao biết được là thành hay không thành?", đáp: "Nếu thành thì tôi sẽ bảo một Tỳ-kheo đứng ở chỗ ". Tỳ-kheo nói rồi ra về, sau đó gặp một Tỳ-kheo nói rằng: "Thầy đứng ở đây một lát", hỏi: "Đứng đây làm gì?", đáp: "Cứ đứng một lát, đừng hỏi", Tỳ-kheo này đứng đó, Tỳ-kheo kia liền bỏ đi, cư sĩ đi ra thấy Tỳ-kheo này đứng ở chỗ đó liền nói: "Lành thay, việc đã thành", Tỳ-kheo này liền hỏi: "Việc gì đã thành", đáp: "Đừng hỏi, đây là chỗ hẹn". Tỳ-kheo sanh nghi không biết có phạm Tăng-già-bà-thi-sa không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm Tăng-già-bà-thi-sa, chỉ phạm Thâu-lan-giá".

Có một Tỳ-kheo thường lui tới nhà một cư sĩ, Tỳ-kheo này sáng sớm hôm đó đắp y mang bát đến nhà, cư sĩ cùng nhau tham hỏi rồi nói với Tỳ-kheo: "Thầy có thể đến nói với người nữ đến chỗ tôi được không?", đáp là được. Khi đến nói thì người nữ kia nói là không cần, Tỳ-kheo sanh nghi không biết có phạm Tăng-già-bà-thi-sa không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm Tăng-già-bà-thi-sa, chỉ phạm Thâu-lan-giá".

Có hai vợ chồng giận nhau không hòa hợp, có một Tỳ-kheo thường lui tới nhà một cư sĩ, Tỳ-kheo này sáng sớm hôm đó đắp y mang bát đến nhà, cư sĩ cùng nhau thăm hỏi rồi Tỳ-kheo liền bảo hai người sám hối. hai người sám hối rồi hòa hợp như

cũ và cùng nhau hành dục, Tỳ-kheo sanh nghi đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Có ba loại vợ: Một là vợ do dùng tài vật mà được, hai là vợ do dùng lễ pháp mà được, ba là vợ do đánh phá mà được. Ba loại vợ này nếu người chồng tuy làm giấy tờ thôi vợ nhưng lễ pháp chưa đoạn nên vẫn còn qua lại; Tỳ-kheo nếu giúp cho họ hòa hợp lại thì phạm Thâu-lan-giá. Ba loại vợ này nếu người chồng đã làm giấy tờ thôi vợ, lễ pháp đã dứt, không còn qua lại nữa nhưng chưa tuyên bố không còn là vợ; nếu Tỳ-kheo giúp cho họ hòa hợp lại cũng phạm Thâu-lan-giá. Ba loại vợ này nếu người chông đã làm giấy tờ thôi vợ, lễ pháp đã dứt, không còn qua lại và đã tuyên bố không còn là vợ tôi nữa; nếu Tỳ-kheo mai mới cho họ hòa hợp lại thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa".

Có một Tỳ-kheo thường lui tới nhà một cư sĩ, Tỳ-kheo này sáng sớm hôm đó đắp y mang bát đến nhà, cư sĩ cùng nhau thăm hỏi rồi nói với Tỳ-kheo: "Thầy có thể nói với dâm nữ đến chỗ tôi được không?, đáp là được, liền đến nói, dâm nữ đi đến giữa đường thì có người khác đón đi, Tỳ-kheo sanh nghi không biết có phạm Tăng-già-bà-thi-sa không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm Tăng-già-bà-thi-sa, chỉ phạm Thâu-lan-giá".

Có một Tỳ-kheo thường lui tới nhà một cư sĩ, Tỳ-kheo này sáng sớm hôm đó đắp y mang bát đến nhà, cư sĩ cùng nhau thăm hỏi rồi nói với Tỳ-kheo:

"Thầy có thể nói người nữ đến chỗ tôi được không?", đáp là được, liền đến nói, người nữ trang điểm định đi thì người chồng trở về nên không đi được. Tỳ-kheo sanh nghi không biết có phạm Tăng-già-bà-thi-sa không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm Tăng-già-bà-thi-sa, chỉ phạm Thâu-lan-giá".

Có một Tỳ-kheo thường lui tới nhà một cư sĩ, Tỳ-kheo này sáng sớm hôm đó đắp y mang bát đến nhà, cư sĩ cùng nhau thăm hỏi rồi nói với Tỳ-kheo: "Thầy có thể nói với người nữ đến chỗ tôi được không?, đáp là được, liền đến nói, người nữ nhận lời rồi suy nghĩ: "Ta đến đó chắc đêm nay không ngủ được, ngủ trước một chút rồi sẽ đến đó", không ngờ ngủ quên cho đến sáng và không đến đó được. Tỳ-kheo sanh nghi không biết có phạm Tăng-già-bà-thi-sa không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm Tăng-già-bà-thi-sa, chỉ phạm Thâu-lan-giá".

Có một cư sĩ say mê một cô gái, đến nói với cô rằng: "Hãy cùng tôi hành dâm", người nữ nói không rảnh, cư sĩ hỏi là lúc nào rảnh, người nữ nói: "Có một Tỳ-kheo thường ra vào nhà tôi, khi nào tôi rảnh tôi sẽ nhờ Tỳ-kheo đánh vào lưng ông, lúc đó ông biết là tôi rảnh". Có một Tỳ-kheo thường lui tới nhà cô gái này, Tỳ-kheo này sáng sớm hôm đó đắp y mang bát đến nhà, cô gái mời ngồi thăm hỏi một lát rồi nói với Tỳ-kheo: "Thầy đến chỗ cư sĩ rồi đánh vào lưng ông ta", hỏi vì sao lại đánh,

đáp: "Thầy cứ đánh, đừng hỏi", Tỳ-kheo đến chỗ cư sĩ và đánh vào lưng, cư sĩ liền nói: "Việc đã thành", hỏi là thành việc gì, đáp: "Là việc hẹn hò". Tỳ-kheo sanh nghi không biết có phạm Tăng-già-bà-thi-sa không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm Tăng-già-bà-thi-sa, chỉ phạm Thâu-lan-giá".

Có một Tỳ-kheo thường lui tới nhà một cư sĩ, Tỳ-kheo này sáng sớm hôm đó đắp y mang bát đến nhà, cư sĩ mời ngồi cùng nhau thăm hỏi rồi nói với Tỳ-kheo: "Thầy có thể nói với người nữ đến chỗ tôi được không?", đáp: "Chúng tôi không được làm sứ giả, nếu ông cần thì nên mở hội cúng Tăng, tôi sẽ mời người nữ đó đến", cư sĩ nghe lời mở hội cúng Tăng và Tỳ-kheo này mời cô gái đó đến, cư sĩ được dịp cùng cô gái hành dâm. Tỳ-kheo sanh nghi không biết có phạm Tăng-già-bà-thi-sa không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm Tăng-già-bà-thi-sa, chỉ phạm Thâu-lan-giá".

Có vợ của một thương buôn rất xinh đẹp, có một cư sĩ muốn cùng cô tư thông nhưng không được. Sau đó chồng cô chết, mẹ cô gái hỏi: "Có phương tiện gì khiến cho người nam tới lui nhà mình không?", cô gái nói: "Có một cư sĩ thường đưa tin đến cho con nói là muốn cùng con tư thông nhưng con không đồng ý", người mẹ nói: "Con nên chìu ý ông ta để mọi người được vui", cô gái nói: "Nên nhờ ai nói", người mẹ nói: "Nên nhờ Tỳ-kheo thường lui tới nhà mình nói giùm". Có một Tỳ-

kheo thường lui tới nhà này, Tỳ-kheo này sáng sớm hôm đó đắp y mang bát đến nhà, cô gái mời ngồi cùng nhau thăm hỏi rồi nói với Tỳ-kheo: "Thầy có thể đến nói với cư sĩ việc như vậy như vậy không?", đáp là được, liền đến nói, cư sĩ đến nhà cô gái. Tỳ-kheo sanh nghi không biết có phạm Tăng-già-bà-thi-sa không, bạch Phật, Phật nói: "Không phạm Tăng-già-bà-thi-sa, chỉ phạm Thâu-lan-giá".

Có một cư sĩ làm Tăng phường, thường cung cấp y phục, mền nệm thức ăn uống và thuốc thang cho Tăng. Sau khi cư sĩ qua đời thì không có ai cung cấp cho Tăng nữa. Một Tỳ-kheo đến gặp vợ của cư sĩ này nói: "Vì sao cô không cung cấp thức ăn uống và những vật cần dùng cho Tăng như chồng cô trước kia?", vợ cư sĩ nói: "Có một cư sĩ nhiều phước đức có thể cung cấp cho Tăng, thầy hãy đến nói với cư sĩ đó đến đây cùng xử phân công việc thì các thầy sẽ được cung cấp đầy đủ như chồng tôi trước kia", Tỳ-kheo liền đến chỗ cư sĩ đó nói, cư sĩ nói: "Tôi nhiều việc, cùng xử phân công việc thì không xuể", Tỳ-kheo nói: "Hay là ông nhận làm người cung cấp cho Phật pháp tăng", cư sĩ này có lòng tin Phật pháp nên nhận lời, nhân việc này cư sĩ tới lui và cùng vợ cư sĩ kia hòa hợp. Tỳ-kheo nghi không biết có phạm Tăng-già-bà-thi-sa không liền bạch Phật, Phật nói không phạm.

Có một cư sĩ làm Tăng phường, thường cung

cấp y phục, mền nệm thức ăn uống và thuốc thang cho Tăng. Sau khi vợ cư sĩ qua đời thì không có ai cung cấp cho Tăng nữa. Một Tỳ-kheo đến gặp cư sĩ này nói: "Vì sao ông không cung cấp thức ăn uống và những vật cần dùng cho Tăng như trước kia nữa?", cư sĩ nói: "Có vợ của một cư sĩ nhiều phước đức có thể cung cấp cho Tăng, thầy hãy đến nói với vợ cư sĩ đó đến đây cùng xử phân công việc thì các thầy sẽ được cung cấp đầy đủ như trước kia", Tỳ-kheo liền đến chỗ vợ cư sĩ đó nói, vợ cư sĩ nói: "Tôi nhiều việc, cùng xử phân công việc thì không xuể", Tỳ-kheo nói: "Hay là cô nhận làm người cung cấp cho Phật pháp tăng", vợ cư sĩ này có lòng tin Phật pháp nên nhận lời, nhân việc này vợ cư sĩ tới lui và cùng cư sĩ kia hòa hợp. Tỳ-kheo nghi không biết có phạm Tăng-già-bà-thi-sa không liền bạch Phật, Phật nói không phạm.

Có một Tỳ-kheo thường lui tới nhà một cư sĩ, Tỳ-kheo này sáng sớm hôm đó đắp y mang bát đến nhà, cư sĩ mời ngồi cùng nhau thăm hỏi rồi nói với Tỳ-kheo: "Thầy có thể đến nói với người nữ đến chỗ tôi được không?, đáp là được, liền đến nói, không ngờ cư sĩ và người nữ này đều bị bịnh không thể hòa hợp được. Tỳ-kheo nghi không biết có phạm Tăng-già-bà-thi-sa không liền bạch Phật, Phật nói không phạm Tăng-già-bà-thi-sa, chỉ phạm Thâu-lan-giá.

Có một Tỳ-kheo thường lui tới nhà một cư sĩ,

Tỳ-kheo này sáng sớm hôm đó đắp y mang bát đến nhà, vợ cư sĩ mời ngồi cùng nhau thăm hỏi rồi nói với Tỳ-kheo: "Thầy có thể đến nói với cư sĩ đến chỗ tôi được không?", đáp là được, liền đến nói, không ngờ cả hai người này đều bị bịnh không thể cùng hòa hợp được. Tỳ-kheo nghi không biết có phạm Tăng-già-bà-thi-sa không liền bạch Phật, Phật nói không phạm Tăng-già-bà-thi-sa, chỉ phạm Thâu-lan-giá.

Có một Tỳ-kheo thường lui tới nhà một cư sĩ, Tỳ-kheo này sáng sớm hôm đó đắp y mang bát đến nhà, cư sĩ mời ngồi cùng nhau thăm hỏi rồi nói với Tỳ-kheo: "Thầy có thể vì con trai tôi đến nói với cư sĩ gả chị em hoặc con gái cho con trai tôi được không?", đáp là được, liền đến nói, không ngờ những người nữ kia hoặc bị gù lưng hoặc bịnh điên cuồng hoặc đã có chồng. Tỳ-kheo nghi không biết có phạm Tăng-già-bà-thi-sa không liền bạch Phật, Phật nói không phạm Tăng-già-bà-thi-sa, chỉ phạm Thâu-lan-giá.

Một Tỳ-kheo hỏi Phật: "Giống như người nam có Ưu-bà-tắc đáng tin, phi nhơn cũng có hay không?", Phật nói: "Có, đó là trời đắc đạo"

Lại hỏi: "Giống như người nữ có Ưu-bà-di đáng tin, nữ phi nhân cũng có hay không?", Phật nói: "Có, đó là thiên nữ đắc đạo".

Lại hỏi: Có Tỳ-kheo nói với người khác rằng:

"Tôi có thể ngồi kiết già trong hư không", thì có phạm Ba-la-di không?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo này không có được việc đó thì phạm Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo nói: "Tôi có thể biến một thân làm nhiều thân, nhiều thân trở lại một thân. Tôi dùng trí huệ thông đạt được việc hiện tại hay không phải hiện tại; có thể vượt qua tường vách không bị chướng ngại, có thể ra vào trong đất như trong hư không; đi trên nước như đi trên đất; đi trong hư không như chim. Mặt trời mặt trăng có đại oai đức, tôi có thể không động mà dùng tay chạm đến, cho đến có thể tự tại qua lại cõi trời Phạm thế", nếu việc này không thật có thì phạm Ba-la-di.

Lại hỏi: Có Tỳ-kheo làm y bất tịnh, mặc mà không phạm Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu y này chiều dọc bất tịnh, chiều ngang tịnh hoặc chiều ngang bất tịnh, chiều dọc tịnh hoặc cả hai đều bất tịnh. Bất tịnh là dệt bằng lông lạc đà, lông bò, lông dê đực hay vải tạp khác. Nếu mặc y như vậy thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Trong Tỳ ni nói Tỳ-kheo không được để tóc dài, nếu trên đầu có ghẻ thì phải làm sao?

Đáp: dùng dao kéo cắt bỏ

Lại hỏi: Tỳ-kheo được thức ăn tịnh, khi ăn sanh nghi không biết là tinh hay bất tịnh thì phạm tội gì?

Đáp: Phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có Tỳ-kheo nói pháp cho người nữ quá năm, sáu lời mà không phạm Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu viết thư, hay hiện tướng hay sai sứ hay nói pháp cho các nữ phi nhân như thiên nữ, long nữ, Dạ-xoa nữ… quá năm, sáu lời thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có Tỳ-kheo lợp nhà quá ba lớp mà không phạm Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu làm nhà trước thì tùy ý dùng ván lợp .

Lại hỏi: Có Tỳ-kheo hẹn người nữ đi chung đường mà không phạm Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu hẹn với các nữ phi nhân như thiên nữ, long nữ, Dạ-xoa nữ… đi cùng đường thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Súc miệng như thế nào?

Đáp: Miệng húp nước rồi súc ba lần thì gọi là súc miệng.

Lại hỏi: Có Tỳ-kheo ăn biệt chúng mà không phạm Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu ăn trong hư không thì không phạm.

Lại hỏi: Có Tỳ-kheo ăn thức ăn mà phạm Ba-la-di không? Đáp: Có, nếu ăn thức ăn với tâm trộm.

Lại hỏi: Có Tỳ-kheo ngồi trong nhà ăn (nhà có nam nữ yêu thương nhau) mà không phạm Ba-dật-

đề không?

Đáp: Có, nếu người nữ thọ giới một ngày (bát quan trai giới), người nam không thọ, Tỳ-kheo ngồi trong nhà ăn này thì phạm Đột-kiết-la; ngược lại cũng vậy. Nếu cả hai cùng thọ giới một ngày, Tỳ-kheo ngồi trong nhà ăn này thì không phạm.

Lại hỏi: Có Tỳ-kheo ngồi một mình với người nữ trong nhà ăn (nhà có nam nữ yêu thương nhau) mà không phạm Ba-dật-đề không?

Đáp: Có, nếu người nữ thọ giới một ngày (bát quan trai giới), người nam không thọ, Tỳ-kheo ngồi trong nhà ăn này thì phạm Đột-kiết-la; ngược lại cũng vậy. Nếu cả hai cùng thọ giới một ngày, Tỳ-kheo ngồi trong nhà ăn này thì không phạm.

Lại hỏi: Có Tỳ-kheo đến xem quân xuất hành mà không phạm Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu xem quân Dạ-xoa thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác: "Thầy cùng tôi đi đến nhà kia, tôi sẽ bảo họ cúng cho thầy thức ăn ngon", sau đó lại nói rằng: "Tôi không thích cùng ngồi và cùng nói chuyện với thầy, tôi ngồi một mình, nói chuyện một mình vui hơn", mà không phạm Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu chưa đến nhà kia hoặc đến trong ngõ hẻm rồi trở về thì phạm Đột-kiết-la. Nếu nói trong Tăng phường thì không phạm.

Lại hỏi: Có Tỳ-kheo không bịnh vào nhà bạch y, từ Tỳ-kheo-ni không phải bà con, tự tay thọ thức ăn uống mà không phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo-ni tự mang thức ăn uống đến nhà bạch y đưa cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo tự tay thọ thì không phạm. Lại hỏi: Có Tỳ-kheo-ni chỉ vẽ bạch y đưa thức ăn cho Tỳ-kheo cơm như vậy, canh như vậy mà không phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo-ni là bà con của tỳ-kheo này, Tỳ-kheo không quở trách mà ăn thức ăn này thì phạm Đột-kiết-la.

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 60

THIỆN TỤNG TỲ NI PHẨM PHÁP

1. Năm Trăm Tỳ-Kheo Kết Tạp Tam Tạng:

Phật Bà-già-bà bát Niết-bàn tại trú xứ Lực sĩ ở giữa hai cây sa-la thuộc thành Câu-thi, các lực sĩ ở Câu thi cúng dường thân Phật. Lúc đó trưởng lão Đại Ca-diếp dẫn năm trăm Tỳ-kheo từ thành Ba-bà đi đến thành Câu-thi-na, khi đến ranh giới giữa hai thành gặp một Phạm chí cầm hoa trời Mạn-đà-la từ thành Câu-thi-na đi đến thành Ba-bà. Đại Ca-diếp hỏi: "Ông có biết đại sư của tôi không?, đáp: "Biết, đại sư của thầy đã bát Niết-bàn tại trú xứ Lực sĩ ở giữa hai cây Sa-la thuộc thành Câu-thi-na đến nay đã bảy ngày rồi, trời người đang cúng dường thân Phật. Tôi được hoa trời Mạn-đà-la này từ chỗ đó". Đại Ca-diếp nghe rồi rất đau buồn, trong số các đệ tử có vị khóc, có vị dậm chân nói rằng: "Vì sao Thế tôn nhập Niết-bàn mau như vậy, con mắt thế gian đã diệt rồi". Lúc đó có người ngã lăn ra đất, có người bi cảm; có người hành tâm xả quán tướng các pháp là vô thường, khổ, không và vô ngã; đã là pháp tướng vô thường thì làm sao có thể thường

được. Khi Phật còn tại thế có dạy rằng: "Cái mà chúng sanh đắm trước thì không thể giữ lâu, rốt cuộc đều phải biệt ly, tan hoại và diệt mất". Lúc đó có một Tỳ-kheo già ngu si bất thiện nói lời thô ác rằng: "Phật thường nói điều này nên làm, điều này không nên làm. Nay tôi được tự tại, muốn làm gì thì làm, không muốn làm thì thôi", lời thô ác này chỉ có một mình trưởng lão Đại Ca-diếp nghe được, những người khác không nghe thấy vì các thiên thần đã ngăn không cho nghe. Lúc đó ở cõi Diêm phù đề này, trưởng lão Kiều-trần-như là đệ nhất Thượng tòa, trưởng lão Quân đà là đệ nhị Thượng tòa, trưởng lão Thập lực Ca-diếp và A-nan là đệ tam Thượng tòa, trưởng lão Đại Ca-diếp là đệ tứ Thượng tòa. Do trưởng lão Đại Ca-diếp là người quen biết nhiều, tất cả bốn bộ chúng đều cung kính, tin thọ lời của trưởng lão nên khi hay tin trưởng lão sắp đến thành Câu-thi-na, bốn bộ chúng đều ra đến nữa đường để nghinh đón. Trưởng lão Đại Ca-diếp thấy bốn bộ chúng đến liền dừng lại một gốc cây bên đường, trải Ni-sư-đàn ngồi kiết già, bốn bộ chúng đến đảnh lễ rồi ngồi một bên nghe nói pháp, Trưởng lão tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho bốn bộ chúng được lợi hỉ rồi bảo họ cùng quay về Đảnh kết chi di ở Song thọ: "Hãy khoan thiêu nhục thân của Phật, tôi đã về kịp, tôi muốn đảnh lễ kim thân Phật". Trưởng lão cùng bốn bộ chúng đến Đảnh kết chi di, chư thiên mở kim quan để lộ kim thân Phật

cho trưởng lão Đại Ca-diếp đảnh lễ, đảnh lễ rồi bảo mọi người dùng bạch điệp mới của trời quấn lại kim thân Phật, dùng dầu thơm tưới lên kim quan rồi đậy nắp kim quan và chất củi thơm để thiêu. Chủ các lực sĩ liền đốt đống củi thơm này, trưởng lão A-nan thấy đống củi thơm bốc cháy bi cảm nghẹn ngào nói kệ:

"Thân của Thế tôn, Ở trong kim quan, Quấn ngàn tấm lụa, Tưới bằng dầu thơm, Đốt bằng củi thơm".

Khi đống củi thơm đã cháy hết, Đại Ca-diếp nghĩ: "Làm sao dập tắt lửa, nên dùng sữa bò để dập tắt", vừa nghĩ liền có ao sữa bò tinh khiết hiện ra, trưởng lão liền dùng sữa bò này tưới để tắt lửa và nói kệ:

"Ngàn tấm lụa quấn thân, Dùng lửa trà tỳ thân, Thần lực của đức Phật, Thường một nội y còn,

Ngoài cùng cũng không cháy, Ở giữa đều cháy hết".

Lúc đó trưởng lão Đại Ca-diếp thành kính gỡ lớp lụa bên ngoài ra để lấy xá lợi Phật đưa cho các lực sĩ, các lực sĩ để xá lợi trong bình vàng, đặt lên xe, đốt hương thơm, dùng phướn lọng và trỗi các kỹ nhạc cúng dường rồi rước vào thành Câu-thi-na. Trong thành Câu-thi-na lúc đó vừa xây xong Luận nghĩa đường, đã được tưới quét sạch sẽ, xông các hương thơm, treo cờ phướn và rãi hương hoa

trên chiếc giường ngà voi để bình vàng xá lợi Phật. Trưởng lão A-nan dùng hương hoa kỹ nhạc cúng dường và hướng dẫn các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cúng dường đảnh lễ.

Lúc đó các lực sĩ trong thành Ba-bà nghe được tin này suy nghĩ: "Phật cũng là thầy ta, được ta tôn thờ, ta nên đến đó thỉnh phần xá lợi mang về xây tháp thờ, đốt hương hoa, treo phướn lọng suốt đời cúng dường", các lực sĩ thành Câu-thi-na nói: "Phật nhập Niết-bàn ở nước ta, chúng ta tự sẽ xây tháp cúng dường, chia xá lợi thì không được". Lúc đó dòng Sát-đế-lỵ thuộc tộc họ Bà-tha-bà-la ở nước Già-lặc, các Bà-la-môn trong nước Tỳ-miệu, dòng họ Lê xương trong thành Tỳ-da-ly, các Thích tử trong nước Ca-tỳ-la vệ, vua A-xà-thế vua nước Ma-kiệt-đà nghe được tin này đều đem hương hoa và kỹ nhạc đến để cúng dường xá lợi. Vua A-xà-thế bảo đại thần Bà-la-môn Bà-lợi-sa Ca-la: "Khanh đến chỗ các lực sĩ thành Câu-thi-na, chuyển lời ta thăm hỏi họ thân tâm có được an ổn vui vẻ không và nói với họ rằng Phật cũng là thầy ta, được ta tôn thờ, nay nhập Niết-bàn ở nước các vị, xin cho thỉnh phần xá lợi mang về xây tháp thờ trong thành Vương xá; nếu các vị không cho thỉnh nước tôi sẽ khởi binh dùng sức đoạt lấy xá lợi", Bà-la-môn vâng lịnh vua tập họp bốn binh đi đến thành Câu-thi-na nói với các lực sĩ thành Câu-thi-na y như vậy, các lực sĩ thành Câu-thi-na nói: "Phật

nhập Niết-bàn ở nước ta, chúng ta tự sẽ xây tháp cúng dường, chia xá lợi thì không được". Lúc đó các lực sĩ thành Ba-bà cũng tập họp bốn binh đến đóng quân tại một nơi, tộc họ Câu-bà-la ở tụ lạc La-bà cũng tập họp bốn binh đến đóng quân tại một nơi, cho đến dòng Sát-đế-lỵ thuộc tộc họ Bà tha bà la ở nước Già-lặc, các Bà-la-môn trong nước Tỳ miệu, dòng họ Lê xương trong thành Tỳ-da-ly, các Thích tử trong nước Ca-tỳ-la vệ cũng tập họp bốn binh đến đóng quân tại một nơi, Bà-la-môn Bà-la-sa Ca-la tăng cường thêm bốn binh cũng đóng quân tại một nơi. Lúc đó bên ngoài thành Câu-thi-na bị tám nước đóng quân bao vây, nước nào cũng muốn đoạt lấy xá lợi Phật. Lúc đó trong đại chúng có một Bà-la-môn họ Yên cất tiếng hô lớn: "Chủ các lực sĩ thành Câu-thi-na lắng nghe: Từ vô lượng kiếp, Phật đã tích thiện tu nhẫn, các vị cũng thường nghe pháp nhẫn. Tại sao hôm nay Phật mới nhập Niết-bàn, vì xá lợi Phật mà tám nước khởi binh tranh đoạt, các vị nên biết đây là việc không cung kính, xá lợi Phật nay nên chia làm tám phần", các lực sĩ thành Câu-thi-na nói: "Vì tôn kính Phật chúng tôi chấp thuận lời đề nghị này". Bà-la-môn họ Yên chia xá lợi thành tám phần rồi lớn tiếng xướng rằng: "Chủ các lực sĩ cho tôi được thỉnh chiếc bình vàng đựng xá lợi Phật mang về tụ lạc Đầu-na-la để xây tháp thờ, đốt hương hoa, treo phướn lọng suốt đời cúng dường", Bà-la-môn Tất-Ba-la-diên-na

cũng lớn tiếng xướng rằng: "Chủ các lực sĩ thành Câu-thi-na cho tôi thỉnh phần tro nơi chỗ thiêu kim thân Phật, mang về nước tôi để xây tháp thờ, đốt hương hoa, treo phướn lọng suốt đời cúng dường", các lực sĩ thành Câu-thi-na nói: "Vì tôn kính Phật, chúng tôi chấp thuận cho thỉnh". Lúc đó các lực sĩ thành Câu-thi-na được phần xá lợi thứ nhất, nước Ba-bà được phần xá lợi thứ hai, tộc họ Câu-lâu-la ở tụ lạc La-ma được phần xá lợi thứ ba, dòng Sát-đế-lỵ thuộc tộc họ Bà tha bà la ở nước Già-lặc được phần xá lợi thứ tư, các Bà-la-môn trong nước Tỳ miệu được phần xá lợi thứ năm, dòng họ Lê xương trong thành Tỳ-da-ly được phần xá lợi thứ sáu, các Thích tử trong nước Ca-tỳ-la vệ được phần xá lợi thứ bảy, vua A-xà-thế nước Ma-kiệt-đà được phần xá lợi thứ tám, tất cả đều thỉnh xá lợi Phật mang về nước mình để xây tháp thờ, đốt hương hoa, treo phướn lọng suốt đời cúng dường. Bà-la-môn họ Yên được bình đựng xá lợi, Bà-la-môn Tất Ba-la-diên na được phần tro cũng đều mang về nước mình xây tháp thờ, đốt hương hoa, treo phướn lọng suốt đời cúng dường. Lúc đó trong cõi Diêm phù đề có tám tháp thờ xá lợi Phật, tháp thứ chín thờ bịnh đựng xá lợi và tháp thứ mười thờ tro. Sau khi Phật vừa nhập Niết-bàn chỉ Có mười tháp nhưng về sau có thêm vô số tháp, trưởng lão Đại Ca-diếp biết xá lợi Phật đã được lưu bố khắp mười phương nên tập họp Tăng chúng và nói với các Tỳ-kheo

rằng: "Trước đây tôi dẫn năm trăm Tỳ-kheo từ thành Ba-bà đi đến thành Câu-thi-na, khi đến ranh giới giữa hai thành gặp một Phạm chí cầm hoa trời Mạn-đà-la từ thành Câu-thi-na đi đến thành Ba-bà. Tôi hỏi: "Ông có biết đại sư của tôi không?", đáp: "Biết, đại sư của thầy đã bát Niết-bàn tại trú xứ Lực sĩ ở giữa hai cây Sa-la thuộc thành Câu-thi-na đến nay đã bảy ngày rồi, trời người đang cúng dường thân Phật. Tôi được hoa trời Mạn-đà-la này từ chỗ đó". Tôi nghe rồi rất đau buồn, trong số các đệ tử có vị khóc, có vị dậm chân nói rằng: "Vì sao Thế tôn nhập Niết-bàn mau như vậy, con mắt thế gian đã diệt rồi". Lúc đó có người ngã lăn ra đất, có người bi cảm; có người hành tâm xả quán tướng các pháp là vô thường, khổ, không và vô ngã; đã là pháp tướng vô thường thì làm sao có thể thường được. Khi Phật còn tại thế có dạy rằng: "Cái mà chúng sanh đắm trước thì không thể giữ lâu, rốt cuộc đều phải biệt ly, tan hoại và diệt mất". Lúc đó có một Tỳ-kheo già ngu si bất thiện nói lời thô ác rằng: "Phật thường nói điều này nên làm, điều này không nên làm. Nay tôi được tự tại, muốn làm gì thì làm, không muốn làm thì thôi", lời thô ác này chỉ có một mình tôi nghe được, những người khác không nghe thấy vì các thiên thần đã ngăn không cho nghe. Lại có một Tỳ-kheo ở trước tôi nói phi pháp là pháp, pháp là phi pháp, thiện là bất thiện, bất thiện là thiện. Vì thế nay chúng ta nên kết tập

tất cả kinh, luật, luận". Lúc đó trưởng lão Đại Ca-diếp suy nghĩ: "Ta sẽ ở trong Tăng kết tập tất cả kinh, luật, luận; nếu có Tỳ-kheo không hiểu biết sẽ nói là không nên kết tập tất cả kinh luật luận. Ta nên ở trong Tăng chọn lấy những vị thông tuệ có thể kết tập pháp và nên ở trong Tăng làm yết ma chọn", nghĩ rồi liền ở trong Tăng chọn lấy năm trăm Tỳ-kheo chỉ thiếu có một người. Các vị này xưng tên đều là những vị đã chứng ba minh, thông suốt ba tạng, đã diệt ba độc đều là bậc Câu giải thoát. Đại Ca-diếp liền ở trong Tăng xướng: Đại đức tăng lắng nghe, năm trăm Tỳ-kheo chỉ thiếu một vị này xưng danh đều là những vị đã chứng ba minh, thông suốt ba tạng, đã diệt ba độc đều là bậc Câu giải thoát. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, năm trăm Tỳ-kheo chỉ thiếu có một vị này đều là những người kết tập pháp. Bạch như vậy. Lúc đó trưởng lão A-nan có mặt trong Tăng, trưởng lão Đại Ca-diếp suy nghĩ: "A-nan là Học nhơn thông tuệ đa văn, Phật nói A-nan là bậc đa văn bậc nhất trong các đệ tử. Nay ta nên cử A-nan làm người kết tập pháp thứ năm trăm", nghĩ rồi liền ở trong Tăng xướng:

Đại đức tăng lắng nghe, A-nan là Học nhơn thông tuệ đa văn, Phật nói A-nan là bậc đa văn bậc nhất trong các đệ tử. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, chúng ta nay cử A-nan là người thứ năm trăm để kết tập pháp. Bạch như vậy.

Đại đức tăng lắng nghe, A-nan là Học nhơn thông tuệ đa văn, Phật nói A-nan là bậc đa văn bậc nhất trong các đệ tử. Nay chúng ta cử A-nan là người thứ năm trăm để kết tập pháp. Các trưởng lão nào chấp thuận cử A-nan là người thứ năm trăm để kết tập pháp thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Tăng đã chấp thuận cử A-nan là người thứ năm trăm để kết tập pháp xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Lúc đó trưởng lão Đại Ca-diếp suy nghĩ: "Việc kết tập kinh luật luận cần nhiều thời gian, không phải chỉ một, hai ngày cho đến một tuần mà có thể xong được. Nay ta nên ở trong Tăng tác pháp yết ma tập họp những người kết tập pháp lại cùng an cư một chỗ, những người không kết tập pháp thì an cư chỗ khác", nghĩ rồi liền ở trong Tăng xướng:

Đại đức tăng lắng nghe, việc kết tập kinh luật luận cần nhiều thời gian, không phải chỉ một, hai ngày cho đến một tuần mà có thể xong được. Nay ở trong Tăng tác pháp yết ma tập họp những người kết tập pháp lại cùng an cư một chỗ, những người không kết tập pháp thì an cư chỗ khác. Bạch như vậy.

Trưởng lão Đại Ca-diếp lại suy nghĩ: "Ở trong xứ nào của nước nào an ổn, có tinh xá tốt, được tứ sự cúng dường đầy đủ, thức ăn uống không thiếu thốn, không có giặc cướp", trưởng lão liền nghĩ đến thành Vương xá, trong thành này có tinh xá tốt,

được tứ sự cúng dường đầy đủ, thức ăn uống không thiếu thốn, không có giặc cướp. Nghĩ rồi liền một mình đến trước lo liệu mọi thứ như sửa sang lại tinh xá, kêu gọi bạch y cúng dường tứ sự… Đến lúc an cư liền cùng năm trăm Tỳ-kheo kết tập pháp cùng đến an cư trong thành Vương xá, sáng sớm Đại Ca-diếp đắp y mang bát vào thành Vương xá nhắc nhở mọi người mang thức ăn uống đến để cúng dường cho những vị kết tập pháp, sau đó trở về tập họp Tăng. Trưởng lão Đại Ca-diếp suy nghĩ: "Tỳ-kheo nào có thể tụng luật thông suốt, chúng ta gạn hỏi mà có thể tùy đáp theo câu hỏi, chúng ta sẽ cử người đó kết tập Tỳ-ni. Phật thường khen ngợi Ưu-ba-ly là người tụng luật thông suốt bậc nhất trong các Tỳ-kheo ", nghĩ rồi liền bạch Tăng:

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Ưu-ba-ly là người tụng luật thông suốt, Phật thường khen ngợi Ưu-ba-ly là người tụng luật thông suốt bậc nhất trong các Tỳ-kheo, nay chúng ta cử Ưu-ba-ly làm người kết tập Tỳ-ni, chúng ta gạn hỏi, Ưu-ba-ly tùy theo câu hỏi mà đáp. Bạch như vậy.

Lúc đó Đại Ca-diếp trải pháp tòa, trưởng lão Ưu-ba-ly thăng tòa, Đại Ca-diếp hỏi: "Giới thứ nhất thuộc Ba-la-di, nhân duyên xuất phát từ đâu?", Ưu-ba-ly đáp: "Nhân duyên xuất phát từ Tỳ-kheo Tu-đề-na Ca-lan đà tử ở nước Tỳ-da-ly", lại hỏi: "Tướng phạm và không phạm trong giới này như thế nào?", Ưu-ba-ly liền nói rõ tướng

phạm và tướng không phạm, Đại Ca-diếp liền hỏi trưởng lão A nhã Kiều-trần-như: "Lời Ưu-ba-ly nói có đúng không?", Kiều-trần-như đáp là đúng, Đại Ca-diếp kế hỏi trưởng lão Quân đà, kế hỏi trưởng lão Thập lực Ca-diếp… như thế cho đến hỏi hết năm trăm Tỳ-kheo kết tập pháp, trưởng lão A-nan là người thứ năm trăm đáp: "Tôi cũng nghe như vậy, việc này là pháp, là thiện đúng như trưởng lão Ưu-ba-ly đã nói", A-nan hỏi lại Đại Ca-diếp là có đúng như vậy không, Đại Ca-diếp đáp là đúng rồi ở trong Tăng xướng:

Đại đức tăng lắng nghe, Giới thứ nhất Ba-la-di đã kết tập xong, là pháp, là Tỳ-ni, là lời Phật dạy. Không có Tỳ-kheo nào nói pháp nói là phi pháp, phi pháp nói là pháp; Tỳ-ni nói là phi Tỳ-ni, phi Tỳ-ni nói là Tỳ-ni. Đây là pháp, là Tỳ-ni, là lời Phật dạy. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Đại Ca-diếp lại hỏi Ưu-ba-ly: "Nhân duyên của giới Ba-la-di thứ hai xuất phát từ đâu?", Ưu-ba-ly đáp: "Nhân duyên xuất phát từ Tỳ-kheo Đạt-ni-ca con của người thợ gốm ở thành Vương xá", lại hỏi: "Nhân duyên của giới Ba-la-di thứ ba phát xuất từ đâu?", đáp: "Nhân duyên phát xuất từ các Tỳ-kheo bên sông Bà-cầu-ma đề ở nước Bạt-kỳ", lại hỏi: "Nhân duyên của giới Ba-la-di thứ tư phát xuất từ đâu?", đáp: "Nhân duyên phát xuất từ các Tỳ-kheo bên sông Bà-cầu-ma đề ở nước Tỳ-da-ly", lại hỏi:

"Nhân duyên của giới Tăng-già-bà-thi-sa thứ nhất phát xuất từ đâu?", đáp: "Nhân duyên phát xuất từ Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di ở nước Xá-bà-đề; giới Tăng-già-bà-thi-sa thứ hai, thứ ba, thứ tư cũng đều do Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di ở nước Xá-bà-đề", lại hỏi: "Nhân duyên của giới thứ năm phát xuất từ đâu?", đáp: "Từ Tỳ-kheo Ca-la Di-lê-ca tử ở nước Xá-bà-đề", lại hỏi: "Tướng phạm và không phạm trong giới này như thế nào?", Ưu-ba-ly liền nói rõ tướng phạm và tướng không phạm, Đại Ca-diếp liền hỏi trưởng lão A nhã Kiều-trần-như: "Lời Ưu-ba-ly nói có đúng không?", Kiều-trần-như đáp là đúng, Đại Ca-diếp kế hỏi trưởng lão Quân đà, kế hỏi trưởng lão Thập lực Ca-diếp… như thế cho đến hỏi hết năm trăm Tỳ-kheo kết tập pháp, trưởng lão A-nan là người thứ năm trăm đáp: "Tôi cũng nghe như vậy, việc này là pháp, là thiện đúng như trưởng lão Ưu-ba-ly đã nói", A-nan hỏi lại Đại Ca-diếp là có đúng như vậy không, Đại Ca-diếp đáp là đúng, cứ hỏi và đáp như vậy cho đến tất cả Tỳ-ni đều được kết tập xong. Lúc đó Đại Ca-diếp ở trong Tăng xướng:

Đại đức tăng lắng nghe, tất cả Tỳ-ni đều đã kết tập xong, là pháp, là Tỳ-ni, là lời Phật dạy. Không có Tỳ-kheo nào nói pháp nói là phi pháp, phi pháp nói là pháp; Tỳ-ni nói là phi Tỳ-ni, phi Tỳ-ni nói là Tỳ-ni. Đây là pháp, là Tỳ-ni, là lời Phật dạy. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như

vậy.

Lúc đó Đại Ca-diếp suy nghĩ: "Tỳ-kheo nào tụng kinh và luận thông suốt, chúng ta gạn hỏi mà có thể tùy đáp theo câu hỏi, chúng ta sẽ cử làm người kết tập kinh và luận. Phật thường khen ngợi A-nan là bậc đa văn, thọ trì tất cả kinh luận bậc nhất trong các Tỳ-kheo. Chúng ta nên cử làm người kết tập kinh và luận", nghĩ rồi liền ở trong Tăng xướng:

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo A-nan là người đa văn thông suốt kinh luận, Phật thường khen ngợi A-nan là bậc đa văn, thọ trì tất cả kinh luận bậc nhất trong các Tỳ-kheo. Chúng ta nên cử làm người kết tập kinh và luận. Bạch như vậy.

Lúc đó Đại Ca-diếp trải pháp tòa, trưởng lão A-nan thăng tòa, Đại Ca-diếp hỏi A-nan: "Lần đầu tiên Phật nói kinh ở nơi đâu?", đáp: "Tôi nghe như vầy, một thuở nọ Phật ở tại trú xứ Tiên nhơn trong rừng Nai thuộc thành Ba-la-nại". A-nan vừa nói xong, năm trăm Tỳ-kheo đều quỳ xuống khóc nói: "Tôi đã ở trước Phật nghe thọ và thấy pháp, nay cũng được nghe", Đại Ca-diếp nói với A-nan: "Từ nay tất cả kinh luật luận đều bắt đầu bằng câu: Tôi nghe như vậy, một thuở nọ", A-nan đáp: "Xin vâng. Lúc đó Phật bảo năm Tỳ-kheo: "Khổ thánh đế này là pháp mà trước đây ta chưa từng nghe từ người khác. Ngay khi chánh ức niệm, ở trong các pháp sanh Nhãn, sanh Trí, sanh Minh, sanh Giác.

Tập thánh đế, Diệt thánh đế và Đạo thánh đế này là pháp mà trước đây ta chưa từng nghe từ người khác. Ngay khi chánh ức niệm, ở trong các pháp sanh Nhãn, sanh Trí, sanh Minh, sanh Giác.

Này các Tỳ-kheo, Khổ thánh đế này các thầy nên biết, Khổ Tập thánh đế này các thầy nên đoạn, Khổ diệt thánh đế này các thầy nên chứng, Khổ đạo thánh đế này các thầy nên tu. Tứ thánh đế này là pháp mà trước đây ta chưa từng nghe từ người khác. Ngay khi chánh ức niệm, ở trong các pháp sanh Nhãn, sanh Trí, sanh Minh, sanh Giác. Này các Tỳ-kheo, Khổ thánh đế này ta đã biết, Khổ Tập thánh đế này ta đã đoạn, Khổ Diệt thánh đế này ta đã chứng, Khổ Đạo thánh đế này ta đã tu. Tứ thánh đế này là pháp mà trước đây ta chưa từng nghe từ người khác. Ngay khi chánh ức niệm, ở trong các pháp sanh Nhãn, sanh Trí, sanh Minh, sanh Giác. Này các Tỳ-kheo, nếu trong ngần ấy thời gian đối với bốn thánh đế này, ba lần chuyển mười hai phần pháp luân hành mà ta không sanh Nhãn, sanh Trí, sanh Minh, sanh Giác; ở trong tất cả thế gian hoặc là Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, trời người mà ta không được giải thoát, không được lìa, không được xả, không được tâm không điên đảo thì lúc đó ta không khởi niệm là đã đắc quả Vô thượng Bồ đề. Chính ở trong ngần ấy thời gian đối với bốn thánh đế này, ba lần chuyển mười hai phần pháp luân hành mà ta sanh Nhãn, sanh Trí, sanh Minh, sanh

Giác; ở trong tất cả thế gian hoặc là Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, trời người mà ta được giải thoát, được lìa, được xả, được tâm không điên đảo nên lúc đó ta khởi niệm là đã đắc quả Vô thượng Bồ đề". Lúc thuyết giảng pháp này trưởng lão Kiều-trần-như và tám vạn chư thiên được xa lìa trần cấu, ở trong các pháp sanh khởi pháp nhãn. Lúc đó Phật hỏi Kiều-trần-như: "Đã đắc pháp rồi phải không?", Kiều-trần-như đáp: "Đã đắc pháp rồi thưa Thế tôn". Phật hỏi ba lần và Kiều-trần-như cũng đáp ba lần như vậy, do lần đầu tiên đắc pháp nên gọi là A-nhã-Kiều-trần-như. Khi Kiều-trần-như đắc pháp, thần đất lớn tiếng xướng rằng: "Này các chúng sanh, Phật ở tại trú xứ Tiên nhơn trong rừng Nai thuộc thành Ba-la-nại nói bốn thánh đế này, ba lần chuyển mười hai phần pháp luân hành; ở trong tất cả thế gian hoặc là Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, trời người đều không thể như pháp chuyển. Phật vì lợi ích cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì thương xót thế gian, làm lợi ích an lạc cho chư thiên và loài người, làm tăng thêm chúng trời và làm giảm chúng A-tu-la". Thần hư không nghe thần đất xướng như vậy, cũng lớn tiếng xướng như vậy, như thế cho đến các cõi trời Tứ thiên vương, cõi trời Tam thập tam, trời Dạ ma, trời Đâu suất đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại… trời Phạm thiên đều xướng lên như vậy. Phật ở tại trú xứ Tiên nhơn trong rừng Nai thuộc thành Ba-la-nại, nói bốn

thánh đế này, ba lần chuyển mười hai phần pháp luân hành nên kinh này gọi là kinh Chuyển pháp luân".

Lúc đó Đại Ca-diếp liền hỏi trưởng lão A nhã Kiều-trần-như: "Lời A-nan nói có đúng không?", Kiều-trần-như đáp là đúng, Đại Ca-diếp kế hỏi trưởng lão Quân đà, kế hỏi trưởng lão Thập lực Ca-diếp… như thế cho đến hỏi hết năm trăm Tỳ-kheo kết tập pháp, trưởng lão Ưu-ba-ly là người thứ năm trăm đáp: "Tôi cũng nghe như vậy, đúng như trưởng lão A-Nan-đã nói", Ưu-ba-ly hỏi lại Đại Ca-diếp là có đúng như vậy không, Đại Ca-diếp đáp là đúng, cứ như thế hỏi đáp cho đến khi tất cà kinh đã được kết tập xong. Đại Ca-diếp ở trong Tăng xướng:

Đại đức tăng lắng nghe, tất cả kinh đã kết tập xong, là pháp, là Tỳ-ni, là lời Phật dạy. Không có Tỳ-kheo nào nói pháp nói là phi pháp, phi pháp nói là pháp; Tỳ-ni nói là phi Tỳ-ni, phi Tỳ-ni nói là Tỳ-ni. Đây là pháp, là Tỳ-ni, là lời Phật dạy. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Đại Ca-diếp lại hỏi A-nan: "Phật bắt đầu nói A-tỳ-đàm ở nơi đâu?", đáp: "Tôi nghe như vầy, một thuở nọ Phật tại nước Xá-bà-đề, lúc đó Phật bảo các Tỳ-kheo: "Nếu người nào có năm sợ hãi, năm tội, năm oán và năm diệt thì người này sau khi chết sẽ bị đọa trong địa ngục nhanh như lực sĩ co duỗi cánh tay. Năm tội đó là sát sanh, trộm cắp, tà dâm,

vọng ngữ và uống rượu. Ngược lại "Nếu người nào không có năm sợ hãi, năm tội, năm oán và năm diệt thì người này sau khi chết sẽ được sanh lên cõi trời nhanh như lực sĩ co duỗi cánh tay. Không có năm tội đó là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ và không uống rượu. Đối với năm sợ hãi, năm oán và năm diệt cũng giống như vậy".

Lúc đó Đại Ca-diếp liền hỏi trưởng lão A-nhã-Kiều-trần-như:

"Lời A-nan nói có đúng không?", Kiều-trần-như đáp là đúng, Đại Ca-diếp kế hỏi trưởng lão Quân đà, kế hỏi trưởng lão Thập lực Ca-diếp… như thế cho đến hỏi hết năm trăm Tỳ-kheo kết tập pháp, trưởng lão Ưu-ba-ly là người thứ năm trăm đáp: "Tôi cũng nghe như vậy, đúng như trưởng lão A-Nan-đã nói", Ưu-ba-ly hỏi lại Đại Ca-diếp là có đúng như vậy không, Đại Ca-diếp đáp là đúng, cứ như thế hỏi-đáp cho đến khi tất cả luận đã được kết tập xong. Đại Ca-diếp ở trong Tăng xướng:

Đại đức tăng lắng nghe, tất cả luận đã kết tập xong, là pháp, là Tỳ-ni, là lời Phật dạy. Không có Tỳ-kheo nào nói pháp nói là phi pháp, phi pháp nói là pháp; Tỳ-ni nói là phi Tỳ-ni, phi Tỳ-ni nói là Tỳ-ni. Đây là pháp, là Tỳ-ni, là lời Phật dạy. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Sau khi tất cả kinh, luật, luận đã được kết tập

xong, trưởng lão A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch với trưởng lão Đại Ca-diếp: "Đại đức, tôi từ Phật nghe thọ lời này, Phật nói: "Sau khi ta nhập Niết-bàn, nếu Tăng nhất tâm hòa hợp thì có thể xem xét bỏ bớt những giới vi tế", Đại Ca-diếp hỏi: "A-nan, thầy có hỏi Phật những giới nào là giới vi tế mà nếu Tăng nhất tâm hòa hợp thì có thể bỏ bớt hay không?", đáp là không có hỏi, Đại Ca-diếp nói: "Đáng lẽ thầy nên hỏi cho rõ ràng, vì thầy không hỏi Phật rõ ràng nên thầy phạm Đột-kiết-la, thầy nên như pháp sám hối", A-nan nói: "Tôi không khinh giới nên không hỏi, vã lại lúc đó Phật sắp diệt độ, tâm tôi ưu sầu nên không thể hỏi được". Đại Ca-diếp nói: "Phật ba lần nói với thầy rằng: Vô số việc trong cõi Diêm phù đề thì thích thọ mạng là việc vui thích nhất. Nếu người nào tu Tứ như ý túc có thể sống thọ một kiếp hoặc dưới một kiếp". Phật khéo tu Tứ như ý túc nếu muốn thọ mạng một kiếp hoặc dưới một kiếp đều có thệ tự tại trụ. Tại sao lúc đó thầy không thỉnh Phật trụ lâu ở đời, vì việc này nên thầy phạm Đột-kiết-la, thầy nên như pháp sám hối", A-nan nói: "Tôi không khinh giới và không phải không cung kính Phật mà không thỉnh Phật trụ lâu ở đời. Chỉ vì lúc đó ma che lấp tâm tôi khiến tôi không nhận biết nên mới không thỉnh Phật trụ lâu ở đời". Đại Ca-diếp nói: "Một lần nọ thầy đã dùng chân giẫm lên y của Phật nên thầy phạm Đột-kiết-la,

thầy nên như pháp sám hối", A-nan nói: "Tôi không khinh giới và không phải không cung kính Phật mà giẫm lên y của Phật. Chỉ vì lúc đó gió thổi rất mạnh, không có ai giúp đỡ, tôi phải dùng chân giẫm lên y để giữ y mới xếp được y". Đại Ca-diếp lại nói: "Một lần nọ Phật bảo thầy ra bờ sông Ca-câu-đà lấy một bát nước, thầy đáp là nước sông đang đục chưa trong nên không đi lấy nước liền. Vì việc này thầy phạm Đột-kiết-la, thầy nên như pháp sám hối", A-nan nói: "Tôi không khinh giới và không phải không cung kính Phật mà không đi lấy nước liền. Chỉ vì lúc đó có năm trăm cỗ xe vừa băng qua sông nên nước đục chưa trong". Đại Ca-diếp lại nói: "Phật không cho người nữ xuất gia, thầy đến thỉnh ba lần để Phật cho người nữ xuất gia. Vì việc này thầy phạm Đột-kiết-la, thầy nên như pháp sám hối", A-nan nói: "Tôi không khinh giới và không phải không cung kính Phật mà thỉnh Phật ba lần để cho người nữ xuất gia. Chỉ vì chư Phật quá khứ đều có đủ bốn chúng, vì sao riêng Phật của chúng ta lại không Có bốn chúng nên tôi mới thỉnh Phật đến ba lần". Đại Ca-diếp lại nói: "Sau khi Phật diệt độ, vì sao thầy lại để lộ tướng âm tàng của Phật cho người nữ nhìn thấy. Vì việc này thầy phạm Đột-kiết-la, thầy nên như pháp sám hối", A-nan nói: "Vì người nữ phước đức mỏng ít, muốn được thấy tướng của Phật, khi thấy được rồi sẽ sanh nhàm lìa thân nữ, đời sau được thân nam

nên tôi mới để lộ cho họ thấy". Lúc đó Đại Ca-diếp bảo A-nan ở trong Tăng sám hối sáu tội Đột-kiết-la rồi bạch Tăng: "Chúng ta không nên cho bỏ bớt một giới vi tế nào, vì sao, vì ngoại đạo dị học nếu nghe biết việc này sẽ nói rằng: "Đệ tử thông minh, vì sao, vì thầy kết giới mà đệ tử lại bỏ bớt". Vì vậy chúng ta nhất tâm xem xét không cho bỏ bớt một giới vi tế nào, nếu chúng ta bỏ bớt thì ngoại đạo dị học sẽ nói rằng: "Khi đại sư còn ở đời, Sa-môn Thích tử đều trì giới đầy đủ; sau khi đại sư diệt độ lại không trì giới đầy đủ mà còn bỏ bớt, pháp của Thích tử không bao lâu nữa sẽ bị diệt, giống như lửa cháy thì khói bốc lên, lửa tắt thì khói cũng diệt. Vì vậy chúng ta nhất tâm xem xét không cho bỏ bớt một giới vi tế nào, nếu chúng ta bỏ bớt thì các Tỳ-kheo không biết giới nào là vi tế sẽ nói rằng: "Giới vi tế không phải chỉ là Đột-kiết-la, mà bốn Ba-la-đề-đề-xá-ni cũng được xem là giới vi tế. Vì vậy chúng ta nhất tâm xem xét không cho bỏ bớt một giới vi tế nào, nếu chúng ta bỏ bớt thì các Tỳ-kheo không biết giới nào là vi tế sẽ nói rằng: "Giới vi tế không phải chỉ là Đột-kiết-la, bốn Ba-la-đề-đề-xá-ni mà cả chín mươi Ba-dật-đề cũng được xem là giới vi tế". Vì vậy chúng ta nhất tâm xem xét không cho bỏ bớt một giới vi tế nào, nếu chúng ta bỏ bớt thì các Tỳ-kheo không biết giới nào là vi tế sẽ nói rằng: "Giới vi tế không phải chỉ là Đột-kiết-la, bốn Ba-la-đề-đề-xá-ni, chín mươi Ba-dật-

đề mà cả ba mươi Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề cũng được xem là giới vi tế". Vì vậy chúng ta nhất tâm xem xét không cho bỏ bớt một giới vi tế nào, nếu chúng ta bỏ bớt thì các Tỳ-kheo không biết giới nào là vi tế sẽ nói rằng: "Giới vi tế không phải chỉ là Đột-kiết-la, bốn Ba-la-đề-đề-xá-ni, chín mươi Ba-dật-đề, ba mươi Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề mà cả hai pháp Bất định cũng được xem là giới vi tế". Vì vậy chúng ta nhất tâm xem xét không cho bỏ bớt một giới vi tế nào, nếu chúng ta bỏ bớt thì các Tỳ-kheo không biết giới nào là vi tế sẽ nói rằng: "Giới vi tế không phải chỉ là Đột-kiết-la, bốn Ba-la-đề-đề-xá-ni, chín mươi Ba-dật-đề, ba mươi Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, hai pháp Bất định mà cả mười ba Tăng-già-bà-thi-sa cũng được xem là giới vi tế". Vì vậy chúng ta nhất tâm xem xét không cho bỏ bớt một giới vi tế nào, nếu chúng ta bỏ bớt thì sẽ có Tỳ-kheo nói rằng: "Tôi chỉ thọ trì bốn giới thôi còn những giới khác thì bỏ bớt". Vì vậy chúng ta nhất tâm xem xét không cho bỏ bớt một giới vi tế nào, chúng ta phải thọ trì tất cả giới Phật đã kết. Những giới Phật đã kết, tất cả đều phải thọ trì, Phật không kết giới thì thôi, nếu Phật đã kết rồi thì không được bỏ, nên như Phật đã kết giới mà thọ trì, mới khiến cho các Tỳ-kheo thiện pháp được tăng trưởng không diệt. Vì vậy chúng ta phải thọ trì hết, không bỏ bớt một giới nào".

2. Bảy Trăm Tỳ-Kheo Kết Tập Diệt Ác Pháp:

Từ khi Phật nhập Niết-bàn cho đến một trăm mười năm sau, ở nước Tỳ-da-ly phát sanh mười việc phi pháp, phi thiện, xa lìa Phật pháp, không liên quan tới kinh, luật và luận, cũng phá pháp tướng. Các Tỳ-kheo Tỳ-da-ly hành theo mười việc này, cho là pháp, là thanh tịnh rồi thọ trì như vậy. Mười việc phi pháp đó là diêm tịnh, chỉ tịnh, cận tụ lạc tịnh, sanh hòa hợp tịnh, như thị tịnh, chứng tri tịnh, bần trú xứ tịnh, hành pháp tịnh, lũ biên bất ích Ni-sư-đàn tịnh và mười là kim ngân bảo vật tịnh. Lúc đó các Tỳ-kheo Tỳ-da-ly mang bát bằng vàng lớn của nước Kiều-tát-la, ra khỏi nước Kiều-tát-la vào nước Tỳ-da-ly theo thứ lớp từng nhà xin tiền, được bao nhiêu đều bỏ vào trong bát. Có người bỏ vào trong bát một vạn tiền, có người bỏ ngàn tiền hoặc trăm tiền, năm mươi tiền cho đến một tiền.

Lúc đó có trưởng lão Da-xá đà con của Ca-lan đề ở nước Tỳ-da-ly đã được ba minh, thọ trì ba tạng pháp kinh luật và luận, là đệ tử của trưởng lão A-nan. Trưởng lão Da-xá-đà nghe biết được tin này, biết mười việc này là phi pháp nên sai sứ đến nói với các bạch y ở Tỳ-da-ly rằng: "Sa-môn Thích tử không được xin vàng bạc và cất giữ vật báu. Phật đã dùng các nhân duyên thuyết pháp cho chủ tụ lạc Ma-ni-châu-la rằng: Từ nay các Tỳ-kheo cần củi thì xin củi, cần cỏ thì xin cỏ, cần xe thì cho mượn xe, cần người làm thì mượn người làm; nhưng

không được xin vàng bạc và cất giữ vật báu". Các Tỳ-kheo Tỳ-da-ly nghe tin trưởng lão Da-xá-đà sai sứ đến nói với các bạch y như thế, liền tập họp lại chia số vàng bạc vật đã xin được. Trong số các Tỳ-kheo này, có người tự lấy phần mình mang đi, có người sai Sa-di, bạch y mang đi, có người để trên giường mang đi, có người bỏ trong giày ủng mang đi, có người bỏ trong đãy y mang đi, có người sai sứ mang đến một phần đưa cho trưởng lão Da-xá-đà. Trưởng lão trả lại vật bất tịnh này cho họ và nói rằng: "Sa-môn Thích tử không được xin vàng bạc và cất giữ vật báu. Phật đã dùng các nhân duyên thuyết pháp rằng: Từ nay các Tỳ-kheo cần củi thì xin củi, cần cỏ thì xin cỏ, cần xe thì cho mượn xe, cần người làm thì mượn người làm; nhưng không được xin vàng bạc và cất giữ vật báu", các Tỳ-kheo Tỳ-da-ly suy nghĩ: "Da-xá-đà ở trước bạch y nếu tội của chúng ta, chúng ta nên tác pháp yết ma Hạ ý cho Da-xá-đà, bắt buộc Da-xá-đà đến các bạch y sám tạ", nghĩ rồi liền tập họp Tăng làm yết ma Hạ ý cho Da-xá-đà. Da-xá-đà nghe biết được tin này liền suy nghĩ: "Khi ta đến các bạch y sám tạ, ta sẽ tùy thuận thuyết pháp khiến cho các bạch y tin rằng: Sa-môn Thích tử không được xin vàng bạc và cất giữ vật báu. Phật đã dùng các nhân duyên thuyết pháp cho chủ tụ lạc Ma ni châu la rằng: Từ nay các Tỳ-kheo cần củi thì xin củi, cần cỏ thì xin cỏ, cần xe thì cho mượn xe, cần người làm thì

mượn người làm; nhưng không được xin vàng bạc và cất giữ vật báu". Sáng hôm sau, Da-xá-đà đắp y mang bát vào thành Tỳ-da-ly khất thực, khất thực xong đến các bạch y sám tạ và tùy duyên thuyết pháp khiến cho các bạch y tin như thế. Các Tỳ-kheo Tỳ-da-ly nghe được tin này liền suy nghĩ: "Chúng ta không để cho Da-xá-đà ở trong nước này nữa, nên tác pháp yết ma tẫn xuất, không cho Da-xá-đà ở nước Tỳ-da-ly nữa", nghĩ rồi liền tập họp Tăng tác pháp yết ma tẫn xuất cho Da-xá-đà. Da-xá-đà nghe được tin này liền trở về phòng thu dọn, giao trả ngọa cụ rồi mang y bát rời khỏi nước Tỳ-da-ly. Đi chưa được bao xa liền suy nghĩ: "Ta được thoát khỏi các Tỳ-kheo Tỳ-da-ly, các Tỳ-kheo này xin vàng bạc và cất giữ vật báu nhiều dục, nhiều mong cầu và tạo nhiều pháp ác", nghĩ rồi Da-xá-đà đến nước Kiều-tát-la hạ an cư.

Lúc đó trưởng lão Tam-bồ-già trụ dưới tàng cây Ô-đầu-bà-la, rừng A-ba-đại-la tinh xá Tăng-già-già của nước Ma-thâu-la. Vị này đã chứng ba minh, thọ trì ba tạng pháp, có danh xưng là đại A-la-hán, là đệ tử của trưởng lão A-nan. Trưởng lão Da-xá-đà nghe danh của trưởng lão này liền sai sứ đến bạch với trưởng lão Tam-bồ-già rằng: "Trưởng lão biết không, ở nước Tỳ-da-ly phát sanh mười việc phi pháp, phi thiện, xa lìa Phật pháp, không liên quan tới kinh, luật và luận, cũng phá pháp tướng. Các Tỳ-kheo Tỳ-da-ly hành theo mười việc

này, cho là pháp, là thanh tịnh rồi thọ trì như vậy. Mười việc phi pháp đó là diêm tịnh, chỉ tịnh, cận tụ lạc tịnh, sanh hòa hợp tịnh, như thị tịnh, chứng tri tịnh, bần trú xứ tịnh, hành pháp tịnh, lũ biên bất ích Ni-sư-đàn tịnh và mười là kim ngân bảo vật tịnh. Lúc đó các Tỳ-kheo Tỳ-da-ly mang bát bằng vàng lớn của nước Kiều-tát-la, ra khỏi nước Kiều-tát-la vào nước Tỳ-da-ly theo thứ lớp từng nhà xin tiền, được bao nhiêu đều bỏ vào trong bát. Có người bỏ vào trong bát một vạn tiền, có người bỏ ngàn tiền hoặc trăm tiền, năm mươi tiền cho đến một tiền. Các trưởng lão Tỳ-kheo nên tập họp lại để diệt ác pháp này, nếu không diệt thì ác pháp sẽ ngày càng lan rộng". Trưởng lão Tam-bồ-già nghe rồi liền sai sứ đến các nước như nước Đạt-thẩn-na, nước A-bàn-đề… thông báo cho họ biết được việc phi pháp trên và nói các trưởng lão Tỳ-kheo nên tập họp lại để diệt ác pháp này, nếu không diệt thì ác pháp sẽ ngày càng lan rộng. Các trưởng lão Tỳ-kheo ở các nước này sau khi được tin này đều cùng tập họp lại đi đến nước Tỳ-da-ly. Lúc đó trưởng lão Lê-bà-đa ở nước Tát hàn nhã là người đã chứng ba minh, thọ trì ba tạng pháp, có danh xưng là đại A-la-hán, thích hành bốn tâm vô lượng là đệ tử của trưởng lão A-nan. Trưởng lão Tam-bồ-già nghe biết danh của vị trưởng lão này liền suy nghĩ: "Chúng ta nên mời trưởng lão nào chủ trì cuộc kết tập này, chúng ta nên mời trưởng lão này chủ trì và

thống lãnh các Tỳ-kheo, trưởng lão này sẽ nói thật pháp cho các Tỳ-kheo", nghĩ rồi liền tập họp Tăng nói rõ ý nghĩ của mình. Sau khi đến các bạch y xin cúng dường tứ sự, trưởng lão lên thuyền đến nước Tát hàn nhã yết kiến trưởng lão Lê-bà-đa. Trưởng lão Lê-bà-đa từ xa thấy trưởng lão Tam-bồ-già đến liền ra nghinh đón và thăm hỏi đi đường có nhọc mệt không, cầm giúp y bát rồi chỉ phòng xá ngọa cụ và các vật cần dùng cho trưởng lão Tam-bồ-già. Đêm đó hai trưởng lão cùng nghỉ chung một phòng, cuối đêm ngồi thiền cho đến sáng. Đến sáng trưởng lão Lê-bà-đa nói với trưởng lão Tam-bồ-già: "Tôi đã theo pháp cúng dường khách xong, giờ thầy nên theo pháp của người xuất gia", trưởng lão Tam-bồ-già nghe rồi liền đắp y mang bát vào thành Tất-hàn-nhã khất thực, khất thực xong trở về đảnh lễ trưởng lão Lê-bà-đa. Lúc đó trưởng lão Tam-bồ-già suy nghĩ: "Trưởng lão Lê-bà-đa là đại pháp sư nếu hỏi ta về A-tỳ-đàm thì ta không đáp nhanh được, chi bằng ta đem mười phi pháp của các Tỳ-kheo Tỳ-da-ly ra hỏi trước", nghĩ rồi liền chắp tay hỏi trưởng lão Lê-bà-đa: "Xin hỏi trưởng lão Diêm tịnh có nên thọ trì hay không?", Lê-bà-đa hỏi: "Thế nào là Diêm tịnh?", đáp: "Các Tỳ-kheo Tỳ-da-ly dùng muối cất cách đêm để bỏ vào thức ăn cho là tịnh và thọ trì. Nay xin hỏi việc này có thật là tịnh không?", Lê-bà-đa đáp là bất tịnh, không nên ăn; lại hỏi: "Nếu ăn thì phạm tội gì?",

đáp là phạm Đột-kiết-la; lại hỏi: "Phật ở đâu kết giới nói việc này không được ăn?", đáp: "Phật ở nước Xá-bà-đề nói việc này trong pháp Dược của-tỳ-ni". Lại hỏi: "Xin hỏi trưởng lão Nhị chỉ tịnh có nên thọ không?", Lê-bà-đa hỏi: "Thế nào là Nhị chỉ tịnh?", đáp: "Các Tỳ-kheo Tỳ-da-ly ăn xong rời khỏi chỗ ngồi đứng dậy, không thọ pháp tàn thực, bóng mặt trời qua hai ngón tay được ăn và nói là tịnh. Xin hỏi việc này có thật là tịnh không?", Lê-bà-đa đáp là bất tịnh, lại hỏi: "Nếu ăn thì phạm tội gì?", đáp là phạm Ba-dật-đề, lại hỏi: "Phật ở đâu kết giới nói việc này không được ăn?", đáp: "Phật ở nước Tỳ-da-ly, vì các Tỳ-kheo không thọ pháp tàn thực nên kết giới". Lại hỏi: "Xin hỏi trưởng lão Cận tụ lạc có thật là tịnh không?", Lê-bà-đa hỏi: "Thế nào là Cận tụ lạc tịnh?", đáp: "Các Tỳ-kheo Tỳ-da-ly được thức ăn gần tụ lạc, không thọ pháp tàn thực được ăn và nói là tịnh. Xin hỏi việc này có thật là tịnh không?", đáp là bất tịnh, lại hỏi: "Nếu ăn thì phạm tội gì?", đáp là phạm Ba-dật-đề, lại hỏi: "Phật ở đâu nói việc này không được ăn?", đáp: "Phật ở nước Tỳ-da-ly, vì các Tỳ-kheo không thọ pháp tàn thực nên kết giới". Lại hỏi: "Xin hỏi trưởng lão Danh hòa hợp tịnh có nên thọ không?", Lê-bà-đa hỏi: "Thế nào là Danh hòa hợp tịnh?", đáp: "Các Tỳ-kheo Tỳ-da-ly ăn xong rời khỏi chỗ ngồi đứng dậy, không thọ pháp tàn thực lại đem sữa lạc và tô hòa hợp rồi ăn và nói là tịnh. Xin hỏi

việc này có thật là tịnh không?", đáp là bất tịnh, lại hỏi: "Nếu ăn thì phạm tội gì?", đáp là phạm Ba-dật-đề, lại hỏi: "Phật ở đâu kết giới nói việc này không được ăn?", đáp: "Phật ở nước Tỳ-da-ly, vì các Tỳ-kheo không thọ pháp tàn thực nên kết giới". Lại hỏi: "Xin hỏi trưởng lão Như thị tịnh có thật là tịnh không?", Lê-bà-đa hỏi: "Thế nào là Như thị tịnh?", đáp: "Các Tỳ-kheo Tỳ-da-ly ở trong nội giới cùng trú xứ riêng làm yết ma rồi vào trong Tăng nói rằng: "Trú xứ kia làm yết ma như thế, việc này là tịnh". Xin hỏi việc này có thật là tịnh không?", đáp là bất tịnh, lại hỏi: "Nếu làm thì phạm tội gì?", đáp là phạm Đột-kiết-la, lại hỏi: "Phật ở đâu kết giới này?", đáp: "Phật kết giới này trong hành pháp Tỳ-ni ở nước Chiêm-ba". Lại hỏi: "Xin hỏi trưởng lão Chứng tri tịnh có thật là tịnh không?", Lê-bà-đa hỏi: "Thế nào là Chứng tri tịnh?", đáp: "Các Tỳ-kheo Tỳ-da-ly ở mỗi trú xứ làm yết ma phi pháp rồi vào trong Tăng bạch rằng: "Chúng tôi ở mỗi trú xứ đã làm yết ma, xin Tăng chứng tri, việc này là tịnh", đáp là bất tịnh, lại hỏi: "Nếu làm thì phạm tội gì?", đáp là phạm Đột-kiết-la, lại hỏi: "Phật ở đâu kết giới này?", đáp: "Phật kết giới này trong hành pháp Tỳ-ni ở nước Chiêm-ba". Lại hỏi: "Xin hỏi trưởng lão Bần trú xứ tịnh có thật là tịnh không?", Lê-bà-đa hỏi: "Thế nào là Bần trú xứ tịnh?", đáp: "Các Tỳ-kheo Tỳ-da-ly nói rằng: "Trú xứ của chúng tôi nghèo nên làm rượu

uống, nói việc này là tịnh, xin hỏi có thật là tịnh không?", đáp là bất tịnh, lại hỏi: "Nếu uống thì phạm tội gì?", đáp là phạm Ba-dật-đề, lại hỏi: "Phật ở đâu kết giới nói việc này không được uống?", đáp: "Phật vì trưởng lão A-la-hán Bà-già-đà kết giới không uống rượu tại thành Bạt-đà La-Bà-đề thuộc nước Chi-bà-đề". Lại hỏi: "Xin hỏi trưởng lão Hành pháp tịnh có thật là tịnh không?", đáp: "Có Hành pháp tịnh, hành cũng tịnh, không hành cũng tịnh; có Hành pháp bất tịnh, hành cũng bất tịnh, không hành cũng bất tịnh", lại hỏi: "Thế nào là Hành pháp tịnh, hành cũng tịnh, không hành cũng tịnh?", đáp: "Như không sát sanh, hành cũng tịnh, không hành cũng tịnh; không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không lưỡng thiệt, không ác khẩu, không ỷ ngữ… đều là Hành pháp tịnh, hành cũng tịnh, không hành cũng tịnh", lại hỏi: "Thế nào là Hành pháp bất tịnh, hành cũng bất tịnh, không hành cũng bất tịnh?", đáp: "Như tội sát sanh, hành cũng bất tịnh, không hành cũng bất tịnh; tội trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ… đều là Hành pháp bất tịnh, hành cũng bất tịnh, không hành cũng bất tịnh". Lại hỏi: "Xin hỏi trưởng lão Bất ích lũ biên Ni-sư-đàn có thật là tịnh không?", Lê-bà-đa hỏi: "Thế nào là Bất ích lũ biên Ni-sư-đàn tịnh?", Đáp: "Các Tỳ-kheo Tỳ-da-ly làm Ni-sư-đàn không nới rộng thêm viền và nói việc này là tịnh", đáp là bất tịnh, lại hỏi: "Nếu làm thì

phạm tội gì?", đáp là phạm Ba-dật-đề, lại hỏi: "Phật ở đâu kết giới nói việc này không được làm?", đáp: "Phật vì trưởng lão Ca-lưu-đà-di kết giới cho làm Ni-sư-đàn nới rộng thêm viền một gang tay tại nước Xá-bà-đề". Lại hỏi: "Xin hỏi trưởng lão Kim ngân bảo vật tịnh có thật là tịnh không?", Lê-bà-đa hỏi: "Thế nào là Kim ngân bảo vật tịnh?", đáp: "Các Tỳ-kheo Tỳ-da-ly thọ vàng bạc vật báu và nói việc này là tịnh, xin hỏi việc này có thật là tịnh không?", đáp là bất tịnh, lại hỏi: "Nếu thọ thì phạm tội gì?", đáp là phạm Ba-dật-đề, lại hỏi: "Phật ở đâu kết giới nói việc này không được thọ?", đáp: "Phật vì Tỳ-kheo Bạt-nan-đà kết giới không được lấy vàng bạc bảo vật tại nước Tỳ-da-ly". Lúc đó trưởng lão Tam-bồ-già khen: "Lành thay trưởng lão Lê-bà-đa khéo nói mười việc", lại hỏi: "Nên xử lý các Tỳ-kheo này như thế nào?", đáp: "Nên cùng nổ lực phương tiện diệt trừ pháp bất thiện này".

Lúc đó có trưởng lão Sa-la ở nước Tỳ-da-ly đã chứng ba minh, thọ trì ba tạng pháp, có danh xưng là đại A-la-hán, là đệ tử của trưởng lão A-nan suy nghĩ: "Học trí của ta đều thọ từ Hòa thượng, ta nên phân biệt quán sát Tỳ-kheo khách và Tỳ-kheo Tỳ-da-ly", nghĩ rồi liền đắp y mang bát vào thành khất thực, khất thực xong đi vào rừng Sa-la, trải Ni-sư-đàn ngồi dưới một gốc cây quán chiếu pháp để biết ai là như pháp, là Tỳ-kheo Tỳ-da-ly hay là Tỳ-kheo

khách. Quán chiếu rồi mới biết là Tỳ-kheo Tỳ-da-ly là phi pháp, Tỳ-kheo khách là như pháp. Lúc đó thần cây trong rừng chắp tay hỏi trưởng lão Sa-la: "Đúng như vậy, Tỳ-kheo Tỳ-da-ly là phi pháp, Tỳ-kheo khách là như pháp, trưởng lão nay muốn làm gì?", đáp: "Tôi sẽ nổ lực làm phương tiện diệt trừ pháp bất thiện này".

Lúc đó các Tỳ-kheo Tỳ-da-ly nghe tin các khách Tỳ-kheo ở nước A-bàn-đề, Đạt-thẩn-na, Bà-đa đang nổ lực làm phương tiện diệt trừ việc này liền suy nghĩ: "Chúng ta nên thỉnh Thượng tòa nào làm Thượng tòa, trong số các Tỳ-kheo sắp đến có Thượng tòa Lê-bà-đa, chúng ta nên thỉnh làm Thượng tòa", nghĩ rồi liền đắp y mang bát đến nước Tát-hàn-nhã, đến nới liền thấy trưởng lão này đang cùng các khách Tỳ-kheo ở nước A-bàn-đề, Đạt-thẩn-na, Bà-đa hành sự mới biết Trưởng lão này đồng với nhóm bên kia. Họ liền nghĩ: "Chúng ta nên đến chỗ các đệ tử của Thượng tòa Lê-bà-đa, dùng lời nhu hòa nhờ họ nói giúp, Thượng tòa này ắt sẽ nghe lời các đệ tử", nghĩ rồi liền mang y bát, chìa khóa, giày dép, ba loại dược đến chỗ các đệ tử của Thượng tòa Lê-bà-đa nói rằng: "Xin nhờ các thầy nói giúp với Thượng tòa là Tỳ-kheo Tỳ-da-ly là có pháp ngữ, các khách Tỳ-kheo ở nước A-bàn-đề, Đạt-thẩn-na, Bà-đa là không phải pháp ngữ. Tất cả chư Phật đều xuất hiện ở phương Đông, Thượng tòa trưởng lão chớ cùng các Tỳ-kheo Tỳ-da-ly đấu

tranh", các đệ tử của Thượng tòa Lê-bà-đa nhận lời nói giúp, nói rồi liền đi đến chỗ Thượng tòa Lê-bà-đa bạch rằng: "Tỳ-kheo Tỳ-da-ly là có pháp ngữ, các khách Tỳ-kheo ở nước A-bàn-đề, Đạt-thẩn-na, Bà-đa là không phải pháp ngữ. Tất cả chư Phật đều xuất hiện ở phương Đông, Thượng tòa trưởng lão chớ cùng các Tỳ-kheo Tỳ-da-ly đấu tranh", trưởng lão Lê-bà-đa nói: "Các thầy là người ngu si, ta tự biết các Tỳ-kheo Tỳ-da-ly là phi pháp, phi thiện; các khách Tỳ-kheo ở nước A-bàn-đề, Đạt-thẩn-na, Bà-đa là pháp, là thiện. Tại sao các thầy lại bảo ta làm điều phi pháp, phi thiện, không phải lời Phật dạy. Các thầy hãy đi đi, cho đến chết ta cũng không muốn gặp các thầy nữa". Lúc đó trưởng lão Lê-bà-đa nói với trưởng lão Tam-bồ-già: "Việc này tuy có thể diệt trừ ở đây được, nhưng người không có trí huệ sẽ nói là việc này không thể diệt trừ ở đây được. Vì vậy việc phát sanh từ đâu thì nên đến chỗ đó trừ diệt". Lúc đó Trưởng lão Lê-bà-đa, trưởng lão Tam-bồ-già cùng các khách Tỳ-kheo ở nước A-bàn-đề, Đạt-thẩn-na, Bà-đa mang y bát đi đến nước Tỳ-da-ly, tuần tự tới thành Tỳ-da-ly ; các Tỳ-kheo Tỳ-da-ly cũng mang y bát tuần tự đi đến thành Tỳ-da-ly.

Lúc đó có trưởng lão Tát-bà-già-la-ba-lê-bà-la trụ tại nước Tỳ-da-ly, đã chứng ba minh, thọ trì ba tạng pháp, có danh xưng là đại A-la-hán, thích hành Không tam muội là đệ tử của trưởng lão A-

nan. Trưởng lão Lê-bà-đa đến gặp trưởng lão này, trưởng lão này thấy trưởng lão Lê-bà-đa đến liền vui vẻ chào hỏi thiện lai rồi mời ngồi. Các Thượng tòa có pháp như vầy: Nếu có khách Tỳ-kheo đến thì cùng ngủ chung một phòng, vì vậy Thượng tòa này liền bảo người cấp sự trải giường và ngọa cụ cho khách Tỳ-kheo. Cấp sự suy nghĩ: "Thượng tòa bảo ta trải giường và ngọa cụ cho khách, ắt là cùng khách Tỳ-kheo ngủ chung một phòng", nghĩ rồi liền vào phòng của Thượng tòa trải giường và ngọa cụ cho khách, trải xong trở ra bạch Thượng tòa biết thời. Thượng tòa này liền đứng dậy vào phòng, trải Ni-sư-đàn ngồi kiết già; trưởng lão Lê-bà-đa cũng theo vào phòng đảnh lễ Thượng tòa rồi trải Ni-sư-đàn ngồi kiết già. Thượng tòa chủ suy nghĩ: "Thượng tòa khách mới đến, đi đường mệt nhọc, nếu khách chưa nằm ngủ thì ta không nên nằm ngủ trước; Tỳ-kheo khách nằm ngủ rồi ta mới nằm ngủ", lúc đó trưởng lão Lê-bà-đa cũng suy nghĩ: "Thượng tòa bậc nhất trong Tăng này chưa nằm ngủ thì ta không nên nằm ngủ trước; Thượng tòa nằm ngủ rồi ta mới nằm ngủ". Đêm đó cả hai Thượng tòa đều cùng ngồi thiền, đến cuối đêm Thượng tòa chủ hỏi Tỳ-kheo khách: "Vì sao thầy không ngủ?", đáp: "Tôi suy nghĩ Thượng tòa bậc nhất trong Tăng này chưa nằm ngủ thì ta không nên nằm ngủ trước; Thượng tòa nằm ngủ rồi ta mới nằm ngủ", Thượng tòa lại hỏi: "Đêm nay thầy nhập

tam muội gì?", đáp: "Tôi hành nhiều về Từ tam muội", Thượng tòa nói: "Đây là hành tam muội nhỏ", đáp: "Quả thật đây là hành tam muội nhỏ. Tôi là A-la-hán các lậu đã hết, trong đêm thích nhớ nghĩ nên tôi thường nhập tam muội này. Còn Thượng tòa vì sao không ngủ?", đáp: "Tôi cũng nghĩ Thượng tòa khách mới đến, đi đường mệt nhọc, nếu khách chưa nằm ngủ thì ta không nên nằm ngủ trước; Tỳ-kheo khách nằm ngủ rồi ta mới nằm ngủ", khách lại hỏi: "Đêm nay Thượng tòa nhập tam muội gì?", đáp: "Tôi hành nhiều về Không tam muội", khách nói: "Đây là hành tam muội bậc thượng", đáp: "Quả thật đây là hành tam muội bậc thượng. Tôi là A-la-hán các lậu đã đứt trừ, trong đêm thích nhớ nghĩ nên tôi thường nhập tam muội này". Cả hai Thượng tòa đều đắc quả A-la-hán phát xuất từ pháp đã hành. Sáng hôm sau trưởng lão Tam-bồ-già đến gặp Thượng tòa Tát-bà-già-la-ba-lê-bà-la cung kính đảnh lễ rồi ngồi một bên, Thượng tòa hỏi trưởng lão Tam-bồ-già: "Trưởng lão muốn diệt trừ việc này như thế nào?", đáp: "Trưởng lão là Thượng tòa bậc nhất trong Tăng nên biết diệt trừ việc này như thế nào", Thượng tòa nói: "Hôm nay sau giờ thọ thực, trưởng lão nên tập họp Tăng". Trưởng lão Tam-bồ-già vâng lời Thượng tòa sau giờ thọ thực liền tập họp Tăng, chỉ thiếu một vị nữa là đủ số bảy trăm Tỳ-kheo tăng để diệt trừ việc phi pháp, phi thiện,

không phải lời Phật dạy. Lúc đó có trưởng lão Cấp-xà-tô-di-la trụ ở nước Bà-la-lê-phất, đã chứng ba minh, thọ trì ba tạng pháp, có danh xưng là đại A-la-hán, thích dùng thiên nhãn là đệ tử của trưởng lão A-nan. Tỳ-kheo dùng thiên nhãn thấy ở Tỳ-da-ly Tỳ-kheo tăng chỉ thiếu một vị nữa là đủ số bảy trăm để diệt trừ việc phi pháp, phi thiện, không phải lời Phật dạy. Trưởng lão liền nhập tam muội, như lực sĩ co duỗi cánh tay liền ẩn mất khỏi nước Ba la lê phất và hiện ra trước cửa của trú xứ tăng tại nước Tỳ-da-ly, xuất tam muội rồi liền nói kệ khiến mở cửa:

"Nước Bà-la-lê-phất Trong các cựu Tỳ-kheo, Người trì luật, đa văn, Đã đoạn hết nghi hoặc, Từ nước kia đến đây,

Đang đứng trước cửa này. Nước Bà-la-lê-phất, Trong các cựu Tỳ-kheo, Người trì luật, đa văn, Chế ngự sáu tình căn,

Từ nước kia đến đây, Đang đứng trước cửa này. Nước Bà-la-lê-phất, Trong các cựu Tỳ-kheo, Người trì luật, đa văn, Cấp-xà tô-di-la,

Từ nước kia đến đây,

Đang đứng trước cửa này".

-oOo-

LUẬT THẬP TỤNG

QUYỂN 61

THIỆN TỤNG TỲ NI

PHẨM PHÁP (Tiếp Theo)

2. Bảy Trăm Tỳ-Kheo Kết Tập Diệt Pháp Ác (Tiếp Theo): Trưởng lão Cấp-xà-tô-di-la đến liền đủ số bảy trăm Tỳ-kheo tăng,

trưởng lão vào trong Tăng rồi, trưởng lão Tam-bồ-già suy nghĩ: "Nếu chúng ta ở trong Tăng diệt pháp ác này, có Tỳ-kheo bất trí sẽ nói rằng: "Việc này không nên diệt như vậy". Ta nên ở trong Tăng làm yết ma để tất cả Tăng chấp thuận việc diệt pháp ác này", nghĩ rồi liền ở trong Tăng xướng:

Đại đức tăng lắng nghe, nếu chúng ta ở trong Tăng diệt pháp ác này, có Tỳ-kheo bất trí sẽ nói rằng: "Việc này không nên diệt như vậy". Ta nên ở trong Tăng làm yết ma để tất cả Tăng chấp thuận việc diệt pháp ác này. Bạch như vậy.

Lúc đó trưởng lão Tam-bồ-già ở trong Tăng xướng tên bốn Tỳ-kheo khách và bốn cựu Tỳ-kheo. Bốn khách Tỳ-kheo ở nước A-bàn-đề, Đạt-thẩn-na, Bà-đa là Thượng tòa Tát-bà-già-la-ba-lê-

bà-la, Sa-la, Da-thâu-đà và Cấp-xà-tô-di-la; bốn cựu Tỳ-kheo ở phương Đông là Thượng tòa Lê-bà-đa, Tam-bồ-già, Tu-ma-na và tát ba-ma-già-la-ma. Kế ở trong Tăng tác bạch:

Đại đức tăng lắng nghe, tôi ở trong Tăng xướng tên bốn khách Tỳ-kheo ở nước A-bàn-đề, Đạt-thẩn-na, Bà-đa và bốn cựu Tỳ-kheo ở phương Đông. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cử tám vị này làm Ô-hồi-cưu-la để diệt trừ pháp ác này. Bạch như vậy.

Lúc đó trưởng lão A-kỳ-đa thọ giới đã năm năm, khéo trì tụng tạng Tỳ-ni đang có mặt trong Tăng, trưởng lão Tam-bồ-già suy nghĩ: "Nếu ta cử Tỳ-kheo này nương theo các Thượng tòa làm Ô-hồi-cưu-la để diệt trừ pháp ác này thì các Thượng tòa có thể sẽ không vui. Ta nên sai Tỳ-kheo này làm người trải tọa cụ cho các Thượng tòa, nương theo các Thượng tòa Ô-hồi-cưu-la ở trong rừng Sa-la", nghĩ rồi liền ở trong Tăng tác pháp yết ma sai: Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo A-kỳ-đạt thọ giới năm năm, khéo trì tụng tạng Tỳ-ni, học thông A-hàm. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay sai Tỳ-kheo này làm người trải tọa cụ cho các Thượng tòa, nương theo các Thượng tòa Ô-hồi-cưu-la ở trong rừng Sa-la. Bạch như vậy.

Như thế bạch nhị yết ma cho đến câu Tăng đã chấp thuận sai Tỳ-kheo A-kỳ-đạt làm người trải tọa cụ cho các Thượng tòa, nương theo các Thượng tòa

Ô-hồi-cưu-la ở trong rừng Sa-la xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Tỳ-kheo được sai này từ chỗ ngồi đứng dậy đến trong rừng cây trải tọa cụ cho các Thượng tòa xong liền trở lại bạch các Thượng tòa tự biết thời. Các Thượng tòa từ chỗ ngồi đứng dậy đến chỗ đã trải tọa trong rừng cây, trải Ni-sư-đàn ngồi kiết già. Trưởng lão Tam-bồ-già từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch với Thượng tòa Tát-bà-già-la-ba-lê-bà-la: "Xin hỏi Thượng tòa Diêm tịnh có nên thọ trì hay không?", Thượng tòa hỏi: "Thế nào là Diêm tịnh?", đáp: "Các Tỳ-kheo Tỳ-da-ly dùng muối cất cách đêm để bỏ vào thức ăn cho là tịnh và thọ trì. Nay xin hỏi việc này có thật là tịnh không?", Thượng tòa đáp là bất tịnh, không nên ăn. Lại hỏi: "Nếu ăn thì phạm tội gì?", đáp là phạm Đột-kiết-la; lại hỏi: "Phật ở đâu kết giới việc này không được ăn?", đáp: "Phật ở nước Xá-bà-đề nói việc này trong pháp Dược của tỳ-ni". Trưởng lão Tam-bồ-già hỏi Thượng tòa Tát-bà-già-la-ba-lê-bà-la xong, kế hỏi đến Thượng tòa Sa-la, Da-thâu-đà, Cấp-xà-tô-di-la cho đến Thượng tòa Tu-ma-na-bà-khí-già-di, cuối cùng hỏi đến Tỳ-kheo A-kỳ-đa: "Thầy cũng biết như vậy, đúng như lời Thượng tòa đáp phải không?, đáp: "Con cũng biết như vậy, đúng như lời Thượng tòa đáp", kế hỏi lại trưởng lão Tam-bồ-già: "Trưởng lão cũng biết như vậy,

đúng như lời Thượng tòa nói phải không?", đáp: "Tôi cũng biết như vậy, đúng như lời Thượng tòa đáp". Lúc đó trưởng lão Tam-bồ-già ở trong Tăng xướng: Đại đức tăng lắng nghe, nay Tăng đã diệt trừ xong việc thứ nhất trong mười việc phi pháp, như pháp như thiện như lời Phật dạy, hiện tiền trong Tăng diệt trừ việc ác này. Trong đây không có vị nào phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp; phi thiện nói là thiện, thiện nói là phi thiện, không phải lời Phật dạy. Việc này là bất tịnh.

Nói xong liền bỏ một thẻ quyết định là đã diệt trừ xong việc ác thứ nhất. Trưởng lão Tam-bồ-già lại hỏi Thượng tòa Tát-bà-già-la-ba-lê-bà-la: "Xin hỏi Thượng tòa Nhị chỉ tịnh có nên thọ không?", Thượng tòa hỏi: "Thế nào là Nhị chỉ tịnh?", đáp: "Các Tỳ-kheo Tỳ-da-ly ăn xong rời khỏi chỗ ngồi đứng dậy, không thọ pháp tàn thực, bóng mặt trời qua hai ngón tay được ăn và nói là tịnh. Xin hỏi việc này có thật là tịnh không?", Thượng tòa đáp là bất tịnh, lại hỏi: "Nếu ăn thì phạm tội gì?", đáp là phạm Ba-dật-đề, lại hỏi: "Phật ở đâu kết giới nói việc này không được ăn?", đáp: "Phật ở nước Tỳ-da-ly, vì các Tỳ-kheo không thọ pháp tàn thực nên kết giới". Trưởng lão Tam-bồ-già hỏi Thượng tòa Tát-bà-già-la-ba-lê-bà-la xong, kế hỏi đến Thượng tòa Sa-la, Da-thâu-đà, Cấp-xà-tô-di-la cho đến Thượng tòa Tu-ma-na-bà-khí-già-di, cuối cùng hỏi đến Tỳ-kheo A-kỳ-đa: "Thầy cũng biết như vậy,

đúng như lời Thượng tòa đáp phải không?, đáp: "Con cũng biết như vậy, đúng như lời Thượng tòa đáp", kế hỏi lại trưởng lão Tam-bồ-già: "Trưởng lão cũng biết như vậy, đúng như lời Thượng tòa nói phải không?", đáp: "Tôi cũng biết như vậy, đúng như lời Thượng tòa đáp". Lúc đó trưởng lão Tam-bồ-già ở trong Tăng xướng: Đại đức tăng lắng nghe, nay Tăng đã diệt trừ xong việc thứ hai trong mười việc phi pháp, như pháp như thiện như lời Phật dạy, hiện tiền trong Tăng diệt trừ việc ác này. Trong đây không có vị nào phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp; phi thiện nói là thiện, thiện nói là phi thiện, không phải lời Phật dạy. Việc này là bất tịnh.

Nói xong liền bỏ một thẻ quyết định là đã diệt trừ xong việc ác thứ hai. Trưởng lão Tam-bồ-già lại hỏi Thượng tòa Tát-bà-già-la-ba-lê-bà-la: "Xin hỏi Thượng tòa Cận tụ lạc có thật là tịnh không?", Thượng tòa hỏi: "Thế nào là Cận tụ lạc tịnh?", đáp: "Các Tỳ-kheo Tỳ-da-ly được thức ăn gần tụ lạc, không thọ pháp tàn thực được ăn và nói là tịnh. Xin hỏi việc này có thật là tịnh không?", đáp là bất tịnh, lại hỏi: "Nếu ăn thì phạm tội gì?", đáp là phạm Ba-dật-đề, lại hỏi: "Phật ở đâu nói việc này không được ăn?", đáp: "Phật ở nước Tỳ-da-ly, vì các Tỳ-kheo không thọ pháp tàn thực nên kết giới". Trưởng lão Tam-bồ-già hỏi Thượng tòa Tát-bà-già-la-ba-lê-bà-la xong, kế hỏi đến Thượng tòa Sa-

la, Da-thâu-đà, Cấp-xà-tô-di-la cho đến Thượng tòa Tu-ma-na-bà-khí-già-di, cuối cùng hỏi đến Tỳ-kheo A-kỳ-đa: "Thầy cũng biết như vậy, đúng như lời Thượng tòa đáp phải không?, đáp: "Con cũng biết như vậy, đúng như lời Thượng tòa đáp", kế hỏi lại trưởng lão Tam-bồ-già: "Trưởng lão cũng biết như vậy, đúng như lời Thượng tòa nói phải không?", đáp: "Tôi cũng biết như vậy, đúng như lời Thượng tòa đáp".

Lúc đó trưởng lão Tam-bồ-già ở trong Tăng xướng: Đại đức tăng lắng nghe, nay Tăng đã diệt trừ xong việc thứ ba trong mười việc phi pháp, như pháp như thiện như lời Phật dạy, hiện tiền trong Tăng diệt trừ việc ác này. Trong đây không có vị nào phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp; phi thiện nói là thiện, thiện nói là phi thiện, không phải lời Phật dạy. Việc này là bất tịnh.

Nói xong liền bỏ một thẻ quyết định là đã diệt trừ xong việc ác thứ ba. Trưởng lão Tam-bồ-già lại hỏi Thượng tòa Tát-bà-già-la-ba-lê-bà-la: "Xin hỏi Thượng tòa Sanh hòa hợp tịnh có nên thọ không?", Thượng tòa hỏi: "Thế nào là Sanh hòa hợp tịnh?", đáp: "Các Tỳ-kheo Tỳ-da-ly ăn xong rời khỏi chỗ ngồi đứng dậy, không thọ pháp tàn thực lại đem sữa lạc và tô hòa hợp rồi ăn và nói là tịnh. Xin hỏi việc này có thật là tịnh không?", đáp là bất tịnh, lại hỏi: "Nếu ăn thì phạm tội gì?", đáp là phạm Ba-dật-đề, lại hỏi: "Phật ở đâu kết giới nói việc này

không được ăn?", đáp: "Phật ở nước Tỳ-da-ly, vì các Tỳ-kheo không thọ pháp tàn thực nên kết giới". Trưởng lão Tam-bồ-già hỏi Thượng tòa Tát-bà-già-la-ba-lê-bà-la xong, kế hỏi đến Thượng tòa Sa-la, Da-thâu-đà, Cấp-xà-tô-di-la cho đến Thượng tòa Tu-ma-na-bà-khí-già-di, cuối cùng hỏi đến Tỳ-kheo A-kỳ-đa: "Thầy cũng biết như vậy, đúng như lời Thượng tòa đáp phải không?, đáp: "Con cũng biết như vậy, đúng như lời Thượng tòa đáp", kế hỏi lại trưởng lão Tam-bồ-già: "Trưởng lão cũng biết như vậy, đúng như lời Thượng tòa nói phải không?", đáp: "Tôi cũng biết như vậy, đúng như lời Thượng tòa đáp". Lúc đó trưởng lão Tam-bồ-già ở trong Tăng xướng: Đại đức tăng lắng nghe, nay Tăng đã diệt trừ xong việc thứ tư trong mười việc phi pháp, như pháp như thiện như lời Phật dạy, hiện tiền trong Tăng diệt trừ việc ác này. Trong đây không có vị nào phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp; phi thiện nói là thiện, thiện nói là phi thiện, không phải lời Phật dạy. Việc này là bất tịnh.

Nói xong liền bỏ một thẻ quyết định là đã diệt trừ xong việc ác thứ tư. Trưởng lão Tam-bồ-già lại hỏi Thượng tòa Tát-bà-già-la-ba-lê-bà-la: "Xin hỏi Thượng tòa Như thị tịnh có thật là tịnh không?", Thượng tòa hỏi: "Thế nào là Như thị tịnh?", đáp: "Các Tỳ-kheo Tỳ-da-ly ở trong nội giới cùng trú xứ riêng làm yết ma rồi vào trong Tăng nói rằng:

"Trú xứ kia làm yết ma, việc này là tịnh". Xin hỏi việc này có thật là tịnh không?", đáp là bất tịnh, lại hỏi: "Nếu làm thì phạm tội gì?", đáp là phạm Đột-kiết-la, lại hỏi: "Phật ở đâu kết giới này?", đáp: "Phật kết giới này trong hành pháp Tỳ-ni ở nước Chiêm-ba". Trưởng lão Tam-bồ-già hỏi Thượng tòa Tát-bà-già-la-ba-lê-bà-la xong, kế hỏi đến Thượng tòa Sa-la, Da-thâu-đà, Cấp-xà-tô-di-la cho đến Thượng tòa Tu-ma-na-bà-khí-già-di, cuối cùng hỏi đến Tỳ-kheo A-kỳ-đa: "Thầy cũng biết như vậy, đúng như lời Thượng tòa đáp phải không?, đáp: "Con cũng biết như vậy, đúng như lời Thượng tòa đáp", kế hỏi lại trưởng lão Tam-bồ-già: "Trưởng lão cũng biết như vậy, đúng như lời Thượng tòa nói phải không?", đáp: "Tôi cũng biết như vậy, đúng như lời Thượng tòa đáp". Lúc đó trưởng lão Tam-bồ-già ở trong Tăng xướng: Đại đức tăng lắng nghe, nay Tăng đã diệt trừ xong việc thứ năm trong mười việc phi pháp, như pháp như thiện như lời Phật dạy, hiện tiền trong Tăng diệt trừ việc ác này. Trong đây không có vị nào phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp; phi thiện nói là thiện, thiện nói là phi thiện, không phải lời Phật dạy. Việc này là bất tịnh.

Nói xong liền bỏ một thẻ quyết định là đã diệt trừ xong việc ác thứ năm. Trưởng lão Tam-bồ-già lại hỏi Thượng tòa Tát-bà-già-la-ba-lê-bà-la: "Xin hỏi Thượng tòa Chứng tri tịnh có thật là tịnh

không?", Thượng tòa hỏi: "Thế nào là Chứng tri tịnh?", đáp: "Các Tỳ-kheo Tỳ-da-ly ở mỗi trú xứ làm yết ma phi pháp rồi vào trong Tăng bạch rằng: "Chúng tôi ở mỗi trú xứ đã làm yết ma, xin Tăng chứng tri, việc này là tịnh", đáp là bất tịnh, lại hỏi: "Nếu làm thì phạm tội gì?", đáp là phạm Đột-kiết-la, lại hỏi: "Phật ở đâu kết giới này?", đáp: "Phật kết giới này trong hành pháp Tỳ-ni ở nước Chiêm-ba". Trưởng lão Tam-bồ-già hỏi Thượng tòa Tát-bà-già-la-ba-lê-bà-la xong, kế hỏi đến Thượng tòa Sa-la, Da-thâu-đà, Cấp-xà-tô-di-la cho đến Thượng tòa Tu-ma-na-bà-khí-già-di, cuối cùng hỏi đến Tỳ-kheo A-kỳ-đa: "Thầy cũng biết như vậy, đúng như lời Thượng tòa đáp phải không?, đáp: "Con cũng biết như vậy, đúng như lời Thượng tòa đáp", kế hỏi lại trưởng lão Tam-bồ-già: "Trưởng lão cũng biết như vậy, đúng như lời Thượng tòa nói phải không?", đáp: "Tôi cũng biết như vậy, đúng như lời Thượng tòa đáp". Lúc đó trưởng lão Tam-bồ-già ở trong Tăng xướng: Đại đức tăng lắng nghe, nay Tăng đã diệt trừ xong việc thứ sáu trong mười việc phi pháp, như pháp như thiện như lời Phật dạy, hiện tiền trong Tăng diệt trừ việc ác này. Trong đây không có vị nào phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp; phi thiện nói là thiện, thiện nói là phi thiện, không phải lời Phật dạy. Việc này là bất tịnh.

Nói xong liền bỏ một thẻ quyết định là đã diệt

trừ xong việc ác thứ sáu. Trưởng lão Tam-bồ-già lại hỏi Thượng tòa Tát-bà-già-la-ba-lê-bà-la: "Xin hỏi Thượng tòa Bần trú xứ có thật là tịnh không?", Thượng tòa hỏi: "Thế nào là Bần trú xứ tịnh?", đáp: "Các Tỳ-kheo Tỳ-da-ly nói rằng: "Trú xứ của chúng tôi nghèo nên làm rượu uống, nói việc này là tịnh, xin hỏi có thật là tịnh không?", đáp là bất tịnh, lại hỏi: "Nếu uống thì phạm tội gì?", đáp là phạm Ba-dật-đề, lại hỏi: "Phật ở đâu kết giới nói việc này không được uống?", đáp: "Phật vì trưởng lão A-la-hán Bà-già-đà kết giới không uống rượu tại thành Bạt-đà La-Bà-đề thuộc nước Chi-bà-đề". Trưởng lão Tam-bồ-già hỏi Thượng tòa Tát-bà-già-la-ba-lê-bà-la xong, kế hỏi đến Thượng tòa Sa-la, Da-thâu-đà, Cấp-xà-tô-di-la cho đến Thượng tòa Tu-ma-na-bà-khí-già-di, cuối cùng hỏi đến Tỳ-kheo A-kỳ-đa: "Thầy cũng biết như vậy, đúng như lời Thượng tòa đáp phải không?, đáp: "Con cũng biết như vậy, đúng như lời Thượng tòa đáp", kế hỏi lại trưởng lão Tam-bồ-già: "Trưởng lão cũng biết như vậy, đúng như lời Thượng tòa nói phải không?", đáp: "Tôi cũng biết như vậy, đúng như lời Thượng tòa đáp". Lúc đó trưởng lão Tam-bồ-già ở trong Tăng xướng: Đại đức tăng lắng nghe, nay Tăng đã diệt trừ xong việc thứ bảy trong mười việc phi pháp, như pháp như thiện như lời Phật dạy, hiện tiền trong Tăng diệt trừ việc ác này. Trong đây không có vị nào phi pháp nói là pháp,

pháp nói là phi pháp; phi thiện nói là thiện, thiện nói là phi thiện, không phải lời Phật dạy. Việc này là bất tịnh.

Nói xong liền bỏ một thẻ quyết định là đã diệt trừ xong việc ác thứ bảy. Trưởng lão Tam-bồ-già lại hỏi Thượng tòa Tát-bà-già-la-ba-lê-bà-la: "Xin hỏi Thượng tòa Hành pháp tịnh có thật là tịnh không?", đáp: "Có Hành pháp tịnh, hành cũng tịnh, không hành cũng tịnh; có Hành pháp bất tịnh, hành cũng bất tịnh, không hành cũng bất tịnh", lại hỏi: "Thế nào là Hành pháp tịnh, hành cũng tịnh, không hành cũng tịnh?", đáp: "Như không sát sanh, hành cũng tịnh, không hành cũng tịnh; không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không lưỡng thiệt, không ác khẩu, không ỷ ngữ… đều là Hành pháp tịnh, hành cũng tịnh, không hành cũng tịnh", lại hỏi: "Thế nào là Hành pháp bất tịnh, hành cũng bất tịnh, không hành cũng bất tịnh?", đáp: "Như tội sát sanh, hành cũng bất tịnh, không hành cũng bất tịnh; tội trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ… đều là Hành pháp bất tịnh, hành cũng bất tịnh, không hành cũng bất tịnh". Trưởng lão Tam-bồ-già hỏi Thượng tòa Tát-bà-già-la-ba-lê-bà-la xong, kế hỏi đến Thượng tòa Sa-la, Da-thâu-đà, Cấp-xà-tô-di-la cho đến Thượng tòa Tu-ma-na-bà-khí-già-di, cuối cùng hỏi đến Tỳ-kheo A-kỳ-đa: "Thầy cũng biết như vậy, đúng như lời Thượng tòa đáp phải không?, đáp: "Con cũng biết

như vậy, đúng như lời Thượng tòa đáp", kế hỏi lại trưởng lão Tam-bồ-già: "Trưởng lão cũng biết như vậy, đúng như lời Thượng tòa nói phải không?", đáp:

"Tôi cũng biết như vậy, đúng như lời Thượng tòa đáp". Lúc đó trưởng lão Tam-bồ-già ở trong Tăng xướng: Đại đức tăng lắng nghe, nay Tăng đã diệt trừ xong việc thứ tám trong mười việc phi pháp, như pháp như thiện như lời Phật dạy, hiện tiền trong Tăng diệt trừ việc ác này. Trong đây không có vị nào phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp; phi thiện nói là thiện, thiện nói là phi thiện, không phải lời Phật dạy. Việc này là bất tịnh.

Nói xong liền bỏ một thẻ quyết định là đã diệt trừ xong việc ác thứ tám. Trưởng lão Tam-bồ-già lại hỏi Thượng tòa Tát-bà-già-la-ba-lê-bà-la: "Xin hỏi Thượng tòa Bất-ích-lũ-biên Ni-sư-đàn có thật là tịnh không?", Thượng tòa hỏi: "Thế nào là Bất ích lũ biên Ni-sư-đàn tịnh?", "Đáp: "Các Tỳ-kheo Tỳ-da-ly làm Ni-sư-đàn không nới rộng thêm viền và nói việc này là tịnh", đáp là bất tịnh, lại hỏi: "Nếu làm thì phạm tội gì?", đáp là phạm Ba-dật-đề, lại hỏi: "Phật ở đâu kết giới nói việc này không được làm?", đáp: "Phật vì trưởng lão Ca-lưu-đà-di kết giới cho làm Ni-sư-đàn nới rông thêm viền một gang tay tại nước Xá-bà-đề". Trưởng lão Tam-bồ-già hỏi Thượng tòa Tát-bà-già-la-ba-lê-bà-la xong, kế hỏi đến Thượng tòa Sa-la, Da-thâu-đà, Cấp-xà-

tô-di-la cho đến Thượng tòa Tu-ma-na-bà-khí-già-di, cuối cùng hỏi đến Tỳ-kheo A-kỳ-đa: "Thầy cũng biết như vậy, đúng như lời Thượng tòa đáp phải không?, đáp: "Con cũng biết như vậy, đúng như lời Thượng tòa đáp", kế hỏi lại trưởng lão Tam-bồ-già: "Trưởng lão cũng biết như vậy, đúng như lời Thượng tòa nói phải không?", đáp: "Tôi cũng biết như vậy, đúng như lời Thượng tòa đáp". Lúc đó trưởng lão Tam-bồ-già ở trong Tăng xướng: Đại đức tăng lắng nghe, nay Tăng đã diệt trừ xong việc thứ chín trong mười việc phi pháp, như pháp như thiện như lời Phật dạy, hiện tiền trong Tăng diệt trừ việc ác này. Trong đây không có vị nào phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp; phi thiện nói là thiện, thiện nói là phi thiện, không phải lời Phật dạy. Việc này là bất tịnh.

Nói xong liền bỏ một thẻ quyết định là đã diệt trừ xong việc ác thứ chín. Trưởng lão Tam-bồ-già lại hỏi Thượng tòa Tát-bà-già-la-ba-lê-bà-la: "Xin hỏi Thượng tòa Kim ngân bảo vật tịnh có thật là tịnh không?", Lê-bà-đa hỏi: "Thế nào là Kim ngân bảo vật tịnh?", đáp: "Các Tỳ-kheo Tỳ-da-ly thọ vàng bạc vật báu và nói việc này là tịnh, xin hỏi việc này có thật là tịnh không?", đáp là bất tịnh, lại hỏi: "Nếu thọ thì phạm tội gì?", đáp là phạm Ba-dật-đề, lại hỏi: "Phật ở đâu kết giới nói việc này không được thọ?", đáp: "Phật vì Tỳ-kheo Bạt-nan-đà kết giới không được lấy vàng bạc bảo vật tại

nước Tỳ-da-ly". Trưởng lão Tam-bồ-già hỏi Thượng tòa Tát-bà-già-la-ba-lê-bà-la xong, kế hỏi đến Thượng tòa Sa-la, Da-thâu-đà, Cấp-xà-tô-di-la cho đến Thượng tòa Tu-ma-na-bà-khí-già-di, cuối cùng hỏi đến Tỳ-kheo A-kỳ-đa: "Thầy cũng biết như vậy, đúng như lời Thượng tòa đáp phải không?, đáp: "Con cũng biết như vậy, đúng như lời Thượng tòa đáp", kế hỏi lại trưởng lão Tam-bồ-già: "Trưởng lão cũng biết như vậy, đúng như lời Thượng tòa nói phải không?", đáp: "Tôi cũng biết như vậy, đúng như lời Thượng tòa đáp". Lúc đó trưởng lão Tam-bồ-già ở trong Tăng xướng: Đại đức tăng lắng nghe, nay Tăng đã diệt trừ xong việc thứ mười trong mười việc phi pháp, như pháp như thiện như lời Phật dạy, hiện tiền trong Tăng diệt trừ việc ác này. Trong đây không có vị nào phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp; phi thiện nói là thiện, thiện nói là phi thiện, không phải lời Phật dạy. Việc này là bất tịnh.

Nói xong liền bỏ một thẻ quyết định là đã diệt trừ xong việc ác thứ mười. Lúc đó Thượng tòa Tát-bà-già-la-ba-lê-bà-la nói với trưởng lão Tam-bồ-già: "Việc ác này nay đã diệt trừ xong, như pháp, như thiện, như lời Phật dạy; hiện tiền đã bỏ mười thẻ, hỏi đáp rõ ràng. Nếu có Tỳ-kheo bất trí nói rằng: "Nay diệt trừ mười việc ác này là như pháp hay là không như pháp thì không thể biết được. Vì vậy trưởng lão khi đến trong đại hội Tăng, ở trong

đại hội Tăng cùng nhau hỏi mười việc này phải như tôi đã trả lời, không được đáp một việc nào khác", dạy như vậy rồi các Thượng tòa từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến trong đại hội Tăng ngồi vào chỗ cũ. Lúc đó trưởng lão Tam-bồ-già từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Thượng tòa Tát-bà-già-la-ba-lê-bà-la: Xin hỏi Thượng tòa, Diêm tịnh có nên thọ trì hay không?", đáp là bất tịnh, không nên ăn. Lại hỏi: "Nếu ăn thì phạm tội gì?", đáp là phạm Đột-kiết-la; lại hỏi: "Phật ở đâu kết giới việc này không được ăn?", đáp: "Phật ở nước Xá-bà-đề nói việc này trong pháp Dược của tỳ-ni". Lại hỏi: "Xin hỏi Thượng tòa, Nhị chỉ tịnh có nên thọ không?", đáp là bất tịnh, lại hỏi: "Nếu ăn thì phạm tội gì?", đáp là phạm Ba-dật-đề, lại hỏi: "Phật ở đâu kết giới nói việc này không được ăn?", đáp: "Phật ở nước Tỳ-da-ly, vì các Tỳ-kheo không thọ pháp tàn thực nên kết giới". Lại hỏi: "Xin hỏi Thượng tòa, Cận tụ lạc có thật là tịnh không?", đáp là bất tịnh, lại hỏi: "Nếu ăn thì phạm tội gì?", đáp là phạm Ba-dật-đề, lại hỏi: "Phật ở đâu nói việc này không được ăn?", đáp: "Phật ở nước Tỳ-da-ly, vì các Tỳ-kheo không thọ pháp tàn thực nên kết giới". Lại hỏi: "Xin hỏi Thượng tòa, Sanh hòa hợp tịnh có nên thọ không?", đáp là bất tịnh, lại hỏi: "Nếu ăn thì phạm tội gì?", đáp là phạm Ba-dật-đề, lại hỏi: "Phật ở đâu kết giới nói việc này không được ăn?", đáp: "Phật ở nước Tỳ-da-ly, vì các Tỳ-

kheo không thọ pháp tàn thực nên kết giới". Lại hỏi: "Xin hỏi Thượng tòa, Như thị tịnh có thật là tịnh không?", đáp là bất tịnh, lại hỏi: "Nếu làm thì phạm tội gì?", đáp là phạm Đột-kiết-la, lại hỏi: "Phật ở đâu kết giới này?", đáp: "Phật kết giới này trong hành pháp Tỳ-ni ở nước Chiêm-ba". Lại hỏi: "Xin hỏi Thượng tòa, Chứng tri tịnh có thật là tịnh không?", đáp là bất tịnh, lại hỏi: "Nếu làm thì phạm tội gì?", đáp là phạm Đột-kiết-la, lại hỏi: "Phật ở đâu kết giới này?", đáp: "Phật kết giới này trong hành pháp Tỳ-ni ở nước Chiêm-ba". Lại hỏi: "Xin hỏi Thượng tòa Bần trú xứ có thật là tịnh không?", đáp là bất tịnh, lại hỏi: "Nếu uống thì phạm tội gì?", đáp là phạm Ba-dật-đề, lại hỏi: "Phật ở đâu kết giới nói việc này không được uống?", đáp: "Phật vì trưởng lão A-la-hán Bà-già-đà kết giới không uống rượu tại thành Bạt-đà La-Bà-đề thuộc nước Chi-bà-đề". Lại hỏi: "Xin hỏi Thượng tòa, Hành pháp tịnh có thật là tịnh không?", đáp: "Có Hành pháp tịnh, hành cũng tịnh, không hành cũng tịnh; có Hành pháp bất tịnh, hành cũng bất tịnh, không hành cũng bất tịnh", lại hỏi: "Thế nào là Hành pháp tịnh, hành cũng tịnh, không hành cũng tịnh?", đáp: "Như không sát sanh, hành cũng tịnh, không hành cũng tịnh; không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không lưỡng thiệt, không ác khẩu, không ỷ ngữ … đều là Hành pháp tịnh, hành cũng tịnh, không hành cũng tịnh", lại hỏi: "Thế nào là

Hành pháp bất tịnh, hành cũng bất tịnh, không hành cũng bất tịnh?", đáp: "Như tội sát sanh, hành cũng bất tịnh, không hành cũng bất tịnh; tội trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ… đều là Hành pháp bất tịnh, hành cũng bất tịnh, không hành cũng bất tịnh". Lại hỏi: "Xin hỏi Thượng tòa, Bất ích lũ biên Ni-sư-đàn có thật là tịnh không?", đáp là bất tịnh, lại hỏi: "Nếu làm thì phạm tội gì?", đáp là phạm Ba-dật-đề, lại hỏi: "Phật ở đâu kết giới nói việc này không được làm?", đáp: "Phật vì trưởng lão Ca-lưu-đà-di kết giới cho làm Ni-sư-đàn nới rông thêm viền một gang tay tại nước Xá-bà-đề". Lại hỏi: "Xin hỏi Thượng tòa, Kim ngân bảo vật tịnh có thật là tịnh không?", đáp là bất tịnh, lại hỏi: "Nếu thọ thì phạm tội gì?", đáp là phạm Ba-dật-đề, lại hỏi: "Phật ở đâu kết giới nói việc này không được thọ?", đáp: "Phật vì Tỳ-kheo Bạt-nan-đà kết giới không được lấy vàng bạc bảo vật tại nước Tỳ-da-ly". Trưởng lão Tam-bồ-già ở trong Tăng như pháp diệt trừ mười việc có tội của tỳ-kheo Tỳ-da-ly, như pháp diệt trừ xong liền nói kệ:

"Nếu người không biết tội, không trừ, Lại tức giận người khác trừ tội.

Đó là người ngu si, vô trí.

Hằng ngày đánh mất công đức lợi, Như mặt trăng sau ngày mười sáu, Ánh sáng dần dần tiêu diệt hết.

Nếu có người biết tội được trừ, Lại vui vẻ với người trừ tội.

Đó gọi là người có trí huệ.

Hằng ngày được nhiều công đức lợi. Như mặt trăng sau ngày mồng một, Ánh sáng dần dần tỏ rạng lên".

PHẨM TẠP TRONG TỲ NI

Phật tại thành Xá-bà-đề, có một Tỳ-kheo hiềm trách Tỳ-kheo khác về việc lễ bái cung kính, liền lớn tiếng kêu lên khiến cho các Tỳ-kheo tụ họp lại rồi nói: "Tỳ-kheo này đánh tôi", các Tỳ-kheo hỏi Tỳ-kheo kia: "Có thật đánh hay không?", đáp: "Tôi lễ bái cung kính chứ không có đánh, Tỳ-kheo này trước có hiềm khích với tôi nên nói tôi như thế". Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay nếu trước có hiềm khích nhau thì không nên lễ bái, nếu lễ bái thì phạm Đột-kiết-la". Lúc đó trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Nếu người chưa thọ giới cụ túc trước có hiềm khích nhau thì có được lễ bái không?", Phật nói: "Không được, nếu khi Tăng đều tập họp thì lễ bái không phạm".

Lại hỏi: Khi Sa-di đăng đàn thọ giới cụ túc, nam căn chuyển thành nữ căn thì gọi là Tỳ-kheo

hay Tỳ-kheo-ni?

Đáp: Gọi là Tỳ-kheo-ni.

Lại hỏi: Thức-xoa-ma-na khi đang đàn thọ giới cụ túc, chuyển nữ căn thành nam căn thì gọi là Tỳ-kheo-ni hay là Tỳ-kheo?, đáp là Tỳ-kheo.

Lại hỏi: Nếu tất cả Tỳ-kheo khi kết giới, Tăng đều biến thành nữ thì đại giới này gọi là đại giới của tỳ-kheo hay là đại giới của tỳ-kheo-ni?, đáp là giới của tỳ-kheo-ni.

Lại hỏi: Nếu tất cả Tỳ-kheo-ni kết đại giới, ni tăng đều biến thành nam thì đại giới này gọi là đại giới của tỳ-kheo-ni hay là của tỳ-kheo?, đáp là giới của tỳ-kheo .

Lại hỏi: Nếu khi các Tỳ-kheo tác pháp yết ma kết giới, có người chuyển thành nữ, có người không chuyển thì giới này gọi là giới của tỳ-kheo hay là giới của tỳ-kheo-ni?

Đáp: Nếu người nói yết ma là nam thì giới này thuộc về của tỳ-kheo, nếu chuyển thành nữ thì giới này thuộc về Tỳ-kheo-ni.

Lại hỏi: Nếu khi các Tỳ-kheo tác pháp yết ma kết giới, chỉ một mình Tỳ-kheo nói yết ma chuyển thành nữ thì giới này là giới của tỳ-kheo hay là giới của tỳ-kheo-ni?

Đáp: Là giới của tỳ-kheo-ni.

Lại hỏi: Nếu khi các Tỳ-kheo-ni tác pháp yết ma kết giới, chỉ một mình Tỳ-kheo-ni nói yết ma

chuyển thành nam thì giới này là giới của tỳ-kheo-ni hay là giới của tỳ-kheo?

Đáp: Là giới của tỳ-kheo.

Lúc đó các Tỳ-kheo làm các loại yết ma cho Tỳ-kheo-ni, các Tỳ-kheo-ni không thọ liền đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Tỳ-kheo không nên làm yết ma cho Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo-ni nên làm yết ma cho Tỳ-kheo-ni, trừ ba loại yết ma là: Yết ma thọ giới cụ túc, yết ma hành Ma-na-đỏa và yết ma Xuất tội".

Lúc đó các Tỳ-kheo-ni làm các loại yết ma cho Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo không thọ liền đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Tỳ-kheo-ni không nên làm yết ma cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nên làm yết ma cho Tỳ-kheo, trừ ba loại yết ma là: Yết ma không lễ bái, yết ma không cùng nói chuyện và yết ma không cúng dường".

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó có các Tỳ-kheo-ni đến tinh xá Kỳ-hoàn muốn nghe pháp, ngày đó là ngày thuyết giới, các Tỳ-kheo nói: "Các cô hãy đi ra, chúng tôi sắp làm pháp sự thuyết giới", các Tỳ-kheo-ni nói: "Chúng tôi muốn nghe giới của tỳ-kheo", các Tỳ-kheo nói: "Phật chưa cho chúng tôi thuyết giới trước Tỳ-kheo-ni", liền đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Cho Tỳ-kheo được thuyết giới trước Tỳ-kheo-ni nhưng không cho Tỳ-kheo-ni nói giới Tỳ-kheo; nếu Tỳ-kheo khi nói giới

quên, cho Tỳ-kheo-ni được nhắc". Lúc đó các Tỳ-kheo đến trong tinh xá Vương viên, ngày đó là ngày thuyết giới, các Tỳ-kheo-ni nói: "Các thầy hãy đi ra, chúng tôi sắp làm pháp sự thuyết giới", các Tỳ-kheo nói: "Chúng tôi muốn nghe giới của tỳ-kheo-ni", các Tỳ-kheo-ni nói: "Phật chưa cho chúng tôi thuyết giới trước Tỳ-kheo", liền đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Cho Tỳ-kheo-ni được thuyết giới trước Tỳ-kheo nhưng không cho Tỳ-kheo nói giới Tỳ-kheo-ni; nếu Tỳ-kheo-ni khi nói giới quên, cho Tỳ-kheo được nhắc".

Lúc đó vua Ba-tư-nặc thỉnh Phật và trưởng lão A-nan ngày mai vào vương cung thọ thực, A-nan trước đã thọ người khác thỉnh thực nhưng quên nên thọ vua thỉnh thực. Phật im lặng nhận lời, vua biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Về đến trong cung liền ra lịnh ngay trong đêm đó lo sửa soạn đủ các món ăn ngon, sáng sớm trải tòa rồi sai sứ đến bạch Phật: "Đã đến giờ thọ thực, xin Phật tự biết thời". Phật đắp y mang bát cùng A-nan vào cung thọ thực, lúc đó A-nan có hai nơi thỉnh thực, vì quên nên không nhường cho người khác chỗ thọ thỉnh trước. Khi A-nan vừa bỏ thức ăn vào miệng mới sực nhớ ra mình có hai nơi thọ thỉnh thực; lúc đó A-nan không dám nhổ thức ăn ra vì kính Phật, lại không dám nuốt vì trì giới. Phật biết tâm của A-nan nên bảo: "Hãy tâm niệm cho người khác rồi ăn".

Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Phật cho A-nan được tâm niệm nhường chỗ thọ thỉnh thực cho người khác rồi ăn, nếu Tỳ-kheo khác tâm niệm nhường cho người khác thì có được ăn không?", Phật nói: "Không được, trừ năm hạng người: Một là người ngồi thiền, hai là người ở chỗ một mình, ba là người đi xa, bốn là người mắc bịnh lâu ngày, năm là gặp thời thế đói kém đến ở nhờ bà con. Ngoài năm hạng người này ra, những người khác không cho tâm niệm nhường chỗ thỉnh thức cho người khác rồi được ăn ở chỗ này".

Có một Tỳ-kheo gởi thanh tịnh cho một Tỳ-kheo có hiềm khích với mình, Tỳ-kheo này lớn tiếng kêu lên khiến cho các Tỳ-kheo tụ đến rồi nói: "Tỳ-kheo này phạm trọng muốn đến bên tôi sám hối", các Tỳ-kheo hỏi Tỳ-kheo kia: "Thầy có thật như thế không?", đáp: "Không có, tôi muốn gởi thanh tịnh, vì Tỳ-kheo này trước đây có hiềm khích với tôi nên mới nói như vậy". Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Từ nay, không nên gởi thanh tịnh cho người trước đây có hiềm khích với mình; cũng không nên gởi dục, gởi tự tứ, không nên đến cùng sám hối; nếu đến cùng sám hối thì phạm Đột-kiết-la". Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Nếu Tỳ-kheo trong một trú xứ này bị Tăng tác pháp tẫn, có được đến trú xứ khác sám hối không?", Phật nói: "Không được, trừ trú xứ này trống không hoặc các Tỳ-kheo qua đời hoặc hoàn

tục, hoặc vào phái ngoại đạo thì được đến trú xứ khác sám hối không phạm".

Ở nước Kiều-tát-la có hai tụ lạc giới tướng liền nhau, lúc đó có một Tỳ-kheo-ni cho là một giới nên đi, không ngờ là đi vào giới khác. Các Tỳ-kheo-ni nói: "Cô đã phạm Tăng-già-bà-thi-sa", hỏi vì sao, đáp: "Cô đã một mình vào tụ lạc khác". Tỳ-kheo-ni này trong tâm nghi hối, liền bạch Phật, Phật hỏi: "Cô cho là cùng một giới hay khác giới", đáp: "Con cho là cùng một giới", Phật nói: "Không phạm, từ nay cho trường hợp hai tụ lạc có giới tướng liền nhau, được tác pháp yết ma kết làm một giới".

Một Tỳ-kheo-ni trong Tăng xướng rằng:

Đại đức ni tăng lắng nghe, giới của tụ lạc và giới của tụ lạc, Tăng nay muốn tác pháp yết ma kết làm một giới. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay yết ma kết giới của tụ lạc và giới của tụ lạc thành một giới. Bạch như vậy.

Bạch nhị yết ma cho đến câu Tăng đã chấp thuận yết ma kết giới của tụ lạc và giới của tụ lạc làm một giới xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Lúc đó có các Tỳ-kheo từ nước Kiều-tát-la du hành đến thành Xá-bà-đề, gần tinh xá Kỳ-hoàn có một rừng cây tươi tốt sum suê và mát mẻ khiến các Tỳ-kheo này rất thích. Ngày đó là ngày thuyết giới nên các Tỳ-kheo này dừng lại ở trong rừng cây này

thuyết giới. Thuyết giới xong mới vào trong tinh xá Kỳ-hoàn thì nghe tiếng kiền chùy, liền hỏi: "Đánh kiền chùy làm gì?, đáp là muốn thuyết giới, khách Tỳ-kheo nói: "Chúng tôi vừa mới thuyết giới xong", liền hỏi là thuyết giới ở đâu, đáp là ở trong rừng cây gần tinh xá Kỳ-hoàn. Các Tỳ-kheo nói: "Các thầy phá tăng", liền hỏi vì sao, đáp: "Vì ở trong nội giới mà có hai nơi thuyết giới, các thầy khinh cựu Tỳ-kheo chúng tôi". Khách Tỳ-kheo nghe rồi sanh nghi hối liền bạch Phật, Phật hỏi: "Lúc đó tâm các thầy nghĩ như thế nào?", đáp: "Chúng con cho là ngoại giới", Phật nói: "Không phạm, từ nay không được vì một nhân duyên nhỏ mà dừng ở giữa đường thuyết giới. Nếu muốn thuyết giới nên lên chỗ cao nhìn xem gần đó có tinh xá không, nếu có thì nên đến đó thuyết giới".

Có một tụ lạc ở vùng biên của nước Kiều-tát-la, các Tỳ-kheo sợ giặc nên bỏ tinh xá vào trong tụ lạc này. Ngày đó là ngày thuyết giới, có Tỳ-kheo cùng giặc đến, Tỳ-kheo này không biết đâu là ngoại giới, đâu là nội giới liền bạch Phật, Phật nói: "Nếu tụ lạc thuộc của giặc thì tất cả là ngoại giới, lúc đó tùy ở bất cứ nơi đâu đều được tự tại thuyết giới".

Ở nước Xá-bà-đề có một thương chủ muốn đến nước khác buôn bán, xem sao Phất để định ngày khởi hành. Ngày đó là ngày thuyết giới nên Tỳ-kheo đến nói với thương chủ: "Xin đợi một lát chờ

tôi làm pháp sự", thương chủ nói: "Hôm nay là ngày sao Phất, tốt nên khởi hành, thầy nếu làm pháp sự thì nên đi sau". Tỳ-kheo không biết làm sao nên bạch Phật, Phật nói: "Nếu thương chủ ở lại đợi thì nên thuyết giới đầy đủ, nếu chỉ đợi một lát thì nên thuyết giới tóm lược, nếu không đợi thì nên nói ba lần thuyết giới, nếu không thể ở lại đi sau thì mỗi Tỳ-kheo nên tâm niệm miệng nói hôm nay là ngày thuyết giới bố tát. Nếu có bạch y ở đó thì chỉ nên tâm niệm nghĩ hôm nay là ngày thuyết giới bố tát".

Thương chủ lên đường, khi đến chỗ dừng lại ngủ qua đêm có quy định không ai được ở tản mát, nếu tản mát ra thì sẽ bị giặc cướp hết tài vật và tính mạng. Ngày đó là ngày thuyết giới, các Tỳ-kheo không biết làm sao nên bạch Phật, Phật nói: "Từ nay nếu có trường hợp như thế thì nên nhất tâm nghĩ hôm nay là ngày thuyết giới bố tát".

Có các thương nhơn ngủ đêm ở chỗ có rồng, ngày đó là ngày thuyết giới nên các Tỳ-kheo nói với thương chủ: "Chúng tôi muốn làm pháp sự", thương chủ nói: "Chỗ này có rồng ở, không được làm ồn, rồng nổi giận thì chúng ta sẽ khốn đốn", các Tỳ-kheo không biết làm sao nên bạch Phật, Phật nói: "Từ nay nếu có trường hợp như thế thì nên nhất tâm nghĩ hôm nay là ngày thuyết giới bố tát".

Có các thương nhơn ngủ đêm ở chỗ có quỷ

thần, ngày đó là ngày thuyết giới nên các Tỳ-kheo nói với thương chủ: "Chúng tôi muốn làm pháp sự", thương chủ nói: "Chỗ này có quỷ thần ở, không được làm ồn, quỷ thần nổi giận thì chúng ta sẽ khốn đốn", các Tỳ-kheo không biết làm sao nên bạch Phật, Phật nói: "Từ nay nếu có trường hợp như thế thì nên nhất tâm nghĩ hôm nay là ngày thuyết giới bố tát".

Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Tỳ-kheo A-lan-nhã ở một mình thì nên thuyết giới như thế nào, tự tứ như thế nào, thọ y như thế nào, thọ pháp bảy ngày như thế nào, thọ thất nhật dược như thế nào, nhường chỗ đã thọ thỉnh thực như thế nào, y vật vì thanh tịnh nên thí như thế nào?", Phật nói: "Nếu Tỳ-kheo A-lan-nhã ở một mình thì cho được tâm niệm nghĩ hôm nay là ngày thuyết giới bố tát; tự tứ, thọ y, thọ pháp bảy ngày, thọ thất nhật dược… cũng đều được làm tâm niệm".

Có Tỳ-kheo thần thông đại đức đại lực đến trong nước Tịnh khất thực, người trong nước này phần nhiều xấu ác khi cho thức ăn, không dùng tay đưa trao mà để dưới đất, Tỳ-kheo không biết làm sao nên bạch Phật, Phật nói: "Từ nay cho ở trong nước Tịnh, không dùng tay đưa trao để dưới đất được thọ lấy". Có một trú xứ, vị Thượng tòa phạm Tăng-già-bà-thi-sa, Thượng tòa muốn hành Ba-lợi-bà-sa và hành Ma-na-đỏa; mọi người nói: "Thượng tòa còn hành Ba-lợi-bà-sa và hành Ma-na-đỏa

huống chi là trung hạ tòa", liền sanh tâm bất tín, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Nếu nhất tâm nghĩ là từ nay sẽ không làm nữa thì ngay lúc đó được thanh tịnh".

Có một trú xứ, vị Tỳ-kheo quen biết nhiều, phạm Tăng-già-bà-thi-sa muốn hành Ba-lợi-bà-sa và hành Ma-na-đỏa; mọi người nói: "Tỳ-kheo quen biết nhiều mà còn hành Ba-lợi-bà-sa và hành Ma-na-đỏa huống chi là các Tỳ-kheo khác", liền sanh tâm bất tín, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Nếu nhất tâm nghĩ là từ nay sẽ không làm nữa thì ngay lúc đó được thanh tịnh".

Có Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa, các Tỳ-kheo nói: "Thầy nên hành Ba-lợi-bà-sa và hành Ma-na-đỏa, như pháp sám hối tội này", Tỳ-kheo này nói: "Tôi thà phản giới hoàn tục chứ không thể hành", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Nếu nhất tâm nghĩ là từ nay sẽ không làm nữa thì ngay lúc đó được thanh tịnh".

Có Tỳ-kheo bịnh phạm Tăng-già-bà-thi-sa, các Tỳ-kheo nói:

"Thầy nên hành Ba-lợi-bà-sa và hành Ma-na-đỏa, như pháp sám hối tội này", Tỳ-kheo này nói: "Tôi không có sức nên không thể hành pháp này được", các Tỳ-kheo nói: "Thầy nên xin yết ma Xuất tội", đáp: "Tôi không thể quỳ được", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Nếu nhất

tâm nghĩ là từ nay sẽ không làm nữa thì ngay lúc đó được thanh tịnh".

Có một trú xứ, Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa nhưng chúng không đủ hai mươi người nên Tỳ-kheo này muốn đến nơi khác sám hối, nhưng giữa đường bị giặc giết chết. Các Tỳ-kheo nói: "Tỳ-kheo này không thanh tịnh, chết ắt đọa trong đường ác", liền đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Nếu nhất tâm niệm như pháp sám hối thì được thanh tịnh, chết sẽ không đọa vào đường ác mà được sanh lên cõi trời".

Có một trú xứ, Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa nhưng chúng không thanh tịnh nên Tỳ-kheo này muốn đến nơi khác sám hối, nhưng giữa đường bị giặc giết chết. Các Tỳ-kheo nói: "Tỳ-kheo này không thanh tịnh, chết ắt đọa trong đường ác", liền đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Nếu nhất tâm niệm như pháp sám hối thì được thanh tịnh, chết sẽ không đọa vào đường ác mà được sanh lên cõi trời".

Có một trú xứ cách xa nước Kiều-tát-la, hai Tỳ-kheo ở chung đều bị giặc bắt đem cúng tế nên giặc cho người canh giữ. Ngày đó là ngày thuyết giới, hai Tỳ-kheo nói: "Hãy thả cho chúng tôi ra một lát, chúng tôi muốn làm pháp sự", chúa giặc cho thả để làm pháp sự. hai Tỳ-kheo này ra chỗ hơi cách xa, một người nói tôi có tội, người kia cũng nói tôi có tội; Phật dạy nếu hai người đều có tội thì không

được cùng sám hối. Chúa giặc hỏi: "Hai người nói gì, ý muốn trốn chạy phải không?", đáp: "Chúng tôi không trốn chạy, chỉ muốn sám hối", lại hỏi: "Có tội gì mà sám hối", liền đáp là có tội như thế như thế, chúa giặc nói: "Các thầy là người tốt, chỉ có việc nhỏ như thế mà cũng nói là có tội. Chúng tôi là người ác đã xúc não người tốt như vậy", nói rồi liền cho thả hai Tỳ-kheo đi. hai Tỳ-kheo này được thoát liền đem việc trên kể lại cho các Tỳ-kheo nghe, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Từ nay có việc cấp bạch như vậy, nếu là tội không tương ưng thì cho được cùng sám hối".

Có một trú xứ cách xa nước Kiều-tát-la, hai Tỳ-kheo ở chung đều bị giặc bắt đem cúng tế nên giặc cho người canh giữ. Ngày đó là ngày thuyết giới, hai Tỳ-kheo nói: "Hãy thả cho chúng tôi ra một lát, chúng tôi muốn làm pháp sự", chúa giặc cho thả để làm pháp sự. hai Tỳ-kheo này ra chỗ hơi cách xa, một người nói tôi có tội, người kia cũng nói tôi có tội; Phật dạy nếu hai người đều có tội tương ưng thì không được cùng sám hối, tội không tương ưng thì được cùng sám hối. Tội của hai người là tội tương ưng nên không được cùng sám hối. Chúa giặc hỏi: "Hai người nói gì, ý muốn trốn chạy phải không?", đáp: "Chúng tôi không trốn chạy, chỉ muốn sám hối", lại hỏi: "Có tội gì mà sám hối", liền đáp là có tội như thế như thế, chúa giặc nói: "Các thầy là người tốt, chỉ có việc nhỏ như thế mà

cũng nói là có tội. Chúng tôi là người ác đã xúc não người tốt như vậy", nói rồi liền cho thả hai Tỳ-kheo đi. hai Tỳ-kheo này được thoát liền đem việc trên kể lại cho các Tỳ-kheo nghe, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Từ nay nếu có tội tương ưng nên tâm niệm miệng nói rằng: "Sau này sẽ đối trước Tỳ-kheo thanh tịnh sám hối", sau đó được cùng sám hối".

Có một trú xứ, Tỳ-kheo bịnh phạm tội Đọa nói với người khán bịnh là tôi có tội, người khán bịnh cũng nói là tôi có tội. Tỳ-kheo bịnh nói: "Phật nói từ nay nếu có tội tương ưng nên tâm niệm miệng nói rằng: "Sau này sẽ đối trước Tỳ-kheo thanh tịnh sám hối", sau đó được cùng sám hối. Nên tôi muốn đối trước thầy sám hối", Tỳ-kheo khán bịnh nói: "Do nhân duyên hai Tỳ-kheo bị giặc bát đem cúng tế nên Phật nói nếu có tội tương ưng thì cho được cùng sám hối, nhưng chưa cho người bịnh cùng sám hối". Tỳ-kheo bịnh sau khi chết do tâm hối hận nên đọa vào đường ác, Phật nói: "Từ nay nếu có tội tương ưng hoặc bị giặc bắt hay là người bịnh đều được tâm niệm miệng nói rằng: "Sau này sẽ đối trước Tỳ-kheo thanh tịnh sám hối", sau đó được cùng sám hối mà không phạm".

Trưởng lão Xá-lợi-phất từ nước Kiều-tát-la du hành đến nước Xá-bà-đề, giữa đường thấy một tinh xá trống không, ngày đó là ngày thuyết giới nhưng không biết đâu là nội giới, đâu là ngoại giới nên

bạch Phật, Phật nói: "Nếu là tinh xá trống không thì tất cả là ngoại giới, ở trong đó được tùy ý thuyết giới".

Nước Kiều-tát-la có hai tụ lạc giáp ranh giới nhau, lúc đó thời thế mất mùa đói kém, một Tỳ-kheo-ni dẫn một Tỳ-kheo-ni bạn đến nhà bà con ở tụ lạc khác nương ở, được cho ăn hai, ba ngày thì không thể cho thêm được nữa. Tỳ-kheo-ni bạn nói: "Một mình cô, bà con còn nuôi chưa nổi, vì sao lại dẫn tôi đến nữa?", Tỳ-kheo-ni này đáp: "Vì Phật chế không cho một mình đến trong tụ lạc khác nên tôi mới dẫn cô theo", bạch Phật, Phật nói: "Từ nay cho trường hợp hai tụ lạc có giới tướng liền nhau, được tác pháp yết ma kết làm một giới".

Một Tỳ-kheo-ni trong Tăng xướng rằng:

Đại đức ni tăng lắng nghe, giới của tụ lạc và giới của tụ lạc, Tăng nay muốn tác pháp yết ma kết làm một giới. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay yết ma kết giới của tụ lạc và giới của tụ lạc thành một giới. Bạch như vậy.

Bạch nhị yết ma cho đến câu Tăng đã chấp thuận yết ma kết giới của tụ lạc và giới của tụ lạc làm một giới xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Ở nước Kiều-tát-la có các Tỳ-kheo tháp tùng theo đoàn thương buôn đi ngang qua một đầm lớn, các Tỳ-kheo đến xin nước, thương chủ rót nước

vào trong bát cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo thấy trên mặt nước có một ít thức ăn liền đổ nước, thương chủ nói: "Các thầy biết nơi đây không có nước, khó được nước, vì sao lại đổ nước?", Tỳ-kheo nói: "Ngày nay thời đã qua, tôi thấy trên mặt nước có ít thức ăn nên không uống được", bạch Phật, Phật nói: "Không nên đổ hết nước, chỉ đổ nước ở trên, nước ở dưới là tịnh nên uống".

Ở nước Kiều-tát-la có các Tỳ-kheo tháp tùng theo đoàn thương buôn đi ngang qua một đầm lớn, các Tỳ-kheo đến xin nước, thương chủ rót nước vào trong bát cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo thấy dưới đáy nước có một ít thức ăn liền đổ nước, thương chủ nói: "Các thầy biết nơi đây không có nước, khó được nước, vì sao lại đổ nước?", Tỳ-kheo nói: "Ngày nay thời đã qua, tôi thấy dưới đáy nước có ít thức ăn nên không uống được", bạch Phật, Phật nói: "Không nên đổ hết nước, nước ở trên là tịnh nên uống, nước dưới đáy thì đổ bỏ".

Các Tỳ-kheo đến người chăn bò xin nước, họ dùng bình nước còn dính bợn rót nước cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo thấy trên mặt nước có đóng váng, không biết làm sao nên bạch Phật, Phật nói: "Chỉ đổ bỏ lớp đóng váng trên mặt, nước ở dưới là tịnh nên uống".

Các Tỳ-kheo đem bát còn dính bợn xuống ao múc nước, Tỳ-kheo thấy trên mặt nước có đóng váng, không biết làm sao nên bạch Phật, Phật nói:

"Chỉ đổ bỏ lớp đóng váng trên mặt, nước ở dưới là tịnh nên uống".

Các Tỳ-kheo đem bát còn dính thức ăn dư xuống ao múc nước, Tỳ-kheo nhìn thấy trong bát nước có thức ăn, không biết làm sao nên bạch Phật, Phật nói: "Cái đáng bỏ thì nên bỏ, nước là tịnh nên uống".

Sa-di và bạch y cầm bình tô, dầu rót vào bát cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo thấy tô dầu chảy xuống, sanh nghi không biết có phải là pháp thọ không nên bạch Phật, Phật nói: "Rót thì phải chảy xuống nên không phá pháp thọ".

Tỳ-kheo từ nước Kiều-tát-la du hành đến nước Xá-bà-đề, đi ngang qua một đầm lớn. Lúc đó Sa-di nhỏ mang theo tịnh vật, không mang nổi nữa, Phật bảo: "Tỳ-kheo nên mang tịnh vật giúp cho Sa-di".

Các Tỳ-kheo ở trong nhà có gác, thức ăn treo trên tường ở trên gác, Sa-di nhỏ tuổi không thể lấy được, Phật bảo: "Lúc mặt trời mọc, Tỳ-kheo nên lấy thức ăn xuống đưa cho tịnh nhân". Lại có các Tỳ-kheo từ nước Kiều-tát-la du hành đến nước Xá-bà-đề, giữa đường gặp con sông, Sa-di nhỏ tuổi phải mang tịnh vật nên không lội qua được, Phật bảo: "Tỳ-kheo nên cõng Sa-di lội qua sông". Khi cõng lội qua sông, do nước sông chảy mạnh nên cả hai đều bị nước cuốn trôi, tay Tỳ-kheo chạm vào thức ăn, Tỳ-kheo nghi không biết thức ăn này có

bất tịnh hay không nên bạch Phật, Phật nói: "Tịnh nhân thường nhớ nghĩ giữ gìn đãy thức ăn này, Tỳ-kheo tuy chạm nhưng ăn không phạm". Lại có Tỳ-kheo qua sông bằng bè, Sa-di mang tịnh vật, Phật bảo: "Tỳ-kheo nên bảo Sa-di để đãy thức ăn trên bè, Tỳ-kheo không nên chạm vào đãy thức ăn, khi qua bờ kia thì Sa-di mang trở lai".

Tỳ-kheo dùng bát mới xông đựng tô, rửa để qua hai, ba ngày mà vẫn còn mùi tô nên bạch Phật, Phật nói: "Nếu nhất tâm rửa hai, ba lần thì bát này gọi là tịnh". Lại có Tỳ-kheo dùng bát không sạch thọ bún mì, sau đó đem đổ bỏ, Phật nói không nên đổ bỏ, nên sớt qua vật sạch khác rồi ăn, phần thức ăn dính trong bát không sạch thì đổ bỏ. Lại có Tỳ-kheo dùng bát răng được buộc ràng thọ cháo chín nóng, nước cháo chảy ra từ các đường răng nứt, Tỳ-kheo liền đem đổ bỏ, Phật nói: "Không nên đổ bỏ, chỉ bỏ phần nước cháo chảy rịn ra, cháo trong bát nên ăn".

Có Tỳ-kheo bảo Sa-di cầm bát, Sa-di này để thức ăn trong bát không sạch đưa cho thầy, Tỳ-kheo không biết làm sao nên bạch Phật, Phật nói: "Nếu không có việc gấp thì không nên bảo Sa-di cầm bát, nếu đã bảo thì nên đến chỗ Sa-di thọ lại". Lại có Tỳ-kheo để thức ăn bất tịnh vào trong thức ăn tịnh, Phật nói: "Bỏ phần bất tịnh, phần tịnh còn lại nên ăn". Lại có Tỳ-kheo để thức ăn tịnh vào trong thức ăn bất tịnh, Phật nói: "Bỏ phần bất tịnh,

phần tịnh còn lại nên ăn". Lại có Tỳ-kheo để cơm bất tịnh vào trong cơm tịnh, Phật nói: "Bỏ phần bất tịnh, phần tịnh còn lại nên ăn". Lại có Tỳ-kheo để cơm tịnh vào trong cơm bất tịnh, Phật nói: "Bỏ phần bất tịnh, phần tịnh còn lại nên ăn".

Ở nước Kiều-tát-la có các Tỳ-kheo tháp tùng theo đoàn thương buôn đi ngang qua một đầm lớn, các Tỳ-kheo đến xin thức ăn, thương chủ nói: "Các thầy biết thức ăn nơi đây khó được, vì sao không tự mang theo thức ăn đi đường?", Tỳ-kheo nói: "Phật chưa cho chúng tôi mang theo thức ăn đi đường", bạch Phật, Phật nói: "Từ nay cho mang theo lương thực đi đường, đến người khác đổi lấy thức ăn tịnh rồi ăn, không đổi thì không được ăn". Lúc đó các Tỳ-kheo muốn đổi thức ăn, họ không chịu đổi và nói: "Trong thức ăn của hầy có gì không ăn được mà phải đổi thức ăn của người khác", bạch Phật, Phật nói: "Từ nay vì làm tịnh nên đưa cho họ". Lúc đó các Tỳ-kheo đưa thức ăn cho họ thì họ không trả lại, bạch Phật, Phật bảo nên theo đòi lại.

Các thương nhơn dừng lại một chỗ ngủ qua đêm, tịnh nhân làm thức ăn đựng đầy bát cho Tỳ-kheo rồi để một bên, các thương nhơn nữa đêm lên đường, Tỳ-kheo quên không tự mang theo bát thức ăn, sau đó mới sực nhớ, cho thức ăn này là bất tịnh nên đổ bỏ. Phật nói: "Không nên đổ bỏ, khi sực nhớ nên đến người khác thọ lại".

Có người Thủ la đến Tỳ-kheo xin thức ăn, nếu cho thì thiếu, không cho thì sợ người này tức giận làm bậy, đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Từ nay cho mang đồ đựng thức ăn, cất đừng cho người thấy, khi muốn ăn thì bước qua một bên lấy ra một ít thức ăn, không thọ vẫn được ăn vì đang đi qua chỗ đồng trống vắng vẻ".

Lúc đó xe chở thức ăn uống vào trong chùa sắp nghiêng đổ, người đánh xe nói với các Tỳ-kheo: "Hãy nắm giữ xe giúp tôi", các Tỳ-kheo không chịu nắm giữ xe giúp, Phật bảo: "Cho nắm giữ xe giúp để xe được ngay lại, khi xe được ngay rồi thì không được nắm giữ nữa, nếu còn nắm giữ nữa thì phạm Đột-kiết-la"

Lúc đó trên thuyết chất đầy thức ăn uống nên các Tỳ-kheo không chịu lên thuyền, Phật bảo: "Từ nay cho trải cỏ lau hay chiếu thì được ngồi trên thuyền có chở thức ăn". Khi ngồi chạm vào thức ăn, Phật nói: "Nên trải cho khắp và đừng chạm vào đồ đựng thức ăn".

Lúc đó trên lưng lạc đà, bò, lừa, voi chất đầy thức ăn bị nghiêng sắp ngã đổ, người coi giữ nói với các Tỳ-kheo: "Hãy nắm giữ giúp tôi sửa lại cho ngay", các Tỳ-kheo không chịu nắm giữ sửa giúp lại cho ngay, Phật bảo: "Cho nắm giữ sửa giúp cho ngay lại, khi được ngay rồi thì không được nắm giữ nữa, nếu còn nắm giữ nữa thì phạm Đột-kiết-la.

Sa-di và bạch y mang bình tô dầu rót vào trong bình khác, bình lung lay muốn ngã đổ, tịnh nhân nói với các Tỳ-kheo: "Hãy nắm giữ bình giúp tôi", các Tỳ-kheo không chịu nắm giữ bình giúp, Phật bảo: "Cho nắm giữ giúp cho bình được ngay lại, khi bình được ngay rồi thì không được nắm giữ nữa, nếu còn nắm giữ nữa thì phạm Đột-kiết-la".

Tỳ-kheo sai Sa-di, bạch y nấu cơm, cháo, canh; lúc đó nồi canh muốn nghiêng đổ, họ nói với các Tỳ-kheo: "Hãy nắm giữ nồi giúp tôi", các Tỳ-kheo không chịu nắm giữ nồi giúp, Phật bảo: "Cho nắm giữ giúp cho nồi được ngay lại, khi nồi được ngay rồi thì không được nắm giữ nữa, nếu còn nắm giữ nữa thì phạm Đột-kiết-la".

Có người chăn ngựa từ nước Ba-la-nại đến nước Xá-bà-đề, vì tín kính Phật nên làm nhiều món ăn mang đến cúng cho Tỳ-kheo tăng, vừa mang đến cho Tăng thì hay tin chuồng ngựa bị cháy liền nói với các Tỳ-kheo: "Các thầy cứ tự nhiên dùng, con có việc gấp phải đi ngay", nói rồi để thức ăn lại đó mà đi. Các Tỳ-kheo không biết làm sao nên bạch Phật, Phật nói: "Người có lóng tín kính mang đến cho, dù họ bỏ đi cũng nên thọ lấy ăn".

Có Tỳ-kheo khất thực về để thức ăn một bên đợi đến giờ mới ăn, bỗng một con quạ bay đến mổ lấy một miếng rồi bay đi, Tỳ-kheo liền đổ bỏ thức ăn này, Phật bảo: "Không nên đổ hết, chỉ bỏ chỗ thức ăn bị quạ mổ, thức ăn còn lại nên ăn". Lại có

Tỳ-kheo khất thực về để thức ăn một bên chờ đến giờ ăn mới ăn, bỗng có ruồi bay đến đậu trong thức ăn, Tỳ-kheo cho là đã bị phá pháp thọ, gần đến giờ ăn mà không có tịnh nhân để thọ lại, Tỳ-kheo nghi không dám ăn, Phật bảo: "Ruồi đậu không phá pháp thọ".

Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Có Tỳ-kheo xin bình nước lại lấy nhầm bình tô, dầu, bình này phá pháp tịnh, có nên bỏ hay không?", Phật nói: "Có hai trường hợp không hoại pháp tịnh: Một là không sai người phá giới cầm, hai là người trì giới quên lấy nhầm. Vì không hoại pháp tịnh nên được ăn".

Các Tỳ-kheo mang giúp đãy thức ăn cho Sa-di, giữa đường cho Sa-di ăn, Sa-di trao thức ăn cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo không thọ vì đã cùng thức ăn ngủ qua đêm. Phật nói: "Trước không cọng yếu thì được ăn, nếu đã cọng yếu thì không nên ăn".

Các Tỳ-kheo trong hạ an cư, do trong tụ lạc có nhân duyên phải xuất giới nhưng các Tỳ-kheo sợ phạm giới nên không đi, vì không đi nên việc này bị phế. Phật bảo nên thọ pháp bảy ngày xuất giới được đi. Các Tỳ-kheo thọ pháp bảy ngày xuất giới, bảy ngày chưa hết, việc cũng chưa xong liền trở về. Phật nói: "Nên thọ ngày còn dư lại, bạch rằng: Tôi thọ pháp bảy ngày, mấy ngày đã qua, còn lại mấy ngày xin thọ để xuất giới".

Phật tại Xá-bà-đề, lúc đó vua Ba-tư-nặc có vườn cây tên Ba-la-đà sạch sẽ và mát mẻ, chỉ còn thiếu một thứ là nước. Khi vua ra vườn thấy không có nước liền hỏi đại thần nguyên do, đáp là vì tìm không ra nước, vua bảo: "Nên tìm cách dẫn nước vào vườn, vườn nếu không có nước thì không thể yêu thích được". Lúc đó có một người không tín kính Phật pháp liền tâu vua: "Có một nhân duyên có thể dẫn nước đến đây", vua hỏi là duyên gì, đáp: "Nên đào một con kênh dẫn nước từ trong tinh xá Kỳ-hoàn đến nơi đây, nhưng đào kênh thì phải chặt phá rừng cây trong tinh xá Kỳ-hoàn", vua nói: "Ta muốn có nước dẫn đến đây, không biết việc khác", vua vì việc này sợ các Tỳ-kheo đến cầu xin nên bỏ đi đến nước Tang kỳ da. Lúc đó quan coi thợ dẫn thợ tới tinh xá Kỳ-hoàn muốn đào kênh, các Tỳ-kheo hỏi muốn làm gì, liền kể rõ mọi việc và nói: "Đây là ý chỉ của vua, tôi làm quan chỉ tuân theo lịnh vua không được tự do. Tôi chỉ có thể đình lại việc này trong một thời gian ngắn, các thầy tự đến cầu xin vua không đào kênh nữa". Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Nên thọ pháp bảy ngày để đi", các Tỳ-kheo thọ pháp bảy ngày đi đến chỗ vua, ở lại đã lâu mà không có người cho bạch vua, bảy ngày sắp hết, việc cũng chưa xong, các Tỳ-kheo tâm nghi nên trở về lại tinh xá Kỳ-hoàn, đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Cho thọ pháp ba mươi chín ngày để đi". Pháp thọ ba mươi

chín ngày xuất giới như sau:

Một Tỳ-kheo ở trong Tăng xướng rằng:

Đại đức tăng lắng nghe, các Tỳ-kheo tên _____ , cùng thọ pháp ba mươi chín ngày vì Tăng sự được xuất giới, ở chỗ này an cư tự tứ. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho các Tỳ-kheo , cùng thọ pháp ba mươi chín vì Tăng sự được xuất giới, ở chỗ này an cư tự tứ. Bạch như vậy. Như thế bạch nhị yết ma cho đến câu Tăng đã chấp thuận cho các Tỳ-kheo , thọ pháp ba mươi chín ngày vì Tăng sự được xuất giới, ở chỗ này an cư tự tứ xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Các Tỳ-kheo đến chỗ vua ở đã lâu vẫn không có người cho bạch vua, vào một lúc khác, vua đi ra ngoài từ xa nhìn thấy các Tỳ-kheo liền hỏi đại thần: "Đến hỏi Sa-môn Thích tử đến đây có việc gì?", đại thần liền đến hỏi, các Tỳ-kheo đáp là muốn gặp vua, vua nghe rồi liền cho gặp, sau khi cùng nhau thăm hỏi rồi, vua quên việc trước kia nên hỏi các Tỳ-kheo đến có việc gì, các Tỳ-kheo liền đem việc trên bạch vua, vua liền bảo: "Vậy thì không nên đào kênh nữa", quan coi việc đào kênh liền không cho đào nữa.

Lục quần Tỳ-kheo cất chứa năm loại da: da sư tử, da cọp, da báo, da rái cá và da hồ ly; các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật nói: "Có năm loại da không

nên chứa, đó là da Sư tử, da hổ, da báo, da rái cá và năm là da chồn; lại có năm loại da không nên chứa, đó là da voi, da ngựa, da chó, da dã can và năm là da nai đen. Nếu cất chứa thì phạm Đột-kiết-la ".

Vua A-xà-thế nhìn thấy chiếc giường lớn, đẹp của vua cha liền hối hận và đau buồn, nghĩ rằng: "Vì những vật này mà cha ta vốn là người thanh tịnh, không có lỗi lại chết oan uổng", vua liền bảo người hầu mang chiếc giường đi. Người hầu mang giường bỏ ngoài chỗ đất trống, vua đi ra nhìn thấy liền bảo đem bỏ đi, họ lại dời giường đem bỏ ở ngoài cung điện; vua đi ra lại nhìn thấy và lại bảo đem bỏ đi, họ lại dời giường đem bỏ bên trong cửa cung điện; vua cũng lại nhìn thấy và hỏi tại sao không đem bỏ, người hầu nói: "Thần không biết đem bỏ nơi đâu", vua bảo: "Mang đến thí cho Tăng trong Trúc viên". Người hầu liền mang giường đến trong Trúc viên, Tăng để giường ngoài chỗ đất trống ở trước giảng đường. Các quan viên đến Trúc viên nhìn thấy giường liền nói: "Giường tốt đẹp như thế sao lại đem bỏ ở đây, nếu vua biết tâm sẽ không tịnh", các Tỳ-kheo không biết làm sao nên bạch Phật, Phật nói: "Từ nay giường cao lớn đẹp của bạch y, Tỳ-kheo không nên cất chứa để ngồi nằm; nếu có người bố thí giường cao lớn đẹp được nhận và cất giữ nhưng không được ngồi nằm". Mẹ vua Ba-tư-nặc mất, tất cả vật dụng của bà dùng lúc

còn sống đều mang đến bố thí cho Tăng trong tinh xá Kỳ-hoàn, gồm có nệm và vải trải nệm thuộc loại quý giá của nước A-nga-la-di, y Thi-ma-căn của nước Bà-ta-a-bà-đa-lan… Các Tỳ-kheo đem vải và nệm quý giá này bỏ ở chỗ kinh hành, các quan viên đến Trúc viên nhìn thấy liền nói: "Những vật quý giá như thế sao lại bỏ dưới đất giẫm đạp, nếu vua nghe biết tâm sẽ không vui", các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật nói: "Xem trong số vải và nệm quý giá này, cái nào có thể làm ngọa cụ được thì làm ngọa cụ, cái nào làm y được thì làm y, làm được cái gì thì tùy ý làm. Nệm và vải trải nệm thuộc loại quý giá của nước A-nga-la-di, y Thi-ma-căn của nước Bà-ta-a-bà-đa-lan… thì đem dùng làm ngọa cụ cho Tăng bốn phương".

Có một lần trời sấm sét lớn khiến cho các loài chim sợ hãi nên chết rất nhiều, các cư sĩ lượm lấy những chim tốt mang đi và chừa lại các loại chim quạ, chim thứu, chim kiêu, chim Diên a la… Lúc đó các Tỳ-kheo trước giờ ngọ đắp y mang bát vào thành khất thực thấy các loại chim chết này không có ai lượm lấy liền nói với nhau: "Thầy mang những con chim này về nấu, còn tôi đi khất thực trở về chúng ta cùng ăn". Tỳ-kheo mang những chim chết này về nấu, các Tỳ-kheo khác thấy liền hỏi nấu thịt gì, đáp là thịt quạ; lại hỏi: "Thịt kia là thịt gì?", đáp là thịt chim thứu, chim kiêu…; các Tỳ-kheo đủ lời quở trách rồi đem việc này bạch

Phật, Phật nói: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại ăn thịt các loại chim như thế, từ nay thịt quạ không được ăn, nếu ăn thì phạm Đột-kiết-la. Tất cả thịt của các loài chim ăn xác chết như chim Thứu, chim Kiêu… đều không được ăn, nếu ăn thì phạm Đột-kiết-la ".

Các Tỳ-kheo sau giờ ăn, đến bên bờ sông A-kỳ-la kinh hành thì thấy xác một con báo nổi trên mặt nước, Tỳ-kheo này nói với Tỳ-kheo khác: "Vớt con báo đem về ngày mai nấu ăn". Ngày mai thấy có người đang nấu thịt, các Tỳ-kheo hỏi nấu thịt gì, đáp là thịt báo, các Tỳ-kheo đủ lời quở trách rồi đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại ăn thịt báo, thịt báo và thịt chó đâu có khác gì. Từ nay không được ăn thịt báo, nếu ăn thì phạm Đột-kiết-la".

Có người đem bỏ xác con La trong hào thành, các Tỳ-kheo trước giờ ngọ đắp y mang bát vào thành khất thực thấy xác con La trong hào thành liền nói nhau: "Thầy mang xác con la này về nấu, tôi khất thực trở về, chúng ta cùng ăn". Tỳ-kheo này mang về nấu, các Tỳ-kheo hỏi nấu thịt gì, đáp là thịt La, các Tỳ-kheo đủ lời quở trách rồi bạch Phật, Phật nói: "La và Ngựa đâu có khác gì, từ nay không được ăn thịt la, nếu ăn thì phạm Đột-kiết-la ".

Sau giờ ăn, các Tỳ-kheo vào trong rừng An-đà kinh hành thấy một con khỉ chết, Tỳ-kheo này nói với Tỳ-kheo khác: "Đem xác con khỉ này về ngày

mai nấu ăn". Ngày mai thấy có người đang nấu thịt, các Tỳ-kheo hỏi nấu thịt gì, đáp là thịt khỉ, các Tỳ-kheo đủ lời quở trách rồi đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Tại sao gọi là Tỳ-kheo lại ăn thịt khỉ, thịt khỉ và thịt người đâu có khác gì. Tứ nay không được ăn thịt khỉ, nếu ăn thì phạm Đột-kiết-la".

PHẨM NHÂN DUYÊN

Phật tại nước Ca-tỳ-la vệ, các thích tử quý tộc xuất gia mắc bịnh mãi, sáng sớm đến nhà bà con, đàn việt quen biết, họ thăm hỏi có an lạc không, đáp là không an, liền hỏi bị bịnh gì, đáp là bịnh như vậy như vậy, lại hỏi: "Khi còn bạch y, bịnh này chữa trị như thế nào?", đáp: "Để thuốc trong lớp da bò rồi nhỏ", họ nói: "Tôi sẽ cho thuốc này để thầy chữa trị", đáp: "Phật chưa cho tôi được dùng loại thuốc nhỏ như vậy", bạch Phật, Phật nói: "Cho được dùng loại thuốc nhỏ này". Lúc đó dùng lớp da mỏng để thuốc vào nhỏ không được, Phật nói: "Cho dùng lớp da dày, nên ở chỗ khuất nhỏ thuốc; cho thầy thuốc chỉ cho người thân cách nhỏ thuốc".

Các thích tử quý tộc xuất gia mắc bịnh mãi, sáng sớm đến nhà bà con, đàn việt quen biết, họ thăm hỏi có an lạc không, đáp là không an, liền hỏi bị bịnh gì, đáp là bịnh như vậy như vậy, lại hỏi:

"Khi còn bạch y, bịnh này chữa trị như thế nào?", đáp là dùng dao chữa trị, họ nói: "Tôi đưa dao cho thầy chữa trị", đáp: "Phật chưa cho dùng dao chữa trị", liền bạch Phật, Phật bảo nên dùng cọng sen để cắt, cắt không được, Phật nói: "Cho dùng dao bằng vàng, bạc… để cắt", vẫn không cắt được, Phật nói: "Cho ở chỗ khuất dùng dao sắt cắt".

Có Tỳ-kheo bịnh nói với người khán bịnh: "Hãy đem sanh tô, thục tô, dầu, mật, đường phèn đến", người khán bịnh nói: "Không có, nếu có là vật của Tăng, bất tịnh, cất cách đêm, phạm ác tróc, không thọ và nội túc", liền bạch Phật, Phật nói: "Nếu người bịnh dùng những vật trên mà được lành bịnh thì cho dùng".

Trưởng lão Tất-lân-già-bà-ta bị bịnh mắt, thầy thuốc bảo dùng thuốc La-tán thiền thoa lên mắt, trưởng lão nói: "Phật chưa cho dùng thuốc này", liền nói với các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật nói: "Từ nay nếu bị bịnh mắt thì được dùng thuốc La-tán thiền thoa lên mắt để trị". Trưởng lão này đựng La-tán thiền đầy trong các bát lớn, bát nhỏ, bình sứ lớn, bình sứ nhỏ… khi lấy dùng làm thuốc chảy lan dơ vách tường và ngọa cụ khiến trong phòng hôi dơ. Phật bảo nên đựng trong cái hộp, do hộp không có nắp đậy nên bụi đất bay vào bám trong thuốc, khi thoa lên mắt lại làm cho mắt đau thêm, Phật bảo nên làm nắp đậy. Làm nắp đậy thuốc vẫn chảy ra ngoài, Phật bảo nên làm miệng

hộp nhỏ lại. Lúc đó các Tỳ-kheo dùng đuôi lông chim Khổng tước chấm thuốc để thoa lên mắt khiến mắt càng đau thêm, Phật bảo nên dùng thìa. Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật nên dùng vật gì làm thìa, Phật bảo nên dùng sắt, đồng, vỏ sò, ngà voi, sừng hoặc gốm sứ để làm thìa.

Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Vua Bà-la-môn A-kỳ-đạt làm tám món cháo: Cháo tô, cháo hồ ma, cháo dầu, cháo sữa, cháo đậu nhỏ, cháo đầu ma sa, cháo lỏng… Nếu dùng loại dược từ củ, thân cành, lá, hoa và quả để nấu cháo thì có được dùng không?", Phật nói: "Tỳ-kheo bịnh thì được dùng, nếu không bịnh thì không được dùng".

Phật tại nước Tô-ma, lúc đó đệ tử của trưởng lão A-na-luật bị bịnh, uống thuốc vào thì bụng quặn đau, Phật bảo: "Nên cho uống nước gạo rang", uống rồi bụng vẫn đau, Phật bảo: "Nên cho uống nước măng tre", uống rồi vẫn còn đau, Phật nói: "Nên dùng túi đựng cháo vắt lấy nước cho uống", uống rồi vẫn còn đau, Phật nói: "Dẫn đến chỗ khuất cho ăn cháo".

Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Phật cho Phạm chí búi tóc Kê-ni-da bố thí tám loại nước trái cây: Nước trái Châu-lê, nước trái Mâu-lê, nước trái Câu-lầu, nước trái Xá-lầu, nước trái Thuyết-ba-đa, nước trái Phả-lưu-sa, nước trái lê, nước trái Bồ-đào. Nếu dùng năm loại thuốc thang (thuốc sắc) từ củ, hoặc từ thân, cành, cọng hoặc từ lá, từ hoa và

từ quả hòa hợp thì có được uống hay không?", Phật nói: "Nếu không có mùi rượu, không có thức ăn xen tạp, trong mà không đục thì được uống".

Phật tại Xá-bà-đề, lúc đó các cư sĩ ở nước Kiều-tát-la nơi giữa đường chỗ không có nước lo liệu nước và đường phèn để bố thí. Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo từ nước Kiều-tát-la du hành đến nước Xá-bà-đề, đến chỗ bố thí nước và đường phèn này thọ bố thì, nhưng chỉ ăn đường phèn mà không uống nước. Cư sĩ hỏi vì sao không uống nước, đáp: "Chỉ thích ăn đường phèn, không thích uống nước", cư sĩ nói: "Tôi vì nước uống nên bố thí đường phèn, vì sao các thầy chỉ ăn đường phèn mà không uống nước", đáp như trên. Vì Lục quần Tỳ-kheo có thế lực lớn lại không sợ phá giới nên các cư sĩ không thể trước mặt nói đôi co, sau khi Lục quần Tỳ-kheo đi rồi mới tức giận quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại chỉ ăn đường phèn mà không uống nước". Các Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe việc này liền bạch Phật, Phật nói: "Từ nay Có năm thời cho ăn đường phèn mà không uống nước, đó là đi xa đến, bịnh, ăn ít, không được thức ăn và năm là ở chỗ bố thí nước. Từ nay nếu không uống nước thì không được ăn đường phèn, nếu ăn phạm Đột-kiết-la". Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Nước đường phèn để cách đêm có được uống không?", Phật nói: "Tỳ-kheo bịnh thì được dùng, nếu không bịnh thì không được

dùng".

Tỳ-kheo nếu được hai nơi thỉnh thực thì nên cho Tỳ-kheo khác một nơi, Tỳ-kheo kia nên hỏi: "Thầy cho phải không?", đáp là tôi cho, lại hỏi khi nào cho, đáp: "Khi vua Bình-sa thỉnh Phật và Tăng cúng dường tứ sự mừng thọ một trăm tuổi thì tôi cho". Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Tỳ-kheo có hai loại thỉnh: Một là hôm nay thỉnh, hai là khiến thỉnh. Nếu trong một ngày có hai nơi thỉnh thì nên nhường cho người khác một nơi, một nơi tự thọ; khiến thỉnh có hai là tùy thọ tịnh và tùy thọ bất tịnh. Sao gọi là tùy thọ tịnh?: Tức là năm loại thức ăn Khư-đà-ni, năm loại thức ăn Bồ-xà-ni và năm loại thức ăn tương tợ. Năm loại thức ăn Khư-đà-ni là: Thức ăn từ củ, cọng, lá, từ xay giã và từ trái; năm loại thức ăn Bồ-xà-ni là: cơm, bún, mì, cá và thịt. Năm loại thức ăn tương tợ là cháo, xôi nếp, bắp, tú tử, ca sư. Sao gọi là tùy thọ bất tịnh?: Tức là năm loại bảo vật gồm có vàng, bạc, ma ni, pha lê, lưu ly và năm loại tợ bảo vật gồm có sắt, đồng đỏ, thủy tinh, chì thiếc, bạch lạp. Nếu vật là tịnh thì được thọ ngay, nếu vật là bất tịnh thì tác tịnh rồi mới thọ".

Các Tỳ-kheo ở nước A-la-tỳ thường theo cư sĩ mượn khí cụ làm việc như búa, rìu, cưa…; các cư sĩ nói: "Chúng tôi làm sao có thể cho các thầy mượn hoài được, sao các thầy không tự cất chứa khí cụ", Tỳ-kheo nói: "Phật chưa cho chúng tôi cất

chứa khí cụ", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cho cất chứa khi cụ".

Có cư sĩ làm phòng xá trong tinh xá Kỳ-hoàn, có Tỳ-kheo khách ngủ đêm trong phòng này thấy thiếu đồ cúng dường nên hỏi ai đã làm phòng này, đáp là cư sĩ tên . Sáng hôm sau Tỳ-kheo khách này đắp y mang bát đến nhà cư sĩ này hỏi: "Trong phòng xá mà ông đã làm thiếu đồ cúng dường", cư sĩ nói: "Trước đây tôi đã cúng rất nhiều", Tỳ-kheo khách nói: "Tôi ngủ đêm trong phòng này thấy thiếu đồ cúng dường", cư sĩ này nói: "Thầy cùng tôi đến chỗ Tỳ-kheo coi việc làm phòng xá trước kia". Đến nơi cư sĩ liền hỏi: "Tôi vốn đã đưa cho trưởng lão đồ cúng dường trong phòng mà tôi đã làm, nay chúng đâu hết rồi?", Tỳ-kheo này nói: "Tỳ-kheo ở phòng khác đã lấy mang đi dùng hết rồi", cư sĩ nói: "Tôi không đưa cho Tỳ-kheo ở phòng khác dùng, chỉ muốn để cho Tỳ-kheo ở trong phòng mà tôi đã làm được dùng. Trong phòng mà tôi đã làm thì trống không, đồ cúng dường lại mang đi đến phòng khác, các thầy không được làm như vậy". Tỳ-kheo này không biết làm sao liền bạch Phật, Phật nói: "Từ nay đàn việt cho đồ cúng dường trong phòng nào thì Tỳ-kheo ở trong phòng đó được dùng".

Nước Xá-bà-đề có một người bị người khác giết rồi đem bỏ xác nơi chỗ đất trống bên hào của

tinh xá Kỳ-hoàn, một Tỳ-kheo tìm y phấn tảo đi đến thấy xác chết này bèn lấy y mang đi. Bà con của người chết đi tìm, khi đến tinh xá Kỳ-hoàn gặp Tỳ-kheo này liền hỏi có thấy một người như vậy như vậy không, Tỳ-kheo này đáp: "Người ấy chết nằm bên hào của tinh xá Kỳ-hoàn, tôi vừa lấy y ở bên người chết đó", người bà con này nói: "Thầy dẫn tôi đến đó", Tỳ-kheo liền dẫn đến chỗ người chết, người bà con vừa nhìn thấy người chết liền kêu lên: "Tại sao thầy có thể vì lấy y mà giết chết người thân của tôi", Tỳ-kheo nói là không có giết, người bà con này suy nghĩ: "Nếu nói lời nhỏ nhẹ, Tỳ-kheo này sẽ không nói thật, ta nên dẫn tới quan", nghĩ rồi liền dẫn Tỳ-kheo tới quan xử đoán, quan hỏi Tỳ-kheo có giết người không, Tỳ-kheo đáp: "Tôi là Tỳ-kheo làm sao có thể giết người". Vị quan này tín kính Phật pháp, biết Sa-môn Thích tử không có giết người nên thả Tỳ-kheo này đi và nói: "Sau này gặp trường hợp như thế, Tỳ-kheo không hỏi người khác thì đừng có vật của người chết". Tỳ-kheo này thoát nạn liền đem việc này kể cho các Tỳ-kheo nghe, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Từ nay không hỏi người khác thì không nên lấy y vật của người chết, nếu lấy thì phạm Đột-kiết-la".

Các Tỳ-kheo lấy y của người chết trên đất có chủ, các Chiên-đà-la thấy nói: "Trưởng lão không được lấy, đó là vật đóng thuế của chúng tôi", các

Tỳ-kheo không biết làm sao liền bạch Phật, Phật nói: "Từ nay Tỳ-kheo không nên lấy y của người chết trên đất có chủ, nếu lấy thì phạm tội". Lại có các Tỳ-kheo lượm y ở bên ngoài chỗ đất có chủ, các Chiên-đà-la cũng ngăn không cho lấy, Tỳ-kheo bạch Phật, Phật nói: "Nếu ngăn không cho lấy thì đừng lấy, nếu lấy thì phạm Đột-kiết-la". Nước Xá-bà-đề có nạn dịch, nhiều người chết vì bịnh dịch; các Tỳ-kheo lấy củi ở chỗ thiêu người mang về trong nhà ấm để đốt, khi đốt củi này quỷ hiện đến khiến cho tất cả tăng đều mắc bịnh khổ. Tỳ-kheo bạch Phật, Phật nói: "Từ nay không nên lấy củi nơi chỗ thiêu người chết, nấu lấy thì phạm Đột-kiết-la".

Các Tỳ-kheo lấy lông chiên, kiếp bối, bạch điệp trong miếu thờ trời, người giữ miếu nói: "Không được lấy, y vật này thuộc về miếu", Tỳ-kheo nói: "Trời bằng đất, bằng gỗ thì dùng y vật này làm gì?", người giữ miếu nói: "Nếu vậy, tôi cũng sẽ lấy y vật trong tháp Phật, tháp A-la-hán". Tỳ-kheo bạch Phật, Phật nói: "Từ nay lông chiên, kiếp bôi, bạch điệp trong miếu thờ trời không được lấy, nếu lấy thì phạm Đột-kiết-la". Có Tỳ-kheo bịnh có nhiều y vật, người khán bịnh nói với Tỳ-kheo bịnh: "Thầy bịnh đã lâu không lành, sau khi thầy chết, hiện tiền Tăng sẽ chia, thầy cũng không được phước lớn cũng không được ân phần. Nay thầy nên giao hết y vật cho tôi hoặc cho tôi sáu vật,

hoặc cho Tăng sáu vật, những vật khác cho tôi", Tỳ-kheo bịnh suy nghĩ: "Nếu không cho thì người này sẽ không chăm sóc tốt cho ta", nghĩ rồi liền đưa cho Tăng sáu vật, những vật khác đưa cho người khán bịnh. Sau đó bịnh được lành, lúc đó là vào tháng cuối của mùa hạ, Phật và Tăng du hành các nước, các Tỳ-kheo khác đều đắp y mới nhuộm, chỉ riêng có Tỳ-kheo này đắp y cũ rách, Phật hỏi nguyên do, Tỳ-kheo này đem việc trên bạch Phật, Phật đủ lời quở trách Tỳ-kheo này: "sáu vật không nên đem cho Tăng, cũng không nên đem cho người khác", quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay sáu vật không được tự mình đem cho, không được bảo cho; nếu tự đem cho hay bảo người đem cho thì đều phạm Đột-kiết-la".

Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Nếu phòng xá trong Tăng phường hư hoại, trong đó có đồ trải và đồ lợp, có được đem đổi để tu sửa phòng xá hay không?", Phật nói là được, lại hỏi: "Nếu trong Tăng phường có hai phòng xá bị hư hoại, có được bán một phòng để tu sửa một phòng hay không?", Phật nói là được. Nước Kiều-tát-la có một tụ lạc ở vùng biên, nơi đó có giặc nên các cư sĩ bỏ tụ lạc mà đi, Tỳ-kheo khất thực khó được cũng bỏ vật tháp và vật Tăng, mang y bát của mình mà đi. Thời gian sau giặc bỏ đi, được yên bình trở lại, các cư sĩ lại trở về chốn cũ, các Tỳ-kheo lại vì vật tháp và vật Tăng mà đến cư sĩ xin tài vật, các cư sĩ hỏi: "Vật

của tháp của tăng trước kia nay đâu hết rồi?", đáp là đã mất hết trong thời có giặc, các cư sĩ nói: "Nhưng y bát của thầy vẫn còn phải không?", đáp là tôi mang tùy thân, các cư sĩ nói: "Thầy ái hộ y bát của mình chứ không ái hộ vật của tháp của tăng". Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Nếu thời thế có giặc sợ hãi thì nên mang đi theo, sau đó yên bình đem trả lại chỗ cũ". Lúc đó thời thế lại có giặc, các Tỳ-kheo mang y bát của mình và vật tháp vật tăng đi, giữa đường gặp Lục quần Tỳ-kheo nói: "Ngọa cụ của tăng chúng tôi lấy dùng", Tỳ-kheo này không cho nên hai bên tranh cãi nhau, bạch Phật, Phật nói: "Người mang đi thì được dùng, người khác không được đòi". Lúc đó các Tỳ-kheo mang vật tháp vật tăng để ở chỗ đất trống rồi đi khất thực, trở về thấy các vật ấy bị lấy mất, bạch Phật, Phật nói: "Đi khất thực cũng nên mang theo". Khất thực cũng mang theo thì lại bất tiện, Phật bảo: "Khi đi khất thực nên bỏ các vật ấy vào trong đãy y". Lúc đó Tỳ-kheo mang vật tháp vật tăng để ở chỗ đất trống rồi đi vệ sinh, trở ra thì thấy mất hết, bạch Phật, Phật nói: "Giữ vật này muốn không mất thì nên gởi cho người hoặc cất giấu ở chỗ khuất".

Ở nước Kiều-tát-la có một trú xứ, đàn việt thí y cho Tỳ-kheo tăng, nhưng nơi đây không có Tỳ-kheo tăng, Phật nói: "Hiện tiền nếu có ba hoặc hai Tỳ-kheo nên chia, nếu có một Tỳ-kheo thì nên tâm

niệm miệng nói mà thọ. Sa-di có ba hoặc hai cũng nên chia; nếu có một cũng nên tâm niệm miệng nói mà thọ". Lại có một trú xứ, đàn việt thí y cho Tỳ-kheo-ni tăng, nhưng nơi đây không có Tỳ-kheo-ni tăng, Phật nói: "Hiện tiền nếu có ba hoặc hai Tỳ-kheo-ni nên chia, nếu có một Tỳ-kheo-ni thì nên tâm niệm miệng nói mà thọ. Thức-xoa-ma-na có ba, hai cũng nên chia; nếu có một cũng nên tâm niệm miệng nói mà thọ. Sa-di-ni có ba hoặc hai cũng nên chia; nếu có một cũng nên tâm niệm miệng nói mà thọ". Lại có một trú xứ, đàn việt thí y vật cho Tỳ-kheo tăng, nhưng nơi đây không có Tỳ-kheo tăng, Phật nói: "Hiện tiền nếu có ba hoặc hai Tỳ-kheo nên chia, nếu có một Tỳ-kheo thì nên tâm niệm miệng nói mà thọ. Sa-di có ba hoặc hai cũng nên chia; nếu có một cũng nên tâm niệm miệng nói mà thọ. Nếu nơi đó không có Tỳ-kheo cũng không có Sa-di thì Tỳ-kheo-ni tăng nên thọ rồi chia; nếu không có Tỳ-kheo-ni tăng, hiện tiền nếu có ba hoặc hai Tỳ-kheo-ni nên chia, nếu có một Tỳ-kheo-ni thì nên tâm niệm miệng nói mà thọ. Thức-xoa-ma-na có ba, hai cũng nên chia; nếu có một cũng nên tâm niệm miệng nói mà thọ. Sa-di-ni có ba hoặc hai cũng nên chia; nếu có một cũng nên tâm niệm miệng nói mà thọ". Lại có trú xứ, đàn việt thí y vật cho Tỳ-kheo-ni tăng, nơi đây không có Tỳ-kheo-ni tăng, Phật nói: "Hiện tiền nếu có ba hoặc hai Tỳ-kheo-ni nên chia, nếu có một

Tỳ-kheo-ni thì nên tâm niệm miệng nói mà thọ. Thức-xoa-ma-na có ba, hai cũng nên chia; nếu có một cũng nên tâm niệm miệng nói mà thọ. Sa-di-ni có ba hoặc hai cũng nên chia; nếu có một cũng nên tâm niệm miệng nói mà thọ. Nếu tất cả đều không có thì Tỳ-kheo tăng nên chia, cho đến Sa-di nên chia cũng giống như vậy". Lại có một trú xứ, đàn việt thí y cho hai bộ tăng, nhưng nơi đây không có Tỳ-kheo tăng, Phật nói Tỳ-kheo-ni tăng nên chia, nếu Tỳ-kheo-ni tăng cũng không có thì hiện tiền nếu có ba hoặc hai Tỳ-kheo nên chia, nếu có một Tỳ-kheo thì nên tâm niệm miệng nói mà thọ; hiện tiền nếu có ba, hai Tỳ-kheo-ni nên chia; hoặc có ba, hai Thức-xoa-ma-na nên chia; Sa-di có ba hoặc hai cũng nên chia; nếu có một cũng nên tâm niệm miệng nói mà thọ; hoặc có ba, hai Sa-di-ni cũng nên chia, nếu có một thì cũng tâm niệm miệng nói mà thọ.

Phật tại Xá-bà-đề, lúc đó có cư sĩ thỉnh Phật và Tăng vào ngày mai thọ thực, Phật im lặng nhận lời, cư sĩ biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Về đến nhà ngay trong đêm đó lo sửa soạn đủ các món ăn ngon, sáng sớm trải tòa rồi sai sứ đến bạch Phật: "Đã đến giờ thọ thực, xin Phật tự biết thời". Chúng tăng đắp y mang bát đến nhà cư sĩ, Phật ở trong tinh xá chờ thị giả mang phần thức ăn về, cư sĩ thấy Tăng đã ngồi xong liền dâng thức ăn ngon cho các Thượng tòa và trung

tòa; còn Hạ tòa và Sa-di thì cho cơm loại gạo tẻ sáu mươi ngày và món cạn hồ ma nấu với rau. Tăng ăn xong liền lấy chiếc ghế ngồi trước Thượng tòa nghe thuyết pháp, Thượng tòa Xá-lợi-phất thuyết pháp xong liền đứng dậy cùng Tăng ra về. Sa-di La-hầu la về đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi ngồi một bên, thường pháp của Phật là khi Tỳ-kheo thọ thực xong trở về, Phật liền thăm hỏi ăn uống có no đủ không. Lúc đó Phật hỏi La-hầu la ăn uống có no đủ không, La-hầu la đáp: "Có người được no đủ, có người không được no đủ", Phật hỏi: "Tại sao nói lời này", La-hầu-la nói: "Cư sĩ dâng thức ăn ngon cho các Thượng tòa và trung tòa nên Thượng trung tòa no đủ; còn Hạ tòa và Sa-di thì cho cơm loại gạo tẻ sáu mươi ngày và món cạn hồ ma nấu với rau nên Hạ tòa và Sa-di không no đủ", La-hầu la liền nói kệ:

"Ăn dầu mè có được khí lực, Người ăn Tô càng được tịnh sắc, Cặn mè với rau không có sức,

Phật thiên trung thiên nên tự biết".

Phật hỏi La-hầu la: "Trong Tăng ai là Thượng tòa?", đáp là trưởng lão Xá-lợi-phất, Phật nói: "Tỳ-kheo Xá-lợi-phất ăn thức ăn bất tịnh". Lúc đó trưởng lão Xá-lợi-phất nghe biết Phật quở trách lời này liền nôn ra hết thức ăn vừa mới ăn, từ đó về sau cho đến trọn đời không thọ thỉnh thực và Tăng bố thí mà thọ pháp khất thực. Các cư sĩ quý trọng trưởng lão Xá-lợi-phất làm thức ăn cúng Tăng,

muốn được trưởng lão Xá-lợi- phất đến nhà nên bạch Phật: "Cúi xin Phật bảo trưởng lão Xá-lợi-phất thọ thỉnh thực trở lại", Phật nói: "Các vị không thể cầu mong trưởng lão Xá-lợi-phất thọ thỉnh thực trở lại, vì sao, vì tánh của Xá-lợi-phất nếu thọ thì nhất định sẽ thọ, nếu bỏ thì nhất định bỏ. Xá-lợi-phất không phải chỉ đời này có tánh ấy mà trong quá khứ cũng như vậy, nếu thọ thì nhất định thọ, nếu bỏ thì nhất định bỏ. Các vị lắng nghe ta nói nhân duyên bổn sanh:

Quá khứ có một quốc vương bị rắn độc cắn, một thầy thuốc có thể trị được rắn độc, làm chú Xà-già-la bắt rắn độc đến trước một lò lửa nói với rắn độc rằng: "Ngươi thà vào lò lửa này hay là nuốt nọc độc trở lại", rắn độc suy nghĩ: "Phóng nọc độc ra rồi làm sao nuốt trở lại, ta thà vào trong lửa chết", nghĩ rồi liền lao vào lửa mà chết.

Phật bảo các cư sĩ: "Con rắn độc xưa kia, nay chính là trưởng lão Xá-lợi-phất, xưa kia cũng đã nếu thọ thì nhất định thọ, nếu bỏ thì nhất định bỏ". Lúc đó Phật đủ lời quở trách Xá-lợi-phất rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay nên hành pháp Thượng tòa trong Tăng, nên hành như sau: Khi Tăng xướng thời đáo hoặc đánh kiền chùy nên mau đến chỗ ngồi, nên nhìn ngó thượng, trung, hạ tòa ngồi có như pháp không, có mất thứ lớp không. Nếu có ai ngồi không như pháp, không theo thứ lớp thì Thượng tòa nên chỉ bảo, nên hiện tướng cho biết,

nếu không biết thì khảy móng tay, nếu khảy móng tay mà cũng không biết thì nên nói với người ngồi gần bên, nên nói lời dịu dàng. Khi thí chủ cúng thức ăn cho Tăng, Thượng tòa nên bảo sớt thức ăn bình đẳng, phải đợi xướng Tăng bạt và tất cả Tăng phải thuận theo Thượng tòa".

Phật tại thành Vương xá, trong thành có một cư sĩ tên là Thi-lợi-cừu-đa có oai đức lớn và nhà rất giàu có, là đệ tử của Bà-la-môn ngoại đạo. Người nay nghi không biết Sa-môn Cù-đàm có phải là Nhất thiết trí hay không, liền đến chỗ Phật thăm hỏi rồi ngồi một bên, Phật tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho cư sĩ điều nên làm và điều không nên làm khiến được lợi hỉ rồi liền im lặng. Thi-lợi-cừu-đa nghe pháp rồi chắp tay bạch Phật: "Cúi xin Sa-môn Cù-đàm ngày mai đến nhà con thọ thực", Phật vì thương xót và vì người này đáng độ nên Phật im lặng nhận lời. Thi-lợi-cừu-đa biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ hữu nhiều rồi ra về, đến nhà liền cho làm một hầm lửa lớn bên ngoài cửa lớn, làm cho lửa này không có khói cũng không có lửa ngọn rồi phủ cát lên, nghĩ rằng: "Nếu Sa-môn Cù-đàm là Nhất thiết trí thì sẽ biết được việc này, nếu không phải là Nhất thiết trí thì Sa-môn Cù-đàm cùng các đệ tử sẽ rơi xuống hầm lửa này"; kế đó vào nhà trải tấm bạch điệp lên trên giường không có dệt, nghĩ rằng: "Nếu Sa-môn Cù-đàm là Nhất thiết trí thì sẽ biết được việc này, nếu không phải là Nhất thiết trí

thì Sa-môn Cù-đàm cùng các đệ tử sẽ té xuống đây"; kế dùng thuốc độc hòa trong thức ăn thức uống, nghĩ rằng: "Nếu Sa-môn Cù-đàm là Nhất thiết trí thì sẽ biết được việc này, nếu không phải là Nhất thiết trí thì Sa-môn Cù-đàm cùng các đệ tử sẽ trúng độc mà chết". Sáng sớm hôm sau liền sai sứ đến bạch Phật đã đến giờ, Phật bảo A-nan đi thông báo cho chúng tăng rằng: Tất cả Tăng không được đi trước Phật, tất cả nên đi sau Phật; A-nan vâng lời Phật dạy đi thông báo cho Tăng biết. Lúc đó Phật đi trước, chúng tăng đi sau, khi sắp bước vào nhà, Phật biến hầm lửa bên ngoài cửa thành ao hoa sen đủ loại đủ màu sắc, nước đầy trong ao; Phật và chúng tăng đi trên cánh hoa sen lớn để vào trong nhà. Phật nói với Thi-lợi-cừu-đa: "Cư sĩ hãy bỏ tâm nghi ngờ, ta thật là bậc Nhất thiết trí", nói rồi đến ngồi trên giường không dệt, giường biến thành có dệt, Phật nói với Thi-lợi-cừu-đa: "Cư sĩ hãy bỏ tâm nghi ngờ, ta thật là bậc Nhất thiết trí". Thi-lợi-cừu-đa thấy thần lực của Phật rồi liền sanh tín tâm cung kính tôn trọng, vui vẻ bạch Phật: "Trong thức ăn này có độc, cúi xin Phật đợi một lát để con cho làm lại thức ăn khác", Phật bảo: "Cư sĩ cứ thí thức ăn này", nói rồi Phật bảo A-nan: "Thầy bảo chúng tăng chưa xướng Đẳng cúng thì không được ăn", A-nan liền thông báo cho Tăng: "Đại đức tăng nghe, Phật dạy chưa xướng Đẳng cúng thì không được ăn". Lúc đó Phật chú nguyện: "Dâm,

nộ si là ba độc của thế gian, Phật có thật pháp diệt trừ được tất cả độc, Phật là thật ngữ nên tất cả độc đều được giải trừ", Phật chú nguyện rồi, thức ăn liền biến thành không có độc. Thi-lợi-cừu-đa tự tay dâng thức ăn cho Phật và Tăng, khiến tất cả đều được no đủ rồi lấy một chiếc ghế nhỏ ngồi trước Phật muốn nghe pháp, Phật tùy thuận thuyết pháp vi diệu khiến cho Thi-lợi-cừu-đa ngay nơi chỗ ngồi được pháp nhãn thanh tịnh vô cấu. Sau khi thấy pháp, biết pháp, được tịnh pháp, vượt khỏi nghi hối, bất tín, không từ nơi người khác mà ở trong đạo quả được vô sở úy. Thi-lợi-cừu-đa đảnh lễ rồi bạch Phật: "Từ nay con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, thọ trì năm giới làm Ưu-bà-tắc", Phật lại thuyết giảng chỉ dạy cho được lợi hỉ rồi đứng dậy cùng chúng tăng ra về. Về đến tinh xá, Phật do nhân duyên này nhóm họp Tỳ-kheo tăng rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay không được đi trước Phật, không được đi trước Hòa thượng, A-xà-lê và tất cả Thượng tòa; từ nay chưa xướng Đẳng cúng thì không được ăn, nếu ăn thì phạm Đột-kiết-la".

Có một trú xứ ở nước Kiều-tát-la, hai bộ Tăng được cúng y vật. Lúc đó Tỳ-kheo đông, Tỳ-kheo-ni ít nên Tỳ-kheo nói: "Chúng tôi lấy hai phần, các cô lấy một phần", Tỳ-kheo-ni không chịu, đòi chia hai, các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật nói: "Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni chia bằng nhau; Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni nên chia cho phần thứ tư trong bốn

phần".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó có cư sĩ tên Bà-đề làm phòng xá cúng cho Phật và Tăng, trang hoàng rất đẹp và sửa soạn rất nhiều thức ăn cúng dường cho tất cả Tỳ-kheo tăng một ngàn hai trăm năm mươi vị. Lại có cư sĩ cúng y vật cho Tăng và nói: "Nếu Phật cho ở trong đại chúng lớn tiếng xướng thì tốt", bạch Phật, Phật liền cho xướng lớn tiếng. Tỳ-kheo đứng nơi đất bằng xướng, chúng đông nên không nghe thấy, Phật bảo nên đứng chỗ cao xướng, khi đứng chỗ cao xướng thì ai cũng đều nghe thấy được. Lại có cư sĩ thấy đại chúng tập họp nên muốn bố thí y Ma-la-tỳ ha la, Phật cho thí; cư sĩ lại muốn mang lư hương đi trước, Phật cũng cho mang lư hương đi trước, chúng tăng im lặng đi sau, ngoại đạo thấy liền chê trách: "Sa-môn Thích tử đi sau lư hương giống như mang người chết đi ra không khác", cư sĩ liền xin Phật cho được tấu kỹ nhạc đi trước, Phật cũng cho. Lại có cư sĩ cúng nhiều y vật xin Phật cho xướng tán, Phật cũng cho xướng tán. Lúc đó không có người thọ nhận và coi giữ số y vật này, Phật nói: "Nên tác pháp yết ma sai một người thọ và coi giữ y vật. Tỳ-kheo có năm pháp không nên sai thọ và coi giữ y vật: Một là không biết chỗ, hai là không biết giá, ba là không biết thọ nhận, bốn là không biết số, năm là hay quên, không nhớ chỗ. Ngược với năm pháp trên thì nên sai thọ và coi giữ y vật". Lại không có người

chia y vật này, Phật nói: "Nên tác pháp yết ma sai người chia y vật. Tỳ-kheo có năm pháp không nên sai chia y: Một là không biết y, hai là không biết màu sắc y, ba là không biết giá y, bốn là không biết số, năm là không biết là cho hay không cho. Ngược với năm pháp trên thì nên sai chia y. Người chia y khi chia y không được khen ngợi làm loạn tâm chúng, người được chia nên im lặng nhận phần y".

Phật tại Xá-bà-đề, lúc đó trong tinh xá Kỳ-hoàn có người do nhân duyên làm phòng xá mới cho Tăng nên sửa soạn thức ăn uống cúng dường cho Tỳ-kheo tăng một ngàn hai trăm năm mươi vị. Các Tỳ-kheo khi vào chỗ ngồi, không theo thứ lớp ngồi, ăn, đứng dậy và đi ra; có vị vào trước, có vị đang lúc dọn đưa thức ăn mới vào, có vị vào lúc đang ăn, lại có vị vào lúc đã ăn xong, Phật bảo nên xướng báo giờ. Khi xướng báo giờ, ở xa không nghe được, Phật bảo nên đánh kiền chùy; ở xa cũng không nghe được, Phật bảo nên đánh trống; trống để dưới đất đánh, ở xa cũng không nghe được, Phật bảo nên để trống trên giá đánh; vẫn không nghe xa được, Phật bảo nên để trên chỗ cao, khi để trên chỗ cao đánh, khắp nơi đều được nghe .

Lúc đó không có người coi ngó thức ăn nên thức ăn hoặc chưa làm xong, chưa nấu chín, tuy đã đến giờ ăn mà thức ăn vẫn chưa dọn đến. Các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật bảo: "Tăng nên tác pháp yết ma sai người coi ngó thức ăn".

Có một trú xứ ở nước Kiều-tát-la, hai bộ Tăng được cúng y vật. Lúc đó Tỳ-kheo-ni đông, Tỳ-kheo ít nên Tỳ-kheo nói: "Y vật này nên chia làm hai phần, các cô lấy một phần, chúng tôi lấy một phần", Tỳ-kheo-ni nói: "Trước kia chúng tôi ít thì các Tỳ-kheo đòi lấy hai phần; nay chúng tôi đông sao lại đòi chia hai", Tỳ-kheo-ni không chịu chia hai, các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật nói: "Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni chia bằng nhau; Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni nên chia cho phần thứ tư trong bốn phần".

Lúc đó có đàn việt thí thức ăn cho Tăng nơi đất trống, trên mâm còn bánh dư, trong chõ còn cơm dư, trong nồi còn canh dư. Các ngoại đạo dị học vì ganh tỵ nên đem hèm rượu bỏ vào trong cơm canh dư, nghĩ rằng: "Thức ăn này bất tịnh khiến cho Sa-môn Thích tử không ăn được", các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật nói: "Nếu thấy chỗ nào nên bỏ thì bỏ, phần còn lại nên ăn".

Lúc đó các Tỳ-kheo cùng các Sa-di chuyền bát để ăn, Tỳ-kheo chuyền cho Sa-di, Sa-di chuyền cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đã rửa tay rồi lại thọ từ Sa-di nên sanh tâm nghi không biết có bất tịnh hay không, bạch Phật, Phật nói: "Nếu nhất tâm đưa cho Sa-di bát thì gọi là tịnh". Khi các Sa-di đi dọn đưa thức ăn thì các Tỳ-kheo nhận phần thức ăn giùm cho Sa-di rồi sanh tâm nghi không biết có phải là xúc thực hay không, Phật nói: "Tỳ-kheo thọ xúc

thực không phạm". Lúc đó các Tỳ-kheo ăn xong đưa bát dơ cho Sa-di, bạch y rửa; Sa-di, bạch y rửa xong bỏ lại trong chậu, Tỳ-kheo không biết có bất tịnh không, bạch Phật, Phật nói: "Nếu nhất tâm đưa bát cho tịnh nhơn thì gọi là tịnh".

Có Tỳ-kheo thọ đàn việt thí thực nơi đất trống, ăn xong bỏ lại đó các đồ đựng thức ăn mà đi, các đồ đựng thức ăn này bị gió mưa bùn đất làm dơ, Phật bảo: "Đồ đựng thức ăn nên rửa sạch rồi cất vào chỗ có ngăn che".

Lúc đó các Tỳ-kheo dùng tháo đậu rửa hai, ba lần mà chất bợn dính trong bát không sạch, dùng cây gỗ chà cũng không sạch nên dùng rất nhiều nước, chỗ lấy nước rất xa, cư sĩ đem nước bố thì liền trách: "Biết lấy nước rất xa sao lại dùng nhiều nước như thế", các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật nói: "Nếu nhất tâm dùng tháo đậu rửa hai, ba lần thì gọi là rửa sạch".

Lúc đó các Tỳ-kheo hỏi Phật: "Nước đục có được uống không?", Phật nói: "Nếu trước nghi là bất tịnh thì không nên uống, nếu trước không nghi thì nên uống".

Có một trú xứ ở nước Kiều-tát-la, Tăng được thí y vật nhưng không phải tất cả Tăng đều ở đó, Tỳ-kheo chia y vật này không biết chia làm sao nên bạch Phật, Phật nói: "Y vật này nên chia làm hai phần nói rằng: "Phần này thuộc về thượng tòa,

phần kia thuộc về hạ tòa hoặc phần này thuộc về hạ tòa, phần kia thuộc về thượng tòa". Làm như vậy gọi là được yết ma, sau đó nếu có Tỳ-kheo khác đến, không muốn cho thì không nên cho, Tỳ-kheo khác không được gắng gượng đòi. Nếu không làm yết ma như thế thì Tỳ-kheo không được thọ y vật này, nếu thọ thì phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo này nên đem y vật này chia cho Tỳ-kheo khác; nếu không làm như vậy thì khi xuất giới phạm Đột-kiết-la, cũng phải đem chia cho Tỳ-kheo khác". Nếu tất cả Tăng đều ở đó thì nên yết ma chia, Tăng nên yết ma giao y vật này cho một Tỳ-kheo, pháp giao như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng:

Đại đức Tăng lắng nghe, trú xứ này được cúng dường y vật hiện tiền tăng nên chia. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay giao y vật này cho Tỳ-kheo . Bạch như vậy.

Như thế bạch nhị yết ma cho đến câu Tăng nay đã giao y vật cho Tỳ-kheo xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Nếu Tỳ-kheo này nhận y vật rồi sau đó không chịu hoàn lại, nói rằng: "Đây là chơn thật thí, khéo cho, khéo thủ pháp, khéo đoán sự, tất cả đều từ trong Tăng, vì sao phải hoàn lại", Phật nói: "Tăng nên bảo Tỳ-kheo này rằng: "vật thí này vốn vì làm tịnh nên thí, không phải là chơn thật thí", nếu Tỳ-kheo này hoàn lại thì tốt, nếu không hoàn lại thì

Tăng nên cưỡng đoạt lại và bảo Tỳ-kheo này sám tội Đột-kiết-la".

Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Y mà Phật cho mặc trên thân, y che thân, khăn lau thân, khăn lau chân, khăn lau mặt, Tăng kỳ chi, Nê-hoàn-tăng; y này gọi là gì?", Phật nói: "Gọi là y Ba-ca-la", lại hỏi: "Y này thọ như thế nào?", Phật nói: "Nên nói: Y Ba-ca-la này tôi thọ dụng", lại hỏi: "Nên ở bên người nào thọ?", Phật nói: "Nên ở bên năm chúng thọ", lại hỏi: "Thượng tòa nêu không thông minh, phi pháp ngăn thì có thành ngăn không?", Phật nói không thành ngăn, lại hỏi: "Nếu Thượng tòa trì giới nhưng phi pháp phi thiện ngăn thì có thành ngăn không?", Phật nói không thành ngăn, lại hỏi: "Như Phật đã dạy nếu ngăn yết ma như pháp thì không thành ngăn yết ma. Như vậy tất cả không thành ngăn phải không?", Phật nói không thành ngăn.

Nếu có Sa-di khi thọ giới cụ túc, tâm hối hận không muốn thọ nữa nên nói rằng: "Tôi không muốn thọ giới cụ túc nữa", thì lời nói này thành ngăn. Nếu Sa-di-ni khi thọ sáu pháp làm Thức-xoa-ma-na mà nói rằng: "Tôi không muốn thọ sáu pháp", thì lời nói này thành ngăn. Nếu Thức-xoa-ma-na khi thọ giới cụ túc nói rằng: "Tôi không muốn thọ giới cụ túc", thì lời nói này thành ngăn. Nếu Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa khi Tăng cho Ba-lợi-bà-sa, Ma-na-đỏa, Bổn nhật trị, yết ma A-phù-ha-na; Tỳ-kheo này nói rằng: "Chớ làm, tôi

không dùng", thì lời nói này thành ngăn. Nếu mười bốn hạng Tỳ-kheo khi được cử ở trong Tăng mà nói rằng: "Tôi không dùng", thì lời nói này thành ngăn.

Lại hỏi: Có Tỳ-kheo bị tẫn muốn sám hối, khi sám hối hạ mình tùy thuận Tăng, ở ngoài giới có được làm yết ma giải tẫn hay không?

Đáp: Không được, nếu làm thì người làm yết ma giải tẫn phạm tội.

Lại hỏi: Như Phật đã dạy, có hai nguyên nhân nên phá Tăng: Một là xướng nói, hai là lấy thẻ. Trong đây nếu Tỳ-kheo tặc trụ, Sa-di học hối, và bốn hạng người vốn là bạch y nếu xướng nói và phát thẻ thì có gọi là phá Tăng không?

Đáp: Không gọi là phá Tăng.

Lại hỏi: Số đầy đủ nhưng nếu có một Tỳ-kheo chuyển căn thành nữ thì có gọi là phá Tăng không?

Đáp: Không gọi là phá Tăng.

Lại hỏi: Nếu trải chỗ ngồi bằng cỏ hay giường dài thì có được ngồi chung với người chưa thọ giới cụ túc không?

Đáp: Được ngồi.

Lại hỏi: Được ngồi chung với huỳnh môn không? Đáp: Không được.

Lại hỏi: Được ngồi chung với Sa-di học hối không? Đáp: Được ngồi.

Lại hỏi: Hai Sa-di học hối có được ngồi chung

không? Đáp: Không được.

Lại hỏi: Làm giường dài ngồi được khoảng bao nhiêu người?. Đáp: Tối thiểu dung chứa bốn người ngồi.

Có cư sĩ làm phòng xá trong tinh xá Kỳ-hoàn thấy Tỳ-kheo ở trong phòng này mang bát khất thực liền hỏi: "Vì sao thầy đi khất thực?, đáp là không có thức ăn, cư sĩ nói: "Thầy về đi, tôi sẽ cho người mang thức ăn đến", nói rồi cho người mang đến, Tỳ-kheo hỏi người này: "Thức ăn mang đến cho ai?", đáp là mang đến cho Tăng, Tỳ-kheo liền dẫn người này mang đến để ở chỗ thức ăn của Tăng. Sáng hôm sau cư sĩ lại thấy Tỳ-kheo ở trong phòng này mang bát khất thực liền hỏi: "Vì sao thầy đi khất thực?, đáp là không có thức ăn, cư sĩ nói: "Hôm qua tôi cho người mang thức ăn đến, vì sao thầy không ăn", Tỳ-kheo nói: "Thức ăn có mang đến, tôi hỏi người này: "Thức ăn mang đến cho ai?", người này đáp là mang đến cho Tăng, tôi liền dẫn người này mang đến để ở chỗ thức ăn của Tăng, vì thế nên tôi không có thức ăn", cư sĩ nói:

"Tôi không cúng thức ăn cho tất cả Tăng, tôi chỉ cúng cho Tỳ-kheo ở trong phòng mà tôi đã làm", Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Nếu thí chủ cúng thức ăn cho Tỳ-kheo ở trong phòng nào thì Tỳ-kheo ở trong phòng đó được thọ".

Có cư sĩ làm phòng xá trong tinh xá Kỳ-hoàn, mấy ngày sau đến trong Kỳ-hoàn muốn nghe pháp, chiều tối đánh kiền chùy muốn ở trong phòng mình đã làm ngồi nghe pháp, Tỳ-kheo ngồi trong bóng tối thuyết pháp, cư sĩ kêu đốt đèn, Tỳ-kheo nói là không có tô dầu, cư sĩ nói: "Tôi sẽ cho người mang tô dầu đến". Người sứ mang tô dầu đến, Tỳ-kheo hỏi: "Mang cho ai?", đáp là cho Tăng, Tỳ-kheo liền dẫn người sứ mang tô dầu đến để ở chỗ cất dầu đốt đèn của Tăng. Thời gian sau, cư sĩ lại đến trong Kỳ-hoàn muốn nghe pháp, chiều tối đánh kiền chùy muốn ở trong phòng mình đã làm ngồi nghe pháp, Tỳ-kheo ngồi trong bóng tối thuyết pháp, cư sĩ kêu đốt đèn, Tỳ-kheo nói là không có tô dầu, cư sĩ nói: "Trước đây tôi đã cho người mang tô dầu đến, sao nay thầy không đốt". Tỳ-kheo nói: "Khi người sứ mang tô dầu đến, tôi hỏi: "Mang cho ai?", đáp là cho Tăng, tôi liền dẫn người sứ mang tô dầu đến để ở chỗ cất dầu đốt đèn của Tăng", cư sĩ nói: "Tôi không cúng tô dầu cho tất cả Tăng, tôi chỉ cúng cho Tỳ-kheo ở trong phòng mà tôi đã làm", Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Nếu thí chủ cúng tô dầu cho Tỳ-kheo ở trong phòng nào thì Tỳ-kheo ở trong phòng đó được thọ. Cho đến dầu thoa chân, giày dép, y bát cũng như vậy; nếu đàn việt nói: "Đại đức ở trong đây bao lâu, đại đức được tùy ý thọ dụng", thì Tỳ-kheo được dùng; hoặc nói: "Vật này thuộc về thầy, thầy tùy ý mang đi",

thì Tỳ-kheo được mang đi".

Lúc đó Tỳ-kheo không mặc y che thân lại dùng ngọa cụ của Tăng khiến cho ngọa cụ này mất màu, dơ bẩn sanh trùng. Các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật nói: "Từ nay Tỳ-kheo không mặc y che thần không được dùng ngọa cụ của Tăng, nếu dùng thì phạm Đột-kiết-la". Lúc đó các Tỳ-kheo không biết làm y che thân kích lượng bao nhiêu, Phật nói: "Tối thiểu che được phần thân là ngực, lưng bụng và đầu gối".

Lúc đó các Tỳ-kheo không ái hộ ngọa cụ của Tăng, bạch Phật, Phật nói: "Khi dùng ngọa cụ của Tăng phải ái hộ, nếu không ái hộ mà dùng thì phạm Đột-kiết-la. Có năm việc không ái hộ là nước, ánh nắng mặt trời, bụi đất, lau và xúc chạm". Lúc đó các Tỳ-kheo dùng ngọa cụ của Tăng đứng trong mưa khiến cho ngọa cụ này mất màu, chất nhuộm chảy ra, bạch Phật, Phật nói: "Từ nay không được dùng ngọa cụ của Tăng mà đứng trong mưa, nếu làm thế thì phạm Đột-kiết-la". Lại có các Tỳ-kheo dùng ngọa cụ của Tăng hướng về lửa hơ thân, khiến cho ngọa cụ này bị khói bám, sắc xấu, hư hoại. Phật nói: "Từ nay không được dùng ngọa cụ của Tăng mà hướng về lửa hơ thân, nếu làm thế thì phạm Đột-kiết-la. Nếu ngọa cụ có phủ một lớp bên ngoài thì không phạm". Lại có Tỳ-kheo dùng ngọa cụ của Tăng đi vào chỗ đại tiểu tiện, chỗ rửa và nhà tắm, khiến cho ngọa cụ này dơ bẩn, mất màu và sanh trùng. Phật nói: "Từ nay không được dùng

ngọa cụ của Tăng mà đi vào chỗ đại tiểu tiện, chỗ rửa và nhà tắm, nếu làm thế thì phạm Đột-kiết-la".

Lục quần Tỳ-kheo cạo tóc cho một tiểu Tỳ-kheo, cạo chưa xong, chưa mặc ca-sa liền đuổi đi. Phật nói: "Khi cạo tóc tiểu Tỳ-kheo, còn một chỏm tóc thì không nên đuổi, nếu đuổi thì phạm Đột-kiết-la". Lúc đó các Tỳ-kheo mài sắc dao hớt tóc, kéo và dao cắt móng tay của Tăng để dùng thì Lục quần Tỳ-kheo đến giành lấy dùng, nói rằng: "Chúng tôi là Thượng tòa, các thầy nhỏ hơn, hãy để chúng tôi dùng trước", các Tỳ-kheo không cho nên cùng tranh cãi, bạch Phật, Phật nói: "Không nên cho, người mài dao trước nên dùng trước rồi mới đưa cho dùng sau". Lục quần Tỳ-kheo thấy tiểu Tỳ-kheo vào chỗ đại tiểu tiện hoặc chỗ rửa trước, hoặc trong nhà tắm, liền đuổi đi ra và nói: "Chúng tôi là Thượng tòa, các thầy nhỏ hơn nên đi ra, đừng để người không bịnh bị mắc bịnh, người mắc bịnh càng thêm nặng". Phật nói: "Ở chỗ đại tiểu tiện, chỗ rửa và nhà tắm, người đến sau không được đuổi người vào trước đi ra, nếu đuổi thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại nước Xá-bà-đề, lúc đó trưởng lão A-Nan-đang thuyết pháp cho đại chúng, có một Thượng tòa đến sau bảo Tỳ-kheo hạ tòa đứng dậy nhường chỗ, vị Hạ tòa này đứng dậy lui xuống thì vị Hạ tòa thứ ba phải đứng dậy lui xuống, cứ như thế thứ lớp đứng dạy lui xuống nhường chỗ, khiến

trong chúng tán loạn làm trở ngại việc nghe pháp. Các trưởng giả trong hội nói: "Trong đây đâu phải là thọ thực, cần gì phải ngồi theo thứ lớp làm cho trở ngại việc nghe pháp". Phật nghe thấy rồi, vì việc này nên nhóm Tỳ-kheo tăng rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay khi nghe pháp Thượng tòa đến sau không được bảo Hạ tòa đứng dậy nhường chỗ, nếu bảo đứng dậy thì phạm Đột-kiết-la. Nếu là Hòa thượng, A-xà-lê đến vì cung kính nên bản thân tự đứng dậy nhường chỗ thì không được bảo người khác đứng dậy, nếu bảo người khác đứng dậy thì phạm Đột-kiết-la. Từ nay ba-tỳ-kheo cách nhau ba tuổi hạ thì được cùng ngồi một giường lớn; hai người được cùng ngồi một giường dây; giường độc tọa thì chỉ được một người ngồi, không được hai người".

Lúc đó các Tỳ-kheo dùng nồi của Tăng để nấu thuốc nhuộm, nấu xong bỏ y vào trong đó rồi để nồi nước nhuộm này ở một chỗ khác. Lục quần Tỳ-kheo đến nói: "Hãy đưa nồi cho tôi, tôi là Thượng tòa muốn dùng", nói rồi liền đem nồi nước nhuộm này sớt qua vật này, vật khác để lấy nồi, khiến cho màu sắc của y nhuộm biến thành màu đen. Các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật nói: "Không nên cho lấy, Tỳ-kheo lấy trước dùng xong rồi mới đưa cho Thượng tòa dùng sau". Lúc đó nước nhuộm còn dư một ít, Thượng tòa đến xin không cho, Phật nói: "Nước nhuộm còn dư, có thể đổ bỏ thì nên cho người khác

dùng".

Lúc đó các khách Tỳ-kheo lượm lấy cây trong vườn Tăng để nấu cơm canh, nấu nước nhuộm… khiến cựu Tỳ-kheo không vui, nói rằng: "Cây trồng trong vườn, chúng tôi chăm sóc cực khổ, các thầy là khách lấy dùng mà không nói với tôi một tiếng", Phật nói: "Nên nói với cựu Tỳ-kheo rồi mới lấy dùng. Từ nay, hoa cây trong vườn của Tăng chỉ nên lấy cùng dường tháp Phật, tháp A-la-hán; còn trái thì nên bảo tịnh nhân hái cho Tỳ-kheo ăn. Những cây lớn trong vườn nên dùng làm rường cột cho Tăng bốn phương; vỏ cây, cành lá thì các Tỳ-kheo tùy ý lấy dùng".

Phật tại Xá-bà-đề, trưởng giả Cấp-cô-độc làm tinh xá Kỳ-hoàn xong, dùng vô số đồ trang nghiêm để trang nghiêm rồi cúng cho Tăng. Các Tỳ-kheo không thọ, nói rằng: "Phật chưa cho chúng tôi thọ phòng xá trang nghiêm như vậy", bạch Phật, Phật nói: "Phòng xá này thanh tịnh, cho thọ".

Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo đuổi các Tỳ-kheo đang tọa thiền, nói rằng: "Hãy đứng dậy, chúng tôi là Thượng tòa, các thầy nhỏ hơn", bạch Phật, Phật nói: "Khi tọa thiền không tính lớn nhỏ, không được đuổi đi ra; nếu đuổi thì phạm Đột-kiết-la". Lúc đó các Tỳ-kheo đang rửa chân, Lục quần Tỳ-kheo cũng đuổi đi ra, bạch Phật, Phật nói: "Khi rửa chân không tính lớn nhỏ, không được đuổi đi ra; nếu đuổi thì phạm Đột-kiết-la". Lúc đó các Tỳ-kheo lấy

giẻ lau chân của Tăng đem giặt phơi rồi dùng lau giày phú la, Lục quần Tỳ-kheo đến giành lấy và nói rằng: "Chúng tôi là Thượng tòa, các thầy nhỏ hơn, hãy để chúng tôi dùng trước", các Tỳ-kheo không cho nên cùng tranh cãi, bạch Phật, Phật nói: "Không nên cho, người lấy trước nên dùng trước rồi mới đưa cho dùng sau".

Có một trú xứ, cựu Tỳ-kheo tự mượn lấy vật của tháp để dùng, Tỳ-kheo này qua đời, các Tỳ-kheo không biết chia y vật như thế nào nên bạch Phật, Phật nói: "Nên tính giá tiền các y vật nộp trả cho tháp, còn dư bao nhiêu thì Tăng nên chia". Lại có trú xứ chỉ có một Tỳ-kheo đem y vật của mình dùng cho tháp, Tỳ-kheo này qua đời, các Tỳ-kheo không biết chia y vật như thế nào nên bạch Phật, Phật nói: "Nên tính giá tiền vật của tháp trả lại, hiện tiền Tăng nên chia".

Có một trú xứ chỉ có một Tỳ-kheo mượn lấy vật của Tứ phương tăng để dùng, Tỳ-kheo này qua đời, các Tỳ-kheo không biết chia y vật như thế nào nên bạch Phật, Phật nói: "Nên tính giá tiền các y vật nộp trả cho Tứ phương tăng, còn dư bao nhiêu thì Tăng nên chia". Lại có trú xứ chỉ có một Tỳ-kheo đem y vật của mình cho Tứ phương tăng dùng, Tỳ-kheo này qua đời, các Tỳ-kheo không biết chia y vật như thế nào nên bạch Phật, Phật nói: "Nên tính giá tiền các y vật của Tứ phương tăng trả lại, hiện tiền Tăng nên chia. Tỳ-kheo khách hay

cựu Tỳ-kheo cũng giống như thế".

Có một Tỳ-kheo gởi y bát cho một cư sĩ, cư sĩ này làm mất, Tỳ-kheo theo đòi nói rằng: "Ông tự làm mất, không phải tôi làm mất, ông nên bồi thường", bạch Phật việc này, Phật nói: "Nếu giữ gìn tốt mà làm mất thì không nên đòi bồi thường, nếu giữ gìn không tốt mà làm mất thì nên đòi bồi thường". Lại có một thương buôn gởi y vật cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo làm mất, thương buôn theo đòi nói rằng: "Thầy tự làm mất, không phải tôi làm mất, thầy nên bồi thường", bạch Phật việc này, Phật nói: "Nếu được tự tại thì không nên đền, nếu không tự tại thì nên đền". Có cư sĩ làm phòng xá trong tinh xá Kỳ-hoàn xong, thiết thực cúng dường cho Tỳ-kheo tăng một ngàn hai trăm năm mươi vị, lúc đó có những người không biết pháp ở các nước khắp bốn phương đến tụ họp bố thí cho các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo liền chú nguyện, khi tán Phật thì nói Phật đại lực đại đức, tán Pháp thì nói Pháp đại đức đại lực, khi tán Tăng thì nói Tăng đại đức đại lực; cho đến tán thán các trưởng lão Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, A-na-luật… Tán thán tam bảo như vậy là vô lượng vô số A-tăng-kỳ. Trong số những người này, có người trì danh hiệu Phật, có người trì danh hiệu Pháp, có người trì danh hiệu Tăng, cho đến danh hiệu các trưởng lão Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên… Sau khi giải tán ai nấy trở về nhà cửa ruộng vườn thôn xóm của mình. Thời gian sau

các Tỳ-kheo đi đến nhà của họ để khất thực, người trì danh hiệu Phật thì nói Phật đến sẽ bố thí, người trì danh hiệu Pháp thì nói Pháp đến sẽ bố thí… cuối cùng các Tỳ-kheo không khất thực được gì nên đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Người ở vùng biên của các nước đó không biết gọi là Tỳ-kheo thì nên cho thức ăn, mà gọi là Phật hay Pháp hay Tăng mới nên cho thức ăn, thức ăn tự tại nên thọ".

Có Tỳ-kheo bịnh, có Tỳ-kheo thân quen đến thăm, Tỳ-kheo bịnh mời ngồi cùng nhau thăm hỏi một lát thì Tỳ-kheo khách đứng dậy muốn ra về, Tỳ-kheo bịnh hỏi vì sao muốn đi, đáp là vì không mang theo y, Tỳ-kheo bịnh nói: "Tôi cho thầy y", nói rồi liền đưa cho. Tỳ-kheo khách ngủ qua đêm, sáng hôm sau mang y này đi, Tỳ-kheo bịnh nói: "Y của tôi không được mang đi", Tỳ-kheo khách nói: "Y này thầy đã thật cho tôi", Tỳ-kheo bịnh nói: "Không phải thường cho thầy, vì thọ nên đưa cho", Tỳ-kheo khách nói là thường cho nên không trả lại, Tỳ-kheo bịnh không biết làm sao nên đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Đây không phải là thật cho, vì thanh tịnh nên đưa cho. Tỳ-kheo này nên trả lại y, nói lời nhỏ nhẹ trả lại thì tốt, nếu không trả lại thì cưỡng đoạt lại và bảo Tỳ-kheo này sám tội Đột-kiết-la".

Phật tại tinh xá Kỳ-hoàn, lúc đó hỏa hoạn lan dần đến thiêu đốt tinh xá Kỳ-hoàn, Phật liền chú nguyện: "Tất cả lậu ta đều đoạn trừ, là chân A-la-

hán đắc Phật đạo, lời Phật là thật ngữ thì lửa nên tắt hết", Phật chú nguyện xong lửa liền tắt, các Tỳ-kheo mang ngọa cụ của Tăng ra để ở một chỗ, sau không biết ngọa cụ này ở phòng nào nên bạch Phật. Phật nói: "Nên làm dấu hiệu, làm dấu hiệu cũng không phân biệt được thì nên làm tướng khác, làm tướng khác cũng không phân biệt được thì nên cuộn tròn, hoặc vẽ chữ đức, hoặc viết tên, thuộc phòng nào, phòng nào", ngọa cụ tuy biết của phòng nào nhưng lại không biết thuộc tầng gác nào, trên, giữa hay ở dưới, Phật bảo nên viết chữ để phân biệt rõ ràng là tầng trên hay tầng giữa hay tầng dưới.

Lúc đó cư sĩ Cấp-cô-độc làm lầu thí cho Tăng, Tăng không thọ, bạch Phật, Phật cho thọ; lại làm nệm cúng cho Tăng, Tăng cũng không thọ, bạch Phật, Phật cho thọ; lại xin được họa vẽ chạm trổ trên giường tòa, Phật nói: "Trừ vẽ hình tượng nam nữ, tất cả hình tượng khác đều cho vẽ". Cấp-cô-độc làm năm trăm chiếc giường độc tọa có chạm trổ đẹp đẽ cúng cho Tăng, Tăng không thọ nói rằng: "Phật chưa cho thọ giường ngồi tốt đẹp như thế", bạch Phật, Phật cho thọ.

Phật tại Xá-bà-đề, có người dùng tấm bạch điệp bọc thây của người thân chết rồi đem bỏ trong rừng thây chết, người này suy nghĩ: "Ta nên đem tấm bạch điệp quấn người chết này thí cho Tăng để được phước", nghĩ rồi liền đem bạch điệp này đến thí cho Tăng, các Tỳ-kheo không thọ nói rằng:

"Phật chưa cho chúng tôi thọ y vật của người chết", bạch Phật, Phật nói nên thọ. Lại có người nghèo khổ chết, người khác dùng y bọc xác người chết đem bỏ trong rừng thây chết, người này suy nghĩ: "Ta nên đem tấm bạch điệp quấn người chết này thí cho Tăng để được phước", nghĩ rồi liền đem bạch điệp này đến thí cho Tăng, các Tỳ-kheo không thọ nói rằng: "Y này không có chủ, nên từ ai thọ y", bạch Phật, Phật nói: "Nếu không có người nào khác thì theo pháp nên thọ". Lúc đó bà con của người chết kia lại dùng y khác để bọc thây người chết, nhưng y này bất tịnh, liền trở lại chỗ Tỳ-kheo đòi lại chiếc y đã cho, các Tỳ-kheo không cho, bạch Phật, Phật nói nên cho. Cho lại rồi, người bà con này suy nghĩ: "Y này quấn hai người chết thì ai sẽ thọ", nghĩ rồi liền bỏ y lại ở bên người chết rồi trở về, y này bị lấy mất. Các Tỳ-kheo theo đòi lại y, người kia đáp là đã mất, bạch phật, Phật nói: "Dùng lời nhỏ nhẹ đòi lại được thì tốt, nếu không được thì theo pháp nên cưỡng ép đòi lại". Có một Tỳ-kheo mua chịu rượu rồi trả tiền dần dần, trả chưa xong thì chết, chủ quán rượu đến chỗ các Tỳ-kheo đòi tiền, các Tỳ-kheo nói: "Sao lúc còn sống không chịu đòi", chủ quán rượu nói: "Hãy trả tiền nợ rượu lại cho tôi, nếu không trả tôi sẽ loan truyền khắp nơi là Sa-môn Thích tử uống rượu không chịu trả tiền", các Tỳ-kheo không biết làm sao nên bạch Phật, Phật nói: "Lấy y bát của tỳ-kheo này đem trả

nợ, nếu không có thì nên lấy vật của Tăng đem trả nợ, vì sao, vì sợ mang tiếng xấu cho các Tỳ-kheo".

Phật tại Xá-bà-đề, lúc đó có một thương buôn xuất hành, trên đường đi phải đi ngang qua một đầm trống vắng vẻ đáng sợ, bỗng thấy có một tinh xá liền vào bên trong, thấy các Tỳ-kheo ngồi im lặng không phải ngủ, mà là tọa thiền nhập định sâu. Thương buôn này thấy rồi sanh tín kính, liền nói với các đệ tử: "Các con xem còn bao nhiêu thức ăn uống, đều mang đến bố thí cho các Tỳ-kheo này", các đệ tử nói: "Không còn thức ăn, chỉ còn ít Bồ đào", thương buôn nói: "Tùy con bao nhiêu đem cho bấy nhiêu, nếu không bố thí thì không được phước", nói rồi liền đem Bồ đào bố thí cho các Tỳ-kheo, mỗi người được năm trái. Lúc đó các Tỳ-kheo ai nấy tìm tịnh nhân, có người tìm được, có người tìm không được, bạch Phật, Phật nói: "Nên gom tất cả Bồ đào lại một chỗ, dùng Hỏa tịnh thì được ăn".

Phật tại nước A-la-tỳ, các Thượng tòa đầu đêm ngồi thiền, giữa đêm trở về phòng, trên đường sợ có thú dữ như sư tử, cọp, beo nên bạch Phật, Phật nói: "Từ nay nên đốt đuốc đi".

Lúc đó phu nhân Mạt-lợi đến trong tinh xá Kỳ-hoàn muốn nghe pháp, các Tỳ-kheo thuyết pháp trong bóng tối, phu nhân nói: "Hãy đốt đèn lên", đáp là không có tô dầu, phu nhân nói: "Tôi sẽ cúng". Hôm sau cho người mang tô dầu đến, các

Tỳ-kheo đốt đèn đặt trên đất bằng nên ánh sáng không tỏa khắp, phu nhân Mạt-lợi liền đem cúng cây đèn, các Tỳ-kheo nói: "Phật chưa cho thọ cây đèn", bạch Phật, Phật cho thọ.

Phật tại thành Vương xá, lúc đó Lục quần Tỳ-kheo dùng mỡ của các thú dữ như sư tử, cọp, báo, gấu để thoa chân; khi đi đến chuồng ngựa, bò, voi, dê, chúng nghe được mùi mỡ này đều kinh sợ muốn vùng bỏ chạy. Các cư sĩ nói với nhau: "Tại sao chúng lại kinh sợ như vậy", Lục quần Tỳ-kheo nói: "Vì chúng tôi có đại oai đức, đại thần lực nên khiến chúng kinh sợ muốn vùng bỏ chạy", các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại giống như thợ săn, dùng mỡ các thú dữ như sư tử, cọp, báo… để thoa chân, khiến cho súc sanh kinh sợ còn nói là có đại oai đức". Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe biết việc này tâm không vui nên bạch Phật, Phật nói: "Từ nay không được dùng mỡ của các thú dữ thoa chân, nếu dùng thì phạm Đột-kiết-la".

Phật tại Xá-bà-đề, vua Ba-tư-nặc đến trong tinh xá Kỳ-hoàn muốn nghe pháp, ngày đó là ngày thuyết giới nên các Tỳ-kheo nói: "Đại vương hãy đi ra, chúng tôi sắp làm pháp sự", vua nói: "Ta muốn nghe pháp sự", các Tỳ-kheo nói: "Phật chưa cho chúng tôi ở trước người chưa thọ đại giới mà làm pháp sự này", vua khăng khăng đòi được nghe, các Tỳ-kheo không biết làm sao nên bạch Phật,

Phật nói: "Từ nay cho ở trước các vua như vua Ba-tư-nặc thuyết giới bố tát, các đại thần và binh sĩ đều đi ra", vua được nghe nên tâm thanh tịnh.

Lúc đó có một người cúng đất đai cho Tỳ-kheo tăng, các Tỳ-kheo không thọ, Phật nói: "Từ nay cho Tăng thọ đất đai để làm vườn cây, phòng xá hoặc chỗ kinh hành".

Lúc đó có Tỳ-kheo mặc y dài năm, ba khuỷu tay đi vào tụ lạc, y kéo lê trên đất dính dơ và bị gió thổi làm lộ thân. Phật nói: "Từ nay cho Tỳ-kheo được mặc Nê-hoàn-tăng khi đi vào tụ lạc. Nê-hoàn-tăng dại bốn khuỷu tay, rộng hai khuỷu tay".

Lúc đó các Tỳ-kheo nước A-la-tỳ sau khi bưng đất đá gạch ngói… để xây tháp, tu sửa tinh xá nên y bị dính dơ. Các Tỳ-kheo này đến giờ lại mang bát đi khất thực bị các cư sĩ quở trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại mặc y dơ đi khất thực, giống người làm dầu me, hay như người làm ruộng", các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật nói: "Từ nay khi làm việc Tăng nên mặc y trong và Nê-hoàn-tăng".

Phật tại nước Ca-tỳ-la vệ, các Thích tử quý tộc xuất gia khi khất thực đùa giỡn làm lộ ngực, các Bà-la-môn thấy liền chê trách: "Sa-môn Thích tử tự xưng là bậc hiền thiện có đức mà lại đùa giỡn lộ bày ngực đi khất thực, khiến cho mọi người thấy", các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật nói:

"Từ nay cho mặc Tăng kỳ chi để che ngực khi vào tụ lạc khất thực".

Lúc đó có Tỳ-kheo sau khi khất thực được thức ăn mang về để một bên đợi đến giờ mới ăn, không ngờ có gió mưa thổi bụi đất bay vào trong bát thức ăn, đến giờ ăn không tìm được tịnh nhân để thọ lại, giờ ngọ sắp qua nên bạch Phật, Phật nói: "Từ nay nếu gặp năm loại bụi đất được không thọ mà ăn, đó là bụi gạo, bụi lúa, bụi nước, bụi y và bụi gió".

Các Tỳ-kheo nước Kiều-tát-la được cúng Cam giá (mía) cùng chia ăn, các Thượng tòa được chia nhiều nhưng lại không có răng, còn các trung hạ tòa và Sa-di được chia ít nhưng răng cứng bén nên ăn mau hết, ăn xong nhìn Thượng tòa muốn được ăn nữa. Phật nói: "Từ nay nên chia thức ăn cho đồng đều".

Nước Kiều-tát-la có trú xứ nhiều Tỳ-kheo hạ an cư, thấy chúng đông nên muốn theo thứ lớp thỉnh thọ thực hoặc tự bớt phần thức ăn để bố thí cho Tỳ-kheo. Tháng cuối hạ, sau khi tự tứ xong, các Tỳ-kheo này chia y vật và thức ăn rồi mang đi. Lúc đó có các Tỳ-kheo khác du hành từ nước Kiều-tát-la muốn đến nước Xá-bà-đề, bỗng gặp mưa lớn phi thời nên ghé lại trú xứ này hỏi thăm: "Nơi đây có đàn việt nào có thể bố thí thức ăn không?", đáp là không có, lại hỏi: "Trong đây có thức ăn của Tăng không?, đáp: "Vốn có thức ăn của Tăng, nhưng an cư tự tứ xong, các Tỳ-kheo chia y vật và

thức ăn rồi mang đi hết". Có Tỳ-kheo thiểu dục tri túc hành hạnh đầu đà nghe rồi tâm không vui quở trách rồi đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Từ nay thức ăn của tăng không nên chia, nếu chia thì phạm Đột-kiết-la. Từ nay nếu an cư dưới tàng cây, cây tốt nên nhường cho Thượng tòa. Giống như dưới tàng cây, chỗ đất bằng cũng như vậy. Nếu Tăng có việc nên làm yết ma sai mười bốn hạng người".

Phật tại nước Bà-già, trong nước này có con của một quý nhân tên là Mãn-đề thỉnh Phật và Tăng vào ngày mai thọ thực, Phật im lặng nhận lời, Mãn-đề biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Về đến nhà ngay trong đêm đó lo sửa soạn đủ các món ăn ngon, sáng sớm trải tòa rồi sai sứ đến bạch Phật: "Đã đến giờ thọ thực, xin Phật tự biết thời". Lúc đó Phật và Tăng đi đến nhà Mãn-đề ngồi vào chỗ ngồi, đệ tử của Mãn-đề vốn là Bà-la-môn người biên địa không tin Phật pháp tăng, khi dọn đưa thức ăn hoặc không đưa mau hoặc đưa ít hoặc không nhất tâm đưa hoặc khi đưa đụng vào tay Tỳ-kheo. Tỳ-kheo nói: "Hãy giơ tay cao, chớ đụng vào tay tôi", liền đáp: "Tôi không phải người bịnh bạch lại, cũng không phải Chiên-đà-la, tại sao thầy có thái độ này với tôi", các Tỳ-kheo không biết làm sao nên bạch Phật, Phật nói: "Nếu khi cho không khinh thường thì được thọ, nếu khinh thường cố ý đụng vào tay thì không nên thọ".

Có một trú xứ ở nước Kiều-tát-la, một Tỳ-kheo qua đời, trước khi chết có gởi y bát trong tinh xá Tỳ-kheo-ni, các Tỳ-kheo nói: "Chúng tôi nên chia", Tỳ-kheo-ni cũng nói: "Chúng tôi nên chia", các Tỳ-kheo không biết làm sao nên bạch Phật, Phật nói: "Nếu Tỳ-kheo này trước khi qua đời gởi y bát ở chỗ Tỳ-kheo-ni thì hiện tiền Tỳ-kheo tăng nên chia". Lại có một trú xứ ở nước Kiều-tát-la, một Tỳ-kheo-ni qua đời, trước khi chết có gởi y bát trong tinh xá Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo-ni nói: "Chúng tôi nên chia", Tỳ-kheo cũng nói: "Chúng tôi nên chia", các Tỳ-kheo-ni không biết làm sao nên bạch Phật, Phật nói: "Nếu Tỳ-kheo-ni này trước khi qua đời gởi y bát ở chỗ Tỳ-kheo thì hiện tiền Tỳ-kheo-ni tăng nên chia".

Phật tại Xá-bà-đề, lúc đó Bạt-nan-đà Thích tử mất, y vật để lại trị giá ba mươi vạn lượng vàng. Vua Ba-tư-nặc nước Kiều-tát-la nói: "Người này không có con cái nên y vật để lại này thuộc về vua", Phật sai sứ giả đến nói với vua Ba-tư-nặc: "Đại vương khi ban phát thành ấp, tụ lạc cho dân, trong đó có cho Bạt-nan-đà phần nào không?", vua đáp là không cho, sứ giả nói: "Nhờ sức của ai được sinh sống thì người đó được lấy phần; Bạt-nan-đà nhờ sức của Tăng nên nay Tăng được lấy phần", vua nghe rồi thấy chí lý bèn thôi. Lúc đó những người trong dòng Sát-đế-lỵ nói: "Tỳ-kheo này cùng họ, cùng sanh trong chủng tộc Sát-đế-lỵ nên y vật để

lại này thuộc về chúng tôi", Phật sai sứ giả đến nói với những người này rằng: "Các vị làm việc nước, việc quan có hỏi đến Bạt-nan-đà hay không?", đáp là không hỏi, sứ giả lại hỏi: "Khi Bạt-nan-đà không có mặt, các vị làm việc quan có đợi Bạt-nan-đà đến không?", đáp là không đợi, sứ giả nói: "Bạt-nan-đà cùng Tăng yết ma, nếu Bạt-nan-đà không đến, không có mặt thì Tăng không yết ma, nên y vật để lại này nên thuộc về tăng", những người dòng Sát-đế-lỵ nghe rồi thấy chí lý nên thôi. Lúc đó, những người trong thân tộc nội ngoại của Bạt-nan-đà đều nói: "Bạt-nan-đà là chú, bác, cậu, là anh, em… của chúng tôi nên y vật để lại này nên thuộc về chúng tôi", Phật sai sứ giả đến nói với những người này: "Vợ con, thê thiếp… của các vị cùng lấy tiền tài, có đợi Bạt-nan-đà đến để chia cho Bạt-nan-đà hay không?", đáp là không, sứ giả nói: "Những ai cùng chia y thực với Bạt-nan-đà thì những người đó nên lấy phần. Bạt-nan-đà cùng thọ y thực với Tăng nên y vật để lại này nên thuộc về Tăng", những người này nghe rồi thấy chí lý bèn thôi.

Y vật của Bạt-nan-đà gởi ở chỗ khác, Bạt-nan-đà qua đời ở chỗ khác, các Tỳ-kheo ở chỗ gởi y vật nói: "Y vật này chúng tôi nên chia", các Tỳ-kheo ở chỗ Bạt-nan-đà qua đời cũng nói: "Y vật này chúng tôi nên chia", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Y vật của tỳ-kheo này, hiện tiền Tăng trong nội giới nên chia".

Y vật của Bạt-nan-đà cho người vay lấy lãi ở chỗ này, nhưng lại qua đời ở chỗ khác, các Tỳ-kheo ở chỗ cho vay lấy lãi nói: "Y vật này chúng tôi nên chia", các Tỳ-kheo ở chỗ Bạt-nan-đà qua đời cũng nói: "Y vật này chúng tôi nên chia", Phật nói: "Các Tỳ-kheo ở trong nội giới chỗ cho vay lấy lãi nên chia". Y vật mà Bạt-nan-đà bảo nhậm (cầm cố) để lấy lãi ở chỗ này, nhưng lại qua đời ở chỗ khác, các Tỳ-kheo ở chỗ cầm cố y vật nói: "Y vật này nên thuộc về chúng tôi", các Tỳ-kheo ở chỗ Bạt-nan-đà qua đời cũng nói: "Y vật này nên thuộc về chúng tôi", Phật nói: "Hiện tiền Tăng trong nội giới chỗ cầm cố y vật nên chia".

Tài vật của Bạt-nan-đà do buôn bán đổi chác bằng Chất vật (vật báu chưa thành hay đã thành) để được lợi tức thì ở chỗ này, nhưng Bạt-nan-đà lại mất ở chỗ khác. Các Tỳ-kheo ở chỗ buôn bán đổi chác để được lợi tức nói rằng: "Tài vật này nên thuộc về chúng tôi", các Tỳ-kheo ở chỗ Bạt-nan-đà qua đời cũng nói: "Tài vật này nên thuộc về chúng tôi", Phật nói: "Hiện tiền Tăng trong nội giới chỗ buôn bán đổi chác để được lợi tức nên chia".

Tài vật mà Bạt-nan-đà cùng người khác làm giấy cam kết để ở chỗ này, nhưng Bạt-nan-đà lại qua đời ở chỗ khác. Các Tỳ-kheo ở chỗ giữ giấy tờ để thu tiền nói: "Tài vật này nên thuộc về chúng tôi", các Tỳ-kheo ở chỗ Bạt-nan-đà qua đời cũng nói: "Tài vật này nên thuộc về chúng tôi", Phật nói:

"Hiện tiền Tăng trong nội giới ở chỗ giữ giấy tờ để thu tiền nên chia".

Phật tại Xá-bà-đề, Tỳ-kheo Mâu-lâu-phá-cầu-ma qua đời, y vật của vị này gởi cho trưởng lão A-nan, nhưng lại qua đời ở chỗ khác, A-nan lại ở một chỗ khác, y vật đã gởi lại để ở một chỗ khác. Các Tỳ-kheo ở chỗ Tỳ-kheo này qua đời nói: "Y vật này nên thuộc về chúng tôi", các Tỳ-kheo ở trong trú xứ của A-nan cũng nói: "Y vật này nên thuộc về chúng tôi", các Tỳ-kheo ở chỗ gởi y vật cũng nói: "Y vật này nên thuộc về chúng tôi". Các Tỳ-kheo không biết làm sao nên bạch Phật, Phật nói: "Hiện tiền Tăng trong nội giới ở chỗ A-nan nên chia".

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 76

THẬP TỤNG
TỲ KHEO BA LA ĐỀ MỘC XOA GIỚI BỔN
SỐ 1436

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1436

THẬP TỤNG TỲ KHEO
BA LA ĐỀ MỘC XOA GIỚI BỔN

TỲ KHEO GIỚI BỔN

Đại đức tăng lắng nghe, một tháng mùa Đông đã qua, thiếu một đêm, thừa một đêm, còn ba tháng nữa. Già chết tới gần, Phật pháp sắp diệt. Các đại đức vì muốn đắc đạo nên nhất tâm siêng năng tinh tấn, vì sao, vì chư Phật nhờ siêng năng tinh tấn mà chứng được đạo quả Vô thượng Bồ đề, huống chi là thiện đạo pháp khác.

- Người chưa thọ giới cụ túc đã ra chưa?
- Người chưa thọ giới cụ túc đã ra.
- Nay Tăng hòa hợp để làm gì?
- Đáp: là thuyết giới bố tát.
- Các Tỳ-kheo không đến đã gởi dục và thanh tịnh.

Chắp hai tay ngay ngắn,
Cúng dường Thích Sư tử,
Nay tôi sắp nói giới,
Tăng nhất tâm lắng nghe,
Cho đến trong tội nhỏ,
Tâm cũng phải sợ hãi,

Có tội, nhất tâm sám,
Sau này chớ tái phạm.
Tâm dong ruổi đường ác,
Buông lung khó cấm ngăn.
Phật nói các giới hạnh,
Như thắng dây cương ngựa.
Miệng Phật nói giáo giới,
Người thiện nên tin nhận,
Người này: Ngựa điều thuận,
Phá được quân phiền não.
Nếu không nghe Phật dạy,
Cũng không ưa thích giới,
Người này: Ngựa bất trị,
Mất trong quân phiền não.
Nếu người giữ gìn giới,
Như Mao ngưu tiếc đuôi.
Giữ tâm không buông lung,
Cũng như khỉ bị xích.
Ngày đêm thường tinh tấn,
Cầu trí huệ chân thật,
Người này trong pháp Phật,
Được mạng sống thanh tịnh.

Đại đức tăng lắng nghe, hôm nay là ngày thứ mười lăm bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa. Nếu Tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay thuyết giới bố tát. Bạch như vậy.

Các đại đức, hôm nay cùng bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa. Tăng nhất tâm lắng nghe, nếu ai có tội

thì phát lồ, ai không tội thì im lặng, vì im lặng nên biết các đại đức thanh tịnh. Mỗi lần hỏi đáp, Tỳ-kheo thuyết giới ở trong chúng đều xướng lên ba lần; khi Tỳ-kheo thuyết giới ở trong chúng hỏi đến lần thứ ba, nếu có Tỳ-kheo nhớ nghĩ mình có tội mà không phát lồ thì phạm tội vọng ngữ. Các đại đức, Phật nói tội cố ý vọng ngữ chướng ngăn đạo pháp. Tỳ-kheo ở trong đây nhớ nghĩ mình có tội, muốn cầu thanh tịnh thì nên phát lồ, phát lồ thì được an vui, không phát lồ thì tội càng thêm nặng.

Các đại đức, tôi đã nói Tựa của giới, nay xin hỏi các đại đức, trong đây có thanh tịnh không? (3 lần).

Các đại đức, trong đây thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin nhớ giữ như vậy.

Các đại đức, đây là bốn pháp Ba-la-di mỗi nữa tháng thường tụng, rút ra từ trong Giới kinh:

1. Nếu Tỳ-kheo cùng các Tỳ-kheo vào trong giới pháp, không hoàn giới, giới suy kém, không nói ra, làm pháp dâm dục cho đến cùng với súc sanh thì Tỳ-kheo này phạm Ba-la-di, không được ở chung.

2. Nếu Tỳ-kheo ở trong tụ lạc hay ở chỗ vắng vẻ, không cho mà lấy gọi là trộm cắp. Không cho mà lấy như vậy nếu vua hay bậc đồng vua bắt hay giết hay trói hay đuổi đi và mắng rằng: "Thầy là người ngu si, là kẻ giặc". Không cho mà lấy như

thế thì Tỳ-kheo này phạm Ba-la-di, không được ở chung.

3. Nếu Tỳ-kheo, người hay tợ như người mà tự tay giết chết, hoặc cầm dao đưa cho người hoặc bảo người khác đưa, hoặc chỉ bảo chết, khen ngợi cái chết, nói rằng: "Chao ôi, sống như thế làm chi, thà chết còn hơn". Tùy theo tâm người đó muốn chết mà dùng đủ cách chỉ bảo chết hay khen ngợi cái chết khiến cho người đó do nhân duyên này mà chết thì Tỳ-kheo này phạm Ba-la-di, không được ở chung.

4. Nếu Tỳ-kheo hoàn toàn không có gì, không biết, không thấy Pháp hơn người, Thánh lợi đầy đủ mà nói rằng: "Tôi biết như vậy, tôi thấy như vậy". Thời gian sau có ai hỏi hay không có ai hỏi, Tỳ-kheo này muốn xuất tội để cầu thanh tịnh nên nói rằng: "Tôi thật không biết mà nói là biết, thật không thấy mà nói là thấy, đó là hư dối vọng ngữ" thì Tỳ-kheo này phạm Ba-la-di, không được ở chung.

Các đại đức, tôi đã nói bốn pháp Ba-la-di, nếu Tỳ-kheo phạm mỗi một pháp nào thì không được ở chung, không được cùng làm việc. Như trước (trước khi xuất gia thọ giới), sau (sau khi phạm Ba-la-di) cũng như vậy, Tỳ-kheo phạm Ba-la-di thì không được ở chung và cùng làm việc. Nay xin hỏi các đại đức, trong đây có thanh tịnh không? (3 lần).

Các đại đức, trong đây thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin nhớ giữ như vậy.

Các đại đức, đây là mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa mỗi nữa tháng thường tụng, rút ra từ trong Giới kinh:

1. Nếu Tỳ-kheo cố ý làm xuất tinh thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa, trừ trong mộng.

2. Nếu Tỳ-kheo do dâm loạn biến tâm nên xúc chạm người nữ hoặc nắm tay, nắm cánh tay hoặc nắm tóc hoặc nắm mỗi một thân phần nào, hoặc nâng lên, hoặc để xuống hoặc sờ mó mơn trớn thì Tỳ-kheo này phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

3. Nếu Tỳ-kheo do dâm loạn biến tâm nên nói lời dâm dục thô ác bất thiện, xưng hô với người nữ như nam nữ trẻ tuổi thì Tỳ-kheo này phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

4. Nếu Tỳ-kheo do dâm loạn biến tâm nên tự khen ngợi mình trước người nữ mong họ cúng dường thân, nói rằng: "Chúng tôi là Tỳ-kheo trì giới, đoạn trừ dâm dục, tu hành thiện pháp. Nếu cô đem pháp dâm dục cúng dường thì sự cúng dường này là bậc nhất", Tỳ-kheo này phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

5. Nếu Tỳ-kheo làm mai mối, đem ý người nam nói với người nữ, đem ý người nữ nói với người nam hoặc làm cho họ thành vợ chồng hay thành việc tư thông, dù chỉ trong chốc lát thì Tỳ-kheo này

phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

6. Nếu Tỳ-kheo không có thí chủ, vì mình nên tự xin làm phòng thì nên làm đúng lượng. Lượng làm phòng là dài mười hai gang tay của Phật, bên trong rộng bảy gang tay. Tỳ-kheo này nên yêu cầu các Tỳ-kheo chỉ chỗ làm phòng không có nạn và không có chướng ngại. Nếu Tỳ-kheo không có thì chủ, vì mình nên tự xin làm phòng mà làm ở chỗ có nạn và có chướng ngại, cũng không yêu cầu các Tỳ-kheo chỉ chỗ để làm, lại làm quá lượng thì Tỳ-kheo này phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

7. Nếu Tỳ-kheo có thí chủ, muốn làm phòng lớn, Tỳ-kheo này nên yêu cầu các Tỳ-kheo chỉ chỗ làm phòng không có nạn và không có chướng ngại, các Tỳ-kheo nên chỉ chỗ làm phòng không có nạn và không có chướng ngại. Nếu Tỳ-kheo có thì chủ, vì mình nên làm phòng lớn mà làm ở chỗ có nạn và có chướng ngại, cũng không yêu cầu các Tỳ-kheo chỉ chỗ để làm thì Tỳ-kheo này phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

8. Nếu Tỳ-kheo vì sân giận không vui đem tội Ba-la-di không căn cứ vu báng Tỳ-kheo thanh tịnh không phạm tội, muốn phá hạnh thanh tịnh của tỳ-kheo kia. Thời gian sau, có người hỏi hay không có người hỏi, Tỳ-kheo này biết là việc không căn cứ, chỉ do sân giận mà vu báng, nên nói với các Tỳ-kheo rằng: "Tôi vì sân giận nên nói như thế", thì Tỳ-kheo này phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

9. Nếu Tỳ-kheo vì sân giận không vui, trong phần việc khác lấy một chút tội hay tội tương tợ Ba-la-di, để vu báng Tỳ-kheo thanh tịnh không phạm tội, muốn phá hạnh thanh tịnh của tỳ-kheo kia. Thời gian sau, có người hỏi hay không có người hỏi, Tỳ-kheo này biết là trong phần việc khác lấy chút tội hay tội tương tợ Ba-la-di, chỉ do sân giận mà vu báng, nên nói với các Tỳ-kheo rằng: "Tôi vì sân giận nên nói như thế", thì Tỳ-kheo này phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

10. Nếu Tỳ-kheo muốn phá hòa hợp Tăng, tìm cầu phương tiện thọ trì việc phá Tăng thì các Tỳ-kheo nên can ngăn Tỳ-kheo này rằng: "Thầy chớ phá hòa hợp Tăng, chớ tìm cầu phương tiện thọ trì việc phá Tăng, phải cùng Tăng hòa hợp, hòa hợp thì an lạc không tranh, nhất tâm cùng học như nước hòa với sữa, được an lạc trụ. Thầy nên bỏ việc phá Tăng này". Khi các Tỳ-kheo can ngăn như thế mà không chịu bỏ việc này thì nên can ngăn hai, ba lần cho bỏ việc này, chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì Tỳ-kheo này phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

11. Nếu có Tỳ-kheo muốn phá hòa hợp Tăng, có Tỳ-kheo khác đồng ý trợ giúp, một hay nhiều người nói với các Tỳ-kheo rằng: "Các thầy chớ can ngăn Tỳ-kheo này trong việc này, vì sao, vì Tỳ-kheo này nói đúng pháp, đúng luật không phải là nói phi pháp phi luật, Tỳ-kheo này nói điều gì chúng tôi đều vui thích. Đó là biết mới nói không

phải không biết mà nói, Tỳ-kheo này nói điều gì chúng tôi đều chấp nhận". Lúc đó các Tỳ-kheo nên can ngăn các Tỳ-kheo trợ giúp việc phá tăng rằng: "Thầy chớ nói rằng Tỳ-kheo này nói đúng pháp đúng luật, Tỳ-kheo này nói điều gì chúng tôi đều vui thích. Đó là biết mới nói không phải không biết mà nói, Tỳ-kheo này nói điều gì chúng tôi đều chấp nhận. Các thầy chớ trợ giúp việc phá Tăng, phải vui giúp Tăng hòa hợp; Tăng hòa hợp thì hoan hỷ không tranh, nhất tâm cùng học như nước hòa với sữa, được an lạc trụ". Khi các Tỳ-kheo can ngăn như thế mà vẫn chấp chặt không chịu bỏ thì các Tỳ-kheo nên can ngăn ba lần cho bỏ việc này, nếu chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

12. Nếu Tỳ-kheo nương ở nơi tụ lạc mà làm hạnh xấu, làm nhơ nhà người, ai cũng thấy nghe hay biết thì các Tỳ-kheo nên quở: "Thầy đã làm hạnh xấu, làm nhơ nhà người, ai cũng thấy nghe hay biết, các thầy hãy đi đi, không nên ở đây nữa". Tỳ-kheo này nói với các Tỳ-kheo: "Các thầy tùy dục hành sân sợ si, vì sao, vì có Tỳ-kheo đồng tội như vậy, mà có người bị đuổi có người không bị đuổi". Các Tỳ-kheo nên nói với Tỳ-kheo này: "Thầy chớ nói các Tỳ-kheo tùy dục hành sân sợ si, vì sao, vì các Tỳ-kheo không có tùy dục hành sân sợ si. Các thầy làm hạnh xấu, làm nhơ nhà người, ai cũng thấy nghe hay biết, các thầy hãy bỏ câu nói

tùy dục hành sân sợ si này đi. Các thầy hãy đi đi, không nên ở đây nữa". Khi nói như thế nếu không chịu bỏ lời nói này thì nên khuyên can đến ba lần cho bỏ nói lời nói này, nếu chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

13. Nếu Tỳ-kheo tánh ác khó cùng nói chuyện khi các Tỳ-kheo như pháp như thiện, nói tội mà vị này đã phạm trong giới thì Tỳ-kheo này không chấp nhận còn nói với các Tỳ-kheo rằng: "Các thầy chớ nói tôi tốt hay xấu, tôi cũng không nói các thầy tốt hay xấu". Các Tỳ-kheo nên khuyên rằng: "Các Tỳ-kheo như pháp như thiện nói tội mà thầy đã phạm trong giới, thầy đừng nên không chấp nhận, thầy nên chấp nhận. Các Tỳ-kheo như pháp như luật khuyên can thầy, thầy cũng sẽ như pháp như luật khuyên can các Tỳ-kheo, vì sao, vì làm như thế chúng đệ tử của Như lai mới được tăng trưởng lợi ích, vì cùng khuyên can nhắc nhở và xuất tội cho nhau. Thầy hãy bỏ nghiệp không chấp nhận này đi". Khi các Tỳ-kheo khuyên can như thế mà không chịu bỏ, thì nên khuyên can đến ba lần cho bỏ việc này, nếu chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Các đại đức, tôi đã nói mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa, chín giới trước vừa làm liền phạm, bốn giới sau cho đến can ba lần mới kết thành tội. Nếu Tỳ-kheo biết mình phạm tội mà vẫn cố ý che giấu, tùy che giấu bao lâu thì buộc họ phải hành Ba-lợi-

bà-sa bấy nhiêu. Hành Ba-lợi-bà-sa xong, Tỳ-kheo này nên ở trong Tăng hành sáu ngày sáu đêm Ma-na-đỏa; hành Ma-na-đỏa xong mới cho pháp A-phù-ha-na. Như pháp sám xong, các Tỳ-kheo hoan hỷ, nên ở trong hai mươi vị Tỳ-kheo cho xuất tội, nếu thiếu một vị không đủ hai mươi mà cho xuất tội thì tội của tỳ-kheo kia không được xuất, mà các Tỳ-kheo cũng bị quở trách. Đúng pháp nên làm như thế. Nay xin hỏi các đại đức, trong đây có thanh tịnh không? (3 lần).

Các đại đức, trong đây thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin nhớ giữ như vậy.

Các đại đức, đây là hai pháp Bất định mỗi nữa tháng thường tụng, rút ra từ Giới kinh:

1. Nếu Tỳ-kheo một mình cùng người nữ ngồi ở chỗ khuất, ở bên trong có thể hành dâm; nếu Ưu-bà-di đáng tin nói Tỳ-kheo này ở trong ba pháp hoặc là Ba-la-di hoặc là Tăng-già-bà-thi-sa hoặc là Ba-dật-đề, tùy nói một việc nào; nếu Tỳ-kheo này tự nói là tôi có ngồi ở chỗ như thế, thì trong ba pháp tùy Tỳ-kheo nói là pháp gì, Tăng nên trị phạt tội đó hoặc là Ba-la-di hoặc là Tăng-già-bà-thi-sa hoặc là Ba-dật-đề; hoặc tùy Ưu-bà-di đáng tin nói là việc gì thì Tăng nên trị phạt tội đó. Đây là pháp bất định thứ nhất.

2. Nếu Tỳ-kheo một mình cùng người nữ ngồi chỗ trống vắng là chỗ không thể hành dâm. Nếu có

Ưu-bà-di đáng tin nói Tỳ-kheo ở trong hai pháp hoặc Tăng-già-bà-thi-sa hoặc Ba-dật-đề, tùy nói một việc nào; nếu Tỳ-kheo này tự nói là tôi có ngồi chỗ đó thì theo lời nói đó mà trị hoặc Tăng-già-bà-thi-sa hoặc Ba-dật-đề; hoặc theo lời của Ưu-bà-di đáng tin nói mà trị. Đây là pháp Bất định thứ hai.

Các đại đức, tôi đã nói hai pháp Bất định, nay xin hỏi các đại đức, trong đây có thanh tịnh không? (3 lần).

Các đại đức, trong đây thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin nhớ giữ như vậy.

Các đại đức, đây là ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề mỗi nữa tháng thường tụng rút ra từ Giới kinh:

1. Nếu Tỳ-kheo đã đủ ba y, thời y Ca-hi-na đã hết, được cất chứa y dư cho đến mười ngày, nếu chứa quá mười ngày thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

2. Nếu Tỳ-kheo đã đủ ba y, thời y Ca-hi-na đã hết, nếu trong ba y, lìa một y nào đến chỗ khác ngủ đêm thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, trừ Tăng yết ma cho.

3. Nếu Tỳ-kheo đã đủ ba y, thời y Ca-hi-na đã hết, nếu được vải phi thời, Tỳ-kheo cần y thì được tự tay thọ, thọ rồi nên mau may thành

y. Nếu đủ vải thì tốt, nếu không đủ mà biết còn có thể được thêm cho đủ thì Tỳ-kheo này được cất chứa trong vòng một tháng để được thêm cho đủ.

Nếu cất chứa quá một tháng thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

4. Nếu Tỳ-kheo xin y từ Tỳ-kheo-ni không phải bà con thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, trừ trao đổi.

5. Nếu Tỳ-kheo nhờ Tỳ-kheo-ni không phải bà con giặt y cũ hoặc nhuộm hoặc đập thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

6. Nếu Tỳ-kheo đến cư sĩ hay vợ cư sĩ không phải bà con xin y, được y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, trừ nhân duyên. Nhân duyên là y bị cướp, bị mất, bị cháy, bị trôi.

7. Nếu Tỳ-kheo, y bị cướp hoặc bị mất, bị cháy, bị trôi nên đến cư sĩ, vợ cư sĩ không phải là ba con xin y; nếu cư sĩ, vợ cư sĩ không phải bà con tự tứ thỉnh cho nhiều vải, Tỳ-kheo được thọ cho đến hai y thượng hạ. Nếu thọ quá thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

8. Nếu vì Tỳ-kheo nên cư sĩ, vợ cư sĩ không phải bà con lo liệu số tiền mua y, nghĩ rằng: "Ta đem số tiền này mua y như thế như thế… cúng cho Tỳ-kheo ". Tỳ-kheo này vốn không được thỉnh tùy ý trước, liền khởi tưởng đồng ý đi đến chỗ cư sĩ nói rằng: "Cư sĩ đã lo liệu số tiền mua y như thế cho tôi thì nên mua loại vải như thế như thế…". Vì muốn tốt, nếu được y thì Tỳ-kheo này phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

9. Nếu Tỳ-kheo có hai cư sĩ và vợ cư sĩ không

phải bà con, vì Tỳ-kheo nên mỗi người để dành tiền mua y, nghĩ rằng: "Ta để dành tiền này, mỗi người sẽ mua y như thế như thế cúng cho Tỳ-kheo ", Tỳ-kheo này vốn không được thỉnh tùy ý trước, khởi tưởng đồng ý nên đến chỗ các cư sĩ nói rằng: "Các vị mỗi người để dành tiền mua y, nên hùn chung lại mua một y như thế như thế cúng cho tôi". Vì muốn tốt, nếu được y thì Tỳ-kheo này phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

10. Nếu vì Tỳ-kheo nên vua hoặc đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ sai sứ đưa giá tiền y đến, vị sứ này đến nói với Tỳ-kheo: "Đại đức, vua hoặc đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ đưa giá tiền y này cho thầy, xin hãy nhận lấy". Tỳ-kheo nên nói: "Pháp của tỳ-kheo chúng tôi là không được thọ tiền, khi nào cần y, được vải thanh tịnh tôi sẽ nhận để may thành y thọ trì", vị sứ này nói với Tỳ-kheo: "Đại đức có người chấp sự có thể lo liệu mọi việc cho Tỳ-kheo không?", Tỳ-kheo nên chỉ người chấp sự là người làm việc trong chùa hay là Ưu-bà-tắc cho vị sứ biết. Vị sứ đến nói với người chấp sự: "Lành thay, ông hãy cất giữ số tiền này rồi mua vải như thế như thế cho Tỳ-kheo , khi nào Tỳ-kheo này cần y thì đưa cho vị ấy may thành y thọ trì", nói xong vị sứ trở lại nói với Tỳ-kheo: "Tôi đã đưa tiền cho người chấp sự, đại đức khi nào cần y thì đến đó lấy". Khi Tỳ-kheo này cần y thì nên đến chỗ người chấp sự nói là tôi cần y, như thế đến hai, ba lần; nếu đòi

được y thì tốt, nếu không được thì nên đến trước người chấp sự đứng yên lặng nhắc, như thế đến bốn, năm, sáu lần; nếu đòi được y thì tốt, nếu không được y mà cố nài cho được y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu không đòi được đi nên tự đi hay sai sứ đến chỗ người trước kia đưa tiền y đến nói rằng: "Số tiền y mà ông đưa cho người chấp sự trước kia, tôi không lấy được y, ông nên tự biết đòi lại tiền, chớ để cho mất". Việc này đúng pháp nên làm như thế.

11. Nếu Tỳ-kheo dùng Kiều-xa-da mới làm phu cụ thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

12. Nếu Tỳ-kheo dùng lông dê thuần đen làm phu cụ mới thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

13. Nếu Tỳ-kheo muốn làm phu cụ mới nên dùng hai phần lông dê thuần đen, một phần lông dê trắng và một phần lông dê tạp xấu. Nếu Tỳ-kheo không dùng hai phần lông dê thuần đen, một phần lông dê trắng và một phần lông dê tạp xấu để làm phu cụ mới thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

14. Nếu Tỳ-kheo muốn làm phu cụ mới thì phu cụ cũ phải dùng đủ sáu năm, nếu phu cụ cũ dùng chưa đủ sáu năm dù đem bỏ hay không đem bỏ mà may phu cụ mới thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, trừ Tăng yết ma cho.

15. Nếu Tỳ-kheo muốn làm Ni-sư-đàn mới, bốn bên thành viền của Ni-sư-đàn cũ, mỗi bên nên

lấy chừng một gang tay của Phật để may chồng lên Ni-sư-đàn mới làm cho hoại sắc. Nếu Tỳ-kheo bốn bên thành viền của Ni-sư-đàn cũ, mỗi bên không lấy chừng một gang tay của Phật để may chồng lên Ni-sư-đàn mới làm cho hoại sắc, vì muốn tốt thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

16. Nếu Tỳ-kheo khi đi đường được lông dê muốn thọ thì Tỳ-kheo này được tự mang đi cho đến ba do tuần, nếu không có ai mang giùm mà đi quá ba do tuần thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

17. Nếu Tỳ-kheo nhờ Tỳ-kheo-ni không phải bà con giặt nhuộm lông dê thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

18. Nếu Tỳ-kheo tự tay cầm lấy vàng bạc hay bảo người cầm lấy hay sai người cầm lấy thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

19. Nếu Tỳ-kheo dùng vàng bạc để mua các vật dụng thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

20. Nếu Tỳ-kheo dùng vàng bạc mua bán các thứ thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

21. Nếu Tỳ-kheo cất chứa bát dư được cất chứa đến mười ngày, quá mười ngày thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

22. Nếu Tỳ-kheo, bát đã dùng chưa bị răng nứt đến năm lần mà xin bát mới, vì muốn tốt thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Tỳ-kheo này phải đem bát mới này vào trong Tăng xả, Tăng sẽ lấy bát của

người cuối cùng đưa lại cho Tỳ-kheo này và nói rằng: "Thầy hãy thọ bát này cho đến khi bể". Việc này đúng pháp nên làm như thế.

23. Nếu Tỳ-kheo tự xin tơ sợi bảo thợ dệt không phải bà con dệt thành y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

24. Nếu Tỳ-kheo, có cư sĩ và vợ cư sĩ không phải bà con bảo thợ dệt dệt y cho Tỳ-kheo , Tỳ-kheo này không được tự tứ thỉnh trước, vì muốn y tốt nên làm chút nhân duyên là đến chỗ thợ dệt nói rằng: "Này ông, y này là dệt cho tôi, ông nên dệt cho đẹp, rộng dài và bền chắc, tôi sẽ đưa thêm ít vật cho ông". Tỳ-kheo này tự khuyến dụ hay bảo người khuyến dụ thợ dệt này, sau đó đưa thêm cho thợ dệt ít vật cho đến một bữa ăn hay đáng giá bằng một bữa ăn, vì muốn y tốt, được y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

25. Nếu Tỳ-kheo cho Tỳ-kheo khác y rồi, sau vì sân giận không vui nên tự đoạt lại hay bảo người đoạt lại, nói rằng: "Hãy trả y lại tôi tôi, tôi không cho thầy nữa", thì Tỳ-kheo này phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề và nên ở trước Tỳ-kheo khác xả y này.

26. Nếu Tỳ-kheo còn mười ngày nữa mới đến tự tứ mà được y cúng gấp, Tỳ-kheo cần thì được tự tay thọ và được cất chứa cho đến Thời y, nếu cất chứa quá thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

27. Nếu Tỳ-kheo qua ba tháng hạ, có tháng

nhuần chưa hết tháng tám, nếu Tỳ-kheo ở nơi A-lan-nhã vắng vẻ có nghi sợ các nạn nên gởi lại một trong ba y ở trong tụ lạc. Nếu có nhân duyên xuất giới thì được lìa y ngủ đêm cho đến sáu đêm, nếu quá sáu đêm thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

28. Nếu Tỳ-kheo còn một tháng nữa là hết mùa xuân thì được xin áo tắm mưa và được cất chứa nữa tháng, nếu còn một tháng nữa là hết mùa xuân, Tỳ-kheo xin áo tắm mưa cất chứa quá nữa tháng thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề .

29. Nếu Tỳ-kheo biết đàn việt muốn cúng cho Tăng mà tự lấy xoay về cho mình thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

30. Nếu Tỳ-kheo bị bịnh, Phật cho được dùng bốn loại dược hàm tiêu là tô, dầu, mật và thạch mật. Tỳ-kheo này được cất chứa trong vòng bảy ngày để dùng, nếu cất chứa quá bảy ngày thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Các đại đức, tôi đã nói ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nay xin hỏi các đại đức, trong đây có thanh tịnh không? (3 lần).

Các đại đức, trong đây thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin nhớ giữ như vậy.

Các đại đức, đây là chín mươi pháp Ba-dật-đề mỗi nữa tháng thường tụng rút ra từ Giới kinh:

1. Nếu Tỳ-kheo cố ý vọng ngữ thì phạm Ba-dật-đề.

2. Nếu Tỳ-kheo nói lời chê bai hủy nhục thì phạm Ba-dật-đề.

3. Nếu Tỳ-kheo nói ly gián làm cho các Tỳ-kheo khác tranh cãi nhau thì phạm Ba-dật-đề.

4. Nếu Tỳ-kheo biết Tăng đã như pháp xử đoán việc xong rồi mà phát khởi trở lại thì phạm Ba-dật-đề.

5. Nếu Tỳ-kheo nói pháp cho người nữ quá năm, sáu lời thì phạm Ba-dật-đề, trừ có người nam trí huệ ở bên cạnh.

6. Nếu Tỳ-kheo dạy người chưa thọ giới cụ túc đọc kinh kệ làm cho ồn náo thì phạm Ba-dật-đề.

7. Nếu Tỳ-kheo ở trước người chưa thọ giới cụ túc nói tôi được pháp hơn người, nếu là thật thấy biết nên nói là thấy biết như vậy, thì Tỳ-kheo này phạm Ba-dật-đề.

8. Nếu Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo khác có tội thô mà nói cho người chưa thọ giới cụ túc nghe thì Tỳ-kheo này phạm Ba-dật-đề, trừ Tăng yết ma cho nói.

9. Nếu Tỳ-kheo trước đã hoan hỉ cho, sau lại nói rằng: "Các Tỳ-kheo tùy thuận người quen biết nên hồi chuyển vật của Tăng đem cho" thì Tỳ-kheo này phạm Ba-dật-đề.

10. Nếu Tỳ-kheo khi thuyết giới nói rằng: "Nói những giới vụn vặt ấy làm chi, mỗi nữa tháng từ trong Giới kinh nói những giới này làm cho Tỳ-kheo khác tâm sanh hối, tâm hoại, tâm phiền não,

áy náy, ưu sầu không vui, sanh tâm phản giới muốn hoàn tục", nói lời khinh chê giới như vậy thì Tỳ-kheo này phạm Ba-dật-đề.

11. Nếu Tỳ-kheo chặt phá cây cỏ thì phạm Ba-dật-đề.

12. Nếu Tỳ-kheo hiềm trách quở mắng thì phạm Ba-dật-đề.

13. Nếu Tỳ-kheo không đáp theo câu hỏi, muốn xúc não người khác thì phạm Ba-dật-đề.

14. Nếu Tỳ-kheo đem ngọa cụ, đồ ngồi nằm của Tăng để nơi chỗ đất trống, tự trải hay bảo người trải để ngồi nằm; khi đi không tự dẹp cất, cũng không bảo người khác dẹp cất thì Tỳ-kheo này phạm Ba-dật-đề.

15. Nếu Tỳ-kheo lấy ngọa cụ trong phòng Tỳ-kheo, tự trải hay bảo người trải để ngồi nằm; khi đi không tự dẹp cất, cũng không bảo người khác dẹp cất thì Tỳ-kheo này phạm Ba-dật-đề.

16. Nếu Tỳ-kheo ở trong phòng Tỳ-kheo vì sân giận không vui, tự lôi kéo Tỳ-kheo khác ra hay bảo người khác lôi kéo ra, nói rằng: "Hãy đi đi, thầy không nên ở trong phòng này nữa", vì nhân duyên này không phải vì duyên gì khác thì Tỳ-kheo này phạm Ba-dật-đề.

17. Nếu Tỳ-kheo ở trong phòng Tỳ-kheo, biết các Tỳ-kheo đã trải ngọa cụ ở trước rồi, mình đến sau gượng ở trong đó tự trải ngọa cụ hay bảo người

trải, nghĩ rằng: "Nếu không thích thì tự đi khỏi đây", vì nhân duyên này không phải vì duyên gì khác thì Tỳ-kheo này phạm Ba-dật-đề.

18. Nếu Tỳ-kheo ở trên tầng gác của tỳ-kheo mà dùng sức để ngồi nằm trên giường ngồi hay giường nằm sút chân thì Tỳ-kheo này phạm Ba-dật-đề.

19. Nếu Tỳ-kheo biết nước có trùng mà tự tay dùng tưới lên cỏ hay lên đất hoặc bảo người tưới thì Tỳ-kheo này phạm Ba-dật-đề.

20. Nếu Tỳ-kheo muốn làm phòng xá lớn có cửa cái, cửa sổ, từ đất bằng theo thứ lớp xây lên hai hay ba tầng cho kiên cố, nếu quá ba tầng thì phạm Ba-dật-đề.

21. Nếu Tỳ-kheo, Tăng không sai đi giáo giới Tỳ-kheo-ni mà đi thì phạm Ba-dật-đề.

22. Nếu Tỳ-kheo tuy được Tăng sai đi giáo giới Tỳ-kheo-ni mà giáo giới cho đến khi mặt trời lặn thì Tỳ-kheo này phạm Ba-dật-đề.

23. Nếu Tỳ-kheo nói rằng: "Vì lợi cúng dường nên các Tỳ-kheo đi giáo giới Tỳ-kheo-ni" thì phạm Ba-dật-đề.

24. Nếu Tỳ-kheo ước hẹn đi chung đường với Tỳ-kheo-ni cho đến một tụ lạc thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên. Nhân duyên là có nhiều người làm bạn cùng đi hay nghi có sợ hãi.

25. Nếu Tỳ-kheo ước hẹn đi chung thuyền với

Tỳ-kheo-ni, ngược dòng hay xuôi dòng thì phạm Ba-dật-đề, trừ đi đò ngang qua sông.

26. Nếu Tỳ-kheo đem y cho Tỳ-kheo-ni không phải bà con thì phạm Ba-dật-đề.

27. Nếu Tỳ-kheo may y cho Tỳ-kheo-ni không phải bà con thì phạm Ba-dật-đề.

28. Nếu Tỳ-kheo một mình ngồi ở chỗ khuất với Tỳ-kheo-ni thì phạm Ba-dật-đề.

29. Nếu Tỳ-kheo một mình ngồi ở chỗ đất trống với người nữ thì phạm Ba-dật-đề.

30. Nếu Tỳ-kheo biết do Tỳ-kheo-ni khen ngợi mà được thức ăn, nếu ăn thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên là bạch y thỉnh trước.

31. Nếu Tỳ-kheo thường thường ăn thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên. Nhân duyên là khi bịnh, khi cúng dường.

32. Nếu Tỳ-kheo có thí chủ cúng một bữa ăn, Tỳ-kheo không bịnh nên ăn một bữa, nếu ăn quá một bữa thì phạm Ba-dật-đề.

33. Nếu Tỳ-kheo đến nhà cư sĩ được tự tứ thỉnh cho nhiều bánh bún…, Tỳ-kheo cần thì được thọ hai, ba bát, nếu thọ quá thì phạm Ba-dật-đề. Thọ hai, ba bát rồi mang về nên chia cho các Tỳ-kheo khác ăn, việc này đúng pháp nên làm như vậy.

34. Nếu Tỳ-kheo ăn xong, không thọ pháp thức ăn dư mà ăn nữa thì phạm Ba-dật-đề.

35. Nếu Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo khác đã ăn

xong, không thọ pháp thức ăn dư mà đưa cho nhiều thức ăn, gắng gượng khuyên Tỳ-kheo ăn nữa, nói rằng: "Thầy hãy ăn thức ăn này", vì muốn xúc não Tỳ-kheo kia, nghĩ rằng: "Khiến cho Tỳ-kheo này phiền não cho đến trong chốc lát", vì nhân duyên này không phải vì duyên gì khác thì Tỳ-kheo này phạm Ba-dật-đề.

36. Nếu Tỳ-kheo ăn riêng chúng thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên. Nhân duyên là khi bịnh, khi may y, khi đi đường, khi đi thuyền, khi đại hội, khi Sa-môn ngoại đạo thí thực.

37. Nếu Tỳ-kheo ăn phi thời thì phạm Ba-dật-đề.

38. Nếu Tỳ-kheo ăn thức ăn để cách đêm thì phạm Ba-dật-đề.

39. Nếu Tỳ-kheo không thọ thức ăn uống mà để vào miệng ăn thì phạm Ba-dật-đề, trừ nước và tăm xỉa răng.

40. Nếu Tỳ-kheo trong nhà thí chủ có thức ăn ngon như sữa, lạc, sanh tô, thục tô, dầu, cá, thịt, nem; Tỳ-kheo không bịnh, vì mình mà xin thức ăn ngon như vậy thì phạm Ba-dật-đề.

41. Nếu Tỳ-kheo biết nước có trùng mà lấy dùng thì phạm Ba-dật-đề.

42. Nếu Tỳ-kheo ngồi nơi chỗ nằm trong nhà ăn (nhà có nam nữ thương yêu nhau) thì phạm Ba-dật-đề.

43. Nếu Tỳ-kheo một mình cùng người nữ gượng ngồi nơi chỗ nằm trong nhà ăn thì phạm Ba-dật-đề.

44. Nếu Tỳ-kheo tự tay đưa thức ăn cho ngoại đạo lõa hình nam hay nữ thì phạm Ba-dật-đề.

45. Nếu Tỳ-kheo đến xem quân trận xuất hành thì phạm Ba-dật-đề.

46. Nếu Tỳ-kheo có nhân duyên đến trong quân trận, được ở lại hai đêm; nếu quá hai đêm thì phạm Ba-dật-đề.

47. Nếu Tỳ-kheo ở trong quân trận hai đêm, đến xem quân diễn tập hoặc xem chủ tướng bày binh bố trận thì phạm Ba-dật-đề.

48. Nếu Tỳ-kheo vì sân giận không vui, dùng tay đánh Tỳ-kheo khác thì phạm Ba-dật-đề.

49. Nếu Tỳ-kheo vì sân giận không vui, dùng tay dọa tát Tỳ-kheo khác thì phạm Ba-dật-đề.

50. Nếu Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo khác phạm tội thô mà che giấu cho đến một đêm thì phạm Ba-dật-đề.

51. Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác: "Thầy hãy cùng tôi đến các nhà kia, tôi sẽ bảo họ cúng thức ăn ngon", đến nơi lại không bảo cúng cho thức ăn, mà còn nói rằng: "Thầy hãy đi đi, tôi cùng thầy cùng ngồi, cùng nói chuyện không vui; tôi ngồi một mình, nói chuyện một mình vui hơn", vì muốn xúc não Tỳ-kheo kia, nghĩ rằng: "Khiến cho Tỳ-

kheo này phiền não cho đến trong chốc lát", vì nhân duyên này không phải vì duyên gì khác thì Tỳ-kheo này phạm Ba-dật-đề.

52. Nếu Tỳ-kheo không bịnh, đốt lửa sưởi ấm nơi đất trống, dùng cây cỏ hay phân trâu để đốt hay bảo người khác đốt thì phạm Ba-dật-đề.

53. Nếu Tỳ-kheo khi Tăng như pháp tác pháp, gởi dục rồi sau lại hối thì phạm Ba-dật-đề.

54. Nếu Tỳ-kheo cùng người chưa thọ giới cụ túc ngủ chung phòng quá hai đêm thì phạm Ba-dật-đề.

55. Nếu Tỳ-kheo nói rằng: "Tôi hiểu nghĩa của pháp Phật là hành pháp chướng đạo không thể chướng đạo", các Tỳ-kheo nên can ngăn Tỳ-kheo này: "Thầy chớ nói là tôi hiểu nghĩa của pháp Phật là hành pháp chướng đạo không thể chướng đạo. Thầy chớ hủy báng Phật, hủy báng Phật là không tốt; Phật không nói lời này, Phật dùng đủ nhân duyên nói hành pháp chướng đạo thật là chướng đạo; thầy nên bỏ ác tà kiến này đi". Khi các Tỳ-kheo can ngăn như thế mà không chịu bỏ việc này thì nên can ngăn hai, ba lần cho bỏ việc này, chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì Tỳ-kheo này phạm Ba-dật-đề.

56. Nếu Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo kia nói lời như thế, không như pháp sám hối cũng không chịu bỏ ác tà kiến nên bị tẫn mà lại chứa nuôi cùng làm

việc, cùng nói chuyện, cùng ngủ thì Tỳ-kheo này phạm Ba-dật-đề .

57. Nếu có Sa-di nói rằng: "Tôi hiểu nghĩa của pháp Phật là hành pháp chướng đạo không thể chướng đạo", các Tỳ-kheo nên can ngăn Sa-di này: "Chú chớ nói là tôi hiểu nghĩa của pháp Phật là hành pháp chướng đạo không thể chướng đạo. Chú chớ hủy báng Phật, hủy báng Phật là không tốt; Phật không nói lời này, Phật dùng đủ nhân duyên nói hành pháp chướng đạo thật là chướng đạo; chú nên bỏ ác tà kiến này đi". Khi các Tỳ-kheo can ngăn như thế mà không chịu bỏ việc này thì nên can ngăn hai, ba lần cho bỏ việc này, chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì các Tỳ-kheo nên nói rằng: "Này Sa-di, từ nay chú không được nói Phật là thầy, cũng không được đi theo sau các Tỳ-kheo, không được cùng ngủ chung phòng với các Tỳ-kheo cho đến hai đêm. Chú hãy đi khỏi nơi đây, không được ở đây nữa". Nếu Tỳ-kheo biết Sa-di bị tẫn mà lại chứa nuôi, cùng nói chuyện, cùng ngủ chung thì phạm Ba-dật-đề.

58. Nếu Tỳ-kheo tự tay cầm lấy vật báu hay tợ vật báu, hoặc bảo người khác cầm lấy thì phạm Ba-dật-đề, trừ ở trong tăng phòng hay ở trong trú xứ. Nếu vật báu hay tợ vật báu ở trong Tăng phòng hay ở trong trú xứ, khi cầm lấy nên nghĩ rằng: "Ai là chủ của chúng đến nhận, sẽ giao lại". Việc này đúng pháp nên làm như thế.

59. Nếu Tỳ-kheo được y mới nên dùng một trong ba màu hoặc xanh, hoặc bùn đen hoặc vỏ cây Mộc lan nhuộm làm cho hoại sắc. Nếu Tỳ-kheo không dùng một trong ba màu hoặc xanh, hoặc bùn đen hoặc vỏ cây Mộc lan nhuộm y mới làm cho hoại sắc thì phạm Ba-dật-đề.

60. Nếu Tỳ-kheo chưa tới nữa tháng mà tắm thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên. Nhân duyên là vào một tháng rưỡi của cuối mùa xuân và một tháng đầu của mùa hạ, hai tháng rưỡi này khí trời rất nóng hoặc khi bịnh, khi gió, khi mưa, khi làm việc, khi đi đường.

61. Nếu Tỳ-kheo cố ý giết hại súc sanh thì phạm Ba-dật-đề.

62. Nếu Tỳ-kheo cố ý làm cho Tỳ-kheo khác sanh tâm nghi, nghĩ rằng: "Khiến cho Tỳ-kheo này phiền não cho đến trong chốc lát", vì nhân duyên này không phải vì duyên gì khác thì Tỳ-kheo này phạm Ba-dật-đề.

63. Nếu Tỳ-kheo dùng ngón tay chọc lét Tỳ-kheo khác thì phạm Ba-dật-đề.

64. Nếu Tỳ-kheo đùa giỡn trong nước thì phạm Ba-dật-đề.

65. Nếu Tỳ-kheo cùng người nữ ngủ chung trong một phòng nhà thì phạm Ba-dật-đề .

66. Nếu Tỳ-kheo tự khủng bố Tỳ-kheo khác hay bảo người khủng bố, cho đến đùa giỡn thì

phạm Ba-dật-đề.

67. Nếu Tỳ-kheo đối với các vật cần dùng trong sinh hoạt của tỳ-kheo như y bát, ống kim, khóa cửa, giày dép… tự lấy giấu hay bảo người giấu, cho đến đùa giỡn thì phạm Ba-dật-đề.

68. Nếu Tỳ-kheo đem y cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni rồi lấy lại dùng thì phạm Ba-dật-đề.

69. Nếu Tỳ-kheo đem pháp Tăng-già-bà-thi-sa không căn cứ vu báng Tỳ-kheo khác thì phạm Ba-dật-đề.

70. Nếu Tỳ-kheo hẹn với người nữ đi chung đường, cho đến một tụ lạc thì phạm Ba-dật-đề.

71. Nếu Tỳ-kheo hẹn với giặc đi chung đường, cho đến một tụ lạc thì phạm Ba-dật-đề.

72. Nếu Tỳ-kheo cho người chưa đủ hai mươi tuổi thọ giới cụ túc thì phạm Ba-dật-đề. Người này không đắc giới mà các Tỳ-kheo cũng bị quở trách. Việc này đúng pháp nên làm như thế.

73. Nếu Tỳ-kheo tự tay đào đất hay bảo người khác đào, hoặc chỉ chỗ nói rằng: "Hãy đào chỗ này" thì phạm Ba-dật-đề.

74. Nếu Tỳ-kheo thọ tự tứ thỉnh trong bốn tháng, qua bốn tháng mà thọ nữa thì phạm Ba-dật-đề, trừ thường tự tứ thỉnh, nhiều lần tự thứ thỉnh hay thọ tự tứ thỉnh riêng.

75. Nếu Tỳ-kheo khi thuyết giới nói rằng: "Tôi

nay chưa học giới này, tôi sẽ hỏi các Tỳ-kheo đọc tụng kinh luật luận", thì phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo muốn được pháp lợi thì nên học Giới kinh, cũng nên hỏi các Tỳ-kheo đọc tụng kinh luật luận, hỏi rằng: "Đại đức, lời này có ý nghĩa gì?", việc này đúng pháp nên làm như thế.

76. Nếu Tỳ-kheo khi cùng các Tỳ-kheo khác tranh cãi, đứng ở chỗ khuất lặng lẽ nghe lén, nghĩ rằng: "Những lời các Tỳ-kheo này nói, ta sẽ nhớ giữ" thì phạm Ba-dật-đề.

77. Nếu Tỳ-kheo khi Tăng xử đoán việc, im lặng đứng dậy bỏ đi thì phạm Ba-dật-đề.

78. Nếu Tỳ-kheo khinh thường Tỳ-kheo khác thì phạm Ba-dật-đề.

79. Nếu Tỳ-kheo uống rượu thì phạm Ba-dật-đề.

80. Nếu Tỳ-kheo phi thời vào tụ lạc mà không bạch với thiện Tỳ-kheo khác thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên.

81. Nếu Tỳ-kheo thọ thỉnh thực rồi, trước giờ ăn hay sau giờ ăn lại đi đến nhà khác thì phạm Ba-dật-đề .

82. Nếu Tỳ-kheo trời chưa sáng, vua dòng Sát-đế-lỵ đã làm lễ Quán đảnh chưa cất báu vật mà Tỳ-kheo bước qua ngạch cửa cung thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên.

83. Nếu Tỳ-kheo khi thuyết giới nói rằng: "Tôi

nay mới biết pháp này mỗi nữa tháng thường tụng, rút ra từ trong Giới kinh", các Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo này đã ngồi trong chỗ thuyết giới hai, ba lần huống chi là nhiều lần. Tỳ-kheo này không phải vì không biết mà được thoát tội, tùy theo tội đã phạm nên như pháp mà trị, nên quở trách rằng: "Thầy đã mất lợi, không lợi, không tốt; khi thuyết giới thầy đã không kính giới, không nhất tâm nhớ nghĩ, không lắng tai nghe pháp", do việc này nên phạm Ba-dật-đề.

84. Nếu Tỳ-kheo làm ống kim bằng ngà, xương hay sừng thì phạm Ba-dật-đề.

85. Nếu Tỳ-kheo muốn làm tòa ngồi hay giường nằm, chân giường nên cao bằng tám ngón tay của Như lai, trừ chỗ tra vào lỗ bệ, nếu cao quá tám ngón tay thì phạm Ba-dật-đề.

86. Nếu Tỳ-kheo tự lấy bông Đâu la miên dồn nệm hay bảo người khác dồn thì phạm Ba-dật-đề.

87. Nếu Tỳ-kheo muốn may áo tắm mưa, nên liệu lượng, lượng trong đây là dài sáu gang tay của Phật, rộng hai gang rưỡi, nếu may quá lượng này thì phạm Ba-dật-đề.

88. Nếu Tỳ-kheo muốn may áo che thân, nên liệu lượng, lượng trong đây là dài bốn gang tay của Phật, rộng hai gang rưỡi, nếu may quá lượng này thì phạm Ba-dật-đề.

89. Nếu Tỳ-kheo muốn may Ni-sư-đàn nên liệu

lượng, lượng trong đây là dài hai gang tay của Phật, rộng một gang rưỡi, nếu thân lớn thì may thêm một gang tay nữa. Nếu may quá lượng này thì phạm Ba-dật-đề.

90. Nếu Tỳ-kheo may y bằng kích lượng y của Phật hay hơn kích lượng của Phật thì phạm Ba-dật-đề, kích lượng y của Phật là dài chín gang tay, rộng sáu gang tay.

Các đại đức, tôi đã nói chín mươi pháp Ba-dật-đề, nay xin hỏi các đại đức, trong đây có thanh tịnh không? (3 lần).

Các đại đức, trong đây thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin nhớ giữ như vậy.

Các đại đức, đây là bốn pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni, mỗi nữa tháng thường tụng, rút ra từ trong Giới kinh:

1. Nếu Tỳ-kheo không bịnh, ở trong nhà bạch y tự tay thọ thức ăn từ Tỳ-kheo-ni không phải bà con; Tỳ-kheo này nên đến bên Tỳ-kheo khác nói tội rằng: "Đại đức, tôi phạm pháp đáng quở trách, là việc không nên làm, nay đến bên đại đức nói tội". Đây là pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni thứ nhất.

2. Có các Tỳ-kheo đến nhà bạch y thọ thỉnh thực, trong nhà này có một Tỳ-kheo-ni chỉ bảo bạch y đưa cơm cho Tỳ-kheo này, đưa canh cho Tỳ-kheo kia. Các Tỳ-kheo nên nói với Tỳ-kheo-ni này rằng: "Cô hãy thôi đi, hãy đợi các Tỳ-kheo

dùng cơm xong", nếu trong các Tỳ-kheo không có ai nói với Tỳ-kheo-ni này như vậy thì các Tỳ-kheo này nên đến bên Tỳ-kheo khác nói tội rằng: "Đại đức, tôi phạm pháp đáng quở trách, là việc không nên làm, nay đến bên đại đức nói tội". Đây là pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni thứ hai.

3. Có nhà của Học gia, chư Tăng đã tác pháp yết ma Học gia; nếu Tỳ-kheo biết Tăng đã tác pháp yết ma Học gia, Tỳ-kheo này trước không được tự tứ thỉnh mà đến trong nhà Học gia này tự tay thọ thức ăn, Tỳ-kheo này nên đến bên Tỳ-kheo khác nói tội rằng: "Đại đức, tôi phạm pháp đáng quở trách, là việc không nên làm, nay đến bên đại đức nói tội". Đây là pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni thứ ba.

4. Có trú xứ A-lan-nhã là nơi có nghi sợ, nếu Tỳ-kheo biết trước trú xứ A-lan-nhã này là nơi có nghi sợ, Tăng cũng chưa tác pháp yết ma cho mà lại ở ngoài tinh xá thọ thức ăn, Tỳ-kheo này nên đến bên Tỳ-kheo khác nói tội rằng: "Đại đức, tôi phạm pháp đáng quở trách, là việc không nên làm, nay đến bên đại đức nói tội". Đây là pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni thứ tư.

Các đại đức, tôi đã nói bốn pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni, nay xin hỏi các đại đức, trong đây có thanh tịnh không? (3 lần).

Các đại đức, trong đây thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin nhớ giữ như vậy.

Các đại đức, đây là Chúng học pháp, mỗi nữa tháng thường tụng, rút ra từ trong Giới kinh:

1. Không được mặc nội y quá cao, cần nên học.

2. Không được mặc nội y quá thấp, cần nên học.

3. Không được mặc nội y so le, cần nên học.

4. Không được mặc nội y giống như đầu cái rìu, cân nên học.

5. Không được mặc nội y giống như lá Đa-la, cần nên học.

6. Không được mặc nội y quấn như cái vòi voi, cần nên học.

7. Không được mặc nội y quấn vo tròn, cần nên học.

8. Không được mặc nội y xếp nếp nhỏ, cần nên học.

9. Không được mặc nội y giống như hai tai, cần nên học.

10. Không được mặc nội y xốc xếch, cần nên học.

11. Không được mặc nội y cột lỏng lẻo, cần nên học.

12. Nên mặc nội y cho tề chỉnh, cần nên học.

13. Không được mặc y quá cao, cần nên học.

14. Không được mặc y quá thấp, cần nên học.

15. Không được mặc y so le, cần nên học.

16. Nên mặc y cho tề chỉnh, cần nên học.

17. Khéo che thân khi đi vào nhà thế tục, cần nên học.

18. Khéo che thân khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

19. Khéo nhiếp thân khi đi vào nhà thế tục, cần nên học.

20. Khéo nhiếp thân khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

21. Không được liếc ngó hai bên khi đi vào nhà thế tục, cần nên học.

22. Không được liếc ngó hai bên khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

23. Không được chê hôi khi đi vào nhà thế tục, cần nên học.

24. Không được chê hôi khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

25. Không được tự đại khi đi vào nhà thế tục, cần nên học.

26. Không được tự đại khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

27. Nói nhỏ tiếng khi đi vào nhà thế tục, cần nên học.

28. Nói nhỏ tiếng khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

29. Không được quỳ gối ở trong nhà thế tục, cần nên học.

30. Không được quỳ gối khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

31. Không được che phủ đầu khi đi vào nhà thế tục, cần nên học.

32. Không được che phủ đầu khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

33. Không được quấn trùm đầu khi đi vào nhà thế tục, cần nên học.

34. Không được quấn trùm đầu khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

35. Không được chống nạnh khi đi vào nhà thế tục, cần nên học.

36. Không được chống nạnh khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

37. Không được lộ bày ngực khi đi vào nhà thế tục, cần nên học.

38. Không được lộ bày ngực khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

39. Không được lộ bày hông khi đi vào nhà thế tục, cần nên học.

40. Không được lộ bày hông khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

41. Không được lật ngược y khi đi vào nhà thế tục, cần nên học.

42. Không được lật ngược y khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

43. Không được vắt y qua hai bên khi đi vào

nhà thế tục, cần nên học.

44. Không được vắt y qua hai bên khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

45. Không được buông thả y nhảy khi đi vào nhà thế tục, cần nên học.

46. Không được buông thả y nhảy khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

47. Không được đánh đưa cánh tay khi đi vào nhà thế tục, cần nên học.

48. Không được đánh đưa cánh tay khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

49. Không được nhún vai khi đi vào nhà thế tục, cần nên học.

50. Không được nhún vai khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

51. Không được lay lắc đầu khi đi vào nhà thế tục, cần nên học.

52. Không được lay lắc đầu khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

53. Không được uốn éo thân khi đi vào nhà thế tục, cần nên học.

54. Không được uốn éo thân khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

55. Không được nắm tay khi đi vào nhà thế tục, cần nên học.

56. Không được nắm tay khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

57. Không được đi cà nhắc khi đi vào nhà thế tục, cần nên học.

58. Không được đi cà nhắc khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

59. Không được đi kéo lê chân khi đi vào nhà thế tục, cần nên học.

60. Không được đi kéo lê chân khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

61. Không được chống cằm khi ngồi trong nhà thế tục, làm cho bạch y cười, cần nên học.

62. Nhất tâm thọ thực, cần nên học.

63. Nhất tâm thọ canh, cần nên học.

64. Không được thọ cơm, thức ăn đầy tràn bát, cần nên học.

65. Cơm canh phải đồng ăn, cần nên học.

66. Không được moi thức ăn ở một bên mà ăn, cần nên học.

67. Không được chỉ lựa ăn thức ăn ngon trong bát, cần nên học.

68. Không được vắt cơm thành miếng lớn mà ăn, cần nên học.

69. Nên vắt cơm vừa miệng mà ăn, cần nên học.

70. Không được há miệng đợi cơm đến mà ăn, cần nên học.

71. Không được miệng ngậm cơm nói chuyện, cần nên học.

72. Không được cắn cơm, thức ăn một nữa mà ăn, cần nên học.

73. Không được nhai cơm, thức ăn ra tiếng, cần nên học.

74. Không được nuốt trọng cơm, thức ăn, cần nên học.

75. Không được chưa nuốt mà ăn nữa, cần nên học.

76. Không được le lưỡi mà ăn, cần nên học.

77. Không được ngửi thức ăn rồi mới ăn, cần nên học.

78. Không được liếm tay mà ăn, cần nên học.

79. Không được dùng ngón tay vét bát mà ăn, cần nên học.

80. Không được bỏ cơm và thức ăn, cần nên học.

81. Không được rảy tay rảy bỏ thức ăn dính nơi tay, cần nên học.

82. Không được tay dơ cầm đồ đựng cơm và thức ăn, cần nên học.

83. Không được lấy cơm phủ lên canh để mong được thêm, cần nên học.

84. Không bịnh, không được xin cơm canh cho mình, cần nên học.

85. Không được khởi tâm ganh tỵ mà ngó trong bát của người ngồi gần, cần nên học.

86. Nhất tâm nhìn vào bát mà ăn, cần nên học.

87. Nên ăn theo thứ lớp, cần nên học.

88. Không được đổ nước rửa bát trong nhà cư sĩ, trừ khi đã hỏi họ, cần nên học.

89. Không được thuyết pháp cho người cưỡi ngựa nghe, trừ bịnh, cần nên học.

90. Tỳ-kheo ở phía sau không được thuyết pháp cho người ở phía trước nghe, trừ bịnh, cần nên học.

91. Tỳ-kheo đứng bên lề đường không được thuyết pháp cho người đứng ở giữa đường nghe, trừ bịnh, cần nên học.

92. Tỳ-kheo ở chỗ thấp không được thuyết pháp cho người ở chỗ cao nghe, trừ bịnh, cần nên học.

93. Tỳ-kheo đứng không được thuyết pháp cho người ngồi nghe, trừ bịnh, cần nên học.

94. Tỳ-kheo ngồi không được thuyết pháp cho người nằm nghe, trừ bịnh, cần nên học.

95. Không được thuyết pháp cho người quấn trùm đầu nghe, trừ bịnh, cần nên học.

96. Không được thuyết pháp cho người chống nạnh nghe, trừ bịnh, cần nên học.

97. Không được thuyết pháp cho người lộ bày ngực nghe, trừ bịnh, cần nên học.

98. Không được thuyết pháp cho người lộ bày hông nghe, trừ bịnh, cần nên học.

99. Không được thuyết pháp cho người lật ngược y nghe, trừ bịnh, cần nên học.

100. Không được thuyết pháp cho người vắt y sang hai bên nghe, trừ bịnh, cần nên học.

101. Không được thuyết pháp cho người buông thả y nhảy nghe, trừ bịnh, cần nên học.

102. Không được thuyết pháp cho người mang guốc nghe, trừ bịnh, cần nên học.

103. Không được thuyết pháp cho người mang giày da nghe, trừ bịnh, cần nên học.

104. Không được thuyết pháp cho người cầm gậy nghe, trừ bịnh, cần nên học.

105. Không được thuyết pháp cho người cầm dù nghe, trừ bịnh, cần nên học,

106. Không được thuyết pháp cho người cầm đao dài năm thước Tàu nghe, trừ bịnh, cần nên học.

107. Không được thuyết pháp cho người cầm dao nhỏ nghe, trừ bịn, cần nên học.

108. Không được thuyết pháp cho người cầm cung tên và các loại binh khí khác, trừ bịnh, cần nên học.

109. Không được khạc nhổ, đại tiểu tiện trên cỏ tươi, trừ bịnh, cần nên học.

110. Không được khạc nhổ, đại tiểu tiện trong nước sạch, trừ bịnh, cần nên học.

111. Không được đứng đại tiểu tiện, trừ bịnh, cần nên học.

112. Không được leo lên cây cao quá đầu người, trừ nhân duyên cấp thiết, cần nên học.

Các đại đức, tôi đã nói Chúng học pháp, nay xin hỏi các đại đức, trong đây có thanh tịnh không? (3 lần).

Các đại đức, trong đây thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin nhớ giữ như vậy.

Các đại đức, đây là bảy pháp Diệt tránh, mỗi nữa tháng thường tụng, rút ra từ trong Giới kinh:

1. Người đáng cho Hiện tiền Tỳ-ni thì nên cho Hiện tiền Tỳ-ni.

2. Người đáng cho Ức niệm Tỳ-ni thì nên cho Ức niệm Tỳ-ni.

3. Người đáng cho Bất si Tỳ-ni thì nên cho Bất si Tỳ-ni.

4. Người đáng cho Tự ngôn Tỳ-ni để trị thì nên cho Tự ngôn Tỳ-ni.

5. Người đáng cho Mích tội tướng Tỳ-ni thì nên cho Thật mích Tỳ-ni.

6. Người đáng cho Đa mích Tỳ-ni thì nên cho Đa mích Tỳ-ni.

7. Trong Tăng nếu có xảy ra việc tranh cãi đáng dùng Bố thảo Tỳ-ni để diệt trừ thì nên dùng Bố thảo Tỳ-ni để diệt trừ, cần nên học.

Các đại đức, tôi đã nói bảy pháp Diệt tránh, Nay xin hỏi các đại đức, trong đây có thanh tịnh không? (3 lần).

Các đại đức, trong đây thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin nhớ giữ như vậy.

Các đại đức, tôi đã nói Tựa của Giới kinh, đã nói bốn pháp Ba-la-di, mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa, hai pháp Bất định, ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, chín mươi pháp Ba-dật-đề, bốn pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni, đã nói các pháp cần nên học và đã nói bảy pháp Diệt tránh. Tất cả những giới như vậy do Phật nói ra trong Giới kinh, mỗi nữa tháng thường tụng và những giới pháp tùy thuận đạo khác nữa. Các đại đức trong đây nên nhất tâm hoan hỉ không tranh cãi, hòa hợp như nước với sữa mới được an lạc hạnh, cần nên học. Tỳ bà thi Như lai vô sở trước đẳng chánh giác nói Giới kinh này cho sáu trăm hai mươi vạn Tỳ-kheo vây quanh như sau:

"Nhẫn nhục, đạo thứ nhất,
Niết-bàn, Phật ca ngợi,
Xuất gia xúc não người,
Không gọi là Sa-môn".

Thi-khí Như-lai vô sở trước đẳng chánh giác nói Giới kinh này cho tám mươi vạn Tỳ-kheo vây quanh như sau:

"Ví như người mắt sáng,
Tránh được đường hiểm ác.
Đời có người thông minh,
Xa lìa được các ác".

Tùy-khí Như-lai vô sở trước đẳng chánh giác nói Giới kinh này cho mười vạn Tỳ-kheo vây quanh như sau:

"Không phiền, không nói lỗi,
Hành trì theo giới pháp,
Ăn uống biết vừa đủ,
Thường thích chỗ tịch tĩnh,
Tâm tịnh, ưa tinh tấn,
Là lời chư Phật dạy".

Câu-lưu-tôn Như-lai vô sở trước đẳng chánh giác nói Giới kinh này cho bốn vạn Tỳ-kheo vây quanh như sau:

"Như Ong hút mật hoa,
Không hoại sắc và hương,
Lấy vị ngọt rồi đi.
Tỳ-kheo vào tụ lạc,
Không phá hoại việc người,
Không xem làm, không làm,
Chỉ xét lại hạnh mình,
Là thiện hay bất thiện".

Câu-na-hàm Như-lai vô sở trước đẳng chánh giác nói Giới kinh này cho ba vạn Tỳ-kheo vây quanh như sau:

"Muốn được tâm tốt chớ buông lung,
Siêng học thiện pháp của Thánh nhân.
Nếu người có trí, tâm tịch tĩnh,
Mới có thể không còn lo buồn".

Ca-diếp Như-lai vô sở trước đẳng chánh giác nói Giới kinh này cho hai vạn Tỳ-kheo vây quanh như sau:

"Không làm các điều ác,
Làm tất cả điều thiện,
Tự thanh tịnh tâm ý,
Là lời chư Phật dạy".

Thích-ca-mâu-ni Như-lai vô sở trước đẳng chánh giác nói Giới kinh này cho một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo vây quanh như sau:

"Lành thay, hộ thân nghiệp,
Lành thay, hộ khẩu nghiệp,
Lành thay hộ ý nghiệp,
Hộ tất cả lành thay.
Tỳ-kheo hộ ba nghiệp,
Xa lìa được các khổ.
Tỳ-kheo gìn khẩu ý,
Thân không làm điều ác,
Ba nghiệp được thanh tịnh,
Chứng được đạo thánh nhân.
Bị người đánh mắng, không đáp trả,
Bị người sân giận, tâm không sân,
Đối với người si, tâm thường tịnh,
Thấy người làm ác, mình không làm.
Bảy Phật là Thế tôn ,
Cứu hộ cho thế gian,
Nên nói Giới kinh này.
Tôi đã nói giới xong,
Chư Phật và đệ tử,
Cung kính Giới kinh này,
Cung kính Giới kinh rồi,

Tất cả cung kính nhau,
Hổ thẹn được đầy đủ, Chứng được đạo Vô vi".

Các đại đức, đã nói Giới kinh xong, Tăng nhất tâm được bố tát.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 76

THẬP TỤNG
TỲ KHEO NI BA LA ĐỀ
MỘC XOA GIỚI BỔN

SỐ 1437

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1437

THẬP TỤNG TỲ KHEO NI BA LA ĐỀ MỘC XOA GIỚI BỔN

TỲ KHEO NI GIỚI BỔN

Đại đức ni tăng lắng nghe, một tháng mùa Đông đã qua, thiếu một đêm, thừa một đêm, còn ba tháng nữa. Già chết tới gần, Phật pháp sắp diệt. Các đại đức ni vì muốn đắc đạo nên nhất tâm siêng năng tinh tấn, vì sao, vì chư Phật nhờ siêng năng tinh tấn mà chứng được đạo quả Vô thượng Bồ đề, huống chi là thiện đạo pháp khác.

- Người chưa thọ giới cụ túc đã ra.

- Nay Tăng hòa hợp để làm gì?, đáp là thuyết giới bố tát.

- Các Tỳ-kheo-ni không đến đã gởi dục và thanh tịnh.

Chắp hai tay ngay ngắn,
Cúng dường Thích Sư tử,
Nay tôi sắp nói giới,
Tăng nhất tâm lắng nghe,
Cho đến trong tội nhỏ,
Tâm cũng phải sợ hãi,
Có tội, nhất tâm sám,

Sau này chớ tái phạm.
Tâm dong ruổi đường ác,
Buông lung khó cấm ngăn.
Phật nói các giới hạnh,
Như thắng dây cương ngựa.
Miệng Phật nói giáo giới,
Người thiện nên tin nhận,
Người này: Ngựa điều thuận,
Phá được quân phiền não.
Nếu không nghe Phật dạy,
Cũng không ưa thích giới,
Người này: Ngựa bất trị,
Mất trong quân phiền não.
Nếu người giữ gìn giới,
Như Mao ngưu tiếc đuôi.
Giữ tâm không buông lung,
Cũng như khỉ bị xích.
Ngày đêm thường tinh tấn,
Cầu trí huệ chân thật,
Người này trong pháp Phật,
Được mạng sống thanh tịnh.

Đại đức ni tăng lắng nghe, hôm nay là ngày thứ mười lăm bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa. Nếu Tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay thuyết giới bố tát. Bạch như vậy.

Các đại đức ni, hôm nay cùng bố tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa. Tăng nhất tâm lắng nghe, nếu ai có tội thì phát lồ, ai không tội thì im lặng, vì im lặng

nên biết các đại đức ni thanh tịnh. Mỗi lần hỏi đáp, Tỳ-kheo-ni thuyết giới ở trong chúng đều xướng lên ba lần; khi Tỳ-kheo-ni thuyết giới ở trong chúng hỏi đến lần thứ ba, nếu có Tỳ-kheo-ni nhớ nghĩ mình có tội mà không phát lồ thì phạm tội vọng ngữ. Các đại đức ni, Phật nói tội cố ý vọng ngữ chướng ngăn đạo pháp. Tỳ-kheo-ni ở trong đây nhớ nghĩ mình có tội, muốn cầu thanh tịnh thì nên phát lồ, phát lồ thì được an vui, không phát lồ thì tội càng thêm nặng.

Các đại đức ni, tôi đã nói Tựa của giới, nay xin hỏi các đại đức ni, trong đây có thanh tịnh không? (3 lần).

Các đại đức ni, trong đây thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin nhớ giữ như vậy.

Các đại đức ni, đây là tám pháp Ba-la-di mỗi nữa tháng thường tụng, rút ra từ trong Giới kinh:

1. Nếu Tỳ-kheo-ni cùng các Tỳ-kheo-ni vào trong giới pháp, không hoàn giới, giới suy kém, không nói ra, làm pháp dâm dục cho đến cùng với súc sanh thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-la-di, không được ở chung.

2. Nếu Tỳ-kheo-ni ở trong tụ lạc hay ở chỗ vắng vẻ, không cho mà lấy gọi là trộm cắp. Không cho mà lấy như vậy nếu vua hay bậc đồng vua bắt hay giết hay trói hay đuổi đi và mắng rằng: "Cô là người ngu si, là kẻ giặc". Không cho mà lấy như

thế thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-la-di, không được ở chung.

3. Nếu Tỳ-kheo-ni, người hay tợ như người mà tự tay giết chết, hoặc cầm dao đưa cho người hoặc bảo người khác đưa, hoặc chỉ bảo chết, khen ngợi cái chết, nói rằng: "Chao ôi, sống như thế làm chi, thà chết còn hơn". Tùy theo tâm người đó muốn chết mà dùng đủ cách chỉ bảo chết hay khen ngợi cái chết khiến cho người đó do nhân duyên này mà chết thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-la-di, không được ở chung.

4. Nếu Tỳ-kheo-ni hoàn toàn không có gì, không biết, không thấy Pháp hơn người, Thánh lợi đầy đủ mà nói rằng: "Tôi biết như vậy, tôi thấy như vậy". Thời gian sau có ai hỏi hay không có ai hỏi, Tỳ-kheo-ni này muốn xuất tội để cầu thanh tịnh nên nói rằng: "Tôi thật không biết mà nói là biết, thật không thấy mà nói là thấy, đó là hư dối vọng ngữ" thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-la-di, không được ở chung.

5. Nếu Tỳ-kheo-ni có lậu tâm chấp thuận cho người nam có lậu tâm, từ mé tóc trở xuống cho đến từ đầu gối trở lên sờ mó thuận hay nghịch, hoặc kéo hay đẩy, hoặc đè xuống hay bồng lên… thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-la-di, không được ở chung.

6. Nếu Tỳ-kheo-ni có lậu tâm chấp thuận cho người nam có lậu tâm nắm tay, nắm áo, cùng đứng,

cùng nói chuyện, cùng hẹn hò, vào chỗ khuất, đợi người nam đến, làm tướng như cư sĩ nữ. Do tám việc này biểu hiện tướng tham đắm nên Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-la-di, không được ở chung.

7. Nếu Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo-ni kia phạm tội trọng mà che giấu cho đến một đêm. Thời gian sau, Tỳ-kheo-ni kia thôi tu hay còn tu, chết hay bỏ đi; Tỳ-kheo-ni này mới nói rằng: "Trước đây tôi cũng biết Tỳ-kheo-ni kia phạm tội như vậy, nhưng không muốn nói ra, cũng không nói cho Tăng biết, vì sợ có người nói là sao em lại làm nhơ chị mình", thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-la-di, không được ở chung.

8. Nếu Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo bị Tăng nhất tâm hòa hợp cho yết ma Bất kiến tẫn, một mình không có hai, không bè bạn, không thôi dứt. Tỳ-kheo-ni này lại tùy thuận Tỳ-kheo kia, các Tỳ-kheo-ni nên can ngăn Tỳ-kheo-ni này: "Tỳ-kheo kia bị Tăng nhất tâm hòa hợp cho yết ma Bất kiến tẫn, một mình không có hai, không bè bạn, không thôi dứt. Cô đừng tùy thuận Tỳ-kheo kia nữa". Khi các Tỳ-kheo-ni can ngăn như thế mà không chịu bỏ việc này thì nên can ngăn hai, ba lần cho bỏ việc này, chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-la-di, không được ở chung.

Các đại đức ni, tôi đã nói tám pháp Ba-la-di, nếu Tỳ-kheo-ni phạm mỗi một pháp nào thì không được ở chung, không được cùng làm việc. Như

trước (trước khi xuất gia thọ giới), sau (sau khi phạm Ba-la-di) cũng như vậy, Tỳ-kheo-ni phạm Ba-la-di thì không được ở chung và cùng làm việc. Nay xin hỏi các đại đức ni, trong đây có thanh tịnh không? (3 lần).

Các đại đức ni, trong đây thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin nhớ giữ như vậy.

Các đại đức ni, đây là mười bảy pháp Tăng-già-bà-thi-sa, mỗi nữa tháng thường tụng, rút ra từ trong Giới kinh:

1. Nếu Tỳ-kheo-ni làm mai mối, đem ý người nam nói với người nữ, đem ý người nữ nói với người nam hoặc làm cho họ thành vợ chồng hay thành việc tư thông, dù chỉ trong chốc lát thì Tỳ-kheo-ni này phạm Tăng-già-bà-thi-sa, pháp này vừa làm liền phạm, nên sám hối.

2. Nếu Tỳ-kheo-ni vì sân giận không vui đem tội Ba-la-di không căn cứ vu báng Tỳ-kheo-ni thanh tịnh không phạm tội, muốn phá hạnh thanh tịnh của tỳ-kheo-ni kia. Thời gian sau, có người hỏi hay không có người hỏi, Tỳ-kheo-ni này biết là việc không căn cứ, chỉ do sân giận mà vu báng, nên nói với các Tỳ-kheo-ni rằng: "Tôi vì sân giận nên nói như thế", thì Tỳ-kheo-ni này phạm Tăng-già-bà-thi-sa, pháp này vừa làm liền phạm, nên sám hối.

3. Nếu Tỳ-kheo-ni vì sân giận không vui, trong

phần việc khác lấy một chút tội hay tội tương tợ Ba-la-di, để vu báng Tỳ-kheo-ni thanh tịnh không phạm tội, muốn phá hạnh thanh tịnh của tỳ-kheo-ni kia. Thời gian sau, có người hỏi hay không có người hỏi, Tỳ-kheo-ni này biết là trong phần việc khác lấy chút tội hay tội tương tợ Ba-la-di, chỉ do sân giận mà vu báng, nên nói với các Tỳ-kheo-ni rằng: "Tôi vì sân giận nên nói như thế", thì Tỳ-kheo-ni này phạm Tăng-già-bà-thi-sa, pháp này vừa làm liền phạm, nên sám hối.

4. Nếu Tỳ-kheo-ni có lậu tâm tự tay thọ thức ăn từ người nam có lậu tâm thì Tỳ-kheo-ni này phạm Tăng-già-bà-thi-sa, pháp này vừa làm liền phạm, nên sám hối.

5. Nếu Tỳ-kheo-ni nói với Tỳ-kheo-ni kia rằng: "Cô không có lậu tâm tự tay thọ thức ăn từ người nam có lậu tâm, tùy ý thọ dụng thì đối với cô đâu có hề gì", thì Tỳ-kheo-ni này phạm Tăng-già-bà-thi-sa, pháp này vừa làm liền phạm, nên sám hối.

6. Nếu Tỳ-kheo-ni ban ngay hay ban đêm một mình đi đến tụ lạc khác hay giới khác, một mình lội qua bờ kia sông và ngủ đêm lại một mình thì Tỳ-kheo-ni này phạm Tăng-già-bà-thi-sa, pháp này vừa làm liền phạm, nên sám hối.

7. Nếu Tỳ-kheo-ni dựa vào thế lực đến chỗ vua, quan hay chỗ cư sĩ, Bà-la-môn để thưa kiện người khác thì Tỳ-kheo-ni này phạm Tăng-già-bà-thi-sa,

pháp này vừa làm liền phạm, nên sám hối.

8. Nếu Tỳ-kheo-ni biết người kia là nữ tặc, tội đáng chết mọi người đều biết, vua quan không cho mà lại độ làm đệ tử thì Tỳ-kheo-ni này phạm Tăng-già-bà-thi-sa, pháp này vừa làm liền phạm, nên sám hối.

9. Nếu Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo-ni kia bị Tăng nhất tâm hòa hợp cho yết ma Bất kiến tẫn, không hỏi Tỳ-kheo-ni tăng, cũng không lấy dục mà liền ra ngoài giới tác pháp yết ma giải tẫn cho Tỳ-kheo-ni kia, thì Tỳ-kheo-ni này phạm Tăng-già-bà-thi-sa, pháp này vừa làm liền phạm, nên sám hối.

10. Nếu Tỳ-kheo-ni muốn phá hòa hợp Tăng, tìm cầu phương tiện thọ trì việc phá Tăng thì các Tỳ-kheo-ni nên can ngăn rằng: "Cô chớ phá hòa hợp Tăng, chớ tìm cầu phương tiện thọ trì việc phá Tăng, phải cùng Tăng hòa hợp, hòa hợp thì an lạc không tranh, nhất tâm cùng học như nước hòa với sữa, được an lạc trụ. Cô nên bỏ việc phá Tăng này". Khi các Tỳ-kheo-ni can ngăn như thế mà không chịu bỏ việc này thì nên can ngăn hai, ba lần cho bỏ việc này, chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa, pháp này can ba lần mới phạm, nên sám hối.

11. Nếu có Tỳ-kheo-ni muốn phá hòa hợp Tăng, có Tỳ-kheo-ni khác đồng ý trợ giúp, một hay nhiều người nói với các Tỳ-kheo-ni rằng: "Các cô

chớ can ngăn Tỳ-kheo-ni này trong việc này, vì sao, vì Tỳ-kheo-ni này nói đúng pháp, đúng luật không phải là nói phi pháp phi luật, Tỳ-kheo-ni này nói điều gì chúng tôi đều vui thích. Đó là biết mới nói không phải không biết mà nói, Tỳ-kheo-ni này nói điều gì chúng tôi đều chấp nhận". Lúc đó các Tỳ-kheo-ni nên can ngăn các Tỳ-kheo-ni trợ giúp việc phá Tăng rằng: "Các cô chớ nói rằng Tỳ-kheo-ni này nói đúng pháp đúng luật, Tỳ-kheo-ni này nói điều gì chúng tôi đều vui thích. Đó là biết mới nói không phải không biết mà nói, Tỳ-kheo-ni này nói điều gì chúng tôi đều chấp nhận. Các cô chớ trợ giúp việc phá Tăng, phải vui giúp Tăng hòa hợp; Tăng hòa hợp thì hoan hỉ không tranh, nhất tâm cùng học như nước hòa với sữa, được an lạc trụ". Khi các Tỳ-kheo-ni can ngăn như thế mà vẫn chấp chặt không chịu bỏ thì các Tỳ-kheo-ni nên can ngăn ba lần cho bỏ việc này, nếu chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

12. Nếu Tỳ-kheo-ni nương ở nơi tụ lạc mà làm hạnh xấu, làm nhơ nhà người, ai cũng thấy nghe hay biết thì các Tỳ-kheo-ni nên quở: "Cô đã làm hạnh xấu, làm nhơ nhà người, ai cũng thấy nghe hay biết, các cô hãy đi đi, không nên ở đây nữa". Tỳ-kheo-ni này nói với các Tỳ-kheo-ni: "Các cô tùy dục hành, sân, sợ, si; vì sao, vì có Tỳ-kheo-ni đồng tội như vậy, mà có người bị đuổi có người không bị đuổi". Các Tỳ-kheo-ni nên nói với Tỳ-

kheo-ni này: "Cô chớ nói các Tỳ-kheo-ni tùy dục hành, sân, sợ, si; vì sao, vì các Tỳ-kheo-ni không có tùy dục hành, sân, sợ, si. Các cô làm hạnh xấu, làm nhơ nhà người, ai cũng thấy nghe hay biết, các cô hãy bỏ câu nói tùy dục hành, sân, sợ, si này đi. Các cô hãy đi đi, không nên ở đây nữa". Khi nói như thế nếu không chịu bỏ lời nói này thì nên khuyên can đến ba lần cho bỏ nói lời nói này, nếu chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

13. Nếu Tỳ-kheo-ni tánh xấu ác nói lời chống trái, khi các Tỳ-kheo-ni như pháp như luật như trong Giới kinh khuyên can mà chống trái không nghe, còn nói với các Tỳ-kheo-ni rằng: "Các cô chớ nói tôi tốt hay xấu, tôi cũng không nói các cô tốt hay xấu". Các Tỳ-kheo-ni nên khuyên rằng: "Các Tỳ-kheo-ni như pháp như luật như trong Giới kinh khuyên can, cô chớ nói lời chống trái, cô nên nói lời tùy thuận. Các Tỳ-kheo-ni như pháp như luật khuyên can cô, cô cũng sẽ như pháp như luật khuyên can các Tỳ-kheo-ni, vì sao, vì làm như thế chúng đệ tử của Như lai mới được tăng trưởng lợi ích, vì cùng khuyên can nhắc nhở và xuất tội cho nhau. Cô hãy bỏ lời chống trái này". Khi các Tỳ-kheo-ni khuyên can như thế mà không chịu bỏ, thì nên khuyên can đến ba lần cho bỏ việc này, nếu chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

14. Nếu Tỳ-kheo-ni khi cùng Tỳ-kheo-ni khác tranh cãi, nói rằng: "Tôi bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng, bỏ giới. Chẳng phải chỉ có Sa-môn Thích tử biết đạo, các Sa-môn, Bà-la-môn khác cũng biết đạo, có hổ thẹn, thích điều thiện, ưa trì giới. Tôi sẽ theo họ tu phạm hạnh". Các Tỳ-kheo-ni nên can ngăn Tỳ-kheo-ni này: "Cô chớ cùng Tỳ-kheo-ni khác tranh cãi rồi nói rằng: "Tôi bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng, bỏ giới. Chẳng phải chỉ có Sa-môn Thích tử biết đạo, các Sa-môn, Bà-la-môn khác cũng biết đạo, có hổ thẹn, thích điều thiện, ưa trì giới. Tôi sẽ theo họ tu phạm hạnh'. Cô nên ở trong Phật pháp tu phạm hạnh, hãy xa lìa tâm không ưa thích này". Khi các Tỳ-kheo-ni can ngăn như thế mà không chịu bỏ việc này thì nên can ngăn hai, ba lần cho bỏ việc này, chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì Tỳ-kheo-ni này phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

15. Nếu Tỳ-kheo-ni khi tranh cãi với Tỳ-kheo-ni khác nói rằng: "Các Tỳ-kheo-ni tùy dục hành, tùy sân, tùy sợ, tùy si", Các Tỳ-kheo-ni nên can ngăn Tỳ-kheo-ni này: "Cô chớ tranh cãi với ni khác rồi nói là các Tỳ-kheo-ni tùy dục hành, tùy sân, tùy sợ, tùy si. Các Tỳ-kheo-ni không có tùy dục hành…; cô hãy bỏ lời nói này đi". Khi các Tỳ-kheo-ni can ngăn như thế mà không chịu bỏ việc này thì nên can ngăn hai, ba lần cho bỏ việc này, chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì Tỳ-kheo-ni này phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

16. Nếu Hai Tỳ-kheo-ni cùng làm việc xấu, tiếng xấu lan xa, xúc não các Tỳ-kheo-ni và che giấu tội cho nhau. Các Tỳ-kheo-ni nên can ngăn Hai Tỳ-kheo-ni này: "Các cô chớ cùng làm việc xấu, tiếng xấu lan xa, xúc não các Tỳ-kheo-ni và che giấu tội cho nhau. Các cô nên ở riêng, nếu ở riêng thì trong Phật pháp được tăng trưởng. Các cô hãy bỏ ác hạnh này đi". Khi các Tỳ-kheo-ni can ngăn như thế mà không chịu bỏ việc này thì nên can ngăn hai, ba lần cho bỏ việc này, chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì Tỳ-kheo-ni này phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

17. Nếu Tỳ-kheo-ni nói với Hai Tỳ-kheo-ni kia rằng: "Các cô chớ ở riêng, cứ ở chung; nếu ở riêng thì trong Phật pháp không được tăng trưởng, ở chung mới được tăng trưởng. Trong Ni tăng cũng có người như các cô, vì sân giận nên Ni tăng mới bảo các cô ở riêng". Các Tỳ-kheo-ni nên can ngăn Tỳ-kheo-ni này: "Cô chớ nói với Hai Tỳ-kheo-ni kia rằng: "Các cô chớ ở riêng, cứ ở chung; nếu ở riêng thì trong Phật pháp không được tăng trưởng, ở chung mới được tăng trưởng. Trong Ni tăng cũng có người như các cô, vì sân giận nên Ni tăng mới bảo các cô ở riêng". Cô hãy bỏ lời khuyên làm tà hạnh này đi". Khi các Tỳ-kheo-ni can ngăn như thế mà không chịu bỏ việc này thì nên can ngăn hai, ba lần cho bỏ việc này, chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì Tỳ-kheo-ni này phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Các đại đức ni, tôi đã nói mười bảy pháp Tăng-già-bà-thi-sa, chín pháp trước vừa làm liền phạm, tám pháp sau can ba lần không bỏ mới phạm. Nếu Tỳ-kheo-ni phạm một pháp nào thì phải đến trong hai bộ tăng hành nữa tháng Ma-na-đỏa, hai bộ tăng hoan hỷ thì mới ở trong hai bộ tăng, mỗi bộ hai mươi vị làm yết ma Xuất tội cho Tỳ-kheo-ni này. Nếu trong hai bộ tăng thiếu một vị không đủ số hai mươi thì tội của tỳ-kheo-ni này không được xuất mà hai bộ tăng cũng bị quở trách. Việc này đúng pháp nên làm như vậy. Nay xin hỏi các đại đức ni, trong đây có thanh tịnh không? (3 lần).

Các đại đức ni, trong đây thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin nhớ giữ như vậy.

Các đại đức ni, đây là ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề mỗi nữa tháng thường tụng rút ra từ Giới kinh:

1. Nếu Tỳ-kheo-ni đã đủ ba y, thời y Ca-hi-na đã hết, được cất chứa y dư cho đến mười ngày, nếu chứa quá mười ngày thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

2. Nếu Tỳ-kheo-ni đã đủ ba y, thời y Ca-hi-na đã hết, nếu trong ba y, lìa một y nào đến chỗ khác ngủ đêm thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, trừ Tăng yết ma cho.

3. Nếu Tỳ-kheo-ni đã đủ ba y, thời y Ca-hi-na đã hết, nếu được vải phi thời, Tỳ-kheo-ni cần y thì được tự tay thọ, thọ rồi nên mau may thành y. Nếu

đủ vải thì tốt, nếu không đủ mà biết còn có thể được thêm cho đủ thì Tỳ-kheo-ni này được cất chứa trong vòng một tháng để được thêm cho đủ. Nếu cất chứa quá một tháng thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

4. Nếu Tỳ-kheo-ni đến cư sĩ hay vợ cư sĩ không phải bà con xin y, được y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, trừ nhân duyên. Nhân duyên là y bị cướp, bị mất, bị cháy, bị trôi.

5. Nếu Tỳ-kheo-ni, y bị cướp hoặc bị mất, bị cháy, bị trôi nên đến cư sĩ, vợ cư sĩ không phải là ba con xin y; nếu cư sĩ, vợ cư sĩ không phải bà con tự tứ thỉnh cho nhiều vải, Tỳ-kheo-ni được thọ cho đến hai y thượng hạ. Nếu thọ quá thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

6. Nếu vì Tỳ-kheo-ni nên cư sĩ, vợ cư sĩ lo liệu số tiền mua y, nghĩ rằng: "Ta đem số tiền này mua y như thế như thế… cúng cho Tỳ-kheo-ni

". Tỳ-kheo-ni này vốn không được thỉnh tùy ý trước, liền khởi tưởng đồng ý đi đến chỗ cư sĩ nói rằng: "Cư sĩ đã lo liệu số tiền mua y như thế cho tôi thì nên mua loại vải như thế như thế…". Vì muốn tốt, nếu được y thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

7. Nếu Tỳ-kheo-ni có hai cư sĩ và vợ cư sĩ không phải bà con, vì Tỳ-kheo-ni nên mỗi người để dành tiền mua y, nghĩ rằng: "Ta để dành tiền

này, mỗi người sẽ mua y như thế như thế cúng cho Tỳ-kheo-ni", Tỳ-kheo-ni này vốn không được thỉnh tùy ý trước, khởi tưởng đồng ý nên đến chỗ các cư sĩ nói rằng: "Các vị mỗi người để dành tiền mua y, nên hùn chung lại mua một y như thế như thế cúng cho tôi". Vì muốn tốt, nếu được y thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

8. Nếu vì Tỳ-kheo-ni nên vua hoặc đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ sai sứ đưa giá tiền y đến, vị sứ này đến nói với Tỳ-kheo-ni: "Đại đức ni, vua hoặc đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ đưa giá tiền y này cho cô, xin hãy nhận lấy". Tỳ-kheo-ni nên nói: "Pháp của tỳ-kheo-ni chúng tôi là không được thọ tiền, khi nào cần y, được vải thanh tịnh tôi sẽ nhận để may thành y thọ trì", vị sứ này nói với Tỳ-kheo-ni: "Đại đức ni có người chấp sự có thể lo liệu mọi việc cho Tỳ-kheo-ni không?", Tỳ-kheo-ni nên chỉ người chấp sự là người làm việc trong chùa hay là Ưu-bà-di cho vị sứ biết. Vị sứ đến nói với người chấp sự: "Lành thay, cô hãy cất giữ số tiền này rồi mua vải như thế như thế cho Tỳ-kheo-ni, khi nào Tỳ-kheo-ni này cần y thì đưa cho vị ấy may thành y thọ trì", nói xong vị sứ trở lại nói với Tỳ-kheo-ni: "Tôi đã đưa tiền cho người chấp sự, đại đức ni khi nào cần y thì đến đó lấy". Khi Tỳ-kheo-ni này cần y thì nên đến chỗ người chấp sự nói là tôi cần y, như thế đến hai, ba lần; nếu đòi được y thì tốt, nếu không được thì nên đến trước người chấp sự

đứng yên lặng nhắc, như thế đến bốn, năm, sáu lần; nếu đòi được y thì tốt, nếu không được y mà cố nài cho được y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu không đòi được đi nên tự đi hay sai sứ đến chỗ người trước kia đưa tiền y đến nói rằng: "Số tiền y mà ông đưa cho người chấp sự trước kia, tôi không lấy được y, ông nên tự biết đòi lại tiền, chớ để cho mất". Việc này đúng pháp nên làm như thế.

9. Nếu Tỳ-kheo-ni tự tay cầm lấy vàng bạc hay bảo người cầm lấy hay sai người cầm lấy thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

10. Nếu Tỳ-kheo-ni dùng vàng bạc để mua các vật dụng thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

11. Nếu Tỳ-kheo-ni dùng vàng bạc mua bán các thứ thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

12. Nếu Tỳ-kheo, bát đã dùng chưa bị răng nứt đến năm lằn mà xin bát mới, vì muốn tốt thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni này phải đem bát mới này vào trong Ni tăng xả, Ni tăng sẽ lấy bát của người cuối cùng đưa lại cho Tỳ-kheo-ni này và nói rằng: "Cô hãy thọ bát này cho đến khi bể". Việc này đúng pháp nên làm như thế.

13. Nếu Tỳ-kheo-ni tự xin tơ sợi bảo thợ dệt không phải bà con dệt thành y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

14. Nếu Tỳ-kheo-ni, có cư sĩ và vợ cư sĩ không phải bà con bảo thợ dệt dệt y cho Tỳ-kheo-ni ____,

Tỳ-kheo-ni này không được tự tứ thỉnh trước, vì muốn y tốt nên làm chút nhân duyên là đến chỗ thợ dệt nói rằng: "Này ông, y này là dệt cho tôi, ông nên dệt cho đẹp, rộng dài và bền chắc, tôi sẽ đưa thêm ít vật cho ông". Tỳ-kheo-ni này tự khuyến dụ hay bảo người khuyến dụ thợ dệt này, sau đó đưa thêm cho thợ dệt ít vật cho đến một bữa ăn hay đáng giá bằng một bữa ăn, vì muốn y tốt, được y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

15. Nếu Tỳ-kheo-ni cho Tỳ-kheo-ni khác y rồi, sau vì sân giận không vui nên tự đoạt lại hay bảo người đoạt lại, nói rằng: "Hãy trả y lại tôi tôi, tôi không cho cô nữa", thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề và nên ở trước Tỳ-kheo-ni khác xả y này.

16. Nếu Tỳ-kheo còn mười ngày nữa mới đến tự tứ mà được y cúng gấp, Tỳ-kheo-ni cần thì được tự tay thọ và được cất chứa cho đến Thời y, nếu cất chứa quá thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

17. Nếu Tỳ-kheo-ni biết đàn việt muốn cúng cho Tăng mà tự lấy xoay về cho mình thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

18. Nếu Tỳ-kheo-ni bị bịnh, Phật cho được dùng bốn loại dược hàm tiêu là tô, dầu, mật và thạch mật. Tỳ-kheo-ni này được cất chứa trong vòng bảy ngày để dùng, nếu cất chứa quá bảy ngày thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

19. Nếu Tỳ-kheo-ni cất chứa bát dư được đến một đêm, cất quá một đêm thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

20. Nếu Tỳ-kheo-ni lấy Thời y làm Phi thời y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

21. Nếu Tỳ-kheo-ni lấy Phi thời y làm Thời y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

22. Nếu Tỳ-kheo-ni cùng Tỳ-kheo-ni khác đổi y, sau đến chỗ ni này nói rằng: "Cô hãy trả y lại cho tôi, tôi sẽ trả y lại cho cô", nếu được y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

23. Có các cư sĩ và vợ cư sị không phải bà con vì Tỳ-kheo-ni nên mỗi người cúng một số tiền để may y và nói rằng: "Chúng tôi đem số tiền này may y như vậy để cúng cho Tỳ-kheo-ni ", Tỳ-kheo-ni này trước chưa được tự tứ thỉnh vì muốn có y tốt nên đến chỗ họ nói rằng: "Các vị nên hùn chung lại may một y tốt cúng cho tôi", vì muốn tốt nếu được y thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

24. Nếu Tỳ-kheo-ni vì mình mà xin vàng bạc thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

25. Nếu Tỳ-kheo-ni xin vật này rồi lại hỏi xin vật khác thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

26. Nếu Tỳ-kheo vì Tăng xin tài vật để làm việc này nhưng lại đem dùng vào việc khác thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

27. Nếu Tỳ-kheo-ni vì mình xin tài vật để làm

việc này nhưng lại đem dùng vào việc khác thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

28. Nếu Tỳ-kheo-ni vì số đông người xin tài vật để làm việc này nhưng lại đem dùng vào việc khác thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

29. Nếu Tỳ-kheo-ni xin y dày quý giá thì được xin y trị giá cho đến bốn tiền, nếu quá bốn tiền thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

30. Nếu Tỳ-kheo-ni xin y mỏng quý giá thì được xin y trị giá bằng hai tiền rưỡi, nếu quá giá tiền này thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Các đại đức ni, tôi đã nói ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nay xin hỏi các đại đức ni, trong đây có thanh tịnh không? (3 lần).

Các đại đức ni, trong đây thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin nhớ giữ như vậy.

Các đại đức ni, đây là một trăm bảy mươi tám pháp Ba-dật-đề mỗi nữa tháng thường tụng rút ra từ Giới kinh:

1. Nếu Tỳ-kheo-ni cố ý vọng ngữ thì phạm Ba-dật-đề.

2. Nếu Tỳ-kheo-ni nói lời chê bai hủy nhục thì phạm Ba-dật-đề.

3. Nếu Tỳ-kheo-ni nói ly gián làm cho các Tỳ-kheo-ni khác tranh cãi nhau thì phạm Ba-dật-đề.

4. Nếu Tỳ-kheo-ni biết Tăng đã như pháp xử đoán việc xong rồi mà phát khởi trở lại thì phạm

Ba-dật-đề.

5. Nếu Tỳ-kheo-ni dạy người chưa thọ giới cụ túc đọc kinh pháp thì phạm Ba-dật-đề.

6. Nếu Tỳ-kheo-ni thật được pháp hơn người mà nói cho người chưa thọ giới cụ túc nghe, thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-dật-đề.

7. Nếu Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo-ni khác có tội thô mà nói cho người chưa thọ giới cụ túc nghe thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-dật-đề, trừ Tăng yết ma cho nói.

8. Nếu Tỳ-kheo-ni trước đã hoan hỷ cho, sau lại nói rằng: "Các Tỳ-kheo-ni tùy thuận người quen biết nên hồi chuyển vật của Tăng đem cho" thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-dật-đề.

9. Nếu Tỳ-kheo-ni khi thuyết giới nói rằng: "Nói những giới vụn vặt ấy làm chi, mỗi nữa tháng từ trong Giới kinh nói những giới này làm cho Tỳ-kheo-ni khác tâm sanh hối, tâm hoại, tâm phiền não, áy náy, ưu sầu không vui, sanh tâm phản giới muốn hoàn tục", nói lời khinh chê giới như vậy thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-dật-đề.

10. Nếu Tỳ-kheo-ni chặt phá cây cỏ là chỗ ở của quỷ thần thì phạm Ba-dật-đề.

11. Nếu Tỳ-kheo-ni hiềm trách vị tri sự của Tăng thì phạm Ba-dật-đề.

12. Nếu Tỳ-kheo-ni không đáp theo câu hỏi, muốn xúc não người khác thì phạm Ba-dật-đề.

13. Nếu Tỳ-kheo-ni đem ngọa cụ, đồ ngồi nằm của Tăng để nơi chỗ đất trống, tự trải hay bảo người trải để ngồi nằm; khi đi không tự dẹp cất, cũng không bảo người khác dẹp cất thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-dật-đề.

14. Nếu Tỳ-kheo-ni lấy ngọa cụ trong phòng Tỳ-kheo-ni, tự trải hay bảo người trải để ngồi nằm; khi đi không tự dẹp cất, cũng không bảo người khác dẹp cất thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-dật-đề.

15. Nếu Tỳ-kheo-ni ở trong phòng Tỳ-kheo-ni vì sân giận không vui, tự lôi kéo Tỳ-kheo-ni khác ra hay bảo người khác lôi kéo ra, nói rằng: "Hãy đi đi, cô không nên ở trong phòng này nữa", vì nhân duyên này không phải vì duyên gì khác thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-dật-đề .

16. Nếu Tỳ-kheo-ni ở trong phòng Tỳ-kheo-ni, biết các Tỳ-kheo-ni đã trải ngọa cụ ở trước rồi, mình đến sau gượng ở trong đó tự trải ngọa cụ hay bảo người trải, nghĩ rằng: "Nếu không thích thì tự đi khỏi đây", vì nhân duyên này không phải vì duyên gì khác thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-dật-đề.

17. Nếu Tỳ-kheo-ni ở trên tầng gác của tỳ-kheo-ni mà dùng sức để ngồi nằm trên giường ngồi hay giường nằm sút chân thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-dật-đề.

18. Nếu Tỳ-kheo-ni biết nước có trùng mà tự tay dùng tưới lên cỏ hay lên đất hoặc bảo người

tưới thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-dật-đề.

19. Nếu Tỳ-kheo-ni ngồi một mình với Tỳ-kheo ở chỗ khuất thì phạm Ba-dật-đề .

20. Nếu Tỳ-kheo-ni đến nhà phước đức của thí chủ cúng một bữa ăn, Tỳ-kheo-ni không bịnh nên ăn một bữa, nếu ăn quá một bữa thì phạm Ba-dật-đề.

21. Nếu Tỳ-kheo-ni đến nhà cư sĩ được tự tứ thỉnh cho nhiều bánh bún…, Tỳ-kheo-ni cần thì được thọ hai, ba bát, nếu thọ quá thì phạm Ba-dật-đề. Thọ hai, ba bát rồi mang về nên chia cho các Tỳ-kheo-ni khác ăn, việc này đúng pháp nên làm như vậy.

22. Nếu Tỳ-kheo-ni ăn riêng chúng thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên. Nhân duyên là khi bịnh, khi may y, khi đi đường, khi đi thuyền, khi đại hội, khi Sa-môn ngoại đạo thí thực.

23. Nếu Tỳ-kheo-ni ăn phi thời thì phạm Ba-dật-đề.

24. Nếu Tỳ-kheo-ni ăn thức ăn để cách đêm thì phạm Ba-dật-đề.

25. Nếu Tỳ-kheo-ni không thọ thức ăn uống mà để vào miệng ăn thì phạm Ba-dật-đề, trừ nước và tăm xỉa răng.

26. Nếu Tỳ-kheo-ni biết nước có trùng mà lấy dùng thì phạm Ba-dật-đề.

27. Nếu Tỳ-kheo-ni ngồi nấn ná lâu trong nhà

ăn (nhà có nam nữ thương yêu nhau) thì phạm Ba-dật-đề.

28. Nếu Tỳ-kheo-ni một mình cùng người nam ngồi nấn ná lâu trong nhà ăn thì phạm Ba-dật-đề.

29. Nếu Tỳ-kheo-ni tự tay đưa thức ăn cho ngoại đạo lõa hình, dù là nam hay nữ đều phạm Ba-dật-đề.

30 -nếu Tỳ-kheo-ni đến xem quân trận xuất hành thì phạm Ba-dật-đề.

31. Nếu Tỳ-kheo-ni có nhân duyên đến trong quân trận, được ở lại hai đêm; nếu quá hai đêm thì phạm Ba-dật-đề.

32. Nếu Tỳ-kheo-ni ở trong quân trận hai đêm, đến xem quân diễn tập hoặc xem chủ tướng bày binh bố trận thì phạm Ba-dật-đề.

33. Nếu Tỳ-kheo-ni vì sân giận không vui, dùng tay đánh Tỳ-kheo-ni khác thì phạm Ba-dật-đề.

34. Nếu Tỳ-kheo-ni vì sân giận không vui, dùng tay dọa tát Tỳ-kheo-ni khác thì phạm Ba-dật-đề.

35. Nếu Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo-ni khác phạm tội Tăng tàn mà che giấu cho đến một đêm thì phạm Ba-dật-đề.

36. Nếu Tỳ-kheo-ni nói với Tỳ-kheo-ni khác: "Cô hãy cùng tôi đến các nhà kia, tôi sẽ bảo họ cúng thức ăn ngon", đến nơi lại không bảo cúng

cho thức ăn, mà còn nói rằng: "Cô hãy đi đi, tôi cùng cô cùng ngồi, cùng nói chuyện không vui; tôi ngồi một mình, nói chuyện một mình vui hơn", vì muốn xúc não Tỳ-kheo-ni kia, nghĩ rằng: "Khiến cho Tỳ-kheo-ni này phiền não cho đến trong chốc lát", vì nhân duyên này không phải vì duyên gì khác thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-dật-đề.

37. Nếu Tỳ-kheo-ni không bịnh, đốt lửa sưởi ấm nơi đất trống, dùng cây cỏ hay phân trâu để đốt hay bảo người khác đốt thì phạm Ba-dật-đề.

38. Nếu Tỳ-kheo-ni khi Tăng như pháp tác pháp, gởi dục rồi sau lại hối thì phạm Ba-dật-đề.

39. Nếu Tỳ-kheo-ni cùng người chưa thọ giới cụ túc ngủ chung phòng quá hai đêm thì phạm Ba-dật-đề.

40. Nếu Tỳ-kheo-ni nói rằng: "Tôi hiểu nghĩa của pháp Phật là hành pháp chướng đạo không thể chướng đạo", các Tỳ-kheo-ni nên can ngăn Tỳ-kheo-ni này: "Cô chớ nói là tôi hiểu nghĩa của pháp Phật là hành pháp chướng đạo không thể chướng đạo. Cô chớ hủy báng Phật, hủy báng Phật là không tốt; Phật không nói lời này, Phật dùng đủ nhân duyên nói hành pháp chướng đạo thật là chướng đạo; cô nên bỏ ác tà kiến này đi". Khi các Tỳ-kheo-ni can ngăn như thế mà không chịu bỏ việc này thì nên can ngăn hai, ba lần cho bỏ việc này, chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì Tỳ-kheo-ni này phạm

Ba-dật-đề.

41. Nếu Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo-ni kia nói lời như thế, không như pháp sám hối cũng không chịu bỏ ác tà kiến nên bị tẫn mà lại chứa nuôi cùng làm việc, cùng nói chuyện, cùng ngủ thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-dật-đề.

42. Nếu có Sa-di-ni nói rằng: "Tôi hiểu nghĩa của pháp Phật là hành pháp chướng đạo không thể chướng đạo", các Tỳ-kheo-ni nên can ngăn Sa-di-ni này: "Cô chớ nói là tôi hiểu nghĩa của pháp Phật là hành pháp chướng đạo không thể chướng đạo. Cô chớ hủy báng Phật, hủy báng Phật là không tốt; Phật không nói lời này, Phật dùng đủ nhân duyên nói hành pháp chướng đạo thật là chướng đạo; cô nên bỏ ác tà kiến này đi". Khi các Tỳ-kheo-ni can ngăn như thế mà không chịu bỏ việc này thì nên can ngăn hai, ba lần cho bỏ việc này, chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì các Tỳ-kheo-ni nên nói rằng: "Này Sa-di-ni, từ nay cô không được nói Phật là thầy, cũng không được đi theo sau các Tỳ-kheo-ni, không được cùng ngủ chung phòng với các Tỳ-kheo-ni cho đến hai đêm. Cô hãy đi khỏi nơi đây, không được ở đây nữa". Nếu Tỳ-kheo-ni biết Sa-di-ni bị tẫn mà lại chứa nuôi, cùng nói chuyện, cùng ngủ chung thì phạm Ba-dật-đề.

43. Nếu Tỳ-kheo-ni tự tay cầm lấy vật báu hay tợ vật báu, hoặc bảo người khác cầm lấy thì phạm Ba-dật-đề, trừ ở trong tăng phòng hay ở trong trú

xứ. Nếu vật báu hay tợ vật báu ở trong Tăng phòng hay ở trong trú xứ, khi cầm lấy nên nghĩ rằng: "Ai là chủ của chúng đến nhận, sẽ giao lại". Việc này đúng pháp nên làm như thế.

44. Nếu Tỳ-kheo-ni được y mới nên dùng một trong ba màu hoặc xanh, hoặc bùn đen hoặc vỏ cây Mộc lan nhuộm làm cho hoại sắc. Nếu Tỳ-kheo-ni không dùng một trong ba màu hoặc xanh, hoặc bùn đen hoặc vỏ cây Mộc lan nhuộm y mới làm cho hoại sắc thì phạm Ba-dật-đề.

45. Nếu Tỳ-kheo-ni chưa tới nữa tháng mà tắm thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên. Nhân duyên là vào một tháng rưỡi của cuối mùa xuân và một tháng đầu của mùa hạ, hai tháng rưỡi này khí trời rất nóng hoặc khi bịnh, khi gió, khi mưa, khi làm việc, khi đi đường.

46. Nếu Tỳ-kheo-ni cố ý giết hại súc sanh thì phạm Ba-dật-đề.

47. Nếu Tỳ-kheo-ni cố ý làm cho Tỳ-kheo-ni khác sanh tâm nghi, nghĩ rằng: "Khiến cho Tỳ-kheo-ni này phiền não cho đến trong chốc lát", vì nhân duyên này không phải vì duyên gì khác thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-dật-đề.

48. Nếu Tỳ-kheo-ni dùng ngón tay chọc lét Tỳ-kheo-ni khác thì phạm Ba-dật-đề .

49. Nếu Tỳ-kheo-ni đùa giỡn trong nước thì phạm Ba-dật-đề.

50. Nếu Tỳ-kheo-ni cùng người nam ngủ chung trong một phòng nhà thì phạm Ba-dật-đề.

51. Nếu Tỳ-kheo-ni tự khủng bố Tỳ-kheo-ni khác hay bảo người khủng bố, cho đến đùa giỡn thì phạm Ba-dật-đề .

52. Nếu Tỳ-kheo-ni đối với các vật cần dùng trong sinh hoạt của tỳ-kheo-ni như y bát, ống kim, khóa cửa, giày dép… tự lấy giấu hay bảo người giấu, cho đến đùa giỡn thì phạm Ba-dật-đề.

53. Nếu Tỳ-kheo-ni đem y cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni rồi lấy lại dùng thì phạm Ba-dật-đề.

54. Nếu Tỳ-kheo-ni đem pháp Tăng-già-bà-thi-sa không căn cứ vu báng Tỳ-kheo-ni khác thì phạm Ba-dật-đề.

55. Nếu Tỳ-kheo-ni hẹn với người nam đi chung đường, cho đến một tụ lạc thì phạm Ba-dật-đề.

56. Nếu Tỳ-kheo-ni hẹn với nữ tặc cùng đi chung đường, cho đến một tụ lạc thì phạm Ba-dật-đề.

57. Nếu Tỳ-kheo-ni tự tay đào đất hay bảo người khác đào, hoặc chỉ chỗ nói rằng: "Hãy đào chỗ này" thì phạm Ba-dật-đề.

58. Nếu Tỳ-kheo-ni thọ tự tứ thỉnh trong bốn tháng, qua bốn tháng mà thọ nữa thì phạm Ba-dật-đề, trừ thường tự tứ thỉnh, nhiều lần tự tứ thỉnh hay

thọ tự tứ thỉnh riêng.

59. Nếu Tỳ-kheo-ni khi thuyết giới nói rằng: "Tôi nay chưa học giới này, tôi sẽ hỏi các Tỳ-kheo-ni đọc tụng kinh luật luận", thì phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni muốn được pháp lợi thì nên học Giới kinh, cũng nên hỏi các Tỳ-kheo-ni đọc tụng kinh luật luận, hỏi rằng: "Đại đức ni, lời này có ý nghĩa gì?", việc này đúng pháp nên làm như thế.

60. Nếu Tỳ-kheo-ni khi cùng các Tỳ-kheo-ni khác tranh cãi, đứng ở chỗ khuất lặng lẽ nghe lén, nghĩ rằng: "Những lời các Tỳ-kheo-ni này nói, ta sẽ nhớ giữ", thì phạm Ba-dật-đề.

61. Nếu Tỳ-kheo-ni khi Tăng xử đoán việc, im lặng đứng dậy bỏ đi thì phạm Ba-dật-đề.

62. Nếu Tỳ-kheo-ni không cung kính thì phạm Ba-dật-đề.

63. Nếu Tỳ-kheo-ni uống rượu thì phạm Ba-dật-đề.

64. Nếu Tỳ-kheo-ni phi thời vào tụ lạc mà không bạch với thiện Tỳ-kheo-ni khác thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên.

65. Nếu Tỳ-kheo-ni thọ thỉnh thực rồi, trước giờ ăn hay sau giờ ăn lại đi đến nhà khác thì phạm Ba-dật-đề.

66. Nếu Tỳ-kheo-ni trời chưa sáng, vua dòng Sát-đế-lỵ đã làm lễ Quán đảnh chưa cất báu vật mà Tỳ-kheo-ni bước qua ngạch cửa cung thì phạm Ba-

dật-đề, trừ nhân duyên.

67. Nếu Tỳ-kheo-ni khi thuyết giới nói rằng: "Tôi nay mới biết pháp này mỗi nữa tháng thường tụng, rút ra từ trong Giới kinh", các Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo-ni này đã ngồi trong chỗ thuyết giới hai, ba lần huống chi là nhiều lần. Tỳ-kheo-ni này không phải vì không biết mà được thoát tội, tùy theo tội đã phạm nên như pháp mà trị, nên quở trách rằng: "Cô đã mất lợi, không lợi, không tốt; khi thuyết giới cô đã không kính giới, không nhất tâm nhớ nghĩ, không lắng tai nghe pháp", do việc này nên phạm Ba-dật-đề.

68. Nếu Tỳ-kheo-ni làm ống kim bằng ngà, xương hay sừng thì phạm Ba-dật-đề.

69. Nếu Tỳ-kheo-ni muốn làm tòa ngồi hay giường nằm, chân giường nên cao bằng tám ngón tay của Như lai, trừ chỗ tra vào lỗ bệ, nếu cao quá tám ngón tay thì phạm Ba-dật-đề.

70. Nếu Tỳ-kheo-ni tự lấy bông Đâu la miên dồn nệm hay bảo người khác dồn thì phạm Ba-dật-đề.

71. Nếu Tỳ-kheo-ni may y bằng kích lượng y của Phật hay hơn kích lượng của Phật thì phạm Ba-dật-đề, kích lượng y của Phật là dài chín gang tay, rộng sáu gang tay.

72. Nếu Tỳ-kheo-ni ăn tỏi sống, tỏi chín đều phạm Ba-dật-đề .

73. Nếu Tỳ-kheo-ni cạo lông chỗ đại tiểu tiện thì phạm Ba-dật-đề.

74. Nếu Tỳ-kheo-ni khi tẩy tịnh, được dùng đến hai lóng tay, nếu quá hai lóng tay thì phạm Ba-dật-đề.

75. Nếu Tỳ-kheo-ni dùng lòng bàn tay vỗ nữ căn thì phạm Ba-dật-đề.

76. Nếu Tỳ-kheo-ni nấu sinh vật làm thức ăn thì phạm Ba-dật-đề.

77. Nếu Tỳ-kheo-ni, khi Tỳ-kheo thọ thực mà đứng hầu thì phạm Ba-dật-đề.

78. Nếu Tỳ-kheo-ni đem phân, nước tiểu đổ bên ngoài tường thì phạm Ba-dật-đề.

79. Nếu Tỳ-kheo đổ phân, nước tiểu lên cỏ tươi thì phạm Ba-dật-đề.

80. Nếu Tỳ-kheo-ni một mình đứng ở chỗ khuất nói chuyện với Tỳ-kheo thì phạm Ba-dật-đề.

81. Nếu Tỳ-kheo-ni một mình đứng ở chỗ đất trống nói chuyện với Tỳ-kheo thì phạm Ba-dật-đề.

82. Nếu Tỳ-kheo-ni một mình đứng ở chỗ khuất nói chuyện với nam cư sĩ thì phạm Ba-dật-đề.

83. Nếu Tỳ-kheo-ni một mình đứng ở chỗ đất trống nói chuyện với nam cư sĩ thì phạm Ba-dật-đề.

84. Nếu Tỳ-kheo-ni ở chỗ tối không có đèn ngồi hay đứng cùng người nam đều phạm Ba-dật-

đề.

85. Nếu Tỳ-kheo-ni làm nam căn để vào trong nữ căn thì phạm Ba-dật-đề.

86. Nếu Tỳ-kheo-ni nói với Tỳ-kheo-ni khác rằng: "Cô hãy đến ở chung phòng với tôi", sau đó vì sân giận không vui nên tự kéo lôi ra khỏi phòng hay bảo người khác kéo lôi ra, nói rằng: "Cô hãy đi đi, đừng ở trong phòng này nữa", vì nhân duyên này không phải vì duyên gì khác thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-dật-đề.

87. Nếu Hai Tỳ-kheo-ni nằm chung một giường thì phạm Ba-dật-đề.

88. Nếu Hai Tỳ-kheo-ni nằm chung một ngọa cụ thì phạm Ba-dật- đề.

89. Nếu Hai Tỳ-kheo-ni đắp chung một mền thì phạm Ba-dật-đề.

90. Nếu Tỳ-kheo-ni vào nhà bạch y, một mình đứng nói chuyện riêng với Tỳ-kheo, vì muốn được thuận tiện nên đuổi Tỳ-kheo-ni cùng đi ra khỏi chỗ này thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-dật-đề.

91. Nếu Tỳ-kheo-ni vào nhà bạch y, một mình đứng nói chuyện riêng với nam cư sĩ, vì muốn được thuận tiện nên đuổi Tỳ-kheo-ni cùng đi ra khỏi chỗ này thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-dật-đề.

92. Nếu Tỳ-kheo-ni vì sân giận, sau khi tranh cãi với Tỳ-kheo-ni khác liền tự đánh vào thân kêu khóc thì phạm Ba-dật-đề.

93. Nếu Tỳ-kheo-ni vì sân giận, sau khi tranh cãi với Tỳ-kheo-ni khác liền thề thốt trù rủa đọa địa ngục thì phạm Ba-dật-đề.

94. Nếu Tỳ-kheo-ni không xem xét vật kỹ liền hiềm hận thì phạm Ba-dật-đề.

95. Nếu Tỳ-kheo-ni trong mùa hạ, không có nhân duyên mà đi du hành các nước thì phạm Ba-dật-đề.

96. Nếu Tỳ-kheo-ni tự tứ xong không đi đến chỗ khác cho đến một đêm thì phạm Ba-dật-đề.

97. Nếu Tỳ-kheo-ni du hành đến chỗ nghi sợ ở trong nước thì phạm Ba-dật-đề.

98. Nếu Tỳ-kheo-ni du hành đến chỗ nghi sợ ở ngoài nước thì phạm Ba-dật-đề.

99. Nếu Tỳ-kheo-ni đến tham quan phòng vẽ tranh thì phạm Ba-dật-đề.

100. Nếu Tỳ-kheo-ni biết mình ở trước, người khác đến sau, cố ý xúc não họ thì phạm Ba-dật-đề.

101. Nếu Tỳ-kheo-ni biết mình đến sau, người khác ở trước, cố ý xúc não họ thì phạm Ba-dật-đề.

102. Nếu Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo-ni ở chung bị bịnh mà không cung cấp thì phạm Ba-dật-đề.

103. Nếu Tỳ-kheo-ni thấy Tỳ-kheo đến mà không đứng dậy thì phạm Ba-dật-đề.

104. Nếu Tỳ-kheo-ni không chào hỏi Tỳ-kheo mà liền ngồi thì phạm Ba-dật-đề.

105. Nếu Tỳ-kheo-ni không hỏi chủ nhân mà

tự trải ngọa cụ hay bảo người khác trải thì phạm Ba-dật-đề.

106. Nếu Tỳ-kheo-ni chưa đủ mười hai tuổi hạ mà nuôi chúng thì phạm Ba-dật-đề.

107. Nếu Tỳ-kheo-ni tuy đủ mười hai tuổi hạ nhưng Tăng chưa làm yết ma cho nuôi chúng, mà vẫn nuôi chúng thì phạm Ba-dật-đề.

108. Nếu Tỳ-kheo-ni, người nữ đã gả chưa đủ mười hai tuổi (tảo hôn) mà nuôi làm chúng thì phạm Ba-dật-đề.

109. Nếu Tỳ-kheo-ni, người nữ đã gả tuy đủ mười hai tuổi nhưng chưa ở trong Ni tăng làm yết ma thuộc Hòa thượng ni, mà nuôi làm chúng thì phạm Ba-dật-đề.

110. Nếu Tỳ-kheo-ni, Tăng đã làm yết ma cho dừng nuôi chúng mà vẫn nuôi chúng thì phạm Ba-dật-đề.

111. Nếu Tỳ-kheo-ni, đệ tử không có hai năm học sáu pháp mà liền cho thọ giới cụ túc thì phạm Ba-dật-đề.

112. Nếu Tỳ-kheo-ni, đệ tử tuy đủ hai năm học sáu pháp nhưng chưa ở trong Ni tăng làm yết ma thuộc Hòa thượng ni, mà nuôi làm chúng thì phạm Ba-dật-đề.

113. Nếu Tỳ-kheo-ni sau khi thọ đại giới, không theo Hòa thượng ni hai năm thì phạm Ba-dật-đề.

114. Nếu Tỳ-kheo-ni nuôi đệ tử mà không cho tài pháp thì phạm Ba-dật-đề.

115. Nếu Tỳ-kheo-ni độ dâm nữ mà không bảo rời khỏi chỗ ở cũ đến chỗ cách xa sáu do tuần thì phạm Ba-dật-đề.

116. Nếu Tỳ-kheo-ni, đồng nữ chưa đủ hai mươi tuổi mà nuôi làm chúng thì phạm Ba-dật-đề.

117. Nếu Tỳ-kheo-ni, đồng nữ tuy đủ hai mươi nhưng chưa ở trong Ni tăng làm yết ma thuộc Hòa thượng ni, mà nuôi làm chúng thì phạm Ba-dật-đề.

118. Nếu Tỳ-kheo-ni độ Hiếu nữ (có tang cha mẹ) thì phạm Ba-dật-đề.

119. Nếu Tỳ-kheo-ni, người nữ dẫn theo con trai, con gái mà nuôi làm chúng thì phạm Ba-dật-đề.

120. Nếu Tỳ-kheo-ni biết người nữ có tánh xấu ác mà nuôi làm chúng thì phạm Ba-dật-đề.

121. Nếu Tỳ-kheo-ni, đồng nữ đủ hai mươi tuổi, chưa có hai năm học sáu pháp mà cho thọ giới cụ túc thì phạm Ba-dật-đề.

122. Nếu Tỳ-kheo-ni, đồng nữ tuy đủ hai mươi tuổi, đủ hai năm học sáu pháp, nhưng chưa ở trong Ni tăng làm yết ma thuộc Hòa thượng ni, mà nuôi làm chúng thì phạm Ba-dật-đề.

123. Nếu Tỳ-kheo-ni nói rằng: "Hãy cho tôi y bát, bốn loại dược: Thời dược, thời phần dược, thất nhật dược và tận hình dược; thì tôi sẽ độ cho xuất

gia", thì phạm Ba-dật-đề.

124. Nếu Tỳ-kheo-ni, người nữ chưa được chồng cho phép mà nuôi làm chúng thì phạm Ba-dật-đề.

125. Nếu Tỳ-kheo-ni nói với ni khác rằng: "Nếu cô đủ hai năm học sáu pháp thì tôi sẽ nuôi làm chúng", sau nếu không nuôi làm chúng thì phạm Ba-dật-đề.

126. Nếu Tỳ-kheo-ni mỗi năm đều độ đệ tử thì phạm Ba-dật-đề.

127. Nếu Tỳ-kheo-ni cách đêm làm yết ma thuộc Hòa thượng ni (Bổn pháp yết ma) rồi mới đến trong Tăng thọ giới cụ túc thì phạm Ba-dật-đề.

128. Nếu Tỳ-kheo-ni may áo tắm thì nên may đúng lượng, đúng lượng là dài sáu gang tay của Phật, rộng hai gang rưỡi, nếu làm quá lượng này thì phạm Ba-dật-đề.

129. Nếu Tỳ-kheo-ni thường thay đổi y phục thì phạm Ba-dật-đề.

130. Nếu Tỳ-kheo-ni may y để lâu nhất là đến năm ngày, nếu để

quá năm ngày mới may thành y thì phạm Ba-dật-đề.

131. Nếu Tỳ-kheo-ni cách năm ngày không xem lại năm y thì phạm Ba-dật-đề.

132. Nếu Tỳ-kheo-ni đem y cho bạch y thì phạm Ba-dật-đề.

133. Nếu Tỳ-kheo-ni nguyệt bịnh đã dứt, giặt bịnh y sạch rồi mà không xả cho ni khác dùng thì phạm Ba-dật-đề.

134. Nếu Tỳ-kheo-ni ngăn cúng y cho Tăng thì phạm Ba-dật-đề .

135. Nếu Tỳ-kheo-ni vì hy vọng được y mong manh nên mới thọ y công đức (y Ca-hi-na) thì phạm Ba-dật-đề.

136. Nếu Tỳ-kheo-ni khi Tăng xả y Ca-hi-na mà không thuận theo thì phạm Ba-dật-đề.

137. Nếu Tỳ-kheo-ni khi Tăng chia y mà không thuận theo thì phạm Ba-dật-đề.

138. Nếu Tỳ-kheo-ni khi Tăng xử đoán việc mà không thuận theo thì phạm Ba-dật-đề.

139. Nếu Tỳ-kheo-ni khi đi vào tụ lạc, không nhờ người coi ngó giùm phòng xá thì phạm Ba-dật-đề.

140. Nếu Tỳ-kheo-ni đọc tụng chú thuật thì phạm Ba-dật-đề .

141. Nếu Tỳ-kheo-ni dạy cho bạch y đọc tụng chú thuật thì phạm Ba-dật-đề.

142. Nếu Tỳ-kheo-ni làm việc nhà cho bạch y thì phạm Ba-dật-đề.

143. Nếu Tỳ-kheo-ni ngồi trên giường của bạch y, khi đi không giao trả lại cho chủ thì phạm Ba-dật-đề.

144. Nếu Tỳ-kheo-ni không hỏi chủ mà liền

ngồi trên giường của họ thì phạm Ba-dật-đề.

145. Nếu Tỳ-kheo-ni không bịnh mà đi xe thì phạm Ba-dật-đề.

146. Nếu Tỳ-kheo-ni mặc tơ lụa thì phạm Ba-dật-đề.

147. Nếu Tỳ-kheo-ni cột dây lưng bằng tơ lụa thì phạm Ba-dật-đề.

148. Nếu Tỳ-kheo-ni cầm dù đi vào nhà bạch y thì phạm Ba-dật-đề.

149. Nếu Tỳ-kheo-ni lìa chỗ có Tỳ-kheo để an cư thì phạm Ba-dật-đề.

150. Nếu Tỳ-kheo-ni an cư xong, không đến trong Đại tăng cầu ba việc tự tứ thấy nghe nghi thì phạm Ba-dật-đề.

151. Nếu Tỳ-kheo-ni mỗi nữa tháng không đến trong Tăng cầu giáo giới thì phạm Ba-dật-đề.

152. Nếu Tỳ-kheo-ni không bịnh mà không đến thọ giáo giới thì phạm Ba-dật-đề.

153. Nếu Tỳ-kheo-ni đến trú xứ có Tỳ-kheo, ở ngoài cửa không hỏi mà liền vào thì phạm Ba-dật-đề.

154. Nếu Tỳ-kheo-ni nói ấm ớ với Tỳ-kheo thì phạm Ba-dật-đề.

155. Nếu Tỳ-kheo-ni tranh cãi với Tỳ-kheo-ni khác rồi nói lời thô ác để khủng bố Tỳ-kheo-ni kia như sau: "Vua, đại thần, tướng quân

là tri thức của tôi, tôi sẽ nhờ thế lực của họ để

trị cô", thì phạm Ba-dật-đề.

156. Nếu Tỳ-kheo-ni hộ tiếc giùm nhà người thì phạm Ba-dật-đề.

157. Nếu Tỳ-kheo-ni thọ thỉnh rồi mà không ăn gì hết thì phạm Ba-dật-đề.

158. Nếu Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo không cho mà liền hỏi kinh luật luận thì phạm Ba-dật-đề.

159. Nếu Tỳ-kheo-ni lõa hình tắm ở chỗ trống trải thì phạm Ba-dật-đề.

160. Nếu Tỳ-kheo-ni dùng đồ trang sức của nữ bạch y thì phạm Ba-dật-đề.

161. Nếu Tỳ-kheo-ni cố ý đến xem nghe ca múa kỹ nhạc và đào kép trang điểm thì phạm Ba-dật-đề.

162. Nếu Tỳ-kheo-ni có ung nhọt nhờ người nam mổ và băng thì phạm Ba-dật-đề.

163. Nếu Tỳ-kheo-ni cùng người nam vừa đi vừa nói chuyện thế tục thì phạm Ba-dật-đề.

164. Nếu Tỳ-kheo-ni hương thoa, cặn dầu mè để thoa chà thân thì phạm Ba-dật-đề.

165. Nếu Tỳ-kheo-ni nhờ người dùng hương thoa, cặn dầu mè thoa chà thân thì phạm Ba-dật-đề.

166. Nếu Tỳ-kheo-ni trên đầu bóng láng đội tóc giả thì phạm Ba-dật-đề.

167. Nếu Tỳ-kheo-ni không nói với Tỳ-kheo-ni mà ra khỏi cửa đi xa thì phạm Ba-dật-đề.

168. Nếu Tỳ-kheo-ni dùng bàn chải chải đầu thì phạm Ba-dật-đề.

169. Nếu Tỳ-kheo-ni nhờ người dùng bàn chải chải đầu cho mình thì phạm Ba-dật-đề.

170. Nếu Tỳ-kheo-ni dùng lược chải đầu thì phạm Ba-dật-đề .

171. Nếu Tỳ-kheo-ni nhờ người dùng lược chải đầu cho mình thì phạm Ba-dật-đề.

172. Nếu Tỳ-kheo-ni chải búi tóc thì phạm Ba-dật-đề.

173. Nếu Tỳ-kheo-ni nhờ người chải búi tóc cho mình thì phạm Ba-dật-đề.

174. Nếu Tỳ-kheo-ni đại tiểu tiện trên cỏ tươi thì phạm Ba-dật-đề.

175. Nếu Tỳ-kheo-ni cố ý làm xuất tinh thì phạm Ba-dật-đề, trừ

trong mộng.

176. Nếu Tỳ-kheo-ni nuốt tinh thì phạm Ba-dật-đề.

177. Nếu Tỳ-kheo-ni tắm nơi chỗ người nam tắm thì phạm Ba-dật-đề.

178. Nếu Tỳ-kheo-ni đứng ở giữa cửa (nhìn ra ngoài) thì phạm Ba-dật-đề.

Các đại đức ni, tôi đã nói một trăm bảy mươi tám pháp Ba-dật-đề, nay xin hỏi các đại đức ni, trong đây có thanh tịnh không? (3 lần).

Các đại đức ni, trong đây thanh tịnh vì im lặng.

Việc này xin nhớ giữ như vậy.

Các đại đức ni, đây là tám pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni, mỗi nữa tháng thường tụng, rút ra từ trong Giới kinh:

Nếu Tỳ-kheo-ni không bịnh mà tự xin sữa (cho đến 8 món ăn ngon là lạc, sanh tô, thục tô, dầu, cá, thịt và nem), Tỳ-kheo-ni này nên đến bên Tỳ-kheo-ni khác nói tội rằng: "Đại đức ni, tôi phạm pháp đáng quở trách, là việc không nên làm, nay đến bên đại đức ni nói tội". Đây là tám pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni.

Các đại đức ni, tôi đã nói tám pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni, nay xin hỏi các đại đức ni, trong đây có thanh tịnh không? (3 lần).

Các đại đức ni, trong đây thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin nhớ giữ như vậy.

Các đại đức ni, đây là Chúng học pháp, mỗi nữa tháng thường tụng, rút ra từ trong Giới kinh:

1. Không được mặc nội y quá cao, cần nên học.

2. Không được mặc nội y quá thấp, cần nên học.

3. Không được mặc nội y so le, cần nên học.

4. Không được mặc nội y giống như đầu cái rìu, cần nên học.

5. Không được mặc nội y giống như lá Đa-la, cần nên học.

6. Không được mặc nội y quấn như cái vòi voi,

cần nên học.

7. Không được mặc nội y quấn vo tròn, cần nên học.

8. Không được mặc nội y xếp nếp nhỏ, cần nên học.

9. Không được mặc nội y giống như hai tai, cần nên học.

10. Không được mặc nội y xốc xếch, cần nên học.

11. Không được mặc nội y cột lỏng lẻo, cần nên học.

12. Nên mặc nội y cho tề chỉnh, cần nên học.

13. Không được mặc y quá cao, cần nên học.

14. Không được mặc y quá thấp, cần nên học.

15. Không được mặc y so le, cần nên học.

16. Nên mặc y cho tề chỉnh, cần nên học.

17. Khéo che thân khi đi vào nhà thế tục, cần nên học.

18. Khéo che thân khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

19. Khéo nhiếp thân khi đi vào nhà thế tục, cần nên học.

20. Khéo nhiếp thân khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

21. Không được liếc ngó hai bên khi đi vào nhà thế tục, cần nên học.

22. Không được liếc ngó hai bên khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

23. Không được chê hôi khi đi vào nhà thế tục, cần nên học.

24. Không được chê hôi khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

25. Không được tự đại khi đi vào nhà thế tục, cần nên học.

26. Không được tự đại khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

27. Nói nhỏ tiếng khi đi vào nhà thế tục, cần nên học.

28. Nói nhỏ tiếng khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

29. Không được quỳ gối ở trong nhà thế tục, cần nên học.

30. Không được quỳ gối khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

31. Không được che phủ đầu khi đi vào nhà thế tục, cần nên học.

32. Không được che phủ đầu khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

33. Không được quấn trùm đầu khi đi vào nhà thế tục, cần nên học.

34. Không được quấn trùm đầu khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

35. Không được chống nạnh khi đi vào nhà thế

tục, cần nên học.

36. Không được chống nạnh khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

37. Không được lộ bày ngực khi đi vào nhà thế tục, cần nên học.

38. Không được lộ bày ngực khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

39. Không được lộ bày hông khi đi vào nhà thế tục, cần nên học.

40. Không được lộ bày hông khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

41. Không được lật ngược y khi đi vào nhà thế tục, cần nên học.

42. Không được lật ngược y khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

43. Không được vắt y qua hai bên khi đi vào nhà thế tục, cần nên học.

44. Không được vắt y qua hai bên khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

45. Không được buông thả y nhảy khi đi vào nhà thế tục, cần nên học.

46. Không được buông thả y nhảy khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

47. Không được đánh đưa cánh tay khi đi vào nhà thế tục, cần nên học.

48. Không được đánh đưa cánh tay khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

49. Không được nhún vai khi đi vào nhà thế tục, cần nên học.

50. Không được nhún vai khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

51. Không được lay lắc đầu khi đi vào nhà thế tục, cần nên học.

52. Không được lay lắc đầu khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

53. Không được uốn éo thân khi đi vào nhà thế tục, cần nên học.

54. Không được uốn éo thân khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

55. Không được nắm tay khi đi vào nhà thế tục, cần nên học.

56. Không được nắm tay khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

57. Không được đi cà nhắc khi đi vào nhà thế tục, cần nên học.

58. Không được đi cà nhắc khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

59. Không được đi kéo lê chân khi đi vào nhà thế tục, cần nên học.

60. Không được đi kéo lê chân khi ngồi trong nhà thế tục, cần nên học.

61. Không được chống cằm khi ngồi trong nhà thế tục, làm cho bạch y cười, cần nên học.

62. Nhất tâm thọ thực, cần nên học.

63. Nhất tâm thọ canh, cần nên học.

64. Không được thọ cơm, thức ăn đầy tràn bát, cần nên học.

65. Cơm canh phải đồng ăn, cần nên học.

66. Không được moi thức ăn ở một bên mà ăn, cần nên học.

67. Không được chỉ lựa ăn thức ăn ngon trong bát, cần nên học.

68. Không được vắt cơm thành miếng lớn mà ăn, cần nên học.

69. Nên vắt cơm vừa miệng mà ăn, cần nên học.

70. Không được há miệng đợi cơm đến mà ăn, cần nên học.

71. Không được miệng ngậm cơm nói chuyện, cần nên học.

72. Không được cắn cơm, thức ăn một nữa mà ăn, cần nên học.

73. Không được nhai cơm, thức ăn ra tiếng, cần nên học.

74. Không được nuốt trọng cơm, thức ăn, cần nên học.

75. Không được chưa nuốt mà ăn nữa, cần nên học.

76. Không được le lưỡi mà ăn, cần nên học.

77. Không được ngửi thức ăn rồi mới ăn, cần nên học.

78. Không được liếm tay mà ăn, cần nên học.

79. Không được dùng ngón tay vét bát mà ăn, cần nên học.

80. Không được bỏ cơm và thức ăn, cần nên học.

81. Không được rảy tay rảy bỏ thức ăn dính nơi tay, cần nên học.

82. Không được tay dơ cầm đồ đựng cơm và thức ăn, cần nên học.

83. Không được lấy cơm phủ lên canh để mong được thêm, cần nên học.

84. Không bịnh, không được xin cơm canh cho mình, cần nên học.

85. Không được khởi tâm ganh tỵ mà ngó trong bát của người ngồi gần, cần nên học.

86. Nhất tâm nhìn vào bát mà ăn, cần nên học.

87. Nên ăn theo thứ lớp, cần nên học.

88. Không được đổ nước rửa bát trong nhà cư sĩ, trừ khi đã hỏi họ, cần nên học.

89. Không được thuyết pháp cho người cưỡi ngựa nghe, trừ bịnh, cần nên học.

90. Tỳ-kheo ở phía sau không được thuyết pháp cho người ở phía trước nghe, trừ bịnh, cần nên học.

91. Tỳ-kheo đứng bên lề đường không được thuyết pháp cho người đứng ở giữa đường nghe, trừ bịnh, cần nên học.

92. Tỳ-kheo ở chỗ thấp không được thuyết

pháp cho người ở chỗ cao nghe, trừ bịnh, cần nên học.

93. Tỳ-kheo đứng không được thuyết pháp cho người ngồi nghe, trừ bịnh, cần nên học.

94. Tỳ-kheo ngồi không được thuyết pháp cho người nằm nghe, trừ bịnh, cần nên học.

95. Không được thuyết pháp cho người quấn trùm đầu nghe, trừ bịnh, cần nên học.

96. Không được thuyết pháp cho người chống nạnh nghe, trừ bịnh, cần nên học.

97. Không được thuyết pháp cho người lộ bày ngực nghe, trừ bịnh, cần nên học.

98. Không được thuyết pháp cho người lộ bày hông nghe, trừ bịnh, cần nên học.

99. Không được thuyết pháp cho người lật ngược y nghe, trừ bịnh, cần nên học.

100. Không được thuyết pháp cho người vắt y sang hai bên nghe, trừ bịnh, cần nên học.

101. Không được thuyết pháp cho người buông thả y nhày nghe, trừ bịnh, cần nên học.

102. Không được thuyết pháp cho người mang guốc nghe, trừ bịnh, cần nên học.

103. Không được thuyết pháp cho người mang giày da nghe, trừ bịnh, cần nên học.

104. Không được thuyết pháp cho người cầm gậy nghe, trừ bịnh, cần nên học.

105. Không được thuyết pháp cho người cầm

dù nghe, trừ bịnh, cần nên học,

106. Không được thuyết pháp cho người cầm đao dài năm thước Tàu nghe, trừ bịnh, cần nên học.

107. Không được thuyết pháp cho người cầm dao nhỏ nghe, trừ bịn, cần nên học.

108. Không được thuyết pháp cho người cầm cung tên và các loại binh khí khác, trừ bịnh, cần nên học.

109. Không được khạc nhổ, đại tiểu tiện trên cỏ tươi, trừ bịnh, cần nên học.

110. Không được khạc nhổ, đại tiểu tiện trong nước sạch, trừ bịnh, cần nên học.

111. Không được đứng đại tiểu tiện, trừ bịnh, cần nên học.

112. Không được leo lên cây cao quá đầu người, trừ nhân duyên cấp thiết, cần nên học.

Các đại đức ni, tôi đã nói Chúng học pháp, nay xin hỏi các đại đức ni, trong đây có thanh tịnh không? (3 lần).

Các đại đức ni, trong đây thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin nhớ giữ như vậy.

Các đại đức, đây là bảy pháp Diệt tránh, mỗi nữa tháng thường tụng, rút ra từ trong Giới kinh:

1. Người đáng cho Hiện tiền Tỳ-ni thì nên cho Hiện tiền Tỳ-ni.

2. Người đáng cho Ức niệm Tỳ-ni thì nên cho Ức niệm Tỳ-ni.

3. Người đáng cho Bất si Tỳ-ni thì nên cho Bất si Tỳ-ni.

4. Người đáng cho Tự ngôn Tỳ-ni để trị thì nên cho Tự ngôn Tỳ-ni.

5. Người đáng cho Mích tội tướng Tỳ-ni thì nên cho Thật mích Tỳ-ni.

6. Người đáng cho Đa mích Tỳ-ni thì nên cho Đa mích Tỳ-ni.

7. Trong Tăng nếu có xảy ra việc tranh cãi đáng dùng Bố thảo Tỳ-ni để diệt trừ thì nên dùng Bố thảo Tỳ-ni để diệt trừ, cần nên học.

Các đại đức ni, tôi đã nói bảy pháp Diệt tránh, Nay xin hỏi các đại đức ni, trong đây có thanh tịnh không? (3 lần).

Các đại đức ni, trong đây thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin nhớ giữ như vậy.

Các đại đức ni, tôi đã nói Tựa của Giới kinh, đã nói bốn pháp Ba-la-di, mười bảy pháp Tăng-già-bà-thi-sa, ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, một trăm bảy mươi tám pháp Ba-dật-đề, tám pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni, đã nói các pháp cần nên học và đã nói bảy pháp Diệt tránh. Tất cả những giới như vậy do Phật nói ra trong Giới kinh, mỗi nữa tháng thường tụng và những giới pháp tùy thuận đạo khác nữa. Các đại đức ni trong đây nên nhất tâm hoan hỷ không tranh cãi, hòa hợp như nước với sữa mới được an lạc hạnh, cần nên học.

Tỳ-bà-thi-Như-lai vô sở trước đẳng chánh giác nói Giới kinh này cho sáu trăm hai mươi vạn Tỳ-kheo vây quanh như sau:

"Nhẫn nhục, đạo thứ nhất,
Niết-bàn, Phật ca ngợi,
Xuất gia xúc não người,
Không gọi là Sa-môn".

Thi-khí Như-lai vô sở trước đẳng chánh giác nói Giới kinh này cho tám mươi vạn Tỳ-kheo vây quanh như sau:

"Ví như người mắt sáng,
Tránh được đường hiểm ác.
Đời có người thông minh,
Xa lìa được các ác".

Tùy-khí-Như-lai vô sở trước đẳng chánh giác nói Giới kinh này cho mười vạn Tỳ-kheo vây quanh như sau:

"Không phiền, không nói lỗi,
Hành trì theo giới pháp,
Ăn uống biết vừa đủ,
Thường thích chỗ tịch tĩnh,
Tâm tịnh, ưa tinh tấn,
Là lời chư Phật dạy".

Câu-lưu-tôn-Như-lai vô sở trước đẳng chánh giác nói Giới kinh này cho bốn vạn Tỳ-kheo vây quanh như sau:

"Như Ong hút mật hoa,

Không hoại sắc và hương,
Lấy vị ngọt rồi đi.
Tỳ-kheo vào tụ lạc,
Không phá hoại việc người,
Không xem làm, không làm,
Chỉ xét lại hạnh mình,
Là thiện hay bất thiện".

Câu-na-hàm Như-lai vô sở trước đẳng chánh giác nói Giới kinh này cho ba vạn Tỳ-kheo vây quanh như sau:

"Muốn được tâm tốt chớ buông lung,
Siêng học thiện pháp của Thánh nhân.
Nếu người có trí, tâm tịch tĩnh,
Mới có thể không còn lo buồn".

Ca-diếp Như lai vô sở trước đẳng chánh giác nói Giới kinh này cho hai vạn Tỳ-kheo vây quanh như sau:

"Không làm các điều ác,
Làm tất cả điều thiện,
Tự thanh tịnh tâm ý,
Là lời chư Phật dạy".

Thích-ca-mâu-ni Như lai vô sở trước đẳng chánh giác nói Giới kinh này cho một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo vây quanh như sau:

"Lành thay, hộ thân nghiệp,
Lành thay, hộ khẩu nghiệp,
Lành thay hộ ý nghiệp,

Hộ tất cả lành thay.
Tỳ-kheo hộ ba nghiệp,
Xa lìa được các khổ.
Tỳ-kheo gìn khẩu ý,
Thân không làm điều ác,
Ba nghiệp được thanh tịnh,
Chứng được đạo thánh nhân.
Bị người đánh mắng, không đáp trả,
Bị người sân giận, tâm không sân,
Đối với người si, tâm thường tịnh,
Thấy người làm ác, mình không làm.
Bảy Phật là Thế tôn ,
Cứu hộ cho thế gian,
Nên nói Giới kinh này.
Tôi đã nói giới xong,
Chư Phật và đệ tử,
Cung kính Giới kinh này,
Cung kính Giới kinh rồi,
Tất cả cung kính nhau,
Hổ thẹn được đầy đủ,
Chứng được đạo Vô vi".
Các đại đức ni, đã nói
Giới kinh xong, tát.
Tăng nhất tâm được bố

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 76

ĐẠI SA MÔN BÁCH NHẤT YẾT MA PHÁP

SỐ 1438

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1438
ĐẠI SA MÔN BÁCH NHẤT YẾT MA PHÁP

Đơn bạch yết ma có hai mươi hai pháp, bạch nhị yết ma có bốn mươi bảy pháp, bạch tứ yết ma có ba mươi hai pháp, tổng cọng là một trăm lẻ một pháp. Thật ra yết ma không hạn cuộc trong số một trăm lẻ một, vì những yết ma tương tợ không nêu ra nên nói sơ lược là một trăm lẻ một pháp. một trăm lẻ một pháp yết ma này cần hiểu biết tận tường mới có thể thành tựu yết ma.

1. Yết ma Xả giới cũ: (Xả giới cũ để kết lại giới mới)

Đại đức tăng lắng nghe, Tăng kết nội giới cũ cùng một trú xứ, cùng một thuyết giới. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay xả giới cũ cùng một trú xứ, cùng một thuyết giới. Bạch như vậy.

Đại đức tăng lắng nghe, Tăng kết giới cũ cùng một trú xứ, cùng một thuyết giới. Tăng nay xả giới cũ cùng một trú xứ, cùng một thuyết giới. Các trưởng lão nào chấp thuận Tăng nay xả giới cũ cúng một trú xứ, cùng một thuyết giới thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Tăng đã chấp thuận xả

giới cũ cùng một trú xứ, cùng một thuyết giới xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

2. Yết ma kết nội giới:

Nội giới trong đây tức là đại giới , khi kết nếu không nói trừ ra thì có tội mất y trong trú xứ này; sau nếu kết giới y thì nên nói trừ ra.

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo tên nói giới tướng bốn phương, đây là tướng của nội giới, kia là tướng của ngoại giới, Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay ở trong đây kết nội giới, cùng một trú xứ cùng một thuyết giới. Bạch như vậy.

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo tên nói giới tướng bốn phương, đây là tướng của nội giới, kia là tướng của ngoại giới. Tăng nay ở trong đây kết nội giới, cùng một trú xứ, cùng một thuyết giới. Các trưởng lão nào chấp thuận ở trong đây kết nội giới, cùng một trú xứ, cùng một thuyết giới thì im lặng. Ai không chấp thuận thì nói. Tăng đã chấp thuận ở trong đây kết nội giới cùng một trú xứ, cùng một thuyết giới xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

3. Yết ma kết ngoại giới:

Ngoại giới trong đây tức là giới tràng, pháp kết đại giới có giới tràng thì phải quy định tướng của đại giới (nội giới), trong tướng của đại giới lại quy

định tướng của giới tràng (ngoại giới). Khi kết nên kết giới tràng trước, kết đại giới sau.

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo tên nói giới tướng bốn phương, đây là tướng của nội giới, kia là tướng của ngoại giới. Tăng ở trong đây kết nội giới, còn trong khoảnh đất này kết ngoại giới làm nơi thọ giới. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay trong khoảnh đất này kết ngoại giới làm nơi thọ giới. Bạch như vậy.

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo tên nói giới tướng bốn phương, đây là tướng của nội giới, kia là tướng của ngoại giới. Tăng ở trong đây kết nội giới, còn trong khoảnh đất này kết ngoại giới làm nơi thọ giới. Các trưởng lão nào chấp thuận ở trong khoảnh đất này kết ngoại giới làm nơi thọ giới thì im lặng. Ai không chấp thuận thì nói. Tăng đã chấp thuận ở trong khoảnh đất này kết ngoại giới làm nơi thọ giới xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

4. Yết ma kết giới không mất y:

Đại đức tăng lắng nghe, Tăng ở trong nội giới cùng một trú xứ, cùng một thuyết giới, trừ tụ lạc và giới tụ lạc, trừ A-lan-nhã và các nhà ra, phần còn lại kết giới không mất y, cùng một trú xứ, cùng một thuyết giới. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng ở trong nội giới cùng một trú xứ, cùng một thuyết giới, trừ tụ lạc và giới tụ lạc,

trừ A-lan-nhã và các nhà ra, phần còn lại kết giới không mất y, cùng một trú xứ, cùng một thuyết giới. Bạch như vậy.

Đại đức tăng lắng nghe, Tăng ở trong nội giới cùng một trú xứ, cùng một thuyết giới, trừ tụ lạc và giới tụ lạc , trừ A-lan-nhã và các nhà ra, phần còn lại kết giới không mất y, cùng một trú xứ, cùng một thuyết giới. Các trưởng lão nào chấp thuận Tăng ở trong nội giới cùng một trú xứ, cùng một thuyết giới, trừ tụ lạc và giới tụ lạc , trừ A-lan-nhã và các nhà ra, phần còn lại kết giới không mất y, cùng một trú xứ, cùng một thuyết giới thì im lặng. Ai không chấp thuận thì nói. Tăng đã chấp thuận Tăng ở trong nội giới cùng một trú xứ, cùng một thuyết giới, trừ tụ lạc và giới tụ lạc, trừ A-lan-nhã và các nhà ra, phần còn lại kết giới không mất y, cùng một trú xứ, cùng một thuyết giới xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

5. Yết ma sai mười bốn hạng người coi ngó công việc trong Tăng:

Mười bốn hạng người đó là người tác pháp, người chia ngọa cụ, người trải ngọa cụ, người chia bánh, người xử phân việc sai đi phó thỉnh, người xử phân Sa-di, người chia cháo, người giữ vườn, người chia y, người chia áo tắm mưa, người chia thuốc, người giữ y vật, người giữ vật thô, người thường coi giữ trú xứ)

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo tên có thể làm người tác pháp thanh tịnh cho Tăng. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay sai Tỳ-kheo làm người tác pháp thanh tịnh cho Tăng. Bạch như vậy.

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo tên có thể làm người tác pháp thanh tịnh cho Tăng, Tăng nay sai Tỳ-kheo làm người tác pháp thanh tịnh cho Tăng. Các trưởng lão nào chấp thuận, Tăng sai Tỳ-kheo làm người tác pháp thanh tịnh cho Tăng thì im lặng. Ai không chấp thuận thì nói. Tăng đã chấp thuận Tăng sai Tỳ-kheo làm người tác pháp thanh tịnh cho Tăng xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Như thế cho đến sai mười bốn hạng người đều bạch nhị yết ma sai giống như trên.

6. Pháp sám tội Tăng-già-bà-thi-sa có che giấu:

a. Yết ma Ba-lợi-bà-sa (yết ma phú tàng):

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng che giấu, sau đó đến nói với các Tỳ-kheo: "Các trưởng lão, tôi Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng đã che giấu, nay tôi phải làm sao", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Các thầy hãy cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Ba-lợi-bà-sa, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ

bấy nhiêu ngày. Nếu có người nào giống như vậy, Tăng cũng nên cho yết ma Ba-lợi-bà-sa".

Tác pháp yết ma Ba-lợi-bà-sa như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Tăng:

Đại đức tăng nhớ nghĩ, con Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng đã che giấu, nay theo Tăng xin yết ma Biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày. Xin Tăng thương xót cho con yết ma Biệt trụ. (3 lần)

Một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng đã che giấu, nay theo Tăng xin yết ma Biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Biệt trụ , tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày. Bạch như vậy.

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng đã che giấu, nay theo Tăng xin yết ma Biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt

trụ bấy nhiêu ngày. Tăng nay cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày. Các trưởng lão nào chấp thuận cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất.

Như thế bạch tứ yết ma cho đến câu Tăng đã cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Biệt trụ , tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

b. Xin yết ma Ma-na-đỏa:

Tác pháp yết ma Ma-na-đỏa như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Tăng:

Đại đức tăng nhớ nghĩ, con Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng đã che giấu. Tăng đã cho con yết ma Biệt trụ , tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày. Con đã hành biệt trụ , tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày xong rồi, vì muốn trừ tội nay theo Tăng xin yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa. Xin Tăng thương xót cho con yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa. (3 lần)

Một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch yết ma như

sau:

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng đã che giấu. Tăng đã cho yết ma Biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày. Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di đã hành biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày xong rồi, vì muốn trừ tội nay theo Tăng xin yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa. Bạch như vậy.

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng đã che giấu. Tăng đã cho yết ma Biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày. Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di đã hành biệt trụ , tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày xong rồi, vì muốn trừ tội nay theo Tăng xin yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng nay cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa, các trưởng lão nào chấp thuận cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất.

Như thế bạch tứ yết ma cho đến câu Tăng đã cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lạng,

việc này xin nhớ giữ như vậy.

c. Xin yết ma Xuất tội:

Tác pháp yết ma Xuất tội như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Tăng:

Đại đức tăng nhớ nghĩ, con Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng đã che giấu. Tăng đã cho con yết ma Biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày, con đã hành biệt trụ tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày xong rồi. Tăng cũng đã cho con yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa, con cũng đã hành sáu đêm Ma-na-đỏa xong rồi, nay theo Tăng xin yết ma Xuất tội. Xin Tăng thương xót cho con yết ma Xuất tội. (3 lần)

Một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng đã che giấu. Tăng đã cho Tỳ-kheo này yết ma Biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày, Tỳ-kheo này đã hành biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày xong rồi. Tăng cũng đã cho Tỳ-kheo này yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa, Tỳ-kheo này cũng đã hành sáu đêm Ma-na-đỏa xong

rồi, nay theo Tăng xin yết ma Xuất tội. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Xuất tội. Bạch như vậy.

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng đã che giấu. Tăng đã cho yết ma Biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày. Tỳ-kheo này đã hành biệt trụ, tùy che giấu bao nhiêu ngày thì hành biệt trụ bấy nhiêu ngày xong rồi. Tăng cũng đã cho yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa, Tỳ-kheo này cũng đã hành sáu đêm Ma-na-đỏa xong rồi, nay theo Tăng xin yết ma Xuất tội. Tăng nay cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Xuất tội, các trưởng lão nào chấp thuận cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Xuất tội thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất.

Như thế bạch tứ yết ma cho đến câu Tăng đã cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Xuất tội xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

7. Pháp sám tội Tăng-già-bà-thi-sa không che giấu:

a. Xin yết ma Ma-na-đỏa:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-

bà-thi-sa nhưng không che giấu, đến nói với các Tỳ-kheo: "Các đại đức, tôi đã cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng tàn không che giấu, tôi nay phải làm sao", các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Các thầy hãy làm yết ma cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di hành sáu đêm Ma-na-đỏa, nếu có người nào giống như thế cũng nên cho yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa".

Tác pháp yết ma Ma-na-đỏa như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Tăng:

Đại đức tăng nhớ nghĩ, con Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng không che giấu, nay theo Tăng xin yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa. Xin Tăng thương xót cho con yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa. (3 lần)

Một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng không che giấu, nay theo Tăng xin yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa. Bạch như vậy.

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di

cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng không che giấu, nay theo Tăng xin yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng nay cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa, nếu trưởng lão nào chấp thuận cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất.

Như thế bạch tứ yết ma cho đến câu Tăng đã cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

b. Xin yết ma Xuất tội:

Tác pháp yết ma Xuất tội như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Tăng:

Đại đức tăng nhớ nghĩ, con Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng không che giấu nên Tăng đã cho con yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa. Con đã ở trong Tăng hành sáu đêm Ma-na-đỏa xong rồi nay theo Tăng xin yết ma Xuất tội. Xin Tăng thương xót cho con yết ma Xuất tội. (3 lần)

Một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-

sa nhưng không che giấu, Tăng đã cho yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo này đã ở trong Tăng hành sáu đêm Ma-na-đỏa xong rồi, nay theo Tăng xin yết ma Xuất tội. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Xuất tội. Bạch như vậy.

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng không che giấu, Tăng đã cho yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo này ở trong Tăng đã hành sáu đêm Ma-na-đỏa xong rồi, nay theo Tăng xin yết ma Xuất tội. Tăng nay cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Xuất tội, nếu trưởng lão nào chấp thuận cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Xuất tội thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất.

Như thế bạch tứ yết ma cho đến câu Tăng đã cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Xuất tội xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

8. Pháp sám tái phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa:

a. Yết ma Bổn nhật trị:

Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di trong khi đang hành sáu đêm Ma-na-đỏa, hành được mấy ngày, còn mấy ngày chưa hành lại tái phạm tội cố ý làm xuất tinh nhưng không che giấu, đến nói với các Tỳ-kheo: "Các đại đức, con trong khi đang hành sáu đêm

Ma-na-đỏa, hành được mấy ngày, còn mấy ngày chưa hành lại tái phạm tội cố ý làm xuất tinh nhưng không che giấu, nay con phải làm sao", các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật nói: "Các thầy hãy cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Bổn nhật trị, hành sáu đêm Ma-na-đỏa lại từ đầu. Nếu có người nào giống như thế, Tăng cũng nên cho yết ma Bổn nhật trị".

Tác pháp cho yết ma Bổn nhật trị như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Tăng:

Đại đức tăng nhớ nghĩ, con Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng không che giấu, Tăng đã cho con yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa. Con trong khi đang hành sáu đêm Ma-na-đỏa, hành được mấy ngày, còn mấy ngày chưa hành lại tái phạm tội cố ý làm xuất tinh nhưng không che giấu, nay theo Tăng xin cho con yết ma Bổn nhật trị. Xin Tăng thương xót cho con yết ma Bổn nhật trị. (3 lần)

Một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng không che giấu, Tăng đã cho yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di này trong khi đang hành sáu đêm Ma-na-đỏa, hành

được mấy ngày, còn mấy ngày chưa hành lại tái phạm tội cố ý làm xuất tinh nhưng không che giấu, nay theo Tăng xin yết ma Bổn nhật trị. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Bổn nhật trị. Bạch như vậy.

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng không che giấu, Tăng đã cho yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di này trong khi đang hành sáu đêm Ma-na-đỏa, hành được mấy ngày, còn mấy ngày chưa hành lại tái phạm tội cố ý làm xuất tinh nhưng không che giấu, nay theo Tăng xin yết ma Bổn nhật trị. Tăng nay cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di này yết ma Bổn nhật trị, các trưởng lão nào chấp thuận cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di này yết ma Bổn nhật trị thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất.

Như thế bạch tứ yết ma cho đến câu Tăng đã cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Bổn nhật trị xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

b. Yết ma Xuất tội:

Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di hành Bổn nhật trị sáu đêm Ma-na-đỏa trở lại từ đầu xong rồi đến bạch các Tỳ-kheo: "Giờ tôi phải làm sao", các Tỳ-kheo

bạch Phật, Phật nói: "Các thầy hãy làm yết ma Xuất tội cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di, nếu có người nào giống như vậy, Tăng cũng nên cho xuất tội".

Tác pháp yết ma Xuất tội như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Tăng:

Đại đức tăng nhớ nghĩ, con Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng không che giấu. Tăng đã cho con yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa, trong khi đang hành sáu đêm Ma-na-đỏa, hành được mấy ngày, còn mấy ngày chưa hành, con lại tái phạm tội cố ý làm xuất tinh nhưng không che giấu. Tăng đã cho con yết ma Bổn nhật trị, con hành Bổn nhật trị sáu đêm Ma-na-đỏa trở lại từ đầu đã xong, nay theo Tăng xin xuất tội. Xin Tăng thương xót cho con yết ma Xuất tội. (3 lần)

Một Tỳ-kheo trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng không che giấu. Tăng đã cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa, trong khi đang hành sáu đêm Ma-na-đỏa, hành được mấy ngày, còn mấy ngày chưa hành, Tỳ-kheo này lại tái phạm tội cố ý làm xuất tinh nhưng không che giấu. Tăng đã cho yết ma Bổn nhật trị, Tỳ-kheo

này hành Bổn nhật trị sáu đêm Ma-na-đỏa trở lại đầu đầu đã xong, nay theo Tăng xin xuất tội. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Xuất tội. Bạch như vậy.

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cố ý làm xuất tinh phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa nhưng không che giấu, Tăng đã cho yết ma hành sáu đêm Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo này trong khi đang hành sáu đêm Ma-na-đỏa, hành được mấy ngày, còn mấy ngày chưa hành lại tái phạm tội cố ý làm xuất tinh nhưng không che giấu. Tăng đã cho yết ma Bổn nhật trị, Tỳ-kheo này hành Bổn nhật trị sáu đêm Ma-na-đỏa trở lại từ đầu đã xong, nay theo Tăng xin yết ma Xuất tội. Tăng nay cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Xuất tội, các trưởng lão nào chấp thuận cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma Xuất tội thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất. Như thế bạch tứ yết ma cho đến câu Tăng đạ cho Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di yết ma xuất tội xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

9. Pháp sám tội Thâu-lan-giá:

Tất cả tội Thâu-lan-giá từ hai thiên trên sanh ra bốn phẩm sai khác: Tội Thượng phẩm không thể sám, tội Hạ phẩm sanh từ thiên đầu và tội Trung phẩm sanh từ thiên thứ hai thì được sám hối trước bốn Tỳ-kheo ở ngoài giới, tội Hạ phẩm sanh từ

thiên thứ hai thì được sám trước một Tỳ-kheo.

a. Sám tội Hạ phẩm sanh từ thiên đầu và Trung phẩm sanh từ thiên thứ hai:

Đại đức tăng nhớ nghĩ, con Tỳ-kheo tên trộm cắp bốn tiền phạm tội Thâu-lan-giá không có che giấu, nay đến trong Tăng sám tội Thâu-lan-giá không có che giấu (3 lần).

Tăng hỏi: Có thấy tội không? Đáp: Thấy tội

Tăng nói: Nếu thấy tội thì sau chớ có tái phạm.

Trưởng lão nhớ nghĩ, con Tỳ-kheo tên nắm áo người nữ, phạm tội Thâu-lan-giá, nay đến trước trưởng lão sám tội Thâu-lan-giá không có che giấu (3 lần).

10. Pháp sám tội Ba-dật-đề:

Trưởng lão nhớ nghĩ, con Tỳ-kheo tên chứa y dư quá mười ngày phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, con đã xả y này, nay đến trước trưởng lão xin sám tội Ba-dật-đề để được thanh tịnh (3 lần).

Trưởng lão nhớ nghĩ, con Tỳ-kheo tên cố ý nói dối phạm Ba-dật-đề, nay đến trước trưởng lão sám tội Ba-dật-đề cố ý nói dối để được thanh tịnh (3 lần).

11. Pháp sám tội Hối quá (Ba-la-đề-đề-xá-ni):

Đại đức tăng nhớ nghĩ, con Tỳ-kheo tên _ phạm pháp đáng quở trách, là việc không nên làm, nay đối trước các đại đức xin hối quá (3 lần). Tăng cho hối quá.

12. Các yết ma tẫn:

a. Yết ma diệt tẫn tội Ba-la-di:

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo này tên làm việc dâm dục phạm Ba-la-di. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay yết ma diệt tẫn Tỳ-kheo tên làm việc dâm dục phạm Ba-la-di, không được ở chung, không làm việc chung. Bạch như vậy.

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo tên làm việc dâm dục phạm Ba-la-di, Tăng nay yết ma diệt tẫn Tỳ-kheo tên làm việc dâm dục phạm Ba-la-di, không được ở chung, không làm việc chung. Các trưởng lão nào chấp thuận, Tăng yết ma diệt tẫn Tỳ-kheo làm việc dâm dục phạm Ba-la-di, không được ở chung, không làm việc chung thì im lặng. Ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất (lần thứ hai , lần thứ ba). Tăng đã chấp thuận, Tăng yết ma diệt tẫn Tỳ-kheo làm việc dâm dục phạm Ba-la-di, không được ở chung, không làm việc chung xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

b. Yết ma Bất kiến tẫn:

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo tên phạm tội mà không tự thấy tội. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay tác yết ma Bất kiến tẫn cho Tỳ-kheo phạm tội mà không tự thấy tội này. Bạch như vậy.

Như thế bạch tứ yết ma cho đến câu Tăng đã chấp thuận tác yết ma Bất kiến tẫn cho Tỳ-kheo phạm tội mà không tự thấy tội này xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

c. Yết ma Bất tác tẫn:

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo tên phạm tội tuy tự thấy tội nhưng không chịu như pháp sám hối. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay tác yết ma Bất tác tẫn cho Tỳ-kheo phạm tội tuy tự thấy tội nhưng không chịu như pháp sám hối này. Bạch như vậy.

Như thế bạch tứ yết ma cho đến câu Tăng đã chấp thuận tác yết ma Bất tác tẫn cho Tỳ-kheo phạm tội tuy tự thấy tội nhưng không chịu như pháp sám hối này xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

13. Tăng yết ma diệt trừ việc phi pháp:

Một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng:

Đại đức tăng lắng nghe, nếu chúng ta ở trong Tăng diệt trừ việc phi pháp này, Tỳ-kheo vô trí sẽ nói rằng: 'việc này không nên diệt trừ như vậy'. Cho nên tôi nay ở trong Tăng tác pháp yết ma để tất cả Tăng cùng ước sắc với nhau là diệt trừ việc phi pháp này. Bạch như vậy.

Trưởng lão Tam-bồ-già ở trong Tăng xướng tên của bốn Tỳ-kheo ở phương Tây nam và bốn

Tỳ-kheo ở phương Đông:

Đại đức tăng lắng nghe, tôi nay xướng tên của tám Tỳ-kheo gồm có bốn Tỳ-kheo ở phương Tây nam và bốn Tỳ-kheo ở phương Đông, đó là… Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cử tám vị này làm người xử đoán việc, ở trong Tăng xử đoán việc phi pháp này. Bạch như vậy.

Đại đức tăng lắng nghe, tôi nay xướng tên của tám Tỳ-kheo gồm có bốn Tỳ-kheo ở phương Tây nam và bốn Tỳ-kheo ở phương Đông, đó là… Tăng nay cử tám vị này làm người xử đoán việc, ở trong Tăng xử đoán việc phi pháp này. Các trưởng lão nào chấp thuận cử tám vị này làm người xử đoán việc, ở trong Tăng xử đoán việc phi pháp này thì im lặng. Ai không chấp thuận thì nói. Tăng đã chấp thuận cử tám vị này làm người xử đoán việc, ở trong Tăng xử đoán việc phi pháp này xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Kế cử Tỳ-kheo A-kỳ-đa làm người trải tọa cụ:

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo A-kỳ-đa này đã thọ giới năm năm, tuổi tuy nhỏ nhưng có thể trì tụng Tỳ-ni. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cử Tỳ-kheo A-kỳ-đa làm người trải tọa cụ cho các trưởng lão xử đoán việc ở trong rừng Bà-già. Bạch như vậy

Như thế bạch nhị yết ma cho đến câu Tăng đã chấp thuận cử Tỳ-kheo A-kỳ-đa làm người trải tọa cụ cho các trưởng lão xử đoán việc trong rừng Bà-già xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

14. Pháp thọ ba mươi chín ngày xuất giới:

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo vì việc Tăng nên xin thọ pháp ba mươi chín ngày xuất giới, việc xong sẽ trở về trong đây an cư và tự tứ. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho Tỳ-kheo vì việc Tăng nên xin thọ pháp ba mươi chín ngày xuất giới, việc xong sẽ trở về trong đây an cư và tự tứ. Bạch như vậy.

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo vì việc Tăng nên xin thọ pháp ba mươi chín ngày xuất giới, việc xong sẽ trở về trong đây an cư và tự tứ. Các trưởng lão nào chấp thuận cho Tỳ-kheo vì việc Tăng nên xin thọ pháp ba mươi chín ngày xuất giới, việc xong sẽ trở về trong đây an cư và tự tứ thì im lặng. Ai không chấp thuận thì nói. Tăng đã chấp thuận cho Tỳ-kheo vì việc Tăng nên xin thọ pháp ba mươi chín ngày xuất giới, việc xong sẽ trở về trong đây an cư và tự tứ xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

15. Tác pháp thọ y Ca-hi-na:

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó các Tỳ-kheo sau ba tháng an cư tại nước Tang Kỳ-đà, tự tứ xong, may

y mới rồi liền đắp y mang bát du hành đến nước Xá-vệ, giữa đường gặp mưa lớn nên người bị ướt và lấm lem bùn đất, lại bị gió nóng làm xúc não nên rất mỏi mệt. Khi đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên, pháp thường của Phật là khi có khách Tỳ-kheo đến, Phật đều hỏi thăm có nhẫn đủ không, an cư có an lạc không, khất thực có dễ không, đi đường có nhọc mệt không. Lúc đó các Tỳ-kheo đều đáp là nhẫn đủ, an cư được an lạc, khất thực không khó nhưng đi đường nhọc mệt, rồi đem việc trên bạch Phật, Phật nói: "Từ nay cho các Tỳ-kheo sau khi an cư, tự tứ xong hòa hợp một chỗ thọ y Ca-hi-na. Thọ y Ca-hi-na rồi thì y đã thọ trước đó vẫn không mất, huống chi là y mới". Pháp thọ y Ca-hi-na như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng: Đại đức Tăng lắng nghe, ngày nay Tăng hòa hợp thọ y Ca-hi-na. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay thọ y Ca-hi-na. Bạch như vậy.

Trước hết Tăng nên cử người thọ y Ca-hi-na, một Tỳ-kheo hỏi trong Tăng: "Ai có thể vì Tăng làm người thọ y Ca-hi-na", nếu có người đáp là có thể thì Tăng nên xét kỹ, như Phật dạy nếu có năm pháp thì Tăng không nên cử làm người thọ y Ca-hi-na, đó là tùy ái, tùy sân, tùy sợ, tùy si, không biết thọ hay không thọ; ngược lại nếu thành tựu năm pháp: không tùy ái, không tùy sân, không tùy sợ, không tùy si, biết rõ thọ hay không thọ thì nên

cử. Tác pháp bạch nhị yết ma cử người thọ y Ca-hi-na, một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng:

Đại đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo có thể vì Tăng làm người thọ y Ca-hi-na. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay sai Tỳ-kheo vì Tăng làm người thọ y Ca-hi-na . Bạch như thế.

Như thế bạch nhị yết ma cho đến câu Tăng đã sai Tỳ-kheo vì Tăng làm người thọ y Ca-hi-na xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Lúc đó nếu Tăng được cúng vải, Tăng an cư nên chia thì nên yết ma đem vải này đưa cho người thọ y Ca-hi-na, tác pháp yết ma như sau: Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng:

Đại đức Tăng lắng nghe, Tăng trú xứ này được cúng vải, Tăng an cư nên chia. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay yết ma giao vải này cho Tỳ-kheo thọ làm y Ca-hi-na, không rời khỏi trú xứ này mà thọ trì. Bạch như vậy.

Như thế bạch nhị yết ma cho đến câu Tăng đã giao vải này cho Tỳ-kheo thọ làm y Ca-hi-na không rời khỏi trú xứ này mà thọ trì xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Tỳ-kheo này nhận vải rồi nên đem vải làm qua bốn công đoạn là giặt nhuộm cắt may. Tỳ-kheo này

khi giặt vải nên khởi niệm: "Ta dùng vải này may y Ca-hi-na để thọ trì", khi nhuộm, đo, tính toán kích lượng, cắt may cũng khởi niệm giống như trên, tổng cộng là sáu niệm, khởi đủ sáu niệm này mới gọi là khéo may y Ca-hi-na; nếu không khởi đủ sáu niệm này thì không gọi là khéo may y Ca-hi-na. Lại nữa nên khởi ba tâm:

Một là ta dùng vải này sẽ may thành y Ca-hi-na để thọ. Hai là ta dùng vải này nay may thành y Ca-hi-na để thọ.

Ba là ta dùng vải này may thành y Ca-hi-na để thọ xong rồi. Nếu khởi đủ ba tâm này mới gọi là khéo may y Ca-hi-na, nếu không khởi đủ ba tâm này thì không gọi là khéo may y Ca-hi-na.

16. Yết ma chia vật của người chết:

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo qua đời, những khinh vật để lại gồm có y và phi y, Hiện tiền tăng nên chia. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay đem những khinh vật của tỳ-kheo qua đời để lại gồm có y và phi y, Hiện tiền tăng nên chia, đem chia cho Tỳ-kheo . Bạch như vậy.

Đại đức tăng lắng nghe, Tăng nay đem những khinh vật của tỳ-kheo _ qua đời để lại gồm có y và phi y, Hiện tiền tăng nên chia, đem chia cho Tỳ-kheo . Các trưởng lão nào chấp thuận Tăng nay đem những khinh vật của tỳ-kheo _ qua đời để lại

gồm có y và phi y, Hiện tiền tăng nên chia, đem chia cho Tỳ-kheo thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Tăng đã chấp thuận đem những khinh vật của tỳ-kheo qua đời để lại gồm có y và phi y, Hiện tiền tăng nên chia, đem chia cho Tỳ-kheo xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

17. Yết ma đem sáu vật cho người khán bịnh:

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo qua đời, sáu vật để lại này Hiện tiền tăng nên chia. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay đem sáu vật này cho Tỳ-kheo khán bịnh. Bạch như vậy.

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo qua đời, sáu vật để lại này Hiện tiền tăng nên chia, Tăng nay đem sáu vật cho Tỳ-kheo khán bịnh. Các trưởng lão nào chấp thuận đem sáu vật này cho Tỳ-kheo khán bịnh thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Tăng đã chấp thuận đem sáu vật này cho Tỳ-kheo khán bịnh xong rồi, Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Tăng nhất tâm hòa hợp, một Tỳ-kheo trong Tăng xướng rằng:

Đại đức tăng lắng nghe, Sa-di qua đời có để lại ngần ấy y thượng hạ. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay đem ngần ấy y thượng hạ của Sa-di qua đời để lại, cho người khán

bịnh. Bạch như vậy.

Đại đức tăng lắng nghe, Tăng nay đem ngần ấy y thượng hạ của Sa-di qua đời để lại, cho người khán bịnh. Các trưởng lão nào chấp thuận đem ngần ấy y thượng hạ của Sa-di qua đời để lại, cho người khán bịnh thì im lặng; ai không chấp thuận thì nói. Tăng đã chấp thuận đem ngần ấy y thượng hạ của Sa-di qua đời để lại, cho người khán bịnh xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

18. Yết ma giao tinh xá cho thí chủ tu sửa:

Đại đức tăng lắng nghe, tinh xá không có chủ, nay bị hư hoại, thí chủ tên có thể tu sửa. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay giao tinh xá cho thí chủ tên để tu sửa. Bạch như vậy.

Đại đức tăng lắng nghe, tinh xá không có chủ, nay bị hư hoại, Tăng nay giao tinh xá cho thí chủ tên để tu sửa. Các trưởng lão nào chấp thuận, Tăng nay giao tinh xá cho thí chủ tên để tu sửa thì im lặng; ai không chấp thuận thì nói. Tăng đã chấp thuận Tăng nay giao tinh xá cho thí chủ tên để tu sửa xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

19. Yết ma kết tịnh xứ:

Đại đức tăng lắng nghe, ngôi nhà (phòng) được chọn để kết làm tịnh xứ (tịnh khố, tịnh trù). Nếu

tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay kết phòng nhà này làm tịnh xứ. Bạch như vậy.

Đại đức tăng lắng nghe, Tăng nay kết phòng nhà này làm tịnh xứ, các trưởng lão nào chấp thuận kết phòng nhà này làm tịnh xứ thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Tăng đã chấp thuận kết phòng nhà này làm tịnh xứ xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

20. Yết ma cuồng si:

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo tên cuồng si, khi bố tát và làm các pháp tăng sự khác, có khi đến, có khi không đến, khiến các Tỳ-kheo sanh tâm nghi hối. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay tác pháp yết ma cuồng si cho Tỳ-kheo cuồng si, dù Tỳ-kheo này ở chung (cọng) hay ở riêng (biệt), Tăng vẫn được tùy ý bố tát và làm các pháp tăng sự khác. Bạch như vậy.

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo tên cuồng si, khi bố tát và làm các pháp tăng sự khác, có khi đến, có khi không đến, khiến các Tỳ-kheo sanh tâm nghi hối. Tăng nay tác pháp yết ma cuồng si cho Tỳ-kheo cuồng si, dù Tỳ-kheo này ở chung (cọng) hay ở riêng (biệt), Tăng vẫn được tùy ý bố tát và làm các pháp tăng sự khác. Các trưởng lão nào chấp thuận Tăng nay tác pháp yết ma cuồng si cho Tỳ-kheo

cuồng si, dù Tỳ-kheo này ở chung (cọng) hay ở riêng (biệt), Tăng vẫn được tùy ý bố tát và làm các pháp tăng sự khác thì im lặng; ai không chấp thuận thì nói.

Tăng đã chấp thuận Tăng nay tác pháp yết ma cuồng si cho Tỳ-kheo cuồng si, dù Tỳ-kheo này ở chung (cọng) hay ở riêng (biệt), Tăng vẫn được tùy ý bố tát và làm các pháp tăng sự khác. Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

21. Các pháp bạch khác:

1. Đại đức tăng lắng nghe, tất cả Tăng trong trú xứ này đều có tội và biết tội, nay có Tỳ-kheo khác ở chung đồng kiến khuyên nên như pháp sám hồi, Tăng đã sai người đi khắp nơi tìm cầu Tỳ-kheo thanh tịnh để sám tội này nhưng không thành nên không thể thanh tịnh. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng sau này sẽ như pháp sám tội này. Bạch như vậy.

2. Đại đức tăng lắng nghe, tất cả tăng trong trú xứ này đối với một việc có nghi. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng sau này sẽ hỏi để quyết nghi rồi sẽ như pháp sám hối. Bạch như vậy.

3. Đại đức tăng lắng nghe, trong trú xứ này có Tỳ-kheo dù có người hỏi hay không có người hỏi, dù khiến nhớ nghĩ hay không khiến nhớ nghĩ mà tự nói là phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu cho Tỳ-

kheo này hành Ba-lợi-bà-sa thì không thành cho hành Ba-lợi-bà-sa. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng sau này sẽ cho Tỳ-kheo phạm tội này hành Ba-lợi-bà-sa. Bạch như vậy.

4. Đại đức tăng lắng nghe, trong trú xứ này có Tỳ-kheo dù có người hỏi hay không có người hỏi, dù khiến nhớ nghĩ hay không khiến nhớ nghĩ mà tự nói là phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu cho Tỳ-kheo này hành Ma-na-đỏa thì không thành hành Ma-na-đỏa. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng sau này sẽ cho Tỳ-kheo phạm tội này hành Ma-na-đỏa. Bạch như vậy.

5. Đại đức tăng lắng nghe, trong trú xứ này có Tỳ-kheo dù có người hỏi hay không có người hỏi, dù khiến nhớ nghĩ hay không khiến nhớ nghĩ mà tự nói là phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu cho Tỳ-kheo này hành Bổn nhật trị thì không thành hành Bổn nhật trị. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng sau này sẽ cho Tỳ-kheo phạm tội này hành Bổn nhật trị. Bạch như vậy.

6. Đại đức tăng lắng nghe, trong trú xứ này có Tỳ-kheo dù có người hỏi hay không có người hỏi, dù khiến nhớ nghĩ hay không khiến nhớ nghĩ mà tự nói là phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu cho Tỳ-kheo này xuất tội thì không thành xuất tội. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng sau này sẽ cho Tỳ-kheo này được xuất tội. Bạch như vậy.

7. Đại đức tăng lắng nghe, trong trú xứ này có Tỳ-kheo dù có người hỏi hay không có người hỏi, dù khiến nhớ nghĩ hay không khiến nhớ nghĩ mà tự nói là phạm tội nên sám hối. Tăng cùng tranh cải về việc này, có Tỳ-kheo nói tội này thuộc loại tiểu sám hối, có Tỳ-kheo nói tội này thuộc loại đại sám hối. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng cho Tỳ-kheo này sau này đối trước Tỳ-kheo thanh tịnh đồng kiến khác để như pháp sám hối tội này. Bạch như vậy.

8. Đại đức tăng lắng nghe, trong trú xứ này có Tỳ-kheo dù có người hỏi hay không có người hỏi, dù khiến nhớ nghĩ hay không khiến nhớ nghĩ mà tự nói là phạm tội nên sám hối. Tăng cùng tranh cải về việc này, có Tỳ-kheo nói tội này là tội Ba-dật-đề, có Tỳ-kheo nói tội này nên cử tội. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng cho Tỳ-kheo này sau này đối trước Tỳ-kheo thanh tịnh đồng kiến khác để như pháp sám hối tội này. Bạch như vậy.

9. Đại đức tăng lắng nghe, trong trú xứ này có Tỳ-kheo dù có người hỏi hay không có người hỏi, dù khiến nhớ nghĩ hay không khiến nhớ nghĩ mà tự nói là phạm tội nên sám hối. Tăng cùng tranh cải về việc này, có Tỳ-kheo nói tội này thuộc loại Hữu tàn có thể trị; có Tỳ-kheo nói tội này thuộc loại Vô tàn không thể trị, không nên cùng tự tứ, nên tẫn xuất. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng

nên chấp thuận, Tăng cho Tỳ-kheo này sau này đối trước Tỳ-kheo thanh tịnh đồng kiến khác để như pháp sám hối tội này. Bạch như vậy.

10. Có một trú xứ, khi tự tứ Tăng có đại hội nên các Tỳ-kheo suy nghĩ: "Tăng trú xứ này đại hội, nếu chúng ta nói ba lần tự tứ thì đêm sẽ trôi qua, không thể tự tứ xong", nghĩ rồi liền bạch Tăng:

Đại đức tăng lắng nghe, Tăng trú xứ này đại hội, nếu chúng ta nói ba lần tự tứ thì đêm sẽ trôi qua, không thể tự tứ xong. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay nói một lần tự tứ. Bạch như vậy.

11. Khi bố tát nếu có nạn sự khởi lên, mỗi người nên nói: Trưởng lão nhớ nghĩ, hôm nay là ngày thứ mười lăm, Tăng thuyết giới bố tát, tôi Tỳ-kheo cũng thuyết giới bố tát (3 lần). Khi tự tứ nếu có nạn sự khởi lên nên nói một lần tự tứ, trong lời tác bạch tùy việc nạn mà nêu ra:

Đại đức tăng lắng nghe, trong đây có nạn khởi, nếu nói ba lần tự tứ sợ sẽ bị giết hoặc sẽ phá giới. Nếu Tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay nói một lần tự tứ. Bạch như vậy.

Có bốn việc khởi và đại hội như vua hay bậc đồng vua đến được nhiều bố thí, hai pháp sư nghĩa biện, nhiều Tỳ-kheo bịnh hoặc trời mưa, mái nhà lợp mỏng nên bị dột đều nên nói một lần tự tứ, trong lời tác bạch tùy việc mà nêu ra.

22. Yết ma sai người thọ tự tứ cho Tăng:

Một Tỳ-kheo trong Tăng nên hỏi: "Ai có thể làm người thọ tự tứ cho Tăng?", nếu có người nói là có thể thì Tăng nên xét người này thành tựu năm đức thì nên sai, đó là không tùy ái, không tùy sân, không tùy sợ, không tùy si, biết tự tứ hay không tự tứ. Tác pháp sai như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo tên _____ , có thể làm người thọ tự tứ cho Tăng. Nếu Tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay sai Tỳ-kheo , làm người thọ tự tứ cho Tăng. Bạch như vậy.

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo , có thể làm người thọ tự tứ cho Tăng. Các trưởng lão nào chấp thuận, Tăng nay sai Tỳ-kheo

, làm người thọ tự tứ cho Tăng thì im lặng; ai không chấp thuận thì nói.

Tăng đã chấp thuận sai Tỳ-kheo , làm người thọ tự tứ cho Tăng xong rồi, Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Tác bạch tự tứ như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, hôm nay là ngày Tăng tự tứ. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay nhất tâm thọ tự tứ. Bạch như vậy.

Trong Tăng đối thú tự tứ như sau:

Trưởng lão nhớ nghĩ, hôm nay là ngày Tăng tự tứ, con Tỳ-kheo

cũng tự tứ; nếu trưởng lão thấy, nghe nghi con có tội, xin thương xót chỉ bảo; nếu con thấy, nghe biết có tội sẽ như pháp sám hối. (3 lần)

Một Tỳ-kheo tâm niệm tự tứ như sau:

Hôm nay là ngày Tăng tự tứ, con Tỳ-kheo hôm nay cũng tự tứ (3 lần)

Đối thú thọ an cư như sau:

Trưởng lão nhớ nghĩ, con Tỳ-kheo ở trong trú xứ này hạ an cư ba tháng trước, nương tụ lạc là chỗ nên đi, phòng xá nếu có hư hoại sẽ tu bổ (3 lần).

Văn thọ pháp bảy ngày xuất giới:

Trưởng lão nhớ nghĩ, con Tỳ-kheo ở trong đây hạ an cư, nay có duyên sự xin thọ pháp bảy ngày xuất giới, việc xong sẽ trở về đây an cư và tự tứ (3 lần).

Hai Tỳ-kheo khi bố tát bạch như sau:

Trưởng lão nhớ nghĩ, hôm nay là ngày thứ mười lăm Tăng thuyết giới bố tát, trưởng lão biết tôi thanh tịnh, nhớ giữ không ngăn, được thuyết giới bố tát (3 lần)

Một Tỳ-kheo tâm niệm bố tát như sau:

Hôm nay là ngày thứ mười lăm, Tăng thuyết giới bố tát, con Tỳ-kheo cũng thuyết giới bố tát (3 lần)

Văn gởi dục: Trưởng lão nhớ nghĩ, tôi Tỳ-kheo việc Tăng như pháp xin gởi dục và thanh tịnh trong kỳ thuyết giới bố tát này, xin cầm lấy thẻ giùm tôi

(3 lần).

Khi thuyết giới nếu nhớ biết mình có tội nên đối trước một Tỳ-kheo bạch: Trưởng lão nhớ nghĩ, tôi Tỳ-kheo có phạm tội , sau khi thuyết giới xong sẽ đến chỗ Tỳ-kheo thanh tịnh như pháp sám hối.

Nếu nghi thì nên bạch: Trưởng lão nhớ nghĩ, tôi Tỳ-kheo đối một việc có nghi, sau khi thuyết giới xong sẽ hỏi để quyết nghi rồi như pháp sám hối.

Khi thuyết giới nếu nhớ nghĩ mình có tội thì nên bạch:

Trưởng lão nhớ nghĩ, tôi Tỳ-kheo tự nhớ có tội này, sau khi thuyết giới xong sẽ như pháp sám hối tội này.

Hoặc tâm niệm miệng nói: Từ nay tôi sẽ không tái phạm tội này

nữa.

Nếu trú xứ chỉ có một Tỳ-kheo thì nên tâm niệm: Tội này, sau sẽ

đối trước một Tỳ-kheo thanh tịnh như pháp sám trừ.

Nếu trong tội có nghi thì nên tâm niệm: Đối với tội này sau khi hỏi quyết nghi rồi như pháp sám trừ.

Nếu trú xứ chỉ có một Tỳ-kheo khi được thí y nên tâm niệm miệng nói: Y này thí chủ cúng cho Tăng trong trú xứ này, Hiện tiền tăng nên chia,

trong đây không có Tăng, y này nên thuộc về tôi thọ dụng.

Trú xứ có Hai Tỳ-kheo khi được thí y nên cùng chia cho nhau như sau: Y này thí chủ cúng cho Tăng trong trú xứ này, Hiện tiền tăng nên chia, trong đây không có Tăng, y vật này thuộc về tôi và trưởng lão, phần này thuộc về trưởng lão thọ dụng, còn phần này thuộc về tôi thọ dụng.

Văn đối thú thọ dược như sau:

1. Trưởng lão nhớ nghĩ, tôi Tỳ-kheo _____ loại tận hình dược này xin được cất chứa trọn đời để dùng (3 lần)

2. Trưởng lão nhớ nghĩ, tôi Tỳ-kheo _____ loại thất nhật dược này xin được cất chứa bảy ngày để dùng (3 lần)

3. Trưởng lão nhớ nghĩ, tôi Tỳ-kheo _____ loại dạ phần dược này xin được thọ dùng phi thời (3 lần).

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 76

THẬP TỤNG YẾT MA TỲ KHEO YẾU DỤNG

SỐ 1439

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1439
THẬP TỤNG YẾT MA TỲ KHEO YẾU DỤNG

Yết ma tùy việc tác pháp có rất nhiều, trong đây nương theo giới văn chỉ lược nêu ra yếu dụng, các pháp yết ma khác có đủ trong đại bổn. Khi ở trong đại chúng làm yết ma, người làm yết ma phải nhóm tăng vấn hòa, hỏi: "Tăng nay muốn làm việc gì?", đáp là làm yết ma , lại hỏi: "Tỳ-kheo không đến có gởi dục không?", nếu có thì nên bạch tăng, nếu không thì đáp là không có. Nếu yết ma ở trên giới tràng thì chỉ cần hỏi câu Tăng nay muốn làm việc gì và đáp là làm yết ma .

1. Văn Thọ Tam Quy Ngũ Giới:

Người tại gia mới đến muốn thọ Tam quy ngũ giới, nên bảo họ đảnh lễ Phật pháp tăng, quỳ gối chắp tay sám hối ba nghiệp cho được thanh tịnh rồi mới cho thọ giới. Giới sư nên thọ họ nói như sau:

Con tên là _____ từ nay cho đến trọn đời xin quy y Phật Lưỡng túc tôn, quy y Pháp Vô dục tôn, quy y Tăng Chúng trung tôn (3 lần)

Con tên là _____ đã quy y Phật, đã quy y Pháp, đã quy y Tăng rồi, ở trong giáo pháp của Phật

Thích-ca-mâu-ni từ nay cho đến trọn đời xin thọ trì năm giới làm Ưu-bà-tắc của Phật. (3 lần)

Giới sư nói:

Thiện nam tử tên____ lắng nghe, đây là tri kiến của Phật Bà-già-bà, Thích-ca-mâu-ni Đa-đà-a-già-độ A-la-ha-tam-miệu-tam Phật đà nói ra năm giới của Ưu-bà-tắc. Hễ là Ưu-bà-tắc thì phải trọn đời thọ trì:

Một là trọn đời lìa sát sanh là giới của Ưu-bà-tắc, trong giới này trọn đời lìa sát sanh, nếu thọ trì được thì nói là được.

Hai là trọn đời lìa không cho mà lấy là giới của Ưu-bà-tắc, trong giới này trọn đời lìa không cho mà lấy, nếu thọ trì được thì nói là được.

Ba là trọn đời lìa tà dâm là giới của Ưu-bà-tắc, trong giới này trọn đời lìa tà dâm, nếu thọ trì được thì nói là được.

Bốn là trọn đời lìa vọng ngữ là giới của Ưu-bà-tắc, trong giới này trọn đời lìa vọng ngữ, nếu thọ trì được thì nói là được.

Năm là trọn đời lìa uống rượu là giới của Ưu-bà-tắc, trong giới này trọn đời lìa uống rượu, các loại rượu như rượu nếp, rượu nho … có thể làm cho say sưa phóng dật, nếu thọ trì được thì nói là được.

2. Văn Thọ Bát Quan Trai Giới:

Con tên là từ hôm nay cho đến ngày mai xin quy y Phật Lưỡng túc tôn, quy y Pháp Vô dục tôn, quy y Tăng Chúng trung tôn (3 lần)

Con tên là từ hôm nay cho đến ngày mai, đã quy y Phật, đã quy y Pháp, đã quy y Tăng rồi (3 lần)

Con tên là đã thọ Tam quy rồi, từ vô thỉ sanh tử đến nay; thân nghiệp bất thiện là sát sanh, trộm cắp, tà dâm; khẩu nghiệp bất thiện là nói dối, nói thêu dệt, nói thô ác, nói ly gián; ý nghiệp bất thiện là tham dục, sân nhuế và ngu si. Những tội như vậy nay đối trước mười phương chư Phật, chư tôn Bồ tát, chư Hiền thánh đắc đạo và hiện tại ở trước Sư tăng ai cầu sám hối. Con tên đã sám hối xong, thân nghiệp thanh tịnh, khẩu nghiệp thanh tịnh, ý nghiệp thanh tịnh, được thanh tịnh trụ. Từ hôm nay cho đến sáng mai con sẽ tu tập theo chư Phật: Không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục, không nói dối, không uống rượu, không ngồi nằm trên giường cao rộng lớn; không đeo tràng hoa thơm, chuỗi anh lạc và thoa dầu thơm trên thân; không ca múa hát xướng và cố ý đi xem nghe; quá ngọ không ăn (3 lần).

Con đã thọ Bát quan trai giới xong, nguyện đem công đức này không cầu phước lạc cõi trời người, cho đến phước lạc của Chuyển luân thánh vương, Thích Phạm chư thiên. Chỉ nguyện đoạn hết các phiền não, thông đạt các pháp chứng quả vị

Phật.

3. Văn Xin Yết Ma Nuôi Chúng:

Tỳ-kheo-ni thọ giới cụ túc đủ mười hai tuổi hạ, muốn nuôi chúng phải đến trong Ni tăng xin yết ma nuôi chúng. Ni tăng nhất tâm hòa hợp, Tỳ-kheo-ni muốn nuôi chúng nên từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Tăng:

Đại đức Ni tăng nhớ nghĩ, con Tỳ-kheo-ni thọ đại giới đã đủ mười hai tuổi hạ, nay muốn nuôi chúng. Con theo Tăng xin yết ma nuôi chúng, Tăng cho con Tỳ-kheo-ni ____ yết ma nuôi chúng, xin thương xót (3 lần).

Một Tỳ-kheo-ni trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại đức Ni tăng lắng nghe, Tỳ-kheo-ni ____ này thọ đại giới đã đủ mười hai tuổi hạ nay muốn nuôi chúng nên theo Tăng xin yết ma nuôi chúng. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho Tỳ-kheo-ni yết ma nuôi chúng. Bạch như vậy.

Đại đức Ni tăng lắng nghe, Tỳ-kheo-ni này thọ đại giới đã đủ mười hai tuổi hạ nay muốn nuôi chúng nên theo Tăng xin yết ma nuôi chúng. Các trưởng lão nào chấp thuận Tăng cho Tỳ-kheo-ni nuôi chúng thì im lặng; ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất

Như thế bạch tứ yết ma cho đến câu Tăng đã

chấp thuận cho Tỳ-kheo-ni ____ yết ma nuôi chúng xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

4. Văn Thọ Mười Giới Sa-Di:

Phật bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay người cầu xuất gia có hai việc nên bạch Tăng: Một là xuất gia, hai là cạo tóc. Dù Tăng nhóm hay không nhóm, hai việc này đều nên bạch Tăng như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, người này tên ____ cầu xuất gia, cạo tóc.

Xin Tăng nhớ nghĩ.

Nếu đã cạo tóc, dù Tăng nhóm hay không cũng nên bạch một việc như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, người này tên ____ cầu xuất gia, xin Tăng nhớ nghĩ.

Nếu Tăng không nhóm nên dẫn đi đến từng phòng bạch rằng:

"Trưởng lão, người này tên ____ cầu xuất gia, xin trưởng lão nhớ nghĩ".

Giới sư nên dạy họ quỳ gối chắp tay thỉnh Hòa thượng: Đại đức nhớ nghĩ, con nay thỉnh Đại đức làm Hòa thượng truyền giới Sa-di, cúi xin đại đức làm Hòa thượng truyền giới, con nương theo đại đức làm Hòa thượng để được xuất gia thọ mười giới Sa-di .

Con tên ____ đã quy y Phật, đã quy y Pháp, đã quy y Tăng, đã xu- ất gia. Phật Bà-già-bà, Thích-

ca-mâu-ni đa-đà-a-già-độ A-la-ha-tam-miệu-tam Phật đà đã xuất gia, con nay cũng theo Phật xuất gia, Hòa thượng là ____ (3 lần).

Kế giới sư nên hỏi: "Con bao nhiêu tuổi?", đáp tùy theo tuổi; lại hỏi: "xuất gia vào lúc nào", tùy theo mùa xuân, hạ hay đông, có nhuần hay không nhuần mà đáp; việc này trọn đời nên nhớ giữ. Kế giới sư nên nói:

Thiện nam tử tên lắng nghe, đây là tri kiến của Phật Bà-già-bà, Thích-ca-mâu-ni đa-đà-a-già-độ A-la-ha-tam-miệu-tam Phật đà nói ra mười giới của Sa-di, hễ là Sa-di thì phải trọn đời thọ trì:

Một là trọn đời lìa sát sanh là giới của Sa-di, trong giới này trọn đời lìa sát sanh, nếu giữ được thì nói là được.

Hai là trọn đời lìa không cho mà lấy là giới của Sa-di, trong giới này trọn đời lìa không cho mà lấy, nếu giữ được thì nói là được.

Ba là trọn đời lìa phi phạm hạnh là giới của Sa-di, trong giới này trọn đời lìa phi phạm hạnh, nếu giữ được thì nói là được.

Bốn là trọn đời lìa vọng ngữ là giới của Sa-di, trong giới này trọn đời lìa vọng ngữ, nếu giữ được thì nói là được.

Năm là trọn đời lìa uống rượu là giới của Sa-di, trong đây trọn đời lìa uống rượu, các loại rượu như rượu nếp, rượu nho… có thể làm cho say sưa

phóng dật, nếu giữ được thì nói là được.

Sáu là trọn đời lìa nằm giường cao rộng lớn là giới của Sa-di, trong giới này trọn đời lìa nằm giường cao rộng lớn, nếu giữ được thì nói là được.

Bảy là trọn đời lìa đeo tràng hoa, chuỗi anh lạc và lấy hương thơm thoa thân là giới của Sa-di, trong giới này trọn đời lìa đeo tràng hoa…, nếu giữ được thì nói là được.

Tám là trọn đời lìa ca múa hát xướng và không đi xem nghe tấu các nhạc cụ là giới của Sa-di, trong giới này trọn đời lìa ca múa…, nếu giữ được thì nói là được.

Chín là trọn đời lìa cất chứa vàng bạc, tiền và vật báu là giới của Sa-di, trong giới này trọn đời lìa cất chứa vàng…, nếu giữ được thì nói là được.

Mười là trọn đời lìa ăn phi thời là giới của Sa-di, trong giới này trọn đời lìa ăn phi thời, nếu giữ được thì nói là được.

Đó là mười giới Sa-di, suốt đời không được phạm. Từ nay nên siêng năng cúng dường Tam bảo; cũng nên cúng dường Hòa thượng, A-xà-lê. Mọi việc đều nên như pháp tùy thuận, không được chống trái, siêng cầu phương tiện tụng kinh, ngồi thiền để ở trong Phật pháp được chứng đắc đạo quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Phật Bích chi cho đến quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Như thế việc xuất gia mới không

uổng phí, phước báo không dứt; điều gì chưa hiểu thì Hòa thượng, A-xà-lê sẽ giảng giải cho con được hiểu.

(Văn thọ Tam quy ngũ giới và tám giới của Ưu-bà-di và văn thọ mười giới Sa-di-ni cũng giống như trên).

5. Văn Thọ Sáu Pháp Của Thức-Xoa-Ma-Na:

Văn đăng đàn thọ sáu pháp

Sa-di-ni mới đến, giới sư nên bảo theo thứ lớp đảnh lễ Ni tăng, kế dạy cầu Hòa thượng ni như sau:

Con là Sa-di-ni tên ____ nay cầu đại đức ni làm Hòa thượng ni. Xin đại đức ni làm Hòa thượng ni để con theo Tăng xin hai năm học giới (3 lần).

một Tỳ-kheo-ni trong Tăng nên hỏi vị này có thể làm Hòa thượng ni cho Sa-di-ni này không, nếu nói là được thì giới sư nên dẫn Sa-di-ni đến chỗ mắt thấy tai không nghe ở ngoài giới tràng, rồi trở vào trong Tăng hỏi: "Tăng hòa hợp không?", đáp là hòa hợp, liền bạch:

Tăng nhất tâm hòa hợp nên làm Tăng sự, Sa-di-ni tên ____, Hòa thượng ni là ____, Tăng nên cho hai năm học giới (3 lần).

Kế gọi Sa-di-ni đến, giới sư bảo đảnh lễ Ni tăng rồi dạy theo Tăng xin hai năm học giới như sau:

Con Sa-di-ni tên ____, Hòa thượng ni là ____, nay theo Tăng xin hai năm học giới. Xin Tăng cho

con Sa-di-ni ____, Hòa thượng ni là ____ được hai năm học giới. Xin thương xót (3 lần). Giới sư ở trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại đức Ni tăng lắng nghe, Sa-di-ni tên ____, Hòa thượng ni là ____ nay theo Tăng xin hai năm học giới. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho Sa-di-ni ____, Hòa thượng ni là ____ được hai năm học giới. Bạch như vậy.

Đại đức Ni tăng lắng nghe, Sa-di-ni tên ____, Hòa thượng ni là ____ theo Tăng xin hai năm học giới. Tăng nay cho Sa-di-ni ____, Hòa thượng ni là ____ được hai năm học giới, trưởng lão ni nào chấp thuận cho Sa-di-ni ____, Hòa thượng ni là ____ được hai năm học giới thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất.

Như thế bạch tứ yết ma cho đến câu Tăng đã chấp thuận cho Sa-di-ni ____, Hòa thượng ni là ____ được hai năm học giới xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Kế nên nói sáu pháp như sau:

Này Thức-xoa-ma-na, hãy lắng nghe, Phật Thế tôn Đa-đà-a-già-độ A-la-ha-tam-miệu-tam Phật đà là bậc Tri giả, bậc kiến giả đã nói sáu pháp của Thức-xoa-ma-na, suốt đời nên thọ trì. một là Phật Thế tôn đủ nhân duyên quở trách Dục, dục tưởng, dục dục, dục giác, dục nhiệt; Phật dạy nên đoạn

dục, trừ dục tưởng và diệt dục nhiệt. Nếu Thức-xoa-ma-na đã vào trong pháp Thức-xoa-ma-na, không xả giới, giới suy kém, không nói ra, mà theo tâm tưởng thọ việc dâm dục cho đến cùng với súc sanh thì chẳng phải là Thức-xoa-ma-na, chẳng phải là Thích nữ, mất pháp Thức-xoa-ma-na. Việc này suốt đời không được làm, nếu cô thọ trì được thì nên nói là được.

Hai là Phật Thế tôn đủ nhân duyên quở trách trộm cắp, khen ngợi không trộm cắp cho đến một sợi chỉ, một tấc vải, một giọt dầu, nếu không cho thì không được lấy. Trong giới này Phật chế ít nhất là cho đến năm tiền hoặc vật trị giá năm tiền, tùy theo vật mà Thức-xoa-ma-na trộm cắp nếu bị vua bắt hoặc đánh, hoặc trói hoặc đuổi đi, mắng là kẻ giặc, kẻ ngu si… thì chẳng phải là Thức-xoa-ma-na, chẳng phải là Thích nữ, mất pháp Thức-xoa-ma-na. Việc này suốt đời không được làm, nếu cô thọ trì được thì nên nói là được.

Ba là Phật Thế tôn đủ nhân duyên quở trách sát sanh, khen ngợi không sát sanh, không giết hại cho đến một con kiến huống chi là giết người. Nếu Thức-xoa-ma-na tự tay giết người hoặc cầm dao đưa cho người, chỉ bảo chết, khen ngợi chết, nói rằng: "Sống nếp sống xấu xa như thế làm gì, thà chết còn hơn". Thuận theo tâm ý người này mà dùng đủ cách khuyên dạy chết, khen ngợi chết hoặc làm Ưu-đa, Đầu-đa hoặc giăng lưới bẫy… để giết;

hoặc làm Tỳ-đà-la, tợ Tỳ-đà-la, hoặc làm cho đứt hơi, hoặc làm cho đọa thai, hoặc đè bụng cho chết; hoặc xô vào lửa, đẩy xuống nước, xô từ trên cao xuống, hoặc sai người đón đường giết chết, hoặc thai nhi mới thọ hai căn là thân căn và mạng căn, trong Ca-la la lại sanh tâm ác phương tiên giết chết… thì chẳng phải là Thức-xoa-ma-na, chẳng phải là Thích nữ, mất pháp Thức-xoa-ma-na. Việc này suốt đời không được làm, nếu cô thọ trì được thì nên nói là được.

Bốn là Phật Thế tôn đủ nhân duyên chê trách vọng ngữ, khen ngợi không vọng ngữ, cho đến đùa giỡn còn không nói dối huống chi là cố ý. Nếu Thức-xoa-ma-na không biết, không thấy pháp hơn người mà tự nói: "Tôi biết như vậy, tôi thấy như vậy, tôi là A-la-hán, A-la-hán hướng; tôi là A-na-hàm, A-na-hàm hướng; Tư-đà-hàm, Tư-đà-hàm hướng; Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hoàn hướng; hoặc tôi được sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền; hoặc tôi được vô lương tâm từ bi, hỉ xả; hoặc tôi được Không vô sắc xứ định, thức xứ định, Vô sở hữu xứ định, Phi tưởng phi phi tưởng xứ định; hoặc tôi được pháp quán bất tịnh, A-na-bát-na; các trời, rồng, Dạ-xoa… đến chỗ tôi, họ hỏi, tôi trả lời; tôi hỏi, họ trả lời… thì chẳng phải là Thức-xoa-ma-na, chẳng phải là Thích nữ, mất pháp Thức-xoa-ma-na. Việc này suốt đời không được làm, nếu cô thọ trì được thì nên nói là được.

Năm là Phật Thế tôn đủ nhân duyên quở trách Dục, dục tưởng, dục dục, dục giác, dục nhiệt; Phật dạy nên đoạn dục, trừ dục tưởng và diệt dục nhiệt. Nếu Thức-xoa-ma-na có lậu tâm thuận cho người nam có lậu tâm xúc chạm vuốt ve thuận hay nghịch từ đầu tóc trở xuống, từ đầu gối trở lên, từ cổ tay trở ra, bỏ y, hoặc kéo hoặc đẩy hoặc đè hoặc bóp, hoặc nâng lên hoặc để xuống… thì chẳng phải là Thức-xoa-ma-na, chẳng phải là Thích nữ, mất pháp Thức-xoa-ma-na. Việc này suốt đời không được làm, nếu cô thọ trì được thì nên nói là được.

Sáu là Phật Thế tôn đủ nhân duyên quở trách Dục, dục tưởng, dục dục, dục giác, dục nhiệt; Phật dạy nên đoạn dục, trừ dục tưởng và diệt dục nhiệt. Nếu Thức-xoa-ma-na có lậu tâm thuận cho người nam có lậu tâm nắm tay, nắm y, cùng đứng, cùng nói chuyện, cùng hẹn hò, vào chỗ khuất, đợi người nam đến, tất cả giống như người nữ bạch y, tự thân làm tám việc này thì chẳng phải là Thức-xoa-ma-na, chẳng phải là Thích nữ, mất pháp Thức-xoa-ma-na. Việc này suốt đời không được làm, nếu cô thọ trì được thì nên nói là được.

Này Thức-xoa-ma-na hãy lắng nghe, Tăng đã trao cho cô sáu học pháp, người thọ trì sáu pháp này mới gọi là Thức-xoa-ma-na. Cô có đủ Hòa thượng ni, A-xà-lê ni, đầy đủ Ni tăng, đủ hành xứ, quốc độ, đủ nguyện của Chuyển luân thánh vương… , từ nay nên cung kính Tam bảo Phật pháp

tăng; nên cung kính Hòa thượng, A-xà-lê và các bậc thượng trung hạ tòa. Nên siêng học ba môn học là thiện giới học, thiện định học và thiện huệ học. Nên tu ba môn giải thoát là không vô tướng, vô tác. Nên siêng tu ba nghiệp, tọa thiền, tụng kinh và khuyến hóa làm phước hạnh. Đây là pháp mở cửa Niết-bàn để được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán; giống như hoa sen trong nước ngày càng tươi tốt được nở hoa, cô cũng sẽ tăng trưởng đạo pháp giống như vậy, sau sẽ được thọ giới cụ túc.

Trong pháp Thích sư tử,
Đã được giới khó được,
Thời không khó, khó được,
Được rồi chớ để mất.
Cúi đầu đảnh lễ Tăng,
Hữu nhiễu vui vẻ đi.

6. Văn Đăng Đàn Thọ Đại Giới Tỳ-Kheo-Ni:

Lúc đó các Tỳ-kheo-ni không biết pháp đăng đàn thọ đại giới như thế nào, Phật bảo: "Pháp đăng đàn thọ đại giới như sau:

Tỳ-kheo-ni dẫn Thức-xoa-ma-na vào trong Tăng bảo theo thứ lớp đảnh lễ Tăng, kế dạy pháp thọ y, nên hỏi: "Y này có phải là của con có hay không?", đáp là của con có, nên nói: "Con hãy theo theo ta":

Con tên là ____ y Tăng-già-lê này có chín điều

là y cắt rọc (chưa cắt rọc), y này nay con xin thọ trì. (3 lần)

Kế hỏi: "Y này có phải là của con có hay không?", đáp là của con có, nên nói: "Con hãy nói theo ta":

Con tên là ____ y Uất-đa-la-tăng này có bảy điều là y cắt rọc (chưa cắt rọc), y này nay con xin thọ trì. (3 lần)

Kế hỏi giống như trên và bảo: "Con hãy nói theo ta":

Con tên là ____ y An-đà-hội này có năm điều là y cắt rọc (chưa cắt rọc), y này nay con xin thọ trì. (3 lần)

Nếu là mạn y Tăng-già-lê thì nên nói: "Mạn y Tăng-già-lê này, con xin thọ trì"; nếu là mạn y Uất-đa-la-tăng thì nên nói: "Mạn y Uất-đa-la-tăng này, con xin thọ trì"; nếu là mạn y An-đà-hội thì nên nói: "Mạn y An-đà-hội này, con xin thọ trì". Kế hỏi: "Y phú kiên này có phải là của con có hay không?", đáp là của con có, nên bảo: "Hãy nói theo ta"

Con tên là ____ y phú kiên này dài bốn khuỷu tay, rộng hai khuỷu tay rưỡi, con xin thọ trì (3 lần).

Kế hỏi: "Y Quyết tu la này có phải là của con có hay không?", đáp là của con có, nên bảo: "Hãy nói theo ta";

Con tên là ____ y Quyết-tu-la này dài bốn

khuỷu tay, rộng hai khuỷu tay rưỡi, con xin thọ trì (3 lần)

Kế hỏi: 'Bát-đa-la này có phải là của con có hay không?', đáp là của con có, nên bảo: "Con hãy nói theo ta":

Con tên là ____ Bát-đa-la ứng lượng khí này nay con xin thọ để dùng lâu dài. (3 lần).

Dạy thọ y bát xong, kế dạy thỉnh Hòa thượng ni:

Con Thức-xoa-ma-na tên ____ cầu đại đức ni làm Hòa thượng ni, xin đại đức ni làm Hòa thượng ni cho con, con nương theo Hòa thượng ni để theo Tăng xin tác pháp yết ma thuộc Hòa thượng ni. Xin thương xót (3 lần).

Giới sư nên hỏi Hòa thượng ni: "Đại đức ni có thể làm Hòa thượng cho giới tử này không?", đáp là có thể, giới sư nên dẫn người thọ giới đến chỗ chỉ thấy mà không nghe ở trong giới tràng, rồi trở lại trong Tăng xướng: "Chúng tăng hòa hợp nhóm, ai có thể là giáo thọ sư cho giới tử này?", nếu trong Tăng có người đáp là có thể thì Tăng nên xét người này nếu có đủ năm pháp thì không nên cử làm giáo thọ sư, đó là vì yêu mà dạy, vì sân mà dạy, vì sợ mà dạy, vì si mà dạy và không biết dạy hay không dạy. Ngược lại nếu có năm pháp thành tựu thì nên cử làm giáo thọ sư, đó là không vì yêu mà dạy, không vì sân mà dạy, không vì sợ mà dạy, không

vì si mà dạy và biết dạy hay không dạy. Kế xướng rằng:

Đại đức Ni tăng lắng nghe, Thức-xoa-ma-na này tên ____ theo Hòa thượng ni ____ cầu thọ giới cụ túc, Tỳ-kheo-ni ____ làm giáo thọ sư. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cử Tỳ-kheo-ni ____ làm giáo thọ sư để dạy giới tử tên ____. Bạch như thế.

Như thế bạch nhị yết ma cho đến câu Tăng đã chấp thuận cử Tỳ-kheo-ni ____ làm giáo thọ sư để dạy cho giới tử ____ xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Lúc đó Giáo thọ sư đến chỗ giới tử bảo quỳ gối chắp tay rồi nói: "Giới tử tên ____ lắng nghe, nay là giờ phút chí thành, là giờ phút nói thật, lát nữa ở trong Tăng cũng sẽ hỏi như thế, nếu thật thì con nên nói là thật, nếu không thật thì nên nói là không thật. Ta nay hỏi con:

1. Con có phải là người nữ không, có phải là người không, không phải là phi nhân phải không, không phải là súc sanh biến hình phải không?

2. Nếu là người nữ thì trên nữ căn có lông không, có khô hoại không, không có mắc bịnh lậu phải không, không có hai đường hợp một phải không, không phải là người nữ không thể sinh sản được phải không, không phải là không có vú phải không, thủy nguyệt có thường ra hay không, không

phải là không có nguyệt kỵ phải không?

3. Con không phải là nô tỳ phải không?

4. Con không phải là người làm thuê cho người phải không?

5. Con không phải do mua mà được phải không?

6. Con không phải do quân binh đánh phá mà bắt được phải không?

7. Con không phải là vợ của quan nhân phải không?

8. Con không phạm tội quan phải không?

9. Con không có mắc nợ người phải không?

10. Người nữ có những bịnh như bịnh lại, bịnh lậu, ung thư, càn tiêu, điên cuồng … , gần đây con có mắc những bịnh như thế không?

11 - Cha mẹ, phu chủ của con còn không, họ có cho phép con xuất gia không?

12 - Năm y và bát có đủ không? 13 -tên của con là gì?

14 - Hòa thượng ni của con hiệu là gì?

Giáo thọ sư hỏi xong nên trở vào trong Tăng bạch rằng: "Thức-xoa-ma-na tên _____. Tôi đã hỏi xong các giá nạn", yết ma sư nói: "Nên thanh tịnh thì dẫn vào", Giáo thọ sư dẫn vào rồi bảo đảnh lễ Ni tăng, kế dạy theo Tăng xin tác pháp yết ma thuộc Hòa thượng ni (Bổn pháp yết ma) như sau:

Con Thức-xoa-ma-na tên _____ theo Hòa

thượng ni ____ muốn cầu thọ giới cụ túc, nay con theo Tăng xin tác pháp yết ma thuộc Hòa thượng ni. Xin Tăng thương xót tác pháp yết ma thuộc Hòa thượng ni cho con, con tên ____ nương Hòa thượng ni ____ cầu thọ giới cụ túc. Xin thương xót (3 lần). Yết ma sư ở trong Tăng tác bạch như sau:

Đại đức Ni tăng lắng nghe, Thức-xoa-ma-na tên ____ theo Hòa thượng ni ____ muốn cầu thọ giới cụ túc, theo Tăng xin tác pháp yết ma thuộc Hòa thượng ni. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tôi nay ở trong Tăng hỏi Thức-xoa-ma-na tên ____ các pháp chướng đạo. Bạch như vậy. Tác bạch rồi hỏi: "Giới tử tên ____ lắng nghe, nay là giờ phút chí thành, là giờ phút nói thật, nay ta ở trong Tăng hỏi con các pháp chướng đạo, nếu thật thì con nên nói là thật, nếu không thật thì nên nói là không thật. Ta nay hỏi con:

1. Con có phải là người nữ không, có phải là người không, không phải là phi nhân phải không, không phải là súc sanh biến hình phải không?

2. Nếu là người nữ thì trên nữ căn có lông không, có khô hoại không, không có mắc bịnh lậu phải không, không có hai đường hợp một phải không, không phải là người nữ không thể sinh sản được phải không, không phải là không có vú phải không, thủy nguyệt có thường ra hay không, không phải là không có nguyệt kỵ phải không?

3. Con không phải là nô tỳ phải không?

4. Con không phải là người làm thuê cho người phải không?

5. Con không phải do mua mà được phải không?

6. Con không phải do quân binh đánh phá mà bắt được phải không?

7. Con không phải là vợ của quan nhân phải không?

8. Con không phạm tội quan phải không?

9. Con không có mắc nợ người phải không?

10. Người nữ có những bịnh như bịnh lại, bịnh lậu, ung thư, càn tiêu, điên cuồng…, gần đây con có mắc những bịnh như thế không?

11. Cha mẹ, phu chủ của con còn không, họ có cho phép con xuất gia không?

12. năm y và bát có đủ không?

13. Tên của con là gì?

14. Hòa thượng ni của con hiệu là gì?", đợi đáp đầy đủ rồi bảo giới tử im lặng. yết ma sư tác bạch yết ma:

Đại đức Ni tăng lắng nghe, Thức-xoa-ma-na này tên ____ theo Hòa thượng ni ____ muốn cầu thọ giới cụ túc, đã theo Tăng xin tác pháp yết ma thuộc Hòa thượng ni, Hòa thượng ni là ____. Thức-xoa-ma-na này tự nói thanh tịnh, không có các pháp chướng đạo, năm y và bát đầy đủ. Nếu

tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay tác pháp yết ma thuộc Hòa thượng ni cho Thức-xoa-ma-na tên ____, Hòa thượng ni là ____. Bạch như vậy.

Đại đức Ni tăng lắng nghe, Thức-xoa-ma-na này tên ____ theo Hòa thượng ni ____ muốn cầu thọ giới cụ túc, đã theo Tăng xin tác pháp yết ma thuộc Hòa thượng ni, Hòa thượng ni là ____. Thức-xoa-ma-na này tự nói thanh tịnh, không có các pháp chướng đạo, năm y và bát đầy đủ. Trưởng lão ni nào chấp thuận tác pháp yết ma thuộc Hòa thượng ni cho Thức-xoa-ma-na tên ____, Hòa thượng ni là ____ thì im lặng; ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất.

Như thế bạch tứ yết ma cho đến câu Tăng đã chấp thuận tác pháp yết ma thuộc Hòa thượng ni cho Thức-xoa-ma-na tên ____, Hòa thượng ni là ____ xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Yết ma sư bảo giới tử:

Này giới tử, nếu có ai hỏi cô được mấy tuổi hạ, nên đáp là chưa có tuổi hạ; nếu hỏi thọ giới vào lúc nào, nên đáp là mùa đông hoặc mùa xuân, mùa hạ, có nhuần hay không nhuần. Đây là thời tiết, giới tử nên trọn đời ghi nhớ.

Yết ma xong, ngay trong ngày này nên dẫn đến trong Đại tăng xin thọ giới cụ túc.

7. Văn thọ giới cụ túc ở trong Đại tăng:

Giáo thọ sư dạy Thức-xoa-ma-na xin Tăng cho thọ giới cụ túc: Đại đức tăng nhớ nghĩ, con Thức-xoa-ma-na ____ theo Hòa thượng ni ____ cầu thọ giới cụ túc. Nay đến trong Tăng xin thọ giới cụ túc, xin Tăng thương xót tế độ cho con Thức-xoa-ma-na ____ theo Hòa thượng ni ____ được thọ giới cụ túc. Xin thương xót (3 lần)

Yết ma sư ở trong Tăng tác bạch yết ma:

Đại đức tăng lắng nghe, Thức-xoa-ma-na ____ theo Hòa thượng ni ____ cầu thọ giới cụ túc. Nay đến trong Tăng xin thọ giới cụ túc, Ni tăng đã tác Bổn pháp yết ma, Thức-xoa-ma-na này đã tự nói thanh tịnh, không có các giá nạn, tuổi đã đủ, đã đủ hai năm học sáu pháp, năm y và bát đều đủ. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho Thức-xoa-ma-na ____ theo Hòa thượng ni ____ được thọ giới cụ túc. Bạch như vậy.

Như thế bạch tứ yết ma cho đến câu Tăng đã chấp thuận cho Thức-xoa-ma-na ____ theo Hòa thượng ni ____ được thọ giới cụ túc xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Kế nói về ba pháp y:

Giới tử tên lắng nghe, đây là tri kiến của Phật Bà-già-bà, Thích-ca-mâu-ni Đa-đà-a-già-độ A-la-ha-tam-miệu-tam Phật đà nói ra ba pháp y cho

người thọ giới cụ túc. Tỳ-kheo-ni nương theo ba pháp y này được xuất gia thọ giới cụ túc thành pháp Tỳ-kheo-ni:

Một là nương y phấn tảo, Tỳ-kheo-ni được xuất gia thọ giới cụ túc thành pháp Tỳ-kheo-ni. Nếu thọ thêm y bằng vải gai trắng, hoặc gai đỏ hoặc y Kiều-thi-na, Súy-di-la, Khâm-bạt-la, Kiếp-bối… các loại y thanh tịnh khác thì con có thể nương y phấn tảo thọ dụng trọn đời hay không?. Nếu được thì đáp là được.

Hai là nương pháp khất thực, Tỳ-kheo-ni được xuất gia thọ giới cụ túc thành pháp Tỳ-kheo-ni. Nếu thọ thêm thức ăn đã nấu chín hoặc thức ăn ngon vào những ngày trai như mồng tám, hai mươi ba, mười bốn, mười lăm, hai mươi chín, ba mươi, mồng một, hoặc thức ăn của tăng, hoặc ăn trong phòng riêng hoặc thọ người thỉnh thực… những thức ăn thanh tịnh như thế thì con có thể nương pháp khất thực thọ dụng trọn đời hay không?. Nếu được thì đáp là được.

Ba là nương loại dược cũ bỏ (Trần khí dược), Tỳ-kheo-ni được xuất gia thọ giới cụ túc thành pháp Tỳ-kheo-ni. Nếu thọ thêm bốn loại dược hàm tiêu là tô, dầu, mật, thạch mật; bốn loại mỡ tịnh là mỡ gấu, mỡ lừa, mỡ heo, mỡ cá; năm loại dược từ củ như củ gừng, xích phu tử, ba đề, bệ sa, xương bồ; năm loại dược từ quả như Ha-lê-lặc, Tỳ-diêm-lặc, A-ma-lặc, hồ-tiêu, Tất-bạt-la; năm loại muối

là muối đen, muối trắng, muối tía, muối đỏ, muối đất; năm loại thuốc thang nấu từ củ, cọng, lá, hoa, quả; năm loại thuốc từ nhựa cây là hưng cừ, tát-xà-la-tát-đế, dịch-đế, dịch-đề-đế, dịch-bà-na… các loại dược thanh tịnh như thế thì con có thể nương loại dược cũ bỏ thọ dụng trọn đời hay không?. Nếu được thì đáp là được.

Giới tử tên lắng nghe, đây là tri kiến của Phật Bà-già-bà, Thích-ca-mâu-ni đa-đà-a-già-độ A-la-ha-tam-miệu-tam Phật đà nói ra tám pháp Đọa cho Tỳ-kheo-ni thọ giới cụ túc. Tỳ-kheo-ni đối với tám pháp Đọa này nếu phạm một pháp nào thì không phải là Tỳ-kheo-ni, không phải là Sa-môn ni, không phải là Thích nữ mất pháp Tỳ-kheo-ni. Như cây Đa-la bị chặt ngọn thì không thể sanh trưởng, không tươi tốt, không cao lớn, không rộng mát. Tỳ-kheo-ni cũng như thế, đối với tám pháp Đọa này nếu phạm một pháp nào thì không phải là Tỳ-kheo-ni… mất pháp Tỳ-kheo-ni. Tám pháp đọa là:

1. Phật dùng đủ cách quở trách dục, dục tưởng, dục giác, dục nhiệt; khen ngợi đoạn dục, trừ dục tưởng, diệt dục nhiệt. Nếu Tỳ-kheo-ni đã thọ giới pháp rồi, không xả giới, giới suy kém, không phát lồ mà làm pháp dâm dục cho đến cùng với súc sanh thì người này không phải là Tỳ-kheo-ni… mất pháp Tỳ-kheo-ni. Đối với pháp Đọa thứ nhất này trọn đời không được làm, con có thể giữ được không?. Nếu được thì đáp là được.

2. Phật dùng đủ cách quở trách không cho mà lấy, khen ngợi không trộm cắp từ một sợi chỉ, một cây kim… cho đến năm tiền hoặc vật trị giá năm tiền. Tỳ-kheo-ni nếu không cho mà lấy, vì việc này hoặc bị bắt, bị trói hoặc bị đuổi ra khỏi nước và bị mắng là kẻ giặc thì người này không phải là Tỳ-kheo-ni… mất pháp Tỳ-kheo-ni. Đối với pháp Đọa thứ hai này trọn đời không được làm, con có thể giữ được không?. Nếu được thì đáp là được.

3. Phật dùng đủ cách quở trách đoạn mạng người, khen ngợi không đoạn mạng cho đến một con kiến cũng không cố ý đoạn mạng huống chi là người. Nếu Tỳ-kheo-ni tự tay cố ý đoạn mạng người, hoặc sai người cầm dao giết, hoặc khuyên chết, khen chết nói rằng: "Chao ôi trượng phu, sống tồi tệ như thế thì sống làm gì, thà chết còn hơn", tùy tâm suy nghĩ mà dùng đủ cách khuyến khích xúi giục hoặc khen ngợi cái chết hoặc đào hầm, đặt bẫy… làm cho chết; hoặc dùng cách Tỳ-đà-la, bán Tỳ-đà-la để giết; hoặc làm đọa thai, hoặc đẩy vào lửa, hoặc xô xuống nước hoặc đẩy từ trên cao xuống cho chết… cho đến thai trong bụng mẹ mới được hai căn là thân căn và mạng căn cũng muốn làm cho chết thì người này không phải là Tỳ-kheo-ni… mất pháp Tỳ-kheo-ni. Đối với pháp Đọa thứ ba này trọn đời không được làm, con có thể giữ được không?. Nếu được thì đáp là được.

4. Phật đủ cách quở trách vọng ngữ, khen ngợi

không vọng ngữ, cho đến đùa giỡn cũng không được vọng ngữ huống chi là cố ý vọng ngữ. Nếu Tỳ-kheo-ni tự biết mình không có pháp hơn người mà tự khen mình là được quả A-la-hán, A-la-hán hướng… Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hoàn hướng; hoặc tự khen mình chứng được Sơ thiền… tứ thiền; hoặc tự khen mình đã được pháp Từ bi hỷ xả, được định Không vô biên xứ…; được pháp quán bất tịnh, A-na-ban-na niệm; chư thiên đến chỗ tôi, trời rồng… đến chỗ tôi, tôi nói chuyện với họ… những việc như thế vốn không có mà cố ý vọng ngữ thì người này không phải là Tỳ-kheo-ni… mất pháp Tỳ-kheo-ni. Đối với pháp Đọa thứ tư này trọn đời không được làm, con có thể giữ được không?. Nếu được thì đáp là được.

5. Phật Thế tôn đủ nhân duyên quở trách Dục, dục tưởng, dục dục, dục giác, dục nhiệt; Phật dạy nên đoạn dục, trừ dục tưởng và diệt dục nhiệt. Nếu Tỳ-kheo-ni có lậu tâm thuận cho người nam có lậu tâm xúc chạm vuốt ve thuận hay nghịch từ đầu tóc trở xuống, từ đầu gối trở lên, từ cổ tay trở ra, bỏ y, hoặc kéo hoặc đẩy hoặc đè hoặc bóp, hoặc nâng lên hoặc để xuống thì Tỳ-kheo-ni phạm tội này không còn gọi là Tỳ-kheo-ni, chẳng phải là Sa-môn ni, không phải là Thích chủng nữ, mất pháp Tỳ-kheo-ni. Đối với pháp đọa thứ năm này trọn đời không được làm, con có thể giữ được không?. Nếu được thì đáp là được.

6. Phật Thế tôn đủ nhân duyên quở trách Dục, dục tưởng, dục dục, dục giác, dục nhiệt; Phật dạy nên đoạn dục, trừ dục tưởng và diệt dục nhiệt. Nếu Tỳ-kheo-ni có lậu tâm thuận cho người nam có lậu tâm nắm tay, nắm y, cùng đứng, cùng nói chuyện, cùng hẹn hò, vào chỗ khuất, đời người nam đến, tất cả giống như người nữ bạch y, đủ tám việc này biểu hiện tướng tham ái thì Tỳ-kheo-ni phạm tội này không còn gọi là Tỳ-kheo-ni, chẳng phải là Sa-môn ni, không phải là Thích chủng nữ, mất pháp Tỳ-kheo-ni. Đối với pháp Đọa thứ sáu này trọn đời không được làm, con có thể giữ được không?. Nếu được thì đáp là được.

7. Phật Thế tôn đủ nhân duyên quở trách tri thức ác, bạn đảng ác; khen ngợi thiện tri thức, thiện hữu. Nếu Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo khác phạm tội Thô mà che giấu cho đến một đêm. Tỳ-kheo-ni này biết Tỳ-kheo-ni kia hoặc đã thối thất, hoặc đang trụ, hoặc bị tẫn, hoặc bỏ đi; sau đó mới nói rằng: "Trước đây tôi cũng biết Tỳ-kheo-ni này phạm hạnh bất tịnh như thế như thế, nhưng tôi không muốn nêu ra, cũng không muốn bạch cho Tăng biết. Vì sợ có người nói rằng em bêu xấu chị" thì Tỳ-kheo-ni phạm tội này không còn gọi là Tỳ-kheo-ni, chẳng phải là Sa-môn ni, không phải là Thích chủng nữ, mất pháp Tỳ-kheo-ni. Đối với pháp Đọa thứ bảy này trọn đời không được làm, con có thể giữ được không?. Nếu được thì nói là

được.

8. Phật Thế tôn đủ nhân duyên quở trách ác tri thức, bạn đảng ác; khen ngợi thiện hữu tri thức. Nếu Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo này, Tăng nhất tâm hòa hợp đã như pháp tác yết ma Bất kiến tẫn, một mình không có hai, không bè bạn, không thôi dứt mà còn làm hạnh tùy thuận. Các Tỳ-kheo-ni nên can ngăn Tỳ-kheo-ni này rằng: "Tỳ-kheo này, Tăng nhất tâm hòa hợp đã như pháp tác yết ma Bất kiến tẫn, một mình không có hai, không bè bạn, không thôi dứt. Cô không được làm hạnh tùy thuận". Khi các Tỳ-kheo-ni can ngăn như vậy mà Tỳ-kheo-ni này vẫn chấp chặt không chịu bỏ việc làm này thì các Tỳ-kheo-ni nên can ngăn đến lần thứ ba, nếu chịu bỏ thì tốt; nếu không chịu bỏ thì Tỳ-kheo-ni phạm tội này không còn gọi là Tỳ-kheo-ni, chẳng phải là Sa-môn ni, không phải là Thích chủng nữ, mất pháp Tỳ-kheo-ni. Đối với pháp Đọa thứ tám này trọn đời không được làm, con có thể giữ được không?. Nếu được thì nói là được.

Giới tử lắng nghe, từ nay trở đi con nên dùng tâm nhu hòa dễ dạy, tùy thuận lợi dạy bảo của Giáo thọ sư. Nay con đã thọ giới xong, Con đã có đủ Hòa thượng ni, A-xà-lê ni, đầy đủ Ni tăng, đủ hành xứ, quốc độ, đủ nguyện của Chuyển luân thánh vương… , từ nay con nên cung kính Tam bảo Phật pháp tăng; nên cung kính Hòa thượng, A-xà-lê và

các bậc thượng trung hạ tòa. Nên siêng học ba môn học là thiện giới học, thiện định học và thiện huệ học. Nên tu ba môn giải thoát là không vô tướng, vô tác. Nên siêng tu ba nghiệp, tọa thiền, tụng kinh và khuyến hóa làm phước hạnh. Đây là pháp mở cửa Niết-bàn để được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán; giống như hoa sen trong nước ngày càng tươi tốt được nở hoa, con cũng sẽ tăng trưởng đạo pháp giống như vậy. Những giới pháp còn lại Hòa thượng ni, A-xà-lê ni sẽ từ từ giảng rộng cho con. Kế nói kệ:

"Trong pháp Thích Sư tử,
Tất cả diệu thiện nhóm,
Sâu rộng không bờ mé,
Biển châu báu công đức,
Là nguyện của Luân vương,
Thiên vương, Diệu pháp vương,
Thường cầu làm Sa-môn,
Không được nhưng con được.
Nên siêng tu ba nghiệp,
Và vô lượng pháp môn,
Nên thường nghĩ đến pháp,
Để được trí vô ngại.
Như hoa sen trong nước,
Mỗi ngày thêm tăng trưởng,
Con cũng sẽ như vậy,
Giới định huệ tăng trưởng.
Còn những giới pháp khác,

Hòa thượng sư sẽ dạy.
Trong chúng kính lễ xong,
Vui được như ý nguyện".

8. Văn Thọ Đại Giới Tỳ-Kheo:

Phật lại bảo các Tỳ-kheo: "Pháp thọ cụ túc có ba việc hiện tiền được thọ cụ túc: Một là có Tăng, hai là có người muốn thọ cụ túc, ba là có yết ma".

Người muốn thọ cụ túc mới đến nên bảo theo thứ lớp đảnh lễ Tăng, kế dạy pháp thọ y, nên hỏi: "Y này có phải là của con có hay không?", đáp là của con có, nên nói: "Con hãy theo theo ta":

Con tên là ____ y Tăng-già-lê này có chín điều là y cắt rọc (chưa cắt rọc), y này nay con xin thọ trì. (3 lần)

Kế hỏi: "Y này có phải là của con có hay không?", đáp là của con có, nên nói: "Con hãy nói theo ta":

Con tên là ____ y Uất-đa-la-tăng này có bảy điều là y cắt rọc (chưa cắt rọc), y này nay con xin thọ trì.(3 lần)

Kế hỏi giống như trên và bảo: "Con hãy nói theo ta":

Con tên là ____ y An-đà-hội này có năm điều là y cắt rọc (chưa cắt rọc), y này nay con xin thọ trì. (3 lần)

Kế hỏi: "Bát-đa-la này có phải là của con có hay không?", đáp là của con có, nên bảo: "Con hãy

nói theo ta":

Con tên là ____ Bát-đa-la ứng lượng khí này nay con xin thọ để dùng lâu dài. (3 lần)

Dạy thọ y bát rồi, kế dạy cầu Hòa thượng:

Con tên là ____ nay cầu trưởng lão làm Hòa thượng, trưởng lão vì con làm Hòa thượng, con nương theo trưởng lão Hòa thượng để được thọ giới cụ túc. (3 lần)

Giới sư nên hỏi Hòa thượng: "Thầy có thể làm Hòa thượng cho giới tử này không?', đáp là có thể, giới sư nên dẫn người thọ giới đến chỗ chỉ thấy mà không nghe ở trong giới tràng, rồi trở lại trong Tăng xướng: "Chúng tăng hòa hợp nhóm, ai có thể là giáo thọ sư cho giới tử này?', nếu trong Tăng có người đáp là có thể thì Tăng nên xét người này nếu có đủ năm pháp thì không nên cử làm giáo thọ sư, đó là vì yêu mà dạy, vì sân mà dạy, vì sợ mà dạy, vì si mà dạy và không biết day hay không dạy. Ngược lại nếu có năm pháp thành tựu thì nên cử làm giáo thọ sư, đó là không vì yêu mà dạy, không vì sân mà dạy, không vì sợ mà dạy, không vì si mà dạy và biết dạy hay không dạy. Kế xướng rằng:

Đại đức Tăng lắng nghe, giới tử này tên ____ theo Hòa thượng ____ cầu thọ giới cụ túc, Tỳ-kheo ____ làm giáo thọ sư. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cử Tỳ-kheo làm giáo thọ sư để dạy giới tử tên ____. Bạch như

thế.

Như thế bạch nhị yết ma cho đến câu Tăng đã chấp thuận cử Tỳ-kheo ____ làm giáo thọ sư để dạy cho giới tử ____ xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Lúc đó Giáo thọ sư đến chỗ giới tử bảo quỳ gối chắp tay rồi nói: "Giới tử tên ____ nghe, nay là giờ phút chí thành, là giờ phút nói thật, sau ở trong Tăng cũng sẽ hỏi như thế, nếu thật thì con nên nói là thật, nếu không thật thì nên nói là không thật. Ta nay hỏi con:

1. Con có phải là trượng phu không?

2. Tuổi có đủ hai mươi không?

3. Con không phải là nô tỳ phải không?

4. Con không phải là người làm thuê cho người phải không?

5. Con không phải do mua mà được phải không?

6. Con không phải do quân binh đánh phá mà bắt được phải không?

7. Con không phải là quan nhân phải không?

8. Con không phạm việc quan phải không?

9. Con không có âm mưu với vương gia phải không?

10. Con không có mắc nợ người phải không?

11. Trượng phu có những bịnh như bịnh lại, bịnh lậu, ung thư, càn tiêu, điên cuồng…, gần đây

con có mắc những bịnh như thế không?

12. Cha mẹ của con còn không, họ có cho phép con xuất gia không?

13. Trước kia con có làm Tỳ-kheo không?, nếu đáp là có làm thì nên hỏi: "Con có thanh tịnh trì giới không, khi xả giới con có nhất tâm như pháp hoàn giới không?"

14. Con có đủ ba y và bát không?

15. Tên của con là gì?

16. Hòa thượng là ai?

Giáo thọ sư hỏi xong nên trở lại trong Tăng bạch rằng: "Con đã hỏi giới tử ____ xong rồi", Giới sư nói: "Nếu thanh tịnh thì nên dẫn đến", liền dẫn đến rồi bảo đảnh lễ Tăng và dạy pháp theo Tăng xin thọ giới cụ túc:

Con tên là ____ theo Hòa thượng ____ thọ giới cụ túc, con nay theo Tăng xin thọ giới cụ túc, Tỳ-kheo là ____ Hòa thượng của con. Xin Tăng tế độ cho con được thọ giới cụ túc. Xin thương xót (3 lần).

Giới sư ở trong Tăng xướng rằng:

Đại đức Tăng lắng nghe, giới tử tên ____ theo Hòa thượng thọ giới cụ túc, nay theo Tăng xin thọ giới cụ túc, Hòa thượng là ____. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận cho tôi nay ở trong Tăng hỏi giới tử tên ____ các pháp chướng ngăn đạo. Bạch như vậy.

Giới tử tên _____ lắng nghe, nay là giờ phút chí thành… giống như đoạn văn trên cho đến câu nếu không thật thì nói là không thật. Nay ta hỏi con:

1. Con là trượng phu phải không?… giống như trên cho đến mười sáu, Hòa thượng là ai?

Tăng còn có điều gì chưa hỏi nữa không, nếu chưa hỏi thì nên hỏi, nếu đã hỏi hết rồi thì im lặng.

Đại đức Tăng lắng nghe, giới tử này tên _____ theo Hòa thượng _____ thọ giới cụ túc, nay theo Tăng xin thọ giới cụ túc, Hòa thượng là

. Giới tử này tự nói thanh tịnh, không có các pháp chướng ngăn đạo, ba y và bát đều đủ, Hòa thượng là _____. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng sẽ cho giới tử này tên _____ thọ giới cụ túc, Hòa thượng là _____. Bạch như vậy.

Như thế bạch tứ yết ma cho đến câu Tăng đã chấp thuận cho giới tử _____ thọ giới cụ túc, Hòa thượng là _____ xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Kế nói về pháp Tứ y:

Giới tử tên _____ lắng nghe, đây là tri kiến của Phật Bà-già-bà, Thích-ca-mâu-ni Đa-đà-a-già-độ A-la-ha-tam-miệu-tam Phật đà nói ra pháp Tứ y cho người thọ giới cụ túc. Tỳ-kheo nương theo pháp Tứ y này được xuất gia thọ giới cụ túc thành pháp Tỳ-kheo:

1. Nương y phấn tảo, Tỳ-kheo được xuất gia thọ giới cụ túc thành pháp Tỳ-kheo. Nếu thọ thêm y bằng vải gai trắng, hoặc gai đỏ hoặc y Kiều-thi-na, Súy-di-la, Khâm-bạt-la, Kiếp-bối… các loại y thanh tịnh khác thì con có thể nương y phấn tảo thọ dụng trọn đời hay không?. Nếu được thì đáp là được.

2. Nương pháp khất thực, Tỳ-kheo được xuất gia thọ giới cụ túc thành pháp Tỳ-kheo. Nếu thọ thêm thức ăn đã nấu chín hoặc thức ăn ngon vào những ngày trai như mồng tám, hai mươi ba, mười bốn, mười lăm, hai mươi chín, ba mươi, mồng một, hoặc thức ăn của tăng, hoặc ăn trong phòng riêng hoặc thọ người thỉnh thực… những thức ăn thanh tịnh như thế thì con có thể nương pháp khất thực thọ dụng trọn đời hay không?. Nếu được thì đáp là được.

3. Nương dưới gốc cây dừng nghỉ, Tỳ-kheo được xuất gia thọ giới cụ túc thành pháp Tỳ-kheo. Nếu thọ thêm nhà ấm, giảng đường… cho đến hang động trong núi; ngọa cụ Yên-đầu-lặc-ca, Man đầu lặc ca… cho đến đệm cỏ, tất cả phòng xá ngọa cụ thanh tịnh như thế thì con có thể nương dưới gốc cây dừng nghỉ thọ dụng trọn đời hay không? Nếu được thì đáp là được.

4. Nương loại dược cũ bỏ (Trần khí dược), Tỳ-kheo được xuất gia thọ giới cụ túc thành pháp Tỳ-kheo. Nếu thọ thêm bốn loại dược hàm tiêu là tô,

dầu, mật, thạch mật; bốn loại mỡ tịnh là mỡ gấu, mỡ lừa, mỡ heo, mỡ cá; năm loại dược từ củ như củ gừng, xích phu tử, ba đề, bệ sa, xương bồ; năm loại dược từ quả như Ha-lê-lặc, Tỳ-diêm-lặc, A-ma lặc, hồ tiêu, Tất-bạt-la; năm loại muối là muối đen, muối trắng, muối tía, muối đỏ, muối đất; năm loại thuốc thang nấu từ củ, cọng, lá, hoa, quả; năm loại thuốc từ nhựa cây là hưng cừ, tát-xà-la-tát-đế, dịch-đế, dịch-đề-đế, dịch-bà-na… các loại dược thanh tịnh như thế thì con có thể nương loại dược cũ bỏ thọ dụng trọn đời hay không?. Nếu được thì đáp là được.

Giới tử tên ____ lắng nghe, đây là tri kiến của Phật Bà-già-bà, Thích-ca-mâu-ni Đa-đà-a-già-độ A-la-ha-tam-miệu-tam Phật đà nói ra bốn pháp Đọa cho Tỳ-kheo thọ giới cụ túc. Tỳ-kheo đối với bốn pháp Đọa này nếu phạm một pháp nào thì không phải là Tỳ-kheo, không phải là Sa-môn, không phải là Thích tử mất pháp Tỳ-kheo. Như cây Đa-la bị chặt ngọn thì không thể sanh trưởng, không tươi tốt, không cao lớn, không rộng mát. Tỳ-kheo cũng như thế, đối với bốn pháp Đọa này nếu phạm một pháp nào thì không phải là Tỳ-kheo… mất pháp Tỳ-kheo. Bốn pháp Đọa là:

1. Phật dùng đủ cách quở trách dục, dục tưởng, dục giác, dục nhiệt; khen ngợi đoạn dục, trừ dục tưởng, diệt dục nhiệt. Nếu Tỳ-kheo đã thọ giới pháp rồi, không xả giới, giới suy kém, không phát

lồ mà làm pháp dâm dục cho đến cùng với súc sanh thì người này không phải là Tỳ-kheo… mất pháp Tỳ-kheo. Đối với pháp Đọa thứ nhất này trọn đời không được làm, con có thể giữ được không?. Nếu được thì đáp là được.

2. Phật dùng đủ cách quở trách không cho mà lấy, khen ngợi không trộm cắp từ một sợi chỉ, một cây kim… cho đến năm tiền hoặc vật trị giá năm tiền. Tỳ-kheo nếu không cho mà lấy, vì việc này hoặc bị bắt, bị trói hoặc bị đuổi ra khỏi nước và bị mắng là kẻ giặc thì người này không phải là Tỳ-kheo… mất pháp Tỳ-kheo. Đối với pháp Đọa thứ hai này trọn đời không được làm, con có thể giữ được không?. Nếu được thì đáp là được.

3. Phật dùng đủ cách quở trách đoạn mạng người, khen ngợi không đoạn mạng cho đến một con kiến cũng không cố ý đoạn mạng huống chi là người. Nếu Tỳ-kheo tự tay cố ý đoạn mạng người, hoặc sai người cầm dao giết, hoặc khuyên chết, khen chết nói rằng: "Chao ôi trượng phu, sống tồi tệ như thế thì sống làm gì, thà chết còn hơn', tùy tâm suy nghĩ mà dùng đủ cách khuyến khích xúi giục hoặc khen ngợi cái chết hoặc đào hầm, đặt bẩy… làm cho chết; hoặc dùng cách Tỳ-đà-la, bán Tỳ-đà-la để giết; hoặc làm đọa thai, hoặc đẩy vào lửa, hoặc xô xuống nước hoặc đẩy từ trên cao xuống cho chết… cho đến thai trong bụng mẹ mới được hai căn là thân căn và mạng căn cũng muốn

làm cho chết thì người này không phải là Tỳ-kheo… mất pháp Tỳ-kheo. Đối với pháp Đọa thứ ba này trọn đời không được làm, con có thể giữ được không?. Nếu được thì đáp là được.

4. Phật đủ cách quở trách vọng ngữ, khen ngợi không vọng ngữ, cho đến đùa giỡn cũng không được vọng ngữ huống chi là cố ý vọng ngữ. Nếu Tỳ-kheo tự biết mình không có pháp hơn người mà tự khen mình là được quả A-la-hán, A-la-hán hướng… Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hoàn hướng; hoặc tự khen mình chứng được Sơ thiền… tứ thiền; hoặc tự khen mình đã được pháp Từ bi hỷ xả, được định Không vô biên xứ…; được pháp quán bất tịnh, A-na-ban-na-niệm; chư thiên đến chỗ tôi, trời rồng…đến chỗ tôi, tôi nói chuyện với họ… những việc như thế vốn không có mà cố ý vọng ngữ thì người này không phải là Tỳ-kheo… mất pháp Tỳ-kheo. Đối với pháp Đọa thứ tư này trọn đời không được làm, con có thể giữ được không?. Nếu được thì đáp là được.

Giới tử tên ____ lắng nghe, tội trong thiên đầu không thể sám hối; tội trong thiên thứ hai tuy có thể sám hối, nhưng tùy thời che dấu bao nhiêu mà cho hành Ba-lợi-bà-sa bấy nhiêu, hành Ba-lợi-bà-sa rồi mới cho hành sáu đêm Ma-na-đỏa, hành Ma-na-đỏa xong mới ở trong chúng hai mươi Tỳ-kheo cho xuất tội. Những việc này ở trong chúng đáng hổ thẹn và bị người khinh chê, đó là:

1. Không được cố ý làm xuất tinh, con có thể giữ được không?. Nếu được thì đáp là được.

2. Không được cố ý xúc chạm thân người nữ, con có thể giữ được không?. Nếu được thì đáp là được.

3. Không được đối trước người nữ nói lời thô tục, con có thể giữ được không?. Nếu được thì đáp là được.

4. Không được đối trước người nữ khen ngợi việc cúng dường thân, con có thể giữ được không?. Nếu được thì đáp là được.

5. Không được làm mai mối, con có thể giữ được không?. Nếu được thì đáp là được.

6. Không được tự xây cất phòng xá, nếu Phật cho thì được làm, không cho thì không được làm. Con có thể giữ được không, nếu được thì đáp là được.

7. Không được xây cất chùa lớn, Phật cho thì được làm, không cho thì không được làm… như trên.

8. Không được đem tội không căn cứ vu báng người khác… như trên.

9. Không được lấy chút tôi vu báng nói là đại tội… như trên.

10. Không được phá Tăng… như trên.

11. Không được trợ giúp việc phá Tăng… như trên.

12. Không được Ô-tha-gia… như trên.

13. Không được tánh ngang ngạnh khó dạy… như trên. Phải khéo khiêm hạ tâm mình, vui vẻ thuận theo lời dạy bảo. Này giới tử, con đã thọ giới xong, Hòa thượng, A-xà-lê, Tỳ-kheo tăng đều đầy đủ, trong quốc độ tốt được chỗ hành đạo tốt. Như nguyện của Chuyển luân thánh vương, con nay đều đã đầy đủ. Con phải gia kính Tam bảo Phật pháp tăng, phải học ba môn học là chánh giới học, chánh tâm học và chánh huệ học. Con nên cầu ba môn giải thoát là không, vô tướng, vô nguyện; phải siêng năng ba nghiệp tụng kinh, ngồi thiền và làm việc chúng. Hành pháp như thế mới mở cửa Cam lồ, chứng quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Phật Bích chi và quả Phật. Ví như hoa Thanh liên, Bạch liên, Hồng liên, Xích liên ở trong nước ngày một tăng trưởng; con cũng như thế, ở trong pháp Tỳ-kheo ngày một tăng trưởng. Những giới còn lại, Hòa thượng và A-xà-lê sẽ dạy cho con, con nay đã thọ xong giới cụ túc.

Trong pháp Thích sư tử,
Tất cả diệu thiện tụ,
Sâu rộng không bờ mé.
Vào biển báu công đức,
Là nguyện của Luân vương,
Thiên vương, Thiện pháp vương,
Thường cầu làm Sa-môn,
Không được nhưng con được.

Siêng năng hành ba nghiệp,
Phật pháp vô lượng môn.
Người thường nhớ nghĩ pháp,
Đạt được trí vô ngại.
Như hoa sen trong nước,
Mỗi ngày một tăng trưởng,
Con cũng tin như thế,
Giới, văn, định, huệ tăng.
Những giới khác đã chế,
Hòa thượng sư sẽ dạy.
Trong chúng đảnh lễ xong,
Vui vì được như ý.

9. Văn Kết Tiểu Giới (Giới Tràng):

Trước xướng tướng bốn phương của tiểu giới làm ranh giới rồi mới bạch nhị yết ma kết:

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo ____ đã xướng tướng bốn phương của tiểu giới, Tăng nay ở trong tiểu giới này kết làm giới tràng. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay ở trong tướng bốn phương của tiểu giới này kết làm giới tràng. Bạch như vậy.

Đại đức tăng lắng nghe, Tăng nay ở trong tướng bốn phương của tiểu giới này kết làm giới tràng, các trưởng lão nào chấp thuận, Tăng nay ở trong tướng bốn phương của tiểu giới này kết làm giới tràng thì im lặng; ai không chấp thuận thì nói. Tăng đã chấp thuận ở trong tướng bốn phương của

tiểu giới này kết làm giới tràng xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

10. Văn Kết Đại Giới:

Trước xướng tướng bốn phương của đại giới làm ranh giới rồi mới bạch nhị yết ma kết:

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo tên _____ đã xướng tướng bốn phương của đại giới, bên trong tướng bốn phương này là tướng của nội giới. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay ở trong tướng nội giới này kết làm đại giới cùng ở chung, cùng bố tát. Bạch như vậy.

Đại đức tăng lắng nghe, Tăng nay ở trong tướng nội giới này kết làm đại giới cùng ở chung, cùng bố tát. Các trưởng lão nào chấp thuận Tăng nay ở trong tướng nội giới này kết làm đại giới cùng ở chung, cùng bố tát thì im lặng; ai không chấp thuận thì nói.

Tăng đã chấp thuận ở trong tướng nội giới này kết làm đại giới cùng ở chung, cùng bố tát xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lạng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

11. Văn Kết Giới Không Lìa Y:

Đại đức tăng lắng nghe, Tăng ở trong nội giới cùng một trú xứ, cùng một thuyết giới, trừ tụ lạc và giới tụ lạc, trừ A-lan-nhã và các nhà ra, phần còn lại kết giới không mất y. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng ở trong nội giới

cùng một trú xứ, cùng một thuyết giới, trừ tụ lạc và giới tụ lạc, trừ A-lan-nhã và các nhà ra, phần còn lại kết giới không mất y. Bạch như vậy.

Đại đức tăng lắng nghe, Tăng ở trong nội giới cùng một trú xứ, cùng một thuyết giới, trừ tụ lạc và giới tụ lạc, trừ A-lan-nhã và các nhà ra, phần còn lại kết giới không mất y. Các trưởng lão nào chấp thuận Tăng ở trong nội giới cùng một trú xứ, cùng một thuyết giới, trừ tụ lạc và giới tụ lạc, trừ A-lan-nhã và các nhà ra, phần còn lại kết giới không mất y thì im lặng. Ai không chấp thuận thì nói. Tăng đã chấp thuận Tăng ở trong nội giới cùng một trú xứ, cùng một thuyết giới, trừ tụ lạc và giới tụ lạc, trừ A-lan-nhã và các nhà ra, phần còn lại kết giới không mất y xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

12. Văn Giải Đại Giới:

Văn giải tiểu giới cũng nương theo văn này.

Đại đức tăng lắng nghe, Tăng đã kết đại giới cũ cùng một trú xứ, cùng một thuyết giới. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay xả đại giới cũ cùng một trú xứ, cùng một thuyết giới. Bạch như vậy.

Đại đức tăng lắng nghe, Tăng đã kết đại giới cũ cùng một trú xứ, cùng một thuyết giới. Tăng nay xả giới cũ cùng một trú xứ, cùng một thuyết giới. Các trưởng lão nào chấp thuận Tăng nay xả đại

giới cũ cùng một trú xứ, cùng một thuyết giới thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Tăng đã chấp thuận xả đại giới cũ cùng một trú xứ, cùng một thuyết giới xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

13. Văn Sai Người Coi Ngó Công Việc Cho Tăng:

Người coi ngó công việc cho Tăng có mười bốn hạng người, nếu thành tựu năm pháp: Không tùy ái, không tùy sân, không tùy si, không tùy sợ, biết rõ công việc thì nên sai như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo tên _____ có thể làm người tri thực cho Tăng. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay sai Tỳ-kheo _____ làm người tri thực cho Tăng. Bạch như vậy.

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo tên _____ có thể làm người tri thực cho Tăng, Tăng nay sai Tỳ-kheo _____ làm người tri thực cho Tăng. Các trưởng lão nào chấp thuận, Tăng sai Tỳ-kheo làm người tri thực cho Tăng thì im lặng. Ai không chấp thuận thì nói. Tăng đã chấp thuận Tăng sai Tỳ-kheo _____ làm người tri thực cho Tăng xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Như thế cho đến sai mười bốn hạng người đều bạch nhị yết ma sai giống như trên.

14. Văn Thọ An Cư:

Phật nói năm chúng nên an cư, Tỳ-kheo Hạ tòa đối trước Thượng tòa thọ an cư nên từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu chắp tay bạch rằng:

Trưởng lão nhớ nghĩ, con Tỳ-kheo ____ ở trong trú xứ này hạ an cư ba tháng trước, nương tụ lạc ____ là chỗ nên đi, phòng xá nếu có hư hoại sẽ tu bổ (3 lần).

Thượng tòa nói: Cẩn thận chớ buông lung. Hạ tòa đáp: Xin thọ trì.

15. Văn Thọ Pháp Bảy Ngày Xuất Giới:

Trưởng lão nhớ nghĩ, con Tỳ-kheo ____ ở trong đây hạ an cư, nay có duyên sự xin thọ pháp bảy ngày xuất giới, việc xong sẽ trở về đây an cư và tự tứ (3 lần).

16. Văn Thọ Pháp Ba Mươi Chín Ngày Xuất Giới:

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo ____ vì việc Tăng nên xin thọ pháp ba mươi chín ngày xuất giới, việc xong sẽ trở về trong đây an cư và tự tứ. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay cho Tỳ-kheo ____ vì việc Tăng nên xin thọ pháp ba mươi chín ngày xuất giới, việc xong sẽ trở về trong đây an cư và tự tứ. Bạch như vậy.

Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo ____ vì việc Tăng nên xin thọ pháp ba mươi chín ngày xuất giới, việc xong sẽ trở về trong đây an cư và tự tứ.

Các trưởng lão nào chấp thuận cho Tỳ-kheo ____ vì việc Tăng nên xin thọ pháp ba mươi chín ngày xuất giới, việc xong sẽ trở về trong đây an cư và tự tứ thì im lặng. Ai không chấp thuận thì nói. Tăng đã chấp thuận cho Tỳ-kheo ____ vì việc Tăng nên xin thọ pháp ba mươi chín ngày xuất giới, việc xong sẽ trở về trong đây an cư và tự tứ xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

17. Văn Một Tỳ-Kheo Tâm Niệm Bố Tát:

Hôm nay là ngày thứ mười bốn (hoặc mười lăm), Tăng thuyết giới bố tát, con Tỳ-kheo, cũng thuyết giới bố tát (3 lần)

18. Văn Nói Ba Lần Bố Tát Của Hai, Ba Người:

Trưởng lão nhớ nghĩ, hôm nay là ngày thứ mười bốn (hoặc mười lăm), Tăng thuyết giới bố tát, trưởng lão biết con thanh tịnh, nhớ giữ không ngăn đạo pháp

19. Văn Gởi Dục:

Trưởng lão nhớ nghĩ, tôi Tỳ-kheo ____ việc Tăng như pháp xin gởi dục và thanh tịnh trong kỳ thuyết giới bố tát này, xin cầm lấy thẻ giùm tôi (3 lần).

20. Văn Đến Trong Tăng Thuyết Dục:

Trưởng lão nhớ nghĩ, hôm nay là ngày Tăng

thuyết giới bố tát, Tỳ-kheo tên _____, _____ việc Tăng như pháp xin gởi dục và thanh tịnh.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 76

TÁT BÀ ĐA TỲ NI
TỲ BÀ SA

SỐ 1440

(QUYỂN 1→ 9)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1440
TÁT BÀ ĐA TỲ NI TỲ BÀ SA
QUYỂN 1

1. Phật đà: Đời Tần dịch là Giác, nghĩa là hiểu rõ tất cả pháp tướng. Lại nữa, tất cả chúng sanh ngủ mê trong ba cõi, đạo nhãn của Phật đã mở, tự giác giác tha nên gọi là Giác. Phật đối với tất cả pháp có thể biết tất cả và thuyết giảng tất cả.

Hỏi: Phật thuyết giảng tất cả là như thế nào? Ứng theo thời và chúng hội thích hợp mà tùy nghi thuyết giảng hay là ứng theo bộ chúng mà thuyết giảng?

Đáp: Phật ứng theo thời và tùy theo chúng sanh mà thuyết giảng tất cả pháp. Sau này các đệ tử kết tập pháp tạng mới phân loại ra, như khi Phật chế giới cho các đệ tử là trọng hay khinh hoặc là Hữu tàn hay là Vô tàn thì phân loại thành Luật tạng; khi Phật nói về nhân quả tương sanh với Kiết sử cho đến các nghiệp tướng thì phân loại thành Luận tạng; khi Phật tùy thời thuyết pháp cho chư thiên và loài người, do người giáo hóa tập hợp lại thì gọi là Tăng nhất; khi Phật thuyết giảng nghĩa sâu xa cho các chúng sanh lợi căn, do người có học vấn

tập hợp lại thì gọi là Trung A-hàm; khi Phật thuyết giảng các pháp thiền, do người tu tập thiền tập hợp lại thì gọi là Tạp A-hàm; Phật thuyết pháp phá ngoại đạo thì gọi là Trường A-hàm.

Hỏi: Nếu Phật thuyết giảng tất cả pháp thì sao trong kinh nói rằng: Khi Phật ngồi dưới một gốc cây, cầm một nắm lá trong tay rồi hỏi các đệ tử: "Lá cây trong tay ta nhiều hay lá trên cây nhiều?", các đệ tử đáp là lá trên cây nhiều, Phật nói: "Cũng vậy, pháp mà ta đã biết nhiều như lá trên cây, còn pháp mà ta đã thuyết giảng như nắm lá trong tay". Trong kinh đã nói như vậy tại sao lại nói là Phật thuyết giảng tất cả pháp?

Đáp: Chữ tất cả phân biệt có hai: Tất cả theo Biệt tướng và tất cả theo Tổng tướng, trong đây nói tất cả là tất cả theo Biệt tướng. Có thuyết cho rằng Phật có thể thuyết giảng tất cả nhưng chúng sanh không thể lãnh thọ tất cả, nên Phật mới không thể thuyết giảng tất cả. Lại có thuyết cho rằng đáng lẽ nói là biết tất cả và chỉ thuyết giảng những điều đã biết, không được nói là thuyết giảng tất cả.

Hỏi: Nếu Phật biết và thuyết giảng được thì Thanh văn và Phật Bích chi cũng biết và thuyết giảng được, vì sao không gọi là Phật?

Đáp: Không gọi như thế vì Phật biết và thuyết giảng đều cùng tận; còn Thanh văn, Phật Bích chi tuy cũng biết và thuyết giảng nhưng đối với các

pháp có chỗ chưa cùng tận. Lại nữa Phật thấu hiểu tất cả pháp nên được gọi là Phật, còn hàng Nhị thừa thì không thể. Lại nữa Phật được vô biên pháp và có thể thuyết giảng vô biên pháp, còn hàng Nhị thừa thì không thể. Lại nữa có cọng và bất cọng, pháp mà Thanh văn và Phật Bích chi chứng đắc, Phật cũng đồng chứng đắc (cọng); nhưng pháp mà Phật chứng đắc thì hàng Nhị thừa không đồng chứng đắc (bất cọng). Pháp mà bậc Tiểu thừa chứng đắc, hàng Tam thừa cũng đồng chứng đắc (cọng); pháp mà hàng Trung thừa chứng đắc, hàng Nhị thừa cũng đồng chứng đắc (cọng); nhưng pháp mà Phật chứng đắc thì hàng Nhị thừa không thể biết, chỉ có Phật tự chứng biết. Ví như hộp lớn thì đựng được dù lớn, cũng vậy pháp tướng vô biên nên Phật dùng trí huệ vô biên để chứng biết pháp vô biên; còn trí huệ của hàng Nhị thừa là hữu biên nên không thể biết hết pháp tướng vô biên. Lại nữa có căn, có nghĩa; căn là tuệ căn, tức là pháp mà tuệ duyên theo; căn và nghĩa nơi Phật đều đầy đủ nên pháp mà tuệ duyên theo thảy đều cùng tận; căn và nghĩa nơi hàng Nhị thừa đều không đầy đủ. Lại nữa Phật được gọi là Như thật trí, tức là trí hiểu biết như thật tất cả pháp tướng; hàng Nhị thừa tuy hiểu biết nhưng không cùng tận, chưa trọn vẹn nên không được gọi là Như thật trí. Do tất cả những nghĩa trên nên hàng Nhị thừa không được gọi là Phật.

2. Bà khư bà: Không thể chuyển âm, chỉ có thể dùng nghĩa giải thích gọi là Thế tôn, vì Phật có thể biết hết các pháp đối trị. Lại nữa, do thế pháp ngôn ngữ bất đồng nên người đời tự không hiểu nhau, nhưng Phật có thể hiểu tất cả nên gọi là Thế tôn. Lại nữa, phàm phu tự cho mình đắc pháp, hoặc ưa thích tịch tĩnh, hoặc thích thiền định, hoặc vì nhân duyên khác nên bí mật không nói ra; nhưng pháp mà Phật đã chứng đắc là do lực từ bi nên ưa thích vì người khác giảng nói. Lại nữa do đã phá trừ ba độc nên gọi là Thế tôn .

Hỏi: Hàng Nhị thừa cũng phá trừ được ba độc, sao không gọi là Thế tôn?

Đáp: Hàng Nhị thừa không được gọi như thế là vì còn thối chuyển, Phật thì không thối chuyển. Thối chuyển có ba: Quả thối chuyển, không phải quả thối chuyển và sở dụng thối chuyển. Quả thối chuyển là ba quả trên của Tiểu thừa có thối chuyển còn quả dưới thì không thối chuyển; Trung thừa có hai hạng: Nếu do trăm kiếp tu hành chứng quả Phật Bích chi thì không thối chuyển, nếu từ ba quả trên của Tiểu thừa chứng quả Phật Bích chi thì có thối chuyển; Phật quả không thối chuyển. Không phải quả thối chuyển là người hướng đến quả Tam thừa chưa được mà thối chuyển, hoặc Tỳ-kheo tu hành ba nghiệp biếng nhác không tinh tấn nên tất cả pháp đã tu tập có thối chuyển. Sở dụng thối chuyển là tất cả pháp đã chứng đắc, dụng không hiện tiền.

Như mười lực của Phật, mười trí của Tiểu thừa nếu dùng một pháp nào thì các pháp khác không hiển dụng; như đọc tụng mười vạn lời kinh, khi không đọc tụng thì không hiển dụng. Tiểu thừa và Trung thừa có không phải quả thối chuyển nhưng Phật thì không, vì trong tất cả các hành Phật thảy đều tinh tấn. Nhị thừa có sở dụng thối chuyển nhưng Phật thì không nhất định, có thuyết cho rằng trong mười lực, khi Phật dùng một lực thì không dùng chín lực kia nên gọi là có sở dụng thối chuyển; có thuyết cho rằng như tụng hai mươi vạn lời kinh, người phàm vì sức kém nên một, hai ngày mới tụng xong, nhưng Phật thì có thể tức thời tụng xong; mười lực cũng vậy, muốn dùng thì liền dùng không có chướng ngại nên Phật không có sở dụng thối chuyển. Lại nữa như khi mặc Nê-hoàn-tăng, Phật không chỉ là mặc như người đời mặc, Phật mặc vì lợi ích cho chúng sanh; tất cả pháp đã dùng nếu lợi ích cho chúng sanh thì liền dùng, không lợi ích cho chúng sanh thì không dùng, nên đối với sở dụng thối chuyển Phật không nhất định vì ý Phật không thể nghĩ bàn.

Hỏi: Vì sao ba quả trên của Tiểu thừa có quả thối chuyển còn quả dưới lại không có?

Đáp: Ba quả trên do đã từng được nên có quả thối chuyển, còn quả dưới chưa từng được nên không có quả thối chuyển. Như người đói mà được thức ăn ngon thì lâu vẫn không quên, nghĩa này

cũng như vậy. Có thuyết cho rằng giai vị Kiến đế đạo không có thối chuyển; giai vị Tư duy đạo thì có thối chuyển vì có tưởng tịnh và bất tịnh để đoạn trừ kiết sử nên ở giai vị Tư duy đạo có bức bách; giai vị Kiến đế đạo do thấy được lý nên không có bức bách, khi tư duy phát sanh dù có bức bách vẫn không làm cho thối chuyển. Có thuyết cho rằng ở giai vị Kiến đế trí lực mạnh, như rường cột lớn chống đỡ các vật nên không thối chuyển; còn ở giai vị Tư duy trí lực yếu nên có thối chuyển. Lại nữa, hai tâm Nhẫn và trí ở giai vị Kiến đế của cõi Dục đoạn được chín phẩm Tư hoặc, Nhẫn và Trí của hai cõi trên thì đoạn được bảy mươi hai phẩm Tư hoặc, ở cõi Vô sắc kiết sử hết nên không có thối chuyển. Do các nghĩa trên nên Phật được gọi là Thế tôn; lại nữa, tập khí của Phật đã đoạn tận còn tập khí của hàng Nhị thừa chưa đoạn tận, như trường hợp Tỳ-kheo Ngưu ty thường nhai lại như trâu là do nhiều đời ở trong loài trâu mà sanh ra; lại có Tỳ-kheo tuy đã được lậu tận nhưng thường hay soi gương là do nhiều đời làm dâm nữ mà sanh ra; lại có Tỳ-kheo thường hay nhảy nhót là do nhiều đời từ trong loài khỉ mà sanh ra, vì thế hàng Nhị thừa không được gọi là Thế tôn.

Hỏi: Tất cả kinh mở đầu bằng câu Tôi nghe như vầy là lúc Phật còn ở đới nói là Tôi nghe hay là sau khi Phật diệt độ?

Đáp: Phật tự thuyết pháp thì do đâu nói là Tôi

nghe, sau khi Phật diệt độ các vị kết tập pháp tạng mới nói là Tôi nghe.

Hỏi: Phật thuyết pháp trong hai mươi năm, tôn giả A-nan không nghe, vì sao được nói là Tôi nghe?

Đáp: Có thuyết cho là chư thiên nói lại cho tôn giả A-nan nghe, có thuyết cho là Phật nhập tâm thế tục khiến cho tôn giả A-nan biết, cũng có thuyết cho là từ bên các Tỳ-kheo nghe lại. Trong kinh nói tôn giả A-nan thỉnh Phật những điều như sau: "Xin Phật đừng cho con y cũ, xin đừng bảo thí chủ thỉnh con thọ thực, con vì cầu pháp, vì cung kính Phật nên làm thị giả chứ không phải vì cầu y thực. Các Tỳ-kheo một ngày hai thời đến gặp Phật, chớ bảo con cũng như vậy, hãy cho con khi nào muốn gặp Phật thì liền gặp. Những pháp mà Phật đã thuyết trong hai mươi năm qua xin thuyết lại cho con nghe".

Hỏi: Pháp đã thuyết giảng trong hai mươi năm rất nhiều, làm sao có thể nói lại?

Đáp: Phương tiện thiện xảo có thể ở trong một câu pháp diễn nói vô lượng pháp và có thể dùng vô lượng pháp tóm lại trong một câu pháp. Phật chỉ bày đầu mối, A-nan liền có thể lãnh thọ được tất cả, đó là nhờ trí huệ sắc bén và sức thọ trì mạnh mẽ của A-nan .

3. Tám vạn Tạng Pháp: Như cây có nhiều rễ

và cành lá gọi là một cây, Phật trước sau thuyết pháp cho chúng sanh gọi là một tạng, như vậy có đến tám vạn tạng pháp. Có thuyết cho là Phật một lần ngồi thuyết pháp thì gọi là một tạng, như vậy có đến tám vạn tạng pháp. Có thuyết cho là mười sáu chữ là nữa bài kệ, ba mươi hai chữ là một bài kệ, như vậy có đến tám vạn; kệ có ngắn dài, cứ ba mươi hai chữ là một bài kệ, như vậy có đến tám vạn. Có thuyết cho là mỗi nữa tháng thuyết giới là một tạng, như thế có đến tám vạn. Có thuyết cho là Phật tự nói sáu vạn sáu ngàn bài kệ gọi là một tạng, như thế có đến tám vạn. Có thuyết cho là Phật thuyết giảng có tám vạn trần lao nên pháp dược đối trị cũng có tám vạn nên gọi là tám vạn tạng pháp.

Hỏi: Vì sao trong kinh luận không dùng chữ Phật để ở đầu mà chỉ trong luật mới dùng chữ Phật để ở đầu?

Đáp: Vì luật là thù thắng và bí mật chỉ do Phật chế. Kinh có khi do các đệ tử thuyết giảng, có khi do chư thiên như Thích đề hoàn nhơn nói: "Pháp bố thí là bậc nhất, vì sao, vì ta nhờ bố thí mà được làm thiên vương, mọi ước nguyện đều được như ý", Phật khen là đúng thế; cũng có khi hóa làm hóa Phật để thuyết pháp, nhưng luật thì không như thế. Tất cả giới do Phật chế nên trong luật dùng chữ Phật để ở đầu. Lại nữa, kinh có thể tùy chỗ tùy quyết định, nhưng luật thì không như thế; nếu trong nội bộ có việc thì không được liền kết, phải

ra ngoài mà kết; nếu từ bên cư sĩ có việc thì phải ở trong chúng mà kết; nếu từ trong tụ lạc có việc cũng ở trong chúng mà kết; nếu từ bên năm chúng xuất gia có việc thì phải ở trong hai chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni mà kết, cho nên trong luật dùng chữ Phật để ở đầu.

4. Tỳ-da-ly: Có nước lấy tên vua làm tên gọi, có nước lấy tên địa phương làm tên gọi, có nước lấy tên thành làm tên gọi, nước này lấy tên của loài rồng làm tên gọi; như tụ lạc Ca-lan đà là lấy tên loài chim làm tên gọi, có thuyết cho là tên của chủ tụ lạc.

5. Tu-đề-na: Là tên của người con do cha mẹ cầu khẩn thần kỳ mà được, dịch nghĩa là Cầu đắc.

6. Phú quý: Phú có hai loại: Chúng sanh và phi chúng sanh, giàu về phi chúng sanh là có nhiều vàng bạc, kho lẫm, ruộng vườn, nhà cửa…; giàu về chúng sanh là có nhiều tôi tớ, voi, ngựa, bò, dê…. Quý là làm chủ thôn, hoặc có đạo đức được mọi người tôn trọng. Tóm lại có nhiều tiền của, đủ thứ thành tựu thì gọi là phú quý.

7. Tự quy y Tam bảo là tự thọ pháp Tam quy.

Hỏi: Pháp tam quy lấy gì làm tánh?

Đáp: Có luận sư nói pháp tam quy lấy giáo vô giáo làm tánh. Khi thọ pháp tam quy, quỳ gối chắp tay dạy nói pháp tam quy gọi là thân khẩu giáo;

nếu tâm ân trọng thì tuy có thân khẩu nhưng không có dạy nói (giáo) nên gọi là giáo vô giáo. Có thuyết nói pháp tam quy lấy ba nghiệp thân khẩu ý làm tánh, có thuyết nói pháp tam quy lấy năm Ấm thiện của chúng sanh làm năng quy, lấy Tam bảo làm sở quy để cầu cứu hộ. Như có người có tội với vua nước này chạy sang cầu vua nước khác cứu hộ, vua nước kia nói: "Nếu ngươi cầu được vô úy thì đừng ra khỏi cõi nước của ta, không được trái lới ta dạy, ta sẽ cứu hộ"; chúng sanh cũng vậy, lệ thuộc vào ma nên có tội lỗi sanh tử, muốn quy hướng Tam bảo cầu cứu hộ, nếu thành tâm không quy hướng nơi khác thì Tam bảo sẽ cứu hộ, tà ma không làm hại được. Trong kinh nói có chim bồ câu bị chim ưng đuổi bắt, bay núp vào bóng của tôn giả Xá-lợi-phất vẫn còn run sợ bất an, khi núp vào bóng của Phật thì không còn sợ hãi nữa. Sở dĩ như vậy là vì Phật có đủ đại từ đại bi còn tôn giả Xá-lợi-phất chưa đủ; lại nữa do tập khí phiền não ở Phật đã đoạn tận còn ở tôn giả Xá-lợi- phất thì chưa đoạn tận; lại nữa, Phật đã trải qua ba A-tăng-kỳ-kiếp tu hạnh bồ tát còn tôn giả Xá-lợi-phất chỉ mới trải qua sáu mươi kiếp.

Hỏi: Nếu quy hướng Tam bảo có thể tiêu trừ tội lỗi và dứt mọi sợ hãi, vì sao Đề-bà-đạt-đa cũng quy y Tam bảo, do lòng tin xuất gia, thọ giới cụ túc mà vẫn phạm ba tội đại nghịch bị đọa địa ngục A-tỳ?

Đáp: Tất cả sự cứu hộ là cứu người có thể cứu

được, Đề-bà-đạt-đa tội ác sâu nặng lại là định nghiệp nên không thể cứu được.

Hỏi: Người có đại tội Phật không cứu được, người không có tội đâu cần Phật cứu, sao nói là Tam bảo có thể cứu hộ?

Đáp: Đề-bà-đạt-đa tuy quy y Tam bảo nhưng tâm không chân thật, pháp tam quy không đủ, thường cầu lợi dưỡng và danh tiếng, tự xưng là bậc Nhất thiết trí để cạnh tranh với Phật. Vì thế Tam bảo dù có năng lực lớn vẫn không cứu được. Vua A-xà-thế cũng tạo tội đại nghịch đáng đọa địa ngục A-tỳ, nhưng thành tâm hướng Phật nên chuyển tội nặng đáng đọa địa ngục A-tỳ thành tội nhẹ chỉ đọa địa ngục Hắc thằng, như người phạm tội nặng bị giam giữ bảy ngày thì được thả. Đây là năng lực cứu hộ của Tam bảo.

Hỏi: Nếu tội của Điều đạt không được cứu hộ thì sao trong kinh lại nói: "Nếu quy y Phật sẽ không đọa vào ba đường ác"?

Đáp: Điều đạt nhờ quy y Tam bảo nên tuy đọa trong địa ngục A-tỳ nhưng chịu tội nhẹ, có lúc được tạm ngừng; như có người ở chỗ núi rừng vắng vẻ đáng sợ, nếu niệm công đức Phật liền hết sợ hãi. Cho nên nói Tam bảo cứu hộ là không có hư dối.

Hỏi: Trong bốn đế, Tam bảo nhiếp thuộc đế nào; trong hai mươi căn nhiếp thuộc căn nào, trong mười tám giới nhiếp thuộc giới nào; trong mười

hai nhập nhiếp thuộc nhập nào và trong năm ấm nhiếp thuộc ấm nào?

Đáp: Trong bốn đế, Tam bảo nhiếp thuộc hai đế là Đạo đế và Diệt đế; trong hai mươi căn nhiếp thuộc ba căn là căn vị tri, căn dĩ tri và căn vô tri; trong mười tám giới nhiếp thuộc ba giới là ý giới, ý thức giới và pháp giới; trong mười hai nhập nhiếp thuộc hai nhập là ý nhập và pháp nhập; trong năm ấm nhiếp thuộc ấm vô lậu.

Trong bốn đế, Phật bảo nhiếp thuộc một phần ít Đạo đế, Pháp bảo nhiếp thuộc Diệt đế, Tăng bảo nhiếp thuộc một phần ít Đạo đế. Trong hai mươi căn, Phật bảo nhiếp thuộc Căn vô tri, Pháp bảo là Diệt đế vô vi nên không nhiếp thuộc căn nào, Tăng bảo nhiếp thuộc ba căn vô lậu. Trong mười tám giới, Phật bảo nhiếp thuộc một phần ít Ý giới, Ý thức giới và Pháp giới; trong mười hai nhập nhiếp thuộc một phần ít Ý nhập và Pháp nhập; trong năm ấm nhiếp thuộc một phần ít năm ấm vô lậu. Trong mười tám giới, Pháp bảo nhiếp thuộc một phần ít Pháp giới; trong mười hai nhập nhiếp thuộc một phần ít Pháp nhập; Pháp bảo là pháp vô vi nên không nhiếp thuộc trong năm ấm là pháp hữu vi. Trong mười tám giới, Tăng bảo nhiếp thuộc một phần ít Ý giới, Ý thức giới và Pháp giới; trong mười hai nhập nhiếp thuộc một phần ít Ý nhập, Pháp nhập; trong năm ấm nhiếp thuộc một phần ít năm ấm vô lậu.

Hỏi: Quy y Phật là quy y Phật Thích-ca-mâu-ni hay quy y chư Phật trong ba đời?

Đáp: Quy y Phật là quy y chư Phật trong ba đời vì Pháp thân Phật là đồng; quy y một đức Phật tức là quy y chư Phật trong ba đời vì chư Phật không khác nhau. Có thuyết cho rằng nếu quy y chư Phật trong ba đời thì có chư thiên tự cho mình là đệ tử của Phật Ca-diếp hoặc Phật Câu lưu tôn…, trong bảy đức Phật đều nói mình là đệ tử; do nhân duyên này nên chỉ quy y một đức Phật, không nên quy y chư Phật trong ba đời. Có thuyết cho rằng không nên chỉ quy y một đức Phật, vì sao, vì như trong kinh Tỳ Sa-môn nói: "Tỳ Sa-môn thiên vương quy y Tam bảo, quy y chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai", vì vậy nên quy y chư Phật trong ba đời.

Hỏi: Nếu chư thiện tự xưng mình là đệ tử của Phật nào đó thì nghĩa này như thế nào?

Đáp: Chư thiên nói ra lời gì đâu thể cho là định thật, vì có chư thiên nói một đức Phật là thầy nhưng cũng quy y chư Phật trong ba đời, nói một đức Phật chỉ để làm bằng chứng mà thôi.

Hỏi: Nương vào đâu gọi là quy y Phật?

Đáp: Nói lời quy y là hồi chuyển về công đức vô học của Nhất thiết trí .

Hỏi: Quy y sắc thân hay là quy y Pháp thân?

Đáp: Quy y Pháp thân, không phải quy y sắc thân; không nên cho sắc thân là Phật.

Hỏi: Nếu sắc thân không phải là Phật, vì sao làm thân Phật bị thương chảy máu lại phạm tội đại nghịch?

Đáp: Sắc thân là chỗ chứa đựng Pháp thân (Pháp thân khí), là chỗ nương tựa của Pháp thân. Cho nên hại sắc thân liền phạm tội đại nghịch, không phải sắc thân là Phật mà phạm tội đại nghịch.

Hỏi: Nương vào đâu gọi là quy y Pháp?

Đáp: Nói lời quy y là hồi chuyển về đoạn dục, vô dục, là Diệt đế Niết-bàn.

Hỏi: Quy y cảnh giới Diệt đế nơi tự thân hay là quy y cảnh giới Diệt đế nơi người khác?

Đáp: Quy y cảnh giới Diệt để của cả tự thân và người khác, đó là quy y Pháp.

Hỏi: Nương vào đâu gọi là quy y Tăng?

Đáp: Nói lời quy y là hồi chuyển về ruộng phước tốt lành, công đức Học và Vô học của Thanh văn, đó là quy y Tăng.

Hỏi: Quy y Tăng tục đế hay là quy y Tăng đệ nhất nghĩa đế, nếu quy y Tăng đệ nhất nghĩa đế thì khi Phật cho Đề vị và Ba-lợi thọ pháp Tam quy, không nên nói rằng vị lai sẽ có Tăng, ông nên quy y; Tăng đệ nhất nghĩa đế thường ở thế gian?

Đáp: Tăng tục đế là sở y của Tăng đệ nhất nghĩa đế, nói vị lai sẽ có Tăng, ông nên quy y là vì tôn trọng Tăng tục đế mà nói. Như Phật nói: "Trong tất

cả hội chúng thì hội chúng của Phật là hơn hết, như từ sữa sanh Lạc, từ Lạc sanh ra Tô, từ Tô sanh ra Đề hồ là vị ngon bậc nhất; cũng vậy trong tất cả hội chúng, chúng đệ tử Phật là bậc nhất. Nếu có Tăng nhóm họp thì trong đó nhất định có bốn Hướng, bốn Quả đều là phước điền vô thượng, tối thượng, tôn quý bậc nhất trong chín mươi sáu phái ngoại đạo, không phái nào sánh bằng", vì vậy nói vị lai sẽ có Tăng, ông nên quy y thì không hại đến nghĩa chánh.

Hỏi: Phật cũng là Pháp, Pháp cũng là Phật, Tăng cũng là Pháp, tất cả đều là một pháp thì có gì khác nhau?

Đáp: Tuy đều là một pháp nhưng theo nghĩa thì có nhiều khác biệt. Theo nghĩa của Tam bảo thì bậc đại trí không thầy tự ngộ, được tất cả công đức vô học gọi là Phật bảo; Diệt đế vô vi là Pháp bảo; các Thanh văn Hữu học và Vô học được công đức trí huệ là Tăng bảo. Theo nghĩa của Pháp thì Pháp vô sư vô học là Phật bảo; pháp Diệt đế vô vi không phải Hữu học cũng không phải Vô học là Pháp bảo; pháp Thanh văn Hữu học và Vô học là Tăng bảo. Theo nghĩa của Căn thì Căn vô tri là Phật bảo; Pháp bảo là pháp không phải căn; Tăng bảo là ba căn vô lậu. Theo nghĩa của Đế thì Phật bảo nhiếp thuộc một phần ít Đạo đế, Pháp bảo nhiếp thuộc Diệt đế, Tăng bảo nhiếp thuộc một phần ít Đạo đế. Đứng trên quả Sa-môn thì Phật bảo là Sa-môn, Pháp bảo

là quả Sa-môn, Tăng bảo cũng là Sa-môn. Đứng trên quả Bà-la-môn thì Phật bảo là Bà-la-môn, Pháp bảo là quả Bà-la-môn, Tăng bảo cũng là Bà-la-môn. Đứng trên quả Phạm hạnh thì Phật bảo là Phạm hạnh, Pháp bảo là quả Phạm hạnh, Tăng bảo cũng là Phạm hạnh. Đứng trên Nhân quả thì Phật bảo là nhân, Pháp bảo là quả, Tăng bảo cũng là nhân. Đứng trên đạo quả thì Phật bảo là đạo, Pháp bảo là quả, Tăng bảo cũng là đạo. Phật lấy Pháp làm thầy, Phật từ pháp sanh ra, Pháp là mẹ của Phật, Phật nương vào Pháp mà sanh ra.

Hỏi: Nếu Phật lấy Pháp làm thầy, vì sao trong Tam bảo không để Pháp đứng đầu?

Đáp: Tuy Pháp là thầy của Phật, nhưng nếu Pháp không có Phật thì không thể hoằng dương, đó gọi là đạo được hoằng dương là nhờ nơi người, vì thế nên để Phật đứng đầu trong Tam bảo.

Hỏi: Nếu khi thọ pháp Tam quy, xưng Pháp bảo trước xưng Phật bảo sau thì có thành pháp Tam quy không?

Đáp: Nếu do không hiểu biết, nói không theo thứ lớp thì không tội vẫn thành pháp Tam quy; nếu đã hiểu biết mà cố ý nói ngược thứ lớp thì phạm Đột-kiết-la và không thành pháp Tam quy.

Hỏi: Nếu chỉ xưng Phật và pháp, không xưng Tăng thì có thành pháp Tam quy không; hoặc chỉ xưng Pháp và Tăng, không xưng Phật; hoặc chỉ

xưng Phật và Tăng, không xưng Pháp thì có thành pháp Tam quy không?

Đáp: Đều không thành pháp Tam quy.

Hỏi: Nếu không thọ pháp Tam quy thì có đắc năm giới, tám giới cho đến mười giới hay không; nếu không bạch tứ yết ma thì có đắc giới cụ túc không?

Đáp: Tất cả đều không đắc giới. Nếu muốn thọ năm giới thì phải thọ pháp Tam quy trước, thọ pháp Tam quy rồi mới đắc năm giới. Sở dĩ gọi là năm giới là muốn cho người thọ biết rõ về năm giới; cũng vậy bạch tứ yết ma xong mới đắc giới cụ túc, sở dĩ nói pháp Tứ y, bốn pháp Đọa, mười ba Tăng tàn là muốn cho người thọ biết. Có thuyết cho là thọ pháp Tam quy xong, chỉ nói một giới Bất sát liền đắc giới; nói một giới mà đắc cả năm giới là vì nếu giữ được một giới tức là thọ trì cả năm giới, vì thế phần của năm giới dính nhau kiêm bổn ý thệ thọ năm giới. Có thuyết cho là thọ năm giới xong mới đắc giới, nhưng trong các thuyết thì thuyết thọ pháp Tam quy xong liền đắc năm giới là nghĩa nhất định; cho đến tám giới, mười giới cũng như vậy. Riêng pháp thọ giới cụ túc thì bạch tứ yết ma xong mới đắc giới, vì giới cụ túc có công đức sâu, nếu không có nhiều duyên lành và nhiều lực thì không do đâu đắc giới, tức là phải có đủ tam Sư, thập Tăng bạch tứ yết ma mới đắc giới. Năm giới, tám giới và mười giới công đức ít hơn nên chỉ cần thọ

pháp Tam quy xong liền đắc giới.

Hỏi: Khi truyền thọ giới cụ túc vì sao chỉ nói bốn Ba-la-di, mười ba Tăng tàn mà không nói các thiên giới khác?

Đáp: Vì hai thiên giới này là trọng, nếu phạm giới trong thiên thứ nhất thì không khởi lại giới; nếu phạm giới trong thiên thứ hai tuy khởi lại giới nhưng khó khởi vì phải hành Ba-lợi-bà-sa, Ma-na-đỏa xong mới ở trong Tăng đủ hai mươi vị làm yết ma cho xuất tội. Nếu giới khó trì mà trì được thì những giới dễ trì không cần phải nói, vì vậy chỉ nói hai thiên giới đầu mà không nói những thiên giới khác.

Hỏi: Giới Ba-la-đề-mộc-xoa này là giới vô lậu hay là giới thiền? Đáp: Không phải giới vô lậu cũng không phải thiền giới. Giới Ba-

la-đề-mộc-xoa có khi Phật xuất hiện ở đời, nếu Phật không xuất hiện ở đời thì không có; còn giới vô lậu và giới thiền dù Phật có xuất hiện hay không xuất hiện ở đời, trong tất cả thời đều có. Lại nữa giới Ba-la-đề-mộc-xoa từ Phật dạy mà đắc giới, còn giới vô lậu và giới thiền thì không từ Phật dạy vẫn đắc giới. Lại nữa giới Ba-la-đề-mộc-xoa phải từ người khác truyền thọ mới đắc giới, còn giới vô lậu và giới thiền thì không nhờ người khác vẫn đắc giới. Lại nữa, giới Ba-la-đề-mộc-xoa bất luận tâm hôn trầm hay không hôn trầm, tâm thiện ác hay vô

ký, trong tất cả thời đều có; còn giới vô lậu và giới thiền phải ở trong tâm vô lậu và tâm thiền mới có giới, trong các tâm khác thì không có. Lại nữa, giới Ba-la-đề-mộc-xoa chỉ có trong loài người; còn giới vô lậu và giới thiền thì trong trời người đều có. Lại nữa giới Ba-la-đề-mộc-xoa chỉ có trong cõi Dục; còn giới vô lậu và giới thiền trong cõi Dục và cõi Sắc đều có, ở cõi Vô sắc thì thành tựu giới vô lậu. Lại nữa, giới Ba-la-đề-mộc-xoa chỉ đệ tử Phật mới có; còn giới vô lậu và giới thiền thì đệ tử Phật và ngoại đạo đều có.

Hỏi: Năm giới của Ưu-bà-tắc có mấy giới là thật tội, mấy giới là giá tội?

Đáp: Bốn giới đầu là thật tội, giới uống rượu là giá tội; giới này sở dĩ được kết cùng bốn giới trên thành năm giới là vì uống rượu là gốc của buông lung, có thể khiến phạm luôn cả bốn giới trên. Như vào thời Phật Ca-diếp, có một Ưu-bà-tắc vì uống rượu say mà tà dâm với vợ người, bắt trộm gà và giết gà của người; người khác hỏi vì sao làm như thế thì người này đáp là do rượu làm cho tâm mê loạn nên nhất thời phá cả bốn giới trên. Lại nữa uống rượu say có thể phạm bốn tội nghịch, trừ tội Phá tăng thì không thể; tuy không phải do nghiệp đời trước có quả báo cuồng loạn, nhưng do uống rượu say nên mê loạn như người cuồng loạn, có thể phá mất chánh nghiệp như ngồi thiền tụng kinh và làm việc chúng tăng. Vì vậy tuy không phải là thật

tội nhưng do nhân duyên này nên cùng với thật tội đồng loại.

Hỏi: Giới Ưu-bà-tắc ở trên chúng sanh mới đắc giới, còn ở trên loài phi chúng sanh có đắc giới không; chỉ ở trên chúng sanh có thể sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ mới đắc giới hay là ở trên chúng sanh không thể sát sanh… cũng đắc giới?

Đáp: Ở trên chúng sanh mới đắc giới còn ở trên loài phi chúng sanh thì không thể; ở trên chúng sanh có thể sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ hay ở trên chúng sanh không thể sát sanh… đều đắc giới. Dưới cho đến địa ngục A-tỳ và trên cho đến cõi trời Phi phi tưởng xứ, ba ngàn đại thiên thế giới cho đến Phật Như lai, tất cả loài có mạng sống đều đắc bốn giới này. Khi vừa thọ giới, tất cà không sát sanh… tất cả không nói dối, cho nên trên tất cả chúng sanh thảy đều đắc giới. Luận về pháp thọ giới, trước phải nghe thuyết pháp để được khai giải, khiến cho khởi tâm từ mẫn đối với tất cả chúng sanh, được tâm tăng thượng mới đắc giới tăng thượng. Luận về pháp đắc giới, tất cả chúng sanh đều đắc bốn giới, bốn giới này sai biệt có đến mười hai giới, đối với tất cả chúng sanh không được giết hại… không được nói dối. Bởi vì nếu khởi ra bốn ác là do ba nhân duyên mà khởi, đó là tham sân si, nên thành mười hai ác; trái ngược với mười hai ác là mười hai thiện giới sắc.

Hỏi: Nếu có trăm vạn ngàn vạn A-la-hán nhập

Niết-bàn thì đối với các A-la-hán này, giới đã đắc trước kia trước sau có thành tựu không?

Đáp: Không, vì A-la-hán nhập Niết-bàn thì giới này cũng mất. Như khi đắc giới uống rượu thì thân này cho đến trọn đời, trong ba ngàn đại thiên thế giới đối với tất cả loại rượu đã có, chỉ uống một ngụm liền phạm giới sắc. Vì khi thọ giới, tất cả loại rượu đều không được uống, dù rượu diệt hết nhưng giới vẫn thành tựu không mất cho đến trọn đời.

Hỏi: khi thọ giới, nơi ba sanh môn của người nữ đắc giới không tà dâm, sau đó lấy vợ, có phạm giới này không?

Đáp: Không phạm, vì sao, vì tuy đối với người nữ vốn đã đắc giới không tà dâm, nhưng người nữ này nay là vợ, không gọi là tà dâm nên không phạm giới này. Dựa theo đây mà suy ra thì tất cả giới đều như vậy, cho đến tám giới, mười giới, chúng sanh hay loài phi chúng sanh đắc giới cũng đều như vậy. Cho đến thọ hai trăm năm mươi giới đắc giới, ở trên tất cả chúng sanh đắc bảy giới (thân ba khẩu bốn), phân biệt có đến hai mươi mốt giới; bởi vì nếu trên một chúng sanh khởi ra bảy ác là do ba nhân duyên mà khởi, đó là tham sân si, nên thành hai mươi mốt ác. Trên một chúng sanh đắc hai mươi mốt giới sắc thì trên tất cả chúng sanh cũng đều như vậy. Như đối với ngũ cốc, nếu trên một loại cốc nào phá hại hay chặt cây ăn trái, làm gãy cành lá thì tùy phá tùy chặt bao nhiêu thì mắc tội

bấy nhiêu; ngược lại thì đắc ngần ấy giới. Bởi vì khi thọ giới không làm hại cây cỏ, ở trên tất cả cỏ cây đều đắc giới sắc; như giới không đào đất, trên mỗi chỗ đất là đắc một giới sắc, dưới cho đến ba ngàn đại thiên thế giới tận mé Kim cang cũng đều đắc một giới sắc như vậy. Trong hai trăm năm mươi giới đã thọ, ở trên chúng sanh hay không phải chúng sanh đắc giới nhiều ít, theo đây mà suy ra thì khi đắc giới, trên mỗi giới cùng một lúc đắc vô lượng giới. Như giới không sát sanh, trên một chúng sanh sẽ đắc ba giới sắc, bởi vì nếu khởi giết hại là do ba nhân duyên mà khởi, đó là tham sân si; nếu không giết hại thì đắc ba giới sắc; nếu vì tham mà giết người thì trên người bị giết này phạm một giới sắc do tham, hai giới sắc kia không phạm.

Khi phạm giới trọng Ba-la-di này thì ví như đồ đựng Đạo (đạo khí) bị thủng, không thể đựng Đạo được nữa nên không thể chứng bốn Quả Sa-môn, gọi là phi Sa-môn. Vừa phạm giới Sát này liền phá hủy đạo khí nên gọi là Ba-la-di, nếu sau đó giết người nữa, thật tội tuy nặng nhưng không còn gọi là Ba-la-di, vì không còn đạo khí để phá hủy nữa, Tỳ-kheo này gọi là Tỳ-kheo phá giới, không gọi là phi Tỳ-kheo. Theo đây mà suy ra thì tuy cùng một lúc đắc vô lượng giới nhưng không phải cùng một lúc phạm hết các giới, cùng một lúc xả hết các giới.

Luận về pháp phá giới, nếu phá giới trọng thì không có thăng tiến, cho dù xả giới rồi thọ giới lại

cũng không đắc giới. Nếu phá một giới trọng trong năm giới rồi thọ lại năm giới, cho đến mười giới, giới cụ túc, giới vô lậu và giới thiền đều không đắc giới. Nếu phá một giới trọng trong năm giới, muốn xả hết năm giới rồi thọ lại thì không có lý đó; dù đã xả giới để thọ lại năm giới cho đến mười giới, giới cụ túc, giới vô lậu và giới thiền đều không đắc giới. Nếu phá một giới trọng trong mười giới hoặc giới cụ túc , muốn thăng tiến hay muốn xả giới rồi thọ lại cũng giống như trường hợp phá một giới trọng trong năm giới.

Hỏi: Giới Ba-la-đề-mộc-xoa, giới vô lậu và giới thiền ở trong ba cõi, giới nào thù thắng hơn?

Đáp: Giới vô lậu và giới thiền thù thắng hơn, nhưng có thuyết cho rằng giới Ba-la-đề-mộc-xoa thù thắng hơn, vì sao, vì Phật ra đời mới có giới này còn giới vô lậu và giới thiền trong tất cả thời đều có. Tất cả chúng sanh và loài phi chúng sanh đều đắc giới Ba-la-đề-mộc-xoa, con giới vô lậu và giới thiền thì chỉ ở trên chúng sanh mới đắc giới. Lại nữa tất cả chúng sanh nhờ tâm Từ mà đắc giới Ba-la-đề-mộc-xoa, còn giới vô lậu và giới thiền thì không do tâm Từ mà đắc giới. Luận về duy trì Phật pháp thì chỉ có bảy chúng ở thế gian, đạo quả Tam thừa nối tiếp nhau không dứt đều là lấy giới Ba-la-đề-mộc-xoa làm cội gốc; giới vô lậu và giới thiền thì không như thế, cho nên ở trong ba cõi, giới Ba-la-đề-mộc-xoa là thù thắng nhất. Khi mới thọ giới,

bạch tứ yết ma xong liền thành tựu một giới sắc, một niệm giới sắc đầu tiên gọi là Nghiệp, cũng gọi là Nghiệp đạo; niệm thứ hai trở về sau, giới sắc đã sanh chỉ là Nghiệp, không phải là Nghiệp đạo, vì sao, vì một niệm giới sắc ban đầu, tư duy và ước nguyện đầy đủ, do tư duy thông nên gọi là Tư nghiệp đạo. Giới sắc ban đầu là nhân, giới sắc sau nhậm vận tự sanh chỉ gọi là nghiệp, không gọi là Nghiệp đạo. một niệm giới sắc ban đầu vừa thuộc Giáo vừa thuộc Vô giáo, giới sắc sau nhậm vận tự sanh chỉ có Vô giáo, không có Giáo; một niệm giới sắc ban đầu gọi là Giới, cũng gọi là Thiện hạnh, cũng gọi là Luật nghi; giới sắc sau nhậm vận sanh khởi cũng có ba nghĩa này.

Hỏi: Trong ba đời, đời nào đắc giới?

Đáp: Một niệm trong Hiện tại là chúng sanh nên đắc giới, quá khứ vị lai là pháp, không phải chúng sanh nên không đắc giới.

Hỏi: Trong tâm Thiện đắc giới hay trong tâm Bất thiện, tâm Vô ký hay là trong Vô tâm mà đắc giới?

Đáp: Trong tất cả tâm đều đắc giới. Trước tiên với tâm Thiện đảnh lễ Tăng rồi thọ y bát, kế cầu Hòa thượng, Tăng hỏi già nạn để biết có thanh tịnh không… cho đến Tăng bạch tứ yết ma xong, tâm Thiện nối nhau nên giới sắc thành tựu, đây gọi là trong tâm Thiện đắc giới. Nếu trong quá trình thọ

đắc giới trên cho đến khi bạch tứ yết ma bỗng khởi các tâm Bất thiện như tham, sân… trong các tâm này thành tựu giới sắc thì đây gọi là trong tâm Bất thiện đắc giới. Đắc giới này là do lực của tâm Thiện ban đầu và sự dạy bảo thiện trong quá trình thọ giới, không phải do lực của tâm Bất thiện mà đắc giới. Nếu trong quá trình thọ đắc giới trên cho đến khi bạch tứ yết ma bỗng buồn ngủ hay hôn trầm, trong lúc này mà thành tựu giới sắc thì đây gọi là trong tâm Vô ký đắc giới. Nếu trong quá trình thọ đắc giới trên cho đến khi bạch tứ yết ma bỗng nhập Diệt tận định, trong lúc này mà thành tựu giới sắc thì đây gọi là trong Vô tâm đắc giới.

Hỏi: Nếu cư sĩ không thọ năm giới mà thọ thẳng lên mười giới thì có đắc giới không?

Đáp: Cùng một lúc thọ đắc hai loại giới: Giới Ưu-bà-tắc và giới Sa-di; nếu không thọ năm giới, mười giới mà thọ thẳng lên giới cụ túc thì cùng một lúc thọ đắc ba loại giới.

Hỏi: Nếu thọ thẳng lên giới cụ túc đắc cả ba loại giới thì cần gì phải theo thứ lớp thọ năm giới trước, kế thọ mười giới, sau cùng là thọ giới cụ túc?

Đáp: Tuy cùng một lúc thọ đắc ba loại giới, nhưng để thấm nhuần Phật pháp thì phải theo thứ lớp trước sau. Trước thọ năm giới là để tự điều phục, lòng tin ưa tăng dần mới thọ lên mười giới, thiện tâm chuyển sâu mới thọ lên giới cụ túc. Theo

thứ lớp như thế sẽ được thấm nhuần vị Phật pháp, lòng tin ưa càng kiên cố, khó thể thối chuyển; ví như bơi trong biển cả dần dần lạn sâu, trong biển Phật pháp cũng như vậy. Nếu cùng một lúc thọ đắc ba loại giới thì bỏ mất thứ lớp lại phá oai nghi; lại nữa, có chúng sanh khi thọ năm giới mà được đạo quả, hoặc có chúng sanh khi thọ mười giới mà được đạo quả… nên Như lai mới nói thọ theo thứ lớp. Nếu trước thọ năm giới, đến khi thọ mười giới liền thành tựu cả hai loại giới; đến khi thọ giới cụ túc liền thành tựu cả ba loại giới. Trong bảy loại thọ giới, chỉ có bạch tứ yết ma theo thứ lớp ba thời thọ mới đắc giới, còn sáu loại thọ giới kia chỉ trong một thời liền đắc giới. Nếu cùng một lúc đắc cả ba loại giới thì khi muốn xả giới, nếu nói tôi là Sa-di thì không phải là Tỳ-kheo, liền mất giới cụ túc; nếu nói tôi là Ưu-bà-tắc thì không phải là Sa-di, liền mất mười giới; nếu nói giới tại gia xuất gia đều xả thì cả ba loại giới đồng thời mất hết, nhưng không mất pháp Tam quy; nếu theo thứ lớp thọ đắc giới thì xả giới cũng theo thứ lớp.

Hỏi: Nếu trước đã thọ năm giới, sau đó xuất gia thọ mười giới thì có xả năm giới trước không?

Đáp: Không xả năm giới, chỉ mất tên gọi và thứ lớp chứ không mất giới, tức là mất tên Ưu-bà-tắc được tên Sa-di, mất thứ lớp cư sĩ được thứ lớp xuất gia.

Hỏi: Sa-di thọ lên giới cụ túc có mất mười giới

và năm giới đã thọ trước hay không?

Đáp: Không mất, chỉ mất tên gọi và thứ lớp chứ không mất giới, tức là mất tên Sa-di được tên Tỳ-kheo, mất thứ lớp Sa-di được thứ lớp Tỳ-kheo. Trước sau vẫn là một giới nhưng tùy thời thọ lên mà có tên gọi khác nhau, ví như lá cây vào mùa xuân và mùa hạ thì có màu xanh, sang mùa thu thì có màu vàng, đến mùa đông thì có màu trắng; tùy theo mùa khác nhau mà lá cây có màu khác nhau, nhưng trước sau vẫn là lá cây. Giới cũng vậy, tùy thời thọ mà có tên khác nhau nhưng trước sau vẫn là giới; cũng như sữa, lạc, tô và đề hồ tùy thời nên có tên gọi khác nhau nhưng trước sau vẫn là một loại sữa. Giới cũng vậy, tuy ba thời có tên gọi khác nhau nhưng trước sau vẫn là giới.

Hỏi: Khi thọ giới Ưu-bà-tắc, nếu không thể thọ đủ năm giới, chỉ thọ một giới cho đến bốn giới thì có đắc giới không?

Đáp: Không đắc giới.

Lại hỏi: Nếu không đắc giới, sao trong kinh nói có thiểu phần Ưu-bà-tắc, đa phần Ưu-bà-tắc, mãn phần Ưu-bà-tắc, nghĩa này như thế nào?

Đáp: Sở dĩ trong kinh nói như thế là muốn nêu rõ công đức trì giới nhiều ít, chứ không nói có pháp thọ giới như vậy.

Hỏi: Nếu thọ năm giới hạn định một ngày, hai ngày cho đến mười ngày thì có được thọ như vậy

không?

Đáp: Không được, Phật chế giới đều có hạn định, nếu thọ năm giới thì hạn định là trọn đời; nếu thọ tám trai giới thì hạn định là một ngày một đêm, không thể làm khác Phật chế.

Luận về giới phẩm có thượng trung hạ, năm giới là giới phẩm hạ, mười giới là giới phẩm trung, giới cụ túc là giới phẩm thượng. Trong năm giới thọ đắc giới cũng có ba bậc, nếu thọ giới với tâm bậc hạ thì đắc giới bậc hạ, nếu thọ giới với tâm bậc trung thì đắc giới bậc trung, nếu thọ giới với tâm bậc thượng thì đắc giới bậc thượng. Trong mười giới và giới cụ túc cũng có có ba bậc thọ đắc giới giống như thế. Nếu thọ năm giới với tâm bậc hạ, đắc năm giới bậc hạ; sau đó thọ lên mười với tâm bậc trung hay thượng, đắc mười giới bậc trung hay thượng thì năm giới bậc hạ đã đắc trước kia vẫn là bậc hạ, không có tăng thắng, năm giới đắc sau mới là bậc trung hay thượng. Cũng vậy nếu thọ lên giới cụ túc với tâm bậc thượng, do tâm tăng thượng nên đắc giới cũng tăng thượng. Ngược lại nếu thọ đắc năm giới với tâm bậc thượng thì đây là giới phẩm thượng, khi thọ lên mười giới đắc giới với tâm bậc trung thì đây là giới phẩm trung, cho đến khi thọ lên giới cụ túc đắc giới với tâm bậc hạ thì đây là giới phẩm hạ. Theo đây mà suy ra thì giới Ba-la-đề-mộc-xoa không có đắc trùng lên nhau, tùy tâm thượng trung hạ mà đắc giới có thượng trung hạ sai

khác nhau.

Nếu trước đã cầu Hòa thượng, khi đăng đàn thọ mười giới nếu Hòa thượng không có mặt vẫn đắc mười giới; nếu khi thọ mười giới nghe biết Hòa thượng tịch thì không đắc giới, nếu không nghe biết thì vẫn đắc giới. Khi Tăng bạch tứ yết ma truyền thọ giới cụ túc, nếu Hòa thượng vắng mặt thì Tăng số không đủ, nếu thêm người cho đủ số thì dù không có Hòa thượng vẫn thọ đắc giới.

Hỏi: Ưu-bà-tắc thọ năm giới có được mua bán không?

Đáp: Được, nhưng không nên làm năm nghề: Một là mua bán súc vật, nếu tự có súc vật cũng cho bán nhưng không được bán cho người mổ giết; hai là mua bán cung tên khi giới, nếu tự có cũng cho bán; ba là bán rượu, nếu tự có cũng cho bán; bốn là ép dầu, vì theo pháp nước Thiên trúc thì ép dầu sẽ giết hại nhiều trùng, nhưng theo nước Kế tân thì trong mè không có trùng, nếu không có trùng thì ép lấy dầu không tội; năm là nghề nhuộm năm màu sắc chánh vì giết hại nhiều trùng, như ở ngoại quốc có nước Lạc Sa-làm nghề nhuộm giết rất nhiều trùng, nước Tần nhuộm màu xanh cũng giết rất nhiều trùng. Đó là năm nghề không nên làm.

Hỏi: Pháp thọ tám trai giới, quá ngọ không ăn đáng lẽ thành chín, vì sao nói là tám ?

Đáp: Pháp thọ tám trai giới lấy quá ngọ không

ăn làm thể, tám giới kia trợ giúp cho thành tựu thể trai giới nên gọi là tám trai giới mà không nói là chín pháp. Nếu người thọ tám trai giới, ở trong bảy chúng hay bất cứ hội chúng nào, tuy không thọ giới trọn đời, chỉ thọ giới một ngày một đêm vẫn được gọi là Ưu-bà-tắc. Có thuyết cho rằng nếu gọi là Ưu-bà-tắc mà không thọ giới trọn đời, hoặc không phải Ưu-bà-tắc mà thọ giới một ngày một đêm thì chỉ gọi là người trung gian.

Hỏi: Ngoài bảy chúng có giới Ba-la-đề-mộc-xoa không?

Đáp: Đó là tám trai giới, theo đây mà suy thì người thọ tám trai giới không thuộc trong bảy chúng. Pháp thọ tám trai giới nên nói rõ là một ngày một đêm không sát sanh, chớ để cho người thọ lầm lẫn với giới tướng trọn đời.

Hỏi: Pháp thọ tám trai giới có thể thọ một lúc hai ngày, ba ngày cho đến mười ngày hay không?

Đáp: Phật đã chế định một ngày một đêm thì không được vượt quá thời hạn. Nếu có sức thì thọ một ngày một đêm xong rồi xin thọ lại nữa, cứ như vậy tùy sức mà thọ nhiều ít không kể số ngày.

Hỏi: Pháp thọ trai giới phải thọ từ người khác, nên thọ từ người nào?

Đáp: Từ bên năm chúng. Nếu thọ tám trai giới rồi mà cầm roi

đánh chúng sanh thì trai giới không thanh tịnh,

dù trong một ngày một đêm ấy không cầm roi đánh chúng sanh, đợi đến sáng hôm sau liền cầm roi đánh chúng sanh thì trai giới cũng không thanh tịnh. Tóm lại, nếu thân khẩu làm điều không phải oai nghi thì dù không phá trai giới, trai giới vẫn không thanh tịnh. Nếu thân khẩu thanh tịnh mà trong tâm khởi tham giác, dục giác, sân nhuế giác, não hại giác thì trai giới vẫn không thanh tịnh. Tuy thân khẩu ý thanh tịnh nhưng nếu không tu sáu niệm cũng gọi là trai giới không thanh tịnh; ngược lại nếu thọ tám trai giới xong, tinh tấn tu sáu niệm thì gọi là trai giới thanh tịnh. Trong kinh nói nếu làm vua cõi Diêm phù đề, tất cả nhân dân, vàng bạc châu báu… đều được như ý, tuy có công đức như vậy vẫn không bằng một phần mười sáu công đức thọ tám trai giới, vì tám trai giới là thanh tịnh bậc nhất. Nếu người muốn thọ tám trai giới mà lung tình với nữ sắc, ăn chơi buông lung cho đã rồi mới thọ trai giới, dù trước giờ ngọ hay sau giờ ngọ đều không đắc trai giới. Nếu ban đầu vô tâm thọ trai giới, làm những việc buông lung, sau đó gặp thiện tri thức khai giải thọ lại trai giới thì dù trước giờ ngọ hay sau giờ ngọ đều đắc trai giới. Nếu muốn thọ trai giới, gặp phải việc khó làm chướng ngại không thọ được, sau đó giải quyết xong việc khó rồi mới thọ trai giới thì dù trước giờ ngọ hay sau giờ ngọ đều đắc giới.

Hỏi: Nếu khi thọ trai giới hạn định thọ ban

ngày, không thọ ban đêm hoặc hạn định thọ ban đêm, không thọ ban ngày thì có đắc trai giới không?

Đáp: Không đắc giới, vì sao, vì Phật đã chế định thọ tám trai giới là một ngày một đêm thì không thể làm trái được.

Hỏi: Nếu không đắc thì sao trong pháp Bì cách nói rằng: "Ức nhĩ ở nơi đồng trống vắng vẻ gặp các ngạ quỷ chịu vô số tội, có ngạ quỷ ban ngày được hưởng phước nhưng ban đêm chịu tội, có ngạ quỷ ban đêm hưởng phước nhưng ban ngày chịu tội. Sở đĩ như vậy là vì ngạ quỷ này đời trước hoặc chỉ thọ trai giới vào ban ngày hoặc chỉ thọ trai giới vào ban đêm", nghĩa này như thế nào?

Đáp: Nếu là nhân duyên bổn sanh thì không phải Tu-đa-la, cũng không phải Tỳ-ni, không nên y theo cho là nghĩa nhất định. Có thuyết nói tôn giả Ca-chiên-diên muốn hóa độ Ức nhĩ nên biến hóa ra việc này để cảm hóa tâm Ức-nhĩ, không phải là việc thật.

Nếu đã thọ tám trai giới mà muốn xả thì không cần ở bên năm chúng xả, quá ngọ muốn ăn cứ đến nói với một người thì trai giới liền xả. Luận về đắc giới Ba-la-đề-mộc-xoa, đứng trên năm đường thì chỉ ở trong nhơn đạo mới đắc giới, bốn đường kia không đắc. Cõi trời do tâm đắm trước phước lạc sâu nên không thể đắc giới, như trường hợp tôn giả

Đại Mục-kiền-liên vì đệ tử bịnh nên lên cõi trời Đao lợi để hỏi Kỳ-bà, lúc đó chư thiên đang đi vào vườn Hoan hỷ, tôn giả đứng bên đường nhưng chư thiên không ai quay lại nhìn tôn giả. Kỳ-bà đi sau nhìn thất tôn giả liền đưa một tay vẩy chào rồi cưỡi xa đi thẳng, Mục-liên suy nghĩ: "Vị này ở cõi người vốn là đệ tử của ta, hôm nay thọ hưởng thiên lạc, do tâm nhiễm đắm nên mất bổn tâm", nghĩ rồi liền dùng thần thông bắt xe dừng lại. Kỳ-bà xuống xe đảnh lễ, Mục liên liền quở trách là không nên như vậy. Kỳ-bà nói: "Vì ở cõi người tôi là đệ tử của tôn giả nên mới vẩy tay chào, tôn giả thấy chư thiên có ai quay lại nhìn tôn giả không, vì sanh lên cõi trời nhiễm đắm thiên lạc, tâm không tự tại nên mới như vậy", Mục-liên hỏi: "Đệ tử của tôi bịnh, nên chữa trị như thế nào?", Kỳ-bà nói: "Chỉ cần nhịn ăn, bịnh liền lành".

Có lần tôn giả Mục-liên khuyên Thích đề hoàn nhơn: "Phật ra đời khó gặp, sao không thường thân cận để nghe chánh pháp", Thích đề hoàn nhơn hiểu ý tôn giả nên cho vời một thiên tử đến, vời đến ba lần mà thiên tử này vẫn chưa đến. Thiên tử này có một người vợ với một loại kỹ nhạc, do đắm nhiễm sâu nên tuy biết lịnh vua trời là trọng, nhưng không tự chế ngự được, cuối cùng bất đắc dĩ mới đến, Đế thích hỏi vì sao, liền thật tình bạch rõ nguyên do, Đế thích bạch với Mục-liên: "Thiên tử này chỉ có một người vợ và một loại kỹ nhạc mà còn đắm

nhiễm, không tự chế ngự được; huống chi là thiên vương có vô số thiên nữ, thức ăn Tu-đà có trăm vị tự nhiên với trăm ngàn loại kỹ nhạc. Do đó tuy biết Phật ra đời khó gặp, chánh pháp khó được nghe, nhưng bị dục lạc trói buộc, nhiễm đắm không được tự tại".

Luận về pháp thọ giới, phải phát tâm dõng mãnh, tự thệ nguyện quyết đoán mới đắc giới. Chư thiên do tâm tham đắm dục lạc nhiều, lục thiện tâm yếu nên không thể đắc giới; Ngạ quỷ do bị đói khát bức bách, thân tâm bị thiêu đốt nên không thể đắc giới; Địa ngục do chịu vô lượng khổ não, tâm ý đau đớn nên không thể đắc giới; Súc sanh do nghiệp chướng, không hiểu biết gì nên không thể thọ đắc giới. Tuy nhiều nơi trong kinh nói Rồng cũng thọ tám trai giới với tâm thiện, tuy được công đức thọ giới với tâm thiện nhưng vẫn không đắc giới vì nghiệp chướng. Đứng trên bốn châu thiên hạ thì chỉ có ba châu: Cõi Diêm phù đề, cõi Câu-da-ni, cõi Phất Bà-đề và những người ở trên hải đảo giữa ba châu trên là được đắc giới. Cho nên Phật bảo tôn giả Tân-đầu-lô đến cõi Câu-da-ni làm Phật sự, cũng có bốn bộ chúng; ở phương Đông cũng có Tỳ-kheo làm Phật sự và cũng có bốn bộ chúng. Riêng cõi Uất đơn việt không có Phật pháp nên không có đắc giới, do phước báo làm chướng ngại và do ngu si không lãnh thọ Thánh pháp. Trong loài người có bốn hạng người: Nam, nữ, huỳnh

môn và người hai căn; trong đây chỉ có nam và nữ là đắc giới, hai hạng người kia không thể đắc giới. Trong hai hạng nam và nữ, nếu giết cha, giết mẹ… đoạn mất căn lành, cũng không đắc giới. Nói chung, nếu thọ trì Phật pháp thì không cần phải nói, dù là trời rồng, quỷ thần, huỳnh môn, hai căn đều được thọ pháp Tam quy.

Hỏi: Chư Phật trong ba đời có đắc giới đồng nhau không?

Đáp: Không đồng nhau, luận về đắc giới thì ở trên chúng sanh hay loài phi chúng sanh đều đắc giới, nhưng một vị Phật ra đời độ vô lượng A-tăng-kỳ chúng sanh vào Vô dư Niết-bàn; vị Phật sau ra đời thì các chúng sanh này lại không đắc giới. Như Phật Ca-diếp ra đời độ vô lượng A-tăng-kỳ chúng sanh vào Vô dư Niết-bàn, trong thời Phật Ca-diếp các chúng sanh này đều đắc giới; nhưng khi Phật Thích-ca ra đời thì các chúng sanh này lại không đắc giới, chứng tỏ Phật trước và Phật sau đắc giới không đồng nhau. Chư Phật trong ba đời có ba việc đồng nhau: Một là tu hành đồng nhau, hai là pháp thân đồng nhau, ba là hóa độ chúng sanh đồng nhau. Chư Phật đều tu hạnh Bố tát trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp, đều đủ năm phần pháp thân, mười lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp bất cọng và đều hóa độ vô lượng A-tăng-kỳ chúng sanh vào Vô dư Niết-bàn.

Hỏi: Trong kinh nói mỗi vị Phật ra đời hóa độ

chín mươi Na-do-tha chúng sanh nhập Niết-bàn, vì sao lại nói là vô lượng A-tăng-kỳ chúng sanh?

Đáp: Trong kinh nói mỗi vị Phật ra đời hóa độ chín mươi Na-do-tha chúng sanh nghĩa là nói người được độ từ vị Phật đó có chín mươi Na-do-tha chúng sanh; còn nói vô lượng A-tăng-kỳ chúng sanh là bao gồm chúng sanh được độ từ Phật hoặc từ đệ tử Phật hoặc từ trong chánh pháp của Phật. Nói tóm lại, có vô lượng A-tăng-kỳ chúng sanh vào Vô dư Niết-bàn, chư Phật trong ba đời có ba việc đồng nhau, chỉ có đắc giới là không đồng nhau.

Hỏi: Chúng sanh hay loài phi chúng sanh đắc Ác luật nghi giới, hay là cả hai đều có thể hoặc không thể đắc giới này?

Đáp: Chỉ có chúng sanh mới đắc giới này, loài phi chúng sanh thì không. Lại có thuyết nói chỉ có chúng sanh có thể giết hại mới đắc giới này, chúng sanh không thể giết hại thì không đắc. Lại có thuyết nói chúng sanh có thể giết hại và chúng sanh không thể giết hại đều đắc giới này, như kẻ đồ tể giết dê, có tâm sát hại, giết dê không có giới hạn; dù ở trong cõi trời người, nay không giết hại nữa vẫn phải lần lượt thọ sanh trong loài dê. Cho nên tất cả chúng sanh đều đắc giới này, mười hai ác luật nghi cũng vậy. mười hai ác luật nghi gồm có: Một là mổ giết trâu dê, hai là làm nem làm gỏi, ba là nuôi heo, bốn là nuôi gà, năm là bắt cá, sáu là thợ săn, bảy là bắt chim, tám là bắt trăn, chín là chú thuật bắt rồng,

mười là cai ngục, mười một là kẻ giặc, mười hai là vương gia thường sai người bắt giặc; nuôi tằm cũng là Ác luật nghi. Có ba thời xả Ác luật nghi giới: Một là lúc chết, hai là khi được Ái tận, ba là khi thọ Luật nghi giới, như khi thọ pháp Tam quy vừa nói một lần liền xả Ác luật nghi giới, nói lần thứ hai , thứ ba liền đắc thiện giới.

Hỏi: Khi người có thiện giới làm người ác giới thì lúc nào xả thiện giới và được ác giới?

Đáp: Vừa nói tôi là đồ tể, liền xả thiện giới, nói lần thứ hai, thứ ba liền đắc ác giới. Có thuyết cho là bất cứ lúc nào xả thiện giới liền đắc ác giới; nếu người có thiện giới chưa tự thệ làm kẻ đồ tể, chỉ vì tham tài lợi nên cùng kẻ đồ tể làm việc này thì lúc đó gọi là phạm giới thiện chứ chưa xả giới thiện, chưa đắc ác giới. Nếu tự thệ làm kẻ đồ tể liền đắc ác giới, đắc ác giới chỉ cần tự thệ hoặc nói ra lời, không phải từ người khác mà đắc. Nếu hạn định làm người ác giới trong một ngày, hai ngày cho đến mười ngày, một năm… tùy ý , vì làm pháp ác là thuận theo dòng sanh tử, không có nghĩa thăng tiến, nên tùy tâm muốn làm liền đắc ác giới, không giống như thiện luật nghi giới.

-oOo-

TÁT BÀ ĐA TỲ NI TỲ BÀ SA

QUYỂN 2

1. Bảy loại đắc Giới Pháp:

Hỏi: Sau khi thành đạo được mấy năm Phật mới cho pháp bạch tứ yết ma thọ giới?

Đáp: Có thuyết cho là một năm sau khi Phật thành đạo, lại có thuyết cho là bốn năm, lại có thuyết cho là tám năm. Theo nghĩa mà suy thì tám năm sau khi thành đạo là đúng nghĩa; vì Phật thành đạo vào ngày mồng tám tháng mười hai, sao Phất (sao Mai) vừa mọc; Phật đản sanh vào ngày mồng tám tháng tư, sao Mai vừa mọc; Phật chuyển pháp luân vào ngày mồng tám tháng tám, sao Mai vừa mọc; Phật nhập Niết-bàn vào ngày mồng tám tháng hai, sao Mai cũng vừa mọc. Sau khi thành đạo trong bốn mươi chín ngày Phật tự tại trong các

pháp môn và quán chúng sanh, bảy ngày đầu Phật nhập pháp môn Hỷ, bảy ngày thứ hai Phật nhập pháp môn Lạc, bảy ngày thứ ba Phật nhập các môn giải thoát, bảy ngày thứ tư Phật nhập pháp môn đại xả, bảy ngày thứ năm Phật nhập pháp quán thuận nghịch mười hai nhân duyên, bảy ngày thứ sáu lại trải qua các pháp môn trên và bảy ngày sau cùng Phật quán chúng sanh, ai đáng được độ.

Hỏi: Phật tu Bồ tát hạnh trong ba A-tăng-kỳ kiếp, nay thành đạo để hóa độ chúng sanh, vì sao trong bốn mươi chín ngày lại tự tại trong các pháp môn mà không liền hóa độ?

Đáp: Phật phải tự an thân trước rồi sau mới hóa độ chúng sanh, sở dĩ trong bốn mươi chín ngày tự tại trong các pháp môn là để thân tâm được điều thuận rồi mới độ sanh. Lại nữa, vì năm anh em Kiều-trần-như căn cơ chưa chín muồi và vì Phật pháp đáng tôn trọng nên từ từ nói sau; lại vì muốn cho Phạm thiên vương được mãn bổn nguyện. Bổn nguyện của Phạm thiên vương là sau khi Phật thành đạo sẽ là người đầu tiên thỉnh Phật chuyển pháp luân, nên Phật đợi Phạm thiên vương đến thỉnh rồi mới thuyết pháp. Qua bốn mươi chín ngày, Phật khởi niệm khiến cho Phạm thiên vương biết, lúc đó như trong khoảng co duỗi cánh tay, Phạm thiên vương biến mất ở cõi Sắc hiện ra trước Phật thỉnh Phật chuyển pháp luân, Phật nhận lời rồi quán chúng sanh ai đáng được hóa độ. Ví như rồng

lớn từ biển cả xuất hiện, mây đen bao phủ muốn làm mưa to nên quán trong cõi Diêm phù đề sẽ mưa xuống ở đâu. Phật cũng vậy, từ trong biển vô lượng đại pháp xuất hiện, mây từ bi bao phủ muốn ban xuống mưa pháp nên quán chúng sanh ai đáng được độ trước. Lúc đó Phật nghĩ đến hai bậc thầy dị đạo là A-lan-Ca-lan và Uất-đầu-lam-phất, nhưng hai vị này đã qua đời, Phật nói: "Pháp cam lồ sắp khai nhưng vì già suy nên họ không thể nghe được, sanh tử qua lại duyên gì được dứt".

Hỏi: Nếu hai vị ấy đáng được độ vào đạo thì đáng lẽ không nên qua đời mà đợi để được nghe pháp, nếu họ không đáng được độ vào đạo, vì sao Phật lại khởi niệm muốn độ?

Đáp: Vì Phật muốn khiến chúng sanh không quên ân đức, hai vị này trước đây có chút ân, Phật còn nhớ nghĩ muốn độ huống chi là người có ân lớn mà có thể quên hay sao. Lại nữa, hai bậc thầy dị đạo này vốn được người đương thời tôn trọng cho là người đắc đạo, Phật muốn diệt tất cả ý tưởng tà để hiển rõ pháp mà chín mươi sáu phái dị đạo nói ra không phải là pháp yếu. Phật lại quán biết chỉ có năm anh em Kiều-trần-như là đáng được vị cam lồ nên trong vườn Nai để hóa độ. Phật và năm vị này an cư đồng một chỗ, năm vị này luân phiên nhau hễ ba vị đi khất thực thì hai vị kia ở tại trú xứ nghe pháp, ngược lại nếu hai vị kia đi khất thực thì ba vị này ở tại trú xứ nghe thuyết pháp.

Hỏi: Vì sao lại chia phiên như thế mà không đi và ở cùng nhau?

Đáp: Sở dĩ không đi và ở cùng nhau là vì vừa khất thực được thức ăn vừa có thể được nghe pháp. Lúc đó năm vị này tuy chưa đắc giới nhưng cạo tóc mặc ca sa như Phật, trong thời gian an cư Phật thuyết giảng về bố thí, trì giới và các pháp Ấm giới nhập để điều phục tâm họ. Cùng an cư xong ba tháng đến ngày mồng tám tháng tám, năm vị này đều được Kiến đế chứng quả Tu-đà-hoàn là những người được Phật chuyển pháp luân truyền trao chánh pháp đầu tiên. Kế đó Phật độ Bảo xứng… năm người đều là Tỳ-kheo thiện lai, kế độ thêm năm mươi người cũng đều là Tỳ-kheo thiện lai, cứ như thế Phật độ càng ngày càng đông. Sau đó Phật bảo các Tỳ-kheo nên du hành trong nhân gian truyền bá chánh pháp, lúc đó người đời bỏ tục vào đạo càng đông, các Tỳ-kheo hoặc dạy bảo họ nói ba lần để được thọ đắc giới hoặc bảo họ thọ pháp Tam quy để được đắc giới. Tùy theo nghiệp lực đời trước của mỗi người, nếu là người đáng nói ba lần được đắc giới thì dạy bảo nói ba lần; nếu là người đáng nói pháp Tam quy được đắc giới thì dạy bảo họ thọ pháp Tam quy. Như trường hợp Tỳ-kheo Ngưu ty dẫn theo bảy vạn người đến chỗ các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo đều dạy bảo họ nói ba lần. Trường hợp Đại Ca-diếp đến chỗ Phật bạch rằng: "Phật là thầy, con là đệ tử; Thế tôn Tu-già-đà là

thầy, con là đệ tử", bạch xong liền đắc giới, đây là tự thệ thọ đắc giới. Sau đó huynh đệ của Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp và môn đồ một ngàn người; Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên cùng môn đồ hai trăm năm mươi người, tổng cộng một ngàn hai trăm năm mươi người đều là Tỳ-kheo thiện lai. Trong kinh thường nêu con số một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo là chỉ cho các vị này, vì các vị này đồng là thuộc dòng Bà-la-môn xuất gia, thầy trò và môn đồ rất đông lại đồng là Tỳ-kheo thiện lai và đều là A-la-hán. Sau đó Phật bảo A-nan truyền trao tám pháp kính cho Đại Ái đạo mà được thọ đắc giới; mười bốn năm sau đó Phật mới cho pháp bạch tứ yết ma thọ giới.

Có tất cả bảy loại thọ giới: Một là Kiến đế thọ đắc giới, hai là Phật gọi thiện lai được đắc giới, ba là nói ba lần được thọ đắc giới, bốn là thọ pháp Tam quy đắc giới, năm là tự thệ đắc giới, sáu là thọ tám Kỉnh pháp đắc giới và bảy là bạch tứ yết ma thọ đắc giới. Trong bảy loại này, loại Kiến đế thọ đắc giới chỉ có năm người, không có thêm ai khác; loại Thiện lai đắc giới, nói ba lần thọ đắc giới và thọ pháp Tam quy đắc giới thì khi Phật còn ở đời mới có, sau khi Phật diệt độ thì không có nữa; loại Tự thệ đắc giới chỉ có một mình tôn giả Đại Ca-diếp, không có thêm ai khác; loại thọ tám Kính pháp đắc giới chỉ có một mình ni Đại Ái đạo; loại bạch tứ yết ma thọ đắc giới thì dù Phật còn ở đời

hay sau khi Phật diệt độ vẫn đắc giới.

Hỏi: Phật và Phật Bích chi làm sao đắc giới? Đáp: Vô sư đắc giới.

Hỏi: Từ giáo đắc giới hay không từ giáo đắc giới?

Đáp: Không từ giáo đắc giới. Có thuyết cho là cũng từ giáo đắc giới, như khi Phật ngồi kiết già dưới gốc cây nói rằng: "Nếu không được Lậu tận sẽ không rời khỏi chỗ này", liền thành tựu thân giáo và khẩu giáo, sau đó được Lậu tận và đồng thời đắc giới, đây là từ giáo mà đắc giới. Phật Bích chi cũng vậy, nếu Phật Bích chi tu hành trăm kiếp ra đời vào thời không có Phật pháp, chỉ có được một pháp, không có được hai pháp; như con Tê giác chỉ có một sừng, không có sừng thứ hai; bỏ tục xuất gia ở một mình chỗ tịch tĩnh, tự nói kệ xa lìa ác pháp sẽ được thiện pháp, thiện ác đều dứt mà được đắc đạo, ngay lúc đó thân khẩu giáo đều thành tựu, khi được Lậu tận thì đồng thời cũng đắc giới, đây là từ giáo mà đắc giới. Nếu ba quả vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm và A-na-hàm sau khi Phật diệt độ được Lậu tận thì gọi là Phật Bích chi độn căn. Sau khi Phật diệt độ, Phật Bích chi độn căn này xuất hiện ở đời không hạn định nhiều hay ít, hoặc một hoặc hai hoặc rất nhiều. Phật cùng Phật Bích chi tu hành trăm kiếp được Lậu tận không có khác nhau về thứ bậc. Bậc Kiến đế đắc giới hoặc từ giáo mà đắc giới hoặc không từ giáo mà đắc

giới, từ giáo mà đắc giới là qua một mùa an cư được nghe pháp, thân khẩu giáo đều thành tựu, khi được Kiến đế thì đồng thời cũng đắc giới. Phật, Phật Bích chi và bậc Kiến đế đắc giới cả ba có điểm giống nhau cũng có điểm khác nhau; giống là đồng đắc giới cụ túc, đồng ngăn chận bảy điều ác nơi thân khẩu, đồng ở trong tâm vô lậu mà đắc giới; khác là Phật và Phật Bích chi là vô sư đắc giới, còn bậc Kiến đế là từ Phật mà đắc giới. Lại nữa, Phật và Phật Bích chi do Đại tận trí hiện tại tiền mà đắc giới và là bậc Vô học đắc giới, còn bậc Kiến đế do Đạo vị tri trí hiện tại tiền mà đắc giới và là bậc Hữu học đắc giới.

Hỏi: Ba bậc này trong mười trí do trí nào hiện tiền mà đắc giới? Đáp: Phật và Phật Bích chi do Đại tận trí hiện tại tiền mà đắc giới.

Hỏi: Ở trong tâm vô lậu sao lại đắc giới hữu lậu?

Đáp: Pháp ứng như vậy là do nghiệp lực, trong tâm vô lậu đắc cả hai giới vô lậu và giới hữu lậu; bậc Kiến đế do Đạo vị tri trí hiện tại tiền mà đắc giới, ở trong tâm vô lậu cũng đắc cả hai giới vô lậu và giới hữu lậu. Trong năm vị tôn giả Kiến đế đắc giới thì tôn giả Kiều-trần-như là Thượng tòa vì được kiến đế đầu tiên; trong những vị Thiện lai đắc giới thì tôn giả Bảo xứng là Thượng tòa vì là người đến trước nhất; trong nói Tam ngữ thọ đắc giới và thọ pháp Tam quy đắc giới cũng vậy, người nào

thọ đầu tiên thì người đó là Thượng tòa. Ba loại Kiến đế, Thiện lai và Tự thệ đắc giới phải từ Phật mà đắc giới.

Hỏi: Có phải tôn Phật làm Hòa thượng, A-xà-lê không?

Đáp: Phật không vì người làm Hòa thượng nên không được gọi.

Hỏi: Từ bên các Tỳ-kheo thọ Tam ngữ và pháp Tam quy đắc giới có phải tôn các vị này làm Hòa thượng, A-xà-lê không?.

Đáp: Không gọi là Hòa thượng nhưng được gọi là A-xà-lê, ni Đại Ái đạo từ bên tôn giả A-nan thọ tám Kính pháp cũng được tôn A-nan làm A-xà-lê mà không gọi là Hòa thượng.

Hỏi: Vì sao Phật không vì người làm Hòa thượng, A-xà-lê?

Đáp: Vì bình đẳng, tâm Phật bình đẳng đối với tất cả, không có thiên vị nên không làm Hòa thượng cho người này, cũng không làm Hòa thượng cho người kia. Lại nữa, để ngăn dứt tranh cãi; vì nếu làm Hòa thượng, A-xà-lê thì sẽ có thân sơ, hễ có thân sơ thì sẽ có tranh cãi. Lại nữa, để ngăn dứt phỉ báng vì nếu làm Hòa thượng, ngoại đạo sẽ nói: "Sa-môn Cù-đàm tự cho mình là từ bi bình đẳng đối với tất cả mà lại làm Hòa thượng cho người này, không làm Hòa thượng cho người kia, đâu có khác gì phàm phu". Lại nữa, vì thành tựu

pháp Tam quy, nếu Phật làm Hòa thượng sẽ phải ở trong Tăng số; như thọ giới cụ túc có tam sư thất chứng, nếu Phật làm Hòa thượng thì phải ở trong tam sư thuộc trong Tăng số mười người thì không có Phật bảo, không có Phật bảo thì không thành pháp Tam quy. Lại nữa, vì thành tựu sáu pháp Niệm, nếu Phật làm Hòa thượng thì không có Niệm Phật. Lại nữa, nếu Phật làm Hòa thượng thì khi đệ tử có bịnh, Hòa thượng phải chăm sóc lo liệu thức ăn thức uống và thuốc thang, đây há là điều mà đấng Pháp vương nên làm hay sao. Lại nữa, nếu Phật làm Hòa thượng, khi đệ tử có bịnh và các nạn khổ, Hòa thượng phải cung cấp đầy đủ, nếu có thiếu sót điều gì thì sẽ diệt mất các công đức đã có của người trước mặt. Như xưa kia có một Tỳ-kheo đáng lẽ chứng được quả A-la-hán, vì có nghiệp của Chuyển luân thánh vương làm chướng nên không được Lậu tận, Phật liền vì vị này mà làm chánh phú la khiến cho nghiệp của Chuyển luân thánh vương được dứt hết, ngay lúc đó liền được không còn chấp thủ. Do nhân duyên này, Phật nếu làm Hòa thượng sẽ không có lợi ích, chỉ có tổn hại. Lại nữa, Phật pháp lưu truyền có gần có xa, nếu Phật làm Hòa thượng khi đệ tử muốn thọ giới, không luận gần xa Phật đều phải đến, sẽ khiến cho chúng sanh chịu nhiều khổ não; nếu Phật không làm Hòa thượng sẽ không khiến cho đệ tử có các nạn khổ như thế. Lại nữa, nếu Phật làm Hòa thượng thì khi

Phật còn ở đời có thể như thế, nhưng sau khi Phật diệt độ thì ai sẽ làm Hòa thượng. Do nhiều nhân duyên như thế nên Phật không làm Hòa thượng, A-xà-lê cho đệ tử.

Hỏi: Trong bảy loại thọ đắc giới có mấy loại từ Phật đắc giới, mấy loại không từ Phật?

Đáp: Nói chung thì tất cả bảy loại đều từ Phật đắc giới, vì Phật ra đời mới có giới này; nhưng theo nghĩa mà suy thì có ba loại thọ đắc giới từ Phật: Một là Kiến đế đắc giới, hai là Thiện lai đắc giới, ba là Tự thệ đắc giới; bốn loại thọ đắc giới từ đệ tử Phật: Một là Tam ngữ thọ đắc giới, hai là thọ pháp Tam quy đắc giới, ba là thọ tám pháp Kính đắc giới và bốn là bạch tứ yết ma thọ đắc giới.

Hỏi: Trong bảy loại thọ đắc giới có mấy loại đắc giới từ người khác, mấy loại tự đắc giới?

Đáp: Có sáu loại đắc giới từ người khác, trong đây nên phân biệt loại Kiến đế đắc giới trên căn bản là nhờ nghe pháp từ Phật mà được chứng Thánh đế nên gọi là đắc giới từ người khác; nhưng từ trên nghĩa mà suy, nếu tự dùng Nhẫn trí quán chiếu Chân đế mà được đắc giới thì gọi là tự đắc giới.

Hỏi: Trong bảy loại thọ đắc giới có mấy loại do bạch mà đắc giới, mấy loại không do bạch mà đắc giới?

Đáp: Có sáu loại không do bạch mà đắc giới,

chỉ có loại bạch tứ yết ma là phải do bạch mới đắc giới.

Hỏi: Trong bảy loại thọ đắc giới có mấy loại là nghiệp, mấy loại không phải là nghiệp?

Đáp: Cả bảy loại đều gọi là nghiệp.

Hỏi: Trong bảy loại này có mấy loại Tỳ-kheo không đồng với Tỳ-kheo-ni?

Đáp: Có năm loại đó là Kiến đế đắc giới, Thiện lai đắc giới, Tam ngữ đắc giới, thọ pháp Tam quy đắc giới và Tự thệ đắc giới.

Hỏi: Trong bảy loại này có mấy loại Tỳ-kheo-ni không đồng với Tỳ-kheo?

Đáp: Chỉ có một là thọ tám pháp Kính đắc giới.

Hỏi: Trong bảy loại này có mấy loại Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni chung?

Đáp: Chỉ có một là bạch tứ yết ma thọ đắc giới.

Hỏi: Trong bảy loại này có mấy loại thông cả ba châu thiên hạ, có mấy loại không thông cả ba châu?

Đáp: Có một loại thông khắp ba châu là bạch tứ yết ma thọ đắc giới; sáu loại kia chỉ có ở cõi Diêm phù đề, không thông khắp ba châu. Hỏi: Trong bảy loại có mấy loại thọ đắc giới suy yếu, có mấy loại không suy yếu, mấy loại xả, mấy loại không xả, mấy loại căn biến đổi, mấy loại căn không biến đổi, mấy loại đoạn căn lành, mấy loại không

đoạn căn lành?

Đáp: Có một loại thọ đắc giới suy yếu, sáu loại kia không suy yếu; có một loại xả, sáu loại kia không xả; có một loại căn biến đổi, sáu loại kia căn không biến đổi; có một loại đoạn căn lành, sáu loại kia không đoạn căn lành. Nói một loại đó là loại bạch tứ yết ma thọ đắc giới, vì chúng sanh phước cạn mỏng nên cảm được loại thọ đắc giới này; vì vậy không kiên cố và có nhiều tai hoạn. Sáu loại kia là từ Kiến đế đắc giới cho đến thọ tám pháp Kính đắc giới, vì chúng sanh phước đức sâu dày nên mới đắc giới loại này; vì vậy trước sau kiên cố không có các tai hoạn.

Hỏi: Trong bảy loại này có mấy loại là tăng thượng tôn trọng, mấy loại không tôn trọng?

Đáp: Nói chung thì cả bảy loại đều tôn trọng, nhưng đứng trên nghĩa mà phân biệt thì có điểm sai khác nhau: sáu loại đắc giới từ Kiến đế cho đến thọ tám pháp Kính do lực công đức của chúng sanh sâu dày nên mới đắc giới, vì vậy gọi là thù thắng nhưng vì không thể duy trì chánh pháp nên trở thành không thù thắng, Như Kiến đế đắc giới chỉ có năm người, Tự thệ đắc giới chỉ có một người, thọ tám pháp Kính đắc giới chỉ có một người, sau đó không có thêm ai khác nữa; như Thiện lai đắc giới thì từ tôn giả Tu bạt trở về sau không có ai khác nữa; Tam ngữ đắc giới và thọ pháp Tam quy đắc giới thì trong vòng tám năm từ khi Phật thành

đạo thì có người đắc giới, nhưng sau tám năm thì không có ai đắc giới nữa. Riêng loại bạch tứ yết ma thọ đắc giới thì dù Phật còn ở đời hay sau khi Phật diệt độ, tất cả thời đều có người đắc giới, Phật pháp trước sau đều dùng loại bạch tứ yết ma thọ giới làm căn bản để nối thạnh Tam bảo và làm lợi ích cho vô số người. Cho nên trong bảy loại thọ đắc giới thì loại bạch tứ yết ma là thù thắng, vi diệu và đáng tôn trọng nhất.

Hỏi: Trong bảy chúng có mấy chúng từ Phật thọ đắc giới, mấy chúng không từ Phật thọ đắc giới?

Đáp: Nói chung thì cả bảy chúng đều từ Phật thọ đắc giới vì Phật hiện ra đời mới có bảy chúng này, nhưng trên Sự mà suy ra thì trong bảy chúng chỉ có ba chúng: Tỳ-kheo, Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di là từ Phật thọ đắc giới; trong chúng Sa-di thì chỉ có hai Sa-di Nan đế và Da-xá là từ Phật thọ đắc giới; ba chúng Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na và Sa-di-ni thì không từ Phật thọ đắc giới do hai nguyên nhân: Một là ngăn dứt phỉ báng, vì nếu ba chúng này từ Phật thọ đắc giới thì ngoại đạo sẽ phỉ bàng: "Sa-môn Cù-đàm vốn ở trong cung vua giữa các cung phi mỹ nữ, nay tuy đã xuất gia vẫn độ người nữ để tự vui", hai là Phật thành đạo mục đích hóa độ tất cả chúng sanh, trước khởi lòng tin quy hướng không nghi thì đạo pháp mới lưu truyền khắp cõi trời người, vì bỏ gần lấy xa nên ba chúng này

không được từ Phật thọ đắc giới.

TỤNG THỨ NHẤT

2. Nhân duyên kết bốn Ba-la-di:

a. Nhân duyên kết giới Dâm:

Cạo bỏ râu tóc đắp mặc ca sa

Hỏi: Không cạo bỏ râu tóc có đắc giới không?

Đáp: Đắc giới nhưng không phải là oai nghi (của người xuất gia) Hỏi: Không có y bát có đắc giới không, vì sao phải cần có y bát?

Đáp: Một là vì oai nghi, hai là làm cho người khác sanh tâm tín kính, như người thọ săn mặc ca sa khiến cho con nai nhìn thấy không sanh tâm sợ; ba là hiện tướng khác với thế tục vì đức bên trong đã khác thì tướng bên ngoài cũng phải khác để người khác sanh tín tâm.

Tin là tin Tam bảo sẽ được vào cõi trời người, tin tà đạo sẽ đọa vào ba đường ác; tin thì mới biết Khổ, đoạn Tập, chứng Diệt và tu Đạo; không tin là không tin thiện ác, bốn đế. Tin nhà là không phải nhà: Nhà là chỉ cho cha me, vợ con, anh em quyến thuộc; không phải nhà là chỉ cho vô thường biến hoại không thể tồn tại lâu dài; tin nhà thì tăng trưởng tham sân đấu tranh đủ các pháp ác, tin không phải nhà thì tăng trưởng công đức thiện pháp.

Từ bỏ gia đình, quê hương xứ sở: Luận về người xuất gia nên diệt trừ hệ lụy, muốn diệt trừ hệ

lụy thì phải rời bỏ gia đình vì gia đình là nhân duyên phiền não.

Bố thí thức ăn được năm công đức: Một là được sắc đẹp, hai là đoan chánh trang nghiêm, ba là được sức khỏe, bốn là được biện tài, năm là được sống lâu.

Theo thứ lớp khất thực: Mỗi ngày đi đến một nhà khất thực, nếu được thức ăn thì ăn, nếu không đủ thì theo thứ lớp đến nhà khác, như thế cho đến bảy nhà, nếu được thức ăn thì ăn, không đủ thức ăn cũng dừng lại. Có thuyết cho rằng theo thứ lớp khất thực hết nhà này đến nhà khác cho đến khi đủ thức ăn thì dừng, không giới hạn nhiều nhà hay ít nhà; hôm sau đi khất thực cũng theo thứ lớp như thế.

Hỏi: Vì sao phải thọ pháp khất thực?

Đáp: Một là vì tại gia có nhiều phiền não do nhiều nhân duyên, hai là nếu vì sân não làm điều phi pháp thì thức ăn thí không thanh tịnh, ba là quán tâm ý và sắc mặt của người cho mà tâm không an nhiên, bốn là vì thiểu dục tri túc tu hành thánh chủng. Nếu thọ thí chủ thỉnh thực cũng có lỗi lầm: Như được thỉnh thực nếu thức ăn thô dở thì bảo thí chủ làm cho ngon, nếu thức ăn ít thì bảo làm nhiều hơn, nếu món ăn này vị không ngon thì bảo dọn lên món ăn có vị ngon hơn. Lại nữa thọ thỉnh thực sẽ có tâm mong cầu, không phải là pháp thiểu dục tri túc thánh chủng; năm là trên đàn thọ giới đã thọ

pháp Tứ y, nếu thọ thỉnh thực thì thường sanh tâm ta người, được mất; còn khất thực tâm được an nhiên, không bị ràng buộc cũng không có tăng giảm; sáu là thức ăn của chúng thì có lúc hết còn khất thực thì thức ăn vô cùng, chỉ cần trong thiên hạ có người thì ắt sẽ có thức ăn, cho nên khất thực thì thức ăn là vô cùng tận nên Phật bảo các đệ tử nên tu theo pháp vô cùng tận này.

Phật pháp khó thành: Như người vào biển cả tìm châu báu, đi thì nhiều nhưng trở về được thì rất ít; vào biển Phật pháp cũng vậy, hoại thì nhiều mà thành thì rất ít, như cầm dao bén tự cắt thân muốn không bị thương thì thật là rất khó. Thọ Phật giới, tu pháp thân thanh tịnh, bên trong hoại dao bén phiền não ác pháp mà không hoại pháp thân thì thật là rất khó.

Chưa kết giới này là ban đầu Phật chỉ nói tất cả điều ác không nên làm, chưa kết năm thiên giới tội tướng khinh trọng.

Làm việc dâm dục: Một là vì phiền não huân tập lâu đời, hai là cần cha mẹ giao hội để có con phước đức, ba là vì dư báo tâm dâm chưa dứt. Có người từ khi sanh ra cho đến khi trưởng thành không hành dâm liền được Lậu tận, nhưng có người phải trải qua dâm dục mới được Lậu tận là do nhân duyên đời trước đã đoạn tận hay chưa đoạn tận; bốn là làm nhân duyên kết giới, vì nếu không xảy ra việc này thì không do đâu kết giới. Làm như

vậy đến ba lần là ôm lòng dâm đến ba lần đòi hỏi, khi có được con (có thai) liền thôi, không đòi hỏi nữa.

Tục chủng: Pháp đặt tên ở thế gian là có nhân duyên: Một là do tên gọi từ đời trước nên nay đặt theo tên ấy, hai là đặt tên theo các vì sao, ba là đặt tên theo nhân duyên. Như trường hợp Tu-đề-na do nhân duyên không có con nối dòng nên khi có con đặt tên là Tục chủng, nghĩa là nối dòng nối dõi; bốn là nhân nơi đức mà đặt tên, như Luật sư là người thông hiểu về Luật, Luận sư là người thông hiểu về luận nghĩa… Dục tưởng: Tuy thân khẩu không động nhưng trong tâm nghĩ nhớ người nữ; Dục giác: Tâm say mê, người đờ đẫn; Dục nhiệt: Hai thân giao hội.

Tập Tăng: Một là Phật hiện bày không tự chuyên quyết đoán, hai là Phật không phải nhóm Tăng để cùng quyết đoán tội nặng nhẹ rồi kết giới, mà Phật chỉ cùng Tăng hòa hợp khiến cho người phạm tội phải tâm phục; ba là như quốc vương giữ nước tuy được tự tại nhưng hễ có quốc sự gì đều cùng quần thần bàn luận thì nước mới được tồn tại lâu dài. Phật là Pháp vương cũng như vậy, tuy được tự tại nhưng vì duy trì Phật pháp nên hễ có pháp sự gì đều nhóm Tăng cùng Tăng hòa hợp, để cho chánh pháp được tồn tài lâu dài; bốn là Phật muốn làm tiêu biểu cho đệ tử ở hiện tại và vị lai, hễ là việc Tăng thì bất luận có năng lực hay không có

năng lực đều cần phải hỏi ý kiến Tăng, cùng Tăng hòa hợp, không được độc đoán chuyên quyền; năm là pháp của chư Phật đều như vậy, không chỉ riêng Phật Thích ca.

Tăng có năm loại:

Một là Tăng bầy dê: Loại Tăng không biết bố tát, hành trù (phát thẻ đếm số người), an cư, tự tứ, tác pháp yết ma… tất cả Tăng sự thảy đều không biết giống như bầy dê.

Hai là Tăng không hổ thẹn: Loại Tăng mà cả chúng cùng làm việc phi pháp như hành dâm, uống rượu, ăn quá ngọ… tất cả những người phạm giới, phi pháp như vậy cùng ở chung với nhau không có hổ thẹn.

Ba là Tăng biệt chúng: Như khi yết ma chi y vật của tỳ-kheo chết để lại, do tâm tham uế nên dù có khách Tỳ-kheo đến cũng không cho vị này đồng yết ma. Hễ làm yết ma theo tâm biệt chúng như vậy thì gọi là Tăng biệt chúng.

Bốn là Tăng thanh tịnh: Tất cả Tăng phạm phu trì giới thanh tịnh, không làm việc phi pháp thì gọi là Tăng thanh tịnh.

Năm là Tăng đệ nhất nghĩa đế: Chỉ cho bốn Quả, bốn Hướng. Hỏi: Nếu tập Tăng thì tập họp loại Tăng nào trong năm loại Tăng trên?

Đáp: Tập họp hai loại Tăng, có thuyết cho rằng ba loại Tăng kia

tuy làm việc phi pháp nhưng đều là đệ tử Phật, sao chỉ tập họp có hai loại Tăng, đúng lý nên tập họp cả năm loại Tăng.

Biết mà vẫn hỏi: Một là theo pháp thường của chư Phật, hai là Phật không việc gì mà không biết nhưng muốn khiến cho người phạm tội tâm phục nhận tội, tùy thuận tự thú rồi sau mới dùng pháp để trị; ba là muốn làm cho chúng sanh an vui. Tuy Phật không việc gì là không biết, không nghe thấy nhưng nếu không hỏi mà tự dùng cái thấy nghe hay biết của mình để kết tội định tội thì chúng sanh thường ôm lòng lo sợ, không thể tự an, như vậy Phật tập họp Tăng không phải là làm cho chúng sanh an vui; bốn là nếu xét xử nghịch với tâm người thì không phải là nghi pháp của bậc Thánh chủ đại nhân.

Đúng thời mới hỏi: Một là phải hỏi ở trong chúng Tỳ-kheo, ở trước Sa-di và cư sĩ thì không hỏi; hai là đúng lúc nên kết giới mới hỏi. Có lợi ích mới hỏi: Một là Tu-đề-na thường ôm lòng lo buồn hối hận nên Phật hỏi là muốn khiến cho Tu-đề-na biết việc mà mình đã làm trước khi Phật kết giới là không phạm thì không còn lo buồn hối hận nữa; hai là Phật nhân việc này mới kết giới để dứt trừ những việc phi pháp trong tương lai; ba là sau khi Phật kết giới biết là tội nặng hay nhẹ, là Hữu tàn hay là Vô tàn, có thể sám hối được hay không thể sám hối được, mói dứt hết lưới nghi; bốn là do có

mười công đức lợi nên hỏi. Có nhân duyên mới hỏi: Tức là nhân duyên kết giới.

Nói thầy là người ngu si: Phật đại từ bi không nói lời thô ác, vì sao lại nói thầy là người ngu si? một là lời Phật nói ra là thật ngữ, không phải là ác khẩu, do Tu-đề-na là người có đủ phiền não trói buộc, hoàn toàn ngu si; hai là vì tâm từ bi nên phải quở trách để chiết phục, như vậy nói là người ngu si không phải là lời thô ác.

Mở cửa hữu lậu: Từ kiếp sơ trở lại đây chưa có nam nữ làm việc dâm dục, Tu-đề-na là người đầu tiên hành dâm là căn bản ác pháp. Phật pháp ban đầu vốn thanh tịnh chưa có việc phi pháp, Tu-đề-na là người đầu tiên làm điều ác, mở đầu cho tội lỗi phi pháp trong tương lai nên nói là mở cửa hữu lậu.

Thà đem thân phần bên trong để vào miệng rắn độc: rắn có ba điều hại người: Một là có thấy mới hại người, hai là có xúc chạm mới hại người, ba là cắn mổ hại người. Có ba loại giặc làm hại thiện pháp nơi người: Một là nếu thấy người nữ khởi tâm dâm dục thì diệt mất thiện pháp nơi người; hai là nếu xúc chạm người nữ, phạm tội Tàn thì diệt mất thiện pháp nơi người; ba là nếu cùng giao hội, phạm tội Ba-la-di thì diệt mất thiện pháp nơi người. Bị rắn độc cắn chỉ hại chết thân này, còn bị người nữ hại thì hại vô số thân; lại nữa, bị rắn độc cắn chỉ hại được thân Vô ký, còn bị người nữ hại

thì hại đến thiện pháp thân; lại nữa, bị rắn độc cắn chỉ hại được thân năm thức, còn bị người nữ hại thì hại cả thân sáu thức; lại nữa, bị rắn độc cắn vẫn được hành trù thuyết giới với chúng tăng, được ở trong số mười bốn vị được Tăng sai và làm tất cả yết ma, còn bị người nữ hại thì không được cùng Tăng làm các Tăng sự; lại nữa, bị rắn độc cắn vẫn được sanh lên cõi trời người, được gặp Hiền thánh còn bị người nữ hại thì đọa trong ba đường ác; lại nữa, bị rắn độc cắn vẫn được bốn Quả Sa-môn, còn bị người nữ hại thì dù tám chánh đạo truyền khắp thế gian cũng đều vô ích; lại nữa, bị rắn độc cắn cũng được người thương xót cứu giúp, còn bị người nữ hại thì chúng Tăng đều bỏ mặc, tất cả trời rồng thiện thần đều xa lìa, bị các Hiền thánh quở trách.

Do mười công đức lợi: Nếu kết giới này tức là thuận theo mười công đức lợi và sẽ được mười công đức lợi này; nếu giữ một giới, vị lai sẽ được quả báo của một giới và được quả báo của mười công đức lợi, tất cả giới khác cũng đều như vậy.

Không cùng ở chung: Một là không cùng làm tất cả các pháp yết ma, các Tăng sự; sở dĩ không cùng ở chung là để cho bốn bộ trời rồng quỷ thần sanh tâm tín kính, nếu cùng ở chung và cùng làm Tăng sự với người ác thì không do đâu tín kính. Hai là biểu hiện Phật pháp không riêng tư, không thương ghét, nếu người thanh tịnh thì cùng ở

chung, nếu không thanh tịnh thì không ở chung. Ba là ngăn dứt phỉ báng, vì nếu cùng ở chung và cùng làm Tăng sự với người ác thì ngoại đạo tà kiến và người đời sẽ phỉ báng rằng: "Phật pháp không có gì đáng quý, bất luận thiện hay ác đều cùng ở chung và làm việc chung". Bốn là giúp cho người giữ giới được an lạc, tăng trưởng căn lành và khiến cho người phá giới sanh tâm hổ thẹn, chiết phục tâm ác.

Cho đến súc sanh: Do có một Tỳ-kheo một mình ở trong rừng vì cho là ở trong chúng nhiều việc, nhiều phiền não trở ngại tu tập thiện pháp; lại cho là ở trong chúng nghe nhiều, thấy nhiều, nói nhiều tuy sanh nhiều trí huệ nhưng ít thiền định, cần phải ở nơi thanh vắng để tu tâm; khi được Định nhiều rồi mới ở trong chúng cầu tri kiến. Đầu tiên khi Phật chế giới Dâm, chỉ chế không được cùng người nữ hành dâm, chưa chế súc sanh, do Tỳ-kheo ở trong rừng này làm pháp ác cùng với súc sanh nên Phật mới tùy việc chế thêm là cho đến súc sanh, vì trong sáu đường súc sanh là loài thấp nhất; nói chung là đối với tất cả loài có thể hành dâm đều kết giới. Luận về phạm tội có ba: Một là tội nghiệp đạo, hai là tội ác hạnh và ba là tội phạm giới. Tu-đề-na trong ba tội này thì phạm tội ác hạnh vì dâm dục là pháp ác, không phạm tội nghiệp đạo vì người nữ đó là vợ trước kia của mình, không có tội phạm giới vì Phật chưa kết giới này. Tỳ-kheo trong

rừng phạm tội ác hạnh vì dâm dục là pháp ác và phạm tội nghiệp đạo vì hành dâm với khỉ cái vốn là thuộc về khỉ đực, không có tội phạm giới vì Phật chưa kết giới. Cả Hai Tỳ-kheo này đều là người phạm trước khi Phật kết giới nên không có tội phạm giới.

Nếu Tỳ-kheo: Là chỉ cho tất cả Tỳ-kheo trong bảy loại thọ đắc giới.

Học: Có ba là học Giới tăng, học Tâm tăng và học Huệ tăng.

Hỏi: Học có rất nhiều vì sao chỉ nêu có ba?

Đáp: Vì ba môn học này nhiếp hết tất cả môn học. Học Giới tăng là học năm thiên giới để phòng hộ điều ác nơi thân khẩu, tịnh tu thân khẩu; học Tâm tăng là dứt trừ tâm cấu nhiễm đối với tất cả pháp; học Huệ tăng là thấy rõ cội gốc của pháp tướng để dứt trừ ác pháp. Lại nữa, học Giới tăng tức là học Tỳ-ni; học Tâm tăng tức là học Tu-đa-la; học Huệ tăng tức là học A-tỳ-đàm. Lại nữa, học Giới tăng là học năm thiên giới; học Tâm tăng là đắc Sơ thiền có năm thiền chi, đắc Nhị thiền có bốn thiền chi cho đến đắc Tứ thiền; học Huệ tăng là thấy được bốn đế lý. Lại nữa, diệt trừ các ác luật nghi và các điều phi oai nghi để được năm thiên giới thanh tịnh thì gọi là học Giới tăng; do Giới thanh tịnh nên Tâm thanh tịnh thì gọi là học Tâm tăng; tư duy nghĩa lý thâm diệu được tăng trưởng

thiện pháp thì gọi là học Huệ tăng. Lại nữa, trong Kinh nói tu giới tu tâm tu huệ, nên biết được ba môn học này nhiếp hết các môn học. Lại nữa, trong tám chánh đạo, chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng là học Giới tăng; chánh định là học Tâm tăng; chánh kiến, chánh chí, chánh phương tiện, chánh niệm là học Huệ tăng. Lại nữa, đắc năm thiên giới là học Giới tăng; đắc Thiền giới là học Tâm tăng; đắc Vô lậu giới là học Huệ tăng. Lại có ba môn học là học Oai nghi, học Tỳ-ni và học Ba-la-đề-mộc-xoa; học Oai nghi là học tất cả giới và oai nghi; học Tỳ-ni là diệt tất cả ác pháp; học Ba-la-đề-mộc-xoa là học năm thiên giới.

Hỏi: Vì sao phải phân biệt lại học giới một lần nữa?

Đáp: Ngoại đạo cũng có học Giới tăng cho nên phân biệt lại lần nữa để hiển rõ ngoại đạo không có học Giới tăng; vì tuy ngoại đạo đoạn trừ kiết sử chứng được Tam không nhưng không thể đoạn trừ các kiết sử ở cõi Phi tưởng xứ; Phật pháp đoạn trừ cội gốc kiết sử nên gọi là học Giới tăng. Lại nữa, ngoại đạo đoạn trừ kiết sử, nhờ thượng phẩm đoạn trừ hạ phẩm; còn Phật pháp vừa dùng thượng phẩm đoạn trừ hạ phẩm, vừa dùng hạ phẩm đoạn trừ thượng phẩm. Lại nữa, ngoại đạo cũng chế bốn giới trọng: Một là không dâm dục với vợ của thầy, hai là không trộm cắp vàng, ba là không giết Bà-la-môn, bốn là không uống rượu trắng; Phật pháp

không chỉ như thế: Một là tất cả không được dâm dục, hai là tất cả không được trộm cắp, ba là tất cả không được giết hại, bốn là tất cả không được vọng ngữ và năm là tất cả loại rượu không được uống.

Đồng vào học pháp: Là pháp mà Tỳ-kheo mới thọ giới phải học, Tỳ-kheo một trăm tuổi hạ cũng học như thế.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo một trăm tuổi hạ cũng đồng học pháp với Tỳ-kheo mới thọ giới thì Tỳ-kheo mới thọ giới phải làm những việc như quét nhà, lau chùi, xách nước…; Tỳ-kheo một trăm tuổi hạ có làm những việc như thế hay không?

Đáp: Tỳ-kheo một trăm tuổi hạ cũng đã làm từ trẻ đến già nên Tỳ-kheo mới thọ giới cũng phải làm những việc đó từ trẻ cho đến già; pháp mà Tỳ-kheo mới thọ giới phải học, Tỳ-kheo một trăm tuổi hạ cũng đã học như thế. Trong đây nói học là học hai trăm năm mươi giới và tất cả pháp oai nghi.

Nói tôi bỏ Phật…: Có tất cả hai mươi mốt việc xả giới, từ bỏ Phật cho đến không làm bạn đồng học với thầy nữa, có tất cả là hai mươi mốt việc, chỉ cần làm một việc đều gọi là xả giới.

Hỏi: Nói bỏ Phật là trên căn bản đã bỏ Tam bảo thì có còn gọi là xuất gia nữa hay không?

Đáp: Có luận nói không còn gọi là xuất gia nữa vì đó là điều ác căn bản; nhưng có thuyết lại nói vẫn gọi là xuất gia vì không rơi vào một trăm lẻ

một pháp Giá (ngăn), vì trên căn bản tuy đã xả giới thanh tịnh nhưng vẫn có thể quy y Phật trở lại. Kinh nói: "Không có pháp nào mau hơn Tâm", tâm của phàm phu khinh suất vội vàng hoặc thiện hoặc ác nên không thể vì trong chốc lát làm ác mà liền bỏ hẳn, nên trân căn bản tuy nói bỏ Phật nhưng sau vẫn được xuất gia trở lại. Nhưng đã nói bỏ Phật rồi thì trong đời hiện tại không có được việc thiện tốt lành, vì đã làm việc không tốt, không lợi ích sẽ chuốc họa vào thân.

Muốn xả giới không tội: Nếu muốn xả giới cụ túc thì nên nói là tôi xả giới cụ túc, tôi là Sa-di; nếu muốn xả giới xuất gia thì nên nói là tôi xả giới xuất gia, tôi là Ưu-bà-tắc; nếu muốn xả năm giới thì nên nói là tôi là Ưu-bà-tắc thọ pháp Tam quy. Nếu nói như thế thì thành xả giới mà không có tội; nếu đã mặc y phục của cư sĩ, có người hỏi cớ sao làm như thế, đáp là tôi bỏ đạo, tôi làm cư sĩ thì cũng gọi là xả giới. Khi xả giới không cần có người xuất gia, nếu có cư sĩ bất luận là đệ tử Phật hay không phải đệ tử Phật, chỉ cần người này nghe tiếng nói hiểu được nghĩa đều được xả giới; khi xả giới chỉ cần nói một lần liền xả, không cần nói đến ba lần.

Hỏi: Khi thọ giới phải có Tam sư thất chứng, vì sao khi xả giới chỉ cần nói với một người thì liền xả?

Đáp: Vì thọ giới là cầu pháp tăng thượng, muốn đắc giới phải cần nhiều duyên nhiều lực hỗ trợ; còn

xả giới như từ trên cao rơi xuống thì không cần phải có nhiều duyên, nhiều người. Lại nữa, vì không muốn cho người trước mặt (người muốn xả giới) sanh tâm phiền não nói rằng: "Phật pháp thật có nhiều duyên phiền não, khi thọ giới thì có thể cần nhiều duyên nhiều lực nhiều người, còn xả giới cần nhiều duyên nhiều người làm gì". Lại nữa, thọ đắc giới như được tiền tài châu báu, còn xả giới như mất tiền của; lại như vào biển tìm châu báu cần phải có nhiều phương tiện mới tìm được, nhưng khi mất hoặc bị trộm cướp, hoặc bị nước cuốn trôi hay bị lửa cháy… thì trong chốc lát đều mất hết không còn, xả giới cũng giống như vậy. Bỏ Tam bảo sở dĩ thành xả giới là vì khi thọ giới phải quy hướng Tam bảo mới đắc giới; bỏ Hòa thượng, A-xà-lê thành xả giới là vì nhờ có Hòa thượng, A-xà-lê mới đắc giới; bỏ Tỳ-kheo… cho đến nói rằng: "Tôi không làm bạn đồng học với thầy nữa" đều thành xả giới, vì vốn cùng quy hướng một Vị một Đạo mà nay nói bỏ tức là nghĩa Phật pháp đoạn dứt, cho nên bỏ Phật pháp thì giới liền mất.

Hòa thượng có bốn loại: Một là loại có pháp mà không có y thực, hai là loại có y thực mà không có pháp, ba là loại vừa có pháp vừa có y thực, bốn là không có pháp cũng không có y thực. Nay nói bỏ Hòa thượng tức là bỏ cả bốn loại trên.

A-xà-lê có năm bậc: Một là thọ giới A-xà-lê, hai là Oai nghi A-xà-lê, ba là Y chỉ A-xà-lê, bốn là

học kinh A-xà-lê và năm là xuất gia A-xà-lê. Nay nói bỏ A-xà-lê tức là bỏ cả năm bậc trên.

Làm pháp dâm dục: Một là có hành dâm nhưng thân không xúc chạm nhau, như trường hợp Tỳ-kheo Nhược Yêu đưa nam căn vào miệng tự hành dâm; hoặc như Tỳ-kheo Trường căn đưa nam căn vào chỗ hành dâm tự hành dâm. hai là tuy thân xúc chạm nhau nhưng không phạm Dâm, như hành dâm với người nữ bị hoại nữ căn. Ba là thân xúc chạm nhau và phạm Dâm, như hành dâm với người nữ không bị hoại nữ căn. Bốn là không phải thân xúc chạm nhau cũng không phạm Dâm, như hành dâm với người nữ đã chết ở chỗ không phải là chỗ hành dâm. Nếu thân xúc chạm nhau mà hành dâm thì phạm Ba-la-di, Ba-la-di nghĩa là rơi vào chỗ không như ý, như hai người đánh nhau ắt có một người thắng, một người thua. Tỳ-kheo thọ giới là muốn thoát khỏi sanh tử phải củng bốn Ma đánh nhau, nếu phạm giới này liền rơi vào chỗ thua.

Hỏi: Phạm năm thiên giới đều rơi vào chỗ thua, vì sao chỉ có thiên giới này là thành tên gọi?

Đáp: Bốn thiên giới kia tuy phạm cũng rơi vào chỗ thua, nhưng chỉ cần sám hối thì tội liền tiêu diệt, không phải vĩnh viễn rơi vào chỗ thua nên không thành tên gọi. Như kẻ thù dùng dao giết người nhưng người chưa chết, tuy gọi là thắng nhưng không phải là quyết định thắng, phải giết chết mới là quyết định thắng. Phạm bốn thiên giới

kia cũng như giết người mà người chưa chết, còn phạm thiên giới trọng này như người bị giết chết, nên được thành tên gọi. Như người đi chinh phạt nước khác tuy bắt được các quan cũng gọi là được thắng, nhưng chưa phải là đại thắng, phải bắt được vua mới gọi là đại thắng. Cũng vậy phạm các thiên giới khác, bốn Ma chưa gọi là đại thắng, nếu phạm thiên giới trọng này thì quyết định rơi vào chỗ thua. Lại nữa, như hạt giống gieo ở ruộng tốt nếu gặp sương và mưa đá thì sẽ không thu hoạch kết quả; phạm thiên giới trọng này cũng vậy không thể chứng được bốn Quả Sa-môn. Lại nữa, như hạt giống cháy dù gieo ở ruộng tốt và được vun phân tưới nước điều độ vẫn không thể nẩy mầm; phạm thiên giới trọng này cũng vậy, dù siêng năng tinh tấn vẫn không thể chứng bốn Quả Sa-môn. Lại như cây Đa-la bị chặt ngọn không thể sanh trưởng được nữa; phạm thiên giới trọng này cũng vậy, không thể tăng trưởng bốn Quả Sa-môn. Lại như cây bị chặt đứt rễ, cây liền khô héo và chết; phạm thiên giới trọng này thì cây Đạo liền khô héo. Lại nữa, nếu phạm thiên giới trọng này thì bị Tăng từ bỏ, trời rồng thiện thần xa lánh và bị Hiền thánh quở trách, cho nên thành tên gọi. Lại nữa, nếu phạm thiên giới trọng này thì không tiêu được tất cả sự cúng thí của đàn việt; lại giống như thây chết ở trong đại chúng, không được làm gì, không được lợi ích gì; nếu phạm thiên giới trọng này thì dù ở

trong đại chúng xuất gia thanh tịnh vẫn không thể chứng được bốn Quả Sa-môn. Lại như y phục cũ rách bị người vất bỏ, nếu phạm thiên giới trọng này sẽ bị đại chúng vất bỏ, không được cùng Tăng thuyết giới bố tát, tự tứ và làm các pháp yết ma, cũng không được xếp vào mười bốn hàng người được Tăng sai, nên thành tên gọi là Ba-la-di, rơi vào chỗ thua, chỗ không như ý.

Cho đến súc sanh: Nếu cùng người nữ giao hội thì thọ ái dục đầy đủ, còn giao hội với súc sanh cái thì nhiễm tình dục ít; vì súc sanh là loài thấp nhất trong năm đường nên nói là cho đến súc sanh.

Nếu phạm bốn giới trọng, vừa phạm lần đầu thì kết tội Ba-la-di; phạm lần thứ hai cho đến nhiều lần chỉ kết tội Đột-kiết-la. Hành dâm với người nữ và nữ phi nhân ở ba chỗ hành dâm thì phạm Ba-la-di, phạm phương tiện Thâu-lan-giá có khinh trọng, phạm trọng Thâu-lan-giá nên sám trong đại chúng, quỳ gối chắp tay xin ba lần, Tăng nên đơn bạch cho sám, khi sám hối nên nói ba lần; phạm khinh Thâu-lan-giá nên sám hối trước bốn Tỳ-kheo ở ngoài giới, cách sám cũng giống như vậy. Phạm khinh Thâu-lan-giá là như trường hợp muốn hành dâm nên đứng dậy nhưng ngồi xuống lại; hoặc cất bước chân đến chỗ người nữ nhưng chưa xúc chạm đã quay trở lại. Phạm trọng Thâu-lan-giá là như trường hợp hành dâm với người nữ sống hay chết ở ba chỗ hành dâm đã bị hoại hoặc bị trùng ăn trong

đó; hoặc hành dâm với người nữ sống hay chết không phải ở chỗ hành dâm, tức là từ nách trở xuống cho đến bắp vế. Trường hợp muốn hành dâm với súc sanh cái và người hai căn phạm Thâu-lan-giá khinh hay trọng cũng giống như trên đã nói. Trường hợp muốn hành dâm với người nam, phi nhân nam, súc sanh đực, huỳnh môn phạm Thâu-lan-giá khinh trọng cũng giống như trên đã nói. Nếu thân người nam xúc chạm người nữ nhưng chưa xuất tinh thì phạm khinh Thâu-lan-giá, nếu xuất tịnh thì phạm trọng Thâu-lan-giá; trừ ba chỗ hành dâm, xuất tinh ở các chỗ trên thân phần khác thì phạm Tăng tàn. Nếu phạm giới trong năm thiên, mỗi mỗi giới đều phạm ba tội, như phạm giới trong thiên Ba-la-di có ba tội: Một là tội Ba-la-di vì phạm giới thể là Ba-la-di, hai là tội Ba-dật-đề vì trái lời Phật dạy, ba là tội Đột-kiết-la vì phạm oai nghi. Như thế cho đến phạm các giới trong thiên Chúng học pháp cũng có ba tội: Một là tội Đột-kiết-la vì phạm giới thể là Đột-kiết-la, hai là tội Ba-dật-đề vì trái lời Phật dạy, ba là tội Đột-kiết-la vì phạm oai nghi. Khi sám hối, chỉ cần sám tội phạm giới thể thì hai tội kia đồng tiêu diệt vì giới thể là căn bản.

b. Nhân duyên kết Giới Trộm:

Phật tại thành Vương xá, có luận sư giải thích nước này là nước lớn mạnh nhất trong mười sáu nước lớn lúc bấy giờ, thành tên là Vương xá. Lại nữa do nước này có con rồng dữ gây nhiều tai hại,

phá hoại nhà cửa của dân chúng, chỉ có cung vua là không bị phá hoại nên gọi tên là thành Vương xá. Lại nữa do thuở xưa dân chúng ở nước này lúc thời thế mất mùa đói kém đã ăn đủ loại thịt như thịt chó, thịt rắn… khiến cho quỷ La sát vào nước này làm nhiều điều quái lạ. Vua hỏi biết rõ được nguyên nhân liền ra sắc lịnh không được ăn các loại thịt bất tịnh và lập ra nhiều phép tắc lễ nghi khác, do vương pháp mạnh nên gọi tên là thành Vương xá. Lại nữa do trong nước này có năm trăm vị Phật Bích chi và năm trăm tiên nhân thường được dân chúng cung cấp mọi thứ cần dùng, do có nhiều bậc tiên thánh nên gọi tên là thành Vương xá. Trong mười sáu nước lớn có hai nước lớn mạnh: Một là nước của vua Ưu-điền, hai là nước Ma-kiệt-đà; nước của vua Ưu-điền cho áo mão của vua là thù thắng, còn nước Ma-kiệt-đà cho quốc pháp lễ nghĩa là thù thắng. Pháp thức lễ nghĩa của các nước khác trong mười sáu nước lớn, vua nước Ma-kiệt-đà hoặc dùng hoặc không dùng; nhưng các nước kia đều dùng theo pháp thức lễ nghĩa của nước Ma-kiệt-đà, vì vậy gọi tên là thành Vương xá. Lại nữa do ở nước này Phật đã ngồi trên tòa sư tử dưới cội Đạo thọ mà chứng quả A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, Địa thần của nước này lại có thế lực lớn thường ủng hộ vua khiến cho nước này hùng mạnh, các nước khác đều quy phục nên gọi tên là thành Vương xá.

Rất nhiều Tỳ-kheo cùng một chỗ an cư: Tất cả thời Phật đều tiến an cư, chỉ có ở nước Tỳ-la-nhiên là hậu an cư vì có nhân duyên.

Hỏi: Phật từ người khác thọ an cư hay tự an cư?

Đáp: Có thuyết cho là Phật từ người khác thọ an cư, có thuyết lại cho là Phật tự an cư, vì sao, vì Phật tự đã chứng được mười lực, bốn Vô úy… nên không từ người khác thọ an cư; lại nữa, Phật tự chế pháp này nên Phật tự an cư.

Hỏi: Phật nói ba lần an cư hay là nói một lần an cư?

Đáp: Phật tâm niệm an cư, không cần nói ra vì Phật không quên điều này.

Hỏi: Phật có đồng với chúng tăng Bố tát, tự tứ… các pháp yết ma và làm tất cả Tăng sự hay không?

Đáp: Phật không đồng với chúng tăng Bố tát, tự tứ… các pháp yết ma và làm tất cả Tăng sự , cũng không cần gởi dục thanh tịnh, vì nơi Phật không gì không phải là pháp nên Phật không vào trong Tăng số. Sau khi thành đạo trong vòng mười hai năm Phật thường ở trong Tăng thuyết giới bố tát, sau mười hai năm do có pháp ác sanh nên Phật không thuyết giới nữa mà bảo các đệ tử thuyết giới.

Hỏi: Phật có trí huệ vô biên, có biện luận vô biên vì sao trong mười hai năm khi thuyết giới chỉ thường nói có một bài kệ?

Đáp: Tuy Phật chỉ thường nói có một bài kệ nhưng chúng sanh nghe thọ không ai giống ai, Phật dù nói hay im lặng đều có người được hóa độ; cho nên dù có biện luận vô biên, Phật cũng không nói khác cũng không nói nhiều thêm.

Lúc đó Phật cùng tôn giả A-nan: Hễ Phật chế giới ắt là do việc từ bên ngoài, từ người nào đó có việc để làm nhân duyên kết giới nên Phật mới cùng A-nan đi xem xét phòng xá.

Phật bảo A-Nan-đập phá ngôi nhà: Nếu người khác đập phá ắt có sanh tranh cãi, nhưng A-Nan-đập phá thì mọi người đều phục. Lúc bấy giờ trong giáo đoán của Phật có ba người có sức mạnh không ai sánh bằng: Một là A-nan, hai là Câu-di và ba là một người thuộc dòng họ Thích; A-nan có thể chuyển tảng đá lớn đi bốn mươi dặm nên khi đập phá ngôi nhà này, mọi người sợ nên đều phục. Lại nữa người khác nếu đập phá ngôi nhà bằng gạch kiên cố thì không thể đập phá được, do A-nan có sức mạnh nên trong chốc lát liền phá xong.

Nhân duyên lậu kết: Lậu kết có hai: Một là Căn bản phiền não như trường hợp Tu-đề-na và Tỳ-kheo trong rừng thuộc giới Dâm ở trên, hai là trường hợp Tỳ-kheo tự làm phòng xá, có sán nghiệp riêng nên nhiều việc, nhiều phiền não làm trở ngại cho việc tụng kinh ngồi thiền là chánh nghiệp của tỳ-kheo nên gọi là nhân duyên lậu kết.

Đát-ni-tra im lặng: Đát-ni-tra là Tỳ-kheo làm ngôi nhà bị đập phá này, do Phật là pháp vương bảo đập phá ắt có nguyên nhân: Một là vì nhà làm phi pháp nên Phật bảo đập phá, hai là vì Phật không đồng ý nên mới bảo đập phá, vì vậy Đát-ni-tra im lặng. Vì sao Phật bảo đập phá ngôi nhà mới xây này, vì Phật muốn đoạn trừ nhân duyên lậu kết sẽ xảy ra trong tương lai nên bảo đập phá khiến cho người thấy sanh sợ.

Hỏi: Sự sợ hãi này thuộc cõi Dục, cõi Sắc hay cõi Vô sắc, là cùng tâm tương ưng hay không cùng tâm tương ưng?

Đáp: Thuộc cõi Dục và cùng tâm tương ưng.

Hỏi: Tam tai ở cõi Sắc lên tới cõi Tam thiền, chư thiên từ cõi trời dưới lên tới cõi trời này không có sợ hãi hay sao?

Đáp: Chư thiên cõi Sắc chỉ có nhàm lìa không có sợ hãi, sợ hãi chỉ có trong cõi Dục.

Hỏi: Ai có sự sợ hãi này?

Đáp: Phàm phu cõi Dục, bốn Thánh quả cho đến Phật Bích chi đều có sự sợ hãi này, chỉ có Phật là không sợ hãi.

Liền đến chỗ Vua hỏi rằng: "Vì sao Vua lại đem cây gỗ lớn cho Tỳ-kheo?": Vì sao đã là thần hạ lại hỏi thẳng vua như vậy, một là vì dựa trên chánh nghĩa lý nên hỏi thẳng, hai là tuy hỏi thẳng nhưng lời dịu dàng khiêm hạ.

Khi vua mới lên ngôi:

Hỏi: Khi Tỳ-kheo này đến hỏi lấy cây gỗ lớn là có suy nghĩ hay là nói vội vàng không suy nghĩ?

Đáp: Nói vội vàng không suy nghĩ.

Hỏi: Tỳ-kheo này có tội với ai, với dân chúng trong nước hay là với người chủ cây gỗ hay là với Vua?

Đáp: Có tội với Vua, vì do vua khi mới lên ngôi đã nói với các Tỳ-kheo như thế.

Hỏi: Vì sao Vua không đem việc này bạch Phật?

Đáp: Vì đây là việc nhỏ nên Vua không bạch Phật, lại vì việc này đáng hổ thẹn nên không bạch Phật.

Phật bảo A-nan đi hỏi…

Hỏi: Ba giới kia vì sao Phật không bảo A-nan đi hỏi, trong giới này lại bảo đi hỏi?

Đáp: Vì giới này liên quan tới vương pháp còn ba giới kia thì không, giới này phải nương theo vương pháp trộm cắp bao nhiêu mới bị xử tội tử, sau đó mới kết giới, vì thế Phật mới bảo A-nan đi hỏi. hai giới Dâm và Sát hễ việc thành thì tội thành nên không cần hỏi; giới Vọng ngữ không liên quan gì tới vương pháp cho nên cả ba giới này Phật đều không bảo A-nan đi hỏi.

Hỏi: Phật biết rõ tất cả pháp tướng thì cần gì bảo đi hỏi?

Đáp: Vì để ngăn dứt phỉ báng, Phật tuy tự tại, tùy ý tự chế giới nhưng nếu hỏi rỏ vương pháp, nương theo vương pháp để kết giới thì chúng sanh mới tâm phục.

Hỏi: Dù người tin hay không tin, A-nan cũng đều hỏi, cớ sao lại như thế?

Đáp: Vì nếu chỉ hỏi người tin thì sợ họ vì Tỳ-kheo mà nói là trộm nhiều tiền mới phạm tội trọng; nếu chỉ hỏi người không tin thì sợ họ ganh ghét mà nói là trộm ít cũng phạm tội trọng. Vì thế A-nan phải hỏi cả người tin và người không tin, cả kẻ oán người thân mới biết rõ trộm bao nhiêu tiền thì bị xử tội tử.

Trộm đến năm tiền là phạm tội trọng: Tiền trong đây bao gồm tiền vàng, tiền bạc, tiền đồng, tiền sắt… không nhất định. Trong ba cõi hiện có Phật pháp là cõi Diêm phù đề, cõi Câu-da-ni và cõi Phất-Bà-đề, chỉ có vương pháp của thành Vương xá là lấy năm tiền phạm tội trọng. Phật dựa theo vương pháp này để kết giới trộm năm tiền trở lên thì phạm Ba-la-di.

Thầy là Tỳ-kheo trộm cắp, không cho mà lấy như vậy: Có bốn câu: Một là không cho mà lấy nhưng không phải là giặc, như vật có chủ tưởng là không có chủ nên lấy; hai là trộm giặc, không phải là không cho mà lấy, như trong Tăng dọn đưa thức ăn mỗi người ba cái bánh, Tỳ-kheo có tâm trộm

nên lấy bốn cái; hoặc vật vô chủ, tưởng là có chủ mà lấy. Ba là vừa trộm giặc vừa không cho mà lấy, như Tỳ-kheo có tâm trộm lấy vật có chủ; bốn là không phải trộm giặc cũng không phải không cho mà lấy, như không có tâm trộm và lấy vật vô chủ.

Tội: Chỉ cho tội thuộc năm thiên, ngoài năm thiên giới ra cũng có đủ loại tội. Phật chế giới chỉ rõ tội trọng tội khinh nên nói: "Đây là tội Ba-la-di, đây là tội Tăng-già-bà-thi-sa, đây là tội Ba-dật-đề, đây là tội Ba-la-đề-đề-xá-ni, đây là tội Đột-kiết-la".

Thọ chức vị vua: Hỏi: Người nữ có năm điều chướng do đâu được làm vua?

Đáp: Không được làm Chuyển luân thánh vương, nhưng làm vua nước nhỏ thì không có gì chướng ngại.

Vật có chủ: Chỉ cho tất cả vật có chủ, như trong đất có phục tàng (mỏ vàng, mỏ bạc…), nếu đất thuộc vua thì phục tàng thuộc về vua, tức là có chủ; nếu vật không có chủ sanh nghi mà lấy thì phạm Thâu-lan-giá. Như lấy vật trong tháp hay bên ngoài tháp đều là vật của tháp của Phật dùng để cúng dường tháp, Phật; vật trong đất của Tăng cũng vậy; nếu vật ở trong Tăng phòng thì người trong phòng được dùng; nếu là vật của tỳ-kheo qua đời để lại thì Hiện tiền tăng nên chia. Trong núi rừng, nơi đồng trống, núi sạt lở làm cho cây bị gảy hoặc gió

nóng, gió lạnh làm cho chim thú chết, Tỳ-kheo ở chỗ không có thức ăn thì được lượm lấy ăn không tội. Nếu lấy thức ăn dư của chim thú thì phạm Đột-kiết-la, lấy thức ăn dư của Sư tử thì không tội. Nếu trộm lấy tượng Phật để cúng dường thì không tội, nếu đem bán để được tiền thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu trộm Kinh bất luận cúng dường hay không cúng dường, tính theo giá tiền mà kết tội; nếu trộm lấy Xá lợi thì phạm Thâu-lan-giá.

Lấy vật rời khỏi chỗ: Có hai trường hợp: Một là lấy rời khỏi chỗ cũ, hai là lấy rời khỏi chỗ rồi trả lại chỗ cũ. Nếu lấy rời khỏi chỗ cũ mang đi thì phạm hai loại tội: Một là tội nghiệp đạo vì trộm vật của người khác, hai là tội Ba-la-di vì Phật đã chế giới. Nếu lấy rời khỏi chỗ rồi trả lại chỗ cũ thì chỉ phạm một tội vì trước đó tuy lấy rời khỏi chỗ nhưng không phạm tội nghiệp đạo, vì không làm tổn hại vật của người khác; tuy trả lại chỗ cũ vẫn phạm Ba-la-di.

Năm loại vật báu: Gồm có vàng, bạc, trân châu, san hô và tỳ lưu ly; năm loại tợ báu là đồng, tiền, thủy ngân, bạch lạp chì thiếc và năm là hợp lại làm thành các đồ trang sức trang nghiêm. Nếu cầm năm loại vật bàu thì phạm Đột-kiết-la, lầy rời khỏi chỗ phạm Ba-dật-đề; nếu lấy tiền rời khỏi chỗ hay không rời khỏi chỗ đều phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo có thần thông, dùng thần thông lực bay qua các nước, nếu ở chỗ xuất phát và chỗ đến có vật

phải đóng thuế mà không đóng thì phạm trọng; các nước đi ngang qua ở khoảng giữa không đóng thuế không phạm, nhưng nếu có mua bán đổi chác thì tùy vua quan, nếu vua quan chấp thuận thì Tỳ-kheo không tội, nếu vua quan không chấp thuận thì tính theo giá tiền mà định tội, đủ năm tiền thì phạm trọng.

-oOo-

TÁT BÀ ĐA TỲ NI TỲ BÀ SA

QUYỂN 3

b. Nhân duyên kết giới Trộm (Tiếp Theo):

Trong mười sáu nước lớn, thành Vương xá và nước của vua Ưu-điền là lớn mạnh nhất, thống lãnh tất cả các nước trong và ngoài biên cõi Diêm-phù-đề. Nước của vua Ưu-điền tuy lớn mạnh nhưng lại dùng theo pháp luật của thành Vương xá, từ đây suy ra các nước đều dùng theo pháp tắc lễ nghĩa của thành Vương xá. Vua A-xà-thế đứng đầu trong các vua ở cõi người; Phật là Pháp vương, là bậc tôn quý trong các bậc Thánh, do Phật dựa theo quốc pháp của thành Vương xá kết kết giới Trộm, nếu trộm cắp năm tiền trở lên thì phạm Ba-la-di; cho nên tất cả nước trong cõi Diêm-phù-đề, những nơi có Phật pháp đều hạn định lấy cắp năm tiền là phạm trọng, nếu nước nào không dùng tiền thì trộm vật tương đương với giá năm tiền đều phạm trọng. Nếu tự trộm lấy vật của người khác, muốn lấy hơn năm tiền, từ lúc cất bước chân đi liền phạm khinh Thâu-lan-giá, nếu lấy được cho đến ba tiền rồi trở về cũng phạm khinh Thâu-lan-giá, nếu lấy được bốn tiền thì phạm trọng Thâu-lan-giá; nếu chỉ

muốn lấy từ một đến bốn tiền, từ lúc cất bước chân đi cho đến khi lấy được ba tiền cũng phạm khinh Thâu-lan-giá, lấy được bốn tiền thì phạm trọng Thâu-lan-giá. Nếu sai bảo người khác trộm lấy vật của người, khi đang sai bảo thì phạm khinh Thâu-lan-giá; nếu lấy được năm tiền trở lên rời khỏi chỗ cũ thì Tỳ-kheo được sai bảo này phạm Ba-la-di vì nghe lời lấy trộm vật của người (vật có chủ). Nếu Tỳ-kheo được sai bảo này khi đi đến chỗ kia trộm lấy vật mà bị điên cuồng, tâm loạn, tâm bịnh hoại thì dù lấy được vật cũng không phạm, nhưng Tỳ-kheo sai bảo trộm thì phạm. Nếu sai bảo trộm lấy vàng mà Tỳ-kheo được sai lại trộm lấy bạc thì Tỳ-kheo sai bảo không phạm Ba-la-di vì Tỳ-kheo được sai trộm lấy khác với lời sai bảo, nhưng phạm Thâu-lan-giá vì làm phương tiện trước. Tỳ-kheo được sai bảo dù có làm đúng hay không làm đúng theo lời sai bảo thì khi đi từ chỗ này đến chỗ kia lấy trộm, mỗi bước chân đi đều phạm khinh Thâu-lan-giá. Tỳ-kheo sai bảo không phạm, nhưng nếu Tỳ-kheo được sai lấy trộm vật của chúng tăng trị giá năm tiền trở lên thì phạm trọng Thâu-lan-giá, bốn tiền trở xuống thì phạm khinh Thâu-lan-giá và chiêu cảm quả báo sâu nặng. Nếu lấy chưa rời khỏi đất của Tăng thì phạm khinh Thâu-lan-giá; nếu vào phòng của tỳ-kheo đã đổi thì phạm trọng Thâu-lan-giá. Nếu nhà thuộc một chủ, vật không có chủ khác, nếu trộm lấy chưa rời khỏi đất và chưa ra

khỏi giới của nhà thì mỗi bước đi đều phạm khinh Thâu-lan-giá. Nếu vào ở phòng của chị, em gái, phòng của người nữ giúp việc thì phạm Ba-la-di; nếu vào ở phòng của anh em trai thì phạm khinh Thâu-lan-giá, nếu lấy vật ra khỏi tướng đất của người chủ thì phạm Ba-la-di. Vào mùa dông mùa hạ, nếu các Tỳ-kheo đổi phòng cho nhau, phòng thuộc của tỳ-kheo này tùy theo giới đất gần hay xa đều gọi là giới của phòng; nếu vào ở trong phòng không đổi thì phòng không đổi này là phòng của chủ khác. Nếu vật ở trong đất này thì vật thuộc của một chủ nhưng đất lại thuộc của chủ khác, nếu đất không có tướng khác thì tùy lấy chu vi bốn phía của vật làm tướng giới, nếu lấy vật ra khỏi tướng giới này thì gọi là lấy rời khỏi chỗ. Nếu ở trên mền nệm có màu sắc khác, vật ở chỗ màu sắc này dời đến chỗ màu sắc khác thì gọi là rời khỏi chỗ.

Nếu chim có chủ ở trong sông, ao không có chủ; nếu nhận chim xuống nước, nước phủ trên lưng thì gọi là rời khỏi chỗ; hoặc mang chim ra khỏi ao nước cũng gọi là rời khỏi chỗ. Nếu bắt chim trong dòng nước chảy, khiến cho dòng nước sau chảy qua trước đầu chim thì gọi là lấy rời khỏi chỗ. Nếu chim có chủ ở trong ao có chủ mà bắt chim ra khỏi ao nước thì gọi là lấy rời khỏi chỗ; nếu ao nước là của một chủ, đất trên bờ là của chủ khác, nếu kéo chim lên bờ thì gọi là lấy rời khỏi chỗ; nếu ao nước và đất trên bờ là của cùng một

chủ, dù kéo lên bờ cũng không gọi là chỗ khác.

Nếu chưa vào giới của nước, một Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác rằng nước này thu thuế nặng, Tỳ-kheo kia nghe rồi liền quay trở về; nếu thật là thu thuế nặng thì cả hai không tội; nếu là thu thuế nhẹ thì Tỳ-kheo nói là thu thuế nặng này phạm tội trọng Thâu-lan-giá, Tỳ-kheo kia không tội. Nếu đã vào trong giới của nước, Tỳ-kheo này nói với Tỳ-kheo kia là thu thuế nặng, Tỳ-kheo kia nghe rồi liền quay trở về; nếu thật là thu thuế nặng thì cả hai không tội; nếu là thu thuế nhẹ thì Tỳ-kheo nói là thu thuế nặng này phạm Ba-la-di, Tỳ-kheo kia không phạm.

Nếu trong bình có vật báu, Tỳ-kheo muốn lấy trộm vật báu nên mang luôn cả bình dời đi chỗ khác, dù gần hay xa đều phạm khinh Thâu-lan-giá; nếu lấy vật náu ra khỏi đáy bình thì phạm Ba-la-di.

Nếu lấy của phi nhân từ năm tiền trở lên thì phạm trọng Thâu-lan-giá; bốn tiền trở xuống thì phạm khinh Thâu-lan-giá.

Vật không có chủ: Nếu giữa biên giới hai nước đều tự có tướng phong tỏa, khoảng đất trống trong đó nếu có vật thì gọi là vật không chủ. Lại nữa, như vua nước này đi chinh phạt nước khác, vua nước kia bị thua hoặc chết hay bỏ chạy, khi vua thắng trận chưa thống lãnh nước này, nếu trên đất có vật thì gọi là vật vô chủ. Nếu vật không có chủ tưởng

là có chủ mà lấy thì phạm khinh Thâu-lan-giá; nếu vật có chủ tưởng là không có chủ nên lấy thì phạm Đột-kiết-la. Nếu vật có người coi giữ, không có tâm ngã sở mà trộm lấy thì ở bên người chủ của vật phạm tội Ba-la-di. Nếu tướng của ruộng đất thưa kiện để được thắng thuộc về mình, thắng thì phạm Ba-la-di, không thắng thì phạm khinh Thâu-lan-giá. Như thế cho đến trâu bò, vật báu… cũng vậy, thưa kiện để được thắng, nếu thắng mà chưa đem vật rời khỏi chỗ cũ thì phạm khinh Thâu-lan-giá; vật rời khỏi chỗ cũ thì phạm Ba-la-di. Nếu thưa kiện mà thắng thua chưa quyết định, liền dắt trâu bò… đi trước, dắt đi được thì phạm khinh Thâu-lan-giá; sau đó xử được thắng thì phạm Ba-la-di vì đã dắt rời khỏi chỗ đi trước rồi.

Nếu Tỳ-kheo khi còn là bạch y có ruộng đất, trước khi xuất gia đã xả bỏ hết rồi thì ruộng đất này không thuộc của tỳ-kheo nữa; nếu trước chưa xả bỏ thì vẫn thuộc của tỳ-kheo. Nếu bị vua quan phạt tiền, vật bị mất trước đó nếu khởi tâm chưa xả bỏ thì nên lấy lại, ngoài vật của mình ra nếu lấy thêm vật của người khác thì tính theo giá tiền mà thành tội. Nếu trước đã khởi tâm xả bỏ rồi thì dù là vật của mình cũng không được lấy, nếu lấy thì tính theo giá tiền thành tội. Nếu vật thuộc quốc cấm, mang ra khỏi nước sẽ bị xử tội tử; nếu Tỳ-kheo mang ra khỏi nước, ban đầu Luật sư nói là phạm trọng nhưng sau lại nói là tợ như không phạm tội

trọng, chỉ là trái phạm vương pháp nên phạm Đột-kiết-la, nhưng nếu lấy rời khỏi chỗ cũ với tâm trộm cắp thì phạm Ba-la-di. Tội trộm cắp theo quốc pháp có khi phạm tội tử, có khi chỉ phạt tiền; nếu vua cho phép người xuất gia mang vật ra khỏi nước thì không bị xử tội tử cũng không bị phạt tiền; nếu vua không cho phép mà vẫn mang ra khỏi nước, dù là không có tâm trộm cắp vẫn phạm Đột-kiết-la vì trái lịnh vua.

Ở cõi Câu-da-ni dùng bò ngựa làm tiền để mua bán, nếu lấy trộm tính đủ số tiền theo pháp luật cõi đó kết tội trọng thì phạm Ba-la-di; cõi Phất Bà-đề dùng vải làm tiền để mua bán cũng như vậy.

Nếu là vật của Tam bảo hay vật của người khác gởi, Tỳ-kheo tự lấy làm y phục, thuốc thang… hay đem cho cha mẹ đều được không phạm, trừ mua bán đổi chác thì không được.

c. Nhân duyên kết Giới Sát:

Có thiên thần của Ma: Ma vương ở cõi trời thứ sáu nên tất cả chúng sanh trong cõi Dục đều là quyến thuộc của Ma, có hai loại: Một là nội quyến thuộc thường nghe theo lời dạy của Ma vương, hai là ngoại quyến thuộc thì ngược lại. Thiên thần này là nội quyến thuộc nên nghe theo lời Ma vương, sanh ác tà kiến. Phật dạy tu pháp quán bất tịnh:

Hỏi: Phật là bậc Nhất thiết trí vì sao lại dạy các Tỳ-kheo tu pháp quán này khiến họ suy não như

vậy, nếu không biết cách dạy thì đâu được gọi là bậc Nhất thiết trí?

Đáp: Phật giáo hóa tất cả đều bình đẳng, lúc đó Phật không những dạy cho sáu mươi Tỳ-kheo tu pháp quán bất tịnh, mà còn dạy cho tất cả không có tâm thiên vị, nhưng người lãnh thọ giáo pháp được lợi ích có nhiều hay ít mà thôi, cho nên Phật không có lỗi. Phật biết rõ nguồn gốc trước sau về nghiệp căn của chúng sanh, biết phải dùng pháp nhân duyên này giáo hóa thì chúng sanh sau sẽ được lợi ích lớn. Sáu mươi Tỳ-kheo này đã thọ trì pháp quán bất tịnh từ thời Phật Ca-diếp, do không chuyên tu nên làm nhiều ác hạnh, sau khi mang chung đọa vào địa ngục. Khi Phật Thích ca ra đời, họ được sanh làm người trong nhà nghèo hèn thuộc giai cấp thấp hèn, sau đó xuất gia vào đạo; do nhân duyên xưa nên họ thọ trì pháp quán này, sau khi mạng chung sẽ được sanh lên cõi trời, từ cõi trời xuống nghe Phật thuyết pháp và được chứng đạo quả; do nhân duyên này nên Phật không có lỗi.

Được đại quả đại lợi: Một là được Lậu tận ngay trong đời này, hai là không đọa vào ác đạo, ba là được sánh vào cõi trời người, bốn là thiện pháp được tăng trưởng và năm là không sanh vào nhà nghèo hèn, giai cấp thấp hèn.

A-na-ban-na niệm: Là quán hơi thở ra vào, ban đầu tu tấp pháp quán này phải chú tâm nơi chót mũi, nếu quán 6 cõi thì chú tâm trên đỉnh đầu; nếu

không quán bất tịnh thì chú tâm ở giữa hai chân mày, nếu tu pháp quán bất tịnh thì phải quán trên mặt trước vì tu pháp quán này là để trừ tham dục, tâm dục thường sanh khởi từ trên mặt nên phải quán trên mặt trước.

Ngồi kiết già: Để thân ngay thăng, thân có ngay thẳng thì tâm mới chánh niệm. Lại do chín mươi sáu phái ngoại đạo không có pháp ngồi kiết già, Phật bảo ngồi kiết già để khác với ngoại đạo. Lại nữa, ngồi kiết già có thể dứt buồn ngủ; ngồi kiết già có thể khiến người nhìn thấy sanh tâm tín kính, như trường hợp nước khác kéo đến chinh phạt nước Kế tân, vừa vào trong giới của nước nhìn thấy các Tỳ-kheo ngồi kiết già dưới gốc cây trong rừng, thân ngay thẳng, tâm chánh niệm liền sanh tín kính và rút quân trở về, không chinh phạt nữa. Lại nữa, khi Phật ngồi kiết già dưới cội Đạo thọ, các vị Phật Bích chi lợi căn cũng ngồi kiết già.

Phạm Ba-la-di:

Hỏi vì sao chỉ giết người mới kết tội Ba-la-di?

Đáp: Vì trong loài người có Tam quy ngũ giới và giới Ba-la-đề-mộc-xoa. Lại nữa, bốn Quả Sa-môn phần nhiều chứng được trong cõi người; Phật và Phật Bích chi đều ở trong loài người mà được Lậu tận, cho nên giết người mới kết tội Ba-la-di, giết các loài khác không phạm Ba-la-di; nếu làm dao gây cung tên… để giết người thì phạm Đột-

kiết-la. Nếu cầm dao muốn giết người, khi cất bước chân đi, mỗi mỗi bước đều phạm khinh Thâu-lan-giá, cho đến chưa đâm người bị thương mà quay trở về đều phạm khinh Thâu-lan-giá. Nếu đã đâm trúng người dù cạn hay sâu mà người chưa chết thì phạm trọng Thâu-lan-giá; nếu người chết thì phạm Ba-la-di. Nếu đàm hầm hố để giết người, đang đào thì phạm Đột-kiết-la, đào xong thì phạm khinh Thâu-lan-giá; nếu người té xuống hầm này nhưng nhờ có sức mạnh phương tiện ra được khỏi hầm thì Tỳ-kheo phạm trọng Thâu-lan-giá; hoặc người té xuống hầm bị thương mà không chết, Tỳ-kheo cũng phạm trọng Thâu-lan-giá. Trường hợp làm bẫy rập, đặt cơ quan… cũng như vậy. Nếu sai bảo người giết người, khi đang sai bảo thì phạm khinh Thâu-lan-giá; nếu Tỳ-kheo được sai giết chết người thì phạm Ba-la-di, Tỳ-kheo sai bảo trong ba tâm cũng phạm Ba-la-di, như khi sai bảo mà đang tụng kinh, lễ Phật thì phạm Ba-la-di trong thiện tâm; trong tâm bất thiện và tâm vô ký suy ra có thể biết được. Nếu sai bảo người đi giết người nói rằng: "Nếu người đó đến thì giết", Tỳ-kheo được sai lại giết lúc người đó đang đi thì phạm khinh Thâu-lan-giá; nếu bảo cầm dao giết lại cầm gậy giết hoặc bảo giết người này lại giết lầm người kia… tất cả hành động không đúng theo lời sai bảo thì Tỳ-kheo được sai đều phạm khinh Thâu-lan-giá. Nếu sai một người đi giết người, người được

sai lại sai người khác đi giết, cứ như thế lần lượt sai chuyền đến mười người, khi người sau cùng giết chết được người thì cả mười đều phạm Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo biết xem sao, lịch số, âm dương, bói quẻ, giải đoán kiết hung, vận nước hưng suy cho đến hình thế quân trận…; người đến xem bói nếu nghe theo lời Tỳ-kheo bói toán mà cất quân chinh phạt để thống trị nước khác, tùy người bị giết hại và tài bảo cướp được bao nhiêu thì Tỳ-kheo phạm cả hai tội sát và trộm bấy nhiêu. Nếu Ưu-bà-tắc vì vua, đồng tâm với vua trong việc đi chinh phạt nước khác, khi đánh phá tùy người bị thương chết và tài bảo thu được bao nhiêu thì Ưu-bà-tắc phạm cả hai tội sát và trộm bấy nhiêu, vì tuy không tự tay làm nhưng đã đồng tâm làm. Nếu hai người đâm chém nhau và cùng chết thì không phạm giới tội, vì thọ giới thệ nguyện trọn một đời, nên chết rồi thì không kết tội. Nếu dùng dao gậy muốn giết người, khi đánh đập hay đâm chém mà người kia không chết liền, sau đó có người khác đến đánh khiến cho người đó chết thì người đánh sau làm cho chết phạm Ba-la-di, người đánh trước chỉ phạm trọng Thâu-lan-giá. Nếu sai bảo người đi giết người nói rằng: "Nếu người đó đến thì dùng dao giết chết", bất luận đâm cạn hay sâu mà người đó chưa chết thì cả hai người sai và người được sai đều phạm trọng Thâu-lan-giá.

Nếu giết thai nhi bằng cách làm cho sẩy thai,

hư thai; thai nhi trong bụng mẹ từ lúc các căn đã thành tựu trở đi nếu làm cho chết thì gọi là Đọa thai sát (giết bằng cách làm cho hư thai, sẩy thai). Trường hợp các căn chưa đầy đủ chỉ mới tượng hình như lạc sắp thành tô, nếu đè bụng người mẹ làm cho tan hoại thì gọi là Án phúc sát (đè bụng mẹ khiến thai nhi chết), cho đến khi thai nhi có hai căn là thân căn và mạng căn mà làm cho thai nhi chết đều phạm Ba-la-di. Trên đây là nói đến mức tột cùng.

Có bốn hạng người không thể giết được, đó là người nhập Diệt tận định, người nhập Vô tưởng định, Phật và người nhập từ tâm tam muội.

d. Nhân duyên kết giới vọng ngữ:

Nếu vì lợi dưỡng và danh tiếng mà nói là tôi đã đắc pháp quán bất tịnh, A-na-ban-na niệm cho đến quả vị Thế đệ nhất của Hiền vị, bốn Hướng, bốn Quả Sa-môn của Thánh vị, cho đến đắc bốn Thiền, bốn tâm vô lượng, bốn Định cõi Vô sắc, năm Thông… đều phạm Ba-la-di. Nếu tự nói mình giữ giới thanh tịnh, không khởi tâm dâm mà không thật như vậy thì phạm Thâu-lan-giá; hoặc tự nói trời rồng quỷ thần đến chỗ tôi, tôi cùng họ hỏi đáp mà không thật như vậy thì phạm Ba-la-di. Sở dĩ phạm trọng là do tự cho mình bên trong có pháp thù thắng, có thể cảm được trời rồng quỷ thần; hoặc tự biểu hiện mình đã lìa sợ hãi vì rồng quỷ thần đến chỗ tôi mà tôi không sợ hãi, đáng được gọi là có

pháp hơn người. Chỉ nói hơn người mà không nói hơn trời vì Phật chế giới trong loài người, chỉ ở cõi người mới có giới Ba-la-đề-mộc-xoa và có nhiều người tu thiện pháp, chứng nhập Thánh đạo hơn hẳn cõi trời, cho nên nói hơn người là đã hơn trời, chỉ cần nói hơn người là phạm Ba-la-di không cần nói hơn trời.

Nếu không tụng đọc bốn bộ A-hàm mà nói là đã đọc tụng; không phải là A-tỳ-đàm sư mà nói mình là A-tỳ-đàm sư, không phải là Luật sư mà nói là Luật sư… cho đến không có ngồi thiền tu tịch tĩnh mà nói là tu tịch tĩnh, đều phạm Thâu-lan-giá. Nói chung, không có tu tập đọc tụng gì mà nói là có tu tập đọc tụng, tất cả đều phạm Thâu-lan-giá.

3. Nhân Duyên Kết Mười Ba Việc Tăng Tàn:

1. Giới cố ý làm xuất tinh:

Phật chế giới cho các Tỳ-kheo:

Hỏi: Tất cả thiện pháp đều không nói kết, vì sao chỉ nói kết giới?

Đáp: Vì giới là căn bản của vạn thiện, chỉ cần kết giới là kết tất cả.

Sở dĩ Phật kết giới cố ý làm xuất tinh này là vì muốn cho chánh pháp trụ lâu và muốn ngăn dứt phỉ báng; nếu Tỳ-kheo làm việc này, người đời và ngoại đạo sẽ nói là Sa-môn Thích tử làm hạnh bất tịnh không khác thế tục; lại muốn cho trời rồng thiện thần phát tâm tín kính, nếu Tỳ-kheo làm việc

này dù là ở chỗ khuất kín nhưng tất cả trời rồng thiện thần đều nhìn thấy. Lại nữa, Phật bình đẳng không phân biệt thân sơ, hễ có việc liền chế giới, không việc (vô sự) thì không chế giới. Lại nữa, pháp của chư Phật đều như thế, dâm dục là hạnh xấu xa đáng nên chế ngăn.

Tăng-già-bà-thi-sa: Tần dịch là Tăng tàn vì tội này thuộc Tăng, trong Tăng có dư tàn, nhờ Tăng mà tội được trừ diệt. Lại nữa, phạm bốn trọng thì không có dư tàn (vô tàn), còn phạm mười ba việc này thì có dư tàn (hữu tàn), nhờ Tăng diệt tội nên gọi là Tăng tàn.

Hỏi: Bốn thiên giới sau đều có dư tàn vì sao chỉ thiên giới này gọi là Tàn?

Đáp: Bốn thiên giới sau tuy đều có dư tàn nhưng tất cả không phải nhờ Tăng mà được diệt tội, trong ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề chỉ có ba tội nhờ Tăng trừ diệt, những tội còn lại thì không; trong chín mươi pháp Ba-dật-đề chỉ có bảy tội nhờ Tăng trừ diệt, những tội khác thì không. Riêng mười ba việc trong thiên giới này đều nhờ Tăng diệt tội. Lại nữa, phạm tội trong thiên giới này nếu có che giấu phải ở trong Tăng hành Ba-lợi-bà-sa, khi hành Ma-na-đỏa cũng phải ở trong Tăng, cho đến khi xuất tội cũng phải ở trong Tăng, cho nên gọi là Tăng tàn.

Giới cố ý làm xuất tinh này bất cọng với ni, Tỳ-

kheo làm thì phạm Tăng tàn còn Tỳ-kheo-ni làm chỉ phạm Ba-dật-đề.

Hỏi: Vì sao lại chế bất cọng?

Đáp: Vì hai chúng có khác biệt, có thuyết cho là người nữ phiền não sâu nên khó câu thúc, khó chế ngự; nếu chế trị phạt nặng thì sẽ làm cho họ phiền não. Lại nữa, người nữ ở chỗ khuất kín có nhiều duyên, nhiều lực mới xuất tinh; người nam không như thế, tùy việc đều có thể xuất tinh nên chế bất cọng. Nếu Tỳ-kheo cố ý làm cho xuất tinh, tinh chưa xuất liền biến thành ni, sau đó tinh mới xuất thì không phạm vì ni không có phương tiện làm xuất tinh. Nếu Tỳ-kheo cố ý làm xuất tinh, tinh vừa xuất liền biến thành ni thì được thanh tịnh ở trong chúng. Nếu Tỳ-kheo đang hành sáu đêm Ma-na-đỏa mà biến thành ni, cũng được thanh tịnh ở trong chúng; hoặc đang hành Ba-lợi-bà-sa mà biến thành ni, cũng được thanh tịnh ở trong chúng. Trường hợp Tỳ-kheo-ni biến thành Tỳ-kheo cũng như thế, đó là chỗ không đồng nhau. Nếu Tỳ-kheo trước đã phạm Tăng tàn, việc làm chưa xong liền biến thành ni thì Tỳ-kheo trước phạm Thâu-lan-giá, còn Tỳ-kheo-ni sau lại phạm Tăng tàn vì tội đồng; Tỳ-kheo-ni biến thành Tỳ-kheo cũng vậy. Nếu Tỳ-kheo phạm Tăng tàn che giấu tội mười năm, năm năm, sau đó biến thành ni thì Tỳ-kheo-ni này chỉ hành nữa tháng Ma-na-đỏa liền được xuất tội. Nếu Tỳ-kheo-ni phạm Tăng tàn không che

giấu, hành nữa tháng Ma-na-đỏa mới được một, hai ngày liền biến thành Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo này chỉ hành sáu đêm Ma-na-đỏa liền được xuất tội. Nếu trước phạm tội có che giấu, sau đó biến thành Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo này phải tùy theo số ngày che giấu mà hành Ba-lợi-bà-sa, đấy là chỗ không đồng nhau.

Xuất tinh trong mộng: có ba việc có thể sanh phiền não, đó là nhân duyên, phương tiện và cảnh giới. Nhân duyên là chúng sanh do thiện nghiệp đời trước được sanh vào nhà giàu sang hoặc sanh lên cõi trời đều lấy sự hưởng thọ dục lạc làm trước, cho nên sự giàu sang vui sướng ở cõi trời người là nhân duyên của dâm dục. Phương tiện là nếu thấy nữ sắc nghe tiếng người nữ, tư duy phương tiện rồi khởi dục. Cảnh giới là nếu thấy người nữ tuyệt đẹp liền khởi dục. Ca-lưu-đà-di trước là con nhà giàu sang, tuy xuất gia nhưng tâm dục hừng thạnh nên trong mộng xuất tinh; lại do khi đi vào trong tụ lạc thấy nữ sắc, tư duy phương tiện nên mới xuất tinh trong mộng.

Đứng một bên: Tôn giả A-nan vì kính Phật nên không ngồi.

Hỏi: Tôn giả Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên cũng kính Phật, vì sao lại ngồi?

Đáp: Hai vị ngồi vì kính pháp, tôn giả A-nan vừa là bà con của Phật, lại thọ Tăng sai làm thị giả

cho Phật nên không đồng với hai tôn giả kia. Lại nữa, pháp của chư Phật đều như vậy, pháp của thị giả là không được ngồi.

Khen ngợi giới, khen ngợi người trì giới: Để điều phục người phá giới khiến cho người trì giới được tăng trưởng thiện căn; như Phật thường khen ngợi đa văn, trí huệ, chuyên cần tinh tấn. Nếu người phá giới hoặc người ngu si, người biếng nhác nhận biết lời Phật nói là không hai, ắt sẽ được lợi ích lớn. Phật khen ngợi như vậy để người không trì giới sẽ siêng năng trì giới, chúng sanh ngu si sẽ siêng cầu trí huệ, chúng sanh biếng nhác sẽ chuyên cần tinh tấn.

2. Nhân duyên kết giới sờ nắm người nữ:

Ca-lưu-đà-di cầm khóa cửa đứng ở giữa cửa, do vị này nhiều dục, tâm dâm hừng thạnh, hễ thấy có người nữ liền cùng nói cười, sờ nắm hoặc ôm để giải tỏa tâm dâm.

Hỏi: Nếu tâm nhiều dục như vậy, vì sao không làm việc dâm phá giới?

Đáp: Vì người này căn cơ thuần thục sẽ được Lậu tận, lại phải hóa độ một ngàn nhà trong thành Xá-vệ, chỉ thiếu một người, cho nên không làm việc dâm phá giới.

Hỏi: Vì sao những người nữ lại đến tham quan Tăng phường?

Đáp: Một là vì thế gian nhiều việc, nhiều lo

toan còn chỗ ở của người xuất gia lại tịch tĩnh an lạc; hai là vì họ muốn gần gũi thiện tri thức để được nghe chánh pháp; ba là vì trong Tăng phường đủ thứ trang nghiêm, phòng xá cho đến giường nằm, ngọa cụ… đều được chạm trổ, tô vẽ đẹp đẽ, vừa nhìn liền thích nên mới đến tham quan.

Hỏi: Vì sao lại đến sau bữa ăn ngọ?

Đáp: Không có nghĩa nhất định, vì nếu đến trước bữa ăn ngọ thì có người sẽ hỏi vì sao không đến sau bữa ăn ngọ, trước hay sau đều có nghi như thế. Lại nữa, người thế tục trước bữa ăn trưa bận nhiều việc, nhiều duyên hoặc phải làm thức ăn cho bữa ăn trưa, xử lý việc trong nhà…; sau khi lo liệu việc nhà xong, họ mới có thể tùy ý lên núi dạo chơi hoặc đến trong chùa tham quan. Lại nữa, đến trong Tăng phường tham quan là vì muốn gần gũi bậc thiện nhân và thích được nghe pháp; nếu đến trước bữa ăn ngọ thì các Tỳ-kheo đều đi khất thực hoặc có duyên sự gì đó không ở trong tăng phường, nên sau bữa ăn ngọ mới đến.

Hỏi: Vì sao những người nữ lại đi theo Tỳ-kheo vào trong phòng?

Đáp: Vì họ cho là người xuất gia đã đoạn dục thanh tịnh, lại vì tín kính nên theo vào trong phòng mà không nghi ngại.

Hỏi: Vì sao trong các người nữ, có người im lặng, có người không im lặng?

Đáp: Có thuyết cho là người có nhiều dục thì im lặng, người ít dục thì không im lặng; lại nữa, nếu người quen biết thì im lặng, người không quen biết thì không im lặng; lại nữa, tánh người không giống nhau, người thích che giấu tội lỗi thì im lặng, người không thích che giấu tội lỗi thì không im lặng; lại nữa, người không có cha mẹ, anh em, con cái không có gì lo sợ nên im lặng; người có cha mẹ… có lo sợ nên không im lặng.

Tỳ-kheo thuyết pháp cho các người nữ: Thuyết giảng Phật pháp tăng là ruộng phước tốt lành, đáng tin, đáng kính.

Không nên vì chút nhân duyên mà tự phá mất thiện căn: Tức là khen ngợi Ca-lưu-đà-di đời trước đã gieo trồng công đức trí huệ, đời này sẽ được Lậu tận, sẽ hóa độ một ngàn nhà làm lợi ích lớn, chớ vì chút nhân duyên mà tự phá mất thiện căn. Sở dĩ Phật chế giới sờ nắm người nữ, một là vì người xuất gia không nương vào đâu, Phật kết giới này cho họ làm bạn để có chỗ nương; hai là vì ngăn dứt đấu tranh, sờ nắm người nữ là căn bản của cạnh tranh đấu loạn; ba là vì dứt hiềm nghi, Tỳ-kheo nếu sờ nắm người nữ, người nhìn thấy sẽ cho là Tỳ-kheo không chỉ sờ nắm mà còn có thể làm việc dâm dục xấu xa; bốn là để đoạn trừ gốc rễ dâm dục vì dục là khởi đầu của các họa, sờ nắm người nữ tức là mở cửa các ác, ngăn cấm điều mới bắt đầu khởi để phòng ngừa đắm nhiễm; năm là giữ chánh niệm,

nếu sờ nắm người nữ liền mất chánh niệm; sáu là vì pháp tăng thượng, pháp của tỳ-kheo là đoạn trừ dục uế, để tâm ngoài các việc, làm bậc mô phạm cho trời người. Nếu sờ nắm người nữ không khác gì kẻ xấu, sẽ làm cho người đời mất lóng tín kính. Giới này bất cọng với Ni, Tỳ-kheo phạm Tăng tàn, Tỳ-kheo-ni sờ nắm người nam thì phạm Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo sắp sờ nắm người nữ liền biến thành Ni, sau đó sờ nắm thì không phạm vì Ni không có tâm phương tiện nên được thanh tịnh cùng ở. Nếu Tỳ-kheo sờ nắm người nữ rồi mới biến thành Ni, cũng được thanh tịnh cùng ở; Tỳ-kheo-ni sờ nắm người nam phạm Ba-la-di rồi biến thành Tỳ-kheo, cũng được thanh tịnh cùng ở. Nếu Tỳ-kheo sờ nắm người nữ, chưa nắm mà người nữ liền biến thành nam, khi nắm không phải là người nữ nữa thì Tỳ-kheo không phạm Tăng tàn, chỉ phạm Thâu-lan-giá phương tiện trước; nếu nắm được rồi người nữ mới biến thành nam thì Tỳ-kheo phạm Tăng tàn. Nếu Tỳ-kheo-ni sờ nắm người nam, chưa nắm mà người nam liền biến thành nữ thì Tỳ-kheo-ni không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Thâu-lan-giá phương tiện trước; nếu đã nắm rồi người nam mới biến thành nữ thì Tỳ-kheo-ni phạm trọng.

3. Nhân duyên kết giới nói thô ác:

Giới này cũng bất cọng với Ni, Tỳ-kheo nói lời thô ác (lời yêu đương tình tứ) với người nữ thì phạm Tăng tàn, Tỳ-kheo-ni chỉ phạm Thâu-lan-

giá, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Trong năm thiên giới, mỗi thiên đều có chủng loại như năm giới đầu trong mười ba Tăng tàn; ba giới trong ba mươi Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề gồm có giới lấy ý từ Ni không phải bà con, giới giặt y cũ và giới nhuộm lông dê; mười lăm giới trong chín mươi Ba-dật-đề gồm có giới nói chuyện với người nữ quá năm, sáu lời, giới giáo giới Ni đến mặt trời lặn… theo thứ lớp đến mười giới, cùng với hai giới gượng ngồi trong nhà ăn, giới ngủ đêm cùng nhà với người nữ và giới hẹn đi chung đường; giới thứ tư trong bốn pháp Hối quá và các giới trong thiên Chúng học pháp như giới không được liếc ngó, giới không nhìn lên cao… tất cả các giới kể trên đều thuộc về chủng loại giới Dâm. hai giới về làm phòng xá trong mười ba Tăng tàn; bảy giới trong ba mươi Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề gồm có giới cất chứa vật báu, giới dùng vật báu, giới mua bán, giới tự xin chỉ sợi, giới bảo thợ dệt dệt, giới đoạt y của người khác, giới hồi Tăng vật; ba giới trong chín mươi Ba-dật-đề gồm có giới giấu y bát…, giới cho y rồi đoạt lại, giới cùng giặc đi chung đường; giới thứ ba trong bốn pháp Hối quá và các giới trong thiên Chúng học pháp như giới lấy cơm phủ lên canh, giới đại tiểu tiện trên cỏ tươi, trong nước sạch… tất cả các giới kể trên đều thuộc về chủng loại giới Trộm. Giới Ô-tha-gia trong mười ba Tăng tàn; giới làm phu cụ bằng Kiều-xa-da trong ba mươi Ni-tát-kỳ

Ba-dật-đề; trong chín mươi Ba-dật-đề có các giới như giới biết nước có trùng mà dùng tưới lên cỏ và uống dùng, giới đánh và dọa đánh Tỳ-kheo khác, giới cố ý giết súc sanh; giới thứ một trong bốn pháp Hối quá; trong thiên Chúng học pháp có các giới như giới đại tiểu tiện trên cỏ tươi và trong nước sạch… tất cả các giới trên đều thuộc về chủng loại giới Sát. Trong mười ba Tăng tàn có các giới như hai giới vu báng, hai giới phá Tăng và trợ giúp phá Tăng, giới nói lời chống trái; trong ba mươi Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề có các giới như giới bảo cư sĩ mua y tốt, giới bảo các cư sĩ hùn tiền mua y, giới đến đòi y quá sáu lần; mười giới đầu trong chín mươi Ba-dật-đề; giới thứ hai trong bốn pháp Hối quá và tất cả các giới về thuyết pháp trong thiên Chúng học pháp… tất cả các giới trên đều thuộc về chủng loại Vọng ngữ. hai trăm năm mươi theo chủng loại mà nói thì có bốn, theo tướng tội thì có năm thiên.

4. Giới làm phòng không có thí chủ:

Phật tại nước A-la-tỳ, nước này là chỗ ở của quỷ thần A-la-tỳ nên lấy đó làm tên nước.

Các Tỳ-kheo: Có hai hạng đó là Tỳ-kheo thuộc thế đế thì thọ giới Ba-la-đề-mộc-xoa và Tỳ-kheo thuộc Đệ nhất nghĩa đế thì trụ nơi giới Vô lậu.

Đại Ca-diếp: Có nhiều người tên Ca-diếp nhưng trong đây sở dĩ gọi là Đại Ca-diếp: Một là vì tôn giả là con của một trưởng giả giàu có, giai

cấp quý tộc; hai là vì tôn giả có thể bỏ sự giàu sang và giai cấp quý tộc để xuất gia; ba là vì tôn giả có thể hành hạnh đầu đà, thiểu dục tri túc; bốn là vì tôn giả được các quốc vương cho đến trời rồng quỷ thần đều biết đến và tín kính cúng dường; năm là vì tôn giả xả bỏ lợi dưỡng lớn ở thế gian, thiểu dục tri túc tu hạnh khất thực. Như tôn giả Xá-lợi- phất có đại trí huệ, tôn giả Đại Mục-kiền-liên có đại thần thông; tôn giả Đại Ca-diếp do thành tựu đại công đức, hành hạnh đầu đà, thiểu dục tri túc nên được gọi là Đại Ca-diếp.

Đa dục không tri túc: Trái với thiểu dục tri túc, tham muốn nhiều được một lại cầu thêm một thì gọi là đa dục không tri túc. Lại nữa, bên trong được cúng dường không nhàm chán gọi là đa dục; bên ngoại được nhiều lợi dưỡng cũng không nhàm chán gọi là không tri túc. Phật kết giới này một là muốn chánh pháp được trụ lâu, hai là ngăn dứt phỉ báng, ba là không làm não hại chúng sanh khiến họ tăng trưởng lòng tín kính, bốn là muốn các Tỳ-kheo thiểu dục tri túc để tu thiện pháp. Giới này bất cọng với Ni, Tỳ-kheo thì phạm Tăng tàn còn Tỳ-kheo-ni chỉ phạm Thâu-lan-giá, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Làm phòng: Trong giới này là làm phòng riêng, không có thí chủ liệu lý, tự xin tự làm; do nhiều duyên, nhiều việc làm não loạn chúng tại gia nên Phật chế ngăn phải làm đúng lượng: Chiều dài

không quá mười hai gang tay của Phật, bên trong phòng rộng không quá bảy gang tay của Phật. Một gang tay của Phật bằng một khuỷu tay rưỡi của người thường.

Chỉ chỗ: Tăng nên chỉ chỗ làm phòng, nhóm Tăng rồi cùng đến chỉ chỗ nên làm phòng thì càng tốt; nếu Tăng không đến thì nên sai bốn người đến chỉ chỗ và nói kích lượng làm phòng rồi vạch dấu làm tướng; nếu Tăng không nói kích lượng làm phòng và không chỉ chỗ nên làm, tức là chỗ không có nạn, chỗ không có chướng ngại thì Tăng phạm Đột-kiết-la. Chỗ có nạn là những chỗ có hang rắn, hang chuột…, trong phạm vi chừng bao nhiêu gọi là chỗ không có nạn, tức là chung quanh bốn phía chỗ làm phòng không có nạn; hoặc đường đi ở chỗ ra vào không có nạn. Chỗ có chướng ngại: Là chỗ đất của vua, của cư sĩ, của ngoại đạo, của tỳ-kheo-ni…; chỗ đất của vua là bốn phía chung quanh trong phạm vi một tầm, nếu có đất tháp, đất của vua, vua thường vào trong Tăng phường và ở lại ngủ nghỉ. Tăng không muốn vua vào trong phòng của Tăng thì nên kết riêng chỗ đất này gọi là đất của vua; chỗ đất của cư sĩ là khi làm Tăng phường có các cư sĩ thường đến chỗ chúng tăng và ở lại ngủ nghỉ, nói cười đùa giỡn. Tăng không muốn họ vào trong phòng Tăng thì nên kết riêng chỗ đất này gọi là đất của cư sĩ; đất của ngoại đạo là do cư sĩ có bà con xuất gia theo ngoại đạo lui tới nên Tăng

kết riêng chỗ đất này gọi là đất của ngoại đạo; đất của tỳ-kheo-ni là do cư sĩ có bà con xuất gia làm Ni thường lui tới nên Tăng kết riêng chỗ đất này gọi là đất của tỳ-kheo-ni. Tảng đá lớn là do ở gần chỗ làm phòng có tảng đá lớn, nhiều người tới lui qua lại bị nó làm não hại hoặc làm bể các vật dụng nên gọi là chỗ có chướng ngại. Nước chảy là do làm phòng gần chỗ nước chảy, khi nước lớn dâng sẽ làm trôi mất phòng nhà hoặc nước chảy xói vào bờ hủy hoại không nhỏ nên gọi là chỗ có chướng ngại. Nước ao là làm phòng gần ao nước, nước ao ngấm dần khiến cho phòng không kiên cố nên gọi là chỗ có chướng ngại. Cây lớn là làm phòng gần cây lớn có nhiều chim bay đến tụ tập gây ra tiếng ồn náo và phân chim bất tịnh, hoặc cành cây gãy rơi xuống có thể làm tổn thương người nên gọi là chỗ có chướng ngại. Hầm sâu là làm phòng gần chỗ sụp lở khiến cho phòng không kiên cố. Bất luận làm phòng ở đâu nếu quá kích lượng và ở chỗ có nạn, có chướng ngại, có bốn việc không như pháp thì từ lúc đất còn bằng phẳng, vạch đất làm tướng, lúc đó phạm Thâu-lan-giá; từ lúc làm phòng còn tô trét hai cục bùn nữa mới xong thì phạm khinh Thâu-lan-giá; còn tô trét một cục bùn nữa mới xong thì phạm trọng Thâu-lan-giá; làm xong thì phạm Tăng tàn. Nếu có ba việc không như pháp hoặc một việc như pháp, hai việc không như pháp hoặc hai việc như pháp, một việc không như pháp

hoặc ba việc như pháp thì từ lúc đất còn bằng phẳng, vạch đất làm tướng cho đến giai đoạn còn tô trét một cục bùn nữa mới xong, tất cả đều phạm khinh Thâu-lan-giá; nếu làm phòng xong thì phạm trọng Thâu-lan-giá.

Tỳ-kheo muốn làm phòng, phải tự đi xem chỗ làm phòng trước rồi mới nhóm Tăng, vào trong Tăng nói ba lần xin cho làm phòng, Tăng nên đến chỉ chỗ và vạch đất làm tướng rồi mới tác pháp yết ma. Nếu khi vạch đất làm tướng mà bị gió thổi hay mưa lớn làm trôi mất tướng thì nên vạch tướng lại; khi đang tác pháp yết ma mà tướng mất thì cũng thành yết ma; yết ma nữa chừng mà tướng mất thì cũng thành yết ma; yết ma xong mà tướng mất thì cũng thành yết ma. Khi Tăng đã vạch đất làm tướng rồi thì Tỳ-kheo xin làm phòng không được làm phòng ở chỗ khác, Tỳ-kheo khác cũng không được làm phòng ở chỗ này, chỉ có Tỳ-kheo đã theo Tăng xin làm phòng mới được làm. Nếu làm phòng xong không được chê nhỏ quá hay lớn quá; nếu làm phòng không như pháp thì tùy từng giai đoạn làm phòng đều phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo chủ của phòng này qua đời hay đi xa không về nữa thì được tùy ý xử phân hoặc cúng Tam bảo hoặc cho bà con hoặc cho cư sĩ hoặc bán lấy tiền, chỉ được bán phòng không bán đất; nếu Tăng không thuận cho thì Tăng mắc tội. Nếu Tỳ-kheo chủ của phòng này không tự xử phân thì phòng này thuộc

về Tứ phương tăng, chúng tăng theo thứ lớp thọ ở. Nếu có Tỳ-kheo khác muốn xây thêm phòng trên phòng nhà này thì không cần bạch Tăng mà theo xin Tỳ-kheo chủ của phòng này, chủ chấp thuận cho làm thì được làm, chủ không chấp thuận cho làm thì không được làm, tùy ý chủ phòng xử phân; nếu chủ phòng không xử phân thì phòng thuộc về Tứ phương Tăng như trường hợp trên.

Nếu Tỳ-kheo làm phòng không như pháp hoặc ở trên đất của Tăng bốn phương thì không được xây tháp, nếu xây thì phạm tội; cũng không được tự trồng trọt. Nếu Tăng hòa hợp cho làm thì được làm; Tăng không hòa hợp, không cho làm thì không được làm. Nếu trong đất của tăng có trồng nhiều loại hoa nên bảo tịnh nhân hái rồi theo thứ lớp cúng dường Tăng, không được lấy riêng tự cúng dường Tam bảo; nếu hoa nhiều Tăng hái không hết, Tăng hòa hợp cho hái thì được tùy ý hái. Nếu ruộng vườn của Tam bảo sau khi bỏ hoang không phân biệt được, cựu Tỳ-kheo ở trước kia cho đến bạch y không hỏi rõ mà quyết định là không có chỗ nào; nếu Tăng hòa hợp tùy ý xử phân là không phải đất của Tăng thì đất đó nên thuộc về vua, Tỳ-kheo muốn làm phòng nhà trên đất này nên bạch vua rồi mới được làm, nếu không bạch vua thì không được làm. Nếu ở bên trong Tăng phường, không được xây tháp tạo tượng vì gần người nhơ uế không thanh tịnh. Nếu nhà có lầu

gác, kinh tượng để ở dưới thì mình không được ở tầng trên. Hoa trồng trong đất tháp, không được hái cúng dường Tăng, đúng pháp nên cúng dường Phật; cũng được bán hoa lấy tiền dùng để cúng dường tháp. Nếu nước ở trong đất tháp thì dùng để cúng dường tháp, nếu còn dư thì người ra công sức làm tháp có thể bán nước này lấy tiền dùng để cúng dường tháp, không được dùng vào việc khác, nếu dùng thì tính giá tiền kết tội; nếu tháp không có người trông coi thì nước dư này do Tăng nhơn trù tính.

Tỳ-kheo học vấn hay ngồi thiền đều có nghiệp nhất định; nếu Tỳ-kheo học vấn học không căn bản, muốn lấy học vấn này để luận về hạ lạp là không thanh tịnh; nếu Tỳ-kheo tu thiền không căn bản, muốn lấy tọa thiền này để luận về hạ lạp là không thanh tịnh.

5. Giới làm phòng có thí chủ:

Phật ở nước Câu-diệm-di, trưởng lão Xiển-na là em khác mẹ với Phật, là con của em gái vua Ưu-điền, xuất thân trong gia đình quý tộc, sau khi xuất gia vẫn ở trong nước này, tánh vốn ngang ngạnh tự dụng làm nhiều điều lầm lỗi.

Giới này cũng bất cọng với Ni, Tỳ-kheo phạm Tăng tàn còn Tỳ-kheo-ni chỉ phạm Thâu-lan-giá, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Có thí chủ là thí chủ xuất tiền đưa cho Tỳ-kheo làm Tăng phòng, vì

là Tăng phòng nên không chế hạn kích lượng. Nếu đàn việt muốn làm phòng lớn, Tỳ-kheo nên nói làm phòng nhỏ để thích ứng với pháp thiểu dục; nếu đàn việt muốn cầu phước đức nên làm chùa lớn cho nhiều người ở hoặc làm chùa có nhiều tầng thì không nên trái ý thí chủ, nếu trái ý tức là làm tổn phước đức của họ. Nếu ý thí chủ muốn làm chùa rộng lớn trang nghiêm như tinh xá Kỳ-hoàn, Tỳ-kheo nên khéo chỉ bày để khai giải họ rồi mới làm chùa nhỏ. Luật sư nói: "Giới làm chùa lớn này do có thí chủ làm Tăng phòng, vì là Tăng phòng nên không hạn chế kích lượng lớn hay nhỏ, tác pháp cũng giống như giới làm phòng ở trên".

Nếu không bạch tăng để Tăng chỉ chỗ làm, làm ở chỗ có nạn hay chỗ có chướng ngại, ba việc không như pháp thì từ giai đoạn đất còn bằng phẳng vạch đất làm tướng cho đến giai đoạn tô trét còn hai cục bùn nữa mới xong đều phạm khinh Thâu-lan-giá; tô trét còn một cục bùn nữa mới xong thì phạm trọng Thâu-lan-giá; làm chùa xong thì phạm Tăng tàn. Nếu hai việc không như pháp hoặc một việc như pháp, một việc không như pháp hoặc hai việc như pháp thì từ giai đoạn đất còn bằng phẳng vạch đất làm tướng cho đến giai đoạn tô trét một cục bùn nữa mới xong đều phạm khinh Thâu-lan-giá; làm chùa xong thì phạm trọng Thâu-lan-giá. Nếu lấy tài vật của mình để làm Tăng phòng cũng như vậy. Nếu lấy vật của Tăng làm

phòng cho một vị tăng, bất luận có được Tăng chỉ chỗ, làm phòng ở chỗ không có nạn hay không chướng ngại, làm xong thì phạm Đột-kiết-la; nếu làm ở chỗ có nạn, có chướng ngại từ giai đoạn đất còn bằng phẳng vạch đất làm tướng cho đến giai đoạn tô trét còn hai cục bùn nữa mới xong đều phạm khinh Thâu-lan-giá; tô trét còn một cục bùn nữa mới xong thì phạm trọng Thâu-lan-giá; làm chùa xong thì phạm Tăng tàn. Nếu lấy tài vật của mình và tài vật của thí chủ để làm chùa cũng như trong giới trước đã nói rõ. Dù làm phòng riêng như trong giới trước hay làm chùa lớn như trong giới sau, nếu vì tình cảm của người dành cho mình mà nhận làm nhưng làm không như pháp thì cả hai đều mắc tội. Dù làm chùa (Tăng phòng) hay làm phòng riêng cho mình đều phải bạch Tăng xin ba lần, thứ lớp tác pháp như trong giới trên đã nói rõ.

Ưu-bà-tắc: Tần dịch là bỏ ác tu thiện, cũng dịch là thân cận.

6. Giới không căn cứ vu báng thứ tám:

Phật tại thành Vương xá, nước Ca-tỳ-la vệ trưởng dưỡng sắc thân, nước Ma-kiệt-đà trưởng dưỡng pháp thân nên Phật ở thành Vương xá nhiều hơn. Do trưởng lão Đà-phiêu lực sĩ tử thành tựu năm pháp nên Tăng yết ma sai làm người trông coi ngọa cụ.

Hỏi: Người thành tựu năm pháp rất nhiều, vì

sao Tăng chỉ sai trưởng lão Đà-phiêu?

Đáp: Vì trưởng lão Đà-phiêu là người ở lâu trong thành Vương xá lo việc tiếp đãi khách Tăng; lại do Phật muốn làm cho trưởng lão được mãn bổn nguyện. Quá khứ vào thời Phật Ca-diếp, trưởng lão Đà-phiêu cũng làm người trông coi ngọa cụ rất vừa ý chúng tăng; lúc đó trưởng lão có phát nguyện, nguyện vào đời vị lai cũng làm người trông coi ngọa cụ cho Tăng nên đến đời này trưởng lão lại được cử làm người trông coi ngọa cụ cho Tăng. Phật sở dĩ muốn người có đầy đủ đức hạnh trông coi ngọa cụ cho Tăng là muốn hiển bày pháp không xẻn tiếc, vì pháp của ngoại đạo là không muốn cho đệ tử có tài năng đảm nhận làm việc gì, vì sợ đức hạnh của đệ tử ngang bằng mình. Phật không như thế, tất cả không xẻn tiếc, tùy đệ tử giỏi hay kém về phương diện nào mà sai làm việc thích hợp; lại vì muốn hiển bày thứ bậc của trí huệ, phước đức, lớn nhỏ…, người trông coi ngọa cụ có phước đức như vậy huống chi là người thọ dụng. Lại nữa, Phật muốn làm trang nghiêm pháp của Phật Di-lặc ở đời vị lai, như hiện nay trưởng lão Xá-lợi-phất là Trí huệ bậc nhất, trưởng lão Đại Mục-kiền-liên là Thần thông bậc nhất, trưởng lão Ca-chiên-diên là Luận giải kinh bậc nhất, trưởng lão Phú-lâu-na là Tứ biện tài bậc nhất, trưởng lão A-nan là Tổng trì bậc nhất, trưởng lão Đà-phiêu là người trông coi ngọa cụ bậc nhất…; người đương thời thấy năm

trăm đệ tử của Phật đều là những người bậc nhất như thế ắt sẽ phát nguyện thù thắng, thệ lập các hạnh và nguyện ở trong pháp của Phật vị lai cũng được bậc nhất như thế. Phật ra đời muốn trang nghiêm cho Phật vị lai nên đối với năm trăm đệ tử này tùy bậc nhất về phương diện nào mà trao việc ứng hợp. Lúc đó trưởng lão Đà-phiêu sắp xếp cho Tỳ-kheo A-lan-nhã ở cùng phòng với Trưởng lão A-lan-nhã, Tỳ-kheo trì luật ở cùng phòng với Tỳ-kheo trì luật, Pháp sư ở cùng phòng với Pháp sư, Kinh sư ở cùng phòng với Kinh sư…

Hỏi: Nếu sắp xếp đồng nghiệp ở chung như thế, há không có thiên tư gì hay sao?

Đáp: Không phải như vậy, do ở chung với đồng nghiệp nên không não loạn nhau và được an lạc trụ.

Hỏi: Bốn hạng người bốn hạnh nghiệp khác nhau, vì sao thường không rời nhau?

Đáp: Tỳ-kheo A-lan-nhã đối với pháp thiền có điều gì nghi chưa thông, muốn học hỏi thêm và muốn thường nghe pháp để tăng tiến sự tu, cho nên ở gần nhau. Luật sư đối với giới luật muốn biết giới tướng trọng khinh, sáng suốt quyết đoán tội và muốn hiểu rõ Tăng pháp, cho nên ở gần nhau. Pháp sư luận nghĩa thuyết pháp để xưng dương Tam bảo nên ở gần nhau để tăng trưởng thiện căn. Kinh sư đọc tụng đại kinh, hiểu biết sâu rộng nên ở gần

nhau để tùy việc có thể giải đáp cho nhau.

Nếu trong Tăng phường ít phòng như có bốn phòng thì nên ưu tiên chia chó Tỳ-kheo A-lan-nhã, kế mới chia theo thứ lớp; nếu chùa có bốn tầng cũng theo thứ lớp chia như thế, nếu không có bốn phòng thì Tăng tùy nghi xử phân.

Không cần đèn đuốc: Tất cả ánh sáng thuộc về thần lực đều phải do tâm nhập định.

Hỏi: Nếu phân chia ngọa cụ ắt phải ra khỏi tâm định, vì sao trong tâm không định mà lại phát được ánh sáng?

Đáp: Phật không thể nghĩ bàn, Rồng cũng không thể nghĩ bàn, nghiệp báo cũng không thể nghĩ bàn. Trưởng lão Đà-phiêu căn tánh thông lợi, thiền định cũng thông lợi; khi phân chia ngọa cụ, khoảng thời gian giữa tâm nhập định và tâm xuất định rất nhanh gọi là tán tâm, vì nó nhanh quá nên gọi là một tâm. Như người đánh trống, tay đánh miệng hô lên, tâm đánh trống không duyên với tâm hô lên, hai tâm khác nhau nhưng vì nó nhanh quá nên gọi là một tâm; lại như người bơi nổi, tay cầm phao, chân đạp nước, tâm cầm phao và tâm đạp nước khác nhau nhưng vì nhanh quá nên gọi là một tâm cũng giống như thế. Lại nữa, tâm nhập định trước, tay liền phát ra ánh sáng, phát ra ánh sáng rồi mới xuất định; do thế lực của tâm nhập định nên tuy ở trong tâm không định, ánh sáng vẫn

không mất. Giống như người thợ làm gốm, tay quay vòng để làm ra vật dụng, do thế lực của một lần quay vòng mà tự nó quay được đến năm, mười vòng không ngừng lại; trưởng lão Đà-phiêu cũng vậy, do thế lực của một lần nhập định mà ánh sáng trụ lâu. Quá khứ vào thời Phật Nhiên đăng, Phật ra đời thuyết pháp giáo hóa chúng sanh nhưng chúng sanh thời đó tham đắm thế lạc, biếng nhác buông lung nên không thọ Phật pháp. Phật nhập định dùng thần thông lực hóa làm một thành ấp trang nghiêm thanh tịnh, dân chúng trong thành giàu có hưởng thọ đầy đủ ngũ dục như thế trải qua mười hai năm, Phật cũng nhập định mười hai năm. Sau đó nước lớn bỗng dâng tràn cuốn trôi hết thành ấp này, dân chúng trong thành tan tác; chúng sanh tham đám thế lạc này thấy cảnh này rồi ngộ lẽ vô thường, nghĩ rằng: "Chúng ta không bao lâu sau cũng sẽ như vậy". Lúc đó Phật xuất định vọt lên hư không hiện đủ thứ thần biến rồi từ trên hư không hiện xuống thuyết pháp cho các chúng sanh này nghe, lúc đó có người được chứng quả Tu-đà-hoàn… cho đến A-la-hán; có người gieo trồng nhân duyên Phật Bích-chi, có người phát tâm cầu đạo quả A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, như thế vô lượng chúng sánh đều được pháp lợi. Do định lực mà Phật còn dừng trụ trong định suốt mười hai năm, huống chi là ánh sáng dừng trụ trong chốc lát.

Hỏi: Trong Phật pháp, có tội nên phát lồ còn có

công đức thì nên che giấu, vì sao trưởng lão Đà-phiêu lại thường phát ra ánh sáng nơi tay để tự hiển bày công đức?

Đáp: Tự hiển bày công đức có hai trường hợp: Một là vì lợi dưỡng và danh tiếng, hai là vì Phật pháp và chúng sanh. Nếu vì Phật pháp và chúng sanh thì tùy thời tự tại không có chướng ngại gì. Sở dĩ trưởng lão Đà-phiêu thường phát ra ánh sáng nơi tay là để ngăn dứt phỉ báng, như Phật khi bị một nữ Bà-la-môn vu báng liền cất tiếng gầm của Sư tử nói rằng: "Ta có mười lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cọng…" là để biểu bạch mình thanh tịnh; lại như trưởng lão Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên khi bị Cù-già-ly vu báng cũng cất tiếng gầm của Sư tử nói rằng: "Ta có bảy báu Giác ý như trong nhà trưởng giả có kho tàng với vô số y phục, châu báu tự tại lấy dùng; ta có bảy báu Giác ý cũng tùy ý lấy dùng" để biểu bạch mình thanh tịnh; trưởng lão Mục-liên thì nói: "Ta sanh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ thân sau", cũng để biểu bạch mình thanh tịnh; trưởng lão A-na-luật khi bị người phỉ báng cũng tự nói: "Ta vào lầu quán trí huệ tự tại du hí", cũng là để biểu bạch mình thanh tịnh; trưởng lão Sa-già-đà khi bị người phỉ báng là người uống rượu cũng tự nói: "Ta nhập định có thể làm cho từ dưới địa ngục A-tỳ lên đến cõi trời A-ca-nị -sắc-tra khắp nơi đều nổi lửa", để biểu bạch mình thanh tịnh; trưởng lão

Thâu-tỳ-đà bị người phỉ báng cũng tự nói: "Trong một niệm, ta có thể biết được việc trong năm trăm kiếp", để biểu bạch mình thanh tịnh. Trưởng lão Đà-phiêu cũng vậy, khi bị Từ-địa vu báng, khi chia ngọa cụ, tay thường phát ra ánh sáng một là để biểu bạch mình thanh tịnh.

Hai là dứt trừ tâm khinh chê, như Tỳ-kheo học vấn khinh chê Tỳ-kheo tọa thiền và Tỳ-kheo siêng làm việc chúng Tăng, Tỳ-kheo tọa thiền cũng khinh chê hai hạng Tỳ-kheo kia, Tỳ-kheo siêng giúp việc chúng Tăng cũng khinh chê hai hạng Tỳ-kheo kia. Trưởng lão Đà-phiêu dùng định lực phát ra ánh sáng nơi tay để phân chia ngọa cụ và siêng làm việc chúng, mục đích diệt trừ tâm khinh chê hơn thua lẫn nhau.

Ba là để chiết phục tâm cống cao ngã mạn của các Tỳ-kheo A-lan-nhã tu hạnh ở dưới gốc cây trong rừng núi. Các vị này cho rằng các Tỳ-kheo ở gần thành ấp tâm thường tán loạn, nói nhiều, lo toan nhiều việc nên đạo nghiệp khó thể thành tựu; còn các Tỳ-kheo A-lan-nhã ở nơi tịch tĩnh mới không có lầm lỗi. Trưởng lão Đà-phiêu muốn chứng minh cho họ thấy tuy ở chỗ nhiều việc lo toan nhưng vẫn được đại thần lực, nên khi phân chia ngọa cụ nơi tay thường phát ra ánh sáng để chiết phục tâm các vị này.

Bốn là muốn thể hiện quả báo tinh tấn, nhờ tinh tấn lực mới được thần thông lực để khích phát

những người biếng nhác buông lung.

Năm là muốn cho thí chủ đàn việt được tăng trưởng căn lành.

Sáu là muốn thể hiện pháp không thối chuyển, đức hạnh của trưởng lão Đà-phiêu trước đã thuần thục rồi, sau bị Từ địa vu báng nên nhiều người nghi là trưởng lão thối chuyển; trưởng lão khi phân chia ngọa cụ nơi tay thường phát ra ánh sáng để chứng minh mình thật không thối chuyển.

Bảy là muốn thể hiện đại oai đức của Tăng, một Tỳ-kheo trông coi ngọa cụ còn có thần đức như vậy huống chi là các vị có danh đức khác.

Tám là yêu tiếc chánh nghiệp, không muốn để cho luống mất nên khi phân chia ngọa cụ vẫn thường ở trong tâm định, khiến cho việc Tăng được xong mà pháp tu thiền định cũng không bị phế bỏ. Thật ra Tăng tác pháp yết ma cử trưởng lão Đà-phiêu làm người sai đi phó hội (cắt đặt Tỳ-kheo đi thọ thí chủ thỉnh thực) trước, còn cử làm người phân chia ngọa cụ sau; vì bị Từ địa vu báng và do bảy nguyên nhân trên nên khi phân chia ngọa cụ, nơi tay trưởng lão thường phát ra ánh sáng. Người đương thời cho việc phân chia ngọa cụ là thù thắng hơn việc cắt đặt Tỳ-kheo phó hội nên đổi thứ lớp trước sau. Từ địa không biết sở dĩ mình đi thọ thỉnh thực chỉ gặp toàn thức ăn thô dỡ là do nghiệp lực đời trước, lại do Từ địa ngày đêm tâm không thanh

tịnh nên trời rồng quỷ thần mới tạo ra nhân duyên khiến cho Tỳ-kheo này không được như ý. Thế tôn biết con: Là lời của trưởng lão Đà-phiêu bạch Phật, nhưng người thật sự thanh tịnh thì không nên nói như vậy, do nghiệp lực đời trước cũng không thể nói là không.

Hỏi: Vì sao Phật không nói Đà-phiêu là người thanh tịnh?

Đáp: Một là vì tâm Phật bình đẳng, không có thân sơ yêu ghét nên không thể liền quyết đoán là người này đúng người kia sai; hai là vì nghiệp quả của Đà-phiêu đã chín muồi, do quá khứ vào thời Phật Ca-diếp, Đà-phiêu làm người trông coi việc phân chia thức ăn cho Tăng. Lúc đó có một Tỳ-kheo trụ trong gò mả đã đắc quả A-la-hán, tướng mạo trang nghiêm đang đi trên đường; một người nữ vừa nhìn thấy Tỳ-kheo này liền sanh ái nhiễm nên nhìn theo mãi không thôi. Đà-phiêu nhìn thấy cảnh này cho là Tỳ-kheo này ắt đã cùng người nữ đó giao thông trước rồi, liền nói rằng: "Tỳ-kheo này ắt đã cùng người nữ kia làm pháp ác". Do nói lời vu báng bậc Hiền thánh nên Đà-phiêu sau khi mạng chung bị đọa vào địa ngục, chịu khổ hết rồi mới được sanh lên cõi người, nhờ nghiệp xưa nên được gặp Phật và đắc đạo, do nghiệp lực dư tàn nên nay chịu quả báo này.

Tỳ-kheo-ni Di-đa-la tự nói tạo tội vu báng này nên bị yết ma diệt tẫn: Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni,

Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni tự nói tạo tội vu báng này, nếu không hối cãi thì Tăng nên cho yết ma diệt tẫn, nếu không cho yết ma tẫn thì cứ đuổi thẳng; nếu hối cãi thì phạm Thâu-lan-giá, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo phạm giới, bên trong mục nát, cả chúng đều biết thì không cần vị đó tự thú tội mà nên đuổi thẳng; nếu cho yết ma tẫn thì bảo vị đó tự thú tội cho xa gần đều nghe biết để chiết phục tội ác, không dám tạo tội nữa. Hễ năm chúng tự nói phạm tội trọng dù trước một người hay trước nhiều người đều nên đuổi ra khỏi chúng; Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni hiện tiền còn ba chúng dưới không được hiện tiền. Trường hợp trưởng lão Đà-phiêu bị vu báng nên Tăng cho Ức niệm Tỳ-ni như trong bảy pháp diệt tránh đã nói rõ.

Pháp bị yết ma diệt tẫn là không được cùng chúng tăng làm tất cả Tăng sự và các pháp yết ma, khi Tăng tự tứ thọ tuổi hạ lạp cũng không được thọ tuổi; nếu chết, Tăng không được yết ma phân chia y vật, nên đem cho bà con của vị ấy hay cho cư sĩ. Người bị tẫn không được thọ người khác lễ bái cúng dường, không được nghe thuyết giới và làm các yết ma, cũng không được gởi dục thanh tịnh.

Có ba hạng người chắc chắn đọa vào địa ngục về tội vu báng, có thuyết cho là hai hạng người. Phật không muốn trực tiếp nói lỗi của mình người, vì trong chúng có việc ác này xảy ra nên nhân đây

nói lỗi ra để chiết phục tâm người ác tự biết hổ thẹn. Luận về người sống trên thế gian, búa sanh ở trong miệng vì nói lời thô ác vu báng nên Phật tự nói nhân duyên xưa: Quá khứ cách đây vô số kiếp có Phật ra đời hiệu là A-lê-la, trong giáo pháp của Phật có hai anh em xuất gia làm Tỳ-kheo. Người anh tu thiền chứng quả A-la-hán có đủ ba Minh sáu Thông, người em học thông ba tạng xiển dương chánh pháp nên được người đương thời tôn sùng. Người anh nhờ chứng Thánh đạo nên được lợi dưỡng nhiều hơn, có đàn việt cúng cho người anh chiếc mền bông mà không cúng cho người em, tất cả y thực, thuốc thang khác cũng như vậy nên người em khởi tâm ganh ghét muốn vu báng hại anh. Sau đó đàn việt sai con gái mang thức ăn đến, người em bảo cô gái: "Cô hãy vu báng Tỳ-kheo ấy giúp ta", cô gái nói: "Sao lại vu báng cho bậc Thánh nhân?", người em dùng đủ lời dụ hoặc tâm cô gái và cô gái nhận lời, người em nói: "Ta lấy chiếc mền bông của vị ấy đưa cho cô làm bằng chứng, cô hãy nói với mọi người là đã cùng Tỳ-kheo ấy hành dâm và được cho chiếc mền này". Cô gái y theo lời dạy nói với mọi người như vậy khiến cho mọi người đều sanh nghi hoặc, Tỳ-kheo chứng A-la-hán này thấy hai người này đã tạo đại tội liền bỏ đi đến nơi khác.

Phật nói: "Tỳ-kheo em thuở đó chính là thân ta ngày nay, cô gái thuở đó chính là Tôn-đà-lợi ngày

nay; thuở xưa vì ta vu báng bậc Lậu tận A-la-hán nên ngày nay dù ta được Lậu tận ở địa vị Vô học vẫn trở lại bị vu báng". Phật kết giới này cho các Tỳ-kheo là để ngăn dứt phỉ báng, khiến cho chánh pháp được trụ lâu và các vị phạm hạnh được an lạc trụ, đạo nghiệp không bị chướng ngại.

Đây là cọng giới, Tỳ-kheo phạm Tăng tàn, Tỳ-kheo-ni cũng phạm Tăng tàn, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Ba-la-di không căn cứ vu báng có bốn loại: Một là dùng pháp Ba-la-di không căn cứ vu báng người khác thì phạm Tăng tàn; hai là dùng pháp Tăng tàn không căn cứ vu báng người khác thì phạm Ba-dật-đề; ba là không căn cứ vu báng người khác làm Phật bị thương chảy máu và phá hòa hợp tăng thì phạm Thâu-lan-giá; bốn là dùng pháp Ba-dật-đề không căn cứ vu báng người khác thì phạm Đột-kiết-la.

Nói tội thô của người khác có ba loại: Một là nói người khác phạm Ba-la-di và Tăng tàn thì phạm Ba-dật-đề; hai là nói người khác làm thân Phật bị thương chảy máu và phá Tăng thì phạm Thâu-lan-giá; ba là nói người khác phạm Ba-dật-đề thì phạm Đột-kiết-la.

Che giấu tội thô của người khác cũng có ba loại: Một là che giấu tội Ba-la-di và Tăng tàn của người khác thì phạm Ba-dật-đề; hai là che giấu tội

làm Phật bị thương chảy máu và phá Tăng của người khác thì phạm Thâu-lan-giá; ba là che giấu tội Ba-dật-đề của người khác thì phạm Đột-kiết-la.

Khinh chê giới tức là khinh chê năm thiên giới thì phạm Ba-dật-đề, cho đến khinh chê một thiên giới sau cùng cũng phạm Ba-dật-đề. Không căn cứ vu báng, nói tội thô của người khác và khinh chê giới ba việc này là pháp đấu tranh làm não loạn; che giấu tội thô của người khác tức là che giấu tội ác làm nhiễm ô Phật pháp. Lại nữa, không căn cứ vu báng và nói tội thô của người khác sẽ làm chướng ngại việc tụng kinh hành đạo của người khác; khinh chê giới tức là hoại pháp thân Phật; che giấu tội thô của người khác tức là khiến cho Phật pháp không thanh tịnh, trưởng dưỡng pháp ác.

Không căn cứ có ba là thấy nghe và nghi, dựa trên ba điều này thì gọi là có căn cứ, không dựa trên ba điều này thì gọi là không căn cứ. Trong ba điều này chỉ nghi không thì không thành căn cứ, mắt thấy căn cứ là mắt phải thanh tịnh, không bịnh, thấy sự việc rõ ràng, đáng tin cậy; mắt thấy trong đây là chỉ cho nhục nhãn thấy, không phải là thiên nhãn thấy vì nếu dùng thiên nhãn thấy để nói lỗi của người khác thì ai mà không có lỗi và như vậy sẽ làm chướng ngại và não loạn rất nhiều, cho nên Phật không cho dùng thiên nhãn. Tai nghe căn cứ là tai phải thanh tịnh, không lãng tai, nặng tai, nghe biết rõ ràng, đáng tin cậy, cũng không phải dùng

thiên nhĩ nghe biết giống như trường hợp dùng thiên nhãn ở trên. Nếu cử tội hay nêu ra tội của người tức là nói tướng quyết định, cho nên phải dựa trên ba căn cứ này, chỉ nghi không không thì không phải là quyết định, hoặc cho là phạm hoặc cho là không phạm nên không đáng tin cậy, không thành căn cứ.

7. Giới Phá Tăng thứ mười:

Hỏi: Phá Pháp luân tăng và phá Yết ma tăng có gì sai khác?

Đáp: Có nhiều sai khác, phá Pháp luân tăng và phá yết ma tăng đều phạm Thâu-lan-giá, nhưng phá Pháp luân tăng thì phạm tội nghịch Thâu-lan-giá không thể sám hối, còn phá yết ma tăng phạm Thâu-lan-giá không phải nghịch có thể sám hối. Lại nữa, phá Pháp luân tăng sẽ đọa vào địa ngục A-tỳ chịu tội trong một kiếp, còn phá yết ma tăng thì không đọa địa ngục. Lại nữa, phá Pháp luân tăng ít nhất là chín người, trong số đó có một người tự xưng là Phật; còn phá yết ma tăng thì ít nhất là tám người, không có người tự xưng là Phật. Lại nữa phá Pháp luân tăng ở trong hay ở ngoài giới đều phá được, còn phá yết ma tăng phải ở trong giới riêng làm yết ma mới phá được. Lại nữa, phá Pháp luân tăng phải là người nam, còn phá yết ma tăng nam hay nữ đều có thể phá. Lại nữa, phá Pháp luân tăng chỉ phá Tăng thuộc Tục đế, còn phá yết ma tăng thì cả Tăng thuộc Tục đế và Tăng thuộc

đệ nhất nghĩa đế đều có thể phá. Lại nữa, phá Pháp luân tăng chỉ phá ở cõi Diêm phù đề, còn phá yết ma tăng thì thông cả ba cõi đều phá được, trừ cõi Uất đơn việt.

Điều đạt dùng năm pháp để dụ các Tỳ-kheo trẻ tuổi khiến cho họ sanh kiến giải khác. Năm pháp này là căn bản cho việc phá Tăng.

Hỏi: Năm pháp này thường được Phật khen ngợi, sao lại gọi là phi pháp?

Đáp: Phật thường khen ngợi tu theo bốn Thánh chủng sẽ được tám Thánh đạo và bốn Quả Sa-môn, nhưng Điều đạt nói ngược lại rằng tám Thánh đạo tuy hướng đến Niết-bàn nhưng chậm và khó, còn năm pháp này hướng đến giải thoát Niết-bàn rất mau, cho nên gọi là phi pháp.

Phi pháp nói là pháp: Năm pháp là phi pháp mà nói là pháp; pháp nói là phi pháp: Tám Thánh đạo là pháp mà nói là phi pháp; phi luật nói là luật: Năm pháp là phi luật mà nói là luật; luật nói là phi luật: Tám Thánh đạo là luật mà nói là phi luật; không phạm nói là phạm: Phật không chế giới thuộc về tâm thì Điều đạt nói rằng tâm khởi ba độc tức là phạm giới; phạm nói là không phạm: Phật nói không cạo tóc, không cắt móng tay là phạm giới thì Điều đạt nói rằng tóc và móng tay cũng có mạng sống nên không cần phải cạo và cắt; phạm khinh nói là trọng: Như rồng ưu-bát-la hái lá cây

phạm tội khinh, Điều đạt lại nói rằng người làm chết cây cỏ đều phạm trọng; phạm trọng nói là khinh: Điều đạt thấy Tu-đề-na và Đạt-ni-ca phạm trước khi Phật chế giới nên không thành phạm trọng, liền nói rằng phạm Dâm và Trộm là tội khinh; hữu tàn nói là vô tàn: Bốn thiên giới sau có phạm là hữu tàn mà nói là vô tàn; vô tàn nói là hữu tàn: Phạm bốn giới trọng là vô tàn mà nói là hữu tàn; pháp thường sở hành nói không phải là pháp thường sở hành: Tám Thánh đạo là pháp thường sở hành, Điều đạt nói là không phải pháp thường sở hành; không phải pháp thường sở hành nói là pháp thường sở hành: Năm pháp không phải pháp thường sở hành mà nói là pháp thường sở hành; phi giáo nói là giáo: Phạm bốn giới trọng mà nói là tội khinh, phạm bốn thiên giới sau lại nói là tội trọng, đây là phi giáo (không phải lời Phật dạy)mà nói là giáo (lời Phật dạy); giáo nói là phi giáo: Phạm bốn giới trọng là tội trọng, phạm bốn thiên giới sau là tội khinh, đây là giáo (lời Phật dạy) mà nói là phi giáo (không phải lời Phật dạy).

-oOo-

TÁT BÀ ĐA TỲ NI TỲ BÀ SA

QUYỂN 4

3. Nhân Duyên Kết Mười Ba Tăng Tàn (Tiếp Theo):

8. Giới Ô-tha-gia thứ mười hai:

Mã túc và Mãn túc là tên của hai ngôi sao, lúc hai vị này sanh ra, hai ngôi sao này vừa mọc nên được đặt tên theo tên hai ngôi sao này. Xuất thân từ nhà giàu có nên đắm trước thế lạc tâm không buông bỏ nên sau khi xuất gia thường phạm giới, buông lung làm các ác hạnh, làm nhơ tâm người tại gia, tạo nhiều ác nghiệp, phá tâm thiện tín kính của người nên gọi là Ô-tha-gia.

Làm các ác hạnh: Là làm các nghiệp không thanh tịnh, ô uế sẽ mắc quả báo ác; Ô-tha-gia: Nếu Tỳ-kheo đem phẩm vật biếu tặng cho quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ… tất cả tại gia để mong cầu việc gì cho Tam bảo hay cho riêng mình thì gọi là Ô-tha-gia. Vì sao, vì luận về người xuất gia là phải vô vi vô dục, thanh tịnh tự giữ, lấy việc tu đạo làm tâm; nếu tặng đưa phẩm vật cho người thế tục, giao tiếp qua lại sẽ phế bỏ chánh nghiệp, không phải là điều mà người xuất gia nên làm. Lại nữa,

nếu tặng đưa phẩm vật cho bạch y tức là làm hoại tâm bình đẳng của họ, người nào được tặng vật thì vui thích kính yêu, người không được tặng vật thì dù là Hiền thánh cũng không kính mộ; như thế sẽ làm mất phước lợi sâu dày của họ, lại còn làm đảo loạn Phật pháp. Luận về người tại gia là phải cúng dường tứ sự cho người xuất gia, nhưng người xuất gia lại tăng đưa phẩm vật cho họ tức là đánh mất Thánh tâm làm đảo loạn Phật pháp. Người tại gia đáng lẽ phải cầu ruộng phước thanh tịnh nơi Tam bảo, cắt giảm phần thọ dụng của mình để gieo trồng thiện căn; nhưng người xuất gia lại tặng đưa phẩm vật khiến họ sanh tâm mong cầu nơi người xuất gia, không những làm hoại tâm tín kính thanh tịnh đối với Tam bảo của họ mà còn làm mất lợi dưỡng của tất cả người xuất gia. Nếu đem một ít phẩm vật biếu cho bạch y, dù xây được tháp bằng bảy báu trang nghiêm cũng không bằng tọa thiền, trì giới thanh tịnh mới là chân thật cúng dường pháp thân Như lai. Nếu đem một ít phẩm vật biếu cho bạch y, dù lập được tinh xá rộng lớn như tinh xá Kỳ-hoàn cũng không bằng tọa thiền, trì giới thanh tịnh mới là chân thật cúng dường Tam bảo. Nếu đem một ít phẩm vật biếu cho bạch y, dù tất cả Thánh chúng trong cõi Diêm phù đề đều được tứ sự cúng dường đầy đủ, cũng không bằng tọa thiền, trì giới thanh tịnh mới là chân thật cúng dường Thánh chúng.

Nếu người có thế lực muốn phá tháp hoại tượng, thay vì đem phẩm vật biếu cho họ để bảo toàn tháp và tượng thì nên bán các loại hoa quả trong đất tháp được tiền, hoặc nhờ các duyên khác được tài vật rồi tùy nghi giải quyết. Nếu người có thế lực muốn phá hoại, chiết giảm vật Tăng, nên tùy trong đất Tăng có vật gì bán được, đem bán lấy tiền rồi tùy duyên giải quyết.

Cha mẹ là ruộng phước nên Phật cho cúng dường cha mẹ; nếu người thuộc Tăng làm sai dịch cho Tăng thì nên cho; nếu thí chủ muốn làm thức ăn cho Tăng và muốn biết pháp thì nên cho; tất cả người nghèo khổ đơn chiếc ăn xin… vì tâm thương xót nên cho; tất cả ngoại đạo đối với Phật pháp có tâm ganh ghét, thường rình tìm hay dở thì nên cho; nếu vì mạng sống đáng cho y bát để được thoát nạn thì nên cho.

Ngồi chung một giường với người nữ: Tỳ-kheo không được ngồi chung giường với người nữ, nếu ngồi chung thì phạm Đột-kiết-la; ngồi chung một chiếu một nệm cũng Đột-kiết-la; nếu giường dài giáp kế nhau, ngồi phải có khoảng cách ở giữa hoặc khác chiếu, khác nệm thì được ngồi.

Người nữ: Chỉ tất cả người nữ bao gồm mẹ, chị em gái, con gái bất luận thân sơ đều không được ngồi chung, vì hoại oai nghi. Dùng hương thơm thoa thân: Nếu xông thơm y phục thì bốn chúng kia phạm Đột-kiết-la, riêng Tỳ-kheo-ni thì phạm Ba-

dật-đề vì người nữ dễ đắm nhiễm. Cả năm chúng đều không được dùng nước thơm rưới đất, trừ khi để cúng dường Tam bảo. Tự xỏ hoa làm vòng hoa hay bảo người khác làm: Vì trong việc này có làm các ác hạnh, trở ngại việc hành đạo, cho dù làm để cúng dường Tam bảo cũng không được làm. Lại nữa các loại trang nghiêm như hoa thơm, chuỗi ngọc… đều không được đeo trên thân Phật, chỉ được rải trên đất để cúng dường. Nếu Tỳ-kheo dùng hoa cúng dường Tăng, không được rải trên thân chúng tăng.

Cả năm chúng đều không được làm cho voi đấu nhau cho đến gà đá nhau; nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni có tâm sát khiến chúng đấu đá nhau mà chết thì phạm Ba-dật-đề, chúng không chết thì phạm Đột-kiết-la, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Cả năm chúng cũng không được chạy trừ có nhân duyên cấp bách. Cả năm chúng đều không được khóc lớn tiếng, cho dù cha mẹ qua đời cũng không nên khóc lớn, nếu khóc lớn tiếng thì bốn chúng kia phạm Đột-kiết-la, riêng Tỳ-kheo-ni thì phạm Ba-dật-đề vì tâm luyến ái nặng. Cả năm chúng đều không được kêu to vì hoại oai nghi, trừ có nhân duyên cấp bách; cũng không được huýt sáo vì hoại oai nghi.

Lúc đó tôn giả A-nan:

Hỏi: A-nan là thị giả của Phật sao lại rời Phật đi đến nơi khác? Đáp: A-nan tùy chúng sanh hữu duyên đáng được độ thì đi.

Hỏi: Lúc nào thì A-nan được rời Phật đi nơi khác?

Đáp: Như khi Phật nhập thiền hoặc khi Phật đi nơi khác mà A-nan không được đi theo, hoặc vâng lời Phật dạy đi đến đó. Những lúc đó A-nan được rời Phật du hành.

A-nan mang bát đi rồi mang bát không trở về:

Hỏi: A-nan là thị giả của Phật có công đức lớn, nơi đó lại là nơi tôn giả ra đời, người nơi đó đều là bà con vì sao đi khất thực lại mang bát không trở về?

Đáp: Vì Mã túc và Mãn túc ở nơi đó làm những việc phi pháp và đủ các ác hạnh, làm nhơ tâm thanh tịnh của người (Ô-tha-gia); A-nan không bị não hại là may mắn lắm rồi huống chi là được thức ăn, lại do A-nan từ khi xuất gia đến nay trải qua nhiều năm tháng nên mọi người không còn nhớ A-nan.

9. Giới nói lời chống trái thứ mười ba:

Nếu như thế: Các đệ tử của Phật được tăng trưởng lợi ích là nhờ cùng nói chuyện với nhau, cùng dạy bảo lẫn nhau và cùng xuất tội (cử tội, nêu tội ra) cho nhau.

Hỏi: Trong Kinh Phật có dạy chỉ tự quán thân hành, chớ xét thiện bất thiện, trong đây lại nói dạy bảo lẫn nhau, xuất tội cho nhau há không trái ngược hay sao?

Đáp: Phật tùy thời chế giới, tuy nói trái ngược

nhưng lại đưa đến hòa hợp thì không còn trái ngược nữa. Đối với chúng sanh có tâm yêu ghét nên lời nói ra ắt có tổn hại, Phật mới dạy chỉ tự quán thân hành, chớ xét thiện bất thiện; nếu vì lòng từ làm lợi ích thì nên dạy bảo lẫn nhau. Đối với người độn căn, không có trí huệ, lời nói ra không có lợi ích nên Phật mới dạy chỉ tự quán thân hành, chớ xét thiện bất thiện; nếu là người lợi căn có trí huệ, lời nói ra có lợi ích thì nên dạy bảo lẫn nhau. Nếu vì lợi dưỡng và danh tiếng thì Phật dạy chỉ tự quán thân hành, chớ xét thiện bất thiện; nếu vì làm lợi ích và an lạc cho chúng sanh để xiển dương Phật pháp thì nên dạy bảo lẫn nhau. Lại nữa, vì muốn thể hiện pháp lạc nên Phật dạy chỉ tự quán thân hành, chớ xét thiện bất thiện; nếu muốn đem giáo pháp ra giáo hóa chúng sanh để được lợi ích an lạc giống như mình thì nên dạy bảo lẫn nhau. Lại nữa, đối với người mới xuất gia còn luyến ái cha mẹ, anh chị em nên Phật mới dạy chỉ tự quán thân hành, chớ xét thiện bất thiện; nếu là người đã thấm nhuần Phật pháp có thể kiêm giáo hóa người khác thì nên dạy bảo lẫn nhau.

4. Nhân Duyên Kết Hai Pháp Bất Định:

Lúc đó Tỳ-xá-khư đến nhà của Quật-đa:

Hỏi: Tỳ-xá-khư là người thông minh lợi căn, có đức biết tôn trọng người khác, vì sao thấy Tỳ-kheo cùng người nữ ngồi ở chỗ khuất mà còn đi đến đó?

Đáp: Người này đã nhập đạo, tin ưa Phật pháp

sâu xa. Phật thường nói nghe pháp có năm điều lợi: Một là được nghe pháp chưa từng nghe, hai là đã từng nghe hiểu rồi thì được thanh tịnh kiên cố, ba là trừ được tà kiến, bốn là có được chánh kiến và năm là hiểu pháp sâu xa. Vì Tỳ-xá-khư đã hiểu pháp sâu xa nên không vì hiềm nghi mà tự ngại. Đối với người tại gia chưa nhập đạo, Phật nói nhiều về công đức bố thí; đối với người xuất gia đã nhập đạo thì Phật nói nhiều về công đức trì giới.

Phật kiết giới này cho các Tỳ-kheo một là để ngăn dứt phỉ báng, hai là để dứt trừ đấu tranh, ba là vì pháp tăng thượng, Tỳ-kheo xuất gia nên đoạn tuyệt tục uế để được trời người tôn trọng, đem Đạo giáo hóa chúng sanh; nếu cùng người nữ ngồi ở chỗ khuất lén lút riêng tư thì trên trái với Thánh ý, dưới mất tâm tín kính của trời người. Bốn là để đoạn trừ pháp theo thứ lớp đưa đến nghiệp ác vì ban đầu ở chỗ khuất dần đưa đến chỗ đắm nhiễm thì không việc gì là không xảy ra, cho nên phải đề phòng. Tỳ-xá-khư đã nhập đạo, được lòng tin vô lậu nên không vì mình cũng vì người khác và cũng không vì tài lợi mà vọng ngữ. Không cố ý vọng ngữ: Phàm phu nếu đã tin ưa Phật pháp cho dù gặp nhân duyên phải mất mạng cũng không cố ý vọng ngữ huống chi là Thánh nhân. Nếu có người nói rằng: "Nếu ngươi chịu nói dối thì ta sẽ không hại mạng ngươi, nếu không chịu nói dối thì ta sẽ hại mạng ngươi", nên tự suy nghĩ: "Ta không nói dối

thì chỉ hại nhục thân này, mất một thân này; nếu ta chịu nói dối thì mất vô số thân và hại cả pháp thân, vì vậy ta thề không nói dối", đây là không vì mình mà vọng ngữ. Nếu có người lại nói: "Nếu ngươi chịu nói dối thì cứu được cha mẹ, anh chị em cùng tất cả thân quyến của ngươi; không chịu nói dối thì tất cả họ sẽ bị giết chết", nên tự suy nghĩ: "Ta không nói dối thì hại chết bà con thân quyến trong một đời sanh tử này, nếu ta chịu nói dối ta sẽ lưu chuyển trong ba đường ác, vĩnh viễn mất hết bà con quyến thuộc nhiều đời ở cõi trời người; lại còn mất cả quyến thuộc Hiền thánh xuất thế gian", đấy là không vì người khác mà vọng ngữ. Nếu có người lại nói: "Nếu ngươi chịu nói dối, ta sẽ cho ngươi nhiều châu báu, tiền tài và lợi lộc; nếu ngươi không chịu nói dối thì ngươi sẽ không được gì cả", nên tự suy nghĩ: "Ta không nói dối thì chỉ mất tiền tài của thế tục, nếu ta nói dối ta sẽ mất Thánh pháp tài", đây là không vì tài lợi mà vọng ngữ.

Bất định: Khi Phật ngồi nơi đạo tràng đã quyết định năm thiên giới khinh trọng và thông bít, không có pháp Bất định; trong đây sở dĩ nói Bất định là để cho Ưu-bà-di đáng tin không biết tướng tội trọng khinh, cũng không biết tên tội, nếu thấy Tỳ-kheo cùng người nữ ngồi chung một chỗ, không biết cùng làm việc gì hoặc là cùng hành dâm hay là cùng xúc chạm hay là nói lời thô (yêu đương tình tứ)… nên gọi là Bất định. Giới cùng người nữ

ngồi ở chỗ khuất này dù Phật đã kết giới hay chưa kết đều nên cho Thật mích Tỳ-ni; nếu Tỳ-kheo ban đầu nói như vậy, sau lại nói không phải như vậy hoặc nói tôi không đến đó, không phạm tội đó… thì Tăng nên theo lời của Ưu-bà-di đáng tin mà cho Tỳ-kheo này Thật mích Tỳ-ni. Làm như vậy để người phạm tội chiết phục tâm ác, không che giấu tội nữa và để cho các vị phạm hạnh được an lạc trụ, đồng thời khiến cho pháp ác không khởi lên trong tương lai. Người bị Thật mích Tỳ-ni tuy cho người thọ giới cụ túc, cho người y chỉ, chứa nuôi Sa-di… đều thành nhưng phạm Đột-kiết-la vì theo Bất giáo Tỳ-ni. Nếu cho yết ma rồi mà tự nói tội trước đó thì tăng nên cho giải yết ma rồi tùy tội nặng nhẹ mà trị; nếu không tự nói tội thì trọn đời không nên cho giải yết ma. Pháp Bất định thứ hai chỉ có chỗ và hai pháp là khác, ngoài ra tất cả đều đồng, cho Thật mích Tỳ-ni cũng đồng.

5. Nhân Duyên Kết Ba Mươi Pháp Xả Đọa:

1. Giới cất chứa y dư thứ nhất:

Lục quần Tỳ-kheo: Một là Nan-đà, hai là Bạt-nan-đà, ba là Ca-lưu-đà-di, bốn là Xiển-na, năm là Mã túc và sáu là Mãn túc. Có thuyết cho là có hai người được Lậu tận nhập Niết-bàn vô dư , đó là Ca-lưu-đà-di và Xiển-na. Có hai người được sanh lên trời, đó là Nan-đà và Bạt-nan-đà; nhưng có thuyết cho là cả hai đều phạm giới trọng, nếu phạm trọng thì không được sanh lên trời. Có hai người bị

đọa vào đường ác, sanh trong loài rồng, đó là Mã túc và Mãn túc. Trong sáu người này, có hai người giỏi về toán số, âm dương và đoán vận, đó là Nan-đà và Bạt-nan-đà; hai người giỏi về bắn cung là Ca-lưu-đà-di và Xiển-na; hai người giỏi về âm nhạc và các trò vui chơi, cũng giỏi luận nghị và thông hiểu A-tỳ-đàm, đó là Mã túc và Mãn túc; hai người giỏi về thuyết pháp và luận nghị là Nan-đà và Bạt-nan-đà; hai người thông hiểu về A-tỳ-đàm là Ca-lưu-đà-di và Xiển-na. Có thuyết cho là sáu người này thông hiểu ba tạng, mười hai bộ kinh không gì là không hiểu; bên trong là rường cột của Phật pháp, bên ngoài là người đại hộ Phật pháp. Trong sáu người này, hai người nhiều tham dục là Nan-đà và Bạt-nan-đà; hai người nhiều sân là Mã túc và Mãn túc; hai người nhiều si là Ca-lưu-đà-di và Xiển-na; có thuyết nói ba người nhiều tham dục là Nan-đà, Bạt-nan-đà và Ca-lưu-đà-di; chỉ có một người nhiều si là Xiển-na. Trong sáu người này, năm người thuộc trong hoàng tộc họ Thích là Nan-đà, Bạt-nan-đà, Xiển-na, Mã túc và Mãn túc; chỉ có Ca-lưu-đà-di là thuộc dòng Bà-la-môn. Cả sáu người đều là con nhà giàu có, quý tộc, sau khi xuất gia kết thành một nhóm gọi là Lục quần Tỳ-kheo, rất thông suốt Phật giáo.

Mặc y khác: Vì cất chứa nhiều y nên tùy thời tùy chỗ mà mặc y khác nhau; có thuyết cho là y mặc trong ngày hôm nay, hôm sau không mặc lại,

mỗi ngày mặc mỗi khác.

Hỏi: Do đâu có nhiều y phục như vậy?

Đáp: Vì xuất thân trong nhà giàu có, khi còn tại gia thích đeo chuỗi ngọc… đủ các loại phục sức; sau khi xuất gia do thói quen trước kia nên thích y bát đẹp, lại thêm tánh tham dục tích chứa nhiều đời nên cất chứa nhiều không biết nhàm chán.

Hỏi: Pháp tịnh thí là chân thật thí hay là giả danh thí?

Đáp: Tất cả pháp tịnh thí, chín mươi sáu phái ngoại đạo đều không có, do Phật đại từ bi khai phương tiện cho tịnh thí, chỉ là phương tiện thí không phải chân thật thí, mục đích cho các đệ tử được cất chứa tài vật dư mà không phạm giới.

Hỏi: Vì sao Phật không cho thẳng các đệ tử được cất chứa tài vật dư, lại miễn cưỡng kiết giới rồi lập bày phương tiện làm gì?

Đáp: Phật pháp lấy thiểu dục tri túc làm gốc cho nên Phật kết giới không được cất chứa tài vật dư. Vì chúng sanh căn tánh không đồng, có chúng sanh thích cất chứa nhiều sau mới tu thành đạo và chứng được Thánh quả nên sau khi kết giới rồi, Phật phải lập bày phương tiện khai cho tịnh thí để ở trong Phật pháp được vô ngại và chúng sanh cũng được lợi ích. Như có một Tỳ-kheo đến chỗ Phật cầu xin cho ở trong phòng tốt đẹp trang nghiêm với đầy đủ tiện nghi như giường nệm, mền

gối… đều tốt đẹp; Phật bảo A-Nan-đáp ứng nhu cầu cho Tỳ-kheo này để vị ấy được được an tâm hành đạo, sau đó ứng cơ thuyết pháp khiến cho vị này ngay nơi tòa ngồi đoạn dứt phiền não được Lậu tận chứng quả A-la-hán, ba Minh sáu Thông… các Thánh pháp đều đầy đủ. Phật chế giới thông hay bít đều tùy căn tánh chúng sanh vi chỉ có Phật mới biết Tỳ-kheo này vốn là từ trên cõi trời thứ sáu sanh xuống cõi người, nên Phật tùy thuận thói quen xưa rồi nhân đó hóa độ và khai cho tịnh thí, được chứa tài vật dư mà không phạm giới.

Hỏi: Tỳ-kheo chủ tịnh thí không phạm cất chứa tài vật dư hay sao?

Đáp: Không phạm vì đã làm phương tiện thí nên tài vật cất chứa là thuộc của người khác. Phật chế giới này cho các Tỳ-kheo vì nếu Tỳ-kheo tham đắm thế lợi thì lợi về đạo không thành, lại còn làm mất lòng tín kính của đàn việt. Tỳ-kheo nếu không biết nhàm chán thế lợi thì không khác người thế tục, trái lời Phật dạy và bốn pháp Thánh chủng. Đây là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều phạm Xả đọa, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Tài vật dư có năm: Một là vật báu, hai là tiền và vật tợ báu, ba là y hoặc y tài đúng lượng, bốn là y và y tài không đúng lượng, năm là các loại thực phẩm như lúa gạo… Tỳ-kheo không được cất chứa tất cả tiền bạc vật báu, nếu cất chứa vật báu phải xả cho tịnh nhơn đồng tâm rồi ở trong Tăng sám

tội Ba-dật-đề; nếu là tiền và vật tợ báu, trừ trong số một trăm lẻ một vật, tất cả đều nên xả cho tịnh nhơn đồng tâm rồi sám tội Đột-kiết-la. Tiền và vật báu thuyết tịnh có hai: Một là nếu bạch y mang tiền và vật báu đến đưa cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nên nói: "Vật bất tịnh này tôi không được cất chứa, nếu tịnh thì sẽ thọ", nói như vậy là tịnh pháp. hai là nếu bạch y nói: "Vật báu này thầy nên đổi lấy tịnh vật để cất chứa", nói như vậy tức là tác tịnh; nếu bạch y không nói câu này, Tỳ-kheo cũng không thuyết tịnh như trên thì nên để vật trên đất mà đi; Nếu có Tỳ-kheo thì nên đến bên Tỳ-kheo này làm pháp thuyết tịnh mới được tùy ý cất chứa lâu hay mau; nếu không có Tỳ-kheo thì không được nhận lấy tài vật này, nếu nhận lấy thì phạm Xả đọa. Nếu được y đúng lượng hay không đúng lượng đều nên thuyết tịnh, thuyết tịnh liền thì càng tốt; nếu không thuyết tịnh thì được cất chứa trong vòng mười ngày không có lỗi, đến ngày thứ mười nên cho người khác hoặc tịnh thí hay thọ trì; nếu không cho người khác, không tịnh thí và không thọ trì thì qua ngày thứ mười một, trời vừa sáng liền phạm Xả đọa, y đúng lượng này nên xả rồi sám tội Ba-dật-đề; y không đúng lượng cũng nên xả rồi sám tội Đột-kiết-la. Nếu được các loại thực phẩm như lúa gạo … thì ngay trong ngày đó nên tác tịnh; nếu không có bạch y thì nên ở bên bốn chúng tác tịnh, nếu không tác tịnh thì qua hôm sau trời vừa sáng liền

phạm Xả đọa, các loại thực phẩm này nên xả rồi sám tội Đột-kiết-la.

Sa-di nên cất chứa hai y thượng hạ: Một là y thường mặc sẽ làm y An-đà-hội, hai là y sẽ làm y Uất-đa-la-tăng để mặc khi vào trong Tăng hoặc khi đi đâu. Những vật thường theo bên mình như Tăng-kỳ-chi, Nê-hoàn-tăng, y phú-kiên, phú-la… thì được cất chứa mỗi thứ một cái, ngoài những thứ cần dùng trên, tất cả thứ khác đều là tài vật dư. Nếu được tiền và vật báu nên liền thuyết tịnh, nếu không thuyết tịnh thì tiền và vật báu đó nên xả và sám tội Đột-kiết-la. Nếu được y đúng lượng hay y không đúng lượng cũng được cất chứa đến mười ngày, quá mười ngày nên xả rồi sám tội Đột-kiết-la; các loại thực phẩm như lúa gạo… đều không được để qua đêm giống như pháp của tỳ-kheo.

Trong năm loại y có ba loại cất chứa quá mười ngày phạm Xả đọa: Một là y bị bò nhai, hai là y bị chuột cắn, ba là y bị cháy; hai loại y còn lại là y dơ của nam nữ mới giao hợp và y dơ của người nữ sau khi sanh, cất chứa quá mười ngày không phạm Xả đọa, chỉ phạm Đột-kiết-la .

Mười ngày: Do Phật biết pháp tướng nên chế đúng mười ngày, không chậm không gấp, không thêm không bớt. Nếu ngày đầu được y mà bị tăng cho yết ma Bất kiến tẫn, yết ma Bất tác tẫn, yết ma Bất xả ác tà kiến tẫn, hoặc người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại; nếu Tăng không giải tẫn hoặc

không trở lại bổn tâm (hết điên cuồng) cho đến lúc mạng chung thì không phạm giới này; nếu được Tăng giải tẫn hoặc trở lại bổn tâm thì cứ tính tiếp ngày mà thành tội. Nếu ngày đầu được y mà lên cung trời hoặc đi đến cõi Uất đơn việt ở phương Bắc cho đến lúc mạng chung thì không phạm giới này, nếu trở về cõi này thì cứ tính tiếp ngày mà thành tội. Nếu ngày đầu được y cất chứa đến năm ngày thì bị Tăng cho yết ma Bất kiến tẫn… hoặc lên cõi trời… cho đến lúc mạng chung thì không phạm; nếu được giải tẫn hoặc trở lại bổn tâm hoặc trở về lại cõi này thì cứ tính tiếp ngày mà thành tội.

Luật sư nói: "Lấy năm ngày trước cộng thêm năm ngày sau tính đủ mười ngày thành tội là nghĩa quyết định. Ba cõi; cõi Diêm phù đề, cõi Câu-da-ni, cõi Phất Bà-đề và cung Rồng đều có giới pháp Tỳ-kheo, vật đều có chủ; chỉ có hai cõi: Cõi trời và cõi Uất đơn việt là không có giới pháp Tỳ-kheo, vật đều vô chủ".

Pháp tịnh thí: Nếu là tiền và vật báu thì Tỳ-kheo nên tìm một bạch y biết pháp thanh tịnh rồi nói ý mình cho họ hiểu: "Pháp Tỳ-kheo chúng tôi không được cất chứa tiền bạc vật báu, nay tôi nhờ đàn việt làm tịnh chủ, nếu sau này được tiền bạc vật báu, tôi sẽ làm pháp tịnh thí cho đàn việt tịnh chủ", nói như vậy rồi sau đó có được tiền bạc vật báu cứ đến bên một Tỳ-kheo thuyết tịnh, không cần nói tên tịnh chủ ra, thuyết tịnh xong thì được tùy ý cất chứa

lâu hay mau; nếu tịnh chủ này chết hay đi xa qua nước khác thì Tỳ-kheo phải tìm tịnh chủ khác. Trừ tiền bạc và vật báu ra, tất cả tài vật dư khác đều ở bên năm chúng tác tịnh, nên tìm người trì giới, học rộng có phước đức làm tịnh chủ; sau đó được tài vật gì cứ đối trước một Tỳ-kheo nói tên tịnh chủ ra để thuyết tịnh. Nếu tịnh chủ qua đời hay đi xa qua nước khác thì Tỳ-kheo phải tìm tịnh chủ khác, trừ sáu hạng người bị Tăng cho yết ma Bất kiến tẫn, yết ma Bất tác tẫn, yết ma Bất xả ác tà kiến tẫn; người phạm một trong sáu tội: Một là tội làm Phật bị thương chảy máu, hai là tội phá Pháp luân tăng và tội Ba-la-di phạm bốn giới trọng đều không được làm tịnh chủ. Sa-di đắc giới, người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại, người hành Biệt trú, người hành Ma-na-đỏa… năm pháp làm pháp tịnh thí muốn được thanh tịnh thì phải có người làm chứng để không sanh tranh cải vì những người trên đều không như pháp.

Nếu thuyết tịnh tiền và vật báu xong rồi, sau đó đổi thành y tài như y bát… thuộc trong số một trăm lẻ một vật thì không cần thuyết tịnh nữa; ngoài số một trăm lẻ một vật ra, các vật khác đều phải thuyết tịnh lại. Nếu đem tiền và vật báu phạm Xả đọa đổi thành y tài thuộc trong số một trăm lẻ một vật thì ở bên tiền đã cất chứa trước đó phạm Đột-kiết-la nên đối thú sám hối; bên vật báu đã cất chứa trước đó phạm Xả đọa nên ở trong Tăng sám; bên y tài

đã đổi thành thuộc trong một trăm lẻ một vật thì không cần xả vì đã được tịnh; ngoài một trăm lẻ một vật ra những y đã may hay chưa may khác đều phải thuyết tịnh.

Nếu thuyết tịnh tiền, vật báu và các y tài rồi, có người khác đến vay mượn, thời gian sau đem trả lại: Vật báu thì trả lại bằng vật báu, tiền thì trả lại bằng tiền… giống như trước thì không cần thuyết tịnh lại; nếu trả lại bằng vật khác với trước kia thì phải thuyết tịnh lại, vì vật trả sau khác với vật đã mượn trước kia; nếu trả lại y tài thuộc trong một trăm lẻ một vật giống như trước kia thì không cần thuyết tịnh lại; nếu trả lại y đúng lượng hay không đúng lượng thuộc số y dư hoặc khí vật dư khác thì nên thuyết tịnh lại.

Nếu y phạm Xả đọa trước đã đúng lượng đem may thành y đúng lượng hay không đúng lượng thì y này nên xả và sám tội Ba-dật-đề; nếu y phạm Xả đọa trước đã không đúng lượng đem may thành y đúng lượng hay không đúng lượng thì y này nên xả và sám tội Đột-kiết-la. Nếu y phạm Xả đọa trước đã đúng lượng, mua thêm y tài rồi đem may thành y đúng lượng hay không đúng lượng thì y này không phải xả, nhưng sám tội Ba-dật-đề đã phạm trước; nếu y phạm Xả đọa trước đã không đúng lượng, mua thêm y tài rồi đem may thành y đúng lượng hay không đúng lượng thì y này không phải xả nhưng sám tội Đột-kiết-la đã phạm trước.

Ba y Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội: Sở dĩ có ba tên sai khác là do Phật muốn hiển bày pháp chưa từng có, lại do Phật muốn khác với ngoại đạo vì chín mươi sáu phái ngoại đạo đương thời đều không có ba loại y này. Y Tăng-già-lê có ba bậc chín phẩm như sau: Tăng-già-lê bậc hạ có ba phẩm gồm hai đàn cách dài, một đàn cách ngắn, phẩm hạ chín điều, phẩm trung mười một điều, phẩm thượng mười ba điều; Tăng-già-lê bậc trung có ba phẩm gồm ba đàn cách dài, một đàn cách ngắn, phẩm hạ mười lăm điều, phẩm trung mười bảy điều, phẩm thượng mười chín điều; Tăng-già-lê bậc thượng có ba phẩm gồm bốn đàn cách dài, một đàn cách ngắn, phẩm hạ hai mươi mốt điều, phẩm trung hai mươi ba điều, phẩm thượng hai mươi lăm lăm điều. Nếu là y Tăng-già-lê bậc hạ mà may thành ba đàn cách dài, một đàn cách ngắn tuy được thọ trì, được mặc nhưng phạm Đột-kiết-la; nếu là y Tăng-già-lê bậc trung mà may thành bốn đàn cách dài, một đàn cách ngắn tuy được thọ trì, được mặc nhưng phạm Đột-kiết-la; nếu là y Tăng-già-lê bậc thượng mà may thành hai đàn cách dài, một đàn cách ngắn hoặc ba đàn cách dài, một đàn cách ngắn thì tuy được thọ trì, được mặc nhưng phạm Đột-kiết-la.

Y đúng lượng: Là dài năm khuỷu tay của Phật, dài nhiều lắm là sáu khuỷu tay; rộng ba khuỷu tay rưỡi, rộng lắm là bốn khuỷu tay, hẹp lắm là hai

khuỷu tay rưỡi. Nếu y đúng lượng như pháp là dài năm, rộng ba khuỷu tay thì khi thọ y nên nói: "Y này thành thọ trì không lỗi", nếu nói: "Y như thế thành thọ trì" thì phạm Đột-kiết-la, vì hoại oai nghi. Nếu y quá lượng dài năm, rộng ba thì khi thọ trì nên nói: "Y như vậy thành thọ trì không lỗi", nếu nói: "Y này thành thọ trì" thì phạm Đột-kiết-la , vì hoại oai nghi; lại vì y thiếu nên cất chứa quá mười ngày không phạm tội chứa y dư. Nếu y đúng lượng dài năm, rộng ba như pháp thọ thì thành thọ trì. Nếu Tỳ-kheo qua đời, ba y nên đem cho người khán bịnh; ngoài y đúng lượng dài năm, rộng ba ra, tất cả y dư khác tùy nhiều hay ít đều nên bạch cho Tăng biết, Tăng hòa hợp cho thì tốt.

Luận về pháp thọ y, nếu là y dư nên thuyết tịnh, nếu không thuyết tịnh thì xếp vào trong số tài vật dư; trong số một trăm lẻ một vật, ba y và bát ắt phải tác pháp thọ, các vật khác nếu thọ thì tốt, không thọ cũng không có lỗi. Tỳ-kheo nếu không tác pháp thọ ba y mà cất chứa quá mười ngày, tuy không phạm tội cất chứa y dư và không phạm tội lìa y ngủ đêm, nhưng phạm tội thiếu y và hoại oai nghi.

Nếu may y Tăng-già-lê mới nhiều lắm là ba lớp gồm một lớp mới hai lớp cũ, nếu toàn là vải mới thì chỉ được may hai lớp; Ni-sư-đàn cũng vậy; nếu dùng vải mới may y Uất-đa-la-tăng và y An-đà-hội thì chỉ được may một lớp; nếu dùng toàn vải cũ thì được may y Tăng-già-lê bốn lớp, y Uất-đa-la-tăng

hai lớp, y An-đà-hội cũng hai lớp, Ni-sư-đàn bốn lớp. Nếu ba y bị rách, bất luận chỗ rách lớn hay nhỏ mà thành viền y không đứt thì vẫn thành thọ trì; y quá cũ bạc màu vẫn không mất pháp thọ trì; y biến thành thượng sắc cũng không mất pháp thọ trì. Nếu y tài trước đã thuyết tịnh, sau đó may thành y thọ trì thì mất tịnh pháp, y này nên xả rồi thuyết tịnh lại, nếu không thuyết tịnh lại thì phạm tội chứa y dư. Nếu Tỳ-kheo may lại ba y, nếu có nhân duyên trích ra mang đến chỗ khác thì gọi là không lìa y ngủ đêm. Nếu Tỳ-kheo qua đời, y vật để lại hiện tiền tăng trong giới nên chia; có thuyết cho là nên đem cho người khán bịnh.

Luật sư nói: "Nghĩa sau là nghĩa quyết định, nếu có nhân duyên một xấp vải may được ba y, nhuộm màu sắc như pháp, tác pháp thọ một hay hai y tùy ý được thọ trì". Nếu ngoài y đúng lượng dài năm, rộng ba mà còn có y dư thì nên thuyết tịnh; nếu không thuyết tịnh thì phạm tội chứa y dư. Pháp thọ ba y nên nói ba lần, không được nói lần thứ hai, lần thứ ba cũng như thế.

Tướng phạm trong giới này là nếu ngày đầu được y cho đến ngày thứ chín được y thì ngày thứ mười nếu không xả, không thọ trì, không tác tịnh, qua ngày thứ mười một trời vừa sáng liền phạm Xả đọa. Sở dĩ phạm Xả đọa là vì y đã được trong chín ngày trước đều xả, đều tác tịnh nhưng y đã được trong ngày thứ mười vì nối tiếp với nhân duyên

trước nên phạm. Chữ xả trong đây nghĩa là tác tịnh, từ nghĩa này suy ra ba câu sau đều có thể hiểu: Nếu ngày đầu được y ngay trong ngày đầu xả, ngày thứ hai được y thì y của ngày thứ hai này vì nối tiếp nên theo thứ lớp được đến ngày thứ mười. Nếu ngày đầu được y, ngày thứ hai xả, ngày thứ hai không được y, ngày thứ ba lại được thì y của ngày thứ ba này vì không nối tiếp nên theo thứ lớp được đến ngày thứ mười. Nếu ngày đầu được y, ngày thứ hai xả, ngay trong ngày thứ hai lại được y, y này nối tiếp vì trong cùng một ngày xả một y thọ một y.

Nếu ngày đầu được y, ngay trong ngày đầu xả, ngày thứ hai được y không nối tiếp với ngày đầu vì khác ngày xả y, khác ngày thọ y, y của ngày thứ hai theo thứ lớp được đến ngày thứ mười; ba câu sau theo đó suy ra có thể hiểu: Nếu Tỳ-kheo có y nên xả đã xả, tội đã sám, kế tiếp lại được y nữa thì y được sau ở bên y được trước phạm Xả đọa. Trong đây nói kế tiếp không phải là ngày kế tiếp mà là tâm tham cầu nối tiếp không dứt. Nếu y đã xả, tội đã sám, tâm kế tiếp đã dứt; nếu ngay trong ngày đó y mong cầu trước đó lại đến hoặc y đến ngoài ý muốn thì không phạm, vì tâm kế tiếp đã dứt. Nếu ngay trong ngày được y xả y, sám tội cũng ngay trong ngày đó nhưng tâm mong cầu chưa đoạn dứt, cho đến một tháng sau y mong cầu lại đến hoặc y đến ngoài ý muốn thì phạm tội kế tiếp, y này ở bên

y đã được trước đó phạm Xả đọa, ngay ngày được y liền phạm không cần trải qua ngày hôm sau. Nếu ngày nay được y liền xả và đã sám tội, ngày trong ngày đó tâm mong cầu đã đoạn dứt; ngày hôm sau lại có nhân duyên được y thì y này không phạm tội kế tiếp vì tâm mong cầu ở giữa hai ngày đã đoạn dứt. Nếu vào trời sáng được y liền xả và sám tội, tâm kế tiếp cũng đoạn dứt; đến trời tối lại mong cầu và được y thì y này nên xả và sám tội Đột-kiết-la. Nếu y đã xả, tâm kế tiếp đã đoạn nhưng chưa sám tội; cho dù nhiều ngày sau được y thì y này cũng phải xả và sám tội Đột-kiết-la.

2. Giới không lìa y ngủ đêm thứ hai:

Minh tướng: Có nhiều tên gọi, Bà-la-môn gọi là mặt trời, giới quý tộc gọi là Dịch (thay đổi), người Hồ miền núi gọi là Khước sa, người trồng trọt canh tác gọi là Chủng tác thời, người đánh cá gọi là Hiển… những tên gọi như thế đều không phải là Minh tướng, nhưng dựa trên Minh tướng mà thành tên gọi ấy.

Vì chút nhân duyên: Tôn giả Đại Ca-diếp trông coi việc xây cất năm tinh xá lớn: Một là tinh xá trên núi Kỳ-xà-quật, hai là tinh xá Trúc lâm và ba tinh xá khác nữa. Lúc đó tôn giả đi đến Trúc viên để trông coi việc xây cất cũng như tôn giả Xá-lợi-phất đến tinh xá Kỳ-hoàn để trông coi việc xây cất; tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng trông coi việc xây cất năm trăm tinh xá.

Hỏi: Các đại đệ tử của Phật đều đã đoạn hết lậu kết (lậu hoặc kiết sử), việc nên làm đã làm xong vì sao lại liệu lý phước nghiệp này?

Đáp: Một là để báo đáp ân Phật, hai là để trưởng dưỡng Phật pháp, ba là để diệt tâm cống cao của chúng sanh phàm phu thấp kém làm được chút ít phước nghiệp, bốn là chiết phục tâm kiêu mạn của các đệ tử trong tương lai, năm là muốn phát khởi phước nghiệp cho chúng sanh trong tương lai.

Hỏi: Tôn giả Đại Ca-diếp có thần thông lực, vì sao không dùng thần lực đi, lại để cho trời mưa làm trở ngại?

Đáp: Tôn giả Đại Ca-diếp khi trông coi việc xây cất tự tay làm các việc như lấy bùn tô trét vách tường, tự tay đắp nên cho bằng phẳng. Lúc đó trời mưa lớn, tôn giả liền nhập định đợi tạnh mưa mới xuất định, nhưng mưa suốt đêm đến sáng mới tạnh, tôn giả xuất định thì trời đã sáng. Có thuyết cho là Phật thuyết kinh Cây khô, các Tỳ-kheo nghe rồi có người hoàn tục về nhà, có người ưu não không thể tự an nên tôn giả tùy nghi thuyết pháp khai giải cho họ, suốt đêm không nghỉ, thuyết pháp xong thì trời sáng. Do nhân duyên này nên không thể dùng thần lực.

Lìa y Tăng-già-lê ngủ đêm không biết làm sao:

Hỏi: Tôn giả Đại Ca-diếp là người có đại trí huệ, việc lớn còn thấu đạt huống chi là việc nhỏ

này đâu cần phải hỏi người khác .

Đáp: Vì muốn cho chúng sanh trong tương lai không dựa vào chút ít trí huệ và biện tài mà tự tin tự dụng, nên thường nghĩ mình không bằng; lại nữa vì muốn làm mô phạm cho chúng sanh nên hiển bày hỏi việc này.

Khen ngợi giới, khen ngợi người trì giới: Do thiện tâm nên khen ngợi, lại vì tôn giả Đại Ca-diếp trước nay chưa bị Phật quở trách, các đệ tử khác đều bị Phật quở như tôn giả Xá-lợi-phất bị Phật quở: "Sao thầy lại ăn thức ăn bất tịnh?"; Đại Mục-kiền-liên cũng bị Phật quở: "Sao thầy lại cho người chưa đủ hai mươi tuổi thọ giới cụ túc?", Nan-đà cũng bị Phật quở: "Sao thầy lại giáo giới Ni đến mặt trời lặn?", Ưu-đà-di cũng bị Phật quở: "Thầy là người ngu si mới muốn luận nghị tranh thắng với Xá-lợi-phất", A-nan cũng bị Phật quở: "Thầy là người ngu si, sao lại xúc não bậc Thượng tòa"… Tôn giả Đại Ca-diếp chưa từng bị Phật quở vì tôn giả có đức hạnh sâu dày, không có lỗi lầm; dù có chút lỗi lầm gì Phật cũng không quở tôn giả Đại Ca-diếp vì muốn tôn giả đảm đương việc duy trì chánh pháp sau khi Phật diệt độ và muốn chúng sanh đời sau hết lòng tôn trọng tôn giả.

Xá-lợi-phất: Là tên của người mẹ, Tần dịch là Thân tử, do bà mẹ tên Xá lợi sanh ra nên gọi là Xá lợi tử. Khi bà mẹ mang thai tôn giả, nằm mộng thấy một người tướng mạo trang nghiêm, thân mặc áo

giáp đội mũ trụ trên tay cầm cây gậy đánh vào bà. Tướng sư đoán mộng là bà sẽ sanh người con thông minh biện tài bậc nhất, có thể chiết phục tất cả các luận sư. Có thuyết cho là khi bà mang thai tôn giả, thần trí hơn hẳn ngày thường, tự cầu luận sư cùng tranh thắng; mọi người thấy việc kỳ lạ này đều cho là bà mất bổn tâm. Các Bà-la-môn nói: "Đây không phải là năng lực của bà mà là nhờ thai nhi là người thông minh trí huệ nên khiến bà như thế", sau khi biết rõ nguyên nhân, bà được hộ vệ cho đến ngày hạ sanh tôn giả.

Xá-lợi-phất bị bịnh: Trong số các đệ tử, tôn giả là người nhiều bịnh nhất, thường bị trúng gió, cảm lạnh cho đến bịnh máu nóng …; thầy thuốc nói: "bịnh trúng gió nên uống nước cháo", hoặc nói: "Bịnh máu nóng nên chắt lấy nước cơm uống", hoặc nói: "Đốt cục đá cho nóng rồi bỏ vào nước sữa để uống", hoặc nói: "Nấu tỏi trong nước sữa để ăn", hoặc nói: "Giả lá cây lấy nước thoa lên người"…

Hỏi: Tôn giả Xá-lợi-phất tu định có công đức, là bậc đại trí huệ vì sao có nhiều bịnh như thế?

Đáp: Do nhân duyên đời trước, đời quá khứ tôn giả đã não loạn cha mẹ cho đến Sư tăng nên đời này bị nhiều bịnh. Có thuyết cho là tôn giả là bậc đại trí huệ, lợi căn, đã thấm nhuần pháp vị, thường tu trí huệ và giỏi luận nghị, thích tu thiền định và siêng làm việc chúng, tinh tấn ba nghiệp không

chút biếng trễ, do đi đứng nằm ngồi không điều độ nên có nhiều bịnh. Lại có thuyết cho là đây là thân sau cùng của tôn giả, tất cả tội nghiệp đời trước đều phải thọ hết mới có thể nhập Niết-bàn, cho nên có nhiều bịnh.

Muốn đi du hành một tháng:

Hỏi: Tôn giả Xá-lợi-phất có nhiều bịnh vì sao lại muốn du hành một tháng?

Đáp: Vì có chúng sanh hữu duyên đáng được hóa độ, như Phật một ngày sáu thời thường quán chúng sanh để tùy nghi hóa độ; tôn giả Xá-lợi-phất là bậc chuyển pháp luân lần thứ hai cũng một ngày sáu thời thường quán chúng sanh để tùy nghi hóa độ; lại do tôn giả là người nắm giữ Phật pháp nên muốn du hành các nước để tùy nghi hóa độ và truyền bá Phật pháp, người đáng hàng phục sẽ hàng phục, người đã được hàng phục sẽ khiến phát tâm tín ngộ; lại do du hành tự khổ, bịnh gió bịnh lạnh sẽ giảm bớt.

Hỏi: Vì sao chỉ du hành trong vòng một tháng?

Đáp: Vì đối với chúng sanh hữu duyên chỉ cần một tháng là độ hết; có thuyết cho là người đáng thu phục chỉ cần một tháng là thu phục xong; lại cho là chỉ cần một tháng là khất thực đủ những vật cần dùng như y thực, ngọa cụ, thuốc thang trị bịnh. Y Tăng-già-lê dày nặng:

Hỏi: Tôn giả Xá-lợi-phất có bốn Như ý túc có

thể để ba ngàn đại thiên thế giới trong bàn tay xoay chuyển, sao lại nói là y Tăng-già-lê dày nặng?

Đáp: Tôn giả du hành là để độ sanh nhưng chúng sanh hữu duyên không thể dùng thần thông lực mà làm cho giác ngộ được, tôn giả phải đi bộ nên nói y Tăng-già-lê dày nặng. Lại do người mà tôn giả muốn thu phục là các luận sư, phải dùng lý chiết phục không thể dùng thần thông lực, nếu dùng thần thông lực sẽ khiến họ tăng thêm kiêu mạn, tôn giả phải đi bộ nên nói y Tăng-già-lê dày nặng. Lại do tôn giả hiện tướng đại từ bi, muốn cho các Tỳ-kheo già bịnh trong tương lai không phiền não nên muốn Như lai khai duyên cho các Tỳ-kheo già bịnh yết ma được lìa y ngủ đêm một tháng. Nói già là bảy mươi tuổi trở lên.

Hỏi: Vì sao Phật khai cho pháp không lìa y ngủ đêm một tháng?

Đáp: Vì nhân duyên độ sanh, lại vì nhân duyên hành đạo, không mang theo y nặng thì được lìa khổ não, tùy thời tu đạo nghiệp không bị trở ngại. Lại vì tìm cầu những vật dụng tùy thân và thuốc thang thích nghi cho bịnh tình hoặc để liệu lý việc xây cất tinh xá, chùa tháp; hoặc để thu phục người chưa thu phục, người đã được thu phục phất tâm tín ngộ nên Phật khai cho lìa y một tháng.

Giới lìa y cách đêm này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đồng nhưng ba chúng dưới không

đồng. Ni kết đại giới rộng nhất là một Câu-lô-xá, kết giới y cũng bằng với đại giới; Tăng kết đại giới và giới y không đồng với Ni. Kết đại giới sở dĩ thông với tụ lạc vì khi Tăng kết đại giới, uy lực của giới khiến cho điều ác không đến được trong giới, trong giới có thiện thần ủng hộ; lại vì đàn việt nên kết đại giới thông với tụ lạc, nếu kết đại giới tất cả Tăng đều tụ họp, không được gởi dục, nhưng kết giới y thì phải nói trừ tụ lạc và giới tụ lạc.

Mặc y thượng hạ du hành các nước: Y thượng là y Uất-đa-la-tăng, y hạ là y An-đà-hội. một đêm: Có thuyết cho là lấy sắc ấm làm ngày đêm, trời sáng là ban ngày, trời tối là ban đêm; có thuyết lại nói lấy năm ấm làm ngày đêm. Mặt trời lặn là khi mặt trời đi qua khỏi cõi Diêm-phù-đề. Minh tướng có nhiều tên gọi như trên đã nói, nói lấy sắc ấm làm ngày đêm là dựa trên ba sắc: Khi ánh mặt trời chiếu vào công cối ở cõi Diêm phù đề thì có sắc đen, khi chiếu vào lá cây thì có sắc xanh nhưng khi chiếu qua khỏi lá cây, rọi vào cõi Diêm phù đề thì có sắc trắng. Trong ba sắc này thì sắc trắng là sắc chính, nếu lìa y ngủ đêm cho đến sáng hôm sau thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, trong đây có bốn trường hợp:

Một là xả y thì không phạm, như Tỳ-kheo xuất giới đến nơi khác ngủ đêm, mượn y thọ trì đến sáng hôm sau xả y trả lại cho chủ y thì không phạm.

Hai là phạm vì không xả y, giống như trên nhưng khi xả y trả lại cho chủ y không tác pháp xả

y, trở về thọ lại y của mình; vì không tác pháp xả y mà thọ lại y của mình là hoại oai nghi, phạm Đột-kiết-la.

Ba là cũng xả y cũng phạm tội, như Tỳ-kheo để y trong giới, xuất giới đến chỗ khác ngủ đêm đến sáng hôm sau thì phạm Xả đọa.

Bốn là không xả y cũng không phạm tội, như Tỳ-kheo tự thọ trì y, không lìa y ngủ đêm ở chỗ khác.

Trừ Tăng yết ma cho: Tăng kết đại giới trước, kết giới y sau, đại giới rộng nhất là mười Câu-lô-xá, kết giới rồi phải ở trong đại giới này thuyết giới bố tát và làm các pháp yết ma. Nếu có sông ngòi, đường đi đều được hợp kết, nhưng chỉ lấy tướng bờ; kết đại giới rồi từ tướng bờ đó trở đi tùy phạm vi xa gần, lớn hay nhỏ đều không có lỗi. Nếu kết giới y đồng với đại giới thì nên nói trừ tụ lạc và giới tụ lạc, sở dĩ nói trừ ra vì giới tụ lạc không có nhất định còn giới y thì nhất định; lại vì ngăn dứt phỉ báng, diệt trừ đấu tranh và gìn phạm hạnh, dứt hiềm nghi. Có thuyết cho là nếu có tụ lạc mới nói trừ ra, nếu không có tụ lạc thì không cần nói trừ ra; cũng có thuyết cho là dù có tụ lạc hay không có tụ lạc khi kết yết ma đều nên nói trừ ra, vì sao, vì khi kết giới y không có tụ lạc, nhưng sau đó có tụ lạc và dân cư đến trong đại giới, lúc đó không cần phải kết giới y lại vì khi kết đã nói trừ ra rồi. Nếu ban đầu đã có tụ lạc, sau khi kết giới y xong không có

tụ lạc vì dân cư đã dời đi nơi khác thì chỗ trống này thuộc về giới y. Nếu giới tụ lạc ban đầu nhỏ, sau đó nới lớn dần ra thì tùy nới lớn dần ra tới đâu, nơi đó không thuộc về giới y nữa. Nếu giới tụ lạc ban đầu lớn, sau đó thu nhỏ dần lại thì tùy thu nhỏ lại tới đâu, chỗ trống đó lại nhiếp thuộc vào giới y. Nếu vua và quyến thuộc vào trong đại giới giăng màn trướng, ở gần hai bên làm chỗ ăn uống, chỗ đại tiểu tiện, chỗ đi lại… thì những chỗ ấy không còn thuộc về giới y; người làm ảo thuật, người chú thuật, người chơi nhạc cụ… vào trong đại giới cũng lại như vậy.

Nói trừ Tăng yết ma cho là như tôn giả Xá-lợi-phất vì các Tỳ-kheo già bịnh xin Phật khai cho pháp không lìa y một tháng, sau khi cho xong mà bịnh lành vẫn được theo yết ma trước đi du hành một tháng; nếu yết ma cho xong mà bịnh trở nặng thêm không thể đi được, sau khi bịnh lành vẫn theo yết ma trước được du hành một tháng. Nếu hóa độ chúng sanh chưa hết mà thời gian một tháng lại hết, hoặc việc tìm cầu y phục thuốc thang các vật cần dùng hoặc liệu lý việc Tam bảo chưa xong mà thời gian một tháng đã hết, đợi đến khi xong việc mới trở về vẫn không phạm. Nếu Tỳ-kheo qua đời thì y đã xin yết ma này nên cho người khán bịnh; nếu mất y đã xin yết ma này sau đó xin lại được y khác, bất luận nặng hay nhẹ đều phải xin lại yết ma; nếu đem y đã xin yết ma này cúng dường Tam bảo, sau

đó xin lại được y khác cũng phải xin lại yết ma. Trường hợp xin yết ma lìa y chín tháng cũng như vậy, vì nhân duyên nên khai cho pháp lìa y một tháng, cũng vì nhân duyên mà khai cho pháp lìa y chín tháng.

Hỏi: Vì sao không nhiều không ít mà khai cho đúng chín tháng?

Đáp: Vì trong một năm có ba tháng phải ở một chỗ an cư tiến tu đạo nghiệp nên khai cho đúng chín tháng.

Hỏi: làm một lần yết ma cho hay là làm chín lần yết ma?

Đáp: Chỉ làm một lần yết ma, giống như trường hợp lìa y Tăng-già-lê, lìa y Uất-đa-la-tăng hay y An-đà-hội cũng như vậy; vì nhân duyên nên khai cho lìa y Tăng-già-lê, vì nhân duyên cũng khai cho lìa y Uất-đa-la-tăng và y An-đà-hội.

Hỏi: Cho lìa một y hay cho lìa một lúc hai y?

Đáp: Không cho lìa một lúc hai y, Phật chế ba y là để chống lạnh, nếu chỉ còn có một y thì không thể chống lạnh; lại vì trừ hổ thẹn, nếu chỉ còn một y thì không trừ được hổ thẹn; lại nữa, Phật chế ba y để mặc vào tụ lạc, nếu chỉ còn một y thì không được vào tụ lạc; lại nữa, Phật chế mặc ba y vì muốn người nhìn thấy sanh tâm hoan hỉ, nếu chỉ còn một y thì không khiến người thấy sanh tâm thiện; lại vì muốn cho oai nghi thanh tịnh nên chế mặc ba y,

nếu chỉ còn một y thì oai nghi không thanh tịnh. Tỳ-kheo-ni chế có năm y nếu muốn lìa hai y cũng không được, Phật chế nên mặc năm y vì thành oai nghi, nếu chỉ còn ba y thì không thành oai nghi. Tỳ-kheo mặc đủ ba y, Tỳ-kheo-ni mặc đủ năm y thì tất cả thời đều được vào cung vua và tụ lạc đều không có lỗi. Nếu xin yết ma được lìa y một tháng, Tỳ-kheo già có y Tăng-già-lê dày nặng nhưng thật tế là không già, không bịnh, chỉ vì y Tăng-già-lê dày nặng nên xin yết ma; nếu Tăng cho yết ma thì yết ma tuy thành nhưng Tăng phạm Đột-kiết-la, người xin yết ma nếu không biết pháp thì không phạm, nếu biết pháp thì cũng phạm Đột-kiết-la. Nếu thật không phải già bịnh và y Tăng-già-lê cũng không dày nặng mà nói là già bịnh và y dày nặng thì yết ma tuy thành nhưng người xin phạm Ba-dật-đề.

Khi kết giới y nói trừ tụ lạc và giới tụ lạc, trong đây có bốn trường hợp:

Một là giới tụ lạc không phải là giới nhà, như hai tụ lạc, mỗi tụ lạc đều có nhà.

Hai là giới nhà không phải là giới tụ lạc, như một tụ lạc lớn không có tụ lạc khác, trong có có rất nhiều nhà.

Ba là giới tụ lạc cũng là giới nhà, như hai tụ lạc, mỗi tụ lạc đều có rất nhiều nhà.

Bốn là không phải giới tụ lạc cũng không phải

giới nhà, như nơi A-lan-nhã.

Trong tụ lạc có một giới cũng có giới khác, nếu tụ lạc kế tiếp nhau thì gọi là một giới, nếu không kế tiếp nhau thì gọi là giới khác. Nhà cũng có một giới và giới khác, nếu trú xứ chỉ có một phòng xá thì gọi là một giới; nếu trong trú xứ có chỗ nấu ăn, chỗ lấy nước, chỗ đại tiểu tiện, cửa ngõ… thì gọi là giới khác. Nói tụ lạc không kế tiếp nhau là chỗ mà gà có thể bay đến được, chỗ mà tên có thể bắn tới được, chỗ phân biệt nam nữ, chỗ mà người có hổ thẹn đại tiểu tiện và đi lại… Nếu tụ lạc chỉ có một nhà, để y trong nhà, Tỳ-kheo nằm ở chỗ mà tên có thể bắn tới được, ngủ đến khi trời sáng cũng không mất y; hoặc y để ở chỗ mà tên có thể bắn tới được, Tỳ-kheo nằm ngủ trong nhà cho đến khi trời sáng cũng không mất y. Nếu tụ lạc có nhiều nhà, y để trong nhà, Tỳ-kheo nằm ngủ ở chỗ mà tên có thể bắn tới được, trời sáng thì mất y vì giới nhà khác; nếu y để ở ngoài giới nhà, Tỳ-kheo ngủ nơi chỗ mà tên có thể bắn tới được, đến trời sáng cũng không mất y. Trường hợp tụ lạc kế tiếp nhau tức là bốn phía đều có tụ lạc, bốn phía đều dùng cái thang mười hai bậc dựa vào tường để đi lên và ra vào thông nhau, Tỳ-kheo ngủ dưới chân cầu thang còn y để ở bốn phía của tụ lạc cũng không phạm lìa y vì thang và bốn phía tiếp giáp nhau. Nếu tụ lạc chỉ có một nhà, y để trong nhà cũng không mất y; nếu tụ lạc có nhiều nhà, y để trong nhà thì phạm lỗi lìa

y, nếu để y ngoài giới nhà thì không mất y; nếu có thang tiếp giáp với tụ lạc, để y ở bốn phía của tụ lạc cũng không mất y. Trường hợp giới tụ lạc tiếp giáp nhau tức là hai bên có tụ lạc, ở giữa có đường cho người và xe qua lại, nếu hai đầu của xe tiếp giáp với hai bên tụ lạc, y để ở đầu này, người nằm ngủ ở đầu kia, cả y và người ở trên xe thì không mất y vì xe tiếp giáp với giới của hai tụ lạc. Nếu tụ lạc chỉ có một nhà, y để trong nhà, người ngủ ở trên xe cũng không mất y; nếu không có xe thì không thành nghĩa tiếp giáp, vì vậy có xe mới không mất y, không có xe thì mất y. Nếu tụ lạc có tường rào hoặc hào bao quanh bốn phía là giới tụ lạc, những chỗ như chỗ làm việc, chỗ mà đổ bỏ rác rến đến được, do tụ lạc có tường rào hay hào bao quanh nên thế lực không đến được chỗ xa thì gọi là giới tụ lạc tiếp giáp với giới tụ lạc.

Tộc họ có một giới và giới khác: Nếu cha mẹ, anh em, chị em, con cái cùng ăn một chỗ cùng làm một nghề thì gọi là một nhà; nếu ăn riêng, làm riêng, tất cả đều riêng, tuy cùng ở chung nhưng việc không đồng nhau thì gọi là một tộc. Chỗ mà mỗi người ở gọi là một giới còn những chỗ như chỗ nấu ăn, chỗ lấy nước, chỗ đại tiểu tiện… là giới khác. Nếu để y trong tộc họ này, người ở trong tộc họ khác thì mất y; nếu người ở trong phòng mà y để ở chỗ lấy nước hay chỗ nấu ăn… là giới khác thì mất y. Như thế cho đến nhà ngoại đạo, sân

vườn… nếu khác chủ và thấy biết khác thì mất y; nếu đồng là một chủ đồng thấy biết thì không mất y.

Nhà có lầu gác: Nếu y để ở tầng trên, người ở tầng dưới mà nhà thuộc của một chủ thì không mất y; nếu hai tầng thuộc của hai chủ khác nhau thì mất y. Nếu y ở tầng dưới, người ở tầng giữa hoặc y ở tầng giữa, người ở tầng dưới; hoặc y ở tầng trên, người ở tầng giữa hoặc y ở tầng giữa, người ở tầng trên thì không mất y vì tầng giữa tiếp giáp và thông với hai tầng trên và dưới.

Nếu Tỳ-kheo giữ y cho thầy thì thầy trò nên cách nhau trước sau khoảng bốn mươi chín tầm, luật sư nói hoặc ngang dọc cách khoảng bốn mươi chín tầm. Nếu Tỳ-kheo nằm ngủ trên đường ranh của hai giới, thân vào trong hai giới, y cũng ở trong hai giới thì không mất y. Nếu giữa hai giới tụ lạc có một bức tường ngăn, Tỳ-kheo nằm trên tường, y ở hai bên tụ lạc cũng không mất y. Nếu Tỳ-kheo này qua đời thì tùy mặt day về hướng nào thì người ở hướng đó được lấy y hoặc người nào nhìn thấy trước thì được lấy y.

3. Giới cất chúa y phi thời quá một tháng:

Nhân duyên về Ưu-ba-tư-na Phật nói ta muốn yên tĩnh trong bốn tháng tọa thiền:

Hỏi: Phật đã trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp lập bốn thệ nguyện rộng lớn để tế độ vô biên chúng sanh,

nay đã thành đạo rồi sao lại muốn tự được yên tĩnh?

Đáp: Không lúc nào là Phật không độ sanh hoặc tĩnh lặng mà làm Phật sự, hoặc thuyết pháp, tất cả oai nghi đi đứng nằm ngồi đều làm Phật sự. Nếu Phật tĩnh lặng là để lìa thân tán loạn hoặc lìa tâm tán loạn hoặc cả thân tâm đều lìa tán loạn nên trong bốn tháng Phật nhập định, tự tại trong các pháp môn, hoặc đến phương khác giáo hóa chúng sanh, hoặc thể nhập mười lực, bốn Vô sở úy và mười tám pháp Bất cọng. Lại do chúng sanh thường thấy Phật nên sanh tâm dễ duôi biếng nhác, muốn cho chúng sanh khởi tâm khát ngưỡng nên Phật muốn yên tĩnh tọa thiền trong bốn tháng. Lại do không muốn ngoại đạo dị kiến tăng trưởng cơ hiềm phỉ báng vì thấy Phật thường du hành các nước liền cho là Phật chỉ ở trong chỗ rộn rịp thì không có thật pháp nên Phật muốn yên tĩnh tọa thiền trong bốn tháng, hiển bày không phải là không có thật pháp. Lại do Phật muốn làm phép tắc cho các đệ tử trong tương lai; công đức, trí huệ của Phật tất cả đều đầy đủ mà Phật vẫn không bỏ việc tọa thiền, huống chi phàm phu mà lại biếng nhác hay sao. Lại do Phật lấy pháp làm thầy, yên tĩnh nhập định tự tại trong các pháp môn chính là pháp cúng dường thầy. Khi Phật tại thế có ba lần yên tĩnh tọa thiền: Một là sau khi thành đạo Phật yên tĩnh tọa thiền trong mười lăm ngày, lần thứ hai yên tĩnh tọa thiền hai tháng và lần sau cùng là bốn

tháng.

Hỏi: Vì sao lần đầu yên tĩnh tọa thiền mười lăm ngày, lần thứ hai lại đến hai tháng và lần sau cùng lại đến bốn tháng?

Đáp: Sau khi thành đạo, bắt đầu ra độ sanh thì nhân duyên độ sanh rất nhiều nên Phật chỉ yên tĩnh tọa thiền trong mười lăm ngày. Trải qua một thời gian, chúng sanh đã được hóa độ, vô lượng ngoại duyên cũng giảm bớt nên lần thứ hai Phật yên tĩnh tọa thiền hai tháng. Lúc sắp nhập Niết-bàn, việc độ sanh cũng sắp hết nên lần sau cùng Phật yên tĩnh tọa thiền bốn tháng. Lại do giai đoạn đầu sau khi Phật thành đạo, rất ít chúng sanh phạm lỗi, Phật chỉ yên tĩnh tọa thiền trong mười lăm ngày họ liền tự thấy lỗi. Thời gian sau, chúng sanh phạm lỗi tăng nhiều thêm, Phật yên tĩnh tọa thiền trong hai tháng họ mới tự thấy lỗi. Giai đoạn sau chúng sanh làm việc phi pháp càng nhiều, phạm lỗi càng tăng, Phật phải yên tĩnh tọa thiền trong bốn tháng họ mới tự thấy lỗi.

Hỏi: Vì sao các Tỳ-kheo không nói cho Ưu ba tư na biết chế định của Tăng?

Đáp: Ưu-ba-tư-na là bậc đại đức nắm giữ Phật pháp, vì sợ làm khó nên không dám nói.

Chỉ trừ Tỳ-kheo đưa thức ăn đến và vào ngày bố tát: Đưa thức ăn đến là để cúng dường sắc thân của Phật, vào ngày bố tát đến bố tát là cúng dường

pháp thân.

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều phạm Xả đọa, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Y phi thời: Từ mười sáu tháng bốn đến ngày rằm tháng tám được y thì gọi là y thời, nếu có thọ y công đực thì đến ngày rằm tháng chạp gọi là y thời. Từ mười sáu tháng chạp đến ngày rằm tháng tư được y thì gọi là y phi thời. Trong bốn tháng này nếu cha mẹ, vợ con, anh chị em cúng dường y hoặc gặp hội năm năm mở một lần hoặc hội nhập xá (vào ở nhà mới) được cúng dường y thì không gọi là y phi thời vì các hội này là thường định. Nếu tự xin y cho mình cũng không gọi là y phi thời vì nếu xin đủ ba y thì không xin nữa. Trường hợp trong giới này là được cúng vải không đủ may thành y, do mong cầu cho đủ nên khai cho cất chứa trong một tháng chờ cúng thêm cho đủ, nếu quá một tháng thì phạm Xả đọa. Vì vậy trong vòng một tháng này phải siêng năng cần cầu cho đủ vải để may thành y, niệm mong cầu không cho gián đoạn mới được cất chứa đến một tháng. Nếu dứt niệm mong cầu thì không được cất chứa đến một tháng, như ngày đầu được vải mà suy nghĩ rằng: "Trong mười ngày này mong cầu cho đủ vải chắc sẽ không được", nếu nghĩ như vậy thì vải này không được cất chứa quá mười ngày, dù chỉ được bốn khuỷu tay cũng phải may thành y, nếu quá mười ngày thì

phạm Xả đọa; y không đúng lượng thì phạm Đột-kiết-la, y này nên xả. Như thế cho đến ngày thứ mười nếu suy nghĩ rằng: "Nội trong một ngày này mong cầu cho đủ vải chắc sẽ không được", nếu nghĩ như vậy thì y này nội trong ngày thứ mười nếu không cho người, không may thành y thọ trì, không tác tịnh, qua ngày thứ mười một trời vừa sáng liền phạm Xả đọa.

Nếu ngày đầu được vải y không được như ý muốn, kế lại được thêm vải y ngoài mong cầu thì cả hai loại vải y này trong vòng mười ngày phải may thành y; nếu không may thành y, không tác tịnh, không cho người, không thọ trì, qua đến ngày thứ mười một trời vừa sáng thì phạm Xả đọa; nếu được y không đúng lượng thì y này nên xả rồi sám tội Đột-kiết-la.

Nếu Tỳ-kheo được vải không đủ may y, vì mong cầu cho đủ nên chờ đến chín ngày, đến ngày thứ mười dù không được vải y như mong cầu hay không mong cầu mà được thì vải y nội trong một ngày này phải may thành y; nếu không may thành y, không tác tịnh, không cho người, không thọ trì, qua đến ngày thứ mười một trời vừa sáng liền phạm Xả đọa.

-oOo-

TÁT BÀ ĐA TỲ NI TỲ BÀ SA

QUYỂN 5

5. Nhân Duyên Kết Ba Mươi Xả Đọa (Tiếp Theo):

4. Nhân duyên kết giới thứ tư:

Tỳ-kheo-ni Hoa sắc: Dung mạo đoan chánh, sắc đẹp như hoa Ưu-bát-la (hoa sen xanh), nhiều kiếp lâu xa trong đời quá khứ là một Bà-la-môn nữ. Cha mẹ và người thân của cô vào biển tìm châu báu, cô ở nhà không thể tự kiếm sống nên cùng ở chung với các dâm nữ bán sắc nuôi thân. Do cô không đẹp lắm nên không có ai lui tới với cô, cô thường tự oán trách bản thân. Lúc đó có một vị Phật Bích chi được mọi người kính ngưỡng, có người nói với cô rằng: "Cô hãy cúng dường vị Phật Bích chi này rồi phát nguyện, tùy tâm muốn gì sẽ được như ý nguyện", cô nghe lời liền sửa soạn các món ăn ngon cùng với hoa sen xanh đem dâng cúng Phật Bích chi rồi phát nguyện: "Nguyện cho con đời đời thường làm người nữ đoan chánh, sắc đẹp tuyệt trần, được mọi người yêu mến; lại nguyện cho con được công đức như vị Sa-môn này đã được". Do bổn nguyện đời xưa nên nay làm

người nữ xinh đẹp, sau khi xuất gia lại được Lậu tận.

Rừng An đà: Còn gọi là rừng trú ám (ban ngày tối tăm) vì khu rừng này rộng lớn rậm rạp, dưới những tàng cây trong rừng mặt trời không chiếu xuống được; lại do chủ của khu rừng này tên là An-đà nên nhân đó đặt tên rừng An-đà.

Dùng điệp y quý giá gói xâu thịt rồi treo lên cây:

Hỏi: Nếu có người lấy gói thịt này thì ở bên ai mắc tội, bên chúa giặc hay bên Ni? đáp là bên Ni.

Y phục rách rưới:

Hỏi: Ni Hoa sắc có công đức và có tiếng tăm mọi người đều biết, vì sao y phục không đủ?

Đáp: Ở đời có hai hạng người: Một là được rồi cất chứa, hai là được rồi đem bố thí. Tỳ-kheo-ni Hoa sắc hễ có được vật gì đều đem cho hết cho người đến xin, cho đến đối với bản thân thường bị thiếu thốn.

Trong số y dư: Do Phật nhập thất yên tĩnh tọa thiền bốn tháng khiến các Tỳ-kheo tự thấy lỗi nên xả y dư do cư sĩ cúng, chỉ mặc ba y phấn tảo nên gọi là số y dư.

Giới thọ lấy y từ Ni không phải bà con là giới bất cọng, Tỳ-kheo-ni không phạm, Sa-di phạm Đột-kiết-la. Phật chế giới này cho các Tỳ-kheo là vì nam nữ không nên giao tiếp qua lại, nếu cùng

qua lại sẽ sanh ái nhiễm và đưa đến các nhân duyên phi pháp, cho nên Phật chế ngăn; nếu là bà con thì không bị hiềm nghi cũng không bị phỉ báng thì được thọ lấy y. Y đúng lượng này nếu là của cư sĩ hoặc y có màu sắc phi pháp cũng không được thọ lấy; nếu y được nhuộm đúng pháp mà thọ lấy thì phạm Xả đọa. Nếu nhiều Tỳ-kheo thọ lấy một y thì tất cả đều phạm; nếu một Tỳ-kheo thọ lấy một y từ nhiều Ni thì tính số Ni mà kết phạm. Trong năm loại y có ba loại không được thọ lấy, đó là y bị cháy, y bị bò nhai và y bị chuột cắn, nếu thọ lấy thì phạm Xả đọa; hai loại y kia thọ lấy thì phạm Đột-kiết-la; nếu thọ lấy bát đúng lượng cũng phạm Xả đọa; thọ lấy y không đúng lượng và các vật dụng như kiền tư… thì phạm Đột-kiết-la. Nếu thọ lấy y từ Thức-xoa-ma-na và Sa-di-ni cũng phạm Xả đọa.

Trừ trao đổi: Để cho người hành đạo được an lạc và các đệ tử không bị khổ não nên Phật khai cho trừ trao đổi. Như trường hợp Tỳ-kheo đổi y với Tỳ-kheo-ni vì mặc vừa vặn hoặc Tỳ-kheo-ni đổi y với Tỳ-kheo vì mặc vừa vặn. Nếu Phật không khai cho trao đổi thì các đệ tử sẽ vì nhân duyên tìm cầu y phục mà phiền não và bỏ phế việc hành đạo.

5. Nhân duyên kết giới thứ năm:

Giới này bất cọng với Tỳ-kheo-ni, Sa-di nhờ ni không phải bà con giặt y cũ thì phạm Đột-kiết-la. Tướng phạm trong giới này là nếu tự đưa y cho Tỳ-

kheo-ni không phải là bà con giặt hoặc nhuộm hoặc đập, trong ba việc này tùy làm một việc liền phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; nếu cùng một lúc nhờ làm ba việc cũng phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; nếu y giặt chưa sạch, nhuộm chưa thành màu, đập chưa sạch, đều phạm Đột-kiết-la. Nếu viết thư hay làm dấu đưa tin thì phạm Đột-kiết-la; nhờ giặt y phạm Xả đọa cũng phạm Đột-kiết-la. Nếu hai người dùng chung y cho đến nhiều người dùng chung y, nhờ Tỳ-kheo-ni giặt, đập hay nhuộm đều phạm Đột-kiết-la; nếu nhờ giặt, nhuộm hay đập y bất tịnh tức là y được dệt bằng lông lạc đà, lông bò, lông tạp thì phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo nhờ Sa-di học hỏi giặt, nhuộm, đập y cũng phạm Xả đọa; nhờ người phá giới, kẻ Tặc trụ… thì không phạm; nhờ Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni giặt, nhuộm hay đập y cũng phạm Xả đọa; nếu Tỳ-kheo nhờ Tỳ-kheo giặt y cũ thì phạm Đột-kiết-la. Giới này nhờ giặt y cũ đúng lượng hay không đúng lượng đều phạm.

6. Nhân duyên kết giới thứ sáu:

Bạt-nan-đà nói các pháp: Có thuyết cho là ban đầu nói pháp bố thí, chặng giữa nói công đức trì giới, sau cùng nói phước báo được sanh lên cõi trời. Có thuyết cho là từ đầu đến cuối đều nói phước báo của bố thí. Phật kết giới này cho các Tỳ-kheo một là để Phật pháp được tăng thượng, hai là để dứt tránh tụng, ba là để diệt trừ tâm bất thiện

của chúng sanh, bốn là muốn khiến cho chúng sanh ở trong chánh pháp phát tâm tin ưa.

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Xả đọa, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Tướng phạm trong giới này là Tỳ-kheo xin y từ cư sĩ không phải là bà con, được y thì phạm Xả đọa. Nếu viết thư hay làm dấu đưa tin thì phạm Đột-kiết-la; hai người cùng xin một y cũng phạm Đột-kiết-la; xin y giùm cho người khác cũng Đột-kiết-la. Giới này nếu xin được y đúng lượng thì phạm Xả đọa, y không đúng lượng thì phạm Đột-kiết-la. Không phạm là xin y từ bà con, nếu bà con này giàu có nhiều tiền của thì đến xin không phạm; nhưng nếu bà con này nghèo khổ mà đến xin thì phạm Đột-kiết-la. Nếu bà con cho ít, xin thêm nữa thì phạm Đột-kiết-la; xin giùm cho người khác cũng phạm Đột-kiết-la; nếu không xin mà bà con tự cho thì không phạm.

Nếu được thỉnh trước: Nếu người không phải là bà con đã thỉnh cúng y trước, sau đó đến lấy thì không phạm. Tuy người đó đã thỉnh trước nhưng sau đó trở nên nghèo khó mà đến nhắc đòi thì phạm Đột-kiết-la; nếu cúng một ít mà xin thêm cũng Đột-kiết-la; xin giùm cho người khác cũng Đột-kiết-la; nếu không xin mà tự cho thì không phạm.

7. Nhân duyên kết giới thứ bảy:

Lúc đó Tỳ-kheo Ba-la: Ba-la là tên của vùng

đất, Tỳ-kheo này được đạt tên theo tên của vùng đất. Do đời quá khứ, bồ tát Nho đồng ở trước Phật Nhiên đăng trải tóc trên mặt đất để Phật bước qua, nhờ nhân duyên này mái tóc có màu xanh biếc. Lúc cạo tóc xuất gia có vô số người lấy tóc này xây tháp cúng dường, nhờ nhân duyên này nhiều chúng sanh được gặp Phật quá khứ và đều được Lậu tận nhập Niết-bàn vô dư, còn lại bốn mươi người mãi đến đời này gặp Phật hiện tại mới được độ, Tỳ-kheo Ba la là người sau cùng trong số bốn mươi người đó.

Lõa hình mà đi:

Hỏi: Đi xa gặp nhiều hiểm nạn như nạn giặc cướp, nạn thú dữ, trùng độc, nạn đói lạnh…, vì sao Phật lại bảo các Tỳ-kheo du hóa phương xa?

Đáp: Vì căn tánh và sở thích của chúng sanh không giống nhau, Phật tùy căn cơ sở thích mà chế giáo; có chúng sanh nhờ đi xa động loạn mới phát thiện căn thì Phật khen ngợi du hành, tùy thời thay đổi không bị hệ lụy; có chúng sanh nhờ yên tĩnh tọa thiền mới tăng trưởng thiện căn thì Phật khen ngợi yên tĩnh lặng lẽ tự giữ, tùy được lợi ích không có lỗi lầm. Trong giới này các Tỳ-kheo lõa hình mà đi là vì Phật đã kết giới không được xin y từ cư sĩ không phải là bà con nên không dám xin, hai là vì các Tỳ-kheo trong tương lai cũng sẽ gặp nạn khổ như vậy, muốn Phật nhân việc này mà khai thông nhân duyên.

Đoạt lấy y của tỳ-kheo: Do Lục quần Tỳ-kheo có trí huệ khéo tìm cách nói trước với Tỳ-kheo Ba la rằng: "Thầy lấy đủ ba y, những y còn dư hãy cho chúng tôi", Ba la đồng ý nên không phạm. Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Xả đọa, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo mất một y, từ y Tăng-già-lê có thể trích ra làm một y thì không nên xin, nếu xin mà được y thì phạm Xả đọa, không được y thì phạm Đột-kiết-la. Nếu trong số y tài dư có thể may được y thì không nên xin, xin được hay không được kết phạm như trên. Nếu mất hai y, từ y Tăng-già-lê có thể trích ra làm một y thì chỉ nên xin một y, nếu xin hai y mà được thì phạm Xả đọa, không được thì phạm Đột-kiết-la. Y trong giới này là y đúng lượng, nếu y không đúng lượng hoặc thiếu hoặc dư đều phạm Đột-kiết-la.

8. Nhân duyên kết giới thứ tám:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Xả đọa, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Lúc đó có cư sĩ lo liệu giá tiền y định cúng y cho Bạt-nan-đà, cư sĩ này với Bạt-nan-đà là chủ khách thường lui tới nhau; Bạt-nan-đà có trí huệ phước đức lại nhiều tiền của, thường đưa tiền bạc vật báu cho cư sĩ này vay để buôn bán sanh lợi nên cư sĩ này muốn cúng y cho Bạt-nan-đà để Bạt-nan-đà không tính toán nhiều ít trong việc sanh lợi của

mình. Bạt-nan-đà biết được ý này nên đến bảo cư sĩ mua y quý giá cúng. Thể của giới này là cư sĩ hay vợ cư sĩ lo liệu trước giá tiền y, Tỳ-kheo đến bảo họ thêm tiền mua y tốt, tức là thể sắc và lượng của y đều tốt; nếu được y như lời yêu cầu thì phạm Xả đọa, không được y như yêu cầu thì phạm Đột-kiết-la. Nếu viết thư hay làm dấu đưa tin thì phạm Đột-kiết-la; nếu không yêu cầu thể, sắc và lượng y đều tốt mà yêu cầu cúng y theo sở thích của mình hoặc bằng với giá tiền y của họ hoặc ít hơn thì không phạm. Y trong giới này là y đúng lượng, được y đúng lượng thì phạm Xả đọa; được y không đúng lượng thì phạm Đột-kiết-la. Không phạm là xin y từ bà con, nếu bà con này giàu có nhiều tiền của thì đến xin không phạm; nhưng nếu bà con này nghèo khổ mà đến xin thì phạm Đột-kiết-la. Nếu người không phải là bà con đã thỉnh trước, nói rằng: "Khi nào cần y thì đến lấy", sau đó đến lấy thì không phạm. Nếu đàn việt thỉnh trước này là người giàu có, bảo họ mua y tốt thì không phạm; nếu họ là người nghèo khó mà bảo họ mua y tốt cúng thì phạm Đột-kiết-la. Nếu không xin mà tự cho thì không phạm.

9. Nhân duyên kết giới thứ chín:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Xả đọa, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Y trong giới này cũng là y đúng lượng, nếu

khuyên họ hùn chung mua y mà được y không đúng lượng thì phạm Đột-kiết-la. Giới này khác giới trước ở chỗ là hai cư sĩ, mỗi người lo liệu riêng giá tiền y để mua y cúng; Tỳ-kheo khuyên họ hùn chung lại để giá tiền gấp đôi lên để mua một y quý giá. Không phạm là xin từ bà con hoặc được thỉnh cúng trước hoặc không xin mà tự cho… giống như giới trên.

10. Nhân duyên kết giới thứ mười:

Khi còn tại gia, Bạt-nan-đà giỏi về bắn cung và thông binh pháp. Quan đại thần tướng soái nước Ma-kiệt-đà sai năm trăm người theo Bạt-nan-đà thọ học binh pháp và pháp bắn cung, học thông rồi liền trở về nước. Vị đại thần này sai sứ mang nhiều vật quý hiếm đến biếu tặng cho Bạt-nan-đà để đền ơn nhưng lúc đó Bạt-nan-đà đã xuất gia ở nước Xá-vệ. Sứ giả nước Ma-kiệt-đà đến nước Ca-tỳ-la vệ biết được tin này liền đi đến thành Xá-vệ tìm kiếm, cuối cùng gặp nhau ở phố chợ, sứ giả giao vật báu biếu tặng rồi trở về nước của mình.

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Xả đọa, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Thể của giới này là nếu đàn việt sai sứ đưa vật báu cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nên nói: "Pháp Tỳ-kheo chúng tôi không được nhận vật báu, khi tôi cần y nếu được y thanh tịnh sẽ thọ trì", sứ giả nếu hỏi Tỳ-kheo có chấp sự không, Tỳ-kheo nên chỉ

chỗ người chấp sự. Sứ giả đưa giá tiền y này cho người chấp sự và bảo mua y thanh tịnh cho Tỳ-kheo thọ trì, sau đó trở lại nói với Tỳ-kheo: "Khi nào thầy cần y thì cứ đến chỗ người chấp sự lấy". Tỳ-kheo khi cần y nên đến chỗ người chấp sự nói rằng: "Tôi cần y", đến nói như vậy được đến lần thứ ba; nếu được y thì tốt, nếu không được y thì lần thứ tư, thứ năm , thứ sáu nên đến trước người chấp sự này đứng im lặng để nhắc; nếu được y thì tốt, nếu không được y mà đến quá sáu lần để đòi y, được y thì phạm Xả đọa. Trong giới này có ba lần nói và ba lần đứng im lặng để hiện tướng đòi y không phạm, nếu đến đòi lần thứ bảy mà được y thì phạm Xả đọa, không được y thì phạm Đột-kiết-la.

TỤNG THỨ HAI

11. Nhân duyên kết giới thứ mười một:

Phật tại nước Câu-xá-tỳ: Câu-xá-tỳ là tên vùng đất, Kiều-xa-da là tên một loại tơ tằm. Do nước này nuôi tằm lấy tơ giống như nước Tần, từ tơ này dệt thành vải có hai loại: Một là tách bông vải ra dồn làm ngọa cụ, hai là từ tơ tằm dệt thành vải; hai loại vải này đều dùng làm phu cụ. Phật kết giới này cho các Tỳ-kheo một là để dứt phỉ báng, hai là để tăng

trưởng tín kính, ba là để hành đạo được an lạc trụ, bốn là để không làm hại chúng sanh. Giới này bất cọng với Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo phạm Xả đọa, bốn chúng kia phạm Đột-kiết-la.

Tướng phạm trong giới này là nếu xin kén tằm, tơ tằm hay bông vải để dệt thành vải, làm xong liền phạm Xả đọa; nếu xin kén tằm để bán, trong đó tằm còn sống thì phạm Đột-kiết-la, không có tằm thì không phạm; nếu được Kiều-xa-da bị rách để làm ngọa cụ thì không phạm. Nếu lấy lông dê, lông lạc đà, lông bò hợp xen để làm ngọa cụ thì phạm Đột-kiết-la; nếu lấy loại vải gai trắng, vải gai đỏ, Sô-ma, Súy-di-la, Khâm-bà-la, Kiếp bối hợp xen để làm ngọa cụ thì phạm Đột-kiết-la; nếu được Kiều-xa-da may thành y đúng lượng thì phạm Xả đọa, bảo người khác may thành y cũng phạm Xả đọa vì Kiều-xa-da rất quý ở trong nước này.

12. Nhân duyên kết giới thứ mười hai:

Ở nước này lông dê đen rất quý nên Phật chế ngăn không cho dùng làm ngọa cụ. Lông dê đen dệt thành vải cũng có hai loại: Một là lựa chọn lấy lông dê đen dồn làm ngọa cụ, hai là kéo thành sợi để dệt thành vải. Giới này bất cọng với Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo phạm Xả đọa, bốn chúng kia phạm Đột-kiết-la.

Tướng phạm trong giới này là có bốn loại lông dê đen: Một là loại đen nhuộm lam, hai là loại đen

nhuộm màu bùn xám, ba là loại đen nhuộm màu vỏ cây và thuần đen, đen nhánh. Trong bốn loại này, bất cứ dùng loại nào làm ngọa cụ, làm xong thì phạm Xả đọa; nếu là lông dê đen bị khô, hư dùng làm ngọa cụ thì không phạm. Nếu lấy lông dê, lông lạc đà, lông bò hợp xen để làm ngọa cụ thì phạm Đột-kiết-la; nếu lấy loại vải gai trắng, vải gai đỏ, Sô-ma, Súy-di la, Khâm-ba-la, Kiếp-bối hợp xen để làm ngọa cụ thì phạm Đột-kiết-la; nếu được lông dê làm ngọa cụ đúng lượng thì phạm Xả đọa, bảo người khác làm cũng phạm Xả đọa vì lông dê ở nước này rất quý.

13. Nhân duyên kết giới thứ mười ba:

Giới này khác với giới trên ở chỗ là lấy lông dê xen tạp làm ngọa cụ. Giới này bất cọng với Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo phạm Xả đọa, bốn chúng kia phạm Đột-kiết-la. Xen tạp trong đây là đen trắng xen tạp với lông xấu bậc hạ, lông dê trắng là lông ở lưng, ở hai bên sườn và ở cổ; lông dê xấu bậc hạ là lông ở đầu, ở bụng và ở chân. Nếu làm phu cụ nên dùng hai mươi bát la lông dê đen, mười bát la lông dê trắng, mười bát la lông dê xấu bậc hạ; một bát la bằng bốn lạng. Trong đây, nên dùng hai mươi bát la lông dê đen mà dùng quá một lạng thì phạm Xả đọa; nên dùng mười bát la lông dê trắng mà dùng quá một lạng thì phạm Đột-kiết-la; nên dùng mười bát la lông dê xấu bậc hạ mà dùng ít

hơn thì một lạng thì phạm Xả đọa. Nếu làm phu cụ sáu mươi bát-la thì nên dùng ba mươi bát la lông dê đen, mười lăm bát la lông dê trắng và mười lăm bát-la lông dê xấu bậc hạ. Nếu làm phu cụ một trăm bát-la thì nên dùng năm mươi bát la lông dê đen, hai mươi lăm bát la lông dê trắng, hai mươi lăm bát la lông dê xấu bậc hạ. Nếu tự xin dê nuôi lấy lông để làm thành vải cũng phạm Xả đọa; giới này tuy cho dùng lông dê xen tạp để làm ngọa cụ nhưng mất nhiều công sức, làm trở ngại đạo nghiệp; nếu nhờ người khác làm như pháp thì không phạm.

14. Nhân duyên kết giới thứ mười bốn:

Nếu Tỳ-kheo đã may ba y và làm ngọa cụ đúng lượng rồi, phải thọ trì trong sáu năm, không được theo đàn việt xin lông dê để làm ngọa cụ mới, làm thành thì phạm Xả đọa, trừ khi Tăng yết ma. Thể của giới này là để đoạn trừ tâm tham muốn cất chứa nhiều, giới này bất cọng với Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo phạm Xả đọa, bốn chúng kia phạm Đột-kiết-la. Nếu người khác tự cho, tự có y tài làm thành hoặc được cái đã làm thành thì không phạm.

15. Nhân duyên kết giới thứ mười lăm:

Phật im lặng nhận lời:

Hỏi: Vì sao khi Phật thọ thỉnh lại im lặng?

Đáp: Phật đã diệt tận kiết sử tham đối với thức ăn nên im lặng thọ thỉnh; Phật Bích chi và Thanh văn tuy đã diệt tận kiết sử tham nhưng tập khí vẫn

còn nên hứa khả thọ thỉnh. Lại vì đoạn dứt cơ hiềm phỉ báng, nếu Phật hứa khả khi thọ thỉnh thực thì ngoại đạo sẽ nói rằng: "Sa-môn Cù-đàm tự nói đã vượt qua ba cõi mà còn tham thọ thỉnh thực", nên Phật im lặng thọ thỉnh. Có thuyết cho là Phật thị hiện tướng Đại nhân, ăn uống là việc nhỏ nên không cần phải nói; như quốc vương không vì việc nhỏ mà dao động, nếu có việc lớn tỏ rõ rồi mới dao động; Phật cũng vậy. Lại do Phật có năm thời nhập Không tam muội: Một là khi thọ thỉnh, hai là khi thọ thực, ba là khi thuyết pháp, bốn là khi có lợi lạc, năm là khi bị người cơ hiềm phỉ báng. Như khi thọ thỉnh sẽ quán người thỉnh là ai, người thọ thỉnh là ai; khi thọ thực sẽ quán người thí thực là ai, người thọ thực là ai; cứ như thế cho đến khi bị cơ hiềm phỉ báng cũng quán người phỉ báng là ai, người bị phỉ báng là ai; khi quán như vậy liền nhập Không tam muội nên Phật im lặng. Có kinh nói Phật có khi cũng hứa khả thọ thỉnh.

Hỏi: Vì sao Phật khi thì im lặng thọ thỉnh, khi thì hứa khả thọ thỉnh?

Đáp: Điều này không thể nghĩ bàn, như trong Kinh nói Phật không thể nghĩ bàn, Rồng không thể nghĩ bàn, nghiệp báo thế gian không thể nghĩ bàn.

Phật muốn cho chúng sanh biết được tâm Phật: Cho đến hàng chúng sanh thấp hèn độn căn, nếu Phật muốn cho họ thấy thì họ liền được thấy; nếu Phật không muốn cho họ thấy thì họ không thể thấy

được, dù Thanh văn hay Phật Bích chi dùng thiên nhãn cũng không thể thấy. Lại nữa, khi Phật phóng đại quang minh chiếu xuống cho đến địa ngục A-tỳ, chiếu lên cho đến cõi trời Hữu đảnh, nếu người nào đáng được độ thì liền thấy ánh sáng này, người không đáng được độ thì không thấy. Cho nên Phật im lặng thọ thỉnh hay hứa khả thọ thỉnh đều không thể suy lường được.

Cúi đầu đảnh lễ hữu nhiễu rồi đi: Ngoại đạo dị kiến chỉ hữu nhiễu rồi đi, còn người tín kính Phật thì cúi đầu đảnh lễ hữu nhiễu rồi đi. Thân Phật thanh tịnh như gương, tất cả ảnh tượng thế gian đều hiện rõ, khiến người nhìn thấy sanh tâm tín kính cúi đầu đảnh lễ. Hữu nhiễu là thuận chánh pháp, trong kinh nói có lực sĩ Mật tích nếu thấy ai nhiễu bên trái liền dùng chày kim cang đập người ấy; lại do Phật trong nhiều kiếp trước thường hiếu thuận Tam bảo, sư tăng, cha mẹ không có trái nghịch nên được phước báo không gặp người trái nghịch.

Hỏi: Vì sao ngoại đạo dị kiến lại không đảnh lễ Phật ?

Đáp: Vì họ có tập khí kiêu mạn tích chứa nhiều đời lại thường ôm lòng tà ác, không có tâm thiện.

Hỏi: Mỗi người lễ mỗi cách vì sao chỉ nhiễu ba vòng?

Đáp: Một là không làm não loạn Phật cũng không tự não loạn mình, hai là muốn phát sanh

nhân duyên giải thoát ở đời vị lai.

Trở về đến nhà suốt đêm lo sữa soạn đầy đủ các món ăn ngon tinh khiết:

Hỏi: Vì sao lại làm thức ăn vào ban đêm?

Đáp: Vì nấu ban ngày khí trời nóng bức sẽ làm thức ăn mau thiu; lại do làm thức ăn vào ban đêm thì sáng hôm sau mới có thức ăn, nếu làm thức ăn ban ngày thì sẽ thành thức ăn cách đêm.

Bạch Phật thời đáo (đến giờ thọ thực):

Hỏi: Vì sao trước đã thỉnh rồi lại còn thỉnh nữa?

Đáp: Một là vì muốn tăng thượng công đức, hai là vì muốn thành tựu ba pháp kiên cố. Cũng có trường hợp đến giờ thì Phật tự đi, như có một cư sĩ ở chỗ yên tĩnh thắp hương thỉnh Phật từ xa, hương thơm bay đến nhiễu quanh Phật ba vòng, Phật tự biết thời. Có thuyết cho là lực sĩ Mật tích đến giờ bạch Phật, cũng có thuyết cho là A-nan đến giờ bạch Phật, có thuyết cho là Phật tự biết thời không cần các duyên bên ngoài.

Phật ở lại trong phòng: Khi Phật thấy đi không có lợi ích thì Phật không đi, lại do có năm nhân duyên nên Phật không đi thọ thỉnh thực: Một là vào thất tĩnh tọa, hai là thuyết pháp cho chư thiên, ba là thăm các Tỳ-kheo bịnh, bốn là muốn kết giới, năm là đi xem xét phòng xá ngọa cụ.

Thứ lớp đi từ phòng này đến phòng khác: Vì muốn các Tỳ-kheo sanh tâm kính sợ nên sau khi

các Tỳ-kheo đi thọ thỉnh thực rồi, Phật liền đi xem xét phòng xá; sau khi trở về các Tỳ-kheo sẽ tự biết ngăn nắp, không dám để trong phòng có điều gì phi pháp. Lại do Phật muốn đoạn dứt các Tỳ-kheo đàm luận phi pháp, vì Phật vào phòng xem xét thì không ai dám nói lời phi pháp. Lại do ngăn dứt người có tâm trộm cắp vì nếu có người xấu, thấy Phật đi xem xét phòng xá như vậy sẽ không khởi tâm trộm cắp.

Thượng tòa thuyết pháp: Sau khi thọ thực xong, Thượng tòa thuyết pháp cho đàn việt một là để tiêu tín thí, hai là để báo ơn, ba là thuyết pháp khiến họ hoan hỉ, thành tựu thiện căn thanh tịnh; bốn là tại gia hành tài thí còn người xuất gia nên hành pháp thí.

Lúc đó có cư sĩ thỉnh Phật và Tăng ngày mai đến nhà thọ thực: Khi Phật còn tại thế, được cúng dường y thực và các thứ khác, Phật chỉ thọ phần của một người; sau khi Phật diệt độ, trong Tam bảo cũng chỉ thọ một phần.

Hỏi: Vì sao như vậy?

Đáp: là khi Phật còn tại thế, cúng dường là cúng dường sắc thân Phật nên Phật chỉ thọ phần của một người; sau khi Phật diệt độ, cúng dường là cúng dường pháp thân Phật, tuy công đức pháp thân Phật thù thắng hơn công đức Tăng bảo nhưng trong Tam bảo cũng chỉ thọ một phần. Khi Phật còn tại thế, nếu thí chủ nói cúng dường Phật thì sắc thân

Phật thọ dụng, nếu nói cúng dường Phật bảo thì sắc thân Phật không được thọ dụng vì là cúng dường pháp thân Phật. Luận về pháp thọ thí, tâm phải định, miệng phải định vì phước thí sâu dày rất dễ phân biệt; nếu cúng dường Phật nên nói rõ ràng là cúng Phật, nếu cúng dường pháp nên nói rõ là cúng dường Kinh hay cúng dường cho người thuyết pháp, đọc tụng kinh. Nếu cúng dường Tăng nên phân biệt rõ là cúng cho Tăng kỳ lạp hay Tự tứ lạp hay Diện môn lạp; cũng nên phân biệt rõ là cúng dường Tăng hay cúng dường Tăng bảo. Nếu cúng dường Tăng bảo thì dù Tăng phàm phu hay Tăng thánh nhân cũng đều không được lấy phần; nếu cúng dường Tăng thì Tăng phàm phu hay Tăng thánh nhân đều được lấy phần. Nếu nói cùng dường Tam bảo nên chia làm ba phần: Một phần cho Phật bảo, một phần cho Pháp bảo, một phần cho Tăng bảo. Phần cho Pháp bảo thì nên để trong tháp, không được lấy in kinh cũng không được đem cho người thuyết pháp tụng kinh. Phần cho Tăng bảo thì Tăng không được lấy phần mà nên để cúng dường cho Tăng đệ nhất nghĩa đế. Luật sư nói không chia phần cho Pháp bảo, như nước Tần gởi vật đến cúng dường pháp hay cho Tăng kỳ, Tự tứ hay Diện môn tùy lời nói mà chia. Phần của Tăng tự tứ lạp thì đợi đến khi tự tứ mới được chia; phần của Tăng diện môn lạp thì tùy ý chia. Nếu không có Tăng, chỉ có Sa-di thì Sa-di cũng nên chia làm

ba phần cho Tăng kỳ, Tự tứ hay Diện môn; nếu là Tự tứ lạp thì đợi đến khi tự tứ mới chia, nếu là Diên môn lạp thì tùy ý chia; nếu khi thọ thực thì Tự tứ lạp, Diện môn lạp nên đánh kiền chùy, nếu có Tỳ-kheo thì cùng thọ dụng, nếu không có Tỳ-kheo thì như pháp thanh tịnh tự thọ thực. Nếu không có Sa-di thì nên cho Tăng ở gần, nếu không có Tăng ở gần thì nên cho Ni tăng; Ni tăng nên xét kỹ nếu là cúng cho Tăng thì trước sau có cái lý nên hoàn trả lại, lúc đó Ni tăng nên cất một chỗ để hoàn trả lại cho Tăng; nếu chắc chắn không có ngày hoàn trả lại thì nên chia làm ba phần như trên đã nói. Nếu ở nước xa gởi vật đến cùng cho Ni tăng cũng theo thứ lớp giống như cúng cho Tăng ở trên. Nếu cúng dường cho Ba diễn cũng nên chia làm ba phần: Một phần cho Ba diễn, một phần cho Diện môn, một phần cho Tự tự đợi đến khi tự tứ mới chia. Ở nước Kế tân, Phật giáo hưng thạnh đưa vật đến cúng dường thì vật này nên cúng dường Phật và Tăng; nếu cúng dường Phật và Tăng tức là cúng dường Pháp, vì Pháp không rời Phật và Tăng. Nếu đưa vật đến cúng dường ở nước Kế tân thì có hai bộ Tăng nên cúng dường: Một là Tăng thuộc bộ phái Tát-Bà-đa và hai là Tăng thuộc bộ phái Đàm vô đức. Nếu đưa vật đến cúng dường cho Tăng có năm pháp (năm đức), nếu trong Tăng không có người đủ năm pháp thì nên đưa qua cho Ni tăng có năm pháp, nếu trong Ni tăng cũng không có người đủ

năm pháp thì vật này nên chia làm ba phần cho Tăng kỳ, Tự tứ và Diện môn.

Nếu Tỳ-kheo làm Ni-sư-đàn mới nên lấy một miếng vải từ phu cụ cũ chừng một gang tay của Phật để may viền chung quanh làm cho hoại sắc. Ni-sư-đàn đúng lượng là dài bốn gang tay của Phật, rộng ba gang tay. Phu cụ cũ là y và ngọa cụ cũ của chúng tăng bỏ trong kho, trong số phu cụ cũ này lựa lấy một miếng vải dài một gang tay để may viền chung quanh phu cụ mới; nếu trong số phu cụ cũ không có cái nào lớn và dài thì lựa cái tương đối dài hoặc tương đối ngắn để lấy vải may viền, nếu tất cả đều không có thì không may viền không có lỗi. Nếu trong Tứ phương tăng có y ngọa cụ cũ nhưng không phải là vật bỏ thì không được lấy dùng, nếu có mà không lấy để may viền cái mới thì phạm Xả đọa.

16. Nhân duyên kết giới thứ mười sáu:

Thấy các Tỳ-kheo gánh mang lông dê từ phía sau đi tới liền sanh tâm ganh ghét: Một là vì các thương nhơn đi buôn lông dê không muốn lông dê vào trong nước khác nhiều, hai là vì thấy Sa-môn gánh lông dê đi không phải là pháp của người xuất gia nên mới quở trách. Giới này bất cọng với Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo phạm Xả đọa, bốn chúng kia phạm Đột-kiết-la. Một do tuần bằng bốn mươi dặm, Tỳ-kheo được gánh lông dê đi trong khoảng

ba do tuần, nếu Hai Tỳ-kheo luân phiên gánh thì được đi đến sáu do tuần, cư như vậy không luận nhiều người hay ít người. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo gánh lông dê đi quá ba do tuần thì phạm Xả đọa.

Hỏi: Đây là tạm xả hay là căn bản xả?

Đáp: Đứng trên Tội mà nói là căn bản xả, còn đứng trên Pháp là tạm xả. Nếu sai bốn chúng mang lông dê đi quá ba do tuần thì phạm Đột-kiết-la, cũng không được dùng xe chở hay dùng lạc đà tải; nếu sai tịnh nhân mang lông dê đi quá ba do tuần thì phạm Đột-kiết-la. Không phạm là đi trong khoảng ba do tuần, nếu mang đi cho người khác trong khoảng ba do tuần cũng không phạm nhưng đó không phải là pháp của tỳ-kheo và cũng tự làm tổn thương mình.

17. Nhân duyên kết giới thứ mười bảy:

Cúi đầu đảnh lễ rồi đứng qua một bên:

Hỏi: Vì sao Cù-Đàm-di và ni chúng lại không ngồi?

Đáp: Vì người nữ thiên về lễ kính nên không ngồi. Đối với ni chúng Phật ít nói pháp, nếu có nói pháp cũng không nói nhiều; khi đến chỗ Phật, ni chúng không ngồi vì để ngăn dứt phỉ báng, nếu Ni ngồi nghe pháp ngoại đạo sẽ nói: "Khi còn ở trong vương cung, Sa-môn Cù-đàm ở cùng một chỗ với các thể nữ; nay tuy đã xuất gia cũng không khác

trước, cùng các ni ngồi chung một chỗ". Lại do người nữ tánh cạn hẹp dễ sanh hiềm nghi cho nên không ngồi. Phật chế giới này cho các Tỳ-kheo một là vì tăng thượng pháp, nếu Ni chúng làm các việc như giặt nhuộm… sẽ phế bỏ chánh nghiệp, không có oai đức và phá tăng thượng pháp; hai là để ngăn dứt nhân duyên theo thứ lớp đưa đến ác pháp; ba là vì hai bộ chúng đều thanh tịnh. Giới này bất cọng với Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo phạm Xả đọa, bốn chúng kia phạm Đột-kiết-la. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo nhờ Tỳ-kheo-ni không phải là bà con giặt nhuộm đập lông dê, tùy làm một trong việc trên thì Tỳ-kheo phạm Xả đọa. Nếu Tỳ-kheo-ni không làm mà nhờ người khác làm thì Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la; nếu Tỳ-kheo nhờ Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni làm cũng phạm Xả đọa. Nếu viết thư hay làm dấu đưa tin nhờ làm thì phạm Đột-kiết-la; nếu lông dê chưa tác tịnh mà nhờ giặt nhuộm đập thì phạm Đột-kiết-la; nếu đã tác tịnh mà bảo giặt nhuộm đập thì chủ tịnh thí phạm Đột-kiết-la. Không phạm là nhờ Ni là bà con.

18. Nhân duyên kết giới thứ mười tám:

Phật kết giới này cho các Tỳ-kheo một là để ngăn dứt phỉ báng, hai là trừ diệt đấu tranh và ba là thành tựu Thánh chủng. Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Xả đọa, ba chúng dưới cất chứa thì phạm Đột-kiết-la, cầm thì

không phạm. Thể của giới này là chế ngăn cất chứa vật báu, như trong Giới bổn nói nếu Tỳ-kheo tự tay lấy cất vật báu hay bảo người khác lấy cất đều gọi là lấy cất. Tự lấy cất có năm cách: Một là dùng tay thọ lấy từ tay người khác, hai là dùng y thọ lấy từ y của người khác, ba là dùng vật đựng lấy từ vật đựng của người khác, bốn là nói để vào trong đây, năm là nói đưa cho tịnh nhân này. Nếu lấy từ một trong năm cách trên để cất chứa thì phạm Xả đọa, chớ tự tay cầm lấy cất, nếu như pháp thuyết tịnh thì không phạm. Vật báu là chỉ cho bảy báu như vàng bạc, trân châu, san hô, xa cừ, mã não… hoặc đã làm thành hoặc chưa làm thành hoặc có tướng hoặc không tướng. Làm thành là từ bảy báu làm ra khí vật; chưa làm thành là bảy báu nguyên chất chưa làm ra khí vật; có tướng là không làm ra khí vật nhưng làm ra tướng chữ hoặc tướng ấn tín; không tướng là không làm ra khí vật cũng không làm ra tướng chữ và tướng ấn tín. Nếu thọ và cất chứa các vật báu như thế đều phạm Xả đọa. Nếu Tỳ-kheo tự tay lấy cất tiền sắt, tiền đồng, tiền bạch lạp, tiền chì, tiền kẽm… bằng năm cách kể trên thì phạm Đột-kiết-la, chớ tự tay lấy cất, nếu như pháp thuyết tịnh thì không phạm. Tỳ-kheo nếu có vật báu phạm Xả đọa, ít thì nên bỏ, nhiều thì nên tìm tịnh nhân đồng tâm và nói rằng: "Vật này bất tịnh nên tôi không thể lấy, ông nên lấy giùm", tịnh nhân lấy rồi nói với Tỳ-kheo: "Vật này cho đại đức", Tỳ-

kheo nói: "Vật này bất tịnh, nếu tịnh tôi sẽ thọ", nói như vậy gọi là thuyết tịnh. Nếu cầm lấy vật báu rồi mới thuyết tịnh thì do cầm lấy trước nên phạm Ba-dật-đề; nếu cầm lấy các loại tiền như tiền sắt, tiền đồng… rồi mới thuyết tịnh thì do cầm lấy trước phạm Đột-kiết-la, đều không phải là thể của giới này mà là thể của giới cầm vật báu trong chín mươi Ba-dật-đề. Thể của giới này là cất chứa, nếu cất chứa các loại tiền và vật tợ báu như pha lê, hổ phách, thủy tinh… thì phạm Đột-kiết-la; tiền và vật tợ báu này nên xả cho tịnh nhân đồng tâm, không xả cho Tứ phương tăng, thuyết tịnh rồi vào trong Tăng sám tội Đột-kiết-la. Nếu là vật báu mà không tìm được tịnh nhân đồng tâm thì nên xả cho Tứ phương tăng; nếu là vật tợ báu đã làm ra khí vật thuộc trong số một trăm lẻ một vật thì không cần tác tịnh; nếu không thuộc trong số một trăm lẻ một vật đều phải thuyết tịnh; trong số một trăm lẻ một vật, mỗi loại được cất chứa một cái, ngoài một trăm lẻ một vật ra, tất cả đều gọi là vật dư.

19. Nhân duyên kết giới thứ mười chín:

Lúc đó Lục quần Tỳ-kheo lấy vật báu đã phạm Xả đọa trước đó như pháp thuyết tịnh rồi dùng đủ cách chuyển đổi để sinh lợi. Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Xả đọa, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Thể của giới này là đem vật báu chuyển đổi với người khác để sinh lợi,

khi đưa liền phạm Xả đọa; khi được vật báu từ người kia đưa cũng phạm Xả đọa; nếu vì lợi đưa vật báu này mua lại vật báu khác, khi được vật liền phạm Xả đọa. Đưa vật báu chuyển đổi là đem vật báu đã làm thành đổi lấy vật báu đã làm thành hoặc đổi vật chưa làm thành hoặc đổi vật báu đã làm thành và chưa làm thành; hoặc đem vật báu chưa làm thành đổi lấy vật báu đã làm thành hay chưa làm thành như trên; hoặc đem vật báu có tướng đổi lấy vật báu không tướng hoặc vật có tướng hoặc vật có tướng và không tướng; hoặc đem vật báu không tướng đổi lấy vật báu có tướng hoặc không tướng như trên. Dùng đủ cách chuyển đổi có năm: Một là lấy, hai là đem đến, ba là đem đi, bốn là bán, năm là mua. Lấy là như nói lấy vật này, lấy trong đây, lấy chừng ngần ấy và lấy từ người này; đem đến, đem đi, bán và mua cũng giống như bốn cách lấy trên. Nếu Tỳ-kheo đem các loại tiền như tiền sắt, tiền đồng… chuyển đổi với người khác để sinh lợi thì phạm Đột-kiết-la; nếu vì lợi đem tiền mua vật thì phạm Đột-kiết-la; đem vật tợ báu chuyển đổi hay mua lại vật khác để sinh lợi đều phạm Đột-kiết-la. Thể của giới này là đem vật báu dùng đủ cách chuyển đổi, vừa chuyển đổi được vào tay liền phạm; không giống như giới mua bán là mua đi bán lại được lợi mới phạm. Tiền và vật báu nếu ít nên bỏ, nếu nhiều nên tìm tịnh nhân đồng tâm thuyết tịnh như trên. Giới này và giới mua bán sau

đều phải xả cho bạch y hay tịnh nhân đồng tâm, không được xả cho Sa-di; Sa-di cũng phải xả cho bạch y; cũng không được xả cho Tứ phương tăng và nên sám tội Đột-kiết-la. Nói lập bảng để trị tội là viết tên người phạm giới này lên bảng cho mọi người nhìn thấy.

20. Nhân duyên kết giới thứ hai mươi:

Lúc đó có một Phạm chí là môn đồ của Lục sư ngoại đạo, mỗi bậc thầy trong số Lục sư đều có mười lăm loại giáo lý để truyền trao cho đệ tử, do giáo lý khác nhau nên các đệ tử tiếp thọ và tu theo cũng thành có kiến chấp khác nhau; thầy cũng có giáo lý riêng cộng với mười lăm giáo lý dạy cho đệ tử tổng cọng có mười sáu loại giáo lý, năm bậc thầy kia cũng vậy nên Lục sư tổng cộng có tất cả chín mươi sáu loại giáo lý, cũng gọi là chín mươi sáu dị kiến; pháp riêng của bậc thầy chỉ truyền trao lại cho một đệ tử kế thừa, cứ như vậy thầy thầy truyền nhau nên ngoại đạo vẫn thường có sáu bậc thầy gọi là Lục sư.

Phật kết giới này cho các Tỳ-kheo một là vì tăng thượng Phật pháp, hai là để ngăn dứt đấu tranh, ba là vì thành tựu Thánh chủng và năm là tăng trưởng lòng tín kính. Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Xả đọa, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Tội buôn bán là tội nặng nhất trong các tội Ba-dật-đề, thà làm kẻ đồ tể

chứ không buôn bán, vì sao, vì đồ tễ chỉ giết hại súc sanh, còn buôn bán thì lừa dối và làm hại tất cả, không luận là đạo hay đời, hiền hay ngu, trì giới hay phá giới… thảy đều bị lừa dối. Lại nữa buôn bán thường có tâm ác, như buôn bán gạo thì mong cho thời thế mất mùa đói kém hoặc có bịnh dịch…; như buôn bán muối và các loại thực phẩm khác thì mong cho bốn phương loạn lạc, đường sá ách tắc… Nếu làm việc buôn bán trục lợi này lấy lợi làm thức ăn cúng Tăng, Tăng cũng không nên thọ dụng; làm phòng cho Tăng bốn phương, Tăng bốn phương cũng không nên ở; làm tháp làm tượng cũng không nên lễ tháp và tượng đó, chỉ nên tác ý lễ Phật mà thôi. Tóm lại hễ là Tỳ-kheo trì giới thì không nên thọ dụng những vật dụng như thế, nhưng nếu Tỳ-kheo buôn bán này qua đời thì Tăng được yết ma chia.

Hỏi: Vì sao khi vị ấy còn sống thì không được thọ dụng, khi vị ấy qua đời lại yết ma chia?

Đáp: Vì tội của nghiệp buôn bán này sâu nặng, khi vị này còn sống nếu Tăng thọ dụng thì vị ấy sẽ tiếp tục phạm tội; nếu phước điền Tăng không thọ dụng, họ sẽ nghĩ rằng đời này không phước, đời sau thọ tội; do nghĩ như vậy nên họ không dám làm nữa. Khi Tỳ-kheo này qua đời, không còn nhân duyên buôn bán nữa nên Tăng cho yết ma chia vật để lại. Có hai trường hợp: Một là phương tiện có tội nhưng quả lại không tội, như vì lợi nên buôn

bán tích trữ lúa gạo, muối… (phương tiện có tội); sau đó khởi thiện tâm cúng Tăng cầu phước (quả không tội). Hai là phương tiện không tội nhưng quả có tội, như vì làm phước nên thu mua lúa gạo (phương tiện không tội), sau đó thấy lợi nên bán ra để tự thu lợi (quả có tội, phạm Đột-kiết-la). Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo vì lợi nên cố ý mua, mua rồi không bán ra thì phạm Đột-kiết-la; nếu vì lợi nên bán ra, bán rồi không thu mua lại cũng phạm Đột-kiết-la; nếu vì lợi nên mua đi bán lại thì phạm Xả đọa. Nếu buôn bán lấy lợi làm thức ăn, mỗi miếng ăn đều phạm Ba-dật-đề; nếu may y phục mặc, vừa mặc liền phạm Ba-dật-đề; nếu làm phu cụ, khi nằm lên mỗi lần xoay trở đều phạm Ba-dật-đề. Luận về pháp mua ở chợ, không nên mặc cả hạ giá, nếu hạ giá thì phạm Đột-kiết-la; y mà Tăng chưa xướng ba lần thì được thêm giá, xướng ba lần xong thì không được thêm giá, Tăng cũng không nên cho vì y đã thuộc về người khác. Nếu yết ma xướng ba lần rồi, Tỳ-kheo được y không được hối, nếu hối đòi trả lại, Tăng cũng không nên cho trả lại. Vật buôn bán này nếu không có tịnh nhân đồng tâm thì nên lấy làm ngọa cụ cho Tứ phương tăng để ngăn dứt phỉ báng, nếu đưa vào phước điền Phật thì ngoại đạo sẽ nói rằng: "Sa-môn Cù-đàm quá tham lợi nên bảo đệ tử xả vật để tự lấy dùng". Vì vậy đưa vào phước điền Tăng thì không có lỗi, bất luận là thọ pháp hay không thọ pháp, trì

giới hay phá giới, là pháp ngữ hay phi pháp ngữ thảy đều được thọ dụng; nhưng nếu là Tỳ-kheo trì giới thì không nên thọ dụng y thực của tỳ-kheo làm việc buôn bán vật này.

21. Nhân duyên kết giới thứ hai mươi mốt:

Phật kết giới này cho các Tỳ-kheo là để thành tựu Thánh chủng và để tăng trưởng chánh nghiệp. Đây là giới bất cọng, Tỳ-kheo cất bát dư quá mười ngày thì phạm Xả đọa; Tỳ-kheo-ni cất bát quá một đêm thì phạm Xả đọa, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Nếu cất chứa bát dư bằng sắt trắng, bát gốm chưa nung và các loại bát không đúng lượng đều phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Nếu y có sắc trắng hay sắc không như pháp cất chứa quá mười ngày thì phạm Xả đọa vì nhuộm màu không như pháp; vì sao chứa bát dư bằng sắt trắng, bát gốm chưa nung quá mười ngày không phạm Xả đọa?

Đáp: Vì y bát không giống nhau, y nếu nhuộm như pháp thì thành sắc, không có thêm bớt nữa; còn bát khi nung hoặc xông có thể hư hay bể. Bát bằng sắt trắng hay gốm chưa đánh dầu cho bóng láng tuy được thọ dụng nhưng không thành thọ trì. Bát có ba loại: Bát thượng là bát thọ được ba bát cơm, một bát canh và nữa bát canh thức ăn khác; bát hạ là bát thọ được một bát cơm, nữa bát canh, nữa bát canh thức ăn khác; bậc giữa của hai loại

bát này là bát trung, nếu lớn hơn bát thượng và nhỏ hơn bát hạ thì không gọi là bát. Bát hay bát tha, các Luận sư giải thích có nhiều cách nhưng đều có một nghĩa chánh, đó là một bát tha thọ được mười lăm lạng cơm; đời Tần cho là một bát tha thọ được ba mươi lạng cơm, ở Thiên trúc cho một bát tha bằng một chõ cơm; người đương thời đều cho là bát thượng thọ được ba bát tha cơm, một bát tha canh và nữa bát tha canh thức ăn khác; ba bát tha cơm bằng hai thăng của đời Tần, một bát tha canh và nữa bát tha canh thức ăn khác là một bát tha rưỡi; như vậy theo cân lượng Thăng của đời Tần thì một bát thượng thọ được ba thăng cơm canh và thức ăn. Có Luật sư nói không có thức ăn khác, chỉ nói một bát thượng thọ được ba bát tha cơm và một bát tha canh, bên trên là khoảng trống để cho tay không chạm đến thức ăn bên trong bát; bát hạ cũng vậy, thọ được một bát tha cơm, nữa bát tha canh và nữa bát tha cánh thức ăn khác, tính theo Thăng của đời Tần thì bát hạ thọ được từ một thăng cho đến một thăng rưỡi.

Hỏi: Y dư hay thiếu vẫn thành thọ trì, vì sao bát lớn hơn hay nhỏ hơn đều không thành thọ trì?

Đáp: Y dư hay thiếu có thể giảm bớt hay nối thêm, còn bát lớn hơn hay nhỏ hơn không thể giảm bớt hay tăng thêm, nên y và bát không giống nhau. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo vào ngày được bát dư, ngay ngày đó bị điên cuồng tâm

loạn, tâm bịnh hoại; hoặc bị yết ma Bất kiến tẫn, yết ma Bất tác tẫn … cho đến khi qua đời thì không phạm. Sau đó trở lại được bổn tâm hoặc được giải tẫn thì cứ theo thứ lớp tính tiếp ngày mà kết tội. Nếu được bát dư cất chứa được năm ngày, kế bị điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại; hoặc bị yết ma Bất kiến tẫn… thì trong khoảng thời gian này không tính tội; sau đó trở lại được bổn tâm hay được giải tẫn thì cứ theo thứ lớp tính tiếp năm ngày nữa cộng với năm ngày trước thành tội. Nếu ngay ngày được bát dư đi lên cõi trời hay qua cõi Uất đơn việt, trong khoảng thời gian đó không tính tội; sau khi trở về chỗ cũ thì cứ theo thứ lớp tính tiếp ngày mà kết tội.

22. Nhân duyên kết giới thứ hai mươi hai:

Nhìn thấy trong cửa hàng có cái bát sứ tròn, bóng láng rất đẹp: Luật sư nói khi Phật mới thành đạo, chúng tăng không có bát, Phật bảo Thích đề hoàn nhơn ra lịnh cho thợ cõi trời làm ra mười vạn cái bát. Cái bát trong cửa hàng chính là bát do trời làm không phải do người làm ra. Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Xả đọa, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Nếu xin bát bằng sắt trắng hay bát gốm chưa nung, hoặc xin cho người khác, hoặc hai người cùng xin một bát, hoặc mua được hoặc người khác mua cho, hoặc viết thư hay làm dấu đưa tin đều phạm Đột-kiết-la. Xin bát

không đúng lượng cũng phạm Đột-kiết-la, nếu xin được bát bằng sắt trắng hay bát gốm chưa nung đem về tự nung, tự xông thì phạm Xả đọa. Bát mà Tỳ-kheo đã thọ trì bị răng nứt chưa đến năm lằn mà xin bát mới thì phạm Xả đọa; nếu bát bị răng nứt đến năm chỗ chưa trét hay ràng bít lại, xin bát mới thì không phạm. Nếu bát bị răng nứt bốn, năm chỗ đã được ràng bít lại thì sau khi thọ thực xong nên tháo dây ràng ra, rửa sạch rồi lau khô đem cất ở chỗ sạch sẽ; qua hôm sau trước giờ ăn nên lấy dây mới ràng bít lại dùng để thọ thực. Trường hợp bát chưa răng nứt đến năm chỗ mà xin bát mới thì như trong văn luật nói nên ở trong Tăng hành bát, đưa bát này theo thứ lớp từ Thượng tòa đến Hạ tòa, nếu không ai chịu lấy thì đưa trả lại cho Tỳ-kheo phạm rồi bảo gìn giữ suốt đời cho đến khi bể, nhưng vẫn phải như pháp thọ trì bát cũ, còn bát mới không được thọ trì; tuy không thọ trì bát mới nhưng vẫn phải mang theo hai bát bên mình, làm như vậy để hiển bày tham muốn nhiều là tội lỗi và đoạn dứt nhân duyên đưa đến ác pháp sau này.

23. Nhân duyên kết giới thứ hai mươi ba:

Phật kết giới này cho các Tỳ-kheo một là để ngăn dứt phỉ báng, hai là trừ diệt pháp ác và ba là thành tựu Thánh chủng. Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Xả đọa, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Tướng phạm trong

giới này là nếu Tỳ-kheo tự xin tơ sợi thì phạm Đột-kiết-la; bảo thợ dệt không phải là bà con dệt thành y thì phạm Xả đọa; nếu viết thư hay làm dấu đưa tin thì phạm Đột-kiết-la. Nếu dựa vào thế lực quý trọng bắt buộc thợ dệt dệt, thợ dệt vì sợ gặp nạn nên dệt thì phạm tội, Trong giới này nếu được y vào tay thì phạm tội, nếu xin tơ sợi từ bà con thì không phạm; tự dệt hay nhờ Tỳ-kheo khác hoặc Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na dệt đều phạm Đột-kiết-la. Nếu không có y, xin tơ sợi từ người không phải bà con để dệt thành y thì phạm Đột-kiết-la; nếu thiếu y thì xin y, không được xin tơ sợi; nếu xin tơ sợi làm dây thiền thì không phạm; nếu không dựa vào thế lực quý trọng, thợ dệt tự phát tâm dệt cho thì không phạm. Trong giới này bất luận được y đúng lương hay không đúng lượng đều phạm. Không phạm là nhờ bà con dệt hoặc nhờ người không phải bà con dệt làm dây thiền thì không phạm.

24. Nhân duyên kết giới thứ hai mươi bốn:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Xả đọa, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Thể của giới này là nếu cư sĩ hay vợ cư sĩ không phải là bà con bảo thợ dệt dệt y cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo tự đến chỗ thợ dệt bảo dệt cho rộng, dài, bền chắc và đẹp rồi hứa cho thức ăn hoặc giá tiền bằng một bữa ăn; được y tốt vào tay liền phạm

Xả đọa, không được y tốt thì phạm Đột-kiết-la. Trong giới này được y tốt đúng lượng hay không đúng lượng đều phạm; nếu thuyết pháp cho thợ dệt nghe rồi bảo dệt cho tốt đẹp hơn, không hứa đưa cho thức ăn hay giá tiền bằng một bữa ăn, được y tốt vào tay thì phạm Đột-kiết-la. Nếu viết thư hay làm dấu đưa tin hứa sẽ đưa cho thức ăn hay giá tiền bằng một bữa ăn thì phạm Xả đọa; không phạm là tự có tơ sợi đưa cho thợ dệt dệt .

25. Nhân duyên kết giới thứ hai mươi lăm:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Xả đọa, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo đoạt y của tỳ-kheo khác thì phạm Xả đọa, đoạt y của bốn chúng kia thì phạm Đột-kiết-la; nếu đoạt y của Sa-di đắc giới (tức là Sa-di học hối), của người hành Biệt trú, Ma-na-đỏa; của người mù. Điếc, câm; của người đang bị yết ma Bất kiến tẫn… đều phạm Xả đọa. Nếu đoạt y của người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại; người phạm bốn trọng, người làm Phật bị thương chảy máu, người phá Pháp luân tăng, người thọ năm tà pháp đều phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo-ni đoạt y của tỳ-kheo-ni cũng phạm Xả đọa, đoạt y của tỳ-kheo và ba chúng dưới đều phạm Đột-kiết-la; đoạt y của Sa-di đắc giới (tức là Sa-di học hối)… cũng phạm Xả đọa như trên. Thể của giới này là Tỳ-kheo trước đã cho người khác y rồi, sau

đó vì phiền não nên đoạt lại thì phạm Xả đọa, y này nên xả trả lại cho người đó rồi sám tội Ba-dật-đề; nếu trước cho mượn tạm dùng, sau đoạt lấy lại thì không phạm. Nếu Hòa thượng muốn chiết phục đệ tử từ bỏ pháp ác nên tạm đoạt y thì không phạm. Nếu Tỳ-kheo đoạt y mang y này ra khỏi giới hoặc Tỳ-kheo bị mất y tự ra khỏi giới ngủ đêm thì mất y phạm Xả đọa, y này nên xả trả thẳng cho người kia, không cần vào trong Tăng xả. Luật sư nói nước Hồ vốn không ở trong Tăng xả pháp vì tội Ba-dật-đề là đối thú sám.

Sa-di đắc giới (Sa-di học hối): Luật sư nói Tỳ-kheo-ni từ lúc Phật xuất thế đến nay không có Sa-di-ni đắc giới (tức là Sa-di-ni học hối), huống chi là phạm tội. Sa-di đắc giới tức là Tỳ-kheo phạm Dâm rồi một niệm không che giấu thì được cho học pháp (học lại pháp Tỳ-kheo). Khi Phật còn tại thế, có một người được cho học pháp tức là Tỳ-kheo Nan-đề; sau khi Phật diệt độ ở nước Kế tân có một người cũng được cho học pháp; cả hai người này sau đều được Lậu tận. Lại nữa Sa-di đắc giới không làm điều ác mà lại khởi kiến chấp vào pháp của ngoại đạo; cũng không ham thích pháp thế tục mà phản giới hoàn tục.

26. Nhân duyên kết giới thứ hai mươi sáu:

Giới này bất cọng, ba chúng kia không có giới này. Lúc đó trưởng lão Tỳ ha, Tân dịch là đoạn, tức

là đoạn trừ tất cả sanh tử lậu hoặc. Tất cả A-la-hán đều được lậu tận nhưng dựa trên căn bản để đặt tên đều có nhân duyên nên không đồng nhau. Trưởng lão Tỳ ha này có y Tăng-già-lê quý giá, trị giá mười vạn tiền nên bọn giặc cướp muốn đoạt lấy, chúng đến trước cửa phòng gõ cửa, Tỳ-kheo hỏi vọng ra: "Ai đó?", giặc cướp nói: "Chúng tôi muốn đoạt lấy y của tỳ-kheo", trưởng lão Tỳ ha nghe rồi liền mắc y lên cửa sổ rồi nhập định Tứ thiền, dùng định lực giữ y khiến giặc cướp không cướp được. Chúng nói với nhau: "Hãy đợi Tỳ-kheo đi khất thực, chúng ta sẽ vào lấy", nói rồi liền rình đợi khi trưởng lão đi khất thực liền vào phòng lấy y mang đi, do nhân duyên này trưởng lão bị mất y.

Qua ba tháng có tháng nhuần: Chưa hết tháng tám tức là qua tiền an cư. Luật sư nói không nên nói có tháng nhuần, vừa qua rằm tháng bảy, chưa hết tháng tám gọi là hậu an cư. Từ ngày mười sáu tháng bảy theo thứ lớp đến sáu đêm cho Tỳ-kheo an cư nơi A-lan-nhã được lìa y ngủ đêm vì đề phòng kẻ trộm trộm lấy y, nên đem y này gởi cho Tăng trong đại giới hoặc ở nhà cư sĩ chỗ không có nạn giặc cướp, gởi đến đêm thứ sáu thì trở lại lấy y hoặc đến chỗ y hoặc thọ y khác. Nếu không đến chỗ y hoặc thọ y khác thì đến đêm thứ bảy trời vừa sáng liền phạm Xả đọa. A-lan-nhã là nơi cách xa tụ lạc khoảng năm trăm cung, theo bước chân của người Hồ thì bốn trăm bước chân là một trăm cung,

một bước chân của người Hồ bằng một gang tay, bốn trăm cung là một Câu-lô-xá, bốn Câu-lô-xá là một do tuần. Nói xa gần là như ở nước Ma-kiệt-đà, ngay trong thành đô đất đai bằng phẳng nên nói là gần; còn ở phương Bắc núi non cao thấp nên nói là xa. Lại nữa, ở trong thành đô nhiều gió, nếu ở xa thì không nghe được tiếng trống, còn ở gần thì nghe được nên nói là gần; còn ở phương Bắc ít gió, dù ở xa vẫn nghe được tiếng trống nên nói là xa. Cho nên hai phương Nam bắc nói có xa gần đều là do nghe được hay không nghe được tiếng trống; Câu-lô-xá là tên gọi âm thanh, hễ nơi nào còn nghe được tiếng trống vang đến đều gọi là một Câu-lô-xá. Luật sư nói nghĩa này là nhất định.

27. Nhân duyên kết giới thứ hai mươi bảy:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Xả đọa, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Nói còn mười ngày nữa mới đến Tự tứ mà được y cấp thí nghĩa là vua hay phu nhân của vua hoặc vương tử, đại thần, tướng soái… có tâm tín kính nên mang y vật đến cúng Tăng. Vì những người quyền quý khó khởi tâm thiện, lại khó thường khởi tâm thiện, vì có nhân duyên cấp bách mới cúng nên gọi là y cấp thí; nếu Tăng không thọ thì công đức của họ không thành mà Tăng cũng mất y nên Phật khai cho thọ. Những trường hợp như người nữ sắp được gả về nhà chồng sẽ không

được tự do, này còn tự do nên đem y vật cúng Tăng; hoặc người bịnh khởi tâm thiện cúng Tăng để cầu cho dù sống hay qua đời đều được lợi ích… đều gọi là y cấp thí. Tăng được y cấp thí này nên theo thứ lớp mà chia. Nói được cất chứa cho đến Thời y là từ ngày mười sáu tháng bảy đến ngày rằm tháng tám, nếu không thọ y công đức thì một tháng này gọi là Thời y, sở dĩ gọi là Thời y vì an cư xong, đàn việt cúng nhiều y thực cho Tăng, các Tỳ-kheo cũng làm nhiều việc như giặt nhuộm may y mới, trong một tháng này có thể xả y cũ thọ y mới nên gọi là Thời y. Nếu có thọ y công đức thì từ ngày mười sáu tháng tám đến ngày rằm tháng chạp, trong bốn tháng này gọi là Thời y. Tướng phạm trong giới này là nếu không thọ y công đức thì đến ngày rằm tháng tám, y này nên xả hoặc tịnh thí hay thọ trì; nếu không xả, không tịnh thí, không thọ trì thì qua ngày mười sáu tháng tám trời vừa sáng liền phạm Xả đọa. Nếu có thọ y công đức thì đến ngày rằm tháng chạp, y này nên xả hoặc tịnh thí hay thọ trì; nếu không xả, không tịnh thí, không thọ trì thì qua ngày mười sáu tháng chạp trời vừa sáng liền phạm Xả đọa. Trừ còn mười ngày nữa được y cấp thí, tất cả y an cư khác đều phải đợi đến khi Tự tứ mới được chia, nếu chia trong hạ an cư thì phạm Đột-kiết-la.

-oOo-

TÁT BÀ ĐA TỲ NI TỲ BÀ SA

QUYỂN 6

28. Nhân duyên kết giới thứ hai mươi tám:

Giới này bất cọng, Tỳ-kheo được cất chứa y tắm mưa, Tỳ-kheo-ni được cất chứa áo tắm, không được cất chứa y tắm mưa vì Ni vốn yếu ớt, cất chứa mang theo không tiện. Cất chứa y tắm mưa thường làm hai việc: Một là khi trời mưa dùng để che bốn phía, ở trong đó tắm gội; khi trời nóng cũng dùng để che kín chỗ tắm. hai là vào tháng hạ thường mưa nhiều, y tắm mưa này dùng để bọc giữ ba y khi gánh mang đi. Ba chúng dưới không được cất chứa y tắm mưa. Vào tháng cuối của mùa xuân, từ ngày mười sáu tháng ba đến rằm tháng tư, trong một tháng này nên xin y tắm mưa. Nữa tháng cuối từ mồng một tháng giêng đến rằm tháng tư, nên may thành y và cất chứa dùng để tắm và mang đi theo. Nếu y chưa may thành được cất chứa đến rằm tháng tư để xin cho đủ và may thành; nếu từ ngày mười sáu tháng ba đến ngày mười tám hay mười chín tháng ba xin được y và may thành thì như Luật sư nói cũng được cất chứa dùng. Xét theo luật chế thì trong một tháng, nữa tháng đầu được xin và

trong nữa tháng cuối được cất chứa dùng. Nếu tiền an cư thì đến ngày mười sáu tháng tư nên như pháp thọ trì, đến rằm tháng bảy nên cất một chỗ không dùng nữa, nếu còn chứa dùng thì phạm Đột-kiết-la. Y này không cần xả, đợi đến mùa an cư năm sau lấy ra dùng như trước, không cần thọ lại. Nếu hậu an cư thì từ rằm tháng tư được cất chứa đến rằm tháng năm thọ trì đến rằm tháng bảy nên cất một chỗ không dùng nữa… giống như tiền an cư.

Nếu tháng ba nhuần thì Tỳ-kheo không nên xin và may y tắm mưa vào tháng ba trước, nên bắt đầu xin và may y tắm mưa từ ngày mười sáu tháng ba nhuần. Nếu Tỳ-kheo không biết có tháng nhuần nên xin và may y tắm mưa từ ngày mười sáu tháng ba trước thì y này trở thành y dư, trong một tháng này không đước cất chứa nên cất một chỗ, cũng không cần tác tịnh và cho người khác, vì y này thuộc trong số một trăm lẻ một vật. Nếu tháng tư nhuần, an cư từ ngày mười sáu tháng tư sau thì ngày nay nên thọ trì y tắm mưa cho đến rằm tháng bảy.

Cất chứa quá nữa tháng thì phạm Xả đọa: Luật sư nói: "Các luận sư cho là nếu tháng ba nhuần được xin và may y tắm mưa từ ngày mười sáu tháng ba trước, đến tháng ba nhuần sau thì thọ dụng", tính từ ngày thọ dụng trở đi cho đến hết tháng ba sau là cất giữ quá nữa tháng phạm Xả đọa, y này nên xả và sám tội Ba-dật-đề; nếu tính từ ngày

xin và may thành y trở đi thì phạm Đột-kiết-la. Xả và sám xong cất một chỗ, đến ngày mười sáu tháng tư lấy ra thọ trì… giống như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo ở chỗ không có tháng nhuần xin được y tắm mưa, đến an cư nơi chỗ có tháng nhuần thì cũng giống như trên tính từ ngày thọ dụng y trở đi thì phạm Xả đọa, tính từ ngày xin và may y thành trở đi thì phạm Đột-kiết-la. Nói có tháng nhuần tức là chỉ cho tháng ba nhuần, Tỳ-kheo ở chỗ không có tháng nhuần xin và may y tắm mưa từ ngày mười sáu tháng ba, đối với chỗ có tháng nhuần thì tháng ba này đang là tháng ba trước. Tỳ-kheo đến an cư nơi chỗ có tháng nhuần tức là vào tháng ba sau thì trở thành hậu an cư. Nếu tính từ ngày xin và may y tháng thì phạm Đột-kiết-la, còn tính từ ngày thọ dụng thì cất dùng quá nữa tháng nên phạm Xả đọa.

29. Nhân duyên kết giới thứ hai mươi chín:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Xả đọa, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Thể của giới này là nếu biết vật định cúng cho Tăng mà xoay về cho mình thì phạm Xả đọa; nếu xoay về cúng cho ba, hai, một Tỳ-kheo khác thì phạm Đột-kiết-la. Nếu biết vật định cúng cho Ni tăng mà xoay về cho mình cũng phạm Xả đọa; nếu xoay về cúng cho ba, hai, một Tỳ-kheo khác cũng phạm Đột-kiết-la. Nếu biết vật định cúng cho Tăng mà xoay về cúng cho tháp, cúng cho tháp rồi

thì không cần lấy lại vì phước đồng nhau, nhưng Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la. Nếu biết vật định cúng cho chúng tăng này lại xoay về cúng cho chúng tăng kia, cúng cho chúng tăng kia rồi thì không cần lấy lại vì Tăng là đồng nhưng Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la. Nếu biết vật cúng cho Tăng tự tứ lạp chỗ này lại xoay về cúng cho Tăng chỗ khác thì vật này nên trả lại cho Tăng tự tứ chỗ này, vì vật tự tứ đã thuộc về chúng tăng chỗ này và Tỳ-kheo nên sám tội Đột-kiết-la; nếu không trả lại thì tính theo giá tiền mà thành tội. Cúng cho Tăng diện môn lạp cũng như vậy. Nếu Tỳ-kheo biết vật định cúng cho người này mà xoay về cúng cho người khác thì nên lấy lại, vì vật đã thuộc về chủ trước và Tỳ-kheo nên sám tội Đột-kiết-la; nếu không trả lại thì tính theo giá tiền mà định tội.

30. Nhân duyên kết giới thứ ba mươi:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Xả đọa, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Lúc đó đệ tử của Tất-lân-già-bà-ta có bốn loại dược hàm tiêu là tô, dầu, mật và thạch mật cất cách đêm rồi lấy dùng, phạm ác tróc, không thọ mà ăn và nội túc. Trước đó Phật chỉ chế Thời dược gồm năm loại chánh thực và năm loại tợ thực, chưa chế Thất nhật dược nhưng những việc như ác tróc, không thọ mà ăn và nội túc thì đã chế trước rồi. Thể của giới này là nếu Tỳ-kheo bịnh cần dùng loại

Thật nhật dược mà không có tịnh nhân để tác tịnh hoặc tìm khó được thì nên từ tay tịnh nhân thọ, kế đến bên Tỳ-kheo nói thọ rồi tùy cất một chỗ lấy dùng trong vòng bảy ngày. Nếu bịnh nặng không nói thọ được thì cũng được dùng, hoặc thọ từ tay Tỳ-kheo khán bịnh và miệng nói thọ cũng thành pháp thọ. Nếu thọ rồi mà tịnh nhân chạm vào thì phải thọ lại; nếu ngay ngày đó thọ rồi mà thực phẩm không thuộc loại thực phẩm mà mình cần thì nên trả lại rồi thọ lại. Nếu thọ rồi trải qua hai, ba ngày lại được thêm thực phẩm nữa thì nên trả lại rồi thọ lại. Nếu từ ngày đầu theo thứ lớp cho đến ngày thứ bảy được nhiều loại thực phẩm, không biết loại nào đã thọ rồi, loại nào chưa thọ thì nên từ tay thọ lại và nói thọ lại rồi mới được dùng. Nếu đến ngày thứ sáu, thứ bảy hết bịnh thì không được thọ lại loại Thất nhật dược này nữa, đến ngày thứ bảy nếu còn dư nên tác tịnh hoặc cho người hoặc dùng cho hết; nếu không tác tịnh, không cho người thì qua ngày thứ tám trời vừa sáng liền phạm Xả đọa. Nếu người không bịnh mà được loại Thất nhật dược thì nên ở bên tịnh nhân tác tịnh, tác tịnh rồi được cất một chỗ tùy ý lấy dùng. Nếu từ tay thọ mà không nói thọ bảy ngày lại để cách đêm lấy dùng thì phạm giới ăn thức ăn dư cách đêm (tàn túc thực) nên sám tội Ba-dật-đề. Bốn loại dược hàm tiêu này sau giờ ngọ đều được thọ dùng không lỗi. Nếu dùng loại Thời dược và loại Chung thân dược trợ

giúp thành loại Thất nhật dược để dùng thì không có lỗi, vì thế lực của Thất nhật dược nhiều. Trợ giúp thành loại Thất nhật dược là như lấy Tô nấu thịt, nước Tô nấu thịt này thành Thất nhật dược để dùng. Nếu lấy Thời dược và loại Thất nhật dược trợ giúp thành loại Chung thân dược để dùng cũng không có lỗi; hoặc lấy Chung thân dược và loại Thất nhật dược trợ giúp thành loại Thời dược để dùng cũng không có lỗi, vì tùy thế lực nhiều trợ giúp nhau mà thành; nếu phân số thế lực thì tùy tên mà ấn định, như Thạch mật hoàn dựa trên tên (Thạch mật)mà thành loại Thất nhật dược; như Ngũ thạch tán dựa trên tên (Thạch tán) mà thành loại Chung thân dược. Như vậy tùy thế lực của loại dược nào nhiều thì tùy thế lực đó mà đạt thành tên, nếu thế lực của các loại dược bằng nhau thì tùy tên mà ấn định thuộc loại dược nào.

6. Nhân Duyên Kết Chín Mươi Pháp Ba-Dật-Đề:

1. Nhân duyên kết giới thứ nhất:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Ba-dật-đề, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Có tất cả năm loại vọng ngữ kết tội khác nhau:

Một là loại vọng ngữ phạm Ba-la-di: Thật không có pháp hơn người mà nói là có pháp hơn người.

Hai là loại vọng ngữ phạm Tăng tàn: Đem pháp Ba-la-di không căn cứ vu báng Tỳ-kheo khác.

Ba là loại vọng ngữ phạm Thâu-lan-giá: Nói có pháp hơn người không rõ ràng đầy đủ hoặc đem pháp Ba-la-di không căn cứ vu báng không rõ ràng đầy đủ.

Bốn là loại vọng ngữ phạm Ba-dật-đề: Đem pháp Tăng tàn không căn cứ vu báng Tỳ-kheo khác và loại vọng ngữ trong thiên Ba-dật-đề này.

Năm là loại vọng ngữ phạm Đột-kiết-la: Ba chúng dưới vọng ngữ kết phạm tội này.

Trường hợp vọng ngữ không phạm là trước kia là tại gia không có sư tăng hoặc Tỳ-kheo đã phá giới sau trở lại làm Tỳ-kheo. Có bảy việc thành vọng ngữ: Một là trước tác ý muốn vọng ngữ, hai là miệng vọng ngữ, ba là nói xong tự nói là vọng ngữ, bốn là thấy khác, năm là muốn khác, sáu là chấp nhận khác và bảy là biết khác. Lại có bốn việc thành vọng ngữ tức là bốn việc sau trong bảy việc trên; lại có ba việc thành vọng ngữ, tức là ba việc trước trong bảy việc trên. Nếu Tỳ-kheo không thấy sự việc mà nói là thấy, hoặc thấy mà nói là không thấy; hoặc thấy tưởng là không thấy mà nói với người khác là thấy, hoặc không thấy tưởng là thấy mà nói với người khác là không thấy; hoặc thấy mà nghi, không biết là thấy hay không thấy, lại nói với người khác là không thấy; hoặc không thấy mà

nghi, không biết là thấy hay không thấy mà nói với người khác là thấy… do nói trái với tâm tưởng nên tất cả trường hợp trên đều phạm Ba-dật-đề. Nghe, hiểu và biết cũng giống như trường hợp thấy ở trên, nếu tất cả đều nói theo tâm tưởng thì không phạm. Từ mắt thấy gọi là kiến, từ tai nghe gọi là văn, từ mũi, lưỡi, thân nhận biết gọi là giác; từ ý căn nhận biết gọi là tri. Ba căn nhãn, nhĩ, ý do tánh nhạy bén và có lực dụng thiên nhiều về thấy nghe và nhận biết, lại có thể thọ lấy cảnh giới ở xa nên có tên gọi riêng là kiến, văn, tri; ba căn mũi, lưỡi và thân do tánh chậm lụt và lực dụng ít, chỉ có thể thọ lấy cảnh giới ở gần nên hợp chung thành một tên gọi là giác. Nếu bảo người khác vọng ngữ hay viết thư, trong thư vọng ngữ đều phạm Đột-kiết-la; nếu trước vốn vô tâm nói lở lời hay nói lộn mà thành vọng ngữ thì phạm Đột-kiết-la. Nếu thuyết pháp hay bàn luận gì, hoặc chuyền nói lỗi của người khác, tất cả việc thị phi chớ tự cho là đúng, thường phải suy đoán có căn cứ thì không có lỗi. Nếu điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại thì không phạm. Khi nói có Toàn phong, Thổ quỷ đến chỗ tôi; hoặc tự nói mình là người trì giới thanh tịnh không khởi dục; hoặc tự nói mình có pháp hơn người… nếu người nghe không chấp nhận thì phạm trọng Thâu-lan-giá. Nếu muốn đem pháp Ba-la-di không căn cứ vu báng Tỳ-kheo khác, trước lập bày phương tiện nói với người khác rằng: "Tỳ-kheo tên _____ phạm tội

_____ , xin hãy trợ giúp tôi cử tội" thì phạm trọng Thâu-lan-giá.

2. Nhân duyên kết giới thứ hai:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Ba-dật-đề, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Phật nói nhân duyên bổn sanh: Một là để dẫn chứng cho tội khinh chê , hai là dứt phỉ báng, vì nếu không nói Bổn sanh thì ngoại đạo sẽ nói rằng: "Sa-môn Cù-đàm không có Túc mạng thông"; ba là để thành tựu mười hai bộ kinh, đây là kinh Bổn sanh. Phật dùng Nguyện trí biết rõ việc quá khứ để nói nhân duyên bổn sanh.

Hỏi: Nguyện trí và Túc mạng trí khác biệt như thế nào?

Đáp: Túc mạng trí biết việc quá khứ, còn Nguyên trí biết rõ việc trong ba đời; Túc mạng trí biết việc thuộc Hữu lậu, Nguyện trí biết rõ việc thuộc cả Hữu lậu và Vô lậu; Túc mạng trí biết việc quá khứ của tự thân, Nguyện trí biết rõ việc quá khứ của mình và cả người khác; Túc mạng trí biết việc theo thứ lớp từ một đời đến hai đời, ba đời…, Nguyện trí trong một niệm biết sự việc vượt cả một trăm kiếp. Thuở xưa sở dĩ loài súc sanh nói được tiếng người mà ngày nay không thể nói được là vì vào kiếp sơ chỉ có cõi trời người chưa có ba đường ác, sau đó từ hai cõi này sanh ra có ba đường ác,

do tập khí đời trước gần nên nói được tiếng người. Ngày nay súc sanh phần nhiều từ trong ba đường ác sanh ra nên không thể nói được tiếng người.

Tướng phạm trong giới này là khinh chê có tám việc: Dòng họ, nghề nghiệp, việc làm, phạm tội, bịnh, hình tướng, phiền não và mắng. Nếu đem ba việc dòng họ, nghề nghiệp và việc làm để khinh chê Tỳ-kheo thuộc ba giai cấp Sát-đế-lỵ, Bà-la-môn và thương nhân thì phạm Đột-kiết-la; nếu đem ba việc trên để khinh chê Tỳ-kheo thuộc giai cấp khác thì phạm Ba-dật-đề. Nếu đem năm việc sau trong tám việc trên để khinh chê Tỳ-kheo thuộc cả bốn giai cấp thì phạm Ba-dật-đề; nếu đem tám việc trên để khinh chê Tỳ-kheo ở trước mặt thì phạm Ba-dật-đề, khinh chê ở sau lưng thì phạm Đột-kiết-la. Nếu đem tám việc trên để khinh chê Tỳ-kheo-ni thì phạm Đột-kiết-la, khinh chê ba chúng dưới cũng phạm Đột-kiết-la. Nếu đem tám việc trên để khinh chê người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại, tại gia không có sư tăng, người việt tế (phá nội ngoại đạo), người điếc… đều phạm Đột-kiết-la; khinh chê sáu hạng người phạm tội đang bị trị tội cũng phạm Đột-kiết-la. Nếu đem tám việc trên để khinh chê Tỳ-kheo khác thì phạm Ba-dật-đề; nếu không đem tám việc trên, chỉ muốn xúc não nên nói lời khinh chê thì phạm Đột-kiết-la. Nếu sai bảo người khác hay viết thư để khinh chê cũng phạm Đột-kiết-la. Nếu đem tám việc trên để khinh

chê, nói rằng: "Thầy có tám việc này không hợp với pháp xuất gia" thì phạm Ba-dật-đề; nếu không dùng tám việc trên mà dùng việc khác để khinh chê, như nói: "Thầy ăn nhiều, ngủ nhiều, nói chuyện nhiều, ham ăn ham ngủ như vậy xuất gia thọ giới làm chi", thì phạm Đột-kiết-la. Thể của giới này là nếu người bị khinh chê nghe được thì phạm Ba-dật-đề, không nghe được thì phạm Đột-kiết-la. Nếu có người sau khi xuất gia rồi mới bị bịnh hủi thì được cùng làm việc chúng nhưng khi ăn thì không nên ngồi ăn chung trong chúng.

3. Nhân duyên kết giới thứ ba:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Ba-dật-đề, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Tướng phạm trong giới này là nói ly gián có tám việc: Dòng họ, nghề nghiệp, việc làm, phạm tội, bịnh, hình tướng, phiền não và mắng. Nếu đem ba việc dòng họ, nghề nghiệp và việc làm để nói ly gián Tỳ-kheo thuộc ba giai cấp Sát-đế-lỵ, Bà-la-môn và thương nhân thì phạm Đột-kiết-la; nếu đem ba việc trên để nói ly gián Tỳ-kheo thuộc giai cấp khác thì phạm Ba-dật-đề. Nếu đem năm việc sau trong tám việc trên để nói ly gián Tỳ-kheo thuộc cả bốn giai cấp thì phạm Ba-dật-đề. Nếu đem tám việc trên để nói ly gián Tỳ-kheo-ni thì phạm Đột-kiết-la, nói ly gián ba chúng dưới cũng phạm Đột-kiết-la. Nếu đem tám việc trên để nói ly gián người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại, tại gia không

có sư tăng, người việt tế (phá nội ngoại đạo), người điếc… đều phạm Đột-kiết-la; nói ly gián sáu hạng người phạm tội đang bị trị tội cũng phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo đem năm việc sau trong tám việc trên đến nói với Tỳ-kheo này rằng: "Tỳ-kheo kia nói thầy là người ác thích mắng, xuất gia thọ giới làm chi", Tỳ-kheo này hỏi: "Tỳ-kheo đó là ai?", đáp: "Tỳ-kheo đó tên là ____ ", lại hỏi là họ gì, đáp: "Tỳ-kheo đó họ là ____ ", lại hỏi là làm việc gì, đáp: "Đang làm việc ____ ", lại hỏi hình tướng ra sao, đáp: "Tỳ-kheo ấy có hình tướng ____ ". Nếu người kia nghe hiểu thì phạm Ba-dật-đề, nghe không hiểu thì phạm Đột-kiết-la; sở dĩ hỏi theo thứ lớp như thế vì người cùng tên cùng họ rất nhiều. Nói ly gián có bốn trường hợp:

Một là nói ly gián không phải là vọng ngữ và ác khẩu, như Tỳ-kheo đem lời của tỳ-kheo này đến nói với Tỳ-kheo kia, nếu là thật thì không phải là vọng ngữ; nói lời hòa dịu thì không phải là ác khẩu; nhưng nói với tâm muốn ly gián Hai Tỳ-kheo này thì gọi là ly gián ngữ.

Hai là nói ly gián là vọng ngữ nhưng không phải là ác khẩu, như Tỳ-kheo đem lời của Tỳ-kheo này đến nói với Tỳ-kheo kia, nếu không phải là thật thì gọi là vọng ngữ; nói lời hòa dịu thì không phải là ác khẩu; nhưng nói với tâm muốn ly gián Hai Tỳ-kheo này thì gọi là ly gián ngữ.

Ba là nói ly gián là ác khẩu nhưng không phải

là vọng ngữ, như Tỳ-kheo đem lời của tỳ-kheo này đến nói với Tỳ-kheo kia, nếu là thật thì không phải là vọng ngữ; nói lời thô ác thì gọi là ác khẩu và nói với tâm muốn ly gián Hai Tỳ-kheo thì gọi là ly gián ngữ.

Bốn là nói ly gián vừa là vọng ngữ vừa là ác khẩu, như Tỳ-kheo đem lời của tỳ-kheo này đến nói với Tỳ-kheo kia, nếu không phải là thật thì gọi là vọng ngữ; nói lời thô ác thì gọi là ác khẩu và nói với tâm muốn ly gián Hai Tỳ-kheo này thì gọi là ly gián ngữ. Vọng ngữ và ác khẩu cũng có bốn trường hợp giống như trên. Nếu mắng người tại gia, nói rằng: "ở thế tục có nhiều điều không thanh tịnh" thì phạm Đột-kiết-la; nếu mắng người xuất gia, nói rằng: "Người xuất gia có nhiều việc không như pháp" cũng phạm Đột-kiết-la; nếu không dùng tám việc trên mà dùng việc khác để mắng, như nói: "Thầy ăn nhiều, ngủ nhiều, nói chuyện nhiều, ham ăn ham ngủ như vậy xuất gia thọ giới làm chi", thì phạm Đột-kiết-la. Nếu không chuyện nói kia đây, chỉ đến hai bên nói ly gián khiến họ ly tán đều phạm Đột-kiết-la.

4. Nhân duyên kết giới thứ tư:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Ba-dật-đề, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Có năm hạng Tỳ-kheo: Một là cựu Tỳ-kheo, hai là khách Tỳ-kheo, ba là Tỳ-kheo thọ dục, bốn là Tỳ-kheo tác yết ma và năm là Tỳ-kheo bị

yết ma. Tướng phạm trong giới này là nếu cựu Tỳ-kheo ở trong tướng ngôn tránh khởi tưởng là tướng ngôn tránh, đã như pháp diệt tránh khởi tưởng là như pháp diệt tránh rồi mà phát khởi trở lại thì phạm Ba-dật-đề; ở trong tướng ngôn tránh khởi tưởng là tương trợ tránh, đã như pháp diệt tránh khởi tưởng là như pháp diệt tránh rồi mà phát khởi trở lại thì phạm Ba-dật-đề; ở trong tướng ngôn tránh khởi tưởng là phạm tội tránh hay thường sở hành tránh cũng giống như trên. Giống như trong tướng ngôn tránh có bốn câu như trên thì trong tương trợ tránh, phạm tội tránh và thường sở hành tránh cũng có bốn câu như thế, tổng cộng là mười sáu câu, trong mỗi câu này đều phạm Ba-dật-đề. Giống như cựu Tỳ-kheo ở trong bốn pháp diệt tránh làm mười sáu như trên thì bốn hạng Tỳ-kheo còn lại, mỗi hạng Tỳ-kheo cũng ở trong bốn pháp diệt tránh làm mười sáu giống như thế, tổng cộng là tám mươi câu, trong mỗi câu này đều phạm Ba-dật-đề.

Nếu cựu Tỳ-kheo ở trong tướng ngôn tránh đã như pháp diệt tránh, khởi tưởng là như pháp diệt tránh rồi mà phát khởi trở lại thì phạm Ba-dật-đề; ở trong tướng ngôn tránh, đã như pháp diệt tránh mà khởi tưởng là không như pháp diệt tránh, liền phát khởi trở lại cũng phạm Ba-dật-đề; ở trong tướng ngôn tránh đã như pháp diệt tránh rồi nhưng sanh nghi, liền phát khởi trở lại cũng phạm Ba-dật-

đề. Giống như trong tướng ngôn tránh có ba câu như trên thì trong tương trợ tránh, phạm tội tránh và thường sở hành tránh cũng có ba câu như thế, tổng cọng là là mười hai câu, trong mỗi câu đều phạm Ba-dật-đề. Giống như cựu Tỳ-kheo, bốn hạng Tỳ-kheo còn lại mỗi hạng Tỳ-kheo cũng có là mười hai câu như trên, tổng cọng là sáu mươi câu, trong mỗi câu đều phạm Ba-dật-đề.

Nếu cựu Tỳ-kheo ở trong tướng ngôn tránh không như pháp diệt tránh, khởi tưởng là không như pháp diệt tránh mà phát khởi trở lại thì phạm Đột-kiết-la; ở tướng ngôn tránh, không như pháp diệt tránh mà sanh nghi liền phát khởi trở lại cũng phạm Đột-kiết-la. Giống như trong tướng ngôn tránh có hai câu như trên thì trong ba pháp diệt tránh còn lại, mỗi pháp cũng có hai câu như vậy, tổng cọng là tám câu; giống như cựu Tỳ-kheo, bốn hạng Tỳ-kheo còn lại mỗi hạng Tỳ-kheo cũng có tám câu, tổng cộng là bốn mươi câu, trong mỗi câu đều phạm Đột-kiết-la.

Nếu cựu Tỳ-kheo ở trong tướng ngôn tránh không như pháp diệt tránh, khởi tưởng là không như pháp diệt tránh mà phát khởi trở lại thì không phạm; ở trong tướng ngôn tránh không như pháp diệt tránh mà sanh nghi liền phát khởi trở lại thì không phạm. Giống như trong tướng ngôn tránh có hai câu như trên thì trong ba pháp diệt tránh còn lại, trong mỗi pháp cũng có hai câu như vậy, tổng

cộng là tám câu; giống như cựu Tỳ-kheo trong bốn pháp diệt tránh có tám câu thì bốn hạng Tỳ-kheo còn lại, mỗi hạng Tỳ-kheo ở trong bốn pháp diệt tránh cũng có tám câu như vậy, tổng cộng là bốn mươi câu đều không phạm.

Thể của giới này bất luận là yết ma hay không phải yết ma, chỉ cần tăng như pháp hòa hợp diệt tránh rồi mà phát khởi trở lại, dù ở trong Tăng hay ở chỗ khuất-đều phạm Ba-dật-đề. Nếu là Tăng chế, không vào Phật pháp mà phát khởi lại thì phạm Đột-kiết-la; nếu không phải Phật pháp cũng không phải Tăng pháp, nhưng mọi người đã hòa hợp diệt tránh rồi mà phát khởi trở lại với tâm phi pháp thì không phạm. Trừ năm hạng Tỳ-kheo trên, các Tỳ-kheo khác và Tỳ-kheo gởi dục đều đồng.

5. Nhân duyên kết giới thứ năm:

Giới này bất cọng, Tỳ-kheo-ni nói pháp cho người nam quá năm, sáu lời thì phạm Đột-kiết-la; nếu có hai người nam thì không phạm; Sa-di nói pháp cho người nữ quá năm, sáu lời thì phạm Đột-kiết-la; hai chúng kia cũng phạm Đột-kiết-la. Người nữ là chỉ cho người có thể hành dâm được, nếu là thạch nữ hay bé gái thì phạm Đột-kiết-la. Năm, sáu lời là chỉ cho năm pháp như nói Sắc ấm vô thường, thọ tưởng hành thức cũng đều vô thường; hoặc sáu pháp như nói Nhãn vô thường, nhĩ tỷ thiệt thân ý cũng đều vô thường. Nói quá năm, sáu lời này thì phạm Ba-dật-đề. Người nam

có trí là người hiểu rõ tình người và ý thú của lời nói, có thể làm người chứng minh; phải là người cùng ngôn ngữ hiểu nhau, nếu là người phương khác ngôn ngữ bất đồng thì không được. Người nam này phải là cư sĩ, người xuất gia không được vì việc đồng nhau. Nếu Tăng nhóm họp có người nữ nhiều hay ít mà không có người nam có trí thì không được thuyết pháp cho họ, được thuyết pháp cho Ni và ni chúng vì có pháp giáo giới nên không phạm.

Nếu Tỳ-kheo nói pháp cho người nữ quá năm, sáu lời mà không có người nam có trí bên cạnh thì phạm Ba-dật-đề; sau đó có người nữ khác đến lại vì nói pháp, người nữ đến trước cũng cùng ngồi nghe. Tỳ-kheo nói pháp xong đứng dậy đi, trên đường gặp người nữ lại vì nói pháp, người nữ trước cũng cùng nghe, Tỳ-kheo nói quá năm, sáu lời rồi đi đến nơi khác, lại vì người nữ khác nói pháp, người nữ trước cũng cùng nghe; như thế nói pháp ở ba chỗ đều phạm. Nếu lần nói pháp sau không biết có người nữ trước cũng cùng nghe pháp thì không phạm; nếu giảng kinh thì mỗi mỗi việc đều phạm Ba-dật-đề; nếu nói kệ thì mỗi mỗi kệ đều phạm Ba-dật-đề, kệ có ba mươi hai chữ hoặc ba mươi chữ hoặc hai mươi chữ; nếu từ kệ chuyển sang nói kinh thì mỗi mỗi việc cũng phạm Ba-dật-đề. Không phạm là nếu nói về phước báo bố thí, chú nguyện hoặc tùy hỏi tùy đáp hoặc nói pháp cho

người thọ năm giới hoặc tám trai giới; nếu nói việc thường của thế gian thì phạm Đột-kiết-la.

6. Nhân duyên kết giới thứ sáu:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Ba-dật-đề, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Phật kết giới này cho các Tỳ-kheo một là để khác với ngoại đạo, hai là vì giữa thầy và đệ tử có khác biệt, ba là để phân biệt ngôn ngữ để người khác hiểu rõ, bốn là để nương theo thật nghĩa không chấp vào âm thanh. Người chưa thọ giới cụ túc là chỉ tất cả mọi người trừ Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni.

Thể của giới này là nếu dùng một câu pháp dạy cho người chưa thọ giới cụ túc thì phạm. Câu pháp có hai là câu đầy đủ và câu không đầy đủ; câu đầy đủ là như Luật sư nói nếu thầy tụng câu dài, đệ tử cũng tụng câu dài thì gọi là đồng câu. Tướng phạm trong giới này là nếu thầy tùy giọng cao thấp tụng câu dài để dạy cho đệ tử, đệ tử cũng hợp theo giọng của thầy để tụng câu dài thì phạm Ba-dật-đề; cùng giọng tụng câu ngắn cũng vậy. Nếu thầy tụng câu dài, đệ tử tụng câu ngắn cùng giọng thì phạm Đột-kiết-la; thầy tụng câu ngắn, đệ tử tụng câu dài cùng giọng cũng vậy. Không phạm là thầy tụng xong đệ tử mới tụng, không hợp giọng với nhau dù là đồng câu hay không đồng câu đều không phạm. Nghĩa chính trong giới này là đồng câu và cùng giọng mới phạm Ba-dật-đề; nếu không đồng câu mà cùng

giọng thì phạm Đột-kiết-la, tụng có tiếng trước tiếng sau thì không phạm. Nếu hai người tụng kinh đều thông lợi đồng tụng thì không phạm nhưng không được hợp tán. Nếu Tỳ-kheo không có chỗ thọ học đọc tụng cũng được thọ học từ Sa-di, Sa-di-ni, chỉ cần cầu bậc trì giới đức trọng làm bạn chứng minh; cũng được thọ học từ cư sĩ nhưng không được gọi là A-xà-lê. Lần lượt theo thứ lớp như vậy đều cho thọ học nhưng chớ để cho mất oai nghi; ý vị đầy đủ hay không đầy đủ, chữ đầy đủ hay không đầy đủ cũng như vậy. Nếu dùng đồng câu dạy cho người đã thọ giới cụ túc thì phạm Đột-kiết-la; thầy dạy tụng câu dài, đệ tử thọ tụng thành câu ngắn thì phạm Đột-kiết-la.

7. Nhân duyên kết giới thứ bảy:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Ba-dật-đề, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Nếu vì lợi dưỡng mà nói có pháp hơn người cho người chưa thọ giới cụ túc biết cũng phạm Ba-dật-đề. Phật kết giới này cho các Tỳ-kheo một là vì pháp của bậc đại nhân, nếu tự khen ngợi đức hạnh mà che giấu lỗi lầm thì đó là pháp của tiểu nhân; hai là vì pháp bình đẳng, nếu tự xưng là thánh đức tức là hiền ngu có khác biệt, sẽ khiến cho người nghe biết không có tâm bình đẳng đối với Tăng.

Hỏi: Có trường hợp nói mình có pháp hơn người cho người chưa thọ giới cụ túc biết mà không phạm tội hay không?

Đáp: Có, nếu nói cho bậc tri thức đồng tâm nghe thì không phạm; nếu không vì danh lợi mà nói cũng không phạm. Nếu gặp nạn giặc nguy đến tánh mạng liền nói rằng: "Nếu ngươi giết ta sẽ phạm tội rất nặng", hoặc khi bịnh không có người chăm sóc liền nói rằng: "Nếu ngươi chăm sóc cho ta sẽ được đại phước đức"… thì không phạm, vì thân người khó được nên nói không phạm. Người chưa thọ giới cụ túc là chỉ tất cả mọi người trừ Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni. Đây là thật có tức là thật có pháp hơn người, nếu Tỳ-kheo thật đắc bốn Hướng bốn Quả mà nói cho người chưa thọ giới cụ túc biết thì phạm Ba-dật-đề; nếu thật đắc bốn Thiền, bốn Vô lượng tâm, bốn Định Vô sắc, năm Thông, pháp quán bất tịnh, A-na-ban-na niệm… mà nói cũng phạm Ba-dật-đề.

Hỏi: Pháp quán bất tịnh và A-na-ban-na niệm là pháp gần, pháp nhỏ sao gọi là pháp hơn người?

Đáp: Đây là pháp môn ban đầu để được cam lồ, tất cả Hiền thánh đều bắt đầu từ pháp môn này nên gọi là pháp hơn người. Nếu vì danh lợi mà nói là tôi trì giới thanh tịnh thì phạm Đột-kiết-la; nếu vì danh lợi mà nói trời rồng đến chỗ tôi thì phạm Ba-dật-đề; nếu vì danh lợi mà nói Toàn phong Thổ quỷ đến chỗ tôi thì phạm Đột-kiết-la; nếu thật sự tụng thông ba tạng, vì danh lợi mà nói với người cũng phạm Đột-kiết-la; nếu vì danh lợi mà nói rằng: "Kinh mà tôi đã tụng, tôi đều hiểu được nghĩa, tôi

có thể tùy hỏi đáp" thì phạm Đột-kiết-la.

8. Nhân duyên kết giới thứ tám:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Ba-dật-đề, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Phật kết giới này cho các Tỳ-kheo một là vì đại hộ Phật pháp, nếu nói tội ác của tỳ-kheo cho cư sĩ biết thì ở trong Phật pháp, họ sẽ không còn tín kính nữa. Thà phá tháp hoại tượng chứ không nên nói tội lỗi của tỳ-kheo cho người chưa thọ giới cụ túc biết, vì nói tội lỗi của tỳ-kheo tức là phá pháp thân. Trừ Tăng yết ma là như trong Luật nói tội thô của tỳ-kheo tức là tội trong hai thiên đầu, nếu nói cho người chưa thọ giới cụ túc biết tên tội trong hai thiên của tỳ-kheo đã phạm thì phạm Ba-dật-đề; nếu nói việc của tội thì phạm Đột-kiết-la; nếu nói tên tội trong ba thiên sau cũng phạm Đột-kiết-la; nếu nói việc của tội cũng phạm Đột-kiết-la. Bất luận Tỳ-kheo trước đó có phạm tội hay không mà nói tội thô của Tỳ-kheo cho người chưa thọ giới cụ túc biết đều phạm Ba-dật-đề; nếu nói tội của bốn chúng kia thì phạm Đột-kiết-la; nếu viết thư hay làm dấu đưa tin thì phạm Đột-kiết-la; nếu nói Tỳ-kheo đó làm Phật bị thương chảy máu hay phá Pháp luân tăng thì phạm Thâu-lan-giá đối thú sám hối; nếu nói Tỳ-kheo đó phạm bốn trọng, mười ba Tăng tàn đều phạm Thâu-lan-giá và Đột-kiết-la; nếu nói tội thô của bốn chúng kia thì phạm Đột-kiết-la.

Nếu Tỳ-kheo thấy Tỳ-kheo khác phạm Ba-la-di, như nghe thấy Tỳ-kheo nói với người nữ là mình có pháp hơn người. Như thế nào là Ba-la-di mà cho là Tăng tàn?: Như nghe thấy Tỳ-kheo nói với người nữ là mình có pháp hơn người mà cho là nói lời thô (lời tình tự) với người nữ. Như thế nào là Ba-la-di mà cho là Ba-dật-đề?: Như nghe thấy Tỳ-kheo nói với người nữ là mình có pháp hơn người mà cho là nói với người nữ quá năm, sáu lời. Như thế nào là Ba-la-di mà cho là Ba-la-đề-đề-xá-ni? Như nghe thấy Tỳ-kheo nói với người nữ là mình có pháp hơn người mà cho là Tỳ-kheo thọ thức ăn uống từ người nữ ở bên trong tinh xá.

Nếu Tỳ-kheo thấy Tỳ-kheo phạm Tăng tàn, như nghe thấy Tỳ-kheo nói lời thô (lời tình tự) với người nữ. Như thế nào là Tăng tàn mà cho là Ba-dật-đề? Như nghe thấy Tỳ-kheo nói lời thô (lời tình tự) với người nữ mà cho là nói với người nữ quá năm, sáu lời. Như thế nào là Tăng tàn mà cho là Ba-la-đề-đề-xá-ni?: Như nghe thấy Tỳ-kheo nói lời thô (lời tình tự) với người nữ mà cho là Tỳ-kheo thọ thức ăn uống từ người nữ ở bên trong tinh xá. Như thế nào là Tăng tàn mà cho là Đột-kiết-la?: Như nghe thấy Tỳ-kheo nói lời thô (lời tình tự) với người nữ mà cho là Tỳ-kheo nói với người nữ là cô này mù lòa. Như thế nào là Tăng tàn mà cho là Ba-la-di? Như nghe thấy Tỳ-kheo nói lời thô (lời tình tự) với người nữ mà cho là Tỳ-kheo nói với

người nữ mình có pháp hơn người.

Nếu Tỳ-kheo thấy Tỳ-kheo khác phạm Ba-dật-đề, như nghe thấy Tỳ-kheo nói pháp cho người nữ quá năm, sáu lời. Như thế nào là Ba-dật-đề mà cho là Ba-la-đề-đề-xá-ni? Như nghe thấy Tỳ-kheo nói với người nữ quá năm, sáu lời mà cho là Tỳ-kheo thọ thức ăn uống từ người nữ ở bên trong tinh xá. Như thế nào là Ba-dật-đề mà cho là Đột-kiết-la?: Như nghe thấy Tỳ-kheo nói với người nữ quá năm, sáu lời mà cho là Tỳ-kheo nói với người nữ là cô này đen, cô này trắng. Như thế nào là Ba-dật-đề mà cho là Ba-la-di? Như nghe thấy Tỳ-kheo nói với người nữ quá năm, sáu lời mà cho là Tỳ-kheo nói có pháp hơn người. Như thế nào là Ba-dật-đề mà cho là Tăng tàn? Như nghe thấy Tỳ-kheo nói với người nữ quá năm, sáu lời mà cho là Tỳ-kheo nói lời tình tự (lời thô).

Nếu Tỳ-kheo thấy Tỳ-kheo khác phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni, như thấy Tỳ-kheo thọ thức ăn uống từ người nữ ở bên trong tinh xá. Như thế nào là Ba-la-đề-đề-xá-ni mà cho là Đột-kiết-la? Như thấy Tỳ-kheo thọ thức ăn uống từ người nữ ở bên trong tinh xá mà cho là Tỳ-kheo nói với người nữ là cô này mù lòa. Như thế nào là Ba-la-đề-đề-xá-ni mà cho là Ba-la-di? Như thấy Tỳ-kheo thọ thức ăn uống từ người nữ ở bên trong tinh xá mà cho là Tỳ-kheo nói với người nữ mình có pháp hơn người. Như thế nào là Ba-la-đề-đề-xá-ni mà cho là Tăng tàn? Như

thấy Tỳ-kheo thọ thức ăn uống từ người nữ ở bên trong tinh xá mà cho là Tỳ-kheo nói lời thô (lời tình tự) với người nữ. Như thế nào là Ba-la-đề-đề-xá-ni mà cho là Ba-dật-đề? Như thấy Tỳ-kheo thọ thức ăn uống từ người nữ ở bên trong tinh xá mà cho là Tỳ-kheo nói với người nữ quá năm, sáu lời.

Nếu Tỳ-kheo nghe thấy Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la như nghe Tỳ-kheo nói với người nữ là cô này trắng, cô này đen. Như thế nào là Đột-kiết-la mà cho là Ba-la-di? Như nghe thấy Tỳ-kheo nói với người nữ là cô này mù lòa, cho là nghe thấy Tỳ-kheo nói với người nữ mình có pháp hơn người. Như thế nào là Đột-kiết-la mà cho là Tăng tàn? Như nghe Tỳ-kheo nói với người nữ là cô này mù lòa, cho là Tỳ-kheo nói lời thô (lời tình tự) với người nữ. Như thế nào là Đột-kiết-la mà cho là Ba-dật-đề? Như nghe Tỳ-kheo nói với người nữ là cô này mù lòa, cho là Tỳ-kheo nói với người nữ quá năm, sáu lời. Như thế nào là Đột-kiết-la mà cho là Ba-la-đề-đề-xá-ni? Như nghe Tỳ-kheo nói với người nữ là cô này mù lòa, cho là Tỳ-kheo thọ thức ăn uống từ người nữ ở bên trong tinh xá.

Nếu Tỳ-kheo thấy Tỳ-kheo khác phạm Ba-la-di, sanh nghi không biết có phải phạm Ba-la-di hay không, như thấy Tỳ-kheo cùng người nữ hành dâm lại cho là Tỳ-kheo cố ý xuất tinh hay người nữ đó là thạch nữ; sau đó dứt nghi, ở trong pháp Ba-la-di quyết định là Ba-la-di.

Hỏi: Do đâu được dứt nghi?

Đáp: Nhờ gặp thiện tri thức nên dứt nghi và có thể đoạn trừ pháp bất thiện, tà pháp và pháp bất định.

Nếu thấy Tỳ-kheo khác phạm Tăng tàn, sanh nghi không biết có phải phạm Tăng tàn hay không, như thấy Tỳ-kheo cùng người nữ lõa hình ôm nhau, nghi không biết là lõa hình hay có mặc y và người nữ đó có phải là thạch nữ hay không. Nếu nghe thấy Tỳ-kheo phạm Ba-dật-đề mà nghi, như nghe Tỳ-kheo nói với người nữ quá năm, sáu lời mà nghi không biết có phải là quá năm, sáu lời hay không. Nếu thấy Tỳ-kheo phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni mà sanh nghi như thấy Tỳ-kheo thọ lấy thức ăn từ nhà của Học gia, sanh nghi không biết Tăng đã làm yết ma Học gia hay chưa. Nếu Tỳ-kheo nghe thấy Tỳ-kheo khác phạm Đột-kiết-la mà sanh nghi, như nghe Tỳ-kheo nói với người nữ là cô này mù lòa mà nghi không biết có phải nói là mù lòa hay không.

9. Nhân duyên kết giới thứ chín:

Phật kết giới này cho các Tỳ-kheo một là để diệt trừ đấu tranh, hai là diệt khổ não và ba là để được an lạc hành đạo. Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Ba-dật-đề, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Thể của giới này là nếu Tăng đã hòa hợp làm yết ma hay không làm

yết ma, chấp thuận đem y vật cho vị tri sự làm việc Tăng cực khổ, vật đó hoặc là của-tăng-kỳ hay là vật tự tứ; Tỳ-kheo đã cùng hòa hợp cho rồi, sau lại quở trách rằng: "Tăng tùy thuận đem vật cho người thân thiết" thì phạm Ba-dật-đề. Ở trong Tăng, nếu vị tri sự làm việc Tăng cực khổ hay là bậc có phước đức nhưng nghèo túng; nếu Tăng đã hòa hợp chấp thuận đem y vật cho, Tỳ-kheo đã gởi dục như pháp rồi sau đó lại quở trách thì phạm Ba-dật-đề; nếu là người từ ngoài giới đến quở trách thì phạm Đột-kiết-la. Giới này không cần nói tùy thuận đem vật cho người thân thiết, chỉ cần nói không nên đem cho cũng phạm Ba-dật-đề.

10. Nhân duyên kết giới thứ mười:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Xả đọa, ba chúng dưới không phạm. Xiển-na là em cùng cha khác mẹ với Phật, là con trai của em gái vua Ưu-điền, được sanh ra tại nước Câu-xá-tỳ, nơi đây có cung điện của vua Bạch tịnh. Ở nước Câu-xá-di cũng có cung điện là nơi mẹ của Xiển-na thường ở, Xiển-na cũng có người chị theo chồng về nước này, do nhân duyên này nên Xiển-na thường ở nhiều trong nước này. Phật kết giới này cho các Tỳ-kheo là vì tôn trọng Ba-la-đề-mộc-xoa, để trưởng dưỡng giới và diệt trừ ác pháp. Xiển-na cho rằng sau khi Phật thành đạo trong mười hai năm đầu thường nói có một bài kệ, nay lại nói tên của năm thiên giới rất là phức tạp nên

chê trách. Tướng phạm trong giới này là nếu chê trách một giới Ba-la-di như nói rằng: "Nói giới dâm này làm chi" thì phạm một Ba-dật-đề; nếu chê trách cả bốn việc thì phạm bốn Ba-dật-đề; nếu chê trách chung bốn Ba-la-di thì phạm một Ba-dật-đề. Khi nói tựa giới mà chê trách cũng phạm Ba-dật-đề.

Hỏi: Tựa giới không phải là giới vì sao cũng phạm?

Đáp: Vì trong Tựa giới nói nghĩa của hai trăm năm mươi giới nên chê trách Tựa giới tức là chê trách tất cả giới. Như vậy theo thứ lớp nói các thiên giới sau tổng cộng Có mười tám việc, nếu chê trách mỗi việc thì phạm một trăm lẻ tám Ba-dật-đề, nếu chê trách chung năm thiên thì phạm một Ba-dật-đề; chê trách bảy pháp diệt tránh cũng vậy. Nếu nói kinh tùy luật mà chê trách cũng phạm Ba-dật-đề; ngoài kinh tùy luật ra, khi nói kinh khác tùy chê trách nhiều ít đều phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Vì sao chê trách kinh tùy luật lại phạm tội nặng, còn chê trách các kinh khác thì phạm tội nhẹ?

Đáp: Vì giới là đất bằng của Phật pháp, vạn điều thiện từ đây phát sanh; lại vì các đệ tử của Phật đều nương nơi giới tu hành, nếu không có giới thì không có chỗ nương, tất cả chúng sanh cũng nương nơi giới mà trụ; lại do giới là cửa đầu vào Phật pháp để đến thành Niết-bàn; giới cũng là

chuỗi ngọc dùng để trang nghiêm Phật pháp. Vì thế chê trách liền phạm tội nặng.

11. Nhân duyên kết giới thứ mười một:

Có hai duyên hợp kết thành một giới này, đó là nhổ cỏ trong chùa và chặt cây Đại ty bạt la là chỗ ở của quỷ thần. Thần cây này vào cuối đêm đến chỗ Phật đảnh lễ rồi đứng một bên.

Hỏi: Quỷ thần đến chỗ Phật vào ban đêm làm gì?

Đáp: Khi Phật còn tại thế, ban đêm thuyết pháp cho trời rồng quỷ thần còn ban ngày thuyết pháp cho người, vì nếu quỷ thần đến nghe pháp ban ngày, người thấy sẽ sanh sợ hãi. Nói đứng qua một bên là do quỷ thần ái kính Phật hoặc có điều muốn thỉnh cầu hoặc do họ thích sạch sẽ mà đất cõi này là bất tịnh, vì vậy họ chỉ đứng một bên mà không ngồi.

Vào tám đêm cuối Đông, gió lạnh buốt phá tre: Ở Thiên trúc tám đêm cuối mùa Đông và tám đêm đầu mùa Xuân là lúc thạnh đông nên trời rất lạnh. Có thuyết nói do mặt trời vận hành ở chỗ thấp, ánh sáng chiếu xuống mặt đất ít nên trời lạnh; sở dĩ nói trời buốt lạnh phá tre vì tre là loại cây cứng nhất, đông hạ thường xanh mà còn bị giá lạnh phá hư huống chi là các loại cây khác.

Phật kết giới này cho các Tỳ-kheo một là để không xúc não chúng sanh, hai là ngăn dứt phỉ

báng, ba là để đại hộ Phật pháp. Có tất cả ba giới làm lợi ích lớn cho Phật pháp: Một là giới không gánh vác, hai là giới không chặt phá cỏ cây, ba là giới không đào đất. Nếu Phật không chế ba giới này thì các quốc vương sẽ ra lịnh các Tỳ-kheo làm sưu dịch, nhờ có ba giới này nên các quốc vương dứt tâm. Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Xả đọa, ba chúng dưới là tịnh nhân nên không phạm. Có năm loại giống: Giống ở rễ, giống ở cọng (thân), giống ở lóng đốt, giống tự rụng và giống ở quả (hạt). Giống ở rễ như La bặc, Vu thanh… đều mọc từ rễ; giống ở thân, cọng như Thạch lựu, Bồ đào, Dương liễu… đều mọc lên từ thân cành; giống ở lóng đốt như mía, tre, trúc… đều mọc từ lóng đốt; giống tự rụng như La-lặc, Hồ tuy, Quýt, Lê… đều do trái tự rụng mà mọc lên; giống ở quả, hạt như lúa, mè, lúa mạch, đại mạch… đều từ hạt mà mọc lên. Tỳ-kheo đối với năm loại giống này tự chặt hay bảo người chặt, tự phá hay bảo người phá, tự đốt hay bảo người đốt đều phạm Ba-dật-đề. Bảo người tức là bảo Tỳ-kheo hoặc Tỳ-kheo-ni khác làm thì phạm Ba-dật-đề; bảo ba chúng dưới làm thì phạm Đột-kiết-la. Nếu chặt phá hay đốt một lần cả năm loại giống thì phạm một Ba-dật-đề; nếu chặt phá hay đốt nhiều lần, mỗi lần phạm một Ba-dật-đề. Muốn tác tịnh trái cây rau cải tươi hoặc thức ăn gồm cả hột thuộc năm loại giống này thì nên dùng hỏa tịnh, hỏa tịnh

rồi mới được ăn; nếu là thức ăn không gồm cả hột, không thuộc trong năm loại giống này thì nên dùng đao tịnh hay trảo tịnh (cắt bằng dao hay bấm bằng móng tay).

Luật sư nói: "Tất cả loại quả hoặc thức ăn gồm cả hột thì nên dùng hỏa tịnh mới được ăn, nếu không phải thức ăn gồm cả hột thì tất cả thời đều được ăn, không cần dùng đao tịnh hay trảo tịnh". Phật nói trái cây hay rau cải tươi không luận là thuộc loại giống hay không thuộc loại giống cần phải tác tịnh rồi mới được ăn; nếu ăn quả bất tịnh hay gồm cả hột, nếu nuốt thì phạm Đột-kiết-la; nếu cắn bể thì phạm Ba-dật-đề.

12. Nhân duyên kết giới thứ mười hai:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Ba-dật-đề, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Thể của giới này là Tăng đã sai mười bốn hạng người trước rồi sau mới giận trách thì phạm Ba-dật-đề. Tất cả mười bốn hạng người được Tăng sai này nếu chưa xả yết ma mà giận trách thì phạm Ba-dật-đề; nếu đã xả yết ma mà giận trách thì phạm Đột-kiết-la, cho đến người khác phòng nhưng đồng công việc được sai làm người trông coi thức ăn mà giận trách thì phạm Đột-kiết-la. Ở chỗ xa giận trách mười bốn hạng người này, nếu họ nghe được thì phạm Ba-dật-đề, nếu họ không nghe được thì phạm Đột-kiết-la. Nếu ở chỗ xa giận trách, tuy không ở trước mặt nhưng tiếng nói nghe được rõ

ràng hoặc viết thư trách thì phạm Đột-kiết-la.

13. Nhân duyên kết giới thứ mười ba:

Đây là cọng giới, trong giới này có hai lần cho yết ma Ức thức: Một là nếu không trả lời theo câu hỏi để xúc não người khác thì Tăng cho yết ma Ức thức, cho yết ma xong, vẫn không trả lời theo câu hỏi thì phạm Ba-dật-đề; nếu Tăng chưa cho yết ma, không trả lời theo câu hỏi thì phạm Đột-kiết-la. hai là im lặng để xúc não người khác thì Tăng cho yết ma Ức thức, cho yết ma xong, vẫn im lặng xúc não thì phạm Ba-dật-đề; nếu Tăng chưa cho yết ma, im lặng xúc não thì phạm Đột-kiết-la. Trong năm thiên giới có ba giới do hai lần kết họp thành một giới, như giới Dâm trong thiên Ba-la-di: Lần thứ nhất do Tỳ-kheo hành dâm với người nữ nên kết giới, lần thứ hai do hành dâm cùng súc sanh nên kết giới. Trong thiên Ba-dật-đề có hai giới là giới mười hai ở trên và giới này, trong giới trên lần thứ nhất do ở trước mặt giận trách Đà-phiêu là người được Tăng cử làm người sai phó hội, lần thứ hai do ở xa giận trách, kết giới trước sau hai lần họp thành một giới giận trách Tri sự. Trong giới này, lần thứ nhất do không trả lời theo câu hỏi để xúc não, lần thứ hai do im lặng để xúc não, kết giới trước sau hai lần họp thành một giới. Đối tượng cho yết ma Ức thức là năm chúng.

Hỏi: Khi Tăng cho yết ma Ức thức, năm chúng hiện tiền hay không hiện tiền?

Đáp: Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni hiện tiền, ba chúng dưới không hiện tiền, khi yết ma nên ở trong giới. Thể của giới này là khi được hỏi về Ba-la-đề-mộc-xoa, vì muốn xúc não nên không trả lời theo câu hỏi thì phạm Ba-dật-đề. Nếu ba chúng Ni hỏi về việc của giới mà không trả lời theo câu hỏi thì phạm Đột-kiết-la; hỏi việc trong các kinh khác mà không trả lời theo câu hỏi cũng phạm Đột-kiết-la.

14. Nhân duyên kết giới thứ mười bốn:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Ba-dật-đề, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Phật kết giới này cho các Tỳ-kheo một là để được an lạc hành đạo, hai là để trưởng dưỡng lòng tín kính, ba là để đàn việt được thành tựu căn lành. Ngọa cụ của Tăng gồm có giường dây thô hay tế, giường cây và mền gối…; nơi đất trống là chỗ không có ngăn che. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo vào đầu đêm trải ngọa cụ của Tăng để ngồi hay nằm, khi đi không dọn cất cũng không nhờ người dọn cất, qua hôm sau trời vừa sáng liền phạm Ba-dật-đề. Nếu vào sáng sớm trải ngọa cụ của Tăng ở nơi đất trống để ngồi hay nằm, sau đó bỏ vào trong thất ngủ nghỉ cho đến mặt trời lặn thì phạm Ba-dật-đề. Nếu vào buổi chiều trải ngọa cụ của Tăng ở chỗ đất trống để ngồi nằm, sau đó vào trong thất ngủ nghỉ cho đến tối, sau khi mặt trời đã lặn thì phạm Ba-dật-đề. Nếu trải ngọa cụ của Tăng rồi mà rời khỏi chùa quá bốn mươi chín

bước cho đến sáng hôm sau thì phạm Ba-dật-đề; nếu trải ngọa cụ của Tăng xong, không dặn dò lại cho người khác mà bỏ đi đến các phòng khác thì phạm Đột-kiết-la; nếu là ngọa cụ của mình mà không tùy thời dọn cất thì phạm Đột-kiết-la. Sở dĩ nên dọn cất là vì sợ bị mưa gió hay nắng làm cho hư hoại; nếu trải ngọa cụ của Tăng ở ngoài đất trống, bất luận có ra khỏi chùa hay không, cho đến sáng hôm sau thì phạm Ba-dật-đề, nếu trời chưa sáng thì phạm Đột-kiết-la.

15. Nhân duyên kết giới thứ mười lăm:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Ba-dật-đề, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Tướng phạm trong giới này là nếu khách Tỳ-kheo ở trong phòng Tăng trải ngọa cụ rồi đi ra khỏi đại giới thì phạm Ba-dật-đề; nếu khi đi nghĩ rằng sẽ trở về ngay nhưng vì có nhân duyên cấp bách không thể trở về ngay được, đến sáng hôm sau mới trở về thì phạm Đột-kiết-la; nếu không nghĩ là sẽ trở về ngay mà đi đến sáng hôm sau mới trở về thì phạm Ba-dật-đề. Trong giới này nói trải ngọa cụ là trải ở trong Tăng phòng, như trong Luật nói nếu rời khỏi chùa dù xa hay gần đều nên dặn trao lại cho người khác, nếu không dặn trao thì phải thu xếp lại để một chỗ; cũng được dặn trao cho Sa-di lớn khéo trì giới.

16. Nhân duyên kết giới thứ mười sáu:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Ba-dật-đề, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Phật kết giới này cho các Tỳ-kheo là để không làm cho chúng sanh khổ não và dứt đấu tranh. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo tức giận không vui, tự tay lôi kéo Tỳ-kheo khác từ trên giường xuống đất hay từ trong phòng ra ngoài thì phạm Ba-dật-đề; dùng sức lực lôi kéo được thì phạm Ba-dật-đề, không lôi kéo được thì phạm Đột-kiết-la. Nếu sai bảo năm chúng cho đến cư sĩ lôi kéo Tỳ-kheo thì phạm Ba-dật-đề; nếu sai bảo Tỳ-kheo mà lôi kéo được thì cả hai đều phạm Ba-dật-đề, nếu lôi kéo không được thì cả hai đều phạm Đột-kiết-la; sai bảo người khác lôi kéo cũng vậy. Nếu lôi kéo Tỳ-kheo-ni và ba chúng dưới thì phạm Đột-kiết-la; nếu lôi kéo người đui, điếc, câm hoặc Sa-di học hối, người hành Biệt trú, Ma-na-đỏa… cho đến sáu hạng người phạm tội đều phạm Đột-kiết-la; lôi kéo cư sĩ thì không phạm. Trừ nhân duyên là nếu trong phòng hư hoại hoặc có các nạn xảy ra nên lôi kéo người ở trong phòng ra gấp thì không phạm. Nếu trước có tâm sát hại nên ra sức lôi kéo làm cho người chết thì phạm Ba-la-di, không chết thì phạm Thâu-lan-giá; nếu có tâm dâm nên lôi kéo Tỳ-kheo-ni để sờ nắm thì phạm Tăng tàn. Nếu vì tức giận lôi kéo Tỳ-kheo-ni, lôi kéo được thì phạm Ba-dật-đề, không được thì phạm Đột-kiết-la; nếu Ni lôi kéo Tỳ-kheo thì phạm Ba-

dật-đề. Nếu Tỳ-kheo ở trong phòng Tăng hay ở trong phòng Ni mà lôi kéo Ni thì phạm Đột-kiết-la; nếu Ni ở trong phòng Tăng mà lôi kéo Tỳ-kheo thì phạm Ba-dật-đề, nếu ở trong phòng Ni mà lôi kéo thì phạm Đột-kiết-la.

17. Nhân duyên kết giới thứ mười bảy:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Ba-dật-đề, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo biết trong phòng có Tỳ-kheo đã trải ngọa cụ trước rồi, mình đến sau mà ở trước chỗ nằm hay chỗ ngồi hoặc ở trong phòng hay ngoài phòng hoặc ở chỗ đi… tự trải hay bảo người trải, trải được thì pha-m Ba-dật-đề, không trải được thì phạm Đột-kiết-la. Thể của giới này là chế ngăn không được gắng gượng làm trái ý người đến trước, nếu vì muốn xúc não nên đóng cửa hay mở cửa, đốt đèn hay tắt đèn, hoặc đọc kinh, tán tụng, vấn nạn… tùy làm việc gì khiến cho người khác không vui đều phạm Ba-dật-đề , vì có tâm cố ý xúc não nên thành tội.

18. Nhân duyên kết giới thứ mười tám:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Ba-dật-đề, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Tướng phạm trong giới này là nếu giường nằm hay giường ngồi thiền có một chân nhọn, ba chân không nhọn hoặc hai chân nhọn, hai chân không nhọn hoặc ba chân nhọn, một chân không

nhọn hoặc cả bốn chân đều nhọn ở trên lầu gác, tùy dùng sức lực để ngồi nằm trên giường này thì phạm Ba-dật-đề; nếu dùng các vật mềm lót đỡ ở chân giường thì không phạm; nếu dùng các vật cứng như gạch ngói, đá lót đỡ ở chân giường có thể làm người bị thương thì phạm Ba-dật-đề. Nếu ở trên lầu gác, chỗ để giường chắc chắn không rơi xuống dưới gác thì không phạm; nếu chân giường không nhọn cũng không phạm; nếu chân giường nhọn mà không dùng sức lực để ngồi nằm lên thì không phạm. Thể của giới này là phải ở trên lầu gác, chân giường nhọn, chỗ để giường không chắc chắn lại còn dùng sức lực ngồi nằm lên mới phạm Ba-dật-đề. Pháp của tỳ-kheo ngồi hay nằm đều phải nhẹ nhàng và thận trọng, nếu không sẽ làm người khác bị thương và tự hoại oai nghi phạm Đột-kiết-la.

19. Nhân duyên kết giới thứ mười chín:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Ba-dật-đề, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Luận về sát sanh có ba loại:

Một là vì tham lông, sừng và da thịt mà sát sanh; hai là vì oan ghét hay hận thù mà sát sanh; ba là không vì tham lợi cũng không vì oán thù mà vì ngu si nên sát sanh. Trong giới này Xiển-na dùng nước có trùng là vì ngu si mà sát sanh. Có tất cả bốn giới sát sanh, trong bốn giới, giới này được kết đầu tiên; sau khi Phật chế giới không được dùng nước có trùng tưới lên cỏ, bùn đất; Xiển-na

dùng nước có trùng uống dùng. Sau khi Phật chế giới không được dùng nước có trùng uống dùng, Xiển-na cố ý giết súc sanh; sau khi Phật chế giới không được cố ý giết súc sanh lại giết người. Do sự việc khác nhau nên phân làm bốn giới kết tội trọng khinh khác nhau. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo dùng nước có trùng tưới lên cỏ, bùn đất; tùy dùng nước nhiều hay ít đều phạm Ba-dật-đề. Nếu muốn làm chỗ ở, Tỳ-kheo nên xem xét kỹ nước ở nơi đó có trùng hay không; nên dùng vải dày khoảng một khuỷu tay để làm đãy lượt nước, lượt nước xong nên đưa nước đã lượt ra chỗ có ánh sáng mặt trời xem còn trùng hay không, nếu thấy vẫn còn trùng thì nên lượt nước lại lần thứ hai; nếu lượt nước đến lần thứ ba mà vẫn còn trùng thì không nên ở chỗ này.

-oOo-

TÁT BÀ ĐA TỲ NI TỲ BÀ SA

QUYỂN 7

6. Nhân Duyên Kết Chín Mươi Ba-Dật-Đề (Tiếp Theo):

20. Nhân duyên kết giới thứ hai mươi:

Giới này bất cọng với Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo phạm Ba-dật-đề, bốn chúng kia phạm Đột-kiết-la. Xiển-na làm chùa, ngay ngày làm vừa xong, chùa liền sụp đổ; làm chùa lớn này đã tốn hết ba mươi vạn tiền và ra công sức rất nhiều. Lúc đó các Tỳ-kheo phải thuyết pháp an ủi đàn việt rằng: "Chùa tuy sụp đổ nhưng công đức được thành tựu vì khi chùa chưa sụp đổ, Phật đã vào trong chùa trước và như vậy tức là đã thọ dụng. Phật là phước điền vô thượng, Phật đã thọ dụng thì công đức sâu rộng không thể suy lường". Có thuyết cho là khi chùa mới hoàn thành, có một Tỳ-kheo kheo trẻ tuổi có giới đức thanh tịnh đã vào trong chùa, Tỳ-kheo trẻ tuổi có giới đức thanh tịnh này chính là Phật. Nếu xây cất hàng ức lầu gác với vô số phòng đủ thứ trang nghiêm, chỉ cần có một Tỳ-kheo giới đức thanh tịnh tạm thời thọ dụng cũng hoàn tất ơn của thí chủ. Vì sao, vì Phật đã tu hạnh bồ tát từ vô

lượng kiếp, đến nay được thành Phật đạo mới đem Ba-la-đề-mộc-xoa truyền dạy cho chúng sanh. Ba-la-đề-mộc-xoa không phải là pháp thế gian mà là ly thế gian hướng đến Niết-bàn. Tất cả phòng xá, ngọa cụ, thức ăn uống… đều là pháp thế gian, không phải là pháp thế gian khó được; cho nên một Tỳ-kheo giới đức thanh tịnh tạm thời thọ dụng cũng hoàn tất được ơn của thí chủ. Nếu làm phòng xá mới cho Tăng cho đến xây tháp đúc tượng, đào giếng, làm cầu… thì công đức của người này thường sanh trong tất cả thời, trừ ba nhân duyên: Một là việc đã bị hủy hoại từ đời trước, hai là khi người này qua đời, ba là nếu khởi tâm tà ác; nếu không có ba nhân duyên này thì phước đức thường sanh. Phật trước đã vào trong chùa mới xây này và đã kinh hành lên xuống qua lại nên khiến cho công đức của thí chủ không trống không; Phật lại dùng thần lực cảm các đệ tử theo thứ lớp thuyết pháp để an ủi đàn việt.

Luận về pháp làm phòng xá có ba bậc thượng trung hạ và pháp lợp phòng xá của mỗi bậc cũng tự có giới hạn của nó. Nếu làm phòng xá bậc hạ mà dùng pháp lợp của phòng bậc thượng, bậc trung thì sẽ bị đè nặng và vì muốn mau xong nên mới sụp đổ thì phạm Ba-dật-đề. Nếu làm phòng xá bậc trung mà dùng pháp lợp của phòng bậc thượng, cũng giống như trên phạm Ba-dật-đề; nếu dùng pháp lợp của phòng bậc trung, bậc hạ mà muốn

mau xong thì khi vừa làm xong liền phạm Ba-dật-đề; nếu không vội xây tường vách cho mau xong thì không phạm.

21. Nhân duyên kết giới thứ hai mươi mốt:

Lúc đó Phật bảo các Tỳ-kheo: "Ta giáo hóa bốn chúng rất mệt nhọc". Hỏi: Phật đã được thân Na la diên nên thân không mệt nhọc; lại được mười lực, bốn Vô sở úy, đại từ đại bi nên tâm không mệt nhọc, vì sao Phật lại nói mệt nhọc?

Đáp: Phật không có mệt nhọc nhưng thuận theo pháp thế tục mà nói là mệt nhọc. Như người cha biết con có thể đảm đương gánh vác việc nhà, tuy còn sức lực vẫn muốn giao phó sự nghiệp lại cho con nên nói với con rằng: "Nay cha đã già nua, tất cả việc trong nhà con nên biết hết". Phật cũng vậy, vì muốn các đệ tử đảm đương việc truyền trao giáo pháp nên thuận theo pháp thế gian mà nói là mệt nhọc. Trong giới này Phật bảo các đệ tử theo thứ lớp giáo giới Ni chúng, một là hiển bày không có bỏn xẻn pháp, hai là hiển bày Phật và các đệ tử có tri kiến đồng nhau, ba là muốn hiển bày công đức trí huệ của tỳ-kheo Bàn-đặc, bốn là vì các Tỳ-kheo có nhân duyên với Ni chúng nên thọ việc giáo giới này.

22. Nhân duyên kết giới thứ hai mươi hai:

Nan-đà: Vị này không phải là Nan-đà em của Phật. Thuở xưa ở thành Duy vệ có Phật ra đời giáo

hóa chúng sanh, sau khi Phật diệt độ có một vị vua xây tháp bằng Ngưu đầu chiên đàn với đủ thứ trang nghiêm; năm trăm phu nhân của vua khi cúng dường tháp đã cùng phát nguyện rằng: "Nguyện cho chúng con đời sau được giải thoát từ bên vị vua này". Vị vua thuở đó chính là Nan-đà ngày nay, năm trăm phu nhân thuở đó chính là năm trăm Tỳ-kheo-ni ngày nay, do bổn nguyện xưa nên năm trăm Tỳ-kheo-ni này được giải thoát từ tôn giả Nan-đà. Trong giới này, nếu thuyết pháp cho Ni đến khi mặt trời lặn thì phạm Ba-dật-đề, vì hoại oai nghi nên phạm Đột-kiết-la. Nếu quở trách người thuyết pháp cho Ni thì phạm Ba-dật-đề, vì hoại oai nghi nên cũng phạm Đột-kiết-la.

Nói kệ Câu-ma-la: Có ngôi nhà tên là Câu-ma-la vì người chủ nhà tên là Câu-ma-la; lại do Phật ở trong ngôi nhà này nói kệ Câu-ma-la khiến cho chư thiên được Kiến đế.

23. Nhân duyên kết giới thứ hai mươi ba: Trong bản sao chép thiếu mất nhân duyên kết giới này.

24. Nhân duyên kết giới thứ hai mươi bốn:

Nếu không hẹn mà ngẫu nhiên cùng đi trên đường thì nên bảo đi cách xa nhau ở chỗ mà không nghe được tiếng nói của nhau, nếu nghe được thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Ni (ba chúng ni) hẹn với Tỳ-kheo, Tỳ-kheo không nhận lời hoặc Tỳ-kheo hẹn với Ni, Ni không nhận lời, nếu nghe được tiếng

nói của nhau thì phạm Đột-kiết-la. Đi đường thủy cũng giống như vậy. Giới này bất cọng, Ni (ba chúng ni) hẹn cùng đi chung đường với Tỳ-kheo thì phạm Đột-kiết-la. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo hẹn đi chung đường với Ni, từ một tụ lạc đến một tụ lạc thì phạm Ba-dật-đề; nếu giữa đường quay trở về thì phạm Đột-kiết-la. Nếu hẹn cùng đi đến chỗ đồng trống không có tụ lạc cho đến một Câu-lô-xá (năm trăm cung) thì phạm Ba-dật-đề, giữa đường quay trở về thì phạm Đột-kiết-la. Đi đường thủy cũng giống như vậy.

Đại chúng đã đi trước: Phật chứng A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề với thân Tỳ-kheo, ở trong bốn chúng Tỳ-kheo là thượng thủ nên gọi là đại chúng. Trừ nhân duyên: Là nếu trên đường đi có nhiều chỗ nghi sợ nên cần có nhiều bạn cùng đi, nhiều bạn là có hai, ba cư sĩ cùng đi, nhưng nếu hẹn cùng đi thì phạm Đột-kiết-la, như thế cho đến có trăm ngàn bạn cùng đi cũng vậy; nếu không hẹn mà cùng đi thì không phạm. Đi đường thủy cũng vậy. Nếu hẹn cùng đi với nhiều Ni thì phạm một Ba-dật-đề, không hẹn cùng đi thì không phạm; nếu có phu nhân của vua cùng đi thì không phạm, dù có phu nhân mà cùng hẹn nhau thì phạm Đột-kiết-la.

25. Nhân duyên kết giới thứ hai mươi lăm:

Giới này bất cọng, Ni (ba chúng ni) hẹn cùng đi chung thuyền với Tỳ-kheo thì phạm Đột-kiết-la.

Tướng phạm trong giới này là nếu một Tỳ-kheo hẹn đi chung thuyền với một Ni (trong ba chúng ni) thì phạm một Ba-dật-đề; nếu hẹn với bốn Ni thì phạm bốn Ba-dật-đề, tùy hẹn với bao nhiêu Ni thì phạm Bấy nhiêu Ba-dật-đề; nếu bốn Tỳ-kheo hẹn đi chung thuyền với một Ni thì mỗi Tỳ-kheo phạm một Ba-dật-đề, tùy có bao nhiêu Ni thì phạm bấy nhiêu Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo hẹn đi chung thuyền trên sông với Ni, từ một tụ lạc đến một tụ lạc thì phạm Ba-dật-đề; nếu giữa đường quay trở về thì phạm Đột-kiết-la. Nếu hẹn cùng đi đến chỗ đồng trống không có tụ lạc cho đến một Câu-lô-xá (năm trăm cung) thì phạm Ba-dật-đề, giữa đường quay trở về thì phạm Đột-kiết-la.

Nếu không hẹn nhau thì không phạm, lại nữa, nếu qua đò ngang hoặc qua đó ngang sợ nước cuốn trôi, hoặc qua đó ngang mà bờ phía trước bị sụp lở… thì không phạm. Lại nữa, nếu đi đường bộ có nghi sợ nên hẹn cùng đi đường thủy hoặc trên thuyền có nhiều cư sĩ thì không phạm.

26. Nhân duyên kết giới thứ hai mươi sáu:

Giới này bất cọng, Tỳ-kheo cho Ni không phải bà con (ba chúng ni) y và bát đúng lượng thì phạm Ba-dật-đề, Sa-di phạm Đột-kiết-la; ba chúng ni cho Tỳ-kheo không phải bà con y thì phạm Đột-kiết-la. Trong năm loại y phấn tảo nếu đem cho ba loại y (y bị bò nhai, chuột gặm, y bị cháy) thì phạm Ba-dật-đề; cho hai loại y (y dơ do nam nữ giao hội và

y dơ của phụ nữ khi sanh) thì phạm Đột-kiết-la. Nếu cho cư sĩ y đúng lượng thì phạm Ba-dật-đề, vì đã nhuộm màu như pháp; nếu cho y có màu sắc như pháp cũng phạm Ba-dật-đề, vì đã nhuộm như pháp. Nếu Hai Tỳ-kheo cùng cho Ni một y hoặc đem một y cho hai Ni đều phạm Đột-kiết-la; nếu cho y bát không đúng lượng, hoặc cho các khí vật như kiền tư, muỗng… cho đến một thước một tấc vải, một cái bánh, một trái cây đều phạm Đột-kiết-la. Trừ khi đánh kiền chùy, Tăng theo thứ lớp cho thức ăn thì không phạm.

Tướng phạm trong giới này là nếu đem y cho Ni không phải bà con mà cho là bà con thì phạm Ba-dật-đề, tức là trường hợp chị em xa cách lâu ngày, thời gian sau gặp người khác lại cho là bà con; hoặc mẹ kế tư thông với người khác sanh ra trai hay gái, hoặc trước đó đã mang thai nay sanh ra trai hay gái… do nhân duyên này mà tưởng là bà con. Nếu đem y cho Ni không phải bà con mà sanh nghi không biết có phải là bà con hay không, cũng phạm Ba-dật-đề. Nếu đem y cho Ni là bà con mà cho là không phải bà con thì phạm Đột-kiết-la, tức là trường hợp chị em xa cách lâu ngày, thời gian sau gặp lại tưởng không phải là bà con, hoặc cha mẹ có con riêng bên ngoài, hoặc mẹ kế mang thai sau đó đến nhà khác sanh ra trai hay gái, hoặc cha tư thông với người giúp việc trong nhà sau sanh ra trai hay gái… Nếu đem y cho ni là bà con

mà sanh nghi không biết có phải là bà con hay không thì phạm Đột-kiết-la; nếu cho y bất tịnh tức là dệt bằng lông lạc đà, lông bò, lông tạp… thì phạm Đột-kiết-la.

27. Nhân duyên kết giới thứ hai mươi bảy:

Giới nay bất cọng, Ni (ba chúng ni) may y cho Tỳ-kheo không phải bà con thì phạm Đột-kiết-la. Tướng phạm trong giới này là Tỳ-kheo may y cho Ni không phải bà con, tùy trong mỗi mỗi việc đều phạm Ba-dật-đề; khi cắt rọc thì phạm Đột-kiết-la; khi may, mỗi mũi kim đều phạm Ba-dật-đề; may mũi thẳng hoặc may dây móc y hoặc may đường viền thì phạm Đột-kiết-la. Nếu may y cho Ni là bà con thì không phạm. May y trong giới này là y đúng lượng; nếu may y cho cư sĩ hoặc may y có màu sắc phi pháp cũng phạm Ba-dật-đề. Trong năm loại y phấn tảo nếu may ba loại y (y bị bò nhai, chuột gặm, y bị cháy) thì phạm Ba-dật-đề; may hai loại y (y dơ do nam nữ giao hội và y dơ của phụ nữ khi sanh) thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Ni sai sứ đem y tài đến đưa cho Tỳ-kheo may, Tỳ-kheo may thì phạm Đột-kiết-la; nếu bảo người khác may cũng phạm Đột-kiết-la; nếu Hai Tỳ-kheo cùng may một y cho Ni thì phạm Đột-kiết-la; may y không đúng lượng thì phạm Đột-kiết-la; may y bất tịnh tức là y dệt bằng lông lạc đà… cũng phạm Đột-kiết-la.

28. Nhân duyên kết giới thứ hai mươi tám:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Ba-dật-đề, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Nói cùng ngồi ở chỗ khuất là chỗ không có xâu hổ, có thể cùng làm việc dâm; một mình ngồi cùng với Ni là không có người thứ ba. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo một mình cùng ngồi với Ni (ba chúng ni) ở chỗ khuất thì phạm Ba-dật-đề; đứng lên rồi ngồi trở xuống cũng phạm Ba-dật-đề, tùy đứng lên rồi ngồi xuống bao nhiêu lần thì phạm bấy nhiêu Ba-dật-đề.

29. Nhân duyên kết giới thứ hai mươi chín:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Ba-dật-đề, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la; Tỳ-kheo nếu ngồi cùng thạch nữ hay bé gái thì phạm Đột-kiết-la. Giới trên và giới này cùng hai giới ở trong nhà ăn, giới ngủ cùng phòng với người chưa thọ giới quá hai đêm, giới ngủ đêm cùng nhà với người nữ, tổng cọng là sáu giới đều là chế ngăn cơ hiềm nhưng nghĩa có khác. Bốn giới trước khi chỉ có hai người, không có người thứ ba mới thành tội và phạm vào ban ngày; hai giới sau dù trong phòng có nhiều người vẫn thành tội và phạm vào ban đêm. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo một mình cùng ngồi với Ni (ba chúng ni) ở chỗ trống trải thì phạm Ba-dật-đề; đứng lên rồi ngồi trở xuống cũng phạm Ba-dật-đề, tùy đứng lên rồi ngồi xuống bao nhiêu lần thì phạm bấy nhiêu Ba-dật-đề. Nếu ngồi cách nhau một tầm thì

phạm Ba-dật-đề, cách nhau một tầm rưỡi thì phạm Đột-kiết-la; cách nhau hai tầm hoặc hơn thì không phạm.

30. Nhân duyên kết giới thứ ba mươi:

Giới này bất cọng với Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo phạm Ba-dật-đề, Sa-di phạm Đột-kiết-la. Thể của giới này là nếu Tỳ-kheo-ni thiên tư khen ngợi công đức trí huệ của tỳ-kheo với đàn việt để Tỳ-kheo được cúng thức ăn ngon thì Tỳ-kheo phạm Ba-dật-đề; nhờ hai chúng ni kia mà được thức ăn ngon cũng phạm Ba-dật-đề.

Thỉnh các tôn giả như Đại Ca-diếp, Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, A-na-luật: Có năm hạng người có thể làm phước điền hiện đời cho chúng sanh: Một là người được Kiến đế, hai là người được Đại tận trí, ba là người được Diệt tận định, bốn là người được bốn tâm vô lượng và năm là người được Vô tránh tam muội. Người được Kiến đế sở dĩ có thể làm phước điền hiện đời cho chúng sanh, vì từ vô thỉ đã bị tà kiến não loạn nay được Kiến đế liền diệt hết năm tà không còn sót, lòng tin bất hoại đến nay mới được thành tựu. Người được Đại tận trí sở dĩ có thể làm phước điền hiện đời cho chúng sanh, vì từ vô thỉ đã bị ngu si ái dục và kiêu mạn não loạn, nay được Đại tận trí liền diệt hết ba cấu. Người được Diệt tận định khi nhập định phải theo thứ lớp từ Sơ thiền cho đến Phi tưởng xứ, khi xuất định phải theo thứ lớp ngược lại từ Phi tưởng

xứ cho đến Sơ thiền, do tâm tự tại qua các thiền nên công đức lực rất sâu và khi xuất định giống như từ Niết-bàn đến, nên có thể làm phước điền hiện đời cho chúng sanh. Người được bốn tâm vô lượng đưa tâm duyên với vô biên chúng sanh để ban vui cứu khổ và làm lợi ích cho tất ca, nên có thể làm phước điền hiện đời cho chúng sanh. Tam muội vô tránh là tam muội của thế tục, không thuộc loại tam muội vô lậu tránh. Có ba loại tránh là phiền não tranh, ngũ ấm tránh va đấu tránh; tất cả A-la-hán đã đoạn hết phiền não tránh và đấu tránh nhưng chưa diệt hết ngũ ấm tránh, nên chỉ có thể tự mình không tranh cãi nhưng không thể khiến người khác không sanh tranh cãi. Người nhập tam muội vô tránh có thể diệt được loại tránh này, có thể khiến cho kia đây không tranh cãi nên có thể làm phước điền hiện đời cho chúng sanh.

Lúc đó Tỳ-kheo-ni hỏi vợ cư sĩ là thỉnh những ai, liền đáp tên các Tỳ-kheo được thỉnh, nếu ni bảo vợ cư sĩ nấu cơm gạo thơm. Tô, canh đậu, làm thịt gà, thịt chim cút… cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ăn thức ăn này thì phạm Ba-dật-đề; cho đến ni bảo thêm ít gừng vào trong thức ăn cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ăn thì phạm Đột-kiết-la. Thể của giới này là do Ni tán thán công đức của một Tỳ-kheo với tâm thiên vị, bất luận Tỳ-kheo đó là là phàm hay thánh, nếu ăn thức ăn này thì phạm Ba-dật-đề. Nếu ni không khen ngợi công đức của tỳ-kheo với tâm thiên vị

mà chỉ nói rằng: "Cúng dường Sa-môn sẽ được phước", vì chỉ nói được phước của bố thí nên Tỳ-kheo ăn thức ăn này không phạm.

31. Nhân duyên kết giới thứ ba mươi mốt:

Giới này bất cọng với Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo phạm Ba-dật-đề, bốn chúng kia phạm Đột-kiết-la. Lúc đó có một Tỳ-kheo vào tháng mùa thu mắc bịnh nóng lạnh không ăn uống được, do ở Thiên trúc tám đêm cuối mùa Đông và tám đêm đầu mùa Xuân là lúc thạnh đông nên trời rất lạnh. Có thuyết nói do mặt trời vận hành ở chỗ thấp, ánh sáng chiếu xuống mặt đất ít nên trời rất lạnh, do khí tiết Đông và Xuân giao tranh nên nhiều người mắc bịnh lạnh. Ngược lại vào tám ngày cuối Xuân và tám ngày đầu Hạ, do mặt trời ở ngay trên cao nên ánh sánh chiếu xuống tỏa rộng nên khí trời rất nóng và rất nhiều người mắc bịnh nóng. Vào tám ngày cuối Hạ và tám ngày đầu của mùa Đông, khí trời lại không nóng không lạnh, do mặt trời vận hành ở chỗ không cao không thấp nên khi trời lúc nóng lúc lạnh khiến nhiều người mắc bịnh nóng lạnh. Ví làm lợi ích cho các Tỳ-kheo nên Phật cho ăn ba loại thức ăn đầy đủ sắc hương vị thơm ngon. Tỳ-kheo bị bịnh được thọ một chỗ thỉnh, không nên thọ hai chỗ thỉnh; nếu thọ một chỗ thỉnh ăn chưa no thì được thọ hai chỗ thỉnh, không nên thọ ba chỗ thỉnh; nếu thọ hai chỗ thỉnh mà ăn chưa no thì được thọ ba chỗ thỉnh, không nên thọ bốn chỗ thỉnh; nếu thọ ba

chỗ thỉnh vẫn ăn chưa no thì được thọ rồi ăn dần dần đến giờ ngọ. Tỳ-kheo nếu ăn nhiều lần thì phạm Ba-dật-đề, trừ thời nhân duyên tức là khi bịnh, vì bịnh nhờ ăn mới bớt nên cho ăn nhiều lần và khi có người cúng y. Tướng phạm trong giới này là nếu ở chỗ này thỉnh có y và thức ăn, ở chỗ kia cũng có y và thức ăn, đến đó thọ thỉnh và ăn đều không phạm. Nếu ở chỗ này thỉnh có y và thức ăn, ở chỗ kia không có y và thức ăn mà đến đó thọ thỉnh thì không phạm, nhưng ăn thì phạm Ba-dật-đề. Nếu ở chỗ này thỉnh có y và thức ăn, ở chỗ kia có y nhưng không có thức ăn, đến đó thọ thỉnh thì không phạm nhưng ăn thì phạm Ba-dật-đề. Nếu ở chỗ này thỉnh không có y và thức ăn , ở chỗ kia cũng không có y và thức ăn, đến đó thọ thỉnh thì phạm Đột-kiết-la, ăn thì phạm Ba-dật-đề. Nếu ở chỗ này thỉnh không có y và thức ăn, ở chỗ kia có y và thức ăn, đến đó thọ thỉnh thì phạm Đột-kiết-la nhưng ăn thì không phạm. Nếu ở chỗ này thỉnh không có y và thức ăn, ở chỗ kia có y nhưng không có thúc ăn, đến đó thọ thỉnh thì phạm Đột-kiết-la, ăn thì phạm Ba-dật-đề. Nếu ở chỗ này thỉnh có y hoặc không có y và thức ăn , ở chỗ kia cũng có y hoặc không có y và thức ăn, đến đó thọ thỉnh thì phạm Đột-kiết-la, ăn thì phạm Ba-dật-đề. Nếu ở chỗ này có y hoặc không có y và thức ăn, ở chỗ kia có y và thức ăn, đến đó thọ thỉnh thì phạm Đột-kiết-la, ăn thì phạm Ba-dật-đề. Nếu ở chỗ này có y

hoặc không có y và thức ăn, ở chỗ kia không có y và thức ăn, đến đó thọ thỉnh thì phạm Đột-kiết-la, ăn thì phạm Ba-dật-đề. Không phạm là nếu ở chỗ này thỉnh được nhiều y và có thức ăn, những chỗ khác cũng có y và thức ăn thì đến đó không phạm. Vào những ngày có lễ hội các Tỳ-kheo được ăn nhiều lần, nếu được hai chỗ thỉnh thực thì nên cho người khác một chỗ thỉnh, còn một chỗ thỉnh tự mình thọ. Vào những ngày trai như ngày mồng một và ngày mười sáu hằng tháng, đàn việt thỉnh Tăng hay thỉnh Tăng ở phòng riêng hay thỉnh một người thì được cho người khác; nếu đàn việt thỉnh năm chúng thì không được cho người khác. Nếu ở chỗ này thỉnh có y và thức ăn, ở chỗ kia thỉnh có y nhưng không có thức ăn, đến đó thọ thỉnh thì không phạm. Nếu ra đến bên ngoài có đàn việt thỉnh đến nhà thọ thực sẽ cúng dường y, đến đó thọ thỉnh thì không phạm, ăn cũng không phạm. Hễ có hai chỗ thỉnh thì chỉ được thọ một chỗ, mất một chỗ; nếu muốn thọ cả hai chỗ thì phạm và không phạm giống như trên đã nói.

32. Nhân duyên kết giới thứ ba mươi hai:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Ba-dật-đề, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo thọ quá một bữa ăn ở nhà phước đức thì phạm Ba-dật-đề, ngủ lại quá một đêm thì phạm Đột-kiết-la; nếu ngủ đêm ở chỗ khác nhưng ăn ở chỗ này thì

phạm Ba-dật-đề. Nếu không bịnh mà ăn ở chỗ này quá một bữa ăn thì phạm Ba-dật-đề; bịnh là cho đến đi từ một tụ lạc đến mà bị thương đều gọi là bịnh. Không phạm là ngủ lại một đêm và ăn một bữa, nếu bịnh hoặc chủ của nhà phước đức là bà con hoặc đã được thỉnh trước, hoặc vì đợi bạn đến để cùng đi vào đường hiểm, hoặc nhà phước đức đó có nhiều người ở theo thứ lớp trông coi thỉnh ở lại thì đều không phạm. Nhà phước đức cúng một bữa ăn và cho ngủ lại đêm vốn là vì tất cả người xuất gia đệ tử của Phật để cầu được phước sâu dày. Việc ngủ lại đêm thì tất cả người xuất gia, tại gia, Sa-môn, Bà-la-môn đều không ngăn, nhưng thọ một bữa ăn thì chỉ dành cho người xuất gia; tại gia thì không nhất định, có thể cho có thể không cho.

33. Nhân duyên kết giới thứ ba mươi ba:

Hễ chúng sanh khởi phiền não và phát điên đều là do bị mất cái mà họ yêu thích sâu nặng trước đó, muốn giáo hóa họ Phật phải dùng thần thông lực và tâm từ làm cho họ hết phiền não rồi mới thuyết pháp khiến họ được lợi ích. Có tất cả mười ba trường hợp như thế:

Một là trường hợp cha của cô gái mắt lé đến chỗ Phật với tâm giận dữ, Phật khởi tâm từ và dùng thần thông lực khiến cho tâm sân được trừ diệt rồi mới thuyết pháp cho nghe.

Hai là trường hợp một trưởng giả ở nước Xá-

vệ, ông có một đứa con trai rất mực yêu thương nhưng đứa con này lại chết hồi con bé, sau đó lại bị mưa đá và sương móc làm hư hại hết mùa màng nên ông điên loạn. Phật khởi tâm từ và dùng thần thông lực khiến ông hết điên rồi thuyết pháp khiến ông được Kiến đế.

Ba là trường hợp một Bà-la-môn có sáu người con khôi ngô tuấn tú nhưng cùng một lúc cả sáu người con này đều chết, ông trở nên điên cuồng và đi lang thang khắp nơi. Phật khởi tâm từ và dùng thần thông lực hóa làm sáu người con đứng ở trước Phật, trưởng giả này thấy rồi sanh tâm hoan hỉ liền hết điên cuồng, Phật liền thuyết pháp khiến ông được Kiến đế.

Bốn là trường hợp vua A-xà-thế cho voi uống rượu say để đến giẫm chết Phật, Phật khởi tâm từ và dùng thần thông lực hóa làm hầm lửa, năm ngón tay hóa làm năm sư tử chúa khiến cho voi say kinh sợ quỳ xuống đảnh lễ Phật, Phật đưa tay sờ đầu voi, sau khi voi chết được sanh lên lên cõi trời.

Năm là trường hợp Ưu-ba-tư-na đến chỗ Phật với tâm sân giận, Phật khởi tâm từ và dùng thần thông lực khiến trở thành rắn độc ở hai bên đường để người này ngộ được do tâm sân độc sẽ bị đọa trong loài rắn. Vì sợ hãi nên tâm sân độc liền trừ diệt.

Sáu là trường hợp vua Lưu-ly chinh phạt nước

Xá-di, bắt những người họ Thích đem chôn sống. Phật khởi tâm từ và dùng thần thông lực hóa ra vườn rừng ao tắm để họ được hoan hỷ. Đối với các cô gái họ Thích thì vua Lưu ly đưa vào trong cung để cùng vui hưởng hoan lạc mừng chiến thắng. Các cô gái họ Thích nói: "Những người họ Thích đều là bậc Hiền thánh không đấu tranh với chung sanh nên nhà vua mới được thắng. Nếu không như thế thì chỉ một người trong dòng họ Thích chiến đấu với vua, vua cũng không thể nào thắng được", vua Lưu ly nghe rồi liền nổi giận ra lịnh chặt hết tay chân rồi ném xuống hào. Phật khởi tâm từ và dùng thần thông lực khiến họ được tay chân lại như cũ rồi thuyết pháp khiến họ được Kiến đế.

Bảy là khi Phật ngồi dưới cội bồ đề, Ma vương cùng vô số binh chúng đến muốn hại Phật, Phật dùng thần thông lực để thu phục các ma, tùy hình dạng của chúng mà biến hóa như hóa làm sư tử để thu phục hổ, hóa làm chim cánh vàng để thu phục rồng, hóa làm Tỳ Sa-môn thiên vương để thu phục Dạ-xoa.

Tám là trường hợp Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên vì không chịu đựng được khi thấy Phật sắp nhập Niết-bàn nên nhập Niết-bàn trước Phật, bảy vạn A-la-hán cũng đồng thời nhập Niết-bàn khiến cho bốn bộ chúng thảy đều hoang mang tán loạn. Phật dùng thần thông lực hóa làm hai vị đại đệ tử đứng hai bên Phật, khiến cho mọi người sanh

hoan hỉ dứt hết ưu phiền rồi mới thuyết pháp khiến họ được lợi ích.

Chín là trường hợp một cư sĩ mà Phật thọ ký là bảy ngày nữa sẽ qua đời và bị đọa địa ngục. A-nan đến nói lại lời Phật đã thọ ký nhưng vì người này đắm nhiễm thế lạc sâu nặng nên không để vào tai, chỉ lo hưởng dục lạc. A-nan thấy ngày chết gần đến liền dùng thần lực đưa đến chỗ Phật bắt ép xuất gia, Phật tùy nghi thuyết pháp khiến người này được chứng quả.

Mười là trường hợp một trưởng giả hết sức thương yêu đứa con một, không may nó bị voi giẫm chết khiến trưởng giả trở nên điên loạn đi lang thang khắp nơi. Phật khởi tâm từ và dùng thần thông lực hóa làm đứa con khiến trưởng giả nhìn thấy liền hết điên cuồng, Phật vì thuyết pháp khiến trưởng giả phát khởi nhân duyên Phật Bích chi.

Mười một là trường hợp một ròng nữ đến chỗ Phật với tâm sân, Phật dùng tâm từ cảm hóa khiến dứt tâm sân rồi thuyết pháp khiến rồng thọ pháp Tam quy.

Mười hai là trường hợp chim bồ câu núp vào bóng của Phật liền thấy yên ổn, không dao động nữa.

Mười ba là trường hợp một Tỳ-kheo bịnh, Phật tự tay tắm rửa cho rồi thuyết pháp khiến vị này được chứng quả A-la-hán.

Pháp của cư sĩ ở Thiên trúc là sáng sớm làm thức ăn xong, chia một phần thức ăn để riêng một chỗ để cúng dường cho Tỳ-kheo khất thực. Pháp của Tăng ở Thiên trúc là khi đi khất thực đều phân chia Tỳ-kheo này thì chỗ này, Tỳ-kheo kia đến chỗ kia, Tỳ-kheo nọ đến chỗ nọ… để tất cả đều được lợi. Nếu thí chủ trước đã dành sẵn một thăng cơm và thức ăn để cúng cho Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo nên thọ một thăng, không được xin thêm; nếu xin thêm mà được một bát nhỏ nữa thì phạm Ba-dật-đề, xin thêm mà không được thì phạm Đột-kiết-la. Nếu thí chủ đã dành sẵn một bát lớn cơm và thức ăn và đã cúng hết cho Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo không được xin thêm, nếu xin thêm mà được thì phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo khất thực được thức ăn rồi thì không nên ra ngoài cho Tỳ-kheo khác; thức ăn này, nếu có thể ăn hết thì thôi, nếu không thể ăn hết thì tùy ý phân xử. Nếu thí chủ đã dành sẵn ba bát cơm và thức ăn và đem cúng hết cho Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo nên lượng theo bụng mình mà thọ, phần còn lại không thọ thì khi ra bên ngoài thấy có Tỳ-kheo nào khất thực liền chỉ chỗ cho vị ấy đến khất thực, nếu không chỉ chỗ thì phạm Đột-kiết-la. Nếu lượng bát là bát lớn thì chỉ được thọ một bát, nếu là bát trung thì được thọ hai bát, nếu là bát hạ thì được thọ ba bát. Nếu đàn việt đã dành sẵn một bát lớn và đã cúng hết cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo xin thêm thì phạm Đột-kiết-la, xin thêm được một bát nhỏ nữa thì

phạm Ba-dật-đề. Nếu thí chủ đã dành sẵn một bát nhỏ và đã cúng hết cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo xin thêm thì phạm Đột-kiết-la, nếu xin thêm được cho đến hai bát nhỏ thức ăn nữa cũng phạm Đột-kiết-la, nếu xin thêm được ba bát nhỏ nữa thì phạm Ba-dật-đề. Nếu thí chủ đã dành sẵn hai bát trung và đã cúng hết cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo xin thêm thì phạm Đột-kiết-la, nếu xin thêm mà được một bát nhỏ nữa thì phạm Ba-dật-đề. Nếu thí chủ trước đó không có dành sẵn phần thức ăn thì tùy họ cúng dường nhiều ít mà thọ, không được xin thêm, nếu xin thêm thì phạm Đột-kiết-la; nếu họ cúng một bát nhỏ cơm và thức ăn, Tỳ-kheo xin thêm nếu được hai bát nhỏ nữa thì phạm Đột-kiết-la, nếu được ba bát nhỏ thì phạm Ba-dật-đề. Nếu thí chủ cúng ba bát nhỏ mà xin thêm được một bát nhỏ nữa thì phạm Ba-dật-đề. Nếu đàn việt cúng dường tùy ý, tức là cần bao nhiêu thì cúng bấy nhiêu thì không phạm. Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Ba-dật-đề, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Trong năm đường thì chỉ thọ thức ăn từ loài người quá lượng Phật đã chế mới phạm Ba-dật-đề, từ bốn loài kia thì phạm Đột-kiết-la. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo dùng bát lớn để thọ thức ăn thì chỉ được thọ một bát, không được thọ hơn, nếu thọ hai bát thì phạm Ba-dật-đề. Nếu dùng bát trung để thọ thức ăn thì được thọ đến hai bát, nếu thọ đến ba bát thì phạm Ba-dật-đề . Nếu dùng bát nhỏ để

thọ thức ăn thì được thọ đến ba bát, nếu thọ bốn bát thì phạm Ba-dật-đề.

34. Nhân duyên kết giới thứ ba mươi bốn:

Giới này bất cọng, ba chúng ni không phạm. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo ăn xong đã rời khỏi chỗ ngồi, không thọ pháp dư thực mà ăn nữa thì phạm Ba-dật-đề; trong mười lăm loại thức ăn tùy ăn loại thức ăn nào thì mỗi loại phạm một Ba-dật-đề; nếu cùng một lúc ăn mười lăm loại thức ăn thì chỉ phạm một Ba-dật-đề. Tỳ-kheo muốn thọ pháp dư thực thì tùy món ăn nào muốn ăn nữa nên lấy để vào trong bát rồi đến trước vị Tỳ-kheo nào chưa ăn xong, chưa rời khỏi chỗ ngồi, quỳ gối cầm bát lên bạch rằng: "Trưởng lão nhớ nghĩ, tôi xin thọ pháp dư thực"; nếu vị này không lấy một ít thức ăn trong bát thì không gọi là thọ pháp dư thực. Nếu Tỳ-kheo không cầm bát lên bạch như trên mà để bát ở dưới đất hay để trên đầu gối hoặc quỳ cách xa ở chỗ mà Tỳ-kheo kia không với tay tới bát được thì không gọi là thọ pháp dư thực. Nếu Tỳ-kheo để thức ăn bất tịnh hay thịt bất tịnh vào trong bát để thọ pháp dư thực thì không gọi là thọ. Thức ăn bất tịnh là thức ăn để cách đêm phạm ác tróc và nội túc; thịt bất tịnh là thịt chó, thịt các loài chim dữ như kên kên… Nếu muốn ăn loại thức ăn trong năm Khư-đà-ni mà lấy thức ăn trong năm Bồ-xà-ni để vào bát làm pháp thọ dư thực thì không gọi là thọ. Tóm lại muốn ăn loại thức ăn này mà tác pháp

thọ loại kia thì không thành thọ, thức ăn không thành thọ mà ăn đều phạm Ba-dật-đề. Tác pháp thọ dư thực chỉ được thọ bên Tỳ-kheo, bên bốn chúng kia thì không được; nếu tác pháp thọ bên Thượng tòa thì nên quỳ gối bạch như trên, nếu thọ bên Hạ tòa thì không phải quỳ.

Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Tỳ-kheo có mấy chỗ khi đi được tùy ý, cho đến đứng nằm ngồi có mấy chỗ được tùy ý?", sở dĩ hỏi Phật là vì chưa rõ nghĩa, hỏi để mọi người hiểu rồi thì đi đứng nằm ngồi không ngại nữa. Cho nên sau khi Phật giải thích rõ nghĩa rồi thì các đệ tử đều cung kính làm theo, như sau khi được vua phong, tùy ý đi đến bốn cửa ải không ai dám ngăn cản. Lại nữa, Phật đối với pháp tự tại, trong ba ngàn đại thiên thế giới không ai sánh bằng; Ưu-ba-ly đối với luật tự tại, trong cõi Diêm phù đề không ai sánh kịp, tôn giả hỏi Phật đáp thì nghĩa lý đều cùng tận. Lúc đó Phật bảo Ưu-ba-ly: "Tỳ-kheo có năm chỗ khi đi được tùy ý, đó là biết đi, biết cúng dường, biết nên thọ, biết loại thức ăn và biết hoại oai nghi hay không hoại; đứng nằm ngồi cũng giống như thế". Như Tỳ-kheo khi đi súc miệng, nếu có thí chủ cúng dường năm loại thức ăn muốn thọ pháp dư thực thì gọi là khi đi nên thọ pháp dư thực, không phải khi đứng, nằm hay ngồi; nếu thọ trái thời thì không gọi là thọ, ăn thì phạm Ba-dật-đề. Không phạm là nếu Tỳ-kheo nói đợi một chút hoặc nói trời còn sớm hoặc dặn trao các

món muốn ăn, được dặn trao cho năm chúng và bạch y hiểu pháp. Nếu người này tác pháp thọ dư thực mà người khác ăn thì không thành thọ. Biết đi là biết khi đi; biết cúng dường là biết người trước mặt cúng thức ăn cho mình; biết nên thọ là biết nên hay không nên thọ thức ăn này; biết các loại thức ăn là biết phân biệt thuộc loại thức ăn nào; biết hoại oai nghi là biết khi đi nên thọ pháp dư thực như thế là hoại hay không hoại oai nghi.

35. Nhân duyên kết giới thứ ba mươi lăm:

Giới này bất cọng với Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo phạm Ba-dật-đề , bốn chúng kia không phạm. Thể của giới này là nếu Tỳ-kheo không dặn trao thức ăn, không thọ pháp dư thực, vì tâm sân giận muốn xúc não người khác nên cưỡng ép ăn, người kia ăn thì Tỳ-kheo phạm Ba-dật-đề, người kia không ăn thì Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo thấy Tỳ-kheo khác ăn xong, không dặn trao thức ăn mà tự ý mời ăn, trong mười lăm loại thức ăn tùy ăn loại thức ăn nào thì Tỳ-kheo này phạm Ba-dật-đề. Tất cả loại thực phẩm như lúa gạo, nếp… chưa nấu thành món ăn thì gọi là tợ thực, nếu nấu thành món ăn mới gọi là chánh thực.

36. Nhân duyên kết giới thứ ba mươi sáu:

Giới này là cọng giới với Tỳ-kheo-ni, ba chúng dưới không phạm. Khi Tăng thọ thực nên làm một

trong bốn hiệu lịnh: Một là đánh kiền chùy, hai là thổi tù và, ba là đánh trống, bốn là xướng lịnh để người trong đại giới nghe biết. Bốn loại hiệu lịnh này nên có hạn định thường, không được khi thì đánh kiền chùy, khi thì thổi tù và… nếu không có thường định sẽ khiến cho việc trở nên lộn xộn, không thành tăng pháp. Nếu Tăng không làm một trong bốn hiệu lịnh trên mà thọ thực thì thức ăn đó trở thành không thanh tịnh, gọi là ăn trộm của tăng-kỳ. Bất luận trong giới có Tỳ-kheo hay không có Tỳ-kheo, nhiều hay ít, ngăn hay không ngăn, biết có Tỳ-kheo hay không biết có Tỳ-kheo đều gọi là ăn không như pháp, gọi là ăn trộm của tăng-kỳ nhưng không gọi là ăn biệt chúng. Khi Tăng thọ thực nếu làm một trong bốn hiệu lịnh trên thì trong giới bất luận có Tỳ-kheo hay không có Tỳ-kheo, nhiều hay ít, biết có Tỳ-kheo hay không biết có Tỳ-kheo, đến hay không đến, chỉ cần không ngăn thì tất cả đều không có lỗi; nếu có ngăn thì dù có đánh kiền chùy, thức ăn cũng trở thành không thanh tịnh, gọi là ăn trộm của Tăng-kỳ. Nếu trong giới có hai, ba chỗ, tất cả Tăng đều cùng bố tát mà khi ăn chỉ có một nơi đánh kiền chùy, nếu không ngăn thì tất cả thanh tịnh không có lỗi.

Nếu có thí chủ cúng thức ăn suốt trong một tháng hoặc trong chín mươi ngày, nếu tất cả không ngăn thì tốt, nên vào ngày đầu làm thức ăn đánh kiền chùy xà xướng rằng: "Tỳ-kheo sáu mươi hạ

lạp vào trước", Tỳ-kheo sáu mươi hạ lạp dù nhiều hay ít, chỉ cần một người vào trước tức là thanh tịnh. Nếu không có Tỳ-kheo sáu mươi hạ lạp thì nên xướng người năm mươi chín hạ lạp vào trước, nếu cũng không có thì cứ như thế lần lượt xướng cho đến Sa-di, dù là Sa-di vào cũng là thanh tịnh; nếu cuối cùng cũng không có ai vào vẫn gọi là thanh tịnh. Nếu ngày đầu không xướng như vậy thì mỗi ngày sau đó đều phải xướng cho đến khi có một người vào rồi thì những ngày còn lại có ngăn hay không ngăn cũng không có lỗi. Nếu không làm hai pháp trên, khi ăn bị ngăn thì trong giới dù chỉ có một Tỳ-kheo vì bị ngăn không được ăn, tất cả Tỳ-kheo trong đây đều mắc tội ăn biệt chúng. Nếu thí chủ làm thức ăn suốt chín mươi ngày, ngày đầu xướng như pháp rồi, hết hạn chín mươi ngày lại cúng thêm một tháng hay nữa tháng thức ăn nữa thì do lần trước đã xướng như pháp rồi nên lần này không cần phải xướng lại nữa; chỉ có ngọa cụ trong Tăng phòng thì nên xướng mỗi ngày, nếu không xướng mỗi ngày thì không thanh tịnh.

Nếu thí chủ thỉnh bốn người trở lên thọ thực trong giới mà Tăng bố tát thì nên ở chỗ bố tát theo thứ lớp trong Tăng thỉnh một người hoặc đưa một phần thức ăn, nếu không thỉnh một người hoặc không đưa một phần thức ăn thì phạm Ba-dật-đề. Dù hai hay ba chỗ cũng như vậy, chỗ nào đến chỗ bố tát theo thứ lớp trong Tăng thỉnh một người

hoặc đưa một phần thức ăn thì thanh tịnh tự xử; chỗ nào không thỉnh một người hoặc không đưa một phần thức ăn thì phạm Ba-dật-đề. Nếu thỉnh một người và đưa một phần thức ăn rồi mà từ bên ngoài lại có Tỳ-kheo đến, nếu ngăn không cho ăn thì phạm Ba-dật-đề.

Nếu trong giới tụ lạc không có giới của Tăng mà có hai thí chủ thỉnh bốn người trở lên thọ thực ở hai nơi thì nên đánh kiền chùy ở hai chỗ, lẫn nhau thỉnh một người hoặc đưa một phần thức ăn; nếu có Tỳ-kheo khác đến dù là một người cũng được vào ăn không lỗi, nếu không lẫn nhau thỉnh một người hoặc đưa một phần thức ăn mà ăn thì phạm Ba-dật-đề; nếu ngăn không cho ăn dù chỉ là một người cũng phạm Ba-dật-đề. Nếu trong giới tụ lạc trước đó không có tăng mà có thí chủ thỉnh bốn người trở lên thọ thực thì nên đánh kiền chùy; nếu không đánh kiền chùy và biết trong đây có một Tỳ-kheo không đến thọ thực mà ăn, liền phạm tội ăn biệt chúng; nghi có Tỳ-kheo mà ăn thì phạm Đột-kiết-la, nếu hoàn toàn không nghi dù có đánh kiền chùy hay không, dù có Tỳ-kheo hay không có Tỳ-kheo mà ăn đều không có lỗi.

Luận về pháp thọ thực của A-tăng-kỳ, dù tăng nhiều hay ít đều nên phân chia thức ăn cho có thường định, nên tính thức ăn mà Tăng ăn điều độ mỗi ngày là bao nhiêu, trọn một năn là bao nhiêu. Nếu mỗi ngày Tăng ăn một hộc gạo thì trong một

năm nên lấy hạn lượng một hộc làm thường định, nếu xuất phần gạo chưa tới một hộc hay hơn một hộc đều là ăn trộm của Tăng. Nếu xuất phần gạo không đủ một hộc thì phần ăn mà Tăng nên được lại không được ăn, nếu xuất phần gạo hơn một hộc thì trong kho của tăng sẽ cạn; vì vậy nên xuất phần gạo và thức ăn có thường định thì dù Tăng nhiều hay ít, tất cả đều không được ngăn. Tăng dù nhiều hơn cũng theo hạn lượng đã định đó mà cùng ăn, Tăng dù có ít hơn cũng theo hạn lượng đó mà cùng ăn, nếu theo pháp thọ thực có hạn định thường như vậy thì tất cả không có lỗi.

Nếu khi đi đường có thí chủ cúng thức ăn cho bốn Tỳ-kheo trở lên, nếu trong số người cùng đi có một Tỳ-kheo ăn riêng thì các Tỳ-kheo này phạm tội ăn biệt chúng. Vì trên đường đi tùy dừng chỗ nào đều có giới tự nhiên là một Câu-lô-xá tuy không phải là giới y, nhưng trong giới tự nhiên này không được ăn biệt chúng và không được bố tát riêng. Nếu mỗi người đều đem riêng thức ăn, tuy bốn người cùng ngồi chung một chỗ ăn cũng không có lỗi; nếu thí chủ cúng thức ăn cho ba người trở xuống, mỗi người ngồi một chỗ ăn riêng cũng không có lỗi, nhưng nếu cùng ngồi chung một chỗ ăn thì tốt hơn.

Khi ăn thức ăn của Tăng hay của thí chủ cúng, nếu có một thí chủ khác thỉnh cúng riêng cho bốn Tỳ-kheo, nếu bốn Tỳ-kheo này ngồi theo thứ lớp ở

trong Tăng mà thọ thức ăn này để ăn thì phạm tội ăn biệt chúng. Nếu thọ thực theo thứ lớp trong Tăng rồi sau đó được cúng thêm thì tuy bốn người này ngồi ở trong Tăng thọ thức ăn này vẫn không phạm tội ăn biệt chúng nhưng thức ăn này trở thành không thanh tịnh. Nếu Tỳ-kheo ăn thức ăn của Tăng hay của thí chủ cúng, mỗi người tự lấy phần của mình dù bốn người trở lên cùng ngồi một chỗ ăn riêng cũng không phạm tội ăn biệt chúng; bốn người trở lên, mỗi người tự có vật thực cùng làm thức ăn tuy ở trong giới vẫn không phạm tội ăn biệt chúng; bốn người trở lên, mỗi người tự đi khất thực được thức ăn trở về cùng ngồi một chỗ ăn cũng không phạm. Nếu ở trong phòng riêng, thí chủ cúng tiểu thực cho bốn người trở lên vì không phải ăn no nên không phạm; sau đó thí chủ lại cúng dường bữa ăn trưa thì nên thỉnh một vị trong Tăng hoặc đưa một phần thức ăn cho chúng và mỗi người tự ăn riêng không thành chúng thì không phạm, nếu không như thế thì phạm Ba-dật-đề. Nếu Tăng thọ thực xong có khách Tỳ-kheo đến, thí chủ cúng dường cho bốn người trở lên cùng ăn cũng không phạm; nếu Tỳ-kheo khách du hành vào trong giới của Tăng, thọ thức ăn của thí chủ cùng ngồi một chỗ ăn từ bốn người trở lên thì phạm Ba-dật-đề; nếu mỗi người trước có mang theo lương thực dù là của thí chủ cúng, cùng ngồi chung một chỗ ăn cũng không phạm; nếu bốn người cùng đi,

trong đó có một người mang theo lương thực, vào trong giới của Tăng cùng ngồi chung một chỗ ăn với ba người kia thì phạm Ba-dật-đề. Nếu ở chỗ đồng trống không có giới của Tăng, nhưng thuộc trong giới tự nhiên một Câu-lô-xá nếu có nhiều Tỳ-kheo làm bạn mà một Tỳ-kheo chỉ mời riêng ba người cùng ăn một chỗ thì phạm Ba-dật-đề; nếu mỗi người có lương thực cùng ngồi chung một chỗ ăn thì không phạm. Nếu nhiều khách Tỳ-kheo làm bạn vào trong giới tụ lạc, tuy không có giới của Tăng, có Tỳ-kheo hay cư sĩ làm thí chủ thỉnh riêng bốn người cùng ăn chung một chỗ thì phạm Ba-dật-đề. Nếu bốn người trở lên làm bạn ở trong giới tụ lạc thọ thức ăn của thí chủ, tuy không có giới của Tăng nhưng nếu biết có Tỳ-kheo mà không mời vị này cùng ăn thì phạm Ba-dật-đề; nếu nghi không biết có Tỳ-kheo hay không có mà ăn thì phạm Đột-kiết-la; nếu muốn như pháp thì nên tìm xem trong tụ lạc này có Tỳ-kheo hay không. Nếu hoàn toàn không nghi mà ăn thì không phạm, nếu không như thế thì nên đánh kiền chùy, do quá xa không nghe hay nghe mà không đến thì các Tỳ-kheo này được thanh tịnh như pháp ăn không lỗi. Lại nữa, dù ở trong giới của Tăng hay giới tự nhiên hay giới tụ lạc, nếu có thí chủ cúng thức ăn, Tăng đã ăn xong mà có khách Tỳ-kheo đến, thí chủ cúng cho bốn người trở lên cùng ăn cũng không phạm. Tỳ-kheo tăng đối với Tỳ-kheo-ni tăng thì không có

lỗi ăn biệt chúng.

Luận về ăn biệt chúng là do thức ăn của thí chủ cúng, nếu là thức ăn của Tăng thì không phạm ăn biệt chúng, mà phạm ăn thức ăn không thanh tịnh như pháp, phần nhiều khép vào tội ăn trộm của Tăng. Nếu ở trong giới của Tăng được thí chủ cúng riêng thức ăn thì nên theo thứ lớp trong Tăng thỉnh một người hoặc đưa một phần thức ăn cho chúng, nếu không thỉnh một người hoặc không đưa một phần thức ăn thì phạm Ba-dật-đề; nếu ba người trở xuống, mỗi người tự ăn riêng thì không phạm. Nếu ở trong giới của Tăng được đàn việt cúng riêng thức ăn, trước đã có ý thỉnh một vị trong Tăng nhưng sau đó lại quên thì nên để một phần thức ăn ở chỗ Thượng tòa hay đưa đến trong Tăng. Pháp của đàn việt cúng thức ăn là phải thỉnh Tỳ-kheo trước, nếu vào trong giới của Tăng thỉnh nên nói: "Xin thỉnh một vị trong Tăng thuộc đại giới này"; nếu Tăng kết giới phạm vi là mười Câu-lô-xá, đường xa mà đàn việt không thỉnh trước, ngay ngày đó đến thỉnh thì nên để một phần thức ăn ở chỗ Thượng tòa hoặc đưa đến trong Tăng, nếu làm được như vậy thì tốt. Trong số bốn người có ba Tỳ-kheo và một Tỳ-kheo-ni hoặc ba Tỳ-kheo-ni và một Tỳ-kheo, cho đến có ba Tỳ-kheo và một Sa-di-ni đều không phạm ăn biệt chúng. Nếu trong số bốn người có ba Tỳ-kheo ở ngoài giới và một Tỳ-kheo ở trong giới, hoặc ba Tỳ-kheo ở trong giới và

một Tỳ-kheo ở ngoài giới, hoặc ba Tỳ-kheo ở trên mặt đất và một Tỳ-kheo ở trên hư không, hoặc một Tỳ-kheo ở trên mặt đất và ba Tỳ-kheo ở trên hư không đều không phạm ăn biệt chúng.

Trừ khi bịnh, khi may y: May y dù đúng lượng hay không đúng lượng đều khai cho ăn biệt chúng, nhưng nếu khi may y mà thức ăn khó được mới khai cho ăn biệt chúng, nếu thức ăn dễ được thì không khai cho.

Trừ khi đi đường: Dù đi hay đến cho đến nữa do tuần đều khai cho ăn biệt chúng. Nếu Tỳ-kheo đến từ hôm qua mà ngày nay ăn biệt chúng thì phạm Ba-dật-đề, ngày mai mới đi mà ngày nay ăn biệt chúng cũng phạm Ba-dật-đề; phải ngay ngày nào đi hoặc đến, ngay ngày đó ăn biệt chúng mới không phạm. Đi thuyền cũng vậy.

Trừ khi đại chúng nhóm họp: Nếu vì pháp sự hay vì nhân duyên gì khác mà Tăng nhóm họp, phải có ít nhất bốn cựu Tỳ-kheo và bốn khách Tỳ-kheo mới gọi là đại chúng nhóm. Tuy đại chúng nhóm họp nhưng nếu thức ăn dễ được thì không khai cho ăn biệt chúng, nếu ăn thì phạm Ba-dật-đề.

Trừ khi Sa-môn thí thực: Trừ năm chúng đệ tử Phật ra, tất cả người xuất gia ngoại đạo khác đều gọi là Sa-môn. Nếu Sa-môn thỉnh thực xong, sau đó mặc áo cư sĩ mang thức ăn đến cúng, nếu Tỳ-kheo ăn thức ăn này thì phạm Ba-dật-đề, còn thọ

thỉnh thì không phạm. Nếu cư sĩ thỉnh thực xong, sau đó vào trong ngoại đạo xuất gia làm Sa-môn mang thức ăn đến cúng, nếu Tỳ-kheo ăn thức ăn này thì phạm Ba-dật-đề. Nếu Sa-môn thỉnh thực, Sa-môn mang thức ăn đến cúng, Tỳ-kheo ăn thức ăn này không phạm.

Nếu có thí chủ cúng thức ăn suốt trong một tháng hoặc trong chín mươi ngày, nếu tất cả không ngăn thì tốt, nên vào ngày đầu làm thức ăn đánh kiền chùy xà xướng rằng: "Tỳ-kheo sáu mươi hạ lạp vào trước", Tỳ-kheo sáu mươi hạ lạp dù nhiều hay ít, chỉ cần một người vào trước tức là thanh tịnh. Nếu không có Tỳ-kheo sáu mươi hạ lạp thì nên xướng người năm mươi chín hạ lạp vào trước, nếu cũng không có thì cứ như thế lần lượt xướng cho đến Sa-di, dù là Sa-di vào cũng là thanh tịnh. Nếu thí chủ làm thức ăn cúng dường trong giới của Tăng, do nhà ăn không đủ chỗ nên dọn thức ăn ra ngoài ở chỗ khác ăn thì không phạm. Nếu khi Tăng thọ thực, dù là thức ăn của Tăng hay của thí chủ cúng, mỗi người tự lấy phần ăn của mình ra ngoài, bốn người cùng ăn ở một chỗ khác cũng không phạm.

Nếu đàn việt thỉnh bốn Tỳ-kheo trở lên đến nhà thọ thực, tuy có đánh kiền chùy mà thí chủ ngăn vì biết có một Tỳ-kheo không được thức ăn thì tất cả Tỳ-kheo này đều phạm Ba-dật-đề. Nếu trong đại giới có hai chúng tăng ở hai chỗ, trong một ngày

cả hai nơi đều có thí chủ cúng thức ăn thì Tăng ở chỗ bố tát không phạm; Tăng ở chỗ không có bố tát nếu không thỉnh một vị trong Tăng bên chỗ bố tát hoặc không đưa một phần thức ăn đến chỗ đó mà ăn thì phạm Ba-dật-đề.

Nếu người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại và người bị tẫn; hoặc ba Tỳ-kheo và một người điên cuồng, hoặc một Tỳ-kheo và ba người điên cuồng, hoặc cả bốn người điên cuồng vào trong giới của Tăng và được thí chủ cúng cho ăn riêng chúng đều không phạm. Đối với người bị tẫn cũng vậy. Luận về phạm tội ăn biệt chúng là phải ở trong giới hoặc là giới của Tăng, hoặc là giới tự nhiên một Câu-lô-xá, hoặc là giới tụ lạc. Tuy các loại giới này không phải là giới y nhưng Tỳ-kheo ở trong đó không được bố tát riêng và ăn riêng chúng; thức ăn phải là do thí chủ cúng và có bốn Tỳ-kheo trở lên cùng ăn chung một chỗ mới phạm. Nếu ở trong giới của Tăng mà ăn không như pháp thì phạm Ba-dật-đề, nếu biết có một người không được thức ăn mà ăn là ăn không như pháp, phạm Ba-dật-đề.

37. Nhân duyên kết giới thứ ba mươi bảy:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Ba-dật-đề, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo ăn phi thời thì phạm Ba-dật-đề. Nếu ăn năm loại thức ăn Khư-đà-ni, năm loại Bồ-xà-ni và năm loại tợ thức ăn, hoặc cùng một lúc ăn mười lăm loại

thức ăn này thì phạm một Ba-dật-đề; nếu ăn riêng từng loại thì mỗi mỗi phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo trong phi thời tưởng là phi thời mà ăn thì phạm Ba-dật-đề; trong phi thời tưởng là thời mà ăn thì phạm Ba-dật-đề; trong phi thời sanh nghi mà ăn thì phạm Ba-dật-đề. Trong thời tưởng là phi thời mà ăn thì phạm Đột-kiết-la, trong thời sanh nghi mà ăn thì phạm Đột-kiết-la. Trong thời tưởng là thời mà ăn thì không phạm.

Phi thời là qua giờ ngọ cho đến cuối đêm do ánh sáng mặt trời giảm mất dần nên gọi là phi thời. Thời là từ sáng sớm cho đến giữa trưa do ánh sáng mặt trời tăng dần lên nên gọi là thời. Lại nữa, do từ sáng đến trưa người đời làm việc và nấu thức ăn, Tỳ-kheo khất thực sẽ được thức ăn nên gọi là thời; còn từ trưa đến cuối đêm, người đời tiệc tùng vui chơi và ngủ nghỉ, nếu Tỳ-kheo đến sẽ bị xúc não nên gọi là phi thời. Lại nữa, từ sáng đến trưa người đời làm việc cực nhọc nên tâm dâm dục không khởi nên gọi là thời; còn từ trưa đến cuối đêm sau khi làm việc xong nghỉ ngơi thì tâm dâm dục liền khởi, Tỳ-kheo nếu lui tới sẽ bị phỉ báng và bị não hại nên gọi là phi thời. Lại nữa, từ sáng đến trưa là thời Tỳ-kheo nên đi vào tụ lạc khất thực nên gọi là thời; còn từ trưa đến cuối đêm là thời Tỳ-kheo nên ở chỗ yên tĩnh tọa thiền tu tập đạo nghiệp, không phải là thời nên đi vào tụ lạc nên gọi là phi thời.

38. Nhân duyên kết giới thứ ba mươi tám:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Ba-dật-đề, ba chúng dưới không phạm. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo ăn thức ăn cách đêm thì phạm Ba-dật-đề; nếu ăn cùng một lúc mười lăm loại thức ăn để cách đêm thì phạm một Ba-dật-đề, nếu ăn tường loại riêng thì phạm mỗi mỗi Ba-dật-đề. Nội túc: Là để thức ăn trong phòng cùng ngủ đêm, có ba trường hợp: Nếu thọ thực rồi khởi tưởng là thọ thực rồi, dù có cùng thức ăn ở trong phòng ngủ hay không mà để qua một đêm (nội túc) thì phạm Đột-kiết-la, ăn thức ăn này thì phạm Ba-dật-đề. Nếu tự lấy thức ăn cách đêm này thì gọi là ác tróc, khi lấy thì phạm Đột-kiết-la, khởi tưởng là mình lấy thức ăn để cách đêm cũng phạm Đột-kiết-la. Thức ăn này nếu không thọ mà ăn thì phạm Ba-dật-đề, Tỳ-kheo khác ăn thì không phạm. Nếu cư sĩ cầm thức ăn trao cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo thọ thức ăn này ăn thì không phạm. Nếu ở nơi đồng trống được nhiều thức ăn, ăn xong bỏ đi, sau đó quay trở lại nếu thức ăn ở chỗ đó không bị chim thú ăn thì được lấy ăn; nếu là thức ăn của nhiều người thì tay chạm vào phần thức ăn của mỗi người tức là thanh tịnh; nếu là thức ăn của Phật lạp, Diện môn lạp hay Tự tứ lạp tuy trước đã thọ rồi, sau đó mua được thức ăn do không khởi tưởng là thức ăn của mình nên ăn không phạm.

-oOo-

TÁT BÀ ĐA TỲ NI TỲ BÀ SA

QUYỂN 8

6. Nhân Duyên Kết Chín Mươi Pháp Ba-Dật-Đề:

39. Nhân duyên kết giới thứ ba mươi chín:

Giới này Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni chung, ba chúng dưới không chung. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo không thọ thức ăn mà để vào miệng ăn thì phạm Ba-dật-đề, tùy để vào miệng bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu. Thọ thức ăn từ bốn hạng người: Nam, nữ, huỳnh môn và người hai căn đều thành thọ thực; từ phi nhân và súc sanh cũng thành thọ thực. Sở dĩ phải thọ thức ăn rồi mới ăn một là để đoạn trừ nhân duyên trộm cắp, hai là để làm chứng minh; thọ thức ăn từ phi nhân tuy thành thọ thực nhưng không thành chứng minh, sở dĩ được thọ thức ăn từ phi nhân là nếu Tỳ-kheo ở chỗ đồng trống không người thì được thọ, nếu ở chỗ có người thì không được thọ thức ăn từ phi nhân cho đến súc sanh và trẻ con không hiểu biết. Ba là để ngăn dứt phỉ báng, bốn là vì thiểu dục tri túc khiến người khác sanh tâm tín kính. Như thuở xưa có một Tỳ-kheo đi cùng với ngoại đạo

đến một gốc cây ăn trái, ngoại đạo nói với Tỳ-kheo: "Thầy hãy leo lên cây hái trái", Tỳ-kheo nói: "Pháp Tỳ-kheo của chúng tôi là không được leo lên cây cao quá đầu người", ngoại đạo nói: "Nếu vậy hãy rung cây cho trái rụng xuống", Tỳ-kheo nói: "Pháp Tỳ-kheo của chúng tôi là không được rung cây làm cho rụng trái xuống". Ngoại đạo này liền leo lên cây hái trái rồi quăng xuống bảo Tỳ-kheo lượm lấy ăn, Tỳ-kheo nói: "Pháp Tỳ-kheo của chúng tôi là không được không thọ mà ăn". Ngoại đạo nghe rồi sanh tâm tín kính, biết Phật pháp là thanh tịnh liền theo Tỳ-kheo xuất gia trong Phật pháp và không bao lâu sau được lậu tận.

Nếu thọ trái cây chỉ cần lấy là cây phẩy qua liền thành thọ, nếu không có mâm lớn, mâm nhỏ, ghế bàn, chỉ có người thọ cũng không lỗi; tay không sạch mà thọ thức ăn thì phạm Đột-kiết-la.

40. Nhân duyên kết giới thứ bốn mươi:

Giới này bất cọng với Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo phạm Ba-dật-đề, Tỳ-kheo-ni phạm Hối quá, ba chúng kia phạm Đột-kiết-la. Sở dĩ gọi là thức ăn ngon vì giá cao, khó được và có thể trị lành bịnh; phân biệt có bốn loại: Có loại là thức ăn ngon nhưng không phải là thuốc hay như sữa, lạc, tô…; có loại là thuốc hay nhưng không phải là thức ăn ngon như sanh tô, dầu…; có loại vừa là thức ăn ngon vừa là thuốc hay như tô, cá, thịt, chả…; có loại không phải là thức ăn ngon cũng không phải

là thuốc hay như Ha-lê-lặc… Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo không bịnh, vì bản thân mà đòi hỏi sữa, lạc, tô, sanh tô, thục tô, dầu, thịt, cá, chả…; được thì phạm Ba-dật-đề, không được thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo không bịnh, vì bản thân mà đòi hỏi cơm, canh, thức ăn… được hay không được đều phạm Đột-kiết-la. Nếu bịnh hoặc xin từ bà con hoặc đã được thỉnh trước hoặc không hỏi xin mà người kia tự cho thì không phạm. Nếu khi Tỳ-kheo khất thực đến trước cửa nhà đàn việt, nếu thì chủ hỏi thì tùy cần gì cứ nói ra cho họ biết; nếu được như ý muốn thì tốt, nếu không được mà cố gượng hỏi xin cho được thì phạm Đột-kiết-la. Giới này chế nếu không bịnh mà xin thức ăn ngon như sữa, lạc, tô… thì phạm Ba-dật-đề. Nếu thí chủ thỉnh cúng bốn loại dược trong bốn tháng, qua bốn tháng mà đến hỏi xin sữa, lạc, tô… thì phạm Ba-dật-đề.

41. Nhân duyên kết giới thứ bốn mươi mốt:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Ba-dật-đề, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Giới trước chế không được dùng nước có trùng tưới lên cỏ hay trộn đất với bùn, giới này chế tất cả đều không được dùng nước có trùng. Nước có trùng là dùng mắt thường nhìn thấy được hoặc dùng dãy lượt nước lượt thấy có trùng. Lúc đó tôn giả Xá-lợi-phất dùng thiên nhãn nhìn thấy trong nước có trùng nhiều vô lượng như cát ở bên bờ

nước, như gạo trong lu. Nhìn thấy rồi liền đoạn thực không ăn trải qua hai, ba ngày; Phật bảo ăn mới ăn vì nhìn thấy nước có trùng là với mắt thường, không phải bằng thiên nhãn. Luận về pháp lượt nước để dùng, nên dùng vải dày rộng khoảng một khuỷu tay để làm đãy lượt nước; nên bảo một Tỳ-kheo trì giới đa văn, tin sâu về tội phước xem kỹ nước với mắt thường thanh tịnh rồi như pháp lượt nước đựng trong lu sạch đủ dùng trong một ngày. Sáng hôm sau nên xem lại, nếu thấy có trùng thì nên lượt nước lại rồi đưa ra chỗ ánh sáng mặt trời xem kỹ, nếu vẫn có trùng thì nên lượt lại lần thứ hai, đến lần thứ ba mà vẫn thấy có trùng thì chỗ này không nên ở. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo biết nước có trùng mà vẫn lấy dùng, tùy trùng chết bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu. Nếu Tỳ-kheo dùng nước có trùng để nấu ăn, nấu nước uống hoặc dùng để giặt giũ, tắm rửa… tùy trùng chết bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu. Nếu nước có trùng mà tưởng không có trùng nên lấy dùng thì phạm Ba-dật-đề; nước có trùng mà nghi không biết có trùng hay không, lấy dùng thì phạm Ba-dật-đề. Nước không có trùng tưởng là có trùng hay sanh nghi không biết có trùng hay không, nếu lấy dùng thì phạm Đột-kiết-la. Nước không trùng biết là nước không trùng, dùng thì không phạm.

42. Nhân duyên kết giới thứ bốn mươi hai:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Ba-dật-đề, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Giới này ở trong năm đường chỉ có trong nhơn đạo mới phạm Ba-dật-đề, bốn loài kia thì phạm Đột-kiết-la vì là cõi khác. Sở dĩ gọi là nhà ăn vì người nữ đối với người nam-là thức ăn, nhà là phòng nhà của bạch y. Thể của giới này là nếu nhà bạch y là chỗ có thể hành dâm, ngoài hai vợ chồng ra không có ai khác mà Tỳ-kheo cố gượng ngồi trong đó, khiến cho họ không được toại ý dục thì phạm Ba-dật-đề. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo cố gượng ngồi trong nhà ăn thì phạm Ba-dật-đề, tùy đứng lên rồi ngồi xuống bao nhiêu lần thì phạm bấy nhiêu Ba-dật-đề. Không phạm là nếu đó là nhà đoạn dâm hoặc là nhà thọ trai giới hoặc có người được tôn trọng ngồi trong đó như Hòa thượng, A-xà-lê, cha mẹ; hoặc nhà này có nhiều người ra vào… thì không phạm. Giới này là ở trong nhà ăn có hai vợ chồng, giới sau ở trong nhà ăn chỉ có một người nữ là khác.

43. Nhân duyên kết giới thứ bốn mươi ba:

Giới này giống như giới trên chỉ khác ở chỗ là Tỳ-kheo một mình ngồi với người nữ trong nhà ăn nơi chỗ khuất, không có người thứ ba. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo một mình ngồi với người nữ trong nhà ăn khởi lên ba việc thì phạm một Ba-dật-đề: Một là trong nhà ăn, hai là chỉ có một người nữ, không có người thứ ba; ba là ngồi

nơi chỗ khuất, tùy đứng lên ngồi xuống bao nhiêu lần thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu. Nếu đóng cửa và cửa sổ, bên ngoài không có tịnh nhơn thì phạm Ba-dật-đề; nếu mở cửa và cửa sổ, bên trong có tịnh nhơn thì không phạm. Nếu người nữ trong nhà ăn này là thạch nữ hay là bé gái hoặc người nữ có nữ căn hư hoại thì Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la.

44. Nhân duyên kết giới thứ bốn mươi bốn:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Ba-dật-đề, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Nước Tỳ-la-nhiên do ở gần núi Tuyết nên có tên này, là nơi mà các Sa-môn ngoại đạo ưa thích. Vua A-kỳ-đạt là người cúng dường lửa nên có tên gọi này, vua hỏi có Sa-môn nào là bậc thầy của đại chúng được mọi người tôn kính hay không. Phật vì biết đã đến lúc thọ quả báo đời trước nên thọ vua thỉnh thực trong bốn tháng ở nước Tỳ-la-nhiên. Đoan chánh nghĩa là thân, y phục, oai nghi và pháp Phật đều trang nghiêm. Các căn tịch tĩnh là sáu căn không loạn động, thân Phật có hào quang màu vàng ròng, nếu đem vàng cõi Diêm phù đề để trước mặt Phật, Phật đưa cánh tay ra thì vàng này sẽ không còn sắc vàng ánh nữa, giống như đất đá không khác. Trở về nước mình ra lịnh lo liệu đầy đủ các thức ăn ngon để cúng dường Phật và Tăng trong bốn tháng an cư: Nói bốn tháng là vì mùa hạ có bốn tháng và ở nước này thường an cư trong bốn tháng. Vua liền bặt tiếp người ngoài để tự thọ an

lạc, mọi việc tốt xấu bên ngoài đều không được tâu vua: Phật thuộc dòng tộc cao quý lại là đấng pháp vương được thế gian tôn kính, xa gần đều ngưỡng vọng, sao lại gặp việc như vậy?

Đáp: Vua Bà-la-môn này từ vô thỉ đã bị si ám che mờ, không phân biệt tốt xấu nên mới có việc như vậy; lại do nhiều đời làm ác, là giặc thù của Phật pháp, tuy thỉnh Phật nhưng không có tâm tín kính nên mới không nhớ đến; cũng do Phật muốn hiển bày việc thọ quả báo đời trước nên khiến gặp việc như vậy. Lại do vua tuy không có tâm ác nhưng bị ngoại đạo làm cho lầm lạc, vua nằm mộng thấy mình té ngã được Phật đỡ dậy, tỉnh giấc vua mời các tướng sư Bà-la-môn đến đoán mộng, các Bà-la-môn do tâm tật đố nên nói gạt vua rằng: "Giấc mộng này thật không tốt lành", vua hỏi làm sao tránh khỏi, liền đáp: "Vua nên bặt tiếp người ngoài trong bốn tháng để tự thọ an lạc thì diệt được việc xấu này", vua nghe lời như pháp làm theo nên sự việc mới như vậy.

Đạo vô thượng: Đạo có ba bậc là đạo rốt ráo của Thanh văn, của Phật Bích chi và của Phật; cả ba đạo này đều vào cửa Niết-bàn nhưng chỉ có đạo rốt ráo của Phật mới là đạo vô thượng. Cạo bỏ râu tóc mặc ca sa:

Hỏi: Phật có cạo bỏ râu tóc không?

Đáp: Không, vì tóc của Phật lúc nào cũng giống

như được cạo sau bảy ngày.

Hỏi: Phật khi mới thành đạo có mặc ca sa không?

Đáp: Bạch y muốn được thành Phật phải có ba mươi hai tướng tốt, xuất gia mặc pháp y. Oai nghi đầy đủ, đoạn dứt phiền não, có Nhất thiết chủng trí nơi thân, vì phàm phu cho đến Thanh văn Duyên giác đều không có Nhất thiết chủng trí. Phật tu khổ hạnh trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp, Duyên giác chỉ tu có một trăm kiếp, Thanh văn chỉ tu có hai hay ba kiếp.

Phật cùng đại chúng dừng lại trong khu rừng này: Một là để ca ngợi bốn pháp Thánh chủng là căn bản thiết yếu, hai là để điều phục tâm kiêu mạn của các đệ tử trong tương lai; vì nếu có đệ tử nào chứng đắc thiền định hoặc học thông ba tạng sẽ cho là chỗ Tăng thường nên ở là Tăng phường có lầu gác trang nghiêm chứ không phải trong rừng núi. Phật là đấng pháp vương của ba cõi mà còn ở trong rừng núi huống chi người khác. Ba là muốn làm khuôn phép cho các đệ tử trong tương lai, bốn là Phật muốn thuyết pháp cho trời rồng quỷ thần, vì các loài này thích nơi thanh vắng. Do những nguyên nhân trên nên Phật dừng ở dưới một gốc cây trong rừng.

Lúc đó tôn giả Xá-lợi-phất một mình lên núi trụ trong đạo bất không, thọ phu nhân của vua trời Đế

thích là con gái của A-tu-la thỉnh thực trong bốn tháng an cư:

Hỏi: Người làm sao tiêu hóa được thức ăn của trời?

Đáp: Người được thiền định thì không thể nghĩ bàn, không nên khởi nghi, như pháp ăn thức ăn của Trời thì chỉ ăn một ít cũng tiêu hóa được. Quá khứ vào thời Phật Duy vệ có phạm chí Cao hạnh, nhân duyên ứng với điều đã nói trong giới này. Hễ ngựa ăn hai đấu thì một đấu cho ngựa, một đấu dành cho Tỳ-kheo; trong số đó có con lương mã ăn tới bốn đấu thì hai đấu cho ngựa, hai đấu dành để cúng Phật:

Hỏi: Phật pháp bình đẳng vì sao cho Phật nhiều, cho Tỳ-kheo ít? Đáp: Vật của A-tăng-kỳ đúng pháp nên bình đẳng, vì đây là lúa mạch của đàn việt nên tùy ý muốn của đàn việt; lại do Phật thân cao lớn còn các Tỳ-kheo thân tướng nhỏ hơn nên tùy theo lượng ăn ít hay nhiều

mà cúng, vẫn không mất nghĩa bình đẳng.

A-nan đem phần lúa mạch của Phật và của mình đi vào tụ lạc, ở trước một người nữ ca ngợi công đức của Phật, ca ngợi sắc thân và pháp thân của Phật… Phật cất tiếng Phạm âm: Khi tu hạnh Bồ tát, trong bốn khẩu nghiệp phần nhiều tu hai nghiệp: Một là không nói lời thô ác nên được âm thanh Phạm, hai là không nói phi thời nên nói ra

lời gì, mọi người đều tin nhận.

Nếu nấu cơm thì… Đương lai vào thời Phật Di-lặc sẽ được làm ngọc nữ báu của Chuyển luân thánh vương. Người phát tâm nấu cơm cho Phật sẽ được phước vô lượng, đương lai sẽ được quả Vô thượng Bồ đề. Luận về phát tâm bồ đề có hai trường hợp: Một là thấy Phật nên phát tâm, hai là nghe pháp nên phát tâm. Người nữ này được thấy Phật và cũng được nghe pháp, trước nghe A-nan ca ngợi công đức của Phật, khi đem lúa mạch nấu thành cơm, nhờ phước này nên mọi si chướng từ vô thỉ bỗng nhiên khai phát, từ xa thấy được Phật tâm sanh hoan hỉ liền phát tâm bồ đề.

Ngoại đạo: Trừ năm chúng đệ tử của Phật ra, những người xuất gia khác đều gọi là ngoại đạo. Thức ăn: Bao gồm mười lăm loại thức ăn. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo cùng một lúc cho ngoại đạo mười lăm loại thức ăn thì phạm một Ba-dật-đề; nếu cho mỗi mỗi loại thì phạm mỗi mỗi Ba-dật-đề. Nếu ngoại đạo bịnh hoặc là bà con hoặc ngoại đạo xin xuất gia cho thì không phạm. Khi ngoại đạo xin xuất gia thì cho thử bốn tháng, đối với thức ăn khuyến hóa nếu hóa chủ muốn cho mình ăn no thì được no, không muốn thì không được no; nếu trộm lấy vật khuyến hóa thì phạm đối thú Thâu-lan-giá. Ăn thức ăn khuyến hóa không phạm ăn thức ăn cách đêm, ăn thức ăn do năm chúng khuyên đàn việt làm thì không phạm. Tỳ-

kheo ăn thức ăn do ba chúng ni khuyên đàn việt làm thì phạm Ba-dật-đề, ăn thức ăn do Tỳ-kheo và Sa-di khuyên đàn việt làm thì không phạm. Tỳ-kheo nếu tự tay cho chín mươi sáu loại ngoại đạo thức ăn dị kiến, dù là tại gia hay xuất gia, thuộc phái lõa hình hay có y phục đều phạm Ba-dật-đề; nếu bảo người khác cho thì phạm Đột-kiết-la. Nếu cho tất cả người không nhìn thấy được thì không phạm; Tăng cho ngoại đạo thức ăn cũng không phạm, nhưng không được tự tay cho.

45. Nhân duyên kết giới thứ bốn mươi lăm:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Ba-dật-đề, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Phật kết giới này cho các Tỳ-kheo một là vì Phật pháp tôn trọng, hai là diệt phỉ báng, ba là dứt trừ ác pháp và bốn là tăng trưởng thiện pháp. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo cố ý đi xem quân trận xuất binh, được thấy thì phạm Ba-dật-đề, không được thấy thì phạm Đột-kiết-la. Quân trận có bốn binh là tượng binh, mã binh, xa binh và bộ binh; có khi bốn binh là một quân trận, có khi hai hoặc ba binh là một quân trận. Nếu cố ý đến xem dù là quân trận của một binh, từ trên cao nhìn xuống hay từ dưới thấp nhìn lên, nếu thấy thì phạm Ba-dật-đề; không thấy thì phạm Đột-kiết-la. Nếu không cố ý đến xem mà do nhân duyên đi ngang qua thì không phạm; nếu dừng lại xem vì hoại oai nghi nên phạm Đột-kiết-la, nếu quay sang

trái hay phải hoặc ngoái lại sau để xem thì phạm Đột-kiết-la. Trừ nhân duyên là nếu được vua hay phu nhân của vua hay vương tử, đại thần… cho gọi đến thì không phạm; nếu gọi mà không đến thì họ sẽ nói rằng: "Tỳ-kheo khi có cầu việc gì thì không kêu cũng đến, khi không cầu thì dù có gọi cũng không đến", vì dứt phỉ báng nên nói là trừ nhân duyên. Nếu đến để thuyết pháp khiến họ sanh hoan hỉ, sẽ có người đắc quả Tu-đà-hoàn cho đến A-na-hàm; hoặc thuyết pháp khiến họ tăng trưởng căn lành, vì đạo đời cần nhau để trưởng dưỡng Phật pháp nên khai cho đến.

46. Nhân duyên kết giới thứ bốn mươi sáu:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Ba-dật-đề, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo đến trong quân trận ở lại quá hai đêm, qua ngày thứ ba trời vừa sáng liền phạm Ba-dật-đề; nếu ở trong quân trận bị điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại thì không phạm.

47. Nhân duyên kết giới thứ bốn mươi bảy:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Ba-dật-đề, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo đến trong quân trân xem các loại binh khí, được thấy thì phạm Ba-dật-đề, không thấy thì phạm Đột-kiết-la; từ trên cao nhìn xuống hay từ dưới thấp

nhìn lên, nếu thấy thì phạm Ba-dật-đề; không thấy thì phạm Đột-kiết-la. Bốn binh cho đến một quân trận cũng vậy, nếu xem cờ xí của hai quân dàn trận đánh nhau thì phạm Ba-dật-đề. Nếu không cố ý đến xem mà do nhân duyên đi ngang qua thì không phạm. Thể của giới này là khi Tỳ-kheo ở trong quân trận quá hai đêm, cố ý đến xem quân trận, các loại binh khí và cờ xí của hai quân dàn trận đánh nhau nên phạm Ba-dật-đề. Nếu không ở quá hai đêm, nhưng khi ở cố ý đến xem cũng phạm Ba-dật-đề; nếu ngồi không thấy, đứng dậy để xem thì phạm Đột-kiết-la, dù chỉ nhìn thấy cờ xí thôi cũng phạm Ba-dật-đề.

48. Nhân duyên kết giới thứ bốn mươi tám:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Ba-dật-đề, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo vì sân giận dùng tay đánh hoặc khuỷu tay hoặc đầu gối, chân cho đến dùng cây, gậy… đánh Tỳ-kheo khác đều phạm Ba-dật-đề; nếu dùng thân phần khác để đánh thì phạm Đột-kiết-la; nếu vì làm chú nguyện hay ăn bị nghẹn nên đập vỗ cho thông thì không phạm. Nếu Tỳ-kheo đánh ba chúng ni thì phạm Đột-kiết-la, đánh Sa-di đắc giới (học hối Sa-di), người mù, điếc, câm, người hành Biệt trú, Ma-na-đỏa đều phạm Ba-dật-đề. Nếu đùa giỡn mà đánh người khác thì phạm Đột-kiết-la, nếu đánh sáu hạng người phạm tội, người thọ năm pháp,

người việt tế (phá nội ngoại đạo), tặc trụ, người vốn đã phá giới, người xả giới hoàn tục sau trở lại làm Tỳ-kheo… cho đến người bị yết ma Bất kiến tẫn… đều phạm Đột-kiết-la. Nếu đánh người có thể phạm hoặc Ba-la-di hoặc Tăng tàn hoặc Thâu-lan-giá, Ba-dật-đề hoặc Đột-kiết-la: Nếu với tâm sát hại mà đánh chết người thì phạm Ba-la-di, nếu người không chết thì phạm Thâu-lan-giá; nếu với tâm dâm mà đánh Tỳ-kheo-ni… cho đến Ưu-bà-di thì phạm Tăng tàn; nếu không có tâm sát hại, chỉ vì sân giận nên đánh Tỳ-kheo thì phạm Ba-dật-đề; đánh giữa chừng ngừng lại thì phạm Đột-kiết-la.

49. Nhân duyên kết giới thứ bốn mươi chín:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Ba-dật-đề, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Giới này khác giới trên ở chỗ là định đánh, dọa đánh chứ chưa đánh; các nghĩa khác đều đồng. Dọa đánh nghĩa là không có ý đánh, chỉ là muốn làm cho người kia sợ. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo dùng bàn tay, cánh tay… cho đến dùng cây dọa đánh Tỳ-kheo khác thì phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo dọa đánh ba chúng ni thì phạm Đột-kiết-la, dọa đánh Sa-di đắc giới (học hối Sa-di), người mù, điếc, câm, người hành Biệt trú, Ma-na-đỏa đều phạm Ba-dật-đề; nếu dọa đánh sáu hạng người phạm tội, người thọ năm pháp, người việt tế (phá nội ngoại đạo), tặc trụ, người vốn đã phá giới, người xả giới hoàn tục sau trở lại làm Tỳ-

kheo… cho đến người bị yết ma Bất kiến tẫn… đều phạm Đột-kiết-la. Nếu dọa đánh người có thể phạm hoặc Ba-la-di hoặc Tăng tàn hoặc Thâu-lan-giá, Ba-dật-đề hoặc Đột-kiết-la: Nếu với tâm sát hại mà dọa đánh làm chết người thì phạm Ba-la-di, nếu người không chết thì phạm Thâu-lan-giá; nếu không có tâm sát hại chỉ vì sân giận nên dọa đánh Tỳ-kheo khác thì phạm Ba-dật-đề; nếu dùng thân phần khác để đánh thì phạm Đột-kiết-la. Không phạm là nếu Tỳ-kheo giơ tay dọa ngăn thú dữ, người ác… để cứu hộ khỏi nạn sợ hãi thì không phạm.

50. Nhân duyên kết giới thứ năm mươi:

Giới này có một phần không chung với Tỳ-kheo-ni là nếu ni che giấu tội hành dâm của tỳ-kheo-ni khác thì phạm Ba-la-di, che giấu bảy tội Ba-la-di kia thì phạm Ba-dật-đề. Không căn cứ vu báng người khác phân biệt có bốn: Một là đem tội Ba-la-di không căn cứ vu báng người khác thì phạm Tăng tàn; không căn cứ vu báng người khác làm Phật bị thương chảy máu và phá Pháp luân tăng thì phạm Thâu-lan-giá; ba là đem tội Tăng tàn không căn cứ vu báng người khác thì phạm Ba-dật-đề; bốn là đem tội Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni và Đột-kiết-la vu báng người khác thì phạm Đột-kiết-la.

Nếu nói tội thô của tỳ-kheo khác cho người chưa thọ giới cụ túc phân biệt có ba: Một là nói tội

Ba-la-di và Tăng tàn thì phạm Ba-dật-đề, hai là nói tội làm Phật bị thương và phá Pháp luân tăng thì phạm đối thú Thâu-lan-giá, ba là nói tội Ba-dật-đề… của ba thiên sau thì phạm Đột-kiết-la .

Che giấu tội thô của tỳ-kheo khác phân biệt có ba: Một là che giấu tội Ba-la-di và Tăng tàn thì phạm Ba-dật-đề; hai là che giấu tội làm Phật bị thương và phá Pháp luân tăng thì phạm đối thú Thâu-lan-giá; ba là che giấu tội trong ba thiên giới sau thì phạm Đột-kiết-la.

51. Nhân duyên kết giới thứ năm mươi mốt:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Ba-dật-đề, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Thể của giới này là Tỳ-kheo vì muốn xúc não Tỳ-kheo khác, khiến cho không được ăn nên dẫn đến nhà thí chủ rồi lại bảo trở về. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác rằng: "Thầy hãy cùng tôi đi đến nhà của thí chủ ", nếu chưa vào cửa thành mà bảo trở về thì phạm Đột-kiết-la; đã vào cửa thành mà bảo trở về cũng phạm Đột-kiết-la; tới cửa cổng nhà thí chủ mà bảo trở về cũng phạm Đột-kiết-la; tới cửa trong của nhà thí chủ, ở chỗ thí chủ không nghe được mà bảo trở về cũng phạm Đột-kiết-la; nếu thí chủ nghe được thì phạm Ba-dật-đề. Nếu thí chủ đi ra thấy Tỳ-kheo kia trở về liền kêu trở lại, Tỳ-kheo kia nghe mà không trở lại thì Tỳ-kheo này phạm Đột-kiết-la; nếu Tỳ-kheo kia không nghe thì Tỳ-kheo

này phạm Ba-dật-đề.

52. Nhân duyên kết giới thứ năm mươi hai:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Ba-dật-đề, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Thể của giới này là Tỳ-kheo không bịnh, không có nhân duyên khác mà đốt lửa ở chỗ đất trống nên phạm. Bịnh bao gồm bịnh lạnh, bịnh nóng, bịnh gió tùy bịnh gì cần lửa mới bớt thì được đốt lửa. Vật đốt có năm là cỏ, cây gỗ, phân bò, vỏ cây và rác (phấn tảo), nếu Tỳ-kheo dùng năm loại vật đốt này tự đốt hay bảo người đốt ở chỗ đất trống đều phạm Ba-dật-đề; đốt cùng một lúc cả năm loại vật đốt trên thì phạm một Ba-dật-đề; nếu đốt mỗi mỗi loại thì phạm mỗi mỗi Ba-dật-đề. Nếu có Tỳ-kheo khác đã đốt trước, Tỳ-kheo này tùy dùng loại vật đốt nào để vào trong lửa đều phạm Ba-dật-đề; nếu cùng người khác đốt lửa để sưởi ấm thì phạm Đột-kiết-la. Nếu bịnh hoặc nấu cơm canh, thức ăn, nấu nước nhuộm, xông bát… đốt lửa thì không phạm; đi giữa đường gặp trời quá lạnh đốt lửa sưởi ấm thì không phạm.

53. Nhân duyên kết giới thứ năm mươi ba:

Tỳ-kheo cọng giới với Tỳ-kheo-ni, ba chúng dưới không phạm.

Yết ma cho Bạt-nan-đà là yết ma Khu xuất hoặc yết ma Y chỉ, yết ma Bất kiến tẫn. Trợ giúp Lục quần Tỳ-kheo là nói một người trong nhóm lục

quần, hoặc là môn đồ của nhóm lục quần, hoặc là một người trong các môn đồ của họ. Tăng sự: Bao gồm các việc như Đơn bạch yết ma, bạch nhị yết ma, bạch tứ yết ma, bố tát, tự tứ, yết ma cử mười bốn hạng người… Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo như pháp Tăng sự gởi dục xong, sau đó hối nói rằng: "Tôi không nên gởi dục" thì phạm Ba-dật-đề; tùy hối nói như thế bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu. Hễ Tăng xử đoán việc gì, đã hòa hợp làm xong sau đó lại hối và trách thì phạm Đột-kiết-la; nếu Tăng đã như pháp tác pháp yết ma xong, sau đó hối nói là không nên thì phạm Ba-dật-đề; nếu Tăng tác pháp yết ma không như pháp, nếu lúc đó chỉ có một mình, sức không thay đổi gì được nên im lặng không quở trách, sau đó mới trách là không nên thì không phạm. Dù việc không phải do Tăng yết ma nhưng nếu Tăng đã hòa hợp cùng quyết đoán và việc này thuận với pháp với Tỳ-ni mà Tỳ-kheo sau đó hối trách thì phạm Ba-dật-đề; nếu việc này không thuận với pháp với Tỳ-ni, sau đó Tỳ-kheo quở trách thì phạm Đột-kiết-la.

54. Nhân duyên kết giới thứ năm mươi bốn:

Tỳ-kheo cọng giới với Tỳ-kheo-ni, ba chúng dưới không phạm. Phòng bên là phòng ngoài cùng của các phòng, hoặc là phòng nhỏ hẹp có ít ngọa cụ và các vật dụng, thuộc loại phòng bậc hạ nên gọi là phòng bên. Phật kết giới này cho các Tỳ-kheo một là vì Phật pháp tôn trọng, hai là để dứt

phỉ báng. Thể của giới này là Tỳ-kheo ngủ chung phòng với người chưa thọ giới cụ túc quá hai đêm. Sở dĩ cho cùng ngủ chung phòng hai đêm, một là vì nếu không cho ngủ chung phòng thì sẽ có nhân duyên mất mạng; hai là nếu cho ngủ chung phòng quá hai đêm thì sẽ có nhân duyên xúc não; ba là vì thương xót nên khai cho ngủ chung phòng hai đêm; bốn là vì hộ trì Phật pháp nên không cho ngủ chung phòng quá hai đêm. Người chưa thọ giới cụ túc là chỉ tất cả mọi người trừ Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni. Nhà phân biệt có bốn loại: Một là tất cả đều ngăn, tất cả đều lợp; hai là tất cả đều ngăn nhưng không lợp tất cả; ba là tất cả đều lợp nhưng chỉ ngăn phân nữa; bốn là tất cả đều lợp nhưng chỉ ngăn một ít.

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo ngủ chung với người chưa thọ giới cụ túc trong bốn loại nhà trên quá hai đêm thì phạm Ba-dật-đề; tùy đứng lên nằm xuống bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu; nếu ngồi suốt đêm thì không phạm. Nếu ngủ chung quá hai đêm với Tỳ-kheo trong phòng này, qua đêm thứ ba sang phòng khác ngủ, đêm khác trở lại ngủ chung thì không phạm. Nếu Tỳ-kheo cùng người chưa thọ giới cụ túc này ngủ chung phòng hai đêm, qua đêm thứ ba lại cùng ngủ chung phòng với người chưa thọ giới cụ túc khác thì phạm Ba-dật-đề vì liên tục. Nếu ngủ chung trong phòng có lợp mà không có ngăn che thì phạm Đột-kiết-la, phòng có ngăn che nhưng không có lợp

cũng phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo ngủ chung phòng một đêm với huỳnh môn hay người có hai căn thì phạm Đột-kiết-la, quá hai đêm thì phạm Ba-dật-đề.

55. Nhân duyên kết giới thứ năm mươi lăm:

Tỳ-kheo A-lợi-tra trước kia là đệ tử của ngoại đạo tà sư, được sai vào trong Phật pháp tu để làm đảo lộn Phật pháp. Vị này thông minh lợi căn nên không bao lâu sau thông đạt ba tạng, liền nói lời đảo ngược rằng: "Hành pháp chướng đạo không thể chướng đạo". Tướng phạm trong giới này là trước nên dùng lời dịu dàng can ngăn mà không chịu bỏ thì tăng mới tác pháp bạch tứ yết ma để can ngăn, nếu là yết ma như pháp như luật, như lời Phật dạy ba lần can ngăn mà không chịu bỏ thì Tỳ-kheo này phạm Ba-dật-đề; ba chúng dưới nếu ác tà không trừ cũng nên ba lần can ngăn, không chịu bỏ thì nên diệt tẫn.

56. Nhân duyên kết giới thứ năm mươi sáu:

Tỳ-kheo cọng giới với Tỳ-kheo-ni, ba chúng dưới không phạm. Phật kết giới này cho các Tỳ-kheo một là để diệt trừ ác pháp, hai là để thanh tịnh Phật pháp. Thể của giới này là Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo kia bị yết ma Bất xả ác tà kiến tẫn mà cùng ở chung, cùng cọng sự thì phạm. Cọng sự có hai việc là pháp và tài vật; cọng trụ là cùng ở chung cùng tác pháp yết ma như Đơn bạch yết ma, bạch nhị yết

ma, bạch tứ yết ma, bố tát, tự tứ, yết ma cử mười bốn hạng người…

Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo cùng làm pháp sự với người bị tẫn, hoặc dạy kinh; nếu nói mỗi mỗi việc thì mỗi mỗi phạm Ba-dật-đề, nếu nói biệt cú thì mỗi mỗi câu phạm Ba-dật-đề; Tỳ-kheo theo người bị tẫn hỏi nghĩa kinh cũng như vậy. Nếu Tỳ-kheo cho người bị tẫn y bát… cho đến thuốc uống trọn đời hoặc thọ y bát… cho đến thuốc trọn đời từ người bị tẫn đều phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo cùng người bị tẫn ngủ chung trong bốn loại nhà kể trên thì phạm Ba-dật-đề; tùy đứng lên nằm xuống bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu; nếu ngồi suốt đêm thì phạm Đột-kiết-la.

57. Nhân duyên kết giới thứ năm mươi bảy:

Tỳ-kheo cọng giới với Tỳ-kheo-ni, ba chúng dưới không phạm. Thể của giới này là Tỳ-kheo biết Sa-di đã bị diệt tẫn mà chứa nuôi cùng cọng sự, cùng ở chung thì phạm. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo dạy kinh pháp hay nói kệ cho Sa-di bị tẫn, nói mỗi mỗi kệ thì mỗi mỗi phạm Ba-dật-đề, nếu nói biệt cú thì mỗi mỗi câu phạm Ba-dật-đề; Tỳ-kheo theo người bị tẫn hỏi nghĩa kinh cũng như vậy. Nếu Tỳ-kheo cho người bị tẫn y bát… cho đến thuốc uống trọn đời hoặc thọ y bát… cho đến thuốc trọn đời từ người bị tẫn đều phạm Ba-dật-đề. Nếu cùng ngủ chung với Sa-di bị tẫn trong bốn loại nhà kể trên thì phạm Ba-dật-đề; tùy

đứng lên nằm xuống bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu; nếu ngồi suốt đêm cũng phạm Ba-dật-đề. Nếu Sa-di ác tà kiến sau khi được can ngăn ba lần mà không chịu bỏ thì Tăng nên diệt tẫn, nếu hoàn tục làm cư sĩ sau đó làm Sa-di trở lại thì vẫn như yết ma trước; nếu thọ giới cụ túc thì vẫn như yết ma trước; nếu chuyển căn thành Sa-di-ni thì vẫn như yết ma trước.

58. Nhân duyên kết giới thứ năm mươi tám:

Tỳ-kheo cọng giới với Tỳ-kheo-ni, ba chúng dưới không phạm. Vật báu là vàng bạc, xa cừ, mã não, lưu ly, trân châu… hoặc đồ trang sức bằng vàng, hoặc tượng vàng… tất cả các loại vật báu nếu Tỳ-kheo cầm đều phạm Ba-dật-đề. Nếu tự cầm tượng bằng vàng lên thì phạm Ba-dật-đề, cùng tịnh nhân cầm lên thì không phạm; cầm vật tợ báu cũng không phạm. Nếu vật tợ báu làm thành đồ trang sức của người nữ, Tỳ-kheo cầm thì phạm Đột-kiết-la; nếu làm thành đồ trang sức của người nam, Tỳ-kheo cầm không phạm, trừ cầm các loại binh khí như giáo mác cung tên…; nếu cầm nhạc cụ thì phạm Đột-kiết-la, cầm tiền cũng phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo cầm vật báu quý trọng thì phạm Ba-dật-đề, nếu sai bảo ba chúng dưới hay cư sĩ cầm thì không phạm, trừ ở trong Tăng phường và ở trú xứ nếu có người để quên vật báu, Tỳ-kheo lấy cất nên khởi tâm đợi chủ đến hỏi thì sẽ đưa lại. Trong Tăng phường là trong phạm vi tường chùa hay hàng rào;

trong trú xứ là trong nhà cư sĩ hay trú xứ mà Tỳ-kheo đang ở. Trong hai chỗ này nếu có người để quên vật báu, nếu có tịnh nhân thì nên bảo họ lấy cất, nếu không có tịnh nhân thì tự lấy cất đợi chủ của vật báu đến tìm, nếu nói đúng hình dạng của vật thì nên đưa lại cho chủ, nếu nói không đúng hình dạng của vật thì không nên đưa lại. Nếu vật báu rơi rớt bên ngoài tường chùa hay không phải trong nhà cư sĩ, trú xứ mà mình đang ở thì không nên lấy cất.

59. Nhân duyên kết giới thứ năm mươi chín:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Ba-dật-đề, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Y mới là y mà mình mới có được, bất luận mới hay cũ đều gọi là y mới; sắc có năm màu chính là vàng đỏ xanh đen và trắng. Nếu tự nhuộm thành năm màu sắc chính này thì phạm Đột-kiết-la; may y thì không thành thọ trì, dù y đúng lượng hay không đúng lượng đều không được mặc. Nếu vải trước đã có năm màu sắc chính, sau đó đem nhuộm thành màu sắc như pháp để may y thì thành thọ trì; nếu vải trước đã có màu sắc như pháp, sau đó đem nhuộm thành năm màu sắc chính để may y thì không thành thọ trì; trừ ba pháp y không thành thọ trì, các loại y khác nếu làm ba điểm tịnh thì được mặc. Nếu vải có màu xanh biếc thì không được thọ trì, trừ ba pháp y, tất cả các loại y khác nếu làm ba điểm tịnh thì được mặc. Nếu vải có màu xanh, đen,

mộc lan hoại sắc may các loại y đều thành thọ trì; nếu vải không có màu thuần xanh, mà là xanh nhạt, xanh biếc… làm ba điểm tịnh rồi có thể may nội y, nếu không ảnh hiện màu xanh ra ngoài thì được mặc; vải không có màu thuần đỏ, vàng, đen của năm màu sắc chính cũng giống như vậy. Trừ giày phú la và giày da, tất cả ngọa cụ cho đến dây lưng… đều phải làm ba điểm tịnh rồi mới mặc, nếu không điểm tịnh mà mặc thì phạm Ba-dật-đề. Ba pháp y nếu màu sắc không như pháp thì không thành thọ trì, các loại y khác có màu sắc như pháp hay không như pháp nếu không điểm tịnh mà mặc đều phạm Ba-dật-đề; dù điểm tịnh cũ bị mất, vẫn là y thanh tịnh không cần điểm tịnh lại. Nếu y đã điểm tịnh rồi, sau đó dùng vải mới vá hoặc năm hay mười chỗ thì chỉ cần điểm tịnh một chỗ.

Luận về pháp tác tịnh phân biệt có ba: Một là y như pháp nên làm ba điểm tịnh và tất cả loại nước uống phi thời cần tác tịnh thì Tỳ-kheo được tự làm. hai là rau quả thuộc trong năm loại giống (chủng tử) thì nên ở bên Sa-di hay cư sĩ tác tịnh. Ba là loại giày da hai lớp trở lên hay giày phú la mới nên bảo cư sĩ mang đi năm hoặc sáu, bảy bước tức là tác tịnh. Nếu là vật báu… phải tác tịnh từ bên cư sĩ. Có hai loại tác tịnh: Một là cố ý tác tịnh như rau quả thuộc trong năm loại giống hoặc nước uống phi thời thì phải dùng hỏa tịnh hoặc đao tịnh, trảo tịnh, hoặc dùng nước để tác tịnh. hai là không cố ý

tác tịnh như trái cây tự rụng hoặc bị chim mổ làm rụng, hoặc bị mưa gió làm rụng thì gọi là tác tịnh. Tất cả y hoại sắc làm điểm tịnh phân biệt có ba màu là xanh, đen và mộc lan; nếu y có màu sắc như pháp mà lấy năm màu sắc chính làm điểm tịnh để mặc thì phạm Đột-kiết-la; nếu y có năm màu thuần sắc thì không thành thọ trì, nếu làm điểm tịnh để mặc thì phạm Đột-kiết-la. Nếu y có màu thuần sắc, sau đó nhuộm thành màu như pháp thì thành thọ trì; nếu y có màu sắc như pháp, sau đó nhuộm thành màu không như pháp, làm điểm tịnh để mặc thì không thành thọ trì.

60. Nhân duyên kết giới thứ sáu mươi:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Ba-dật-đề, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo chưa tới nữa tháng mà tắm thì phạm Ba-dật-đề, nếu đủ nữa tháng hoặc hơn thì tắm không phạm. Trừ trời nóng là một tháng rưỡi cuối mùa xuân và một tháng đầu mùa hạ, hai tháng rưỡi này gọi là mùa nóng. Luật sư nói ở Thiên trúc trời nóng sớm, tùy mỗi nơi có nóng sớm hay muộn mà tính lấy hai tháng rưỡi, tắm thì không phạm. Trừ khi bịnh bao gồm bịnh nóng, lạnh cần phải tắm thì không phạm; trừ khi gió là bị gió thổi bụi bám vào người, tắm thì không phạm; trừ khi mưa là bị mưa làm ướt, tắm thì không phạm; trừ khi làm việc là cho đến quét dọn trong Tăng phường; trừ khi đi đường là

đi hoặc đến trong khoảng nữa do tuần. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo đến hôm qua, hôm nay mới tắm thì phạm Ba-dật-đề; hoặc ngày mai đi mà hôm nay tắm thì phạm Ba-dật-đề; ngay ngày nào đi hoặc đến thì ngay ngày đó tắm không phạm. Nếu không có các nhân duyên kể trên, chưa tới nữa tháng mà tắm thì phạm Ba-dật-đề; nếu có nhân duyên mà không nói cho Tỳ-kheo khác biết, tắm thì phạm Đột-kiết-la.

61. Nhân duyên kết giới thứ sáu mươi mốt:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Ba-dật-đề, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Phật kết giới này cho các Tỳ-kheo một là vì tâm thương xót, hai là để dứt ác pháp, ba là để tăng trưởng lòng tín kính. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo giết súc sanh thì phạm Ba-dật-đề; tự giết hoặc bảo người giết hay sai khiến giết đều phạm Ba-dật-đề; đủ ba việc: Một là tưởng súc sanh, hai là có tâm giết, ba là bị giết chết thì thành tội Ba-dật-đề. Tự giết là muốn cho súc sanh chết nên dùng tay chân hoặc dùng cây gậy, ngói đá, dao, cung tên… đánh, ném hoặc đâm giết; nếu súc sanh chết thì Tỳ-kheo phạm Ba-dật-đề, tuy không chết liền lúc đó nhưng sau vì duyên do này mà chết thì Tỳ-kheo cũng phạm Ba-dật-đề; nếu sau đó chết vì nguyên do khác thì Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la. Nếu bỏ thuốc độc vào mắt hay trên thân phần, hoặc vào trong thức ăn…; súc sanh chết hay không chết đều

giống như trên. Nếu làm bẩy rập hoặc đè bụng làm cho súc sanh hư thai, cho đến thai trong bụng súc sanh đã được hai căn mà làm cho nó chết hay không chết đều giống như trên. Nếu bảo người khác giết hay sai khiến giết súc sanh này mà lại giết súc sanh khác thì Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la. Hoặc bảo người khác rằng khi nào nó đến thì giết mà người đó lại giết lúc nó đang đi thì Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la. Ngoài ra đều giống như trong giới sát của thiên Ba-la-di đã nói, chỉ khác là giới này giết súc sanh.

62. Nhân duyên kết giới thứ sáu mươi hai:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Ba-dật-đề, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Tướng phạm trong giới này có sáu việc:

Một là sanh, như Tỳ-kheo hỏi Tỳ-kheo khác sanh ra vào thời nào, hoặc hỏi râu mọc vào lúc nào…;

Hai là thọ giới cụ túc, như Tỳ-kheo hỏi Tỳ-kheo khác thọ giới cụ túc vào lúc nào, hoặc hỏi Hòa thượng A-xà-lê là ai, hoặc hỏi giáo thọ sư là ai, hoặc hỏi thọ giới cụ túc trong chúng năm người hay chúng mười người…;

Ba là phạm bao gồm tội trong bốn thiên giới sau.

Bốn là hỏi, như Tỳ-kheo hỏi Tỳ-kheo khác rằng: "Thầy đi đường đến tụ lạc ngồi trong nhà ,

nói chuyện với người nữ

phải không?", hoặc hỏi: "Thầy đến chùa Ni nói chuyện với Ni tên phải không?".

Năm là vật dụng, như Tỳ-kheo hỏi Tỳ-kheo khác rằng: "Thầy tác pháp thọ bát cho đến thuốc trọn đời với ai đồng tâm?".

Sáu là pháp, như Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác chớ cất chứa nhiều y, chớ ăn nhiều lần, chớ ăn biệt chúng…

Trong sáu việc trên thì hỏi về sanh có thể phạm Ba-dật-đề hoặc Đột-kiết-la hoặc không phạm nếu là xét hỏi về năm sanh. Về thọ giới cụ túc, nếu chưa đủ tuổi mà thọ thì người đó thật không đắc giới, nếu nói với tâm thương xót thì không phạm, nếu nói cố ý làm cho người đó nghi hối thì Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la; nếu người đó thật đã đắc giới, Tỳ-kheo hỏi với mục đích xúc não làm cho người đó nghi hối thì phạm Ba-dật-đề. Năm việc còn lại tùy người kia nghe rồi có nghi hối hay không, Tỳ-kheo đều phạm Ba-dật-đề; ngoài sáu việc trên, nếu dùng việc khác để xúc não làm cho người sanh nghi hối thì Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la, như nói thầy ăn nhiều, ngủ nhiều… Nếu đem sáu việc trên hỏi để xúc não ba chúng ni khiến sanh nghi hối thì Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la; xúc não Sa-di đắc giới (học hối Sa-di), người mù, điếc, câm, người hành Biệt trú, Ma-na-đỏa… cho đến người bị yết ma Bất

kiến tẫn… khiến sanh nghi hối thì Tỳ-kheo đều phạm Ba-dật-đề. Nếu xúc não người khác như sáu hạng người phạm tội, người thọ năm pháp, người việt tế (phá nội ngoại đạo), tặc trụ, người vốn đã phá giới, người xả giới hoàn tục sau trở lại làm Tỳ-kheo… khiến sanh nghi hối thì Tỳ-kheo đều phạm Đột-kiết-la.

63. Nhân duyên kết giới thứ sáu mươi ba:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Ba-dật-đề, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo dùng một ngón tay chọc lét người khác thì phạm một Ba-dật-đề, tùy dùng mấy ngón tay thì phạm bấy nhiêu Ba-dật-đề. Nếu chọc lét ba chúng ni, sáu hạng người phạm tội, người thọ năm pháp… thì Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la; chọc lét Sa-di đắc giới (học hối Sa-di), người điếc…, người hành Biệt trú… cho đến người bị yết ma Bất kiến tẫn… thì Tỳ-kheo phạm Ba-dật-đề. Nếu dùng cây chọc lét thì phạm Đột-kiết-la, bảo người khác chọc lét cũng phạm Đột-kiết-la. Thập thất quần Tỳ-kheo chọc lét làm cho một người chết đều là Tỳ-kheo nhỏ tuổi.

64. Nhân duyên kết giới thứ sáu mươi bốn:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Ba-dật-đề, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Phật kết giới này cho các Tỳ-kheo một là vì Phật pháp tôn trọng để tăng trưởng lòng tín kính,

hai là không bỏ chánh nghiệp để tu chánh niệm. Tướng phạm trong giới này có tám trường hợp: Một là làm trò vui, hai là làm trò ưa thích, ba là làm trò cười, bốn là đùa giỡn, năm là nghịch nước, sáu là làm cho người khác vui, bảy là làm cho người khác thích, tám là làm cho người khác cười. Nếu Tỳ-kheo làm một trong tám trường hợp trên như đập vỗ nước hoặc lặn hụp, hoặc bơi như cá bơi, hoặc bơi sảy, bơi ếch, bơi ngửa… đều không phải oai nghi nên phạm Ba-dật-đề. Nếu vẽ nước đọng trên bàn cũng phạm Đột-kiết-la, nếu học bơi hoặc lội thẳng qua thì không phạm.

65. Nhân duyên kết giới thứ sáu mươi lăm:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Ba-dật-đề, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Nhà phân biệt có bốn loại: Một là tất cả đều ngăn, tất cả đều lợp; hai là tất cả đều ngăn nhưng không lợp tất cả; ba là tất cả đều lợp nhưng chỉ ngăn phân nữa; bốn là tất cả đều lợp nhưng chỉ ngăn một ít. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo ngủ chung một nhà với người nữ cho đến súc sanh cái thì phạm Ba-dật-đề; tùy đứng lên nằm xuống bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu; nếu ngồi suốt đêm thì không phạm. Nếu nhà kế bên có người nữ ngủ, Tỳ-kheo ngủ trong nhà này có lỗ thông với nhà kế bên mà con mèo chui qua lọt thì phạm Ba-dật-đề. Giới này từ thân giới kết tội nên Tỳ-kheo ngủ chung một nhà với người nữ thì phạm

Ba-dật-đề; tùy đứng lên nằm xuống bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu; lại từ trên số người mà kết tội nên trong nhà có một người nữ thì phạm một Ba-dật-đề, có mười người nữ thì phạm mười Ba-dật-đề. Nếu nhà lợp tất cả mà không ngăn, hoặc chỉ ngăn ba phía cho đến chỉ ngăn một phía thì phạm Đột-kiết-la; nếu ngủ chung với người nữ trong nhà tất cả đều có che lợp, dù lớn hay nhỏ đều phạm Ba-dật-đề. Nếu là nhà chiêu đề, trong nhà có nhiều phòng, tuy mỗi phòng đều có vách ngăn, Tỳ-kheo ở trong phòng này, người nữ ở trong phòng kia, vì là cùng một nhà nên dù đóng cửa cũng phạm Ba-dật-đề; nếu chỗ ra vào khác nhau, Tỳ-kheo đóng cửa thì không phạm. Nếu ở nhà cư sĩ có nhiều phòng, Tỳ-kheo ở phòng này, người nữ ở phòng kia, nếu Tỳ-kheo không đóng cửa phòng thì phạm Đột-kiết-la, đóng cửa phòng thì không phạm. Nếu Tỳ-kheo ngủ chung với người nữ dưới gốc cây thì phạm Đột-kiết-la. Người nữ hay súc sanh cái trong giới này chỉ cho loài có thể hành dâm được, nếu là thạch nữ hay người nữ có căn hư hoại hay quỷ thần nữ và súc sanh không thể cùng hành dâm được thì Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la.

66. Nhân duyên kết giới thứ sáu mươi sáu:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Ba-dật-đề, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Tướng phạm trong giới này có sáu trường hợp:

Một là dùng sắc như Tỳ-kheo giả ma làm các hình sắc đáng sợ hoặc hình sắc voi, ngựa, trâu… khiến cho người khác sợ thì phạm Ba-dật-đề.

Hỏi: Làm những hình sắc thường thấy thì có gì đáng sợ?

Đáp: Vì phi thời hù dọa nên khiến người khác sợ, thanh và hương cũng giống như vậy.

Bốn là dùng vị như Tỳ-kheo hỏi Tỳ-kheo khác hôm nay ăn món gì, đáp là ăn món cá nấu với lạc, liền nói rằng: "Người nào ăn món cá nấu với lạc sẽ bị bịnh hủi hay ghẻ lở", dù người nghe sợ hay không sợ, Tỳ-kheo đều phạm Ba-dật-đề .

Năm là dùng xúc như thấy người khác trải vật cứng lót ngồi, Tỳ-kheo bỏ vật cứng thay bằng vật mềm khiến người kia khi xúc chạm thấy khác sẽ sanh sợ, dù người đó có sợ hay không, Tỳ-kheo đều phạm Ba-dật-đề.

Sáu là dùng pháp như Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác rằng: "Thầy đại tiểu tiện trên rau cỏ tươi sẽ bị đọa trong ba đường ác", dù người nghe có sợ hay không, Tỳ-kheo đều phạm Ba-dật-đề.

Trừ dùng năm việc trên, nếu dùng việc khác hù dọa làm cho người khác sợ thì Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la, như nói thầy ăn nhiều ngủ nhiều sẽ đọa trong ba đường ác. Nếu hù dọa ba chúng Ni cho đến sáu hạng người phạm tội, người thọ năm pháp… thì Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la; nếu hù dọa

Sa-di đắc giới (học hối Sa-di), người điếc…, người hành Biệt trú… cho đến người bị yết ma Bất kiến tẫn… thì Tỳ-kheo phạm Ba-dật-đề.

67. Nhân duyên kết giới thứ sáu mươi bảy:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đều kết phạm Ba-dật-đề, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo giấu y bát, khóa cửa, giày dép… của tỳ-kheo khác khiến tìm không được thì Tỳ-kheo phạm Ba-dật-đề; nếu tìm ra được thì Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la. Nếu giấu các loại bất báu như bát bằng vàng, bạc… dù tìm được hay không được, Tỳ-kheo đều phạm Đột-kiết-la; nếu giấu y có năm màu sắc chính hoặc y dệt bằng lông lạc đà, lông tạp… thì Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo giấu y bát của Sa-di đắc giới, người điếc…, người hành Biệt trú… cho đến người bị yết ma Bất kiến tẫn… đều phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo giấu y bát của sáu hạng người phạm tội, người thọ năm pháp… cho đến giấu y bát của ba chúng ni, đều phạm Đột-kiết-la. Nếu giấu các vật dụng thuộc trong một trăm lẻ một vật thì Tỳ-kheo phạm Ba-dật-đề; giấu khóa cửa, kiền tư cho đến y bát dư đã tác tịnh, ống kim… đều phạm Ba-dật-đề; nếu giấu ống kim không có kim thì Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la.

68. Nhân duyên kết giới thứ sáu mươi tám:

Giới này là cọng giới, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni

đều kết phạm Ba-dật-đề, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Thể của giới này là ban đầu đem y cho người khác với tâm dối gạt để sai bảo làm việc gì đó, đợi sau khi làm xong việc liền đoạt y lại thì Tỳ-kheo phạm Ba-dật-đề, sở dĩ không phạm trọng vì đây không phải là căn bản cho. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo đem y cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni và ba chúng dưới; sau đó đòi mà họ không trả lại liền đoạt lấy thì phạm Ba-dật-đề.

-oOo-

TÁT BÀ ĐA TỲ NI TỲ BÀ SA

QUYỂN 9

6. Nhân Duyên Kết Chín Mươi Pháp Ba-Dật-Đề (Tiếp Theo):

69. Nhân duyên kết giới thứ sáu mươi chín:

Tỳ-kheo vu báng Tỳ-kheo khác phạm tội trong Thâu-lan-giá thì phạm Đột-kiết-la, vu báng người khác cũng phạm.

70. Nhân duyên kết giới thứ bảy mươi:

Giới trước chế đi chung đường với Ni, giới này chế đi chung đường với nữ bạch y, nghĩa đồng, đi với bao nhiêu người nữ thì phạm bấy nhiêu Ba-dật-đề.

71. Nhân duyên kết giới thứ bảy mươi mốt:

Cùng đi với giặc: Bản dịch đời Tần dịch Ca Sa-là y nhuộm, nếu Tỳ-kheo mặc ca-sa này đến chỗ cầm thú sẽ khiến chúng không sợ hãi. Do có thợ săn mặc ca sa giả làm Tỳ-kheo giết chết thú rừng nên từ đó về sau, cầm thú thấy Tỳ-kheo từ xa đều sợ hãi tránh đi. Tỳ-kheo đi với giặc cũng vậy, người nhìn thấy sẽ không khởi tâm tín kính nên Phật chế giới này.

72. Nhân duyên kết giới thứ bảy mươi hai:

Nếu chưa đủ hai mươi tuổi, tưởng mình chưa đủ thì không đắc giới; thật không đủ cho đến dưới mười chín tuổi đều không đắc giới. Bản dịch đời Hồ nói là mười chín tuổi vẫn đắc giới, bản dịch đời Tần nói phải đủ năm mới đắc giới, nếu không đủ có thể tính cả thời gian ở trong thai mẹ cho đủ. Nói cọng sự là cùng Tăng thuyết giới, tác pháp yết ma…; nói cùng ở chung thì phạm là nếu cùng ở chung ngủ quá hai đêm. Nếu người đã đủ hai mươi tuổi, tưởng là đủ hai mươi, khi ở trong Tăng hỏi lại đáp là không đủ thì có hai trường hợp: Một là vì quên lộn thì người này đắc giới, hai là vì không muốn thọ giới, do thầy cưỡng ép cho thọ nên đáp là không đủ thì người này không đắc giới. Người đã sáu mươi tuổi thì không được thọ giới cụ túc, thầy ép thọ cũng không đắc giới vì người tuổi này già suy, tâm ý chậm lụt, không thể chịu nổi khổ hành đạo, chỉ được làm Sa-di; người chưa tới bảy tuổi cũng không nên độ, nếu độ và cho thọ giới thì phạm Đột-kiết-la. Khi cho thọ giới, Tăng nên quán sát tướng mạo và hỏi tuổi, nếu chưa đủ hai mươi thì không nên cho thọ giới, vì tuổi này còn nôn nảy khinh tháo, không chịu nổi khổ lạnh nóng đói khát; nếu cho thọ đại giới sẽ bị mọi người chê trách, làm Sa-di thì không ai trách. Ni đủ mười hai tuổi là người nữ đã gả thì được thọ đại giới vì ở trong nhà chồng đã chịu đựng khổ sở nên sanh nhàm lìa.

73. Nhân duyên kết giới thứ bảy mươi ba:

Sanh địa: Bản dịch đời Hồ dịch là thật địa, từ tháng tư cho đến tháng tám là mùa mưa, đất đai thấm nhuần khiến cây cỏ nẩy mầm sanh trưởng nên đất này gọi là sanh địa; ngược lại vào những tháng khác không phải mùa mưa, trời nóng khô khiến cây cỏ không thể nẩy mầm sanh trưởng nên đất này không phải là sanh địa. Nếu đào lớp đất khô ở trên thì phạm Đột-kiết-la, đào đến lớp đất ẩm ướt ở dưới thì phạm Ba-dật-đề. Đào đất làm móng để xây tường làm nhà thì không phạm vì đất làm nhà khác với đất trồng, nếu có người muốn lấy đất để trồng nên chỉ từ xa và nói: "Nơi đó đất tốt có thể trồng", nếu đến gần chỉ thì phạm. Trời mưa trong đất có ổ kiến, nếu đào đất này thì phạm Đột-kiết-la vì đất này không phải là căn bản thật địa; nhưng nếu đất này có cỏ mọc mà đào thì phạm Ba-dật-đề, đào đất bùn cũng phạm Ba-dật-đề.

74. Nhân duyên kết giới thứ bảy mươi bốn:

Trong giới này Phật chế không cho xin phi thời và xin người không phải là bà con, do Lục quần Tỳ-kheo cho Thích Ma-ha-nam-là bà con nên tuy đã hết hạn bốn tháng thỉnh cúng thuốc mà vẫn đến đòi hỏi. Thỉnh lại là do thí chủ có việc gấp, không thực hiện đúng như lời đã thỉnh nên sau đó thỉnh lại, hoặc đã thỉnh cúng xong hai tháng, nay thỉnh thêm hai tháng nữa, hoặc thỉnh nhiều lần, việc không đồng đều được tùy thỉnh trong ba thời xuân

hạ đông. Nếu thỉnh vào đầu hạ thì giữa hạ thọ, nếu đến nữa hạ mới thỉnh, không hết bốn tháng thì nhập vào phần mùa đông, thọ vào mùa khác cũng giống như vậy. Biệt thỉnh là thỉnh riêng một vị nào đó cũng không phạm.

75. Nhân duyên kết giới thứ bảy mươi lăm:

Kết đồng giới là cả hai bộ tăng đều đồng giới thì Phật sẽ kết giới ở trong đại tăng trước, sau đó sai một đại Tỳ-kheo qua bên Ni tăng báo lại; nếu kết giới riêng cho Ni thì ở trong hai bộ tăng mà kết, hoặc do bên Ni nhân khởi đồng, hoặc do bên Tăng nhân khởi đồng, hoặc do cả hai bên nhân khởi đồng. Tu-đa-la là bốn bộ A-hàm và hai trăm năm mươi giới; Tỳ-ni là chiết phục, vì có thể chiết phục tham sân si, chính là Luật. Ma-đa-lặc-già là khéo chọn nghĩa của các pháp tướng, tương tự như A-tỳ-đàm; Tỳ bà Sa-là A-tỳ-đàm và giới tăng nhất, vì nói rõ nghĩa và tướng, luận về sắc hay không phải sắc, là giáo hay không phải giáo. Kinh nhiếp vào Tỳ-ni là các kinh khác, hoặc ở chỗ thuyết giới, nếu đem giới trong kinh này nói cho người chưa thọ giới cụ túc biết thì phạm Đột-kiết-la; nếu họ sanh tâm và khẩu khinh thường không đến nghe giới thì Tỳ-kheo phạm Ba-dật-đề, nếu vì việc khác không đến nghe thì Tỳ-kheo không phạm.

76. Nhân duyên kết giới thứ bảy mươi sáu:

Đến rình nghe sở dĩ phạm là vì từ việc nghe biết

này có thể phá phật pháp và khiến Tăng phân thành hai bộ. Nếu đến rình nghe rồi đi nói lại cho người khác biết hay không nói lại đều phạm Ba-dật-đề.

77. Nhân duyên kết giới thứ bảy mươi bảy:

Khi Tăng xử đoán việc, Tỳ-kheo im lặng đứng dậy bỏ đi: Một trăm lẻ một pháp yết ma đều thuộc trong ba loại yết ma là đơn bạch yết ma, bạch nhị yết ma, bạch tứ yết ma. Nếu việc đơn giản thường làm thì đơn bạch, việc hơi quan trọng thì bạch nhị, việc tối quan trọng thì bạch tứ. Khi Tăng đang làm một trong loại yết ma này mà Tỳ-kheo im lặng đứng dậy bỏ đi thì phạm Ba-dật-đề; nếu không phải Tăng tác pháp yết ma, đứng dậy bỏ đi thì phạm Đột-kiết-la.

78. Nhân duyên kết giới thứ bảy mươi tám:

Không cung kính: Bản dịch đời Hồ gọi là xúc não người khác. Nếu được bảo cho biết rồi thì có bốn việc làm xúc não người khác: Như thầy và bậc Thượng tòa đã bảo cho biết là đừng làm việc đó, ban đầu nghe lời không làm, không lâu sau lại làm và sau cùng cãi lời và làm khác thì phạm Ba-dật-đề. Xúc não hạ tòa thì phạm Đột-kiết-la; nếu chưa được bảo cho biết thì có hai việc làm xúc não người khác đều phạm Đột-kiết-la.

79. Nhân duyên kết giới thứ bảy mươi chín:

Uống rượu: Nếu có đủ hương rượu, vị rượu và uống say thì phạm Ba-dật-đề; ăn men rượu cũng

phạm Ba-dật-đề. Uống rượu có thể phạm tội năng hơn tội này nghĩa là khi uống say có thể tạo bốn tội nghịch, trừ tội Phá tăng, cũng có thể phạm các khác khác và làm các điều ác.

80. Nhân duyên kết giới thứ tám mươi:

Phi thời vào tụ lạc: ở A-lan-nhã có đàn việt làm chỗ ở và chỗ học vấn ở bên ngoài gần tụ lạc; lại có người ở A-lan-nhã sợ có giặc cướp nên làm một trú xứ cho Tăng hay chùa ở bên ngoài gần tụ lạc. Nếu Tỳ-kheo ra khỏi chùa không nói với ai, tới cửa thành thì phạm Đột-kiết-la; nếu muốn vào tụ lạc, bạch chung chung là vào tụ lạc thì được tùy ý đi, nếu bạch rõ chỗ đi đến hoặc không bạch trước thì khi đến nơi đó tùy thấy Tỳ-kheo nào, bạch thì không phạm.

81. Nhân duyên kết giới thứ tám mươi mốt:

Phật chế giới này duyên khởi từ Bạt-nan-đà, thí chủ vì Bạt-nan-đà nên xuất một trăm lượng mua các vật cần dùng và một trăm lượng lo liệu các thức ăn uống để cúng dường Phật và Tăng. Đến ngày đó Bạt-nan-đà đến nhà thí chủ này trước, dặn dò thí chủ rồi đi đến nhà khác và trở lại trễ giờ thọ thực của Phật và Tăng nên Phật chế giới. Nếu đàn việt thỉnh Tăng thọ thực, vào sáng sớm Tỳ-kheo bạch Tăng rồi đi đến thì không phạm, nếu không bạch thì phạm Ba-dật-đề; nếu bạch rồi đi đến giữa đường lại ghé qua nhà khác thọ thực, thọ chánh

thực thì phạm Ba-dật-đề, không phải chánh thực thì phạm Đột-kiết-la. Nếu đi cùng Tăng thì không cần bạch, nếu đi đến trước thì phạm Ba-dật-đề. Nếu thí chủ thỉnh thực vào ngày mai, ngày nay Tỳ-kheo đi đến thì phạm Ba-dật-đề, trừ thí chủ thỉnh; ngày sau nếu thí chủ không để phần thức ăn mà Tỳ-kheo tự đến thì phạm Ba-dật-đề, vì làm cho thí chủ mệt nhọc làm thức ăn. Nếu chúng tăng đến nhà thí chủ trước, mình lễ mễ đến sau thì phạm Ba-dật-đề; thọ thực xong chưa thọ thẩn mà bỏ đi thì phạm Ba-dật-đề; muốn đi riêng đến chỗ khác phải báo cho bạn đồng học biết, phạm và không phạm giống như trên. Dù nhà đàn việt gần chùa, Tỳ-kheo nếu đến mà không bạch Tăng cũng phạm Ba-dật-đề; vào thành thì phạm Đột-kiết-la; nếu có bạch nhưng lại về trễ làm xúc não Tăng thì phạm Đột-kiết-la.

82. Nhân duyên kết giới thứ tám mươi hai:

Cửa là cửa ngoài của cung vua, ngạch cửa là ngay trước cửa cung có một cây gỗ gọi là ngạch cửa, nếu Tỳ-kheo bước qua cây gỗ này vào bên trong thì phạm. Vua chưa cất của báu là vua tuy ra ngoài nhưng phu nhân của vua chưa ra, phu nhân là của báu của vua, còn mặc áo ngủ mỏng manh trên người nên thân phần ảnh hiện ra ngoài, nhìn thấy dễ khởi ý dục, vì chưa cất áo ngủ này, chưa mặc lại áo khác nên gọi là chưa cất của báu. Ban đêm trời chưa sáng: Theo bản dịch đời Hồ thì có hai nghĩa là trời chưa sáng hoặc là phu nhân chưa

dậy. Nếu phu nhân của vua chưa cất của báu, Tỳ-kheo bước qua ngạch cửa vào bên trong thì phạm Ba-dật-đề; nếu vua đã ra và phu nhân đã cất của báu, Tỳ-kheo vào không phạm; nếu vua, phu nhân hoặc đại thần… dùng thế lực bắt dẫn vào thì không phạm; nếu vào cửa cung của vua trời, vua rồng, quỷ thần thì phạm Đột-kiết-la; vào cửa cung trống không thì không phạm. Vua là chỉ cho người đứng đấu một tụ lạc trở lên.

83. Nhân duyên kết giới thứ tám mươi ba:

Hôm nay tôi mới biết pháp này là do nghe giới với tâm tán loạn nên kết phạm, nghe từ đầu đến Chúng học pháp mới nói câu này thì phạm Đột-kiết-la; nghe thuyết giới xong mới nói câu này thì phạm Ba-dật-đề; nếu thật đã biết rồi mà nói là nay mới biết thì phạm vọng ngữ Ba-dật-đề; giới này chỉ kết tội không chú tâm lắng nghe giới.

84. Nhân duyên kết giới thứ tám mươi bốn:

Ống kim: Vì là vật khinh (không quý giá) nên không xếp vào trong thiên Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nên phá bỏ là nếu trả lại cho thí chủ mà thí chủ không nhận, nếu cho người khác thì thí chủ không vui , đem cho Tăng thì không như pháp, vì vậy nên phá bỏ. Xương là như xương voi, xương ngựa…; nha chỉ cho ngà voi hay răng nanh heo rừng; sừng là như sừng trâu, sừng dê, sừng nai. Do tham đẹp và không thanh tịnh nên kết phạm.

85. Nhân duyên kết giới thứ tám mươi lăm:

Giường cao rộng là giường cao quá tám ngón tay của Phật, nằm dễ sanh kiêu mạn, vì tùy ngồi nằm mà kết tội nên không xếp vào trong thiên Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; nên cưa bớt cho đúng lượng rồi vào trong Tăng sám hối; nếu ở chỗ ẩm thấp thì được kê cao đến tám ngón tay, cao quá tám ngón tay thì phạm.

86. Nhân duyên kết giới thứ tám mươi sáu:

Đâu-la-miên là tên chung của loại cỏ, cây bông vải thường do người giàu sang cất chứa; nếu Tỳ-kheo lấy dồn làm ngọa cụ hay sanh trùng nên bị người đời chê hiềm; lại do ngồi nằm trên nệm bông cảm thấy êm ấm, sau gặp trời lạnh ngồi nằm trên ngọa cụ thô cứng sẽ không chịu nổi nên Phật chế ngăn. Tỳ-kheo khi xin bông Đâu la miên thì phạm Đột-kiết-la, dồn thành ngọa cụ thì phạm Ba-dật-đề.

87. Nhân duyên kết giới thứ tám mươi bảy:

Y phú kiên là do có một Tỳ-kheo bịnh ung nhọt, máu mủ chảy ra làm dơ y An-đà-hội nên Phật cho cất chứa y này dùng đến khi lành bịnh; y này mặc bên trong phủ trên chỗ bị ung nhọt, kế mặc Nê-hoàn-tăng; kích lượng của y này cũng bằng Nê-hoàn-tăng.

88. Nhân duyên kết giới thứ tám mươi tám:

Ni-sư-đàn: Khi Phật tại thế, y này chỉ dùng để ngồi nên kích lượng nhỏ; sau do Nan-đà nên khai

cho may thêm đường viền một gang tay nữa, tổng cộng là dài sáu thước, rộng ba thước.

89. Nhân duyên kết giới thứ tám mươi chín:

Trong giới này Phật không cho Ưu-bà-di được nguyện quá tức là không được nguyện không như pháp, chỉ được nguyện như pháp. Tỳ-kheo tắm nơi chỗ đất trống hay chỗ có che lợp đều không được tắm chung với bạch y, nên mặc Tăng kỳ chi để che thân: Một là vì có hổ thẹn, hai là để người khác nhìn thấy không khởi dục. Xưa có một Tỳ-kheo A-la-hán đang tắm, một Tỳ-kheo khác nhìn thấy thân vị này thanh tịnh liền khởi ý dục. Do nhân duyên này nên rụng mất nam căn, sanh nữ căn và hoàn tục; thời gian sau gặp lại Tỳ-kheo A-la-hán liền nhớ lại nhân duyên trước nên thỉnh cầu A-la-hán cho sám hối, do dụng tâm thuần thành nên có lại nam căn như trước. Vì nhân duyên này nên khi tắm không được để lộ thân, trong kinh nói tôi dâm dục với Tỳ-kheo hay Sa-di trì giới ngang với tội phá tháp bảy báu.

90. Nhân duyên kết giới thứ chín mươi:

May y bằng lượng y của Phật: Do thân Phật cao lớn gấp đôi người thường nên lượng y cũng rộng dài gấp đôi. Nan-đà là em của Phật, thấp hơn Phật bốn ngón tay nên y của Nan-đà phải giảm bớt chiều dài một thước và chiều rộng bốn tấc, không thể mặc bằng kích lượng y của Phật. Y của Phật có

màu sắc như vàng ròng, y - của Nan-đà nên hoại sắc như y của các Tỳ-kheo.

7. Nhân Duyên Kết Bốn Ba-La-Đề-Đề-Xá-Ni:

1. Nhân duyên kết giới thứ nhất:

Giới này bất cọng, ba chúng ni không phạm, Sa-di phạm Đột-kiết-la. Thể của giới này không có tên tội, do phải đến bên một Tỳ-kheo khác nói lỗi sám hối nên gọi là Hối quá. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo không bịnh, vào tụ lạc tự tay thọ lấy thức ăn từ Tỳ-kheo-ni không phải là bà con thì phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni; cùng một lúc thọ lấy mười lăm loại thức ăn thì phạm một Hối quá, nếu thọ riêng mỗi loại thì mỗi mỗi phạm Hối quá. Không phạm là Tỳ-kheo bịnh hoặc Tỳ-kheo-ni cho thức ăn là bà con, hoặc thọ thức ăn ở trong miếu thờ trời hoặc nơi chỗ đông người tụ họp, hoặc ở chỗ Sa-môn, hoặc ở ngoài tụ lạc hoặc ở trong chùa Ni.

2. Nhân duyên kết giới thứ hai:

Giới này bất cọng, ba chúng ni không phạm, Sa-di phạm Đột-kiết-la. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo được thức ăn do Tỳ-kheo-ni chỉ vẻ cho đàn việt cúng thì phạm, tùy được bao nhiêu thức ăn thì phạm bấy nhiêu Ba-la-đề-đề-xá-ni. Nếu hai bộ tăng cùng ngồi, trong một bộ Tăng nếu có người nói với Tỳ-kheo-ni thì bộ Tăng thứ

hai cũng gọi là đã nói với Tỳ-kheo-ni. Nếu vào riêng, ngồi riêng, ăn riêng và đi ra riêng thì Tỳ-kheo khi đi vào nhà đàn việt nên hỏi Tỳ-kheo đi ra: "Trong đây có Tỳ-kheo-ni nào chỉ vẻ đàn việt cúng thức ăn cho Tỳ-kheo không?", nếu đáp là có thì nên hỏi: "Có vị nào đã nhắc nhở Tỳ-kheo-ni đó chưa?", nếu đáp là đã nhắc nhở thì Tỳ-kheo mới vào này cũng gọi là đã nhắc nhở Tỳ-kheo-ni đó.

3. Nhân duyên kết giới thứ ba:

Giới này Tỳ-kheo cọng giới với Tỳ-kheo-ni, ba chúng dưới bất cọng. Tướng phạm trong giới này là nếu Tỳ-kheo ở trong nhà của Học gia, biết Tăng đã yết ma Học gia rồi, trước không được Học gia thỉnh thực mà tự đến nhà thọ lấy thức ăn thì phạm Hối quá. Nếu cùng một lúc thọ mười lăm loại thức ăn thì phạm một Hối quá, nếu thọ riêng mỗi loại thì mỗi mỗi phạm Hối quá.

4. Nhân duyên kết giới thứ tư:

Giới này bất cọng, bốn chúng kia không phạm. Tướng phạm trong giới này là Nếu Tăng chưa sai, Tỳ-kheo không ở ngoài Tăng phường mà ở trong Tăng phường tự tay thọ lấy thức ăn thì phạm Hối quá. Nếu Tỳ-kheo được Tăng yết ma sai, biết nơi đó sẽ có giặc vào thì nên cùng tịnh nhân đứng ở đó canh chừng; nếu thấy có ai giống như giặc thì nên đón lấy thức ăn và nói với người đưa thức ăn đến rằng: "Ông đừng đi vào trong đó, vì trong đó có

người giống như kẻ giặc", nếu người đưa thức ăn gắng gượng đến trong đó thì Tỳ-kheo không phạm. Luật sư nói người được Tăng sai phải là người khỏe mạnh, có sức lực có thể đuổi được giặc; nếu không thể đuổi được thì Tăng nên đến chỗ của giặc, nếu cũng không thể đuổi được thì nên nói với đàn việt trong tụ lạc để nhiều người cùng phòng hộ.

8. Nhân Duyên Kết Chúng Học Pháp:

Tỳ-kheo cọng giới với Tỳ-kheo-ni. Nói các Tỳ-kheo mặc Nê-hoàn-tăng quá cao, không phải là năm Tỳ-kheo cũng không phải ba anh em Tần loa Ca-diếp; cũng không phải là Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên; cũng không phải là các Tỳ-kheo thiện lai mà phần nhiều là các Tỳ-kheo dòng họ Thích xuất gia, do bạch tứ yết ma thọ giới cụ túc. Các vị này xuất thân từ Hoàng tộc do thói quen trước nên thường hoại oai nghi, mặc Nê-hoàn-tăng quá dài; các Bà-la-môn xuất gia trong Phật pháp thì lại mặc Nê-hoàn-tăng quá cao; Lục quần Tỳ-kheo thì lại mặc so le…

Hỏi: Trong năm thiên giới vì sao chỉ có giới mặc ca-sa và Nê-hoàn-tăng này Phật phải quán chư Phật quá khứ, vị lai và chư thiên cõi trời Tịnh cư rồi mới kết giới?

Đáp: Phật kết năm thiên giới đều có quán chư Phật ba đời, chỉ vì Phật kết thiên giới này là đầu

tiên và kết tội nhẹ nhất trong năm thiên, sợ các đệ tử trong tương lai không có tâm xem trọng nên Phật phải quán chư Phật ba đời và chư thiên cõi trời Tịnh cư rồi mới kết giới, cũng để cho chúng sanh đời sau không sanh tội khinh mạn. Chư Phật trong ba đời kết giới có chỗ giống nhau cũng có chỗ không giống nhau, trong năm thiên giới chắc chắn là không giống nhau hết, nhưng kết giới về việc mặc ca sa và Nê-hoàn-tăng thì chư Phật ba đời đều chế đồng nhau, vì vậy Phật phải quán chư Phật ba đời rồi mới kết giới.

Hỏi: Các học giới này Phật chế đầu tiên hay sau cùng?

Đáp: Thiên giới này Phật chế đầu tiên, sau khi Phật nhập diệt, các vị kết tập Pháp tạng sắp xếp theo thứ tự trong khinh nên để ở sau cùng; vì tội tuy có một nhưng trọng khinh phân biệt có năm, để giới trọng ở trước, giới khinh ở sau; thiên giới này nhẹ nhất trong năm thiên nên để ở sau cùng. Lại đo tội có tánh tội và giá tội, tánh tội để ở trước, giá tội để ở sau; lại do tội phân biệt có hữu tàn và vô tàn, tội Vô tàn để ở trước, tội Hữu tàn để ở sau.

Hỏi: Các thiên giới khác vì sao không nói là cần nên học, chỉ riêng thiên giới này lại nói là cần nên học?

Đáp: Các thiên giới khác do tội nặng nên dễ thọ trì, vì vừa phạm liền thành tội phải sám hối trong

Tăng hoặc là đối thú sám hối; thiên giới này do tội nhẹ nên khó thọ trì, nếu lở phạm thì nên sanh tâm hối và nhớ học để hành thì tội liền diệt. Do khó thọ trì và dễ phạm nên tâm phải thường nhớ học để hành chứ không kết tên tội, chỉ nói là cần nên học.

- Một và hai chế không được mặc nội y quá cao hay quá thấp, trên dưới mắt cá chân một gang tay gọi là quá cao hay quá thấp. Nếu Tỳ-kheo và Sa-di khi đi xa cho mặc nội y trên mắt cá chân hai gang tay, cho đến dưới đầu gối; ba chúng Ni trong tất cả thời đều phải mặc nội y trên mắt cá chân một gang tay, dù có đi xa cũng không được mặc cao hơn.

- Ba là không được mặc nội y so le.

- Bốn là không được mặc như đầu chiếc búa.

- Năm là không được mặc như lá cây Đa la.

- Sáu là không được mặc như vòi voi.

- Bảy là không được mặc quấn thành cục.

- Tám là không được xếp nếp nhỏ.

- Chín là không được mặc y xốc xếch.

- Mười là không được mặc y vắt qua hai bên.

- Mười một là không được mặc nội y bằng vải mỏng.

- Mười hai là phải mặc nội y ngay ngắn.

Về ba y có bốn giới là cao, thấp, so le và nên mặc ngay ngắn (tề chỉnh); vào nhà bạch y có bốn mươi mốt giới; thọ thực có hai mươi bảy giới:

- Một là nhất tâm thọ cơm.

- Hai là nhất tâm thọ canh.
- Ba là không được thọ cơm canh đầy tràn bát.
- Bốn là thọ cơm canh nên đồng ăn.
- Năm là không được moi cơm ở giữa mà ăn.
- Sáu là không được lựa món ngon ăn trước.
- Bảy là không được vắt miếng cơm lớn mà ăn.
- Tám là không được tay bốc cơm ăn.
- Chín là không được há miệng trước chờ cơm đưa đến.
- Mười là không được miệng ngậm cơm nói chuyện.
- Mười một là không được ăn cơm chừa phân nữa.
- Mười hai là không được húp thức ăn ra tiếng.
- Mười ba là không được nhai cơm ra tiếng.
- Mười bốn là không được ăn nuốt trọng.
- Mười lăm là không được le lưỡi liếm mà ăn.
- Mười sáu là không được nhăn mũi ngửi thức ăn.
- Mười bảy là không được liếm tay dính thức ăn.
- Mười tám là không được dùng ngón tay vét bát mà ăn.
- Mười chín là không được rảy tay dính thức ăn.
- Hai mươi là không được lượm cơm rơi rớt mà

ăn.

- Hai mươi mốt là không được dùng tay không sạch cầm đồ đựng thức ăn. hai mươi hai là không bịnh thì không được đòi hỏi thức ăn.

- Hai mươi ba là không được lấy cơm phủ lên thức ăn để mong được thêm.

- Hai mươi bốn là không được nhìn vào bát của người bên cạnh.

- Hai mươi lăm lăm là phải nhìn vào bát của mình mà ăn.

- Hai mươi sáu là phải ăn theo thứ lớp cho hết cơm và thức ăn trong bát.

- Hai mươi bảy là nước rửa bát có cơm, không hỏi chủ thì không được đổ trong nhà.

Về thuyết giới có mười chín giới, đại tiểu tiện khạc nhổ có ba giới, leo lên cây có một giới.

9. Nhân Duyên Kết Bảy Pháp Diệt Tránh:

a. Nhân duyên kết pháp Tự ngôn diệt tránh:

Nếu trong năm chúng có việc và việc có phạm hay không phạm trong năm thiên giới đều nên dùng pháp Tự ngôn để diệt tránh. Tự ngôn diệt tránh có mười loại phi pháp và mười loại như pháp. mười loại phi pháp là:

1. Nếu Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, tự nói không phạm, chúng tăng hỏi: "Thầy tự nói là không phạm phải không?", đáp: "Không phạm". Đây gọi là phi pháp.

2 đến 5: Nếu Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la mà tự nói là không phạm; chúng tăng hỏi: "Thầy tự nói là không phạm phải không?", đáp: "Không phạm". Đây gọi là phi pháp.

6. Lại có Tỳ-kheo không phạm Ba-la-di mà tự nói là tôi phạm, chúng tăng hỏi: "Thầy tự nói là phạm Ba-la-di phải không?", đáp là tôi phạm. Đây gọi là phi pháp.

7 đến 10: Lại có Tỳ-kheo không phạm Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la mà tự nói là tôi phạm, chúng tăng hỏi: "Thầy tự nói là phạm phải không?", đáp là tôi phạm. Đây gọi là phi pháp.

Mười loại như pháp là:

1. Nếu có Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, tự nói là tôi phạm Ba-la-di, chúng tăng hỏi: "Thầy tự nói là phạm phải không?", đáp là tôi phạm. Đây gọi là như pháp.

2 đến 5: Lại có Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la; tự nói là tôi phạm, chúng tăng hỏi: "Thầy tự nói là phạm phải không?", đáp là tôi phạm. Đây gọi là như pháp.

6. Lại có Tỳ-kheo không phạm Ba-la-di, tự nói là không phạm, chúng tăng hỏi: "Thầy tự nói là không phạm phải không?", đáp là không phạm.

Đây gọi là như pháp.

7 đến 10: Lại có Tỳ-kheo không phạm Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la; tự nói là không phạm, chúng tăng hỏi: "Thầy tự nói là không phạm phải không?", đáp là không phạm. Đây gọi là như pháp.

b. Nhân duyên kết pháp Hiện tiền diệt tránh:

Hiện tiền Tỳ-ni có hai loại phi pháp và hai loại như pháp. hai loại phi pháp là:

1. Có Tăng phi pháp dạy bảo Tăng phi pháp, muốn kiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có Tăng phi pháp dạy bảo ba người phi pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có Tăng không như pháp dạy bảo hai, một người không như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có ba người không như pháp dạy bảo ba người không như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có ba người không như pháp dạy bảo hai, một người và Tăng không như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có hai người không như pháp dạy bảo hai, một, ba người và Tăng không như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có một người không như pháp dạy bảo một, ba, hai người và Tăng không như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Đây là loại phi pháp thứ nhất.

2. Lại có Tăng không như pháp dạy bảo Tăng như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có Tăng không như pháp dạy bảo ba, hai, một người như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có ba người không như pháp dạy bảo ba, hai, một người và Tăng như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có hai người không như pháp dạy bảo hai, một, ba người và Tăng như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có một người không như pháp dạy bảo một, hai, ba người và Tăng như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Đây là loại phi pháp thứ hai .

Hai loại Hiện tiền diệt tránh như pháp là:

1. Có Tăng như pháp dạy bảo Tăng như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có Tăng như pháp dạy bảo ba, hai, một người như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có ba người như pháp dạy bảo ba, hai, một người và Tăng như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có hai người như pháp dạy bảo hai, một, ba người và Tăng như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có một người như pháp dạy bảo một , ba, hai và Tăng như pháp, muốn khiến cho chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Đây là loại như pháp thứ nhất.

2. Có Tăng như pháp dạy bảo Tăng không như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-

ni. Lại có Tăng như pháp dạy bảo ba, hai, một người không như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có ba người như pháp dạy bảo ba, hai, một và Tăng không như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có hai người như pháp dạy bảo hai, một, ba người và Tăng không như pháp, muốn khiến chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Lại có một người như pháp dạy bảo một, ba, hai và Tăng không như pháp, muốn khiến cho chiết phục mà cho Hiện tiền Tỳ-ni. Đây là loại như pháp thứ hai.

c. Nhân duyên kết pháp Ức niệm diệt tránh:

Đây là loại Tỳ-ni thủ hộ, năm chúng đều nên cho Ức niệm Tỳ-ni, năm thiên giới cũng nên cho Ức niệm Tỳ-ni. Khi cho Ức niệm Tỳ-ni phải bạch tứ yết ma, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni nên hiện tiền, ba chúng dưới không hiện tiền. Nếu Tỳ-kheo được Ức niệm Tỳ-ni rồi trở xuống làm Sa-di thì vẫn theo Ức niệm Tỳ-ni đã cho trước; nếu hoàn tục, sau đó xuất gia lại hoặc làm Sa-di cho đến làm Tỳ-kheo, vẫn theo Ức niệm Tỳ-ni đã cho trước; nếu chuyển căn thành Ni, vẫn theo Ức niệm Tỳ-ni đã cho trước. Nếu Sa-di được Ức niệm Tỳ-ni rồi thọ giới cụ túc thì vẫn theo Ức niệm Tỳ-ni đã cho trước; nếu hoàn tục, sau đó xuất gia lại hoặc làm Sa-di hoặc làm Tỳ-kheo, vẫn theo Ức niệm Tỳ-ni đã cho trước; nếu chuyển căn thành Ni, vẫn theo Ức niệm Tỳ-ni đã cho trước. Ba chúng Ni được Ức niệm Tỳ-ni rồi

lần lượt theo thứ lớp cũng giống như Tỳ-kheo và Sa-di ở trên. Ức niệm diệt tránh có ba loại phi pháp và ba loại như pháp. Ba loại phi pháp là:

1. Có Tỳ-kheo phạm tội Vô tàn, tự nói là phạm tội Hữu tàn. Tỳ-kheo này theo Tăng xin Ức niệm Tỳ-ni, nếu Tăng cho Ức niệm Tỳ-ni thì gọi là phi pháp, vì sao, vì người này nên diệt tẫn.

2. Lại như Tỳ-kheo Thi-việt do tâm cuồng si điên đảo mà làm nhiều việc không thanh tịnh, phi pháp, không phải đạo tùy thuận, không phải pháp Sa-môn. Người này sau khi trở lại bổn tâm, những tội đã làm trước kia nếu Tăng hoặc ba, hai, một người thường bàn nói việc này; người này theo Tăng xin Ức niệm Tỳ-ni, nếu Tăng cho người này Ức niệm Tỳ-ni thì gọi là phi pháp, vì sao, vì người này nên cho Bất si Tỳ-ni.

3. Lại như Tỳ-kheo Ha-đa không có tàm quý phá giới, có tội thấy nghe nghi; người này tự nói là tôi có tội này, nhưng sau lại nói là tôi không có tội này. Người này theo Tăng xin Ức niệm Tỳ-ni, nếu Tăng cho người này Ức niệm Tỳ-ni thì gọi là phi pháp, vì sao, vì người này nên cho Thật mích Tỳ-ni. Đây là ba loại phi pháp Ức niệm Tỳ-ni.

Ba loại như pháp Ức niệm Tỳ-ni là:

1. Như Tỳ-kheo Đà-phiêu bị Tỳ-kheo-ni Di-đa-la đem pháp Ba-la-di không căn cứ vu báng, do Tăng hoặc ba, hai, một người thường bàn nói việc

này nên Tỳ-kheo này theo Tăng xin Ức niệm Tỳ-ni, nếu Tăng cho người này Ức niệm Tỳ-ni thì gọi là như pháp, vì sao, vì người này nên cho Ức niệm Tỳ-ni.

2. Lại như có một Tỳ-kheo phạm tội nhưng đã phát lồ như pháp sám hối trừ diệt, nếu Tăng hoặc ba, hai, một người vẫn còn bàn nói việc này. Tỳ-kheo này theo Tăng xin Ức niệm Tỳ-ni, nếu Tăng cho người này Ức niệm Tỳ-ni thì gọi la như pháp, vì sao, vì người này nên cho Ức niệm Tỳ-ni.

3. Lại như có Tỳ-kheo tuy chưa phạm tội này nhưng ắt sẽ phạm, nếu Tăng hoặc ba, hai, một người vì việc này mà nói là phạm tội nên Tỳ-kheo này theo tăng xin Ức niệm Tỳ-ni; nếu Tăng cho người này Ức niệm Tỳ-ni thì gọi là như pháp, vì sao, vì người này nên cho Ức niệm Tỳ-ni. Đây là ba loại như pháp Ức niệm Tỳ-ni.

Hành pháp của tỳ-kheo được Ức niệm Tỳ-ni là các Tỳ-kheo không được bàn nói về tội của tỳ-kheo kia nữa, không được bảo nhớ nghĩ, không được theo hỏi về việc ấy, cũng không nghe Tỳ-kheo khác nói về việc ấy nữa. Nếu Tỳ-kheo nào theo hỏi về việc ấy thì phạm Đột-kiết-la, nghe người khác nói về việc ấy cũng phạm Đột-kiết-la; nếu còn bàn nói về việc ấy hoặc bảo nhớ nghĩ thì phạm Ba-dật-đề.

d. Nhân duyên kết pháp Bất si Tỳ-ni:

Đây là loại Tỳ-ni thủ hộ, năm chúng đều nên cho Bất si Tỳ-ni, năm thiên giới cũng nên cho Bất si Tỳ-ni. Khi cho Bất si Tỳ-ni phải bạch tứ yết ma, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni nên hiện tiền, ba chúng dưới không hiện tiền. Nếu Tỳ-kheo được Bất si Tỳ-ni rồi trở xuống làm Sa-di thì vẫn theo Bất si Tỳ-ni đã cho trước; nếu hoàn tục, sau đó xuất gia lại hoặc làm Sa-di cho đến làm Tỳ-kheo, vẫn theo Bất si Tỳ-ni đã cho trước; nếu chuyển căn thành Ni, vẫn theo Bất si Tỳ-ni đã cho trước. Nếu Sa-di được Bất si Tỳ-ni rồi thọ giới cụ túc thì vẫn theo Bất si Tỳ-ni đã cho trước; nếu hoàn tục, sau đó xuất gia lại hoặc làm Sa-di hoặc làm Tỳ-kheo, vẫn theo Bất si Tỳ-ni đã cho trước; nếu chuyển căn thành Ni, vẫn theo Bất si Tỳ-ni đã cho trước. Ba chúng Ni được Bất si Tỳ-ni rồi lần lượt theo thứ lớp cũng giống như Tỳ-kheo và Sa-di ở trên. Bất si Tỳ-ni có bốn loại phi pháp và bốn loại như pháp. Bốn loại phi pháp là: Có Tỳ-kheo không cuồng si điên đảo mà hiện tướng cuồng si, các Tỳ-kheo trong Tăng hỏi: "Lúc cuồng si thầy đã làm những gì, nay thầy còn nhớ không?", đáp: "Trưởng lão, tôi nhớ vì cuồng si nên tôi làm, người khác sai khiến tôi làm, tôi nhớ việc đã làm trong mộng, nhớ mình khoả thân chạy khắp đông tây và đứng đại tiểu tiện". Người này theo Tăng xin Bất si Tỳ-ni, nếu Tăng cho người này Bất si Tỳ-ni thì gọi là bốn loại phi pháp. Bốn loại như pháp là: Nếu Tỳ-kheo thật sự

cuồng si tâm trí điên đảo nên hiện tướng cuồng si, các Tỳ-kheo hỏi: "Thầy có nhớ được những việc mà mình đã làm trong lúc cuồng si hay không?", đáp: "Không nhớ, người khác không sai khiến tôi làm, tôi không nhớ việc đã làm trong mộng, không nhớ mình đã khoả thân chạy khắp đông tây và đứng đại tiểu tiện". Người này theo Tăng xin Bất si Tỳ-ni, nếu Tăng cho người này Bất si Tỳ-ni thì gọi là bốn loại như pháp.

Hành pháp của tỳ-kheo được Bất si Tỳ-ni là các Tỳ-kheo khác không được bàn nói tội lỗi của tỳ-kheo ấy nữa, không được bảo nhớ nghĩ, không được theo hỏi, cũng không được Tỳ-kheo khác nói tội lỗi trước kia của tỳ-kheo ấy. Nếu theo hỏi thì phạm Đột-kiết-la, nghe Tỳ-kheo khác nói cũng phạm Đột-kiết-la; nếu còn bàn nói những việc trước kia hoặc bảo nhớ nghĩ đều phạm Ba-dật-đề.

e. Nhân duyên kết pháp Thật mích Tỳ-ni:

Đây là loại Tỳ-ni chiết phục, năm chúng đều nên cho Thật mích Tỳ-ni, năm thiên giới đều nên cho Thật mích Tỳ-ni, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni nên hiện tiền, ba chúng dưới không hiện tiền; khi cho Thật mích Tỳ-ni nên bạch tứ yết ma. Thật mích Tỳ-ni có năm loại phi pháp và năm loại như pháp. Năm loại phi pháp là nếu có Tỳ-kheo phạm tội Ba-la-di, trước tự nói không phạm, sau lại nói là phạm. Nếu Tăng cho người này Thật mích Tỳ-ni thì gọi là phi pháp, vì sao, vì người này nên cho pháp diệt tẫn.

Lại có Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la trước tự nói không phạm, sau lại nói là phạm. Nếu Tăng cho người này Thật mích Tỳ-ni thì gọi là phi pháp, vì sao, vì người này nên tùy tội đã phạm mà cho pháp trị tội. Năm loại như pháp là nếu có Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, trước tự nói tôi phạm, sau lại nói là không phạm. Nếu Tăng cho người này Thật mích Tỳ-ni thì gọi là như pháp, vì sao, vì người nay nên cho Thật mích Tỳ-ni. Lại có Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la trước tự nói tôi phạm, sau lại nói là không phạm. Nếu Tăng cho người này Thật mích Tỳ-ni thì gọi là như pháp, vì sao, vì người này nên cho Thật mích Tỳ-ni.

Hành pháp của tỳ-kheo được pháp Thật mích Tỳ-ni là Tỳ-kheo nay không được cho người khác thọ đại giới, không được thọ người khác y chỉ, không được chưa nuôi Sa-di, không được thọ giáo giới Tỳ-kheo-ni, nếu được Tăng sai cũng không được thọ giáo giới Tỳ-kheo-ni. Tăng đã cho pháp Thật mích Tỳ-ni thì không được tái phạm tội này hoặc tội tương tợ với tội này hoặc tội nặng hơn tội này. Tỳ-kheo này không được quở Tăng yết ma, không được quở người làm yết ma, không được cử tội Tỳ-kheo thanh tịnh, không được bảo người khác nhớ nghĩ, không được gạn hỏi cũng không được nghe người khác nói tội của tỳ-kheo khác,

không được ngăn thuyết giới, không được ngăn thọ giới, không được ngăn tự tứ, không được bàn nói lỗi lầm của tỳ-kheo thanh tịnh. Tỳ-kheo này thường phải tự khiêm tốn, điều phục tâm hạnh, tùy thuận chúng tăng. Nếu không tuân theo những hành pháp này thì trọn đời không được giải yết ma này.

f. Nhân duyên kết pháp Đa mích diệt tránh:

Đa mích Tỳ-ni là phải cầu nhiều nhân duyên và từ nhiều người để diệt tránh, vì sự việc có nhiều chỗ chưa được dứt diệt. Khi phát thẻ để xử đoán việc, tất cả Tăng đều phải tập họp, không được lấy dục, vì sao, vì có nhiều người nói phi pháp thì tất cả đều phải đến lấy thẻ, không được lấy dục giống như pháp hành bát (đưa bát phạm Xả đọa khắp trong Tăng). Nếu vẫn không thể xử đoán được sự việc thì nên tìm cầu hai, ba hay một Tỳ-kheo trì ba tạng ở trong Tăng phường khác và kể lại đầy đủ sự việc chưa được xử đoán trên; vị Tỳ-kheo được bốn chúng tôn trọng này nên đáp: "Không thể hai bên cùng nói mà đều được thắng, phải có một bên thắng, một bên thua". Nếu nói như thế thì gọi là nói như pháp, nếu không nói như thế thì gọi là nói phi pháp, các Tỳ-kheo nên nói với nhau rằng: "Nếu như pháp xử đoán được việc này mà còn phát khởi trở lại thì phạm Ba-dật-đề, nếu quở trách việc này xử đoán không như pháp thì phạm Đột-kiết-la".

Thác lại tra lợi: Thác lại nghĩa là địa, tra lợi

nghĩa là trụ, do vị này có trí huệ thù thắng tự tại, đối với chánh pháp bất động như người trụ trên đất không có nghiêng ngả.

Nên diệt ước hẹn: Vì sợ sự việc dây dưa khó xử đoán, cũng sợ có người cho là nghe lời người đến cầu sẽ xử đoán thiên vị và cũng sợ người đến cầu lo cho bản thân họ, nên không cùng ước hẹn xử đoán sự việc.

Nên bỏ và giao phó lại cho Tăng: Vì sự việc từ trong Tăng đến đã không thể diệt tránh thì nên giao lại cho Tăng ở chỗ ban đầu.

Tăng hiện tiền: Tăng vân tập, trong đây người có thể ngăn lại không ngăn, tức là tăng hòa hợp.

Ô-hồi-cưu-la: Ô hồi nghĩa là hai, cưu la nghĩa là bình đẳng, vị này tâm bình đẳng không hai như cán cân thăng bằng, vì cả hai (Thác lại tra và Ô-hồi-cưu-la) đều có năm pháp: Một là không vì thương mà bỏ qua cho người phạm tội, hai là không vì ghét mà trị phạt người có lỗi, ba là không vì sợ mà xử đoán trái pháp, bốn là không vì si mà khinh suất khi xử đoán việc, năm là biết xử đoán hay không xử đoán.

Người lấy dục lìa ra xa một chút: Vì sợ trong Tăng có người trợ giúp sẽ không xử đoán được việc, sở dĩ lấy dục là muốn cho người trợ giúp sau sẽ không nói nữa. Nếu lập thêm vị Ô-hồi-cưu-la thì việc tranh cãi càng tăng, e có nguyên do phá Tăng,

làm trở ngại việc hành đạo nên phải cần cầu nhiều người, nhiều duyên mới xử đoán tốt được việc, không cần người có đủ năm pháp.

Sai sứ đến Tăng ở trú xứ gần: Nếu đến chỗ xa, sự việc ắt tăng thêm, khó thể xứ đoán được nên sai sứ đến Tăng ở trú xứ gần, nếu có thể xứ đoán được thì chỉ trong bảy ngày.

Đã phá an cư: Lúc đó Phật chưa khai cho xuất giới ba mươi chín đêm.

Nghe ở chỗ kia có bậc trì Ma đắc lặc già: Vì trong Phật pháp có

hai trụ cột có thể trì Phật pháp là bậc tọa thiền và bậc có học vấn, cho nên phải tìm cầu hai vị này.

Người truyền sự xử đoán: Là trông mong người truyền sự có thể khiến cho Tăng có hổ thẹn nghe theo lời can ngăn để việc ác được trừ diệt thì tốt.

Làm kỳ hạn: Vì sự khởi ra từ trong hạ an cư nên trừ ba tháng hạ ra, lấy chín tháng còn lại làm kỳ hạn để diệt tránh.

Sở dĩ ở ngoài giới phải đủ số chúng: Là Tăng sai bốn Tỳ-kheo ra ngoài giới diệt tránh, nếu xử đoán được việc không cho phát khởi lại nữa thì nên trở lại trong giới làm Tăng pháp yết ma. Người có năm pháp nên lập người hành trù (phát thẻ) để sự việc mau được diệt tránh.

Mạnh có ba trường hợp: Một là thân có sức mạnh, hai là ỷ vào người có thế lực, ba là giàu tiền

của.

Từ trú xứ này đến trú xứ khác: Là nói sự việc xảy ra đã lâu và đã trải qua nhiều nơi dây dưa không thể xử đoán được, cho nên phải hành trù ở trước nhiều người, khiến cho bên phi pháp tâm phục vì đúng lý không có thiên vị bên nào. Nếu người phát thẻ là phi pháp thì mong người lấy thẻ phi pháp nhiều, người phát thẻ là như pháp thì mong người lấy thẻ như pháp nhiều; cho nên tất cả Tăng tập họp lấy thẻ là việc làm quan trọng, người như pháp nên ước hẹn với nhau để cùng lấy thẻ như pháp, không để cho nhiều người lấy thẻ phi pháp.

Người được bốn chúng tôn trọng: Nếu số thẻ của hai bên bằng nhau, không thể xử đoán được việc thì người truyền sự nên tìm đến người có phước đức được mọi người tín phục kể lại đầy đủ sự việc, Tỳ-kheo được bốn chúng tôn trọng này nên đáp: "Không thể hai bên cùng nói mà đều được thắng, phải có một bên thắng, một bên thua". Nếu nói như thế thì gọi là nói như pháp, nếu không nói như thế thì gọi là nói phi pháp, các Tỳ-kheo nên nói với nhau rằng: "Nếu như pháp xử đoán được việc này mà còn phát khởi trở lại thì phạm Ba-dật-đề, nếu quở trách việc này xử đoán không như pháp thì phạm Đột-kiết-la".

j. Nhân duyên kết pháp Bố thảo diệt tránh:

Sao gọi là Bố thảo Tỳ-ni: Như có một trú xứ,

các Tỳ-kheo trong đây ưa gây gổ nhau, các Tỳ-kheo này nên hòa hợp lại một chỗ nói với nhau: "Các trưởng lão, chúng ta mất mát lớn, không được gì cả, suy hao lớn không có lợi ích, là đại ác bất thiện. Chúng ta do lòng tin cầu đạo nên xuất gia trong Phật pháp, nay lại ưa gây gổ nhau; nếu chúng ta truy tìm nguồn gốc của sự việc thì trong Tăng những việc chưa khởi sẽ khởi, những việc đã khởi sẽ không thể dứt diệt", nói rồi cùng tác bạch:

Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, Tăng nay dùng pháp Bố thảo Tỳ-ni để dứt diệt việc này. Bạch như vậy.

Ngay lúc đó các Tỳ-kheo phân làm hai bộ, mỗi bộ nhóm lại một chỗ, trong hai bộ chúng này, nếu có vị trưởng lão đại thượng tòa, vị này nên nói với bộ chúng thứ nhất rằng: "Chúng ta mất mát lớn, không được gì cả, suy hao lớn không có lợi ích, là đại ác bất thiện… giống như đoạn văn trên cho đến câu việc đã khởi không thể dứt diệt được. Chúng ta nay phải tự khuất ý, những tội mà chúng ta đã làm trừ tội Thâu-lan-giá và tội tương ưng Bạch y, những tội khác chúng ta nên hiện tiền phát lồ sám hối không có che dấu". Nếu trong bộ chúng này không có Tỳ-kheo nào ngăn việc này thì vị trưởng lão thượng tòa này nên đến nói với bộ chúng thứ hai rằng: "Chúng ta mất mát lớn, không được gì cả… giống như đoạn văn trên cho đến câu trừ tội tương ưng Bạch y, những tội khác chúng ta nên tự

vì mình vì người hiện tiền phát lồ sám hối không có che dấu". Các Tỳ-kheo trong bộ chúng thứ nhất nói: "Các thầy tự thấy tội không?", đáp: "Thấy tội, như pháp sám hối không khởi lại nữa", bộ chúng thứ hai cũng nói như thế. Đây gọi là pháp Bố thảo Tỳ-ni.

Tất cả việc tranh cãi, vu báng, phạm tội và hòa hợp đều nhiếp thuộc Hiện tiền Tỳ-ni; nhưng chỉ có việc hòa hợp phải dùng pháp diệt tránh thứ bảy này mới dứt diệt được. Tất cả việc thiện, bất thiện, vô ký, mười bốn việc phá tăng, sáu việc tranh cãi về bổn sanh gọi chung là tránh sự (nơi người thì gọi là tránh, nơi Tăng thì gọi là sự) thì nên dùng ba pháp Tỳ-ni là hiện tiền, đa mích và bố thảo để dứt diệt. Nếu do nơi thấy nghe nghi, làm hay không làm mà nói là phạm, gọi chung là xuất sự (nêu ra sự việc, nơi người thì gọi là xuất, nơi Tăng thì gọi là sự) thì nên dùng bốn pháp Tỳ-ni là hiện tiền, ức niệm, bất si và thật mích để dứt diệt. Nếu việc phát sanh từ thân khẩu ý gọi chung là phạm sự thì nên dùng hai pháp Tỳ-ni là hiện tiện và tự ngôn để dứt diệt. Nếu là việc thuộc Đơn bạch yết ma, bạch nhị yết ma, bạch tứ yết ma, bố tát, tự tứ, yết ma cử mười bốn hạng người… tự Tăng này đến Tăng kia là gốc của sự việc, gọi chung là tác sự thì chỉ cần dùng một pháp Hiện tiền Tỳ-ni để dứt diệt.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 76

TÁT BÀ ĐA BỘ TỲ NI MA ĐẮC LẶC GIÀ

SỐ 1441

(QUYỂN 1→10)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1441
TÁT BÀ ĐA BỘ TỲ NI MA ĐẮC LẶC GIÀ

QUYỂN 1

CÁC VIỆC VỀ TỲ NI

1. Hỏi về giới Ba-la-di:

Tới đảnh lễ Thế tôn,

Pháp vương, Thánh chủng tử, Hàng phục các ác hạnh,

Khéo điều phục đệ tử,

Tỳ-ni là tối thắng, Nay con nói ít phần. Như cây, rễ là gốc,

Cành lá nương rễ sanh, Tất cả thiện pháp tụ, Tỳ-ni là gốc rễ,

Lời Thế tôn đã dạy, Như đê điều ngăn nước,

Nước chảy mạnh không vỡ, Đê Tỳ-ni cũng vậy,

Ngăn dòng nước ác giới. Phật và các Bồ tát,

Tối tôn trong loài người; Phật Bích chi thanh tịnh, đối.

Đệ tử của Mâu ni, Ứng cúng A-la-hán , Cũng nói nhân Tỳ-ni,

Lìa được phược Hữu vi, Đang lìa và sẽ lìa,

Đều trụ nơi Tỳ-ni.

Lìa Luật không giải thoát, Nên phải siêng năng học.

Thánh chúng, Tăng hòa hợp, Tạng bí mật của Phật,

Thường ở đời không diệt.

Đèn pháp soi thế gian, Lìa Luật không tịch diệt.

Hỏi: phạm tội trong Tỳ-ni là tác hay là vô tác?

Đáp: Là tác và vô tác.

Hỏi: Phạm là Sắc hay là Phi sắc? Đáp: Phạm là Sắc

Hỏi: Phạm là Khả kiến hay là Bất khả kiến?

Đáp: Phạm là Khả kiến.

Hỏi: Sao gọi là Khả kiến? Đáp: là do thân làm

Hỏi: Sao gọi là Bất khả kiến?

Đáp: Đó là thân vô tác và khẩu tác vừa là vô tác.

Hỏi: Phạm là Hữu đối hay là Vô đối?

Đáp: Nếu là Tác thì gọi là Hữu đối, nếu là Vô tác thì gọi là Vô

Hỏi: Phạm là Hữu lậu hay là Vô lậu? Đáp: Phạm là Hữu lậu .

Hỏi: Phạm là Hữu vi hay là Vô vi? Đáp: Phạm là Hữu vi.

Hỏi: Phạm là pháp thế gian hay là xuất thế gian?

Đáp: Phạm là pháp thế gian.

Hỏi: Phạm là nhiếp thuộc Ấm hay không nhiếp thuộc Ấm?

Đáp: Phạm là nhiếp thuộc Ấm.

Hỏi: Phạm là nhiếp thuộc Giới hay không nhiếp thuộc Giới?

Đáp là nhiếp thuộc Giới.

Hỏi: Phạm là thọ hay là không thọ? Đáp: Phạm là thọ.

Hỏi: Là từ thọ sanh hay không từ thọ sanh? Đáp: Là từ thọ sanh.

Hỏi: Phạm nên nói là bốn đại tạo hay không phải bốn đại tạo?

Đáp: là bốn đại tạo.

Hỏi: Là từ kiết sử sanh hay không từ kiết sử sanh?

Đáp: Là từ kiết sử sanh.

Hỏi: Là thuộc hữu ký hay là vô ký?

Đáp: Vừa là hữu ký vừa là vô ký. Hỏi: Sao gọi là thuộc hữu ký?

Đáp: Là biết Phật đã chế giới mà cố ý phạm.

Hỏi: Sao gọi là thuộc vô ký?

Đáp: Là biết Phật đã chế giới nên không cố ý phạm.

Hỏi: Là ẩn mất hay không ẩn mất?

Đáp: Vừa là ẩn mất vừa là không ẩn mất.

Hỏi: Sao gọi là ẩn mất?

Đáp: Là biết Phật đã kết giới mà cố ý phạm.

Hỏi: Sao gọi là không ẩn mất?

Đáp: Là biết Phật đã kết giới nên không cố ý phạm.

Giống như ẩn mất và không ẩn mất, nhiễm ô và không nhiễm ô cũng vậy.

Hỏi: Là nhiễm ô hay là không nhiễm ô?

Đáp: Là nhiễm ô.

Hỏi: Phạm là có tranh cãi hay là không tranh cãi?

Đáp: Là có tranh cãi.

Hỏi: Là có duyên hay là không duyên?

Đáp: Là không duyên.

Hỏi: Là tâm hay là phi tâm?, đáp là phi tâm.

Hỏi: Là tâm số hay là phi tâm số?

Đáp: Là phi tâm số.

Hỏi: Là có quả báo hay không có quả báo?

Đáp: Vừa có quả báo vừa không có quả báo.

Hỏi: Sao gọi là có quả báo?

Đáp: Nhớ có phạm là có quả báo.

Hỏi: Sao gọi là không có quả báo?

Đáp: Không nhớ có phạm là không có quả báo.

Hỏi: Phạm là nghiệp hay không phải nghiệp?

Đáp: Là nghiệp.

Hỏi: Phạm là từ ngoài vào hay là từ trong vào?

Đáp: Là từ ngoài vào.

Hỏi: Phạm nên nói là quá khứ, vị lai hay hiện tại?

Đáp: Có cả ba, quá khứ là việc đã phạm rồi nên sám hối; vị lai là việc chưa phạm, ắt sẽ phạm; hiện tại là hiện tiền phạm mà không phát lồ sám hối.

Hỏi: Phạm là thiện, bất thiện hay vô ký?

Đáp: Là bất thiện và vô ký, bất thiện là cố ý phạm giới Phật đã chế; vô ký là không cố ý phạm giới.

Hỏi: Phạm là nhiếp thuộc Dục giới, Sắc giới hay Vô sắc giới?

Đáp là nhiếp thuộc Dục giới.

Hỏi: Phạm là Học hay là Vô học?

Đáp: Không phải Học, cũng không phải Vô học.

Hỏi: Phạm là Kiến đế đoạn hay là Tu đoạn?

Đáp: Là tu đoạn.

Hỏi: Phạm tội là thuộc thân, khẩu hay ý?

Đáp: Thuộc thân là như Tỳ-kheo cố ý sát sanh, trộm cắp… cho đến tự tay đào đất, ăn phi thời, uống rượu…; thuộc khẩu là như Tỳ-kheo thật không có pháp hơn người mà nói là có, nói lời thô với người nữ… Trong đây không có loại phạm tội riêng thuộc về tâm.

Hỏi: Có trường hợp làm việc này thì phạm và làm việc này mà không phạm không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo không thọ y Ca-hi-na mà

chứa y dư, thường thường ăn, ăn biệt chúng, không bạch mà vào tụ lạc… tùy theo mỗi việc mà phạm. Ngược lại nếu Tỳ-kheo thọ y Ca-hi-na thì được chứa y dư, thường thường ăn, ăn biệt chúng, không bạch mà vào tụ lạc… đều không phạm.

Hỏi: Có trường hợp người làm yết ma thì phạm và có người làm mà không phạm không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo cho một Tỳ-kheo yết ma Bất kiến tẫn, yết ma Bất tác tẫn hoặc yết ma Bất xả ác tà kiến tẫn. Tỳ-kheo này tự thấy tội, hạ ý tùy thuận, đến xin xả yết ma. Các Tỳ-kheo liền ở ngoài giới cho xả yết ma thì gọi là phạm; ngược lại nếu ở trong giới cho xả yết ma thì không phạm.

Hỏi: Có trường hợp nói làm yết ma thì phạm và nói làm yết ma mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo bị yết ma Bất kiến tẫn… hạ ý tùy thuận đến xin xả yết ma, các Tỳ-kheo ra ngoài giới cho xả yết ma, sau đó cùng Tỳ-kheo này cọng sự, cùng ở chung và giáo thọ. Tỳ-kheo khác thấy nói rằng: "Tăng đã cho Tỳ-kheo này yết ma Bất kiến tẫn…, thầy chớ nên cùng cọng sự…", đáp là người này đã thấy tội và đã cho xả yết ma, liền hỏi là xả yết ma ở đâu, đáp là ở ngoài giới. Đây gọi là nói làm yết ma có phạm; ngược lại nếu ở trong giới cho xả yết ma tẫn thì gọi là nói làm yết ma không phạm.

Hỏi: Có trường hợp tự nói thì phạm và dù nói

hay không nói đều phạm hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo ở trong năm thiên giới, phạm mỗi mỗi việc rồi tự nói có phạm, đó gọi là tự nói thì phạm. Tỳ-kheo đã phạm mỗi mỗi việc trong năm thiên giới rồi , dù nói hay không nói đều gọi là có phạm.

Hỏi: Có trường hợp do tự nói gọi là phạm và do người khác nói mà gọi là phạm hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo phạm mỗi mỗi việc ở trong năm thiên giới tự nói ra, đó là do tự nói gọi là phạm. Nếu các Tỳ-kheo nghe theo lời Ưu-bà-di đáng nói mà trị tội Tỳ-kheo phạm thì do người khác nói mà gọi là phạm.

Hỏi: Có trường hợp nhớ thì gọi là phạm và không nhớ cũng gọi là phạm hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo phạm mỗi việc trong năm thiện giới, nhớ hết hoặc chỉ nhớ một ít, đây là nhớ thì gọi là phạm; nếu đã phạm rồi, dù nhớ hết hay không nhớ một việc nào vẫn gọi là có phạm.

Hỏi: Có trường hợp hiện tiền phạm và hiện tiền không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu hiện tại tiền phạm thì gọi là hiện tiền phạm; hiện tại tiền không phạm thì gọi là hiện tiền không phạm.

Hỏi: Có trường hợp phạm Ác tà kiến bất cọng trụ liền do việc này mà phạm đủ các loại Bất cọng trụ hay không?, đáp là có, như trước đã nói rõ.

Hỏi: Có trường hợp tác pháp yết ma Bất cọng trụ, liền do yết ma này mà phạm đủ loại Bất cọng trụ hay không?

Đáp là có, như trước đã nói rõ.

Hỏi: Có trường hợp tự nói Bất cọng trụ, liền do tự nói này mà phạm đủ loại Bất cọng trụ hay không?

Đáp: là có.

Hỏi: Có trường hợp phạm tội Tăng tác pháp yết ma, do việc này mà đông nhiều Tỳ-kheo hoặc hai, một Tỳ-kheo được tác pháp yết ma hay không?

Đáp: Có, như Ni tăng tác pháp yết ma không lễ bái, không cùng nói chuyện, không cúng dường cho Tỳ-kheo phạm tội, đông nhiều Tỳ-kheo hoặc hai, một Tỳ-kheo cũng vậy.

Hỏi: Có trường hợp do việc này mà làm yết ma Khổ thiết, cũng do việc này mà làm yết ma Khu xuất, yết ma tẫn, yết ma chiết phục hay không?

Đáp: là có.

Hỏi: Có trường hợp từ việc này mà phạm Ba-la-di và cũng từ việc này lại phạm Tăng-già-bà-thi-sa hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo-ni phạm thân xúc chạm nhau là Ba-la-di, Tỳ-kheo phạm thân xúc chạm nhau lại là Tăng-già-bà-thi-sa.

Hỏi: Có trường hợp từ việc này mà phạm Ba-la-di và cũng từ việc này mà phạm Ba-dật-đề hay

không?

Đáp: Có, Tỳ-kheo-ni che giấu tội trọng thì phạm Ba-la-di, Tỳ-kheo che giấu tội trọng thì phạm Ba-dật-đề.

Hỏi: Có trường hợp từ việc này mà phạm Ba-la-di và cũng từ việc này lại phạm Đột-kiết-la hay không?

Đáp: Có, Tỳ-kheo-ni tùy thuận Tỳ-kheo bị tẫn thì phạm Ba-la-di, Tỳ-kheo tùy thuận lại phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp từ việc này mà phạm Tăng-già-bà-thi-sa và cũng từ việc này lại phạm Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, Tỳ-kheo cố ý làm xuất tinh thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa, Tỳ-kheo-ni cố ý xuất tinh thì phạm Ba-dật-đề.

Hỏi: Có trường hợp từ việc này phạm Tăng-già-bà-thi-sa và cũng từ việc này lại phạm Đột-kiết-la hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo-ni khuyên Tỳ-kheo-ni khác thọ y thực từ người nam có tâm nhiễm ô thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa; Tỳ-kheo khuyên thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp từ việc này mà phạm Ba-dật-đề và cũng từ việc này lại phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni hay không?

Đáp: Có, Tỳ-kheo đòi thức ăn ngon thì phạm

Ba-dật-đề, Tỳ-kheo-ni lại phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni.

Hỏi: Có trường hợp từ việc này phạm Ba-dật-đề và cũng từ việc này lại phạm Đột-kiết-la hay không?

Đáp: Có, Tỳ-kheo-ni đại tiểu tiện trên cỏ tươi thì phạm Ba-dật-đề, Tỳ-kheo lại phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp từ việc làm nhiễm ô Tỳ-kheo-ni mà không được xuất gia thọ giới cụ túc, cũng từ việc làm nhiễm ô Tỳ-kheo-ni lại được xuất gia thọ giới cụ túc hay không?

Đáp: Có, nếu là việc phi phạm hạnh làm nhiễm ô Tỳ-kheo-ni thì người nay không được xuất gia thọ giới cụ túc; nếu là việc xúc chạm làm nhiễm ô Tỳ-kheo-ni thì người này được xuất gia thọ giới cụ túc.

Hỏi: Có trường hợp người tặc trụ lại được xuất gia thọ giới cụ túc hay không?

Đáp: Nếu đã trải quá hai, ba lần bố tát thì người này không được xuất gia thọ giới cụ túc; nếu chỉ trải qua một lần hay chưa trải qua lần nào thì người này được xuất gia thọ giới cụ túc.

Hỏi: Có trường hợp người phá Tăng lại được xuất gia thọ giới cụ túc hay không?

Đáp: Có, nếu tưởng là phi pháp mà phá Tăng thì người này không được xuất gai thọ giới cụ túc; nếu tưởng là pháp mà phá Tăng thì người này được xuất gia thọ giới cụ túc.

Hỏi: Có trường hợp người giết mẹ lại được xuất gia thọ giới cụ túc hay không?

Đáp: Có, nếu khởi tưởng là mẹ mình mà giết thì người này không được xuất gia thọ giới cụ túc; nếu tưởng là người khác mà giết thì người này được xuất gia thọ giới cụ túc; trường hợp giết cha, giết A-la-hán cũng vậy.

Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Thế tôn, giết mẹ có tâm thiện, tâm bất thiện và tâm vô ký hay không?", Phật nói: "Có, giết mẹ có cả ba tâm thiện, tâm bất thiện và tâm vô ký. Nếu mẹ bịnh nặng, không muốn mẹ chịu khổ não lâu dài nên giết thì gọi là tâm thiện giết mẹ. Nếu vì tài sản, vì vợ con mà giết mẹ thì gọi là tâm bất thiện giết mẹ; nếu chặt cây, phá tường, đào đất lỡ làm chết mẹ thì gọi là tâm vô ký giết mẹ".

Lại hỏi: Có phải tâm thiện, tâm bất thiện và tâm vô ký giết cha mẹ đều phạm Ba-la-di và tội nghịch hay không?

Đáp: Phải, nếu cha mẹ bị bịnh chịu khổ não nên khởi tâm giết để được lìa khổ não, đây gọi là tâm thiện giết cha mẹ mà phạm Ba-la-di và tội nghịch. Nếu vì tài lợi mà khởi tâm giết cha mẹ thì đây là tâm bất thiện giết cha mẹ phạm Ba-la-di và tội nghịch. Nếu làm phương tiện để giết rồi đi ngủ, khi ngủ cha mẹ chết thì đây là tâm vô ký giết cha mẹ phạm Ba-la-di và tội nghịch.

Hỏi: Có trường hợp dùng tâm thiện, tâm bất thiện và tâm vô ký giết cha mẹ mà không phạm Ba-la-di và tội nghịch hay không?

Đáp: Có, nếu cha mẹ bị bịnh nặng, cung dưỡng cơm cháo, thuốc thang; cha mẹ ăn uống xong liền mạng chung. Đây là tâm thiện giết cha mẹ mà không phạm Ba-la-di, cũng không phạm tội nghịch. Nếu giết mẹ của người khác hoặc mẹ là loài dê… thì đây là tâm bất thiện giết cha mẹ mà không phạm Ba-la-di cũng không phạm tội nghịch. Trường hợp bắn vào cây, vào vách, vào bia mà lại trúng nhằm cha mẹ, nhân đây mà chết; đây là tâm vô ký giết cha mẹ không phạm Ba-la-di cũng không phạm tội nghịch. Giống như trường hợp giết cha mẹ, giết A-la-hán cũng như vậy.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo tịnh hạnh cùng ở chung trong giới lại không hòa hợp, Tăng tác pháp yết ma thì thành yết ma mà vẫn không phạm hay không?

Đáp: Có, Tỳ-kheo đó là Như lai.

Lại hỏi: Có năm loại thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa, có trường hợp chỉ nói một loại Ba-la-đề-mộc-xoa làm bố tát mà vẫn thành làm bố tát hay không?

Đáp: Có, đó là trường hợp nói ba lần bố tát.

Hỏi: Như Phật dạy là bạch y ở trong Tăng, Tăng làm bố tát thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa, thành thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa mà không phạm giới

phải không?

Đáp: Có, đó là trường hợp vua Bình sa

Hỏi: có trường hợp Tỳ-kheo ở trong ba tâm là tâm thiện phạm hay tâm bất thiện phạm hay tâm vô ký phạm?

Đáp: Cả ba tâm, tâm thiện phạm là như Tỳ-kheo mới thọ giới chưa biết giới tướng nên tự tay nhổ cỏ trước tháp, tự làm sạch cỏ chỗ kinh hành, tự hái hoa…; tâm bất thiện phạm là như Tỳ-kheo cố ý phạm giới mà Phật đã kết; tâm vô ký phạm là nếu không cố ý phạm giới.

Hỏi: Đối với A-la-hán, trong ba tâm là tâm thiện phạm, hay tâm bất thiện phạm hay tâm vô ký phạm?

Đáp: Bậc A-la-hán nếu có phạm lỗi gì đều là do tâm vô ký. Hỏi: Vì sao?

Đáp: Vì bậc A-la-hán lúc ngủ bị người khác khiêng để trên giường cao rộng lớn, hoặc khiêng để trên giường có người nữ; hoặc cùng phòng ngủ với người chưa thọ đại giới hai đêm rồi, sau người đó lén trở lại vào trong phòng nên khi thức dậy liền hối lỗi. Vì thế nên nói bậc A-la-hán phạm lỗi gì đều là do tâm vô ký.

Hỏi: Có trường hợp Phá tăng thì thọ mạng một kiếp và thọ mạng một kiếp là do phá Tăng không?

Đáp: Có bốn trường hợp, không phải Phá tăng thì thọ mạng một kiếp là nếu khởi tưởng là pháp

mà Phá tăng; Thọ mạng một kiếp không phải do Phá tăng là như các long vương Y-la, Ma-na-tư, Ca-lưu-già-la, Nan-đà, Bạt-nan-đà, Ca-tỳ-la, A-nhiếp-ba-la, Diêm-la-vương tuy thọ mạng một kiếp nhưng không phải do Phá tăng; Phá tăng thì thọ mạng một kiếp là như Điều đạt phá Tăng; không phải do phá Tăng cũng không phải thọ mạng một kiếp là trừ ba trường hợp trên.

Hỏi: Có trường hợp Phá tăng thì thọ báo một kiếp và thọ báo một kiếp là do Phá tăng hay không?

Đáp: Có bốn trường hợp, không phải Phá tăng thì thọ báo một kiếp là nếu khởi tưởng là pháp mà Phá tăng; Thọ báo một kiếp không phải do Phá tăng là như các long vương Y-la, Ma-na-tư, Ca-lưu-già-la, Nan-đà, Bạt-nan-đà, Ca-tỳ-la, A-nhiếp-ba-la, Diêm-la-vương tuy thọ báo một kiếp nhưng không phải do Phá tăng; Phá tăng thì thọ báo một kiếp là như Điều đạt phá Tăng; không phải do phá Tăng cũng không phải thọ báo một kiếp là trừ ba trường hợp trên.

Hỏi: Có trường hợp Phá tăng là vì tà định và hễ tà định là Phá tăng hay không?

Đáp: Có bốn trường hợp, Phá tăng không phải vì tà định như khởi tưởng là pháp mà Phá tăng; không phải hễ tà định là Phá tăng như Lục sư ngoại đạo tuy tà định nhưng không Phá tăng; Phá tăng là vì tà định như Điều đạt do tà định mà Phá tăng;

không phải Phá tăng vì tà định cũng không phải hễ tà định là Phá tăng là trừ ba trường hợp trên.

Hỏi: Có trường hợp Phá tăng là vì vô minh và hễ vô minh là Phá tăng hay không?

Đáp: Có bốn trường hợp, Phá tăng không phải vì vô minh như khởi tưởng là pháp mà Phá tăng; không phải hễ vô minh là Phá tăng như người giết cha mẹ, giết A-la-hán, làm thân Phật bị thương chảy máu tuy vô minh nhưng không Phá tăng; Phá tăng là vì vô minh như Điều đạt; không phải Phá tăng là vì vô minh cũng không phải hễ vô minh là Phá tăng là trừ ba trường hợp trên.

Hỏi: Tỳ-kheo có thể khởi việc phá Tăng hay Tỳ-kheo-ni… có thể khởi việc phá Tăng?

Đáp: Chỉ có Tỳ-kheo có thể khởi việc phá Tăng, không phải Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na… có thể khởi việc phá Tăng; ba chúng Ni chỉ có thể trợ giúp việc phá Tăng mà thôi. Lại nữa chỉ có Tỳ-kheo-ni mới có thể phá Tỳ-kheo-ni tăng; Tỳ-kheo, Thức-xoa-ma-na… không thể.

Hỏi: Phá Tăng thành tựu thì tội thành tựu phải không?

Đáp: Việc phá Tăng thành tựu thì tội phá Tăng thành tựu. Phá tăng phạm tội Thâu-lan-giá.

Hỏi: Tất cả người thọ pháp đều là Bất cọng trụ phải không? Đáp: Có bốn câu, là thọ pháp không phải là Bất cọng trụ: Nếu thọ năm pháp thì gọi là

thọ pháp, không gọi là Bất cọng trụ; là Bất cọng trụ không phải là thọ pháp: Nếu phạm mỗi việc Ba-la-di nhưng không thọ năm pháp; vừa là thọ pháp vừa là Bất cọng trụ: Vừa thọ năm pháp vừa phạm mỗi việc Ba-la-di; không phải là thọ pháp cũng không phải là Bất cọng trụ: Trừ ba trường hợp trên.

Hỏi: Tất cả người thọ pháp đều có đủ loại Bất cọng trụ phải không?

Đáp: có bốn câu.

Hỏi: Sao gọi là đủ loại Bất cọng trụ không phải là thọ pháp? Đáp: Đó là Bất kiến tẫn, ác tà bất trừ tẫn…

Hỏi: Có trường hợp Bất cọng trụ liền có đủ loại Bất cọng trụ hay không?

Đáp: Có bốn câu, có đủ loại Bất cọng trụ nhưng không phải là Bất cọng trụ như ác tà bất trừ tẫn.

Hỏi: Có tẫn yết ma liền có đọa yết ma phải không? Đáp: Có.

Hỏi: Thế nào là yết ma, thế nào là yết ma sự?

Đáp: Tội đã khởi là yết ma, sám hối tội là yết ma sự.

Hỏi: Sao gọi là y Ca-hi-na, sao gọi là thọ y Ca-hi-na, sao gọi là xả y Ca-hi-na?

Đáp: Tên gọi là y Ca-hi-na, có thể khởi 9 tâm gọi là thọ y Ca-hi-na, có tám việc nên gọi là xả y Ca-hi-na.

Hỏi: Có trường hợp lấy ba tiền mà phạm Ba-la-

di hay không? Đáp: Có, nếu Ca-lê-tiên trị giá mười hai tiền.

Hỏi: Có trường hợp lấy mười tiền hoặc năm tiền liền phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, nếu Ca-lê-tiên trị giá bốn mươi tiền hoặc trị giá hai mươi tiền.

Hỏi: Có trường hợp giảm thì phạm và giảm mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu giảm điều thiện thì phạm Ba-dật-đề, giảm điều ác thì không phạm.

Hỏi: Có trường hợp tăng thì phạm và tăng mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu tăng điều ác thì phạm Ba-dật-đề, tăng điều thiện thì không phạm.

Hỏi: Có trường hợp bằng kích lượng thì phạm và bằng kích lượng thì không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu may y bằng kích lượng y của Phật thì phạm Ba-dật-đề, may y bằng kích lượng của thân mình thì không phạm.

Hỏi: Có trường hợp không làm thì phạm và làm mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo được vải mới, khi nhuộm không dùng ba màu làm cho hoại sắc thì phạm, nếu dùng ba màu làm cho hoại sắc thì không phạm.

Hỏi: Có trường hợp từ việc này mà người chưa nhập Sơ thiền (cho đến nhị, tam, tứ thiền) liền

phạm Tăng-già-bà-thi-sa và nhập Sơ thiền (cho đến nhị, tam, tứ thiền) lại phạm Tăng-già-bà-thi-sa?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo sai Tỳ-kheo làm phòng xá, sau đó nhập Sơ thiền (cho đến nhị, tam, tứ thiền), trong thời gian nhập thiền, người kia làm xong phòng xá thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Hỏi: Có trường hợp phi Tỳ-kheo (Tỳ-kheo-ni) phạm mà Tỳ-kheo được thanh tịnh và Tỳ-kheo phạm mà phi Tỳ-kheo được thanh tịnh hay không?

Đáp: Trường hợp phi Tỳ-kheo phạm mà Tỳ-kheo được thanh tịnh là nếu Tỳ-kheo-ni phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa không đồng (bất cọng) mà chuyển căn làm Tỳ-kheo thì tội này được diệt. Trường hợp Tỳ-kheo phạm mà phi Tỳ-kheo được thoát là nếu Tỳ-kheo phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa không đồng (bất cọng) mà chuyển căn làm Tỳ-kheo-ni thì tội này được diệt.

Hỏi: Có trường hợp khi không biết thì phạm tội và khi biết thì thanh tịnh hay không?

Đáp: Trường hợp không biết thì phạm là như Tỳ-kheo lúc ngủ bị người khác khiêng để trên giường cao rộng lớn… khi thức dậy liền hối lỗi.

Hỏi: Có trường hợp khi biết thì phạm tội và khi không biết thì thanh tịnh hay không?

Đáp: Trường hợp khi biết thì phạm là như Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa, lúc đang tác pháp

yết ma cho xuất tội, vừa nghe bạch liền ngủ cho đến khi yết ma xong.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo nói một phương tiện mà phạm ba tội Ba-la-di không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác rằng: "Thầy thấy tôi trộm vật quý trọng , giết người và biết tôi đã nói đắc quả A-la-hán", đây gọi là nói một phương tiện mà phạm ba tội Ba-la-di.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo-ni nói một phương tiện mà phạm bốn tội Ba-la-di không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo-ni nói với Tỳ-kheo-ni khác rằng: "Cô thấy tôi trộm vật quý trọng , giết người , biết tôi đã nói đắc quả A-la-hán và biết tôi tùy thuận trợ giúp Tỳ-kheo bị tẫn", đây gọi là nói một phương tiện mà phạm bốn tội Ba-la-di.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo ngồi một chỗ mà phạm các giới trong năm thiên hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo đọa vào việc ăn uống thì phạm Đột-kiết-la, trong nhà học gia tự tay thọ lấy năm loại thức ăn Khư-đà-ni hay năm loại Bồ-xà-ni thì phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni, không có tịnh nhơn bên cạnh mà thuyết pháp cho người nữ quá năm, sáu lời thì phạm Ba-dật-đề; nói lời thô với người nữ thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa, thật không có mà nói là được pháp hơn người thì phạm Ba-la-di.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo dùng một phương tiện mà phạm trăm ngàn tội hoặc hơn nữa hay

không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo sân hận dùng một nắm đậu hay một nắm cát rãi lên đại chúng, tùy cát này rơi trúng người khác bao nhiêu thì theo đó phạm tội Ba-dật-đề bấy nhiêu.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo lấy trộm vật quý trọng rời khỏi chỗ cũ mà không phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, nếu vật quý trọng đó là của phi nhân.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo chưa từng phạm giới dù là Đột-kiết-la, nhưng người này không phải là Tỳ-kheo hay không?

Đáp: Có, đó là người mất căn.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo-ni chưa từng phạm giới dù là Đột-kiết-la, nhưng người này không phải là Tỳ-kheo-ni hay không?, đáp có, đó là người mất căn.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo một mình ở trong phòng lại phạm bốn Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo có nam căn dài từ hạ bộ của mình hành dâm, trước đó làm phương tiện trộm cắp, sát sanh và nói dối tôi là A-la-hán.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo ở trong phòng lại bị mất y và phá an cư hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo đã kiết hạ an cư, chưa tự tứ, chưa thọ pháp xuất giới bảy đêm lại để y trên giường mà ở trên hư không cho đến khi trời sáng

thì gọi là phá an cư và mất y.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo giết Tỳ-kheo không phải là cha, cũng không phải A-la-hán mà lại phạm Ba-la-di thuộc tội nghịch hay không?

Đáp: Có, đó là người mẹ xuất gia thọ giới cụ túc chuyển căn.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo-ni giết Tỳ-kheo-ni không phải là mẹ, cũng không phải A-la-hán mà lại phạm Ba-la-di thuộc tội nghịch hay không?

Đáp: Có, đó là người cha xuất gia thọ giới cụ túc chuyển căn. Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo làm việc phi phạm hạnh liền phạm

Ba-la-di và cũng làm việc phi phạm hạnh mà không phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, nếu hành dâm với người nữ còn sống, nữ căn không hư hoại liền phạm Ba-la-di; nếu nữ căn đã hư hoại thì không phạm Ba-la-di.

Hỏi: Có trường hợp trộm cắp liền phạm Ba-la-di và cũng trộm cắp mà không phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, nếu trộm cắp vật quý trọng của người khác liền phạm Ba-la-di, nếu trộm cắp vật quý trọng của phi nhân thì không phạm Ba-la-di.

Hỏi: Có trường hợp giết người liền phạm Ba-la-di và cũng giết người mà không phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có. Nếu là người khởi tưởng là người mà

giết thì phạm Ba-la-di; nếu tưởng là loài khác mà giết thì không phạm, nếu muốn giết phi nhân mà lại giết lầm người thì không phạm Ba-la-di.

Hỏi: Có trường hợp nói có pháp hơn người liền phạm Ba-la-di và cũng nói có pháp hơn người mà không phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, nếu không có khởi tưởng khác mà nói có pháp hơn người thì phạm Ba-la-di; nếu là Tăng thượng mạn mà nói thì không phạm Ba-la-di.

Hỏi: Có trường hợp từ việc này mà phạm Ba-la-di và cũng từ việc này lại không phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo-ni thân xúc chạm nam tử thì phạm Ba-la-di, Tỳ-kheo thân xúc chạm người nữ lại không phạm Ba-la-di; Tỳ-kheo-ni che giấu tội trọng của tỳ-kheo-ni khác thì phạm Ba-la-di, Tỳ-kheo che giấu tội trọng của tỳ-kheo khác lại không phạm Ba-la-di; Tỳ-kheo-ni tùy thuận Tỳ-kheo bị tẫn thì phạm Ba-la-di, Tỳ-kheo tùy thuận lại không phạm Ba-la-di.

Hỏi: Có trường hợp từ việc này mà phạm Tăng-già-bà-thi-sa và cũng từ việc này lại không phạm Tăng-già-bà-thi-sa hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo thân xúc chạm thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa, Tỳ-kheo-ni lại không phạm Tăng-già-bà-thi-sa; Tỳ-kheo cố ý làm xuất tinh thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa, Tỳ-kheo-ni lại không

phạm Tăng-già-bà-thi-sa; Tỳ-kheo-ni thọ y thực từ người nam có tâm nhiễm ô thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa, Tỳ-kheo lại không phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Hỏi: Có trường hợp từ việc này mà phạm Ba-dật-đề và cũng từ việc này lại không phạm Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, Tỳ-kheo-ni cố ý làm xuất tinh thì phạm Ba-dật-đề, Tỳ-kheo lại không phạm Ba-dật-đề; Tỳ-kheo đòi thức ăn ngon thì phạm Ba-dật-đề, Tỳ-kheo-ni lại không phạm Ba-dật-đề; Tỳ-kheo-ni đại tiểu tiện trên cỏ tươi thì phạm Ba-dật-đề, Tỳ-kheo lại không phạm Ba-dật-đề.

Hỏi: Có trường hợp từ việc này thì phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni và cũng từ việc này lại không phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo-ni không bịnh mà đòi hỏi thức ăn ngon thì phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni, Tỳ-kheo không phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni .

Hỏi: Có trường hợp từ việc này thì phạm Đột-kiết-la và cũng từ việc này lại không phạm Đột-kiết-la hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo đại tiểu tiện trên cỏ tươi thì phạm Đột-kiết-la, Tỳ-kheo-ni không phạm Đột-kiết-la; Tỳ-kheo-ni mặc y quá cao thì phạm Đột-kiết-la, Tỳ-kheo không phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo khi phạm giới lại

thanh tịnh và khi thanh tịnh lại phạm giới hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo nói lời thô với người nữ mà chuyển căn thì gọi là khi phạm giới lại thanh tịnh; nếu Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa khi đang được cho yết ma Xuất tội lại không chắp tay, thân không tề chỉnh, trùm đầu… thì gọi là khi thanh tịnh lại phạm giới.

Hỏi: Có trường hợp xả giới khác liền được giới tự nhiên hay không?

Đáp: Có, nếu xả giới yết ma thì được giới tụ lạc.

Hỏi: Có trường hợp người khác nói với người khác thì phạm Ba-la-di và người khác nói với người khác lại phạm Tăng-già-bà-thi-sa hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo làm phương tiện phá Tăng hoặc Ô-tha-gia cho đến can ngăn ba lần mà không chịu bỏ thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Hỏi: Có trường hợp người khác nói với người khác lại phạm Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo ác tà kiến cho đến can ngăn ba lần mà không chịu bỏ thì phạm Ba-dật-đề.

Hỏi: Có trường hợp người khác nói với người khác lại phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni hay không?

Đáp: Có, Tỳ-kheo-ni xin thức ăn cho Tỳ-kheo thì phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni.

Hỏi: Có trường hợp người khác nói với người khác lại phạm Đột-kiết-la hay không?

Đáp: Có, như Phật dạy Tỳ-kheo khi nghe thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa mỗi nữa tháng, nhớ mình có tội mà không phát lồ thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Như Phật dạy Tỳ-kheo-ni xả giới không được xuất gia thọ giới cụ túc trở lại, có trường hợp Tỳ-kheo-ni xả giới mà được xuất gia thọ giới cụ túc hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo-ni sau khi xả giới chuyển căn thành nam thì được xuất gia thọ giới cụ túc.

Hỏi: Như Phật dạy người phạm biên tội không được xuất gia thọ giới cụ túc, có trường hợp người phạm biên tội được xuất gia thọ giới cụ túc hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo-ni phạm Ba-la-di Bất cọng trụ, xả giới rồi chuyển căn thành nam thì được xuất gia thọ giới cụ túc.

Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Thế tôn, có mấy loại yết ma?", Phật nói: "Có một trăm lẻ một pháp yết ma".

Lại hỏi: Có mấy loại đơn bạch yết ma, mấy loại bạch nhị yết ma, mấy loại bạch tứ yết ma?

Đáp: Có hai mươi bốn pháp đơn bạch yết ma, bốn mươi bảy pháp bạch nhị yết ma, và ba mươi pháp bạch tứ yết ma.

Hỏi: Một trăm lẻ một pháp yết ma này có mấy loại được gởi dục, có mấy loại không được gởi dục?

Đáp: Trừ kiết giới yết ma, tất cả yết ma khác đều được gởi dục. Hỏi: Có mấy loại yết ma nhiếp tất cả các yết ma?

Đáp: Có ba loại yết ma nhiếp hết tất cả các yết ma. Đó là đơn bạch yết ma, bạch nhị yết ma, bạch tứ yết ma.

Hỏi: Có trường hợp người khác không nói cũng không dùng thân làm phương tiện mà lại phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo-ni thấy Tỳ-kheo-ni khác phạm trọng mà che giấu không phát lồ thì phạm Ba-la-di.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo phạm bốn thiên giới không phát lồ sám hối mà lại được thanh tịnh hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo phạm giới bất cọng trong bốn thiên, sau đó chuyển căn thành Tỳ-kheo-ni thì được thanh tịnh.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo-ni phạm năm thiên giới không phát lồ sám hối mà lại được thanh tịnh hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo-ni phạm giới bất cọng trong năm thiên, sau đó chuyển căn thành Tỳ-kheo thì được thanh tịnh.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo giết người mà không phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, nếu hai người ở cùng một chỗ, muốn giết người này lại giết lầm người kia.

Hỏi: Có trường hợp người khác hành dâm nhưng người khác nữa lại phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo-ni thấy Tỳ-kheo-ni khác hành dâm nhưng che giấu không phát lồ cho đến khi mặt trời mọc thì phạm Ba-la-di.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo khi đi lại phạm năm thiên giới hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo đi đến nhà học gia tự tay thọ lấy thức ăn thì phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni, không có tịnh nhơn bên cạnh mà thuyết pháp cho người nữ quá năm, sáu lời thì phạm Ba-dật-đề; nói lời thô với người nữ thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa, thật không có mà nói là được pháp hơn người thì phạm Ba-la-di.

Hỏi: Nếu có người phi luật nói là luật thì tìm cầu giới tướng ở đâu?

Đáp: Nên tìm trong mười bảy pháp của hai loại Ba-la-đề-mộc-xoa, trong việc Tỳ-ni, trong Mục đa dà của phần Tăng nhất, trong Cộng và bất công của phần Nhân duyên, phần Kiết trong Tỳ-ni, phần Kiết trong Giới, trong ở trên mặt đất và ở trong hư không và ở trong chuyển căn.

Hỏi: Có ai không lìa tất cả cõi lại bị các cõi trói buộc hay không, có ai xuất gia trong thắng pháp, không diệt hết lậu hoặc mà được Vô dư Niết-bàn hay không?

Đáp: Đó là hóa nhơn. Lại hỏi giết hóa nhơn phạm tội gì, đáp là Thâu-lan-giá.

1. Hỏi về giới Dâm Ba-la-di

Phật tại nước Xá-vệ trong Kỳ thọ Cấp-cô-độc viên, lúc đó tôn giả Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Nếu Tỳ-kheo dùng chú thuật và thuốc tiên hóa làm súc sanh để hành dâm thì có phạm Ba-la-di hay không?", Phật bảo: "Nếu tự nhớ nghĩ mình là Tỳ-kheo, tự biết tôi là Tỳ-kheo mà làm việc không nên làm thì phạm Ba-la-di; nếu không nhớ biết thì phạm Thâu-lan-giá". Lại hỏi: "Thế tôn, nếu Hai Tỳ-kheo dùng chú thuật và thuốc tiên hóa làm súc sanh để cùng hành dâm thì có phạm Ba-la-di hay không?", Phật bảo: "Nếu tự nhớ nghĩ mình là Tỳ-kheo thì phạm Ba-la-di, nếu không nhớ thì phạm Thâu-lan-giá; đối với nữ phi nhân cũng vậy".

Lại hỏi: Như Phật đã dạy hành dâm với nữ phi nhơn thì phạm Ba-la-di, sao gọi là nữ phi nhơn?

Đáp: Nếu có thể nắm bắt được thì gọi là phi nhơn, đối với súc sanh cái cũng vậy. Nếu không thể nắm giữ mà cùng hành dâm, xuất tinh thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa, không xuất tinh thì phạm Thâu-lan-giá.

Lại hỏi: Hành dâm trong miệng tới mức độ nào thì phạm Ba-la-di?

Đáp: Nếu vào quá một lóng tay thì phạm Ba-la-di, không quá thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu bên trong nứt tét mà ba sản môn không hoại cũng phạm Ba-la-di; nếu đầu bị chặt mà hành dâm vào nơi yết hầu thì phạm Thâu-lan-giá, xuất tinh thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Hỏi: Như thế nào là sản môn hư hoại?

Đáp: Nếu chung quanh sản môn bị hư hoại mà hành dâm thì phạm Thâu-lan-giá, xuất tinh thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Hỏi: Hành dâm nơi đường đại tiện như thế nào thì phạm Ba-la-di?

Đáp: Nếu qua khỏi da cho đến một lóng tay thì phạm; nơi đường tiểu tiện cũng vậy, hành dâm mà không chạm vào trong ba sản môn thì phạm Thâu-lan-giá.

Hỏi: Như thế nào là sản môn của người nữ bị hư hoại?

Đáp: Nếu sản môn bị hoại hết hoặc hoại phân nữa mà hành dâm thì phạm Thâu-lan-giá, xuất tinh thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu nữ căn bị cắt, trùng không ăn, không bị thiêu đốt, ba sản môn không hoại mà hành dâm thì phạm Ba-la-di; nếu bị nhiều trùng ăn, bị thiêu đốt mà hành dâm thì phạm Thâu-lan-giá, xuất tinh thì phạm Tăng-già-bà-thi-

sa. Người nữ còn sống cũng vậy, nếu nữ căn của người nữ còn sống bị hoại một nữa mà hành dâm cũng phạm Ba-la-di.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo một mình ở trong phòng mà phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo có nam căn dài tự đưa vào hai đường hành dâm thì phạm Ba-la-di.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo hành dâm nơi đường tiểu tiện mà không phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo nam căn bị cắt hoặc người nữ nữ căn bị cắt hoặc cả hai đều bị cắt mà cùng hành dâm thì phạm Thâu-lan-giá.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo nơi đường tiểu tiện vào chỗ tiểu tiện mà không phạm hay không?

Đáp: Có, đó vào trong bô tiểu tiện.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo hành dâm với người nữ mà không phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, nếu ban đầu hành dâm với người có hai căn thì phạm Ba-la-di, nếu hành dâm với thạch nữ do căn nhỏ nên không thể hành dâm được thì phạm Thâu-lan-giá, nếu xuất tinh thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Hỏi: Sao gọi là thọ lạc, thọ lạc có nghĩa gì?

Đáp: Nếu cả thân tâm đều thọ lạc thì đó là nghĩa của thọ lạc.

Người vốn đã phạm giới mà hành dâm thì phạm

Đột-kiết-la.

2. Hỏi về giới Trộm Ba-la-di:

Phật tại thành Vương xá, tôn giả Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Thế tôn, nếu Tỳ-kheo tính số người để lấy phần cho tám người, mười người rồi lấy hết thì thế nào là như pháp, thế nào là phi pháp?", Phật nói: "Trước là như pháp, sau là phi pháp ".

Hỏi: Như vậy thì phạm tội gì?

Đáp: Nếu việc xong, tính đủ năm tiền thì phạm Ba-la-di, không đủ thì phạm Thâu-lan-giá.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo nghe người khác bảo dời vật đem để nơi khác mà phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, nếu thương buôn bảo Tỳ-kheo: "Thầy không bị thu thuế, hãy mang vật có đóng thuế này qua ải giúp tôi", nếu Tỳ-kheo mang vật này qua khỏi chỗ thu thuế thì phạm Ba-la-di; chưa qua khỏi chỗ thu thuế thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo chỉ các thương nhơn đi đường khác để khỏi bị thu thuế, họ nghe theo và trốn được thuế thì Tỳ-kheo phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo trước không biết trong đãy y của tỳ-kheo khác có vật phải đóng thuế mà mang giúp qua thì không phạm, nhưng người để vật trong đãy trốn được thuế nếu đủ năm tiền thì phạm Ba-la-di; nếu không đủ thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo bảo Tỳ-kheo không tuổi hạ mang vật có đóng thuế đi thì phạm Thâu-lan-giá, qua

khỏi chỗ thu thuế nếu đủ năm tiền thì phạm Ba-la-di; Tỳ-kheo không tuổi hạ do không hỏi rõ mà mang đi nên phạm Đột-kiết-la. Nếu nương hư không để mang vật phải đóng thuế qua khỏi chỗ thu thuế thì phạm Thâu-lan-giá, qua các chỗ khác thì không phạm. Nếu Tỳ-kheo mang vật vô giá qua khỏi chỗ thu thuế, việc xong thì phạm Ba-la-di; nếu mang vật của mình qua khỏi chỗ thu thuế đủ số năm tiền thì phạm Ba-la-di. Nếu khi chưa thọ giới phương tiện lấy trộm, khi chưa thọ giới cụ túc trộm được thì phạm Đột-kiết-la; khi đã thọ giới cụ túc rồi mà trộm được thì phạm Thâu-lan-giá.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo lấy trộm tóc vàng mà không phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, nếu đó là tóc của trời, rồng, quỷ thần.

Nếu Tỳ-kheo lấy trộm giá y gồm cả y mang đi, tính đủ số năm tiền thì phạm Ba-la-di, không đủ thì phạm Thâu-lan-giá; nếu trừ y ra, giá y tính đủ năm tiền cũng phạm Ba-la-di, không đủ thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo bảo Tỳ-kheo khác lấy trộm vật cho người khác, Tỳ-kheo kia có tâm trộm cắp mà lấy thì cả hai đều phạm Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo, người khác không bảo trộm cắp mà lại tự trộm cắp cho họ thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo muốn lấy cắp y Kiếp bối mà lấy nhầm y Sô-ma… thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo bảo Tỳ-kheo khác lấy trộm mỗi loại trong bảy loại y, Tỳ-kheo kia có tâm trộm tự lấy thì phạm Ba-la-di, Tỳ-kheo

bảo lấy thì phạm Thâu-lan-giá, nếu khởi tâm nghi mà lấy thì phạm Thâu-lan-giá.

Hỏi: Như Phật dạy lấy trộm năm tiền thì phạm Ba-la-di, vậy lấy những gì bằng năm tiền thì phạm Ba-la-di?

Đáp: Nếu lấy vật trị giá hai mươi tiền gọi là Ca-ha-na, một Ca-lê tiên trị giá bằng bốn Ca-ha-na.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo lấy trộm vật không rời khỏi chỗ mà lại phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, như lấy ruộng đất nhà cửa hoặc Tỳ-kheo hái quả trên cây tính đủ số năm tiền thì phạm Ba-la-di, không đủ thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo phá bồ lúa để trộm lấy lúa, ngay ở phương tiện ban đầu nếu tính đủ số thì phạm Ba-la-di, không đủ thì phạm Thâu-lan-giá; nếu trộm lấy nhiều loại đồ vật cũng phạm Ba-la-di.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo trộm cắp tiền đồng mà phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, nếu Ca-lê-tiên trị giá hai mươi tiền đồng.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo trộm tượng bằng vàng mà không phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, nếu tượng trị giá không đủ năm tiền thì phạm Thâu-lan-giá, trộm tóc vàng cũng vậy.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo trộm lấy vật đựng nước mà phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, nếu vật ấy trị giá đủ năm tiền. Nếu Tỳ-kheo lấy trộm vàng hoặc vàng chưa hoại tướng, tính đủ số năm tiền thì phạm Ba-la-di, không đủ thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo vay mượn vật của người khác mà nói là không có thì phạm cố ý vọng ngữ Ba-dật-đề, nếu không trả lại thì phạm Thâu-lan-giá; nếu Tỳ-kheo nhận vật của người gởi mà nói là không nhận cũng vậy. Nếu là tặc trụ trộm cắp thì phạm Đột-kiết-la, người vốn đã phạm giới lại trộm cắp thì phạm Đột-kiết-la, người học giới (Sa-di học hối) trộm cắp thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Sao gọi là rời khỏi chỗ?

Đáp: Vật đang ở chỗ cũ mà đem dời đến chỗ khác.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo đã bạch tứ yết ma thọ giới cụ túc, trong bốn Ba-la-di không phạm một giới nào mà không phải là Tỳ-kheo hay không?

Đáp: Đó là người hai căn.

3. Hỏi về giới Sát Ba-la-di:

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo dùng chú thuật, thuốc tiên biến người khác thành súc sanh rồi giết thì có phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Là có.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo giết mẹ mà không phạm Ba-la-di và tội nghịch hay không?

Đáp: Có, nếu muốn giết người khác mà giết

lầm mẹ thì phạm Thâu-lan-giá, muốn giết mẹ mà giết lầm người khác cũng phạm Thâu-lan-giá. hai người chìm trong nước, muốn giết người này lại giết lầm người kia thì phạm Thâu-lan-giá; muốn giết phàm phu mà giết lầm A-la-hán thì phạm Thâu-lan-giá, không phạm nghịch; muốn giết A-la-hán mà giết lầm phàm phu cũng phạm Thâu-lan-giá; muốn giết A-la-hán và giết đúng A-la-hán thì phạm Ba-la-di và tội nghịch.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo làm cho người sảy thai thì phạm Ba-la-di; nếu người mẹ này muốn phá thai, người nữ khác cho uống thuốc giữ thai đợi thời gian sau sanh ra liền nuôi dưỡng, Tỳ-kheo giết người mẹ nào thì phạm Ba-la-di và tội nghịch?

Đáp: Đó là người mẹ muốn phá thai .

Hỏi: Nếu muốn xuất gia nên hỏi người mẹ nào? Đáp: Nên hỏi người mẹ nuôi dưỡng.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo làm cho người sảy thai mà không phạm Ba-la-di không?

Đáp: Có, nếu người đó mang thai súc sanh.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo làm cho súc sanh sảy thai mà lại phạm Ba-la-di không?

Đáp: Có, nếu súc sanh đó mang thai người. Nếu bảo người khác rằng từ trên cao nhảy xuống hoặc nhảy vào nước, lửa sẽ được an ổn; người đó nghe lời làm theo mà chết thì Tỳ-kheo phạm Ba-la-di. Nếu muốn giết mẹ mà giết lầm cha thì phạm Thâu-

lan-giá, nếu muốn giết cha mà giết lầm mẹ cũng phạm Thâu-lan-giá.

4. Hỏi về giới Vọng Ba-la-di:

Nếu Tỳ-kheo nói tôi thối thất bốn Quả Sa-môn thì phạm Ba-la-di; nếu nói tôi đã chứng đắc mà bị thối thất, không nói rõ quả vị thì phạm Thâu-lan-giá, nếu nói rõ quả vị thì phạm Ba-la-di. Nếu nói tôi là Học nhân thì phạm Thâu-lan-giá, nếu nói rõ quả vị trong ba quả Sa-môn thì phạm Ba-la-di. Nếu nói tôi là vô sở hữu, không còn tham dục, sân nhuế thì phạm Ba-la-di; nếu nói đời này là đời cuối cùng thì phạm Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo nói với cư sĩ: "Ai nói với ông tôi là A-la-hán", do nói không thật nên phạm Thâu-lan-giá; nếu Tỳ-kheo nói với cư sĩ: "Ông được lợi ích lớn nên tôi mới vào nhà ông", hỏi lợi ích gì, nếu tự nói có Thánh pháp thì phạm Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo nói với thí chủ: "Người thọ dụng phòng của ông là A-la-hán nhưng tôi không phải là A-la-hán", thì phạm Thâu-lan-giá; cho đến nói thọ dụng các vật như y bát, ngọa cụ… cũng vậy. Nếu Tỳ-kheo nói: "ở chỗ kia trải đủ loại ngọa cụ cho bậc Tu-đà-hoàn…, tôi cũng đã ở chỗ ấy", thì phạm Ba-la-di; nếu Tỳ-kheo nói: "Tôi không còn đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh", thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu nói chứng đắc bốn Quả Sa-môn thì phạm Ba-la-di; nếu nói đã lìa kiết sử thì phạm Ba-la-di; nếu Tỳ-kheo nói: "Những pháp mà Thanh văn đạt được, tôi cũng đạt được", thì phạm

Ba-la-di; nếu nói được năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, tám Thánh đạo cũng vậy; nếu nói tôi thối thất Sơ thiền cho đến nói tu thiền thuận nghịch theo thứ lớp cũng Ba-la-di. Nếu nói tôi đối với bố thí là vô sở hữu thì phạm Thâu-lan-giá; nói tôi là Phật cũng phạm Thâu-lan-giá; nói tôi là thầy của trời người cũng phạm Thâu-lan-giá. Nói tôi là đệ tử của Phật Tỳ bà thi thì phạm Ba-la-di, nói tôi đắc quả cũng phạm Ba-la-di. Nếu nói tôi được pháp hơn người với người điếc, người câm, người câm điếc, người nhập định đều phạm Thâu-lan-giá. Nếu nói tôi được pháp hơn người với người trước đã phạm giới, người học giới (Sa-di học hối), tặc trụ… đều phạm Đột-kiết-la. Nếu nói tôi tu từ bi hỉ xả là vọng ngữ thì phạm Ba-la-di; ra dấu tay nêu tướng thì phạm Thâu-lan-giá.

-oOo-

TÁT BÀ ĐA BỘ TỲ NI MA ĐẮC LẶC GIÀ

QUYỂN 2

2. Hỏi Về Mười Ba Pháp Tăng-Già-Bà-Thi-Sa:

Trong lúc ngủ làm phương tiện, trong lúc ngủ xuất tinh thì không phạm; lúc thức làm phương tiện, trong lúc ngủ xuất tinh thì phạm Thâu-lan-giá; khi chưa thọ giới làm phương tiện, thọ giới cụ túc xong mà xuất tịnh thì phạm Thâu-lan-giá; khi thọ giới cụ túc làm phương tiện, khi thọ giới cụ túc xong mà xuất tinh thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa; khi thọ giới cụ túc làm phương tiện, khi bạch xong xuất tinh thì phạm Thâu-lan-giá.

Hỏi: Nếu vậy từ chỗ nào cho Biệt trụ? Đáp: Nên từ căn bản ban đầu đã phạm. Hỏi: Như thế nào là xuất tịnh?

Đáp: Tinh xuất ra cho đến một lóng tay.

Hỏi: Như thế nào là biết khởi tâm xuất tinh theo thứ lớp?

Đáp: Đây gọi là biết: Khi là Tỳ-kheo phạm thì khi là phi Tỳ-kheo thanh tịnh; khi là phi Tỳ-kheo phạm thì khi là Tỳ-kheo thanh tịnh; khi là Tỳ-kheo

phạm cũng khi là Tỳ-kheo thanh tịnh; khi là phi Tỳ-kheo phạm cũng là khi phi Tỳ-kheo thanh tịnh.

Hỏi: Thế nào là khi phi Tỳ-kheo (Tỳ-kheo-ni) phạm mà khi là Tỳ-kheo thanh tịnh?

Đáp: Trường hợp khi là phi Tỳ-kheo phạm mà khi là Tỳ-kheo thì thanh tịnh là nếu Tỳ-kheo-ni phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa bất cọng mà chuyển căn làm Tỳ-kheo thì tội này được diệt.

Hỏi: Thế nào là khi Tỳ-kheo phạm mà khi là phi Tỳ-kheo thanh tịnh?

Đáp: Trường hợp khi là Tỳ-kheo phạm mà khi là phi Tỳ-kheo thì

thanh tịnh là nếu Tỳ-kheo phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa bất cọng mà chuyển căn làm Tỳ-kheo-ni thì tội này được diệt.

Hỏi: Thế nào là khi Tỳ-kheo phạm cũng khi là Tỳ-kheo thanh tịnh?

Đáp: Trường hợp khi là Tỳ-kheo (ni) phạm cũng khi là Tỳ-kheo (ni) thì thanh tịnh là nếu Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa mà như pháp trị thì được diệt tội, Tỳ-kheo-ni phạm Tăng-già-bà-thi-sa mà như pháp trị thì được diệt tội.

Lúc ngủ làm phương tiện, lúc thức xuất tinh, nếu biết thì phạm Thâu-lan-giá, không biết thì không phạm. Nếu nam căn khởi mà nghịch nước cầm nắm thì phạm Thâu-lan-giá, xuất tinh thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu xúc chạm người nữ mà nghi thì phạm Thâu-lan-giá, xúc chạm nơi răng, nơi chỉ toàn xương thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo yêu thương người nữ này mà xúc chạm người nữ khác thì phạm Thâu-lan-giá, nếu xúc chạm thân người nữ có hai căn thì phạm Thâu-lan-giá, nếu xúc chạm huỳnh môn cũng phạm Thâu-lan-giá; xúc chạm thân người nam thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu xúc chạm người nữ vì nhân duyên mịn màng ấm áp thì phạm Thâu-lan-giá; xúc chạm thân mẹ vì yêu quý mẹ thì không phạm, nếu vì mịn màng ấm áp thì phạm Thâu-lan-giá; cho đến xúc chạm chị em cũng vậy.

Cố ý nói lời thô với người khác thì phạm Thâu-lan-giá, bảo người khác nói cũng phạm Thâu-lan-giá… Tự khen ngợi mình cũng vậy.

Nếu làm mai mối, đem lời nói của người tự tại đến nói với người không tự tại thì phạm Thâu-lan-giá; tự tại là lúc ngủ, lúc ăn, lúc chơi đùa đều tự tại. Nếu mai mối tự trong thai cũng phạm Thâu-lan-giá; khi đánh nhau thắng chiếm đoạt người nữ thì phạm Thâu-lan-giá; làm mai mối cho người không con thì phạm Thâu-lan-giá; làm mai mối cho huỳnh môn, cho phi nhân nam, phi nhân nữ, người phạm hạnh hoặc người nam chuyển căn thành nữ, hoặc người nữ chuyển căn thành nam cho đến người vốn đã phạm giới, người học giới… đều phạm Thâu-lan-giá.

Xin làm phòng rồi mà không làm thì phạm Thâu-lan-giá.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo tự làm phòng không xin Tăng mà không phạm hay không?

Đáp: Có nếu bị muỗi mòng.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo tự xin vật dụng làm phòng mà không phạm hay không?

Đáp: Có, làm phòng cho người khác, người khác làm thành thì phạm Thâu-lan-giá; hai người cùng làm cũng phạm Thâu-lan-giá. Nếu mười xin vật làm một phòng cho mười người thì mỗi người đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa; vật không hiện tiện mà làm phong, không xả phòng mà làm cho đến làm phòng ở nơi xa đều phạm Thâu-lan-giá; lấy vật dụng của mình để làm phòng cũng phạm Thâu-lan-giá.

Hỏi: Sao gọi là tự xin phòng?

Đáp là nếu có được vật dụng hoặc chưa có giá tiền. Làm phòng lớn cũng vậy.

Hỏi: Sao gọi là xin phòng?

Đáp: là khi Tăng hòa hợp tác pháp yết ma.

Dùng tay ra dấu hay sai bảo người khác vu báng Tỳ-kheo khác đều phạm Thâu-lan-giá; vu báng người vốn đã phạm giới, người học giới (Sa-di học hối) đều phạm Thâu-lan-giá; vu báng Sa-di thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo ở trong Tăng nói lời bất định rằng: "Tỳ-kheo kia hành dâm, lấy

trộm năm tiền, giết người, nói pháp hơn người", mà không nói rõ tên thì phạm Thâu-lan-giá; dùng tay ra dấu cũng vậy. Nếu Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy nói rằng: "Điều mà tôi nói là không có nhân duyên gì", thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo đem việc này vu báng Tỳ-kheo-ni thì phạm Thâu-lan-giá; Tỳ-kheo-ni đem việc này vu báng Tỳ-kheo cũng phạm Thâu-lan-giá vì là cọng giới; nếu vu báng ba chúng dưới thì phạm Đột-kiết-la. Nếu vu báng nói rằng: "Thầy không phải là Tỳ-kheo, không phải Sa-môn, không phải Thích tử; thầy là Sa-môn xấu ác…" đều phạm Thâu-lan-giá. Đem các nạn sự để vu báng Tỳ-kheo thì phạm Đột-kiết-la, trừ bốn Ba-la-di, đem những việc khác vu báng đều phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo không được chấp thuận mà tẫn Tỳ-kheo thì có thành tẫn hay không?

Đáp: Không thành tẫn, các Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo không được chấp thuận mà tẫn Tỳ-kheo thì có thành tẫn hay không?

Đáp: Có, nếu chúng tăng đồng thời tác pháp tẫn.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo không được chấp thuận mà ở trong Tăng tẫn Tỳ-kheo thì có thành tẫn hay không?

Đáp: Có, nếu trước đã được chấp thuận.

Hỏi: Không bạch Tăng lại để cho người không hiểu tác pháp yết ma thì có thành yết ma hay không?

Đáp: Thành nhưng các Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la .

Hỏi: Không khiến cho nhớ nghĩ mà tẫn Tỳ-kheo thì có thành tẫn hay không?

Đáp: Thành nhưng các Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Không tác bạch yết ma mà tẫn Tỳ-kheo thì có thành tẫn hay không?

Đáp: Thành nhưng các Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la; không hiện tiền cũng vậy.

Hỏi: Tỳ-kheo không thọ pháp tẫn Tỳ-kheo tẫn Tỳ-kheo không thọ pháp thì có thành tẫn hay không?

Đáp: Thành tẫn nhưng các Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo thọ pháp tẫn Tỳ-kheo không thọ pháp và Tỳ-kheo không thọ pháp tẫn Tỳ-kheo thọ pháp cũng như vậy.

Hỏi: Nếu có Tỳ-kheo hỏi các Tỳ-kheo: "Tôi là Tỳ-kheo thọ pháp tẫn Tỳ-kheo này thì có thành tẫn hay không?"

Đáp: Nếu phi pháp tự nói thì không thành tẫn, nếu như pháp tự nói thì thành tẫn.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo tác pháp yết ma cho bốn người mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu ngồi trên giường lớn, giường nhỏ tác pháp cho bốn người… đều không phạm.

Hỏi: Như Phật dạy là chúng thì không được yết ma cho chúng, có trường hợp là chúng yết ma cho chúng mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu ngồi trên giường lớn, giường nhỏ tác pháp thì không phạm.

Hỏi: Người ở trên hư không tác pháp yết ma cho người ở dưới mặt đất thì có thành yết ma hay không?

Đáp: Không thành, các Tỳ-kheo phạm tội đáng quở trách. Trường hợp người ở dưới mặt đất tác pháp yết ma cho người ở trên hư không, người ở trong giới tác pháp yết ma cho người ở ngoài giới… cũng như vậy.

Hỏi: Thế nào là người không thanh tịnh nhưng tướng thanh tịnh? Đáp: Đó là Tỳ-kheo phạm Ba-la-di mà oai nghi thanh tịnh. Hỏi:

Thế nào là người thanh tịnh mà tướng không thanh tịnh?

Đáp: Đó là người trì giới không phạm nhưng oai nghi không thanh tịnh.

Hỏi: Thế nào là người thanh tịnh mà tướng cũng thanh tịnh? Đáp: Đó là người không phạm giới và oai nghi thanh tịnh.

Hỏi: Thế nào là người không thanh tịnh, tướng cũng không thanh tịnh?

Đáp: Đó là Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa và oai nghi không thanh tịnh.

3. Hỏi Về Hai Pháp Bất Định:

Hỏi: Như Phật dạy là nên tin vào lời của Ưu-bà-di đáng tin nói mà trị tội Tỳ-kheo, có phải là tin vào lời của tất cả Ưu-bà-di đáng tin hay không?

Đáp: Nên hỏi Ưu-bà-di đáng tin này rằng: "Cô có thấy Tỳ-kheo này ở chỗ đó không?", nếu đáp là có thì nên tin vào lời của Ưu-bà-di đáng tin nói mà trị tội Tỳ-kheo này. Nếu Ưu-bà-di đáng tin nói rằng: "Tôi thấy vị này ăn phi thời", Tỳ-kheo lại nói là tôi ăn tô, mật thì nên tin vào lời của Ưu-bà-di đáng tin nói mà trị tội Tỳ-kheo này, cũng nên khiến cho Tỳ-kheo tự nói. Nếu Ưu-bà-di đáng tin nói rằng: "Tôi thấy vị này uống rượu", Tỳ-kheo lại nói là tôi uống nước mật, nước Tô-tỳ-la thì nên tin vào lời của Ưu-bà-di đáng tin nói mà trị tội Tỳ-kheo này, cũng nên khiến cho Tỳ-kheo tự nói. Nếu Ưu-bà-di đáng tin nói rằng: "Tôi thấy vị này hành dâm", Tỳ-kheo lại nói là tôi hành dâm ở đùi thì nên tin vào lời của Ưu-bà-di đáng tin nói mà trị tội Tỳ-kheo này, cũng nên khiến cho Tỳ-kheo tự nói. Nếu Ưu-bà-di đáng tin nói rằng: "Tôi thấy vị này hành dâm với súc sanh", Tỳ-kheo lại nói là tôi chỉ hành dâm bên ngoài thân phần thì nên tin vào lời của Ưu-bà-di đáng tin nói mà trị tội Tỳ-kheo này, cũng nên khiến cho Tỳ-kheo tự nói. Cho đến thấy với

long nữ, thiên nữ, Dạ-xoa nữ cũng như vậy. Nếu Ưu-bà-di đáng tin nói rằng: "Tôi thấy vị này cùng người nữ ở chỗ kia hành dâm", Tỳ-kheo lại nói là tôi vì nhân duyên khác nên đến chỗ đó thì không nên tin vào lời của Ưu-bà-di đáng tin nói mà trị tội Tỳ-kheo này. Nếu Ưu-bà-di đáng tin nói rằng: "Tôi thấy vị này cùng người nữ đó hành dâm, người nữ đứng còn Tỳ-kheo ngồi" thì không nên tin vào lời của Ưu-bà-di đáng tin nói mà trị tội Tỳ-kheo này; cho đến bốn oai nghi cũng như vậy. Trong Bất định thứ hai, nếu Tỳ-kheo trong hai việc, mỗi mỗi việc đều không tự nói ra thì không nên tin vào lời của Ưu-bà-di đáng tin nói mà trị tội Tỳ-kheo này.

4. Hỏi Về Ba Mươi Pháp Ni-Tát-Kỳ Ba-Dật-Đề:

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo cất chứa y quá mười đêm mà không phạm Xả đọa hay không?

Đáp: Có, nếu y bị cháy, bị mất; nếu là thủy y, y đang may, y bằng lông, y bất tịnh cũng vậy.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo cất chứa y dư trọn đời mà không phạm Xả đọa hay không?

Đáp: Có, trong mười đêm thì gặp vô thường (chết).

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo cất chứa y dư hai mươi năm mà không phạm Xả đọa hay không?

Đáp: Có, nếu bị điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo cất chứa y quá mười đêm, ngay nơi y này lại phạm lìa y ngủ đêm hay không?

Đáp: Có, nếu qua mười đêm may thành y thọ trì lại ra ngoài giới cho đến khi mặt trời mọc.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo ngay trong ngày được y liền phạm Xả đọa hay không?

Đáp: Có, nếu liền ngày được y mà ngày trước phạm Xả đọa chưa sám hối, lìa y ngủ mà không thọ ba y lại cất chứa y quá mười đêm nên phạm Xả đọa.

Hỏi: Lìa Ni-sư-đàn ngủ đêm có phạm Xả đọa hay không?

Đáp: Phật dạy không được lìa ba y ngủ đêm, Ni-sư-đàn hoặc được lìa hoặc không được lìa vì Ni-sư-đàn không phải là loại y lìa ngủ đêm. Nếu nuôi bịnh mà cất giữ y quá mười thì phạm Xả đọa; cất chứa khăn tay, đãy lượt nước, mền nệm thọ trì không phạm; nếu không thọ trì hoặc xả rồi thọ lại tùy ý dùng.

Hỏi: Sao gọi là đập y?

Đáp: Nếu là y mới chưa trải qua bốn tháng thọ dụng thì y này không được đập; nếu là Thời y, trong bốn tháng thọ dụng y này thì gọi là được đập y.

Hỏi: Giới của Tăng và giới của ngoại đạo cùng trong một giới, cùng chung một cửa nếu lìa y ngủ

đêm thì có phạm hay không?, đáp là nếu ngủ đêm ngay nơi cửa thì không phạm.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo để y ở chỗ ngoại đạo, ngủ đêm trong giới của Tăng mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu giới của ngoại đạo và giới của Tăng cùng trong một giới; giới cây cũng vậy.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo để y ở bốn chỗ, ngủ đêm ở chỗ khác mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu để trên giường nằm ngồi, nếu không đem ba y theo thì nên thọ y khác.

Hỏi: Như Phật dạy được cất chứa vải trong một tháng thì thọ như thế nào?

Đáp: Đây là trường hợp ba y không đủ, nếu ba y đã đủ thì không được cất chứa vải trong một tháng; vì không đủ ba y mong cầu trong một tháng sẽ được đủ thì nên cất chứa; nếu không được thì nên cắt rọc may thành y thọ trì, nếu không cắt rọc may thành y thọ trì thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, giống như trường hợp liền ngày có được y.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo nhờ Tỳ-kheo-ni không phải bà con giặt y mà không phạm hay không? Đáp: Có, nếu nhờ giặt y mới.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo không phải cha nhờ Tỳ-kheo-ni giặt y mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo-ni là mẹ; nếu giặt rồi bảo giặt nữa thì phạm Đột-kiết-la; nếu sai sứ, làm

tướng nhờ giặt thì phạm Ni-tát-kỳ; nếu nhờ tặc trụ, người vốn đã phạm giới, người vốn không hòa hợp, hai chúng ni dưới giặt y của Tăng hoặc y bất tịnh thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo thọ y từ Tỳ-kheo-ni không phải mẹ mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu thọ y từ mẹ là tặc trụ thì phạm Đột-kiết-la; nếu Tỳ-kheo-ni để y dưới đất rồi nói: "Đại đức, y này gởi cho đại đức tùy ý thọ dụng, tôi sẽ được công đức", Tỳ-kheo lấy thọ dụng thì không phạm; nếu bảo người khác lấy thì phạm Đột-kiết-la; sai sứ, dùng tay ra dấu đều phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo-ni để y dưới đất rồi im lặng bỏ đi, Tỳ-kheo đồng ý thọ dụng thì không phạm; nếu nói: "Thọ dụng rồi đưa tiền cho tôi" thì không phạm; tạm mượn thọ dụng cũng không phạm. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni để y cho cũng vậy. Nếu nói: "Trong tụ lạc đó có y cho đại đức", Tỳ-kheo đến đó lấy thì phạm Đột-kiết-la, nếu im lăng tâm thọ, sau đó đồng ý thọ dụng thì không phạm. Nếu Tỳ-kheo nói: "Tôi không được thọ y từ Tỳ-kheo-ni không phải bà con", người kia im lặng để y dưới đất rồi bỏ đi, sau đó Tỳ-kheo đồng ý thọ dụng thì không phạm.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo thọ y từ Tỳ-kheo-ni là mẹ mà phạm Xả đọa hay không?

Đáp: Có, nếu thọ lấy vật khác.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo vào nhà bạch y, y không rời thân mà lại phạm Xả đọa hay không?

Đáp: Có, nếu y bị bùn đất làm dơ, Tỳ-kheo-ni phủi giũ; nếu Tỳ-kheo nhờ Tỳ-kheo-ni không phải bà con giặt Ni-sư-đàn thì phạm Xả đọa, giặt mền nệm gối đều phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Sao gọi là giặt?

Đáp: Nhúng vào nước cho đến ba lần thì gọi là giặt.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo xin y từ cư sĩ, vợ cư sĩ không phải bà con mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu xin cho Tăng hoặc xin từ người hai căn thì không phạm.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo xin y từ cư sĩ, vợ cư sĩ mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu đó là cha mẹ hoặc xin vải may màn, y tắm mưa thì không phạm; nếu xin từ người học giới thì phạm Đột-kiết-la; xin y bất tịnh cũng phạm Đột-kiết-la; xin y Kiếp bối, Đầu sa thì phạm Đột-kiết-la. Khi thọ giới cụ túc xin, khi thọ giới cụ túc được y có bốn câu; nếu cư sĩ chuyển căn thành nữ hoặc Tỳ-kheo chuyển căn thành Tỳ-kheo-ni đều không phạm. Sai sứ, dùng tay ra dấu đều phạm Đột-kiết-la. Xin y từ phi nhân, súc sanh, chư thiên thì không phạm.

Nếu vì Sa-di may y mà Tỳ-kheo đến xin thì

phạm Đột-kiết-la; vì nhiều Tỳ-kheo may y mà một Tỳ-kheo đến xin cũng phạm Đột-kiết-la; vì may y khi còn là bạch y, sau khi xuất gia rồi đến đòi thì phạm Đột-kiết-la; vì may y khi thọ giới cụ túc, thọ giới cụ túc xong đến đòi cũng phạm Đột-kiết-la, y này nên xả; nếu xin y từ trời rồng, Dạ-xoa và tất cả ngoại đạo đều không phạm; sai sứ, dùng tay ra dấu đều phạm Đột-kiết-la.

Nếu phi nhân đưa giá tiền, phi nhân làm sứ, phi nhân là đàn việt thì không phạm; người đưa giá tiền, phi nhân làm sứ, phi nhân là đàn việt cũng không phạm; phi nhân đưa giá tiền, người làm sứ, người là đàn việt cũng không phạm; nếu người đưa giá tiền, người làm sứ, người là đàn việt thì phạm.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo dùng Kiều xa da mới làm Ni-sư-đàn mà không phạm Xả đọa hay không?

Đáp: Có, nếu làm xen tạp với Cù na, hoặc với Kiếp bối, Đầu cưu la hoặc với tóc, lông… đều phạm Đột-kiết-la; sai sứ, dùng tay ra dấu đều phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo dùng Kiều xa da mới xen tạp làm phu cụ mà không phạm Xả đọa hay không?

Đáp: Nếu không tự làm hoặc làm thuần đen; tự làm cũng vậy.

Nếu làm xong trải ngủ liền phạm tội.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo làm phu cụ mà phạm bốn Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu làm bằng kích lương của Phật, chưa đủ sáu năm, nhờ Tỳ-kheo-ni không phải là bà con giặt và cất chứa quá mười đêm; nếu làm thuần trắng hoặc bất tịnh thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo làm phu cụ chưa đủ sáu năm mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu trong sáu năm bỏ đạo, sau đó xuất gia thọ giới trở lại; bị cuồng si hoặc chuyển căn thành nữ cũng vậy; hoặc Tăng yết ma cho làm; đối với phu cụ bằng Kiều xa da cũng vậy; nếu làm cho người khác thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo thọ y Tăng-già-lê mà phạm Đột-kiết-la hay không?

Đáp: Có, nếu y làm xen tạp bằng chỉ sợi vàng hoặc bạc, hoặc loại chỉ sợi quý báu; dù để dưới đất cho cũng không thọ dụng; nếu khi thọ tưởng là vàng thì phạm Xả đọa; nếu ở chỗ xa nhờ người lấy thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo lấy vật từ mẹ mà phạm Xả đọa hay không?

Đáp: Có, nếu trao đổi vật khác thì phạm.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo mua bán đủ các loại mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu sai bảo người chưa thọ giới cụ túc mua bán thì không phạm, nếu mua bán không như

pháp thì phạm Đột-kiết-la. Mua bán với trời rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già… tất cả phi nhân thì phạm Đột-kiết-la; mua bán với bà con cũng phạm Đột-kiết-la. Mua bán với người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại, tặc trụ, người vốn đã phạm giới, người vốn không hòa hợp, huỳnh môn… đều phạm Đột-kiết-la. Người học giới mua bán cũng phạm Đột-kiết-la; khi chưa thọ giới cụ túc mua bán, khi chưa thọ giới cụ túc được lợi thì phạm Đột-kiết-la… có tất cả bảy câu; người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại mua bán thì không phạm.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo cất chứa bát quá mười đêm mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu trong mười đêm bị điên cuồng

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo cất chứa bát dư trọn đời mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu đã ở trong Tăng xả và sám hối.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo có một bát, ngay nơi bát này lại phạm Xả đọa hay không?

Đáp: Có, nếu không thọ trì.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo có bát rồi lại xin bát khác, trọn đời không tịnh thí mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu là bát nhỏ.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo liền ngày xin được bát mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu bát dễ có được trong mười đêm

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo có bát chưa tới năm đường răng nứt, xin bát mới mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu hai hoặc ba người xin một bát thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo tự xin chỉ sợi bảo thợ dệt dệt y mà không phạm Xả đọa hay không?

Đáp: Có, nếu xin cho Tăng thì không phạm; hoặc xin chỉ sợi bất tịnh rồi bảo thợ dệt dệt y thì phạm Đột-kiết-la; hoặc xin chỉ sợi từ người điên cuồng thì phạm Đột-kiết-la; sai sứ, dùng tay ra dấu xin đều phạm Đột-kiết-la. Nếu bảo thợ dệt dệt y cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đến chỗ thợ dệt mà không nói thì phạm Đột-kiết-la; nếu nói là dùng loại chỉ sợi xen tạp để dệt thì phạm Đột-kiết-la; nếu thợ dệt là huỳnh môn hay người hai căn, Tỳ-kheo đến nói với họ thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo có tâm sân hận đoạt lấy y của tỳ-kheo khác mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu đoạt y bất tịnh hoặc đoạt y của người học giới, tặc trụ, người vốn đã phạm giới, người vốn không hòa hợp, Sa-di thì phạm Đột-kiết-la; sai sứ, dùng tay ra dấu bảo đoạt thì phạm Đột-kiết-la; nếu đoạt y chưa đủ lượng cũng phạm Đột-kiết-la; nếu người đoạt y chuyển căn thành nữ hay

người bị đoạt y chuyển căn đều phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo lìa y quá sáu đêm, không thọ y khác mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu một trong tám nạn khởi lên; hoặc trong ba y không có y dư khác mà an cư, trong một tháng Thời y được lìa y ngủ đêm, nếu quá hạn này thì phạm Xả đọa.

Nếu dùng y bất tịnh hoặc y Kiếp-ba-đồ-sa để may y tắm mưa thì phạm Đột-kiết-la; nếu Tỳ-kheo tự tứ xong đến trú xứ khác, nơi này chưa tự tứ mà tùy ở chỗ đó cất chứa y tắm mưa thì phạm Ba-dật-đề.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo lấy y từ mẹ mà phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu là y của Tăng mà hồi chuyển về cho mình thì phạm Xả đọa; thời dược và thất nhật dược cũng vậy.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo lấy y của Tăng hồi chuyển về cho mình mà không phạm hay không?

Đáp: Nếu ở ngoài giới thì phạm Đột-kiết-la. Nếu ở trong giới của Tăng, không hòa hợp mà chia y thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo được dùng thời dược làm phi thời dược, thất nhật dược và tận hình dược hay không?

Đáp: Có, như mía là Thời dược, ép lấy nước làm Phi thời dược; đường là Thất nhật dược, đốt

thành tro làm Chung thân dược, Hồ-ma cũng vậy; thịt là Thời dược, chiên lấy mỡ làm Thất nhật dược, đốt thành tro làm Chung thân dược .

Hỏi: Nếu Thất nhật dược để ở chỗ bất tịnh không trải qua đêm, không thọ trì thì có được trong bảy ngày thọ hay không? Đáp: Được, Chung thân dược cũng vậy. Nếu mỡ đã được lượt rồi, nấu với dầu thì được dùng trong bảy ngày, Tỳ-kheo khác cũng được dùng trong bảy ngày, nếu dùng để nhỏ mũi, nhỏ lỗ tai hay thoa chân đều không phạm.

5. Hỏi Về Chín Mươi Pháp Ba-Dật-Đề:

Hỏi: Có cư sĩ hỏi Tỳ-kheo: "Thầy là ai?"

Đáp: là ngoại đạo thì Tỳ-kheo này có xả giới hay không? Đáp: Không xả giới nhưng phạm cố ý vọng ngữ Ba-dật-đề.

Hỏi: Có cư sĩ hỏi Tỳ-kheo: "Thầy là ai?", đáp là cư sĩ thì Tỳ-kheo này có xả giới hay không?

Đáp: Không xả giới nhưng phạm cố ý vọng ngữ Ba-dật-đề. Nếu đáp là Hòa thượng cũng vậy.

Nếu Tỳ-kheo nói điên đảo là xin cho Hòa thượng hoặc A-xà-lê , người kia nghe theo lời đã nói mà cho đồ vật thì Tỳ-kheo phạm cố ý vọng ngữ Ba-dật-đề; thường xưng tên để xin cũng phạm Ba-dật-đề. Không nghe mà nói là nghe, nghe mà nói là không nghe… đều phạm Ba-dật-đề. Nếu nói người kia mù lòa mà người đó thật không mù lòa thì phạm hai tội Ba-dật-đề là cố ý vọng ngữ và

khinh chê; nói điếc, câm ngọng cũng vậy, cho đến nói các nghề công xảo khác cũng vậy, như nói thầy là dòng Bà-la-môn xuất gia hoặc thầy là thợ hớt tóc xuất gia… đều phạm.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo khi đi dùng thiên nhãn để xuất tội (cử tội) Tỳ-kheo thì có thành xuất tội hay không?

Đáp: Không thành xuất tội vì thiên nhãn không phải là sự, khi ngồi cũng vậy.

Hỏi: Tỳ-kheo ở trong Tăng xuất tội Tỳ-kheo thì có thành xuất tội hay không?

Đáp: Không thành xuất tội, Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la.

Nếu cố ý khinh chê tặc trụ, người học giới, người vốn không hòa hợp đều phạm Đột-kiết-la; khinh chê ba chúng dưới cũng phạm Đột-kiết-la; sai sứ, dùng tay ra dấu khinh chê cũng phạm Đột-kiết-la.

Nếu dùng thiên nhĩ để nghe lời ly gián thì phạm Đột-kiết-la; ly gián tặc trụ, người vốn đã phạm giới, người vốn không hòa hợp đề phạm Đột-kiết-la; sai sứ, dùng tay ra dấu ly gián đều phạm Đột-kiết-la; ly gián Tỳ-kheo-ni và ba chúng dưới đều phạm Đột-kiết-la.

Nếu đã diệt tội cho tặc trụ, người vốn đã phạm giới, người vốn không hòa hợp mà phát khởi trở lại thì phạm Đột-kiết-la; sai sứ, dùng tay ra dấu để

phát khởi lại cũng phạm Đột-kiết-la. Đã diệt tội cho Tỳ-kheo-ni và ba chúng dưới rồi mà còn phát khởi trở lại thì phạm Đột-kiết-la.

Thuyết pháp cho người nữ đang ngủ thì phạm Đột-kiết-la; thuyết pháp cho tịnh nhân đang ngủ, tịnh nhân là người cõi Uất-đơn-việt hoặc là người ngu si, hoặc là người điếc, câm hoặc là người biên địa đều phạm Đột-kiết-la; thuyết pháp cho huỳnh môn, người hai căn đều phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Nếu tịnh nhân bên cạnh là người không thanh tịnh thì có được thuyết pháp cho người nữ hay không?

Đáp: Không được, vì sao, vì Phật có dạy chú nguyện cho tịnh nhân thì không phạm; nếu tịnh nhân bên cạnh là người mù, câm mà thuyết pháp cho người nữ thì phạm Đột-kiết-la; nếu tịnh nhân là người không điên cuồng hoặc là năm chúng thì thuyết pháp không phạm. Nếu không có tịnh nhân, thuyết pháp cho người thọ tám trai giới thì không phạm; hoặc dạy kinh hay hỏi đáp thì không phạm.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo cùng người chưa thọ giới cụ túc đọc tụng cú pháp mà không phạm Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu cùng tụng với súc sanh; nếu cùng tụng với trời rồng quỷ thần… thì phạm Đột-kiết-la; cùng tụng với Sa-di, Sa-di-ni cũng phạm Đột-kiết-la; sai sứ, dùng tay ra dấu cùng tụng thì phạm

Đột-kiết-la.

Hỏi: Vì sao nói tội Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa của tỳ-kheo cho người chưa thọ giới cụ túc nghe thì phạm Ba-dật-đề?

Đáp: Vì hai tụ giới này nhiếp hết các tội thô ác.

Hỏi: Có trường hợp nói được pháp hơn người cho người chưa thọ giới cụ túc nghe mà không phạm Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu nói cho ba chúng dưới nghe thì phạm Đột-kiết-la; nói cho bậc chánh kiến hoặc bậc Kiến đế nghe thì không phạm; nói cho người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại nghe đều phạm Đột-kiết-la; nói cho tặc trụ, người vốn đã phạm giới, người vốn không hòa hợp, người học giới nghe đều phạm Đột-kiết-la.

Nếu Tỳ-kheo hồi chuyển Tăng vật cho Tỳ-kheo-ni tăng thì phạm Đột-kiết-la; sai sứ, dùng tay ra dấu hồi chuyển thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo chê trách mỗi nữa tháng thuyết giới vụn vặt này mà không phạm hay không?

Đáp: Không có, trừ hai mươi mốt trường hợp không phạm.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo nhổ cỏ mà không phạm Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, đó là cạo tóc; nếu Tỳ-kheo dùng tro đất phủ lên cỏ tươi thì phạm Đột-kiết-la. Nếu bảo

người hái trái cho mình ăn thì phạm Đột-kiết-la; hái nấm mèo cũng phạm Đột-kiết-la; người học giới (Sa-di học hối) hái thì phạm Đột-kiết-la.

Nếu Tỳ-kheo vì người khác mà mắng thì phạm Đột-kiết-la; mắng súc sanh cũng phạm Đột-kiết-la. Nếu hỏi việc này mà trả lời việc khác thì phạm Đột-kiết-la; im lặng xúc não người khác cũng phạm Đột-kiết-la; nghe nói rồi mà không ghi nhớ thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo trải ngọa cụ nơi đất trống, khi đi không tự thu dọn cũng không bảo người thu dọn mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu là giường báu hoặc ở chỗ khuất do có cư sĩ nhiếp thủ nên khi đi không thu dọn thì không phạm. Nếu Tỳ-kheo là tặc trụ, người vốn đã phạm giới, người vốn không hòa hợp, người học giới khi đi không thu dọn thì phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo trải ngọa cụ của mình khi đi không thu dọn cũng không bảo người thu dọn thì phạm Đột-kiết-la; năm chúng cũng vậy.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo trải ngọa cụ của Tăng không tự thu cất cũng không bảo người thu cất mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu ngồi ở nhà cư sĩ hoặc ngọa cụ bị người chiếm đoạt thì không phạm, hoặc gần chỗ kinh hành cũng không phạm. Nếu tạm thời đứng dậy đi, không tự cất cũng không bảo người cất thì

phạm Đột-kiết-la; trừ ngọa cụ, các vật khác như ván cây, khúc cây thì tùy ý ngồi không phạm. Nếu Tỳ-kheo không dặn trao lại ngọa cụ mà đi, khi đến giữa đường gặp Tỳ-kheo khác nên dặn thu dọn giùm; nếu vị kia nhận lời mà không thu cất thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo muốn cất ngọa cụ vào trong phòng, cửa phòng đóng thì làm thế nào?

Đáp: Nên để bên vách hoặc dưới gốc cây hoặc ở chỗ không bị mưa làm hư.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo xua đuổi Tỳ-kheo mà không phạm Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Nếu chúng tăng là tặc trụ, người vốn đã phạm giới, người vốn không hòa hợp, người học giới, Sa-di… cùng xua đuổi một Tỳ-kheo thì phạm Đột-kiết-la; sai sứ, dùng tay ra dấu xua đuổi hoặc ở trong phòng riêng đuổi ra thì phạm Đột-kiết-la; ở nơi đất trống xua đuổi cũng phạm Đột-kiết-la; xua đuổi ngạ quỷ cũng phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo khác đến trước đã trải ngọa cụ rồi, mình đến sau gắng gượng tự trải hay bảo người trải ngọa cụ mà không phạm Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu đó là tặc trụ, người vốn đã phạm giới, người vốn không hòa hợp, người học giới, Sa-di thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo không chống đỡ

giường sút chân, ngồi nằm trên đó mà không phạm Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu ở trong chùa của tặc trụ, người vốn đã phạm giới, người vốn không hòa hợp hoặc chùa của tỳ-kheo-ni hoặc chùa của ngoại đạo thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo lấy nước có trùng tưới lên cỏ, đất mà không phạm Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu sai sứ, dùng tay ra dấu thì phạm Đột-kiết-la; dùng tô, lạc, sữa tưới lên trùng trong cỏ thì phạm Đột-kiết-la. Hỏi: có trường hợp Tỳ-kheo lợp nhà quá hai, ba lớp mà không phạm Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu sai sứ, dùng tay ra dấu hoặc bảo huỳnh môn làm thì phạm Đột-kiết-la.

Phòng lớn tức là phòng riêng hoặc phòng có chủ. Hỏi: Sao gọi là giáo giới Tỳ-kheo-ni?

Đáp: Nếu nói về tám giới trọng gọi là giáo giới Tỳ-kheo-ni. Tỳ-kheo thọ pháp giáo giới cho Tỳ-kheo-ni không thọ pháp thì phạm Đột-kiết-la; ngược lại cũng vậy. Giáo giới cho Tỳ-kheo-ni tặc trụ, người vốn đã phạm giới, người vốn không hòa hợp thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Giáo giới cho Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo nơi khác cũng được giáo giới thì có cần tác yết ma nữa hay là không làm?

Đáp: Trước đã tác yết ma rồi thì không cần tác nữa.

Hỏi: Có trường hợp Tăng không sai, Tỳ-kheo giáo giới Tỳ-kheo-ni mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu trước đã được sai rồi.

Hỏi: Nếu trú xứ chỉ có một Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo-ni có nên đến cầu giáo giới hay không?

Đáp: Nên đến, trường hợp hai, ba vị cũng vậy.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo giáo giới Tỳ-kheo-ni đến mặt trời lặn mà không phạm Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu ở trong chùa tỳ-kheo-ni trong tụ lạc hoặc trong chùa gần tụ lạc, gần nhà cư sĩ thì không phạm; nếu ở ngoài tụ lạc thì phạm.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo đem y cho người không phải là mẹ mà không phạm hay không?

Đáp: Có, về mẹ có tất cả hai mươi mốt trường hợp; nếu đem y cho Tỳ-kheo-ni tặc trụ, người vốn đã phạm giới, người vốn không hòa hợp, người học giới thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Như Phật dạy nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác rằng: "Vì lợi cúng dường nên giáo giới Tỳ-kheo-ni thì phạm Ba-dật-đề", có trường hợp Tỳ-kheo nói như thế mà không phạm Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu các phi nhân như trời, rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la,

Ma-hầu-la-già… xuất gia làm Tỳ-kheo-ni.

Nếu Tỳ-kheo hẹn với Tỳ-kheo-ni đi trong hư không thì phạm Đột-kiết-la; khi chưa thọ giới cụ túc cùng hẹn, thọ giới cụ túc xong cùng đi thì phạm Đột-kiết-la; Tỳ-kheo đi trên hư không, Tỳ-kheo-ni đi dưới đất thì phạm Đột-kiết-la.

Nếu Tỳ-kheo cùng ngồi ở chỗ khuất với thiên nữ có thể nắm giữ được thì phạm Đột-kiết-la; ngồi với Tỳ-kheo-ni cũng vậy.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo nhờ Tỳ-kheo-ni khen ngợi mà được thức ăn lại không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu khen ngợi người khác, người khác ăn thì không phạm. Nếu Tỳ-kheo trước đã thọ cư sĩ thỉnh, sau đó Tỳ-kheo-ni khan ngợi bảo cư sĩ thỉnh Tỳ-kheo đó, cư sĩ nói là đã thỉnh rồi thì Tỳ-kheo không phạm; tịnh thí thức ăn cho Tỳ-kheo-ni và ba chúng dưới đều không phạm; không biết Tỳ-kheo-ni khen ngợi mà ăn thì không phạm.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo thọ thỉnh thực ở nhiều nơi mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu trước đã tịnh cho người khác hoặc vì bịnh hoặc ở nhiều nơi thọ bà con thỉnh thực thì không phạm. Nếu Tỳ-kheo thọ thỉnh thực rồi ngay nơi chỗ ngồi hoặc chỗ khác đem thức ăn đến, tác ý không thọ thì không phạm. Nếu Tỳ-kheo thọ thỉnh, có người nói: "Đại đức, còn có thức ăn nhưng tôi

không thỉnh đại đức lần nữa" thì không phạm. Nếu Tỳ-kheo thọ hai loại thức ăn là Khư-đà-ni và Bồ-xà-ni, không tác tịnh mà ăn cũng không phạm. Tỳ-kheo trước đã thọ thỉnh thực, có người nói: "Đại đức nhớ tôi thỉnh thực, tôi không thỉnh đại đức lần nữa" thì không phạm. Tỳ-kheo trước đã thọ thỉnh thực, có người nói: "Đại đức, tôi còn có thức ăn tùy theo bịnh, tôi không thỉnh đại đức lần nữa" thì không phạm.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo thọ thỉnh hai nơi, không cho người khác một nơi mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu đó không phải là chánh thực; nếu Tỳ-kheo thọ thỉnh thực rồi, có người nói rằng: "Đại đức tự đến nhà tôi, tôi không thỉnh đại đức lần nữa" thì không phạm. Lúc đang ngồi có người thỉnh thực, nếu trước chưa thọ thỉnh thực thì không phạm; ngay nơi chỗ nhất tọa thực, có người khác thỉnh thực thì không phạm; thường thỉnh thực cũng không phạm, vì thương xót nên thọ thỉnh thực cũng không phạm; thọ thức ăn do cư sĩ để dành cho (trường thực) cũng không phạm; một người lấy phần cho hai người cũng không phạm. Thức ăn bất tịnh, dùng tay ra dấu thọ thì phạm Đột-kiết-la; người điên cuồng thỉnh thực, nghi nên thọ chỗ khác thỉnh thực thì không phạm; Tỳ-kheo thọ thỉnh thực rồi cho lại cho Tỳ-kheo thọ pháp thì không phạm.

Hỏi: Có trường hợp ở một nơi thọ hai nhà thỉnh

thực mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu thọ thỉnh thực ở Long cung, miếu thờ trời và nhà của ngoại đạo.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo thọ hai, ba bát thức ăn mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu ở nhà ngoại đạo, miếu thờ trời, thờ Dạ-xoa thì không phạm; nếu dùng tay ra dấu để thọ thì phạm Đột-kiết-la; trừ bánh, thọ các loại thức ăn khác đều không phạm. Nếu thọ hai, ba bát rồi sai người khác mang đi thì phạm Đột-kiết-la .

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo ăn rồi, tùy ý không thọ pháp dư thực lại ăn nữa mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu bịnh, ăn tô, mật cũng vậy; ăn thức ăn bất tịnh (chánh thực) rồi tùy ý thọ pháp dư thực thì không gọi là thọ thực, phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo này là tặc trụ, người vốn đã phạm giới, người vốn không hòa hợp, người học giới thì phạm Đột-kiết-la .

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo ăn biệt chúng mà không phạm Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu đi quá nữa do tuần hoặc ra khỏi giới hoặc ở trên hư không ăn thì không phạm, như Phật đã dạy trừ khi có nhân duyên, ăn biệt chúng không phạm.

Hỏi: Vì tất cả nhân duyên hiện tại tiền hay là mỗi mỗi nhân duyên hiện tại tiền?

Đáp: Vì mỗi mỗi nhân duyên hiện tại tiền được ăn biệt chúng không phạm.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo phi thời ăn loại thức ăn Khư-đà-ni và Bồ-xà-ni mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu đến cõi Uất đơn việt, theo giờ ăn ở cõi đó thì không phạm.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo ngồi một chỗ ăn mà phạm bốn tội Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu không thọ thực mà ăn, thức ăn không thanh tịnh, ăn phi thời và thức ăn để cách đêm thì khi vừa ăn liền phạm bốn tội Ba-dật-đề.

Hỏi: Thức ăn cách đêm ở cõi Uất đơn việt có được ăn không?

Đáp: Được ăn, các cõi khác cũng vậy. Có ba hạng người được ăn cách đêm, đó là tặc trụ, người học giới, người vốn không hòa hợp; Tỳ-kheo không được ăn.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo ăn thức ăn cách đêm mà không phạm hay không?

Đáp: Có, thức ăn cách đêm của tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo được ăn; thức ăn cách đêm của tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni được ăn. Nếu miệng bát bị mẻ, thức ăn còn dính trong bát phải hết sức chú ý, rửa ba lần cho sạch rồi mới dùng thọ thực thì không phạm. Nếu đem cho Sa-di, Sa-di trả lại, Tỳ-kheo dùng thọ thực không phạm; đem thức ăn cách đêm cho người

khác, người khác trả lại, nếu ăn thì phạm Đột-kiết-la, nếu tự không thọ thực thì không phạm. Ở cõi Uất đơn việt không thọ thức ăn mà ăn thì không phạm; các cõi khác thì không được.

Hỏi: Khi Tỳ-kheo ăn, tịnh nhân sớt loại thức ăn Khư-đà-ni, Bồ-xà-ni vào bát thì có thành thọ hay không?

Đáp: Nếu từ khước được thì từ khước, nếu không từ khước được thì được ăn; nếu là nước đục, nước muối, nước tro thì không phạm.

Hỏi: Có trường hợp tự xin thức ăn ngon mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu xin từ rồng, Dạ-xoa… các phi nhân hoặc xin từ bà con thì không phạm.

Nước có trùng nên lượt.

Nếu cùng huỳnh môn ngồi ở chỗ khuất hoặc ngồi trong nhà hoặc trong nhà không tự tại thì phạm Đột-kiết-la. Nhà không tự tại là nếu trong nhà có cha mẹ, bà con, trong đó tự tại ngồi thì không phạm; nếu nhà có nhiều con và dâu, chưa phân chia tài sản thì gọi là nhà không tự tại; dù đã phân chia tài sản, nếu ngồi trong nhà của người lấy vợ thì phạm Ba-dật-đề; ngồi trong chùa đã bị chủ đoạt hoặc trong chùa của ngoại đạo thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo cùng ngồi mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu cùng ngồi trên hư không.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo cùng ngồi ở chỗ khuất mà không phạm hay không?

Đáp: Nếu ngồi ở trong đại chúng.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo ngồi ăn ở chỗ khuất mà phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, nếu ăn dục (người nữ là thức ăn của người nam nên gọi là ăn dục)

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo ngồi ở chỗ khuất ăn mà phạm Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu ngồi ở chỗ khuất ăn tô, dầu, mật, đường và uống nước có trùng.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo dùng nước có trùng mà không phạm hay không?

Đáp: Nếu trong nước có trùng lớn, tắm rửa thì phạm Đột-kiết-la; sai sứ, dùng tay ra dấu cũng phạm Đột-kiết-la .

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo tự tay đưa thức ăn cho ngoại đạo mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu ngoại đạo là bà con hoặc bị bịnh hoặc họ muốn xuất gia hoặc dùng tay ra dấu cho thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo đến xem quân trận xuất hành mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu đó là quân của trời, rồng, A-tu-la thì phạm Đột-kiết-la; nếu bị bốn binh bao vây hoặc vua cho gọi hoặc gặp một nạn trong tám nạn thì

không phạm; ở trong chùa hay trong nhà cũng không phạm. Ở trong quân trận hai đêm xem diễn tập cũng vậy.

Nếu Tỳ-kheo đánh ba hạng người tặc trụ, người vốn đã phạm giới, người vốn không hòa hợp thì phạm Đột-kiết-la; dùng vật ném nhiều Tỳ-kheo, tùy trúng bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu; không trúng thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo làm một phương tiện mà phạm trăm ngàn tội Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo nắm cát hay đậu ném vào các Tỳ-kheo, tùy trúng hay không trúng như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo cầm dao chĩa vào chúng Tỳ-kheo thì phạm nhiều tội Ba-dật-đề; nếu chĩa vào bốn hạng người tặc trụ, người vốn đã phạm giới, người vốn không hòa hợp, người học giới thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Che giấu tội trọng của phi Tỳ-kheo có thành tội che giấu hay không?

Đáp: Không thành tội che giấu, đối với ba hạng người tặc trụ, người vốn đã phạm giới, người vốn không hòa hợp cũng không gọi là che giấu. Nếu Tỳ-kheo thấy Tỳ-kheo khác phạm tội trọng, Tỳ-kheo ấy nói là tôi không có phạm, Tỳ-kheo này không nói với người khác thì không gọi là che giấu. Nếu Tỳ-kheo che giấu tội trọng của tỳ-kheo thì phạm Ba-dật-đề; che giấu tội trọng của tỳ-kheo-ni

và ba chúng dưới thì phạm Đột-kiết-la; che giấu tội trọng của người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại thì không phạm.

Hỏi: Nếu ở bên người điên cuồng sám hối thì có thành sám hối hay không?, đáp là không thành sám hối.

Hỏi: Diệt tẫn Sa-di rồi nên xả hay không nên xả?

Đáp: Nên xả, nếu Sa-di đến trong Tăng xin sám hối hoặc khi bố tát sám hối thì nên nhiếp thủ.

Tỳ-kheo khi bố tát, nhớ mình có tội khởi tâm phát lồ sám hối thì không gọi là che giấu.

Nếu Tỳ-kheo xua đuổi Tỳ-kheo-ni và ba chúng dưới thì phạm Đột-kiết-la; ở trong nhà ngoại đạo mà xua đuổi Tỳ-kheo hoặc sai sứ đuổi Sa-di thì phạm Đột-kiết-la.

Nếu Tỳ-kheo bỏ tô, dầu, mật vào trong lửa thì phạm Đột-kiết-la; nếu đốt xương, y vật cũ thì phạm Đột-kiết-la; bỏ củi vào trong lửa cũng phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo cùng người chưa thọ giới cụ túc ngủ quá hai đêm mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu cùng ngủ nơi bờ rào, bên vách tường, dưới gốc cây thì không phạm.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo cùng người chưa thọ giới cụ túc ngủ quá hai đêm mà phạm hai tội

Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu cùng ngủ với Sa-di hai đêm, đêm thứ ba cùng ngủ với người nữ.

Trường hợp Sa-di nói rằng: "Tôi biết lời Phật dạy là dâm dục không chướng ngại đạo", nếu Sa-di ở trong Tăng hòa hợp sám hối thì nên nhiếp thọ.

Nếu Tỳ-kheo gởi dục cho Tỳ-kheo không thọ pháp rồi sau đó quở trách thì phạm Đột-kiết-la, trường hợp ngược lại cũng vậy. Nếu tác pháp yết ma cho tặc trụ, người vốn đã phạm giới, người vốn không hòa hợp, cho ba chúng dưới, đã gởi dục rồi sau đó quở trách thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo mặc y không hoại sắc mà không phạm Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu mặc y bất tịnh như y Kiếp ba đầu sa thì phạm Đột-kiết-la; y bất tịnh hoại sắc tác tịnh rồi mặc thì phạm Đột-kiết-la. Nếu là y hoại sắc của tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni được mặc cho đến Sa-di-ni cũng được mặc; y tịnh của tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo được mặc cho đến Sa-di cũng được mặc. Khăn lau chân, khăn tay, đãy lượt nước, túi đựng bát… đều nên tác tịnh.

Hỏi: Nếu y của tỳ-kheo bị quốc vương, trưởng giả đoạt lấy, sau đó trả lại thì có nên tác tịnh lại hay không?

Đáp: Không, vì trước đã tác tịnh rồi.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo lấy vật báu hay

vật tợ báu mà không phạm Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu lấy vật báu của trời, rồng, quỷ thần thì phạm Đột-kiết-la; nếu sai sứ lấy vật báu ở chỗ thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo lấy ngọc châu Ma ni mà không phạm hay không?

Đáp: Nếu lấy Ma ni thủy tinh thì phạm Đột-kiết-la; nếu khởi niệm là lấy cất giùm người khác, sau sẽ đưa trả lại cho họ thì không phạm.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo ngồi nằm trên giường vàng, giường báu mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu ở các chỗ của trời, rồng, quỷ thần thì không phạm. Nếu Tỳ-kheo được dao nên hoại tướng của dao rồi mới thọ dụng. Nếu Tỳ-kheo ngồi trên chỗ ngồi bằng vàng bạc thì phạm Đột-

kiết-la; xúc chạm vàng bạc cũng phạm Đột-kiết-la.

-oOo-

TÁT BÀ ĐA BỘ TỲ NI MA ĐẮC LẶC GIÀ

QUYỂN 3

5. Hỏi Về Chín Mươi Pháp Ba-Dật-Đề (Tiếp Theo):

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo trong nữa tháng tắm, trừ nhân duyên mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu mặc y tắm mưa tắm hoặc vào nước vác cây, nhân đó tắm thì không phạm; hoặc ở trong nước có chút nhân duyên, nhân đó tắm cũng không phạm; hoặc lội qua sông hoặc học bơi, nhân đó tắm thì không phạm; hoặc kiết hạ an cư xong trong một tháng là Thời, được thường thường tắm không phạm. Qua một tháng này thì nữa tháng mới được tắm, nếu trong hạ an cư có tháng nhuần thì nên tính cho đủ số ngày.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo làm một phương tiện mà phạm mười tội Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu giết trùng cực nhỏ thì tùy trùng chết bao nhiêu, phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu; muốn chặt sợi dây mà giết nhầm rắn thì không phạm; muốn giết rắn mà chặt nhầm sợi dây thì phạm Đột-kiết-la; muốn giết trùng này lại giết nhầm trùng kia, hoặc muốn giết trùng mà chặt xuống đất, hoặc

muốn túm bắt trùng mà túm phải đất đều phạm Đột-kiết-la; sai sứ, dùng tay ra dấu cũng phạm Đột-kiết-la.

Nếu khiến cho tặc trụ, người vốn đã phạm giới, người vốn không hòa hợp, người học giới sanh nghi hối thì phạm Đột-kiết-la; khiến ba chúng dưới sanh nghi hối cũng phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo khiến Tỳ-kheo-ni sanh nghi hối thì phạm Ba-dật-đề , Tỳ-kheo-ni khiến Tỳ-kheo sanh nghi hối cũng phạm Ba-dật-đề.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo dùng ngón tay chọc lét thân căn của tỳ-kheo khác mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu dùng ngón tay chọc lét thân căn hư hoại thì phạm Đột-kiết-la.

Nếu Tỳ-kheo dùng bình nước tạt các Tỳ-kheo, tùy trúng ướt bao nhiêu Tỳ-kheo thì phạm Bấy nhiêu Ba-dật-đề, không trúng thì phạm Đột-kiết-la; nếu Tỳ-kheo ngồi rót nước xuống đất thì phạm Đột-kiết-la.

Nếu Tỳ-kheo-ni tự làm cho nước sữa chảy ra thì phạm Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo tắm ở trong nước mà đùa giỡn hoặc vỗ nước, lặn xuống rồi nổi lên… đều phạm Ba-dật-đề; khi tắm dùng tô, dầu. Đường, mật rưới lên người để đùa giỡn thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo cùng ngủ với

người nữ mà không phạm Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu cùng ngủ bên vách tường, dưới gốc cây hay trong nhà lớn trống không thì phạm Đột-kiết-la; người nữ trong đây là người có thể sờ nắm được. Nếu phòng thông với nhà ăn có chung một cửa, cùng ngủ trong đây thì phạm Ba-dật-đề; nếu không biết là người chưa thọ giới cụ túc mà cùng ngủ thì không phạm.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo làm cho Tỳ-kheo khác sợ mà không phạm Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu đó là tặc trụ, người vốn đã phạm giới, người vốn không hòa hợp, người học giới và ba chúng dưới thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo giấu y bát… các vật cần dùng của tỳ-kheo mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu giấu bát vàng, bát bạc thì phạm Đột-kiết-la; giấu y bất tịnh, tọa cụ, túi đựng bát bất tịnh… cũng phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Tịnh thí y cho năm hạng người, như thế nào là phạm? Đáp: Quá mười đêm và khi mặt trời mọc thì phạm Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo biết đây là chúng giặc, biết người nữ này là giặc mà cùng đi chung đường thì phạm Ba-dật-đề, nữa đường quay trở về thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo đi cùng với giặc

mà không phạm Ba-dật-đề hay không?

Đáp: Có, nếu bị giặc bắt đem đi hoặc đi qua đường hiểm hoặc đi qua đường có Dạ-xoa hút tinh khí của người thì cùng đi không phạm.

Nếu được thỉnh trong bốn tháng dù thỉnh Tăng hay thỉnh riêng, nếu thỉnh cúng y thực đều nên thọ, thọ quá bốn tháng thì phạm Ba-dật-đề; nếu thỉnh thường thường thì không phạm.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo được đàn việt thỉnh là thầy cần gì cứ đến lấy, Tỳ-kheo này sau đó bỏ đạo, thời gian sau lại xuất gia thọ giới cụ túc nếu muốn đến nhà đàn việt trước kia thọ thỉnh thì có cần được thỉnh lại hay không?

Đáp: Cần được thỉnh lại.

Hỏi: Nếu cư sĩ bị vô thường mà có con cái thì có cần được thỉnh lại hay không?

Đáp: Cần được thỉnh lại.

Hỏi: Cư sĩ trước đã thỉnh Tỳ-kheo, Tỳ-kheo lại tác yết ma phú bát cho cư sĩ này thì có được thọ thỉnh hay không?

Đáp: Không được thọ, nếu thọ thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Nếu cư sĩ nói: "Thầy không thọ thì tôi sẽ không tín kính", thì có được thọ thỉnh hay không?

Đáp: Không được thọ, nên bảo cư sĩ sám hối được thanh tịnh rồi mới thọ thỉnh.

Hỏi: Sa-di chưa đủ hai mươi tuổi, Tỳ-kheo nghi

mà lại cho thọ giới cụ túc thì Sa-di có đắc giới hay không?

Đáp: Không đắc giới và Tăng phạm Đột-kiết-la.

Nếu người thọ giới tự biết mình không đủ hai mươi tuổi, khi thọ giới lại nói là đủ hai mươi, Tỳ-kheo cùng làm việc không phạm; về sau biết là chưa đủ hai mươi thì Tỳ-kheo không nên cùng làm việc, vì ban đầu không đắc giới. Nếu tự biết mình không đủ hai mươi tuổi, thời gian sau mới biết mà trải qua Tăng bố tát yết ma và làm mười hai hạng người thì gọi là Tặc trụ. Nên tính tuổi từ đâu, nên tính từ trong thai mẹ và tính cả tháng nhuần.

Nếu đào đất chết tức là đất đã lìa tự tánh thì không phạm; đất sống là đất đã trải qua bốn tháng hạ có mưa thấm nhuần, nếu sai sứ hay dùng tay ra dấu bảo đào đất thì phạm Đột-kiết-la.

Nếu khi tác bạch, từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi thì phạm Đột-kiết-la; tác bạch rồi, chưa tác yết ma mà đứng dậy bỏ đi thì phạm Ba-dật-đề. Nếu tác yết ma phi pháp, đứng dậy bỏ đi thì phạm Đột-kiết-la; Tăng tác pháp yết ma cho tặc trụ, người vốn đã phạm giới, người vốn không hòa hợp, người học giới và ba chúng dưới mà đứng dậy bỏ đi thì phạm Đột-kiết-la; bảo người không có tuổi hạ đứng dậy bỏ đi thì cả hai đều phạm Đột-kiết-la, người kia đi rồi trở lại thì phạm Đột-kiết-la; dùng chú thuật sai

khiến người gỗ thì phạm Đột-kiết-la.

Nếu Tỳ-kheo vì người khác lén nghe việc tranh cãi thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Nếu dùng rượu để nấu làm Thời dược, Phi thời dược, Thất nhật dược thì có được dùng hay không?

Đáp: Nếu không còn tánh rượu thì được dùng.

Hỏi: Tất cả các loại trái cây và bánh có được dùng hay không?, đáp là được dùng.

Nếu Tỳ-kheo dạy kinh luật luận cho Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo-ni nói là không học được; sau đó đến nói với Tỳ-kheo khác là trừ kinh luật luận ra, tôi không học gì hết thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo vì việc Tăng hay vì việc riêng mà đến ba nơi ở trong tụ lạc, không bạch Tăng cũng không phạm; khi đến nhà cư sĩ, nơi A-lan-nhã và nơi gần tụ lạc, không có Tỳ-kheo không bạch thì không phạm; nhiều người cùng làm, không bạch mà vào tụ lạc cũng không phạm.

Hỏi: Người ở trên đất tự tại bạch với người ở trong hư không thì có thành bạch hay không?

Đáp: Thành bạch; ngược lại cũng vậy. Nếu trong một giới muốn xuất giới đi đến nơi khác, không có Tỳ-kheo để bạch thì khi đi đến ngã tư đường gặp Tỳ-kheo nên bạch, nếu không gặp ai thì nên khởi tâm bạch rồi đi, cũng nên bạch với Tỳ-kheo-ni cho đến Sa-di-ni.

Nếu Tỳ-kheo đã thọ thỉnh thực ở một nơi, sau đó thọ thỉnh thực một nơi khác nữa thì nên tịnh thí nơi thỉnh thực trước. Nếu thọ thực rồi tùy ý không thọ pháp dư thực mà vào tụ lạc thì phạm hai tội Ba-dật-đề là không thọ pháp dư thực và không bạch mà vào tụ lạc.

Hỏi: Có trường hợp khi mặt trời chưa mọc, vua chưa ra, chưa cất của báu, Tỳ-kheo vào cửa cung vua mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu đó là cung của vua trời, rồng, quỷ thần… Nếu có việc gấp hoặc vua đã cất của báu rồi mới vào thì không phạm.

Nếu khi nghe thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa, Tỳ-kheo nói là tôi mới biết tội này thì phạm Ba-dật-đề; trừ Tỳ-ni, khi nghe thuyết pháp khác mà nói là tôi nay mới biết pháp này mỗi nữa tháng nói thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo làm chân giường cao quá tám ngón tay của Phật mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu là giường báu, làm chân giường bằng vàng bạc, lưu ly… thì phạm Đột-kiết-la; vì người khác mà làm chân giường cao quá tám ngón tay của Phật thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo dùng cỏ May dồn làm nệm ngồi, nệm nằm mà không phạm hay không?

Đáp: Trừ nệm dồn bông, dùng các loại cỏ khác dồn làm nệm thì phạm Đột-kiết-la; dồn làm nệm cho người khác cũng phạm Đột-kiết-la; bảo người khác dồn làm nệm cũng phạm Đột-kiết-la; dồn làm nệm bất tịnh cũng phạm Đột-kiết-la. Nếu dùng vải bất tịnh để may y tắm mưa thì phạm Đột-kiết-la; dùng vải bất tịnh may y bằng kích lượng y của Phật thì phạm Đột-kiết-la.

6. Hỏi Về Bốn Pháp Ba-La-Đề-Đề-Xá-Ni:

Nếu đến nhà bạch y thọ thức ăn từ ba hạng người tặc trụ, người học giới, người vốn không hòa hợp thì phạm Đột-kiết-la; nếu Tỳ-kheo ở trong hư không thọ thức ăn từ Tỳ-kheo-ni thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo thọ thức ăn từ Tỳ-kheo không phải bà con mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo ở trong chùa còn Tỳ-kheo-ni ở trong nhà cư sĩ.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo thọ thức ăn từ Tỳ-kheo-ni không phải là mẹ mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu người mẹ ở bên Tỳ-kheo không phải bà con trong nhà cư sĩ đồng ý thì Tỳ-kheo thọ thức ăn không phạm; dùng tay ra dấu thọ thì không phạm.

Nếu Tỳ-kheo đến nhà cư sĩ khất thực, trong nhà

có Tỳ-kheo-ni bảo cư sĩ đem thức ăn cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo thọ thức ăn này thì phạm Đột-kiết-la; nếu khác nhà mà cùng một cửa, ở nơi đó thọ thức ăn hoặc thọ cho người khác thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo thọ thức ăn từ Tỳ-kheo-ni không phải bà con mà phạm bốn thiên giới hay không?

Đáp: Có, nếu dùng y gói thức ăn, cầm lấy y và thức ăn, ở trước người nữ nói lời thô, sờ chạm thân phần, Tỳ-kheo-ni bảo người cho cơm canh mà Tỳ-kheo không ngăn thì phạm Đột-kiết-la; nếu thọ thức ăn ngay nơi ngạch cửa thì không phạm; thọ thức ăn từ bà con thì không phạm.

Nếu ở A-lan-nhã có sợ hãi, Tỳ-kheo không bịnh mà thọ thức ăn thì phạm Đột-kiết-la , bịnh thì không phạm, nên nói cho cư sĩ biết là nơi đây có nạn sợ. Nếu vua hỏi Tỳ-kheo là nơi đây có giặc hay không, đáp là không thì thọ thức ăn không phạm; nếu ra ngoài giới thọ thức ăn cũng không phạm. Nếu trên đường đi gặp cư sĩ đưa thức ăn đến, Tỳ-kheo nên bảo đừng vào, cư sĩ tự vào thì Tỳ-kheo không phạm.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo ở trong nhà Học gia tự thay thọ thức ăn mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu được thỉnh trước hoặc bịnh.

7. Hỏi Về Bảy Pháp Diệt Tránh:

Nếu Tỳ-kheo điên cuồng mà phạm giới, sau đó

nhớ là mình có tội thì nên như pháp trừ diệt, nếu không nhớ thì không phạm. Nếu muốn cử tội người tranh cãi nên khiến cho Tỳ-kheo này tự nói trước rồi mới cử tội; nếu là hai bộ chúng tranh cãi thì trước nên cầu Thác lại tra, người làm Thác lại tra đối với hai bộ nên không có phân biệt kia đây, nếu bộ kia không đồng ý thì không nên cử tội, nếu cử tội thì không gọi là Thác lại tra. Thác lại tra nên để hai bên biết thọ thẻ, nếu đã thọ rồi mà nói là không thọ thì phạm tội cố ý vọng ngữ; như Bất si Tỳ-ni, Thật mích Tỳ-ni, Hiện tiền Tỳ-ni, Ức niệm Tỳ-ni, Đa mích Tỳ-ni, Bố thảo Tỳ-ni, tùy nghĩa của sự việc nên biết.

8. Hỏi Về Việc Thọ Giới:

Hỏi: Không tác Bạch tứ yết ma thọ giới cụ túc thì có thọ đắc giới hay không?

Đáp: là không đắc giới.

Hỏi: Nếu khi thọ giới cụ túc mà xả Hòa thượng thì có đắc giới hay không?

Đáp: là không đắc giới.

Hỏi: Khi thọ giới cụ túc mà không hiện tiền thì có đắc giới hay không?

Đáp: là không đắc giới.

Hỏi: Khi thọ giới cụ túc, người tác yết ma không xưng tên Hòa thượng, chúng tăng và người thọ giới thì có đắc giới không?

Đáp: là không đắc giới.

Hỏi: Nếu tác bạch rồi mà tác yết ma không đủ thì có đắc giới không?

Đáp: là không đắc giới.

Hỏi: Khi thọ giới cụ túc, không cầu Hòa thượng thì có đắc giới không?

Đáp: Đắc giới nhưng các Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Khi thọ giới cụ túc, không hỏi các già nạn mà cho thọ giới thì có đắc giới không?

Đáp: Đắc giới nhưng các Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la. Hỏi: Cho người ngu si thọ giới thì có đắc giới không? Đáp: Đắc giới nhưng các Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Hai người cùng một yết ma ở hai nơi thọ giới thì có đắc giới không?

Đáp: Đắc giới, nếu yết ma ở giữa hai giới.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo tác pháp yết ma cho người ở bốn nơi thọ giới cụ túc thì có đắc giới không?

Đáp: Đắc giới, nếu Tỳ-kheo ngồi trên giường ngồi, giường nằm tác pháp yết ma cho bốn nơi; hoặc năm nơi cho đến tám người, mười hai người… cũng vậy.

Hỏi: Nếu các Tỳ-kheo ở trong giới không hòa hợp mà cho người thọ giới cụ túc thì có đắc giới không?

Đáp: Không đắc giới.

Hỏi: Làm nhiễm ô Tỳ-kheo-ni tức là làm việc

phi phạm hạnh, nếu một người làm đủ tám việc làm nhiễm ô Tỳ-kheo-ni thì có thành làm nhiễm ô không?

Đáp: là thành.

Hỏi: Nếu tám người mỗi người làm một việc làm nhiễm ô Tỳ-kheo-ni thì có thành làm nhiễm ô không?

Đáp: Không thành làm nhiễm ô.

Hỏi: Tặc trụ là người không được Bạch tứ yết ma thọ giới cụ túc mà trải qua bố tát, tự tứ, đơn bạch, bạch nhị, bạch tứ cho đến vào trong số chúng mười hai người. Nếu người thọ giới không biết Hòa thượng là tặc trụ mà nương vị ấy để xuất gia thọ giới cụ túc thì có đắc giới không?

Đáp: Đắc giới nhưng các Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la; người vốn phạm giới, người không hòa hợp cũng vậy.

Hỏi: Nếu cư sĩ làm Hòa thượng cho cư sĩ thọ giới cụ túc thì có đắc giới không?

Đáp: Đắc giới nhưng các Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la. Hỏi: Sao gọi là người việt tế?

Đáp: Đó là người không xả giới mà bỏ y phục Sa-môn, đến chỗ ngoại đạo mặc y phục của họ vì ưa thích kiến chấp của họ.

Hỏi: Người giết mẹ có được cho xuất gia thọ giới cụ túc hay là không được?

Đáp: Có khi được, có khi không được. Nếu

muốn giết mẹ của người khác mà giết lầm mẹ mình thì người này được xuất gia thọ giới cụ túc; nếu cố ý giết mẹ mình thì không được cho; giết cha, giết A-la-hán cũng vậy.

Hỏi: Người có ác tâm làm Phật bị thương chảy máu được cho xuất gia thọ giới cụ túc hay là không được?

Đáp: Nếu không cố ý làm Phật bị thương chảy máu thì được cho xuất gia thọ giới cụ túc; nếu có ác tâm thì không được.

Hỏi: Người phá Tăng có được cho xuất gia thọ giới cụ túc hay là không được?

Đáp: Nếu khởi tưởng là pháp là thọ thẻ, do thọ thẻ mà Tăng bị phá thì người này được cho xuất gia thọ giới cụ túc; nếu khởi tưởng là phi pháp mà thọ thẻ thì không được cho.

Hỏi: Nếu cho người si độn thọ giới cụ túc thì có đắc giới không?

Đáp: Đắc giới nhưng các Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la; cho người không thanh tịnh cũng vậy.

Hỏi: Cho người điếc thọ giới cụ túc thì có đắc giới không?

Đáp: Nếu nghe yết ma thì đắc giới, không nghe thì không đắc giới; người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại cũng vậy. Người không thọ pháp cho người thọ pháp thọ giới cụ túc dù đủ số chúng cũng không đắc giới; ngược lại cũng vậy.

Hỏi: Tỳ-kheo bị yết ma Bất kiến tẫn cho người bị bất kiến tẫn thọ giới thì có đắc giới không?

Đáp: Nếu người kia thấy tội thì đắc giới, người bị ác tà kiến bất trừ tẫn cũng vậy.

Hỏi: Người thọ giới cụ túc nếu nghe yết ma rồi mà chuyển căn thì có đắc giới không?

Đáp: là đắc giới.

Hỏi: Như Phật dạy Tỳ-kheo-ni nên đến trong Tỳ-kheo tăng thọ đại giới, nếu Hòa thượng chuyển căn thì có đắc giới không?

Đáp: Nếu nghe yết ma rồi Hòa thượng mới chuyển căn thì đắc giới.

Hỏi: Người thọ giới ở dưới đất, người làm yết ma ở trên không thì có đắc giới không?

Đáp: Không đắc giới, ngược lại cũng vậy. Bạch tứ yết ma gọi là đắc giới cụ túc.

9. Hỏi Về Việc Bố Tát:

Khi kết giới không mất y thì nên nói trừ tụ lạc và giới tụ lạc, vì tụ lạc và giới tụ lạc không phải là giới y; đại chúng ngồi ở dưới đất mà người kết giới ở trên không thì không thành kết giới, ngược lại cũng vậy. Nếu ở nơi A-lan-nhã nên kết giới trong phạm vi một Câu-lô-xá và ở trong đây làm bố tát.

Hỏi: Trong phạm vi một Câu-lô-xá nếu có Tỳ-kheo mà không nhìn thấy thì làm sao bố tát?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo ở nơi mà mắt có thể thấy thì nên cùng bố tát, cũng nên khởi tâm tìm.

Phật tại nước Xá-vệ, trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Nếu Tỳ-kheo ở dưới đất gởi dục thanh tịnh cho Tỳ-kheo ở trên không thì có thành gởi dục thanh tịnh không?"

Đáp: Không thành gởi dục thanh tịnh, nếu thọ dục thanh tịnh rồi mà xuất giới thì mất dục thanh tịnh này.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo ở hai nơi thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa mà thành thuyết hay không?

Đáp: Thành, nếu ở giữa hai giới.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo gởi dục thanh tịnh ở hai nơi, bố tát ở hai nơi mà thành gởi dục hay không?

Đáp: Thành, nếu ở giữa hai giới.

Hỏi: Nếu thuyết giới với người điên cuồng, người điếc, người biên địa, người si độn mà đủ số chúng thì có thành thuyết giới hay không?, đáp là thành.

Hỏi: Khi Tỳ-kheo cựu trụ bố tát, Tỳ-kheo bị tẫn và Tỳ-kheo khách đến thì có được cùng đồng yết ma không?

Đáp: Nếu như pháp tác pháp yết ma thì được cùng đồng. Hỏi: Như thế nào là đứng dậy rời khỏi chúng?

Đáp: Nếu một Tỳ-kheo đứng dậy đi tiểu tiện ở nơi chỗ có thể nghe được thì không gọi là lìa chúng, nếu lìa nghe thì gọi là lìa chúng.

Hỏi: Khi bố tát mà Tăng bị phá thì các Tỳ-kheo nên bố tát như thế nào?

Đáp: Mỗi người tự cùng với bạn đảng của mình bố tát.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo ngồi thuyết giới cho bốn nơi mà thành thuyết hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo ngồi trên giường ngồi, giường nằm.

10. Hỏi Về Việc Tự Tứ:

Nếu người ở dưới đất tự tứ với người ở trên không thì không thành tự tứ, ngược lại cũng vậy.

Hỏi: Tỳ-kheo tự tứ ở hai nơi có thành tự tứ không?

Đáp: Thành, nếu ở giữa hai giới; tự tứ ở bốn nơi cũng vậy.

Hỏi: Như Phật dạy là thanh tịnh đồng kiến mới xuất tội, sao gọi là thanh tịnh đồng kiến?

Đáp: Đối với Ba-la-đề-mộc-xoa là đồng kiến.

Hỏi: Như Phật dạy là trừ nạn nước lửa, nếu có các nạn khác khởi lên thì có được nói một lần tự tứ không?

Đáp: Tùy có nạn nào khởi lên đều được nói một lần tự tứ.

Hỏi: Như Phật dạy là trừ việc này, các việc khác nên tự tứ nghĩa là trừ người ra, các việc khác nên tự tứ; như thế nào là việc, như thế nào là người?

Đáp: Nếu người nào phạm tội thì trừ người ấy ra, như Phật dạy khi tự tứ nên xuất tội của tỳ-kheo, có người nói phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni, có người nói phạm tâm niệm sám hối, có người nói phạm Ba-dật-đề, có người nói phạm Đột-kiết-la, đó là người; việc là Ba-la-đề-mộc-xoa .

Hỏi: Nếu Tăng cựu trụ tự tứ vào ngày thứ mười lăm, khách Tăng đến tự tứ vào ngày thứ mười bốn, như Phật dạy Tỳ-kheo cựu trú nên ra ngoài giới tự tứ là một Tỳ-kheo hay tất cả Tỳ-kheo ra ngoài giới?

Đáp: là tất cả Tỳ-kheo .

Hỏi: Khi tự tứ xong, Tỳ-kheo bị tẫn có được ở chung không? Đáp: là không được ở chung.

Tự tứ với người điếc, người si độn, người biên địa mà đủ số chúng thì thành tự tứ; Tỳ-kheo thọ pháp mà đủ số chúng cũng không thành tự tứ, người tự tứ mà chuyển căn cũng không thành tự tứ.

11. Hỏi Về Việc An Cư:

Hỏi: Trong an cư Tỳ-kheo bị tẫn có được ở chung không? Đáp: Trong ba tháng được ở chung.

Hỏi: Trong an cư, Tỳ-kheo ở trên không thì khi mặt trời mọc có mất an cư không?

Đáp là mất an cư.

Hỏi: Nếu chúng tăng an cư trong tụ lạc xong rời khỏi giới, Tỳ-kheo khác đến kết giới lại; nếu đàn việt ở trong đây cúng y cho Tăng thì y này thuộc về ai?

Đáp: Y thuộc Tăng đã an cư trong tụ lạc này trước, vì như Phật dạy đó là công đức lợi của giới.

Hỏi: Nếu trong an cư Tăng bị phá thì y cúng thí thuộc về bên nào?

Đáp: là thuộc bên Tăng có nhiều người hơn. An cư nương vào bốn

điều: Một là hạ, hai là thời, ba là thức ăn, bốn là tự tứ.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo an ở bốn nơi và tự tứ bốn nơi hay không?

Đáp: Có, nếu ngồi trên giường ngồi, giường nằm.

12. Hỏi Về Dược:

Hỏi: Chung thân dược để ở chỗ bất tịnh và cách đêm thì có được dùng hay không?

Đáp: là không được dùng.

Hỏi: Có được dùng sữa người hay không?

Đáp: Không được dùng, chỉ được dùng thoa thân.

Hỏi: Mỡ bất tịnh nấu với muối thì có được dùng hay không? Đáp: là được dùng nếu bị bịnh, thịt cũng vậy.

Hỏi: Lửa ở chỗ đất bất tịnh, người ở chỗ đất tịnh tác tịnh thức ăn thì có được ăn hay không?

Đáp: là được ăn.

Hỏi: Lửa ở chỗ đất bất tịnh, thịt ở gần bên lửa,

không có người tác tịnh thì có thành tác tịnh và được ăn hay không?

Đáp: Thành tác tịnh và được ăn.

Hỏi: Như Phật dạy là không được dùng mỡ có trùng, vậy có được dùng vào việc khác không?

Đáp: Không được, nếu được ăn thì mới được dùng để thoa.

Hỏi: Lửa ở chỗ đất bất tịnh, tịnh nhân ở chỗ đất tịnh tác tịnh tô, dầu thì có được ăn không?

Đáp: là được ăn.

Hỏi: Trừ tám loại nước ép, các loại nước ép khác có được uống hay không?

Đáp: Nếu lắng trong thì được uống.

13. Hỏi Về Y:

Trong an cư Tỳ-kheo bị tẫn không được chia vải may màn.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo xin y từ cư sĩ, vợ cư sĩ không phải bà con mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu xin vải may màn hoặc xin cho Tăng; nếu người học giới xin hay sai sứ xin thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Sao gọi là được y?

Đáp: Nếu để trên đầu gối hay để ở trong tay hoặc để trên vai thì gọi là được y.

Nếu xin y từ cư sĩ, vợ cư sĩ không phải bà con

mà không được y thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có Tỳ-kheo ở bốn chỗ thọ y mà không phạm hay không? Đáp: là có, nếu ngồi trên giường ngồi, giường nằm.

14. Hỏi Về Việc Thọ y Ca-Hi-Na:

Hỏi: Ở chỗ này tự tứ rồi đi đến chỗ khác có được thọ y Ca-hi-na không?

Đáp: là được thọ.

Hỏi: Như Phật dạy là không được vì lợi ích của trú xứ mà lấy y không đúng lượng làm y Ca-hi-na, nếu thọ y này thì có thành thọ hay không?

Đáp: là không thành thọ.

Hỏi: Như Phật dạy là chỗ mà Tỳ-kheo thọ y Ca-hi-na được hành sự là xả giới hay là khai thông?

Đáp: Là khai thông không phải xả giới.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo trong an cư ở chỗ chăn trâu kết làm nội giới, tự tứ xong xả giới, có đàn việt cúng y trong đây thì y này thuộc về ai?

Đáp: Thuộc về các Tỳ-kheo an cư trước, vì như Phật dạy đó là lợi ích của an cư.

Hỏi: Có trường hợp lấy một y của tỳ-kheo thọ làm y Ca-hi-na, ngay nơi y này mà không thành thọ hay không?

Đáp: Có, tùy vào tháng có nhuần hay không nhuần. Nếu an cư nương vào tháng nhuần tự tứ thì trong vòng chín ngày được y nên thọ; nếu may y Ca-hi-na không nương vào tháng nhuần thì thành

thọ y Ca-hi-na; nếu nương vào tháng nhuần thì không thành thọ, vì nếu vua tính tháng nhuần thì số ngày an cư đã đủ. Tự tứ xong thọ y Ca-hi-na thì thành thọ đến ngày mười lăm tháng mười hai thì nên xả. Nếu trong an cư mà Tăng bị phá, nếu như pháp thọ y Ca-hi-na mà cùng thọ thì được lợi ích về trú xứ.

Hỏi: Khi thọ y Ca-hi-na, sao gọi là tùy hỉ? Đáp: Tức là hiện tiền tùy hỉ.

Hỏi: Như thế nào là nghe xả y Ca-hi-na?

Đáp: Nếu ra khỏi giới mà nghe được tin từ người khác là Tăng đã xả y Ca-hi-na.

Hỏi: Sao gọi là mất y?

Đáp: Tức là mất y đã may thành

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo tánh trụ thọ y Ca-hi-na thì ai nên tùy hỉ?

Đáp: Là Tỳ-kheo tánh trụ và Tỳ-kheo bị tẫn, nếu Tỳ-kheo bị tẫn mà tùy hỉ thì cũng thành thọ y Ca-hi-na.

15. Hỏi Về Việc Câu-Xá-Di:

Hỏi: Nếu tác pháp yết ma tẫn Tỳ-kheo mà người bị tẫn ngủ thì có thành tẫn hay không?

Đáp: Nếu nghe tác bạch rồi thì thành tẫn.

Hỏi: Nếu các Tỳ-kheo ngủ thì có thành tẫn không? Đáp nếu nghe tác bạch rồi thì thành tẫn.

Hỏi: Có đông nhiều Tỳ-kheo tác pháp yết ma tẫn Tỳ-kheo , trong đó chỉ có hai vị nghe thì có

thành tẫn hay không?

Đáp: Cho đến chỉ có một người nghe cũng thành tẫn.

Hỏi: Các Tỳ-kheo ở Câu-xá-di thành lập hai bộ chúng là phá Tăng hay không phải là phá Tăng?

Đáp: Không phải phá Tăng, vì sao, vì không khởi tưởng phá tăng mà tác pháp yết ma. Các Tỳ-kheo ở Tỳ-da-ly đưa ra mười việc phi pháp, các Tỳ-kheo Thượng tòa không ủng hộ bên này cũng không ủng hộ bên kia thì gọi là Thác lại tra.

16. Hỏi Về Việc Yết Ma:

Hỏi: Người điếc đủ túc số tác pháp yết ma thì có thành yết ma không?

Đáp: Nếu nghe thì thành yết ma, người si độn, người biên địa cũng vậy; Tỳ-kheo thọ pháp yết ma với Tỳ-kheo không thọ pháp dù đủ số chúng cũng không thành yết ma; người ở dưới đất yết ma với người ở trên không cũng không thành; ngược lại cũng vậy.

Hỏi: Có trường hợp ở hai nơi tác pháp yết ma mà thành hay không?

Đáp: Có, nếu ở giữa hai giới

Hỏi: Có trường hợp ở bốn nơi với bốn người tác pháp yết ma mà thành hay không?

Đáp: Có, nếu ngồi trên giường ngồi, giường nằm.

Nếu tác yết ma Khu xuất, yết ma Khổ thiết, yết

ma chiết phục cho Sa-di thì không thành yết ma. Sa-di ở dưới đất, người tác yết ma ở trên không thì không thành yết ma; ngược lại cũng vậy.

Hỏi: Có trường hợp một lần tác pháp yết ma tẫn bốn Sa-di mà thành tẫn hay không?

Đáp: Có, nếu ở giữa hai giới.

Hỏi: Có trường hợp ở bốn nơi tẫn bốn Sa-di mà thành tẫn hay không?

Đáp: Có, nếu ngồi trên giường ngồi, giường nằm.

17. Hỏi Về Việc Che Giấu Tội Tăng Tàn:

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo phạm mười ba việc, trọn đời không phát lồ mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu ban ngày ở chỗ có Tỳ-kheo, ban đêm ở chỗ không có Tỳ-kheo thì không thành che giấu; phát lồ với người điếc thì thành phát lồ nhưng phạm Đột-kiết-la, với người si độn, người biên địa cũng vậy; Tỳ-kheo thọ pháp phát lồ với Tỳ-kheo không thọ pháp thì thành phát lồ, ngược lại cũng vậy.

Hỏi: Ở bên ai che giấu thì thành che giấu?

Đáp: Ở bên Tỳ-kheo tánh trụ mà không phát lồ thì gọi là che giấu; bên người điếc, người si độn, người biên địa che giấu thì không gọi là che giấu; người dưới đất ở bên người ở trên không che giấu thì không gọi là che giấu; ngược lại cũng vậy.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo ở hai nơi phát lồ mà thành phát lồ hay không?

Đáp: Có, nếu ở giữa hai giới.

Tỳ-kheo thọ pháp ở bên Tỳ-kheo không thọ pháp che giấu thì không thành che giấu; ngược lại cũng vậy; ở bên Tỳ-kheo bị tẫn, người hành Biệt trú, người hành Biệt trú xong, người hành Ma-na-đỏa, người hành Ma-na-đỏa xong, người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại cho đến ở bên cư sĩ che giấu đều không gọi là che giấu.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo được ở bốn nơi tác Yết ma A-phù-ha-na cho bốn Tỳ-kheo hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo ngồi trên giường ngồi, giường nằm. Hỏi: Cho hành pháp Biệt trụ ở đâu?

Đáp: Ở trong giới, trú xứ có Tỳ-kheo .

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo trọn đời che giấu tội Tăng tàn, không phát lồ mà không phạm hay không?

Đáp: Có, đó là người vốn đã phạm Ba-la-di

18. Hỏi Về Việc Ngăn Bố Tát:

Hỏi: Như Phật dạy là Tỳ-kheo ngăn bố tát thì nên ngăn vào lúc nào?

Đáp: Nên ngăn vào lúc bố tát, không phải lúc không bố tát. Dùng thiên nhãn để ngăn bố tát thì không thành ngăn, phạm Đột-kiết-la; dùng thiên nhĩ nghe rồi ngăn cũng không thành ngăn; người

điếc, người si độn, người biên địa ngăn bố tát đều không thành ngăn; người thọ pháp ngăn người không thọ pháp bố tát, người ở dưới đất ngăn người ở trên không bố tát đều không thành ngăn, phạm Đột-kiết-la; ngược lại cũng vậy.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo ở hai nơi thuyết giới mà thành thuyết giới không?

Đáp: Có, nếu ở giữa hai giới.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo ở bốn nơi với bốn Tỳ-kheo ở bốn nơi được nói một lần bố tát hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo ngồi trên giường ngồi, giường nằm; ngăn tự tứ cũng vậy.

19. Hỏi Về Việc Phân Chia Ngọa Cụ:

Hỏi: Nếu Hai Tỳ-kheo được chia ngọa cụ, Thượng tòa nên thọ dùng trước rồi trao lại cho Tỳ-kheo thứ hai ; nếu trải đệm ở dưới đất thì có được ngồi cùng người chưa thọ giới hay không?

Đáp: là được .

Hỏi: Như Phật dạy là khách Tỳ-kheo đến Tăng phường phải như pháp hành sự, tức là đảnh lễ Thượng tòa, nếu Thượng tòa ở đó là người hành Biệt trú thì có nên đảnh lễ hay không?

Đáp: Không nên, Tỳ-kheo khách không nên đảnh lễ hai hạng người, đó là người hành Biệt trú và hạ tòa.

20. Hỏi Về Pháp Diệt Tránh:

Nếu Tỳ-kheo có việc tranh cãi, Tỳ-kheo-ni không được diệt tránh; Tỳ-kheo nên diệt tránh. Tỳ-kheo-ni có việc tranh cãi cho đến Sa-di-ni có việc tranh cãi thì Tỳ-kheo nên diệt tránh.

Hỏi: Người hành Biệt trú, người hành Biệt trú xong, người hành Ma-na-đỏa, người hành Ma-na-đỏa xong đều nên ngồi dưới các Tỳ-kheo, vậy ngọa cụ cũng chia cho người ngồi dưới hay sao?

Đáp: Không phải, nên theo thứ lớp chia cho người không có tuổi hạ trước rồi mới đến người phi pháp, nếu ngọa cụ dư cũng nên chia cho người bị tẫn.

Hỏi: Sao gọi là diệt tránh?

Đáp: Nếu Tăng như pháp thọ thẻ để diệt tránh mà không hiện tiền thọ thẻ thì không gọi là diệt tránh.

21. Hỏi Về Việc Phá Tăng:

Như Phật dã dạy có hai nhân duyên phá Tăng, đó là chấp thuận và thọ thẻ, không có việc thứ 3; nếu người thứ chín là người bị tẫn thì không gọi là phá Tăng, là tặc trú hay người hai căn cũng vậy.

22. Hỏi Về Việc Úp Bát:

Cư sĩ có hai pháp thành tựu thì Tăng nên làm yết ma phú bát, đó là mắng Tỳ-kheo và đem tội Ba-la-di không căn cứ vu báng Tỳ-kheo thanh tịnh.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo ở hai nơi làm yết ma phú bát cho cư sĩ mà thành úp bát hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo ở giữa hai giới; Tỳ-kheo không thọ pháp, Tỳ-kheo thanh tịnh, cho đến Tỳ-kheo bị tẫn hay tặc trụ ở nhà đàn việt mà làm yết ma phú bát thì không thành úp bát.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo ở bốn nơi làm yết ma phú bát cho bốn cư sĩ mà thành úp bát hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo ngồi trên giường ngồi, giường nằm.

Nếu ở bên tặc trụ, người vốn đã phạm giới, người vốn không hòa hợp, người học giới, Tỳ-kheo bị tẫn, Sa-di mà sám hối đều phạm Đột-kiết-la.

23. Phần Tạp Sự:

a. Về việc dâm:

Phật tại giảng đường bên ao Di-hầu nước Tỳ-da-ly vì Tu-đề-na Ca-lan-đà tử mà kết giới, lúc đó Tu-đề-na ưu sầu nghi hối suy nghĩ: "Phật đã dạy là người phạm giới trước thì không phạm. Lúc Phật chưa kết giới, ta đã làm nhiều việc dâm, không biết việc nào là trước, việc nào là không trước", nghĩ rồi liền đến hỏi các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy nên biết khi ta chưa chế giới, Tu-đề-na đã phạm tội nên tất cả thời đều không phạm". Lại có Tỳ-kheo Bạt-kỳ tử không xả giới, giới suy kém mà không nói ra liền đổi y phục làm việc dâm, sau đó suy nghĩ: "Ta sẽ đến hỏi các Tỳ-kheo, nếu được xuất

gia lại thì ta sẽ xuất gia, nếu không được thì thôi", nghĩ rồi liền đến hỏi các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Nếu Tỳ-kheo xả giới, giới suy kém, đổi y phục làm việc dâm thì được cho xuất gia thọ giới lại. Từ nay giới này nên nói như sau: Nếu Tỳ-kheo không xả giới, giới suy kém mà không nói ra lại làm việc dâm thì Tỳ-kheo này phạm Ba-la-di, không được ở chung".

Có một Tỳ-kheo ơ nơi A-lan-nhã, cách đó không xa có một voi mẹ sanh một voi cái; khi voi mẹ đi tìm thức ăn, voi cái con này đến gần chỗ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo lấy cỏ nước cho nó, khi nó ngồi ăn, nữ căn lộ ra nên Tỳ-kheo sanh tâm tham dục liền cùng nó hành dâm. Việc xong hổ thẹn nghi hối cho là đã phạm Ba-la-di nên đến bạch các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Do ở bên voi kia không xúc chạm nên Tỳ-kheo kia không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Thâu-lan-giá". Thời gian sau, voi cái con lớn dần, nữ căn lớn lộ ra khiến Tỳ-kheo sanh tâm tham dục, dùng tay sờ nữ căn của nó và muốn hành dâm, voi dùng chân đạp Tỳ-kheo, Tỳ-kheo sợ hãi, hổ thẹn và nghi hối cho là đã phạm Ba-la-di nên đến bạch các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Do sợ hãi hổ thẹn nên không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Thâu-lan-giá".

Hỏi: Như Phật dạy là người điên cuồng thì

không phạm, như thế nào gọi là điên cuồng?

Đáp: Có năm nhân duyên nên điên cuồng: Một là mất bà con, hai là mất tài sản, ba là bốn đại không điều hòa, bốn là bị phi nhân quấy nhiễu và năm là do nghiệp báo đời trước. Nếu người điên cuồng khi làm các việc phạm giới mà tự biết mình là Tỳ-kheo thì tùy việc kết phạm, nếu không biết mình là Tỳ-kheo thì không phạm.

Hỏi: Như Phật dạy người tâm loạn thì không phạm, như thế nào gọi là tâm loạn?

Đáp: Có năm nhân duyên nên tâm loạn: Một là bị phi nhân khủng bố, hai là bị phi nhân đánh, ba là bị phi nhân đoạt tinh khí, bốn là bốn đại không điều hòa và năm là do nghiệp báo đời trước. Trường hợp kết phạm và không phạm như trên.

Hỏi: Như Phật dạy người bịnh khổ thì không phạm, như thế nào gọi là bịnh khổ?

Đáp: Có năm nhân duyên bị bịnh khổ: Một là trúng gió, hai là cảm lạnh, ba là nóng sốt, bốn là lạnh nóng hòa hợp cùng phát và năm là bịnh phát theo thời. Trường hợp kết phạm và không phạm như trên.

Lại có Tỳ-kheo hành dâm dục trong đường hành dâm mà tưởng là không phải đường hành dâm, sanh tâm nghi hối cho là đã phạm Ba-la-di nên đến bạch các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo liền bạch Phật, Phật bảo: "Trong đường hành dâm tưởng là

đường hành dâm mà làm việc dâm thì phạm Ba-la-di; trong đường hành dâm tưởng không phải là đường hành dâm cũng phạm Ba-la-di; trong đường hành dâm mà sanh nghi cũng phạm Ba-la-di. Trong đường không phải đường hành dâm tưởng không phải đường hành dâm thì phạm Thâu-lan-giá; không phải đường hành dâm tưởng là đường hành dâm cũng phạm Thâu-lan-giá; không phải đường hành dâm mà sanh nghi cũng phạm Thâu-lan-giá". Đạo là chỉ cho đường hành dâm có ba là đường tiểu tiện, đường đại tiện và trong miệng. Nếu Tỳ-kheo hành dâm ở đường đại tiện qua khỏi da thì phạm Ba-la-di; vào đường tiểu tiện qua một lóng tay thì phạm Ba-la-di; vào đường miệng qua khỏi răng thì phạm Ba-la-di… ngoài ra đều như trong Tỳ-ni đã nói rõ. Trường hợp Tỳ-kheo Nan-đề học giới (học hối Ba-la-di) như trong Tỳ-ni đã nói rõ.

Có Tỳ-kheo lõa hình tắm ở chỗ đất trống, bốn Tỳ-kheo chà thân cho Tỳ-kheo này, do xúc chạm nhau nên khởi tâm nhiễm ô, đưa nam căn của tỳ-kheo này vào trong miệng, sau đó nghi hối cho là đã phạm Ba-la-di nên bạch Phật, Phật nói: "Không phạm Ba-la-di mà phạm Thâu-lan-giá, từ nay không được tắm ở chỗ đất trống và bảo người khác chà thân; ngồi nằm cũng vậy".

Có Tỳ-kheo do tâm dâm hừng thạnh nên đến nói với Tỳ-kheo mà mình yêu mến, Tỳ-kheo kia

nghe rồi liền bảo hãy hành dâm, Tỳ-kheo này liền đến cùng hành dâm, Tỳ-kheo kia sanh nghi hối cho là đã phạm Ba-la-di nên bạch Phật, Phật nói: "Không phạm Ba-la-di mà phạm Thâu-lan-giá".

Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Sám tội Thâu-lan-giá như thế nào?", Phật bảo: "Có bốn loại Thâu-lan-giá: Một là tội Thâu-lan-giá từ Ba-la-di sanh là trọng, hai là tội Thâu-lan-giá từ Ba-la-di sanh là khinh, ba là tội Thâu-lan-giá từ Tăng-già-bà-thi-sa sanh là trọng, bốn là tội Thâu-lan-giá từ Tăng-già-bà-thi-sa sanh là khinh. Trọng Thâu-lan-giá sanh từ Ba-la-di nên sám hối trước tất cả Tăng ở trong giới; khinh Thâu-lan-giá từ Ba-la-di sanh nên ra ngoài giới đối trước bốn Tỳ-kheo sám. Trọng Thâu-lan-giá từ Tăng-già-bà-thi-sa sanh cũng phải ra ngoài giới đối trước bốn Tỳ-kheo sám; Khinh Thâu-lan-giá từ Tăng-già-bà-thi-sa sanh thì đối trước một Tỳ-kheo sám".

Có Tỳ-kheo khi ngáp không che miệng, Tỳ-kheo khác do tâm dâm hừng thạnh nên đưa nam căn của mình vào miệng của tỳ-kheo kia, sau đó nghi hối cho là đã phạm Ba-la-di nên bạch Phật, Phật nói: "Không phạm Ba-la-di, từ nay khi ngáp nên che miệng, nếu không che miệng thì phạm Đột-kiết-la" Có Tỳ-kheo do nam căn thường khởi lên nên suy nghĩ: "Nếu đưa vào nữ căn thì không phạm", đưa vào nữ căn rồi sanh nghi hối cho là đã phạm Ba-la-di nên bạch Phật, Phật nói: "Hễ vào

liền phạm Ba-la-di".

Có Tỳ-kheo khởi tâm nhiễm ô với mẹ nên nói với mẹ là muốn hành dâm, người mẹ nói muốn làm gì tùy ý, Tỳ-kheo này khi sắp hành dâm liền hổ thẹn, sanh nghi hối cho là đã phạm Ba-la-di nên bạch Phật, Phật nói: "Khi hổ thẹn thì tâm dâm biến mất, không phạm Ba-la-di mà phạm Thâu-lan-giá".

Có Tỳ-kheo ở trong đồng hoang quán sát tử thi, thấy một tử thi nữ với y phục đẹp đẽ liền khởi tâm nhiễm ô muốn hành dâm, nhưng bên trong nữ căn đầy trùng liền sanh nghi hối cho là đã phạm Ba-la-di nên bạch Phật, Phật nói: "Có hai loại hư hoại là bên trong và bên ngoài, thầy không phạm Ba-la-di mà phạm Thâu-lan-giá".

Có Ưu-bà-di tên Thiện quang qua đời vào lúc mặt trời sắp lặn, thân quyến trang điểm cho cô xong liền đem thi thể cô bỏ trong đồng hoang. Có Tỳ-kheo quán sát tử thi ở đó, vừa nhìn thấy thi thể của cô liền khởi tâm nhiễm ô muốn hành dâm, cô liền đứng dậy. Tỳ-kheo sợ hãi sanh nghi hối cho là đã phạm Ba-la-di nên bạch Phật, Phật nói: "Khi sợ hãi thì tâm dâm biến mất, thầy không phạm Ba-la-di mà phạm Thâu-lan-giá". Lại có Ưu-bà-di tên là Thiện sanh, một Tỳ-kheo thường hay ra vào nhà bà, nói với cô là mình bị dâm dục trói buộc, cô nói: "Thầy làm phương tiện ở dưới, ở trên xuất tinh; ở trên làm phương tiện, ở dưới xuất tinh, như vậy há

không thọ lạc hay sao?", Tỳ-kheo quở trách rồi cùng cô hành dâm, Phật nói: "Hễ vào liền phạm Ba-la-di".

Có vợ của một cư sĩ, Tỳ-kheo thường ra vào nhà này và nói với vợ cư sĩ là mình bị dâm dục trói buộc… cho đến Phật nói: "Hễ vào liền phạm Ba-la-di".

Nhân duyên về Tỳ-kheo Tôn đà A-Nan-đà như trong Tỳ-ni đã nói rõ. Có một Tỳ-kheo ở một mình nơi A-lan-nhã, cách đó không xa có thửa ruộng của một Bà-la-môn, Bà-la-môn này thường đến thăm ruộng của mình, vừa thấy Tỳ-kheo liền sanh tâm hoan hỉ nên thỉnh Tỳ-kheo thọ thực. Sau khi làm xong thức ăn, Bà-la-môn sai tiểu nữ lõa hình đến thỉnh Tỳ-kheo, Tỳ-kheo thấy tiểu nữ lõa hình liền khởi tâm nhiễm ô và hành dâm, sau đó sanh nghi hối cho là đã phạm Ba-la-di nên bạch Phật, Phật nói: "Nếu thọ lạc thì phạm Ba-la-di, không thọ lạc thì phạm Thâu-lan-giá".

Có Tỳ-kheo do nam căn thường không khởi lên nên suy nghĩ: "Nam căn khởi mà hành dâm thì phạm Ba-la-di; không khởi mà hành dâm thì không phạm", nghĩ rồi liền hành dâm… Phật nói: "Không phạm Ba-la-di mà phạm Thâu-lan-giá". Lại có Tỳ-kheo đang ngủ, người nữ đến hành dâm, Tỳ-kheo sanh nghi hối cho là đã phạm Ba-la-di nên bạch Phật, Phật nói: "Nếu tay nắm tay, chân đạp chân, đùi chạm đùi thì phạm Ba-la-di; không xúc chạm

thì phạm Thâu-lan-giá". Giống như trường hợp Tỳ-kheo ngủ, Tỳ-kheo cuồng si cũng vậy; người nữ có bốn trường hợp, người nam và phi nam cũng vậy. Lại có Tỳ-kheo đang ngủ, người nữ đến hành dâm, Tỳ-kheo sanh nghi hối… Phật hỏi Tỳ-kheo: "Thầy có hay biết không?", đáp: "Con không hay biết nhưng khi tỉnh thì thân động", Phật nói: "Nếu tỉnh mà thân động thì phạm Thâu-lan-giá". Lại có Tỳ-kheo đang ngủ, người nữ đến hành dâm, Tỳ-kheo sanh nghi hối… Phật hỏi Tỳ-kheo: "Thầy có hay biết không, có thọ lạc không?", đáp là không thọ lạc, Phật nói: "Không thọ lạc thì không phạm". Lại có Tỳ-kheo đang ngủ, người nữ đến hành dâm, Tỳ-kheo sanh nghi hối… Phật hỏi: "Thầy có hay biết không, có thọ lạc không?", đáp: "Con không hay biết, không thọ lạc nhưng khi tỉnh thì thân động", Phật nói: "Phạm Thâu-lan-giá". Giống như trường hợp Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni và ba chúng dưới cũng vậy.

Có Sa-di xấu ác nói với người nữ: "Vào trong ba đường hành dâm không phạm", sau khi hành dâm rồi sanh nghi hối… Phật nói: "Hễ vào liền phạm Ba-la-di". Giống như với người nữ, trường hợp với người nam cũng vậy.

Lại có Tỳ-kheo đang ngủ, người nữ đến hành dâm, Tỳ-kheo sanh nghi hối… Phật hỏi: "Thầy có hay biết không?", đáp là không hay biết, Phật nói: "Không hay biết thì không phạm". Giống như

trường hợp người nữ, người nam và phi nam cũng vậy.

Có Tỳ-kheo xấu ác nói với Thức-xoa-ma-na: "Cô chưa thọ giới cụ túc cùng tôi hành dâm không phạm", Thức-xoa-ma-na chấp thuận rồi hối, Tỳ-kheo liền cưỡng bức, Thức-xoa-ma-na sanh nghi hối: "Ta không phải là Thức-xoa-ma-na"… Phật nói: "Phạm Đột-kiết-la, mất giới Thức-xoa-ma-na nên thọ giới lại".

Có Tỳ-kheo xấu ác ở nơi A-lan-nhã nói với Sa-di: "Chú chưa thọ giới cụ túc cùng ta hành dâm không phạm"… Sa-di phạm Đột-kiết-la; Sa-di-ni cũng vậy. Lại có Tỳ-kheo ở nơi A-lan-nhã nói với Tỳ-kheo mới thọ giới: "Thầy mới thọ giới cùng ta hành dâm không phạm", Tỳ-kheo mới thọ giới chấp thuận rồi hối, Tỳ-kheo kia cưỡng ép, Tỳ-kheo mới thọ giới sanh nghi hối… Phật nói: "Không thọ lạc thì không phạm Ba-la-di mà phạm Thâu-lan-giá".

Có Tỳ-kheo đang ngủ, Tỳ-kheo khác đến hành dâm, nếu trong ba thời: Ban đầu, khoảng giữa và sau cùng đều không hay biết thì không phạm; Tỳ-kheo đến hành dâm nên bị diệt tẫn như trong Tỳ-ni đã nói rõ.

Có Tỳ-kheo thấy tượng gỗ người nữ xinh đẹp liền khởi tâm tham đắm nên hành dâm tượng gỗ, nữ căn liền mở ra, Tỳ-kheo sợ hãi sanh nghi hối

cho là đã phạm Ba-la-di nên bạch Phật, Phật nói: "Nếu toàn thân thọ lạc thì phạm Ba-la-di, nếu nữ căn không mở ra thì phạm Thâu-lan-giá". Giống như tượng gỗ người nữ, tượng vàng, tượng bạc, bảy báu… cho đến tượng đất người nữ cũng vậy.

Có rồng cái đến chỗ Tỳ-kheo yêu cầu cùng hành dâm, Tỳ-kheo chấp thuận, khi sắp hành dâm thấy thân hình rồng dài lớn liền sợ hãi nghi hối… Phật nói: "Nếu có tâm sợ hãi thì không phạm Ba-la-di mà phạm Thâu-lan-giá". Trường hợp đối với Dạ-xoa nữ, Tỳ-kheo bỗng thấy không hiện hình… Phật nói: "Không hiện hình thì phạm Thâu-lan-giá"; đối với thiên nữ, Cán thát bà nữ cũng vậy. Lại có A-tu-la nữ đến chỗ Tỳ-kheo yêu cầu cùng hành dâm, Tỳ-kheo chấp thuận nhưng nữ căn của A-tu-la nữ quá lớn nên Tỳ-kheo đưa chân vào… Phật nói: "Không phạm Ba-la-di mà phạm Thâu-lan-giá", đối với thiên nữ cũng vậy.

Có một Tỳ-kheo ở một mình nơi A-lan-nhã, một phi nhân nữ đến nói với Tỳ-kheo: "Hãy cùng làm việc dâm dục", Tỳ-kheo nói: "Chớ nói lời này, tôi là người đoạn dâm dục", nữ phi nhân nói: "Nếu không cùng làm, ta sẽ quấy nhiễu làm cho thầy suy não", Tỳ-kheo cương quyết không chịu, trong đêm đó lúc Tỳ-kheo đang ngủ, nữ phi nhân bọc Tỳ-kheo trong nội y mang đến trong cung vua để nằm bên cạnh phu nhân của vua, khi vua thức dậy thấy liền hỏi là ai, vì sao đến trong đây. Tỳ-kheo liền đem

việc trên kể lại cho vua nghe, vua nói: "Thầy hãy đi đi, tại sao lại ở một mình nơi A-lan-nhã như thế"… Phật bảo: "Từ nay, chỗ không người đáng sợ như thế thì không nên ở". Nhân duyên về Tỳ xá xà nữ cũng vậy.

Phật tại nước Xá-vệ, lúc đó Tỳ-kheo-ni Hoa sắc sáng sớm đắp y vào thành khất thực, thọ thực xong vào trong phòng tọa thiền, do trời nóng nên không đóng cửa. Lúc cô ngủ thiếp thì có kẻ xấu ác đến hành dâm rồi đi, cô tỉnh dậy sanh nghi hối… Phật nói: "Không phạm Ba-la-di, từ nay khi ngủ nên đóng cửa, nếu ngủ không đóng cửa thì phạm Đột-kiết-la".

Có Tỳ-kheo vào thành Xá-vệ khất thực đến nhà một trưởng giả, thấy một con heo nái bị cột trong nhà đang loay hoay muốn thoát ra. Tỳ-kheo khởi tâm thương xót liền cởi trói cho nó và chủ nhà nhìn thấy, Tỳ-kheo cho là mình đã phạm tội trộm, là Sa-môn xấu ác nên hành dâm với heo cái. Sau đó suy nghĩ: "Ta sẽ hỏi các Tỳ-kheo, nếu được xuất gia lại thì ta sẽ xuất gia, nếu không được thì thôi"… Phật nói: "Ban đầu không phạm nhưng sau thì phạm".

-oOo-

TÁT BÀ ĐA BỘ TỲ NI MA ĐẮC LẶC GIÀ

QUYỂN 4

23. Phần Tạp Sự (Tiếp Theo):

Có cư sĩ gánh thịt đi, một con qua bay đến cắp lấy một miếng, miếng thịt này lại rớt xuống trong bát của một Tỳ-kheo đang đi khất thực. Cư sĩ thấy miếng thịt này ở trong bát Tỳ-kheo liền quở mắng là Sa-môn xấu ác, Tỳ-kheo cho là mình xấu ác nên đi hành dâm, sau đó nghi hối… Phật nói: "Trước không phạm nhưng sau thì phạm".

Có Tỳ-kheo tiểu tiện trước con chó cái, nó liền tới ngậm lấy nam căn của tỳ-kheo, Tỳ-kheo sanh nghi hối… Phật nói: "Không phạm Ba-la-di, từ nay không nên tiểu tiện trước chó cái, nếu muốn tiểu tiện nên đuổi nó đi, nếu không đuổi được thì nên đi đến chỗ khác". Lại có Tỳ-kheo đang kinh hành thấy có một con dã can cái đến gần liền khởi ý dâm dục, dùng y trùm bắt và bị nó cắn, Tỳ-kheo sợ hãi nghi hối… Phật nói: "Không phạm Ba-la-di mà phạm Thâu-lan-giá".

Có một Tỳ-kheo một mình ở nơi A-lan-nhã bị một Khẩn-na-la nữ bắt đưa vào trong rừng sâu, Tỳ-kheo mê man đến khi tỉnh dậy tìm cách ra khỏi nơi

ấy… Phật nói: "Những nơi đáng sợ như vậy, Tỳ-kheo không nên ở".

Có một Tỳ-kheo lõa hình lội qua sông, một con cá lội đến ngậm lấy nam căn, Tỳ-kheo sanh nghi hối… Phật nói: "Tỳ-kheo không được lõa hình qua sông". Có một người nữ lõa hình tiểu tiện trong màn ngăn, Tỳ-kheo khởi tâm nhiễm ô liền đưa nam căn dí sát vào trong màn rồi sanh nghi hối… Phật nói: "Không phạm Ba-la-di mà phạm Thâu-lan-giá".

Phật tại nước Xá-vệ, có một Tỳ-kheo thọ thực xong đi kinh hành trước phòng, sau đó trải tọa cụ ngồi thiền, do khí trời nóng bức nên ngủ thiếp đi, khi ngủ Nê-hoàn-tăng tuột xuống để lộ nam căn. một người nữ lượm củi đi đến chỗ đó nhìn thấy liền khởi tâm nhiễm ô và đến hành dâm, Tỳ-kheo tỉnh giấc, người nữ nói: "Nhà tôi ở tại , nếu Tỳ-kheo muốn được nữa thì hãy đến đó", Tỳ-kheo sanh nghi hối…

Phật nói: "Từ nay không được một mình nằm ngủ ở nơi vắng vẻ, nếu ngủ thì phạm Đột-kiết-la". Nhân duyên về người nữ cắt cỏ cũng vậy. Có năm nhân duyên làm cho nam căn khởi lên: Một là dâm dục, hai là bị phong, ba là đại tiện, bốn là tiểu tiện và năm là bị trùng cắn. Phàm phu và người chưa lìa dục thì có đủ năm nhân duyên này, còn người lìa dục chỉ có bốn.

Phật tại thành Xá-vệ, có một Tỳ-kheo mắc bịnh ở nam căn, nghe Kỳ-bà nói nếu có người nữ ngậm nam căn thì hết bịnh, liền suy nghĩ: "Phật cho người bịnh được uống thuốc", nghĩ rồi liền bảo người nữ ngậm nam căn và bịnh được lành… Phật nói: "Hễ vào liền phạm Ba-la-di".

Tại nước Bà-lâu, trong nhà một dâm nữ có tên giặc ở thường quấy nhiễu dân chúng, dân chúng tâu lên vua, vua cho gọi dâm nữ đến hỏi nhưng dâm nữ chối là không có, vua cho người rình bên nhà dâm nữ và bắt được tên giặc; Vua nổi giận ra lịnh cắt hết gân chân và đem bỏ ở ngoài đồng hoang. Tỳ-kheo đi đến đó thấy dâm nữ này sanh tâm nhiễm ô muốn cùng hành dâm, dâm nữ đòi uống nước rồi nói: "Thân bất tịnh này đâu đáng tham nhiễm". Sáng hôm sau, thân quyến của dâm nữ tìm đến, Tỳ-kheo thấy họ đến liền đứng qua một bên, dâm nữ nói với thân quyến: "Tôi không chết là nhờ có Tỳ-kheo này", thân quyến kia liền nói với Tỳ-kheo: "Nếu cần gì cứ đến lấy", Tỳ-kheo sanh nghi hối… Phật nói: "Không phạm Ba-la-di mà phạm Thâu-lan-giá".

Có một Tỳ-kheo đi giữa bầy bò dữ, bò dữ chạy tới muốn húc Tỳ-kheo, Tỳ-kheo té ngã lên một người nữ … Phật nói: "Không phạm, khi đi phải tự đề phòng". Có một Tỳ-kheo không may rớt xuống giếng, trong giếng đã có một người rớt xuống trước rồi, thấy Tỳ-kheo rớt xuống liền ôm cổ Tỳ-kheo.

Người trên miệng giếng thả dây xuống kéo lên thì thấy có người nữ ôm cổ Tỳ-kheo cùng lên, liền hỏi: "Người nữ này từ đâu đến?"… Phật nói: "Không phạm, phải khéo tác ý khi thấy giếng". Lại có Tỳ-kheo đi khất thực vào trong một ngỏ hẻm, đụng phải một người nữ đi ra… Phật nói: "Không phạm, phải tác ý rồi mới vào tụ lạc khất thực".

Có một Tỳ-kheo đi chung thuyền với một người nữ qua sông, thuyền bị chìm, người nữ ôm cổ Tỳ-kheo… Phật bảo: "Không phạm, nên xét kỹ trước rồi mới qua sông".

Có một người nam giả làm người nữ đến chỗ các Tỳ-kheo-ni xin xuất gia, các Tỳ-kheo-ni không xét kỹ liền độ cho xuất gia. Người nam này ban đêm đến sờ mó các ni, các ni sanh nghi hối bạch Phật, Phật bảo: "Không phạm, từ nay nên suy xét kỹ rồi mới độ cho xuất gia".

Trường hợp Thâu-la-nan-đà đem bỏ thai nhi chết giùm người… như trong Tỳ-ni đã nói rõ, Phật nói: "Tỳ-kheo-ni không nên đem bỏ thai chết giùm người, nếu làm thế thì phạm Thâu-lan-giá".

Trường hợp Tỳ-kheo-ni Bạt-đà la như trong Tỳ-ni đã nói rõ, Phật hỏi Bạt-nan-đà có thọ lạc không, liền đáp: "Con không thọ lạc, con cảm thấy như bị lửa đốt, như kiếm bén", Phật nói: "Tỳ-kheo-ni này do quả báo đời trước… bị cưỡng bức không thọ lạc thì không phạm". Lại có Tỳ-kheo-ni Tu-xà-

đa bị kẻ xấu bắt dẫn vào trong đồng hoang cưỡng bức hành dâm rồi thả về. Các Tỳ-kheo-ni biết chuyện liền đuổi đi, Tỳ-kheo-ni này nói: "Tôi không có thọ lạc", các Tỳ-kheo-ni nói: "Cô bị kẻ xấu bắt vào trong rừng cưỡng bức hành dâm, sao nói là không có thọ lạc", Tỳ-kheo-ni này không biết làm sao, đem việc này bạch Phật, Phật hỏi: "Cô thật có thọ lạc hay không?, đáp: "Thế tôn, con không có thọ xúc lạc dục, con đã dùng tay chân xô đạp nhưng không thoát được", Phật bảo: "Nếu không có thọ lạc thì không phạm, Tỳ-kheo-ni này do nhân duyên nghiệp báo nên thọ thân nữ và bị người khác cưỡng bức làm việc dâm, bị cưỡng bức mà không thọ lạc thì không phạm". Trường hợp Tỳ-kheo-ni Đàn ni cũng vậy.

Lại có Tỳ-kheo-ni La tra vào thành khất thực… Các Tỳ-kheo-ni liền đuổi đi, Tỳ-kheo-ni này nói: "Tôi không có thọ lạc", các Tỳ-kheo-ni nói: "Cô bị kẻ xấu bắt dẫn vào trong rừng cưỡng bức hành dâm, sao nói là không thọ lạc". Vừa lúc đó có trưởng lão A-nan đến, các Tỳ-kheo-ni nói: "Nay có trưởng lão A-nan ở đây", A-nan liền hỏi nguyên do sự việc, Tỳ-kheo-ni này vì kính sợ A-nan nên không trả lời, A-nan bực tức vì cô không chịu trả lời. Tỳ-kheo-ni suy nghĩ: "Các Tỳ-kheo-ni đuổi ta, trưởng lão A-nan giận ta, ta sống làm chi nữa", nghĩ rồi liền dùng cái bình cột vào cổ nhảy xuống sông tự vẫn. Bình đứt dây, thân cô nổi chìm trong

nước, những người đứng trên bờ nhìn thấy liền vớt lên, xốc nước cho tỉnh lại rồi cưỡng bức hành dâm rồi thả về. Các Tỳ-kheo-ni đi tìm đến chỗ đó nhìn thấy liền nói: "Trước cô nói là không thọ lạc, sao nay lại cùng họ hành dâm"… Phật nói: "Bị cưỡng bức làm việc dâm, không thọ lạc thì không phạm".

b. Về việc trộm:

Phật tại thành Vương xá, do nhân duyên Tỳ-kheo Đạt-ni-ca con của người thợ gốm nên Phật kết giới trộm, lúc đó Đạt-ni-ca ưu sầu nghi hối: "Ta nhiều lần trộm lấy cây gỗ, không biết lần nào là trước, lần nào không phải là trước", bạch Phật, Phật nói: "Trước khi kết giới thì tất cả thời lấy cây gỗ đều không phạm".

Có một Tỳ-kheo ở chỗ trống, vật thuộc có chủ mà tưởng là không chủ nên lấy, Phật nói: "Nếu biết vật này là có chủ khởi tưởng là có chủ mà lấy thì phạm Ba-la-di; nếu vật có chủ khởi tưởng là không chủ mà lấy cũng phạm Ba-la-di; nếu vật có chủ sanh nghi mà lấy cũng phạm Ba-la-di. Nếu vật vô chủ khởi tưởng là có chủ mà lấy thì phạm Thâu-lan-giá; nếu vật không chủ sanh nghi mà lấy cũng phạm Thâu-lan-giá; nếu vật vô chủ khởi tưởng là vô chủ mà lấy thì không phạm".

Có Tỳ-kheo xin cơm mà lấy vật khác… Phật nói: "Không phạm Ba-la-di mà phạm Thâu-lan-giá". Trường hợp xin bún, miến, mì, cá thịt… mà

lấy vật khác cũng như vậy. Có Tỳ-kheo trước không có thọ thỉnh thực… như trong Tỳ-ni, Phật nói: "Không phạm Ba-la-di mà phạm Đột-kiết-la ".

Ở nước Câu-tát-la chúng tăng chia thức ăn, có một Tỳ-kheo đến tụ lạc, Tỳ-kheo này có hai đệ tử cọng hành đều cùng lấy phần cơm cho thầy, sau đó mới biết nên nói với nhau: "Thầy đã lấy một phần, tôi lại lấy thêm một phần, không biết chúng ta có phạm Ba-la-di không", liền bạch Phật, Phật nói: "Không phạm, từ nay lấy phần cơm nên nói với nhau". Lại có Tỳ-kheo cựu trụ đến tụ lạc, Tỳ-kheo bạn lấy giùm phần ăn, khi trở về, Tỳ-kheo bạn đưa phần thức ăn này và nói: "Tôi lấy gi- ùm phần thức ăn cho thầy", Tỳ-kheo này nói: "Tôi không bảo thầy lấy giùm, cớ sao thầy lại lấy", Tỳ-kheo bạn nghi hối… Phật nói: "Không phạm, từ nay nếu người khác không nhờ lấy giùm thì không nên lấy giùm phần thức ăn".

Lại có một Tỳ-kheo bịnh, khi Tăng chia cơm, Tỳ-kheo khán bịnh lấy phần cơm cho Tỳ-kheo bịnh, Tỳ-kheo bịnh chết, Tỳ-kheo khán bịnh không biết làm sao liền bạch Phật, Phật nói: "Nếu người bịnh chết trước, lấy phần cơm sau thì nên trả lại phần cơm; nếu lấy phần cơm rồi Tỳ-kheo binh mới chết thì phần cơm này giống như phần vật khác của tỳ-kheo chết để lại".

Có Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác: "Chúng ta hãy cùng đi ăn trộm", đáp là tùy ý rồi cùng nhau

đi, đi đến giữa đường Tỳ-kheo kia liền hối hận, nghĩ rằng: "Chúng ta do lòng tin xuất gia trong Phật pháp mà lại làm việc không nên làm hay sao", nghĩ rồi không đi nữa… Phật nói: "Không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Đột-kiết-la". Lại có Tỳ-kheo rủ Tỳ-kheo khác cùng đi ăn trộm, Tỳ-kheo kia cùng đi rồi suy nghĩ: "Nếu ta không đi, họ sẽ giết ta, ta tuy cùng đi nhưng không lấy trộm vật cũng không lấy phần", nghĩ rồi cùng đi, không lấy trộm vật cũng không nhận lấy phần… Phật nói: "Không phạm". Lại các Tỳ-kheo nói với nhau:

"Chúng ta hãy cùng đi làm giặc", đáp là tùy ý rồi cùng nhau đi, đi đến nơi, phân nữa Tỳ-kheo canh chừng, phân nữa tỳ-kheo đi lấy trộm vật. Số Tỳ-kheo canh chừng nói với nhau: "Chúng ta không lấy trộm vật thì không phạm"… Phật nói: "Nếu việc xong, đủ thì phạm Ba-la-di, không đủ thì phạm Thâu-lan-giá". Lại các Tỳ-kheo nói với nhau: "Chúng ta hãy cùng đi làm giặc", đáp là tùy ý rồi cùng nhau đi, khi đến nơi lấy thì phân nữa tỳ-kheo lấy được vật, phân nữa-tỳ-kheo không lấy được vật. Số người không lấy được vật sanh nghi hối… Phật nói: "Không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Thâu-lan-giá". Có bọn giặc cướp cúng y cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nghi không dám lấy… như trong Tỳ-ni, Phật nói: "Hãy nghĩ họ là thí chủ mà thọ nhận".

Có giặc bắt đệ tử cọng hành của một Tỳ-kheo

mang đi, Tỳ-kheo cứu về rồi sanh nghi hối… Phật nói: "Nếu quyết định là thuộc về giặc thì phạm Ba-la-di, nếu không quyết định thì không phạm". Lại có Tỳ-kheo bị giặc bắt giữ, tự trốn về… Phật nói: "Tự trốn thì không phạm".

Có Tỳ-kheo mang vật đáng đóng thuế đi qua ải thuế quan, nghĩ rằng: "Nếu ta mang vật này qua thì phạm Ba-la-di, nhưng tiền đóng thuế vật này thà mang cho Phật pháp tăng hay cho Hòa thượng, A-xà-lê hay cho cha mẹ", nghĩ rồi liền dùng lời dịu dàng nói với người thuế quan: "Tôi mang vật này là để cúng dường cho Phật pháp tăng hoặc cho Hòa thượng, A-xà-lê hoặc cho cha mẹ", do lực của lời nói này mà được đi qua không phải đóng thuế thì không lỗi, hoặc bay qua thì không phạm. Có Tỳ-kheo đến mượn giường ngồi của tỳ-kheo khác, nghĩ là không trả lại, chủ đến đòi, muốn không trả… Phật nói: "Không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Thâu-lan-giá". Lại có Tỳ-kheo đến mượn Tỳ-kheo khác quyển kinh… như trong Tỳ-ni; lại có Tỳ-kheo lấy trộm đãy y, khi mở ra thấy trong đãy có y quý giá… Phật nói: "Tính theo giá của y mà kết phạm".

Có đám giặc lấy trộm rượu mang đến chỗ A-lan-nhã, uống một nữa còn một nữa đem giấu cất, lúc đó có Tỳ-kheo du hành đến thấy rượu này liền nói với đệ tử: "Hãy mang rượu này về trú xứ dùng làm rượu thuốc", đệ tử vâng lời thầy lấy mang về chùa. Đám giặc trở về, tìm không thấy rượu liền

đến hỏi các Tỳ-kheo: "Rượu để chỗ kia, các thầy có lấy mang đi không?", đáp là có mang đi, đám giặc tức giận nói: "Các thầy là giặc của giặc vì trộm lấy rượu của tôi". Tỳ-kheo sanh nghi hối… Phật nói: "Không phạm, từ nay nếu thấy vật nên suy xét kỹ rồi mới lấy". Trường hợp lấy thịt cũng vậy.

Có đám giặc cướp phá thành ấp cướp lấy được tài vật rồi mang đến chỗ A-lan-nhã định chia, quan binh đến bao vây, đám giặc hoảng sợ nên đem tài vật này bố thí hết cho các Tỳ-kheo rồi bỏ chạy. Khi các bạch y đến nhìn thấy tài vật này ở chỗ Tỳ-kheo liền hỏi: "Tài vật này vì sao ở chỗ các thầy?", đáp là bọn giặc cho chúng tôi… Phật nói: "Từ nay không được lấy vật từ bọn giặc, nếu chủ giặc cho thì được thọ, thọ rồi nên nhuộm cho hoại sắc rồi mặc, nếu đã nhuộm hoại sắc mà chủ vẫn đòi thì nên trả lại".

Có người nhuộm y xong quên không đem cất lại đi vào tụ lạc, có Tỳ-kheo đi kiếm y phấn tảo đi đến thấy y này liền lấy, người chủ y trở lại thấy liền nói: "Đừng lấy y của tôi", đáp: "Tôi tưởng là y phấn tảo nên lấy"… Phật nói: "Tưởng là vô chủ mà lấy thì không phạm, từ nay hãy xem xét kỹ rồi mới lấy". Có cư sĩ treo áo bên ngoài nhà xí để đại tiểu tiện, có Tỳ-kheo tìm y phấn tảo đi đến đó thấy liền cầm lấy đi, cư sĩ trở ra thấy liền nói là y của tôi… Phật nói: "Không phạm, từ nay nên xem xét kỹ rồi mới lấy". Cách tinh xá Kỳ-hoàn không xa có một

nông dân cởi áo để trên bờ ruộng để làm ruộng, có Tỳ-kheo tìm y phấn tảo đi đến đó thấy liền cầm lấy đi, nông dân thấy liền nói: "Đừng lấy y của tôi", Tỳ-kheo không nghe vẫn cứ cầm đi, nông dân chạy theo đòi… Phật nói: "Không phạm, từ nay nếu thấy vật nên suy xét kỹ rồi mới lấy".

Có cư sĩ nghe Sa-môn Thích tử được lấy y bỏ dưới đất, liền lấy tám Ca-lê-tiên bỏ trong gói y rồi để trong chỗ rác rến, cố ý lộ ra cho dễ thấy rồi núp gần đó. Tỳ-kheo tìm y phấn tảo đi đến đó thấy liền cầm lấy đi… như trong Tỳ-ni cho đến câu Phật nói: "Không phạm, từ nay nếu thấy vật nên suy xét kỹ rồi mới lấy". Lại có nhiều đứa trẻ cởi áo để dưới đất để đùa giỡn, khi về nhà quên lấy áo; có Tỳ-kheo kiếm y phấn tảo đi đến đó thấy liền cầm lấy đi. Mẹ của các đứa trẻ đến tìm áo thấy liền nói: "Xin chớ lấy áo của con tôi"… như trong Tỳ-ni cho đến câu Phật nói: "Không phạm, từ nay nếu thấy vật nên suy xét kỹ rồi mới lấy".

Có Tỳ-kheo cất giấu y phấn tảo một chỗ rồi vào thành Xá-vệ khất thực, lúc đó có một Tỳ-kheo tìm y phấn tảo đi đến chỗ này thấy y liền lấy mang đi, sau đó đem xuống sông giặt sạch. Tỳ-kheo chủ y khất thực trở về tìm không thấy y, khi thấy Tỳ-kheo phơi y liền nói: "Trưởng lão đã phạm Ba-la-di", Tỳ-kheo hỏi tại sao, liền nói: "Thầy đã lấy y của tôi"… như trong Tỳ-ni cho đến câu Phật nói: "Không phạm, từ nay nếu thấy vật nên suy xét kỹ

rồi mới lấy".

Có Tỳ-kheo mặc y phấn tảo dơ bẩn bị các thần kim cang và thiên thần quở trách… Phật nói: "Nạp y bất tịnh thì không nên mặc, nếu mặc thì phạm Đột-kiết-la. Nếu được y phấn tảo nên giặt sạch rồi may, nhuộm rồi thọ trì". Lại có Tỳ-kheo lấy y phấn tảo trong gò mã có người giữ nên bị Chiên-đà-la quở trách… Phật nói: "Nếu trong gò mã có người coi giữ thì không nên lấy y, nếu lấy thì phạm Thâu-lan-giá". Cách gò mã không xa có một miếu thờ trời có người coi giữ, gió thổi y của người giữ miếu bay rớt xuống gò mã. Tỳ-kheo kiếm y phấn tảo đi đến đó thấy liền lấy mang đi, người giữ miếu đi tìm y thấy liền nói: "Xin đừng lấy y của tôi, do bị gió thổi nên bay đến nơi đây", Tỳ-kheo nói: "Nếu là của ông thì ông cứ lấy lại"… Phật nói: "Nên xem kỹ rồi mới lấy".

Có cư sĩ thỉnh Phật và Tăng ngày mai đến nhà thọ thực, lúc đó con của trưởng giả Cấp-cô-độc đang chơi trong tinh xá Kỳ-hoàn bị tên giặc đột nhập vào trong tinh xá bắt mang đi. Tỳ-kheo thấy rồi liền dùng chú thuật khởi bốn binh đuổi theo, giặc hoảng sợ bỏ đứa bé lại để chạy trốn. Sau đó các Tỳ-kheo nghe biết việc này liền nói với Tỳ-kheo này: "Thầy đã phạm Ba-la-di", Tỳ-kheo này nghi hối nên bạch Phật, Phật hỏi: "Thầy dùng tâm gì đoạt lấy lại", đáp: "Con dùng chú thuật", Phật nói: "Không phạm".

Ở nước Câu-tát-la chúng tăng chia y, có một Tỳ-kheo đến tụ lạc, Tỳ-kheo này có hai đệ tử cọng hành đều cùng lấy phần y cho thầy, sau đó mới biết nên nói với nhau: "Thầy đã lấy một phần, tôi lại lấy thêm một phần, không biết chúng ta có phạm Ba-la-di không", liền bạch Phật, Phật nói: "Không phạm, từ nay khi lấy phần y nên nói với nhau". Lại có Tỳ-kheo cựu trụ đến tụ lạc, Tỳ-kheo bạn lấy giùm phần y, khi trở về, Tỳ-kheo bạn nói: "Tôi lấy giùm phần y cho thầy", Tỳ-kheo này nói: "Tôi không bảo thầy lấy giùm, cớ sao thầy lại lấy", Tỳ-kheo bạn nghi hối… Phật nói: "Không phạm, từ nay nếu người khác không nhờ lấy giùm thì không nên lấy giùm phần y". Lại có một Tỳ-kheo bịnh, khi Tăng chia y, Tỳ-kheo khán bịnh lấy phần y cho Tỳ-kheo bịnh, Tỳ-kheo bịnh chết, Tỳ-kheo khán bịnh không biết làm sao liền bạch Phật, Phật nói: "Nếu người bịnh chết trước, lấy phần y sau thì nên trả lại; nếu lấy phần y rồi Tỳ-kheo bịnh mới chết thì phần y này giống như phần y vật khác của tỳ-kheo chết để lại".

Có cư sĩ cày ruộng của tỳ-kheo, Tỳ-kheo đến nói với cư sĩ: "Hãy chia phần cho tội, nếu không chia thì không được cày nữa", cư sĩ không chịu chia phần và vẫn cày như cũ, Tỳ-kheo liền nằm trên chiếc cày, cư sĩ buông chiếc cày rồi quở trách… Phật nói: "Không phạm nhưng Tỳ-kheo không nên tự làm khổ thân như vậy". Lại có Tỳ-

kheo rủ Tỳ-kheo khác cùng đi lấy trộm vật trong tháp… Phật nói: "Nếu có người giữ tháp thì vật đã lấy đủ năm tiền liền phạm Ba-la-di".

Cựu Tỳ-kheo sai người cày trên ruộng của Tăng, ruộng của Tăng gần sát ruộng của một cư sĩ, Tỳ-kheo cũng bảo người cày luôn trên ruộng của cư sĩ, cư sĩ thấy liền nói: "Không được cày trên ruộng của tôi, đây không phải là ruộng của Tăng", Tỳ-kheo nói: "Có ai làm chứng?", cư sĩ nói: "Có phi nhân làm chứng", Tỳ-kheo nói: "Vậy hãy bảo phi nhân nói đi". Cư sĩ cầu cúng quỷ thần xong, tự nhiên trong đất xuất hiện vật làm chứng, Tỳ-kheo liền bỏ không cày nữa. Sau khi cư sĩ về, Tỳ-kheo giấu vật làm chứng và cho cày tiếp… Phật nói: "Nếu tính giá đủ năm tiền thì phạm Ba-la-di". Lại có Tỳ-kheo hái trái cây mà cư sĩ chưa cho… Phật nói: "Nếu tính giá đủ năm tiền thì phạm Ba-la-di".

Có một Tỳ-kheo kinh hành ở chỗ có cây xanh thấy quạ và chim thước làm tổ trên cây, liền lấy tổ của chim nấu để làm củi nên chim đến bay lượn trên tinh xá kêu thảm thiết, Phật hỏi A-nan nguyên do, A-nan đem việc trên bạch Phật, Phật nói: "Từ nay không được lấy tổ của quạ và chim thước, nếu lấy thì phạm Đột-kiết-la; lấy để nấu nhuộm cũng vậy".

Phật tại nước Xá-vệ, có Tỳ-kheo đến vườn rau cải của một cư sĩ xin, cư sĩ bảo đưa tiền, Tỳ-kheo nói: "Không có tiền thì không cho phải không?",

cư sĩ nói: "Không đưa tiền thì làm sao tôi sinh sống được", Tỳ-kheo nói: "Không cho một chút nào sao?", cư sĩ nói không cho, Tỳ-kheo liền dùng chú thuật làm cho rau cải khô héo… Phật nói: "Không phạm Ba-la-di mà phạm Thâu-lan-giá". Giống như trường hợp vườn rau; vườn cây thuốc thơm, vườn hoa, vườn cây ăn trái cũng vậy.

Có một con ngựa đang ăn cỏ, Tỳ-kheo dùng một bó cỏ đi qua trước mặt con ngựa, con ngựa liền đi theo Tỳ-kheo… Phật nói: "Không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Thâu-lan-giá". Lại có Tỳ-kheo tháp tùng theo đoàn thương buôn đi đến nước Câu-bà-la, đến chỗ hiểm nạn các thương nhơn cưỡi ngựa, thấy Tỳ-kheo đi bộ liền bảo Tỳ-kheo cưỡi ngựa để qua chỗ hiểm nạn, Tỳ-kheo cưỡi rồi khởi tâm muốn lấy ngựa… Phật nói: "Không phạm Ba-la-di mà phạm Thâu-lan-giá". Lại có Tỳ-kheo đi nhờ thuyền qua sông, thấy trên thuyền có vàng liền khởi tâm muốn lấy trộm… Phật nói: "Không phạm Ba-la-di mà phạm Thâu-lan-giá".

Có thương buôn chở vật báu qua sông, thuyền bị chìm nên vật báu cũng chìm theo, chỉ có rương vàng là trôi theo dòng nước. Có các Tỳ-kheo đang tắm ở dưới nguồn của sông, thấy rương vàng trôi đến liền vớt lấy mang đi. Thương nhân thấy rồi liền nói với Tỳ-kheo: "Chớ lấy rương đó của tôi", Tỳ-kheo nói: "Tôi vớt được trên sông đâu can gì đến ông", thương nhân nói: "Thuyền của tôi bị chìm,

vật báu của tôi cũng chìm theo, chỉ có rương này nổi trôi theo dòng"… Phật nói không phạm.

Có một Tỳ-kheo mang vật của Tăng bốn phương dời để một chỗ khác… Phật nói: "Không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Đột-kiết-la". Lại có đám giặc trộm bò đem cột vào một gốc cây nơi A-lan-nhã rồi đi, các Tỳ-kheo đi đến đó thấy bò bị cột ở gốc cây liền mở dây thả cho bò đi… Phật nói: "Không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Đột-kiết-la".

Có cư sĩ ở nước Xá-vệ thường đến miếu thờ trời cầu nguyện, khi được toại nguyện liền đem tấm bạch điệp cúng cho miếu. Tỳ-kheo Ca-la-Nan-đà nhân đến đó thấy bạch điệp này liền lấy mang đi… như trong Tỳ-ni cho đến câu Phật nói: "Không phạm Ba-la-di mà phạm Thâu-lan-giá". Trường hợp lấy tóc vàng trong miếu thờ trời cũng vậy.

Có nhiều người nữ lội qua sông hoặc có người tắm nên để y phục và chuỗi ngọc bên bờ này; có một con khỉ ở trên cây leo xuống lấy chuỗi ngọc nên sau khi đem đồ vật qua bờ kia, các người nữ này trở qua lại bờ này thì không thấy chuỗi ngọc đâu nữa. Lúc đó con khỉ ném chuỗi ngọc xuống đất, các Tỳ-kheo kinh hành ở cách đó không xa thấy liền cầm lấy chuỗi ngọc này đưa lại cho các người nữ… như trong Tỳ-ni cho đến câu Phật nói không phạm.

Có nhiều Tỳ-kheo ở trong một trú xứ, có con

chuột trong hang chạy ra tha thức ăn và trái cây vào hang, các Tỳ-kheo thấy liền biết là chuột tha thức ăn nên một Tỳ-kheo phá hang chuột lấy các loại thức ăn trong hang chuột ra; các Tỳ-kheo nói Tỳ-kheo này phạm Ba-la-di… Phật nói: "Không phạm nhưng Tỳ-kheo không nên lấy các loại thức ăn trong hang chuột". Lại có con chuột tha các loại thức ăn để dưới giường của một Tỳ-kheo, sáng dậy súc miệng xong, Tỳ-kheo này lấy thức ăn này ăn, các Tỳ-kheo hỏi: "Thầy không đi khất thực, từ đâu có thức ăn này mà ăn?", đáp là do chuột tha để dưới giường, các Tỳ-kheo nói Tỳ-kheo này phạm Ba-la-di… Phật nói: "Tỳ-kheo này không phạm, vì sao, vì con chuột kia đời trước là cha của tỳ-kheo này, vì thương con nên mang thức ăn bỏ ở dưới giường cho Tỳ-kheo ".

Có một người thợ săn đuổi theo một con nai chạy vào trong Tăng phường và bảo các Tỳ-kheo trả lại nai, Tỳ-kheo nói: "Nai đã vào trong chùa, làm sao trả cho ông được", thợ săn đòi không được liền bỏ đi… Phật nói không phạm. Lại có thợ săn dùng mũi tên độc bắn một con nai, nai chạy vào trong Tăng phường, thợ săn muốn tìm nai nhưng các Tỳ-kheo không cho, thợ săn nói: "Nai này đã trúng độc ắt sẽ chết", Tỳ-kheo nói: "Dù có chết cũng không cho", thợ săn năn nỉ không được nên phải quay về, không bao lâu sau nai chết, lúc đó các Tỳ-kheo không biết làm sao liền bạch Phật,

Phật nói: "Nên trả lại cho người thợ săn".

Các Tỳ-kheo phá lưới bẫy của thợ săn thì phạm Thâu-lan-giá, nếu phá vì tâm thương xót thì phạm Đột-kiết-la.

Có Tỳ-kheo lấy y của người điên cuồng, người kia thấy liền nói là đừng lấy, Tỳ-kheo nói: "Sau này sẽ trả lại cho ông", sau đó nghi hối… Phật nói: "Không phạm Ba-la-di mà phạm Thâu-lan-giá". Lại có Tỳ-kheo mượn tài vật ở một tiệm, chủ tiệm đến đòi, Tỳ-kheo có ý không muốn trả… Phật nói: "Không phạm Ba-la-di mà phạm Thâu-lan-giá".

Có Tỳ-kheo bịnh muốn uống nước ép trái cây và cũng muốn cúng tăng nên đưa tiền bảo đệ tử mua thức uống này, các đệ tử nói với nhau: "Chúng ta chỉ nên làm một ít nước cho người bịnh ăn thôi, tiền còn dư chúng ta sẽ cùng chia", bàn xong liền làm như đã bàn tính… Phật nói: "Không phạm Ba-la-di mà phạm Thâu-lan-giá". Lại có Tỳ-kheo có nhiều vật bất tịnh (tiền bạc vật báu) nói với đệ tử: "Sau khi thầy qua đời, Tăng sẽ chia tài vật của thầy", sau đó bảo đệ tử làm bánh; các đệ tử lo lắng vội làm bánh cho thầy ăn, ăn xong thân nặng nề nên qua đời. Sau khi tống táng xong, Tăng bảo các đệ tử: "Các thầy hãy mang tài vật đến cho Tăng chia", các đệ tử tìm tài vật không thấy nên Tăng đứng dậy bỏ đi. Có một Tỳ-kheo sống ở trong gò mả, đến chỗ người chết để quán vô thường, thấy thây của tỳ-kheo kia bị dã can cắn phanh bụng ra

khiến các vật bất tịnh này lộ bày ra, Tỳ-kheo mang tài vật này đến cho Tăng rồi nghi hối, Phật nói: "Không phạm".

Có một Tỳ-kheo bịnh có nhiều ruộng đất, nói với đệ tử: "Hãy mời các Tỳ-kheo đến, tôi muốn đem ruộng đất này cúng cho Tăng hoặc cho người giữ tháp", Tỳ-kheo khán bịnh suy nghĩ: "Nếu Tỳ-kheo bịnh đem ruộng đất cúng cho Tăng hay cho người giữ tháp thì ta sẽ không được gì", nghĩ rồi liền không mời các Tỳ-kheo đến, sau khi Tỳ-kheo bịnh chết, Tỳ-kheo khán bịnh nghi hối, Phật nói: "Không phạm nhưng người khán bịnh không nên làm trái ý người bịnh, nên làm theo ý muốn của người sắp qua đời".

Ở thành Xá-vệ, có một thương buôn trang bị thuyền bè để vào biển cả, khi vào trong biển có rồng đến nắm lấy thuyền, mọi người trên thuyền đều cầu khẩn thiên thần mong được thoát nạn. Có một Ưu-bà-tắc khuyên họ: "Chúng ta nên niệm danh hiệu của thánh giả Đại Mục-kiền-liên ắt sẽ được cứu thoát", họ nghe rồi liền nhất tâm niệm danh hiệu thánh giả Mục-liên. Lúc đó trưởng lão Mục-liên dùng thiên nhãn thấy liền nhập định, dùng thần thông lực hóa thành chim chúa Kim súy đậu trên đầu thuyền, rồng thấy chim chúa Kim súy hoảng sợ buông thuyền rồi lặn mất. Các thương nhơn được an ổn trở về, hết lời ca ngợi trưởng lão Đại Mục-kiền-liên: "Chúng ta được thoát chết từ

biển trở về đều nhờ ân lực của trưởng lão Mục-liên". Các Tỳ-kheo biết chuyện liền đến nói với trưởng lão Mục-liên: "Thầy đã phạm Ba-la-di", hỏi vì sao, đáp: "Thuyền đã thuộc về rồng, thầy đã lấy lại từ nó", Mục-liên nghe rồi sanh nghi hối, Phật hỏi: "Thầy cứu họ như thế nào?", đáp là dùng thần thông lực, Phật nói: "Nếu dùng thần thông lực cứu thì không phạm".

Ở nước Xá-vệ, các thương nhơn đi vào tụ lạc thành ấp buôn bán, khi đi qua đường hiểm gặp giặc cướp bao vây đánh cướp, mọi người đều cầu khẩn thiên thần mong được thoát nạn. Có Ưu-bà-tắc khuyên họ: "Chúng ta niệm danh hiệu của thánh giả Đại Mục-kiền-liên ắt sẽ được cứu thoát", nghĩ rồi liền nhất tâm niệm danh hiệu thánh giả Mục-liên. Lúc đó trưởng lão Mục-liên dùng thiên nhãn thấy liền nhập định, dùng thần thông lực hóa hiện bốn binh; giặc cướp thấy bốn binh hoảng sợ bỏ chạy nên các thương nhơn đến nước Xá-vệ được an toàn… như trong Tỳ-ni.

Bạt-nan-đà tự tứ xong liền đi đến các tinh xá để dò xét xem chỗ nào được cúng dường nhiều y vật. Từ xa các Tỳ-kheo thấy Bạt-nan-đà đi đến liền đứng dậy nghinh đón, mời ngồi rồi thăm hỏi có an lạc hay không. Im lặng một lát, Bạt-nan-đà liền hỏi các Tỳ-kheo: "Trú xứ này an cư có được cúng dường y vật không?", đáp là được, lại hỏi chia chưa, đáp là chưa chia, liền bảo mang đến để chia,

các Tỳ-kheo liền mang đến cho Bạt-nan-đà chia. Sau khi chia xong, vị thượng tòa nhận phần của mình rồi đi, Bạt-nan-đà bảo chờ một chút, thượng tòa hỏi có việc gì, đáp là cứ đợi. Do Bạt-nan-đà có biện tài thuyết pháp với đủ ngôn từ khiến cho vị thượng tòa này nghe pháp xong rất hoan hỉ, vì ái pháp nên nói với Bạt-nan-đà: "Phần y này của tôi xin cúng cho thầy", cứ như thế các Tỳ-kheo trong trú xứ này đều đem phần y của mình cúng dường hết cho Bạt-nan-đà, Bạt-nan-đà được rất nhiều y vật gánh về tinh xá Kỳ-hoàn… như trong Tỳ-ni cho đến câu Phật nói: "Nếu Tỳ-kheo an cư nơi này mà đến chỗ khác lấy y thì phạm Đột-kiết-la".

Trưởng lão A-nan có một đệ tử cọng hành, đàn việt của người đệ tử này bịnh lại có hai đứa con, trước khi chết có dặn dò lại cho người đệ tử của trưởng lão A-nan. Người đệ tử này nghe theo lời dặn dò, quán sát thấy một trong hai đứa trẻ là người tốt hiền lành liền giao chìa khóa nhà cho nó. Đứa trẻ không được chia phần liền đến chỗ trưởng lão A-nan kể lại việc trên, trưởng lão A-nan nghe rồi liền quở trách đệ tử, người đệ tử này đến nói với năm trăm Thích tử: "Xin thỉnh cầu Hòa thượng giúp tôi cho tôi sám hối", liền hỏi giúp như thế nào, người đệ tử nói: "Các vị dẫn hai đứa trẻ này đến chỗ Hòa thượng đảnh lễ rồi ngồi một bên, Hòa thượng ắt sẽ thuyết pháp cho các vị, các vị nghe pháp xong khi ra về nên để lại hai đứa trẻ, Hòa

thượng ắt sẽ bảo các vị dẫn chúng đi, các vị nói: Hãy cho Tỳ-kheo trực tín sám hối thì sẽ dẫn hai đứa trẻ đi", các Thích tử nhận lời làm y theo lời Trực tín nói, lúc đó trưởng lão A-nan suy nghĩ rồi bằng lòng cho người đệ tử sám tội Đột-kiết-la.

Có một Tỳ-kheo nhiều phước đức, một thương buôn nói với Tỳ-kheo: "Thầy cần gì cứ đến lấy", đệ tử của vị Tỳ-kheo này suy nghĩ: "Người này nhiều lần thỉnh cúng, ta nên đến thử xem người này nói thật hay không thật", nghĩ rồi liền đến nói với thương buôn: "Hòa thượng cần tô", thương buôn đưa tô rồi nói: "Nếu cần canh thì đến lấy", ít lâu sau, người đệ tử lại đến lấy canh… Thời gian sau, thương nhơn gặp Tỳ-kheo hỏi: "Trước kia thầy có sai người đến lấy tô…, sao nay không đến lấy nữa?", Tỳ-kheo này liền hỏi đệ tử có đến lấy tô không, đáp là có, Tỳ-kheo nói đệ tử phạm Ba-la-di, người đệ tử nói: "Thương buôn thỉnh cúng cho Hòa thượng, con vì thử người đó nên đến lấy về cho Hòa thượng dùng"… Phật nói: "Nên bạch Hòa thượng rồi mới đến lấy".

c. Về việc giết người:

Phật tại rừng Sa-la bên bờ sông Bà cầu nước Bạt-kỳ, các Tỳ-kheo ở bên sông Bà cầu suy nghĩ: "Ta đã vì nhiều Tỳ-kheo khen ngợi cái chết khiến họ phát tâm muốn chết, không biết lúc đó là trước hay không phải trước", liền bạch Phật, Phật nói: "Trước là trước khi kết giới, tất cả thời đã làm đều

không phạm". Có Tỳ-kheo, người mà tưởng là phi nhân nên giết liền sanh nghi hối… Phật nói: "Nếu người tưởng là người mà giết thì phạm Ba-la-di; người tưởng là phi nhân mà giết cũng phạm Ba-la-di; người sanh nghi mà giết cũng phạm Ba-la-di. Nếu phi nhân tưởng là phi nhân mà giết thì phạm Thâu-lan-giá; phi nhân tưởng là người mà giết cũng phạm Thâu-lan-giá; phi nhân sanh nghi mà giết cũng phạm Thâu-lan-giá".

Có một Tỳ-kheo mắc bịnh lâu ngày, một Tỳ-kheo quen biết đến thăm, người bịnh nói: Hãy mang dao đến cho tôi", hỏi là muốn làm gì, đáp là cứ mang đến, Tỳ-kheo liền mang dao đến, Tỳ-kheo bịnh liền cầm dao vào phòng cắt cổ tự sát mà chết. Tỳ-kheo kia đưa dao cho rồi thấy Tỳ-kheo kia hai, ba ngày không ra, sanh nghi vào phòng xem thì thấy Tỳ-kheo đã chết liền suy nghĩ: "Người bịnh này chết là do mình, nếu mình không đưa dao thì người bịnh không chết"… Phật nói: "Không nên không suy xét kỹ mà đưa dao cho người bịnh".

Có Tỳ-kheo đến nhà đàn việt, vợ của đàn việt yêu cầu Tỳ-kheo cùng hành dâm, Tỳ-kheo nói: "Chồng cô không ghen hay sao?", đáp: "Tôi có thể khiến ông ấy không ghen", sau đó cho chồng uống thuốc độc mà chết. Tỳ-kheo này lại đến nhà cư sĩ, vợ cư sĩ yêu cầu cùng hành dâm, Tỳ-kheo nói: "Chớ nói lời này, tôi là người đã đoạn dục", vợ cư sĩ nói: "Sao trước đây thầy không nói là người đã

đoạn dục, tôi vì thầy mà giết chết chồng", Tỳ-kheo nói: "Tôi không bảo cô giết chết chồng cô", nói rồi sanh nghi hối, Phật nói không phạm. Nếu Tỳ-kheo có tâm sát đánh người, người này chết thì Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, người này không chết thì phạm Thâu-lan-giá; nếu đánh gãy xương hay cụp lưng thì phạm Thâu-lan-giá.

Lại có Tỳ-kheo phương tiện muốn giết người nữ đang mang thai, nếu người mẹ chết thì Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, thai nhi chết thì phạm Thâu-lan-giá, cả hai mẹ con đều chết thì phạm Ba-la-di, cả hai không chết thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo phương tiện làm cho người mẹ hư thai, thai nhi chết thì Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, người mẹ chết thì phạm Thâu-lan-giá, cả hai mẹ con đều chết thì phạm Ba-la-di, cả hai không chết thì phạm Thâu-lan-giá. Người đã chết, chú thuật làm cho sống lại để giết thì phạm Thâu-lan-giá.

Có Tỳ-kheo làm nước Tô-tỳ-la cho Tăng uống, nhiều Tỳ-kheo uống xong liền chết, Tỳ-kheo nghi hối… Phật nói không phạm. Lại có Hai Tỳ-kheo, một Tỳ-kheo bịnh nói với Tỳ-kheo bạn: "Hãy cho tôi uống nước Tô-tỳ-la, tôi sẽ được lành bịnh"… như trong Tỳ-ni. Có một Bà-la-môn mắc bịnh ung thư, đến nói với Tỳ-kheo: "Nếu tôi uống nước Tô-tỳ-la thì sẽ hết bịnh", Tỳ-kheo nói: "Vì sao lại đòi uống nước này?", Bà-la-môn nói: "Tôi đã từng mắc bịnh này, trước đây khi bịnh phát, tôi uống nước

này liền khỏi bịnh", Tỳ-kheo liền đưa cho uống, Bà-la-môn uống xong liền chết, Tỳ-kheo nghi hối, Phật nói không phạm. Có một Tỳ-kheo đến trong gò mã quán tử thi, thấy có người bị xuyên qua ngọn cây đau đớn vô cùng, người này nói với Tỳ-kheo: "Hãy cho tôi uống nước Tô-tỳ-la, tôi sẽ bớt đau đớn", Tỳ-kheo liền cho uống, người này uống xong liền chết, Tỳ-kheo nghi hối, Phật nói không phạm. Lại có Tỳ-kheo-ni cho năm trăm giặc cướp uống nước Tô-tỳ-la như trong Tỳ-ni đã nói rõ.

Có Tỳ-kheo làm Tăng phường, khi chuyền đưa gạch làm rơi trúng đầu một Tỳ-kheo khác khiến vị này chết, Tỳ-kheo này nghi hối, Phật nói: "Không phạm, phải khéo dụng ý khi chuyền đưa gạch". Trường hợp làm nhà tắm, làm thềm nhà, tu sữa Tăng phường khiên đất… như trong Tỳ-ni đã nói rõ.

Phật tại nước Xá-vệ, có một Tỳ-kheo ngồi thiền dưới chân núi, lại có một Tỳ-kheo đang đẩy đá trên núi, đá rơi xuống trúng đầu Tỳ-kheo ngồi thiền liền chết, Tỳ-kheo đẩy đá sanh nghi hối, Phật nói: "Không phạm, phải khéo dụng ý khi đẩy đá".

Có một Tỳ-kheo đi giữa bầy bò, có con bò đực hung dữ muốn húc Tỳ-kheo, Tỳ-kheo bỏ chạy té đè trên mình một đứa bé làm cho đứa bé chết. Tỳ-kheo sanh nghi hối, Phật nói: "Không phạm, từ nay nên cẩn thận khi đi giữa bầy bò".

Có một Tỳ-kheo bịnh lâu ngày gầy ốm lưng còng, không muốn sống nữa nên tự gieo mình xuống hố để tự sát. Trong hố này có một con dã can đang ăn thịt người chết, Tỳ-kheo rơi trên mình của con dã can này và đè nó chết, Tỳ-kheo lưng còng bỗng được thẳng… Phật nói: "Không phạm, từ nay không được vì chút nhân duyên mà tự sát".

Có một Tỳ-kheo ngồi trên giường, một Tỳ-kheo khác gọi đứng dậy, liền đáp: "Chớ gọi tôi đứng dậy, nếu tôi đúng dậy sẽ chết", một Tỳ-kheo khác lại gọi đứng dậy, khi đứng dậy Tỳ-kheo này liền chết… Phật nói: "Không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Thâu-lan-giá".

Có Tỳ-kheo muốn đoạn mạng sống giúp cho người điên cuồng nên đánh, người này chết thì Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, không chết thì phạm Thâu-lan-giá. Lại có một Tỳ-kheo bịnh lâu ngày, Tỳ-kheo khán bịnh suy nghĩ: "Ta nuôi bịnh đã lâu, người bịnh này không chết cũng không lành, nay ta không nuôi bịnh nữa, bỏ mặc cho chết", nghĩ rồi liền không nuôi bịnh nữa nên người bịnh qua đời. Tỳ-kheo nuôi bịnh sanh nghi hối, Phật nói: "Không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Thâu-lan-giá".

Có một Tỳ-kheo bịnh có nhiều y bát và tài vật, Tỳ-kheo khán bịnh suy nghĩ: "Ta nuôi bịnh đã lâu, nếu chết tài vật cũng nhập vào Tăng, nay ta không nuôi bịnh nữa, để mặc cho cho chết", nghĩ rồi liền không nuôi bịnh nữa nên người bịnh qua đời. Tỳ-

kheo này sanh nghi hối, Phật nói: "Không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Thâu-lan-giá".

Có Tỳ-kheo do ăn không tiêu nên sình bụng phải nằm co lại, Tỳ-kheo khác bảo nằm duỗi ra, Tỳ-kheo này nói: "Đừng bảo tôi duỗi ra, duỗi ra tôi sẽ chết", lại bắt nằm duỗi ra, khi nằm duỗi ra Tỳ-kheo này liền chết… Phật nói: "Không phạm Ba-la-di mà phạm Thâu-lan-giá".

Trường hợp mụt nhọt chưa muồi lại phá vỡ khiến cho người chết thì phạm Thâu-lan-giá, nếu mụt nhọt đã muồi thì không phạm. Lại có Tỳ-kheo bịnh cần ăn thức ăn tùy theo bịnh, Tỳ-kheo khán bịnh lại cho không ăn thức ăn tùy theo bịnh nên Tỳ-kheo này chết thì phạm Thâu-lan-giá, nếu cho ăn thức ăn tùy theo bịnh mà Tỳ-kheo bịnh chết thì không phạm. Trường hợp cho uống thuốc cũng như vậy. Lại có Tỳ-kheo bịnh yêu cầu Tỳ-kheo khán bịnh đưa ra ngoài phòng, cho tắm rửa rồi trở vào phòng lại, Tỳ-kheo khán làm theo lời người bịnh, làm xong thì Tỳ-kheo bịnh chết… đều không phạm. Lại có Tỳ-kheo ngủ gật trên giường, Tỳ-kheo khác thấy đến lay gọi thì vị này chết, Phật nói không phạm. Trường hợp bị gió đao khởi, dùng thiền trấn đánh, dùng nước tạt… như trong Tỳ-ni đã nói rõ.

Có một cư sĩ làm thức ăn xong, cúng cho Tăng trước rồi mới ăn. Hôm đó có một Tỳ-kheo A-lan-nhã đến nhà, cư sĩ nói: "Ta nay cúng cho Tỳ-kheo

A-lan-nhã này, khỏi phải đem cúng cho Tăng", nghĩ rồi liền đem cúng cho Tỳ-kheo A-lan-nhã. Lúc đó Tỳ-kheo tăng không thấy cư sĩ đem thức ăn tới cúng như thường lệ liền nói với nhau: "Vì sao cư sĩ không cúng thức ăn như thường lệ, không biết có Tỳ-kheo nào ra vào nhà đó?", một Tỳ-kheo nói: "Có Tỳ-kheo A-lan-nhã tới nhà đó", các Tỳ-kheo liền cho gọi Tỳ-kheo A-lan-nhã đến hỏi: "Cư sĩ tên thường cúng thức ăn cho Tăng trước rồi sau mới ăn, lần này không cúng có phải thầy đã ngăn hay không?", đáp là không có, các Tỳ-kheo muốn Tỳ-kheo này nói ra sự thật nên ném Tỳ-kheo này xuống hố, không ngờ làm cho Tỳ-kheo này chết… Phật nói: "Không phạm Ba-la-di, chỉ phạm Thâu-lan-giá". Trường hợp cúng y như trong Tỳ-ni đã nói rõ.

Có Tỳ-kheo khất thực đứng bên ngạch cửa, cạnh đó có một cây gỗ dựng vào vách, y của tỳ-kheo chạm vào cây gỗ, cây gỗ rớt xuống trúng một đứa bé làm cho nó chết… Phật nói: "Không phạm, khi khất thực nên cẩn thận xem ngó trước sau".

Có Bà-la-môn sáng sớm ngồi giữa sân để cúng tế, thấy Tỳ-kheo vào khất thực liền nổi giận, thắp đèn xong liền bỏ đi không ngờ vấp ngã xuống đất mà chết … Phật nói không phạm. Có một Tỳ-kheo bảo Tỳ-kheo khác đi đến chỗ hiểm nạn, khi đến đó liền bị chết… Phật nói: "Phạm Ba-la-di, nếu không chết thì phạm Thâu-lan-giá".

Phật tại Tỳ-da-ly, các Tỳ-kheo tọa thiền trong rừng, lúc đó có một Tỳ-kheo giết con khỉ, các Tỳ-kheo nói là đã phạm Ba-la-di vì khỉ là loài giống người… Phật nói là phạm Ba-dật-đề.

Tại nước Xá-vệ có một cư sĩ, khi con khôn lớn liền xuất gia học đạo, vì chút nhân duyên nên vào tụ lạc; lúc đó có một người nữ bế con vào nhà, thấy Tỳ-kheo theo vào liền cho là Tỳ-kheo muốn trêu chọc nên lấy cây đánh Tỳ-kheo, Tỳ-kheo tránh cây nên ngã lên người đứa bé khiến đứa bé chết… Phật nói: "Không phạm, khi đi nên nhất tâm".

Có một thầy thuốc xuất gia, Tỳ-kheo bịnh đến yêu cầu Tỳ-kheo thầy thuốc mổ trán, Tỳ-kheo thầy thuốc cầm dao đến định mổ, không ngờ làm cho Tỳ-kheo bịnh kinh sợ mà chết…

Phật nói: "Không phạm, Tỳ-kheo không nên mổ trên trán". Lại có một Tỳ-kheo mắc bịnh lâu ngày suy nghĩ: "Ta bịnh như vậy sống làm chi, ta nên tự sát", nghĩ rồi liền bảo Tỳ-kheo khán bịnh đưa sợi dây đến, sau đó thắt cổ mà chết… Phật nói: "Không nên đưa dây cho người bịnh".

Có Tỳ-kheo vì chút nhân duyên nên vào tụ lạc, rủ một Tỳ-kheo bịnh mới bớt làm bạn cùng đi, Tỳ-kheo bịnh nói: "tôi không đi được", Tỳ-kheo kia nói: "Nếu thầy không cùng đi, tôi sợ giữa đường bị giặc cướp", Tỳ-kheo bịnh gắng gượng cùng đi, khi đến tụ lạc liền chết, Tỳ-kheo kia suy nghĩ: "Tỳ-

kheo bịnh chết là do ta, nếu ta không rủ đi cùng thì vị ấy không chết"… Phật nói: "Không phạm nhưng không nên rủ Tỳ-kheo bịnh làm bạn đi cùng".

d. Về việc vọng ngữ:

Phật ở trong Trúc lâm bên sông Bà-cầu nước Bạt-kỳ, Các Tỳ-kheo bên sông Bà-cầu suy nghĩ: "Chúng ta đã nhiều lần nói dối là được pháp hơn người, không biết lần nào là trước và lần nào không phải trước"… Phật nói: "Trước là trước khi kết giới, tất cả thời nói đều không phạm".

Có Tỳ-kheo đối trước người tưởng là phi nhân mà nói được pháp hơn người… Phật nói: "Người tưởng là người mà nói được pháp hơn người thì phạm Ba-la-di; người tưởng là phi nhân mà nói cũng phạm Ba-la-di; người mà sanh tâm nghi cũng phạm Ba-la-di. Phi nhân tưởng là phi nhân mà nói được pháp hơn người thì phạm Thâu-lan-giá; phi nhân tưởng là người mà nói cũng phạm Thâu-lan-giá; phi nhân mà sanh tâm nghi cũng phạm Thâu-lan-giá".

Có một Tỳ-kheo nói với cư sĩ mình được pháp hơn người, cư sĩ không nhớ nên hỏi lại: "Thầy nói được đạo gì", đáp là muốn thức ăn… Phật nói là phạm Thâu-lan-giá. Có cư sĩ nói với Tỳ-kheo: "Nếu thầy là A-la-hán thì hãy thọ tứ sự cúng dường này", nếu im lặng thọ thì phạm Thâu-lan-giá. Lại có người hỏi Tỳ-kheo: "Nếu thầy là Bà-la-môn đã

diệt trừ được pháp ác thì hãy thọ tôi cúng dường?", nếu im lặng thọ nhận thì phạm Thâu-lan-giá. Lại có người hỏi Tỳ-kheo: "Nếu thầy là A-la-hán thì đến thọ y phục, cho đến các thức ăn thức uống, thuốc thang", nếu Tỳ-kheo im lặng thọ nhận thì phạm Thâu-lan-giá. Có một Tỳ-kheo sáng sớm đắp y mang bát đến nhà cư sĩ, cư sĩ nói: "Nếu đại đức là A-la-hán thì vào nhà", nếu Tỳ-kheo im lặng vào nhà thì phạm Thâu-lan-giá. Lại có cư sĩ nói: "Nếu thầy là A-la-hán thì hãy ngồi thọ thức ăn thức uống, thọ Khư-đà-ni, nếu không phải thì đi ra", nếu Tỳ-kheo im lặng ngồi thọ thức ăn uống thì phạm Thâu-lan-giá. Lại có một Tỳ-kheo sáng sớm đắp y mang bát đến nhà cư sĩ, cư sĩ nói: "Nếu thầy là A-la-hán thì vào", Tỳ-kheo nói: "Tôi không phải là A-la-hán, nếu cho thì tôi vào", nếu cư sĩ nói: "Nếu thầy được các căn tịch tĩnh, khéo điều phục thì vào", nếu Tỳ-kheo im lặng vào thì phạm Thâu-lan-giá; nếu nói: "Tôi đang tu tập để điều phục" thì không phạm.

-oOo-

TÁT BÀ ĐA BỘ TỲ NI MA ĐẮC LẶC GIÀ

QUYỂN 5

23. Phần Tạp Sự (Tiếp Theo):

e. Về mười ba việc Tăng tàn:

Phật ở trong Kỳ thọ Cấp-cô-độc viên, lúc đó Ưu-đà-di suy nghĩ: "Ta đã nhiều lần cố ý làm xuất tinh, không biết lúc nào là trước và lúc nào không phải là trước"… Phật nói: "Trước là trước khi kết giới, tất cả thời cố ý làm xuất tinh đều không phạm". Tỳ-kheo xuất tinh trong cọng cây hay ở trong hư không làm phương tiện để xuất tinh mà tinh không xuất thì phạm Thâu-lan-giá. Lại có Tỳ-kheo khi đi thì tinh xuất… Phật nói là phạm Thâu-lan-giá.

Có người nữ đến đảnh lễ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo liền xuất tinh … Phật nói là không phạm; như trường hợp Tỳ-xá-khư lộc tử mẫu vì kính tín Tăng nên khi đảnh lễ hai tay chạm chân, khi đảnh lễ hai tay chạm vào chân của trưởng lão Nan-đà, Nan-đà liền xuất tinh rơi trên đầu bà. Ưu-bà-di này đưa tay sờ trên đầu nói kệ:

"Nay con được lợi lớn, Đồng phạm hạnh như vậy, Phiền não rất hừng thạnh, Mà ở trong Phật

pháp, Nhẫn tu đạo Niết-bàn".

Nan-đà nghi hối… Phật nói: "Không phạm, từ nay nên mặc quần lót".

Lại có Tỳ-kheo do gãi nam căn nên tinh xuất hoặc khi tắm do xoa

chà thân nên tinh xuất… Phật nói là không phạm. Lại có Tỳ-kheo từ chỗ này đến chỗ khác đều xuất bất tịnh, Phật nói là phạm Thâu-lan-giá.

Lại có Tỳ-kheo ở trong nạn nước, lửa, trong hầm hố, nạn thú dữ như cọp beo, nạn phi nhân và nạn người nữ mà xuất tinh… Phật nói là không phạm. Có Tỳ-kheo khi bị người nữ nắm tay, nắm chân hoặc đầu gối, bắp vế liền xuất tinh… Phật nói là không phạm. Có Tỳ-kheo ở trước người nữ mới chết hay người nữ chết đã sình trướng cho đến thối rữa, bị chim thú ăn dư, khi khô teo hay chỉ còn là bộ xương trắng mà xuất tinh thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Lại có Tỳ-kheo khi bị phong, khi rửa chân mà tinh xuất… Phật nói là không phạm. Lại có Tỳ-kheo tắm trong dòng nước chảy mạnh, do nam căn ngược với dòng nước nên tinh xuất… Phật nói là phạm Thâu-lan-giá.

Có Tỳ-kheo do chạm trên đầu hay trong lỗ tai, cho đến ngực, dưới nách, đùi, bắp đùi… mà tinh xuất thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa; tinh không xuất thì phạm Thâu-lan-giá. Lại có Tỳ-kheo do ngồi

nằm trên giường dây, giường cây… mà tinh xuất thì phạm Thâu-lan-giá.

Lúc đó Ưu-đà-di suy nghĩ: "Ta đã nhiều lần xúc chạm thân người nữ, không biết lúc nào là trước, lúc nào không phải là trước"… Phật nói: "Trước là trước khi kết giới, tất cả thời xúc chạm thân người nữ đều không phạm". Có Tỳ-kheo, người nữ tưởng là phi nhơn nữ mà xúc chạm, sanh nghi hối… Có một Tỳ-kheo đối trước người nữ khởi tưởng không phải nữ mà xúc chạm, sau đó sanh nghi không biết có phạm Tăng-già-bà-thi-sa không liền bạch Phật, Phật nói: "Nếu là người nữ khởi tưởng là người nữ mà xúc chạm thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa; nếu là người nữ khởi tưởng là nữ phi nhơn cũng phạm Tăng-già-bà-thi-sa; nếu là người nữ mà sanh nghi cũng phạm Tăng-già-bà-thi-sa". Trường hợp nữ phi nhơn cũng có ba câu như vậy đều phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo dùng chân chạm vào thân người nữ thì phạm Đột-kiết-la, nếu người nữ dùng chân chạm vào thân Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo không phạm; Tỳ-kheo chạm vai người nữ thì phạm Đột-kiết-la, người nữ chạm vai Tỳ-kheo thì không phạm. Trường hợp Tỳ-kheo ôm mẹ, người nữ nắm tay hoặc cánh tay Tỳ-kheo , Tỳ-kheo cứu người nữ ra khỏi nạn nước lửa… mà xúc chạm, Phật nói đều không phạm.

Nếu Tỳ-kheo xúc chạm người nữ chết đã sình trướng, hư hoại, thối rửa… cho đến là bộ xương

trắng thì phạm Thâu-lan-giá. Người nữ ngã xuống đất, Tỳ-kheo đỡ lên thì phạm Đột-kiết-la; Tỳ-kheo ngã xuống đất, người nữ đỡ lên thì không phạm. Có Tỳ-kheo trong đêm tôi ra ngoài tiểu tiện, có Tỳ-kheo-ni đi ngược hướng đụng phải ngã lên người Tỳ-kheo… Phật nói là không phạm. Có Tỳ-kheo thuyết pháp cho người nữ, người nữ chạm vào đầu gối, đùi, hông, cánh tay, vai của tỳ-kheo thì Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la.

Lúc đó Ưu-đà-di suy nghĩ: "Ta đã nhiều lần nói lời thô với người nữ, không biết lúc nào là trước, lúc nào không phải là trước"… Phật nói: "Trước là trước khi kết giới, tất cả thời nói lời thô với người nữ đều không phạm". Có Tỳ-kheo đối trước người nữ tưởng là phi nhân nữ mà nói lời thô nên nghi hối… Có một Tỳ-kheo đối trước người nữ khởi tưởng không phải nữ mà xúc chạm, sau đó sanh nghi không biết có phạm Tăng-già-bà-thi-sa không liền bạch Phật, Phật nói: "Nếu là người nữ khởi tưởng là người nữ mà nói lời thô thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa; nếu là người nữ khởi tưởng là nữ phi nhơn cũng phạm Tăng-già-bà-thi-sa; nếu là người nữ mà sanh nghi cũng phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Sai hóa nhân nói lời thô thì phạm Thâu-lan-giá, tự nói thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa".

Có Tỳ-kheo nói với người nữ: "Cô có gì cho tôi", người nữ nói: "Tôi đâu có gì cho thầy", Tỳ-kheo nói: "Cô nên tự biết", người nữ hiểu ý nói

xong rồi, Tỳ-kheo nghi hối… Phật nói là phạm Thâu-lan-giá. Lại có Tỳ-kheo vào tụ lạc khất thực thấy người nữ ngồi gác chân lên và yêu cầu Tỳ-kheo cùng hành dâm, Tỳ-kheo nói: "Nữ căn của cô tốt như vậy, có thể làm việc như vậy như vậy"… Phật nói là phạm Thâu-lan-giá. Lại có Tỳ-kheo tánh ưa nói lời thô nên đã nói lời thô với người nữ… Phật nói là phạm Thâu-lan-giá.

Có Tỳ-kheo-ni sáng sớm tắm rửa xong, đắp y mới vào thành khất thực, cũng có một Tỳ-kheo vào thành khất thực nói với Tỳ-kheo-ni: "Sao cô lại đi khất thực với người nam vậy"… Phật nói là phạm Thâu-lan-giá. Có Tỳ-kheo đi cùng với người nữ, biết người nữ này làm hạnh xấu nên Tỳ-kheo nói với người nữ: "Đừng làm hạnh xấu nữa", người nữ nói: "Vậy tôi nên làm việc gì", Tỳ-kheo nói: "Đừng làm những việc như vậy như vậy"… Phật nói là phạm Thâu-lan-giá.

Có Tỳ-kheo sáng sớm đắp y đến nhà nữ cư sĩ nói rằng: "Hãy cho tôi", liền hỏi cho vật gì, đáp là cho vật này, người nữ hiểu ý nói là xong rồi… Phật nói là phạm Thâu-lan-giá. Có Tỳ-kheo sáng sớm đắp y đến nhà nữ cư sĩ nói rằng: "Hãy cho tôi vật mà tôi thấy", liền hỏi cho vật gì, đáp là cho vật mà tôi thấy, người nữ hiểu ý nói là xong rồi… Phật nói là phạm Thâu-lan-giá. Có Tỳ-kheo sáng sớm đắp y đến nhà nữ cư sĩ nói rằng: "Hãy cho tôi sự thích thú", liền hỏi thích cái gì, đáp là thích vật này,

người nữ hiểu ý nói là xong rồi… Phật nói là phạm Thâu-lan-giá. Có Tỳ-kheo sáng sớm đắp y đến nhà nữ cư sĩ nói rằng: "Hãy cho tôi vật mà tôi yêu", liền hỏi vật gì, đáp là vật này, người nữ hiểu ý nói là xong rồi… Phật nói là phạm Thâu-lan-giá.

Có Tỳ-kheo sáng sớm đắp y đến nhà nữ cư sĩ nói rằng: "Hãy cho tôi nước uống", người nữ nói: "Hãy đợi tôi đi lấy", Tỳ-kheo nói: "Cô chính là nước đó", người nữ hiểu ý nói là xong rồi… Phật nói là phạm Thâu-lan-giá. Có Tỳ-kheo sáng sớm đắp y đến nhà nữ cư sĩ nói rằng: "Hãy cho tôi Khư-đà-ni ", người nữ nói: "Hãy đợi tôi lấy cho thầy", Tỳ-kheo nói: "Cô chính là Khư-đà-ni đó", người nữ hiểu ý nói là xong rồi… Phật nói là phạm Thâu-lan-giá. Có Tỳ-kheo sáng sớm đắp y đến nhà nữ cư sĩ nói rằng: "Hãy cho tôi cháo", người nữ nói: "Hãy đợi tôi lấy cho thầy", Tỳ-kheo nói: "Cô chính là cháo đó", người nữ hiểu ý nói là xong rồi… Phật nói là phạm Thâu-lan-giá. Có Tỳ-kheo sáng sớm đắp y đến nhà nữ cư sĩ nói rằng: "Hãy cho tôi Bồ-xà-ni ", người nữ nói: "Hãy đợi tôi lấy cho thầy", Tỳ-kheo nói: "Cô chính là Bồ-xà-ni đó", người nữ hiểu ý nói là xong rồi… Phật nói là phạm Thâu-lan-giá. Có Tỳ-kheo nói lời thô với người nữ xong, người nữ không nhớ nên hỏi lại: "Thầy vừa nói gì?", Tỳ-kheo im lặng… Phật nói là phạm Thâu-lan-giá.

Phật tại nước Xá-vệ trong Kỳ thọ Cấp-cô-độc

viên, Tỳ-kheo Lộc tử suy nghĩ: "Ta đã nhiều lần làm mai mối, không biết lúc nào là trước, lúc nào không phải là trước", liền bạch Phật, Phật nói: "Trước là trước khi kết giới, tất cả thời làm mai mối đều không phạm". Có Tỳ-kheo đến nhà cư sĩ, cư sĩ nói với Tỳ-kheo: "Thầy có thể đến nhà người nữ nói lời như vầy giùm tôi được không?, đáp: "Tôi có thể đến nói nhưng không thể trở lại trả lời cho ông", cư sĩ hỏi: "Làm sao biết được là thanh hay không thành?", đáp: "Nếu thành thì tôi sẽ bảo một Tỳ-kheo đứng ở chỗ ". Tỳ-kheo nói rồi ra về, sau đó gặp một Tỳ-kheo nói rằng: "Thầy đứng ở đây một lát", hỏi: "Đứng đây làm gì?", đáp: "Cứ đứng một lát, đừng hỏi", Tỳ-kheo này đứng đó, Tỳ-kheo kia liền bỏ đi, cư sĩ đi ra thấy Tỳ-kheo này đứng ở chỗ đó liền nói: "Lành thay, việc đã thành", Tỳ-kheo này liền hỏi: "Việc gì đã thành", đáp là việc hẹn hò, Tỳ-kheo này nghi hối… Phật nói là không phạm.

Có Tỳ-kheo đến nhà cư sĩ, cư sĩ nói với Tỳ-kheo: "Thầy có thể đến nhà người nữ nói những lời này giùm tôi được không?", đáp là được. Khi đến nói thì người nữ kia nói là không tin, Tỳ-kheo này nghi hối… Phật nói là phạm Thâu-lan-giá. Có Tỳ-kheo đến nhà cư sĩ thấy hai vợ chồng tranh cãi, người chồng đánh vợ và đuổi đi, Tỳ-kheo làm cho hòa hợp lại rồi sanh nghi hối… Phật nói: "Nếu ý của cư sĩ đã đoạn tuyệt và đuổi đi, nói là không

phải vợ tôi nữa mà Tỳ-kheo mai mối làm cho họ hòa hợp lại thì phạm Thâu-lan-giá".

Có Tỳ-kheo đến nhà cư sĩ, cư sĩ nói với Tỳ-kheo: "Thầy có thể đến nhà dâm nữ nói lời này giùm tôi được không?, đáp là được, liền đến nói, dâm nữ chấp thuận, Tỳ-kheo trở lại báo nhưng cư sĩ ngủ chưa thức dậy… Phật nói là phạm Thâu-lan-giá. Có Tỳ-kheo đến nhà cư sĩ, cư sĩ nói với Tỳ-kheo: "Thầy có thể nói với dâm nữ đến chỗ tôi được không?, đáp là được, liền đến nói, dâm nữ nhận lời nhưng đi đến giữa đường thì gặp người khác dẫn đi… Phật nói là phạm Thâu-lan-giá. Có Tỳ-kheo đến nhà cư sĩ, cư sĩ nói với Tỳ-kheo: "Thầy có thể nói với người nữ đến chỗ tôi được không?, đáp là được, liền đến chỗ người nữ nhưng người nữ ngủ chưa thức dậy… Phật nói là phạm Thâu-lan-giá. Có Tỳ-kheo đến nhà cư sĩ, cư sĩ nói với Tỳ-kheo: "Thầy có thể nói với người nữ đến chỗ tôi được không?, đáp là được, liền đến nói, người nữ nhận lời trang điểm định đi thì người chồng trở về nên việc không thành… Phật nói là phạm Thâu-lan-giá.

Có hai cư sĩ là bạn thân cùng bàn với nhau: "Khi nào anh lấy vợ sanh được con trai, vợ tôi sanh con gái thì tôi sẽ gả con gái cho con trai của anh; ngược lại nếu vợ anh sanh con gái, vợ tôi sanh trai thì anh gả con gái cho con trai của tôi". Thời gian sau, một người sanh con trai, một người sanh con

gái; người có con trai mắc bịnh chết nên người có con gái không chịu gả con. Người con trai liền nói với Tỳ-kheo: "Thầy có thể đến nói với người con gái đó giùm tôi rằng: "lúc chúng ta chưa sanh ra, hai bên cha mẹ có hôn ước gả nàng cho ta. Sau khi cha ta mất, gia sản cũng không còn, xin nàng đừng bỏ ta", Tỳ-kheo nhận lời đến nói với người con gái, người con gái này nghe rồi liền bỏ nhà đến với người con trai… Phật nói là phạm Thâu-lan-giá.

Có cư sĩ hỏi người nữ rảnh rỗi không, người nữ nói không rảnh, cư sĩ nói lúc nào rảnh thì báo cho biết, người nữ nói: "Có một Tỳ-kheo thường ra vào nhà tôi, khi nào tôi rảnh tôi sẽ nhờ Tỳ-kheo đánh vào lưng ông, lúc đó ông biết là tôi rảnh". Thời gian sau, Tỳ-kheo đó tới nhà cô gái này, cô gái nói với Tỳ-kheo: "Thầy có thể đến chỗ cư sĩ rồi đánh vào lưng ông ta được không", hỏi vì sao lại đánh, đáp: "Thầy cứ đánh, đừng hỏi", Tỳ-kheo đến chỗ cư sĩ và đánh vào lưng, cư sĩ liền nói: "Việc đã thành", hỏi là thành việc gì, đáp: "Là việc hẹn hò"… Phật nói là phạm Đột-kiết-la.

Có Tỳ-kheo đến nhà cư sĩ nữ, người nữ này nói với Tỳ-kheo: "Thầy có thể gọi giúp cư sĩ đến đây được không?", đáp: "Nếu cô thỉnh Tăng thọ thực thì tôi sẽ gọi giúp cho cô", người nữ liền cúng Tăng và Tỳ-kheo đến gọi cư sĩ kia, cư sĩ kia liền đến chỗ người nữ này… Phật nói là phạm Thâu-lan-giá. Lại có người vợ mới cưới của một cư sĩ rất xinh đẹp,

có một người nam muốn cùng cô tư thông nên nhiều lần sai sứ đến gặp nhưng cô không chấp thuận. Thời gian sau chồng cô chết, cô muốn quan hệ với người nam đó, mẹ cô gái hỏi: "Có phương tiện gì khiến cho người nam đó tới lui nhà mình không?", cô gái nói: "Cư sĩ đó thường đưa tin đến cho con nói là muốn cùng con tư thông nhưng con không đồng ý", người mẹ nói: "Con nên chìu ý ông ta để mọi người được vui", cô gái nói: "Nên nhờ ai nói", người mẹ nói: "Nên nhờ Tỳ-kheo thường lui tới nhà mình nói giùm". Sáng hôm đó Tỳ-kheo đến nhà, cô gái nói với Tỳ-kheo: "Thầy có thể đến nói với cư sĩ việc như vậy như vậy không?", đáp là được, liền đến nói, cư sĩ đến nhà cô gái… Phật nói là phạm Thâu-lan-giá.

Có người mẹ của một cư sĩ tạo dựng tinh xá và cúng dường tứ sự cho Tăng, khi mẹ của cư sĩ qua đời thì không có ai cung cấp cho Tăng nữa. Tỳ-kheo đến gặp cư sĩ này nói: "Vì sao ông không cung cấp thức ăn uống và những vật cần dùng cho Tăng như mẹ của ông trước kia nữa?", cư sĩ nói: "Có vợ của một cư sĩ nhiều phước đức có thể cung cấp cho Tăng, thầy hãy đến nói với vợ cư sĩ đó đến đây cùng xử phân công việc thì các thầy sẽ được cung cấp đầy đủ như trước kia", Tỳ-kheo liền đến chỗ vợ cư sĩ đó nói, vợ cư sĩ nói: "Nhà tôi nhiều việc không thể đến được", Tỳ-kheo nói: "Cô hãy vì tinh xá chúng tôi mà đến đó", vợ cư sĩ nói: "Nếu vì

tinh xá thì tôi đến"… Phật nói không phạm.

Có Tỳ-kheo đến nhà cư sĩ, cư sĩ nói với Tỳ-kheo: "Thầy có thể đến nói với người nữ đến chỗ tôi được không?, đáp là được, liền đến nói, không ngờ cư sĩ và người nữ này đều bị bịnh không thể hòa hợp được… Phật nói là phạm Thâu-lan-giá. Lại có Tỳ-kheo đến nhà cư sĩ nữ, người nữ nói với Tỳ-kheo: "Thầy có thể đến nói với cư sĩ đến chỗ tôi được không?", đáp là được, liền đến nói, không ngờ cả hai người này đều bị bịnh không thể cùng hòa hợp được… Phật nói là phạm Thâu-lan-giá. Lại có Tỳ-kheo đến nhà cư sĩ, cư sĩ nói với Tỳ-kheo: "Thầy có thể đến nói với cư sĩ gả chị em hoặc con gái cho tôi được không?", đáp là được, liền đến nói, không ngờ người con gái đó hoặc chết hoặc cuồng si hoặc đã gả sang xứ khác… Phật nói là phạm Đột-kiết-la.

Kế giải thích về nên cho hay không nên cho thọ giới cụ túc, thọ đắc hay không thọ đắc giới cụ túc; giải thích về yết ma, việc yết ma, xứ yết ma, phi xứ yết ma, yết ma tẫn, xả yết ma tẫn, yết ma Khổ thiết, yết ma Xuất tội, việc không phải Xa-ma-tha, việc Xa-ma-tha, việc đã làm, học, việc xả giới, không phải xả giới, giới suy kém, giới không suy kém, tránh, nhiếp tránh, tránh sự, việc tranh cãi không diệt được, việc tranh cãi đã diệt được, thuyết, bất thuyết, thọ, yết ma cho người cuồng, yết ma cho người không phải cuồng, đọa tín thí, không hiện

tiền yết ma, yết ma sám hối, đơn bạch yết ma, bạch nhị yết ma, bạch tứ yết ma, yết ma Khổ thiết, yết ma Khu xuất, yết ma chiết phục, yết ma Bất kiến tẫn, yết ma xả tẫn, yết ma Bất xả ác tà kiến tẫn, yết ma Biệt trụ, yết ma Bổn nhật trị, yết ma Ma-na-đỏa, yết ma A-phù-ha-na. Biệt trụ có lợi ích gì; Bổn nhật trị, Ma-na-đỏa có lợi ích gì, vì sao làm A-phù-ha-na , tìm tội. Giới tụ, phạm tụ, bất phạm tụ, tội trọng, tội khinh, hữu tàn, vô tàn, biên tội, thô tội, tội tụ, xuất tội (cử tội), ức tội (nhớ nghĩ tội đã làm), đấu tránh, dứt đấu tranh, cầu xuất tội, ngăn thuyết giới, ngăn tự tứ. Nội túc thực, nội thục, tự thục, tróc thực, thọ thực, ác tróc, thọ, không thọ, không xả, thủy thực, xả (tám việc trên). Thọ, xả và không xả y Ca-hi-na; khinh vật, trọng vật, vật có thể chia, vật không thể chia, vật của người, vật là phi nhân, nhiếp vật, không phải nhiếp vật, không thọ từ người khác, y vật của người chết, thành y, y phấn tảo, quán tỷ trị, quán hạ bộ trị, dao trị, cạo lông, cạo tóc, tịnh thực, may y, ăn trái cây, ăn thức ăn của phi nhân. Ngũ bách tập Tỳ-ni, thất bách kết tập diệt. các nhân duyên về Ma-ha Ưu-ba-đề-xá, Ca-lô Ưu-ba-đề-xá…; nhân, thời, tạp, trong vườn rừng tịnh, trong núi rừng tịnh, giảng đường tịnh, biên phương tịnh, phương tịnh, quốc độ tịnh, y tịnh, tạc tương tịnh. Tự tứ, gởi dục tự tứ, lấy dục tự tứ, thuyết dục tự tứ; gởi dục, lấy dục và thuyết dục bố tát; gợi dục thanh tịnh, lấy dục thanh tịnh và thuyết

dục thanh tịnh. Tháp, vật của tháp, nhà nơi tháp; vô tận, công đức tận, cúng dường, trang nghiêm tháp, hoa hương chuỗi ngọc cúng dường tháp. Thức ăn, cháo, Khư-đà-ni, hàm tiêu, Bồ-xà-ni. Y, bát, Ni-sư-đàn, ống đồng, ống tre. Y chỉ, thọ y chỉ, cho y chỉ, xả y chỉ. Hòa thượng, đệ tử, pháp cúng dường; Hòa thượng, A-xà-lê, đệ tử cận trụ; Hòa thượng, A-xà-lê, đệ tử cọng hành và đệ tử cận trụ, Sa-di. Tri sự, ngọa cụ, thứ lớp lễ bái; nước Tô-tỳ-la, tiết, dược, tương. Mang giày da, khăn lau chân, túi đựng bát, tỏi, dao cạo, chìa khóa phòng, cửa, then cửa, quạt, dù, xe, phất trần, gương soi, ca múa, hương hoa, chuỗi ngọc. An thiền na, ngủ, ngồi, nằm, kinh hành, dây thiền, nút áo, dây lưng; mặc y lật ngược, đất, cây, vật trên đất, rừng cây. Hoại cung kính, hạ ý, các loại Bất cọng trụ, Thác lại tra, thật mích tội, học hối Ba-la-di, Tăng thượng tòa, núi rừng, phòng, ngọa cụ, gò mã, đồng nội. Bát, y, Ni-sư-đàn, kim, bình đựng nước, bình nước tắm, nắp bình, bình nước uống. Ăn, chánh thực, thời thực, thọ thực, khất thực, thỉnh thực. Tỳ-kheo A-lan-nhã, Thượng tòa A-lan-nhã, tụ lạc, Thượng tòa trong tụ lạc, Tỳ-kheo khách, Thượng tòa Tỳ-kheo khách. Thượng tòa đi, Thượng tòa rửa chân, Thượng tòa nhóm họp, thuyết pháp, phi thời, nhóm Tăng phi thời. A-nan cư, cầu an cư, Thượng tòa an cư, theo chúng, đến trong chúng. Trong an cư, Thượng tòa trong an cư; thuyết giới bố tát, người

thuyết giới, Thượng tòa thuyết giới. Thượng trung hạ tòa vào nhà tắm. Vào nhà cư sĩ, Thượng tòa vào nhà cư sĩ… , đãy lượt nước, hạ phong, vào nhà xí, bên nhà xí, dép vào nhà xí, Thượng tòa vào nhà xí. Đại tiện, nơi đại tiện, tiểu tiện, nơi tiểu tiện, rửa tay. Tăm xỉa răng, đồ cạo lưỡi, đồ ráy tai, oai nghi, hoại oai nghi, ba tụ.

Hỏi: Sao gọi là thọ giới cụ túc? Nghĩa là thọ yết ma, cùng yết ma mà trụ. Có mười loại thọ đắc giới cụ túc:

1. Vô sư đắc: Trường hợp của Như lai vô thượng chánh đẳng giác.

2. Kiến đế đắc: Trường hợp năm Tỳ-kheo.

3. Vấn đáp đắc: Trường hợp Tu đà di.

4. Quy y đắc: Nói pháp tam quy ba lần.

5. Tự thệ đắc: Trường hợp tôn giả Đại Ca-diếp.

6. Biên địa năm luật sư , trong nước mười luật sư.

7. Thiện lai đắc giới.

8. Bát trọng đắc: Trường hợp Ma-ha-ba-xà-ba-đề.

9. Khiển sứ đắc: Trường hợp Pháp dự.

10. Trong hai bộ tăng thọ đắc giới.

Sau khi Phật chế bạch tứ yết ma thọ đắc giới thì người thọ tam quy sẽ không đắc giới cụ túc nữa, trước kia Phật chế bạch tứ yết ma thì thọ pháp tam quy được đắc giới cụ túc. Trường hợp Thiện lai đắc

giới thì dù trước hay sau khi Phật chế bạch tứ yết ma đều được đắc giới. Tỳ-kheo thiện lai là người được Như lai cho thọ đắc giới thì thân này là thân sau cùng, không còn làm thân Hữu học, vô thường nữa, nên gọi là khéo thọ đắc giới. Tỳ-kheo-ni thọ đắc giới cụ túc có ba: Thọ bát kỉnh pháp, khiển sứ và trong hai bộ tăng bạch tứ yết ma thọ đắc giới. Trường hợp khiển sứ như Đạt-ma đề bà hoặc người tương tợ như vậy, hoặc có nạn không đi được nên phải tác pháp yết ma cho người đi thay, người đi thay này được yết ma rồi trở về nói lại thì cũng được gọi là khéo thọ đắc giới cụ túc. Sau khi Phật chế trong hai bộ tăng thọ đắc giới cụ túc thì hai trường hợp thọ bát kỉnh pháp và khiển sứ sẽ thọ không đắc giới nữa.

Hỏi: Sao gọi là thọ giới cụ túc?

Đáp: Chí thành thọ yết ma, được xác chứng gọi là thọ giới cụ túc; trái với trên thì không gọi là thọ giới cụ túc.

Hỏi: Trường hợp nào nên cho thọ giới cụ túc?

Đáp: Đó là người nam hay nữ không có các nạn sự. Hỏi: Trường hợp nào không nên cho thọ giới cụ túc?

Đáp: Đó là người không có Hòa thượng, không có y bát, người tự nói không phải Tỳ-kheo; người phạm biên tội, người vốn là bạch y, bất năng nam, người ô nhục Tỳ-kheo-ni, người việt tế (tặc trụ);

người chưa đủ hai mươi tuổi, phi nhân, người giết cha mẹ, A-la-hán; người phá tăng, người ác tâm làm cho Phật bị thương… đều không nên cho thọ giới cụ túc; nếu cho thọ giới cụ túc thì Tăng đều có tội, vì những người kể trên đều là người ô nhiễm.

Hỏi: như thế nào là người thọ đắc giới cụ túc?

Đáp: Khi cho người thọ giới cụ túc phải xưng tên họ, Tăng như pháp hòa hợp hỏi các giá nạn rồi mới như pháp bạch tứ yết ma, không động không chuyển mà thọ đắc giới cụ túc; ngược với trên thì không gọi là thọ đắc giới cụ túc.

Hỏi: Như thế nào là người không thọ đắc giới cụ túc?

Đáp: Đó là người không được xác chứng, người có mười ba trọng nạn như phạm biên tội, phạm ngũ nghịch, người việt tế, không phải nam, người làm ô nhục Tỳ-kheo-ni, tặc trụ… như trên đều không đắc giới cụ túc.

Hỏi: Sao gọi là yết ma? có mấy loại, có mấy nhân duyên?

Đáp: Có ba loại là đơn bạch yết ma, bạch nhị yết ma, bạch tứ yết ma; có ba nhân duyên là yết ma Chiết phục và yết ma sám hối. Lại nữa, có thể được pháp thanh bạch gọi là yết ma; nếu bị chiết phục như tẫn xuất hoặc sám hối tội, bị trị tội như hành Biệt trụ, hành Ma-na-đỏa, hành Bổn nhật trị đều gọi là yết ma Chiết phục và sám tội.

Hỏi: Như thế nào là được pháp thanh bạch gọi là yết ma?

Đáp: Như thọ giới cụ túc, bố tát, tự tứ, yết ma Xuất tội… và các yết ma như pháp khác.

Hỏi: Sao gọi là yết ma sự ?

Đáp: Do có nhân duyên, sự việc mà tác pháp yết ma thì gọi là yết ma sự.

Hỏi: Sao gọi là xứ yết ma?

Đáp: Nếu bạch yết ma thành tựu, nghe thành tựu, Tăng như pháp hòa hợp tác pháp yết ma, không thể chuyển đổi thì gọi là xứ yết ma.

Hỏi: Sao gọi là phi xứ yết ma?

Đáp: nếu bạch yết ma không thành tựu, nghe không thành tựu, Tăng phi pháp hòa hợp tác pháp yết ma, có thể chuyển đổi thì gọi là phi xứ yết ma.

Hỏi: Sao gọi là yết ma tẫn?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo có tội bị tẫn thì không được cùng yết ma Bố tát, không được ở chung, ăn chung. Đó gọi là yết ma tẫn.

Hỏi: Sao gọi là xả yết ma?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo như pháp sám hối thì được cùng Tăng ở chung, ăn chung. Đó gọi là xả yết ma.

Hỏi: Sao gọi là yết ma Khổ thiết?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo tranh cãi, sau khi Tăng cho yết ma Khổ thiết rồi mà còn tái phạm thì sẽ bị Tăng khổ trị, nên gọi là yết ma Khổ thiết.

Hỏi: Sao gọi là việc của yết ma Xuất tội?

Đáp: Nếu thấy, nghe hoặc nghi phạm tội, chân thật không hư dối, đúng thời không phải phi thời, vì làm lợi ích không phải không vì làm lợi ích, nói lời êm dịu không phải nói lời thô xẵng, với tâm từ bi không phải với tâm sân hận. Đó gọi là việc của yết ma Xuất tội.

Hỏi: Sao gọi là việc không phải Xa-ma-tha?

Đáp: Đó là các loại yết ma Khổ thiết. yết ma Khu xuất, yết ma Chiết phục, yết ma Bất kiến tẫn, yết ma Bất tác tẫn, yết ma Bất xả ác tà kiến tẫn, Ma-na-đỏa, Biệt trụ, Bổn nhật trị.

Hỏi: Sao gọi là yết ma Chỉ?

Đáp: Nếu có tội liền phát lồ sám hối, hạ ý điều phục thì gọi là yết ma Chỉ.

Hỏi: Sao gọi là việc đã làm?

Tức là do nhân duyên này nên tác pháp. Hỏi: Sao gọi là Học?

Đáp: Học có ba là tăng thượng Giới học, tăng thượng Tâm học, tăng thượng Huệ học. Lại có ba loại học là học oai nghi, học Tỳ-ni, học Ba-la-đề-mộc-xoa.

Hỏi: Như thế nào là không phải xả giới?

Đáp: Nếu bị điên cuồng hoặc tự nói ở chỗ khuất, hoặc nói với Sa-di, ngoại đạo, cư sĩ, không nói với Tỳ-kheo thanh tịnh thì không gọi là xả giới.

Hỏi: Như thế nào là xả giới?

Đáp: Nếu nói rằng: "xuất gia khổ khắc, làm Sa-

môn rất khó, không thích làm Tỳ-kheo, nhớ cha mẹ muốn về nhà…; hoặc nói tôi bỏ Phật… cho đến nói tôi nhàm chán việc của tỳ-kheo" thì gọi là xả giới.

Hỏi: Như thế nào là giới suy kém?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo nhớ nhà, không thích làm Tỳ-kheo… như trên thì gọi là giới suy kém.

Hỏi: Như thế nào là giới suy kém mà không xả giới?

Đáp: Nếu nói như trên thì gọi là xả giới; nếu nói không thích làm

Tỳ-kheo thì gọi là giới suy kém không phải là xả giới.

Hỏi: Như thế nào là tranh cãi?

Đáp: Về tranh cãi phân biệt có bốn là ngôn tránh, đấu tránh, phạm tội tránh và thường sở hành tránh; do nhân duyên sanh tranh cãi thì gọi là Tránh.

Hỏi: Như thế nào là nhiếp tránh?

Đáp: Tức là chỉ cho bảy pháp diệt tránh như Hiện tiền Tỳ-ni…; dùng bảy pháp diệt tránh này để dứt diệt bốn loại tránh kể trên, khiến cho người tranh cãi được điều phục, được tịch tĩnh.

Hỏi: Như thế nào là việc tranh cãi không diệt được?

Đáp: nếu có năm pháp thành tựu thì việc tranh cãi không diệt được: Một là không bạch Tăng, hai là không phải lời Phật dạy, ba là không bạch hai

chúng, bốn là Tỳ-kheo phạm tội chưa thú tội, năm là nhiều tội đã phạm chưa sám hối.

Hỏi: Thế nào là việc tranh cãi dược diệt trừ?

Đáp: Ngược với năm pháp trên thì việc tranh cãi được diệt trừ: Một là đã bạch Tăng, hai là như lời Phật dạy, ba là bạch với hai chúng, bốn là Tỳ-kheo phạm tội như pháp thú tội, năm là các tội đã phạm như pháp sám hối.

Hỏi: Thế nào là thuyết?

Đáp: Thuyết giới có năm loại: Một là thuyết Tựa giới, hai là thuyết đến bốn Ba-la-di, ba là thuyết đến mười ba Tăng tàn, bốn là thuyết đến hai pháp Bất định, năm là thuyết đầy đủ.

Hỏi: Thế nào là không thuyết?

Đáp: Khi Tăng thuyết giới, người thuyết giới không thông lợi thì người thông lợi nên theo thứ lớp thuyết tiếp; hoặc người không thông lợi nên bảo người thông lợi thuyết tiếp theo thứ lớp, cho đến người cuối cùng cũng thuyết tiếp theo thứ lớp như thế; mỗi người thuyết 1 ít như vậy thì gọi là không thuyết.

Hỏi: Thế nào là thọ?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo ở một mình, đến ngày bố tát nên quét dọn tháp, phòng nhà nơi bố tát, trải tòa rồi chờ có Tỳ-kheo nào đến mà chưa bố tát thì cùng bố tát; nếu không có ai đến thì đứng trên chỗ cao nhìn xem, nếu thấy có Tỳ-kheo đi tới thì kêu gọi:

"Hãy mau đến cùng bố tát". Nếu cuối cùng cũng không có ai thì Tỳ-kheo nên trở về trú xứ, tâm niệm miệng nói: "Hôm nay là ngày bố tát, con cũng bố tát; nếu được Tăng hòa hợp sẽ bố tát đầy đủ". Đây gọi là thọ.

Hỏi: Thế nào là yết ma cho người cuồng?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo bị tâm cuồng tán loạn, Tăng nên bạch nhị yết ma cho yết ma cuồng si, như trường hợp trưởng lão Bà-già-đà.

Hỏi: Thế nào là yết ma cho người không cuồng?

Đáp: Trừ yết ma cuồng si, tất cả các yết ma khác đều cho người không bị cuồng.

Hỏi: Thế nào là đọa tín thí?

Đáp: Nếu cúng cho người trì giới rồi lại xoay về cúng cho người không trì giới; cúng cho người chánh kiến rồi lại xoay về cúng cho người tà kiến thì thức ăn đã ăn hay vật đã lấy dù chỉ là một nắm đều gọi là đọa tín thí.

Hỏi: Thế nào là yết ma không hiện tiền?

Đáp: Có mười loại yết ma, người được yết ma không hiện tiền, đó là yết ma phú bát, yết ma xả phú bát, yết ma Học gia, yết ma xả Học gia, yết ma xây phòng, yết ma cho Sa-di, yết ma cho người cuồng và Ni tăng tác ba pháp yết ma không lễ bái, không cùng nói chuyện, không cúng dường.

Hỏi: thế nào là yết ma?

Đáp: Nếu dưới bốn người mà tác pháp yết ma thì yết ma không thành; yết ma cần năm người thì phải năm người làm; yết ma cần mười người thì phải mười người làm; yết ma cần hai mươi người thì phải hai mươi người làm; yết ma cần bốn mươi người thì phải bốn mươi người làm.

Hỏi: Thế nào là sám hối?

Đáp: Có năm như pháp và năm phi pháp; năm như pháp là không phải chỗ biệt trụ, không phải chỗ Bất cọng trụ, không phải chỗ của người chưa thọ giới cụ túc, tất cả chúng đều phát lồ. Ngược với trên là năm phi pháp.

Hỏi: Thế nào là Bạch?

Đáp: Nghĩa là chỉ bạch mà không tác yết ma, như Tăng tác bạch cho người cuồng.

Hỏi: Thế nào là đơn bạch yết ma? -tức là bạch Tăng như trường hợp bố tát, tự tứ, xuất tội (nêu ra tội, cử tội), xả bát nhỏ, bố thảo diệt tránh…

Hỏi: Thế nào là bạch nhị yết ma? -tức là tác bạch rồi yết ma một lần nữa.

Hỏi: Thế nào là bạch tứ yết ma? -tức là tác bạch rồi yết ma ba lần nữa.

Nếu là đơn bạch yết ma mà không tác bạch thì không thành đơn bạch; nếu là bạch nhị yết ma mà không tác bạch cũng không thành bạch nhị; nếu là bạch tứ mà không tác bạch cũng không thành bạch tứ; nếu là nhiều yết ma mà không tác bạch thì

không thành nhiều yết ma. Lúc đang yết ma, nếu trong chúng người nào có chút duyên sự đứng dậy đi thì phải không rời xa chỗ nghe và nhớ bạch; nếu rời chỗ nghe và không nhớ bạch thì khi trở vào phải bạch Tăng tác bạch lại.

Hỏi: Thế nào là yết ma Khổ thiết? -tức là Tăng bạch tứ yết ma trị Tỳ-kheo tranh cãi.

Hỏi: Thế nào là yết ma Khu xuất? -tức là Tăng bạch tứ yết ma đuổi Tỳ-kheo làm hạnh xấu, Ô-tha-gia.

Hỏi: Thế nào là yết ma Chiết phục? -tức là Tăng bạch tứ yết ma cho Tỳ-kheo mắng đàn việt yết ma Chiết phục, buộc Tỳ-kheo này đến tạ lỗi đàn việt.

Hỏi: Thế nào là yết ma Bất kiến tẫn? -tức là Tăng bạch tứ yết ma tẫn Tỳ-kheo không tự thấy tội.

Hỏi: Thế nào là yết ma xả tẫn? -tức là Tăng bạch tứ yết ma giải tẫn cho Tỳ-kheo phạm tội đã như pháp sám hối.

Hỏi: Thế nào là yết ma Bất xả ác tà kiến tẫn? -tức là Tăng bạch tứ yết ma tẫn Tỳ-kheo khởi ác tà kiến mà không chịu bỏ.

Hỏi: Thế nào là Biệt trụ?

Đáp: Nếu có ngoại đạo muốn xuất gia thọ giới cụ túc trong chánh pháp, Tăng nên bạch tứ yết ma cho họ ở chỗ Hòa thượng bốn tháng, nhưng ở riêng; hoặc có Tỳ-kheo phạm một trong mười ba

Tăng tàn mà che giấu, Tăng nên tùy theo số ngày che giấu mà bạch tứ yết ma cho hành biệt trụ.

Hỏi: Thế nào là Bổn nhật trị?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo đang hành biệt trụ mà phạm lại tội Tăng tàn thì tăng bạch tứ yết ma cho hành Bổn nhật trị.

Hỏi: Thế nào là Ma-na-đỏa?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo hành biệt trụ xong thì Tăng bạch tứ yết ma cho hành Ma-na-đỏa, Tỳ-kheo này phải hạ ý đối với tất cả Tỳ-kheo nên gọi là Ma-na-đỏa.

Hỏi: Thế nào là A-phù-ha-na? -tức là từ chỗ bất thiện được đưa lên chỗ thiện.

Hỏi: Tội che giấu cho hành biệt trụ có lợi ích gì? hành Bổn nhật trị, hành Ma-na-đỏa có lợi ích gì, vì sao lại cho A-phù-ha-na?

Đáp: Người che giấu tội cho hành biệt trụ để hạ ý điều phục, hành biệt trụ xong mới cho hành Ma-na-đỏa, nên Ma-na-đỏa là công đức lợi ích của Biệt trụ. Người phạm lại tội Tăng tàn cho hành Bổn nhật trị để điều phục, muốn khiến cho người phạm tội hổ thẹn không tái phạm nữa. Người đã được điều phục muốn cầu thanh tịnh thì phải cầu xuất tội, các Tỳ-kheo sẽ cho Tỳ-kheo hiền thiện này được xuất tội nên A-phù-ha-na là công đức lợi của Ma-na-đỏa. Vì sao, vì A-phù-ha-na là pháp thanh tịnh làm cho người được thanh tịnh, không còn tội

nữa. Như Phật đã nói có hai hạng người thanh tịnh: Một là người không phạm tội, hai là người phạm tội mà đã như pháp sám hối.

Hỏi: Thế nào là mích tội? -tức là Tăng bạch tứ yết ma tìm tội cho Tỳ-kheo phạm tội trước nói có phạm, sau lại nói là không phạm.

Hỏi: Thế nào là Giới tụ? -tức là Giới thân.

Hỏi: Thế nào là Phạm tụ? -tức là phạm năm thiên giới.

Hỏi: Thế nào là không phạm tụ? -tức là không làm hoặc đã phạm mà như pháp sám hối.

Hỏi: Thế nào là tội khinh? -tức là tội có thể sám hối. Hỏi: Thế nào là tội trọng? -tức là tội không thể sám hối.

Hỏi: Thế nào là tội hữu dư? -tức là tội thuộc trong bốn thiên giới sau.

Hỏi: Thế nào là tội vô dư? -tức là tội thuộc trong thiên đầu. Hỏi: Thế nào là biên tội? -tức là bốn Ba-la-di.

Hỏi: Thế nào là tội thô? -tức là tôi Ba-la-di và tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Hỏi: Thế nào là tội tụ? -tức là nhiếp tất cả tội bất thiện. Hỏi: Thế nào là xuất tội (cử tội)? -như nói: "Trưởng lão phạm tội như vậy như vậy, nên phát lồ sám hối chớ có che giấu".

Hỏi: Thế nào là ức tội (nhớ nghĩ có tội)? -như nói: "Trưởng lão phạm tội như vậy như vậy nên

nhớ nghĩ".

Hỏi: Thế nào là đấu tránh? -tức là thấy nghe nghi tội và không cùng nói chuyện.

Hỏi: Thế nào là chỉ tránh (dứt tranh)?

Đáp: Có năm nhân duyên có thể dứt tranh cãi, đó là nói tôi bàn với thầy hoặc tôi nói với thầy, hoặc tôi xuất tội thầy, hoặc tôi khiến thầy nhớ nghĩ, hoặc thầy hãy nghe tôi nói.

Hỏi: Thế nào là cầu xuất tội? -như trước đã nói. Hỏi: Thế nào là ngăn bố tát? -như trong Tỳ-ni. Hỏi: Thế nào là ngăn tự tứ?

Đáp: Có bốn phi pháp và bốn như pháp. Bốn phi pháp là không có căn cứ, người phạm giới, người không thanh tịnh, người hoại oai nghi và người tà mạng. Ngược với trên là năm như pháp.

Hỏi: Thế nào là nội túc thực?

Đáp: Nếu ở trong giới không kết tịnh địa và thức ăn thì Tỳ-kheo ở trong giới này không được ăn; nếu có kết tịnh địa và thức ăn thì ở trong tịnh địa được ăn.

Hỏi: Thế nào là nội thục?

Đáp: Nếu ở trong giới không kết tịnh địa mà ở trong giới này nấu thức ăn thì Tỳ-kheo không được ăn.

Hỏi: Thế nào là tự thục?

Đáp: Do lúc đó ở nước Tỳ-da-ly thời thế mất mùa đói kém, thấy các Tỳ-kheo thiếu ăn không

thành tựu được đạo nghiệp nên các cư sĩ làm thức ăn cúng Tăng. Thức ăn cúng Tăng do có các Tỳ-kheo khách đến cũng phải chia phần nên các Tỳ-kheo vẫn ốm gầy như trước. Các cư sĩ suy nghĩ: "Nếu chúng ta sai người làm thức ăn thì nhiều bà con sẽ đến xin" nên bạch Phật, Phật nói: "Cho Tỳ-kheo ở trong giới kết tịnh địa để nấu thức ăn". Các Tỳ-kheo kết tịnh địa rồi bảo tịnh nhân nấu thức ăn, tịnh nhân và Sa-di nấu thức ăn xong lại chia phần cho Tỳ-kheo ít nên các Tỳ-kheo vẫn ốm gầy như trước. Phật nói: "Gặp thời thế mất mùa đói kém, khai cho các Tỳ-kheo tự nấu thức ăn, xả hai việc nội túc và nội thục, cho đến thời mất mùa đói kém chưa qua hết thì các Tỳ-kheo vẫn được tự nấu thức ăn".

Hỏi: Thế nào là tróc thực? - Tức là Tỳ-kheo không hổ thẹn tự cầm lấy thức ăn.

Hỏi: Thế nào là thọ thức ăn? - Tức là Tỳ-kheo thọ thức ăn từ người nam, nữ, huỳnh môn và người hai căn.

Hỏi: Thế nào là ác tróc? - Tức là tự tay cầm lấy thức ăn trước rồi mới thọ lại từ người khác.

Hỏi: Thế nào là thọ? - Tức là các Tỳ-kheo ăn rồi tùy ý thọ pháp tàn thực để sau đó được ăn nữa.

Hỏi: Thế nào là không thọ? - Tức là vào thời mất mùa đói kém, các Tỳ-kheo đã ăn rồi, chưa tùy ý, không thọ pháp tàn thực vẫn được mang thức ăn

ra ngoài để sau đó ăn nữa; hoặc không thọ pháp tàn thực vẫn được ăn trái cây như bồ đào.

Hỏi: Thế nào là không xả? - Tức là vào thời mất mùa đói kém như ở Tỳ-da-ly thì khai mà không xả.

Hỏi: Thế nào là thủy thực (thức ăn dưới nước)?

Đáp: Như trường hợp trưởng lão Xá-lợi-phất bị bịnh xuất huyết, thầy thuốc bảo nên dùng ngó sen thì bịnh được lành. Lúc đó trưởng lão Đại Mục-kiền-liên đến trong ao Mạn-đà-la hái ngó sen về cho Xá-lợi- phất dùng, trưởng lão Xá-lợi-phất dùng một phần, phần còn lại cho các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo không ăn nói là đã tùy ý rồi … Phật nói: "Gặp lúc mất mùa đói kém, đã ăn xong, tùy ý rồi, khai cho không thọ pháp tàn thực vẫn được ăn ngó sen".

Hỏi: Thế nào là xả? - Tức là thời mất mùa đói kém đã qua, những việc đã khai trước đó nay xả. Lúc đó Phật từ Tỳ-da-ly du hành đến các nước, dần dần đến nước Xá-vệ; Phật hỏi A-nan: "Trước đó Như lai khai cho các Tỳ-kheo Tỳ-da-ly được làm tám việc là nội thục… cho đến ăn ngó sen, đến nay còn làm nữa không?", đáp là có người còn làm, có người không còn làm. Phật bèn nhóm Tăng rồi bảo các Tỳ-kheo rằng: "Trước đây ở Tỳ-da-ly do gặp thời mất mùa đói kém nên Như lai đã khai cho làm tám việc, nay thời thế được mùa sung túc thì không khai cho làm nữa; từ nay xả tám việc trước kia, nếu

ai còn làm nữa thì phạm tội".

Hỏi: Thế nào là thọ y Ca-hi-na?

Đáp: Nếu trú xứ này thọ y Ca-hi-na thì tất cả Tăng trong giới đều phải nhóm họp, đồng giới, đồng kiến thanh tịnh. Nếu Tỳ-kheo ở trú xứ khác nghe trú xứ này thọ y Ca-hi-na mà khởi tâm tùy hỉ thì cũng gọi là thọ. Ngược với trên thì gọi là không thọ y Ca-hi-na.

Hỏi: Thế nào là xả y Ca-hi-na? - Có tám việc như trong Tỳ-ni.

Ngược với tám việc đó thì gọi là không xả y Ca-hi-na.

Hỏi: Thế nào là vật trọng? - Tức là các vật dụng như giường cây… làm bằng gỗ, tre, gốm sứ.

Hỏi: Thế nào là vật khinh? - Tức là các vật dụng làm bằng vàng bạc, đồng sắt…

Hỏi: Thế nào là vật có thể chia? - Tức là vật dụng của tỳ-kheo qua đời để lại, trừ vật trọng, các vật khinh khác như ba y thì đem cho người khán bịnh, các vật dụng khác như bát, đãy lượt nước, ống kim, khóa cửa, dao cắt móng tay… đều có thể chia. Vật không thể chia tức là các vật trọng như giường cây, bồn, chậu bằng đá hay gốm sứ… đều thuộc về Tăng bốn phương dùng chung, không được đem chia, trừ năm loại giường bằng vàng bạc… có thể chuyển đổi được thì được chia. Lại có năm thứ Tỳ-kheo không được bán, cũng không

được chia và đem cho người khác, đó là vườn rừng của chùa, phòng xá, ngọa cụ và đất của chùa.

Hỏi: thế nào là vật của người? - Tức là vườn rừng, Phật cho các Tỳ-kheo vì Tăng được thọ, không phải vì một người.

Hỏi: Thế nào là vật không phải người? - Tức là các loài vật như voi, ngựa, lạc đà, trâu bò… Phật cho các Tỳ-kheo vì Tháp và Tăng được thọ.

Hỏi: Thế nào là nhiếp vật? - Tức là vật có người coi giữ, như tụ lạc hay A-lan-nhã thuộc của nam hay nữ hay phi nhân đều gọi là nhiếp vật. Ngược với trên gọi là không phải nhiếp vật.

Hỏi: Thế nào là Tỳ-kheo không thọ từ người khác mà vẫn được thọ dụng? - Tức là trừ tăm và nước ra, các thứ ăn được đều phải thọ từ người khác mới được ăn.

Hỏi: Y của tỳ-kheo qua đời thì như thế nào? - Năm chúng được chia để thọ dụng.

Hỏi: Thế nào là thành y? - Tức là y có được trong đại hội năm năm một lần.

Hỏi: Thế nào là y phấn tảo? - Tức là năm loại y: Y hỏa thiêu, y bò nhai, y chuột gặm, y bị nước cuốn trôi và năm là y của sản phụ bỏ.

Hỏi: Thế nào là quán tỉ trị? -như trường hợp trưởng lão Tất-lân-già-bà-ta bịnh mũi, Phật cho dùng thuốc nhỏ mũi.

Hỏi: Thế nào là quán hạ bộ trị? - Phật không

cho Tỳ-kheo nhỏ thuốc ở hạ bộ, nếu nhỏ thì phạm Thâu-lan-giá; trừ bịnh phải nhỏ thuốc, bịnh mới lành.

Hỏi: Thế nào là đao trị? - Phật không cho Tỳ-kheo dùng dao chữa trị, nếu dùng dao chữa trị thì phạm Thâu-lan-giá; trừ bịnh mà thuốc không trị lành được, phải dùng dao chữa trị thì bịnh mới lành.

Hỏi: Thế nào là cạo lông? - Trừ cạo râu tóc, cạo lông trên thân phần khác thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Thế nào là cạo tóc? - Các Tỳ-kheo nên theo thứ lớp cạo tóc, nếu thứ lớp tới Hạ tòa cạo tóc, vừa hạ dao xuống cạo thì Thượng tòa không được bảo đứng dậy, nếu bảo đứng dậy thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Thế nào là ăn? - Tức là được ăn năm loại giống từ rễ (củ), thân cành, lá, hoa và quả.

Hỏi: Thế nào là tịnh? - Tức là năm loại tác tịnh.

Hỏi: Thế nào là thực? - Tức là năm loại giống tác tịnh rồi được ăn và tám loại nước uống lắng trong không đục.

Hỏi: Thế nào là làm y? - Tức là mười loại y phải dùng ba màu làm cho hoại sắc.

Hỏi: Ăn trái cây như thế nào? -do ở Tỳ-da-ly có nhiều trái cây, các Tỳ-kheo lấy riêng để ăn, Phật bảo nên chia phần đồng đều. Khi chia, một người lấy phần của hai, ba người nên sanh tranh cãi;

Phật nói: "Không được chia trái cây, nếu có tịnh nhơn làm năm việc tác tịnh rồi Tỳ-kheo từ tịnh nhơn này thọ lấy ăn".

Hỏi: Thế nào là ăn của phi nhân? - Phật cho các Tỳ-kheo được ngồi nằm trên giường bằng vàng bạc… của trời, phi nhân; cũng cho các Tỳ-kheo được ăn thức ăn đựng trong các vật dụng bằng vàng bạc… của trời, phi nhân.

Hỏi: Thế nào là ngũ bách kết tập Tỳ-ni?

Đáp: Phật nhập Niết-bàn không lâu, năm trăm Tỳ-kheo liền nhóm họp ở thành Vương xá để kết tập tất cả kinh, luật và luận.

Hỏi: Thế nào là thất bách kết tập diệt?

Đáp: Sau khi Phật nhập Niết-bàn một trăm mười năm năm, các Tỳ-kheo ở Tỳ-da-ly khởi mười việc phi pháp, phi Tỳ-ni không phải lời Phật dạy, xa rời Phật pháp mà cho là thanh tịnh. Mười phi pháp đó là diêm tịnh, nhị chỉ tịnh, tụ lạc tịnh, toản lạc tịnh, như thị tịnh, tùy hỉ tịnh, sanh tửu tịnh, tu tập tịnh, lũ Ni-sư-đàn tịnh và thọ kim ngân tịnh. Diêm tịnh là suốt đời được thọ dụng thức ăn ướp với muối; nhưng trong Tỳ-ni, Phật nói ăn thì phạm Đột-kiết-la. Phật tại nước Xá-vệ, trong pháp Dược đã chế tội này. Nhị chỉ tịnh là ăn xong, tùy ý rồi, nếu bóng mặt trời xế hai ngón tay vẫn được ăn nữa; nhưng trong Tỳ-ni Phật nói ăn thì phạm Ba-dật-đề. Phật tại nước Tỳ-da-ly, trong pháp Thực đã chế tội

này. Tụ lạc tịnh là ở trong một tụ lạc thọ thỉnh thực rồi, tùy ý rồi vẫn được đến tụ lạc khác thọ thỉnh thực nữa; nhưng trong Tỳ-ni, Phật nói ăn thì phạm Ba-dật-đề. Phật tại nước Tỳ-da-ly, trong pháp Thực đã chế tội này. Toản lạc tịnh là ăn xong, tùy ý rồi vẫn được uống sữa nữa; nhưng trong Tỳ-ni, Phật nói ăn thì phạm Ba-dật-đề. Phật tại nước Tỳ-da-ly, trong pháp Thực đã chế tội này. Như thị tịnh là ở ngoài giới thành chúng tác yết ma thì ở trong giới nên tùy hỷ; nhưng trong Tỳ-ni, Phật nói là phạm Đột-kiết-la. Phật tại nước Chiêm-ba, trong yết ma sự đã chế tội này. Tùy hỉ tịnh là ở ngoài giới không nói trước mà tác pháp yết ma, tác pháp xong đến nói thì trong giới phải tùy hỷ; nhưng trong Tỳ-ni, Phật nói là phạm Đột-kiết-la. Cũng tại nước Chiêm-ba, Phật đã chế tội này. Sanh tửu tịnh là gạo nếp ủ làm rượu, lúc chưa thành rượu được uống; nhưng trong Tỳ-ni, Phật nói uống thì phạm Ba-dật-đề. Phật tại nước Chi-đề, do nhân duyên Tỳ-kheo Sa-già-đà mà chế tội này. Tu tập tịnh là tu tập mà sát sanh, không tu tập cũng sát sanh nên sát sanh không tội; nhưng trong Tỳ-ni, Phật nói tùy việc mà kết phạm. Lũ Ni-sư-đàn tịnh là ngoài biên của Ni-sư-đàn không may viền thêm; nhưng trong Tỳ-ni, Phật nói không may viền thêm thì phạm Ba-dật-đề. Phật vì Ca-lưu-đà-di mà chế tội này. Kim ngân tịnh là các Tỳ-kheo ở Tỳ-da-ly tự tay thọ vàng bạc; nhưng trong Tỳ-ni, Phật nói tự tay thọ thì phạm Ba-

dật-đề. Phật tại thành Vương xá đã chế tội này. Do các Tỳ-kheo ở Tỳ-da-ly hành mười việc phi pháp này nên bảy trăm Tỳ-kheo kết tập Tỳ-ni để diệt trừ ác pháp này.

Hỏi: Thế nào là Tỳ-ni nhân duyên? - Tức là hai loại Ba-la-đề-mộc-xoa, bảy việc Tỳ-ni Tỳ băng già, bảy pháp, tám pháp, Thiện tụng, Tỳ-ni tăng nhất, cộng giới và bất cọng giới.

-oOo-

TÁT BÀ ĐA BỘ TỲ NI MA ĐẮC LẶC GIÀ

QUYỂN 6

23. Phần Tạp Sự (Tiếp Theo):

Hỏi: Thế nào là Ma ha Ưu-ba-đề-xá?

Đáp: Có bốn. Nếu có một Tỳ-kheo đến nói rằng: "Kinh luật luận này, tôi thọ được từ kim khẩu của Phật", các Tỳ-kheo nghe rồi không nên liền bàn luận đúng sai, nên tìm trong kinh luật luận nếu thấy tương ưng thì nên khen ngời Tỳ-kheo này rằng: "Lành thay trưởng lão, đã khéo thọ trì"; nếu thấy không tương ưng thì nên nói rằng: "Đây không phải là lời Phật dạy, không phải kinh luật luận, thầy đã không hiểu rõ". Trường hợp hai người, ba người và đại chúng đến nói cũng vậy.

Hỏi: vì sao gọi là Ma-ha Ưu-ba-đề-xá?

Đáp: Thanh tịnh nói về Thánh nhân, nương theo pháp mà Thánh nhân đã thuyết, không trái pháp tướng, đệ tử không sợ hãi, đoạn trừ và điều phục phi pháp để hộ trì chánh pháp.

Hỏi: Vì sao gọi là Ca lô Ưu-ba-đề-xá?

Đáp: Vì đệ tử hiểu rõ nên không sợ hãi để hộ trì chánh pháp, vì trong thời mạt pháp sau này, các

Tỳ-kheo ác tăng nhiều cho rằng: Đây mới là lời Phật nói, kia không phải là lời Phật nói.

Hỏi: Thế nào là đẳng nhân? - Tức là loại dược từ rễ (củ), thân cành, lá, hoa và quả, nhân tương ưng với người bịnh nên gọi là đẳng nhân.

Hỏi: Thế nào là thời tạp? - Tức là ngay ngày được thời dược, thời phần dược, thất nhật dược và tận hình dược; nếu thời tạp là đúng thời thì dùng thời dược nhiếp.

Hỏi: Thế nào là trong vườn rừng tịnh? - Tức là Tỳ-kheo ở trong vườn rừng thấy có vàng bạc, muốn lấy cất nên nghĩ rằng: "Sẽ có chủ của nó đến nhận lấy".

Hỏi: Thế nào là trong núi rừng tịnh? - Tức là trong núi rừng, cây cối cành lá giáo tiếp nhau, hoa trái giáo tiếp nhau trong phạm vi một Câu-lô-xá, Tỳ-kheo được để y trong đó đến hôm sau, qua lúc mặt trời mọc.

Hỏi: Thế nào là điện đường tịnh? - Tức là ở trong Tăng-già-lam,

Thượng tòa ngồi theo thứ lớp.

Hỏi: Thế nào là quốc độ tịnh? -như ở cõi Uất đơn việt mà theo thời giờ của cõi Diêm phù đề để ăn, đúng thời ở cõi Diêm phù đề là nữa đêm ở cõi Uất đơn việt; như ở các phương khác mà theo thời giờ của cõi Diêm phù đề để ăn cũng vậy.

Hỏi: Thế nào là biên phương tịnh?

Đáp: Ở nước Câu kỳ không biết thọ thực nên các Tỳ-kheo có thần thông đến nước ấy khất thực, dân chúng nước này để thức ăn dưới đất chứ không trao đưa cho Tỳ-kheo … Phật nói: "Cho các Tỳ-kheo thọ theo năm cách: Một là đưa qua tay để thọ, hai là đồ đựng đưa qua đồ đựng để thọ, ba là y đưa qua y để thọ, bốn là từ thân phần khác đưa qua thân phần khác để thọ, năm là để xuống đất được thọ".

Hỏi: Thế nào là phương tịnh?

Đáp: Nếu ở xứ lạnh vào mùa đông có tuyết, cho các Tỳ-kheo được mang giày ủng, ở các nước khác thì không được mang; cũng cho mặc áo kép, ở nước khác thì không được mặc. Ở nước A-thấp-bàn-đề cho các Tỳ-kheo thường tắm rửa, ở nước khác thì không được; cũng cho túc số năm luật sư được truyền thọ giới cụ túc, ở nơi khác thì không được.

Hỏi: Thế nào là y tịnh?

Đáp: Phật cho các Tỳ-kheo thọ dụng mười loại y, đó là y lông dê, y vải gai, y Sô-ma, y Đầu-cưu-la, y Kiếp bối, y Câu-đà-diệm, y Ba-đâu-na-kiếm, y Câu-đan-bà-kiếm, y Câu-chỉ-la-kiếm, y A-bà-la-sỉ-kiếm; nên dùng ba màu làm cho hoại sắc rồi mới thọ trì.

Hỏi: Thế nào là tạc tương tịnh?

Đáp: Thầy thuốc bảo các Tỳ-kheo bịnh nên uống nước ép trái cây thì sẽ lành bịnh, Phật nói:

"Pháp làm nước này là nước ép trái cây hòa với nước ấm rồi để yên cho lắng trong không dục, khi cần thì lấy dùng". Nước này từ khi mặt trời mọc thọ rồi cho đến mặt trời lặn được uống, không phải là đầu đêm thọ đầu đêm uống… cho đến cuối đêm thọ cuối đêm uống.

Hỏi: Thế nào là tự tứ?

Đáp: Vào ngày tự tứ, các Tỳ-kheo nhóm một chỗ, ở trong Tăng nói ba việc tự tứ là thấy nghe nghi. Vì sao Phật bảo các Tỳ-kheo tự tứ, vì muốn cho các Tỳ-kheo không cô độc, khiến mỗi người nhớ tội của mình, nhớ tội rồi nên phát lồ sám hối, nhờ lời chỉ tội để điều phục mà được thanh tịnh, không bịnh nữa, được an ổn, tâm ý vui mừng là ta thanh tịnh không tội.

Hỏi: Thế nào là gởi dục tự tứ?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo bịnh không đến được trong Tăng thì nên gởi dục tự tứ, nếu không bịnh mà không đến lại gởi dục thì phạm Đột-kiết-la. Nếu có nạn khủng bố hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn hoặc tám nạn, chín nạn mỗi mỗi nạn khởi lên, không đến được chỗ tự tứ thì nên gởi dục tự tứ; gặp những nạn khác cũng được gởi dục tự tứ.

Hỏi: Thế nào là lấy dục tự tứ?

Đáp: Nếu có người đến chỗ Tỳ-kheo lấy dục tự tứ thì nên lấy ở trong giới, không phải ở ngoài giới; Nếu trong giới có nạn khủng bố hoặc mạng nạn,

phạm hạnh nạn hoặc tám nạn, chín nạn mỗi mỗi nạn khởi lên, lúc đó ra ngoài giới vẫn không mất dục. Hỏi: Thế nào là thuyết dục tự tứ?

Đáp: Là đến trong chúng thuyết dục tự tứ cho Tỳ-kheo kia; nếu nói thì tốt, không nói thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Thế nào là bố tát?

Đáp: Mỗi nữa tháng các Tỳ-kheo đều quán lại mình, từ nữa tháng trước đến nữa tháng này có phạm giới hay không; nếu nhớ có phạm nên đến chỗ Tỳ-kheo đồng ý để phát lồ sám hối. Nếu không được Tỳ-kheo đồng ý thì nên khởi niệm khi nào gặp được Tỳ-kheo đồng ý sẽ phát lồ sám hối để trừ diệt tội này, khởi niệm này rồi thì được thanh tịnh cùng Tăng bố tát.

Hỏi: Vì sao gọi là bố tát? - Tức là bỏ pháp ác bất thiện, bỏ phiền não hữu ái để được pháp thanh bạch, được phạm hạnh cứu cánh.

Hỏi: Thế nào là gởi dục bố tát? - Tức là khi bố tát, nếu Tỳ-kheo bịnh không đến được trong Tăng thì nên gởi dục bố tát, nếu không bịnh mà gởi dục thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Thế nào là thọ dục? - Giống như lấy dục ở trên, dục nghĩa là mọi việc Tăng làm đều ưa thích tùy hỉ cùng đồng việc tăng như pháp.

Hỏi: Thế nào là gởi dục?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo bịnh không đến được trong

Tăng thì nên gởi dục, nếu không bịnh mà gởi dục thì phạm Đột-kiết-la; nếu có nạn khởi cũng được gởi dục. Người gởi dục nói gởi dục mới thành gởi dục, Tỳ-kheo thọ dục nói vâng thì mới thành gởi dục. Người gởi dục nên nói: "Hãy thuyết dục giùm tôi", hoặc nói: "Tôi gởi dục cho thầy", thân động hoặc miệng động mới thành gởi dục; nếu thân và miệng không động thì nên đưa đến trong Tăng, nếu không đưa đến được thì tất cả Tăng nên đến chỗ người bịnh. Không nên riêng làm Tăng sự, nếu riêng làm tăng sự thì tùy việc mà phạm tội. Thọ dục và thuyết dục giống như trong tự tứ ở trên.

Hỏi: Thế nào là thanh tịnh? - Thanh tịnh là không tội.

Hỏi: Thế nào là gởi dục thanh tịnh? -gởi dục, lấy dục, thuyết dục thanh tịnh đều giống như trong tự tứ ở trên.

Hỏi: Thế nào là dục thanh tịnh? -nếu khi Tăng bố tát yết ma thì gởi dục và thanh tịnh.

Hỏi: Thế nào là gởi dục thanh tịnh?

Đáp: Khi bố tát, nếu Tỳ-kheo bịnh không đến được trong Tăng thì nên gởi dục thanh tịnh, nếu không bịnh mà gởi dục thanh tịnh thì phạm Đột-kiết-la. Nếu có nạn khủng bố hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn hoặc tám nạn, chín nạn mỗi mỗi nạn khởi lên cũng được gởi dục thanh tịnh. Người gởi dục nói gởi dục mới thành gởi dục, Tỳ-kheo thọ dục

nói vâng thì mới thành gởi dục. Người gởi dục thanh tịnh nên nói: "Hãy thuyết dục thanh tịnh giùm tôi", hoặc nói: "Tôi gởi dục thanh tịnh cho thầy", thân động hoặc miệng động mới thành gởi dục thanh tịnh; nếu thân và miệng không động thì nên đưa đến trong Tăng, nếu không đưa đến được thì tất cả Tăng nên đến chỗ người bịnh, không được riêng bố tát yết ma.

Hỏi: Thế nào là thọ dục thanh tịnh?

Đáp: Tỳ-kheo thọ dục thanh tịnh từ Tỳ-kheo khác, nên thọ ở trong giới, không phải ở ngoài giới. Nếu có nạn khủng bố hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn hoặc tám nạn, chín nạn mỗi mỗi nạn khởi lên, ra ngoài giới cũng không mất dục thanh tịnh.

Hỏi: Thế nào là thuyết dục thanh tịnh?

Đáp: Tỳ-kheo thọ dục thanh tịnh rồi nên đến trong chúng thuyết dục thanh tịnh cho Tỳ-kheo kia; nếu nói thì tốt, không nói thì phạm Đột-kiết-la, vì không cung kính hào hợp.

Hỏi: Thế nào là Thâu bà? -như Phật đưa tóc, móng tay cho trưởng giả Cấp-cô-độc xây tháp để thờ gọi là Thâu bà.

Hỏi: Thế nào là vật của tháp? - Tức là ở trên đất ruộng, đất nhà xây tháp.

Hỏi: Thế nào là nhà của tháp? - Tức là điện đường lầu gác hoặc bằng gỗ, đá, vàng, bạch lạp…

Hỏi: Thế nào công đức vô tận của tháp?

Đáp: Ở Tỳ-da-ly, các thương nhơn vì Phật xây tháp rồi cúng nhiều vật dụng cho tháp, các Tỳ-kheo không thọ vật vô tận này, bạch Phật, Phật nói: "Nên thọ rồi bảo Ưu-bà-tắc, tịnh nhân trông giữ, nếu được lợi thì dùng để tu sửa tháp".

Hỏi: Thế nào là cúng dường tháp? - Tức là dùng đất tô hoặc dùng vôi trắng quét…

Hỏi: Thế nào là trang nghiêm tháp? - Tức là dùng tơ lụa, Án-mục-ca, Đầu-cưu-la, Câu-chỉ-bà-kiếm, tràng phan, hoặc dùng vàng bạc, trân châu… bảy báu, hoặc dùng chiên đàn trầm thủy, hoa hương… các vật vi diệu để trang nghiêm tháp.

Hỏi: Thế nào là cúng dường tháp? - Tức là dùng hương hoa, âm nhạc, hương đốt, lễ bái để cúng dường tháp.

Hỏi: Thế nào là có thức ăn? - Tức là các Tỳ-kheo ở trong chùa thì được thọ dụng.

Hỏi: Thế nào là cháo? - Phật cho các Tỳ-kheo được dùng tám loại cháo nhưng không được húp cháo ra tiếng.

Hỏi: Thế nào là Khư-đà-ni? - Phật cho các Tỳ-kheo được dùng chín loại Khư-đà-ni, đó là thức ăn làm từ lá, hoa, quả, hồ ma, dầu, mì, đường, rễ (củ), đường phèn nhưng không được ăn ra tiếng.

Hỏi: Thế nào là hàm tiêu? - Phật cho các Tỳ-kheo được dùng năm loại dược hàm tiêu là tô, dầu, mật, thạch mật và đề hồ. Khi dùng loại dược hàm

tiêu này nên khởi tưởng là trị bịnh, là uống thuốc, là phân dơ, là tủy não.

Hỏi: Thế nào là Bồ-xà-ni? - Phật cho các Tỳ-kheo được dùng năm loại Bồ-xà-ni, đó là Ô-đà-na, Quý-ma-sa, Mạn-đà, cá, thịt. Khi dùng Bồ-xà-ni nên khởi tưởng là trị bịnh, là uống thuốc, là phân dơ.

Hỏi: Thế nào là bát? - Phật cho các Tỳ-kheo được cất chứa hai loại bát bằng sắt và bằng gốm sứ, không được cất chứa tám loại bát vàng bạc…

Hỏi: Thế nào là y? - Phật cho các Tỳ-kheo được cất chứa bảy loại y không được tịnh thí, đó là y Tăng-già-lê, y Uất-đa-la-tăng, y A-nan đát-bà-sa, y tắm mưa, y phủ ghẻ, Ni-sư-đàn, y dưỡng mạng.

Hỏi: Thế nào là Ni-sư-đàn? - Phật cho các Tỳ-kheo cất chứa Ni- sư-đàn để hộ ngọa cụ của Tăng, nếu không có Ni-sư-đàn thì không được ngồi nằm trên ngọa cụ của Tăng.

Hỏi: Thế nào là kim? - Phật cho các Tỳ-kheo cất chứa hai loại kim bằng sắt và bằng đồng.

Hỏi: Thế nào là ống kim? - Phật cho các Tỳ-kheo cất chứa ống kim để cất kim, không được đem cho người không có hổ thẹn và Sa-di.

Hỏi: Thế nào là y chỉ?

Đáp: Do Phật chế Tỳ-kheo khách đến nên cầu y chỉ trước, không được rửa chân và nghỉ ngơi trước nên một Tỳ-kheo khách mới đến liền cầu y

chỉ trước, do mệt nhọc vì đi đường nên đã ngã bất tỉnh và qua đời. Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay Tỳ-kheo khách nên cởi y bát, rửa chân rồi nghỉ ngơi hai, ba ngày sau mới đến cầu y chỉ". Lúc đó có khách Tỳ-kheo vì cốt cầu y chỉ, không xét kỹ nên bị thối chuyển nơi thiện pháp, Phật nói: "Không được cốt cầu y chỉ mà không xét kỹ như vậy; nên xét kỹ vị ấy có thể làm cho mình tăng trưởng thiện pháp hay không rồi mới cầu y chỉ. Nên hỏi Tỳ-kheo khác là vị ấy có giới đức không, có thể gáo giới không, quyến thuộc của vị ấy như thế nào, có tranh cãi hay không… hỏi như vậy rồi mới đến cầu y chỉ, người cho y chỉ cũng vậy"

Hỏi: Thế nào là thọ y chỉ?

Đáp: Tỳ-kheo thọ y chỉ nên trịch bày vai phải, quỳ gối chắp tay bạch rằng: "Con tên là nay theo đại đức cầu y chỉ, xin đại đức cho con y chỉ, con nương theo đại đức mà ở" (3 lần), vị kia nên đáp lành thay.

Hỏi: Thế nào là cho y chỉ?

Đáp: Tỳ-kheo không đủ mười tuổi hạ thì không được cho y chỉ, dù đủ mười tuổi hạ mà ngu si không biết gì thì cũng không được cho y chỉ. Nếu thành tựu năm pháp thì được cho y chỉ, đó là biết phạm hay không phạm, biết là trọng hay khinh, thông lợi Ba-la-đề-mộc-xoa… như trong Tỳ-ni đã

nói rõ.

Hỏi: Thế nào là xả y chỉ? có năm nhân duyên mất y chỉ, phải y chỉ lại, đó là bỏ đi, xả giới, từ chúng này đến chúng khác, gặp lại Hòa thượng trước kia.

Hỏi: Thế nào là Hòa thượng?

Đáp: Các Tỳ-kheo không có Hòa thượng, sau khi xuất gia thọ giới cụ túc, tâm ý không điều phục, oai nghi không tề chỉnh, đau ốm không ai chăm sóc. Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cho nương Hòa thượng được xuất gia thọ giới cụ túc. Hòa thượng nên giáo giới đệ tử khiến cho tâm điều phục, khi bịnh được chăm sóc". Sau đó các Tỳ-kheo đệ tử bịnh không được chăm sóc, Phật nói: "Nên chăm sóc người bịnh, nếu không chăm sóc thì phạm Đột-kiết-la".

Hỏi: Thế nào là đệ tử?

Đáp: Do các Tỳ-kheo nương Hòa thượng được xuất gia thọ giới cụ túc mà không thân gần Hòa thượng nên các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Đệ tử nên thân gần Hòa thượng để thừa sự, thăm hỏi; đi đâu hay làm việc gì đều phải bạch Hòa thượng, Hòa thượng làm việc gì nên làm thay, trừ bốn việc là đại tiểu tiện, xỉa răng và lễ bái tháp ở trong giới".

Hỏi: Thế nào là cúng dường Hòa thượng?

Đáp: Nên thừa sự cúng dường, thăm hỏi lễ bái.

Hòa thượng muốn làm việc gì , đệ tử nên làm ngay không được biếng trễ, phải hổ thẹn với Hòa thượng, cung kính Hòa thượng, hạ ý cầu thiện pháp, không được tìm lỗi của Hòa thượng; Hòa thượng có lỗi nên can ngăn, Hòa thượng có bịnh nên chăm sóc và việc của mình cũng không nên bỏ phế.

Hỏi: Thế nào là A-xà-lê?

Đáp: Các Tỳ-kheo xuất gia thọ giới cụ túc không có A-xà-lê, tâm ý không điều phục, oai nghi không tề chỉnh, đau ốm không ai chăm sóc. Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cho Tỳ-kheo làm A-xà-lê, nên giáo giới và chăm sóc đệ tử bịnh". Lúc đó các Tỳ-kheo không cho đệ tử thọ giới cụ túc, Phật bảo nên cho.

Hỏi: Thế nào là đệ tử cận trụ?

Đáp: Do đệ tử cận trụ không thân gần A-xà-lê nên các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay đệ tử cận trụ nên thân gần A-xà-lê, tùy thời thăm hỏi, làm việc gì cũng bạch A-xà-lê, trừ bốn việc…" như đối với Hòa thượng ở trên.

Hỏi: Thế nào là Hòa thượng, A-xà-lê và đệ tử cộng hành? đệ tử cận trụ là đệ tử cộng hành nên đối với Hòa thượng và A-xà-lê tưởng như cha mẹ; Hòa thượng và A-xà-lê đối với đệ tử tưởng như con cái.

Hỏi: Thế nào là Sa-di? - Phật không cho nuôi Sa-di quá nhỏ tuổi, nhỏ nhất là bảy tuổi. Nếu tạo tội nên bảo sám hối, nếu ở trần nên cho mặc áo.

Hỏi: Thế nào là trù lượng (suy tính)?

Đáp: Ban đầu xây cất chùa hay phòng xá ở đâu, trước phải suy tính chỗ ấy nơi đi lại có thuận tiện không, có chướng ngại không, có nạn sự không, có ồn ào hay không… xét kỹ rồi mới xây cất, nếu không xét kỹ mà xây cất thì phạm tội.

Hỏi: Thế nào là ngọa cụ? - Phật cho các Tỳ-kheo được cất chứa nệm bằng giạ, đồn lông thú… hoặc là của Tăng hoặc của mình có.

Hỏi: Thế nào là doanh tri sự (coi ngó việc tu sửa)?

Đáp: Thế tôn ở tại chùa thuộc nước A-đồ-tỳ thấy phòng xá hư hoại, Phật hỏi A-nan vì sao không tu sửa, A-nan bạch Phật: "Vì Lục quần Tỳ-kheo coi giữ mà không chịu tu sửa", Phật bảo: "Nếu tháp và Tăng phường hư hoại, Lục quần Tỳ-kheo không tu sửa thì chúng tăng nên làm yết ma sai người khác tu sửa". Lúc đó người được yết ma sai tu sửa chỉ làm chút ít việc như lợp ngói, nhổ cỏ… rồi không làm nữa, Phật bảo: "Người làm chút ít như vậy, Tăng không nên làm yết ma sai, nên sai người có khả năng tu sửa nhiều, mới làm yết ma sai tu sửa tháp và tăng phường". Tỳ-kheo muốn xây tháp và Tăng phường mới, làm ngọa cụ

mới thì Tăng nên làm yết ma sai trong thời gian mười hai năm, không được sai làm suốt đời; nếu tu sửa lại tháp và tăng phường cũ hư hoại thì Tăng nên làm yết ma sai tu sửa trong gian gian là sáu năm, bỏ hết các việc khác để tu sửa.

Hỏi: Thế nào là theo thứ lớp? - Phật cho các Tỳ-kheo theo thứ lớp từ bậc Thượng tòa mà đảnh lễ, chắp tay vấn an, nghinh đón.

Hỏi: Thế nào là nước uống Tô-tỳ-la? -như trường hợp Tỳ-kheo Xá-lợi-phất bị bịnh lạnh, Phật cho dùng nước uống Tô-tỳ-la. Cách làm là lấy rễ, thân cành, lá, hoa, quả nấu với nước rồi để trong cái hũ cho lắng trong không đục, sáng sớm thọ cho đến đầu đêm được uống.

Hỏi: Thế nào là mạt vụn (tiết)? - Phật cho các Tỳ-kheo được cất chứa đậu vụn như đậu đỏ, ma-tu-la… nhưng không được cất chứa các loại hương tạp, có màu tạp sắc; nếu bịnh thì được xen tạp các loại hương khác.

Hỏi: Thế nào là dược? - Phật cho các Tỳ-kheo bịnh được cất chứa rễ, thân cành, lá, hoa, quả để làm bốn loại dược: Thời dược, thời phần dược, thất nhật dược và chung thân dược tùy thời thọ dụng, hoặc của chúng hoặc của riêng mình.

Hỏi: Thế nào là nước ép trái cây (tương)? - Phật cho các Tỳ-kheo bịnh được uống tám loại nước ép trái cây, lượt cho trong rồi uống.

Hỏi: Thế nào là da (bì): - Phật không cho các Tỳ-kheo cất chứa da, không được thọ và dùng để ngồi, trừ giày da; nếu đến nhà cư sĩ thì được ngồi, không được nằm.

Hỏi: Thế nào là giày da? - Phật cho các Tỳ-kheo cất chứa hai loại giày da là giày da một lớp và giày da phá mạn tịnh. Không được dùng giày da có trang hoàng tạp sắc.

Hỏi: Thế nào là vật chà chân? - Phật không cho Tỳ-kheo cất chứa đá bọt (phù thạch) để chà chân.

Hỏi: Thế nào là trượng? -do trong rừng Thi đà thuộc thành Vương xá có nhiều trùng độc làm hại các Tỳ-kheo, nên Phật cho cất chứa trượng, nên bạch yết ma.

Hỏi: Thế nào là trượng lạc nang? - Phật cho Tỳ-kheo bịnh đến trong Tăng xin, Tăng bạch nhị yết ma cho cất chứa.

Hỏi: Thế nào là tỏi? như trường hợp trưởng lão Xá-lợi-phất bị bịnh lạnh, Phật cho Tỳ-kheo bịnh được dùng tỏi nhưng phải như pháp mà làm; nếu không bịnh thì không được ăn.

Hỏi: Thế nào là dao cạo? - Phật cho các Tỳ-kheo được cất chứa dao cạo tóc.

Hỏi: Thế nào là hộp dao cạo? - Phật cho các Tỳ-kheo được cất chứa hộp đựng dao cạo tóc.

Hỏi: Thế nào là ống khóa cửa? - Phật cho dùng ống khóa để giữ gìn phòng xá và ngọa cụ, hoặc của

chúng tăng hoặc của riêng mình. Chìa khóa cửa cũng vậy.

Hỏi: Thế nào là cây quạt, cán quạt bằng ma ni? - Tỳ-kheo không được cất chứa quạt có cán bằng ma ni, nếu thọ thì nên cúng dường tháp Phật và tháp Thanh văn.

Hỏi: Thế nào là dù? - Phật cho các Tỳ-kheo được cất chứa dù để phòng mưa nắng.

Hỏi: Thế nào là xe? - Phật cho các Tỳ-kheo bịnh được đi xe.

Hỏi: Thế nào là quạt? - Phật cho các Tỳ-kheo cất chứa quạt, hoặc của chúng tăng hoặc của riêng mình.

Hỏi: Thế nào là phất? - Phật cho các Tỳ-kheo được cất chứa phất trần.

Hỏi: Thế nào là gương? - Phật không cho các Tỳ-kheo soi gương cho đến soi mặt trong bát nước, trừ trên mặt có bịnh.

Hỏi: Thế nào là ca múa hát xướng? - Tỳ-kheo không được tự ca múa hát xướng, cũng không được bảo người làm.

Hỏi: Thế nào là hương hoa anh lạc? - Tỳ-kheo không được đeo tràng hoa chuỗi anh lạc, nếu được thì nên cúng dường tháp Phật và tháp A-la-hán.

Hỏi: Thế nào là thuốc nhỏ mắt (nhãn A-nan thiền na)? - Phật cho các Tỳ-kheo bịnh mắt được cất chứa An-thiền-na để nhỏ mắt, không được vì

đẹp mà nhỏ mắt.

Hỏi: Thế nào là vật đựng thuốc nhỏ mắt? -có hai loại đựng thuốc nhỏ mắt là bằng đồng và bằng sắt.

Hỏi: Thế nào là nằm? - Tỳ-kheo không bịnh thì ban ngày không nên nằm, nếu trong đêm có đốt đuốc sáng cũng không nên nằm. Nếu quá mỏi mệt thì nên đứng dậy đi, không được làm xúc não người thứ hai .

Hỏi: Thế nào là ngủ? - Tỳ-kheo ban ngày nên ngồi thiền hoặc kinh hành để ngăn thùy miên cái, qua đầu đêm nên trải y Uất-đa-la-tăng bốn lớp, cuộn y Tăng-già-lê làm gối, nằm nghiêng bên hông phải, chồng gót chân, không được nằm ngửa giăng tay chân, tâm không tán loạn, y không xốc xếch, khởi chánh niệm quán tướng sáng hiện tiền, nhớ nghĩ thức dậy. Cuối đêm thức dậy ngồi thiền hay kinh hành để trừ thùy miên cái.

Hỏi: Thế nào là thiền đới? - Phật cho Tỳ-kheo bịnh đau lưng được cất chứa dây thiền, như trường hợp trưởng lão Xá-lợi-phất.

Hỏi: Thế nào là nút cột y? - Phật cho làm nút hay dùng dây cột y để giữ y vì sợ gió.

Hỏi: Thế nào là dây lưng? - Phật cho dùng ba loại dây lưng, đó là dây dệt thành, dây bện đan thành và dây bện bằng chỉ sợi.

Hỏi: Thế nào là bắn đạn? - Phật cho các Tỳ-

kheo cất chứa đạn để bắn làm cho giặc sợ, không có nhân duyên thì không được bắn đạn.

Hỏi: Thế nào là vén ngược y? - Tỳ-kheo không được vén ngược y, trừ khi làm việc ở trên cao.

Hỏi: Thế nào là đất? - Có hai loại là đất kinh hành và đất của tinh xá.

Hỏi: Thế nào là cây? - Ở núi Kỳ-xà-quật, hai bên đường không

có cây nên Phật cho các Tỳ-kheo trồng cây để có bóng mát và hoa, nên trồng theo thứ lớp.

Hỏi: Vật là đất như thế nào? - Tức là đất ruộng, Phật cho các Tỳ-kheo thọ nhận đất ruộng để làm vườn, làm tinh xá.

Hỏi: Thế nào là cây rừng? - Tỳ-kheo nên theo thứ lớp thọ gốc cây trong rừng để nghỉ.

Hỏi: Thế nào là tránh, là tướng ngôn tránh? - Tức là tranh cãi bằng lời nói hoặc nói lời ly gián khiến cho không hòa hợp như nước hòa với sữa nữa, tự tách riêng ra. Cho nên những việc phi thời, phi pháp, vô nghĩa, tự mình phiền não và làm cho người phiền não… tất cả đều không nên làm.

Hỏi: Thế nào là tránh hoại? - Tức là Tăng hoại và Luân hoại. Nếu khởi mười bốn việc để phá tăng hoặc dùng một việc trong mười bốn việc để phá Tăng, dù như pháp như luật hay phi pháp phi luật; cho đến ở trong giới mỗi bên tự làm yết ma bố tát thì gọi là Tăng hoại không phải Luân hoại. Tám

Thánh đạo gọi là Luân, nếu bỏ tám Thánh đạo mà nói đạo khác thì gọi là Luân hoại không phải Tăng hoại. Nếu gồm cả hai thì gọi là Tăng và Luân đều hoại.

Hỏi: Thế nào là cung kính? - Tức là cung kính Hòa thượng, A-xà-lê cho đến Thượng trung hạ tòa đều phải nên cung kính.

Hỏi: Thế nào là hạ ý? - Tức là Tỳ-kheo bị tẫn không được độ người, không được truyền đại giới cho người, không được thọ người khác y chỉ, không được nuôi Sa-di; không được thọ Tăng sai giáo giới Tỳ-kheo-ni, nếu đã được Tăng sai cũng không được thọ; không được tái phạm tội đã phạm, không được phạm tội tương tợ, không được phạm tội nặng hơn tội này; không được quở trách các yết ma, không được ngăn Tăng bố tát; không được xuất tội Tỳ-kheo thanh tịnh, không được bảo Tỳ-kheo thanh tịnh nhớ nghĩ tội, không được cùng ngồi chung, nói chuyện, cùng làm việc với Tỳ-kheo thanh tịnh, phải khiêm nhường cung kính; nên biết mình là người bị tẫn. Có mười hai hạng người như vậy.

Hỏi: Thế nào đủ các loại Bất cọng trụ?

Đáp: Có hai việc không chung là pháp và thực, mọi việc nên làm cũng giống như Tỳ-kheo bị tẫn, chỉ khác là tất cả yết ma của Tăng đều không được thọ, dù Tăng sai cũng không được thọ. Có tất cả

mười hai hạng người như thế, nếu đối với vị đồng phạm hạnh có tội, Tăng nên nói với Tỳ-kheo này: "Trưởng lão nên dừng lại, điều phục tâm ác, đừng để Tăng họp các tội Bất cọng trụ. Nếu Tăng tẫn xuất thầy thì thầy nên ở trong Tăng sám hối tội này, Tăng sẽ giải tội tẫn cho thầy, không phải là Tăng ở ngoài giới". Nếu người này nghe rồi mà tâm không chiết phục thì nên tẫn xuất, cũng như điều phục ngựa dữ, phải dùng dây cương chế ngự.

Hỏi: Thế nào là Thác lại tra?

Đáp: Tỳ-kheo làm Thác lại tra thành tựu hai mươi hai pháp: Một là tinh tấn, hai là căn bản thành tựu hổ thẹn, ba là đầy đủ oai nghi, bốn là ưa thích trì giới, năm là hiểu rõ Tỳ-ni, sáu là nghe rồi thọ trì, bảy là đa văn, tám là thông suốt A-hàm, chín là khéo biết giải quyết việc tranh cãi, mười là khéo biết nguồn gốc phát khởi của sự việc, mười một là hiểu rõ tướng của việc tranh cãi, mười hai là khéo biết diệt tránh rồi sẽ không phát khởi lại nữa, mười ba là có tài biện luận, mười bốn là không sợ hãi, mười lăm là thân khẩu nghiệp đều thiện, mười sáu là có thể sai, mười bảy là có thể thọ, mười tám là có thể hành, mười chín là thọ yết ma không tùy ái hành, hai mươi là không tùy sân hành, hai mươi mốt là không tùy bố hành, hai mươi hai là không tùy si hành.

Tỳ-kheo làm Thác lại tra thành tựu hai mươi hai pháp này thì có thể diệt tránh, không trợ giúp

hai bên bạn đảng để cầu pháp và cầu tài thực.

Hỏi: Thế nào là Thật mích tội tướng?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo trước tự nói là tôi có tội này, sau đó lại nói là không có, Tăng nên dùng pháp bạch tứ cho Thật mích tội tướng.

Hỏi: Thế nào là Ba-la-di học giới?

Đáp: Tỳ-kheo phạm dâm rồi cho đến trong phút chốc không che giấu, Tăng nên bạch tứ yết ma cho học giới, như trường hợp Tỳ-kheo Nan-đề. Hành pháp của người học giới là nên ngồi ở dưới các Tỳ-kheo, nên trao thức ăn uống và thuốc thang cho các Tỳ-kheo, tự theo Sa-di và bạch y thọ thức ăn uống; không được cùng đại Tỳ-kheo ở chung phòng quá hai đêm, cũng không được cùng Sa-di và bạch y ở chung quá hai đêm; không được cùng Tỳ-kheo thọ cụ túc giới làm hai pháp bố tát và tự tứ, vì cho học hành pháp của Sa-di thì không được vào trong Túc số tăng làm yết ma bố tát và tự tứ, tất cả yết ma đều không được làm.

Hỏi: Thế nào là Thượng tòa của chúng tăng?

Đáp: Thượng tòa ở trong giới nên giáo giới cho Tỳ-kheo trẻ tuổi, an ủi, giảng kinh, dạy tọa thiền khiến cho pháp lành được tăng trưởng. Khi chia thức ăn nên chia đều đầy đủ khiến Tăng được lợi ích, cũng nên khuyến hóa cho Tăng được lợi ích. Nên thăm nom Tỳ-kheo bịnh, nên sai người khán bịnh, nên xin thuốc và thuyết pháp cho người bịnh,

không được bỏ không ngó ngàng… tất cả Thượng tòa nên coi ngó.

Hỏi: Thế nào là Thượng tòa trong Tăng-già-lam?

Đáp: Khi thọ Khư-đà-ni hay Bồ-xà-ni nên đánh kiền chùy, Thượng tòa nên đến trước, ngồi trước để nhìn ngó thượng, trung, hạ tòa có ai ngồi không như pháp không, chớ để mất thứ lớp. Nếu có ai ngồi không như pháp thì Thượng tòa nên chỉ bảo ngồi như pháp và theo thứ lớp, nên hiện tướng cho biết, nếu hiện tướng mà cũng không biết thì nên nói với người ngồi gần bên, nếu người gần bên không nói thì Thượng tòa nên đi đến nói để oai nghi của họ được trang nghiêm tề chỉnh. Khi Tăng thọ thực, Thượng tòa nên bảo sớt thức ăn bình đẳng, phải đợi xướng Tăng bạt; nếu có cư sĩ Thượng tòa nên thuyết pháp cho họ.

Hỏi: Thế nào là giới cây? - Tức là rừng có nhiều cây cành lá nối tiếp nhau, trong phạm vi một Câu-lô-xá được tùy ý để y cho đến hôm sau, khi mặt trời mọc.

Hỏi: Thế nào là phía trước điện đường? - Tức là Tỳ-kheo nên theo thứ lớp chia, nếu tự mình phiền não hay làm cho người khác phiền não thì nên tránh đi; nếu phía trước điện đường có hư hoại thì nên tu sửa.

Hỏi: Thế nào là phòng? - Trong phòng xá của

mình ở, Tỳ-kheo nên tưới quét, tô trét cho bằng phẳng, sắp xếp lại ngọa cụ, nếu dơ thì đem giặt.

Hỏi: Thế nào là ngọa cụ? -nếu dùng ngọa cụ của Tăng thì được mang ra ngoài cửa Tăng phường trong khoảng năm mươi tầm, không được quá, nếu quá cho đến sáng hôm sau thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Thế nào là cài đóng cửa? - Cửa là chỗ ra vào, khi đóng cửa không được đóng mạnh ra tiếng, khi mở cửa nên nhẹ nhàng, khi đi vào chớ bước chân kéo ra tiếng; cửa có hai cánh không được làm đụng ra tiếng. Lại nữa nên cài đóng cửa cả trên lẫn dưới cho chắc chắn rồi mới đi, để phòng hộ cho mình và giữ gìn ngọa cụ.

Hỏi: Thế nào là Tăng phường trống? -khi Tỳ-kheo vào trong Tăng phường trống không, nên tưới quét cho sạch, nếu trong đó có khí cụ cần dùng thì nên rửa sạch đem cất. Nếu có tịnh nhân thì nên bảo họ nhổ sạch cỏ, nếu có cư sĩ thì nên thuyết pháp cho họ.

Hỏi: Thế nào là bát? - Bát không được để trên đá, gò đất và gần hầm hố; khi ăn xong xỉa răng súc miệng không được nhổ vào trong bát, cũng không được rửa tay trong bát; không được để bát ở chỗ đất không sạch. Khi rửa không được để ướt quá hay phơi khô quá, cẩn thận để dùng được lâu vì nếu bể thì xin lại rất khó.

Hỏi: Thế nào là y? - Phải ái hộ y như da của

mình, không được mặc Tăng-già-lê đi gánh vác cỏ cây đất, tưới quét, tô trét…; không được ngồi trên Tăng-già-lê, không được trùm che thân. Tăng-già-lê nên dùng đúng với việc của y Tăng-già-lê, y Uất-đa-la-tăng nên dùng đúng với việc của Uất-đa-la-tăng, y An-đà-hội nên dùng đúng với việc của An-đà-hội, không được để y ở chỗ không sạch; y Tăng-già-lê và y Uất-đa-la-tăng nên cắt rọc, y An-đà-hội có thể không cắt rọc. Nếu Tỳ-kheo không có y mới mà có y cũ hoặc y dư thì nên cắt may thành y năm điều, bảy điều, chín điều… cho đến hai mươi lăm lăm điều, không được nhuộm màu có sắc đẹp, nên nhuộm màu hoại sắc, nhuộm rồi thọ trì.

Hỏi: Thế nào là Ni-sư-đàn?

Đáp: Phật cho các Tỳ-kheo cất chứa Ni-sư-đàn, không được dùng miếng vải nhỏ làm Ni-sư-đàn, thọ trì rồi không được lìa ngủ đêm.

Hỏi: Thế nào là kim? - Phật cho cất chứa hai loại kim bằng đồng và bằng sắt, nên cất kỹ chớ để hư hoại, nếu hư hoại thì xin lại rất khó.

Hỏi: Thế nào là hộp kim? -để đựng cất kim.

Hỏi: Thế nào là cháo? - Phật cho dùng cháo vì có năm lợi ích, đó là trừ đói, trừ khát, hạ khí, trừ lạnh dưới rốn và tiêu hóa thức ăn. Húp cháo không được ra tiếng.

Hỏi: Thế nào là bình nước? - Phật cho cất chứa bình đựng nước, nên giữ sạch sẽ, không được đựng

thức ăn, chỉ để đựng nước.

Hỏi: Thế nào là chậu rửa? - Phật cho cất chứa chậu nhỏ đựng nước rửa, nên giữ sạch sẽ.

Hỏi: Thế nào là nắp bình? - Phật cho cất chứa nắp bình để đậy miệng bình.

Hỏi: Thế nào là nước? - Tỳ-kheo nên giữ nước cho sạch, nên cẩn thận lượt nước, xem kỹ đừng để có trùng. Nên rửa tay sạch và dùng vải sạch để lượt nước, không được dùng tay dơ, vải dơ để lượt nước.

Hỏi: Thế nào là bình nước uống? - Phật cho cất chứa bình đựng nước uống, nên giữ sạch sẽ.

Hỏi: Thế nào là ăn loại thức ăn Bồ-xà-ni?

Đáp: Khi ăn một trong năm loại Bồ-xà-ni nên quán thức ăn này từ đâu mang đến, từ kho lẫm mang đến; kho lẫm có từ đâu, có từ đất; đất có từ đâu, từ phân bón và hạt giống mà sanh, trở lại nuôi dưỡng thân nhơ uế này. Khi vắt cơm ăn nên khởi tưởng là phân dơ, nên chánh niệm tại tiền, tâm không tán loạn, nên quán vì trị bịnh… rồi mới ăn; không nên ăn riêng chúng, lại quán là tùy ý hay không tùy ý…

Hỏi: Khi ăn như thế nào? -khi chánh thực nghe tiếng kiền chùy nên sửa sang y phục, oai nghi tề chỉnh vào trong chúng ăn không được nói ra tiếng.

Hỏi: Cho thức ăn như thế nào? - Tỳ-kheo không được tự tay đưa thức ăn cho người khác, trừ

cha mẹ, huynh đệ; nếu đưa thức ăn cho khách hay người bịnh hoặc phụ nữ đang mang thai thì nên chánh niệm rồi mới đưa; cũng nên cho súc sanh một phần ít. Có người muốn xuất gia, thấy có ích cho chúng thì nên cho.

Hỏi: thọ thực như thế nào? -nên nhất tâm chánh niệm thọ thực, tâm không tán loạn.

Hỏi: Khất thực như thế nào? -như trong Tỳ-ni.

Hỏi: Thọ thỉnh thực như thế nào? -khi thọ thỉnh thực không nên trộn cơm phủ lên thức ăn ngon, không thọ thức ăn bất tịnh, nên biết thời.

Hỏi: Thế nào là Tỳ-kheo A-lan-nhã? - Tỳ-kheo ở A-lan-nhã nên nói lời ôn hòa, miệng mỉm cười, không được cau mày, nên cất chứa bình đựng nước đựng đầy nước, được cất chứa hỏa châu, nguyệt châu.

Hỏi: Thế nào là Thượng tòa ở A-lan-nhã? - Thượng tòa ở A-lan-nhã nên giáo giới Tỳ-kheo trẻ, nên nói pháp A-lan-nhã khiến cho pháp A-lan-nhã được tăng trưởng.

Hỏi: Thế nào là tụ lạc? - Tỳ-kheo ở trong tụ lạc, nếu có cư sĩ đến nên thuyết pháp cho họ, tùy sức mà làm.

Hỏi: Thế nào là Thượng tòa ở tụ lạc? -như trên.

Hỏi: Thế nào là khách Tỳ-kheo? -khách Tỳ-kheo mới đến nên đứng yên lặng một chỗ với oai nghi tề chỉnh…

Hỏi: Thế nào là khách Thượng tòa? -khách Thượng tòa nên bảo Tỳ-kheo khách bạch với Tỳ-kheo cựu trụ để xin phòng và ngọa cụ.

Hỏi: Đi như thế nào? -nếu Tỳ-kheo muốn vào sáng ngày mai đi thì ngày nay nên đến từ biệt Hòa thượng, A-xà-lê. Hòa thượng, A-xà-lê cho đi thì mới được đi, nếu không cho đi thì đừng miễn cưỡng đi. Nên tưới quét và thu xếp ngọa cụ trong phòng đã ở rồi mới đi.

Hỏi: Thượng tòa đi như thế nào? - Thượng tòa khi đi nên đi sau để xem ngó Tỳ-kheo trẻ tuổi, nhắc nhở họ chớ có tung tăng đùa giỡn. Nên tìm thương buôn tháp tùng làm bạn, đi đến đâu nên xem ngó phương xứ của nước đó, đến trú xứ nào nên xem ngó ngọa cụ, nên quán sát Tỳ-kheo bạn có đồng hay không đồng; nếu giữa đường bị bịnh mà bỏ đi, không chăm sóc thì tùy việc kết phạm.

Hỏi: rửa chân như thế nào? -nếu rửa chân xong thấy hết nước nên đi lấy nước đổ đầy.

Hỏi: Thượng tòa rửa chân như thế nào? -nếu Tỳ-kheo trẻ rửa chân xong nên đưa nước cho Thượng tòa rửa, không nên đứng dậy bỏ đi liền, nên xối nước lên chân cho Thượng tòa rửa.

Hỏi: Nhóm họp như thế nào? - Vào ngày mồng tám, mười bốn, mười lăm Tỳ-kheo không bịnh nên nhóm họp một chỗ để nghe thuyết pháp.

Hỏi: Thượng tòa nhóm họp như thế nào? -khi

nghe tiếng kiền chùy, Thượng tòa nên đi trước ngồi trước, im lạng trong chốc lát rồi nói pháp, nếu tự thân không thể thuyết pháp thì nên bảo Tỳ-kheo khác nói; nếu có cư sĩ đến cũng nên thuyết pháp cho họ, nếu có ngoại đạo đến cũng nên thuyết pháp để nhiếp thủ họ; nên chí tâm thuyết pháp, không được tự cao tự đại.

Hỏi: Thuyết pháp như thế nào? - Tỳ-kheo khi thuyết pháp nên cung kính chúng, mến yêu chúng; nên khiêm tốn và chí tâm thuyết pháp, đầy đủ nghĩa vị, tâm không tán loạn, tự bi hoan hỉ mà thuyết pháp, nên thuyết theo thứ lớp; không phải vì y thực, tài lợi mà vì pháp, vì kính pháp nên thuyết pháp.

Hỏi: Thượng tòa nghe thuyết pháp như thế nào? -nên quán nghe pháp mà người thuyết pháp đang thuyết là như pháp hay phi pháp; nếu là phi pháp thì nên ngăn, nếu thuyết nhầm lẫn thì nên đính chính, nếu là như pháp thì nên khen ngợi.

Hỏi: Đi phi thời như thế nào? -khi sắp đi nên đến bạch với Hòa thượng, A-xà-lê là con muốn đi đến , bạch rồi mới được đi.

Hỏi: Nhóm họp Tăng phi thời như thế nào? - Trừ ngày mồng tám, mười bốn và mười lăm, vào những ngày khác nhóm họp Tăng để làm việc gì hay chia vật gì thì khi nghe tiếng kiền chùy phải mau đến nhóm họp. Thượng tòa nên đến trước,

ngồi trước… như trong Tỳ-ni.

Hỏi: Tán tụng như thế nào?

Đáp: Ở thành Vương xá, các ngoại đạo vào sáu ngày trai hòa hợp một chỗ tán tụng, được nhiều lợi dưỡng và tăng thêm đồ chúng. Vua Bình sa vốn tín kính Phật pháp, liền đến bạch Phật: "Thế tôn, các ngoại đạo vào các ngày mồng tám, mười bốn và mười lăm nhóm họp một chỗ để tán tụng nên được nhiều lợi dưỡng và đồ chúng tăng thêm. Cúi xin Thế tôn cho các Tỳ-kheo vào sáu ngày trai hòa hợp một chỗ thuyết pháp, tán tụng để được nhiều lợi dưỡng và tăng thêm đồ chúng; đàn việt được phước, các Tỳ-kheo thành tựu được Phật pháp và làm cho chánh pháp được tồn tại lâu dài", Phật chấp thuận cho các Tỳ-kheo vào sáu ngày trai hòa hợp một chỗ thuyết pháp. Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy thuyết pháp, tán tụng giọng không hay nên mọi người không vừa ý, Phật bảo Tỳ-kheo có giọng hay nên tán tụng, vì ngồi ở chỗ thấp tán tụng nên tiếng không vang xa, liền suy nghĩ: "Nếu Phật cho đứng tán tụng thì tốt", bạch Phật, Phật cho đứng tán tụng. Lúc đó các Tỳ-kheo tụng kinh quá dài… Phật nói nên lược tụng yếu nghĩa; các Tỳ-kheo lại tụng một nữa, Phật nói không được tụng một nữa, nếu tụng một nữa thì phạm Đột-kiết-la. Lúc đó Hai Tỳ-kheo cùng tán tụng làm xúc não chúng, Phật nói không được hai người cùng tán tụng, nếu cùng tán tụng thì phạm Đột-kiết-la. Lúc

đó các Tỳ-kheo mỗi người đều dẫn chúng đi, Phật nói không được dẫn đi, nếu dẫn đi thì tùy việc kết phạm… Nếu trong chúng không ai tán tụng được thì nên theo thứ lớp sai, nếu tất cả đều không thể tán tụng được thì mỗi người nên tụng một bài kệ.

Hỏi: Thế nào là không bái thỉnh? -nếu trong chúng thấy ai có thể thuyết pháp thì nên thỉnh thuyết, nếu thỉnh mà không thuyết thì phạm Thâu-lan-giá .

Hỏi: Cầu an cư như thế nào? -khi định an cư nên xem xét trú xứ an cư này có được đồng ý không, có được an lạc trụ không, có cùng nói chuyện cùng ngồi không, thức ăn uống tùy bịnh có dễ được không, nếu bịnh có được thầy thuốc không và có người khán bịnh không. Tỳ-kheo trong đây có thọ trì kinh luật luận không, có tranh cãi không, Tăng có bị phá không… xét kỹ như vậy rồi mới cầu an cư.

Hỏi: Trong an cư như thế nào? - Trong an cư, nếu không có nhân duyên thì không được xuất giới ngủ đêm. Nếu có việc thì nên thọ pháp bảy ngày xuất giới; việc là vì tháp, vì Hòa thượng hay A-xà-lê bịnh, vì pháp… mới được xuất giới.

Hỏi: Thượng tòa an cư như thế nào? - Thượng tòa an cư nên coi ngó Tăng phường, hang ngồi thiền có hư hoại không, nếu có nên bào tu sửa hoặc khuyến hóa để liệu lý.

Hỏi: An cư xong như thế nào? - An cư xong có ba việc nên làm là y, bát, và y Ca-hi-na, trong an cư có được y hay không được y để thọ làm y Ca-hi-na.

Hỏi: Quán chúng như thế nào? - Tỳ-kheo nên quán trong chúng ai có oai nghi tốt, ai có oai nghi không tốt; người có oai nghi không tốt thì nên chiết phục, từ chúng Sát-đế-lỵ cho đến chúng cư sĩ.

Hỏi: Vào trong chúng như thế nào? - Vào trong chúng Sát-đế-lỵ thì nên như thế, như thế; nếu đến trong chúng Bà-la-môn thì nên như thế như thế; đến trong chúng cư sĩ thì nên như thế như thế; đi như thế, đứng như thế, ngồi như thế, nói như thế và im lặng như thế.

Hỏi: Trong an cư nên như thế nào? - Trong an cư, các Tỳ-kheo không nên bàn luận về thế sự, quốc sự cho đến chiến đấu thắng hay bại; cũng không nói về việc súc sanh, ngạ quỷ, nam nữ dâm dục và việc ăn uống .

Hỏi: Thượng tòa trong an cư như thế nào? - Trong an cư, Thượng tòa nên quán sát chúng có được an lạc không, nếu an lạc thì im lặng; nếu không an lạc thì nên tùy thuận thuyết pháp.

Hỏi: Bố tát thuyết giới như thế nào? - Có năm loại như trước đã nói.

Hỏi: Người thuyết giới nên như thế nào? - Tỳ-kheo thuyết giới nên sai người thông thuộc giới

theo thứ lớp thuyết giới, đừng sai người quên sót văn cú. Nên quán chiếu lại tự thân từ mười lăm ngày trước đến nay có phạm giới không; nếu có mà được Tỳ-kheo đồng ý thì nên sám hối, không được Tỳ-kheo đồng ý thì nên tâm niệm nghĩ rằng nếu sau được Tỳ-kheo đồng ý sẽ sám hối, như Ba-la-đề-mộc-xoa mà hành trì. Thượng tòa thuyết giới cũng như vậy.

Hỏi: Thế nào là Thượng tòa? - Thượng tòa nên xem ngó Tỳ-kheo trẻ đừng để họ phạm giới, khi nghe đánh kiền chùy nên đến ngồi ở tòa trên trong chúng.

Hỏi: Thế nào là trung tòa? -nếu theo Thượng tòa vào tụ lạc, Thượng tòa tiểu tiện chưa xong thì nên đứng ở chỗ hơi xa đợi để cùng đi.

Hỏi: Thế nào là hạ tòa? -khi thọ thực, hạ tòa nên dọn đưa thức ăn và nước, phải quán sớm hay muộn để đợi Hòa thượng; nên tưới quét, trải ngọa cụ…, khi ăn Đát-bát-na cũng nên đưa nước và thỉnh thực. Trong nhà tắm nên đốt lửa và lấy nước, để củi, nên lấy dầu…; nên giúp kỳ cọ và cũng thọ kỳ cọ… tất cả việc đều nên làm.

Hỏi: Thế nào là trong nhà tắm nói nhỏ tiếng? - Tức là vào nhà tắm, oai nghi phải tề chỉnh.

Hỏi: Tắm rửa như thế nào? - Phật cho các Tỳ-kheo tắm rửa, vì tắm rửa có năm công đức là trừ bịnh phong, trừ lạnh, trừ nóng, trừ dơ và nên khởi

tưởng nhàm chán. Khi tắm nên bạch Hòa thượng, A-xà-lê; nên ngồi sau không được ngồi trước, nên canh chừng lửa để nước vừa ấm, nếu lạnh hay nóng nên nói cho người khác biết. Không bạch Hòa thượng thì không được kỳ cọ thân cho người khác, cũng không thọ người khác kỳ cọ cho mình. Nếu Hòa thượng và A-xà-lê hiềm khích nhau thì không nên thân gần, tắm xong nên để các vật dụng tắm lại chỗ cũ.

Hỏi: Thượng tòa trong nhà tắm như thế nào? - nếu hạ tòa vào tắm trước thì Thượng tòa không được bảo đứng dậy.

Hỏi: Thế nào là Hòa thượng? - Hòa thượng nên dạy đệ tử tụng kinh, dạy nghĩa nhiếp, dạy tọa thiền, dạy tránh xa ác tri thức, gần thiện tri thức. Nên cho y bát ngọa cụ thuốc men… , nếu có phạm giới nên dạy bảo sám hối.

Hỏi: Thế nào là đệ tử? -đệ tử nên biết hổ thẹn với Hòa thượng, nên thừa sự chăm sóc, muốn làm việc gì nên bạch, nên đứng trước Hòa thượng chỗ có thể thấy Hòa thượng hiện tướng; khi đi thì nên đi sau… Nếu ở chỗ Hòa thượng không tăng trưởng thiện pháp thì nên bạch Hòa thượng gởi đến chỗ Tỳ-kheo ; Hòa thượng nên quán sát Tỳ-kheo kia dạy bảo pháp gì, quyến thuộc như thế nào… , quán sát rồi mới gởi đệ tử đến đó nương ở; nếu đệ tử ở nơi đó không tăng trưởng thiện pháp thì cũng nên đi. Sa-di, đệ tử cận trụ và đệ tử cộng hạnh cũng

vậy, chỉ khác là Sa-di nên tác tịnh hoa quả, tăm, cỏ hoặc bảo tịnh nhân tác tịnh.

Hỏi: Trị tội như thế nào? - Tỳ-kheo phạm tội nên làm phương tiện gạn hỏi khiến cho tự nói tội ra, nếu không tự nói tội thì không được xuất tội (cử tội); trước nên tìm cầu bạn hoặc vua, vương tử, đại thần có thế lực rồi mới xuất tội vị ấy,

Hỏi: Tỳ-kheo đi sau như thế nào? - Tức là không được đi trước, ngồi trước; không bạch Thượng tòa thì không được nói, khi hỏi cũng phải bạch, Thượng tòa đang nói không được nói xen. Nếu Thượng tòa thuyết phi pháp nên can ngăn, thuyết như pháp nên tùy hỷ, nếu được lợi dưỡng như pháp thì được thọ.

Hỏi: Vào nhà như thế nào? -khi vào nhà cư sĩ, Tỳ-kheo không được đùa giỡn và ngước nhìn xung quanh.

Hỏi: Vào nhà bạch y như thế nào? -nếu Tỳ-kheo mất chánh niệm khi vào nhà bạch y thì có năm lỗi: Một là không nói trước mà vào ngồi, hai là ngồi trong nhà ăn (nhà có nam nữ), ba là ngồi ở chỗ khuất, bốn là ăn biệt chúng, năm là không có tịnh nhân mà thuyết pháp cho người nữ. Nếu chánh niệm thì không có các lỗi này.

Hỏi: Vào nhà ngồi như thế nào? - Tỳ-kheo vào nhà bạch y ngồi, không được bàn nói về súc sanh, quốc sự, việc ăn uống…; nên thuyết pháp khiến

cho họ được sanh chánh kiến, thực hành bố thí, điều phục các căn, thọ pháp tam quy.

Hỏi: Thượng tòa ở trong nhà bạch y như thế nào? - Trong nhà bạch y, Thượng tòa nên nhắc chừng Tỳ-kheo trẻ chớ đùa giỡn mất oai nghi.

Hỏi: Tỳ-kheo cựu trụ cùng nói chuyện như thế nào? - Tỳ-kheo cựu trụ thấy khách Tỳ-kheo đến nên chào hỏi thiện lai với lời hòa dịu và miệng mỉm cười, không được cau mày nhăn mặt. Nên thăm hỏi đi đường có mệt nhọc không, ăn uống có đúng thời không; nên hỏi tuổi hạ lạp, nếu là Thượng tòa thì nên đảnh lễ, cất giúp y bát, trải tòa, lấy nước rửa chân, tùy sức cúng dường, nên đưa ngọa cụ tốt.

Hỏi: Nghỉ ngơi như thế nào? - Tỳ-kheo khách mới đến không nên xin phòng xá ngọa cụ liền, nên ngồi yên một chỗ với oai nghi tề chỉnh.

Hỏi: Trong hư không như thế nào? - Trong hư không, tất cả yết ma đều không được làm; Tỳ-kheo không được đi trong hư không trừ khi mặt trời mọc; nếu trong an cư thì trừ thọ pháp bảy đêm.

Hỏi: Thọ y Ca-hi-na như thế nào? - Tỳ-kheo thọ y Ca-hi-na được năm lợi ích là chứa y dư, thường thường ăn, ăn biệt chúng, không bạch mà vào tụ lạc, không mặc Tăng-già-lê mà vào tụ lạc, cũng được mặc Mạn y vào tụ lạc.

Hỏi: Kinh hành như thế nào? -khi Tỳ-kheo kinh hành thấy có Thượng tòa ở phía trước thì nên bạch,

không được đi uốn éo, không được đi quá nhanh cũng không được cúi đầu quá thấp; nên thu nhiếp các căn, tâm không theo ngoại duyên, nên đi thẳng, nếu đi không thể thẳng thì nên men theo dây mà đi.

Hỏi: Đãy lượt nước như thế nào? - Tỳ-kheo không có đãy lượt nước thì không nên đi xa, trừ đi đến chỗ có nước sạch, hay nước sông nước suối hoặc trong khoảng nữa do tuần có trú xứ liên tiếp nhau, không mang theo đãy lượt nước không phạm.

Hỏi: Hạ phong như thế nào? -khi hạ phong không nên phát ra tiếng.

Hỏi: Vào nhà xí như thế nào? - Tỳ-kheo vào nhà xí nên khảy móng tay trước cho người bên trong biết, khi vào nên chánh niệm, khéo nhiếp y, thân ngồi an rồi từ từ đi, không được cố rặn.

Hỏi: Bên nhà xí như thế nào? - Bên nhà xí không được giặt y, cắt rọc, may vá và nhuộm y; không được tụng kinh, tác bạch, kinh hành… tất cả việc đều không được làm trừ nhà xí liên tiếp nhau.

Hỏi: Dép đi nhà xí như thế nào? -mang dép lên nhà xí không được làm dính dơ.

Hỏi: Thượng tòa vào nhà xí như thế nào? -nếu thấy hạ tòa vào trước, Thượng tòa không được bảo ra.

Hỏi: Rửa như thế nào? - Tỳ-kheo đại tiểu tiện xong mà không rửa sạch thì không được lễ bái và

thọ lễ bái, không được ngồi nằm trên ngọa cụ của Tăng; trừ chỗ không có nước hoặc vì phi nhân, thần nước giận. Đại hành (đại tiện) xong cũng rửa tay sạch như vậy. Bên chỗ rửa tay không được giặt y… như trên.

Hỏi: Ở chỗ rửa tay như thế nào? -nên rửa từ từ, không được làm dép bị dính dơ và bị ướt.

Hỏi: Tiểu tiện như thế nào? - Tỳ-kheo không được tiểu tiện khắp nơi, nên đào hố ở một chỗ nhất định. Bên chỗ tiểu tiện không được giặt y… như trên; mang dép tiểu tiện cũng không được làm dính dơ. Nếu thấy hạ tòa tiểu tiện trước, Thượng tòa không được bảo đứng dậy.

Hỏi: Vót cỏ làm thẻ như thế nào?

- Không được vót nhọn hoặc dùng vật trơn láng như đá, gỗ mà làm thẻ.

Hỏi: Khạc nhổ như thế nào? - Không được khạc nhổ ra tiếng, không được khạc nhổ nơi đất sạch, chỗ ăn uống. Nếu không nhịn được thì đứng dậy tránh ra chỗ xa, không làm xúc não người khác.

Hỏi: Khí vật như thế nào?

- Phật cho các Tỳ-kheo được cất chứa hai loại khí vật là bát và ống nhổ, nên giữ cẩn thận đừng cho bể, nếu bể xin lại rất khó.

Hỏi: Tăm xỉa răng như thế nào?

- Cây tăm không được làm quá lớn, quá nhỏ, quá dài hay quá ngắn. Loại dài nhất là mười hai

ngón tay, ngắn nhất là sáu ngón tay. Có ba việc nên làm ở chỗ khuất là đại tiểu tiện và xỉa răng, không được xỉa răn ở trước Thượng tòa, cũng không được xỉa răng dưới gốc cây sạch, bên vách tường sạch.

Hỏi: xỉa răng như thế nào?

- Không nên xỉa quá nhanh, nên xỉa từ từ, đừng xỉa vào nứu làm nứu bị thương.

Hỏi: Nạo lưỡi như thế nào?

- Không được dùng vật bén nạo lưỡi, không được nạo quá nhanh làm lưỡi bị thương.

Hỏi: Ngoái tai như thế nào?

- Không được dùng vật nhọn ngoái tai, không được ngoái quá mạnh làm hư màng nhĩ.

Hỏi: Thế nào là oai nghi?

-Tất cả công đức của Sa-môn được phát sanh đều nhờ nơi oai nghi, ngược với trên gọi là không có oai nghi.

Hỏi: Thế nào là tam tụ?

-Tức là tụ thọ giới, tụ tương ưng và tụ oai nghi.

-oOo-

TÁT BÀ ĐA TỲ NI TỲ BÀ SA

QUYỂN 7

23. Phần Tạp Sự (Tiếp Theo):

Hỏi: Như Phật dạy nơi biên địa đủ năm luật sư được truyền giới cụ túc cho người, nếu có đủ mười luật sư mà chỉ lấy năm vị để tác pháp truyền thọ giới thì có đắc giới không?

Đáp: Đắc giới nhưng các Tỳ-kheo phạm tội.

Hỏi: Như Phật dạy cất chứa y quá mười đêm thì phạm Xả đọa, thế nào là y dư?

Đáp: Nếu nhận vào tay, hoặc để trên đầu gối, trên vai và nghĩ đây là y của tôi thì gọi là y dư.

Hỏi: Tỳ-kheo được ngồi nằm trên giường của Thượng tòa không?

-Trải ngọa cụ rồi ngồi nằm thì không phạm.

Hỏi: Như Phật dạy không được nắm đuôi bò qua sông, có được nắm đuôi các loài khác không?
- Trừ đuôi cọp, đuôi voi, đuôi ngựa và đuôi sư tử ra nắm đuôi các loài khác lội qua sông thì không phạm.

Hỏi: Nước đường có được thọ dùng trong bảy ngày không?

-Được

- Mấy thời được dùng? - Cho đến chưa xả tự tánh

- Hòa nấu với loại dược bất tịnh thì được ăn hay không?

- Không được, chỉ dùng thoa thân, thoa ghẻ hoặc nhỏ mũi.

Hỏi: Mỡ bất tịnh nấu với muối thì được ăn hay không?

- Không được, nếu nấu với mỡ heo thì không phạm.

Hỏi: Tỳ-kheo tự tay tác tịnh năm loại giống hoặc dùng dao tịnh, hoặc dùng trảo tịnh thì có thành tịnh hay không?

- Thành tịnh.

- Được ăn hay không? -được ăn, trừ dùng hỏa tịnh; nếu hỏa tịnh thì giết chết cỏ, phạm Ba-dật-đề.

Hỏi: Cây ở đất bất tịnh, quả rơi xuống đất tịnh thì có được ăn không?

- Không được ăn.

Hỏi: Tịnh nhân ở đất bất tịnh, tác tịnh trên đất bất tịnh thì có thành tịnh hay không?

- Thành tịnh

- Được ăn hay không?

- Được ăn, trừ dùng hỏa tịnh.

Hỏi: Tịnh nhân ở đất bất tịnh, tác tịnh trên đất

tịnh thì có thành tịnh hay không?

- Thành tịnh

- Được ăn hay không? -được ăn, trừ dùng hỏa tịnh.

Hỏi: Thịt lươn được ăn hay không?

- Không được.

Hỏi: Sữa người được uống hay không?

- Không được, chỉ được nhỏ mắt.

Hỏi: Nước Tô-tỳ-la được uống phi thời hay không?

- Bịnh thì được uống.

Hỏi: Tất cả các loại thịt bất tịnh đều không được ăn, thịt người được ăn hay không?

- Không được.

Nếu ăn thì phạm tội gì?

- Phạm Thâu-lan-giá, trừ thịt người, các loại thịt bất tịnh khác có được ăn hay không?

- Không được.

Hỏi: Thế nào là bất tịnh nhục?

- Các loại thịt như thịt lươn, thịt rắn, ễnh ương, quạ… đều không được ăn.

Hỏi: Ngay ngày thọ Thời dược, Thất nhật dược, Chung thân dược hòa lẫn nhau thì được dùng hay không?

-Như đã nói ở trước.

Hỏi: Không tự tay thọ dược, miệng không nói

thọ, không bịnh có được dùng hay không?

- Không được.

Hỏi: Thời dược, Phi thời dược, Thất nhật dược, Chung thân dược không tự tay thọ, miệng không nói thọ, để cách đêm có được dùng hay không?

- Không được

- Tự tay thọ, nói thọ, nội túc thì được dùng hay không?

- Không được nhưng nếu bịnh thì được dùng.

Hỏi: Thế nào là dưỡng bịnh? - Trừ tánh tội, còn lại đều là dưỡng bịnh.

Hỏi: Phật cho uống tám loại nước ép trái cây, mấy thời được dùng?

- Cho đến chưa xả tự tánh đều được uống.

Hỏi: Bên người cuồng có được lấy y hay không?

- Hoặc được hoặc không được. Nếu người cuồng không biết cha mẹ, huynh đệ, chị em ở đâu lại tự tay mang vật đến thí thì được thọ lấy; ngược lại nếu không biết cha mẹ… ở đâu và cũng không tự tay thí thì không được lấy.

Hỏi: Bên người cuồng nói thọ trì y thì có thành thọ trì không?

-Nếu bỏ tự tánh thì thành thọ trì.

Hỏi: Tỳ-kheo ở một mình nếu có người cúng y, Tăng hiện tiền nên chia, lại không có Tỳ-kheo nào khác thì y này phải làm sao?

-Tỳ-kheo này khi thọ y nên tâm niệm miệng nói: "Tôi ở trú xứ này được y, hiện tiền Tăng nên chia, trong đây không có Tăng, y này thuộc về tôi, của tôi, tôi thọ y này sẽ cắt rọc, may, nhuộm rồi thọ trì", làm yết ma như vậy rồi nếu có Tỳ-kheo khác đến thì không nên chia; nếu chưa làm yết ma như trên thì nên chia, nếu không chia thì phạm Đột-kiết-la.

Nếu Tỳ-kheo được y cúng cho Tăng, ở ngoài giới tự lấy thì phạm Đột-kiết-la; nếu lấy với tâm trộm cắp thì tùy việc kết phạm; hai hay nhiều người cũng vậy.

Hỏi: Con của trưởng giả bị đuổi cúng y, có được thọ không?

- Không được.

Nếu y cúng cho Tăng tự tự thì Tăng tự tứ nên chia; nếu cúng cho Tăng hiện tiền thì Tăng hiện tiền nên chia.

Hỏi: Trong an cư, Tỳ-kheo vì việc Tăng mà xuất giới nếu được y vật thì nên chia cho vị này, người phá an cư có được chia hay không?

- Hoặc được hoặc không. Nếu có tiền hay hậu an cư rồi mà phá thì được chia; nếu đều không tiền hay hậu an cư thì không được chia.

Hỏi: Tỳ-kheo khán bịnh ra ngoài giới, sau đó Tỳ-kheo bịnh chết, có nên đem y của người bịnh cho người khán bịnh không? - Hoặc cho hoặc

không cho. Nếu người khán bịnh vì người bịnh mà đi thì nên cho; nếu vì việc riêng của mình mà đi thì không nên cho.

Hỏi: Bạch y nuôi bịnh có nên cho hay không?

-Nên cho phần ít; cho đến Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni cũng vậy.

Hỏi: An cư ở chỗ này mà khán bịnh ở chỗ khác, nếu người bịnh chết thì có nên cho y không? -nên cho

Hỏi: Sa-di nuôi bịnh nên cho hết hay chỉ cho phần ít?

- Hoặc cho hết hoặc chia đều. Nếu không có người khán bịnh, Tăng phải thứ lớp chăm sóc, nếu không chăm sóc thì phạm Đột-kiết-la. Nếu người được Tăng sai khán bịnh mà không khán bịnh thì phạm Đột-kiết-la; người bịnh nếu không nghe theo lời của người khán bịnh thì phạm Đột-kiết-la; người khán bịnh không thuận theo lời của người bịnh cũng phạm Đột-kiết-la. Nếu có người cúng thí vật bất tịnh (tiền bạc vật báu), Tỳ-kheo nên nói: "Chúng tôi không được thọ vật bất tịnh này", nên bảo họ đưa cho tịnh nhân, nếu được tịnh thì sẽ thọ.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo ở bốn nơi an cư mà thành an cư không?

- Có, nếu an cư trên giường cây đặt ở giữa bốn giới.

- Ở đâu được y an cư? - Bốn nơi cùng cho một

phần.

Nếu vải không đủ lượng mà may y tắm thọ trì thì phạm Đột-kiết-la, y phủ ghẻ cũng vậy. Nếu cất chứa ba loại y của ngoại đạo là y may bằng da, y dệt bằng lông và y kết bằng tóc thì phạm Thâu-lan-giá; trừ ba loại y trên, cất chứa các loại y khác thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Như Phật dạy y cũ không được thọ làm y Ca-hi-na, thế nào là y cũ?

-Tức là y đã thọ làm y Ca-hi-na trước đó rồi.

Hỏi: Như Phật dạy y mới được thọ làm y Ca-hi-na, thế nào là y mới?

- Tức là y lần đầu thọ làm y Ca-hi-na.

Hỏi: Như Phật dạy nên khởi ba tâm thọ y Ca-hi-na, thế nào là ba tâm? - Thọ vải mới rồi khi giặt, khi cắt rọc và khi nhuộm nên khởi ba tâm: "Y này Tăng sẽ thọ, nay thọ, đã thọ làm y Ca-hi-na"; nếu không khởi ba tâm này thì thọ không thành thọ, phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Như Phật dạy y để cách đêm thọ làm y Ca-hi-na thì thọ không thành thọ, thế nào là y để cách đêm?

- Tức là y để quá mười đêm hoặc chỉ trải qua một đêm.

Hỏi: Như Phật dạy y bất tịnh thọ làm y Ca-hi-na thì không thành thọ, thế nào là y bất tịnh? - Tức là y mà liên tiếp ngày có được.

Hỏi: Như Phật dạy y cũ thọ làm y Ca-hi-na thì không thành thọ, thế nào là y cũ?

- Tức là y mà Tỳ-kheo đã thọ làm ba y.

Hỏi: Như Phật dạy y được đập thọ làm y Ca-hi-na thì thành thọ, thế nào là y được đập? - Tức là y mới.

- Thế nào là y đả tịnh (được đập sạch)? - Tức là y hoại sắc khi chưa thọ làm y Ca-hi-na.

Hỏi: Tăng chia làm hai chúng, một chúng thọ, một chúng không thọ thì hai chúng có thành thọ không? - Chúng nào thọ thì thành thọ, chúng nào không thọ thì không thành thọ.

Hỏi: Tăng chia làm hai chúng, một chúng xả, một chúng không xả thì hai chúng có thành xả không?

- Chúng nào xả thì thành xả, chúng nào không xả thì không thành xả.

Hỏi: Khi Tăng bị phá thì ai nên thọ? - Ai như pháp thì nên thọ. Nếu y chưa thành mà thọ làm y Ca-hi-na thì không thành thọ; y thành thì thọ thành thọ.

Trú xứ thọ y Ca-hi-na có mười lợi ích như trong Tỳ-ni, mặc y Tăng-già-lê vào tụ lạc có năm công đức, y tắm mưa cũng vậy.

Hỏi: Như Phật dạy trú xứ thọ y Ca-hi-na được lợi ích, thế nào là trú xứ được lợi ích? - Tức là được lợi ích của y Ca-hi-na.

Hỏi: Như Phật dạy y cấp thí được thọ làm y Ca-hi-na, thế nào là y cấp thí?

- Còn mười ngày nữa mới đến tự tứ, nếu được cúng y thì y này gọi là y cấp thí, thọ làm y Ca-hi-na thì thành thọ.

Hỏi: Như Phật dạy y được trong ba tháng đều được thọ làm y Ca-hi-na, thế nào là y được trong ba tháng?

- Tăng cựu trụ tự tứ vào ngày mười lăm, Tỳ-kheo khách đến đông hơn là đồng kiến đồng trụ mà tự tứ vào ngày mười bốn ; nếu Tăng cựu trú tùy thuận theo Tỳ-kheo khách để tự tứ thì y có được trong ngày này gọi là y được trong ba tháng, thọ làm y Ca-hi-na thì thành thọ.

Hỏi: Như Phật dạy Thời y được thọ làm y Ca-hi-na, thế nào là Thời y?

- Tự tứ xong, trong một tháng sau được y thì gọi là Thời y.

Hỏi: Như Phật dạy y bất tịnh không được thọ làm y Ca-hi-na, thế nào là y bất tịnh?

- Tức là y của tỳ-kheo chết để lại.

Hỏi: Có năm hạng người thọ y Ca-hi-na không gọi là thọ, đó là năm hạng người nào?

- Đó là người không có tuổi hạ, người phá an cư, người hậu an cư, người an cư ở trú xứ khác và người bị tẫn.

Hỏi: Trong tám trường hợp xả y Ca-hi-na có

mấy trường hợp cùng xả, mấy trường hợp không cùng xả? - Trừ hai trường hợp sau, các trường hợp khác đều là cùng xả.

Hỏi: Có trường hợp ngay ngày thọ y Ca-hi-na, ngay ngày đó liền xả mà không tác pháp yết ma hay không? - Có, nếu Tăng cựu trụ thọ y vào ngày mười sáu, Tỳ-kheo khách đến đông hơn cùng nói với nhau xả thì thành xả.

Hỏi: Thế nào là phá Tăng?

- Là phi pháp tưởng là phi pháp mà phá Tăng thì bị đọa vào địa ngục Vô gián, có bốn câu:

- Một là phá Tăng không phải là thọ pháp, tức là phá tăng mà không thọ mười bốn việc.

- Hai là thọ pháp không phải là phá Tăng, tức là thọ mười bốn việc mà không phá Tăng.

- Ba là cũng thọ pháp cũng phá Tăng, tức là thọ mười bốn việc để phá Tăng.

- Bốn là không thọ pháp cũng không phá Tăng, tức là trừ ba trường hợp trên.

Hỏi: Khi Tăng hoại, xả giới có thành xả không? -nếu như pháp thì thành xả.

Hỏi: Khi Tăng hoại, Tỳ-kheo-ni được bố tát không? -được.

Hỏi: Khi Tăng bị phá, Tỳ-kheo làm Thác lại tra nên làm gì?

- Nên ở trong chúng như pháp, không được đưa tin.

Hỏi: Khi Tăng hoại, có nên giáo giới cho Tỳ-kheo-ni không?

- Nếu có người nói pháp ngữ thì nên giáo giới, nếu không có thì không nên giáo giới, Tỳ-kheo làm Thác lại tra nên ra ngoài giới để giáo giới. Hỏi: Nếu Tỳ-kheo tùy thuận Tỳ-kheo bị tẫn thì phạm Đột-kiết-la, vậy người bị tẫn ở một mình hay là có bạn?

- Phải ở một mình không có bạn, không được cùng ăn với người bị tẫn, nếu không biết là bị tẫn nên cùng ăn thì không phạm.

Tỳ-kheo thọ pháp cùng ăn với Tỳ-kheo không thọ pháp thì không phạm, Tỳ-kheo không thọ pháp cùng ăn với Tỳ-kheo thọ pháp thì phạm Đột-kiết-la. Có bốn người tùy thuận phá Tăng thì gọi là phá Tăng.

Hỏi: Như Phật dạy Tỳ-kheo như vậy thì không được tẫn, thế nào là Tỳ-kheo như vậy?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo có oai đức lớn, trì kinh luật luận, đa văn, có nhiều tri thức, nhiều quyến thuộc… tẫn người như vậy thì phạm Thâu-lan-giá.

Hỏi: Có Tỳ-kheo tin ưa thì nên xuất tội, thế nào là Tỳ-kheo tin ưa?

- Là nghe theo hay tin lời, nếu bảo sám hối mà không sám hối thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Nếu Tăng hoại, ai nên xả y Ca-hi-na?

- Người nói pháp ngữ nên xả.

Hỏi: Người bị tẫn hạ ý tùy thuận chiết phục, có

nên xả yết ma không?

- Nên xả yết ma.

Hỏi: Nếu các Tỳ-kheo đồng ý thì nên cho ngọa cụ, thế nào là đồng ý?

- Là tịch tĩnh không xúc não nhau.

Hỏi: Các Tỳ-kheo ở Tỳ-da-ly và Câu-xá-di nhóm họp một chỗ thì Tỳ-kheo làm Thác lại tra nên làm thế nào?

- Nên ra ngoài giới bố tát.

Hỏi: Các Tỳ-kheo ở Tỳ-da-ly và Câu-xá-di bố tát chung thì có thành bố tát không?

- Không thành bố tát.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo làm Thác lại tra bố tát chung với các Tỳ-kheo Tỳ-da-ly thì có thành bố tát không?

- Thành bố tát.

Hỏi: Tỳ-kheo nên gởi dục cho Tỳ-kheo-ni cầu giáo giới, thế nào là gởi dục cầu giáo giới?

- Tỳ-kheo nên nói: "Các cô hãy hòa hợp làm bố tát".

Hỏi: Khi làm bố tát, Tăng bị phá làm hai bộ, có nên giáo giới cho Tỳ-kheo-ni không?

- Nên giáo giới.

- Giáo giới ở đâu?

- Nên ra ngoài giới để giáo giới.

Hỏi: Như Phật dạy phi pháp không hòa hợp, phi

pháp hòa hợp, như pháp không hòa hợp và như pháp hòa hợp, nghĩa như thế nào?

- Trường hợp phi pháp không hòa hợp là đáng nên cho yết ma Khổ thiết thì lại cho yết ma tẫn và Tăng không hòa hợp. Trường hợp phi pháp hòa hợp là đáng nên cho yết ma Khổ thiết thì lại cho yết ma tẫn và Tăng hòa hợp. Trường hợp như pháp hòa hợp là trước tác bạch sau yết ma, Tăng cùng hòa hợp. Trái với điều này là như pháp không hòa hợp. Một Tỳ-kheo tẫn một Tỳ-kheo, nhiều người tẫn bốn Tỳ-kheo thì phạm Đột-kiết-la; bốn người tẫn bốn người thì phạm Thâu-lan-giá.

Hỏi: Khi tẫn Tỳ-kheo mà ngủ thì có thành tẫn hay không?

- Nếu nghe tác bạch rồi ngủ thì thành tẫn, ngủ trước khi tác bạch thì không thành tẫn. Nếu khi Tăng tẫn Tỳ-kheo mà không đến thì nên lấy dục.

Hỏi: Thế nào là đến yết ma?

- Tức là bốn Tỳ-kheo thanh tịnh cùng ở cho đến hai mươi người cũng vậy.

Hỏi: Nếu khi Sa-di muốn thọ giới cụ túc mà không nói cho con thọ giới thì có đắc giới không?

- Đắc giới. Thức-xoa-ma-na và Sa-di-ni khi thọ giới cụ túc cũng vậy; người hành Biệt trú, người hành Bổn nhật trị, người hành Ma-na-đỏa cho đến người cầu xuất tội… mười hai hạng người cũng vậy.

Hỏi: Khi Tăng tác pháp tẫn, người bị tẫn ngủ thì có thành tẫn không?

- Nếu nghe tác bạch thì thành tẫn, không nghe thì không thành tẫn; người nhập Diệt tận định cũng vậy. Khi Tăng bị phá thì tất cả yết ma tẫn đều không thành tẫn.

Hỏi: Nếu yết ma phi pháp thì tất cả yết ma là không hòa hợp hay là yết ma không hòa hợp thì tất cả yết ma là phi pháp?

- Nếu Tỳ-kheo bị tẫn không hiện tiền, không tự nói tội, Tăng không bảo tự nói tội, không bảo nhớ nghĩ, không ở trong giới thì gọi là phi pháp; tất cả Tăng nhóm họp, người không đến gởi dục thì gọi là hòa hợp. Ngược với trường hợp trên thì gọi là yết ma như pháp không hòa hợp.

Hỏi: Khi bố tát, trong Tăng hỏi ba lần, tự nhớ mình có tội mà không phát lồ thì tất cả đều phạm tội phải không?

- Nếu trong Tăng hỏi ba lần, nhớ có tội mà không phát lồ thì tất cả đều phạm tội; nếu tự nói tôi không phải là Tỳ-kheo cũng vậy.

Hỏi: Người biệt trụ tẫn Tỳ-kheo thì có thành tẫn không?

- Thành tẫn, chỉ trừ yết ma thọ giới, các yết ma khác đều được làm.

Hỏi: Trước đã bạch Tăng rồi tẫn Tỳ-kheo thì có thành tẫn không?

- Thành tẫn, có có một vị hoặc Tăng không biết mà tẫn Tỳ-kheo thì phạm Thâu-lan-giá.

Hỏi: Tỳ-kheo bị phạt nếu hạ ý điều phục thì nên cho xả không?

- Nên cho xả.

Hỏi: Một lần nói cho hai người thọ giới cụ túc thì có đắc giới không?

- Không đắc giới.

Hỏi: Một lần nói cho bốn người thọ giới cụ túc thì có đắc giới không?

- Không đắc giới.

Hỏi: Thọ dục đủ túc số bốn người để tẫn Tỳ-kheo thì có thành tẫn không?

- Không thành tẫn, trường hợp tặc trú đủ túc số cũng vậy.

Hỏi: Đáng cho xả yết ma Khổ thiết mà lại cho xả yết ma Khu xuất thì có thành xả yết ma không?

- Thành, vì xả yết ma Khổ thiết tức là xả yết ma Khu xuất .

Hỏi: Tác yết ma Khổ thiết để tẫn Tỳ-kheo thì có thành tẫn không?

- Thành tẫn.

Hỏi: Yết ma Khu xuất có nghĩa gì?

- Nghĩa là Tỳ-kheo thường phạm giới nếu không ngừng lại thì không cho y chỉ.

Hỏi: Yết ma Khổ thiết có nghĩa gì?

- Nếu Tỳ-kheo không dứt tranh cãi, Tăng nên nói: "Nếu thầy không dứt tranh cãi thì Tăng sẽ gia tội cho thầy".

Hỏi: Yết ma tẫn có nghĩa gì?

- Nếu Tỳ-kheo Ô-tha-gia thì không được ở nơi ấy nữa.

Hỏi: Phát hỉ sám hối có nghĩa gì?

- Nếu Tỳ-kheo làm mất lòng đàn việt, Tăng nên nói: "Nếu thầy không đến sám tạ đàn việt thì Tăng sẽ gia tội cho thầy".

Có một việc nhiếp tất cả Tỳ-ni, đó là luật nghi; có một việc không nhiếp tất cả Tỳ-ni, đó là phi luật nghi; có một việc nhiếp tất cả tội phạm giới, đó là phi luật nghi; có một việc không nhiếp tất cả tội phạm giới, đó là luật nghi.

Có người làm một việc mà phạm đại tội, đó là phá Tăng; lại có người làm một việc mà phạm đại tội, đó là tâm ác làm Phật bị thương chảy máu; lại có người làm một việc mà phạm đại tội, đó là phỉ báng Hiền thánh; lại có người làm một việc mà phạm đại tội, đó là tùy thuận phá Tăng; lại có người làm một việc mà phạm đại tội, đó là phỉ báng Như lai và chúng Hiền thánh. Có một việc phi pháp ngăn thuyết giới phạm đại tội, đó là không căn cứ; có một việc sát sanh phạm đại tội, đó là giết Phật Bích chi. Có người làm một việc mà phạm đại tội, đó là lấy trộm Tăng vật; lại có người làm một việc

mà phạm đại tội, đó là hành dâm Tỳ-kheo-ni A-la-hán. Có một việc vọng ngữ phạm đại tội, đó là rỗng không mà nói là được pháp hơn người.

Có hai loại phạm tội, đó là bất thiện và vô ký; lại có hai loại phạm tội, đó là hữu dư và vô dư; lại có hai loại phạm tội ở miệng, đó là bất thiện và vô ký; lại có hai loại phạm tội ở thân, đó là bất thiện và vô ký; lại có hai loại phạm tội hữu dư, đó là bất thiện và vô ký; lại có hai loại phạm tội vô dư, đó là bất thiện và vô ký; lại có hai loại phạm tội, đó là vô ký ẩn mất và vô ký không ẩn mất; lại có hai loại phạm tội, đó là chướng ngại và không chướng ngại; lại có hai loại phạm tội, đó là cộng và bất cộng; lại có hai loại phạm tội, đó là Tỳ-kheo cùng Tỳ-kheo-ni và Tỳ-kheo-ni cùng Tỳ-kheo; Tỳ-kheo cùng Thức-xoa-ma-na và Thức-xoa-ma-na cùng Tỳ-kheo; Sa-di và Sa-di-ni cũng như vậy. Có hai loại phạm tội, đó là Tỳ-kheo cùng Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-tắc cùng Tỳ-kheo; Ưu-bà-di cũng vậy. Có hai loại mà tất cả thời đều phạm, đó là Phật tại thế và sau khi Phật diệt độ. Có hai loại phạm tội, đó là quốc độ nhiếp và phương xứ nhiếp; lại có hai loại phạm tội, đó là trọng và khinh; lại có hai loại phạm tội, đó là nên xuất tội và không nên xuất tội; lại có hai loại phạm tội, đó là xuất gia và nhập gia; lại có hai loại phạm tội, đó là có thể sám hối và không thể sám hội; lại có hai loại phạm tội, đó là chế và khai; lại có hai loại phạm tội, đó là khởi và không

khởi; lại có hai loại phạm tội, đó là trọn đời và tạm thời; lại có hai loại phạm tội, đó là hoại và không hoại; Có hai loại phạm tội khinh, đó là hữu dư và vô dư; lại có hai loại phạm tội trọng, đó là hữu dư và vô dư; lại có hai loại phạm tội, đó là sám trọng khinh Thâu-lan-giá. Bạch y có hai loại phạm tội là sám hối và tâm sám hối. Có hai loại phạm tội, đó là có quả báo và không có quả báo; lại có hai loại phạm tội, đó là vào trong chúng và đối trước một người; Có hai loại phạm tội, đó là khéo dùng phương tiện không phạm tội và không khéo dùng phương tiện phạm tội.

Có hai loại hổ thẹn, đó là có mong cầu gì và không có mong cầu gì. Có hai loại Tăng đoán sự, đó là tác pháp yết ma và không tác pháp yết ma; Có hai loại Tăng đoán sự, đó là Tăng sai và không sai; Có hai loại Tăng đoán sự, đó là nói lời dịu hòa và nói lời thô xẵng; Có hai loại Tăng đoán sự, đó là người nói và người nghe; Có hai loại Tăng đoán sự, đó là thời nói đúng thời và phi thời nói phi thời; Có hai loại Tăng đoán sự, đó là rõ ràng và không rõ ràng; quyết đoán và không quyết đoán. Có hai loại Tăng đoán sự, đó là có ân huệ và không có ân huệ; Có hai loại Tăng đoán sự, đó là như dê bị thiến ác khẩu và không như dê bị thiến ác khẩu; Có hai loại Tăng đoán sự, đó là đa văn và không đa văn; Có hai loại Tăng đoán sự, đó là thông lợi A-hàm và không thông lợi A-hàm; Có hai loại Tăng đoán

sự, đó là hiểu rõ và không hiểu rõ.

Có hai loại Tăng đoán sự, đó là như pháp và không như pháp; đúng thời và phi thời; biết suy xét và không biết suy xét.

Có hai loại phỉ báng Như lai: Phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp; có hai loại phạm tội, đó là tác và vô tác; có hai loại điều phục: tẫn và chê trách.

Có hai loại phỉ báng Như lai: Có lòng tin mà hiểu sai lạc và không có lòng tin lại sân hận; ngược với hai pháp trên là bạch pháp.

Có hai loại tội là ác giới và ác kiến; có hai loại khổ thiết là phạt ở trong chúng và phạt riêng; có hai loại khu xuất là phạt và Tăng hòa hợp; có hai loại biệt trụ là người phạm giới biệt trụ và ngoài đạo biệt trụ. Có hai loại Bổn nhật trị là phạt và khiến cho giới đầy đủ; có hai loại Ma-na-đỏa là phạt và điều phục. Có hai loại quét dọn là phạt và tâm thiện; có hai loại thanh tịnh là tác thanh tịnh và vô tác thanh tịnh.

Có hai loại Tỳ-kheo tranh cãi là Tỳ-kheo tranh cãi với Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni tranh cãi với Tỳ-kheo-ni… cho đến Sa-di-ni cũng vậy.

Có ba loại phạm tội, đó là do tham, sân và si sanh; có ba loại phạm tội về thân, đó là do tham, sân, si sanh; có ba loại phạm tội về miệng, đó là do tham, sân và si sanh.

Có ba loại phi Tỳ-ni do tham, sân và si sanh; có ba loại Tỳ-ni về tham, sân và si.

Có ba pháp nhiếp tất cả tội: Nhân duyên, chế và phân biệt. Có ba loại yết ma nhiếp tất cả yết ma: Đơn bạch yết ma, bạch nhị yết ma, bạch tứ yết ma.

Có ba loại yết ma: Tăng yết ma, Thác-lại-tra yết ma và bố tát yết ma.

Có ba loại học: Tăng thượng giới học, tăng thượng định học và tăng thượng huệ học; lại có ba loại học là oai nghi, Tỳ-ni và Ba-la-đề-mộc-xoa.

Có ba loại phạm tội, đó là thân khẩu và ý. Có ba loại tranh cãi là thiện, bất thiện và vô ký.

Có ba nghiệp là pháp, phi pháp và tợ pháp.

Có ba nhân duyên phá Tăng là nghe, thọ lấy thẻ và kiến lập hai bộ.

Có ba loại nên diệt là phạm, phạm rồi tự nói và tự nói đã phạm. Có ba bậc thọ cúng dường là Như lai, Thượng tòa và đồng phạm hạnh.

Có ba bậc nên đứng dậy nghinh đón là Như lai, Thượng tòa và đồng phạm hạnh.

Có ba hạng người nên lễ bái, nếu không lễ bái thì phạm tội, đó là Hòa thượng, A-xà-lê và vị pháp ngữ cho biệt trụ. Có ba hạng người không lễ bái không có phạm tội, đó là người Bất cọng trụ, người hành Biệt trú và hạ tòa.

Có ba loại sai là Tăng sai, riêng tư sai và Ba-la-đề-mộc-xoa sai; lại có ba loại sai là tăng sai, năm

chúng sai và vua sai; lại có ba loại sai là Hòa thượng sai, A-xà-lê sai và Ưu-bà-tắc sai; lại có ba loại sai là Hòa thượng sai, A-xà-lê sai và Thượng tòa sai.

Có ba loại tự tứ là thỉnh tự tứ, thường thường tự tứ và thường tự tứ; lại có ba loại tự tứ là gởi dục tự tứ, thanh tịnh tự tứ và tâm tự tứ; lại có ba loại tự tứ là y tự tứ, thực tự tứ và dược tự tứ.

Có ba loại chế là nhân duyên khởi tội mà chế, giáo giới tội mà chế và do chiết phục mà chế.

Có ba loại yết ma là Tăng yết ma, vì thí chủ yết ma, và vì tài vật yết ma.

Có ba loại kiến lập là tài lợi, người và cương giới.

Có bốn loại biết là phạm, không phạm, thanh tịnh và không thanh tịnh.

Có bốn loại thanh tịnh là thấy, sám hối, giáo giới và xuất tội.

Có bốn loại không dừng là tham, sân, si và cả tham sân si; ngược với trên là bốn loại dừng.

Có bốn chúng là chúng cạo bỏ râu tóc, chúng ô uế, chúng trí huệ và chúng tranh cãi.

Có bốn nhân duyên nên Phật cho các Tỳ-kheo được uống thuốc, đó là vì duyên sự, tùy quốc độ, tùy thời và vì người. Có bốn loại dược là bất tịnh và tịnh thọ dùng, tịnh và bất tịnh thọ dùng, bất tịnh và bất tịnh thọ dùng, tịnh và tịnh thọ dùng. Có bốn

việc Như lai chế phục đệ tử, đó là chớ làm, chế phục, cầu xuất tội và vì pháp trụ lâu.

Có bốn cảnh giới của Như lai, đó là trí, pháp, người và thần túc. Ở trong bốn cảnh giới này mà Như lai chế giới, chế Tỳ-ni, chế Ba-la-đề-mộc-xoa, Tu-đa-la, A-tỳ-đàm, chú thuật cứu cánh, Tỳ-ni tập, Tỳ-ni phát lồ tội, nhớ nghĩ tội, cơ hiềm tội, quốc độ tội; thanh tịnh, thọ thanh tịnh, thuyết thanh tịnh; tự tứ, người tự tứ, yết ma tự tứ, gởi dục tự tứ, thọ dục tự tứ, thuyết dục tự tứ, ngăn tự tứ; yết ma Khổ thiết, yết ma Khu xuất, yết ma tẫn, yết ma sám hối; cho thọ giới cụ túc, không cho thọ giới cụ túc, thọ đắc giới cụ túc, không thọ đắc giới cụ túc; y chỉ, cho y chỉ, nói y chỉ, thọ y chỉ; yết ma phi pháp, yết ma như pháp, yết ma tợ pháp, yết ma Tỳ-ni, yết ma phi Tỳ-ni, yết ma hòa hợp, yết ma không hòa hợp, yết ma có thể chuyển đổi, yết ma không thể chuyển đổi; Hòa thượng, A-xà-lê và đệ tử, đồng ý, nhẫn nhục, sám hối, bảo sám hối, chánh thuận xả tất cả yết ma… tất cả các việc trên đều ở trong bốn cảnh giới của Như lai là trí, pháp, người và thần túc.

Có năm nhân duyên để thọ yết ma, đó là tự tác yết ma, người khác tác yết ma, hiện tiền tùy hỉ , gởi dục và xuất tội.

Có năm việc khổ thiết: Hoặc nói tôi sẽ đến trong Tăng này nói tội của thầy, hoặc nói tôi sẽ đến trong Tăng khác nói tội của thầy, hoặc nói tôi sẽ nói tội của thầy, hoặc nói tôi sẽ dẫn thầy đến trong

Tăng, hoặc nói tôi nhất định sẽ cử tội thầy.

Có năm pháp cử tội thành tựu, đó là chân thật không hư dối, đúng thời không phải phi thời, tâm từ không phải sân hận, nói lời hòa dịu không phải lời thô xẵng, vì làm lợi ích không phải không làm lợi ích.

Có năm việc thành tựu thì Tỳ-kheo không làm cho Ưu-bà-tắc khởi tín kính, đó là chê bai Phật pháp Tăng, không có oai nghi, không học giới Tỳ-kheo.

Tỳ-kheo trì luật thọ việc tranh cãi trước nên nội quán năm pháp, suy xét kỹ rồi mới thọ việc tranh cãi, đó là quán ta có tinh tấn không, ta có phạm giới không, ta có thanh tịnh không, ta có đa văn không, ta có hiểu rõ Tỳ-ni không, có nhiễm theo đồ chúng xấu ác không, có như Tỳ-ni như lời Phật dạy không.

Có năm việc Tỳ-kheo trì luật không nên ở trong Tăng thọ việc tranh cãi, đó là nói lời khủng bố, xúc não người khác, nói quá lâu, nói nặng lời, nói lời không làm chúng vừa ý; ngược với trên thì nên thọ việc tranh cãi.

Có năm việc Tỳ-kheo trì luật không nên ở trong Tăng thọ việc tranh cãi, đó là nghe lời Tỳ-kheo xấu ác, nghe lời sai lầm, không hỏi Tỳ-kheo xấu ác ba lần; ngược với trên thì nên thọ việc tranh cãi.

Có năm việc Tỳ-kheo trì luật không nên ở trong

Tăng thọ việc tranh cãi, đó là không hiểu lời nói của mình, không hiểu lời nói của người khác, không thích lời người khác nói, không thích lời mình nói, không đa văn; ngược với trên thì nên thọ việc tranh cãi.

Có năm việc Tỳ-kheo trì luật không nên ở trong Tăng thọ việc tranh cãi, đó là không cầu thỉnh, cố chấp, không hiểu rõ việc tranh cãi, không biết việc tranh cãi, không biết diệt tránh; ngược với trên thì nên thọ việc tranh cãi.

Có năm việc Tỳ-kheo trì luật không nên ở trong Tăng thọ việc tranh cãi, đó là không cầu thỉnh Thượng tòa, không đa văn, không biết Tỳ-ni, không có quyến thuộc, không cung kính Thượng trung hạ tòa và Tỳ-kheo làm Thác lại tra.

Có năm việc đối với Tỳ-kheo làm Thác lại tra nên tẫn, nên khu xuất, nên chê trách hoặc khiến cho sanh ư não chế phục, đó là nếu Tỳ-kheo làm Thác lại tra trì ác giới, phạm giới, tà kiến; không đa văn; không biết Tỳ-ni; không hổ thẹn; không biết chúng tăng là quyến thuộc lại trợ giúp Tỳ-kheo xấu ác.

Có năm việc Tỳ-kheo đoán sự nên biết: Một là kính Tăng, hai là tâm từ nói lời hòa dịu, ba là biết chỗ nào nên ngồi, khi xử đoán việc biết chỗ ngồi của mình, bốn là nên thuyết pháp cho người, nếu tự mình không thuyết được thì nên thỉnh người thuyết, năm là nghe người thuyết pháp hy thì nên

khen ngợi.

Có năm việc Tỳ-kheo nên hành: Một là tâm như chổi quét, hai là trong Tăng tâm bình đẳng, không kiêu mạn; ba là trong Tăng không bàn nói quốc độ, không nói lời ác; bốn là trong Tăng như pháp tùy thuận, có tội thì sám hối, không tội thì im lặng; năm là đừng làm chúng khác với Tăng.

Có năm loại đại tặc: Một là loại đại tặc có một trăm người vây quanh, hai là loại đại tặc đem vật của Tăng bốn phương cho người khác, ba là loại đại tặc tự nói ta là A-la-hán, bốn là loại đại tặc đối với nghĩa không mà Như lai giảng nói lại nói là ta nói, năm là loại đại tặc Tỳ-kheo phạm giới, không tinh tấn lại làm ác pháp, bên trong thối nát rỗng không, không phải Sa-môn mà tự nói là Sa-môn, không phải phạm hạnh mà tự nói là phạm hạnh, dẫn cả một trăm… cho đến năm trăm đồ chúng đi vào tụ lạc thành ấp thọ cúng dường.

Có năm cách trộm cắp, đó là cưỡng đoạt lấy, nói lời dịu ngọt để lấy, lấy một cách cực khổ, nhận người gởi rồi lấy và cho rồi lấy lại.

Có năm loại không nên khai thông, đó là không hổ thẹn, không nói lời dịu hòa, không đa văn, muốn cử tội người khác và không cầu thanh tịnh.

Có năm việc khi thí không nên tưởng là có phước, đó là thí cho người nữ, thí cho trâu đánh nhau, thí rượu, thì hình vẽ nam nữ và thí kỹ nhạc.

Có năm nhân duyên không được đến trước khi bố tát, đó là nạn vua, nạn giặc, nạn lửa, nạn nước, nạn trùng bò đi bằng bụng (rắn).

Tỳ-kheo đến nhà bạch y có năm việc không chánh niệm, đó là không bạch mà vào tụ lạc, không xem chỗ ngồi mà ngồi, cùng người nữ ngồi ở chỗ khuất, không có tịnh nhân mà vì thuyết pháp quá năm, sáu lời và không lấy tay đè xuống mà ngồi. Lại có năm lỗi: Một là gặp người nữ rồi cùng nói chuyện, hai là cùng nói chuyện rồi gần gũi, ba là gần gũi rồi khởi niệm xấu ác, bốn là khởi niệm xấu ác rồi phạm trọng giới, năm là phạm mà không biết phạm giới trước hay sau, không ưa thích tu phạm hạnh.

Có năm pháp thành tựu thì nên bảo đệ tử sám hối Hòa thượng: Một là không thân gần Hòa thượng, hai là không hổ thẹn, không nghĩ đến Hòa thượng; ba là tranh cãi với Hòa thượng, bốn là không cung kính, năm là không dùng pháp nhiếp Hòa thượng mà dùng tài nhiếp Hòa thượng. Nếu sám hối thì tốt, nếu không sám hối thì tùy việc kết phạm. Ngược với năm pháp trên thì nên thọ sám, nếu Hòa thượng không thọ sám thì tùy việc kết phạm. Đệ tử cận trụ của A-xà-lê cũng như vậy.

Có năm loại sai biệt, đó là Phật sai biệt, Pháp và Tăng sai biệt, yết ma sai biệt và đạo sai biệt. Ngược với trên là không sai biệt. Lại có năm loại sai biệt, đó là Phật sai biệt, Hòa thượng sai biệt, A-

xà-lê sai biệt, yết ma sai biệt và Pháp sai biệt.

Có sáu nguồn gốc của của việc tranh cãi như trong Tăng nhất đã nói. Có sáu loại sai bảo: Tăng sai bảo, các bộ sai bảo, Hòa thượng và A-xà-lê sai bảo, Thượng tòa sai bảo và vua sai.

Có sáu việc Ưu-bà-tắc không nên làm, đó là ép dầu, nuôi Đười ươi, nhuộm bằng máu, mua bán rượu và bán dao trượng… các loại khí giới.

Có sáu loại tự tứ, đó là Tỳ-kheo tự tứ, Tỳ-kheo-ni tự tứ, hai bộ tăng tự tứ, Thực tự tứ, thanh tịnh tự tứ và tự tứ.

Có sáu loại hoại, đó là tự hoại, người khác hoại, giới hoại, kiến hoại, oai nghi hoại và mạng hoại. Ngược với trên là sáu việc thành tựu.

Có sáu lại ái kính, đó là thân nghiệp tự, khẩu nghiệp từ, ý nghiệp từ, Hiền thánh cộng giới, Hiền thánh đồng kiến và y bát dư được như pháp đều thí cho đồng phạm hạnh.

Có sáu cách trộm cắp gồm có năm cách như đã nói ở trước và thứ sáu là trộm pháp.

Có sáu pháp hiện tiền gọi là đắc giới cụ túc, đó là Phật hiện tiền, Pháp và Tăng hiện tiền, Hòa thượng và A-xà-lê hiện tiền, thứ sáu là người thọ giới hiện tiền.

Có sáu việc ở trong Pháp khó được đầy đủ, đó là nhiều tham dục, khó vừa ý, khó nuôi dưỡng, không biết đủ, không hiếu thuận, nhiều nghi,

không cầu cứu cánh. Ngược với trên thì dễ đầy đủ.

Có bảy loại tài, đó là tín, giới, thí, văn, huệ, tàm và quí. Có bảy lực, đó là tín, giới, thí, văn, huệ, tàm và quí.

Có bảy pháp: Một là như thật biết Sắc là khổ, hai là như thật biết Sắc là tập, ba là như thật biết Sắc là diệt, bốn là như thật biết Sắc là đạo, năm là như thật biết Sắc là ái, sáu là như thật biết Sắc là lỗi, bảy là như thật biết Sắc để lìa; Thọ tưởng hành thức cũng như vậy. Có bảy phương tiện, đó là quán bất tịnh, quán hơi thở, bốn niệm xứ, noãn, đảnh, nhẫn và thế đệ nhất pháp.

Có bảy báu, đó là: Bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, nữ báu, thần coi giữ phục tàng báu, thần chỉ huy quân đội báu và ngọc ma ni báu.

Có bảy Giác báu, đó là: Niệm giác báu, Trạch pháp giác báu, Tinh tấn giác báu, Hỷ giác báu, Ỷ giác báu, Định giác báu và Xả giác báu.

Có bảy pháp diệt tránh, đó là Hiện tiền Tỳ-ni, Ức niệm Tỳ-ni, Bất si Tỳ-ni, Tự ngôn Tỳ-ni, Thật mích Tỳ-ni, Đa mích Tỳ-ni và Bố thảo Tỳ-ni.

Có bảy loại y, đó là y bằng giạ, y bằng vải gai, y dệt bằng sợi gai mặc vào mùa hè, y Câu-chi, y Câu-xá-da, y Kiếp-bối và y Sô-ma.

Có bảy pháp thối chuyển, đó là không kính Phật, pháp, Tăng và giới, phóng dật, không kính thiền định. Ngược với trên là bảy pháp tăng tấn.

Có bảy loại chế phục: Một là nơi như vậy thì không nên ở, hai là người như vậy thì chớ gần gũi, ba là chỗ như vậy chớ nương tựa, bốn là tụ lạc như vậy chớ nên đến, năm là đường như vậy chớ nên đi, sáu là nhà như thế thì không nên đến, bảy là người như vậy chớ cùng nói chuyện.

Có bảy loại bất tín như trong Khế kinh.

Tỳ-kheo trì luật có bảy công đức: Một là được Tỳ-kheo tôn kính, hai là được Tỳ-kheo-ni tôn kính, ba là người không tùy thuận khiến cho tùy thuận, bốn là thủ hộ bí tàng của Phật, năm là ca ngợi Phật pháp, sáu là hiểu rõ pháp tướng, bảy là khéo hay giáo giới. Do trì luật nên tất cà Sa-môn, Bà-la-môn đều đảnh lễ cúng dường.

Có bảy bậc trì luật, đó là Phật Tỳ bà thi, Phật Thi khi, Phật Tùy diếp, Phật Câu lưu tôn, Phật Câu na-hàm Mâu ni, Phật Ca-diếp.

Có tám loại công đức, đó là công đức của cương giới, công đức về Sự, công đức y chỉ, công đức của Tăng chế, công đức của Tăng thí, công đức an cư, công đức cúng cho Tăng bốn phương và công đức dạy bảo.

Có tám loại xả y Ca-hi-na như trong Tỳ-ni.

Có tám loại giày không được mang, đó là: Giày cỏ, giày cỏ gai, giày Ca-ni-ca, giày đan chỉ sợi, guốc gỗ, guốc tre và giày đan bằng dây mây.

Hỏi: Thế nào là phá Tăng? - Có mười bốn việc

phá Tăng như phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp… như trong Tỳ-ni. Không phải một Tỳ-kheo cho đến tám, chín người có thể phá Tăng; mà do hai nhân duyên khiến Tăng bị phá, đó là nói và đồng thọ thẻ.

Có tám pháp đem tội Ba-la-di không căn cứ vu báng Tỳ-kheo khác, phạm Tăng-già-bà-thi-sa: Một là vì sân giận không vui, hai là muốn khiến người khác thành không phải Tỳ-kheo, ba là muốn diệt pháp Sa-môn, bốn là tự mình không thanh tịnh, năm là nghi việc của người kia là hư nên quán sát người kia, sáu là như pháp cử tội này, bảy là nhất định sanh tranh cãi, tám là tranh cãi rồi chia rẽ thành chúng khác, không phải nhân giải thoát. Ngược với trên thì nên cử tội.

Có tám pháp diệt tham sân si tức là tám Thánh đạo

Có tám cấu uế, đó là nội cấu, y cấu, tài cấu, thực cấu, tịnh cấu, bất tịnh cấu, nhiếp thọ cấu và không nhiếp thọ cấu.

Có tám không căn cứ ngăn thuyết giới như trong Tỳ-ni.

Có chín pháp nương, đó là nương Phật, pháp, Tăng; nương Hòa thượng và A-xà-lê; nương chủng tộc, nương trú xứ, nương người và nương giới cụ túc .

Có chín pháp diệt sân hận như trong Khế kinh.

Tỳ-kheo A-la-hán Lậu tận việc nên làm đã làm xong, phạm hạnh đã lập thì không phạm các việc như: Tùy ái, tùy sân, tùy sợ, tùy si; không cố ý sát sanh, trộm cắp, dâm dục và vọng ngữ.

Sát sanh Có mười lỗi như trong Khế kinh, mười nghiệp đạo bất thiện cũng như trong Khế kinh và mười thiện nghiệp cũng vậy.

Có mười loại nhiếp thọ, đó là y, thực, ngọa cụ và dược nhiếp thọ; kinh luật và luận nhiếp thọ; phạm tội, thanh tịnh và xuất tội nhiếp thọ. Ngược với trên là không phải nhiếp thọ.

Có mười chướng nạn khi thọ giới cụ túc, đó là phi nhân, không xin, không bạch, yết ma không đầy đủ, tuổi không đủ hai mươi, giết hại cha mẹ, giết A-la-hán, phá Tăng, ác tâm làm Phật bị thương chảy máu. Ngược với trên là không chướng nạn.

Lại Có mười chướng nạn khi thọ giới cụ túc, đó là vốn đã phạm giới, tặc trú, không phải nam, hai căn, việt tế, vốn không hòa hợp, giết hại cha mẹ, giết A-la-hán, phá Tăng, ác tâm làm Phật bị thương chảy máu.

Có mười nạn, đó là nạn vua, nạn giặc, nạn lửa, nạn nước, nạn trùng bò đi bằng bụng (rắn), nạn người, nạn về mạng sống và nạn phạm hạnh.

Có mười loại Tỳ-ni, đó là Tỳ-kheo Tỳ-ni, Tỳ-kheo-ni Tỳ-ni, Cụ Tỳ-ni, thiểu phần xứ Tỳ-ni, nhất thiết xứ Tỳ-ni, diệt tham sân si Tỳ-ni, diệt tội Tỳ-

ni và diệt tránh Tỳ-ni.

Có đầy đủ mười pháp xuất tội người khác được nhiều công đức, đó là chân thật không hư dối, đúng thời không phải phi thời, tâm từ không phải sân hận, nói lời hòa dịu không phải lời thô xằng, vì làm lợi ích không phải không làm lợi ích, tinh tấn, đa văn, trì giới, chánh niệm và trí huệ.

Có mười pháp thành tựu được nhiều công đức, đó là ý hoan hỉ, tôn trọng, cung kính, cúng dường, khen ngợi bậc vô học; giới, định, huệ, giải thoát và giải thoát tri kiến thành tựu.

Có đầy đủ mười pháp thì nên cho xuất gia như trong Tăng nhất. Có mười lợi, đó là y lợi, pháp lợi, Tăng lợi, Hòa thượng lợi, A-xà-lê lợi; giới, định, huệ, giải thoát, và giải thoát tri kiến lợi.

Có mười loại nhất vị, đó là giới, định, huệ, giải thoát và giải thoát tri kiến của bậc Hữu học; giới, định, huệ, giải thoát và giải thoát tri kiến của bậc Vô học.

Nếu có đàn việc xây phòng xá hay chùa cho Tăng, sau đó hồi thí cho một người thì gọi là phi pháp thí và phi pháp thọ dụng, như trong Tăng nhất.

Có mười lợi công đức nên Phật chế giới:

- Một là nhiếp thủ Tăng,
- Hai là khéo nhiếp phục,
- Ba là khiến Tăng được an lạc trụ,

- Bốn là chiết phục người có tâm cống cao,
- Năm là khiến người tàm quý được an lạc,
- Sáu là khiến người không tin được tịnh tín,
- Bảy là khiến người đã tin được tăng trưởng,
- Tám là ngăn phiền não lậu hoặc đời này,
- Chín là đoạn nghiệp ác đời sau,
- Mười là khiến phạm hạnh trụ lâu.

Luật sư có mười công đức lợi: Một là biết có tội hay không tội, hai là biết tu hay không tu, ba là biết làm hay không làm, bốn là biết thanh tịnh hay không thanh tịnh, năm là tâm ý thường sáng suốt, sáu là được bốn chúng cúng dường, mười là không thọ giáo giới từ người khác. Sở dĩ được như vậy là vì người trì luật thủ hộ bí tàng tối thắng nên tất cả Sa-môn, Bà-la-môn đều đảnh lễ cúng dường, vì làm lợi ích cho nhiều chúng sanh, gieo trồng căn lành cho vô lượng chúng sanh, làm cho chánh pháp được trụ lâu.

Hỏi: Tất cả Tỳ-ni nhiếp trong mấy pháp?

Đáp: Lược nhiếp trong ba pháp là đơn bạch yết ma, bạch nhị yết ma, bạch tứ yết ma.

Lại hỏi: Một trăm lẻ một pháp yết ma có mấy loại đơn bạch yết ma, mấy loại bạch nhị yết ma, mấy loại bạch tứ yết ma?

Đáp: Có hai mươi bốn pháp đơn bạch yết ma, bốn mươi bảy pháp bạch nhị yết ma, và ba mươi pháp bạch tứ yết ma

Hỏi: Hai mươi bốn pháp Đơn bạch yết ma gồm có những pháp nào? -một là Oai nghi A-xà-lê đơn bạch, hai là đơn bạch hỏi pháp chướng đạo, ba là đơn bạch bố tát, bốn là khi bố tát, tất cả Tăng đều phạm tội đơn bạch, năm là khi bố tát tất cả Tăng nghi có tội đơn bạch, sáu là khi sắp tự tứ đơn bạch, bảy là khi tự tứ Tăng phạm tội đơn bạch, tám là khi tự tứ tất cả Tăng nghi có tội đơn bạch, chín là khi tự tứ ở trong Tăng phạm tội đơn bạch, mười là khi tranh cãi đơn bạch, mười một là khi tự tứ, tội tướng chưa định đơn bạch, mười hai là khi an cư đơn bạch, mười ba là một mình thọ y của tỳ-kheo chết đơn bạch, mười bốn là chia vật của tỳ-kheo chết đơn bạch, mười lăm là xả y Ca-hi-na đơn bạch, mười sáu là nói tội thô đơn bạch, mười bảy là tôn giả Đà-phiêu chia y cho Tỳ-kheo đơn bạch, mười tám hiện tiền chê trách đơn bạch, mười chín im lặng xúc não người khác đơn bạch, hai mươi là yết ma Học gia đơn bạch, hai mươi mốt là xả yết ma Học gia đơn bạch, hai mươi hai là yết ma phú bát đơn bạch, hai mươi ba là yết ma ngửa bát đơn bạch, hai mươi bốn là bố thảo đơn bạch.

Hỏi: Bốn mươi bảy pháp Bạch nhị yết ma gồm có những pháp nào? -một là hiện tiền bố tát bạch nhị, hai là kết đại giới bạch nhị, ba là kết giới y bạch nhị, bốn là kết tiểu giới bạch nhị, năm là yết ma cuồng si bạch nhị, sáu là sai người tự tứ bạch nhị, bảy là sai người chia ngọa cụ bạch nhị, tám là

kết tịnh địa bạch nhị, chín là may y Ca-hi-na bạch nhị, mười là thọ y Ca-hi-na bạch nhị, mười một là giữ y Ca-hi-na bạch nhị, mười hai là sám hối bạch y bạch nhị, mười ba là sai mười hai hạng người bạch nhị, hai mươi bốn là củ Thác lại tra bạch nhị, hai mươi lăm lăm là Tỳ do trà bạch nhị, hai mươi sáu là diệt tránh bạch nhị, hai mươi bảy là hành pháp xá la bạch nhị, hai mươi tám là xin làm phòng bạch nhị, hai mươi chín là làm phòng lớn bạch nhị, ba mươi là cử tội Tỳ-kheo bạch nhị, ba mươi mốt là Thượng tòa bạch nhị, ba mươi hai là xả bát bạch nhị, ba mươi ba là khiến bạch y không sanh tâm tín kính bạch nhị, ba mươi bốn là sai giáo giới Tỳ-kheo-ni bạch nhị, ba mươi lăm là Tân ba lê tỳ bạch nhị, ba mươi sáu, ba mươi tám là Ni tăng bạch nhị tác pháp yết ma không lễ bái, không cùng nói chuyện, không cúng dường; ba mươi chín là mắng chúng bạch nhị, bốn mươi là cất chứa trượng bạch nhị, bốn mươi mốt là cất chứa trượng lạc nang bạch nhị, bốn mươi hai là năm năm được lợi bạch nhị, bốn mươi ba là ngăn bố tát bạch nhị, bốn mươi bốn là bổn sự bạch nhị, bốn mươi năm là cho Tỳ-kheo-ni có con ngủ chung phòng bạch nhị, bốn mươi sáu là nối liền phòng bạch nhị, bốn mươi bảy là xuất giới ba mươi chín đêm bạch nhị. Có thuyết nói tất cả việc tác pháp yết ma đều nên bạch nhị; cũng có thuyết nói trừ thọ giới cụ túc và A-phù-ha-na, tất cả các việc khác đều nên bạch nhị.

Hỏi: Ba mươi pháp Bạch tứ yết ma gồm có những pháp nào? -một là thọ giới cụ túc bạch tứ, hai là cho ngoại đạo bốn tháng biệt trú bạch tứ, ba là chúng tăng hòa hợp bố tát bạch tứ, bốn là cho khổ thiết bạch tứ, năm là cho y chỉ bạch tứ, sáu là cho khu xuất bạch tứ, bảy là cho bất kiến tẫn bạch tứ, tám là cho Bất tác tẫn bạch tứ, chín là cho ác tà bất trừ tẫn bạch tứ, mười là cho biệt trụ bạch tứ, mười một là cho biệt trụ Bổn nhật trị bạch tứ, mười hai là cho Ma-na-đỏa bạch tứ, mười ba là cho Ma-na-đỏa Bổn nhật trị bạch tứ, mười bốn là cho A-phù-ha-na bạch tứ, mười lăm là cho Ức niệm bạch tứ, mười sáu là cho Bất si bạch tứ, mười bảy là cho Thật mích bạch tứ, mười tám là phá tăng bạch tứ, mười chín là trợ giúp phá tăng bạch tứ, hai mươi là du hành bạch tứ, hai mươi mốt là tùy ái, sân sợ si bạch tứ, hai mươi hai là ác khẩu bạch tứ, hai mươi ba là ác tà bạch tứ, hai mươi bốn là Tỳ-kheo-ni tùy thuận Tỳ-kheo bị tẫn bạch tứ, hai mươi lăm lăm là Tỳ-kheo-ni nhiễm ô trụ bạch tứ, hai mươi sáu là cho Thức-xoa-ma-na học sáu pháp bạch tứ, hai mươi bảy là cho Sa-di học hối bạch tứ, bốn mươi tám, ba mươi là xả ba loại giới bạch tứ. Có thuyết nói tất cả yết ma đều nên bạch tứ .

Hỏi: Một trăm lẻ một pháp yết ma này có mấy loại được gởi dục, có mấy loại không được gởi dục?

Đáp: Trừ kiết giới yết ma, tất cả yết ma khác

đều được gởi dục.

Hỏi: Một trăm lẻ một pháp yết ma này có bao nhiêu loại bốn người tác pháp, bao nhiêu loại năm người tác pháp, bao nhiêu loại mười người tác pháp, bao nhiêu loại hai mươi người tác pháp và bao nhiêu loại bốn mươi người tác pháp?

Đáp: Trừ tự tứ năm người, thọ cụ giới mười người, A-phù-ha-na hai mươi người, A-phù-ha-na cho Tỳ-kheo-ni phải đủ hai bộ tăng gồm bốn mươi người; tất cả các yết ma khác đều được làm với túc số bốn người.

Hỏi: Yết ma có nghĩa gì? -nương vào việc đã làm gọi là yết ma.

Hỏi: Chữ thuyết trong đây có nghĩa gì? -nương vào sự việc thì gọi là Sự, tùy nói yết ma gọi là thuyết.

Hỏi: Khổ thiết có nghĩa gì? -do Tỳ-kheo tranh cãi nên cho khổ thiết.

Hỏi: Y chỉ có nghĩa gì? -do Tỳ-kheo thường phạm giới nên cho y chỉ.

Hỏi: Khu xuất có nghĩa gì? -do Tỳ-kheo Ô-tha-gia nên cho khu xuất. Các yết ma khác tùy theo nghĩa nên biết.

-oOo-

TÁT BÀ ĐA BỘ TỲ NI MA ĐẮC LẶC GIÀ

QUYỂN 8

24. Ưu-Ba-Ly Vấn Pháp:

a. Hỏi về bốn Ba-la-di:

Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Nếu Tỳ-kheo dùng lực chú thuật hóa làm người nữ để cùng hành dâm súc sanh đực thì phạm tội gì?", Phật bảo: "Nếu tự nhớ nghĩ mình là Tỳ-kheo, tự biết tôi là Tỳ-kheo mà làm việc không nên làm thì phạm Ba-la-di; nếu không nhớ biết thì phạm Thâu-lan-giá". Lại hỏi: "Thế tôn, nếu Tỳ-kheo dùng lực chú thuật hóa làm súc sanh đực để cùng hành dâm với người nữ thì phạm tội gì?", Phật bảo: "Nếu tự nhớ nghĩ mình là Tỳ-kheo thì phạm Ba-la-di, nếu không nhớ thì phạm Thâu-lan-giá". Trường hợp Hai Tỳ-kheo dùng lực chú thuật hóa làm súc sanh để cùng hành dâm cũng như vậy.

Hỏi: Cùng hành dâm với người nữ như thế nào thì phạm Ba-la-di?

Đáp: Nếu hành dâm với tất cả người nữ mà có thể nắm bắt được thì đều phạm Ba-la-di, nếu không thể nắm bắt được thì phạm Thâu-lan-giá.

Lại hỏi: Hành dâm trong miệng tới mức độ nào thì phạm Ba-la-di?

Đáp: Nếu qua khỏi răng một lóng tay thì phạm Ba-la-di.

Hỏi: Hành dâm nơi hai đường như thế nào thì phạm Ba-la-di?

Đáp: Nếu qua khỏi da cho đến một lóng tay thì phạm.

Hỏi: Thân người nữ chết đã bị phá hoại, nếu họp lại để cùng hành dâm thì phạm tội gì? - Nếu hành dâm nơi hai đường thì phạm Ba-la-di, nơi miệng thì phạm Thâu-lan-giá.

Hỏi: Hành dâm với xác người nữ bị mất đầu thì phạm tội gì? - Nếu hành dâm nơi hai đường thì phạm Ba-la-di, nơi miệng thì phạm Thâu-lan-giá; làm lỗ trên thân để hành dâm thì phạm Thâu-lan-giá; hành dâm với tử thi nữ đã thối rửa thì phạm Thâu-lan-giá.

Hỏi: Như Phật dạy hành dâm nơi ba sản môn thì phạm Ba-la-di, có trường hợp hành dâm nơi ba sản môn mà không phạm Ba-la-di hay không? - Có, nếu hai bên sản môn đã hoại thì phạm Thâu-lan-giá, sản môn khép kín cũng phạm Thâu-lan-giá.

Hỏi: Như Phật dạy hành dâm nơi ba sản môn không hư hoại của người nữ còn sống thì phạm Ba-la-di, thế nào là sản môn không hư hoại?

- Nếu hai bên không hư hoại.

Hỏi: Thế nào là sản môn hư hoại? - Tức là hai bên đã hư hoại hay thối rửa. Giống như người nữ còn sống, người nữ đã chết cũng vậy; giống như người nữ, nữ phi nhân cũng vậy; hành dâm với người nam, huỳnh môn cho đến với súc sanh cái hay đực cũng vậy.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo một mình ở trong phòng mà phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo có nam căn dài.

Hỏi: Nếu thân người nữ chết bị chặt đôi, Tỳ-kheo họp nối lại để cùng hành dâm thì phạm tội gì? - Nếu chỗ họp nối lại hiện rõ thì phạm Thâu-lan-giá, nếu không hiện rõ thì phạm Ba-la-di.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo hành dâm với người có nữ căn đã bị diệt thì phạm tội gì? - Phạm Thâu-lan-giá .

Hỏi: Như Phật dạy có gián cách hành dâm với có gián cách thì phạm Ba-la-di, có trường hợp Tỳ-kheo hành dâm với có gián cách mà không phạm hay không? - Có, nếu bọc nhiều lớp y thì phạm Thâu-lan-giá.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo hành dâm mà không phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, nếu người này vốn đã phạm giới, vốn không hòa hợp, Tặc trụ, ô nhiễm Tỳ-kheo-ni thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Tỳ-kheo hành dâm với người nữ trong lúc ngủ thì phạm tội gì? - Nếu biết mình là Tỳ-kheo thì phạm Ba-la-di, nếu không biết thì phạm Thâu-lan-giá.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo ở trong hai người, tám người, mười người lấy phần thì phạm tội gì? -nếu nói dối để lấy thì phạm Ba-dật-đề; nếu Tăng chia vật xong, lấy đủ năm tiền thì phạm Ba-la-di, không đủ thì Thâu-lan-giá.

Hỏi: Như Phật dạy lấy rời khỏi chỗ cũ thì phạm Ba-la-di, có trường hợp lấy rời khỏi chỗ cũ mà không phạm hay không? - Có, nếu đó là khinh vật không đáng giá.

Hỏi: Nếu có thương buôn nói với Tỳ-kheo: "Các thầy xuất gia khỏi phải đóng thuế, cho tôi gởi vật này qua chỗ thu thuế", thì phạm tội gì?

Đáp: Nếu nhận lời mà chưa mang qua được thì phạm Thâu-lan-giá; nếu làm phương tiện thì phạm Đột-kiết-la. Nếu thương buôn chưa đến chỗ thu thuế, mà Tỳ-kheo chỉ đường khác cho đi, thương buôn nghe theo đi thì Tỳ-kheo phạm Thâu-lan-giá. Nếu thương nhân chưa đến chỗ thu thuế nói với Tỳ-kheo: "Cho tôi gởi vật này qua, tiền phải đóng thuế sẽ cho Tỳ-kheo một nữa", nếu nhận lời mà chưa mang qua được thì phạm Đột-kiết-la, nếu qua được chỗ thu thuế mà đủ năm tiền thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu thương nhân chưa đến chỗ thu thuế

nói với Tỳ-kheo: "Cho tôi gởi vật này qua, tiền phải đóng thuế sẽ cho thầy hết", nếu mang qua được mà đủ năm tiền thì Tỳ-kheo phạm Thâu-lan-giá. Khi đã đến chỗ thu thuế, nếu thương nhân nói với Tỳ-kheo: "Cho tôi gởi vật này qua", Tỳ-kheo mang qua được mà đủ năm tiền thì phạm Ba-la-di; nếu thương nhân nói với Tỳ-kheo: "Cho tôi gởi vật này qua, tiền phải đóng thuế sẽ cho Tỳ-kheo một nữa", Tỳ-kheo mang qua được mà đủ năm tiền thì phạm Ba-la-di; nếu thương nhân nói với Tỳ-kheo: "Cho tôi gởi vật này qua, tiền phải đóng thuế sẽ cho thầy hết", Tỳ-kheo mang qua được mà đủ năm tiền thì phạm Ba-la-di.

Hỏi: Như Phật dạy lấy vật quý trọng rời khỏi chỗ cũ thì phạm Ba-la-di, có trường hợp lấy vật quý trọng rời khỏi chỗ cũ mà không phạm hay không?

Đáp: Có, nếu thương buôn lén để vật phải đóng thuế vào trong đãy y, túi bát của tỳ-kheo; Tỳ-kheo không biết nên mang qua khỏi chỗ thu thuế thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo để vật phải đóng thuế trong miệng mà mang qua thì phạm Thâu-lan-giá; nếu vật phải đóng thuế này la vô giá thì phạm Ba-la-di, nếu có thể tính lường được thì phạm Thâu-lan-giá.

Hỏi: Như Phật dạy có năm cách trộm cắp là cưỡng đoạt lấy, nói lời dịu ngọt để lấy, lấy một cách cực khổ, nhận người gởi rồi lấy và trộm pháp;

trong năm cách lấy trộm này, cách nào phạm Ba-la-di?

Đáp: Trừ trộm pháp, bốn cách trộm cắp kia đều phạm Ba-la-di. Nếu xá lợi Phật có người giữ, vì mình mà lấy trộm, tính giá đủ năm tiền thì phạm Ba-la-di, không đủ thì Thâu-lan-giá; nếu vì giận ghét muốn cho không ai có được mà lấy trộm thì phạm Thâu-lan-giá; nếu vì tôn kính cúng dường, nói Phật là thầy tôi, thì dù tính giá đủ năm tiền cũng chỉ phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Tỳ-kheo lấy trộm kinh thì phạm tội gì? -nếu tính giá đủ năm tiền thì phạm Ba-la-di, không đủ thì Thâu-lan-giá; nếu lấy để viết chép, đọc tụng thì không phạm.

Hỏi: Tỳ-kheo lấy trộm vật trong miếu, trong tháp hay vật trang nghiêm trong nhà bạch y thì phạm tội gì? -nếu có người coi giữ, lấy tính giá đủ năm tiền thì phạm Ba-la-di, không đủ thì Thâu-lan-giá; nếu là của phi nhân, lấy tính giá đủ năm tiền thì phạm Thâu-lan-giá, không đủ thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo đến nhà bạch y nói với vợ cư sĩ: "Cô hãy đưa cho tội vật".

- Được thì phạm tội gì? -nếu lấy tính giá đủ năm tiền thì phạm Thâu-lan-giá, không đủ thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Nếu trong đêm tối ở chỗ để y, bốn Tỳ-

kheo cùng lấy trộm thì phạm tội gì? -nếu vật chưa được chia thì phạm Thâu-lan-giá, chia xong tính lấy đủ năm tiền thì phạm Ba-la-di, không đủ thì Thâu-lan-giá.

Hỏi: Vật của người treo trên giá y, Tỳ-kheo lấy trộm thì phạm tội gì? -lúc đang chọn lựa để lấy thì phạm Thâu-lan-giá, chọn lựa xong lấy tính giá được năm tiền thì phạm Ba-la-di. Nếu mang cả giá y đi thì phạm Thâu-lan-giá, khi lấy y vật rời khỏi giá y tính đủ năm tiền thì phạm Ba-la-di, không đủ thì phạm Thâu-lan-giá. Vật trong đãy y cũng vậy.

Hỏi: Tỳ-kheo lấy trộm giùm người khác thì phạm tội gì? - Phạm Thâu-lan-giá.

Hỏi: Như Phật dạy lấy trộm năm tiền thì phạm Ba-la-di, có trường hợp Tỳ-kheo lấy năm tiền mà không phạm hay không? - Có, nếu tiền Ca-lê-tiên giá thấp.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo lấy trộm y mà không phạm Ba-la-di hay không? - Có, nếu giá y không đủ năm tiền.

Hỏi: Như Phật dạy Tỳ-kheo lấy vật quý trọng dời để chỗ khác thì phạm Ba-la-di, có trường hợp dời để chỗ khác mà không phạm hay không? - Có, nếu đệ tử cộng hành và đệ tử cận trụ có tâm lấy trộm vật của Hòa thượng, A-xà-lê chuyển từ trên xuống dưới hoặc từ dưới lên trên thì phạm Thâu-lan-giá. Hỏi: Nếu Tỳ-kheo nghi vật của người kia

không biết phải hay không phải của người kia mà lấy, nếu vật thật là của người kia thì phạm tội gì? - Phạm Thâu-lan-giá, nếu vật không phải của người kia cũng phạm Thâu-lan-giá.

Hỏi: Như Phật dạy lấy trộm năm tiền thì phạm Ba-la-di, thế nào là năm tiền? - Bốn Ca-ha-na bằng một Ca-lê-tiên, một Ca-lê-tiên trị giá hai mươi tiền, lấy trộm năm tiền thì phạm Ba-la-di.

Khi chưa thọ giới cụ túc phương tiện trộm, khi chưa thọ giới cụ túc lấy được thì phạm Đột-kiết-la; khi chưa thọ giới cụ túc phương tiện trộm, khi thọ giới cụ túc lấy được cũng Đột-kiết-la; khi chưa thọ giới cụ túc phương tiện trộm, khi thọ giới cụ túc rồi lấy được thì phạm Thâu-lan-giá; khi thọ giới cụ túc phương tiện trộm, khi thọ giới cụ túc rồi lấy được cũng Thâu-lan-giá; khi thọ giới cụ túc rồi phương tiện trộm, khi thọ giới cụ túc rồi lấy được vật rời khỏi chỗ cũ thì phạm Ba-la-di.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo đoạt lấy chùa, nhà, đất đai có mấy việc phạm Ba-la-di? - Có hai việc là đấu tránh và tướng ngôn đấu tránh (tranh cãi và kiện cáo) để đoạt lấy, nếu không thắng kiện còn đang tranh cãi thì phạm Thâu-lan-giá, nếu được thắng kiện tính đủ năm tiền thì phạm Ba-la-di. Trường hợp ruộng vườn phòng xá… cũng vậy; lấy trộm trái cây, phá kho lẫm lấy trộm nếu làm một phương tiện mà lấy, tính đủ năm tiền thì phạm Ba-la-di, không đủ thì Thâu-lan-giá; nếu làm nhiều phương

tiện, mỗi phương tiện lấy tính đủ năm tiền thì phạm Thâu-lan-giá. Ở cõi Phất vu đãi phương tiện lấy trộm, lấy tiền Ca-lê-tiên tính đủ năm tiền thì phạm Ba-la-di, không đủ thì Thâu-lan-giá; ở cõi Câu-da-ni cũng vậy, cõi Uất-đơn-việt thì không phạm vì ở cõi này không có sở hữu, không có nhiếp thọ.

Hỏi: Tỳ-kheo lấy trộm tiền đồng có phạm Ba-la-di không? -nếu tính giá đủ năm tiền thì phạm.

Hỏi: Như Phật dạy lấy trộm năm tiền thì phạm Ba-la-di, có trường hợp lấy trộm dưới năm tiền mà phạm Ba-la-di hay không? - Có, nếu tiền Ca-lê-tiên đắc giá.

Hỏi: Như Phật dạy lấy trộm năm tiền thì phạm Ba-la-di, có trường hợp lấy trộm năm tiền mà không phạm Ba-la-di không? - Có, nếu tiền Ca-lê-tiên thấp giá.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo trước có tâm trộm muốn lấy y, lấy rồi khởi tưởng là của mình thì phạm tội gì? - Trước phạm Thâu-lan-giá nhưng sau không phạm -nếu trước khởi tưởng là của mình rồi mới lấy trộm thì trước không phạm nhưng sau nếu lấy đủ thì phạm Ba-la-di.

Hỏi: Như Phật dạy lấy trộm năm tiền thì phạm Ba-la-di, có trường hợp Tỳ-kheo lấy tiền của nhiều người mà không phạm hay không? -có, nếu lấy chung của đại chúng thì phạm Thâu-lan-giá; nếu nhiều người cùng lấy cũng phạm Thâu-lan-giá.

Hỏi: Như Phật dạy lấy trộm vật liệu bằng gỗ trị giá đủ năm tiền thì phạm Ba-la-di, có trường hợp Tỳ-kheo lấy trộm vật liệu bằng gỗ trị giá đủ năm tiền mà không phạm hay không? - Có, nếu lấy trộm cho người khác.

Hỏi: Như Phật dạy lấy trộm tóc vàng trị giá đủ năm tiền thì phạm Ba-la-di, có trường hợp Tỳ-kheo lấy trộm tóc bằng vàng trị giá đủ năm tiền mà không phạm hay không? - Có, nếu lấy trộm tóc vàng của phi nhân thì phạm Thâu-lan-giá.

Hỏi: Tỳ-kheo lấy trộm nước thì phạm tội gì? - nếu lượng nước lấy tính giá đủ năm tiền thì phạm Ba-la-di, không đủ thì Thâu-lan-giá; lấy trộm nước đê cũng vậy.

Hỏi: Như Phật dạy lấy trộm năm tiền thì phạm Ba-la-di, có trường hợp Tỳ-kheo lấy trộm trăm ngàn Ca-lê-tiên mà không phạm hay không?

- Có, nếu tưởng là của mình hoặc tưởng đồng ý nên lấy, hoặc lấy tạm dùng hoặc bảo người khác lấy, hoặc tưởng là không có chủ nên lấy hoặc lấy mà không có tâm trộm. Lại có trường hợp lấy nhiều lần, mỗi lần lấy bốn tiền thì phạm một Thâu-lan-giá; nếu Tỳ-kheo trước có tâm trộm cắp, khởi tưởng là của mình nên lấy cất thì trước phạm Thâu-lan-giá nhưng sau không phạm; ngược lại nếu tưởng là của mình rồi khởi tâm trộm lấy cất thì trước không phạm, nhưng sau nếu lấy đủ năm tiền

thì phạm Ba-la-di, không đủ thì Thâu-lan-giá. Nếu dùng tay ra dấu lấy cắp, lấy đủ năm tiền thì phạm Ba-la-di, không đủ thì Thâu-lan-giá.

Hỏi: Như Phật dạy Tỳ-kheo lấy vật quý trọng dời để các chỗ khác thì phạm Ba-la-di, có trường hợp dời để chỗ khác mà không phạm hay không? - Có, nếu một Tỳ-kheo gánh mang đến để một chỗ xa, sau đó một Tỳ-kheo khác dời để các chỗ khác thì phạm Thâu-lan-giá.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo lấy trộm y của cư sĩ đồng ý thì phạm tội gì?

- Phạm Thâu-lan-giá, nếu cư sĩ nói: "Y này con nay cúng cho thầy", Tỳ-kheo nghe lời này rồi nhận lấy thì phạm Thâu-lan-giá.

Hỏi: Tỳ-kheo biến vàng thành đồng để qua chỗ thu thuế thì phạm tội gì? - Phạm Thâu-lan-giá.

Hỏi: Tỳ-kheo lấy trộm vật báu, vàng bạc làm cho hoại sắc thì phạm tội gì? -nếu tính giá vật đủ năm tiền thì phạm Ba-la-di, không đủ thì Thâu-lan-giá.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo nhận vật của người gởi rồi sau không đưa lại thì phạm tội gì? -nếu vật đó tính giá đủ năm tiền thì phạm Ba-la-di, không đủ thì Thâu-lan-giá. Lấy cất vật của người khác sau không đưa lại cũng vậy. Nếu Tỳ-kheo trước quyết định không đưa lại rồi mới lấy vật rời khỏi chỗ cũ mà không có tâm trộm thì phạm Thâu-lan-giá; nếu

trước có tâm trộm lấy vật rời khỏi chỗ, sau đó mới quyết định không trả lại, vật đó tính giá đủ năm tiền thì phạm Ba-la-di, không đủ thì Thâu-lan-giá.

Hỏi: Tỳ-kheo lấy vật tợ Ca-lê-tiên thì phạm tội gì? - Tùy giá kết phạm.

Hỏi: Tỳ-kheo lấy trộm đồ gốm sứ thì phạm tội gì? - Tùy giá kết phạm, dưới năm tiền thì phạm Thâu-lan-giá.

Khi chưa thọ giới cụ túc phương tiện trộm, khi chưa thọ giới cụ túc lấy được thì phạm Đột-kiết-la; khi chưa thọ giới cụ túc phương tiện trộm, khi thọ giới cụ túc lấy được cũng Đột-kiết-la; khi chưa thọ giới cụ túc phương tiện trộm, khi thọ giới cụ túc rồi lấy được thì phạm Thâu-lan-giá; khi thọ giới cụ túc phương tiện trộm, khi thọ giới cụ túc rồi lấy được cũng Thâu-lan-giá; khi thọ giới cụ túc rồi phương tiện trộm, khi thọ giới cụ túc rồi lấy được vật rời khỏi chỗ cũ thì phạm Ba-la-di.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo trộm voi ngựa lạc đà… thì phạm tội gì? -nếu tự lấy trộm đủ năm tiền thì phạm Ba-la-di, không đủ thì Thâu-lan-giá. Nếu vì ganh ghét mà lấy thì phạm Thâu-lan-giá, giết chết để lấy thịt cũng vậy; nếu trộm để thả làm cho người khác sanh phiền não thì phạm Thâu-lan-giá.

Hỏi: Khi là Tỳ-kheo phương tiện trộm, sau chuyển căn thành Tỳ-kheo-ni lấy được thì phạm tội gì? -lấy đủ năm tiền thì phạm Ba-la-di, không đủ

thì Thâu-lan-giá. Trường hợp Tỳ-kheo-ni chuyển căn thành Tỳ-kheo cũng vậy.

Lại hỏi: Hỏi: Như Phật dạy Tỳ-kheo trộm cắp thì phạm Ba-la-di, có trường hợp Tỳ-kheo trộm cắp mà không phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, nếu người này vốn đã phạm giới, vốn không hòa hợp hoặc là Tặc trụ hoặc làm ô nhục Tỳ-kheo-ni thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp người không thọ giới cụ túc trộm cắp mà lại phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, đó là người học giới (Sa-di học hối)

Hỏi: Tỳ-kheo biến người thành súc sanh để giết thì phạm tội gì?

- Nếu tự nhớ nghĩ mình là Tỳ-kheo thì phạm Ba-la-di, nếu không nhớ nghĩ thì phạm Thâu-lan-giá.

Hỏi: Như Phật dạy Tỳ-kheo giết mẹ thì phạm Ba-la-di và tội nghịch, có trường hợp Tỳ-kheo giết mẹ mà không phạm Ba-la-di và tội nghịch hay không? - Có, nếu giết mẹ là ái mạn. Nếu Tỳ-kheo nếu muốn giết người khác mà giết lầm mẹ thì phạm Thâu-lan-giá; nếu Tỳ-kheo chặt cây mà chặt trúng mẹ, mẹ chết thì không phạm. Trường hợp giết lầm cha và A-la-hán cũng vậy. hai người cùng ngồi, Tỳ-kheo muốn giết người này lại giết lầm người kia thì phạm Thâu-lan-giá; muốn giết A-la-hán mà giết lầm người không phải là A-la-hán thì phạm

Thâu-lan-giá, không phạm tội nghịch; muốn giết người không phải A-la-hán mà giết nhầm A-la-hán thì phạm Thâu-lan-giá; nếu tưởng là A-la-hán muốn giết nhưng lại không phải thì phạm Thâu-lan-giá.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo có hai người mẹ, một người sanh, một người nuôi, giết người mẹ nào thì phạm Ba-la-di và tội nghịch? - Giết người mẹ thân sanh.

Hỏi: Nếu muốn xuất gia nên hỏi người mẹ nào? Đáp: Nên hỏi người mẹ nuôi.

Nếu là súc sanh, Tỳ-kheo tưởng là người mà giết thì phạm Thâu-lan-giá; nếu là người, tưởng là súc sanh mà giết thì phạm Đột-kiết-la . Hỏi: Như Phật dạy Tỳ-kheo làm cho người khác sẩy thai thì phạm

Ba-la-di, có trường hợp Tỳ-kheo làm cho người sảy thai mà không phạm Ba-la-di không?

Đáp: Có, nếu người đó mang thai súc sanh; ngược lại nếu là súc sanh mang thai người mà làm cho sẩy thai thì phạm Ba-la-di.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo đẩy mẹ từ trên cao xuống, mẹ chết thì phạm Ba-la-di và tội nghịch, có trường hợp Tỳ-kheo làm thế mà không phạm hay không? - Có, nếu người mẹ chết trước khi té xuống thì Tỳ-kheo phạm Thâu-lan-giá, không phạm nghịch; giết cha và A-la-hán cũng vậy. Nếu trước làm phương tiện giết mẹ rồi tự sát, nếu người mẹ chết trước Tỳ-

kheo thì Tỳ-kheo phạm Ba-la-di và tội nghịch; nếu Tỳ-kheo chết trước người mẹ thì Tỳ-kheo phạm Thâu-lan-giá; giết cha và A-la-hán cũng vậy.

Nếu là người, Tỳ-kheo nghi là phi nhân mà giết thì phạm Thâu-lan-giá; nếu là mẹ, Tỳ-kheo nghi không phải là mẹ mà giết thì phạm Thâu-lan-giá, không phạm nghịch; giết cha và A-la-hán cũng vậy. Nếu là người này, Tỳ-kheo nghi không biết có phải là người này hay không mà giết thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo thấy người dẫn giặc sắp bị giết đi, giặc chạy thoát, người kia đuổi theo và hỏi Tỳ-kheo có thấy tên giặc chạy qua đây không, đáp là có thấy; nếu Tỳ-kheo nghĩ giặc là kẻ ác, có tâm muốn giết nên chỉ chỗ giặc trốn, giặc nhân đây bị bắt giết thì Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, giặc không bị bắt giết thì Tỳ-kheo phạm Thâu-lan-giá; nếu là vô tâm chỉ chỗ, giặc bị bắt giết thì Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la, giặc không bị bắt giết, Tỳ-kheo cũng phạm Đột-kiết-la. Trường hợp nhiều tên giặc cũng vậy.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo làm cho cha mẹ chết mà không phạm Ba-la-di và tội nghịch không? - Có, nếu cha mẹ bịnh nặng, Tỳ-kheo dìu đỡ đứng dậy đi, cha mẹ nhân đây chết thì Tỳ-kheo không phạm Ba-la-di và tội nghịch.

Là mẹ, Tỳ-kheo tưởng không phải là mẹ mà giết thì phạm Thâu-lan-giá; không phải là mẹ, Tỳ-kheo tưởng là mẹ mà giết thì phạm Thâu-lan-giá;

tưởng là phi nhân mà giết cũng Thâu-lan-giá.

Hỏi: Là người, Tỳ-kheo tưởng là người mà giết thì phạm Ba-la-di, có trường hợp Tỳ-kheo tưởng là người giết chết mà không phạm Ba-la-di không?

Đáp: Có, nếu Tỳ-kheo tự sát thì phạm Thâu-lan-giá; muốn giết người khác mà tự giết chết mình cũng phạm Thâu-lan-giá.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo vì đùa giỡn mà đánh cha, nhân đây cha chết thì phạm tội gì? - Phạm Đột-kiết-la.

Khi chưa thọ giới cụ túc làm phương tiện, khi chưa thọ giới cụ túc cha chết thì phạm Đột-kiết-la; khi chưa thọ giới cụ túc làm phương tiện, khi thọ giới cụ túc cha chết cũng Đột-kiết-la; khi chưa thọ giới cụ túc làm phương tiện, khi thọ giới cụ túc rồi cha chết thì phạm Thâu-lan-giá; khi thọ giới cụ túc làm phương tiện, khi thọ giới cụ túc rồi cha chết cũng Thâu-lan-giá; khi thọ giới cụ túc rồi làm phương tiện, khi thọ giới cụ túc rồi cha chết thì phạm Ba-la-di.

Lại hỏi: Như Phật dạy người tưởng là người mà giết thì phạm Ba-la-di, có trường hợp Tỳ-kheo giết người như thế mà không phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, nếu người này vốn đã phạm giới, vốn không hòa hợp hoặc là Tặc trụ hoặc làm ô nhục Tỳ-kheo-ni.

Lại hỏi: Có trường hợp người không thọ giới cụ túc giết người mà lại phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, đó là người học giới (Sa-di học hối)

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo nói tôi thối thất bốn Quả Sa-môn thì phạm tội gì? - Phạm Thâu-lan-giá.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo nói tôi chứng được bốn Quả Sa-môn thì phạm tội gì? - Không được mà nói là được thì phạm Ba-la-di.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo nói tôi thối thất quả A-la-hán, A-na-hàm, Tư-đà-hàm thì phạm tội gì? - Không phạm (thối thất có hai: Được rồi thối thất và chưa được mà thối thất, ở đây nói thối thất là ý nói chưa được mà thối thất nên không phạm; nếu thật không được mà thối thất lại nói là được rồi thối thất thì phạm Ba-la-di; nếu thật được mà thối thất thì không phạm).

Nếu Tỳ-kheo nói tôi là Học nhân hoặc nói tôi học Ba-la-đề-mộc-xoa thì phạm Thâu-lan-giá; nếu nó tôi học các Thánh pháp như không, vô sở hữu… thì phạm Ba-la-di; nếu nói tôi học kinh luật luận cũng vậy.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo nói: "Thân của tôi là thân sau cùng" thì phạm tội gì? - Nếu muốn nói về pháp quá khứ đã diệt thì phạm Thâu-lan-giá; nếu nói sanh thật đã tận thì phạm Ba-la-di.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo đáng lẽ nói thầy là Tu-đà-hoàn… A-la-hán, mà lại nói tôi là Tu-đà-hoàn…

A-la-hán thì phạm tội gì? - Phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo nói với bạch y: "Ai nói với ông tôi là Tu-đà-hoàn, không phải là Tư-đà-hàm… A-la-hán?", sau đó lại nói tôi không phải là Tu-đà-hoàn… A-la-hán thì phạm Ba-la-di.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo muốn nói về quả Tu-đà-hoàn mà lại nói về quả Tư-đà-hàm… A-la-hán thì phạm tội gì? - Phạm Thâu-lan-giá.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo nói: "Tôi đắc quả Tu-đà-hoàn ở núi Kỳ-lê-tiên, đắc quả Tư-đà-hàm ở núi Thất diệp, đắc quả A-na-hàm ở tinh xá Trúc lâm, đắc quả A-la-hán ở núi Kỳ-xà-quật" thì phạm tội gì? -nếu ý muốn nói tôi ở những nơi ấy đọc tụng Tu-đa-la, tinh tấn không giãi đãi thì phạm Thâu-lan-giá; nếu cố ý vọng ngữ thì phạm Ba-dật-đề.

Hỏi: Nếu có người hỏi Tỳ-kheo đắc quả chưa, nếu đáp là đắc quả mà chỉ trái cây ở trong tay thì phạm tội gì? -nếu ý ở nơi trái cây này thì phạm Thâu-lan-giá; nếu ý nói quả Sa-môn thì phạm Ba-la-di.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo nói: "Tỳ-kheo khất thực ở nhà là bậc Tu-đà-hoàn… A-la-hán, nhưng tôi không phải là Tu-đà-hoàn… A-la-hán" thì phạm tội gì? - Phạm Thâu-lan-giá.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo nói người thọ dụng y thực ngọa cụ thuốc men của cư sĩ đều là bậc Tu-đà-hoàn… A-la-hán; tôi cũng thọ dụng nhưng tôi

không phải là Tu-đà-hoàn… A-la-hán, thì phạm tội gì? - Phạm Thâu-lan-giá.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo nói: "Cư sĩ thỉnh nhiều Tỳ-kheo và trải đủ loại ngọa cụ, những vị đó đều là bậc Tu-đà-hoàn… A-la-hán; không có ai là phàm phu. Tôi cũng được thỉnh, cũng trải tòa cho tôi" thì phạm tội gì? - Phạm Thâu-lan-giá.

Lại hỏi: Có người hỏi Tỳ-kheo: "Những vật cần dùng hằng ngày như y phục, ẩm thực, thuốc thang, ngọa cụ… thầy có được từ đâu?

Đáp: "Tôi thọ từ nhà đàn việt , vì đàn việt này nói rằng ai đắc quả Tu-đà-hoàn… A-la-hán thì đến thọ lấy, tôi tuy đến lấy nhưng tôi không phải là Tu-đà-hoàn… A-la-hán", thì Tỳ-kheo này phạm tội gì?

- Phạm Thâu-lan-giá.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo nói tôi không sợ hãi, không sợ chết, không sợ ác đạo thì phạm tội gì? -nếu nhân thân này để nói quá khứ của thân này đã biến hoại thì phạm Thâu-lan-giá; nếu cố ý vọng ngữ nói được Thánh pháp thì phạm Ba-la-di, nói không sợ ác đạo cũng vậy.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo nói tôi đã giải thoát tất cả các kiết sử triền phược thì phạm tội gì? -nếu nói các triền phược của quá khứ đã diệt thì phạm Thâu-lan-giá; nếu cố ý nói đã giải thoát tất cả triền phược thì phạm Ba-la-di.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo nói điều mà bậc Hiền thánh biết, tôi cũng được thì phạm tội gì? -nếu ý nói tôi liễu đạt được kinh thì phạm Thâu-lan-giá; nếu cố ý nói được pháp Hiền thánh thì phạm Ba-la-di.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo nói tôi tu các pháp Căn, Lực, Giác, Đạo thì phạm tội gì? -nếu ý muốn nói tôi đọc tụng thọ trì kinh ấy thì phạm Thâu-lan-giá; nếu cố ý vọng ngữ nói tu các pháp ấy thì phạm Ba-la-di. Hỏi: Nếu Tỳ-kheo nói tôi sẽ giảng về quả Tu-đà-hoàn nhưng tôi không phải là Tu-đà-hoàn thì phạm tội gì? - Phạm Thâu-lan-giá, cho đến nói quả A-la-hán cũng vậy.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo nói tôi nhập thiền định thế tục nhưng không được trí thế tục thì phạm tội gì?- Phạm Thâu-lan-giá. Hỏi: Nếu Tỳ-kheo nói tôi là Thế tôn thì phạm tội gì? -nếu ý ở nơi thuyết pháp giáo giới thì phạm Thâu-lan-giá; nếu cố ý vọng ngữ nói mình là Thế tôn thì phạm Ba-la-di.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo nói tôi là Phật thì phạm tội gì? -nếu ý muốn nói tôi hiểu rõ pháp ác bất thiện thì phạm Thâu-lan-giá; nếu cố ý vọng ngữ nó mình là Phật thì phạm Ba-la-di.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo nói tôi là đệ tử của Phật Tỳ bà thi thì phạm tội gì? -nếu ý muốn nói quy y Phật Thích-ca-mâu-ni cũng là quy y cả bảy Phật thì không phạm; nếu muốn nói mình có Túc mạng thông thì phạm Ba-la-di.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo nói có đắc quả, nhưng không được quả Tu-đà-hoàn nên tôi không phải là Tu-đà-hoàn thì phạm tội gì? - Phạm Thâu-lan-giá.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo nói tôi đắc quả, người khác hỏi đắc quả gì, liền chỉ quả Xoài, quả Diêm phù trên tay thì phạm tội gì? - Phạm Thâu-lan-giá, nếu cố ý vọng ngữ nói mình chứng bốn Quả Sa-môn thì phạm Ba-la-di.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo viết sách nói mình chứng quả Tu-đà-hoàn thì phạm tội gì? - Phạm Thâu-lan-giá, cho đến quả A-la-hán cũng vậy.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo hư dối nói là được Thánh pháp mà không phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, nếu người này vốn đã phạm giới, vốn không hòa hợp hoặc là Tặc trụ hoặc làm ô nhục Tỳ-kheo-ni thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp người không thọ giới cụ túc hư dối nói là được Thánh pháp, lại phạm Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, đó là người học giới (Sa-di học hối)

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo một mình vào trong phòng mà phạm bốn tội Ba-la-di hay không?

Đáp: Có, nếu trước đó Tỳ-kheo đã trộm cắp, phương tiện sát sanh, biết khi mình vào phòng tự nói là A-la-hán và có nam căn dài tự hành dâm.

b. Hỏi về mười ba Tăng-già-bà-thi-sa:

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo khi đi tinh xuất thì phạm tội gì? - Không phạm, nếu khi thức làm phương tiện, khi ngủ tinh xuất thì phạm Thâu-lan-giá; nếu khi thức làm phương tiện, khi thức tinh xuất, biết là tinh xuất thì phạm Tăng tàn; làm phương tiện khác thì phạm Thâu-lan-giá; nếu phương tiện làm cho thọ lạc thì phạm Thâu-lan-giá; nếu ngưng làm mà tinh đột nhiên xuất thì không phạm. Nếu nắn bóp mà tinh không xuất thì phạm Thâu-lan-giá; nếu khi chưa thọ giới cụ túc làm phương tiện, khi chưa thọ giới cụ túc xuất tinh thì phạm Đột-kiết-la… có tất cả chín trường hợp.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo đã phạm Tăng tàn mà không biết ngày giờ thì lúc nào cho biệt trụ? -nên tính từ ngày mới thọ giới.

Nếu Tỳ-kheo đè xoa để thọ lạc thì phạm Thâu-lan-giá, lúc tự xuất tinh thọ lạc thì phạm Thâu-lan-giá, chạm nam căn để thọ lạc cũng phạm Thâu-lan-giá. Trong hư không động, tinh xuất cũng Thâu-lan-giá; khi đi động, tinh xuất cũng Thâu-lan-giá.

Hỏi: Có trường hợp khi là Tỳ-kheo phạm, khi là phi Tỳ-kheo thanh tịnh; khi là phi Tỳ-kheo phạm, khi là Tỳ-kheo thanh tịnh; khi là Tỳ-kheo phạm cũng khi là Tỳ-kheo thanh tịnh; khi là phi Tỳ-kheo phạm cũng là khi phi Tỳ-kheo thanh tịnh hay không?

Hỏi: Thế nào là khi Tỳ-kheo phạm mà khi là

phi Tỳ-kheo thanh tịnh?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa bất cọng mà chuyển căn làm Tỳ-kheo-ni thì được thanh tịnh.

Hỏi: Thế nào là khi phi Tỳ-kheo (Tỳ-kheo-ni) phạm mà khi là Tỳ-kheo thanh tịnh?

Đáp: nếu Tỳ-kheo-ni phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa bất cọng mà chuyển căn làm Tỳ-kheo thì được thanh tịnh.

Hỏi: Thế nào là khi là Tỳ-kheo (ni) phạm cũng khi là Tỳ-kheo (ni) thì thanh tịnh là nếu Tỳ-kheo (ni) phạm Tăng-già-bà-thi-sa mà đã như pháp sám hối.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo khi ngủ thì phạm, khi thức thì thanh tịnh; khi thức thì phạm, khi ngủ thì thanh tịnh hay không? - Có, khi ngủ phạm, khi thức thanh tịnh là nếu Tỳ-kheo khi ngủ bị nhấc để lên giường cao, sau đó có người nữ vào ngủ đêm; Tỳ-kheo khi thức dậy biết liền như pháp sám hối. Khi thức phạm, khi ngủ thanh tịnh là nếu Tỳ-kheo phạm Tăng tàn, lúc Tăng cho yết ma A-phù-ha-na, Tỳ-kheo nghe bạch xong liền ngủ, trong lúc ngủ Tăng yết ma xong.

Hỏi: Như Phật dạy Tỳ-kheo xuất tinh phạm Tăng tàn, trừ trong mộng. Có trường hợp Tỳ-kheo cố ý xuất tinh mà không phạm hay không? - Có, nếu làm trước (Phật chưa chế giới). Hỏi: Có trường

hợp không phải làm trước, Tỳ-kheo cố ý xuất tinh mà không phạm hay không? - Có, nếu làm cho người khác xuất tinh hoặc tạo cảnh giới cho người khác.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo cố ý xuất tinh mà không phạm hay không? - Có, nếu người này vốn đã phạm giới, vốn không hòa hợp hoặc là Tặc trụ hoặc làm ô nhục Tỳ-kheo-ni thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp người không thọ giới cụ túc cố ý xuất tinh mà lại phạm Tăng tàn hay không?

Đáp: Có, đó là người học giới (Sa-di học hối).

Hỏi: Như Phật dạy Tỳ-kheo xúc chạm người nữ thì phạm Tăng tàn, có trường hợp Tỳ-kheo xúc chạm người nữ mà không phạm hay không? - Có, nếu xúc chạm người nữ thân căn hư hoại thì phạm Thâu-lan-giá; nếu xúc chạm người nữ bịnh ghẻ lở… cũng Thâu-lan-giá; nếu Tỳ-kheo thân căn hư hoại cũng vậy, cả hai thân căn đều hư hoại thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo nghi không biết là nữ hay không phải nữ mà xúc chạm thì phạm Thâu-lan-giá; nếu yêu thương người này mà xúc chạm người kia thì phạm Thâu-lan-giá; xúc chạm răng, tóc… chân đều phạm Thâu-lan-giá. Người nữ xúc chạm răng, tóc… chân của tỳ-kheo thì Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la; Tỳ-kheo xúc chạm Tỳ-kheo cho đến người nam, huỳnh môn, người hai căn và bất

nam đều phạm Thâu-lan-giá.

Tỳ-kheo khi xúc chạm người nữ bỗng chuyển căn thành Tỳ-kheo-ni thì phạm Thâu-lan-giá; nếu xúc chạm người nam mà người nam bỗng chuyển căn thành nữ thì Tỳ-kheo phạm Tăng tàn; nếu xúc chạm người nam mà Tỳ-kheo chuyển căn thành Tỳ-kheo-ni thì phạm Ba-la-di; nếu xúc chạm người nam mà cả hai đều chuyển căn thì Tỳ-kheo phạm Thâu-lan-giá.

Tỳ-kheo-ni khi xúc chạm người nam, người nam bỗng chuyển căn thành nữ thì Tỳ-kheo-ni phạm Thâu-lan-giá; nếu xúc chạm người nam mà Tỳ-kheo-ni chuyển căn thành Tỳ-kheo thì phạm Thâu-lan-giá; nếu xúc chạm người nữ mà cả hai đều chuyển căn thì Tỳ-kheo-ni phạm Thâu-lan-giá; nếu xúc chạm Tỳ-kheo mà Tỳ-kheo-ni chuyển căn thành Tỳ-kheo thì phạm Thâu-lan-giá; Tỳ-kheo xúc chạm Tỳ-kheo-ni bỗng chuyển căn thành Tỳ-kheo-ni thì phạm Thâu-lan-giá, xúc chạm Tỳ-kheo-ni đang nhập Diệt tận định thì phạm Thâu-lan-giá; xúc chạm người nữ không có tâm nhiễm ô thì phạm Đột-kiết-la, nếu tưởng là mẹ, là chị em, là con gái mà xúc chạm thì không phạm; nếu là vợ cũ, Tỳ-kheo không có tâm nhiễm ô mà xúc chạm thì phạm Đột-kiết-la. Nếu nắm tay hay bồng, cõng để cứu người nữ ra khỏi các nạn lửa, nước, sư tử… thì không phạm.

Hỏi: Tỳ-kheo ở bên người nữ nói lời thô thì

phạm Tăng tàn, có trường hợp Tỳ-kheo nói như vậy mà không phạm hay không? - Có, nếu vì người khác mà nói thì Tỳ-kheo phạm Thâu-lan-giá; nếu ở bên huỳnh môn, người hai căn nói lời thô thì phạm Thâu-lan-giá; bên Tỳ-kheo-ni nhập Diệt tận định nói lời thô cũng Thâu-lan-giá. Trường hợp khen ngợi thân mình cũng vậy.

Hỏi: Có pháp nào không phải quá khứ, không phải hiện tại cũng không phải vị lai hay không? - Có, đó là mai mối, nếu nhận lời đi mai mối thì phạm Thâu-lan-giá.

Hỏi: Nếu trở về báo lại thì phạm tội gì? - Phạm Tăng tàn. Nếu một nam và một nữ trước đã ước hẹn với nhau, Tỳ-kheo hỏi có hợp không thì phạm Đột-kiết-la; trường hợp tự tại và không tự tại cũng vậy. Tự tại là giàu có được vua quan, các trưởng giả tin tưởng; ngược lại là không tự tại, nếu Tỳ-kheo nhận lời của người không tự tại đến mai mối cho người tự tại thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo nói mua người nữ thì phạm Đột-kiết-la, nói mua người nữ tên thì phạm Thâu-lan-giá, ở chỗ mua người nữ làm mai mối thì phạm Thâu-lan-giá.

Nếu một nữ nhớ một nam, một nam nhớ một nữ, Tỳ-kheo làm mai mối cho họ thì phạm Thâu-lan-giá, mai mối không thành cũng Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo cứ làm mai mối qua lại thì phạm Tăng tàn, nếu làm mai mối sau khi họ đã qua lại với nhau thì phạm Thâu-lan-giá. Tỳ-kheo làm mai

mối cho huỳnh môn, người hai căn thì phạm Thâu-lan-giá; làm mai mối cho người điên cuồng tâm loạn với người điên cuồng tâm loạn thì phạm Thâu-lan-giá; làm mai mối cho người điên cuồng tâm loạn với người không điên cuồng tâm loạn cũng Thâu-lan-giá; làm mai mối cho người không điên cuồng tâm loạn với người điên cuồng tâm loạn cũng Thâu-lan-giá; nếu cả đều không điên cuồng tâm loạn mà làm mai mối rồi trở về báo lại thì Tỳ-kheo phạm Tăng tàn.

Nếu cư sĩ nói với chúng tăng: "Các thầy có thể đến nhà cư sĩ nói giúp họ gả con gái cho con trai tôi hoặc tôi muốn gả con gái cho con trai của họ, được không?", các Tỳ-kheo nhận lời đến nói rồi báo lại cho cư sĩ thì các Tỳ-kheo đều phạm Tăng tàn; nếu chúng tăng đồng ý sai một Tỳ-kheo đến nói rồi báo lại cho cư sĩ thì các Tỳ-kheo cũng phạm Tăng tàn; nếu một Tỳ-kheo tự ý đến đó nói rồi báo lại cho cư sĩ thì Tỳ-kheo này phạm Tăng tàn, chúng tăng không sai thì không phạm. Tỳ-kheo mai mối cho đồng nữ thì phạm Thâu-lan-giá, nếu nhận lời rồi mà chuyển căn thì phạm Thâu-lan-giá, hoặc khi trở về báo lại mà chuyển căn cũng Thâu-lan-giá; hoặc khi nhận lời rồi mà chuyển căn, đến nói rồi về báo lại cũng Thâu-lan-giá. Khi chưa thọ giới cụ túc nhận lời, khi chưa thọ giới cụ túc đến nói rồi về báo lại thì phạm Đột-kiết-la; khi chưa thọ giới cụ túc nhận lời đến nói, khi thọ giới cụ túc về báo lại

cũng Đột-kiết-la; khi chưa thọ giới cụ túc nhận lời đến nói, khi thọ giới cụ túc rồi về báo lại thì phạm Thâu-lan-giá; khi thọ giới cụ túc nhận lời đến nói, khi thọ giới cụ túc rồi về báo lại cũng Thâu-lan-giá; khi thọ giới cụ túc rồi nhận lời đến nói, khi thọ giới cụ túc rồi về báo lại thì phạm Tăng tàn.

Lại hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo làm mai mối mà không phạm Tăng tàn hay không?

Đáp: Có, nếu người này vốn đã phạm giới, vốn không hòa hợp hoặc là Tặc trụ hoặc làm ô nhục Tỳ-kheo-ni.

Lại hỏi: Có trường hợp người không thọ giới cụ túc làm mai mối, lại phạm Tăng tàn hay không?

Đáp: Có, đó là người học giới (Sa-di học hối).

Tỳ-kheo làm mai mối cho người nam với phi nhân nữ hoặc người nữ với phi nhân nam, hoặc cả hai đều là phi nhân thì phạm Thâu-lan-giá. Có người hỏi Tỳ-kheo có thấy người nữ ở đâu không, nếu đáp là thấy ở chỗ thì phạm Thâu-lan-giá.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo hành biệt trụ liền hành biệt trụ xong, hành Ma-na-đỏa liền hành Ma-na-đỏa xong hay không? - Có, nếu Tỳ-kheo phạm Tăng tàn không che giấu, Tăng cho hành Ma-na-đỏa, Tỳ-kheo hành Ma-na-đỏa xong lại phạm hai tội Tăng tàn, một tôi che giấu một đêm, một tội che giấu hai đêm; Tăng cho hành biệt trụ, Tỳ-kheo hành biệt trụ cho tội che giấu một đêm xong, kế

hành biệt trụ cho tội che giấu hai đêm, qua đêm thứ ba , Tăng cho hành Ma-na-đỏa, Tỳ-kheo liền hành Ma-na-đỏa xong.

Nếu Tỳ-kheo tự xin vật liệu làm phòng mà không theo Tăng xin thì phạm Tăng tàn; xin vật liệu rồi mà không làm phòng thì phạm Thâu-lan-giá; theo Tăng xin rồi mà không làm cũng phạm Thâu-lan-giá; làm phòng nữa chừng không làm xong cũng Thâu-lan-giá; làm phòng cho người khác rồi tự ở cũng phạm Thâu-lan-giá; phòng người khác chưa lợp mà lợp giùm cũng phạm Thâu-lan-giá. Nếu làm phòng chưa xong mà nói tôi là Sa-di, huỳnh môn, người hai căn… nói giống như xả giới thì phạm Thâu-lan-giá. Trường hợp làm phòng lớn cũng vậy.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo đem pháp Ba-la-di không căn cứ vu báng Tỳ-kheo khác mà không phạm Tăng tàn hay không? -có, nếu dùng tay ấn dấu hoặc sai sứ hoặc nghe từ người khác mà vu báng thì phạm Thâu-lan-giá; cho đến viết thư nói Tỳ-kheo phạm Ba-la-di cũng phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo vu báng người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại, người mù, điếc, câm, người đang ngủ, đang nhập định đều phạm Thâu-lan-giá. Vì sao, vì những người này tâm không trụ tự tánh; vu báng huỳnh môn cũng phạm Thâu-lan-giá.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo đem pháp Ba-la-di không căn cứ vu báng người khác mà không

phạm Tăng tàn hay không? - Có, nếu người này vốn đã phạm giới, vốn không hòa hợp hoặc là Tặc trụ hoặc làm ô nhục Tỳ-kheo-ni thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp người không thọ giới cụ túc vu báng người khác mà lại phạm Tăng tàn hay không?

Đáp: Có, đó là người học giới (Sa-di học hối).

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo tự nói tôi làm việc phi phạm hạnh là đem pháp Ba-la-di không căn cứ vu báng người khác thì phạm tội gì? - Phạm Tăng tàn.

Hỏi: Tỳ-kheo nếu đem việc Ba-la-di không căn cứ vu báng Tỳ-kheo-ni thì phạm tội gì? - Phạm Tăng tàn; ấn dấu tay hay sai sứ thì phạm Thâu-lan-giá.

Tỳ-kheo-ni đem pháp Ba-la-di không căn cứ vu báng Tỳ-kheo-ni khác thì phạm Tăng tàn; vu báng Tỳ-kheo cũng phạm Tăng tàn; vu báng ba chúng dưới thì phạm Thâu-lan-giá; Tỳ-kheo vu báng ba chúng dưới cũng phạm Thâu-lan-giá; Thức-xoa-ma-na vu báng Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo đem tội nghịch không căn cứ vu báng Tỳ-kheo khác thì phạm tội gì? phạm Tăng tàn; vu báng Tỳ-kheo khác phạm Tăng tàn thì phạm Đột-kiết-la.

Nếu Tỳ-kheo nói giết hại cha mẹ, giết A-la-

hán, phá Tăng, ác tâm làm Phật bị thương chảy máu thì phạm Đột-kiết-la thì Tỳ-kheo này phạm Tăng tàn; vì sao, vì vu báng những tội vô gián thì không phải là Tỳ-kheo; ngoài tội vô gián ra, đem những tội khác vu báng thì phạm Thâu-lan-giá hoặc Đột-kiết-la; nếu ấn dấu tay hay sai sứ hay chuyền nói vu báng người khác tạo tội ngũ nghịch không căn cứ, đều phạm Thâu-lan-giá; nếu viết thư nói Tỳ-kheo phạm ngũ nghịch thì phạm Thâu-lan-giá.

Tỳ-kheo đem tội ngũ nghịch không căn cứ vu báng cho người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại… như trên, đều phạm Thâu-lan-giá, vì họ tâm không trụ tự tánh. Đem tội ngũ nghịch không căn cứ vu báng cho người vốn đã phạm giới… như trên, đều phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo tự nói mình đem tội ngũ nghịch không căn cứ vu báng cho người khác… như trên thì phạm Tăng tàn. Trường hợp vu báng Tỳ-kheo-ni và ba chúng dưới cũng như trên; Tỳ-kheo-ni vu báng Tỳ-kheo và ba chúng dưới cũng như trên; Thức-xoa-ma-na vu báng Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni thì phạm Đột-kiết-la.

-oOo-

TÁT BÀ ĐA TỲ NI TỲ BÀ SA

QUYỂN 9

24. Ưu-Ba-Ly Vấn Pháp:

c . Hỏi về hai pháp Bất định:

Nếu có Ưu-bà-di đáng tin nói với Tỳ-kheo: "Tôi thấy Tỳ-kheo phạm bốn Ba-la-di", thì có nên tin theo lời nói đó để trị Tỳ-kheo hay không? -nên tin.

Nếu có Ưu-bà-di đáng tin nói với Tỳ-kheo: "Tôi thấy Tỳ-kheo ở trên thân phần hành dâm", thì có nên tin theo lời nói đó để trị Tỳ-kheo hay không? - Không nên tin.

Nếu có Ưu-bà-di đáng tin nói với Tỳ-kheo: "Tôi thấy Tỳ-kheo hành dâm với người nữ dòng Sát-đế-lỵ" thì có nên tin theo lời đó để trị Tỳ-kheo hay không? - Không nên tin, vì sao, vì Tỳ-kheo không tự nói. Nếu có hai người cùng thấy thì nên hỏi cả hai người, nếu cả hai cùng nói giống như lời Tỳ-kheo nói thì nên tin theo lời nói này để trị Tỳ-kheo. Trường hợp nói hành dâm với Bà-la-môn nữ, Tỳ xá nữ hay Thủ-đà-la nữ cũng vậy.

Nếu có Ưu-bà-di đáng tin nói với Tỳ-kheo:

"Tôi thấy Tỳ-kheo khi đi, hành dâm nơi đường tiểu tiện", thì có nên tin theo hay không?

-nếu có hai người cùng thấy thì nên hỏi cả hai người, nếu cả hai cùng nói giống như lời Tỳ-kheo nói thì nên tin theo lời nói này để trị. Trường hợp nói hành dâm nơi miệng và đường đại tiện cũng vậy.

Nếu có Ưu-bà-di đáng tin nói với Tỳ-kheo: "Tôi thấy Tỳ-kheo ăn Đát-bát-na phi thời" thì nên hỏi Tỳ-kheo đó, nếu Tỳ-kheo nói tôi ăn đường thì nên tin theo lời này để trị. Trường hợp nói ăn đường phèn, mật… cũng vậy.

Nếu có Tỳ-kheo ăn đường phi thời, có Ưu-bà-di đáng tin nói với Tỳ-kheo: "Tôi thấy Tỳ-kheo ăn thịt phi thời" thì cũng nên bảo Tỳ-kheo tự nói, sau đó theo lời nói này để trị. Trường hợp nói ăn tô cũng vậy.

Có Tỳ-kheo xuất bất tịnh ở ngoài răng, có Ưu-bà-di đáng tin nói với Tỳ-kheo: "Tôi thấy Tỳ-kheo hành dâm nơi miệng", cũng nên bảo Tỳ-kheo tự nói rồi theo lời nói này để trị. Trường hợp xuất tinh nơi đùi cũng vậy.

Có hai Ưu-bà-di đáng tin cùng đi trên đường thấy có hai Tỳ-kheo cũng cùng đi trên đường, một người thấy Tỳ-kheo làm xuất tinh, một người thấy Tỳ-kheo kia xúc chạm với người nữ liền đến nói với các Tỳ-kheo; Tăng cũng nên bảo hai Tỳ-kheo

tự nói rồi theo lời nói này để trị. Trường hợp nhiều Tỳ-kheo cũng vậy, nằm ngồi cũng vậy. Nếu Ưu-bà-di thấy Tỳ-kheo phạm tội rõ ràng thì Tăng nên tin theo lời của họ để trị Tỳ-kheo.

Nếu có Ưu-bà-di đáng tin nói với Tỳ-kheo: "Tôi thấy Tỳ-kheo phạm bốn thiên tội sau", Tăng cũng nên bảo Tỳ-kheo tự nói rồi theo lời nói này để trị. Nếu nói thấy phạm mười ba tội Tàn hoặc ba thiên tội sau cũng vậy.

d. Hỏi về ba mươi pháp Xả đọa:

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo được một miếng vải, không thọ trì thì có nên xả hay không? - Không nên xả - nên thọ trì không? - Không nên thọ trì.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo mất y Ni-tát-kỳ thì làm sám hối gì? - Sám hối Ni-tát-kỳ.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo chứa y dư quá mười ngày đêm mà không phạm Xả đọa hay không? - Có, nếu y này dùng vật bất tịnh xen tạp để may như lông lạc đà, lông dê… thì phạm Đột-kiết-la; lại có trường hợp trong mười ngày này Tỳ-kheo qua đời.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo được y rồi cất chứa năm ngày thì bịnh điên, đến lúc nào mới kết phạm? -khi nào được bổn tâm.

Hỏi: Y cất chứa quá mười ngày có được lìa ngủ đêm không? -được, nếu liên tiếp ngày được y.

Hỏi: Có được dùng y của Tăng làm ba y để thọ

trì hay không?

- Được thọ trì

- Nếu đã thọ trì, lìa y ngủ đêm thì có nên xả hay không?

- Không được xả, chỉ nên sám tội Ba-dật-đề.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo để y trong giới lại ra ngoài giới, hoặc để y ngoài giới lại vào trong giới thì có được lìa y ngủ đêm cho đến khi mặt trời mọc hay không? -được.

Hỏi: Nếu y để trên đất, mặt trời mọc trên không; hoặc để y trên không, ánh mặt trời chiếu xuống đất thì ở trong giới khác không được lìa y ngủ đêm hay là ở chỗ không có kết giới, cách y bao xa thì gọi là lìa y ngủ đêm?

- Tùy theo tường rào của chùa (giới) rộng hay hẹp hoặc có hào hố hay không thì Tỳ-kheo được để y bên trong đó tùy ý cho đến khi mặt trời mọc. Trường hợp ba y của người học giới và năm y của tỳ-kheo-ni cũng vậy.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo cất chứa vải hơn một tháng mà không phạm Xả đọa hay không? - Có, nếu là vải bất tịnh như trên, cất chứa quá một tháng thì phạm Đột-kiết-la; chứa y không đúng kích lượng quá một tháng cũng phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Như Phật dạy Tỳ-kheo được cất chứa y một tháng là vải như thế nào? - Đó là tịnh y.

- Thế nào là tịnh y? - Đó là loại vải mà Phật

không chế ngăn.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo nhờ Tỳ-kheo-ni không phải bà con giặt y cũ cho đến nhuộm, đập mà không phạm Xả đọa hay không? - Có, nếu đã giặt rồi mà bảo giặt lại thì phạm Đột-kiết-la; ra dấu tay, đưa thư, sai sứ bảo giặt thì phạm Đột-kiết-la; bảo giặt y chưa nên giặt hoặc bảo giặt y của Tăng hoặc y Ni-tát-kỳ, y tịnh thí… đều phạm Đột-kiết-la; nhuộm đập cũng vậy.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo mặc tịnh y vào tụ lạc, y không rời thân mà phạm Xả đọa hay không? - Có, nếu Tỳ-kheo vào nhà bạch y, khi đi đại tiểu tiện bị dính bùn dơ, Tỳ-kheo-ni không phải bà con làm sạch lại giùm thì Tỳ-kheo phạm Xả đọa.

Khi Tỳ-kheo nhờ Tỳ-kheo-ni giặt y cũ, Tỳ-kheo-ni chuyển căn thì Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la, bảo nhuộm đập cũng vậy; trường hợp Tỳ-kheo tự chuyển căn cũng vậy. Nếu Tỳ-kheo nhờ Tỳ-kheo-ni vốn đã phạm giới… giặt, nhuộm đập y cũ đều phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo xin y từ cư sĩ và vợ cư sĩ không phải bà con mà không phạm Xả đọa hay không? - Có, nếu Tỳ-kheo vừa định đi xin liền được cúng y thì phạm Đột-kiết-la. Xin y từ huỳnh môn, người hai căn, người vốn đã phạm giới, vốn không hòa hợp hoặc là Tặc trụ hoặc làm ô nhục Tỳ-kheo-ni đều phạm Đột-kiết-la. Không phải bà con

mà tưởng là bà con nên đến xin thì Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la; nghi không biết là bà con hay không phải bà con mà đến xin thì Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la; bà con mà tưởng không phải bà con và nghi, đến xin đều phạm Đột-kiết-la. Khi chưa thọ giới cụ túc đến xin, khi chưa thọ giới cụ túc được y thì phạm Đột-kiết-la… có bảy trường hợp. Khi xin y, Tỳ-kheo chuyển căn thì phạm Đột-kiết-la; Tỳ-kheo-ni khi xin y chuyển căn cũng vậy. Nếu đến xin y cho người khác, được y thì Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la; vì bốn chúng kia xin y, được thì Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la; vì nhiều Tỳ-kheo đến xin, được thì Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la. Xin y từ huỳnh môn cũng vậy; xin y từ các phi nhân như rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già… cũng vậy; xin y từ người vốn đã phạm giới… cũng vậy.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo quá sáu lần đến đòi y mà không phạm Xả đọa hay không? - Có, nếu theo đòi y từ phi nhân, hoặc giá tiền y để ở chỗ Sa-môn, Bà-la-môn; Tỳ-kheo quá sáu lần đến đòi thì phạm Đột-kiết-la, cho đến giá tiền y để ở chỗ người vốn đã phạm giới… cũng vậy.

Lại hỏi: Có trường hợp người không thọ giới cụ túc đến đòi y quá sáu lần đến đòi y mà lại phạm Xả đọa hay không?

Đáp: Có, đó là người học giới (Sa-di học hối).

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo dùng Câu-xá-da mới làm phu cụ mà không phạm Xả đọa hay không? - Có, nếu làm cho người khác thì phạm Đột-kiết-la; hoặc người khác làm chưa xong, Tỳ-kheo làm tiếp giùm cho xong thì phạm Đột-kiết-la; hoặc dùng vật bất tịnh xen tạp để làm thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo dùng lông dê thuần đen để làm phu cụ mà không phạm Xả đọa hay không? - Có, giống như trên. Khi chưa thọ giới cụ túc làm phương tiện, khi chưa thọ giới cụ túc làm xong thì phạm Đột-kiết-la… có bảy trường hợp. Trường hợp Tỳ-kheo đã phạm giới… cũng phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp người không thọ giới cụ túc dùng lông dê thuần đen làm phu cụ mà lại phạm Xả đọa hay không? - Có, đó là người học giới (Sa-di học hối).

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo dùng phu cụ chưa tới sáu năm liền may phu cụ mới mà không phạm Xả đọa hay không? - Có, nếu Tỳ-kheo bịnh điên thì không phạm; hoặc làm cho người khác thì phạm Đột-kiết-la; hoặc người khác làm chưa xong, Tỳ-kheo làm tiếp giùm cho xong thì phạm Đột-kiết-la.

Khi đang làm chuyển căn thành nữ, sau đó lại chuyển căn thành nam mới làm xong thì phạm Đột-kiết-la; cho đến trường hợp người vốn đã phạm

giới… cũng đều phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp người không thọ giới cụ túc dùng phu cụ chưa tới sáu năm liền may phu cụ mới mà lại phạm Xả đọa hay không?

Đáp: Có, đó là người học giới (Sa-di học hối).

Khi chưa thọ giới cụ túc làm phương tiện, khi chưa thọ giới cụ túc làm xong thì phạm Đột-kiết-la… có bảy trường hợp.

Tỳ-kheo mang lông dê đi trên không thì phạm Đột-kiết-la, đưa cho hoa nhân mang đi cũng phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp người không thọ giới cụ túc mang lông dê đi mà lại phạm Xả đọa hay không?

Đáp: Có, đó là người học giới (Sa-di học hối).

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo nhờ Tỳ-kheo-ni không phải bà con giặt, nhuộm, đập lông dê mà không phạm Xả đọa hay không? - Có, nếu đã giặt rồi mà bảo giặt lại thì phạm Đột-kiết-la; ra dấu tay, đưa thư, sai sứ bảo giặt thì phạm Đột-kiết-la; hoặc bảo giặt cho Tăng hoặc bảo giặt nhiều loại lông như lông lạc đà, lông nai, lông dê… đã làm thành thì đều phạm Đột-kiết-la; nhuộm đập cũng vậy. Trường hợp Tỳ-kheo vốn đã phạm giới… thì phạm Đột-kiết-la.

Lại hỏi: Có trường hợp người không thọ giới cụ túc nhờ giặt nhuộm đập lông dê mà lại phạm Xả

đọa hay không?

Đáp: Có, đó là người học giới (Sa-di học hối).

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo tự tay lấy vàng bạc hoặc sai bảo người khác lấy mà không phạm Xả đọa hay không? - Có, nếu lấy không đúng, hoặc lấy thứ vụn hoặc nguyên khối hoặc đoạn hoại… thì phạm Đột-kiết-la; lấy loại tợ vàng bạc cũng phạm Đột-kiết-la. Nếu lấy loại vàng bạc mà người trong nước cơ hiềm thì phạm Đột-kiết-la; nếu không cơ hiềm thì không phạm. Trường hợp Tỳ-kheo vốn đã phạm giới… cầm lấy vàng bạc đều phạm Đột-kiết-la .

Lại hỏi: Có trường hợp người không thọ giới cụ túc tự tay cầm lấy vàng bạc mà lại phạm Xả đọa hay không?

Đáp: Có, đó là người học giới (Sa-di học hối)

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo mua bán vàng bạc vật báu mà không phạm Xả đọa hay không? - Có, nếu là vật tợ báu thì phạm Đột-kiết-la; mua bán vật báu với các phi nhân như rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già thì phạm Đột-kiết-la; đổi chác với bà con hoặc với người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại thì phạm Đột-kiết-la. Nếu người vốn đã phá giới… mua bán đổi chác đều phạm Đột-kiết-la; nếu là người học giới mua bán đổi chác thì phạm Xả đọa. Khi mua bán đổi chác Tỳ-kheo chuyển căn thì phạm Đột-

kiết-la, Tỳ-kheo-ni khi mua bán đổi chác chuyển căn cũng vậy. Khi chưa thọ giới cụ túc mua bán đổi chác, khi chưa thọ giới cụ túc được vào tay thì phạm Đột-kiết-la… có bảy trường hợp.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo chứa bát dư quá mười đêm mà không phạm Xả đọa hay không? - Có, nếu là Tỳ-kheo vốn đã phạm giới… thì phạm Đột-kiết-la; nếu là người học giới chứa bát dư quá mười đêm thì phạm Xả đọa; nếu chứa bát bể hay bát chưa nung thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo chứa bát dư trọn đời mà không phạm Xả đọa hay không? - Có, nếu Tỳ-kheo được bát, trong mười ngày thì qua đời; nếu bị điên cuồng tâm loạn thì chứa quá mười ngày không phạm.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo chứa bát dư lâu ngày mà không phạm hay không? - Có, nếu Tỳ-kheo gởi bát cho mà bát chưa được gởi đến hoặc giữ giùm người khác.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo chứa bát dư một đêm mà lại phạm Xả đọa hay không? - Có, nếu Tỳ-kheo chuyển căn thành Tỳ-kheo-ni.

Hỏi: Như Phật dạy Tỳ-kheo-ni chứa bát dư một đêm thì phạm Xả đọa, có trường hợp Tỳ-kheo-ni chứa bát dư mười ngày mà không phạm hay không? - Có nếu Tỳ-kheo-ni chuyển căn thành Tỳ-kheo.

Hỏi: Như Phật dạy Tỳ-kheo có bát rồi nếu xin nữa thì phạm Xả đọa, bát này nên ở trong Tăng xả; nếu Tỳ-kheo một lần xin được nhiều bát, có phải tất cả bát dư này đều nên ở trong Tăng xả phải không?

- Không phải xả hết, chỉ xả một bát, tất cả bát kia nên đem cho người đồng ý.

Hỏi: Tất cả bát đều ở trong Tăng đưa đổi phải không? - Không phải tất cả đều đưa đổi, chỉ đưa đổi một bát.

- Bát nào nên đưa đổi? -là bát mà Tỳ-kheo phạm ưa thích nhất. Nếu hai Tỳ-kheo cùng xin được một bát nữa thì phạm Đột-kiết-la; sai sứ hoặc ra dấu tay xin bát thì phạm Đột-kiết-la; mỗi người xin giùm cho nhau thì phạm Đột-kiết-la; Tỳ-kheo lấy vật của mình để đổi bát thì phạm Đột-kiết-la; đến chỗ ngoại đạo xin bát thì phạm Đột-kiết-la; đến chỗ Sa-môn , Bà-la-môn xin bát cũng vậy. Nếu Tỳ-kheo là người vốn đã phạm giới… xin bát nữa thì phạm Đột-kiết-la; nếu là người học giới xin bát nữa thì phạm Xả đọa. Khi chưa thọ giới cụ túc xin bát, khi chưa thọ giới cụ túc được bát thì phạm Đột-kiết-la… có bảy trường hợp.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo cho Tỳ-kheo khác y rồi, sau đó đoạt lấy lại mà không phạm Xả đọa hay không? - Có, nếu Tỳ-kheo thọ pháp cho Tỳ-kheo không thọ pháp y, sau đó đoạt lấy lại thì phạm

Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo thọ y là người vốn đã phạm giới…, đoạt lấy lại thì phạm Đột-kiết-la; nếu y đoạt lại là y không đúng kích lượng thì phạm Đột-kiết-la. Nếu người cho chuyển căn thành Tỳ-kheo-ni đoạt lấy lại thì phạm Đột-kiết-la; người thọ y chuyển căn thành Tỳ-kheo-ni, đoạt lấy lại thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Tỳ-kheo A-lan-nhã ở chỗ có sợ hãi, chỉ mặc một y đến nhà bạch y do có chút nhân duyên, nghĩ là sẽ trở về nhưng khi trở về có nạn khởi lên, không thể đến được chỗ để y thì Tỳ-kheo này có phạm lìa y ngủ đêm không? - Không phạm.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo lìa y sáu đêm mà không phạm Xả đọa hay không? - Có, nếu đó là y bất tịnh thì phạm Đột-kiết-la; nếu là y Tăng-già-lê đã xin yết ma lìa y thì không phạm.

Hỏi: Như Phật dạy trước mùa mưa một tháng được xin y tắm mưa, trong nữa tháng nên may và cất chứa; có trường hợp Tỳ-kheo trước mùa mưa chưa tới một tháng đã xin y tắm mưa và cất chứa quá nữa tháng mà không phạm Xả đọa hay không? - Có, nếu đó là y bất tịnh thì phạm Đột-kiết-la, hoặc y tắm mưa này không đúng kích lượng thì phạm Đột-kiết-la; hoặc Hai Tỳ-kheo cùng xin y tắm mưa thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Nếu tự tứ rồi, vua tính tháng nhuần, Tỳ-kheo được y cấp thí phải làm thế nào? -nên tính số

ngày, trong tháng an cư quá mười ngày thì phạm Xả đọa, vì y cấp thí không được làm y phi thời.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo được y cấp thí, cất chứa quá mười ngày mà không phạm Xả đọa hay không? - Có, nếu đó là y bất tịnh thì phạm Đột-kiết-la; nếu cất chỉ sợi bất tịnh để dệt y thì phạm Đột-kiết-la; hoặc y này không đúng kích lượng thì phạm Đột-kiết-la. Trường hợp Tỳ-kheo là người vốn đã phạm giới… cất chứa y cấp thí quá mười ngày thì phạm Đột-kiết-la; người học giới cất chứa y cấp thí quá mười ngày thì phạm Xả đọa.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo hồi chuyển y cúng cho Tăng về cho mình mà không phạm Xả đọa hay không? - Có, nếu đó là y của cha mẹ cúng cho Tăng, hồi chuyển về cho mình thì phạm Đột-kiết-la. Nếu thí chú cúng y cho Tăng chưa vào trong giới, Tỳ-kheo hồi chuyển về cho mình thì phạm Đột-kiết-la; nếu thí cho hai, ba -Tỳ-kheo mà hồi chuyển về cho mình thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo phi thời được mía, phi thời ép lấy nước, phi thời lượt, phi thời nấu, phi thời thọ thì có được uống hay không? - Không được. Trường hợp tám loại nước uống, năm loại mỡ, sữa, dầu, thịt… cũng vậy.

Hỏi: Đối với Thời dược, Phi thời dược, Thất nhật dược, Chung thân dược nếu không tự tay thọ, không nói thọ thì có được dùng hay không?

- Không được dùng.

- Nếu tự tay thọ mà không nói thọ thì có được dùng hay không?

- Nếu không trải qua đêm thì người bịnh được dùng, không bịnh thì không được dùng.

Hỏi: Ngay nơi loại dược này xen tạp với loại dược kia thì được dùng không? - Không được

- Thời dược… cho đến Chung thân dược xen tạp nhau phi thời được dùng không? - Không được vì do hiệu lực của Thời dược; Thất nhật dược chỉ được dùng trong bảy ngày, quá bảy ngày thì không được dùng; Chung thân dược xen tạp với Thất nhật dược chỉ được dùng trong bảy ngày; Thời được phải dùng đúng thời, Phi thời dược phải dùng theo Phi thời dược, Thất nhật dược phải dùng theo Thất nhật dược và Chung thân dược dùng theo Chung thân dược; nếu thí hợp thí thì nên phân biệt.

e. Hỏi về Ba-dật-đề:

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo mặc y phục ngoại đạo thì có thành xả giới không? - Không xả giới nhưng phạm Thâu-lan-giá; nếu có người hỏi thầy là ai, đáp là ngoại đạo thì Tỳ-kheo này phạm cố ý vọng ngữ Ba-dật-đề.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo mang hình dáng cư sĩ thì có thành xả giới không?

- Không xả giới nhưng phạm Đột-kiết-la; nếu có người hỏi thầy là ai, đáp là cư sĩ thì Tỳ-kheo này

phạm cố ý vọng ngữ Ba-dật-đề. Những việc khác tùy nghĩa nên hiểu.

Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác: "Thầy là người dòng Sát-đế-lỵ xuất gia… cho đến dòng Thủ-đà-la xuất gia" hoặc nói thầy là thợ hớt tóc thì phạm cố ý vọng ngữ Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo dùng thiên nhãn để cử tội Tỳ-kheo khác thì phạm Đột-kiết-la, dùng thiên nhĩ cũng vậy. Nếu Tỳ-kheo xướng lên rằng: "Trong Tăng có người phạm giới", thì phạm cố ý vọng ngữ Ba-dật-đề; nếu Tỳ-kheo nói: "Thầy là người khuyết giới, giới rạn nứt, giới suy kém, giới nhơ" thì phạm cố ý vọng ngữ Ba-dật-đề. Nếu nói để giáo giới thì không phạm.

Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo dòng Bà-la-môn xuất gia: "Thầy là thợ hớt tóc" thì phạm Đột-kiết-la; nếu có người hỏi thầy là ai, đáp là Tỳ-kheo-ni thì phạm cố ý vọng ngữ Ba-dật-đề; nếu đáp là Sa-di thì có thành xả giới không? - Không xả giới nhưng phạm cố ý vọng ngữ Ba-dật-đề. Cho đến nói là Sa-di-ni, ngoại đạo, phi nhân… cũng vậy.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo nói chê bai mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu là người vốn đã phạm giới … chê bai thì phạm Đột-kiết-la; chê bai phi nhân xuất gia cũng Đột-kiết-la; chê bai các loài rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già… xuất gia đều phạm Đột-kiết-la. Chê bai người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại, người điếc, câm

đều Đột-kiết-la; người ở trong nước chê bai người biên địa, người biên địa chê bai người ở trong nước… đều Đột-kiết-la. Sai sứ, ra dấu tay chê bai cũng Đột-kiết-la. Tỳ-kheo chê bai Tỳ-kheo thanh tịnh thì phạm Ba-dật-đề, chê bai bốn chúng kia thì phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni chê bai Tỳ-kheo-ni thì phạm Ba-dật-đề, chê bai bốn chúng kia cũng Đột-kiết-la; Thức-xoa-ma-na chê bai Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni thì phạm Đột-kiết-la; Sa-di, Sa-di-ni cũng vậy.

Tỳ-kheo ở bên Tỳ-kheo thanh tịnh nói hai lưỡi thì phạm Ba-dật-đề, bên bốn chúng kia nói hai lưỡi thì phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni bên Tỳ-kheo-ni nói hai lưỡi thì phạm Ba-dật-đề; bên bốn chúng kia nói hai lưỡi thì phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo ở bên người vốn đã phạm giới… cho đến ở bên người mù, điếc câm nói hai lưỡi đều phạm Đột-kiết-la; ở bên các loài phi nhân xuất gia nói hai lưỡi đều phạm Đột-kiết-la; Tỳ-kheo ở dưới đất nói ly gián Tỳ-kheo ở trên không hoặc người ở trên hư nói ly gián Tỳ-kheo ở dưới đất… cho đến người ở trong nước nói ly gián người biên địa, hoặc người biên địa nói ly gián người ở trong nước mà họ không hiểu thì đều phạm Đột-kiết-la. Người học giới ở bên Tỳ-kheo thanh tịnh nói hai lưỡi thì phạm Ba-dật-đề; sai sứ, ra dấu nói thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo, Tăng đã như pháp diệt tránh rồi, phát khởi trở lại mà không

phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, đó là người vốn đã phạm giới… phát khởi trở lại thì phạm Đột-kiết-la. Người học giới phát khởi trở lại thì phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo khơi lại việc tranh cãi của người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại… người mù, câm điếc… cho đến các loài phi nhân xuất gia thì đều phạm Đột-kiết-la. Người ở trong nước khơi lại việc tranh cãi của người biên địa… cũng vậy; sai sứ, ra dấu cũng phạm Đột-kiết-la.

Nếu Tỳ-kheo nói với người học giới: "Thầy không phải là người học giới" thì phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo khơi lại việc tranh cãi của bốn chúng kia thì phạm Đột-kiết-la; Tỳ-kheo-ni khơi lại việc tranh cãi của bốn chúng kia cũng vậy.

Hỏi: Như Phật dạy không có tịnh nhân thì Tỳ-kheo không được thuyết pháp cho người nữ, thế nào là không phải tịnh nhơn? - Tức là người ngu si, người điên, người biên địa, người ngủ, người say, người buông lung, người nhập định không nghi không hiểu. Nếu không phải tịnh nhân mà cho là tịnh nhân, thuyết pháp cho người nữ thì phạm Đột-kiết-la; người nữ thanh tịnh nhưng tinh nhân không thanh tịnh, hoặc người nữ không thanh tịnh nhưng tịnh nhân thanh tịnh mà Tỳ-kheo thuyết pháp cho người nữ thì phạm Đột-kiết-la. Nếu tịnh nhân là người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại, người điếc… phi nhân… làm tịnh nhân, Tỳ-kheo thuyết pháp cho người nữ thì phạm Đột-kiết-la.

Nếu Tỳ-kheo vốn là người phạm giới… không có tịnh nhân mà thuyết pháp cho người nữ thì phạm Đột-kiết-la. Người học giới không có tịnh nhân mà thuyết pháp cho người nữ thì phạm Ba-dật-đề.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo cùng dọc tụng kinh với người chưa thọ giới cụ túc mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu đọc tụng với súc sanh thì phạm Đột-kiết-la; đọc tụng với người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại, người điếc câm… cho đến các phi nhân… đều phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo là người vốn đã phạm giới… đọc tụng với người chưa thọ giới cụ túc thì phạm Đột-kiết-la. Người học giới đọc tụng với người chưa thọ giới cụ túc thì phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo đọc tụng với bốn chúng kia đều phạm Đột-kiết-la, Tỳ-kheo-ni cũng vậy.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo nói tội thô của tỳ-kheo cho người chưa thọ giới cụ túc nghe mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu Tỳ-kheo tự nói tội thô của mình thì phạm Đột-kiết-la; nói tội thô của bốn chúng kia thì phạm Đột-kiết-la; các loài phi nhân xuất gia tự nói tội thô của mình với người chưa thọ giới cụ túc thì phạm Đột-kiết-la, nói tội thô của tỳ-kheo cũng phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo nói tội thô của người vốn đã phạm giới… cho đến người học giới cho người chưa thọ giới cụ túc nghe đều phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo ở dưới đất nói tội thô của tỳ-kheo ở trên không hoặc ngược

lại; người ở trong giới nói tội thô của người ở ngoài giới hoặc ngược lại. Cho đến người ở trong nước nói tội thô của người biên địa hoặc ngược lại, đều phạm Ba-dật-đề. Sai sứ ra dấu thì phạm Đột-kiết-la.

Nếu Tỳ-kheo đã được lậu tận, có người chưa thọ giới cụ túc hỏi thầy được lậu tận phải không; trong tay đang cầm quả liền đáp là được thì không phạm.

Hỏi: Có trường hợp Tăng đã chấp thuận đem vật đó cho người này, Tỳ-kheo hồi chuyển đem cho người khác mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu Tỳ-kheo hồi chuyển vật của Ni tăng đem cho người khác thì phạm Đột-kiết-la; hồi chuyển vật của Tăng cho phi nhân xuất gia đem cho người khác thì Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la. Phi nhân xuất gia hồi chuyển vật của tỳ-kheo… Sa-di-ni đem cho người khác cũng phạm Đột-kiết-la; hồi chuyển vật đã cho người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại đem cho người khác thì Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la; hồi chuyển vật đã cho người vốn đã phạm giới… đem cho người khác thì Tỳ-kheo cũng phạm Đột-kiết-la; ngược lại cũng vậy. Nếu người học giới hồi chuyển vật của Tăng đã cho người này đem cho người khác thì phạm Ba-dật-đề; người ở trong nước hồi chuyển vật đã cho người biên địa và ngược lại đều phạm Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo lấy cát đất phủ lên cỏ tươi thì

phạm Đột-kiết-la; rung cây làm cho quả chín rụng thì phạm Đột-kiết-la; làm cho quả sống rụng thì phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo tự chặt gãy cây thì phạm Ba-dật-đề; sai sứ, ra dấu tay bảo người khác chặt cây thì phạm Đột-kiết-la. Người học giới rung cây làm cho quả chín rụng thì phạm Đột-kiết-la, quả sống rụng thì phạm Ba-dật-đề; Tỳ-kheo dùng thần thông lực làm gãy cây thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo nói: "Ông hãy đến đó chặt gãy cây như thế như thế" thì phạm Đột-kiết-la; tưới nước nóng lên cỏ, cỏ chết thì phạm Ba-dật-đề, cỏ không chết thì phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo làm chết năm loại giống thì phạm năm Ba-dật-đề; để năm loại giống ở chỗ gió thổi nắng nung hoặc để gần lửa, nếu năm loại giống không bị hư thì phạm Đột-kiết-la, giống bị hư thì phạm năm Ba-dật-đề. Người vốn đã phạm giới… làm chết năm loại giống thì phạm Đột-kiết-la; người học giới làm chết cây cỏ thì phạm Ba-dật-đề, ném đồ vật làm chết cây cỏ thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo hiềm trách Tỳ-kheo khác mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu Tỳ-kheo là phi nhân xuất gia hiềm trách Tỳ-kheo thanh tịnh thì phạm Đột-kiết-la; ngược lại cũng Đột-kiết-la. Tỳ-kheo hiềm trách người vốn đã phạm giới… cũng phạm Đột-kiết-la; hiềm trách người mù, điếc… người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại cũng phạm Đột-kiết-la. Người học giới

hiềm trách Tỳ-kheo thì phạm Ba-dật-đề; người ở trong nước hiềm trách người biên địa và ngược lại đều phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo một mình tưởng không phải một mình, hoặc không phải một mình mà tưởng là một mình, hoặc một mình tưởng là một mình lầm bẩm hiềm trách thì phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo hiềm trách Tỳ-kheo khác, Tỳ-kheo đó không nghe thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo xúc não Tỳ-kheo khác mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, ngoài việc phạm tội ra, đem việc khác để xúc não Tỳ-kheo khác thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo là người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại, mù, điếc… xúc não người khác thì phạm Đột-kiết-la; phi nhân xuất gia xúc não người khác thì phạm Đột-kiết-la; Tỳ-kheo vốn đã phạm giới… xúc não người khác cũng Đột-kiết-la; ngược lại Tỳ-kheo xúc não người vốn đã phạm giới… cũng Đột-kiết-la. Người học giới xúc não người khác thì phạm Ba-dật-đề. Người ở trong nước xúc não người biên địa và ngược lại đều phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo xúc não bốn chúng kia thì phạm Đột-kiết-la; sai sứ, ra dấu tay để xúc não người khác thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo trải ngọa cụ của Tăng ở nơi đất trống hoặc bảo người khác trải, không tự cất cũng không bảo người cất mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu ngọa cụ đó

bất tịnh, Tỳ-kheo không tự cất cũng không bảo người cất thì phạm Đột-kiết-la. Ngọa cụ bất tịnh là ngọa cụ được làm bằng nhiều loại lông xen tạp như lông lạc đà, lông dê, lông nai… Hoặc ngọa cụ có kích lương cao đến tám ngón tay hoặc hơn, Tỳ-kheo không cất và không bảo người cất thì phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo là người vốn đã phạm giới… ở trong chùa hoặc đến chùa khác, trải ngọa cụ không cất và không bảo người cất thì phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo trải ngọa cụ của bạch y, sau đó không cất thì phạm Đột-kiết-la; trải ngọa cụ của mình mà không dọn cất cũng Đột-kiết-la. Tỳ-kheo đến chùa của tỳ-kheo-ni trải ngọa cụ, sau đó bỏ đi mà không thu dọn thì phạm Đột-kiết-la; ở trong chùa của Sa-môn, Bà-la-môn khác cũng vậy.

-oOo-

TÁT BÀ ĐA BỘ TỲ NI MA ĐẮC LẶC GIÀ

QUYỂN 10

24. Ưu-Ba-Ly Vấn Pháp (Tiếp Theo):

e. Hỏi về Ba-dật-đề (Tiếp Theo):

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo trải cỏ và lá cây trong phòng của tỳ-kheo, khi đi không thu dọn cũng không bảo người thu dọn mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu đó là Tỳ-kheo vốn đã phạm giới… thì phạm Đột-kiết-la; hoặc ở trong phòng của chùa Ni hoặc của ngoại đạo cũng phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo biết trong chùa tăng đã có Tỳ-kheo đến ở trước liền gượng chen vào nằm ngồi để xúc não Tỳ-kheo đó mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu đó là Tỳ-kheo vốn đã phạm giới… thì phạm Đột-kiết-la; hoặc đó là phi nhân xuất gia; hoặc Tỳ-kheo gượng chen vào ngồi nằm để xúc não phi nhân xuất gia thì phạm Đột-kiết-la. Trừ ở trong phòng, chùa của đệ tử Như lai, ở trong phòng nhà của người khác thì phạm Đột-kiết-la; trong phòng riêng của mình xúc não người khác cũng Đột-kiết-la.

Hỏi: Có tường hợp Tỳ-kheo vì sân giận tự kéo

người khác hoặc bảo người kéo mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu kéo đuổi phi nhân xuất gia hoặc người vốn đã phạm giới… thì phạm Đột-kiết-la; kéo lôi người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại, người mù, điếc… đều phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo quăng bỏ y bát của tỳ-kheo ác ra ngoài cũng phạm Đột-kiết-la; trừ ở trong phòng, chùa của đệ tử Như lai, ở trong phòng nhà của người khác mà kéo lôi ra thì phạm Đột-kiết-la .

Nếu Tỳ-kheo dùng nước có trùng tưới lên cỏ, đất hay Cù-ma-da thì phạm Ba-dật-đề; trong cỏ đất có trùng cũng vậy.

Hỏi: có trường hợp Tỳ-kheo ở trên lầu gác, nằm ngồi trên giường có chân nhọn mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu đó là phi nhân xuất gia hoặc Tỳ-kheo vốn đã phạm giới… đều phạm Đột-kiết-la. Người học giới nằm ngồi trên giường như vậy thì phạm Ba-dật-đề; người mù, điếc, câm thì phạm Đột-kiết-la; người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại thì không phạm. Tỳ-kheo nằm ngồi trên lầu gác của mình, trên giường có chân nhọn cũng không phạm; hoặc ngồi dưới gác trên giường không có chân nhọn thì không phạm. Trừ ở trong phòng, chùa của đệ tử Như lai, nằm ngồi trên lầu gác của người khác thì phạm Đột-kiết-la .

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo lợp quá hai, ba lớp mà không phạm hay không? - Có, nếu dùng cỏ ván lợp thì không phạm.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo không được Tăng sai, đến giáo giới Tỳ-kheo-ni mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu đó là Tỳ-kheo vốn đã phạm giới… hoặc người mù, điếc câm hoặc đó là phi nhân xuất gia… Tăng không sai mà đến giáo giới Tỳ-kheo-ni thì phạm Đột-kiết-la. Người học giới nếu Tăng không sai mà đến giáo giới Tỳ-kheo-ni thì phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo ở trong nước, Tăng không sai mà đến giáo giới cho ni ở biên địa; hoặc Tỳ-kheo ở biên địa, Tăng không sai mà đến giáo giới cho Tỳ-kheo-ni ở trong nước thì phạm Đột-kiết-la. Trường hợp giáo giới Ni đến lúc mặt trời lặn cũng vậy. Tỳ-kheo thành tựu năm đức, Tăng mới sai đi giáo giới Tỳ-kheo-ni.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo nói các Tỳ-kheo vì lợi dưỡng nên đi giáo giới Tỳ-kheo-ni mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu đó là phi nhân xuất gia hoặc là người vốn đã phạm giới…, hoặc là người mù, điếc câm thì phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo ở trong nước nói Tỳ-kheo ở biên địa hoặc Tỳ-kheo ở biên địa nói Tỳ-kheo ở trong nước thì phạm Đột-kiết-la; Tỳ-kheo thọ pháp nói Tỳ-kheo không thọ pháp thì phạm Đột-kiết-la. Nếu là người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại thì không phạm. Người học giới nói các Tỳ-kheo như vậy thì phạm Ba-dật-đề.

Hỉ: Có trường hợp Tỳ-kheo may y giùm cho Tỳ-kheo-ni không phải bà con mà không phạm Ba-

dật-đề hay không? - Có, nếu đó là Tỳ-kheo vốn đã phạm giới… hoặc Tỳ-kheo may y giùm cho Tỳ-kheo-ni vốn đã phạm giới… thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo may giùm y cho Tỳ-kheo-ni là người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại thì không phạm. Tỳ-kheo may giùm y cho Tỳ-kheo-ni là phi nhân xuất gia, hoặc Tỳ-kheo là phi nhân xuất gia may y giùm cho Tỳ-kheo-ni không phải bà con thì phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo thọ pháp may giùm y cho Tỳ-kheo-ni không thọ pháp và ngược lại thì phạm Đột-kiết-la. Giới cho y cũng vậy.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo đi chung đường với Tỳ-kheo-ni mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu đó là phi nhân xuất gia hoặc Tỳ-kheo đi chung đường với Tỳ-kheo-ni là phi nhân xuất gia thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo vốn đã phạm giới… hoặc là người mù, điếc câm đi cùng với Tỳ-kheo-ni thì phạm Đột-kiết-la; ngược lại cũng vậy. Nếu Tỳ-kheo là người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại đi cùng Tỳ-kheo-ni thì không phạm; ngược lại cũng vậy. Tỳ-kheo thọ pháp đi chung đường với Tỳ-kheo-ni không thọ pháp thì phạm Đột-kiết-la, ngược lại cũng vậy. Người học giới đi chung đường với Tỳ-kheo-ni thì phạm Ba-dật-đề. Giới đi chung thuyền cũng vậy.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo cùng ngồi với người nữ ở chỗ khuất mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu đó là Tỳ-kheo vốn đã phạm

giới… hoặc là phi nhân xuất gia, hoặc là người mù, điếc câm cùng ngồi thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo là người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại cùng ngồi với người nữ ở chỗ khuất thì không phạm. Người học giới cùng ngòi với người nữ ở chỗ khuất thì phạm Ba-dật-đề. Giới cùng ngồi với Tỳ-kheo-ni ở chỗ khuất cũng vậy.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo nhờ Tỳ-kheo-ni khen ngợi mà thọ được thức ăn lại không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu đó là Tỳ-kheo vốn đã phạm giới… hoặc là người mù, điếc câm; hoặc đó là phi nhân xuất gia thì phạm Đột-kiết-la; trường hợp ngược lại cũng vậy. Nếu Tỳ-kheo là người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại thì không phạm. Người học giới thọ được thức ăn từ Tỳ-kheo-ni khen ngợi thì phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo thọ pháp thọ được thức ăn từ Tỳ-kheo-ni không thọ pháp khen ngợi hoặc ngược lại thì phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo nếu biết thức ăn làm cho người khác mà xin và được thì phạm Đột-kiết-la; không biết thì không phạm.

Hỏi: Như Phật dạy Tỳ-kheo ăn nhiều nơi thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên, có trường hợp Tỳ-kheo thọ thỉnh hai nơi mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu Tỳ-kheo đã thọ thỉnh thực nơi chỗ không có y, sau đó thọ thỉnh thực nơi chỗ có y thì không phạm lỗi thọ thực hai nơi; thọ thỉnh thực nơi chỗ có y thì không phạm. một chỗ được

y, một chỗ tìm y thọ thỉnh thực thì không phạm. Có người nói với Tỳ-kheo: "Thầy hãy thọ thực nơi đây, tôi sẽ tìm y cho thầy", Tỳ-kheo thọ thỉnh thực thì không phạm. Lại có người nói: "Thọ thực nơi đây rồi, tùy ý thọ nơi nào khác cũng được", Tỳ-kheo thọ thực thì không phạm. Ngoài năm loại thức ăn, tùy ý ăn các loại thức ăn khác thì không phạm.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo ở hai nơi thọ thỉnh thực không có y mà không phạm hay không? - Có, nếu đó là Tỳ-kheo vốn đã phạm giới… hoặc Tỳ-kheo mù, điếc câm hoặc là phi nhân xuất gia thọ thỉnh hai nơi thì phạm Đột-kiết-la; Tỳ-kheo là người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại thì không phạm.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo ở nơi chỗ thí chủ cúng dường một bữa ăn, không bịnh mà ăn quá một bữa lại không phạm Ba-dật-đề hay không?

- Có, nếu ở chỗ của phi nhân thì không phạm, hoặc Tỳ-kheo làm chỗ ngủ qua đêm, ăn quá một bữa không phạm; nếu ở chỗ Sa-môn, Bà-la-môn khác ăn quá một bữa thì Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la; ở nhà bà con ăn quá một bữa không phạm. Ở nhà huỳnh môn, người hai căn, người mùa điếc câm… ăn quá một bữa thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo là người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại, ăn quá một bữa không phạm. Người học giới ăn quá một bữa thì phạm Ba-dật-đề.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo vào nhà bạch y khất thực, có cư sĩ Bà-la-môn tùy ý cúng nhiều bánh và thức ăn, thọ quá hai, ba bát mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu vào nhà của phi nhân như trời rồng…, nhà ngoại đạo thọ quá hai, ba bát thì phạm Đột-kiết-la hoặc ngồi ăn tại đó thì không phạm; nếu thọ hai, ba bát rồi mà còn đi khất thực nữa thì phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo thọ pháp đến nhà thí chủ của tỳ-kheo không thọ pháp, thọ quá hai, ba bát thì phạm Đột-kiết-la; trường hợp ngược lại cũng vậy, cho đến Tỳ-kheo là phi nhân xuất gia hoặc là người vốn đã phạm giới… hoặc là người mù điếc câm… cũng vậy. Người học giới thọ quá hai, ba bát thì phạm Ba-dật-đề.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo ăn xong tùy ý rồi, không thọ pháp dư thực lại ăn nữa mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu Tỳ-kheo bị bịnh, ăn chưa no, ăn tô mật cũng vậy. Nếu Tỳ-kheo ăn thức ăn bất tịnh xong tùy ý rồi, thọ pháp dư thực thì không thành thọ thực, phạm Ba-dật-đề; thức ăn bất tịnh là năm loại chánh thực.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo ăn xong tùy ý rồi, thọ pháp dư thực, trong thức ăn đó thường thường ăn, tùy ý ăn mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu đó là Tỳ-kheo vốn đã phạm giới… thì phạm Đột-kiết-la; người học giới ăn như vậy thì phạm Ba-dật-đề .

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo ăn biệt chúng mà

không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, trừ sáu nhân duyên được ăn biệt chúng không phạm; trừ loại chánh thực, ăn loại thức ăn khác thì không phạm.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo ăn phi thời mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu Tỳ-kheo ở ba cõi kia mà tính theo giờ ăn của cõi Diêm phù đề thì không phạm.

Hỏi: ở cõi Phất vu đãi và cõi Câu-da-ni có được ăn thức ăn cách đêm hay không? - Không được ăn.

- Ở cõi Uất đơn việt được ăn thức ăn cách đêm hay không?

- Được.

Hỏi: Có mấy loại thức ăn để cách đêm mà Tỳ-kheo không được ăn?

- Có ba loại, đó là thức ăn cách đêm của Tăng, của tỳ-kheo và của người học giới. Có bốn loại thức ăn cách đêm mà Tỳ-kheo được ăn, đó là thức ăn cách đêm của tỳ-kheo-ni, của Thức-xoa-ma-na, của Sa-di và của Sa-di-ni. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy.

Hỏi: Nếu bát dính dầu mỡ dơ, dùng tro, đất, mạt vụn chà rửa ba lần mà vẫn không sạch hết chất dầu mỡ thì có được dùng bát đó để ăn hay không? - được, vì sao, vì chẳng phải ăn chất dầu mỡ dính dơ.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo tay cầm bình đựng dầu, tô

nên bỏ thì không được thọ thức ăn để ăn phải không (ác tróc)? - Hoặc được hoặc không được, nếu là người không biết xấu hổ cầm rồi liền thọ thức ăn mà ăn; nếu là người biết xấu hổ thì lở cầm hay cầm lộn, mới được thọ thức ăn ăn.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo lấy thức ăn muốn đưa cho Sa-di, Sa-di đưa lại cho Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo có được ăn không? -được

- Nếu Sa-di không đưa lại cho thì Tỳ-kheo có được đòi hỏi không?

- Không được đòi hỏi.

Hỏi: Nước muối mặn có được thọ không?

- Nếu để thêm muối thì được thọ, không để thêm muối thì không được thọ. Nước đục soi thấy mặt thì không nên thọ, không thấy mặt thì nên thọ.

Hỏi: Người học giới có thọ pháp cho Tỳ-kheo không thọ pháp thức ăn thì có được ăn hay không? - Không được ăn. Trường hợp ngược lại cũng vậy. Tỳ-kheo thọ pháp và Tỳ-kheo không thọ pháp cũng vậy.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo không bịnh, đòi hỏi thức ăn ngon mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu Tỳ-kheo ở bên bà con đòi hỏi thức ăn ngon thì không phạm.

Tỳ-kheo uống nước có trùng, tùy làm trùng chết bao nhiêu thì phạm bấy nhiêu Ba-dật-đề .

Hỏi: Có Tỳ-kheo ngồi ăn trong nhà ăn mà phạm

biên tội hay không? - Có, nếu ăn thức ăn dâm dục thì phạm Ba-la-di .

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo gượng ngồi trong nhà ăn có vật báu mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu gượng ngồi trong nhà ăn của các phi nhân như trời rồng… thì phạm Đột-kiết-la; hoặc gượng ngồi trong nhà ăn của đồng nữ huỳnh môn, người hai căn, người căn bị hoại thì phạm Đột-kiết-la; ngồi trong nhà ăn của ba hạng người người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại thì không phạm. Nếu Tỳ-kheo là phi nhân xuất gia hoặc là người mù, điếc câm… cũng không phạm. Trường hợp đứng cũng vậy, trừ thỉnh thực thì không phạm.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo tự tay cho nữ ngoại đạo lõa hình thức ăn mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu cho thức ăn cách đêm thì phạm Đột-kiết-la, bảo người khác cho cũng Đột-kiết-la; nếu cho để giáo hóa thì không phạm; cho bà con cũng Đột-kiết-la; để trên đất cho cũng Đột-kiết-la; chia phần xong để trên đất bảo tùy ý ăn thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo đến xem quân trận mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu có nhiều giặc cướp bị bắt, Tỳ-kheo vì nhàm lìa nên đến xem thì không phạm. Nếu Tỳ-kheo đi xem quân trận của phi nhân thì phạm Đột-kiết-la. Giới ở trong quân trận quá hai đêm và xem quân đánh

nhau cũng như vậy.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo vì sân giận đánh Tỳ-kheo khác mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu đánh Tỳ-kheo vốn đã phạm giới… hoặc người mù, điếc… thì phạm Đột-kiết-la; ngược lại cũng vậy; đánh Tỳ-kheo là phi nhân xuất gia cũng Đột-kiết-la; ngược lại cũng vậy.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo đánh Tỳ-kheo khác mà phạm trăm ngàn tội Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu Tỳ-kheo vì sân giận ở trong chúng đại Tỳ-kheo quăng ném cát, tùy trúng bao nhiêu thì phạm Ba-dật-đề bấy nhiêu, nếu quăng ném không trúng ai thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo che giấu tội thô của tỳ-kheo khác mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu Tỳ-kheo che giấu tội nặng của tỳ-kheo vốn đã phạm giới… hoặc của phi nhân xuất gia thì phạm Đột-kiết-la; ngược lại cũng vậy. Người học giới che giấu tội thô của tỳ-kheo khác thì phạm Ba-dật-đề.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác hãy cùng đi đến đó, sẽ bảo cúng thức ăn ngon cho thầy, sau đó lại bảo đi đi mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu đó là Tỳ-kheo vốn đã phạm giới… hoặc là phi nhân xuất gia thì Tỳ-kheo nói và đuổi về phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo ở trong nước nói và đuổi Tỳ-kheo biên địa như vậy

cũng Đột-kiết-la; ngược lại cũng vậy, ra dấu tay đuổi về cũng Đột-kiết-la; đuổi Sa-môn, Bà-la-môn khác về cũng Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo không bịnh, đốt lửa nơi đất trống mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu đó là Tỳ-kheo vốn đã phạm giới… hoặc là phi nhân xuất gia, hoặc là Tỳ-kheo mù điếc câm… thì phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo là người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại đốt lửa thì không phạm. Người ở trong nước đốt lửa cho người biên địa và ngược lại thì phạm Đột-kiết-la; ra dấu bảo đốt lửa cũng Đột-kiết-la. Nếu bị kẻ giặc hoặc phi nhân bảo đốt thì không phạm, đốt lửa cho Tăng hoặc cho Tỳ-kheo thanh tịnh thì không phạm.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo ngủ chung với người chưa thọ giới cụ túc mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có nếu Tỳ-kheo ngủ chung với huỳnh môn, người hai căn quá hai đêm thì phạm Đột-kiết-la; ngủ với hóa nhân cũng Đột-kiết-la. Tỳ-kheo vốn đã phạm giới…, Tỳ-kheo mù điếc câm… ngủ với người chưa thọ giới cụ túc quá hai đêm thì phạm Đột-kiết-la. Người học giới ngủ chung với người chưa thọ giới cụ túc quá hai đêm thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo như pháp Tăng sự gởi dục xong, sau đó lại nói không gởi dục mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu Tỳ-kheo thọ pháp gởi dục cho Tỳ-kheo không thọ

pháp, sau đó nói không gởi dục thì phạm Đột-kiết-la; trường hợp ngược lại cũng vậy. Hoặc đó là Tỳ-kheo vốn đã phạm giới… hoặc là phi nhân xuất gia, hoặc là người mù điếc câm…, sau đó nói không gởi dục đều phạm Đột-kiết-la. Người học giới gởi dục rồi, sau đó nói không gởi thì phạm Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo ở bên Tỳ-kheo bị tẫn, bị xuất tội (cử tội) cùng đồng pháp thực thì phạm Ba-dật-đề.

Hỏi: Nếu Sa-di khởi ác tà kiến nói pháp mà Như lai nói chướng đạo không phải là chướng đạo, các Tỳ-kheo đã cho yết ma tẫn, sau đó Sa-di sám hối từ bỏ thì các Tỳ-kheo có nên cho xả yết ma hay không?

- Nên cho xả yết ma.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo được y mới nên làm cho hoại sắc mà không làm cho hoại sắc lại mặc, nhưng không phạm Ba-dật-đề hay không? -có nếu đó là y bất tịnh.

Hỏi: Như Phật dạy Tỳ-kheo tự tay lấy vật báu thì phạm Ba-dật-đề, có trường hợp Tỳ-kheo tự tay lấy vật báu mà phạm Tăng tàn hay không? -nó, nếu vật báu đó là nữ báu hay tợ nữ báu thì phạm Tăng tàn; nếu có tâm trộm nữ báu này thì phạm Ba-la-di; trộm luân báu, ma ni báu thì phạm Đột-kiết-la; trộm voi báu, ngựa báu không phạm. Tỳ-kheo được nằm ngồi trên ngọa cụ bằng vàng bạc của phi nhân, cũng được thọ thức ăn đựng trong các vật

dụng bằng vàng bạc của phi nhân.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo chưa tới nữa tháng mà tắm lại không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu bị mưa ướt… các nhân duyên như trong Tỳ-ni thì không phạm.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo cố ý giết súc sanh mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu Tỳ-kheo đó là người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại thì không phạm; nếu là Tỳ-kheo vốn đã phạm giới… thì phạm Đột-kiết-la. Người học giới cố ý giết súc sanh thì phạm Ba-dật-đề; Sa-di cố ý giết súc sanh thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo cố ý làm cho Tỳ-kheo khác sanh nghi hối mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, trừ trường hợp thọ giới cụ túc, đem những việc khác nói làm cho Tỳ-kheo khác sanh nghi hối thì phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo vốn đã phạm giới… làm cho Tỳ-kheo thanh tịnh sanh nghi hối thì phạm Đột-kiết-la; ra dấu tay làm cho người khác sanh nghi hối cũng Đột-kiết-la; Tỳ-kheo ở trong nước làm cho Tỳ-kheo biên địa sanh nghi hối và ngược lại đều phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo chọc lét Tỳ-kheo khác mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu chọc lét Tỳ-kheo thân căn bị hoại thì phạm Đột-kiết-la, hoặc cả hai đều thân căn bị hoại thì phạm Đột-kiết-la; chọc lét người chưa thọ giới cụ

túc thì phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo vốn đã phạm giới… chọc lét Tỳ-kheo khác và trường hợp ngược lại đều phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo đùa giỡn trong nước mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu đó là Tỳ-kheo vốn đã phạm giới… hoặc là phi nhân xuất gia, giỡn trong nước thì phạm Đột-kiết-la. Trừ việc đùa giỡn trong nước, đùa giỡn những việc khác đều phạm Đột-kiết-la. Người học giới đùa giỡn trong nước thì phạm Ba-dật-đề. Đùa giỡn có năm cách là đùa giỡn, cười, vui thích, uốn mình như cá và lặn hụp.

Tỳ-kheo ngủ chung phòng nhà với người nữ thì phạm Ba-dật-đề. Người nữ là người có thể nắm bắt được; ngủ chung phòng với thiên nữ, long nữ… hoặc với súc sanh cái đều phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo ngủ chung với người nữ dưới gốc cây, hốc cây, rừng cây, bụi cỏ… đều phạm Đột-kiết-la. Người học giới ngủ chung phòng với người nữ thì phạm Ba-dật-đề; Tỳ-kheo vốn đã phạm giới… ngủ chung phòng với người nữ thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo khủng bố, dọa làm cho Tỳ-kheo khác sợ mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu Tỳ-kheo dọa là phi nhân xuất gia hoặc người bị dọa là phi nhân xuất gia thì phạm Đột-kiết-la; Tỳ-kheo ở trong nước dọa Tỳ-kheo biên địa hoặc ngược lại thì phạm Đột-kiết-la; ra dấu tay dọa cũng Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo giấu y bát… của tỳ-kheo khác mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu Tỳ-kheo giấu y bát là phi nhân xuất gia hoặc người bị giấu y bát là phi nhân xuất gia thì phạm Đột-kiết-la; ra dấu tay bảo người khác giấu cũng Đột-kiết-la; nếu giấu y bát phạm Xả đọa thì Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la; giấu y bát của tỳ-kheo là người điên cuồng tâm loạn, tâm bịnh hoại thì phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo thọ pháp giấu y bát của tỳ-kheo không thọ pháp hoặc ngược lại thì phạm Đột-kiết-la; giấu y bát của Sa-môn, Bà-la-môn khác cũng Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo thọ pháp cho Tỳ-kheo không thọ pháp y, sau đó tự ý lấy dùng thì phạm Đột-kiết-la; trường hợp ngược lại cũng vậy. Tỳ-kheo vốn đã phạm giới… hoặc là phi nhân xuất gia cho Tỳ-kheo khác y rồi, sau đó tự ý lấy dùng cũng phạm Đột-kiết-la; trường hợp ngược lại cũng vậy. Người học giới cho Tỳ-kheo khác y rồi, sau đó tự ý lấy dùng thì phạm Ba-dật-đề.

Thọ trì y có năm hạng người, tịnh thí y có bảy hạng người.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo đem pháp Tăng-già-bà-thi-sa vu báng cho Tỳ-kheo khác mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu đó là phi nhân xuất gia hoặc Tỳ-kheo vu báng phi nhân xuất gia đều phạm Đột-kiết-la. Người học giới vu báng Tỳ-kheo khác như vậy thì phạm Ba-dật-đề; Tỳ-

kheo vu báng người học giới như vậy thì phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo ở trong nước vu báng Tỳ-kheo biên địa như vậy cũng phạm Đột-kiết-la, ngược lại cũng vậy.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo đi chung với người nữ, không có người nam bên cạnh mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu Tỳ-kheo đi chung với nữ hóa nhân, hoặc thiên nữ, long nữ… đều phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo là phi nhân xuất gia hoặc là người vốn đã phạm giới…, hoặc là người mùa điếc câm… đi chung với người nữ thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo đi chung đường với giặc mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu đó là Tỳ-kheo vốn đã phạm giới…, hoặc là phi nhân xuất gia, hoặc là người mù điếc câm… đi chung đường với giặc thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo cho người chưa đủ hai mươi tuổi thọ giới cụ túc mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu người chưa đủ hai mươi tuổi mà Tỳ-kheo tưởng là đã đủ hai mươi tuổi thì không phạm - Trong trường hợp này, được cùng ở chung bao lâu? -được cùng ở chung cho đến khi nào chưa biết chắc chắn, khi đã biết chắc chắn rồi thì không nên cho ở chỗ Tỳ-kheo mà nên cho thọ giới lại. Nếu không cho thọ giới lại, còn ở trong Tăng trải qua hai, ba kỳ bố tát hoặc bạch tứ yết ma thì người này gọi là tặc trụ, nên diệt tẫn.

Hỏi: Như Phật dạy Tỳ-kheo tự tay đào đất hay bảo người khác đào đều phạm Ba-dật-đề, đó là đào loại đất gì? -đó là đào loại đất không bị đốt, không bị phá; nếu đất đã bị đốt, bị phá thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Như Phật dạy Tỳ-kheo đã thọ thỉnh bốn tháng xong, quá bốn tháng đòi hỏi nữa thì phạm Ba-dật-đề, có trường hợp Tỳ-kheo quá bốn tháng đến đòi hỏi nữa mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu bịnh thì không phạm.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác tôi không học pháp này mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu Tỳ-kheo thọ pháp bảo Tỳ-kheo không thọ pháp học năm pháp, Tỳ-kheo không thọ pháp nói không học thì không phạm. Trường hợp Tỳ-kheo nói với phi nhân xuất gia hoặc phi nhân xuất gia nói với Tỳ-kheo, hoặc Tỳ-kheo ở trong nước nói với Tỳ-kheo biên địa, Tỳ-kheo biên địa nói với Tỳ-kheo ở trong nước không hiểu nhau thì phạm Đột-kiết-la. Người học giới nói với Tỳ-kheo khác như vậy thì phạm Ba-dật-đề.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo đến rình nghe lén Tỳ-kheo khác tranh cãi mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu rình nghe lén Tỳ-kheo-ni tranh cãi cho đến Sa-di-ni tranh cãi thì phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo vốn đã phạm giới… đến rình nghe lén thì phạm Đột-kiết-la. Người học giới đến rình nghe lén thì phạm Ba-dật-đề.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo im lặng đứng dậy bỏ đi trong khi Tăng đang đoán sự mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu Tăng chưa tác bạch, Tỳ-kheo đứng dậy đi tiểu tiện rồi quay trở lại, hoặc đợi bạch rồi mới đi thì không phạm, hoặc đi đến chỗ vẫn còn nghe được tăng tác pháp thì không phạm.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo không cung kính Thượng tòa mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu khi Thượng tòa đoán sự mà nói phi pháp, Tỳ-kheo trẻ tuổi nói như pháp thì không phạm.

Hỏi: Nếu rượu thuốc làm từ gạo, nếp được lắng trong không đục, Tỳ-kheo có được uống phi thời không? - Không được uống -nếu nước xay ép từ rễ, củ, quả…, Tỳ-kheo có được uống phi thời không? - Được

- Được uống trong bao lâu? - Cho đến khi chưa xả tự tánh, quá thời thì không được uống.

Hỏi: Tỳ-kheo ở mấy nơi không bạch đi vào tụ lạc mà không phạm tội? - Có ba nơi, đó là A-lan-nhã, tụ lạc gần A-lan-nhã và thần túc đi trong hư không. Bạn cùng đi không hiểu lời nói của tỳ-kheo thanh tịnh, không bạch mà vào tụ lạc thì không phạm. Người ở dưới đất không bạch người ở trên hư không và ngược lại thì không phạm. Người ở ngoài giới không bạch người ở trong giới và ngược lại đều không phạm. Nếu có Tỳ-kheo ở đó, không

bạch mà vào tụ lạc thì phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo không bạch Tỳ-kheo là phi nhân xuất gia hoặc là người vốn đã phạm giới… hoặc là Sa-môn , Bà-la-môn khác thì không phạm.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo thọ thỉnh thực rồi, trước giờ ăn và sau giờ ăn không bạch mà đi đến hai, ba nhà khác lại không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu chỗ thọ thỉnh khác có y thực thì không phạm, hoặc chỗ thọ thỉnh thực này không phải là năm loại chánh thực thì không phạm.

Nếu trời chưa sáng tỏ, vua chưa cất vật báu, Tỳ-kheo đến cửa thành thì phạm Đột-kiết-la, đến cửa thành của vua cõi trời Tứ thiên vương, Dạ-xoa… cũng phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo khi đang nghe thuyết giới nói là tôi nay mới biết giới này mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu đó là giới bất cọng thì không phạm, nếu đó là cọng giới thì phạm Ba-dật-đề; trường hợp Tỳ-kheo-ni cũng vậy.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo dùng ngà, sừng, xương làm ống đựng kim mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu làm cho người khác thì phạm Đột-kiết-la, người khác làm cho mình thì không phạm.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo làm chân giường cao quá tám ngón tay Như lai mà không phạm Ba-

dật-đề hay không? - Có, nếu chân giường làm bằng ngà, ma ni thì phạm Đột-kiết-la.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo tự dùng chỉ sợi Đâu-la để khâu lại giường ngồi, giường nằm đã sút chỉ của tăng mà không phạm Ba-dật-đề hay không? - Có, nếu dùng vật khác vá vào thì phạm Đột-kiết-la .

Các giới như y phủ che ghẻ, y tắm mưa, ngọa cụ, may y bằng lượng y của Phật, y bất tịnh… cũng đều như vậy.

f. Hỏi về pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni:

Ở nhà bạch y, nếu Tỳ-kheo thọ thức ăn từ ba hạng người vốn đã phạm giới, vốn không hòa hợp hoặc là Tặc trụ thì phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo ở trên hư không hoặc ở trong giới thọ thức ăn của tỳ-kheo-ni ở ngoài giới thì không phạm; thọ thức ăn từ bà con thì không phạm; thọ thức ăn từ người không phải bà con nhưng đồng ý cũng không phạm; sai sứ hay ra dấu để thọ thức ăn cũng không phạm.

Nếu Tỳ-kheo vào nhà bạch y khất thực, Tỳ-kheo-ni bảo cư sĩ cúng dường cho Tỳ-kheo thức ăn này, Tỳ-kheo thọ thì phạm Đột-kiết-la; thọ giùm cho người khác cũng Đột-kiết-la; ra dấu để thọ cũng Đột-kiết-la; nếu thọ từ bà con thì không phạm.

Nếu ở chỗ A-lan-nhã có khủng bố, Tỳ-kheo

không bịnh mà ở trong đó thọ thức ăn thì phạm Đột-kiết-la. Như Phật dạy Tỳ-kheo nên nói với cư sĩ là nơi đây có khủng bố, cư sĩ hỏi Tỳ-kheo trong đây có giặc không, nếu có thì tôi sẽ báo vua, Tỳ-kheo nói không có thì ở ngoài giới thọ thức ăn không phạm; thọ thức ăn ở giữa đường cũng không phạm. Nếu Tỳ-kheo bảo cư sĩ đừng vào trong đó, cư sĩ tự ý vào thì Tỳ-kheo không phạm.

Hỏi: Có trường hợp Tỳ-kheo thọ thức ăn trong nhà Học gia mà không phạm hay không? - Có, nếu Tỳ-kheo đã thọ thỉnh trước hoặc bịnh thì không phạm.

Tỳ-ni-ma-đắc lặc già lược có bảy ngàn bài kệ, mỗi bài kệ có ba mươi hai chữ, tổng cộng có ba mươi hai vạn bốn ngàn lời gồm mười quyển.

-oOo-